Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 1

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

CỐ VẤN

Hòa thượng **Thích Giác Toàn**

Hòa thượng **Thích Nguyên Giác**

THỰC HIỆN

Tỳ kheo **Thích Thiện Ý**

Tỳ kheo **Thích Minh Hải**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Thưa quý vị thiện hữu trí thức và quý Phật tử,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn là một bậc chân tu thật học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài sống đơn giản thanh bần trong chốn thiền môn; ứng xử nhẹ nhàng, tao nhã trong giao tiếp; hết lòng dạy dỗ Tăng Ni sinh các thế hệ trong giáo dục; cẩn trọng tham chiếu nhiều nguồn kinh văn sử liệu trong nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và trí đức.

Từ năm 1991, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Viện đã trân trọng mời Trưởng lão Hòa thượng tham gia các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu của Viện. Trải dài theo năm tháng tinh cần làm việc, Ngài được Giáo hội tin tưởng và cung cử làm thành viên của Hội đồng phiên dịch, rồi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2007 - 2012 và 2012 - 2017). Hiện nay, Ngài là thành viên Ban Chứng minh của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2017 – 2022).

Năm nay – 2019, các đệ tử thân tín của Trưởng lão Hòa thượng phát tâm sưu tầm tất cả công trình biên soạn, sáng tác, dịch thuật của Ngài kết tập thành *Toàn tập Thích Phước Sơn,* làm Pháp bảo lưu bố cho thế hệ hậu lai. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tán thán việc làm có ý nghĩa và giá trị này.

Xin trân trọng giới thiệu công trình Toàn tập này đến chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Nguyện cầu Chánh pháp được lan truyền khắp chốn, Tăng Ni Phật tử ân triêm pháp lạc, tinh tấn tu hành, lợi lạc nhân thiên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

LỜI CẨN BẠCH

Thầy của chúng con, đức Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Phước *hạ* Sơn, là một bậc Phạm hạnh, suốt cuộc đời cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo. Thầy từng làm Hiệu trưởng trường Bồ đề - Nha Trang, sau đó vào niềm Nam gắn bó với đức cố Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Minh *hạ* Châu, người đã khai sáng viện Đại học Vạn Hạnh, tạo tiền đề cho hệ thống các Học viện Phật giáo ngày nay, nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni lãnh đạo của Phật giáo Việt Nam. Trong nhiều thập niên, Thầy tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Huế; Thầy còn giữ vai trò Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Chắc hẳn, nhiều thế hệ Tăng Ni đã thọ ân giáo dưỡng của Thầy, đều có chung một cảm nhận về sự tận tâm và uy nghiêm của một bậc Thầy khả kính.

Là một người may mắn được gần gũi và thọ ân giáo dưỡng của Thầy, chúng con cảm thấy hạnh phúc và biết ơn Thầy, vì Thầy đã dạy những bài học quí báu và thâm sâu cho chúng con có được tuệ mạng như ngày hôm nay. Đặc biệt, qua thân giáo của Thầy, chúng con có đủ niềm tin vững chãi nơi giáo lý của đức Thế Tôn để vượt qua những khó khăn trên bước đường tu học và hành đạo.

Nhằm lưu giữ các tài liệu mà một cuộc đời Thầy đã trước tác, biên dịch, từ những bản giới kinh tinh hoa dành cho Tăng Ni; cho đến những giáo lý phổ thông dành cho hàng người cư sĩ Phật tử, chúng con đã thỉnh ý của Thầy, và đã được Thầy hứa khả cho phép thực hiện bộ *Toàn tập Thích Phước Sơn*. Chúng con thực hiện công việc này, như một phần tránh sự thất lạc các di sản văn hoá phẩm của Thầy. Đồng thời, đây cũng là món quà kính dâng Thầy với lòng biết ơn của người đệ tử, người học trò đã có thiện duyên gắn bó với Thầy trong ánh đạo vàng của đức Như lai.

Năm nay (2019), Thầy đã tám mươi ba lần sinh nhật, tuy sức khoẻ của Thầy không được như ngày nào lên bục giảng, hướng dẫn từng chữ Hán cổ, giải thích cho chúng con hiểu rõ thâm ý ẩn chứa bên trong những lời dạy của đức Phật và chư Tổ. Nhưng chúng con cảm thấy hạnh phúc và ý thức rất rõ Thầy vẫn còn hiện hữu, có mặt với chúng con trong Thiền thất sáng chiều ở Vạn Hạnh. Vì vậy mà chúng con đang tích cực làm việc để hoàn thành công trình Toàn tập dâng lên Thầy, khi Thầy còn khoẻ, còn thấy và còn đọc được các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm của Thầy đã xuất bản suốt mấy mươi năm qua, gồm có:

1. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu lược giảng (dịch), 2008
2. Giải trình ý nghĩa Vu Lan, 2004
3. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo nguyên thủy (đồng dịch, 2 tập), 2015
4. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch), 2008
5. Luật học tinh yếu, 2006
6. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập), 2003
7. Một số vấn đề về giới Luật, 2006
8. Phật học khái yếu, 2010
9. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch), 2000

10. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (dịch, 2 tập), 2008

11. Tam tổ thực lục, 1995

12. Thanh tịnh đạo luận toản yếu, 2006

13. Thơ thiền Việt Nam, 2002

14. Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật, 2013

15. Truyện cổ Sự tích cứu vật phóng sinh (dịch), 2001

16. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (đồng dịch), 2012

Các tác phẩm của Thầy phần lớn được dịch từ Hán tạng, gồm giới kinh và các nguồn văn học Phật giáo Đại thừa với tư tưởng uyên thâm về triết học và tâm lý học. Với gần hai mươi tác phẩm, khoảng hơn tám ngàn trang, ban biên tập dự kiến sẽ in thành mười sáu tập, mỗi tập khoảng năm trăm trang. Chúng con đã cố gắng biên tập và sắp xếp các tác phẩm theo chủ đề, nhưng chắc chắn không sao tránh khỏi sự rời rạc vì có khi bố cục hai tác phẩm trong một tập, không cùng chung một chủ đề.

Chúng con không quên tỏ lòng biết ơn chư vị đồng dịch giả đã chấp thuận cho in các bản dịch chung trong bộ Toàn tập này. Sau cùng, chúng con kính đảnh lễ Thầy với lòng quí kính, và niệm ân Thầy đã cho phép chúng con thực hiện công việc ý nghĩa này.

Thiền viện Vạn Hạnh,
Phật đản, 2563 – 2019
Thích Minh Hải

Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

TẬP I
Quyển 1 - 10

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đỗng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bổn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đỗng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng diễm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đấng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lí, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cảo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoan tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC
TẬP 1

Lời giới thiệu i
Lời cẩn bạch iii
Lời nói đầu viii

GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

BA-LA-DI

Quyển 1: 1. Dâm dục 4

Quyển 2: 1. Dâm dục (tiếp theo) 45
2. Trộm cắp 59

Quyển 3: 2. Trộm cắp (tiếp theo) 81

Quyển 4: 3. Sát sanh 139
4. Đại vọng ngữ 157

TĂNG TÀN

Quyển 5: 1. Cố ý làm xuất tinh 178
2. Xúc chạm nữ nhân 187
3. Nói năng thô tục 206
4. Yêu cầu người nữ hiến thân 217

Quyển 6: 5. Làm mai mối (271a) 224
6. Làm nhà quá mức qui định 250
7. Không mời tăng chỉ chỗ làm thất 264
8. Vì tức giận mà vu khống 270

Quyển 7: 9. Xuyên tạc để huỷ báng 278
10. Phá tăng hoà hợp 281

11. Đồng loã với người phá tăng 289
12. Ngoan cố 296
13. Làm mất lòng tin của tín đồ 305

HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

1. Ngồi chỗ khuất với người nữ 321
2. Ngồi chỗ trống với người nữ 321

NI-TÁT-KỲ

Quyển 8: 1. Cất y dư quá hạn 328
2. Rời y mà ngủ 341
3. Cất vải quá hạn 363
4. Nhận y của người không phải bà con 366

Quyển 9: 5. Nhờ Ni không phải bà con giặc y 374
6. Xin y của người không phải bà con 379
7. Nhận vải quá mức quy định 386
8. Khuyên người cúng y theo ý mình 393
9. Khuyên hai nhà chung tiền sắm y 397
10. Đòi tiền y quá số lần quy định 397
11. Làm phu cụ lông đen 403
12. Làm phu cụ thuần màu đen 408
13. Dùng tơ trộn lông làm phu cụ 409
14. Dùng phu cụ chưa đủ sáu năm 412
15. Không may một miếng cũ trên phu cụ mới 416
16. Cầm lông dê đi quá giới hạn 418
17. Nhờ Tỳ-kheo-ni giặt lông dê 421

Quyển 10: 18. Cầm của tiền vàng bạc 425
19. Buôn bán 434
20. Mua bán vàng bạc 440
21. Cất bát thừa quá hạn 443
22. Bát cũ chưa hư mà tìm bát mới 446
23. Cất thuốc quá hạn 452

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 1

GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

BA-LA-DI

(Ba-la-di, hay còn gọi giới Rơi rụng,
là giới cực trọng, gồm bốn giới)

1. DÂM DỤC

Nếu thiện nam tử có lòng tin thuần thành, muốn được năm việc lợi ích, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này. Thế nào là năm việc lợi ích?

1. Nếu thiện nam tử muốn xây dựng Phật pháp, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.
2. Nếu muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.
3. Nếu muốn khỏi nghi ngờ, hối hận, khỏi thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.
4. Vì để làm chỗ nương tựa cho những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà sinh lo sợ, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.
5. Vì muốn du hóa mọi nơi mà không bị chướng ngại, nên phải giữ gìn trọn vẹn Luật này.

Đó gọi là thiện nam tử có lòng tin thuần thành nhờ giữ gìn Luật này mà được năm việc lợi ích.

Nếu muốn giữ trọn vẹn
Oai nghi do Phật chế
Thành tựu năm công đức
Phải nghe Thế Tôn dạy.
Người giữ gìn Luật này
Khéo nghe rõ ý nghĩa
Nếu giữ được trọn vẹn
Giới Luật của đức Phật
Là xây dựng Phật pháp
Chính danh chân Phật tử.
Phật pháp được lâu dài,
Chánh pháp được truyền bá
Chẳng nghi ngờ điều chi
Khỏi phải hỏi kẻ khác.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Phạm tội có chỗ dựa
Đi du hóa phương nào
Đều không gặp chướng ngại.

Đức Thế Tôn Chánh đẳng Chánh giác từ lúc phát tâm tu tập cho đến nay đã thành tựu, vì muốn độ người nên an trú tại thành Xá-vệ. Chư Thiên, nhân loại cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, danh vang khắp mười phương, xem ngài như bậc tối thắng trong các bậc đáng cúng dường. Chúng sinh nào cầu phước đức, ngài ban cho phước đức. Chúng sinh nào cầu kết quả, ngài ban cho kết quả. Chúng sinh nào khổ não ngài làm cho an ổn. Ngài vì Chư thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ. Thế nên, 16 nước lớn không nước nào là không phục tùng. Những ai chính mình thấy biết cách an trú của Phật thì đều hiểu rằng đó là cách an trú **(227b)** của chư Thiên, là cách an trú của Phạm thiên, là cách an

trú của hiền thánh, là cách an trú cao cả nhất, là cách an trú với trí tuệ tuyệt vời, được tự tại, tùy ý mà an trú. Do đó, đức Như Lai an trú tại thành Xá-vệ.

Lúc bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi kiết già nhập định một mình tại nơi thanh vắng, sau khi xuất định liền suy nghĩ rằng: "Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài? Và vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?" Thế rồi vào lúc xế chiều, sau khi xuất định, tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, tôn giả bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Con ngồi nhập định tại một nơi thanh vắng, sau khi xuất định, con suy nghĩ rằng vì nhân duyên gì mà chư Phật sau khi diệt độ, giáo pháp không tồn tại lâu dài? Vì nhân duyên gì mà sau khi chư Phật diệt độ, giáo pháp được tồn tại lâu dài?"

Khi ấy Phật bảo Xá-lợi-phất: "Này Xá-lợi-phất! Có những đức Như Lai không nói rộng cho các đệ tử các Kinh như: "Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Già-đà, Ưu-đà-na. Như Thị Ngữ, Bổn Sinh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu. Này Xá-lợi-phất! Có những đức Như Lai không chế giới cho các Thanh văn, không quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Do đó, sau khi đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài.

Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc để trên bàn, mà không dùng chỉ xâu lại, nếu có gió từ bốn phương thổi đến, thì hoa sẽ bay tứ tán. Vì sao thế? Vì không dùng chỉ xâu lại. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất, đức Như Lai nào không nói rộng 9 bộ Kinh cho các đệ tử, không chế giới cho Thanh văn, không quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi đức Như Lai diệt độ giáo pháp không tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng 9 bộ Kinh cho các đệ tử, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi đức Như Lai diệt độ, giáo pháp tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Ví như thợ làm hoa và đệ tử đem các thứ hoa có nhiều màu sắc dùng chỉ

xâu lại, thì dù có gió từ bốn phương thổi đến cũng không bay tứ tán. Vì sao vậy? Vì đã có chỉ xâu, cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Đức Như Lai nào nói rộng 9 bộ Kinh, chế giới cho Thanh văn, quy định tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, thì sau khi đức Như Lai diệt độ, giáo pháp sẽ tồn tại lâu dài. Này Xá-lợi-phất! Vì các nhân duyên ấy mà giáo pháp hoặc tồn tại lâu dài, hoặc không tồn tại lâu dài."

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn nói rộng 9 bộ Kinh, khéo chế giới cho Thanh văn, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, (**227c**) để cho giáo pháp tồn tại lâu dài. Thế Tôn hãy vì Chư Thiên, nhân loại mà mở cửa cam lồ."

Lúc bấy giờ, Phật bảo Xá-lợi-phất: "Nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử và chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Này Xá-lợi-phất! Ví như Chuyển Luân Thánh Vương chưa đặt ra hình phạt, nếu như Bà-la-môn, cư sĩ chưa phạm phải lỗi lầm. Cũng vậy, này Xá-lợi-phất! Như Lai cũng thế, nếu chưa có nhân duyên lầm lỗi thì Như Lai chưa chế giới cho đệ tử, chưa quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhưng này Xá-lợi-phất! Trong tương lai có những thiện nam tử có lòng tin chân chánh đối với Phật pháp, đã bỏ nhà xuất gia, nhưng có người vì tâm loạn điên đảo, khởi lên tịnh tưởng (tưởng lầm sắc đẹp là trong sạch), do ba độc mãnh liệt mà phạm các tội lỗi. Này Xá-lợi-phất! Chỉ khi ấy, Như Lai mới chế giới cho các dệ tử và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Hãy thôi đi Xá-lợi-phất, Như Lai tự biết lúc nào cần phải làm gì."

Xá-lợi-phất bạch: "Thưa vâng! Bạch Thế Tôn, con hiểu đức Như Lai biết lúc nào cần phải làm gì."

Bấy giờ Xá-lợi-phất
Chắp tay bày vai áo
Tùy đấng chuyển pháp luân.
Thỉnh cầu pháp tối thắng

Cung thỉnh đức Thế Tôn
Nay thực là đúng lúc
Xin vì các đệ tử
Mà chế định Luật nghi.
Để giáo pháp của Phật
Được tồn tại mãi mãi.
Mong mở cửa cam lồ
Khai hóa cả nhân thiên.
Bậc trụ thân tối hậu
Đã thưa thỉnh như vậy.
Bấy giờ Thế Tôn dạy:
Tôn giả Xá-lợi-phất,
Đệ tử chưa có tội
Tăng chúng đều thanh tịnh
Chư Phật chưa bao giờ
Chưa lỗi mà chế giới.
Ví như Chuyển Luân Vương
Cai trị toàn thế giới
Khi người chưa có lỗi
Mà đặt ra hình phạt.
Đây cũng ví như thế
Phật là thầy trời người
Nếu đệ tử chưa lỗi
Thì chưa chế giới luật.
Khi có người phạm tội
Lầm lỗi đã phát sinh
Thì bậc thầy, trời, người,
Mới chế ra luật nghi.
Quá khứ như vị lai
Mắt Phật đâu chẳng thấy.

Tùy theo việc nặng nhẹ
Mà chế giới nặng nhẹ.
(**228a**) Pháp này được tuyên thuyết
Tại ngôi rừng Kỳ-hoàn
Xá-lợi-phất cung thỉnh
Thế Tôn dạy như vậy.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Vì sao các Tỳ-kheo chưa có lỗi lầm mà tôn giả Xá-lợi-phất lại cung thỉnh Thế Tôn chế giới, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?"

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Xá-lợi-phất không những ngày nay chưa có lỗi lầm xảy ra lại thỉnh cầu ta chế giới mà xưa kia, tại một thôn xóm nơi một thành ấp nọ, nhân dân cư sĩ chưa có lỗi lầm mà ông cũng thỉnh cầu Ta chế ra các hình phạt."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, chẳng lẽ ngày xưa đã từng có việc như thế sao?"

Phật dạy: "Đúng như thế."

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vui lòng kể lại, chúng con muốn nghe."

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi, vị quốc vương trị vì, lúc bấy giờ hiệu là Đại Danh Xưng, dùng pháp cai trị, không có kẻ thù oán, bố thí, giữ giới, thương yêu dân chúng, nhiếp phục quyến thuộc, trong nước nhân dân đông đúc, giàu có, an vui, thôn ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Nhân dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng chung hưởng lạc. Khi ấy, có vị đại thần tên là Đào Lợi, có nhiều mưu kế, suy nghĩ như sau: "Ngày nay tại vương quốc này tự nhiên giàu có mà nhân dân đông đúc, thành ấp xóm làng, gà bay gặp nhau. Nhân dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau hưởng lạc."

Rồi vị đại thần ấy đến tâu với quốc vương rằng: "Ngày nay đất nước này tự nhiên giàu có, nhân dân đông đúc, thành ấp xóm làng gà bay gặp nhau. Nhân dân cả nước đều thương kính nhau, dùng đủ thứ nghệ thuật để cùng nhau hưởng lạc, xin đại vương ngay lúc này hãy chế ra hình phạt, chớ để vui quá mà sinh ra những lỗi lầm."

Vua nói: "Thôi thôi, lời đề nghị ấy không thể được. Vì sao thế? Vì lỗi lầm chưa phát sinh mà chế ra hình phạt làm chi."

Vị đại thần lại tâu với vua: "Nên đề phòng việc chưa xảy ra, chớ để vui quá mà sinh ra lỗi lầm."

Khi ấy nhà vua suy nghĩ: "Vị đại thần này thông minh, mưu trí, có nhiều bè đảng, không thể kềm chế ngay được, giờ đây nếu ta khiển trách thì y sẽ nảy sinh oán hận." Thế rồi, để bảo ban tế nhị vị đại thần, nhà vua liền nói kệ như sau:

"Người thế lực dễ sân,
Khó mà khiển trách liền.
Dễ khiến họ phạm lỗi
Việc này thật không thể.
Đại nhân giàu lòng từ
Người trí có lỗi thật
(228b) Còn phải xem xét lại,
Thương xót khi trừng phạt.
Người ác làm phiền người
Không xét kỹ lỗi họ
Mà gia tăng hình phạt
Tổn mình tiếng ác tăng
Như vua ưa phẫn nộ,
Hại oan gia lương thiện.
Tiếng ác đồn bốn phương
Khi chết rơi đường ác.

Đem chánh pháp dạy dân
Thân miệng ý thanh tịnh
Nhẫn nhục tu tứ đẳng
Mới là vua muôn dân.
Vua đứng trên mọi người
Phải kềm chế phẫn nộ
Thương yêu kẻ có tội
Tha thứ giảm hình phạt."

Khi vị đại thần nghe vua nói, cảm thấy hoan hỷ, liền đọc kệ:

"Đại vương bậc Tối thắng
Xin mãi che chở dân.
Nhẫn nhục tự điều phục
Kẻ oán sẽ cảm ân.
Đức của vua bủa khắp
Cơ nghiệp vững muôn đời
Dùng đạo trị thiên hạ
Thường làm vua người trời."

Rồi đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Quốc vương Danh Xưng lúc ấy đâu phải ai khác mà chính là ta đây, và đại thần Đào Lợi là Xá-lợi-phất vậy. Khi ấy các trưởng giả cư sĩ ở các thành ấp xóm làng chưa có lỗi lầm gì mà ông xin Ta chế định hình phạt. Ngày nay các Tỳ-kheo cũng chưa có lỗi lầm gì mà ông lại xin ta vì các đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa."

Sau khi đức Thế Tôn an trú thoải mái tại thành Xá-vệ, liền cùng với 500 đại Tỳ-kheo vây quanh trước sau du hành trong nhân gian đến nước Kiều-tát-la, xóm Canh Điền Bà-la-môn, khi đến nơi, liền an trú tại rừng Canh Điền. Rồi vào lúc xế chiều, đức Thế Tôn xuất định, quan sát trên dưới, xung quanh bốn phía, nhìn khoảnh đất bằng phẳng trước mặt vừa mỉm cười, vừa đi kinh hành.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát trên dưới khắp nơi, nhìn khoảnh đất trước mặt bằng phẳng vừa mỉm cười vừa đi kinh hành. Thấy vậy, tôn giả liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các thầy: "Các vị trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy đức Thế Tôn, sau khi xuất định, quan sát khắp nơi... đi kinh hành lui tới. Này các trưởng lão! Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri không khi nào không có lý do (**228c**) mà lại mỉm cười. Nếu đến thưa hỏi, ắt hẳn chúng ta sẽ nghe Phật dạy về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày nay chúng ta hãy đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, chúng ta sẽ phụng hành."

Các Tỳ-kheo nghe Xá-lợi-phất nói thế, liền cùng Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đoạn cùng Phật đi kinh hành. Thế rồi, tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: "Vừa rồi, con thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới, con liền đến chỗ các Tỳ-kheo, nói với các Tỳ-kheo như sau: "Này các trưởng lão! Vừa rồi tôi thấy Thế Tôn sau khi xuất định, quan sát bốn phương... đi kinh hành lui tới. Này các trưởng lão! Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri không khi nào vô cớ mà lại mỉm cười. Nếu chúng ta đến thưa hỏi, ắt sẽ nghe Thế Tôn nói về những việc tiền kiếp xa xưa. Ngày nay chúng ta phải đến thưa hỏi Thế Tôn về ý nghĩa ấy, xem Phật dạy thế nào, rồi chúng ta sẽ phụng hành." Bạch Thế Tôn, chẳng hay vì nhân duyên gì mà Thế Tôn lại mỉm cười?"

Bấy giờ đức Thế Tôn đưa cánh tay sắc vàng, chỉ xuống đất nói với Xá-lợi-phất: "Ông thấy khoảnh đất này chăng?"

Xá-lợi-phất thưa: "Thưa vâng Thế Tôn, con đã thấy."

Phật dạy: "Khoảnh đất này là khu vườn xưa kia của đức Phật Ca-diếp, còn chỗ kia là tịnh xá của ngài, nơi kia là chỗ đi kinh hành, và chỗ nọ là nơi ngồi thiền."

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi-phất liền lấy y Tăng-già-lê xếp lại làm tư, rồi đặt vào chỗ đất ấy. Đặt xong, trần vai phải, quỳ gối phải trên đất,

chắp tay bạch Phật: "Kính mong Thế Tôn ngồi lên tòa này, để cho khoảnh đất này thành ra hai chỗ ngồi của hai đức Phật."

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu, liền ngồi lên đó. Tôn giả Xá-lợi-phất đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên mà bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu việc lợi ích mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì đệ tử chế ra giới luật và quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa?"

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Có 10 việc lợi ích nên chư Phật Như Lai vì đệ tử chế giới, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười việc lợi ích đó là:

1. Vì nhiếp phục Tăng chúng.
2. Vì nhằm triệt để nhiếp phục Tăng chúng.
3. Vì muốn cho Tăng chúng an lạc.
4. Vì để nhiếp phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để cho những người biết hổ thẹn cư trú yên ổn.
6. Vì để cho những người không tin khiến họ tin tưởng.
7. Vì để cho những người đã tin tăng thêm lòng tin.
8. Vì muốn dứt hết pháp lậu hoặc ngay trong hiện tại.
9. Vì để cho những lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu dài.

Chính vì muốn dùng 10 việc lợi ích này để mở cửa cam lồ cho chư Thiên và nhân (**229a**) loại, mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa."

Bấy giờ Xá-lợi-phất
Trịch vai phải chắp tay
Tùy thuận chuyển pháp luân
Thưa hỏi đức Tối thắng.

Vị thọ thân cuối cùng
Chắp tay thưa hỏi xong
Bấy giờ đức tối thắng
Nói với Xá-lợi-phất:
Có mười thứ công đức
Mà Như Lai đã biết
Nên chế ra giới luật
Cho tất cả đệ tử.
Nhiếp tăng, nhiếp triệt để
Khiến tăng trú an lạc
Chiết phục kẻ vô sỉ
Người hổ thẹn yên ổn
Người không tin khiến tin
Người đã tin, tin hơn.
Hiện tại hết lậu hoặc
Lậu chưa sinh, không sinh.
Chánh pháp tồn tại mãi,
Mở cánh cửa cam lồ
Chánh pháp này được thuyết
Ở tại rừng Canh Điền.
Xá-lợi-phất thưa hỏi,
Thế Tôn đáp như vậy.

Sau khi đức Thế Tôn an trú thoải mái tại xóm Canh Điền thuộc nước Kiều-tát-la, liền từ đây đi đến nước Bạt-kỳ. Thế Tôn cùng 500 Tỳ-kheo, sau khi đến nước Bạt-kỳ, thành Tỳ-xá-ly, liền an trú tại một tinh xá có lầu gác trong rừng rậm.

Lúc bấy giờ, tại thành Tỳ-xá-ly, nhân dân đói khổ, ngũ cốc thiếu thốn, xương trắng đầy đường, khất thực khó khăn. Tại thành Tỳ-xá-ly này có một người con trai của trưởng giả tên Da-xá, có lòng

tin, bỏ nhà xuất gia. Vì thân phụ ông tên Ca-lan-đà, nên các người tu hành đều gọi ông là Ca-lan-đà con.

Lúc ấy bị mất mùa, khất thực khó khăn, nên mỗi khi đến giờ ăn, ông thường về nhà thọ trai. Người mẹ nói với Da-xá: "Này con, con thật quá khổ, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc áo xấu, cầm bát đi xin ăn, bị người đời chê cười. Ngày nay trong nhà ta còn tài sản rất nhiều, tiền của cha mẹ con và những của báu của tổ tiên, nay giao hết cho con, con muốn làm gì thì làm. Hơn nữa người vợ yêu của con nay vẫn còn đó, đang cùng sống với gia đình, vậy mà con phải cam chịu những lao khổ như thế làm gì! Con nên về nhà hưởng thú vui ngũ dục, tha hồ bố thí cúng dường Tam bảo gieo trồng các công đức."

Bấy giờ Da-xá thưa với mẹ rằng: "Xin mẹ hãy thôi đi, con chỉ thích tu phạm hạnh mà thôi." Mẹ ông lại khuyên đến lần thứ hai thứ ba như lần đầu, và Da-xá cũng trả lời như trước. Người mẹ lại bảo một lần nữa: (**229b**) "Nếu con không thích sống ở nhà thì phải lưu lại giòng giống của nhà ta để nối dõi tông đường, đừng để cho dòng dõi bị tuyệt diệt, của cải bị sung công."

Lúc ấy, Da-xá thưa với mẹ: "Nếu mẹ muốn con lưu lại giòng giống thì con xin vâng lời."

Mẹ ông rất hoan hỷ, lập tức vào phòng vợ ông, nói với người vợ mới cưới ấy: "Con hãy sửa soạn gấp, mặc những y phục gì mà trước kia Da-xá thích nhất để ra gặp nó."

Người vợ đáp: "Xin vâng", liền trang điểm như mẹ chồng dạy.

Bấy giờ Da-xá cùng với vợ mình giao hoan, như người thế tục. Người vợ liền thọ thai, đủ tháng bèn sinh con. Gia đình cùng bàn bạc: "Trước kia nhân xin để lại giòng giống, vì thế, giờ đây nên đặt tên đứa bé là Tục Chủng. Bởi vậy người đời bấy giờ đều gọi nó là Tục Chủng, người cha cũng gọi Tục Chủng, mẹ cũng gọi Tục Chủng, tổ tiên Tục Chủng kể cả tiền của cũng đều gọi là Tục

Chủng. Vì thế mà tiếng xấu truyền đi khắp, kẻ đạo người tục đều nghe tiếng.

Khi ấy Da-xá nghe tiếng xấu loan truyền rằng con mình là Tục Chủng nên rất hổ thẹn về những điều nghe được, liền suy nghĩ: "Trong các Sa-môn dòng họ Thích chưa từng nghe việc như thế bao giờ. Điều đó đúng pháp hay phi pháp. Nay ta nên đem việc này thưa rõ với tôn giả Xá-lợi-phất, để Xá-lợi-phất đem việc này bạch đầy đủ lên Thế Tôn, tùy Thế Tôn dạy như thế nào, ta sẽ phụng hành." Thế rồi, Da-xá lập tức đi đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất, nói rõ việc trên.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền cùng với Da-xá đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Ngồi xong, tôn giả Xá-lợi-phất đem việc trên thưa đầy đủ với Thế Tôn.

Bấy giờ Phật hỏi Da-xá: "Ông quả thật có làm việc ấy chăng?"

Da-xá đáp: "Thực có! Bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Thế là Da-xá đã phạm lỗi nặng. Trong các Tỳ-kheo tăng chưa có việc ấy. Ông là kẻ ngu si, đầu tiên mở cánh cửa phạm trọng tội, chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc. Thiên Ma Ba Tuần thường tìm đến chỗ yếu kém của Tỳ-kheo mà chưa có cơ hội. Nay ông là người đầu tiên mở ra con đường ngắn của ác ma. Nay ông đã phá hủy cây cờ chính pháp mà dựng lên cây cờ của Ma Ba Tuần. Ông là kẻ ngu si, thà dùng dao bén cắt đứt thân sinh (dương vật), hoặc là để vào trong miệng rắn độc, hoặc để trong miệng chó dại, hoặc để trên ngọn lửa dữ, hoặc để trên lò than hồng, chớ không nên cùng giao hoan với phụ nữ. Này Da-xá, ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để chê trách sự dâm dục hay sao? Nào là dục tức say mê, dục là lửa dữ đốt hết gốc thiện của người, dục là họa lớn. Ta lại dùng vô số phương tiện ca ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Nay vì sao ông làm điều bất thiện như thế hỡi Da-xá? Điều đó là phi pháp, phi luật, chẳng phải lời Phật dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn thiện pháp" (**229c**).

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, vì sao trong chúng tăng chưa có lậu hoặc mà Tỳ-kheo Da-xá này lại khởi lên lậu hoặc, đầu tiên mở ra cửa tội lỗi?"

Phật dạy các Tỳ-kheo: "Người này không phải chỉ có ngày nay, trong lúc giáo pháp của ta chưa có lậu hoặc mà khởi lên lậu hoặc đâu."

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, trong quá khứ ông ta đã từng có việc như thế chăng?"

Phật bảo: "Đúng thế."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con mong được nghe."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, lúc thế giới này đã đến giai đoạn kết thúc, các chúng sinh đều lên cõi trời Quang Âm, nên quả đất này được hình thành. Rồi các chúng sinh từ cõi trời Quang Âm trở lại cõi này. Lúc đó, thân của các chúng sinh ấy đều có ánh sáng đẹp, có thần túc tự tại, lấy niềm vui thiền định làm thức ăn, các vật cần thiết (muốn chi có nấy). Ánh sáng của các chúng sinh ấy chiếu qua lẫn nhau, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cũng không có ngày đêm, cũng không tính một tháng, nửa tháng. hay một năm bốn mùa gì hết. Khi ấy, quả đất này, chất đất tự nhiên có mùi vị, màu sắc, hương thơm, ngọt ngon đủ cả, chẳng khác gì vị cam lồ trên cõi trời. Bấy giờ, có một chúng sinh khinh suất, thô tháo, ham muốn, liền nếm thử vị đất, thấy có mùi thơm, dần dần lấy dùng, liền sinh tâm đắm trước. Các chúng sinh khác thấy việc như thế, lần hồi bắt chước, tranh nhau lấy ăn. Lúc chúng sinh ăn vị đất rồi, thân thể nặng nề, ánh sáng liền mất, say đắm ngũ dục, mất tiêu thần túc, vì thế mà thế giới có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, tối sáng, nửa tháng, một tháng, xuân, hạ, thu, đông."

Phật lại bảo các Tỳ-kheo: "Chúng sinh khinh suất, thô tháo ấy chẳng ai xa lạ, mà chính là Tỳ-kheo Da-xá đó. Lúc ấy chúng sinh

chưa có lậu hoặc mà Da-xá khởi lên lậu hoặc đầu tiên. Ngày nay lại ở trong Tăng chúng thanh tịnh mà đầu tiên mở cửa lậu hoặc."

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Da-xá này từ trước đến nay đều như thế sao? Vì lẽ gì mẹ ông lại khéo bày phương tiện, dùng sự dâm dục để dụ dỗ, lừa dối con mình?"

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay mẹ Da-xá khéo bày phương tiện để dụ dỗ lừa dối con mình, mà trong quá khứ cũng đã dụ dỗ, lừa dối."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, đã từng có như thế sao?"

Phật nói: "Đúng thế."

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con muốn được nghe."

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vào thời quá khứ có một kinh thành tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ có vua hiệu là Đại Danh Xưng, xa lìa mọi oán thù, bố thí, giữ giới, yêu thương người vật, dùng (**230a**) chánh pháp cai trị, khéo nhiếp phục quyến thuộc. Một hôm, đệ nhất phu nhân của vua vào lúc sáng sớm, lên lầu cao để xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam đi qua trên hư không và đi xuống phương Bắc. Phu nhân thấy rồi, liền suy nghĩ: "Nếu ta được tấm da của con nai vàng này dùng làm nệm thì không còn gì ân hận nữa, nhược bằng không được thì còn làm đệ nhất phu nhân mà làm chi?" Liền tự nhủ, nếu ta nói với người khác là thấy một con nai chúa sắc vàng thì ai mà tin được. Lại nghĩ như sau: "Nếu bảo là nai thì không thể đi trên hư không; còn nếu bảo đi trên hư không thì không thể nói là nai." Thế rồi, phu nhân buồn rầu, sợ không ai tin, liền cởi bỏ ngọc anh lạc, mặc y phục xấu xí đi vào phòng ưu sầu.

Bấy giờ, vua giải quyết xong công việc triều chính, liền từ cung điện trở về phòng riêng, không thấy đệ nhất phu nhân, liền hỏi người

hầu, người hầu đáp: "Phu nhân vừa mới vào nghỉ trong phòng Ưu não." Vua liền đến đó, hỏi phu nhân: "Ai xúc phạm ái khanh thế? Đại thần hay vương tử? Hay các phu nhân và kẻ hầu nào khác? Nếu kẻ nào xúc phạm ái khanh, trẫm sẽ vì ái khanh mà nghiêm trị bọn họ. Nay khanh còn cần thứ gì nữa không? Nếu thích vàng bạc, trân bảo hương hoa anh lạc, trẫm sẽ cung cấp; hoặc muốn trừng phạt ai thì hãy nói." Vua hỏi đủ điều như thế, nhưng phu nhân không trả lời. Vua liền đi ra nói với các phu nhân khác, kể cả đại thần, thái tử và mọi người: "Các khanh hãy đến hỏi xem ý phu nhân thế nào." Mọi người vâng lời, cùng đến hỏi phu nhân đủ điều, nhưng phu nhân vẫn im lặng không trả lời. Vua bèn sai người hầu gái kỳ cựu đến hỏi phu nhân một lần nữa. Vì người hầu này sinh trưởng trong cung vua, có nhiều kinh nghiệm liền đi vào phòng hỏi phu nhân: "Vua là chỗ nương tựa của phu nhân mà sao vua hỏi phu nhân lại im lặng không đáp? Nếu phu nhân có yêu cầu điều chi thì có lý do gì mà không được. Ai xúc phạm phu nhân? Đại thần, vương tử hay các phu nhân khác? Nếu phu nhân muốn trừng trị kẻ nào hãy tâu với đại vương, chứ phu nhân im lặng, oán hận, chẳng thiệt thòi lắm sao? Nếu phu nhân rủi có chết, thời đại vương cũng không thể chết theo, mà âu sầu là cùng. Trong những ngày tháng ấy, trong nước sẽ có các vị Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, những ai có con gái đẹp, đoan trang (ắt sẽ đem đến dâng vua), vua sẽ cùng họ hưởng thú hoan lạc, liền quên hết ưu sầu. Rốt cuộc, phu nhân sẽ chết vô ích mà thôi. Nếu phu nhân không nói, có khác nào người câm nằm mộng trong lúc ngủ, ai mà thấy được."

Lúc ấy, phu nhân nghe lời nói của bọn thanh y (người hầu), liền tự suy nghĩ: "Đây quả là lời nói chí lý", liền nói với bọn thanh y: "Không ai xúc phạm ta cả. Ta nhớ một chuyện mà khó nói quá, các ngươi hãy nghe ta nói: "Một buổi sáng sớm gần đây, ta lên lầu xem tinh tú, khi ấy ta thấy một con nai chúa sắc vàng, từ phương Nam (**230b**) đi đến trên hư không sang phương Bắc. Nếu ta bảo với kẻ khác rằng con nai đi trên hư không thì ai tin. Ta muốn

được tấm da của nó để làm nệm mà không được, do thế mà ưu sầu tự nghĩ: "Làm phu nhân của vua mà làm gì!."

Khi nghe xong những lời ấy, các thanh y liền đến tâu với nhà vua. Vua biết được ý của phu nhân nên rất đỗi vui mừng, liền hỏi những kẻ bề tôi bên cạnh: "Ai có thể lấy được tấm da của con nai vàng ấy? Nay ta cần nó để dùng làm tấm nệm." Các quan đáp: "Đại vương nên hỏi các thợ săn." Vua liền bảo các quan hãy truyền lệnh cho tất cả thợ săn trong nước ta phải tập trung hết về đây, như lời bài kệ:

Chư Thiên tùy niệm cảm
Vua chúa ban lệnh truyền
Người giàu cậy của cải
Kẻ nghèo cậy sức lực.

Sau khi lệnh vua ban truyền như thế, tất cả thợ săn trong nước đều tập trung về hết, rồi tâu với vua: "Chẳng hay đại vương truyền dạy điều chi?" Vua bảo các thợ săn: "Nay ta đang cần gấp tấm da của con nai vàng để làm chiếc nệm, các khanh hãy vì ta mà gấp rút tìm kiếm nó." Các thợ săn liền tâu vua: "Xin đại vương hãy cho chúng thần về trong ít lâu để chúng thần cùng bàn việc này." Vua nói: "Trẫm chấp thuận." Đoạn các thợ săn trở về cùng nhau bàn bạc: "Các vị săn bắn lâu nay có ai đã từng nghe thấy con nai sắc vàng chưa nhỉ?" Họ trả lời nhau: "Tổ tiên của chúng tôi từ xưa đến nay thường đi săn bắn, mà chưa từng nghe tên con nai sắc vàng, chứ đừng nói là chính mắt trông thấy." Thế rồi các thợ săn cùng nhau lập ước: "Nay chúng ta đến trả lời đại vương, đừng để có những ý kiến bất đồng." Do vậy, khi đến yết kiến vua, mỗi người đều tâu: "Tổ tiên chúng tôi từ xưa đến nay kế thừa nghề săn bắn, mà chưa từng nghe ai nói đến tên con nai sắc vàng, chứ đừng nói chính mắt thấy nó." Rồi nói kệ:

"Vua có quyền tự do
Cầu chi muốn được nấy."

Vua bèn ra lệnh quan hữu ty bắt các thợ săn giam vào ngục.

Bấy giờ có một thợ săn tên là San Xà, sức lực mạnh mẽ, đuổi kịp loài thú, khi bắn chim bay, bách phát bách trúng. Y suy nghĩ rằng: Bọn thợ săn chúng ta vô tội mà bị giam trong ngục, ta phải nghĩ kế gì để thoát khỏi nỗi khổ này. Vậy ta phải tâu vua, xin vua cho đi tìm nai. Nếu tìm được thì tốt, bằng không tìm được ta sẽ giải thoát các bạn bè ra khỏi nhà giam. Nghĩ thế, y liền tâu với vua: "Tâu đại vương, đã có người nào nghe hay thấy con nai sắc vàng chưa?"

Vua nói với người thợ săn: "Ngươi có thể đến hỏi phu nhân." Đoạn, người thợ săn liền đến vương cung hỏi phu nhân: "Thưa phu nhân! Đã có ai thấy hay nghe con nai sắc vàng chăng?"

Phu nhân đáp: "Chính ta đích thân thấy nó."

Người thợ săn hỏi: "Thấy nó ở đâu?"

Phu nhân đáp: (**230c**) "Vào lúc tờ mờ sáng, ta lên lầu xem tinh tú, bỗng thấy một con nai chúa sắc vàng từ phương Nam, đi qua trên hư không rồi xuống phía Bắc."

Người thợ săn này vốn lành nghề xem tướng cầm thú, nên biết con nai vàng chúa ấy hiện cư trú ở phương Nam, nhưng đi kiếm ăn phương Bắc. Nơi nó cư trú hoàn toàn không thể biết được, phải đến chỗ nó kiếm ăn tìm cách bắt nó mà thôi. Thế rồi, người thợ săn cầm lấy cung tên, đi lần về phương Bắc, đến Tuyết Sơn.

Bấy giờ trong núi ấy có một vị tiên nhân cư trú, xung quanh nơi ấy, có suối chảy, ao hồ và hoa trái sum xuê. Ở đây vị tiên nhân áp dụng hai phương pháp để trừ lòng tham dục: Một là khổ hạnh. Hai là nhàn cư.

Bấy giờ người thợ săn giấu các dụng cụ săn bắn, ăn mặc giả người thường, đến chỗ vị tiên nhân, lễ bái thưa hỏi. Vị tiên nhân này ở trong hốc núi lâu ngày, ít khi gặp ai, nên lúc thợ săn đến thăm, rất đổi vui mừng, bèn mời ngồi, rồi đem quả ngon, nước ngọt ra thiết

đãi ân cần. Người thợ săn liền nói: "Tôn giả ở nơi này đã lâu hay mới đây?"

Tiên nhân đáp: "Từ lúc đến đây tới nay đã trải qua thời gian như thế."

Thợ săn lại hỏi tiên nhân: "Từ ngày tôn giả đến đây tới nay đã từng thấy có việc gì khác thường chăng?"

Tiên nhân đáp: "Đã từng thấy."

Thợ săn lại hỏi: "Thế, tôn giả thấy chuyện gì?"

Tiên nhân đáp: "Ở phía nam núi này có một cây Ni-câu-luật, thường có một con nai chúa sắc vàng, bay đến trên cây, ăn lá cây ấy no nê rồi bay đi."

Người thợ săn nghe thế, rất đỗi vui mừng, liền suy nghĩ: "Chắc có lẽ đó là con nai chúa sắc vàng mà phu nhân đã thấy. Ngày nay ta được nghe việc này, thế là nguyện vọng ta sắp thành tựu rồi, bèn nói giả lả sang chuyện khác, chợt hỏi: "Đường đến cây Ni-câu-luật ở hướng nào?"

Tiên nhân liền trả lời: "Từ đây ra đi, ở khoảng giữa có đoạn đường cong v.v..." đâu đó nói rõ ràng.

Chàng thợ săn nghe xong, vui mừng, chúc lành rồi ra đi, trở về chỗ cất dụng cụ săn bắn, cầm lấy, rồi thẳng đường đi tới đó. Từ xa, anh trông thấy cây ấy cành lá thưa thớt, nhưng bóng râm che khuất khá rộng. Anh ta đến bên cây, tìm kiếm nai chúa, nhưng không thấy tung tích và chỗ ăn của nó đâu cả. Anh liền ngồi núp dưới cây, lặng lẽ theo dõi. Theo dõi không lâu, anh bỗng thấy con nai chúa giống như con nhạn chúa, từ hư không bay đến, đậu lên trên cây, màu sắc ngời sáng, chiếu rõ hang núi, ăn lá no nê, rồi về phương Nam. Đoạn anh suy nghĩ: "Cây này cao vút, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới được, biết làm thế nào để bắt nó? Nay ta hãy trở về thành Ba-la-nại, nơi đây có nhiều vị đại thần, vương tử thông minh, trí tuệ, ta hãy vấn kế họ."

Thế rồi, anh trở lại cung đình, tâu với nhà vua: "Tâu đại vương! Đúng như phu nhân thấy, nhưng chỗ con nai trú, không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không có cách nào bắt được nó."

Vua bảo người thợ săn: "Ngươi hãy đến thưa rõ với phu nhân."

Thợ săn liền đến thưa phu nhân: "Tôi đã thấy con nai chúa sắc vàng, nhưng (**231a**) không thể dùng lưới bủa hay cung tên bắn tới, không biết làm sao để bắt được nó."

Phu nhân hỏi: "Chỗ ở của con nai ấy tại nơi nào?"

Đáp: "Nó ở trên cây Ni-câu-luật, ăn lá cây no, rồi trở về phương Nam." Liền nói kệ:

"Sát lợi trăm phương tiện
Bà-la-môn gấp bội
Vua có nghìn mưu kế
Phụ nữ kế vô lượng."

Phu nhân của vua có nhiều mưu kế như thế nên bảo thợ săn: "Ngươi mang mật đến cây ấy, rồi leo lên bôi vào lá cây. Con nai nghe mùi thơm của mật, sẽ ăn lá cây, ăn hết chỗ ấy, ngươi sẽ bôi lần đến chỗ bủa lưới."

Thợ săn theo lời chỉ bảo, vào lại trong núi, mang mật lên cây, bôi vào lá cây. Con nai ấy bay đến, cứ theo lá cây có mật mà ăn, chỗ nào không có mật bôi thì nai không ăn, chỗ nào có mật thì lần lượt ăn tới, như bài kệ nói:

"Dã thú tin mũi mình
Phạm Chí tin sách tướng
Vua chúa cậy hữu ty
Ai có niềm tin nấy."

Con nai ấy cứ theo mùi thơm mà ăn lá cây, lần lần xuống đến chỗ giăng lưới. Thợ săn suy nghĩ: "Nếu ta giết nó lấy da thì chưa thật là quý, ta phải bắt sống đem về mới được." Thế rồi, thợ săn bắt nai

nhốt vào củi, đem đi ngang qua chỗ của vị tiên nhân. Vị tiên nhân từ xa trông thấy, thất kinh than rằng: "Ôi, tai họa thảm khốc! Dù có thể bay trên hư không mà không thể thoát khỏi tay kẻ ác này." Liền hỏi tên thợ săn ác độc: "Ông dùng nó để làm gì?"

Thợ săn đáp: "Vị đệ nhất phu nhân của nước Ca-thi cần da để làm một tấm nệm."

Tiên nhân lại hỏi: "Con nai này sau khi chết màu sắc như thế nào ông có biết không? Vì bên trong còn sinh khí nên màu sắc của nó mới như thế, bắt sống nó đem về ông mới được thưởng."

Lại hỏi tiếp: "Ông dùng phương pháp nào mà bắt được nó?"

Thợ săn đáp: "Tôi dùng phương pháp như thế mà bắt được nó."

Bấy giờ, tiên nhân tự lấy làm mừng vì mình đã khéo sống ẩn dật, nên mới không phạm những điều ác đó, nghĩ thương phu nhân đã khéo dùng phương tiện ác độc và đau xót cho con nai chúa, vì tham mùi vị mà bị khốn khổ.Thế rồi, tiên nhân đọc bài kệ:

"Ác nhất trên đời này
Không gì hơn tham vị
Nó mê hoặc phàm phu.
Và dã thú trong rừng.
Do tham trước hương vị
Mà phải chịu khổ não."

Lúc ấy, thợ săn hỏi tiên nhân: "Tôi phải dùng phương tiện gì để nuôi dưỡng con nai này hầu đem về đến trong nước mà vẫn còn sống?"

(**231b**) Tiên nhân đáp: "Lấy mật bôi lên lá cây dùng để nuôi nó, và khi về đến kinh thành, lấy mật hòa với lương khô mà nuôi dưỡng nó." Đoạn thợ săn lần hồi đi ngang qua nhân gian mà trở về nước. Con nai này thân hình thon thả dung sắc như vàng ròng, sừng

trắng như ngọc, mắt màu da cam, tất cả những người trông thấy, không ai không cho là tuyệt đẹp.

Khi thợ săn đem nai về gần đến thành Ba-la-nại, vua nghe nai đã về, liền ra lệnh trong thành sửa sang đường sá, quét dọn, đốt hương, dộng chuông, đánh trống để đón tiếp nai chúa. Người đi xem đông như mây tụ, không ai là không hoan hỷ, chúc mừng nhà vua đã được điềm lành, từ phương xa đến. Lúc phu nhân trông thấy, vui mừng khấp khởi, không thể kềm chế được, liền tới ôm choàng lấy nai chúa.Cũng vì trước đây tâm của phu nhân yêu thích, đắm trước quá nặng, nên sắc vàng của nai chúa biến mất. Vua nói với phu nhân: "Sắc vàng của nai chúa bỗng nhiên biến mất, biết làm sao đây?"

Phu nhân trả lời nhà vua: "Con nai này giờ đây trở thành vật vô dụng, vậy nên thả nó đi."

Bấy giờ Phật nói với các Tỳ-kheo: "Con nai chúa sắc vàng thuở ấy đâu phải ai khác, mà chính là Tỳ-kheo Da-xá ngày nay, và phu nhân trước kia là mẹ của Da-xá hôm nay. Từ xưa đến nay bà đã dùng nhiều phương tiện để quyến rũ con mình khiến sinh ra đắm trước, phải chịu nhiều khổ não." Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Những Tỳ-kheo nào cư trú tại thành Tỳ-xá-ly hãy bảo họ tập trung về cả đây."

Khi đó, Thế Tôn nhân sự việc ấy hướng đến các Tỳ-kheo nói rộng những nhân duyên khiến sinh ra các lỗi lầm, khiển trách những người đã tạo ra lỗi lầm, rồi tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo.

Thế Tôn dạy: "Vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế giới cho các đệ tử, quy định cách thức tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Về mười việc lợi ích như trên kia đã nói rõ. Vì lẽ đó mà Như Lai từ nay trở đi phải chế giới cho các Tỳ-kheo, để cho những ai chưa nghe, khiến được nghe, những ai nghe rồi nên nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới giữa chúng tăng hòa hợp mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với chúng tăng).

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), lúc ấy tại thành Tỳ-xá-ly có hai người con giòng họ Ly-xa, thuộc gia đình có niềm tin, bỏ nhà xuất gia. Vì ở thành Tỳ-xá-ly này ai cũng biết các ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Khi đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo này khoác y cầm bát vào xóm làng trong thành khất thực, vì không nhiếp phục thân, miệng, ý, không giữ niệm hiện tiền và không nhiếp phục các căn, nên tâm ý tán loạn, nhiễm trước sắc dục, cho sắc dục là sạch sẽ, lòng dục mãnh liệt, liền suy nghĩ: "Ta mặc pháp phục mà hành dục thì thật là bất tiện. Ta phải cởi bỏ pháp phục, mặc áo (**231c**) thế tục, không trở về tăng chúng trong vòng 7 ngày, để tự do hành động." Suy nghĩ thế rồi hai thầy cởi bỏ cà sa, mặc áo thế tục và hành lạc thỏa mãn. Qua hết bảy ngày, hai thầy mặc lại pháp phục, về với Tăng chúng. Sau khi về sống với tăng chúng hai thầy tự thấy nhờm tởm về những việc mình đã làm, bèn suy nghĩ: "Thật chưa từng nghe thấy một vị Sa-môn nào lại làm một việc như thế. Nay ta hãy đem việc này thưa với tôn giả Xá-lợi-phất, nhờ Xá-lợi-phất đi đến Thế Tôn trình bày đầy đủ sự việc ấy. Nếu Phật có dạy điều chi thì ta hãy phụng hành."

Thế rồi hai Tỳ-kheo đi đến tôn giả Xá-lợi-phất trình bày đầy đủ như trên. Đoạn tôn giả Xá-lợi-phất dẫn hai Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem sự việc kể trên bạch rõ với Thế Tôn.

Phật bảo Xá-lợi-phất: "Phải bảo họ rời khỏi đây, đó là những kẻ ngu si, không được xuất gia thọ giới cụ túc trong giáo pháp của Như Lai nữa."

Nhưng Xá-lợi-phất vì lòng thương xót, trịch vai áo phải, quỳ gối chắp tay, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, trong tương lai có những thiện nam tử, có lòng tin giáo pháp Thế Tôn, bỏ nhà xuất gia

nhưng vì tâm ý mê muội, điên đảo, khởi lên tịnh tưởng (cho sắc đẹp là sạch sẽ), bởi ba nghiệp lừng lẫy đến nỗi không biết hổ thẹn. Kính xin Thế Tôn, mở ra phương tiện để cho các thiện nam tử ấy được xuất gia thọ cụ túc lại trong giáo pháp của đức Như Lai."

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo: "Hãy gọi các Tỳ-kheo đang cư trú tại thành Tỳ-xá-ly tập trung cả về đây. Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới cụ túc giữa chư Tăng hòa hợp, trong khi chưa xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cọng trú.***

Lại một trường hợp nữa xảy ra trong lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên). Khi ấy các Tỳ-kheo an cư tại nhiều nơi, an cư xong, đi về Tỳ-xá-ly, đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ, thăm hỏi. Thăm hỏi xong, theo thứ tự nhận phòng an trú, phòng hết không đủ chỗ, nên có người phải tạm trú nơi hành lang của những thảo am dưới gốc cây ở giữa đám đất trống. Lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi dưới gốc cây suy nghĩ như sau: "Xuất gia theo Phật giáo thực là quá khổ, tu phạm hạnh cũng quá khó khăn, ban ngày thì gió táp, nắng thiêu, ban đêm thì bị rắn độc muỗi mòng cắn đốt. Tu phạm hạnh trong giáo lý đức Phật thực sự ta không kham nổi." Khi vị Tỳ-kheo ấy bụng nghĩ, miệng nói như thế, thì các Tỳ-kheo khác nghe được, họ liền hỏi thầy rằng: "Thầy định xả giới sao?"

Vị ấy đáp: "Không xả giới. Tôi chỉ nghĩ thế, vì sợ mình không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Như Lai mà thôi."

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên (sự kiện) ấy đến (**232a**) bạch với Thế Tôn rằng Tỳ-kheo kia định xả giới.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo: "Gọi thầy Tỳ-kheo kia đến đây."

Khi vị ấy đến, Phật hỏi: "Ông xả giới thật sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, không xả."

Phật hỏi: "Vì nhân duyên gì mà đến như thế?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con ngồi dưới gốc cây, lòng nghĩ, miệng nói: Bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Phật thật quá cực khổ, ta không kham nổi tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật."

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Vì sao ông đã có niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống trong giáo pháp của Như Lai mà lại nghĩ rằng ta không đủ kham nhẫn tu phạm hạnh trong giáo pháp của Như Lai?"

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không phải là xả giới, đó gọi là giới sút kém; thầy chỉ nói lên những lời nói về giới sút kém của mình, thế nên, phạm tội Thâu-lan-giá."

Thế rồi Phật bảo các Tỳ-kheo: "Gọi tất cả Tỳ-kheo cư trú tại thành Tỳ-xá-ly khiến họ tập trung hết về đây, những ai chưa nghe thì phải nghe, ai nghe rồi thì nên nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nào đã thọ giới cụ túc giữa chúng tăng hòa hợp, chưa trả giới, giới sút kém, không xả giới mà hành dâm, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được cọng trú.***

Lại một trường hợp khác khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Khi ấy, tại thành Xá-vệ có một trưởng giả tên Nan-đề, thuộc gia đình có tín tâm, bỏ nhà xuất gia; vì ở đây ai cũng biết ông, nên được cúng dường bốn thứ đầy đủ. Có nhiều vị khác cũng tên Nan-đề, nhưng chỉ có trưởng lão Nan-đề này thì khi đi cũng thiền, khi đứng cũng thiền, khi ngồi cũng thiền và khi nằm cũng thiền. Cho nên người thời bấy giờ gọi thầy là Thiền Nan-đề.

Lúc ấy, Nan-đề cất một thảo am trong rừng Khai Nhãn dùng để tu tập. Vào đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, thầy đều lấy hạnh tu tập làm sự nghiệp, nên được thiền định của thế tục, như vậy trải được bảy năm. Nhưng sau bảy năm, thầy thối thất (mất) Thiền định, nên thường nương tựa dưới một cội cây để tu tập, mong tìm lại thiền định đã mất.

Khi ấy, họ hàng nhà ma thường dùng phương tiện rình rập, tìm chỗ sơ hở của những người tu theo chánh pháp, mới biến thành hình người đoan chính không gì sánh bằng, dùng đủ thứ hương hoa, anh lạc trang điểm thân mình, đến trước Nan-đề, gọi thầy, nói: "Này Tỳ-kheo, hãy đến đây, cùng ta giao hoan."

Nan-đề lập tức nói: "Loài tà ác, cút nhanh! Loài tà ác, cút nhanh!." Miệng thầy nói, nhưng mắt không nhìn đến.

Thiên nữ lại nói như trên đến lần thứ hai, thứ ba, và Nan-đề cũng đáp lại hai ba lần: "Loài tà ác, cút nhanh! Loài tà ác, cút nhanh!", mà không nhìn đến. Lúc này thiên nữ bèn cởi bỏ anh lạc, để lộ thân thể, đứng trước Nan-đề, nói với thầy: "Nào, chúng ta cùng nhau hành lạc."

Khi ấy, Nan-đề nhìn thấy thân thể thiên nữ, lòng dục phát sinh, liền đáp: "Được thôi." Đoạn thiên nữ từ từ đi lui. Nan-đề gọi theo: (**232b**) "Ngươi hãy dừng lại một tí, để chúng ta cùng nhau giao hoan." Nan-đề đi tới, thì thiên nữ rảo bước nhanh hơn. Nan-đề đuổi theo đến bên hào Kỳ-hoàn. Trong hào ấy có một xác chết của con ngựa nhà vua. Thiên nữ đến bên xác ngựa liền ẩn hình không hiện nữa. Khi ấy, Nan-đề vì lòng dục khởi lên quá mạnh, liền hành dâm với xác ngựa, đến lúc lòng dục lắng xuống, liền suy nghĩ: "Ta đã làm một việc rất tệ hại, không phải là pháp của Sa-môn, ta vì lòng tin xuất gia, mà nay phạm tội Ba-la-di, thì còn mặc pháp phục, thọ dụng của tín thí làm chi nữa." Đoạn thầy cởi pháp phục vắt lên tay phải, tay trái che thân, đi đến Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Thưa các trưởng lão, tôi phạm Ba-la-di, tôi phạm Ba-la-di."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đang đi kinh hành chậm rải trước sân Kỳ-hoàn, suy nghĩ về nghiệp của mình, bèn bảo nhau: "Đó là thầy tọa thiền Nan-đề, người tu phạm hạnh, không phải phạm Ba-la-di."

Nan-đề lại nói: "Thưa các trưởng lão, không phải thế, tôi phạm Ba-la-di thật mà."

Các Tỳ-kheo liền hỏi do nguyên nhân gì mà phạm. Nan-đề bèn trình bày đầy đủ sự việc như trên.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Chính thiện nam tử Nan-đề tự nói mình phạm trọng tội, cho nên phải đuổi đi."

Đoạn các Tỳ-kheo theo lời Phật dạy, đuổi Nan-đề đi, rồi bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, vì sao trưởng lão Nan-đề tu phạm hạnh đã lâu mà còn bị cô thiếu nữ ấy mê hoặc?"

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Không phải ngày nay Tỳ-kheo Nan-đề mới bị thiên nữ mê hoặc khiến cho thối thất phạm hạnh mà trong quá khứ cũng bị thiên nữ ấy mê hoặc làm cho mất phạm hạnh."

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, đã từng có như thế sao?"

Phật nói: "Đúng thế!." Rồi bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Bấy giờ, tại nước A-bàn-đề ở phương Nam có người ngoại đạo xuất gia, thuộc giòng họ Ca-diếp, thông minh, học rộng, lão luyện đối với các điển tịch, tinh xảo mọi nghệ thuật, không gì là không am tường. Vị ngoại đạo ấy giúp vua trị nước. Khi vua nước ấy dùng các hình phạt để trị tội bọn gian tặc như: Chặt tay, chân, xẻo tai mũi, rất là đau đớn. Bấy giờ vị ngoại đạo ấy trầm ngâm suy nghĩ: "Ta đã xuất gia, tại sao lại cùng với nhà vua tham dự việc này?" Liền tâu với vua: "Xin đại vương cho tôi xuất gia." Vua liền đáp: "Thầy đã xuất gia rồi, vì sao còn xin xuất gia nữa?"

Vị ấy nói: "Tâu đại vương, tôi nay tham dự vào các loại hình phạt làm khổ não chúng sinh thế này thì sao gọi là xuất gia?"

Vua liền hỏi: "Nay thầy muốn xuất gia theo đạo nào?"

Vị ấy đáp: "Tâu đại vương, tôi muốn xuất gia để học đạo tiên."

Vua nói: "Được, tùy ý thầy."

(**232c**)Bấy giờ cách thành Ba-la-nại không xa, có một dãy núi hàng trăm ngọn, trong đó có suối chảy, hồ nước, hoa quả sum sê, ông liền vào núi ấy, cất một tinh xá, rồi tu tập theo pháp môn ngoại đạo, đạt được thiền định thế tục, và đắc ngũ thần thông. Vào tiết tháng tư, ông ăn các quả dưa, do tứ đại không thích hợp, nên lúc đi tiểu, tinh khí theo ra. Lúc ấy có đàn nai đang sống từng bầy, thường đi theo nhau, nhân khát nước đi tìm nước uống, một con đã uống nhầm nước tiểu ấy khiến chất bất tịnh (tinh khí) thấm vào miệng rồi theo đường sinh dục vào trong tử cung - quả báo của chúng sinh khó mà nghĩ nổi - do đó mà thụ thai. Con nai ấy thường ăn cỏ, uống nước bên triền núi, đến khi đủ tháng, tới ngày sinh nở, thì gặp lúc vị tiên nhân đi hái quả. Nhân vì sinh con khó nên con nai kêu la bi thiết, vị tiên nhân ngỡ là nai bị ác thú làm hại, nên đến cứu, liền thấy nó sinh một em bé trai.

Tiên nhân thấy thế, lấy làm quái lạ, liền suy nghĩ: "Vì sao súc vật lại sinh ra người!" Rồi nhập định tư duy, thấy được nguyên nhân, đó chính là con mình, nên đâm ra yêu mến đứa trẻ ấy, bèn dùng y bọc lại đem về nuôi dưỡng, và thường đem nó đến chỗ nai mẹ để nai cho bú, dần dần lớn lên, được đặt tên là Lộc Ban. Vì do mẹ sinh nên trên mình loang lổ giống như mẹ, bởi thế mà đặt tên Lộc Ban. Đồng tử ấy lần lần khôn lớn, đến năm bảy tuổi thì biết kính trọng tôn trưởng, nhân ái hiếu từ, thường hái quả, mang nước cúng dường Tiên nhân.

Khi ấy, tiên nhân thầm nghĩ: "Cái đáng sợ nhất trong thiên hạ không gì hơn là phụ nữ." Liền dạy con rằng: "Cái đáng sợ nhất không gì hơn là phụ nữ, nền chính trị bại vong, đức hạnh bị băng hoại, đều do nó cả." Dạy như thế rồi, ông liền dùng thần thông nhập định, tự hóa, như bài kệ tả:

"Hết thảy mọi chúng sinh
Không ai tránh khỏi chết
Ra đi tùy theo nghiệp
Tự nhận lấy quả báo.

Làm thiện sinh lên trời
Tạo ác vào địa ngục
Hành đạo tu phạm hạnh
Hết lậu, được Niết bàn."

Thế rồi tiên nhân mệnh chung. Bấy giờ đồng tử tịnh tu phạm hạnh, đạt được tứ thiền của ngoại đạo, phát sinh năm thần thông, được đại thần lực, có thể dời núi, chận dứng dòng nước, hoặc rờ mặt trời, mặt trăng.

Khi ấy, Đế Thích cỡi voi trắng du hành trong thế gian để xem ai hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bàlamôn, ai bố thí, giữ giới, tu phạm hạnh. Lúc Đế Thích đang du hành, bỗng thấy đồng tử tiên nhân ấy, liền thầm nhủ: "Nếu đồng tử này muốn cầu Đế Thích, Phạm Vương, đều có thể được, vậy ta cần sớm phá hoại y", như lời kệ:

"**(233a)** Chư thiên và loài người,
Tất cả mọi chúng sinh
Không ai thoát trói buộc
Bởi hai thứ kiết sử
Keo kiệt và ganh tỵ
Chết phải sinh ác đạo."

Đoạn nói về chư Thiên, họ có ba loại trống dùng trong ba lúc: Lúc chư Thiên và A-tu-la đánh nhau, thì đánh trống thứ nhất, lúc các loài hoa trong vườn Câu tỳ la nở, thì đánh trống thứ hai, khi tập họp chư Thiên tại giảng đường thiện pháp để nghe pháp, thì đánh trống thứ ba.

Lúc ấy, Đế Thích đánh trống thuyết pháp, vô số trăm nghìn thiên tử đều tập họp về đó. Họ bèn hỏi Đế Thích: "Có điều chi dạy bảo chăng?" Đế Thích nói với họ: "Cõi Diêm-phù-đề có tiên nhân đồng tử tên là Lộc Ban, y có công đức lớn, ta muốn dùng phương tiện để hãm hại y." Vô số thiên tử nghe nói thế không vui, liền

tự nhủ thầm: "Nếu hãm hại người ấy thì chư Thiên sẽ suy giảm, mà chúng A-tu-la sẽ tăng thêm." Nhưng trong chư Thiên có người bình tĩnh suy nghĩ: "Không nên chủ trương sự thành bại." Lại có hạng người vui lòng tán thán ý đồ hãm hại vị tiên nhân ấy. Đoạn một vị thiên tử hỏi rằng: "Người nào nên đi?" Bỗng có người đáp: "Vị thiên nữ kia nên đi."

Lúc này chư Thiên đang dạo chơi các khu vườn, hoặc tại vườn Hoan Hỷ, hoặc tại vườn Tạp Sắc, hoặc tại vườn Lộc sáp. Thiên nữ phải đến các nơi đó gọi họ về. Tức thì, trăm nghìn thiên nữ đều tập họp về. Có một thiên nữ tên A-lam-phù, vì tóc cô có bốn màu xanh vàng đỏ trắng pha tạp nên gọi là tạp sắc, Đế Thích liền sai thiên nữ này xuống Diêm Phù để phá hoại Lộc Ban đồng tử. Nhưng thiên nữ ấy bạch với Đế Thích: "Tôi từ trước tới nay, đã nhiều lần phá những người tu phạm hạnh, vì vậy mà mất thần thông, xin Thiên đế sai thiên nữ khác đoan chính, đẹp đẽ có thể làm cho người ta vui lòng." Lúc ấy Đế Thích lại đọc một bài kệ để khuyến dụ thiên nữ, đại khái: "Người có sứ mệnh phải đi hủy hoại Câu Xá Tần Đầu (tiên nhân đồng tử)", như trong Kinh Bổn Sinh nói. Thế rồi, thiên nữ bèn đi phá hoại tiên nhân đồng tử.

Phật liền bảo với các Tỳ-kheo: "Tiên nhân đồng tử Câu Xá Tần Đầu thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Thiền Nan-đề ngày nay vậy. Còn thiên nữ A-lam-phù cũng chính là cô thiên nữ ngày nay. Nan-đề ngày xưa đã từng bị cô ấy phá hoại, ngày nay làm Tỳ-kheo, cũng bị cô ta hại nữa."

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

> ***Tỳ-kheo nào hành lạc ngay cả với loài súc vật cũng phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.***

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), có các Tỳ-kheo kiết hạ an cư nơi này nơi khác. An cư xong, họ đi về thành Vương-xá lễ bái, thăm viếng đức Thế Tôn. Mỗi người tùy thích chọn chỗ an trú, hoặc ở tinh xá Tỳ Ba la, hoặc ở tinh xá

Bạch Sơn, (**233b**) hoặc ở tinh xá Phương Sơn, hoặc ở trong động của tiên nhân, hoặc ở trong hang núi Kỳ-xà-quật, hoặc ở trong Biện tài nham, hoặc ở tinh xá trong vườn Câu-lợi, hoặc ở tinh xá trong vườn Lại Tra, hoặc ở tinh xá trong vườn Sư Tử, hoặc ở tinh xá trong vườn Thất Diệp, hoặc ở tinh xá Ôn Tuyền, hoặc ở trong hang Tán Cái, hoặc ở trong hang Am-la, hoặc ở trong hang Ty Thi, hoặc ở tinh xá Viên Hầu.

Khi các Tỳ-kheo khách đến tinh xá Viên Hầu này, liền đến vị Tỳ-kheo tri thức cựu trú để cùng chúc tụng vấn an. Chúc tụng xong, vị Tỳ-kheo cựu trú liền cung cấp nước tắm, nước rửa tay chân, nước uống dùng trưa và chiều, chỉ chỗ phòng nghỉ. Do vậy, các Tỳ-kheo khách đều có chỗ an nghỉ.

Lúc ấy, trên đỉnh núi có một con vượn cái, từ trên núi xuống, đến trước Tỳ-kheo cựu trú, đứng quay lưng lại, hiện tướng muốn được hành dâm. Tỳ-kheo cựu trú liền quát tháo đuổi đi. Nó lại đến trước các Tỳ-kheo khác, đứng quay lưng lại, cũng hiện tướng muốn được hành dâm như thế.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khách suy nghĩ: "Phàm loài dã thú, vốn hay sợ hãi vì sao con vật này bị xua đuổi mà vẫn không đi, việc này ắt có uẩn khúc gì đây; biết đâu ở chốn này lại không có kẻ nào đó dùng con vượn cái này để làm điều bất tịnh (hành lạc)?" Nghĩ thế, các Tỳ-kheo khách nói với Tỳ-kheo cựu trú: "Này trưởng lão, giờ đây chúng tôi muốn ra đi, thầy có thể thu lại giường nệm." Vị cựu Tỳ-kheo nói: "Các Trưởng lão, hiện giờ ở trú xứ này có giường nệm tốt, ngày ăn hai bữa, an ổn, khoái lạc, mong các trưởng lão xem lại, mà cùng an trú nơi đây." Khách Tỳ-kheo đáp: "Không ở." Vị cựu Tỳ-kheo ân cần mời đến ba lần, nhưng các Tỳ-kheo vẫn không chuẩn thuận lời thỉnh cầu của thầy, cứ việc ra đi.

Khi ấy, những Tỳ-kheo khách nào lòng không nghi ngờ, hễ ra khỏi trú xứ liền đi luôn, còn những Tỳ-kheo khách nào lòng có ngờ vực, thì ẩn thân một nơi gần đó để theo dõi sự việc. Cựu Tỳ-kheo thấy khách Tỳ-kheo đã đi hết, liền thu dọn ngọa cụ, thu xếp xong,

rửa chân rồi ngồi nghỉ. Bấy giờ con vượn cái lại từ trên đỉnh núi đi xuống, đến trước Tỳ-kheo, đứng quay lưng lại. Thế rồi, vị cựu Tỳ-kheo cùng với con vượn cái này làm điều phi pháp (hành lạc). Các khách Tỳ-kheo từ xa trông thấy thế, liền cùng bảo nhau: "Những gì ta nghi ngờ, giờ đây đã hiện rõ."

Vì nhân duyên đó, họ liền đi đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, trong vườn Trường Vĩ (Viên hầu) thầy Tỳ-kheo cựu trú đã làm một việc tồi tệ như thế..."

Phật dạy: "Hãy gọi Tỳ-kheo ấy đến đây."

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi thầy: "Ông có làm việc đó thật không?"

Thầy đáp: "Thật có vậy, bạch Thế Tôn!."

Phật nói với thầy: "Ông không biết rằng Ta đã chế giới không được hành dâm hay sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ, không được hành dâm với loài người và phi nhân, chớ không phải với súc sinh."

Phật nói: "Tỳ-kheo hành dâm với súc sinh cũng mắc tội Ba-la-di. (**233c**) Các Tỳ-kheo nên biết, có ba việc phạm Ba-la-di. Đó là: Tỳ-kheo hành dâm với loài người, loài phi nhân và súc sinh, như vậy là ba việc."

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo, đến giờ khất thực, khoác y cầm bát vào thành khất thực, tuần tự đi đến một nhà kia, bỗng có một phụ nữ gọi bảo Tỳ-kheo: "Đại đức hãy vào đây, cùng tôi làm việc như thế (hành lạc)."

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Thế Tôn chế giới không được hành dâm." Người phụ nữ lại nói: "Tôi biết không thể hành dâm bằng con đường thông thường (âm đạo), nhưng có thể hành dâm bằng con đường khác (hậu môn hoặc miệng)."

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo ấy cùng với người phụ nữ hành lạc bằng con đường khác. Hành lạc xong thầy sinh hồ nghi, liền đi đến chỗ Thế Tôn bạch lên sự kiện ấy.

Phật nói với thầy: "Ông không biết rằng Phật chế giới không được hành dâm hay sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con biết Phật đã chế giới, nhưng con nghĩ là không được hành dâm theo con đường thông thường, chứ không phải hành dâm theo con đường khác."

Phật liền nói với thầy Tỳ-kheo ấy: "Con đường khác cũng phạm Ba-la-di."

Lại một trường hợp khác, Phật cũng an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y cầm bát đi vào thành, tuần tự khất thực đến một nhà kia.

Lúc ấy có một người con trai từ trong nhà gọi Tỳ-kheo, nói: "Đại đức, có thể vào đây, chúng ta cùng làm việc như thế (hành lạc)."

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm."

Cậu trai ấy bảo: "Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ, còn tôi là nam giới mà."

Thế là thầy liền thuận theo ý đồ của Y (cùng hành lạc). Khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật nói với thầy: "Ông không biết Phật chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con biết Phật có chế giới, nhưng con tự nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ, chứ không phải với nam giới."

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Hành dâm với nam giới cũng phạm Ba-la-di."

Một trường hợp khác, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, khoác y cầm bát vào thành, lần lượt khất thực đến một nhà kia, trong nhà ấy có một người hoàng môn (phi nam phi nữ), gọi Tỳ-kheo ấy nói: "Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế." Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm." Người ấy nói: "Tôi biết Phật chế giới không được hành dâm với phụ nữ và nam giới, còn tôi là phi nam phi nữ mà."

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo liền tùy thuận theo ý đồ của y. Nhưng khi hành động xong, thầy sinh hồ nghi, hối hận, bèn đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền hỏi thầy Tỳ-kheo ấy: "Ông không biết rằng Phật chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con biết Phật có chế giới, nhưng nghĩ là không được hành dâm với phụ nữ và nam giới còn người hoàng môn này là phi nam phi nữ kia mà."

Phật dạy: "Tỳ-kheo hành dâm với kẻ hoàng môn cũng phạm Ba-la-di." (**234a**)Và Phật dạy tiếp: "Tỳ-kheo hành dâm với ba đối tượng sau đây phạm Ba-la-di: Với người nam, người nữ và hoàng môn. Đó là ba đối tượng."

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên) bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát, đi vào thôn xóm trong thành để khất thực, tuần tự đi đến một nhà kia, trong nhà ấy có một phụ nữ gọi thầy Tỳ-kheo ấy nói: "Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm chuyện như thế."

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm."

Người phụ nữ nói: "Tôi biết không được, nhưng thầy có thể mặc y, còn tôi thì khỏa thân."

Đoạn thầy Tỳ-kheo bèn tùy thuận ý đồ của cô ấy. Hành động xong, thầy đâm nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên

Thế Tôn. Phật liền khiển trách thầy: "Ông không biết Phật chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây con mặc y, còn cô ấy khỏa thân kia mà."

Phật liền nói với Tỳ-kheo ấy: "Một đàng mặc y, một đàng khỏa thân, cũng phạm Ba-la-di."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi vào trong thành để khất thực. Thầy khất thực tuần tự đến một nhà kia, khi ấy có một phụ nữ gọi thầy nói: "Đại đức có thể vào đây, cùng tôi làm việc như thế."

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm."

Người phụ nữ nói: "Tôi biết, nhưng thầy để khỏa thân, còn tôi thì che thân."

Thầy liền tùy thuận theo ý đồ của cô ấy. Nhưng sau khi hành động, thầy bỗng sinh nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: "Ông không biết rằng Phật đã chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây cô ấy che thân, còn con khỏa thân kia mà."

Phật dạy: "Cô ấy che thân, còn ông khỏa thân cũng phạm Ba-la-di, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di."

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có thầy Tỳ-kheo từ phương khác đến, thầy có nam căn (dương vật) dài lớn, liền tự đút vào hậu môn để thỏa mãn tính dục. Hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn khiển trách thầy: "Ông không biết rằng Phật đã chế giới không được hành dâm sao?"

(234b) Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là cấm đối với người khác chứ không phải với chính mình."

Phật dạy: "Hành lạc với chính mình, cũng phạm Ba-la-di."

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Xá-vệ (nói rộng như trên), bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến, trước kia thầy vốn là một vũ công, nên thân thể tay chân mềm mại, lúc ấy tình dục khởi lên mãnh liệt, thầy liền đút dương vật vào miệng để hành lạc. Hành lạc xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận, liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: "Ông không biết rằng Phật chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con nghĩ là không cấm tự đút (dương vật) vào miệng mình."

Phật dạy: "Tự đút vào miệng mình cũng phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm ở ba chỗ là: Miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, đều phạm Ba-la-di cả."

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên) khi ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thôn xóm, tuần tự khất thực, khi đến nhà của một dâm nữ, dâm nữ bèn gọi Tỳ-kheo nói: "Đại đức có thể vào đây cùng tôi làm chuyện như thế." Thầy Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm." Cô dâm nữ nói: "Tôi cũng biết không được hành dâm, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài (thì đâu có sao)." Thầy bèn tùy theo ý của cô ta. Khi hành động xong, thầy sinh nghi ngờ, hối hận liền đi đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền khiển trách thầy: "Ông không biết rằng Phật đã chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! con biết Phật có chế giới, nhưng ở đây hành dâm nơi âm hộ và xuất tinh ở ngoài kia mà."

Phật nói: "Hành dâm bên trong (âm hộ) và xuất tinh ở ngoài, hay hành dâm ở ngoài rồi xuất tinh ở trong, thậm chí hai căn (dương vật và âm hộ) chỉ chạm nhau một tí bằng hạt mè cũng phạm Ba-la-di."

Lại nữa, lúc Phật an trú tại thành Vương-xá (Nói rộng như trên) bấy giờ có các khách buôn từ phương Bắc xa xôi đến đó, họ suy nghĩ: "Chúng ta từ phương xa đến đây an ổn, không gặp nạn giặc cướp, nên tự ăn mừng, liền bày ra các thức ăn uống, mời các nhạc công đến (múa hát), rồi cùng nhau truy hoan.

Bấy giờ trong thành Vương-xá cũng có 500 dâm nữ cũng tụ tập một chỗ. Lúc ấy các thương khách liền sai một người tín cẩn nói với một dâm nữ tuyệt diệu nhất: "Cô hãy đến truy hoan cùng chúng tôi."

Dâm nữ đáp: "Tôi đã hẹn trước với nhà vua đêm nay phải đến ở lại trong cung. Nếu ông gọi ban ngày, tôi có thể đến với ông."

Thương nhân giận dữ nói: "Không hiểu vật tồi tệ mà cô nhận được khi cô đến chỗ nhà vua là vật gì? Hôm nay nếu cô chịu đến truy hoan với chúng tôi, chúng tôi sẽ tặng cô nhiều món bảo vật."

Vì tham vật báu, dâm nữ liền hứa với thương nhân, rồi gian trá trang điểm một tỳ nữ đoan chánh nhất giả dạng mình, bảo y đến với nhà vua, lại căn dặn: "Ngươi đến chỗ nhà vua, phải khéo dùng phương tiện làm sao cho thật giống với hình dạng của ta, đừng để vua biết là không phải ta."

Lúc đó vua tắm xong, mặc đồ tươm tất, ngồi chờ dâm nữ, mơ tưởng đến cô, thì bỗng chốc cô hiện đến. Nhưng từ xa vua trông thấy, biết đó là đứa đầy tớ chứ không phải dâm nữ, liền chận lại mắng: "Ngươi là ai mà lại đến đây?" Tỳ nữ hoảng sợ liền tâu thực với vua rằng: "Các thương nhân ở phương bắc xa xôi mang bảo

vật đến, đã đem nhiều vật quý tặng chủ nhân tôi. Chủ nhân tôi vì thấy nhiều của quý, khởi lòng tham, nên sai tôi đi thay để đáp lời hứa trước, nhưng tưởng đại vương không biết." Vua nghe tỳ nữ nói, liền nổi giận mắng: "Con tiện tỳ kia, (**234c**) sao ngươi dám coi thường, lừa dối ta." Liền sai lính hầu cắt bỏ hình nữ (âm hộ) của cô.

Đoạn nói về các thương nhân, từ xa trông thấy sứ giả đến, họ biết là do vua sai tới, liền xa chạy cao bay. Sứ giả liền bắt dâm nữ, cắt bỏ hình nữ. Đến khi sứ giả của vua về hết, các thương nhân trở lại chỗ cũ, thấy dâm nữ như thế, ai nấy đều động lòng thương cảm. Họ liền gọi lương y đến, trọng thưởng, nhờ chữa trị vết thương cho dâm nữ. Vị y sĩ này tài giỏi, nên chữa trị vết thương bình phục rất nhanh.

Khi ấy tôn giả Ưu-ba-ly, nhân sự việc dâm nữ như thế, biết đúng lúc bèn hỏi Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, nếu có người cắt nữ hình bỏ đi, rồi Tỳ-kheo hành dâm nơi chỗ hư hoại ấy, có phạm Ba-la-di không?"

Phật dạy: "Phạm Ba-la-di."

Lại hỏi: "Bạch Thế Tôn, nếu nữ hình lìa khỏi thân, hành dâm nơi nữ hình ấy, có phạm Ba-la-di không?"

Phật dạy: "Mắc tội Thâu-lan-giá."

Lại hỏi tiếp: "Bạch Thế Tôn, nếu nữ hình ráp lại với thân mà vết thương chưa lành, hành dâm nơi ấy, có phạm Ba-la-di không?"

Phật dạy: "Phạm Ba-la-di."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá (nói rộng như trên), bấy giờ vua A-xà-thế sinh một đồng tử, đặt tên là Ưu-đà-di Bạt Đà La dương vật của cậu bé này bị nhiễm trùng, đã dùng mọi thứ thuốc chữa trị, nhưng vẫn không lành. Thấy đứa bé bị vết thương hành hạ đau đớn, người vú nuôi thường dùng miệng ngậm dương vật, hơi ấm truyền vào, nên giảm bớt sự đau đớn. Bà vú thường

ngậm luôn, dương vật được tiếp xúc với hơi ấm, do đó xuất tinh. Khi xuất tinh, vi trùng liền theo tinh khí ra ngoài. Nhờ thế, đứa trẻ dần dần lành bệnh, dứt hết thống khổ. Từ đó trở đi, nó thường sử dụng phương pháp hành dâm nơi đường miệng, lâu ngày thành thói quen, do đó, nó cưỡng bức những bà vú nuôi khác để nó hành dâm nơi đường miệng.

Cậu ta có một người vợ, cô này suy nghĩ: "Chồng ta đã tập quen thói ấy, sẽ không cần đến ta nữa, vậy ta phải dùng phương tiện gì để ngăn chặn những chuyện xấu ấy." Thế rồi, cô khoác y, trùm lên mặt, để thân thể lõa lồ, đi đến chỗ mẹ chồng, lễ bái thưa hỏi mẹ. Mẹ chồng mắng: "Ngươi điên rồi sao? Tại sao làm như thế?" Cô đáp: "Không điên, chỉ vì con của đại gia (mẹ) bỏ con đường thông thường mà sử dụng đường miệng, cho nên con che miệng lại." Rồi cô trình bày đầy đủ sự việc trên cho mẹ chồng nghe.

Bấy giờ trong cung ai nấy rỉ tai nhau, khiến mọi người ở ngoài đều hay biết cả. Do đó, nhiều người bắt chước hành dâm nơi đường miệng.

Biết việc như thế, các Bà-la-môn, cư sĩ ở thành Vương-xá, cùng đi đến chỗ vua tâu rằng: "Tâu đại vương, trong nước hiện nay đang lưu hành một thói xấu. Vì sao miệng là chỗ ăn uống mà lại dùng làm sự bất tịnh (hành lạc)?"

Vua nghe lời tâu ấy, cho là việc không thể nào chấp nhận được, liền ra lệnh: "Từ nay trở đi, nếu ai làm việc đó, hoặc xúi kẻ khác làm, phải trị tội thật nặng."

Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, nên hỏi đức Thế Tôn: "(**235a**) Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?"

Phật dạy: "Cả hai đều phạm Ba-la-di."

Tôn giả lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo cùng Sa-di hành dâm nơi đường miệng, có phạm Ba-la-di không?"

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn Sa-di thì đuổi đi."

Lại bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo cùng bạch y hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?"

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, còn bạch y thì theo sự quy định của luật pháp thế gian."

Lại bạch Thế Tôn: "Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?"

Phật dạy: "Cả hai đều phạm Ba-la-di."

Tôn giả lại hỏi: "Bạch Thế Tôn, nếu ngoại đạo xuất gia cùng Tỳ-kheo hành dâm nơi đường miệng thì thế nào?"

Phật dạy: "Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nhưng ngoại đạo thì theo sự quy định của họ biết làm thế nào được!."

*

Hết quyển thứ nhất

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 2

BA-LA-DI
(tiếp theo)

1. DÂM DỤC (tiếp theo)

(**235a**) Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, như trên đã nói. Lúc bấy giờ tại nước Uất-xà-ni có người vợ của một chàng thanh niên tính tình gian dâm, cùng giao hoan với người khác. Người chồng tức giận khiển trách trực tiếp nàng nhưng rồi nàng vẫn thế, nên anh ta muốn trừng phạt nghiêm khắc, song nàng vẫn không chịu bỏ. Người chồng rình lúc họ hành lạc, liền bắt cả hai đem lên trình với nhà vua, và tâu rằng:

Tâu đại vương, người đàn bà này là kẻ bất lương đã cùng với ông này làm tình, xin đại vương hãy trừng trị nghiêm khắc để ngăn ngừa về sau.

Khi ấy nhà vua vô cùng tức giận bèn ra lệnh quan hữu ty chặt tay chân cô ta, rồi đem vứt ngoài nghĩa địa. Quan hữu ty liền dẫn cô ta ra nghĩa địa, chặt tay chân, rồi bỏ nằm ngửa tại đó.

Bấy giờ có thầy Tỳ-kheo đi qua nghĩa địa, thấy người phụ nữ ấy đang nằm lõa thể trên đất, vì thầy tư duy không chân chánh, nên phát sanh dục tưởng, bèn bảo người phụ nữ kia, cùng làm việc ấy (hành lạc). Cô ta liền đáp: "Thân hình tôi như thế này mà có thể làm được việc ấy sao?"

Thầy Tỳ-kheo nói: "Có thể được." Cô ta bèn đồng ý, nên hai người cùng hành lạc. Sau khi xong việc, thầy Tỳ-kheo liền bỏ đi.

Lúc bấy giờ những bạn bè thân quyến của người phụ nữ ấy cùng bảo nhau ra nghĩa địa xem cô ta đã chết hay còn sống.

(**235b**) Thế rồi, họ cùng kéo nhau ra nghĩa địa, thấy cô ta bị chặt cả tay chân, đang nằm ngửa trên đất và trên thân còn dấu vết vừa mới hành lạc. Họ đều nổi giận bảo với cô:

Ngươi đang bị thống khổ, mà còn làm chuyện ấy, con người ta sao có thể vô sĩ đến thế?

Người phụ nữ ấy đáp: "Người ta đến cưỡng bức tôi, chớ không phải lỗi của tôi."

Họ bèn hỏi: "Kẻ cưỡng bức là ai vậy?" Cô ta đáp: "Đó là Sa-môn giòng họ Thích."

Mọi người đều thất kinh lấy làm quái lạ bảo nhau: "Hạng Sa-môn Thích tử đối với một người đàn bà tàn phế thế này mà không từ bỏ, huống gì những người thân thể còn toàn vẹn. Chúng ta phải đề phòng gìn giữ, chớ để họ tới gần nhà. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo đức gì!"

Vị Tỳ-kheo kia, sau đó hối hận, nghi ngờ liền bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Này Tỳ-kheo, thầy không nghe ta chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Con biết Thế Tôn có chế giới nhưng tưởng là đối với người thân thể vẹn toàn, chứ còn người đàn bà này cụt tay chân kia mà?"

Phật dạy: "Người đàn bà bị chặt một tay trái và một chân phải hay bị chặt một tay phải và một chân trái, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ, đều phạm Ba-la-di."

Lại nữa, khi Phật ở thành Vương-xá, như đã nói ở trên. Có một Tỳ-kheo tại tinh xá Kỳ-hoàn, sau khi ăn xong, vào trong rừng Khai Nhãn tọa thiền. Bấy giờ tại rừng Khai Nhãn có một phụ nữ nổi cơn điên, nằm trên đất ngủ, gió thổi bay vạt áo, khiến thân thể

cô lộ ra. Khi ấy, Tỳ-kheo không tư duy chân chánh, dục tâm phát khởi, liền hành lạc với người ấy. Khi hành lạc xong, liền hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ (việc ấy) lên Thế Tôn. Phật liền bảo với Tỳ-kheo: "Ngươi không biết rằng ta chế giới không được hành dâm sao?"

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Con có biết Phật chế giới, nhưng người phụ nữ này điên cuồng, nằm ngủ (kia mà)."

Phật dạy: "Hành dâm với phụ nữ điên cuồng nằm ngủ cũng phạm Ba-la-di."

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trước v.v.. Lúc ấy có một người vợ của cư sĩ ở nhà cha mẹ lâu ngày, nhà chồng sai người đến báo tin nàng ấy phải về gấp. Nàng bèn làm các thức ăn đem theo, trên đường đi nàng trúng phải gió độc nên mạng vong. Nơi thành Tỳ-xá-ly này khí hậu ẩm thấp, người chết không thể để lâu ngày. Bấy giờ, những người thân quyến tập họp lại, họ bảo nhau phải đưa gấp tử thi đến nghĩa địa, kẻo để hư thối khiến người ta nhờm tởm. Nhưng khi rước tử thi, gặp mưa gió lớn, họ bèn đặt tử thi tại một chỗ, dùng cỏ phủ lên, định sáng hôm sau đem đi thiêu. Song, đêm đó mưa tạnh trời trong, trăng sáng, lúc ấy có một Tỳ-kheo đi nhàn du đến nghĩa địa. Khi đến chỗ để tử thi, nghe mùi hương từ trong thân thể tử thi mới chết tỏa ra, ngỡ là người sống. Vị Tỳ-kheo này không chánh tư duy, dục (**235c**) tâm sinh khởi, liền hành dâm với tử thi. Khi hành dâm xong thầy thấy chưa chán, bèn vác tử thi đem về trú xứ, tiếp tục hành dâm suốt đêm, đến sáng sớm, bèn đóng cửa, vào làng khất thực. Sáng sớm hôm ấy, thân quyến của người phụ nữ này, mang hương dầu, củi, lửa, định đem thiêu xác cô ta, nhưng họ đến chỗ cũ thì không thấy tử thi, lại cũng không thấy dấu vết gì do chim muông ăn cả. Họ tìm khắp mà không thấy, họ liền mở cửa thảo am của Tỳ-kheo thì thấy tử thi trong đó, và trên tử thi còn dấu vết vừa mới hành lạc. Thấy thế, họ liền bảo nhau: "Quái lạ thay! Sa-môn Thích tử, người chết còn không tha, huống gì là người sống!

Từ nay trở đi chúng ta cần phải phòng hộ, chớ để Sa-môn bước chân vào nhà. Những loại này là súc vật bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!"

Sau đó thầy Tỳ-kheo cảm thấy hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ sự việc lên Thế Tôn. Phật dạy: "Này Tỳ-kheo! Thầy không biết rằng ta chế giới không được hành dâm sao?"

Vị Tỳ-kheo đáp: "Con biết Phật có chế giới, nhưng đó là người đàn bà chết (kia mà)."

Phật dạy: "Hành dâm với người đàn bà chết cũng phạm Ba-la di."

Có ba trường hợp thầy Tỳ-kheo hành dâm phạm Ba-la-di, đó là hành dâm với người thức, người ngủ và người chết.

Khi ấy đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo đang cư trú tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, rồi vì 10 điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới cụ túc ở trước chúng tăng hòa hợp, giới yếu kém không trả giới, không ra khỏi (chúng Tăng) mà hành dâm, thậm chí hành dâm với súc dinh, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Đã thọ cụ túc, khéo thọ giới cụ túc, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp, chứ không phải không hòa hợp, đáng khen ngợi, chớ không phải không đáng khen ngợi, đủ hai mươi tuổi, chứ không phải chưa đủ. Đó là Tỳ-kheo.

Thọ giới cụ túc ở trước tăng chúng hòa hợp: Nếu Tỳ-kheo lúc thọ cụ túc khéo thọ cụ túc tức là Một bạch, ba lần Yết-ma, không bị chướng pháp, (già nạn). Tăng chúng hòa hợp, không biệt chúng,

đủ 10 vị Tăng (giới sư) hoặc hơn 10 vị. Đó là Tỳ-kheo thọ giới cụ túc ở giữa chúng Tăng hòa hợp.

Không trả giới: (Để rõ sự việc, trước hãy nói về "Trả giới")

Trả giới: Lúc vị Tỳ-kheo bị ưu sầu không vui, ý muốn bỏ pháp Sa-môn, không thích làm Tỳ-kheo, không ưa làm người con Phật, nói: "Tôi muốn làm Sa-di, tôi muốn làm ngoại đạo; tôi muốn làm người thế tục, hưởng thọ năm thứ dục lạc như xưa", rồi hướng vào một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, ngoại đạo, người xuất gia hoặc người thế tục tại gia nói rằng: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ môn học, bỏ thuyết (giới), bỏ cọng trú, bỏ cọng lợi, bỏ Kinh luận, bỏ Tỳ-kheo, bỏ (**236a**) Sa-môn, bỏ dòng họ Thích. Tôi không phải Tỳ-kheo, không phải Sa-môn, không phải dòng họ Thích. Tôi là Sa-di, là ngoại đạo, là người thế tục, nay tôi sẽ thọ hưởng ngũ dục như trước." Đó gọi là trả giới.

Thế nào là bỏ Phật?

Bỏ Phật: Bỏ bậc Chánh giác, bỏ đức tối thắng, bỏ Đấng Nhất thiết trí, bỏ Bậc thấy tất cả, bỏ bậc thấy không sót thứ gì, bỏ phụ thân của La-hầu-la, bỏ đấng có thân như vàng ròng, bỏ bậc có ánh sáng viên mãn, bỏ 32 tướng, bỏ 80 tướng phụ tốt đẹp. Nếu xả bỏ mỗi mỗi danh hiệu Phật, đều gọi là bỏ Phật. Bỏ Phật như vậy, thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ Phật quá khứ, vị lai thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói bỏ Phật quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ Phật, đó gọi là bỏ giới. Hoặc nói: "Bỏ Bích Chi Phật", đó gọi là bỏ giới. Về quá khứ, vị lai giống như trường hợp bỏ Phật ở trên. Vả lại, tất cả các đệ tử xuất gia của hàng Lục sư ngoại đạo, họ cũng đều bảo có Phật. Nếu Tỳ-kheo thật sự muốn bỏ Phật ấy, rồi bảo rằng tôi bỏ Phật, thì không gọi là bỏ giới nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Song nếu vì đùa cợt, nói: "Tôi bỏ Phật" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nhưng, nếu cuồng điên, nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ pháp?

Pháp là không thuộc vào ba đời, tướng của pháp thường trụ, là vô vi Niết bàn, lìa các phiền não, vĩnh viễn dứt sạch tất cả khổ não. Nếu nói tôi bỏ những pháp ấy, tức là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ pháp quá khứ, vị lai, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nhưng, nếu không nói bỏ pháp quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ pháp, thì đó là bỏ giới. Tất cả ngoại đạo cũng đều có pháp. Nếu Tỳ-kheo thực sự muốn bỏ pháp này và nói rằng tôi bỏ pháp ấy, thì đó không gọi là bỏ giới. Nhưng phạm tội Thâu lan giá. Nếu nói đùa là mình bỏ pháp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ Tăng?

Tăng là đệ tử của đức Thế Tôn, là các bậc hướng chánh, hướng trí, hướng pháp, hướng tùy thuận pháp hành, nghĩa là tứ song bát bối (4 đôi 8 chúng), Tín thành tựu; Giới thành tựu; Văn thành tựu; Tam muội thành tựu; Tuệ thành tựu; Giải thoát thành tựu; Giải thoát tri kiến thành tựu, đáng được tôn kính, là phước điền vô thượng. Nếu Tỳ-kheo nói rằng tôi bỏ Tăng như thế thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói tôi bỏ quá khứ, vị lai Tăng, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói quá khứ, vị lai Tăng mà nói thẳng là "bỏ Tăng", thì gọi là bỏ giới. Giống như Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni Tăng cũng thế. Nếu nói: "Tôi bỏ nhiều vị Tỳ-kheo" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai" thì không gọi là (**236b**) bỏ giới, song phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai mà nói thẳng là" Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo" thì cũng không gọi là bỏ giới. Song phạm tội Thâu-lan-giá. Giống như nhiều Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo-ni cũng như thế. Nếu nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo", thì không gọi là bỏ giới. Nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai"thì không gọi là bỏ giới. Song phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu không nói: "Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai", mà nói thẳng là: "Tôi bỏ một

Tỳ-kheo" thì cũng không gọi là bỏ giới. Nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Giống như một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni cũng thế. Nếu nói: "Tôi bỏ Hòa thượng", đó gọi là bỏ giới. Những sai biệt giống như trường hợp bỏ Tăng đã nói ở trên. Nếu nói: "Tôi bỏ thầy (A-xà-lê)", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ thầy quá khứ, vị lai", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ thầy quá khứ, vị lai" mà nói thẳng là bỏ thầy, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa là bỏ thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cuồng điên nói bậy bạ, thì không có tội.

Các hàng ngoại đạo cũng đều tự xưng là Tăng. Nếu Tỳ-kheo thực sự muốn bỏ hạng Tăng ấy, và nói rằng: "Tôi bỏ ngoại đạo Tăng", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ Tăng", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì điên cuồng nói bậy bạ, thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ môn học?

Các môn học gồm ba thứ là: Tăng thượng giới học, Tăng thượng ý (tâm) học và Tăng thượng tuệ học.

Tăng thượng giới học: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, được thuyết minh rộng rãi hay đơn giản.

Tăng thượng ý học: Chín nấc thiền định (chánh thọ).

Tăng thượng tuệ học: Bốn thánh đế.

Các Tăng thượng giới học, Tăng thượng ý học và Tăng thượng tuệ học ấy đều được gọi là các môn học. Nếu Tỳ-kheo nói rằng: "Tôi bỏ những môn học ấy", tức là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên. Thế gian mỗi ngành đều có môn học riêng, như công nghiệp, toán số, kỹ thuật v.v. đều gọi là môn học. Nếu Tỳ-kheo muốn bỏ những môn học ấy, và nói rằng: "Tôi bỏ môn học đó", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc như ngoại đạo mỗi phái đều có một môn học riêng. Nếu Tỳ-kheo

muốn bỏ những môn học đó vờ vĩnh nói: "Tôi bỏ các môn học ngoại đạo" thì không gọi là bỏ giới nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ môn học", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ thuyết (giới)?

Thuyết giới có ba trường hợp, hoặc thuyết giới vào ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trung gian thuyết giới (Bố-tát).

Ngày 14 là: Vào mùa Đông, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Xuân, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Hạ (**236c**) Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Đó là trong một năm có sáu lần Bố-tát vào ngày 14. Ngoài ra, mười tám lần Bố-tát còn lại vào ngày 15, cộng chung lại gồm có hai mươi bốn lần Bố-tát, và được gọi là Bố-tát ngày 14, Bố-tát ngày 15 và trung gian Bố-tát. Khi Tỳ-kheo làm lễ Bố-tát, nếu Tăng không hòa hợp (nên không Bố-tát được) mà có một Tỳ-kheo xướng lên rằng: "Đợi khi nào Tăng hòa hợp sẽ Bố-tát" (thì Tăng không phạm tội). Nếu không có một Tỳ-kheo nào xướng như thế, thì Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đến 15 ngày mà Tăng không hòa hợp thì đến ngày kế tiếp phải Bố-tát. Nếu ngày kế tiếp cũng không hòa hợp thì ngày thứ hai cho đến ngày thứ mười hai phải Bố-tát. Nếu ngày thứ mười hai cũng không hòa hợp thì đến ngày thứ mười ba phải Bố-tát. Nếu kỳ Bố-tát đó chỉ có 14 ngày, thì ngày thứ 13 không được trung gian Bố-tát, mà phải dồn vào ngày 14 Bố-tát chung một lần. Ngày Bố-tát đó cũng gọi là trung gian Bố-tát, và cũng gọi là ngày Bố-tát chính thức. Nếu gặp tháng đủ (30 ngày), thì đến ngày thứ 13 có thể làm trung gian Bố-tát khi mà Tăng chúng hòa hợp. Nếu Tăng chúng bất hòa thì không được Bố-tát vào ngày thứ 14 mà để sang ngày thứ 15 Bố-tát luôn một lần. Lần Bố-tát này vừa gọi là trung gian Bố-tát, vừa gọi là chính thức Bố-tát. Vì sao vậy? - Vì không được Bố-tát hai ngày liền nhau mà phải để cách một ngày Bố-tát. Đó gọi là trung gian Bố-tát. (Nếu trường hợp) đáng Bố-tát vào ngày thứ 14 thì không nên dời lại ngày 15 mới Bố-tát, trái lại đáng Bố-tát vào ngày thứ

15 thì cũng không được Bố-tát vào ngày 14. Nhưng nếu có lý do chính đáng thì có thể Bố-tát được. Hoặc ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trung gian Bố-tát, đều gọi là thuyết (giới). Nếu nói rằng tôi bỏ sự thuyết giới ấy, thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo khác cũng đều có sự thuyết giới. Nếu thực sự muốn bỏ sự thuyết giới ấy, giả vờ nói: "Tôi bỏ sự thuyết giới của ngoại đạo", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ thuyết giới", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ cọng trú?

Cọng trú gồm có hai loại: (1) Thanh tịnh cọng trú. (2) Tương tợ cọng trú.

Thanh tịnh cọng trú là: Tăng chúng đều thanh tịnh, cùng nhau Bố-tát, đó gọi là thanh tịnh cọng trú.

Tương tợ cọng trú là: Không thanh tịnh mà làm ra vẻ thanh tịnh để cùng với người thanh tịnh làm lễ Bố-tát, đó gọi là tương tợ cọng trú. Hai loại thanh tịnh cọng trú và tương tợ cọng trú đều được gọi là cọng trú. Nếu nói rằng: "Tôi bỏ cọng trú", thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo cũng có sự cọng trú. Nếu thật sự muốn bỏ sự cọng trú ấy, giả vờ nói: "Tôi bỏ sự cọng trú ấy", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. (**237a**) Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ cọng trú" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí điên cuồng nói bậy bạ rằng: "Tôi bỏ cọng trú", thì không có tội.

Thế nào là bỏ cọng lợi?

Cọng lợi gồm có hai loại: (1) Pháp lợi; (2) Y thực lợi.

Pháp lợi là: Thọ tụng, thưa hỏi.

Y thực lợi là: Cùng nhận một sự bố thí.

Pháp lợi và Y thực lợi này nói chung là Cọng lợi. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ những thứ lợi này" thì gọi là bỏ giới. Ngoài ra như bỏ Phật đã nói rõ ở trên. Nếu nói: "Tôi bỏ pháp lợi" tức là bỏ giới, nhưng nếu chỉ nói: "Tôi bỏ y thực lợi", thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Tôi bỏ y thực lợi của quá khứ, vị lai", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các hàng ngoại đạo cũng có cọng lợi. Nếu thực tình muốn bỏ thứ cọng này, giả vờ nói: "Tôi bỏ thứ cọng lợi kia", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ cọng lợi" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì tâm trí cuồng điên nói bậy bạ rằng: "Tôi bỏ cọng lợi", thì không có tội.

Thế nào là bỏ Kinh luận?

Các Kinh luận gồm có chín bộ loại. Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ Kinh luận này", thì gọi là bỏ giới. Nếu nói: "Tôi bỏ Kinh luận quá khứ, vị lai", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dùng văn chương thi hóa lời Phật dạy để ngâm ca xướng tụng, rồi nói: "Tôi bỏ lời Phật dạy trong những xướng tụng ấy", thì gọi là bỏ giới.

Các hàng ngoại đạo cũng có Kinh luận. Nếu thực sự muốn bỏ thứ Kinh luận này, và nói: "Tôi bỏ Kinh luận của họ" thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa rằng: "Tôi bỏ Kinh luận", thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng loạn nói bậy bạ rằng: "Tôi bỏ Kinh luận", thì không phạm tội.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi bỏ Phật, Phật bỏ tôi, tôi lìa Phật, Phật lìa tôi, tôi xa Phật, Phật xa tôi, tôi chán Phật, Phật chán tôi, tôi thôi Phật, Phật thôi tôi..." như vậy đều gọi là bỏ giới. Hoặc là bỏ Kinh luận cũng như thế, đều gọi là bỏ giới.

Không phải bỏ giới: Nếu vì giận dữ, vì bốc đồng mà nói, hoặc nói một mình, hoặc nói mà không rõ, hoặc nhân tranh luận hoặc tưởng tượng một mình mà nói, hoặc nói với người không hiểu, hoặc nói với người ngủ, hoặc nói với người điên, hoặc nói với người đang khổ não. (**237b**) hoặc nói với trẻ con, hoặc nói với phi nhân, hoặc nói với súc sinh v.v. nói trả giới trong những trường hợp như thế thì không gọi là bỏ giới.

Giới yếu kém: Người ấy suy nghĩ: "Chi bằng ta bỏ Phật, Pháp, Tăng, bỏ luôn Kinh luận." Lại suy nghĩ: "Ta nên làm Sa-di, làm người thế tục, làm ngoại đạo." Người này tâm niệm, miệng nói, nhưng chưa quyết định hướng đến người khác nói, đó gọi là giới yếu kém. Nếu người này nói ra về giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc người ấy tâm niệm miệng nói: "Chi bằng ta bỏ Phật..." cho đến nói: "Chi bằng ta làm người thế tục như trước", lại nói: "Ta bỏ Phật là tốt nhất" cho đến nói: "Ta sống lại đời sống thế tục là tốt nhất", đó gọi là giới yếu kém. Nếu nói lên giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là giới yếu kém.

Hành dâm: Cùng với người nữ có sinh mệnh hành dâm tại ba chỗ (âm hộ, hậu môn và miệng), lúc bắt đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc, đó gọi là sự hành dâm. Nếu Tỳ-kheo giới yếu kém, hành dâm thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người phụ nữ đang sống hay chết, tại ba chỗ như trên, lúc đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc nếu hành dâm với loài phi nhân nữ, súc sinh cái trong các trường hợp như trên, cũng phạm tội như vậy, không được cùng sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người nam còn sống hay đã chết, loài phi nhân nam còn sống hay đã chết, loài súc sinh đực còn sống hay đã chết, tại hai chỗ (hậu môn và cửa miệng) và vào ba giai đoạn đầu, giữa và cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người hoàng môn (lại cái) còn sống hay đã chết, loài phi

nhân hoàng môn, còn sống hay đã chết, loài súc sanh hoàng môn còn sống hay đã chết, tại hai chỗ, vào ba giai đoạn, mà cảm thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với thân con voi, ngựa đến thân con gà nhỏ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thân con voi nhỏ, cho đến thân con gà lớn, thì phạm tội Ba-la-di. Thế nên nói" cho đến cùng với súc sinh phạm tội Ba-la-di."

Ba-la-di: Đối với chánh pháp tâm trí bị lui sụt, đọa lạc không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Như vậy là đối với các trí như vị trí, đẳng trí, tha tâm trí, khổ tập tận đạo trí, tận trí, vô sinh trí, đều bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đạt được, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

(**237c**) Ba-la-di còn có nghĩa là: Những tội đã phạm không chịu phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đem cái tâm nhiễm ô để xem phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu mắt thấy họ, tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như cả hai lõa thể chạm xúc nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu như nam căn đưa vào nữ căn, dù chỉ chạm nhau như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu nam căn lớn, tuy đút vào nhưng chỉ ở ngoài mé nữ căn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Có những chúng sinh chỉ có một đường, vừa dùng để ăn uống, vừa để đại tiểu tiện, hoặc còn sống, hoặc là đã chết, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ mà cảm thấy lạc thú trong ba giai đoạn đầu, giữa và cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt dọc thành hai phần mà (Tỳ-kheo) hành dâm nơi mỗi phần, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đem buộc cho dính lại thành một rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt làm ba phần: thượng, trung, hạ, mà Tỳ-kheo đến hành dâm hai phần thượng và hạ thì phạm tội Ba-la-di. Nếu hành dâm ở phần

trung thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu hành dâm với thân của một người nữ bầm xanh, sình chương, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân ấy đã hư hoại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thân ấy còn toàn vẹn nhưng đã phơi khô, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu đem dầu hay nước tẩm ướt làm cho tươi nhuận, nguyên vẹn, rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Còn như đem tẩm ướt mà rã ra rồi hành dâm, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Còn như hành dâm vào những đốt xương dính vào nhau đầy máu huyết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào những đốt xương khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào tượng phụ nữ bằng gỗ đá, hay bằng hình vẽ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trả giới, không nói không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không nói trả giới, cũng không nói không trả giới, rồi làm người thế tục, thì tùy theo sự vi phạm mà như pháp trị tội, hoặc làm ngoại đạo cũng như thế.

Khi hành dâm nếu một người lõa thể, một người có y phục, hoặc cả hai cùng lõa thể, nếu nam căn vào trong nữ căn ngang mức bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không cho ai biết, rồi mặc đồ thế tục và phạm tội, thì tùy theo sự vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo cưỡng dâm Tỳ-kheo-ni, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cảm thấy khoái lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cảm thấy khoái lạc cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cùng hành lạc với Tỳ-kheo, thì cả hai cùng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành lạc với Sa-di, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, và Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo hành lạc với người thế tục, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, nhưng người thế tục (**238a**) không phạm. Đối với ngoại đạo cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm với ba chủng loại: Người, phi nhân, súc sinh, với ba giới tính: Nữ, nam, hoàng môn, tại ba chỗ: Cửa miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: đang thức, lúc ngủ, hoặc thây chết, đều phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ, điên cuồng hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, rồi Tỳ-kheo hay biết và có khoái lạc trong ba giai đoạn đầu, giữa hay cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, Tỳ-kheo liền hay biết, nhưng lúc đầu không thấy khoái lạc, song lúc giữa và lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Giá như Tỳ-kheo lúc đầu, lúc giữa không thấy khoái lạc, nhưng lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Trái lại, nếu cả ba giai đoạn: Đầu, giữa và cuối đều không thấy khoái lạc thì không có tội.

Thế nào gọi là cảm thấy khoái lạc?

Thế nào gọi là không cảm thấy khoái lạc? Khoái lạc nghĩa là như người đói mà được các thức ăn ngon, vì người ấy xem thức ăn là khoái lạc nhất. Hoặc như người đang khát mà được các thức uống bổ dưỡng, vì người ấy xem thức uống là lạc thú nhất. Dục lạc (cái vui của nhục dục) cũng như thế.

Không cảm thấy khoái lạc nghĩa là: Ví như người đang sạch sẽ mà dùng các thứ xác chết buộc vào trên cổ, hoặc như phá vỡ mụt nhọt, hay bị thanh sắt nóng đốt thân; không thấy khoái lạc cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm trong các trường hợp: Hoặc do mua dâm, hoặc do thuê bao, hoặc vì ân nghĩa mà được, hoặc do quen biết mà được, hoặc do đùa cợt mà được, hoặc do thách thức mà được đều phạm tội Ba-la-di. Nếu vì tâm trí điên cuồng không hay biết, thì không có tội. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới cụ túc trước chúng Tăng hòa hợp, không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi (Tăng chúng) mà***

hành dâm, thậm chí hành dâm với súc sinh thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Bấy giờ đức Thế Tôn ở tại thành Tỳ-xá-ly. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ nửa thân người, ngày 12 tháng thứ năm của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo, vì trưởng lão Da-xá con của Ca-lan-đà mà chế giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

*

(Hết giới thứ 1 của bốn giới Ba-la-di)

2. TRỘM CẮP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Lúc bấy giờ con của người thợ gốm là trưởng lão Đạt-nị-già (Sudinna) đi quyên góp về xây cất tăng phòng cao lớn, trang nghiêm đẹp đẽ, rồi điêu khắc, chạm trổ hoa văn, lại dùng dầu thơm rưới lên nền có màu sắc lưu ly, và bày biện (**238b**) các thức ẩm thực.

Bấy giờ có vị Trưởng lão Tỳ-kheo đến, hỏi Đạt-nị-già: "Trưởng lão bao nhiêu tuổi?" Đạt-nị-già đáp: "Tuổi chừng đó." Khách Tỳ-kheo nói: "Thầy còn nhỏ, tôi nên ở trong phòng này." Thế rồi Đạt-nị-già nhường phòng lại cho thượng tọa ở rồi đi khuyến hóa về cất một căn phòng thứ hai. Lại một trưởng lão Tỳ-kheo khác đến, thầy cũng nhường phòng như trước, rồi đi quyên góp xây cất căn phòng thứ ba. Lần này cũng có một trưởng lão Tỳ-kheo khác đến, và thầy cũng nhường phòng như hai lần trước.

Khi ấy, Đạt-nị-già suy nghĩ: "Ta trải bao gian khổ xây phòng, nhưng không được ở, vậy ta phải tìm cây gỗ và nhân công ở đâu để xây lại căn phòng khác? Ta bị mưa gió nóng lạnh, muỗi ruồi

làm khốn đốn, nên tìm cách xây được căn phòng vừa mới hoàn thành, thì kẻ khác đã chực sẵn như mèo rình chuột, vừa làm xong là đoạt mất. Vậy phải làm sao đây?" Bèn suy nghĩ: "Ta vốn là thợ khéo, lại có sức lực, ta nên xây một căn phòng bằng gạch trên tảng đá đen bên hang núi của các vị tiên nhân, rồi nung cho chín để ở." Khi Đạt-nị-già suy nghĩ thế rồi, bèn xây một căn phòng bằng gạch trên tảng đá đen bên hang núi các tiên nhân, rồi nung chín thành ngôi nhà, đồng thời chạm trổ và đặt các cánh cửa, chỉ trừ cánh cửa, then cửa và giá áo, ngoài ra các cái khác đều được nung chín, màu sắc đỏ au như Ưu đàm bát.

Lúc bấy giờ, sau cơn mưa trời tạnh. Đức Thế Tôn đang đi kinh hành bên triền núi Kỳ-xà-quật. Với Phật nhãn đức Như Lai không việc gì chẳng thấy, không có sự gì chẳng nghe, không có điều gì chẳng biết, vì nhân duyên ấy, ngài muốn thuyết khế kinh để cho giới luật được tồn tại lâu dài. Do đó tuy biết, ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Trên tảng đá đen bên hang núi của các tiên nhân, có vật gì giống như hoa Ưu Đàm Bát kia vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Đạt-nị-già trước kia đi khuyến hóa về làm tăng phòng rồi điêu khắc chạm trổ cực kỳ trang nghiêm, khi hoàn thành thì có vị thượng tọa đến chiếm lấy, thầy bèn làm cái thứ hai, thứ ba, lại cũng bị chiếm lấy như trước. Thế nên, giờ đây thầy mới xây riêng một căn phòng bằng ngói nung chín có màu sắc đẹp đẽ như hoa Ưu Đàm Bát trên tảng đá đen, bên hang núi của tiên nhân kia vậy."

Bấy giờ đức Thế tôn bèn bảo A-nan đem y đến cho ngài, A-nan liền đem y dâng lên đức Như Lai. Thế rồi, Thế Tôn khoác y, đi đến chỗ tảng đá đen bên hang núi của các tiên nhân. Vì đức Thế Tôn đã thành tựu tối thắng các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi (nên thoạt hiện một cách tự nhiên) không cần phải dụng tâm. Vì sao vậy? - Vì công đức của hạnh nghiệp tự nhiên thù thắng nên chư Thiên, Phạm vương không thể sánh bằng, như trong Kinh Oai Nghi đã mô tả đầy đủ. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng oai nghi thù thắng đi

(**238c**) đến căn phòng gạch của Đạt-nị-già. Thiên thần bèn làm cho cánh cửa tự mở, tuy căn phòng nhỏ hẹp, nhưng đức Như Lai đi vào tự nhiên, không thấy nhỏ hẹp chút nào. Khi đức Như Lai vào phòng của Đạt-nị-già xong, bèn dùng bàn tay vàng sờ vào vách tường, nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy hãy xem Tỳ-kheo Đạt-nị-già đã trang hoàng căn phòng này thật khéo léo. Tỳ-kheo Đạt-nị-già này tuy đã xuất gia mà vẫn chưa chán nghề nghiệp thuở trước, chưa chịu từ bỏ những kỹ thuật khéo léo, lại còn nung đốt căn phòng làm thương tổn chúng sinh. Vả lại căn phòng gạch này khi lạnh thì rất lạnh, khi nóng thì rất nóng, có thể làm hư mắt người ta, khiến người ta sinh nhiều bệnh. Vì có những điều bất tiện như thế, nên các thầy phải phá nó đi, chớ để sau này các Tỳ-kheo lại bắt chước làm kiểu phòng ấy. Vì tương lai các Tỳ-kheo sẽ bảo: "Khi Thế Tôn còn tại thế, các Tỳ-kheo mỗi người tự làm phòng để ở, do đó cần phải phá bỏ." Thế rồi các Tỳ-kheo bèn đập bỏ căn phòng ấy.

Đức Thế Tôn sai đập bỏ căn phòng ấy xong, liền trở về núi Kỳ-xà quật.

Khi trưởng lão Tỳ-kheo Đạt-nị-già từ thôn xóm khất thực trở về, thấy căn phòng mình đã bị đập phá, bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Ai phá căn phòng này?"

Lúc ấy có một Tỳ-kheo nói với Đạt-nị-già: "Nay thầy được lợi ích rất lớn. Vì sao vậy? - Vì đức Như Lai đã hạ cố đến căn phòng này, thầy nhờ căn phòng này mà được hưởng phước lây. Đức Thế Tôn biết thời, nên đã sai người đập phá căn phòng này."

Khi Đạt-nị-già nghe như thế, thầy hoan hỷ cực độ, nên suốt cả bảy ngày quên hết đói khát. Nhưng sau bảy ngày, thầy liền suy nghĩ: "Ta biết tìm cây gỗ ở đâu để xây lại căn phòng mới, viên quan kiểm lâm của Vua Bình Sa là Da-thâu-đà vốn là bạn cũ của ta, ắt có cây gỗ." Nghĩ thế thầy bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà Da-thâu-đà, ủy lạo rằng: "Ông không bệnh, trường thọ chứ?

Tôi muốn cất một căn phòng mà chưa có cây gỗ, ông có thể ủng hộ cây gỗ được không?"

Viên đại thần đáp: "Nhà tôi không có cây, mà cây của vua cũng hết cả, khi nào gỗ chở đến tôi sẽ cấp cho thầy."

Đạt-nị-già liền nói: "Chớ nói như thế, lẽ nào cây của vua mà lại hết được?"

Viên đại thần lại nói: "Tôn giả, nếu thầy không tin, hãy thân hành đến xem."

Bấy giờ, Đạt-nị-già liền đến chỗ vườn cây, trông thấy năm cây gỗ lớn, bèn chọn lấy hai cây đem về làm phòng. Theo phép cũ của Tiên vương, cứ năm ngày vua phải đi tuần hành quan sát kho lẫm, kho chứa vàng bạc, nơi cung nhân cư trú, các chuồng voi ngựa, nhà để xe cộ, kế tiếp đi đến nơi cất các cây gỗ, vua thấy thiếu mất hai cây liền hỏi Da-thâu-đà: "Các cây gỗ vì sao (**239a**) thiếu mất hai cây?"

Da-thâu-đà đáp: "Tâu Đại vương! Tất cả đều còn chứ đâu có thiếu."

Như vậy vua đi tuần hành lần thứ hai, lần thứ ba, đều hỏi Da-thâu-đà vì sao thiếu mất hai cây gỗ, nhưng Da-thâu-đà đều tâu với vua còn đủ chứ không có thiếu. Vua liền nổi giận nói: "Chẳng phải ngươi đã đốt cây gỗ của ta sao? Hay là đã đem gỗ của ta cho nước địch?"

Liền ra lệnh quan hữu ty bắt trói Da-thâu-đà. Da-thâu-đà bị bắt trói liền suy nghĩ: "Gần đây tôn giả Đạt-nị-gia từng đến xin cây mà không có, hay đã lấy đi chăng?"Ông liền sai người tín cẩn đến hỏi Đạt-nị-gia: "Thưa tôn giả, thầy từng đến xin cây, vậy thầy có lấy hai cây gỗ kia đi chăng?"

Tôn giả đáp: "Có lấy đi."

Da-thâu-đà lại sai sứ giả đến bạch với tôn giả rằng: "Vì tôi để mất cây gỗ nên bị bắt giam vào ngục, tôn giả hãy dùng phương tiện gì biện bạch khỏi phạm lỗi để tôi sớm ra khỏi lao tù."

Đạt-nị-gia liền thông báo lại rằng: "Ông chỉ cần tâu với vua là trước đây Tỳ-kheo Đạt-nị-già có đến tôi xin cây, hay là ông ta đã lấy đi, xin hãy ra lệnh tra xét."

Vua liền sai sứ gọi Đạt-nị-già, Đạt-nị-già bèn đến triều khuyết. Trưởng lão Đạt-nị-già vốn là người đoan chính, dung nghi thanh nhã, trời, người đều tôn kính, nên vua vừa trông thấy đã hoan hỷ, bèn hỏi thầy: "Tôn giả Đạt-nị-già, thầy không lấy hai cây gỗ của trẫm đấy chứ?"

Tôn giả đáp: "Tôi có lấy."

Vua hỏi: "Tôn giả, vì sao người xuất gia mà lấy của người ta không cho?"

Đạt-nị-già nói: "Đại vương trước kia đã hứa cho chứ không phải không cho."

Vua hỏi: "Ai cho?"

Đáp: "Đại vương chứ ai?"

Vua nói: "Thưa tôn giả! Trẫm là vua một nước nhiều việc bận rộn nên không nhớ được, xin thầy nhắc lại, thế nào là hứa cho?"

Đạt-nị-già nói: "Đại vương không nhớ khi mới lên ngôi, các quan đại thần trong triều tập họp lại, đi lấy nước của các ao hồ sông suối đem về rưới lên các mầm cây và dược thảo, lại đổ nước ấy trong ngà voi trắng, đem rót trên đầu đại vương, tôn đại vương lên ngôi báu. Lúc ấy chính từ miệng đại vương tuyên bố: "Nay trẫm là vua, tất cả cây cỏ, nước non trong xứ đều bố thí Sa-môn Bà-la-môn." Đó là vua đã cho chứ không phải không cho."

Vua nói: "Tôn giả! Trẫm cho những vật trong nước không có người gìn giữ, chứ không phải cho những vật có người gìn giữ. Sao thầy dám xuyên tạc những lời trước kia, ngụy biện, vu khống ta."

Thế rồi, vua hạ lệnh thả Da-thâu-đà ra. Những Bà-la-môn và thiện nam tín nữ trong nước đều hoan hỷ, nói: "Lành thay tôn giả Đạt-nị-già, đã dùng phương tiện trí tuệ khéo léo đáp đại vương mà thoát khỏi tội hôm nay. Vua lại còn hạ lệnh cho Da-thâu-đà an ổn ra khỏi lao ngục."

Khi ấy, tại thành Vương-xá, những kẻ không tin Phật pháp đều oán hận bảo: "Vì sao ông Sa-môn Đạt-nị-già này lại tráo trở, ngụy biện lừa dối nhà vua để (**239b**) khỏi mắc tội? E rằng từ nay trở đi những cây cối trong nhà của chúng ta cũng sẽ bị ông ta lấy đem đi, rồi bảo rằng trước kia vua đã hứa cho. Phải làm sao đây? Đó là kẻ đồi bại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo liền đem những lời dị nghị ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Tỳ-kheo Đạt-nị-già đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi: "Có thật thầy lấy cây gỗ của nhà vua chăng?"

Đáp: "Có lấy thật!."

Phật nói: "Thầy là người xuất gia, vì sao vật của người ta không cho mà lấy?"

Đạt-nị-già đáp: "Bạch đức Thế Tôn, trước kia nhà vua có hứa cho chứ không phải không hứa cho."

Phật hỏi: "Vua cho thế nào?"

Đạt-nị-già đáp: "Lúc vua mới lên ngôi, chính miệng vua tuyên bố: Những nước non cây cỏ trong quốc độ, trẫm bố thí cho Sa-môn, Bàlamôn. Đó là hứa cho chứ không phải không hứa cho."

Phật bảo: "Ngươi là người ngu, vua cho vật không có người giữ, chứ không phải cho vật có người giữ. Nay những cây gỗ của vua

có người giữ vì sao bảo là cho? Đạt-nị-già, thầy há không nghe ta dùng nhiều nhân duyên khiển trách trường hợp không cho mà lấy, và khen ngợi các trường hợp cho rồi mới lấy đó sao? Vì sao nay thầy lại lấy của không cho? Đạt-nị-già, đây là điều phi pháp, phi luật, chẳng phải điều ta dạy, việc này không thể làm tăng thêm thiện pháp được."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo Đạt-nị-già này lần đầu tiên phạm tội không cho mà lấy?"

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ông Đạt-nị-già này không những ngày nay đầu tiên phạm tội không cho mà lấy, mà trong đời quá khứ cũng đã từng phạm tội không cho mà lấy đầu tiên."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Đã từng có thế sao?"

Phật nói: Đúng như thế. Trong thời quá khứ, lúc thế giới này đến thời kiếp tận, các chúng sinh sinh lên cõi trời Quang Âm. Khi thế giới hoàn thành, chư thiên cõi Quang Âm xuống lại thế gian. Lúc ấy chư Thiên đi lại trên hư không lấy niềm vui thiền định làm thức ăn, du hành đây đó, sống đời khoái lạc, thuần thiện, ánh sáng của thân thể chói rọi lẫn nhau, không cần đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Khi ấy chúng sinh không có ngày đêm, mặt trời, mặt trăng và năm tháng thời tiết. Khi nước vừa rút thì vị đất liền sinh như vị cam lồ của cõi trời. Bấy giờ có một chúng sinh thô tháo tham trước mùi vị, nếm vị đất đó thấy có mùi thơm ngon lành, tâm liền sanh đắm trước. Các chúng sinh khác bắt chước nếm thử cũng cảm thấy ngon lành, nên cùng lấy ăn. Ăn rồi thân thể nặng nề, mất hết thần thông, ánh sáng tắt ngúm. Do đó, thế gian mới có mặt trời, mặt trăng, tối sáng, năm tháng, thời tiết.

Bấy giờ, chúng sinh chẳng phải nam, chẳng phải nữ, nhưng ăn vị đất lâu ngày hình sắc thành ra sai khác. Những ai ăn nhiều thì sắc thân thô xấu. Những ai ăn ít thì sắc thân đoan chính. Khi ấy, những kẻ đoan chính tự cho mình hơn người (**239c**), thấy kẻ

thô xấu khinh họ không bằng mình, ỷ mình đoan chính nên sinh ra kiêu mạn. Vì sinh tội kiêu mạn, nên vị đất biến mất. Thế rồi, đất sinh ra váng mùi vị như mật nguyên chất. Bấy giờ các chúng sinh đều kinh hãi than rằng: Vì sao vị đất bỗng nhiên biến mất, bèn cùng nhau ăn váng đất, những ai ăn nhiều thì hình sắc thô xấu, còn những kẻ ăn ít thì thân sắc đoan chính. Rồi những kẻ đoan chính tăng thêm kiêu mạn. Vì thế váng đất lại biến mất. Khi váng đất đã biến mất, đất lại sinh ra loại nấm, vị như đường phèn. Những ai ăn nhiều thì xấu xí, những kẻ ăn ít thì đẹp đẽ, lại cũng như trước, người đoan chính sinh kiêu mạn càng nhiều. Do thế, nấm đất lại bỗng nhiên biến mất, và đất tự nhiên hóa sinh lúa nếp. Loại lúa nếp này lấy rồi lại có, không hề tăng giảm, lấy buổi mai, buổi chiều lại có, lấy buổi chiều, buổi mai có lại.

Các Tỳ-kheo nên biết! Khi chúng sinh thấy váng đất biến mất liền sinh sầu não, giống như kẻ trượng phu bị sầu não bức bách. Mặc dù bị sầu não bức bách, nhưng họ không biết là tội lỗi do mình. Thế rồi chúng sinh lại ăn loại lúa nếp tự nhiên ấy. Ăn lúa nếp lâu ngày dần dần sinh ra thân hình nam nữ, rồi nhiễm trước nhau, khởi lên dâm dục, thành ra vợ chồng. Các chúng sinh khác thấy thế giận dữ đánh đập, ném đá, nguyền rủa: "Vì sao thế gian bỗng sinh ra điều phi pháp? Việc ấy không phải là pháp được sinh lên trời. Từ nay trở đi phải tu thiện pháp để được sinh lên trời."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Khi ấy, những chúng sinh làm điều phi pháp cảm thấy hổ thẹn, ô uế, ẩn thân, không xuất đầu lộ diện, hoặc một ngày, hai ngày cho đến một tháng. Vì thế, họ xây cất phòng ốc để che khuất kín đáo mà làm điều phi pháp. Lúc ấy, chúng sinh bèn suy nghĩ: "Vì sao chúng ta phải lao khổ suốt ngày, chi bằng buổi sớm ta lấy lúa về dùng cho cả ngày mai." Thế rồi, ngày mai có chúng sinh khác đến rủ người ấy cùng đi lấy lúa, thì người ấy đáp: "Hôm qua tôi đã lấy luôn phần hôm nay rồi." Kẻ kia nói: "Đó quả là điều tốt." Rồi bắt chước lấy một lần cho cả mười ngày, hai mươi ngày, một tháng, hai tháng. Vì lòng tham tích trữ,

nên lúa nếp sinh ra trấu cám, chỗ nào buổi mai gặt thì buổi chiều không sinh lại.

Bấy giờ chúng sinh bèn hội họp lại bảo nhau: "Chúng ta ngày xưa đều tự nhiên bay đi, lấy niềm vui thiền định làm thức ăn, khoái lạc, an ổn, rồi chúng ta ăn vị đất, nhưng lúc ấy trong chúng sinh chưa có ác pháp. Đến khi ác pháp sinh khởi thì vị đất biến mất, và sinh ra váng đất. Váng đất sinh ra có hương vị thơm ngon. Tiếp đến đất sinh ra nấm, rồi lại sinh ra lúa nếp vẫn còn thơm ngon. Ngày nay chúng ta phải lập ra định chế, chia những đám ruộng lúa ra thành bờ ngăn (**240a**) rồi giao cho nhau: Phần này thuộc về tôi, phần kia thuộc về bạn. Nhưng bấy giờ có một chúng sinh suy nghĩ thế này: "Nếu ta tự lấy phần mình thì không bao lâu sẽ hết, vậy ta hãy lấy một ít phần của người để phần của ta còn được lâu dài." Những chúng sinh khác thấy chúng sinh này lấy của không cho, liền nói với y: "Vì sao vật người ta không cho mà ngươi lại lấy? Chớ có làm thế nữa." Nhưng chúng sinh ấy vẫn lấy, không thôi, chúng sinh kia bắt gặp y lấy trộm đến lần thứ ba liền bảo: "Vì sao chúng sinh lại có kẻ trộm cắp cho đến lần thứ ba? Từ nay trở đi, nếu ngươi còn trộm cắp thì phải bị trừng phạt." Thế nhưng y vẫn không chừa. Người kia bắt được liền dùng roi gậy đánh y thật đau, y bị ăn đòn, bèn kêu lớn: "Vì sao thế gian lại có ác pháp này, khiến chúng sinh này dùng gậy đánh chúng sinh kia?" Khi ấy người đánh liền ném gậy xuống đất và cũng kêu lớn lên: "Vì sao thế gian lại có thứ ác pháp ấy? Do đâu có người lấy vật mà người ta không cho, và càng nói càng không biết xấu hổ?" Từ đó thế gian có ba ác pháp xuất hiện, đó là:

1. Không cho mà lấy.
2. Nói dối.
3. Dùng gậy đánh người.

Đó là ba ác pháp xuất hiện sớm nhất.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Khi ấy, chúng sinh lấy của không cho đầu tiên nào phải ai khác mà chính là Tỳ-kheo Đạt-nị-già con người thợ gốm này đây. Ông Đạt-nị-già này từ quá khứ lấy của không cho đầu tiên, ngày nay ở trong chánh pháp của ta, lại cũng là người đầu tiên lấy của không cho."

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền bạch với Phật rằng: "Vì sao Tỳ-kheo Đạt-nị-già này mang ân Thế Tôn được khoác áo cà sa khiến vua Bình Sa thấy thầy liền thả đi?"

Phật dạy: "Đúng thế. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Đạt-nị-già đây không những ngày nay nhờ khoác áo Cà-sa của Ta nên thoát khỏi tội mà trong thời quá khứ cũng đã từng mang ơn ta mới được độ thoát. Đó là: Lúc bấy giờ, bên bờ đại hải có một cây Viên bà lợi, trên cây có con chim cánh vàng (Kim sí điểu) to lớn, hai cánh cách nhau tới 150 do tuần. Cách sống của chim cánh vàng là dùng rồng làm thức ăn. Khi muốn ăn thịt rồng trước hết nó dùng đôi cánh quạt mạnh trên biển, khiến nước hai bên vẹt ra, thân rồng xuất hiện, liền bắt lấy ăn thịt. Theo truyền thống của loài rồng là sợ chim cánh vàng, nên thường tìm áo cà sa treo ở trước cửa cung. Chim thấy áo cà sa sinh lòng cung kính, nên không tiến vào bắt ăn các loài rồng ấy. Bấy giờ con chim đó dùng cánh quạt nước biển, thấy được rồng muốn ăn thịt. Con rồng rất kinh hãi liền dùng chiếc cà sa khoác lên đỉnh đầu, lên bờ chạy trốn. Lúc đó nó (**240b**) hóa ra hình người, con chim cánh vàng hóa ra hình Bà-la-môn đuổi theo con rồng đó và mắng rằng: "Sao ngươi không chịu vứt cà sa đi?" Con rồng đó sợ chết, giữ chặt chiếc áo cà sa, dù chết cũng không chịu bỏ.

Bấy giờ trên hải đảo có vị tiên nhân cư trú, nơi đây có hoa trái sum xuê, lúc đó con rồng quá sợ hãi mà không có chỗ nào nương tựa, liền chạy đến chỗ cư trú của tiên nhân. Vị tiên nhân này có uy đức lớn nên chim cánh vàng không dám bay vào mà từ xa hướng đến tiên nhân đọc kệ:

"Con rồng ác nghiệt kia
Giờ biến thành thân người
Sợ chết, cầu thoát thân
Mà chạy vào trong đó.
Vì đức hạnh Tiên nhân,
Ta phải nhịn đói khát,
Thà chịu mất thân mạng,
Không dám ăn rồng này."

Lúc bấy giờ tiên nhân suy nghĩ: "Ai đọc kệ đó nhỉ?" Liền đứng dậy bước ra xem, thấy con rồng kia bị chim cánh vàng rượt đuổi, bèn đọc kệ đáp chim cánh vàng:

"Mong ngươi được trường thọ,
Thường hưởng thiên cam lồ.
Nhịn đói không ăn rồng
Vì lòng kính trọng ta."

Khi ấy chim cánh vàng nhờ uy đức của tiên nhân liền hết đói khát. Thế rồi, tiên nhân nói với chim cánh vàng: "Vì ngươi phạm giới nên mới mang thân chim này, nay lại muốn sát sinh, ắt phải đọa địa ngục (nói rõ mười điều ác cho đến tà kiến). Như vậy, mỗi mỗi đều phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ và A-tu-la. Nay ngươi nên cùng với con rồng này sám hối để sau này không thù oán nhau nữa." Chúng liền sám hối. Sám hối xong mỗi con đều trở về chỗ cũ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Thuở ấy vị tiên nhân kia nào phải ai khác mà chính là ta đây. Con chim cánh vàng là vua Bình Sa, con rồng là Tỳ-kheo Đại Nị Già, Tỳ-kheo Đạt-nị-già này ngày xưa nhờ áo cà sa của ta mà thoát nạn chim cánh vàng, ngày nay cũng lại nhờ áo cà sa của ta mà thoát khỏi vương nạn."

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch với Phật rằng: "Vì sao vua Bình Sa kia thấy Tỳ-kheo Đạt-nị-già này liền thả cho đi?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay mà xưa kia đã từng có vậy."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?"

Phật dạy: "Đúng thế. Trong thời quá khứ có một vị vua khéo giáo hóa người và vật khiến chúng lìa xa thù oán, ngũ cốc phồn vinh, dân chúng an lạc, sống có tiết nghĩa ân tình, nhân đức hiếu thuận, bố thí, giữ giới. Bấy giờ trong nước ấy có tên thợ săn voi, nhà y nghèo cùng, lại sinh nhiều (**240c**) con, các con y xúm nhau đòi ăn, đòi uống. Khi ấy vợ người thợ săn bảo chồng: "Nhà ta nghèo khổ cơ hàn thế này, sao ông không siêng năng làm ăn?"

Thợ săn trả lời: "Bà muốn tôi làm việc gì?"

Người vợ đáp: "Vì sao không siêng năng làm nghề của ông cha?"

Khi ấy người thợ săn bèn chuẩn bị lương thực mang theo dụng cụ săn bắn, đến bên núi Tuyết Sơn. Lúc bấy giờ ở chân núi có con voi trắng sáu ngà, vốn là một con voi có trí tuệ, liền suy nghĩ: "Vì lý do gì mà người ta muốn giết hại ta? Tại vì muốn lấy ngà nên họ mới giết ta?" Lúc ấy, con voi này khi tổ tiên chết, nó nhặt lấy ngà đem cất tại một chỗ, đến khi cha chết nó lại lấy ngà đem cất cùng chỗ, rồi tách khỏi đàn voi, thong thả đi kiếm ăn. Bấy giờ người thợ săn lần lượt đi săn bắn, qua các núi rừng, rồi đến chỗ voi. Voi thấy thợ săn liền khởi suy nghĩ: "Kẻ trượng phu kia là ai mà lại đến đây, há chẳng phải là thợ săn muốn đến giết ta sao?" Liền đưa vòi lên tỏ ý vời gọi thợ săn.

Thợ săn vốn là người hiểu rõ tướng voi, nên nghĩ: "Nếu ta không đến nó ắt hại ta", liền đến chỗ voi, voi liền hỏi: "Ngươi đến đây cầu việc gì?" Thợ săn bèn nói ý mình với nó. Voi liền nói: "Nếu ngươi không đến đây nữa, ta sẽ cung cấp cho ngươi những gì ngươi cần." Thợ săn liền đáp: "Nếu ta được những gì cần thiết, ta còn không

muốn ra khỏi cửa, huống gì đến đây." Bấy giờ voi liền đem ngà của tổ tiên ra cho thợ săn. Thợ săn nhận được rồi, hoan hỷ trở về cố quốc. Thế rồi y liền suy nghĩ: "Ta đem số ngà voi này về lo việc ăn mặc cho vợ con ắt chẳng được bao lâu, ta nên tìm chỗ vắng vẻ mà ở để hưởng thụ một mình. Nếu ta khỏe mạnh sẽ có vợ con. Thế rồi một buổi sáng y cần có năm tiền, bèn mang số ngà voi kia đến một quán rượu.

Khi chủ quán thấy y đi đến, liền suy nghĩ: "Người này từ đâu đến vậy? Hôm nay ta ắt được một ít lợi lộc", bèn sửa giường nệm để đợi người vác ngà voi kia đến, rồi mời y ngồi. Thừa lúc y đang đói khát, chủ quán liền chuốc rượu cho say, say rồi bèn bắt ghi sổ nợ, số rượu thì rất ít mà số nợ thì rất nhiều.

Ngày hôm sau tỉnh cơn say, y lại đòi rượu, chủ quán rượu liền nói: "Vì sao ông còn đòi nữa? hình như ông chưa hiểu, vậy chúng ta hãy cùng nhau tính sổ, nếu còn thừa tiền tôi sẽ đưa rượu." Nhưng khi kế toán xong, không còn dư một đồng ten. Anh ta bèn suy nghĩ: "Ta biết tìm đâu để có được tiền? hay là ta lại vào núi giết con voi ấy."

Rồi y trở vào núi đến chỗ voi ở, con voi thấy tên thợ săn, liền hỏi: "Vì sao ông còn đến đây?"

Người thợ săn bèn nói rõ ý mình với voi. Voi liền hỏi: "Những thứ tôi đưa ông lúc trước, giờ đây đâu rồi?"

Y đáp: "Vì tôi vô trí sinh ra phóng dật, nên đã dùng hết."

Voi (**241a**) nói: "Nếu ông không còn phóng dật nữa, tôi sẽ cho ông." Thợ săn đáp: "Ta đã hối hận việc làm trước đây, lẽ nào còn tái phạm nữa. Nếu voi cho tôi lần nữa, tôi sẽ không ra khỏi cửa."

Voi lại đem số ngà của cha ra cho y. Thợ săn liền mang ngà voi về nước và cũng đem dùng bừa bãi hết sạch như trước, rồi suy nghĩ: "Ta phải giết con voi ấy, lần này tới đó đừng để nó thấy ta."

Vào tháng cuối xuân khí trời nóng bức con voi ấy xuống ao tắm, tắm xong lên bờ, đang nằm nghỉ mát dưới gốc cây, trước dàn voi. Bấy giờ thợ săn bèn dùng tên có tẩm thuốc độc bắn con voi ấy, trúng vào vai nó, máu chảy thấm vào mắt. Con voi ngẩng đầu lên xem thử tên từ đâu đến, liền thấy tên thợ săn, bèn từ xa trách y: "Ngươi là quân tệ ác, lòng dạ phản phúc, sức ta giờ đây có thể giết ngươi, nhưng vì kính trọng cà sa nên ta không giết, bèn gọi thợ săn: "Người hãy đến nhanh cắt lấy ngà ta." Rồi dùng thân che chở tên thợ săn ấy không để những con voi khác làm hại.

Lúc ấy trong rừng có một thiên thần, đọc bài kệ rằng:

"Trong không lìa si ám.
Ngoài giả mặc cà sa.
Lòng ôm ấp độc hại,
Không đáng mặc cà sa.
Thiền định trong vô tướng
Vĩnh viễn diệt phiền não.
Nội tâm thường vắng lặng
Mới đáng mặc cà sa."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Con voi chúa thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là vua Bình Sa ngày nay vậy. Còn người thợ săn ngày nay là Tỳ-kheo Đạt-nị-già này đây. Vua Bình Sa vì tôn kính cà sa nên đã tha thứ người thợ săn ấy. Ngày nay lại vì Đạt-nị-già khoác y cà sa nên không bắt tội."

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Vì sao vua Bình Sa này thấy Đạt-nị-già uy nghi tề chỉnh, không khởi ác tâm?

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vua Bình Sa này không chỉ có ngày nay mới quý trọng uy nghi, không khởi ác tâm mà ngày xưa đã từng có."

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn đã từng có vậy sao?"

Phật dạy: Đúng như vậy. Trong thời quá khứ có một vì vua khéo giáo hóa dân chúng và mọi vật xa lìa sự thù oán, trong nước ngũ cốc phồn thịnh, dân chúng an lạc, sống có tiết nghĩa ân tình, nhân đức, hiếu từ, bố thí, giữ giới. thương yêu khắp người vật. Nhà vua có một thớt voi tên là Đại Thân, hung ác khó điều phục, uy danh vang khắp xa gần. Khi ấy các nước địch không nước nào đương cự nổi, nếu có chỗ nào phải chinh phạt thì quân giặc bị đánh tan tành. Nếu có kẻ nào vi phạm vương pháp đều khiến con voi này dùng chân chà chết. Vì vua có voi ấy nên ỷ lại không sợ. (Nhưng một hôm) chuồng voi bị hư (**241b**) voi liền phóng chạy đến bên cạnh một Tinh xá trông thấy các Tỳ-kheo uy nghi tề chỉnh, lại nghe lời tụng kinh rằng: "Sát sinh chịu khổ, không giết được phước." Voi nghe lời Kinh ấy, tâm trở nên nhu thuận. Bấy giờ có kẻ phạm pháp đáng tội chết, vua ra lệnh quan hữu ty khiến voi chà chết. Nhưng voi dùng mũi ngửi tội nhân ba lần mà không có tâm giết hại. Viên quan giám sát liền đem việc ấy tâu lên vua rằng: "Voi thấy tội nhân chỉ dùng mũi ngửi mà hoàn toàn không có ý giết hại."

Vua nghe lời ấy rất lấy làm ưu sầu, bèn hỏi lại viên quan kia rằng: "Voi làm như thế thật sao?"

Vị ấy đáp: "Thật như thế!."

Vua liền mời các đại thần đến họp bàn việc ấy. Đại thần tập họp xong, vua nói với họ: "Nay ta làm vua, không ai thắng nổi, chính là nhờ con voi này, nay bỗng nhiên nó lại như thế, phải làm sao đây?"

Bấy giờ các đại thần bèn gọi người quản tượng đến hỏi: "Gần đây, chuồng voi bị hư, voi đi đến nơi nào?" Người quản tượng đáp: "Đến tại tinh xá." Các đại thần vốn thông minh, đoán rằng: "Con voi này thấy các Tỳ-kheo, ắt được nghe Kinh pháp, tâm ý nhu nhuyến, không muốn sát sinh", bèn bảo tên quản tượng làm các nhà đánh bạc, lò sát sinh, nhà tù bên cạnh chuồng voi, để voi ở gần các nhà ấy. Thế rồi, voi thấy người dánh bạc thì mở to mắt,

múa tay, cất tiếng kêu lớn, thấy kẻ đồ tể thì tàn sát súc vật, thấy chủ ngục thì tra khảo kềm kẹp. Voi thấy thế rồi, ác tâm sinh trở lại, nên khi vua bỏ tội nhân vào chuồng, voi liền chà chết. Lúc ấy chư Thiên liền nói kệ:

"Voi thấy thiện giới Luật,
Và nghe điều tội phước
Thiện tâm ngày đêm tăng
Ác hạnh dần tiêu diệt
Gần gũi các nghiệp ác,
Tâm trước khởi trở lại,
Chỉ có bậc minh trí
Thẳng tiến không lùi bước."

Phật bảo với các Tỳ-kheo: Con voi lớn thuở ấy nào phải ai khác đâu mà chính là vua Bình Sa. Vua Bình Sa trong đời trước từng thấy Tỳ-kheo uy nghi tề chỉnh, lòng sinh yêu mến hoan hỷ, nay Thấy Đạt-nị-già uy nghi tề chỉnh, lòng rất hoan hỷ nên không hỏi tội. Khi ấy Đạt-nị-già liền suy nghĩ: "Ta làm căn phòng thứ nhất thượng tọa lại đến chiếm lấy, đuổi ta ra đi, đến căn phòng thứ hai, thứ ba ta cũng bị đuổi đi, sau đó ta xây căn phòng bằng gạch nung thì Thế Tôn sai người đập phá. Ta lại lấy cây gỗ của vua đem về làm nhà, lại bị đức Thế Tôn khiển trách đủ điều. Thật là uổng công gian khổ, chẳng được việc gì! Từ nay trở đi ta chấm dứt việc lao khổ này, nương vào (**241c**) chúng Tăng, vui khổ qua ngày."

Thế rồi Đạt-nị-già tập hạnh vô sự, ngày đêm tinh thành chuyên tu đạo nghiệp, được các thiền định, thành tựu đạo quả, đắc sáu thần thông, biết mình đã chứng, lòng đầy phấn khích. Đạt-nị-già nói kệ an ủi mình:

"Muốn hưởng niềm vui thiền,
Phải tu pháp Sa-môn.
Giữ thân mạng tịnh chỉ

Như rắn vào hang chuột.
Muốn hưởng niềm vui thiền,
Phải tu pháp Sa-môn.
Y thực cần cho mình,
Xấu tốt tùy theo chúng.
Muốn hưởng niềm vui thiền
Phải tu pháp Sa-môn.
Nhất thiết phải tri túc
Chuyên tu đạo Niết bàn."

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo: Hãy bảo các Tỳ-kheo xung quanh thành Vương-xá tập họp hết về đây, dù cho những ai đã nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy của mà người ta không cho thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Vương-xá (nói rộng như trên) có một Tỳ-kheo, đến giờ liền khoác y, cầm bát vào thành tìm y phấn tảo, nhưng tìm khắp thành Vương-xá mà không được rồi đến ven sông tìm cũng không được, cuối cùng đến chỗ giặt y để tìm. Khi ấy, người thợ giặt, giặt áo xong, liền đến một chỗ khuất nói chuyện với người khác.

Bấy giờ Tỳ-kheo đến chỗ phơi áo, có một người đàn ông khác trông thấy bèn nói với người thợ giặt: "Người xuất gia kia muốn lấy áo của ông đấy." Thợ giặt hỏi: "Người xuất gia ấy theo đạo nào?"

Đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích."

Người thợ giặt nói: "Khỏi lo, Sa-môn con dòng họ Thích hễ của người ta không cho thì không lấy." Trong chốc lát, Tỳ-kheo bèn lấy áo ấy. Và người đàn ông kia lại nói với người thợ giặt: "Sa-môn đã lấy áo của ông rồi."

Người thợ giặt cũng vẫn đáp như trước: "Khỏi lo Sa-môn con dòng họ Thích hễ của người ta không cho thì không lấy."

Khi ấy thầy Tỳ-kheo bèn kẹp những chiếc áo đó mang đi. Người đàn ông kia lại nói với người thợ giặt: "Sa-môn con dòng họ Thích đã đem áo đi rồi."

Người thợ giặt liền đi tới xem, thì than ôi! Quả thật thầy đã lấy mang đi, bèn chạy theo gọi: "Tôn giả, tôn giả, áo ấy là của vua, của đại thần kia, của trưởng giả nọ, cái nào cũng có chủ cả, xin tôn giả chớ mang đi."

Tỳ-kheo cố ý mang đi, không chịu bỏ lại.

Người thợ giặt liền mắng: "Kẻ Sa-môn có hành vi bại hoại, nếu không trả áo cho ta, ta sẽ trị ngươi như vậy, như vậy đó."

Tỳ-kheo cầm áo về đến trú xứ, mở cửa, để áo lên giường, (**242a**) đóng cửa, ngồi thiền.

Bấy giờ người thợ giặt mang theo năm thứ tro đi vào Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo khác đang đi kinh hành trước cửa tinh xá Kỳ-hoàn, hoặc đang tịnh tọa tư duy liền hỏi người thợ giặt: "Vì sao ông kêu la om sòm như thế?" Người thợ giặt đáp: "Hôm nay tôi bị mất áo, vì sao lại hỏi tôi vô cớ kêu la lớn tiếng?"

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ai lấy áo của ông đem đi."

Y đáp: "Người xuất gia."

Họ bèn hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?"

Y đáp: "Dòng họ Thích."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Mang đến nơi nào?"

Người thợ giặt đáp: "Vào trong phòng này."

Các Tỳ-kheo liền đến phòng đó, dùng tay gõ cửa, gọi: "Trưởng lão hãy mở cửa."

Nhưng vị Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. Có một Tỳ-kheo trẻ tuổi, khỏe mạnh, liền bẻ cửa bước vào. Thầy Tỳ-kheo trộm áo cảm thấy hổ thẹn, cúi đầu không nói. Thế rồi thầy Tỳ-kheo trẻ bèn vào giường lấy các chiếc áo đem ra, đếm số áo đó, rồi hỏi người thợ giặt có đúng với số áo của anh mất hay không, thì anh đáp là đúng và trả cho anh. Bấy giờ các Tỳ-kheo nói với người thợ giặt: "Trong hàng xuất gia có nhiều loại người, ví như bàn tay có năm ngón không đều, nhiều họ xuất gia làm sao đồng nhất được. Ông là người hiền lành tốt bụng, chớ nên loan truyền với người khác. Chúng tôi sẽ bạch việc này lên Thế Tôn."

Khi ấy người thợ giặt bèn nói: "Sa-môn dòng họ Thích có thế lực của vua chúa, thế lực của Bà-la-môn, trưởng giả, trước đây tôi chỉ sợ mất hết các áo này, bây giờ đã lấy lại được, còn nói với ai làm gì."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo kia đến, và họ đã gọi đến. Rồi Phật hỏi thầy: "Ông có thật như vậy chăng?"

Thầy đáp: "Thật như vậy, bạch Thế Tôn!."

Phật bảo thầy: "Ông không nghe ta chế giới không được trộm cắp hay sao?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con biết Phật có chế giới, nhưng con tưởng rằng chỉ cấm nơi thành ấp thôn xóm, chứ không biết là cấm cả những nơi hoang vắng."

Phật nói: "Kẻ ngu kia, lấy vật không cho ở trong làng xóm và lấy vật không cho ở nơi hoang vắng, khác nhau chỗ nào? Đây là việc làm phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để làm tăng thêm thiện pháp."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn? Vì sao người thợ giặt ấy không tin người khác để bị thầy Tỳ-kheo kia lừa gạt."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người thợ giặt ấy không những đời này không tin (người khác) mà trong đời quá khứ cũng đã không tin."

Các Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như thế sao?" Phật dạy: "Đúng như thế. Trong đời quá khứ có hai Bà-la-môn đến Nam Thiên trúc học Kinh luận của ngoại đạo, học xong trở về nước. Trên đường trở về, họ đi qua vùng hoang dã nơi đồng cỏ dê ăn, thấy hai con dê đực đang húc nhau giữa đường, phép giao đấu của loài dê là tiến tới rồi lùi lại (**242b**). Khi ấy, người đi đầu vì ngu si, cả tin, bèn nói với người bạn đi sau: "Hãy xem hai con dê đực kia vốn là loài thú bốn chân mà cũng biết lễ nhượng, thấy ta là Bà-la-môn trì giới, đa văn, nên từ từ nhường bước, mở đường." Người bạn đi sau nói: "Này Bà-la-môn, ông đừng coi thường, tin bậy mà bảo loài dê có tình hữu nghị. Đó không phải là nó kính trọng mở đường tránh ta, mà vì pháp giao đấu của dê là tiến tới rồi lại lùi."

Người đi trước không tin lời ấy, nên bị dê húc phải, làm thương tích hai đầu gối, nằm lăn quay trên đất, bất tỉnh, áo mũ bị rách nát tả tơi. Lúc ấy có vị Thiên đọc lên bài kệ như sau:

"Y phục rách tả tơi,
Bị thương nằm bất động.
Người ngu chuốc họa này,
Là do tin mù quáng."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thuở ấy, người Bà-la-môn đi đầu nào phải ai khác đâu mà chính là người mất áo hôm nay. Còn người Bà-la-môn đi sau thuở ấy chính là người đàn ông báo tin kia vậy. Con dê đực thuở ấy nay chính là Tỳ-kheo trộm áo. Người mất áo vì trước kia không tin nên bị dê húc, nay cũng không tin nên lại mất áo, ngày xưa đã không tin lời nói của người đi sau, nay tuy chân thành thông báo lại cũng không tin." Thế rồi, Phật truyền

lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh thành Xá-vệ đều phải tập họp lại, những ai nghe rồi, cũng phải nghe lại nữa:

Nếu Tỳ-kheo ở nơi xóm làng, chỗ vắng vẻ, của người ta không cho mà lấy trộm đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng).

*

Hết quyển thứ hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 3

BA-LA-DI
(tiếp theo)

2. TRỘM CẮP (tiếp theo)

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Vương-xá, nói rộng như trên, phép trị người có tội trong thời tổ tiên của Vua Bình Sa như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì dùng tay tát vào đầu để nghiêm trị, kẻ ấy sẽ thấy xấu hổ chẳng khác gì sắp chết, về sau không dám tái phạm.

Đến đời ông nội của vua, phép trừng trị kẻ ăn trộm như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì bắt đứng một chỗ, dùng tro rắc chung quanh, một lát thì thả đi, kẻ trộm đó sẽ rất xấu hổ (**242c**) chẳng khác gì người chết, về sau không tái phạm.

Đến đời phụ vương của vua, phép trị tội kẻ ăn trộm như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi thành, kẻ trộm sẽ lấy làm xấu hổ như người chết không khác, về sau không dám tái phạm nữa.

Còn phép trị tội của vua Bình Sa như sau:

Nếu có kẻ ăn trộm thì đuổi ra khỏi nước, lấy đó làm điều răn đe.

Lúc bấy giờ có kẻ trộm đã bị trục xuất bảy lần, nhưng y vẫn trở lại cướp của giết người nơi các thành ấp. Khi ấy có người bắt được y trói lại, đem đến vua, tâu với vua rằng: "Tên trộm này đã bị trục

xuất bảy lần, nhưng vẫn trở lại cướp của giết người tại các thành ấp, xin đại vương hãy nghiêm trị thật nặng"

Vua nói với vị đại thần ấy: "Đem tên trộm này đi, tùy theo tội mà trừng trị."

Vị đại thần bèn tâu: "Thôi đi, thôi đi đại vương. Đại vương hãy tự trị tội y, chớ giao cho hạ thần. Hạ thần sao dám chuyên quyền qua mặt đại vương. Mệnh lệnh của đại vương giờ đây vẫn được tôn trọng, phép trừng trị phát xuất từ đại vương, hãy còn lâu dài."

Vua nói: "Hãy đem hắn ra chặt ngón tay út đi."

Bấy giờ quan hữu ty liền cấp tốc đem tội nhân ra chặt ngón tay út của hắn, vì sợ vua sẽ sinh hối hận. Khi ấy vua liền cắn thử ngón tay mình bèn cảm thấy đau đớn không chịu nổi, liền sai người đến truyền lệnh cho đại thần rằng: "Chớ chặt ngón tay của hắn."

Vị đại thần bèn trả lời với vua: "Đã chặt ngón tay của hắn rồi."

Vua rất hối hận, âu sầu, liền tự nghĩ: "Ta nay chính là vị pháp vương cuối cùng, chứ chẳng phải là vị pháp vương đầu tiên. Phàm làm vua thì phải lo nghĩ đến dân chúng và muôn loài, chứ lẽ nào làm vua người ta mà lại chặt tay người ta."

Thế rồi, vua Bình Sa ra lệnh cấp tốc chuẩn bị xa giá đi đến Thế Tôn. Đến nơi, vua đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Phép trị những kẻ có tội của tằng tổ trẫm là dùng tay tát vào đầu, lần hồi trải qua các đời vua cho đến đời của trẫm, thì ác pháp mỗi ngày mỗi gia tăng, chánh lệnh dần dần suy giảm. Trẫm may mắn được làm vua, lại làm thương tổn đến thân người, tự trách mình vô đạo, thấy hổ thẹn, sợ hãi cực độ.

Phật hỏi: "Đại vương! Theo phép nước thì kẻ ăn trộm bao nhiêu tiền bị tội tử hình? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì bị trục xuất ra khỏi nước? Ăn trộm bao nhiêu tiền thì dùng đến hình phạt roi gậy?"

Bấy giờ vua Bình Sa bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Cứ một kế lợi sa bàn là mười chín tiền chia làm bốn phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình."

Khi ấy, đức Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp giảng dạy cho vua Bình Sa, khiến vua được lợi ích, hoan hỷ, những mối hối hận phiền muộn liền trừ diệt, vua bèn lễ Phật, rồi từ biệt.

Vua đi không lâu sau đó, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tòa mà ngồi, rồi nói với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi vua Bình Sa đến chỗ ta, đảnh lễ ta rồi ngồi sang một bên, bạch với ta rằng: "Bạch Thế Tôn! Phép trị tội của tằng tổ Trẫm là dùng tay tát vào đầu tội nhân, và chánh lệnh giáo hóa được kế thừa cho đến đời của Trẫm." Ta liền hỏi nhà vua: "Đại vương, ăn trộm bao nhiêu (**243a**) tiền thì đáng tội chết? Cho đến ăn trộm bao nhiêu thì bị hình phạt roi gậy?" Vua nói: "Cứ một kế lợi sa bàn là 19 tiền, trong 19 tiền chia là 4 phần, nếu ăn trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì đáng tội tử hình." Ta vì vua Bình Sa tùy thuận thuyết pháp, sau khi nghe pháp, nhà vua đã hoan hỉ, từ giã ra đi. Này các Tỳ-kheo! Từ nay phải biết: Cứ 19 đồng tiền xưa được gọi là một kế lợi sa bàn, chia một kế lợi Sa bàn ra làm 4 phần, nếu lấy trộm một phần (4,75 tiền) hay hơn một phần thì phạm tội Ba-la-di."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao vua Bình Sa sợ tội đến như thế?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Vua Bình Sa không những đời này sợ tội như vậy, mà trong đời quá khứ cũng đã từng sợ tội."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?"

Phật dạy: "Đúng như vậy! Trong đời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Ca-thi. Khi ấy, có một vị vua tên là Danh Xưng. Nhân dân trong nước lúc bấy giờ đều dùng những kỹ thuật khéo léo để sinh sống như kỹ nhạc, ca xướng, hoặc dùng các dụng cụ để trang sức như vàng bạc, châu báu vòng hoa anh lạc, hoặc

điều khiển voi ngựa và làm các đạo thuật, thứ gì cũng khéo léo, không gì là không tinh xảo, dùng những phương tiện ấy làm kế sinh sống. Nếu kẻ nào không biết những kỹ thuật khéo léo, thì được xem là người ngu. Hoặc có kẻ nào ăn trộm cũng được gọi là người ngu si. Bấy giờ, có một người ăn trộm, dân chúng biết được, trói y đem lên vua, thưa rằng: "Tâu đại vương! Kẻ này làm việc ngu si, xin đại vương trừng trị hắn." Vua nói: "Thôi đi, thôi đi, người đời kẻ thì mất của, kẻ thì ăn trộm, lẽ nào ta lại thêm việc ác nữa." Thế rồi vua suy nghĩ: "Ta dùng phương tiện gì đây để chỉnh đốn quốc pháp, khiến cho quần thần không biết (việc này), ác pháp không sinh khởi?" Vua lại suy nghĩ: "Từ xưa đến nay, giờ đây mới có người ngu. Những người ngu không đến ngàn người. Ta phải sai kẻ hầu cận đem người ngu này giao lại cho một vị đại thần và bảo khi nào đủ ngàn người ngu, sẽ bảo lại cho ta hay, ta sẽ mở một đại hội." Viên đại thần ấy bèn nhận lấy người ngu, rồi giam vào một chỗ. Liền sau đó, vua suy nghĩ: "Kẻ ngu si kia chưa chết đói chăng?", liền bảo quan đại thần dẫn kẻ ngu đến, lại nhắc nhở ông: "Phải khéo trông nom người này chớ để cho y đau ốm, đem y vào sống trong vườn Vô ưu của ta, rồi cung cấp các thứ ngũ dục âm nhạc tiêu khiển." Viên đại thần tuân chỉ, đối xử với người ngu ấy như những gì vua đã căn dặn.

Lúc bấy giờ lại có một kẻ ngu khác nghe vua bắt được một người ngu, rồi đưa vào an trí trong vườn Vô Ưu, cung cấp các thứ kỹ nhạc, bèn dẫn thân đến chỗ quan viên đại thần thưa: "Tôi là kẻ ngu si." Viên đại thần vì muốn tuân thủ mệnh lệnh của vua, liền đưa y vào (**243b**) trong vườn Vô Ưu. Làm như vậy không bao lâu thì đã đủ số ngàn người. Viên đại thần liền tâu lên nhà vua: "Những kẻ ngu nay đã được ngàn người, bệ hạ muốn làm gì thì hãy làm gấp." Vua nghe lời tâu ấy rất đổi ưu sầu, tự nhủ: "Từ xưa lại đây lâu xa lắm mới có một kẻ ngu si, vì sao ngày nay trong thời gian không lâu mà đã có cả nghìn người, hay là đời mạt thế ác pháp tăng trưởng?" Thế rồi, vua ra lệnh quần thần quét dọn, đốt hương, treo tràng phan bảo cái, sửa soạn các thức ẩm thực ngon

lành tại vườn Vô Ưu. Các bề tôi bèn tuân lệnh làm đầy đủ các việc mà vua đã ban truyền. Khi ấy, vua cùng các quan, 18 bộ chúng du hành đến vườn Vô Ưu. Đến nơi, an tọa xong, vua hỏi các quan: "Những người ngu nay ở đâu hãy gọi cả đến đây." Những người ngu đều đến đầy đủ. Vua thấy những người ngu sống lâu trong vườn quần áo dơ bẩn, móng tay dài, tóc rối, liền ra lệnh các quan: "Dẫn những người ngu này đi tắm rửa, thay quần áo mới, hớt tóc, cắt móng tay, rồi mới dẫn đến đây." Khi họ đã trở lại, vua liền ban các thức ăn uống, đem cho của cải và các thứ cần thiết, rồi truyền lệnh: "Các ngươi hãy trở về nhà lo cung cấp cho cha mẹ, siêng lo nghiệp nhà, chớ có ăn trộm nữa." Bấy giờ, những người ngu nghe vua truyền lệnh, đều hoan hỷ phụng hành. Thế rồi, nhà vua ấy bèn đem ngôi báu truyền lại cho thái tử, xuất gia, vào núi, học pháp của tiên nhân. Khi ấy nhà vua đọc kệ:

"Xưa tìm ngàn người ngu,
Mở đại hội khó được.
Vì sao chẳng bao lâu,
Đã đủ số ngàn người?
Ác pháp ngày đêm tăng
Đại hội từ nay thôi.
Muốn lìa xa kẻ ác
Giờ đây nên xuất gia."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Quốc vương Danh Xưng thuở ấy đâu phải người nào khác mà chính là vua Bình Sa ngày nay vậy. Vua Bình Sa từ xưa đến nay thường sợ tội báo, ngày nay làm vua lại tiếp tục sợ tội."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao vua Bình Sa ra lệnh thi hành rồi, phút chốc lại hối hận?

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vua Bình Sa này không những ngày nay ra lệnh thi hành rồi liền hối hận, mà trong đời quá khứ cũng đã từng hối hận."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như thế sao?"

Phật dạy: "Đúng như vậy. Trong đời quá khứ, có một người Bà-la-môn không có tiền của, lấy nghề ăn xin để nuôi sống. Vợ người Bà-la-môn này không sinh con, nhưng trong nhà có con Na Câu La (?) sinh được một con. Vì không có con nên người Bà-la-môn này xem (**243c**) con của Na Câu La như con trai của mình, đồng thời con của Na Câu La cũng xem ông Bà-la-môn như cha mình.

Bấy giờ ông Bà-la-môn đến chơi nhà người khác, nếu được sữa, bơ và bánh thịt đều đem về nhà cho Na Câu La. Sau đó vợ ông bỗng nhiên mang thai, khi đủ mười tháng liền sanh một con trai, bèn suy nghĩ: "Có lẽ nhờ Na Câu La sinh ra đứa con tốt lành (Cát tường) nên ta mới có con." Khi ấy, Bà-la-môn muốn đi khất thực, bèn bảo vợ: "Nếu bà có đi đâu, phải đem con theo, cẩn thận chớ để nó ở nhà." Người vợ Bà-la-môn cho con ăn xong bèn đến nhà láng giềng mượn cối giã gạo. Lúc ấy đứa con bà ăn tô lạc có mùi hương thơm, nên một con rắn độc đánh hơi bò đến, hả miệng nhả độc, muốn giết đứa bé. Na Câu La liền suy nghĩ: "Cha ta đã ra đi, mẹ ta cũng không có ở nhà, thế mà con rắn độc này lại muốn giết em ta, bèn đọc kệ:

"Độc xà, Na-câu-la
Chim bay và chim kêu
Sa-môn, Bà-la-môn
Mẹ kế, con đời trước
Thường mang lòng ganh ghét,
Muốn hãm hại lẫn nhau."

Khi ấy Na-câu-la liền giết rắn độc, chặt làm bảy khúc, rồi suy nghĩ: "Nay ta giết rắn để em được sống, cha mẹ biết được ắt khen thưởng ta, rồi lấy máu bôi lên miệng ra đứng chờ ngoài cửa, mong

rằng cha mẹ thấy thì sẽ rất vui mừng." Lúc ấy ông Bà-la-môn đang trên đường trở về, từ xa trông thấy bà vợ ở nhà hàng xóm, bèn nổi giận mắng: "Ta đã bảo bà có đi đâu thì đem con theo, vì sao lại đi một mình?"

Rồi ông định vào nhà, thì thấy trong miệng Na-câu-la có máu, liền tự nghĩ: "Vợ chồng ta đi vắng, Na-câu-la ở nhà đã bắt giết con ta ăn thịt rồi chăng?", bèn nổi giận nói: "Uổng công ta nuôi đồ súc vật này, đến nỗi bị nó làm hại", liến sấn đến dùng gậy đập chết Na-câu-la. Đoạn bước vào trong nhà, thì thấy đứa con trai đang mút tay vui đùa, lại thấy bên cạnh nó bảy khúc thân con rắn độc. Thấy sự việc như thế, ông rất ưu sầu, hối hận, bèn tự thống trách mình: "Na-câu-la này rất có nhân tình, đã cứu mạng con ta, mà ta không xem xét cẩn thận, lại đập chết nó, thật đáng xót thương. Thế rồi, ông nằm lăn quay trên đất bất tỉnh. Lúc ấy có vị thiên nhân đang ở trên không trung đọc kệ:

"Nên quan sát cẩn thận,
Chớ nổi giận bốc đồng
Lìa bạn tốt đáng yêu,
Hại oan người lương thiện
(**244a**) Ví như Bà-la-môn."
Giết Na-câu-la nọ."

Phật bảo các Tỳ-kheo: "Người Bà-la-môn thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Vua Bình Sa. Ngày xưa ông đã từng làm việc khinh suất rồi sau lại hối hận, ngày nay cũng lại như vậy." Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo đang sống xung quanh thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi, cũng phải nghe lại, bèn chế giới như sau:

Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng hoặc nơi vắng vẻ mà lấy vật người ta không cho, bị vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc tẫn xuất, nói: Ôi nam tử! Ngươi là kẻ trộm chăng? là kẻ ngu

si chăng? Tỳ-kheo ăn trộm như vậy thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với tăng chúng).

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Là người đã thọ giới cụ túc, đã khéo thọ giới cụ túc, tuổi đủ hai mươi, không bị các già nạn, thọ giới trước mười vị thầy (thập sư) hay hơn mười vị, trải qua một lần tác bạch và ba lần Yết-ma. Đó gọi là Tỳ-kheo.

Xóm làng: (tụ lạc) là nơi có những bờ tường vây quanh hoặc có những hàng rào, bờ sông, kinh đào vây quanh.

Xóm làng còn có nghĩa: Vùng đất thả trâu, khu đất trẻ em vui chơi, bãi đậu xe, chỗ trâu nằm nghỉ, nới có từ bốn căn hộ và một chỗ chất củi cũng gọi là xóm làng.

Chỗ đất trống (không địa): Chỗ đất trống là nơi ở ngoài bờ tường, ngoài thiền viện, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Ranh giới của xóm làng: Không xa chỗ ở, nơi đường cái người ta đi lại, gọi là ranh giới của xóm làng, như ở bên ngoài bờ đê, hào mương, hàng rào, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Vùng đất thả trâu: Ở ngoài xa ranh giới của nhà cửa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Những công viên trẻ em vui chơi: Là chỗ ở rất xa bãi xe, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là vùng đất trống.

Bãi đậu xe (doanh xa tụ lạc): *Những* bãi đậu xe cách xa xóm làng, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Chỗ trâu nằm nghỉ (ngưu miên tụ lạc): Ở bên ngoài rất xa nhà cửa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Xóm làng có từ bốn ngôi nhà và một chỗ để củi: Chỗ cách nhà cửa rất xa, trừ ranh giới của xóm làng, ngoài ra đều là chỗ đất trống.

Không cho: Hoặc là nam, hoặc là nữ, hoặc là kẻ hoàng môn phi nam phi nữ, hoặc là cư sĩ, hoặc người xuất gia, dùng tâm trộm cắp để lấy vật mà người ta không cho, thì tùy theo vật lấy trộm. Các vật ấy có tám loại: (1) Thời dược (thuốc dùng đúng thời); (2) Dạ phần dược (thuốc dùng ban đêm); (3) Thất nhật dược (thuốc dùng trong vòng bảy ngày). (4) Tận hình dược (thuốc dùng suốt đời); (5) Tùy vật (vật tùy thân); (6) Trọng vật (vật quan trọng); (7) Bất tịnh vật (vật không thanh tịnh); (8) Tịnh bất tịnh vật (vật vừa thanh tịnh vừa không thanh tịnh). Đó gọi là tám vật.

Lấy: Nghĩa là cầm vật dời khỏi chỗ cũ, đó gọi là lấy.

Tùy theo ăn trộm: Không giống như mười sáu trường hợp giám hộ, chẳng hạn lấy trộm của nhà vua một món tiền nhỏ (**244b**) để mua dưa ăn mà bị vua bắt giết. Vì vua không có phép nhất định mà tùy theo ý mình, hoặc ăn trộm chút ít mà bị giết, hoặc ăn trộm nhiều mà không bị giết. Như trường hợp đức Thế Tôn hỏi về pháp của vua Bình Sa sau đây: "Đại vương trị nước, ăn trộm chừng bao nhiêu tiền thì bị tử hình? Bao nhiêu tiền thì bị trục xuất? Bao nhiêu tiền thì bị đánh khảo?" Vua Bình Sa trả lời Phật: "Cứ 19 tiền là một kế lợi sa bàn, một kế lợi sa bàn chia làm bốn phần, nếu lấy một phần, hay hơn một phần, thì đáng tội chết. Nay tùy theo mức độ ăn trộm mà lấy đó làm chuẩn."

Vua: Nghĩa là Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ nhận chức làm vua.

Vua bắt: Vua sai người bắt, hoặc họ nắm tay, hoặc nắm các chỗ khác, thì gọi là bắt.

Giết: Kết liễu mạng sống thì gọi là giết.

Hoặc giam: Hoặc giam trong nhà, hoặc giam trong thành, hoặc giam trong thôn, hoặc gông cùm, hoặc xiềng xích, thì gọi là giam.

Tẫn xuất: Trục xuất ra khỏi xóm làng, trục xuất ra khỏi thành thị, trục xuất ra khỏi nước, thì gọi là tẫn xuất.

Than ôi, kẻ nam tử: Nếu Tỳ-kheo bị những lời khiển trách như: Ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ si mê, ngươi là kẻ ngu muội, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

Ba-la-di: Nghĩa là đối với giáo pháp, tâm trí bị lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả. Đó gọi là Ba-la-di. Như vậy cho đến tận trí, vô sinh trí, đối với các trí ấy bị lui sụt, đọa lạc, không được đạo quả, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là**:** Đối với đạo quả Niết bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đắc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là**:** Vi phạm giới không lấy trộm, lui sụt, đọa lạc, thì gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di lại còn có nghĩa là: Những tội vi phạm không thể phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Thời dược: Tất cả các rễ cây, tất cả các thứ ngũ cốc, tất cả các thứ thịt.

Rễ cây: Thuốc trị bệnh, rễ cỏ, rễ sen, rễ tre, rễ khoai nước, rễ nho, rẽ hành, thì gọi là rễ.

Ngũ cốc: Gồm mười bảy loại. Đó là: (1) Lúa; (2) Lúa đỏ; (3) Tiểu mạch; (4) Đại mạch; (5) Đậu nhỏ; (6) Đậu hồ; (7) Đậu lớn; (8) Đậu đăng; (9) Lúa tẻ; (10) Lúa mạ; (11) Mè; (12) Gừng; (13) Xà trí; (14) Ba tát đà; (15) Hạt cỏ lát; (16) Chỉ na câu; (17) Câu đà bà. Đó gọi là mười bảy loại mễ cốc.

Thịt: Thịt của các loài trên đất và dưới nước. Thế nào là loài vật ở dưới nước? Loài vật ở dưới nước là: Cá, rùa, đề di, chi la, tu la, tu tu la, tu tu ma la. Những loài ở trong nước có thể ăn thịt được như vậy gọi là các loài ở trong nước. Thế nào là loài vật ở trên đất? Loài vật ở trên đất là: Loài hai chân, bốn chân, không chân (**244c**), nhiều chân, như vậy đều gọi là loài vật ở trên đất. Các thức ăn bằng rễ, bằng hạt, bằng thịt như vậy đều thuộc về thời thực (thức ăn đúng lúc). Vì sao vậy? - Vì đúng giờ mới được ăn, không đúng giờ thì không được ăn, nên gọi là thời thực. Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm các thứ thuốc đúng thời (thời dược) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lay động vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ (năm tiền) thì phạm tội Ba-la-di.

Loại thuốc dùng ban đêm (dạ phần dược): Gồm 14 loại nước trái cây (tương) như sau: (1) Nước trái Am-la; (2) Nước trái lê; (3) Nước trái lựu; (4) Nước điện đa lê; (5) Nước nho; (6) Nước Ba lâu sa; (7) Nước kiền kiền; (8) Nước chuối; (9) Nước Kế già đề; (10) Nước kiết phả la; (11) Nước bù lung cừ; (12) Nước mía; (13) Nước Kha lê đà 14) Nước Khư ba lê.

Các loại nước này, nếu nhận được vào lúc tối thì uống vào lúc tối, nếu nửa đêm nhận được thì uống vào lúc nửa đêm, nếu cuối đêm nhận được thì uống vào lúc cuối đêm, hoặc trước bữa ăn nhận được để đến chiều tối uống, thì gọi là thuốc dùng ban đêm (dạ phần dược). Nếu Tỳ-kheo có tâm lấy trộm xúc chạm vào loại thuốc dùng ban đêm này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di.

Thuốc dùng trong bảy ngày: Sữa, dầu, mật, đường phèn, mỡ, sữa tươi.

Sữa: Các loại sữa như sữa bò, sữa trâu, sữa dê, sữa linh dương, sữa lạc đà v.v…

Dầu: dầu mè, dầu xà lách, dầu hoàng lam, dầu a-đà-tư, dầu tì-ma, dầu tỉ-lâu, dầu tỉ-châu-mạn-đà, dầu ca-lan-giá, dầu sa-la, dầu a-đề-mục-đa, dầu mạn-đầu, dầu đại-ma, và các loại dầu khác thì gọi là dầu.

Mật: Các thứ mật quân trà, mật bố để, mật ong ruồi, mật ong đất, đều gọi là mật.

Đường khối**:** Như đường bàn đà, đường na la, đường mạn xà, đường ma ha tì lê v.v. thì gọi là đường khối.

Mỡ: Như mỡ cá, mỡ gấu, mỡ bi, mỡ tu tu la, mỡ heo. Những thứ mỡ này không có xương, không có thịt, không có máu, không có mùi hôi, không phải thức ăn chính, nếu Tỳ-kheo bệnh nhận được thì cho phép dùng trong bảy ngày. Đó gọi là mỡ.

Sữa tươi: Như các thứ sữa tươi của bò, dê v.v. được lọc sạch, không phải thức ăn chính, nếu bỗng nhiên nhận được thì được phép uống trong bảy ngày. Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp, xúc chạm loại thuốc dùng trong bảy ngày, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động vật đó, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Thuốc dùng suốt đời: Ha lê lặc, Tỳ lê lặc, A ma lặc, cây lá lốt, tiêu, gừng, quả sống đời (trường thọ), quả đào tiên, quả vú sữa, quả đậu đỏ, quả Ba la tất đa, quả chuối, (bàn na); loại có năm rễ nhỏ, loại năm rễ lớn, (**245a**) tất cả các thứ muối, tất cả các loại tro trừ 8 loại tro, tất cả các thứ đất, trừ đường khối, đất sỏi; những loại thuốc này không phải là thức ăn.

Nếu vừa mới nhận thì Tỳ-kheo bệnh có thể để uống suốt đời. Đó gọi là loại thuốc uống suốt đời.

Nếu Tỳ-kheo với tâm trộm cắp xúc chạm loại thuốc dùng suốt đời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu di chuyển khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật tùy thân: Ba y, tọa cụ, y che ghẻ, áo mưa, bát, đại kiền tư, tiểu kiền tư, đãy đựng bát, túi đựng đồ tắm, đãy lọc nước, hai loại đai thắt lưng, dao cạo, muỗng bằng đồng, bát nhỏ, ống đựng kim, bình nước, cái gáo để tắm, bình đựng dầu, bình con, tích trượng, giày da, dù, quạt và các vật dụng cần thiết khác. Đó gọi là vật tùy thân. Lại có những vật tùy thân của người thế tục như khí giới, dao, gậy, quần áo và các vật dụng cần thiết khác của người bạch y cũng gọi là vật tùy thân.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động vật đó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật nặng (trọng vật): Như giường, vật dùng để nằm và các vật nặng khác.

Giường, vật dùng để nằm: Giường nằm, giường để ngồi, mền nhỏ, mền lớn, khúc gỗ, tấm ra, cái gối, và các vật nặng khác như các vật bằng đồng, bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch v.v…

Các vật bằng đồng: Bình đồng, nồi đồng, chảo đồng, muỗng đồng và các dụng cụ bằng đồng khác, gọi là dụng cụ bằng đồng.

Các vật bằng gỗ và tre: Hộp bằng gỗ, bình gỗ, chậu bằng gỗ, chén gỗ, thìa bằng gỗ, cái giỏ tre, chiếu tre, cái sọt bằng tre, và tất cả các vật bằng gỗ, bằng tre khác, gọi là các vật bằng gỗ và bằng tre.

Vật bằng đất: Từ cái vò lớn cho đến cái chén dùng làm đèn đều gọi là vật bằng đất, gạch.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp rờ vào các vật nặng ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật bất tịnh là: Tiền, vàng, bạc; vì Tỳ-kheo không được chạm đến nên gọi là vật bất tịnh (vật không tinh khiết).

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vật thanh tịnh và không thanh tịnh: Trân châu, lưu ly, ngọc trai, san hô, pha lê, xà cừ, mã não, ngọc bích. Vì các bảo vật ấy có thể rờ đụng mà không thể mang vào mình, nên gọi là vật thanh tịnh và không thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào vật thanh tịnh và không thanh tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có mười sáu loại vật khác: Đất, vật trong đất, nước, vật trong nước, thuyền, vật trong thuyền, xe, vật trên xe, loài bốn chân, (**245b**) vật ở trên loài bốn chân, loài hai chân, vật ở trên loài hai chân, loài không chân, vật ở trên loài không chân, hư không, vật ở trên hư không.

1. Thế nào là đất? Mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ thiết, mỏ bạch lạp, không thanh thư, đá vàng, đá diêm sinh, bụi, đất đỏ, đất trắng dẻo và các thứ đất thợ gốm dùng đều gọi là đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các loại đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

2. Vật ở trong đất: Nếu người ta chôn giấu các thứ vào trong đất như: Tiền, vàng, bạc, pha lê, ngọc trai, trân châu, xa cừ, mã não, bình sữa, bình dầu, bình đường khối và các loại cây, rễ, cành, lá, quả dùng làm thuốc v.v. cho đến tám vật cất giấu vào trong đất thì gọi là vật trong đất.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật trong đất ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

3. Nước: Nước gồm có mười loại: Nước sông, nước ao, nước giếng, nước đầm sâu có rồng ở, nước trong, nước suối nóng, nước không nhiễm bệnh, nước mưa đã lọc, nước trên không trung, nước đang chảy; có nơi thì nước rất quí, có nơi thì nước không quí, hoặc một đồng được bốn năm bình, hoặc đổi tất cả vật sở hữu mới được một bình, như ở gần thôn ấp thành thị mà có nước tốt, thì một đồng được năm sáu bình.

Như có người khách buôn phải đi qua những con đường xa xôi hoang vắng, hoặc năm do tuần, hoặc mười do tuần, cho đến năm trăm do tuần, trên đường đi không có nước, các vị khách buôn ấy đều phải đem nước theo, hoặc tự tìm lấy, hoặc phải mua lấy. Khi ấy có một khách buôn còn một ít nước, không đủ dùng, vì khát bức bách, suy nghĩ: "Nếu ta còn sống, sẽ kiếm ra tiền, còn nếu ta khát nước mà chết thì tiền dùng để làm gì?", bèn đem tất cả tài vật đổi lấy một bình nước. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi theo người khách buôn, người này thường cung cấp nước cho Tỳ-kheo; nhưng khi chưa đến nơi thì nước sắp hết, lúc ấy người khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Đường đi còn xa mà nước lại sắp hết, vậy xin hiến số nước này cho tôn giả, và số nước này để tôi uống." Tỳ-kheo phải lượng số nước mà khách buôn đã cho để dùng, nếu dấy tâm ăn trộm uống nhiều nước, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu khách buôn nói: "Nước tôi cung cấp cho tôn giả, xin chớ cho người khác", nhưng nếu lúc ấy có người già cả bệnh hoạn bị khát bức bách, đến Tỳ-kheo xin nước uống, vì lòng từ bi, Tỳ-kheo muốn cung cấp nước cho người bệnh ấy, bèn suy nghĩ: "Chủ nhân tuy đã nói như thế, nhưng người bệnh này đáng thương, nay ta nên đem nước cho ông." Nếu chủ nhân cũng có lòng chiếu cố, đồng ý, không khiển trách (**245c**) thì không phạm.

Có người dùng thuyền chở nước, Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp chạm vào nước trên thuyền của ông ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng bát hoặc gáo múc nước ấy mà chưa rời khỏi thuyền thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã mang nước đi mà thân thể và y phục đều rời khỏi thuyền, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo khoét bình chứa nước của người ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ống đút qua lỗ trống uống nước, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu thoắt uống thoắt nghỉ, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan giá.

Nếu đồ đựng nước trước đó được đậy nắp mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mở nắp ra thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đang rót nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Rót xong mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót nước, liền sanh tâm hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào lại trong bình, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu muốn kéo thuyền đi để lấy trộm nước, khi kéo thuyền tới, đuôi thuyền quá chỗ đầu thuyền thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc kéo

ngược thuyền về phía sau, khi đầu thuyền qua khỏi chỗ đuôi thuyền, hoặc kéo qua bên phải, khi bên trái thuyền qua khỏi chỗ bên phải, hay ngược lại, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu thuyền nhỏ dễ lay động mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp đụng vào thuyền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động nó thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu có người đắp bờ ngăn nước (chảy vào ruộng) mỗi đêm đáng giá một tiền cho đến 2,3,4,5 tiền mà Tỳ-kheo vì Phật Pháp Tăng khởi tâm trộm cắp phá hoại bờ của họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước chảy vào ruộng mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không muốn trực tiếp phá hoại mà dùng phương tiện kéo gạch, cây đi qua khiến cho bờ vỡ, nước chảy thì lúc kéo qua phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chảy vào ruộng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Nếu dùng phương tiện lùa bò, dê, lạc đà đi qua làm hư bờ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo có tâm ganh tỵ, phá bờ cho nước chảy thoát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi qua vùng hoang dã, có người nói: "Ngày mai sẽ tới chỗ có nước." Lúc ấy có người khách buôn đang gánh nước đi, Tỳ-kheo vì khát nước, đến xin Y mà không được, liền nổi giận mắng: "Kẻ tệ ác kia! Vì sao ngươi keo kiệt quá thế? Mang nước đi nhiều mà không dám uống, cũng không cho loài súc vật, cũng không cho Sa-môn, Bà-la-môn, chẳng bao lâu

cũng phải bỏ, chớ dùng nó làm gì nữa?" Tỳ-kheo liền phá thùng nước của y, vì tâm ác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người dùng bồn chứa nước để tại nhà, rồi những bà con, bạn bè của Tỳ-kheo bị cháy nhà, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm nước để chữa lửa, nếu đụng vào nước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động bồn nước của họ thì phạm tội (**246a**) Thâu-lan-giá.

Nếu dùng nước tưới lên lửa đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tự suy nghĩ: "Ta sẽ trả lại đủ số nước đã lấy dùng", thì không phạm.

Nếu nhà của người ấy bị cháy dùng nước của Y để tưới lửa tắt thì không phạm. Nếu gặp lúc hạn hán mười năm, hai mươi năm, nước ao hoặc nước giếng có người giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp mang thùng đến lấy nước, chạm vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu múc nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu gánh nước rời khỏi ao, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hồ nằm ở trong vườn, họ đóng cổng lại, mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, dùng ống từ xa hút nước uống, khi nước đang chảy liên tục không ngừng mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu uống từng hớp từng hớp rồi dừng lại, thì mỗi hớp phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nước ở dưới giếng, Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, thì khi múc nước, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đã múc nước đổ vào thùng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Và khi mang nước rời khỏi giếng, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Có những nhà ngoại đạo dùng bình chứa nước, khi nhà bị cháy, họ hoảng sợ mà khi ấy Tỳ-kheo suy nghĩ: "Kẻ ngoại đạo tà ác như

thế, như thế thường đố kỵ Phật pháp, hủy báng Sa-môn Thích Tử, nay ngươi đang bị họa." Liền đi tới dùng gậy đập vỡ bình nước, vì ác tâm phá hoại đồ của người ta nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có các loại nước danh tiếng như nước Chiêm Ba có nước của sông Hằng, tại thành Vương-xá có nước suối nóng, tại ấp Ba Liên Phất có sông Thứ Nô, tại nước Ba-la-nại có nước ao Phật Du Hành, tại nước Sa Kỳ có nước Huyền chú, tại thành Xá-vệ có nước Bổ Đa Lê, tại nước Ma Thâu La có loại nước Diêu Bồ Na, tại nước Tăng Già Xá có nước Thạch mật. Có những nhà quyền quí sai người đi lấy các thứ nước ấy, trên đường về nhà, nghỉ ở dọc đường, nếu Tỳ-kheo vì khát nước bức bách, dấy tâm trộm cắp rờ vào nước ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu rót nước ấy vào bình của mình thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rót vừa dứt mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc đang rót mà sanh tâm hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn đổ nước vào bình trở lại thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Có những hàng quí tộc đi chơi ở hoa viên, bèn xây cái hồ, pha dầu thơm vào nước, rồi có Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, lấy nước ấy, nhưng nước không đáng giá tiền, thì tính theo thời giá dầu thơm (pha vào nước) mà quy định mức phạm tội. Đó gọi là các thứ nước.

4. Vật ở trong nước: Đó là các thứ sinh trong nước như: Ưu bát la, Bát đàm ma, Câu vật đầu, Phân đà lợi, Tu kiền đề, rễ sen v.v. và các vật sinh ra trong nước khác, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, đụng chạm vào các vật sinh trong nước này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. (**246b**) Nếu chỉ lấy một hoa mà trị giá đủ số quy định, cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định thì mỗi hoa phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nhưng hái hoa để trên đất thì chưa phạm tội Ba-la-di. Hoặc vì bó hoa lớn nặng không dỡ lên nổi, dù kéo đi hơi xa cũng không phạm Ba-la-di. Nhưng nếu đã dỡ lên khỏi đất, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các vật sinh trong nước cũng như thế.

Nếu các nhà quyền quí làm các loại hoa bằng vàng bạc và các loại thuyền có hình các giống chim như le le, nhạn, uyên ương, để ở hồ tắm, khu giải trí, mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm, đụng vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có người đem các vật như vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc trai, xích châu và tám loại khác cất giấu dưới nước mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật ở trong nước.

5. Thuyền: Thuyền có các loại như: Thuyền Tỳ câu la, thuyền Câu ha tra, thuyền Bạt cù lê, thuyền Tỳ thi già, thuyền mặt ngựa, thuyền mặt voi, thuyền mặt dê, thuyền mặt cá, hoặc một tầng cho đến bảy tầng, hoặc có vách ngăn, hoặc không có vách ngăn, hoặc dùng chở voi, hoặc dùng chở ngựa, hoặc dùng chở của cải, hoặc chở gạch ngói, hoặc chở da, hoặc chở kim loại, cho đến những cái bè chở liếp. Nếu những thuyền bè ấy buộc tại một chỗ mà Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp chạm vào chúng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cắt dây buộc thuyền mà chưa dời khỏi chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc đã đời khỏi chỗ cũ mà chưa cắt dây buộc, cũng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã cắt dây buộc và rời khỏi chỗ cũ thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu ý muốn trộm thuyền, không định trộm vật, nhưng sợ người ta biết, bèn lấy cả vật mang đi, thì dù rời khỏi chỗ cũ cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu bỏ vật lại, chỉ lấy thuyền, thì rời khỏi chỗ cũ, liền phạm tội Ba-la-di.

Nếu có ý định trộm vật, không trộm thuyền, mà sợ người ta phát giác, nên mang cả thuyền đi thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng bỏ thuyền lại lấy vật mang đi, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả thuyền và vật, thì khi thuyền rời khỏi chỗ cũ liền phạm Ba-la-di.

Nếu muốn bỏ vật xuống đáy sông để lấy trộm thì lúc vật chìm khuất, phạm Ba-la-di.

Nếu có người buộc thuyền bên bờ sông, lên ngồi nghỉ một chỗ khuất, có Tỳ-kheo định lấy trộm thuyền, bấy giờ có người khác nói với chủ thuyền: "Có người xuất gia muốn lấy trộm thuyền của ông đấy." Khi ấy chủ thuyền hỏi: "Người xuất gia ấy theo đạo nào?"

Đáp: "Sa-môn Thích Tử."

Chủ thuyền nói: "Khỏi lo, Sa-môn Thích tử không lấy của không cho."

Nhưng lúc ấy thân Tỳ-kheo đã chạm đến thuyền, người kia lại nói (**246c**) với chủ thuyền: "Thầy Tỳ-kheo kia đã lấy thuyền của ông rồi." Chủ thuyền liền sanh nghi: Lẽ nào vị Tỳ-kheo kia lại muốn lấy trộm thuyền của ta sao?, bèn hỏi: "Tôn giả định làm gì đấy?"Lúc ấy Tỳ-kheo im lặng, không đáp liền dùng sào chèo thuyền đi. Chủ

thuyền liền đuổi theo gọi: "Tôn giả! Thuyền ấy là thuyền của vua, của đại thần, của Bà-la-môn, trưởng giả cư sĩ, là thuyền để làm phước, thuyền để chở người." Lại hăm dọa Tỳ-kheo, nói: "Quân tệ ác, nếu ngươi lấy thuyền ta đi, thì ta sẽ trừng trị ngươi thích đáng." Thầy Tỳ-kheo ấy tuy chèo thuyền đi xa, nhưng nếu chủ thuyền không nghĩ là thuyền đã mất, và Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Trái lại nếu chủ thuyền nghĩ là thuyền đã mất và Tỳ-kheo nghĩ là đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chủ thuyền buộc thuyền bên bờ sông, rồi có khách Tỳ-kheo đến nói với chủ thuyền: "Lão trượng (trường thọ) chở giúp tôi đi." Chủ thuyền đáp: "Chỉ có một người mà tôi chở thế nào được!." Tỳ-kheo lại nói: "Lão trượng, giờ ăn của tôi đã đến, chớ làm cho tôi mất bữa ăn. Nay ông chở tôi tức là cho tôi ăn, là bố thí niềm vui cho tôi. Nay tôi với ông nguyện đời này đời sau giúp đỡ lẫn nhau." Chủ thuyền lại nói: "Ông không có đồng xu nào, thì làm sao muốn giúp đỡ người ta? Chân ông như con quạ đói, không đậu nhất định chỗ nào, thì ai sẽ giúp ông?" Tỳ-kheo bèn hạ giọng khẩn cầu. Chủ thuyền lại hỏi: "Tôi tự độ (giúp mình) được. Tôn giả giờ đây chỉ có một mình, thì bảo chở làm sao?" Tỳ-kheo đáp: "Lão trượng! Ông chỉ cần cầm lái, để tôi chèo cho." Chủ thuyền bèn đồng ý, liền bảo Tỳ-kheo lên thuyền. Khi đến giữa sông, thầy Tỳ-kheo bèn cầm mái chèo đánh chủ thuyền, mắng: "Quân tệ ác, dám hủy nhục Sa-môn Thích Tử!." Mắng rồi lại đánh chủ thuyền, làm cho tay chân bị thương tích trầm trọng, đoạn đem vứt xuống nước, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu chủ thuyền chết, mà trước đó Tỳ-kheo có tâm giết hại, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trước không có tâm sát hại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lúc ấy, nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền của Y, hoặc lấy trộm hành lý, mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có ác tâm nhận chìm thuyền của Y, hoặc phá hủy, hoặc thả trôi đi, vì làm hư hỏng, mất mát vật của người khác nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có người muốn tạo phước nên dùng thuyền chở người, nếu Tỳ-kheo tự chèo thuyền ấy qua sông, thì phải buộc thuyền vào bờ để người sau còn đi nữa; nếu Tỳ-kheo lấy trộm thuyền hoặc hành trang của họ mà đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhận chìm trong nước, hoặc phá hỏng, hoặc thả cho trôi đi, thì phạm (**247a**) tội Việt-tỳ-ni. Tỳ-kheo nếu chèo thuyền đến bờ bên kia, thì phải buộc thuyền vào bờ ở chỗ trống trải để người sau còn sử dụng, không được buộc thuyền ở chỗ khuất. Đó gọi là Thuyền.

6. Vật ở trên thuyền: Các vật ở trên thuyền như vàng, bạc, trân châu, tiền của, hổ phách, lưu ly, ngọc trai, san hô, xa cừ, xích châu, kiếp bối, cho đến tất cả y phục, ngũ cốc và tám thứ vật, hoặc được che phủ, hoặc không che phủ mà Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm rờ vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

7. Xe: Hoặc xe hành khách, hoặc xe chở hàng, hoặc xe ba gác, hoặc xe xích lô, cho đến các loại xe trẻ con chơi, đó gọi là xe.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm xe hai bánh, đẩy tới trước mà đuôi xe qua khỏi đầu xe, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy lui mà đầu xe qua khỏi đuôi xe, thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc đẩy sang hai bên mà bánh trái qua khỏi bánh phải hay bánh phải qua khỏi bánh trái, cũng phạm tội Ba-la-di. Hoặc Tỳ-kheo đập phá xe ấy, rồi lấy trộm từng khúc gỗ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Chưa đủ số quy định thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc xe nhỏ có thể mang đi, nếu chạm đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động

nó thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là các loại xe.

8. Vật ở trên xe: Hoặc da sư tử dùng để che, hoặc da cọp, hoặc hoàng khâm bà la và các vật dùng để che khác, tất cả các vật dùng để lót và tất cả các vật dùng để trang trí xe. Đó gọi là các vật ở trên xe.

Tất cả những vật để trong xe: Đó là: vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, trân châu, ngọc trai, san hô, hổ phách, xích bảo v.v., y phục, ẩm thực và tám thứ vật, hoặc được che kín, hoặc không được che kín, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào những vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật để trong xe.

9. Loài vật bốn chân: Đó là voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, la, dê, cả đến chuột, chó sói v.v. Nếu Tỳ-kheo muốn ăn trộm voi, dắt nó đi, khi nó đã dỡ lên từ một chân cho đến ba chân, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi nó đã dỡ lên cả bốn chân, rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả ngựa, lạc đà cho đến dê cũng như vậy. Nếu con vật ấy nhỏ có thể vác đi được thì khi chạm vào nó phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động nó phạm tội Thâu-lan-giá, nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là các con vật bốn chân.

10. Những vật dụng ở trên loài bốn chân: Đó là các dụng cụ dùng để trang bị cho voi, kể cả các dụng cụ trang bị cho chuột, chó sói và tám loài vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín; nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp sờ vào các vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá (**247b**); nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật dụng ở trên loài bốn chân.

11. Loài vật hai chân: Đó là người và chim v.v. Nếu Tỳ-kheo trộm người (thuộc quyền quản lý) của người khác, hoặc quyến rũ di

theo, hoặc dùng dao gậy bức hiếp, khi người ấy dở lên một chân thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dở cả hai chân thì phạm tội Ba-la-di. Nếu người ấy nhỏ có thể cõng, vác đi, mà chạm đến họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu di động họ thì phạm tội Thâu-lan-giá; nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loài chim cũng như thế. Đó gọi là loài vật hai chân.

12. Những vật dụng ở trên loài hai chân: Đó là những vật trang điểm của phụ nữ, những vật trang điểm của nam giới, cho đến những thứ trang điểm trên mình chim oanh vũ.

Những vật trang điểm của phụ nữ: Đó là xoa, xuyến, y phục v.v…

Những vật trang điểm của nam giới: Như áo, mão ngọc, anh lạc v.v…

Cho đến những thứ trang điểm trên chim oanh vũ như vàng, ngọc, lục lạc đeo vào cổ, chân của chúng, và tám thứ vật khác, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật trên loài hai chân ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật dụng ở trên loài hai chân.

13. Loài vật không chân: Đó là rắn, trăn, hoặc ăn hoa, ăn trái, ăn thịt, hay chỉ thở bằng không khí, hoặc rắn được nhốt trong lọ hay trong lồng.

Có một Tỳ-kheo vốn là người nuôi rắn, về sau xuất gia. Vị này muốn bắt trộm con rắn của một người khác, nhưng sợ người chủ hay biết, liền xách cả cái lồng đi, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu bắt rắn, bỏ lồng lại, đủ số quy định thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu chỉ có ý trộm lồng, không trộm rắn, mà vì sợ chủ biết, nên lấy luôn cả rắn thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nếu bỏ rắn lấy lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu định trộm cả lồng và rắn, thì khi xách đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di. Nếu bắt trộm con rắn trong lọ mà đuôi rắn chưa ra khỏi

miệng lọ thì chưa phạm Ba-la-di. Nếu cả đầu và đuôi đều ra khỏi lọ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu tức giận, khiển trách kẻ ấy, mắng rằng: "Quân ác độc, vì sao lại dùng lồng để nhốt chúng sinh!"Liền mở lồng để cho rắn bò ra, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào loài không chân, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những loài vật không chân.

14. Những đồ vật ở trên loài không chân: Đó là vàng, bạc, trân châu, xà cừ, hổ phách, san hô, ngọc trai, lưu ly, xích châu cho đến tám loài vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín, vì người ta sợ loài vật không chân này nên không dám lấy (vật trên nó). Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những đồ vật ở trên loài không chân này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động các vật ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định (**247c**) thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là những vật ở trên loài không chân.

15. Vật không trung: Đó là cây Am-la, cây Chiêm-bặc, cây Diêm phù, cây Da tử, cây Chỉ ba la, cây Long hoa, cây Cát tường, quả, cho đến tất cả cây có hoa trái. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm các cây đó, khi lấy một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, tùy theo mức độ, như nhổ các cây con thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ cây con để lại một chỗ thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu mang đi khỏi khu đất ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu cây nặng, kéo đi mà chưa rời khu đất dù đã đi xa thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu đem đi khỏi khu đất thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đụng vào vật trên hư không thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là vật không trung.

16. Vật ở trên không trung: Đó là quả Am-la (xoài) cho đến quả cát tường. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm các loại trái cây ấy để ăn, nếu ăn một trái mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ, thì cứ mỗi miếng phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đụng vào cây, trái rơi xuống đất, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu nhặt trái mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai người đi hái trộm quả, một người lên cây hái quả ném xuống, một người dưới đất nhặt quả, thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Nếu người trên cây đã xuống tới đất, mang quả đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Lấy trộm tất cả các loại quả khác cũng như thế.

Nếu tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ tôn giả A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Ban Giá Vu Sắt mở đại hội, có trồng các hàng cây, và trên các cây được trang trí các thứ châu báu và tám loại vật, hoặc được che kín, hoặc không che kín. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp sờ vào các vật báu đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là những vật ở trên không trung.

Trong mười sáu vật đã kể trên, nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp đụng vào chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có mười ba trường hợp sai biệt. Đó là: (1) Vật sai biệt; (2) Xứ sai biệt; (3) Bất định sai biệt; (4) Tường vách sai biệt; (5) Lồng sai biệt; (6) Ký sai biệt; (7) Tạp sai biệt; (8) Phương sai biệt; (9) Tướng sai biệt; (10) Cây cọc sai biệt; (11) Vườn sai biệt; (12) Ăn trộm sai biệt; (13) Thuế sai biệt.

Vật sai biệt: Vật gồm có tám loại: Thuốc (**248a**) dùng đúng thời; Thuốc dùng ban đêm; Thuốc dùng trong vòng bảy ngày; Thuốc dùng suốt đời; Vật tùy than; Vật nặng; Vật không thanh tịnh; Vật thanh tịnh và không thanh tịnh. Đó gọi là những vật sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Xứ sai biệt: Đó là đất và những vật trong đất, nước và những vật trong nước, thuyền và những vật trên thuyền, xe và những vật trên xe, loài bốn chân và những đồ vật trên loài bốn chân, loài hai chân và những đồ vật trên loài hai chân, loài không chân và những đồ vật trên loài không chân, không trung và những vật trên không trung. Đó gọi là xứ sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp sờ vào những vật đó, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Bất định sai biệt: Có trường hợp biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Có trường hợp không biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni.

Biết mà nói dối phạm tội Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo không thật sự đạt được pháp siêu việt hơn người mà nói: "Tôi được A-la-hán", thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

Biết mà nói dối phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu Tỳ-kheo vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-la-di, thì đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Biết mà nói dối phạm tội Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi là bậc A-la-hán", thì đó là biết mà nói dối, nên không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Thâu-lan-giá.

Biết mà nói dối phạm tội Việt-tỳ-ni: Nếu Tỳ-kheo tự nói: "Tôi là A-la-hán chăng?" Đó là biết mà nói dối, không phải phạm tội Ba-dạ-đề, mà phạm tội Việt-tỳ-ni.

Biết mà nói dối, phạm Ba-dạ-đề: Trừ các việc trên, ngoài ra tất cả những lời nói dối đều thuộc về biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Lại có các trường hợp: Tàn hại cây cỏ, phạm Ba-la-di. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề.

Trường hợp tàn hại cây cỏ phạm Ba-la-di: Như cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp định lấy rồi làm tàn hại chúng, nếu đủ số quy định, thì không phải phạm tội Ba-dạ-đề mà là phạm tội Ba-la-di.

Tàn hại cây cỏ phạm Thâu-lan-giá: Nếu cây cối hoa quả có chủ giữ gìn mà Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy trộm chúng, chưa đủ số quy định thì không phải tội Ba-dạ-đề mà là tội Thâu-lan-giá.

Tàn hại cây cỏ phạm Ba-dạ-đề: Tàn hại (**248b**) tất cả cây cỏ đều phạm tội Ba-dạ-đề.

Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-la-di. Có trường hợp ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề.

Ăn phi thời (không đúng giờ) phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy trộm thức ăn của người khác rồi ăn phi thời, nếu đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Ba-la-di.

Ăn phi thời phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp lấy thức ăn của người khác ăn lúc phi thời mà chưa đủ số quy định thì không phải phạm Ba-dạ-đề mà là phạm Thâu-lan-giá.

Ăn phi thời phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận thức ăn hợp pháp nhưng ăn lúc phi thời, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không phải uống rượu chỉ phạm Ba-dạ-đề, mà có trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di. Có trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá. Có trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề.

Trường hợp uống rượu phạm Ba-la-di: Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy rượu của người khác uống, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Trường hợp uống rượu phạm Thâu-lan-giá: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy rượu của người khác uống, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Trường hợp uống rượu phạm Ba-dạ-đề: Nếu Tỳ-kheo nhận được rượu hợp pháp mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp xúc chạm vào các vật bất định sai biệt thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là các vật bất định sai biệt.

Tường vách sai biệt: Chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng lạc đà, chuồng lừa, bò, dê, vườn rau, vườn cải, vườn dưa, vườn mía v.v. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt voi của người ta, voi dở lên một chân cho đến bốn chân, ra tới cửa chuồng, nhưng thân nó chưa ra khỏi cửa thì phạm tội Thâu-lan-giá, khi thân ra khỏi cửa thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các con vật khác kia cũng thế. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp bắt dê của người ta, dê sợ bỏ chạy, bèn nổi giận đánh chết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cắt thịt nó ném ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mình ra khỏi hàng rào, rồi mang thịt rời khỏi khu vực đó đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc trở lại trong chuồng, ăn thịt, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo đi bắt trộm dê, một người ở ngoài rào, một người ở trong rào, người ở trong cắt thịt ném ra ngoài rào, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra ngoài, mang thịt rời khỏi khu vực đó, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp đi nhổ cải trộm, nếu nhổ một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu chưa đủ, thì khi nhổ, cứ mỗi cây phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhổ chất lại một đống, thì chưa phạm Ba-la-di, nhưng khi mang ra khỏi vườn thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhổ những gốc lớn không thể mang đi được, dù kéo đi hơi xa, cũng chưa phạm Ba-la-di.

Nếu đã rời khỏi đám đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Tất cả các thứ rau cho đến dưa cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chặt trộm mía của người, ăn đúng thời, (**248c**) dù một cây mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu chưa đủ số quy định, thì cứ mỗi cây phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu chặt vứt ra ngoài hàng rào thì chưa phạm Ba-la-di, mà phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ra khỏi vườn, mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, lại xảo trá lấy mía buộc dưới gót chân kéo đi, dù đi hơi xa, vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Nếu rời khỏi khu đất, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo ở trong vườn chặt mía vứt ra cho Tỳ-kheo ở ngoài vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu người ấy ra rồi vác mía rời khỏi khu vườn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lúc Tỳ-kheo vác mía đi, tuy chạm vào cây và lá mía, nhưng chưa rời khỏi vườn, thì chưa phạm Ba-la-di.

Sau khi đã rời khỏi vườn, thì phạm Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lồng sai biệt: Đó là các giống chim như Oanh vũ v.v. các giống thú như Sư tử v.v.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, khi lấy trộm chỉ muốn trộm chim không muốn trộm lồng, nhưng sợ người ta phát giác nên xách cả lồng đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu bỏ lồng lại bắt chim đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu muốn trộm lồng, không trộm chim, nhưng sợ người ta biết nên đem cả chim đi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu thả chim ra, xách lồng đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả lồng và chim đi, khi mang đi khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, khi tay còn đang bắt chim trong lồng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi một chân chim ra khỏi lồng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi hai chân ra khỏi lồng mà cánh, đuôi chưa ra khỏi miệng lồng thì chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi hoàn toàn rời khỏi lồng, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo bắt trộm Sư tử mà tay còn ở trong chuồng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kéo ra được một chân (sư tử) thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng khi bốn chân ra khỏi chuồng mà đuôi chưa ra khỏi, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu hoàn toàn ra khỏi, thì phạm tội Ba-la-di. Tất cả các loài thú khác cũng như vậy.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vật ở trong lồng sai biệt như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Ký gởi sai biệt: Nếu Hòa thượng, thầy, đệ tử bạn hữu gởi vật nhờ ai đó giữ giúp, như bát, y và các vật khác, mà người nhận suy nghĩ: "Người gởi đã đi xa, mà vật gởi không biết thứ gì, vậy vật này ta phải sử dụng", bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật đó, từ dưới đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt lên vai phải, cho đến từ đầu để lên vai, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nhận gởi gắm rồi, bèn đi qua sông, hoặc lội qua ao, hoặc qua chỗ nước xoáy, hoặc gặp mưa, sợ ướt (**249a**) nên mở ra xem, thấy y ấy đẹp, liền suy nghĩ: "Người gởi ấy đã đi xa, người hiện tiền không biết, vật này ta nên sử dụng." Bèn sinh tâm trộm cắp lấy vật ấy, từ đất để lên đầu gối, từ đầu gối đặt xuống đất, từ vai trái đặt qua vai phải, hoặc từ vai để lên đầu, mỗi mỗi sự di động, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vị Tỳ-kheo nhận ký gởi đang đi trên đường, thấy vị Tỳ-kheo khác từ chỗ ở trước kia đến, liền hỏi Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão từ nơi nào đến vậy?"

Đáp: "Từ chỗ nọ đến."

Hỏi: "Biết vị Tỳ-kheo kia chăng?"

Đáp: "Biết."

Liền hỏi: "Vị Tỳ-kheo ấy có bình an không?"

Đáp: "Chết"hoặc "Đã nhập Niết bàn."

Nếu thế, thì các y phục và vật dụng ấy phải thuộc về hiện tiền Tăng. Nhưng nếu vị Tỳ-kheo nhận vật ký gởi biết pháp mà gian trá, liền suy nghĩ: "Tội gì mà ta chia cho vị Tỳ-kheo này", liền im lặng bỏ vị Tỳ-kheo ấy, đi tới chỗ khuất không thể nghe thấy, rồi nói: "Vị Tỳ-kheo mỗ giáp kia đã quá cố, đã nhập Niết bàn. Các y bát và vật dụng khác của vị ấy nên chia cho Tăng chúng hiện tiền, nhưng hiện tiền không có Tăng chúng, nên tôi phải nhận lấy."

Vị Tỳ-kheo này dùng tâm gian trá để độc chiếm các vật đó, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả, vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi muốn đi thuyền qua sông, bỗng có vị Tỳ-kheo khác từ bờ kia đi qua. Vị này hỏi vị ấy: "Thầy từ đâu đến?"

Đáp: "Từ chỗ ấy đến."

Lại hỏi: "Có biết vị Tỳ-kheo kia chăng?"

Đáp: "Biết."

Lại hỏi: "Vị Tỳ-kheo ấy bình an chăng?"

Đáp: "Đã chết, đã nhập Niết bàn."

Bấy giờ, y phục và vật dụng (của Tỳ-kheo quá cố) phải thuộc về Tăng chúng hiện tiền, nhưng thầy Tỳ-kheo này biết pháp mà gian trá, làm Yết-ma để độc chiếm y vật, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vị Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đi thuyền đến giữa sông thì gặp một Tỳ-kheo khác từ bên kia đi lại, thầy liền hỏi: "Trưởng lão từ đâu đến?" v.v. cho đến dùng tâm Yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc giả thầy Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đến bờ bên kia, xuống thuyền, liền gặp một Tỳ-kheo khác sắp lên thuyền v.v. cho đến dùng tâm Yết-ma gian trá thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc Tỳ-kheo nhận đồ ký gởi đã lên khỏi bờ, gặp một Tỳ-kheo khác từ bên kia đi lại, liền hỏi: "Trưởng lão từ đâu đến?" Đáp: "Từ nơi ấy đến" v.v. cho đến dùng tâm gian trá làm phép Yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thầy Tỳ-kheo ấy hoặc suy nghĩ: "Hiện tại thấy có nhiều người cùng tên, vậy phải làm cách nào đến được nơi ấy?" Đến nơi ấy rồi, liền hỏi vị Tỳ-kheo kia có được bình an không thì được biết, hoặc đã chết, hoặc đã nhập Niết bàn. Khi ấy y vật đương nhiên

thuộc về Tăng chúng hiện tiền. Thầy Tỳ-kheo này tuy biết pháp, nhưng gian trá suy nghĩ: "Y ấy vì sao phải chia cho nhiều người?" Liền gọi riêng (**249b**) thầy Tỳ-kheo quen biết ra ngoài giới trường, bảo: "Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp đã quá cố, đã nhập Niết bàn, y bát và các tạp vật nên chia cho Tăng hiện tiền, giờ đây hai chúng ta là người hiện diện, nên nhận lấy." Cách nhận ấy là phép Yết-ma gian trá, nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Trước đây (vị ấy) bảo ta tặng y này cho tháp, cho Tăng, mà nay thầy đã mất, đã nhập Niết bàn", liền mang vật ấy trở về lại chỗ cũ (trú xứ của Tỳ-kheo đã mất), thì không phạm tội. Đó gọi là ký gởi sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào vật ký gởi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tạp vật sai biệt: Như người chăn nuôi, chăn các loài súc vật như: voi, ngựa, bò, lạc đà, lừa, dê v.v.

Voi: Voi có nhiều thứ, như voi tốt, thuần dưỡng, đẹp đẽ, khỏe mạnh, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp bắt lấy voi, leo lên cưỡi rồi thúc voi về một phương nào đó như phương Đông, nhưng voi nổi khùng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di. Hoặc muốn dắt voi về phương Nam, nhưng voi phát khùng chạy về phương Tây, Bắc, Đông, thì chưa phạm Ba-la-di; hoặc về phương Tây, Bắc cũng thế.

Nhưng nếu muốn dắt trộm voi về phương Đông mà voi đi về phương Đông, thì phạm Ba-la-di; phương Nam, Tây, Bắc cũng thế.

Nếu lúc đầu không định phương hướng, tùy nơi mà đi, thì khi voi dở lên đủ bốn chân, phạm tội Ba-la-di.

Ngựa: Ngựa có nhiều loại, có loài thuần dưỡng, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, bắt con ngựa ấy, rồi leo lên ngựa thúc về phương Đông, nhưng ngựa nổi cuồng chạy về phương Nam, Tây, Bắc thì chưa phạm Ba-la-di.

Cũng vậy, các phương Nam, Tây, Bắc kia cũng thế, ngựa tùy phương đi như trên đã nói. Nếu không định phương hướng, tùy chỗ mà đi, thì khi ngựa đã dở lên cả bốn chân, phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo trộm con ngựa tốt, cưỡi chạy, rồi chủ ngựa hay được, lên ngựa đuổi theo, nhưng chủ chưa cho là đã mất ngựa, Tỳ-kheo không nghĩ là mình đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nếu chủ ngựa nghĩ là đã mất ngựa, Tỳ-kheo tưởng là đã được ngựa, thì phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, dùng mồi hoặc cỏ nhử ngựa người ta đem đến chỗ không thấy, không nghe được nữa, thì phạm tội Ba-la-di.

Bò: Bò có nhiều loại, có loại thuần dưỡng, lông mịn, sắc đẹp, chạy nhanh.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, cầm roi đuổi bò về phương Đông, phạm và không phạm như đã nói trong trường hợp voi. Cho đến, nếu chủ bò hay được, đuổi theo, mà chủ không nghĩ là đã mất bò, Tỳ-kheo cũng không nghĩ là đã được, thì chưa phạm Ba-la-di.

Nhưng nếu chủ bò nghĩ là đã mất, Tỳ-kheo nghĩ mình đã được, (**249c**) thì phạm Ba-la-di.

Nếu khởi tâm trộm cắp dùng mồi hay cỏ nhử bò người ta dắt đi, hoặc dùng dây dài buộc dắt tới chỗ không còn ai trông thấy nữa, thì phạm Ba-la-di. Trường hợp trộm lạc đà, lừa, dê cũng như thế. Đó gọi là tạp vật sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, chạm vào các vật kể trên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến rời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tràng phan sai biệt: Nếu tại các nơi Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, La-hầu-la mở đại hội, Ban Giá Vu Sắt mở đại hội, được trang trí các thứ như treo biểu ngữ, che lọng và các thứ linh quí; nếu Tỳ-kheo dấy tâm lấy trộm tràng phan, mở được một đầu dây thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp nói gạt là mình đi treo tràng phan các nơi thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi lấy rồi mang đi luôn, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vòng hoa, mới mở một đầu thì chưa phạm Ba-la-di.

Khi mở cả hai đầu xong, đủ số quy định, thì phạm Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo cùng đi lấy trộm tràng phan trong chỗ tối không thấy nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, gặp nhau ở chỗ giữa, liền hỏi: "Ông là ai?" Người nghe hỏi hoảng sợ bỏ tràng phan mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu hai Tỳ-kheo đụng độ, hỏi nhau, mỗi người đều nói mình lấy trộm tràng phan, rồi lấy mang đi, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nhiều lá cờ có nhiều màu cùng cột một dây nặng nề, mỗi người mở một đầu rơi xuống đất, nhưng vì nặng mang không nổi, kéo lê đi, tuy xa chỗ cũ, vẫn chưa phạm tội Ba-la-di.

Khi đã dở lên khỏi đất, cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Đây là vật trang trí tháp mà lấy đi, thì mang tội nặng. Ta chỉ cần một cái hai màu." Rồi lấy cái ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nghĩ: "Ta chỉ cần nửa màu", rồi lấy cái ấy, chưa đủ số quy định, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai Tỳ-kheo lấy trộm cờ trong chỗ tối, cả hai không biết nhau, mỗi người mở một đầu cuốn lại, đến chỗ giữa gặp nhau, bèn hỏi: "Ông là ai?" Rồi hoảng sợ bỏ cờ mà chạy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Một Tỳ-kheo khác buổi sáng sớm đi nhiễu tháp, thấy cờ ấy rơi xuống đất, liền khởi tâm trộm cắp lấy đi, nếu đủ số quy định, thì phạm Ba-la-di.

Có người dùng bảy thứ báu trang trí cúng dường cây Bồ đề như: vàng, bạc, trân châu, các lá cờ hoa dây vàng, kim tuyến, móc vàng, linh treo, ánh vàng rực rỡ cả núi. Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp, lấy các vật ấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại nữa, các tháp của ngoại đạo cũng có các thứ lụa là rực rỡ cúng dường. Nếu Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu gió thổi làm rơi (các vật kia) xuống đất, (mà Tỳ-kheo) biết đó là các vật cúng dường của tháp (**250a**), thì không nên lấy. Nếu bị gió thổi bay xa bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là vật phấn tảo (vứt bỏ) mà lấy, thì không có tội. Hoặc trong Thiên Tự (chùa thờ trời) có các y vật, Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp để lấy, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu (các vật ấy) bị gió thổi bay xa, bụi bặm vấy bẩn, mình tưởng là đồ bỏ mà lấy, thì không có tội.

Đó gọi là tràng phan sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các thứ tràng phan sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Tướng sai biệt: Nếu có nhà trưởng giả để y phục, chuỗi anh lạc bừa bãi chưa thu cất, khi ấy Tỳ-kheo dẫn Sa-di đến nhà, trông thấy rồi sinh tâm trộm cắp, lấy y vật đó bỏ vào trong xách, bảo Sa-di mang đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Sa-di đem đi khỏi phạm vi nhà, thì (Tỳ-kheo) phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu (Tỳ-kheo) nghĩ mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi ấy chủ nhân phát hiện, liền hỏi Tỳ-kheo: "Trưởng lão làm gì thế?"

Đáp: "Lão gia, tôi sờ thử đó mà", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bảo người thế tục mang đi, thì cũng phạm tội như trên đã nói. Như trường hợp dẫn dê lông dài đi cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo vào nhà trưởng giả, dê con thấy sắc y của Tỳ-kheo tưởng là mẹ nó, nó bèn chạy tới, thì Tỳ-kheo phải đuổi nó trở lại, nhược bằng dùng mồi hay cỏ nhử nó chạy theo, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi dẫn nó đi chưa khỏi ranh giới, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi ra khỏi ranh giới thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trong lúc thọ trai, Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp, bỏ chén, thìa vào trong bát mình, rồi bảo đệ tử mang đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đệ tử ra khỏi ranh giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đệ tử biết được, liền hỏi: "Trưởng lão làm gì thế?"

Đáp: "Ta đùa đấy mà", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo cùng với khách buôn đi đường, giữa đường lại gặp một đoàn khách buôn từ bên kia đi lại. Rồi hai đoàn cùng nghỉ một chỗ. Nửa đêm, Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, đem xe của người

này đổi xe của người khác, đem đàn ông của người này hoán vị đàn ông của người kia, đem phụ nữ của người này hoán vị phụ nữ của người kia, đem trẻ con của người này hoán vị trẻ con của người kia, muốn hai đoàn khách mang đi lẫn lộn. Khi làm như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi họ rời khỏi ranh giới chỗ tạm trú, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nghĩ là mình đã được, thì phạm tội Ba-la-di.

Đó gọi là tướng trạng sai biệt của vật.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào các tướng sai biệt của vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Cây cọc sai biệt: Các nơi như chỗ Phật đản sinh (**250b**), chỗ Phật thành đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La-hầu-la mở đại hội, chỗ Ban Giá Vu Sắt đại hội, có các vật trang trí đẹp đẽ tại các tinh xá, các cờ lọng nhiều màu sắc treo trên các cây cọc đó đây, các loại châu báu treo trên các cây cọc v.v., nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp định lấy các báu vật trên các cây cọc ấy, đưa tay lấy báu vật mà chưa gỡ khỏi dây buộc vào cọc, thì chưa phạm tội Ba-la-di. Nhưng khi rời khỏi cọc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu dây buộc cứng chắc, khi lấy báu vật dây buộc rời khỏi cây cọc, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn lấy trộm cả cọc, thì khi tay chạm vào sẽ phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm lay động cây cọc ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu trên cọc treo các bình sữa, bình dầu, bình mật, hoặc bát, tơ lụa mà Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp lấy bình sữa ấy, thì khi dùng

tay dở lên, do dây mềm cọc thẳng, nên tuy dở, chưa phạm Ba-la-di. Khi tất cả rời khỏi cọc, thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc cọc cong, tuy dở chưa phạm Ba-la-di.

Khi tất cả đều rời khỏi cọc đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu dây cứng chắc mà cọc lại thẳng, thì khi dở lên liền phạm Ba-la-di.

Nếu khoét cho lủng bình thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi rót từ bình kia qua bình mình thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi ngưng rót, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu khi đang rót mà bỗng hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn trút lại vào trong bình thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Các bình dầu, bình mật kia cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo muốn lấy trộm bát, khi dùng tay dở lên, do dây mềm cọc thẳng, nên dù dở vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi bát rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc mà cọc cong, thì dù dở vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây mềm trụ cong, thì dù dở cầm vẫn chưa phạm Ba-la-di.

Khi rời khỏi cọc thì phạm Ba-la-di.

Nếu dây cứng chắc, cọc thẳng, thì dở lên liền phạm Ba-la-di.

Nếu lấy trộm tơ lụa thì cũng giống như trường hợp đã nói ở trên. Lại nữa, khi ăn trộm tơ lụa, nếu suy nghĩ: "Ta cần một ít lụa", rồi leo lên cọc cuốn lấy lụa thì khi cuốn chưa xong chưa phạm Ba-la-di.

Khi đã cắt đứt lụa, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Khi Tỳ-kheo cuốn lấy lụa, nhưng cuốn chưa xong, liền hối hận, sợ phạm tội nặng, bèn để lại chỗ cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là cây cọc sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào những cây cọc sai biệt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lay động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Vườn sai biệt: Bấy giờ, có một trưởng giả thuộc hàng đại phú, có một Tỳ-kheo tên (**250c**) Câu Lô thường vào ra nhà ông. Gia đình ông, cha mẹ anh em thường sống chung một nhà, nhưng khi cha mẹ chết thì trong nhà bất hòa, người em muốn chia gia tài mà người anh không bằng lòng, muốn sống chung cho có tình nghĩa. Người em đòi chia gia tài mãi, người anh bất đắc dĩ phải đồng ý. Thế rồi họ bàn bạc: "Ai có thể chia được?", và cùng nhau nhất trí là chỉ có thầy Câu Lô, vì khi cha mẹ còn sống, cúng dường thầy rất trọng hậu, trong nhà có gì hay không thầy biết rất rõ. Lúc ấy, người em gian manh liền đến Câu Lô lễ bái rồi thưa: "Thưa thầy, thầy được cha mẹ tôi tôn trọng, anh em tôi kính mến, trong nhà có gì hay không thầy đều biết rõ. Khi cha mẹ còn sinh tiền, anh em sống với nhau, nay cha mẹ đã qua đời, trong nhà bất hòa, muốn chia gia tài, nên tôi đến đây thưa với thầy, sau khi ở riêng tôi sẽ cúng dường thầy, và sẽ tự nuôi sống với những vật cúng dường còn lại, mong khi chia gia tài, thầy dành phần tốt cho tôi." Nếu Tỳ-kheo nhận lời người ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi giữ lại vật tốt thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi đã chia vật dụng xong, thì phạm tội Ba-la-di.

Lúc sắp chia vật dụng, Tỳ-kheo hỏi: "Nên chia vật gì trước hết?" Chủ nhân đáp: "Trước hết chia loài hai chân và bốn chân." Tỳ-kheo liền chia loài hai chân trước. Trong hàng nô tỳ những người già cả khó sai bảo, không tin cậy được chia thành một phần, còn những người trai trẻ, không bệnh, dễ sai bảo, tin cậy được chia thành một phần. Khi chia loài bốn chân thì trong đàn bò những

con già nua mất sức, xấu xí, khó dùng, không sinh sản, ít sữa, hoặc có sữa mà không vắt được, chia thành một phần, còn những con răng nhỏ, mập mạp, lanh lẹ, dễ sử dụng, mắn đẻ, nhiều sữa, hiền lành, dễ dạy, chia thành một phần.

Khi chia phòng xá thì xếp các loại cũ kỹ, mục nát, thành một phần, còn những ngôi nhà mới đẹp đẽ, xếp thành một phần.

Về lầu gác, hàng quán cũng như thế.

Cho đến chia ruộng thì xếp những đám cằn cỗi, đất xấu thành một phần, những đám phì nhiêu, đất tốt thành một phần. Trong vườn, những chỗ đất chết, ít hoa trái chia thành một phần, còn chỗ đất tốt, hoa trái sum sê chia thành một phần. Lại sắp chia lúa thóc, vàng bạc, của cải.

Bấy giờ, người anh nói với Tỳ-kheo: "Thầy là người mà cha mẹ tôi kính mến, anh em tôi tôn trọng, vì sao chia của lại chia như thế?"

Thầy ấy bèn suy nghĩ lại về Phật dạy: "Nếu Tỳ-kheo đem cái tâm như thế mà chia của cho người ta, thì dù chủ không đồng ý nhận phần, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni."

Khi Câu Lô trở về rồi, hai anh em người ấy bèn bàn bạc: Vậy thì ai là người mà cha mẹ kính trọng, là bậc kỳ cựu đại đức biết trong nhà có gì hay không có, để nhờ họ chia của? Nếu không chia nhanh, sợ vua nghe được (**251a**) hoặc có thể đánh thuế đoạt mất." Họ nghĩ lại thì thấy Câu Lô không có lỗi, nên anh em bàn nhau mời Câu Lô chia gia tài trở lại. Thế rồi, họ đi đến Câu Lô, lễ bái thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, bạch với Câu Lô: "Thầy là người mà cha mẹ tôi kính trọng, trong nhà có gì hay không thầy đều biết, nay hãy vì chúng tôi mà chia giúp gia tài này."

Lúc ấy, Câu Lô tức giận, vì trước đó họ không chịu nhận sự phân chia, nên bảo: "Anh em ngươi bạc nghĩa, đa nghi, bất tín, ai còn nhẫn nại để chia gia tài cho bọn ngươi nữa?"

Anh em họ liền thưa: "Trước đây vì chúng tôi bồng bột nên cảm thấy hổ thẹn với thầy, trong nhà của cải nhiều ít thầy đều biết rõ, nay xin thầy hãy chia giúp tài sản này. Nếu để quan thuế biết được, e họ đánh thuế cướp mất, cho nên chúng tôi muốn chia cho nhanh."

Tỳ-kheo hỏi lại: "Các ngươi nhất định muốn nhờ ta chia sao?"

Đáp: "Đúng thế thưa thầy!"

Tỳ-kheo ấy liền bảo: "Nếu đã nhất quyết thì phải cam kết, sau khi chia của, được phần liền nhận, không ai được nói gì nữa, thì ta mới chia cho các ngươi." Họ đồng thanh đáp: "Xin vâng lời dạy, không dám trái lời nữa." Thầy Tỳ-kheo ấy khi đã nhận lời thỉnh cầu của họ phải chia phần bằng nhau. Khi chia ruộng phải dùng dây căng ra đo đất, nếu đem tâm thiên vị mà đo đất thì dù chênh lệch nhau một bụi lúa, Tỳ-kheo này liền phạm tội Ba-la-di. Vì đất vốn là vật vô giá.

Đó gọi là vườn (đất) sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào các vườn sai biệt này thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Ăn trộm sai biệt**:** Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị bọn cướp cướp của, nhưng bọn cướp ít, Tỳ-kheo đông. Lúc ấy, các Tỳ-kheo bèn bảo nhau: "Nay bọn cướp ít mà chúng ta đông, ta phải hợp nhau lấy lại vật đã mất", bèn cùng nhau cầm gạch, đá, đuổi theo bọn cướp ấy mà mắng lớn: "Quân trộm cướp tệ ác tội lỗi kia! Chúng ta đã tự mình cạo bỏ râu tóc, các ngươi tưởng ta cắt bỏ luôn cả tay rồi ư?" Lúc ấy, bọn cướp liền vứt y bát, tìm đường tẩu thoát. Nếu các Tỳ-kheo ấy chưa nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ thì không có tội. Nếu nghĩ là mình đã mất, rồi lấy lại vật ấy, tức là kẻ cướp lấy đồ của kẻ cướp, hễ đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có các Tỳ-kheo đang đi đường bị bọn cướp cướp đoạt. Các Tỳ-kheo mất y bát rồi, vào núp trong rừng, bọn cướp suy nghĩ: "Đồ đảng chúng ta đông mà vật này thì ít, chia nhau sao đủ? Ta phải tìm thêm chút ít nữa." Liền đem y bát cất giấu một chỗ, rồi cướp của những người đang đi đường khác. Khi ấy các Tỳ-kheo thấy được các vật bọn chúng cất giấu, rình bọn cướp đi khỏi, bèn lấy lại y bát. Nếu các Tỳ-kheo ấy trước đó không nghĩ là mình đã mất của, rồi lấy lại vật cũ, thì không có tội. Nếu nghĩ là đã mất (**251b**) thì không nên lấy. Nếu lấy tức là đi cướp đồ của kẻ cướp, hễ đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo đi đường bị bọn cướp cướp đoạt y bát của Tỳ-kheo, rồi thuận đường đi tiếp. Khi ấy, Tỳ-kheo trông chừng xem chúng đi đâu, rồi theo sát chúng không ngừng. Đến một làng kia, bọn cướp liền chia đồ vật. Tỳ-kheo bèn nói với chúng: "Các lão trượng! Tôi là người xuất gia, xin của người khác để nuôi sống. Các vị có thể xin y bát của tôi, nhưng các vị đâu có dùng y bát này làm gì?" Nếu Tỳ-kheo nói như thế mà đòi lại được, thì không có tội.

Nếu bọn cướp mắng rằng: "Này kẻ Sa-môn tệ ác! Ta định xin cả tính mạng của ngươi. Sao ngươi còn dám tới đây mong đòi lại y bát?"

Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ở đây gần làng xóm, bọn cướp này ắt không dám hại ta, ta phải dọa chúng."

Liền nói với bọn cướp: "Các ngươi tưởng ta không có ai che chở sao? Ta sẽ tâu với vua và các quan đại thần biết các ngươi là bọn cướp." Nếu đe dọa chúng mà được, thì không có tội.

Nếu quân cướp nổi giận nói: "Ta nhất định không cho, ngươi muốn đi thưa tùy ý", mà Tỳ-kheo trình báo với xã trưởng, rồi ông ta bắt bọn cướp hoặc trói, hoặc giết, thì không nên báo. Nếu báo với xã trưởng tìm phương tiện khuyến dụ họ mà được lại y bát, thì không có tội.

Lại có thầy Tỳ-kheo có nhiều y bát, nuôi đệ tử đông đúc, mà đệ tử của thầy thì không tu giới hạnh, nên họ nghĩ như sau: "Hãy đến phòng của thầy Hòa thượng lấy trộm các y bát. Y bát của tôi cũng để trong phòng của thầy." Bèn hẹn nhau: "Nếu ông được y bát thì chia cho tôi, nếu tôi được cũng chia cho ông", rồi vào trong phòng, đến chỗ móc y, lấy y của Hòa thượng đem để vào chỗ y của mình. Nếu chưa rời khỏi móc y cũ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đã lấy y của thầy ra khỏi móc y, đem để vào chỗ y của mình, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu y của thầy còn vướng ở móc y, hoặc là dây tơ chưa rời khỏi móc y thì chưa phạm tội Ba-la-di, khi tất cả đều rời khỏi móc y, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thầy Hòa thượng nghi đệ tử có thể lấy trộm y bát của mình, bèn lấy y bát đó đem cất một chỗ khác. Người đệ tử bèn vào trong phòng tối ăn trộm nhầm y bát của mình, khi ra ngoài không phân biệt được. Nếu trong nửa số y đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Có một Tỳ-kheo ma ha la (bán thế xuất gia), đã xuất gia mà không khéo giữ giới hạnh, nên có một Tỳ-kheo khác rủ: "Trưởng lão! Chúng ta hãy đi ăn trộm."

Ma Ha La đáp: "Lúc còn ở nhà, tôi không làm kẻ trộm, nay đã xuất gia lẽ nào lại làm kẻ trộm?"

Tỳ-kheo kia nói: "Thầy không muốn ăn trộm thì chỉ cần giữ cửa, tôi sẽ chia phần cho thầy."

Ma Ha La suy nghĩ: "Ta không ăn trộm mà được chia phần bằng nhau, vì sao không đi (**251c**)", bèn đáp: "Được."

Thế rồi hai người cùng đi. Ma Ha La giữ cửa, thầy Tỳ-kheo kia vào nhà ăn trộm đồ đạc. Lúc chạm vào đồ đạc, thì cả hai cùng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động đồ đạc thì cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu có Tỳ-kheo khách đến, rồi nghỉ tại phòng ăn, hoặc tại phòng tọa thiền, đến sáng sớm ra đi, bèn quên y bát và các vật khác. Bấy giờ, Tỳ-kheo tri khách (ma ma đế) đi tuần hành các phòng ốc để xem Tỳ-kheo khách kia đi hay chưa, bỗng thấy y bát liền sinh tâm trộm cắp, lấy y bát dời sang một chỗ khác (cất giấu), thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có Tỳ-kheo khác đến trông thấy y bát cũng sinh tâm trộm cắp, liền lấy dời một chỗ khác cất giấu, cũng phạm Ba-la-di.

Lại một người thứ ba đến trông thấy lại sinh tâm trộm cắp, đem cất giấu một chỗ khác nữa, cũng phạm Ba-la-di. Tùy số người nhiều ít khởi tâm trộm cắp di chuyển (các vật ấy), tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu người chủ y vật khi đã đi xa bỗng nhớ lại, bèn quay về chỗ tạm trú, nhận lại được y vật, thì không có tội.

Có Tỳ-kheo quên y bát, Tỳ-kheo khác thấy, liền sinh tâm trộm cắp, nhưng không tự tay lấy mà khiến Tỳ-kheo thị giả (Ma ha la) lấy. Tỳ-kheo thị giả tưởng là y bát của thầy ấy bèn cầm lấy. Khi chạm vào y bát thì Tỳ-kheo có tâm trộm cắp kia phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Khi dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Còn Tỳ-kheo thị giả vì không có tâm trộm cắp, nên cả ba lúc đều không có tội. Nếu vị kia ban đầu bảo thị giả lấy y bát rồi sẽ chia phần, mà thị giả sinh tâm trộm cắp chạm vào thì ngay lúc ấy cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi di động, cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu thị giả thấy rồi, suy nghĩ: "Việc gì phải chia phần cho ông ấy? Ta hãy độc chiếm", rồi lấy đi thì phạm tội Ba-la-di.

Còn vị Tỳ-kheo kia phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo muốn làm tháp Phật mà không có vật liệu, trong khi chúng Tăng có vật liệu, liền suy nghĩ: "Trời người sở dĩ cúng dường chúng Tăng là đều mong ân Phật, cúng dường Phật tức là cúng dường chúng Tăng", bèn đem vật của chúng Tăng sửa chữa tháp, thì Tỳ-kheo kiến thiết ấy phạm tội Ba-la-di. Nếu tháp có vật liệu mà chúng Tăng không có, liền suy nghĩ: "Cúng dường Tăng thì Phật cũng có trong đó", liền đem vật của tháp cúng dường chúng Tăng, thì vị Tỳ-kheo kiến thiết này phạm tội Ba-la-di.

Nếu tháp không có vật liệu mà chúng Tăng có vật liệu thì được phép mượn dùng, nhưng phải làm biên bản ghi rõ: Lúc nào mượn dùng, lúc nào trả lại; trái lại, nếu Tăng không có vật liệu mà tháp có vật liệu, thì được phép (**252a**) mượn dùng cũng như thế. Khi bàn giao, thầy tri sự phải đọc biên bản bàn giao rõ ràng giữa chúng Tăng, nếu không đọc biên bản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là mượn dùng tạm.

Hai Tỳ-kheo có tài vật chung phải chia nhau, nhưng một Tỳ-kheo sinh tâm trộm cắp độc chiếm, thì trừ ra phần của thầy, phần kia đủ số quy định sẽ phạm tội Ba-la-di.

Nếu thầy kia đồng ý, thì giữ lấy không có tội. Hoặc suy nghĩ: "Nay tôi mượn dùng, sau này sẽ trả lại", thì không có tội.

Có hai Tỳ-kheo chuyên giáo hóa cùng cam kết với nhau: "Từ nay trở đi nếu tôi hoặc thầy được phẩm vật thì phải chia hai." Nhưng sau đó, một người được một tấm y đẹp, bèn suy nghĩ: "Nếu sau này được cái khác chưa chắc được như thế này", liền nói với bạn: "Từ nay trở đi lộc của ai thì thuộc về người ấy. Nếu thầy được thì thầy tự giữ lấy, nếu tôi được thì tôi tự giữ lấy."

Vì chiếc y vừa được kia trái với cam kết, nên một nửa trong đó mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này nhận bố thí, chú nguyện xong rồi, nói với thí chủ: "Hãy để vật này ở chỗ ông, sau này tôi sẽ lấy", bèn nói với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ."

Khi nói lời ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này nghe có người kia định bố thí y, liền nói trước với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu tôi được thì tôi giữ, nếu thầy được thì thầy giữ." Khi nói như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Có hai Tỳ-kheo theo hạnh phấn tảo y, cùng cam kết: "Từ nay trở đi nếu được phấn tảo y, thì chúng ta chia nhau."

Lúc ấy một Tỳ-kheo được y phấn tảo đẹp, liền suy nghĩ: "Y này rất đẹp, sau này nếu được nữa thì chưa chắc được như vậy", bèn nói với bạn: "Trưởng lão! Từ nay trở đi lộc của ai thì người ấy giữ lấy. Nếu thầy được thì thầy giữ, nếu tôi được thì tôi giữ." Vì Tỳ-kheo này trái lời cam kết trước, nên trong nửa phần y ấy mà đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo này được y phấn tảo đẹp mà không mang về, lại đem cất giấu, lấy cỏ, gạch phủ lên, rồi trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo này thấy y phấn tảo đẹp nhưng không lấy cũng không cất giấu mà trở về giải lời cam kết như trên đã nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo phải biết vật của Tăng có trường hợp nên cho, có trường hợp không nên cho. Thế nào là nên cho? Hoặc là vì tổn hại, hoặc là vì lợi ích.

Thế nào là vì tổn hại?

Có bọn cướp đến chùa đòi các thức ẩm thực, nếu không cho, thì chúng có thể đốt chùa cướp của, nên dù không đáng cho mà vì sợ chúng gây sự tổn hại, do đó, ta phải tùy nghi cho chúng nhiều ít.

(**252b**) Thế nào là vì lợi ích?

Khi sửa chữa phòng ốc của chúng Tăng, nên cho các thợ nề, thợ mộc, thợ vẽ, cai thầu ăn bữa sáng và bữa chiều, và cho các thứ dầu thoa, nước giải khát v.v… Hoặc vua và các người có thế lực lớn, ta phải cho họ ăn uống. Đó gọi là vì lợi ích nên phải cho.

Có Tỳ-kheo mất y bát, vật dụng, nếu chưa nghĩ xả bỏ nó, mà sau đó biết nó ở đâu rồi đến đó tìm, tìm được thì không phạm. Trái lại, nếu đã nghĩ đã xả bỏ nó, thì dù biết nó ở đâu cũng không nên đến tìm, vì tìm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi mất, bụng thầm nhủ: Sau này nếu biết nó ở đâu ta sẽ đến tìm, thì khi tìm được sẽ không có tội.

Có hai Tỳ-kheo cùng cam kết: Cùng thọ trì kinh chung, cùng tụng kinh chung. Nhưng về sau, không thọ trì, không đọc tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là vật ăn trộm sai biệt.

Nếu Tỳ-kheo dấy tâm trộm cắp chạm vào những vật ăn trộm sai biệt ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Thuế sai biệt: Có một Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn. Tỳ-kheo này có đồ chúng đông đảo. Khi ấy khách buôn nói với một Tỳ-kheo: "Thầy của ông là bậc đại đức, đến chỗ thuế quan, ai mà dám kiểm tra. Ông hãy vì tôi cầm vật này bỏ vào trong xách y của thầy ông, đi qua chỗ thuế quan." Người đệ tử ấy bằng lòng, cầm vật kia bỏ vào trong xách y của thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn thầy không biết nên không có tội.

Nếu đi qua chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Thâu-lan-giá. Thầy không phạm.

Nếu qua khỏi chỗ thuế quan thì đệ tử phạm tội Ba-la-di. Thầy không phạm.

Nếu khách buôn nói với vị thầy rằng: "Thầy là người phước đức, đồ chúng cùng đi ai dám kiểm tra, xin thầy vì tôi đem ít vật này bỏ vào túi xách của đệ tử thầy để qua chỗ quan thuế." Thầy ấy liền đồng ý, lấy bỏ vào trong túi xách của đệ tử, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đệ tử không biết nên không có tội.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Thâu-lan-giá. Đệ tử không có tội.

Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì thầy phạm tội Ba-la-di. Đệ tử không có tội.

Nếu khách buôn nói với cả hai thầy trò và hai người đều đồng ý, thì cả hai phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến chỗ quan thuế, thì cả hai phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu qua khỏi chỗ quan thuế, thì cả hai phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi đường cùng với khách buôn, đến nơi xóm làng, Tỳ-kheo rửa tay, khách buôn hỏi: "Trưởng lão định đi đâu?" Đáp: "Ta định đi khất thực." Khách buôn nói: "Thầy khỏi đi khất thực, tôi sẽ cho đồ ăn", bèn cho Tỳ-kheo các thức ăn ngon.

Khi ăn xong, nói với Tỳ-kheo: "Thầy hãy vì (**252c**) tôi cầm một ít vật này qua chỗ quan thuế."

Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép ta mang vật phải đóng thuế qua cửa thuế quan."

Khách buôn suy nghĩ: "Qua cửa thuế quan cũng mất, cho Tỳ-kheo cũng mất, cả hai đều mất, nhưng cho Tỳ-kheo có thể được phước đức", bèn nói với các Tỳ-kheo: "Hãy đứng theo thứ tự, tôi muốn bố thí", liền tuần tự bố thí. Trong bát của mỗi người đều đầy những

vật báu. Khi bố thí xong, khách buôn bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo sau đó đi đến. Người khách buôn ấy liền đảnh lễ dưới chân các Tỳ-kheo, bạch rằng: "Các tôn đức có biết không?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Biết."

Lại hỏi: "Có biết trước đây tôi bố thí không?"

Đáp: "Biết."

Hỏi: "Nếu biết, thì vì sao tôi bố thí?"

Đáp: "Vì ông muốn làm phước."

Khách buôn nói: "Đúng vậy! Nhưng vợ con tôi đang cần đến cơm áo. Mắc nợ thì phải trả. Vậy xin trả lại các vật trước đây."

Tỳ-kheo nên nói: "Kẻ tệ ác! Sao ngươi dám khinh thường chúng tôi đến thế? Trước đây bảo là làm phước, bây giờ thì đòi lại."

Nói thế rồi mà kẻ ấy vẫn cố đòi, Tỳ-kheo trả lại thì không phạm. Nếu trước kia biết họ không thật bố thí mà Tỳ-kheo vẫn nhận, đem hàng qua cửa thuế quan, thì dù trả lại vẫn phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đi cùng khách buôn, cho đến nói: "Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế, qua cửa thuế quan." Mà khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Tôi không nhờ thầy mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ thầy giữ giúp cho tôi, tôi muốn gặp người giữ cửa khẩu một tí, giây lát sẽ trở lại."

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận vật gởi gấm, khách buôn đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu, không biết giao vật đó cho ai, bèn mang qua cửa khẩu, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường chung với khách buôn, cho đến "Phật không cho mang giúp vật phải đóng thuế qua cửa khẩu." Rồi khách buôn nói: "Tôi không bảo Tỳ-kheo mang vật này qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giúp cho tôi, tôi đi gặp người giữ cửa khẩu một tí rồi trở lại." Tỳ-kheo liền giữ giúp, và nói: "Nếu ông không trở lại, tôi

sẽ bỏ vật của ông mà đi." Khách buôn lại suy nghĩ: "Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng sẽ không bỏ vật của ta mà đi đâu", liền đi qua khỏi cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo dừng lại lâu mà không thấy Y trở lại, bèn bỏ vật tại đó, đi qua cửa khẩu. Khách buôn bèn hỏi Tỳ-kheo: "Hàng hóa của tôi đâu rồi?"

Tỳ-kheo nổi giận nói: "Ngươi dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo: "Nếu trong chốc lát ngươi không trở lại, thì ta bỏ hàng hóa của ngươi mà đi là gì? Hàng hóa của ngươi vẫn còn tại chỗ cũ hãy trở lại mà lấy." Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tỳ-kheo cùng đi chung đường với khách buôn cho đến "Phật không cho mang giúp hàng hóa phải đóng thuế qua cửa khẩu" (**253a**) rồi khách buôn nói với Tỳ-kheo: "Tôi không bảo Tỳ-kheo mang hàng hóa qua cửa khẩu, mà chỉ nhờ giữ giùm tôi, tôi đến gặp người giữ cửa khẩu một lát rồi trở lại." Tỳ-kheo bèn giữ giúp, và nói: "Nếu ông không trở lại thì tôi sẽ đem hàng hóa của ông gởi cho người giữ cửa khẩu." Khách buôn suy nghĩ: "Tỳ-kheo tuy nói vậy, nhưng lẽ nào lại đang tâm đem hàng hóa của ta gởi cho người giữ cửa khẩu?", bèn đi qua cửa khẩu, dừng lại đợi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chờ lâu không thấy Y trở lại, bèn đem hàng hóa của Y gởi cho người giữ cửa khẩu, nói: "Có khách buôn diện mạo như thế, tên họ như thế thì ông hãy thâu thuế theo hàng hóa và trả hàng lại cho Y."

Rồi Tỳ-kheo đi qua cửa khẩu. Khách buôn hỏi: "Hàng hóa của tôi đâu rồi?" Tỳ-kheo nổi giận nói: "Ngươi dám đùa cợt với ta sao? Trước đây ta há không bảo, nếu trong chốc lát ngươi không trở lại, thì ta đem hàng hóa của ngươi gởi cho người giữ cửa khẩu là gì? Hàng hóa của người giờ đây ở chỗ người giữ cửa khẩu, hãy đến đó mà lấy." Nếu Tỳ-kheo làm như vậy thì không phạm.

Tinh xá của Tỳ-kheo ở gần đại lộ, có một Tỳ-kheo đang đi kinh hành (trong ấy), rồi khách buôn (trông thấy) nói với Tỳ-kheo: "Tôi có món hàng phải đóng thuế, xin trưởng lão mang vào thành giúp tôi."

Tỳ-kheo đáp: "Đức Thế Tôn không cho phép ta mang hàng hóa phải đóng thuế qua cửa thuế quan. Nhưng nay ta bày cho ngươi một cách: Ngươi hãy đi băng qua đường, hoặc đi ngang qua hàng rào, hoặc đi ngang qua cái ngòi, hoặc có thể chất lên xe hàng đã đóng thuế, hoặc có thể gởi vào trong xe hàng của nhà vua, hoặc gởi vào trong thùng nước của nô tỳ, hoặc giấu dưới lông của con dê mà đi qua." Nếu chỉ vẽ cho họ như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ trong thành chỉ vẽ cho họ ra ngoài thành cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế mà không biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu sẽ phạm Ba-la-di, thì khi đem hàng ấy qua cửa khẩu, đủ số quy định, sẽ phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu sẽ phạm Ba-la-di, mà không biết hàng ấy phải đóng thuế, thì khi đem hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo biết hàng phải đóng thuế, cũng biết rằng đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì khi món hàng ấy qua khỏi cửa khẩu, đủ số quy định, phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo không biết hàng phải đóng thuế, cũng không biết đem hàng phải đóng thuế qua cửa khẩu phạm Ba-la-di, thì đem qua không phạm.

Thế nào là vật không phải đóng thuế? và thế nào là vật phải đóng thuế?

Các vật của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đệ tử của Thế Tôn, và vật của tất cả những người ngoại đạo xuất gia, đó là vật không phải đóng thuế. Nếu mua bán các vật đó thì phải nộp thuế.

Đó gọi là thuế sai biệt.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp chạm vào các vật phải đóng thuế sai khác này, (**253b**) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hai, hoặc ba cho đến nhiều Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai một Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu sai hai người, ba người, cho đến sai nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp chạm vào thuốc đúng thời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo được sai khiến lại sai một Tỳ-kheo khác, hoặc sai hai người, ba người, cho đến nhiều Tỳ-kheo có tâm trộm cắp, chạm vào thuốc đúng thời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu di động chúng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dời khỏi chỗ cũ, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Kể cả các loại thuốc (thức ăn) dùng ban đêm, dùng bảy ngày, dùng suốt đời, cho đến những vật thanh tịnh và không thanh tịnh cũng như vậy.

Tỳ-kheo có năm pháp đầy đủ, lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di.

Đủ năm yếu tố sau đây, phạm Ba-la-di. Đó là: (1) Đủ số quy định (đủ năm tiền); (2) Có chủ; (3) Biết là có chủ; (4) Sinh tâm trộm cắp; (5) Rời khỏi chỗ cũ.

Lại đủ năm yếu tố lấy của không cho, đủ số quy định, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là: (1) Biết là vật của người ta không cho; (2) Biết là không phải của mình; (3) Biết là có chủ; (4) Biết là họ không đồng ý; (5) Không nghĩ là mình mượn tạm.

Lại có năm yếu tố đầy đủ không phạm Ba-la-di. Đủ năm yếu tố sau đây, không phạm Ba-la-di. Đó là (1) Tưởng là người ta cho;

(2) Tưởng là của mình; (3) Tưởng là vật vô chủ; (4) Tưởng là người chủ đồng ý; (5) Nghĩ là mình mượn tạm.

Đó là năm trường hợp Tỳ-kheo lấy của không cho, không phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho, tại phương Đông, Tây, Bắc, Nam, trên hư không, chỗ trú xứ, đều phạm Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo sai đầy tớ, hoặc người giúp việc, hoặc người quen biết, hoặc làm thử, hoặc chưa từng làm mà làm, hoặc ngu si, hoặc không biết xấu hổ tưởng là việc tốt, đi lấy của không cho, thì đều phạm tội.

Trường hợp không phạm: Nếu tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo lấy của không cho nơi làng xóm, chỗ hoang vắng, tùy theo vật lấy trộm, khiến vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: Ôi, kẻ nam tử! Ngươi là kẻ trộm sao? Ngươi là kẻ ngu si sao? Nếu Tỳ-kheo là kẻ ăn trộm như thế, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (cùng Tăng chúng).***

Khi ấy, Đức Thế Tôn trú tại thành Vương-xá, sau bữa thọ trai, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, bóng xế dài chừng hai người, vào ngày thứ mười giữa tháng thứ hai của mùa đông, sáu năm sau khi thành Phật, vì trưởng lão Đạt-nị-già con của người thợ gốm nhân liên hệ đến vua Bình Sa và Tỳ-kheo mặc y phấn tảo mà chế giới này. Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

(Hết giới thứ 2 của bốn giới Ba-la-di)

*

Hết quyển thứ ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 4

BA-LA-DI
(tiếp theo)

3. SÁT SANH

Khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày không bớt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đâm ra mỏi mệt chán ngán, liền nói với Tỳ-kheo có bệnh: "Trưởng lão! Tôi nuôi bệnh đã lâu ngày, không được phụng sự Hòa thượng, Thầy Giáo thọ, cũng không được thọ trì Kinh, tụng Kinh và tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày, chữa trị cũng không hết, tôi cũng khổ sở lây." Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: "Thế thì phải làm sao? Tôi cũng đau đớn thống khổ không sao chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì hay lắm." Thầy Tỳ-kheo ấy liền giết vị kia. Các Tỳ-kheo hay được liền đem đầy đủ mọi tình tiết bạch lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: "Gọi Tỳ-kheo ấy đến."

Khi thầy ấy đến rồi, Phật bèn hỏi kỹ các việc trên: "Tỳ-kheo! Ông có làm việc ấy thực chăng?"

Đáp: "Có thực, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si! Ông không từng nghe ta dùng nhiều phương tiện ca ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, cúng dường cung cấp những thứ cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tự tay sát hại mạng sống của

người? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Bấy giờ, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình sát hại mạng người, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh, chữa trị lâu ngày mà không dứt. Thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh mệt mỏi, chán ngán, bèn nói với Tỳ-kheo có bệnh: "Trưởng lão! Từ ngày tôi nuôi bệnh đến nay đã lâu mà không được phụng sự Hòa thượng, thầy Giáo thọ, không được thọ trì Kinh, tụng Kinh, tư duy hành đạo. Trưởng lão mang bệnh đã lâu ngày chữa trị không dứt, mà tôi cũng khổ lây." Thầy Tỳ-kheo có bệnh nói: "Thế thì phải làm sao? (**254a**) Tôi cũng đã chán nỗi thống khổ này không thể chịu nổi. Nếu thầy có thể giết tôi chết thì rất tốt." Thầy Tỳ-kheo ấy nói: "Đức Thế Tôn chế giới không được tự tay mình giết người." Tỳ-kheo có bệnh nói: "Nếu thầy không thể tự tay mình giết tôi, thì thầy có thể vì tôi đi tìm một kẻ cầm dao đến đây." Lúc ấy, thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh bèn đi đến chỗ một ngoại đạo là Lộc Trượng, nói: "Lão trượng, ông có thể giết vị Tỳ-kheo mỗ giáp kia, thì tôi cho ông y bát." Y bèn theo lời, giết thầy ấy rồi lấy y bát.

Các Tỳ-kheo biết được việc đó, liền đem đầy đủ mọi sự tình bạch lên Thế Tôn.

Phật bảo: "Đi gọi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây."

Khi Tỳ-kheo ấy đến, Phật hỏi: "Có thực ông làm việc đó chăng?"

Đáp: "Đúng vậy!" Phật khiển trách: "Ngươi chẳng từng nghe ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh có thân từ ái, miệng từ ái, ý từ ái, cúng dường cung cấp những vật cần thiết cho họ là gì? Nay vì sao ông tìm người cầm

dao giết chết mạng người? Đó là việc phi pháp, phi luật, chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống chung quanh Tỳ-xá-ly phải tập họp lại đầy đủ. Ngài bèn vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu thầy Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với tăng chúng).

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, có một Tỳ-kheo bị bệnh lâu ngày. Rồi thầy Tỳ-kheo nuôi bệnh nói với Tỳ-kheo bị bệnh dai dẳng ấy như sau: "Tôi không thọ trì Kinh, tụng Kinh, tư duy hành đạo được. Lại phải đi đến người ta tìm kiếm những thức ăn uống, thuốc thang phù hợp với người bệnh khiến thiên hạ đều chán ngấy tôi. Tôi cũng khổ sở chẳng kém." Thầy Tỳ-kheo bệnh nói: "Thế thì phải làm sao? Tôi cũng chán nỗi đau đớn này, không thể chịu nổi nữa. Nếu thầy giết tôi chết thì tốt lắm." Tỳ-kheo ấy liền nói: "Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được tự tay giết người hay sao?" Tỳ-kheo bệnh nói: "Nếu vậy thì thầy vì tôi đi gọi giúp người cầm dao đến đây." Tỳ-kheo ấy lại nói: "Thầy không nghe Thế Tôn chế giới không được đi tìm người cầm dao về giết người hay sao?"Tỳ-kheo bệnh nói: "Thế thì thầy bảo phải làm sao?" Tỳ-kheo nuôi bệnh đáp: "Thầy chỉ cầu được sống không muốn chết, chứ nếu muốn chết thì thầy có thể tìm dao để tự sát, hoặc là uống thuốc độc, hoặc dùng dây tự thắt cổ, hoặc nhảy xuống hố, lao vào lửa, hoặc ôm đá dìm mình xuống sông, phương pháp tự sát thật là đa dạng." Ca ngợi như thế rồi, thầy bèn ra khỏi trú xứ. Sau đó Tỳ-kheo có bệnh bèn tự sát. Các Tỳ-kheo bèn đem (**254b**) việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Thế Tôn dạy: "Hãy gọi Tỳ-kheo nuôi bệnh đến đây."

Khi vị ấy đến, Phật hỏi kỹ sự việc trên: "Ông có làm thực như thế chăng?"

Đáp: "Thật như thế."

Phật nói: "Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người sống phạm hạnh, có thân từ ái, miệng từ ái và ý từ ái, và khuyên cúng dường cung cấp cho họ những thứ cần thiết là gì? Nay vì sao ông lại ca ngợi sự chết? Điều đó là phi pháp, phi luật, không đúng lời ta dạy. Không thể dùng việc này để nuôi lớn thiện pháp."

Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh Tỳ-xá-ly tập họp lại tất cả, những ai nghe rồi cũng phải nghe lại và căn cứ mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc đi tìm người cầm dao đến giết, hoặc bảo họ chết, ca ngợi sự chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với chúng tăng.

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Khi Lộc Trượng ngoại đạo giết Tỳ-kheo rồi, lòng rất sầu não, suy nghĩ "Ta nay vì sao lại giết người sống phạm hạnh, tạo tội ác như thế? Sau khi ta mệnh chung, làm sao khỏi rơi vào đường ác, sa vào địa ngục?"

Bấy giờ, Thiên Ma Ba Tuần thường tạo điều kiện để làm tăng trưởng các việc ác, liền từ trên không trung nói với ngoại đạo: "Ông chớ nên ưu sầu lo sợ đọa vào đường ác. Vì sao thế? - Việc làm của ông hôm nay là khiến cho người ta thoát được khổ hoạn, những ai chưa được độ thì được độ, thực là công đức vô lượng." Khi đó, ngoại đạo ấy suy nghĩ: "Ta giết Tỳ-kheo, ắt thu được phước lớn, cho nên Chư Thiên tùy hỷ khen là việc tốt." Suy nghĩ thế rồi, y bèn cầm dao bén đi đến các tăng phòng và những chỗ kinh hành rao lớn cho các Tỳ-kheo nghe: "Ai muốn thoát khổ, ai muốn được độ, ta sẽ làm cho hết khổ, ta sẽ độ cho."

Bấy giờ, đức Thế Tôn giảng về pháp môn Bất tịnh quán cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo tu pháp bất tịnh quán chán ngấy nỗi khổ của thân, trong số họ có người dùng dây thắt cổ, có người uống thuốc độc, có kẻ dùng dao tự sát, có kẻ nhảy xuống hố, kẻ lao

vào lửa, tự vẫn rất đông. Họ còn bị Lộc Trượng ngoại đạo trước sau giết không phải một người, hai người, ba, bốn, năm người, mười người mà cả thảy sáu mươi người. Lúc ấy vào ngày rằm hằng tháng, đức Thế Tôn đang ngồi giữa chúng tăng, định làm lễ Bố-tát. Ngài nhìn xung quanh thấy chúng Tăng thưa thớt, bèn hỏi A-nan: "Hôm nay chúng Tỳ-kheo vì sao mà ít thế? Vì sao không thấy Tỳ-kheo A, B, v.v…?"

A-nan liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo giảng về pháp Bất tịnh quán, ca ngợi công đức tu tập pháp Bất tịnh quán (**254c**). Các Tỳ-kheo siêng năng tu pháp Bất tịnh quán. Sau khi tu pháp quán Bất tịnh họ rất chán cái thân này. Do thế có người cầm dao tự sát. Thậm chí có người còn nhờ Lộc Trượng ngoại đạo giết mình; chỉ trong nửa tháng mà mất sáu mươi người. Những ai không đến đều đã mệnh chung, rất mong Thế Tôn dạy cho pháp khác, để các Tỳ-kheo khỏi chán xác thân mà tự sát, hầu các bậc Hiền thánh còn tồn tại lâu ở thế gian, đem lại lợi ích cho trời, người."

Thế rồi, Phật bảo A-nan: "Có pháp thiền định khác khiến các Tỳ-kheo thích thú, siêng tu mà không nhàm chán xác thân. Đó là pháp niệm hơi thở vô và hơi thở ra. A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo tu tập pháp niệm hơi thở vô hơi thở ra, được thành tựu, chứng ngộ, du hí trong an lạc? Đó là, nếu Tỳ-kheo cư trú nơi thành ấp, xóm làng, khi đến giờ, khoác y, cầm bát vào thành khất thực, thu nhiếp thân, khẩu, ý, khéo nghĩ nhớ đến thân mình, không để tâm dong ruổi, thường giữ chánh định, nhiếp trì các căn mà đi khất thực. Khất thực xong, trở về trú xứ tìm một chỗ vắng vẻ mà ngồi yên. Nghĩa là tìm một chỗ trống, khe suối, hang núi hay nghĩa trang mà ngồi thiền rồi đoạn trừ tham dục, sân hận, ngủ nghỉ, trạo cử, hoài nghi và diệt trừ các chướng ngại, trí tuệ sáng tỏa, buộc niệm tại hơi thở, khi hít vào biết là hít vào, khi thở ra biết là thở ra.

1. Khi hít vào dài biết là hít vào dài, khi thở ra dài biết là thở ra dài.

2. Khi hít vào ngắn biết là hít vào ngắn. Khi thở ra ngắn, biết là thở ra ngắn.
3. Khi hơi thở vào khắp thân thể, biết là hơi thở vào khắp thân thể. Khi hơi thở ra khắp thân thể, biết là hơi thở ra khắp thân thể.
4. Khi hơi thở vào thân buông xả, biết là hơi thở vào thân buông xả. Khi hơi thở ra thân buông xả, biết là hơi thở ra thân buông xả.
5. Khi thở vào hoan hỷ, biết là thở vào hoan hỷ. Khi thở ra hoan hỷ, biết là thở ra hoan hỷ.
6. Khi thở vào an lạc, biết là thở vào an lạc. Khi thở ra an lạc, biết là thở ra an lạc.
7. Khi thở vào có ý thức, biết là thở vào có ý thức. Khi thở ra có ý thức, biết là thở ra có ý thức.
8. Khi thở vào có ý hành xả, biết là thở vào có ý hành xả. Khi thở ra có ý hành xả, biết là thở ra có ý hành xả.
9. Khi thở vào có tâm hiện diện, biết là thở vào có tâm hiện diện. Khi thở ra có tâm hiện diện, biết là thở ra có tâm hiện diện.
10. Khi thở vào tâm vui vẻ, biết là thở vào tâm vui vẻ. Khi thở ra tâm vui vẻ, biết là thở ra tâm vui vẻ.
11. Khi thở vào tâm định tĩnh, biết là thở vào tâm định tĩnh. Khi thở ra tâm định tĩnh, biết là thở ra tâm định tĩnh.
12. Khi thở vào tâm giải thoát, biết là thở vào tâm giải thoát. Khi thở ra tâm giải thoát, biết là thở ra tâm giải thoát.
13. Khi thở vào vô thường, biết là thở vào (255a) vô thường. Khi thở ra vô thường, biết là thở ra vô thường.
14. Khi thở vào đoạn diệt, biết là thở vào đoạn diệt. Khi thở ra đoạn diệt, biết là thở ra đoạn diệt.

15. Khi thở vào không tham dục, biết là thở vào không tham dục. Khi thở ra không tham dục, biết là thở ra không tham dục.
16. Khi thở vào tịch diệt, biết là thở vào tịch diệt. Khi thở ra tịch diệt, biết là thở ra tịch diệt.

Như thế đó A-nan, suy nghĩ như vậy, gọi là thích thú, khéo học, không nhàm chán xác thân, khiến cho các bậc hiền thánh an trú lâu ở thế gian, làm lợi ích cho trời, người. Rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống xung quanh Tỳ-xá-ly tập họp lại hết, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo tự tay giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, hoặc xúi giục tự tử, hoặc ca ngợi sự chết, như nói: "Ôi! Kẻ nam tử, sống với cái thân nhơ uế để làm gì, chết còn hơn sống." Dùng phương tiện ca ngợi rằng chết là thích thú, với ý nghĩ như thế, tư tưởng như thế chứ không có gì khác, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với tăng chúng.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Đã chú thích ở giới thứ nhất

Tự tay mình: Đó là: Tự thân, thân phần, thân thế lực.

Tự thân: Dùng cả toàn thân mình đè lên để giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là tự thân.

Thân phần: Hoặc dùng tay, cùi chỏ, gót chân, đầu gối, hoặc các bộ phận khác để giết người, thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân phần.

Thân thế lực: Hoặc dùng gậy, dùng đá, dùng gạch, từ xa để ném giết người thì phạm Ba-la-di. Đó gọi là thân thế lực.

Người: Thuộc loài người, có mạng sống.

Giết chết: Khiến cho tứ đại của người ấy bị phân tán, mạng sống không còn tiếp tục. Đó gọi là giết chết.

Đi tìm: Là đi tìm người cầm dao hoặc là nam, nữ, lớn, nhỏ, hoặc xuất gia, tại gia.

Dao: Hoặc là kiếm kích, hoặc dao dài, dao ngắn, hoặc xà mâu, vòng sắt, tất cả những khí giới sắt bén cho đến cây kim v.v…

Khen ngợi sự chết: Tức là nói: Sống với cái thân ô uế để làm gì, chết còn hơn sống. Ý nghĩ như vậy là ý nghĩ sát hại, tư tưởng như vậy là tư tưởng sát hại. Khen ngợi chết là thích thú để mong người ấy chết, chứ không có lý do nào khác. Do đó mà họ chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Đã giải thích ở giới thứ nhất.

(**255b**) **Tỳ-kheo giết người:** Hoặc dùng dao giết, hoặc dùng thuốc độc giết, hoặc bôi thuốc lên mình, hoặc cho mửa ra, cho đại tiện, hoặc làm đọa thai để giết, hoặc nói về tướng trạng, hoặc ca ngợi sự tự sát.

Giết bằng dao: Hoặc dùng gươm, dao lớn, dao nhỏ, cho đến dùng kim v.v. Khi có tâm sát hại mà thân động thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi chạm đến thân họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Do đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng dao.

Giết bằng thuốc độc: Thuốc độc có ba loại, là: Thuốc độc sống, thuốc độc bào chế, chất độc của loài vật.

Thuốc độc sống: Có những nước, đất ở đó sinh ra cây thuốc độc, như nước Nghê Lâu Sinh có cây thuốc độc thắng cừ, nước Uất Xà Ni sinh có cây thuốc độc già la. Đó gọi là thuốc độc sống.

Thuốc độc bào chế: Như trường hợp thợ săn dùng rễ, cành, hoa, lá hợp lại chế thành thuốc độc. Đó gọi là thuốc độc bào chế.

Chất độc của loài vật: Như chất độc của rắn, chất độc của loài Na Câu La, chất độc của mèo, chất độc của chuột, chất độc của chó, chất độc của gấu, chất độc của người (?). Các chất độc như thế gọi là chất độc của loài vật.

Bôi lên mình: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người bèn dùng tay cầm ba loại thuốc độc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bôi lên mình họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Người ấy do thế mà chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc.

Bôi thuốc mà giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, tự tay cầm thuốc độc thì phạm tội Việt-tỳ-ni, thoa thuốc vào thân phần người khác, phạm Thâu-lan-giá. Nếu người ấy do đó mà chết, phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc mửa ra: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc mửa, suy nghĩ: "Ta đưa loại thuốc này cho người ấy uống để cho y mửa ra máu huyết, gan mật", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi đưa thuốc cho người ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Người ấy vì uống thuốc mửa đó mà chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Cho thuốc đại tiện: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên chế ra thuốc đại tiện, và suy nghĩ: "Ta đưa thuốc này cho người ấy uống, để y đại tiện ra máu huyết và gan mật", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đưa thuốc cho người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy do thuốc đó mà chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng thuốc đại tiện để giết.

Làm đọa thai để giết: Nếu Tỳ-kheo muốn giết bà mẹ mà làm cho đọa thai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn làm đọa thai mà bà mẹ chết, thì cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu muốn giết người mẹ mà người mẹ chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu muốn làm đọa thai mà một phần của thai nhi, hoặc cả thai bị trục ra, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu làm đọa thai loài vật thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai để giết.

Nói tướng trạng: Nếu Tỳ-kheo nói với người kia rằng: "Theo chỗ thấy của tôi hiện giờ thì ông nhất định sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì!" Người ấy do thế mà chết, (**255c**) thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: "Như tôi thấy trong mộng thì nay ông nhất định sẽ chết."

Hoặc nói: "Tôi nghe tiếng chó sói, chim cú, chim quạ kêu. Nay tôi thấy trên mũi ông hiện lên sắc đen, ông chắc chắn sẽ chết. Ông nên tự sát, chứ sống khổ sở để làm gì!"Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: "Ông bao nhiêu tuổi?" Đáp: "Tôi chừng ấy tuổi." Lại nói: "Tôi rất rành số mạng. Năm nay ông chắc chắn sẽ chết, chi bằng ông tự sát là hơn, chứ để cái thân ô uế này sống mà làm gì!" Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Hoặc hỏi: "Ông thuộc về sao gì?" Đáp: "Tôi thuộc về sao như thế." Lại nói: "Tôi hiểu rõ sao đó, nên biết năm nay ông nhất định sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa. Vì sao ông không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?"

Hoặc hỏi: "Ông tên gì?" Đáp: "Tôi tên là A." Lại nói: "Tôi biết tất cả các tên tuổi. Ông nhất định sẽ chết."

Lại hỏi: "Ông họ gì?" Đáp: "Tôi họ mỗ." Lại nói: "Tôi biết rất rành các dòng họ, năm nay ông nhất định sẽ chết."

Lại hỏi: "Ông ăn thứ gì?" Đáp: "Tôi ăn thức ăn như thế." Bèn bảo họ mửa ra. Mửa rồi, liền nói: "Ông ăn thức ăn như thế chắc chắn sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa."

Lại hỏi: "Ông ăn tại đâu?" Đáp: "Ăn tại chỗ đó." Bèn bảo họ mửa ra. Mửa rồi, liền nói: "Chỗ đó có chất độc. Nay ông chắc chắn sẽ chết, sao không tự sát cho rồi, chứ sống khổ sở để làm gì?" Người đó do thế mà chết, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên cố ý nói về tướng trạng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người đó nghe lời dùng phương tiện định tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ đã tự sát, thì phạm tội Baladi. Đó gọi là nói tướng trạng để giết.

Ca ngợi sự tự sát: Nếu Tỳ-kheo hỏi một người bố thí, hoặc trì giới có kết quả: "Ông có bố thí không?" Đáp: "Có bố thí." Tỳ-kheo nói: "Ông đã tạo được công đức, ắt sinh vào cõi thiện, sao không tự sát đi mà sống khổ sở để làm gì?" Đó là trường hợp bố thí.

Hoặc Tỳ-kheo hỏi một người trì giới: "Ông có giữ giới không?" Đáp: "Có giữ giới."

Lại nói: "Đức Thế Tôn dạy rằng: Kẻ trì giới sẽ sinh về hai nơi, hoặc trên trời, hoặc cõi người; sao ông không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?" Đó gọi là ca ngợi kết quả giữ giới. Tỳ-kheo lại nói: "Ông đã được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào đường ác, tối đa là sinh lại trong cõi trời người bảy lần nữa rồi chấm dứt khổ đau, đóng cửa ác thú, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?"

Hoặc nói: "Ông đã được quả Tư-đà-hàm, còn một lần sinh lại thế gian rồi chấm dứt khổ đau, sao không tự sát mà sống khổ sở để làm gì?"

Hoặc nói: "Ông đã được quả A-na-hàm, không còn trở lại thế gian nữa (**256a**), mọi khổ đau đã kết thúc sao không tự sát, mà còn sống khổ sở để làm gì?"

Hoặc nói: "Ông đã được quả A-la-hán, sạch hết dâm, nộ, si, không vướng phiền não, tâm được tự tại, sao không tự sát mà còn sống khổ sở để làm gì?"

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên ca ngợi kết quả của sự bố thí, trì giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi người ấy tìm phương tiện để tự sát, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu họ đã tự sát thì phạm tội Ba-la-di.

Lại có các trường hợp giết người khác: Hoặc đi, hoặc đặt cạm bẫy, hoặc dùng Tỳ Đà La chú, hoặc thuốc bột, hoặc ô mãn thổ, hoặc hầm hố, hoặc a ba khâm mãn, hoặc chỉ đường, hoặc chỉ sông, hoặc đại thần, hoặc Tăng phường, hoặc cọp, hoặc ngoại đạo.

Giết khi đi: Hoặc 10 người, hoặc 20 người cùng đi trên đường, rồi Tỳ-kheo vì trước đó có thù oán, muốn hại người đi trước mà hại lầm người đi giữa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi sau cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi sau mà hại lầm người đi giữa cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại lầm người đi đầu cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng muốn hại người đi đầu mà hại đúng người đi đầu thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc muốn hại người đi giữa mà hại đúng người đi giữa cũng phạm tội Ba-la-di.

Hoặc có ý muốn giết tất cả, thì tùy người nào bị giết liền phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết khi đi.

Giết bằng đặt cạm bẫy: Nếu Tỳ-kheo có tâm giết hại, làm cạm bẫy, thì khi đem cạm bẫy đặt ở giữa đường liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng đặt cạm bẫy.

Giết bằng tỳ đà la chú: Nếu Tỳ-kheo muốn giết người, bèn làm tỳ đà la chú thì khi làm chú, phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy đâm ra sợ hãi, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi người ấy chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng chú Tỳ đà la để giết.

Giết bằng thuốc bột: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm thuốc bột. Khi làm nghĩ rằng: "Ta sẽ đem món thuốc này đến giết người ấy", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu thuốc đó chạm đến người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng thuốc bột.

Giết bằng ô mãn thổ: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm ô mãn thổ (?) giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy vì thế mà đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng ô mãn thổ.

Giết bằng hầm sập: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên đào hầm ở giữa đường, rồi đặt các thứ hung khí sắc bén, dùng cỏ, đất phủ lên trên, để người đó rơi xuống chết, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người đó bị đau đớn (**256b**) thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng hầm sập.

Giết bằng a ba khâm mãn: Nếu Tỳ-kheo vì muốn giết người nên làm a ba khâm mãn (?) ở giữa đường, thì khi làm liền phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị đau đớn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng a ba khâm mãn.

Giết bằng cách chỉ đường: *N*ếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên đường có người đến hỏi: "Trưởng lão! Tôi muốn đến khu làng như thế, phải đi đường nào?" Tỳ-kheo vì trước đó có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: "Ta nay gặp được kẻ này, nên chỉ con đường nguy hiểm, khiến cho y chỉ có chết mà thôi." liền chỉ những con đường nguy hiểm như: nạn vua, nạn sư tử, hổ báo, nạn rắn độc... thì khi chỉ những con đường hiểm như thế, phạm tội Việt-

tỳ-ni. Nếu người ấy bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng cách chỉ đường.

Giết bằng chỉ lối qua sông: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên sông có người đến hỏi: "Trưởng lão! Tôi muốn đi đến chỗ như thế, nên đi lối nào?" Tỳ-kheo này trước đây vốn có mối thù với người ấy, liền suy nghĩ: "Nay ta gặp được kẻ này, nên chỉ y đi qua chỗ hiểm trở, khiến cho y không thể nào thoát chết", liền chỉ các lối đi hiểm trở như: chỗ nước xoáy, chỗ đá ngầm, chỗ đất sụp, lòng chảo v.v. hoặc đoạn bờ sông vua cấm, hoặc có bọn cướp sông, hoặc có nạn sư tử, hổ báo, trùng độc v.v. khi chỉ cho người ấy lối đi hiểm trở thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người ấy bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi y chết thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là giết bằng chỉ lối qua sông.

Đại thần: Nếu có quan đại thần bạo ngược vô đạo, tham-lam lấy của người đem về cho mình, không sợ hình phạt, buông lung phóng túng, suy nghĩ như sau: "Thà làm con quạ hôm nay hơn là làm con công ngày mai." Vua nghe được lời ấy, bèn bắt y giam vào tù để trị tội. Y sợ chết, nên dùng tất cả tài sản để chuộc mạng. Khi ấy có một Tỳ-kheo thường lui tới nhà đó, bèn đến an ủi hỏi han những nổi vui buồn của gia đình họ. Người vợ nói: "Nhà tôi vừa gặp chuyện rắc rối đang bị giam trong tù, thì làm sao vui được? Thầy có biết không? Hiện giờ nhà tôi sợ tội phải bị tử hình, nên đem tất cả của cải để chuộc lấy tính mạng. Nếu tiền của hết thì phải bần cùng, không còn gì để sống nữa." Tỳ-kheo nói: "Bà chớ sầu não! Ta sẽ bảo chồng bà không nên dùng đến tài sản", bèn đến nhà giam an ủi ông ta: "Lão trượng! Không bệnh chứ?" Viên đại thần thấy Tỳ-kheo đến, lòng rất hoan hỷ (**256c**) nói: "Thầy ở ngoài có nghe điều gì chăng?" Tỳ-kheo đáp: "Nghe ông sắp phải chết, nên muốn dùng hết gia tài để chuộc lấy tính mạng. Nếu như thế thì vợ con ông sau này sẽ đói khát khốn cùng phải đi ăn xin, mà tiếng xấu gia đình ông sẽ còn truyền mãi." Viên đại thần hỏi: "Thế thì phải làm sao?" Tỳ-kheo nói: "Tên vua này vô đạo, giả sử có thu hết tài sản của ông cũng chẳng để ông sống đâu, cẩn thận,

chớ giao của cho hắn mà phải tính toán cho kỹ lưỡng." Nếu viên đại thần đó nghe theo lời ấy, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu y phải chịu thống khổ, thì Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu y chết, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vị đại thần nghe Tỳ-kheo ấy nói bèn đáp rằng: "Thầy là bạn tri kỷ của tôi mà tiếc tiền của không muốn tôi sống, nếu tôi chết rồi giả sử mặt trời mặt trăng không mọc nữa, thì cũng chẳng phải điều mà tôi lo, huống gì việc khác. Thầy hãy về suy nghĩ những lời Phật dạy, còn việc cát hung tốt xấu không liên quan gì đến thầy", thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó vị đại thần suy nghĩ: "Đúng như Tỳ-kheo nói, tên vua này vô đạo, giả sử cho hết tài sản, chung cục hắn cũng giết ta. Ta chết đã vô ích mà vợ con còn bị đói khát, không lấy gì để sống, gia đình bị sỉ nhục; Ôi! Cái chết thật đau đớn! Ta nay chịu lấy một mình, không đem cho tài sản." Thế rồi ông bị chết. Dù ông không lập tức nghe lời của Tỳ-kheo, nhưng vì trước đó Tỳ-kheo đã bày kế ấy, nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người vi phạm quốc pháp, viên chức hình sự bắt trói đem đến trình vua. Vua bảo đem y ra tra xét, tùy tội xử trị. Lúc ấy, viên chức tư pháp bèn dùng hoa già tỳ la trang điểm lên đầu tội nhân, trói chặt hai tay, đánh trống, thổi tù và, loan báo sắc lệnh khắp nơi. Loan báo lệnh xong bèn đem y ra khỏi cửa thành, đến nơi pháp trường. Bấy giờ, có Tỳ-kheo Ma Ha La (bán thế xuất gia), chưa rành giới luật, thương kẻ tội nhân ấy đau khổ, bèn nói với tên đao phủ rằng: "Người này thật đáng thương, đừng làm cho ông ta đau đớn. Ông chỉ nên chém y một nhát." Nếu lúc ấy tên đao phủ đáp: "Tôi sẽ y lời", rồi cầm dao bén chém phắt một nhát, thì Tỳ-kheo ma ha la phạm tội Ba-la-di. Nếu tên đao phủ trả lời với Tỳ-kheo rằng: "Ông nên biết mình phải làm gì. Tôi sẽ làm theo mệnh lệnh của vua (**257a**). Ông hãy trở về mà suy nghĩ những lời Phật dạy đi", thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu sau đó tên đao phủ suy nghĩ, rồi mới áp dụng lời nói của Tỳ-kheo, chém tội nhân một nhát mà không làm ngay lập tức, thì Tỳ-kheo Ma Ha La phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là đại thần.

Tăng phường: Có Tỳ-kheo khách đến chùa, theo thứ tự nhận phòng ở. Thầy Tỳ-kheo tri khách vì trước đó có hiềm khích với vị này, bèn suy nghĩ: "Ta nay gặp được ngươi, phải cho ngươi căn phòng đổ nát, để ngươi chết toi mạng", bèn giao cho căn phòng hư, tường cột đổ nát hư hoại, gần chỗ tỳ đa la (?) đáng sợ, chỗ các loài ác quỉ phú đơn na, gần chỗ rắn rít. Khi giao phòng cho người kia, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi người kia bị thống khổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thầy ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo khách buổi sáng dậy sớm hỏi vị Tỳ-kheo cựu trú vật rửa tay ở chỗ nào? Tỳ-kheo cựu trú lấy bình chứa đầy ong nọc, rít, rắn độc, rồi đậy nắp lại, nói với vị Tỳ-kheo khách rằng: "Bình này có chứa nước rửa tay. Ngài cứ tự ý sử dụng." Khi vị khách cầm đến bình đó thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi bị đau đớn, phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu chết phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là dùng tăng phường để giết.

Cọp: Các nơi hoang vắng thường có cọp làm hại người. Lúc ấy, chúng tăng bèn tập họp lại bàn bạc: "Này các trưởng lão! Tại nơi hoang vắng này có cọp, sợ nó làm hại người, vậy ai có thể trừ được con cọp này?" Bấy giờ, trong chúng có Tỳ-kheo A, vốn có hiềm khích với Tỳ-kheo B, bèn nói với mọi người: "Tôi có thể trừ được cọp." Rồi vào lúc chiều tối, Tỳ-kheo A này mang cung tên ra đi, khi ấy thầy Tỳ-kheo B mặc y vàng, đầu có màu đen, đi đến chỗ cầu tiêu, rồi Tỳ-kheo A định giết Tỳ-kheo B nhưng giết nhầm cọp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc định giết cọp nhưng giết nhầm Tỳ-kheo B, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu muốn giết Tỳ-kheo B mà giết đúng Tỳ-kheo B, thì phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu muốn giết cọp mà giết đúng cọp thì phạm tội Ba-dật-đề. Nếu định giết cả hai, thì tùy theo giết đối tượng nào, phạm tội theo đối tượng đó: Giết Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, giết cọp phạm tội Ba-dật-đề. Đó gọi là cọp.

Ngoại đạo: Có các ngoại đạo thờ mặt trời, mặt trăng, nên mỗi khi nhật thực, nguyệt thực thì những người Bà-la-môn này tụ tập đồ đảng, tay cầm khí giới, lớn tiếng gọi nhau đi cứu mặt trời mặt trăng. Do đó, họ đi ngang qua gần tinh xá, vừa trông thấy các Tỳ-kheo, liền nổi giận mắng: "Bọn Sa-môn Thích tử kia là bè đảng của A-tu-la, nay phải giết chúng." Khi các Tỳ-kheo nghe những lời thô ác ấy, liền đánh kiền chùy (**257b**) tập họp Tăng chúng. Rồi một Tỳ-kheo nói: "Hôm nay chúng ta phải cùng nhau lập thệ ước trừng trị bọn ngoại đạo tà ác này, không để một mạng nào sống sót." Vì thề nguyền phi pháp, cho nên tất cả chúng tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ phải chịu đau khổ thì tất cả chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu bọn họ chết thì tất cả Tăng chúng phạm tội Ba-la-di.

Nếu cùng nhau thề nguyền: "Không nên làm cho chúng chết mà chỉ làm chúng đau khổ để cải ác làm lành", thì tất cả chúng Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bọn họ chịu đau khổ thì tất cả Tăng chúng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu lúc ấy các Tỳ-kheo bảo nhau: "Các trưởng lão! Không nên hại bọn chúng cũng không nên làm cho họ đau khổ, vì đức Thế Tôn đã dạy: "Nếu Tỳ-kheo bị bọn giặc hung bạo dùng cưa, dao cắt đứt thân thể, thì lúc ấy tâm không nên khởi lên niệm ác, miệng không nên nói lời ác độc với chúng mà phải khởi tâm từ bi, tâm lợi ích, tâm nhẫn nhục." Do đó các Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: "Trong Kinh Cú Đạo Dụ, Thế Tôn đã dùng phương tiện dạy ta phải nhẫn nhục." Thế rồi, các thầy đóng chặt các cửa ngõ, lớn tiếng la vang để bọn ngoại đạo khiếp sợ, thì không có tội. Tất cả chúng Tăng đều cùng phát thệ như thế, thì tất cả Tăng không có tội.

Có một Tỳ-kheo đánh con của Bà-la-môn gần chết liền tự suy nghĩ: "Người này nếu chết, thì pháp Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hắn sống lại." Rồi có một Tỳ-kheo khác hỏi Tỳ-kheo ấy: "Thầy đang làm gì thế?" Đáp: "Tôi đánh người Bà-la-môn này gần chết, rồi tôi suy nghĩ: "Nếu kẻ này chết thật thì pháp Sa-môn Thích tử sẽ bị hoen ố. Giờ đây ta phải đi tìm thuốc cứu hắn sống lại." Nếu Tỳ-kheo kia nói: "Thầy cứ đi tìm thuốc, để tôi giữ hắn cho." Thế rồi sau khi Tỳ-kheo đánh người đi khuất, vị Tỳ-kheo kia bèn kết liễu sinh mạng của hắn. Trong trường hợp này, Tỳ-kheo trước đánh người, phạm tội Thâu-lan-giá. Tỳ-kheo sau giết người, phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là ngoại đạo. Nếu một Tỳ-kheo vì định giết người mà cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu chạm đến thân người ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu hai, ba cho đến nhiều người vì muốn giết người mà cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến người ấy chết, thì phạm tội Ba-la-di. Một Tỳ-kheo được (người khác) sai đi giết người, bèn sai lại một Tỳ-kheo khác cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni... cho đến chết phạm tội Ba-la-di.

Như thế, sai người thứ hai (**257c**) thứ ba cho đến sai nhiều Tỳ-kheo cầm dao, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho đến chết, phạm tội Ba-la-di.

Tóm lại giết bằng thuốc độc, giết bằng bôi thuốc lên mình, giết bằng thổ (mửa) hay tả (đi cầu), giết bằng làm đọa thai, giết bằng nói tướng trạng, giết bằng khen ngợi sự chết cũng đều thế cả. Trường hợp giết người hội đủ năm điều kiện sau đây, thì phạm tội Ba-la-di. Đó là: (1) Đúng là người; (2) Tưởng là người; (3) Tạo phương tiện; (4) Có tâm giết hại; (5) Kết thúc mạng sống. Đó gọi là năm điều kiện.

Hoặc sai đầy tớ giết, hoặc sai người làm công, hoặc bạn bè, hoặc làm thử, hoặc chưa từng làm, vô trí, không biết xấu hổ, tưởng là làm không sao, đều phạm tội. Trái lại, nếu vì cuồng tâm, loạn trí mà giết người thì không phạm tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc tìm người cầm dao đến giết, hoặc khuyên họ chết, ca ngợi sự chết, nói: Ôi nam tử! Để cái thân ô uế này sống làm gì, chết còn hơn sống. Có ý nghĩ như thế, có tư tưởng như thế, dùng phương tiện khen ngợi rằng chết là thú vị, khiến cho người ấy chết, chứ không có lý do nào khác; thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang trú tại thành Tỳ-xá-ly, trước bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Bắc, bóng mặt trời xiên độ một người rưỡi, ngày mồng chín, nửa tháng thứ ba mùa Đông sau khi thành đạo sáu năm, vì những Tỳ-kheo nuôi bệnh đã nhờ Lộc Trượng ngoại đạo giết các Tỳ-kheo, mà chế giới này.

Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành, đó gọi là pháp tùy thuận.

(Hết giới thứ 3 của bốn giới Ba-la-di)

*

4. ĐẠI VỌNG NGỮ

Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại một làng kia có hai Tăng đoàn an cư. Lúc an cư xong, một nhóm về thành Xá-vệ thăm viếng đức Thế Tôn, đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, các thầy an cư ở đâu rồi đến đây?"

Đáp: "An cư tại làng ấy."

Phật lại hỏi: "Các thầy an cư có vui không? Khất thực có dễ không? Hành đạo có đúng pháp không? Sau khi an cư xong có được y an cư không? Các Ưu-bà-tắc có thường lui tới chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Hạ an cư vui, hành đạo đúng pháp nhưng khất thực khó được, y vật không đủ, các Ưu-bà-tắc không thường lui tới."

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Người xuất gia đâu có thể nhận được của thế gian hoài! Các Tỳ-kheo nên biết: Ở đời có tám pháp (**258a**) thường theo sát người ta, và người đời cũng thường theo sát tám pháp này. Tám pháp này là: (1) Lợi; (2) Không lợi; (3) Khen; (4) Không khen; (5) Ca ngợi; (6) Phỉ bang; (7) Vui; (8) Khổ.

Những Tỳ-kheo nào ngu si, phàm phu, ít nghe, ít biết ở trong chánh pháp mà tâm không điều phục, ở trong pháp của hiền thánh mà trí không mở mang, khi thế lợi sinh khởi không khéo quán sát rằng: Thế lợi sinh khởi tức là pháp vô thường, hoại diệt, nên tuy có sinh khởi chúng sẽ chóng hoại diệt, không thể còn mãi. Nếu không quán sát ý nghĩa của pháp đúng như thế, thì đó là kẻ phàm phu, không thật có trí tuệ, tùy thuận thế pháp. Cũng thế, từ sự không có lợi cho đến vui, khổ cũng không biết quán sát rằng: Niềm vui tuy phát sinh, nhưng nó là pháp vô thường hoại diệt, mà đã mang tính chất vô thường hoại diệt, thì nó sẽ chóng tàn, không thể còn mãi.

Nếu ai không biết quán sát ý nghĩa chân thật như thế thì đó là kẻ phàm phu, không thật có trí tuệ, tùy thuận theo thế pháp. các Tỳ-kheo nên biết rằng, những ai đối với thế pháp này không quán sát, nên khi thế lợi phát khởi thì sinh ra tham trước, nếu nó không sinh khởi, thì đâm ra lo âu, cho đến các khía cạnh vui, khổ kia cũng thế.

Này các Tỳ-kheo, như vậy là ba thọ tăng trưởng. Ba thọ đã tăng trưởng; thì bốn thủ sẽ lừng lẫy. Bốn thủ lừng lẫy thì có sinh duyên. Do đó mà khổ ấm tập khởi tăng trưởng mạnh mẽ, sinh lão bệnh tử, ưu bi khổ não, tâm loạn phát cuồng. Các Tỳ-kheo nên biết: Các đệ tử hiền thánh, đa văn trí tuệ thì ở trong chánh pháp tâm

khéo điều phục, ở trong pháp của hiền thánh, tâm được mở mang, khi thế lợi phát sinh, thì nên khéo quan sát rằng: Thế lợi tuy sinh khởi, nhưng nó là pháp vô thường hoại diệt mà đã vô thường hoại diệt thì nó sẽ chóng tàn, không thể còn mãi, cho đến hai yếu tố vui, khổ kia cũng lại như vậy.

Các Tỳ-kheo nên biết: Khi quán sát như thế, thì lúc thế lợi sinh khởi sẽ không tham trước; lúc thế lợi không sinh khởi, tâm không sầu não; cho đến vui, khổ kia cũng thế. Do đó yêu ghét không sinh, cảm nhận tùy nghi, lìa mọi sầu khổ; cho đến vui khổ các uẩn đều diệt tận, liền được Niết bàn.

Khi Thế Tôn thuyết pháp ấy rồi, bèn lập lại bằng thể kệ:

"Lợi suy và hủy dự,
Xưng cơ cùng khổ vui.
Tám pháp thường xen nhau,
Qua lại đổi thay luôn.
Tám pháp này biến hóa,
Tan hoại có bền đâu.
Thế nên Thánh đệ tử,
Cầm gương vô thường soi.
(258b) Xem kỹ tám pháp ấy,
Khoảnh khắc không tạm dừng.
Trong bốn thứ lợi lạc,
Chưa từng bị dao động.
Nếu gặp người hủy báng,
Lòng không thấy khổ đau.
Nếu lìa tám pháp này,
Mới là kẻ trí tuệ.
Ra khỏi sông ái dục,
Vượt qua biển sinh tử."

Khi các Tỳ-kheo nghe Phật dạy như thế đều rất hoan hỷ, liền bạch Phật rằng: "Lành thay đức Thế Tôn, đã dùng phương tiện thiện xảo nói về tám pháp ở đời, thực là chưa từng có."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, tam đạt vô ngại năng lực trí tuệ như ánh trăng rằm, nói về tám pháp ở đời có chi là kỳ lạ. Ngày xưa Ta làm chim oanh vũ trong loài súc sinh, vì các loài chim khác, nói tám pháp ấy, thế mới là kỳ đặc."

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: "Đã từng có thế sao?"

Phật đáp: Đúng thế. Trong thời quá khứ có một vị vua nuôi hai con chim oanh vũ, một con tên La Đại, một con tên Ba La đều hiểu được tiếng người, nên vua rất yêu thương, nhốt trong lồng vàng, cho ăn thức ngon. Lúc ấy, có một đại thần đem hiến cho vua một con khỉ con, tình đời vốn chuộng của mới, nên vua rất yêu thích cho ăn uống nuôi dưỡng còn kỹ hơn oanh vũ. Bấy giờ, oanh vũ Ba La bèn nói với La Đại bằng bài kệ:

"Trước đây ăn cùng vua
Vị ngon nhất thế gian.
Bây giờ, khỉ cướp mất,
Đành phải chịu thiếu thốn."

Lúc ấy, La Đại nói: "Việc đó rồi cũng vô thường, chẳng bao lâu nữa con khỉ con này cũng sẽ mất phần lợi dưỡng mà thôi", bèn đáp Ba La bằng bài kệ:

"Lợi suy và hủy dự,
Xưng cơ cùng khổ vui.
Đều là pháp vô thường.
Có gì đâu buồn vui!"

Thế rồi Ba La lại đọc kệ:

"Gặp chi cũng chẳng vui,
Không có gì thích thú.
Chỉ nghe tiếng chê bai,

Không được ai khen ngợi.
Ta nay được làm chim,
Vì sao chịu khổ này?"

Lúc khỉ con còn nhỏ, sắc lông mượt mà, nhảy nhót vui nhộn nên ai cũng thích đùa với nó. Đến lúc lớn lên, sắc lông xơ xác, ai thấy cũng chán ghét. Nó lại còn vểnh tai chu miệng, đe dọa trẻ con. Khi ấy, oanh vũ La Đại bèn nói với Ba La (**258c**) bằng bài kệ này:

"Vểnh tai nhăn mặt lại,
Chu miệng nhát trẻ con.
Tự mình gây tội lỗi,
Chẳng bao lâu hết lợi."

Con khỉ ấy lớn lên, lòng thương của vua liền dứt, nên vua ra lệnh kẻ tả hữu đem nó buộc ngoài cột chuồng ngựa. Lúc ấy hoàng tử còn bé tay cầm thức ăn đến bên con khỉ. Khỉ đòi thức ăn, hoàng tử không cho, nó bèn nổi giận cào mặt khiến hoàng tử bị thương và rách cả y phục. Hoàng tử kinh hãi, kêu la inh ỏi. Vua bèn hỏi kẻ tả hữu vì sao con mình kêu khóc. Kẻ tả hữu bèn đem sự việc ấy tâu lên nhà vua. Vua rất giận dữ, bèn sai người đập chết, đem vứt bên hào để cho Kỳ Đà ăn. Khi ấy oanh vũ Ba La bèn nói với La Đại bằng bài kệ:

"Bạn là bậc trí tuệ,
Thấy trước việc chưa đến.
Anh em ta chưa chết,
Mà khỉ đã chết rồi."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: Khi ấy chim oanh vũ La Đại nào phải ai khác mà chính là ta đây, còn chim oanh vũ Ba La chính là A-nan vậy. Khi ta làm chim oanh vũ mà còn vì thầy ấy nói về tám pháp vô thường chuyển biến ở đời không thể còn mãi, huống chi ngày nay đã thành Chánh Giác lại còn nói về tám pháp ấy, thì có chi là kỳ lạ.

Khi ấy, tăng đoàn thứ hai an cư xong, cũng đi đến hầu thăm, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Các Tỳ-kheo an cư ở đâu rồi đến đây?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! An cư tại chỗ ấy."

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "An cư có vui không? Hành đạo có vất vả không? Khất thực có dễ dàng không? Sau khi an cư xong, có được y an cư không? Các Ưu-bà-tắc có thường lui tới không?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Hạ an cư vui vẻ, hành đạo không vất vả, khất thực dễ dàng, có nhiều y an cư, các Ưu-bà-tắc lui tới đông đúc."

Phật lại hỏi: "Vì lý do gì hai chúng cùng an cư tại một làng mà chỉ có một chúng được cúng dường nhiều, còn một chúng không được?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con dùng vô lượng phương tiện ca ngợi Tam bảo, cũng thường ca ngợi các đại đệ tử của Phật như tôn giả Xá-lợi-phất, Mục Kiền Liên v.v. và tự ca ngợi về công đức tu tập của chính mình."

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Những điều các thầy ca ngợi có thật như thế không?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tam Bảo và tôn giả Xá-lợi-phất mà chúng con ca ngợi là có thật, còn tự ca ngợi mình thì không thật."

Phật khiển trách: "Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác (259a). Tại sao chỉ vì lợi dưỡng cho bản thân mà lại ca ngợi những điều mình không thực có? Thà ăn tro bụi, nuốt phân đất, dùng dao bén mổ bụng, chứ không nên dùng lời dối trá ca ngợi mình có pháp hơn người (quá nhân pháp) để được cúng dường." Rồi Phật nhấn mạnh: "Ta thường khen ngợi ít muốn, biết đủ, vì sao các thầy lại đa dục không thỏa mãn, cầu nhiều không biết chán? Đó là điều phi pháp, phi luật, không phải việc ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp."

Sau khi Thế Tôn dùng các biện pháp khiển trách các Tỳ-kheo ấy rồi, các Tỳ-kheo an cư tại làng ấy khi vào làng khất thực, những ai tự ca ngợi mình thì khất thực dễ dàng còn những ai không tự ca ngợi thì khất thực rất khó khăn. Lúc ấy, một trưởng lão Tỳ-kheo tự suy nghĩ: "Vì sao ta lại dùng lời dối trá tự ca ngợi mình được pháp hơn người để được nuôi sống? Từ nay trở đi ta không được dùng lời dối trá để tự khen mình nữa." Rồi vào buổi sáng sớm thầy khoác y, cầm bát vào làng khất thực. Khi ấy có người hỏi thầy: "Trưởng lão đối với quả thánh, thầy có đạt được gì không?"Thầy Tỳ-kheo này không tự ca ngợi mình, nên đi khất thực chỗ này chỗ kia đều không được. Mặt trời sắp xế bóng, đói khát khốn đốn, thầy bèn tự ca ngợi, khất thực liền được.

Có vị Tỳ-kheo khác nghe vị trưởng lão ấy lúc thì nói thật, lúc thì nói dối, liền đến bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao trưởng lão Tỳ-kheo ấy tâm chí bạc nhược, không giữ được kiên cố, khinh suất như vậy?"

Phật nói với Tỳ-kheo ấy: "Vị trưởng lão ấy không những ngày nay tâm chí bạc nhược, khinh suất không giữ được kiên cố, mà trong đời quá khứ cũng đã như thế."

Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?"

Phật đáp: "Đúng như thế! Trong thời quá khứ có trận mưa trái mùa liên tục bảy ngày không dứt. Các mục đồng không ra khỏi nhà suốt bảy ngày. Lúc ấy, có con chó sói đói, thất thểu đi tìm thức ăn khắp xóm làng, đi đến bảy thôn mà không được thứ gì cả. Rồi nó tự bảo: "Chi bằng hôm nay ta giữ chay lạt mà an trụ", bèn trở về rừng núi, ẩn mình trong hang, phát nguyện: "Mong tất cả chúng sinh đều được yên ổn." Thế rồi, nó nhiếp thân an tọa, nhắm mắt suy nghĩ. Lịch trình của Đế Thích cứ vào các ngày chay hằng tháng như ngày mồng tám, mười bốn, ngày rằm, cưỡi rồng trắng y la xuống quán sát thế gian, xem thử chúng sinh nào hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí, giữ giới tu

phạm hạnh, thọ trì bát trai giới. Khi Thích Đề Hoàn Nhân quan sát khắp nơi liền đến hang núi ấy, thấy con chó sói kia đang nhắm mắt tư duy, bèn suy nghĩ: "Ôi, con chó sói này là loài muông thú mà thật là kỳ đặc. Con người còn không có tâm như thế, huống gì chó sói (**259b**) mà được như vậy." Bèn muốn thử xem để biết hư thực. Đế Thích liền biến thành một con dê, đứng trước hang, lớn tiếng gọi đàn. Khi ấy, chó sói thấy dê liền nghĩ: "Kỳ thay, phước báo chay lạt bỗng dưng đến. Ta ruồng cả bảy thôn tìm thức ăn mà không được, nay tạm thời giữ chay lạt thì thức ngon tự nhiên đến. Thức ăn nhà bếp đã đưa đến, giờ phải ăn thôi, ăn xong rồi hãy giữ chay lạt." Sói bèn ra khỏi hang, lao đến chỗ dê. Dê thấy sói đến kinh hãi bỏ chạy. Sói liền đuổi theo, dê chạy không dừng. Đuổi một đoạn xa, dê liền biến ra chó, miệng vuông, tai lớn, quay lại đuổi sói, sủa lên inh ỏi. Sói thấy chó rượt, sợ hãi chạy lui. Chó đuổi gấp theo, sói chạy thoát được, trở về lại hang, bèn suy nghĩ: "Ta muốn ăn thịt nó, ngược lại, nó đòi xơi ta." Khi ấy, Đế Thích bèn giả làm con dê què, kêu be be trước mặt chó sói. Sói nghĩ: "Trước kia là con chó, mà ta vì đói hoa mắt lại tưởng lầm là dê. Giờ đây thấy rõ, con này mới đúng là dê." Sói bèn định thần xem kỹ, thì thấy sừng tai lông đuôi hoàn toàn là dê thực. Sói bèn ra khỏi hang đuổi theo, dê sợ bỏ chạy. Sói sắp chụp được, thì dê lại hóa thành chó, đuổi ngược lại sói, cũng như lần trước. Sói nghĩ: "Ta muốn ăn hắn, mà rồi hắn lại muốn xơi ta." Lúc ấy, Đế Thích liền hóa thành con dê con, đứng trước sói kêu mẹ, gọi bầy. Sói nổi giận nói: Ngươi biến thành cục thịt, ta cũng không ra khỏi hang, huống là hóa thành dê con để hòng gạt ta!" Rồi sói giữ chay lạt trở lại, lắng lòng suy nghĩ. Khi ấy, Đế Thích biết tâm niệm của sói muốn giữ chay lạt trở lại, nên vẫn mang hình thức dê con đứng trước hang sói. Thế rồi, sói đọc kệ:

"Nếu quả thực là dê,
Ta cũng không thèm ra.
Huống gì là giả dạng,
Khủng bố ta như trước.

Thấy ta giữ trai giới,
Ngươi lại đến thử ta.
Giả sử là cục thịt,
Ta cũng không thể tin.
Huống gì giả dê con,
Làm bộ kêu be be."

Bấy giờ, Thế Tôn đọc kệ:

"Nếu có người xuất gia,
Giữ giới cách hời hợt,
Không thể bỏ lợi dưỡng,
Như sói giữ trai giới."

Khi ấy, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Chó sói lúc ấy đâu phải ai khác mà chính là thầy Tỳ-kheo này. Ngày xưa làm sói, tâm chí không kiên cố mà ngày nay tuy đã xuất gia (**259c**) vẫn cứ khinh suất."

Bấy giờ, Thế Tôn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, và vì mười lợi ích chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng, mà tự xưng là đã được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, biết như vậy, thấy như vậy, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy có hai Tỳ-kheo sống nơi rừng núi hoang vắng. Một Tỳ-kheo tạm thành tựu Căn lực, Giác chi, Thánh đạo, Tham sân không sinh khởi, bèn nói với vị Tỳ-kheo thứ hai: "Trưởng lão là thiện tri thức, người mà tôi kính trọng, nay muốn nói với trưởng lão một việc bí mật." Vị kia hỏi: "Thầy muốn nói điều chi?"

Đáp: "Trưởng lão! Tôi đã chứng A-la-hán."

Vị kia nói: "Trưởng lão! Đức Thế Tôn còn tại thế, chúng ta đích thân lãnh thọ giáo pháp, tinh tấn siêng tu, thành tựu đạo quả là chuyện đương nhiên."

Thầy Tỳ-kheo ấy sau đó du hành các làng mạc buông thả các căn, bỏ tu chỉ quán, liền khởi phiền não, si ái phát sinh, bèn nói với bạn: "Trước đây tôi tưởng đã chứng đắc, hóa ra chưa chứng. Vì sao biết được? Vì tôi tự thấy trong tâm phiền não vẫn còn."Vị Tỳ-kheo kia nói: "Trưởng lão đã nói dối rằng mình được pháp hơn người nên phạm tội Ba-la-di." Tỳ-kheo này nói: "Không phải là tôi biết mà cố nói dối, mà vì tôi tưởng là thật chứng."

Các Tỳ-kheo đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo mỗ giáp nói dối rằng mình được pháp hơn người."

Phật gọi thầy ấy đến. Khi đến rồi, Phật hỏi: "Tỳ-kheo, có phải thầy hư vọng tự xưng mình được pháp hơn người chăng?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Không phải con tự xưng mình được pháp hơn người, mà vì con tưởng là đã thực chứng, do đó nên mới nói."

Phật bèn hỏi thầy: "Vì lý do gì mà thầy nói như thế?"

Tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Khi con sống nơi rừng vắng, tu tập căn, lực, giác chi, thánh đạo, thì phiền não không sinh khởi, nên con tưởng là đã đắc quả A-la-hán, bèn nói với bạn là mình đã chứng đắc. Nhưng sau đó con du hành các làng mạc không thu nhiếp các căn, nên phiền não sinh khởi, liền sinh nghi ngờ bèn trình bày với Tỳ-kheo ấy, chứ không phải nói dối."

Bấy giờ Thế Tôn bảo với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không phải cố ý vọng ngữ nói mình được pháp hơn người nhưng nên biết rằng Tỳ-kheo ấy chính là người Tăng thượng mạn."

Rồi Phật bảo Tỳ-kheo ấy:

– Vì sao đối với chánh pháp, ông có lòng tin từ bỏ gia đình sống không gia đình, xuất gia mà còn khởi tâm tăng thượng mạn? Ông phải khéo léo đoạn trừ tăng thượng mạn, mới đạt được A-la-hán.

Khi đó Tỳ-kheo ấy rất xấu hổ liền ngay trước Phật (**260a**) vận dụng sức tinh tấn, tu tập chỉ quán, đoạn trừ tăng thượng mạn, chứng quả A-la-hán.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Thật là ly kỳ bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo này nương đức từ bi của Phật, siêng năng tu tập chỉ quán, mà trừ được tăng thượng mạn, chứng quả A-la-hán."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo ấy không những ngày nay nương nhờ ơn ta, vận dụng tinh tấn, tu tập chỉ quán, trừ tăng thượng mạn, chứng quả La Hán, mà đời quá khứ, cũng đã nhờ ta, siêng tu không nhác, được quả báo lớn."

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật: "Đã từng có như vậy sao?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đúng thế. Trong thời quá khứ có một nước tên Ca-thi, thành phố tên Ba-la-nại. Bấy giờ, trong nước dân chúng giàu có, ba độc mãnh liệt, có một người Bà-la-môn bần cùng, từ ngoài thôn đi vào thành phố. Nhân ngày lễ hội, nên dân chúng trong thành có người cưỡi voi, có kẻ cưỡi ngựa, có người đi xe, có người đi kiệu. Họ tắm rửa sạch sẽ, thoa ướp hương thơm, mặc y phục mới, tha hồ hưởng thụ năm thứ dục lạc, các môn giải trí. Khi ấy, ông Bà-la-môn, tâm khát ái phát sinh bèn hỏi người khác: "Những bọn người ấy đã tạo nhân duyên gì mà hưởng được khoái lạc như thế?" Đáp: "Bà-la-môn! Ông không biết sao?" Ông trả lời: "Không biết!." Người ấy bèn nói với Bà-la-môn: "Những người ấy đời trước tu hành công đức, đời này lại chăm chỉ gầy dựng cơ nghiệp, nên được khoái lạc như thế." Lúc ấy, Bà-la-môn liền suy nghĩ: "Những hạng người này thân thể tay chân chẳng khác gì ta. Nay ta cần phải gắng công nỗ lực sẽ được tài sản, tha hồ vui chơi, chẳng khác chi họ." Ông bèn về nhà nói với bà vợ: "Tôi muốn đi xa, gắng sức cầu tài." Vợ ông đáp rằng: "Ông đi tìm kiếm các thức ăn uống cho vợ con ở gần đây cũng được, việc gì phải đi xa." Bà-la-môn nói: "Vì việc đó không thực hiện được, nên ta phải đi xa." Bà vợ suy nghĩ: "Ông ấy nhất quyết muốn đi, biết làm sao được!." Bèn nói với ông Bà-la-môn: "Đi, ở tùy ý ông, nhưng phải tự bảo trọng." Bà-la-môn bèn ra lệnh cho vợ: "Bà phải

cẩn thận trông chừng thằng bé." Thế rồi, Bà-la-môn ra đi, đến một khu làng ven biển thấy các khách buôn tụ họp tại một đình làng, truyền lệnh như sau: "Có ai ra biển tìm trân bảo chăng?" Bà-la-môn đáp: "Tôi muốn ra biển." Khách buôn hỏi: "Ông có tiền bạc hàng hóa gì không?" Đáp: "Tôi không có tiền bạc hàng hóa gì cả, chỉ muốn theo các ông xin ăn và chú nguyện giúp các ông." Khi ấy, các thương khách vì cầu phước, nên bảo ông lên thuyền. Thuyền gặp gió thuận, đi đến một khu làng nơi bờ biển. Lúc ấy, Bà-la-môn vào xóm khất thực, (**260b**) dốc sức tìm tiền bạc, được vàng ròng 32 dật, 14 hạt ngọc ma ni, rồi theo bè bạn trở lại Diêm-phù-đề. Khi thuyền cập bến, Bà-la-môn khoác lác với các khách buôn rằng: "Đem hàng hóa đi, nay được của cải trở về thì có gì là kỳ lạ. Trước đây ta đi tay không, nay được châu báu thế này, mới gọi là kỳ đặc." Rồi ông ta vui mừng quá mức tay cầm châu báu, nhảy nhót không ngừng; bất đồ, châu báu rơi tõm xuống biển. Lúc ấy, Bà-la-môn rất là sầu não, than thở: Ta đã quá cực khổ mới được châu báu thế này, vì sao bỗng chốc lại rơi cả xuống nước! Ta phải dùng sào khều lên để tìm lại châu báu. Ông bèn lên bờ tìm được một khúc cây, đem đến thợ mộc, nói: "Phiền ông làm giúp tôi một cái muỗng." Thợ mộc làm xong. Ông lại đem đến thợ tiện nhờ tiện giúp, rồi đem đến thợ sắt nhờ họ bịt sắt. Xong đâu đó, ông trở lại biển, vén tay áo lên, rồi dùng cái muỗng khều nước biển. Khi ấy, có vị thần biển, thấy thế suy nghĩ: "Ông Bà-la-môn này định làm gì thế, ta hỏi thử xem." Bèn biến hình dạng một Bà-la-môn, đến cạnh ông ta, dùng kệ mà hỏi:

"Xắn áo lên tận vai,
Vội vàng tợ việc gấp.
Nên tôi đến hỏi ông,
Định làm việc gì thế?"

Bà-la-môn dùng kệ đáp lại:

"Nước biển cả này đây,
Sâu rộng, chứa trăm sông.

Nay tôi dùng phương tiện,
Chỉ muốn múc cho hết."

Khi ấy thần biển lại đọc kệ:

"Biển lớn chứa trăm sông,
Có lỗi gì với ông?
Mà ông dùng phương tiện,
Mong múc hết sạch không?"

Bà-la-môn lại đọc kệ:

"Tôi trải qua khổ cực,
Vượt biển tìm châu báu.
Được băm hai dật vàng,
Ma ni mười bốn hạt.
Định rời thuyền lên bờ,
Gói đồ rơi xuống biển.
Vì tìm lại bảo vật,
Muốn múc cạn biển này."

Bấy giờ, thần biển lại đọc kệ:

"Biển lớn quá rộng sâu,
Chúa tể cả trăm sông.
Giả sử trăm nghìn năm,
Múc hoài vẫn không hết."

(**260c**) Bà-la-môn lại nói kệ đáp:

"Nhật nguyệt chiếu soi không tận cùng,
Muỗng cây cán sắt khó hư hoại,
Chuyên cần nổ lực không ngơi nghỉ
Biển cả lo gì chẳng cạn vơi."

Khi Bà-la-môn nói kệ xong, bèn múc nước biển, đổ lên bờ, nước lại chảy xuống. Lúc ấy, thần biển xem xét tâm ý Bà-la-môn biếng nhác hay kiên cố thì thấy ông ta rất chuyên cần, không hề thối chí.

Thần biển liền suy nghĩ: "Giả sử múc nước biển này trải qua trăm năm thì nước cũng không suy giảm, như nước thấm lông tóc mà thôi. Nhưng vì cảm động đức tính chuyên cần của Bà-la-môn, nên thần biển hoàn lại châu báu và đọc kệ:

"Tráng sĩ thật siêng năng,
Tâm chí không ngơi nghỉ.
Vì cảm đức chuyên cần,
Tuy mất rồi lại được."

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Thần biển khi ấy nào phải ai khác đâu mà chính là Ta đây, còn Bà-la-môn chính là Tỳ-kheo này. Trong đời quá khứ ông đã nhờ ta, ra sức siêng năng nên được quả báo lớn. Ngày nay cũng lại nhờ ta, tinh cần chăm chỉ, tu tập chỉ quán, trừ tăng thượng mạn mà đạt được A-la-hán."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ đều tập hợp tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại, và vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, biết như thế, thấy như thế; sau đó, vị này bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, nhưng sợ phạm tội và muốn được thanh tịnh nên nói như sau:

Thưa Trưởng lão! Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy. Đó là lời nói hư dối không thật.

Trừ trường hợp tăng thượng mạn ra, Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với tăng chúng.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Đã giải thích ở giới thứ nhất.

Chưa biết: Vì không có trí.

Chưa liễu (chứng): Vì chưa đoạn trừ (các lậu hoặc).

Tự xưng: Nói về bản thân mình.

Nhân pháp (pháp của người): Đó là: 5 dục, 5 hạ phần kiết, 6 thú, 6 cơ sở tranh cãi, 7 sử, 8 tà vạy ở đời, 8 pháp, 9 mạn, 9 não, 10 thiện hành tích, 10 ác hành tích.

Nhân pháp còn có: Như các thiên nhân dùng kệ hỏi Phật:

"Người nào sinh đường thiện?
Ai được sinh, cõi trời?
Kẻ nào suốt ngày đêm,
Nuôi lớn các công đức?"

(**261a**) Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng kệ đáp các thiên nhân:

"Đào giếng bên đường đi,
Trồng cây bố thí trái.
Rừng cây cho bóng mát,
Cầu đò đưa người qua.
Bố thí tu tịnh giới,
Trí tuệ bỏ xan tham.
Công đức ngày đêm tăng,
Thường sinh cõi trời người."

Đó là nhân pháp.

Lại nữa, hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc tu phạm hạnh đáng tôn kính, đó là nhân pháp.

Pháp hơn người (quá nhân pháp): Thập trí, pháp trí, vị tri trí, đẳng trí, tha tâm trí, khổ tập diệt đạo trí, tận trí, vô sinh trí, diệt tận giải thoát, tăng thượng thiện tâm, thuần thục thiện căn, tịnh bất tịnh giải thoát, hiểu rõ quả Tu-đà-hoàn và pháp thiền định tùy thuộc, khéo nhập, xuất trụ và thể nghiệm các pháp thiền định gọi là chỉ quán tam tam muội, tam minh; tứ niệm xứ, Tứ Chánh Cần, tứ như ý túc, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, tứ vô sắc định, tứ thánh đạo, tứ thánh chủng, tứ thánh đế, tứ Sa-môn quả; ngũ chi định,

ngũ căn, ngũ lực, ngũ giải thoát xứ; lục vô thượng pháp, lục thánh pháp, lục xuất yếu giới, lục niệm, lục thông; thất tài, thất vô trước pháp, thất tam muội, thất lậu tận lực, thất giác chi; bát chánh đạo, bát thắng xứ,, bát giải thoát, bát hướng đạo tích; cửu tưởng, cửu hoan hỷ pháp, cửu tịnh hạnh mãn túc, cửu thứ đệ định; Thập hiền thánh trụ xứ, thập nhất thiết nhập, thập ly xí nhiên pháp, thập vô học pháp, thập chủng lậu tận lực. Đó gọi là pháp hơn người.

Thánh tri kiến: Tri kiến của Phật và đệ tử Phật; hoặc tự xưng biết mà không thấy, hoặc tự xưng thấy mà không biết, hoặc tự xưng vừa biết vừa thấy, hoặc không biết không thấy.

Biết mà không thấy: Như nói: Tôi biết khổ tập diệt đạo, mà không nói: Tôi có thiên nhãn thanh tịnh, thấy người chết ở đây rồi sinh đến cõi thiện, cõi ác kia hoặc quí, hoặc tiện; Lại cũng không nói: Tôi được thiên nhĩ hơn người, nghe được tiếng người, tiếng loài phi nhân, hoặc gần hoặc xa; Lại cũng không nói: Tôi biết được tâm người khác, có thần túc bay trên hư không tự biết được đời trước v.v. Đó gọi là biết mà không thấy.

Thấy mà không biết: Tự nói: Tôi được thiên nhãn thanh tịnh, cho đến tự biết túc mạng mà không nói. Tôi biết tứ thánh đế. Đó gọi là thấy mà không biết.

Vừa biết vừa thấy: Như nói: Tôi biết bốn Thánh đế, cho đến tự biết được túc mạng; Đó gọi là vừa biết vừa thấy.

Không biết không thấy: (**261b**) Không nói: Tôi biết bốn thánh đế, cho đến tự biết túc mạng. Đó gọi là không biết không thấy.

Được sự thù thắng**:** Biết như vậy, thấy như vậy, hoặc thật không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy. Về sau được kiểm tra, hoặc không kiểm tra.

Kiểm tra: Có người hỏi: "Trưởng lão! Ngài được quả thánh chăng? Theo pháp sư nào mà học được quả ấy? Ngài đạt được tại đâu? Khi đạt được như thế nào?" Đó gọi là kiểm tra.

Không kiểm tra: Không ai hỏi. Nếu không thật sự được pháp hơn người mà nói là mình được, thì dù có ai kiểm tra hay không kiểm tra cũng phạm tội Ba-la-di.

Cầu thanh tịnh: Vì muốn được thanh tịnh, nên nói: Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy.

Hư: Trống không.

Cuống: Không đúng sự thật.

Vọng ngữ: Tự nói một cách hư dối.

Trừ tăng thượng mạn: Thế Tôn thể tất.

Ba-la-di: (như trên đã nói)

Lại có Ba-la-di không phải do nói dối mà do thoái hóa, đọa lạc. Đó gọi là Ba-la-di.

Lại có Ba-la-di: Tội đã vi phạm không thể phát lồ sám hối, gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo tự nói: "Tôi là bậc pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc pháp trí", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói: "Tôi đã được pháp trí", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Tôi đoạn trừ như vậy, tu tập như vậy, chứng ngộ như vậy v.v."cho đến nói: "Tôi là bậc lậu tận lực chăng?"thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc lậu tận lực", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói: "Tôi được lậu tận lực", thì phạm tội Ba-la-di. (hoặc nói): Đoạn như vậy, tu như vậy, chứng như vậy v.v., cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo chuyên đi giáo hóa, đến nhà đàn việt, nói với người đàn bà rằng: "Này Ưu-bà-di, các Tỳ-kheo an cư tại chỗ ấy đều chẳng phải là phàm phu", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi cũng ở trong số đó", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu họ hỏi: "Trưởng lão đã được pháp ấy sao?"

Đáp: "Đã được", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Này Ưu-bà-di! Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều được quả A-la-hán", cho đến nói: "Tôi cũng được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc Tỳ-kheo nói: "Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: "Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đã xong..."cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rằng: "Các Tỳ-kheo tự tứ tại chỗ kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng"; cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "(**261c**) Các Tỳ-kheo trú tại tự viện kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "Các Tỳ-kheo thượng tọa ở tại chỗ kia đều chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán, đều được pháp thù thắng." Rồi người ấy hỏi: "Trưởng lão có được pháp ấy chăng?" Đáp: "Tôi cũng được pháp ấy"thì phạm tội Ba-la-di. Tại nhà quốc vương, nhà đại thần, nhà trưởng giả, nhà cư sĩ ở trong thành, trong viện, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Các Tỳ-kheo ở nhà bà, các Tỳ-kheo thọ trai nhà bà, các Tỳ-kheo dạy Kinh cho bà con của bà, đều không phải là phàm phu, mà là A-la-hán, đã được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi đã được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nói: " Tỳ-kheo cầm bát như thế, mặc y như thế, ăn thức ăn như thế, đi như thế, đứng như thế, nằm như thế, đều không phải

là phàm phu, mà là A-la-hán, đã được pháp thù thắng", cho đến nói: "Tôi đã được pháp ấy", thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu nói: "Các Tỳ-kheo trên đây đều được pháp trí, tôi cũng được pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Tôi là bậc pháp trí", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói: "Tôi đã chứng đắc pháp trí", mà không thật chứng, thì phạm tội Ba-la-di.

Hoặc nói: "Tôi biết như thế, tôi đoạn như thế, tôi tu như thế", nói như thế, cho đến "được lậu tận lực, đã chứng đắc", cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo dùng ngôn ngữ thủ đô nói với người ở biên thùy, hoặc dùng ngôn ngữ ở biên thùy nói với người ở thủ đô, hoặc dùng ngôn ngữ thủ đô nói với người ở thủ đô, hoặc dùng ngôn ngữ biên thùy nói với người ở biên thùy, chỉ nói nghĩa mà không nói ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nói ẩn ý mà không nói nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói cả ẩn ý lẫn nghĩa, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý mà hiện tướng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nói nghĩa không nói ẩn ý: Tự xưng nói về mình (ngã) mà không xưng nói La Hán.

Nói ẩn ý không nói nghĩa: Xưng nói về La Hán mà không xưng nói về mình.

Nói cả nghĩa lẫn ẩn ý: Tự xưng nói "Ta là La Hán."

Không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý: Hiện tướng La Hán, hoặc nhắm mắt lại, dùng tay chỉ vào mình, nói với Ưu-bà-di: "Bà là kẻ ngu si không biết bậc đáng tôn kính, ví như hoa Ưu đàm bát, lâu lắm mới xuất hiện một lần mà không biết trân quí." Làm ra tướng trạng như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo viết ra chữ hoặc bằng dấu hiệu, hoặc ra dấu tay, hiện nghĩa mà không hiện ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc hiện ẩn ý không hiện nghĩa cũng phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu hiện cả nghĩa lẫn ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu không hiện nghĩa cũng không hiện ẩn ý, thì không có tội. Trừ căn, lực, giác chi, thánh đạo, chủng, còn các thứ thiện pháp thế gian (262a), các oai nghi nhỏ nhặt không nên tán thán mà chỉ tán thán Phật, Pháp, Tăng, các đại đệ tử như Xá-lợi-phất, Mục Kiền Liên thì không có tội. Không nên tự ca ngợi bản thân mình. Chỉ khi nào (ai) đồng ý hỏi, mình nói sự thật, thì không có tội. Thế nên, nói:

Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa chứng mà tự xưng được pháp hơn người, được Thánh tri kiến thù thắng, biết như vậy, thấy như vậy. Về sau, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, biết là mình phạm tội, muốn cầu thanh tịnh, nên nói như sau: "Thưa Trưởng lão! Tôi không biết mà nói rằng biết, không thấy mà nói rằng thấy, lời nói trống không, dối trá, không thật", trừ trường hợp tăng thượng mạn ra, Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn trú tại thành Xá-vệ, sau bữa ngọ trai, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, bóng mặt trời xế độ ba người rưỡi, ngày mười ba, nửa tháng thứ tư của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo, vì các Tỳ-kheo sống nơi làng mạc, và các Tỳ-kheo tăng thượng mạn mà chế giới này. Những gì Phật đã chế phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

(Hết giới thứ 4 của bốn giới Ba-la-di)

*

Hết quyển thứ tư

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 5

TĂNG TÀN

(Tăng tàn, hay còn gọi Tăng thân giải cứu,
gồm mười ba giới)

1. CỐ Ý LÀM XUẤT TINH (262a)

Bấy giờ, Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy, có một Tỳ-kheo tên Thi Lợi Da Bà ở tại thành Xá-vệ, có niềm tin, từ bỏ gia đình xuất gia, đến giờ khất thực, thầy khoác y, cầm bát vào thành khất thực. Vì thầy không khéo nhiếp phục thân, miệng, ý, buông lỏng các căn, nhưng mới vào một nhà đã nhận được thức ăn đầy đủ, thầy bèn vào nhà thứ hai, tại nhà thứ hai này, có một phụ nữ đang cởi trần ngồi một mình. Thầy Tỳ-kheo thấy thế rồi trở về lại trú xứ, tưởng nhớ đến thân thể người phụ nữ ấy, tâm ý rối loạn, ưu sầu phát bịnh, sắc mặt tiều tụy. Khi ấy các Tỳ-kheo hỏi Thi Lợi Da Bà: "Nay thầy vì sao sắc mặt tiều tụy, ưu sầu không vui? Có cần đến sữa, dầu, đường phèn, thuốc thang gì chăng?" Đáp: "Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi."

Các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thăm hỏi, thầy cũng đều nói thế. Thầy ấy nghỉ trưa, sau khi trở dậy, lòng tơ tưởng, nam căn khởi lên (**262b**), bèn dùng tay cọ xát, liền bị xuất tinh. Sau khi tinh xuất, thầy thấy an lạc, ưu sầu liền dứt, thầy bèn suy nghĩ: "Phương pháp này tốt thật, có thể dứt được mối lo mà không phương hại gì đến việc xuất gia tịnh tu phạm hạnh, nhận đồ thí chủ cúng dường."

Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích, nên cứ năm hôm đi tuần tra tăng phòng một lần. Năm việc lợi ích đó là:

Xem các đệ tử Thanh văn có vướng mắc vào các việc hữu vi hay không.

Xem họ có bàn luận việc thế tục không.

Xem họ có ham mê ngủ nghỉ làm phương hại đến việc hành đạo không.

Xem có Tỳ-kheo nào đau ốm không.

Để cho các Tỳ-kheo tuổi trẻ mới xuất gia thấy uy nghi tề chỉnh của đức Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ.

Chính vì năm việc này mà đức Như Lai cứ năm hôm đi xem xét các phòng một lần.

Lúc ấy, trưởng lão Thi Lợi Da Bà ngủ trưa thức dậy, bèn ra phòng phía sau đi tiểu, thì nam căn cương cứng. Đức Thế Tôn sợ thầy kinh sợ xấu hổ, nên lên tiếng đằng hắng để thầy hay biết. Khi Thi Lợi Da Bà thấy Thế Tôn, bèn vội vàng khoác y, bước theo đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng hầu.

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Thi Lợi Da Bà: "Trước đây thầy mắc bệnh, mặt mày tiều tụy, do duyên cớ gì mà nay hết bệnh?"

Thầy liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con sinh ra tại thành Xá-vệ, con có niềm tin từ bỏ gia đình xuất gia. Bà con quen biết cung cấp cho con y phục giường nệm thuốc men không thiếu thứ gì. Một hôm con khoác y cầm bát vào thành khất thực, đến một nhà kia, thấy một phụ nữ cởi trần đang ngồi. Sau khi thấy thế con trở về lại tinh xá, lòng dục ray rứt, cảm thấy không vui, thân thể phát bịnh nên không muốn ăn uống gì cả. Lúc đó, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến thăm hỏi an ủi con, ai cũng muốn cho con uống thuốc, nhưng con bảo không cần. Một hôm, con ngủ trưa thức dậy, thấy nam căn cương cứng, con dùng tay thủ dâm, tinh liền xuất ra. Sau khi xuất tinh, con ngủ an ổn, bệnh liền dứt hết. Con bèn suy nghĩ: "Phương pháp này rất tốt, có thể trừ được mối lo, mà không phương hại đến việc xuất gia, nhận đồ

thí chủ cúng dường." Bạch Thế Tôn! Vì thế mà được lành bệnh, thân thể an ổn, tu phạm hạnh dễ dàng."

Phật nói: "Này kẻ ngu si, điều đó thật không thể được. Điều đó không phải phạm hạnh mà bảo là phạm hạnh, không phải an ổn mà cho là an ổn. Này kẻ ngu si! Vì sao dùng bàn tay ấy nhận đồ người ta bố thí, rồi lại dùng bàn tay ấy thủ dâm cho xuất tinh? Ngươi há không nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách dục tưởng, ca ngợi sự đoạn dục sao? Nay ngươi đã làm một việc ác không tốt. Đó là điều phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi Phật truyền cho các Tỳ-kheo (**262c**) sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh, thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên, lúc ấy trưởng lão Thi Lợi Da Bà thường hay phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, hoặc Ba la đề đề xá ni hoặc tội Việt-tỳ-ni phải sám hối. Các Tỳ-kheo thấy trưởng lão thường hay phạm các tội phải sám hối như vậy, nên nói với trưởng lão: "Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã chế định các tội phạm sai biệt rồi, vì sao thầy còn khinh thường hay vi phạm như thế?" Thi Lợi Da Bà nói: "Thưa các trưởng lão! Tôi phạm tội phải sám hối mà không than mỏi mệt, quí ngài nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi Lợi Da Bà đến. Sau khi thầy đến, Phật liền hỏi: "Ông thường thường phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa v.v… và nói với các Tỳ-kheo rằng: "Tôi phạm tội phải sám hối mà không thấy mỏi mệt, quý ngài nhận sự sám hối của tôi thì có gì là vất vả?" Có thực thế chăng?" Đáp: "Có thực như vậy bạch Thế Tôn!"

Phật liền nói với Thi Lợi Da Bà: "Đó là việc ác, từ nay trở đi, nếu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma ha đỏa sáu

ngày sáu đêm trong chúng Tỳ-kheo. Sau khi thi hành pháp Ma ha đỏa phải làm phép xuất tội giữa 20 vị Tỳ-kheo."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, Thi Lợi Da bà thường phạm các tội Tăng-già-bà-thi-sa, bèn suy nghĩ: "Thế Tôn chế giới phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma ha đỏa sáu ngày sáu đêm. Sau khi thi hành pháp Ma ha đỏa rồi, phải làm phép xuất tội giữa 20 vị Tỳ-kheo. Nay ta phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không ai biết thì khỏi thi hành 6 ngày 6 đêm Ma ha đỏa, không thi hành 6 ngày 6 đêm Ma ha đỏa thì cũng khỏi làm pháp xuất tội giữa 20 vị Tỳ-kheo. Nay ta nên che giấu."

Nhưng sau khi che giấu, thầy thấy nghi ngờ, hối hận liền thầm nghĩ:"Ta là kẻ bất thiện, rất trái với luật pháp. Vì sao kẻ thiện nam tử có lòng tin xuất gia, biết Phật chế giới mà cố ý vi phạm, rồi che giấu? Giả sử những người sống phạm hạnh không biết đi chăng nữa, thì chư Thiên biết được tâm người khác, há lại không biết hay sao? Giá như Chư thiên không biết thì đức Thế Tôn há lại không biết hay sao"? Thế rồi, thầy liền nói với các Tỳ-kheo: "Cho tôi pháp Ma-na-đỏa." Các Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao thầy cầu xin pháp Ma-na-đỏa?" (**263a**).

Đáp: "Tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa." Các Tỳ-kheo hỏi: "Từ lúc phạm đến giờ đã bao lâu?"

Đáp: "Chừng ấy thời gian."

Lại hỏi: "Vì sao không nói liền với người khác?"

Đáp: "Vì tôi hổ thẹn, nên không nói liền. Nhưng tôi lại nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải thi hành pháp Ma ha đỏa 6 ngày 6 đêm v.v…" cho đến nghĩ: "Nếu Chư Thiên không biết đi chăng nữa, thì đức Thế Tôn há lại không biết hay sao? Vì lẽ đó mà nay tôi nói với các trưởng lão."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc này bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Phật dạy: "Hãy gọi Thi Lợi Da Bà đến." Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc trên: "Ông có thật thế chăng?" Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Này kẻ ngu si! Đó là việc ác. Đã phạm giới mà không biết hổ thẹn, sám hối."

Thế rồi Thế Tôn đọc kệ:

"Che giấu thì hoen ố.
Bày tỏ không hoen ố
Thế nên ai che giấu,
Phải khiến họ bày tỏ."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay trở đi, ai phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu thì phải bắt họ thực hiện pháp Ba Lợi Bà Sa. Thực hiện pháp Ba Lợi Bà Sa xong phải bắt họ thi hành 6 ngày 6 đêm pháp Ma ha đỏa. Sau khi thi hành pháp Ma ha đỏa phải cho họ xuất tội giữa 20 vị Tỳ-kheo. Nếu thiếu một người trong số 20 Tỳ-kheo mà làm pháp xuất tội, thì Tỳ-kheo ấy không khỏi tội, mà các Tỳ-kheo còn bị khiển trách.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, lúc ấy có hai người còn phải học, hai người còn là phàm phu, nằm mộng xuất tinh. Họ đều suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới, ai cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nay chúng ta có lẽ đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chăng? Ta phải đem việc này thưa đầy đủ với tôn giả Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất sẽ hỏi Thế Tôn, Phật có dạy thế nào thì ta sẽ phụng hành." Thế rồi các Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất, đem mọi sự tình trình bày với Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất liền dẫn các Tỳ-kheo đến chỗ đức Thế Tôn.

Rồi tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Bốn Tỳ-kheo này bị xuất tinh trong giấc mộng, liền sinh nghi ngờ rằng:

"Thế Tôn đã chế giới, vậy có lẽ ta đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa chăng?" Cho nên con đến đây bạch với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn! Vậy việc ấy như thế nào?" Phật liền bảo với Xá-lợi-phất: "Mộng vốn là hư vọng, không thật; nếu mộng mà chân thật, thì những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta sẽ không có ai giải thoát. Này Xá-lợi-phất! Vì tất cả mộng mị đều không chân thật, cho nên những người tu phạm hạnh trong giáo pháp của ta dứt được cội nguồn đau khổ." Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo (**263b**) đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo như sau:

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm xuất tinh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, trừ ra trong giấc mộng.

*

❖ Giải thích

Cố ý: Cố tình tìm phương tiện.

Xuất tinh: Chảy ra những thứ bất tịnh.

Trừ ra trong giấc mộng: Đức Thế Tôn nói: Xuất tinh trong giấc mộng không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Tăng già là bốn pháp Ba-la-di (?); Bà thi sa là tội còn lại cần phải làm pháp Yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa. Lại nữa, tội ấy phải phát lồ sám hối giữa tăng, nên cũng gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Mộng: Gồm có năm thứ sau đây: (1) Mộng thật; (2) Mộng không thật; (3) Mộng không rõ rang; (4) Mộng trong mộng; (5) Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng. Đó là năm thứ mộng. Nhưng thế nào là mộng thật?

Mộng thật: Đó là đức Như Lai khi làm Bồ tát thấy năm giấc mộng như thật không khác chút nào. Đó gọi là mộng thật.

Mộng không thật: Khi (người ta nằm ngủ) thấy mộng, nhưng lúc thức dậy thì không thật. Đó gọi là mộng không thật.

Mộng không rõ ràng: Như giấc mộng không ghi nhớ được đầu, giữa và cuối. Đó gọi là mộng không rõ ràng.

Mộng trong mộng: Như nằm thấy mộng rồi đem giấc mộng ấy nói với người khác cũng trong mộng. Đó gọi là mộng trong mộng.

Trước tưởng đến rồi sau mới có mộng: Như ban ngày tưởng đến việc gì rồi ban đêm nằm thấy mộng việc đó. Đó gọi là trước tưởng rồi sau mộng.

Bây giờ nói về năm nguyên nhân phát sinh dâm dục: Mắt thấy sắc đẹp sinh ra nhiễm trước, ưa thích, rồi tưởng đến sự dâm dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân trước tơ tưởng giao hoan với người nữ, rồi sau nung nấu liên tục mà sinh tâm dâm dục. Đó gọi là năm nguyên nhân phát sinh sự dâm dục.

Còn nam căn (dương vật) cương cứng có năm nguyên nhân: Do tâm ham muốn mà cương cứng, do đi cầu mà cương cứng, do đi tiểu mà cương cứng, do bệnh phong mà cương cứng, hoặc do loài phi nhân xúc chạm mà cương cứng. Đó gọi là năm nguyên nhân khiến cho nam căn cương cứng.

Thủ dâm cho xuất tinh có ba việc: Vì có tâm dâm dục, vì muốn lấy tinh dịch, hoặc vì muốn khoái lạc nên thủ dâm. Hoặc tự nghĩ: "Lâu nay không thông thoát nên sinh ra bệnh hoạn", hoặc vì muốn được thông thoát, hoặc vì đùa nghịch, hoặc để thí nghiệm, hoặc chưa từng làm nên làm thử, hoặc tự mình thủ dâm cho xuất tinh." Đó gọi là thủ dâm cho xuất tinh. Tinh có các màu: màu sữa tươi, màu sữa chua, màu sữa đông lạnh, màu dầu, hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu một trong các màu ấy vọt ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong tâm khởi dâm dục làm cho nam căn cương cứng, tưởng chừng như sẽ xuất tinh, nhưng nếu không thủ dâm thì tinh không xuất. Đó là do lỗi của tâm. Nếu dục tâm sinh khởi nam căn như muốn xuất tinh, rồi thủ dâm nhưng tinh không xuất, thì phạm tội Thâu-lan-giá. (**263c**) Vì dục tâm sinh khởi, nam căn muốn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu dục tâm sinh khởi, nam căn không muốn xuất tinh và không cố ý thủ dâm nên tinh không xuất, thì không có tội. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, hoặc bị bệnh phong hoặc phi nhân xúc chạm mà nam căn cương cứng cũng đều như thế.

Nếu dục tâm sinh khởi, bèn tưởng đến nam căn xuất tinh, rồi cố ý thủ dâm, tinh sắp vọt ra, nhưng không vọt ra ngoài, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu dục tâm sinh khởi, rồi tưởng tượng nam căn xuất tinh, nhưng không thủ dâm, nên tinh không xuất, thì phải trách tâm.

Nếu dục tâm sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh không xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu dục tâm sinh khởi, nhưng không tưởng tượng nam căn xuất tinh, không cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì cũng phải trách tâm.

Nếu dục tâm sinh khởi, bèn tưởng đến xuất tinh, rồi thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Cho đến trường hợp phi nhân xúc chạm v.v. cũng như vậy.

Trường hợp xuất tinh hoặc thân, hoặc thân phần, hoặc thân hợp.

Thân: Tất cả toàn thân dao động, khi ấy tạo điều kiện cho tinh xuất, và tinh xuất ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân phần: Hoặc dùng tay, hoặc dùng gót chân, hoặc dùng bắp tay, khuỷu tay, tạo điều kiện cho tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thân hợp: Gồm có các chất địa, thủy, hỏa, phong.

Chất địa: Như giường, hoặc mền, hoặc vách tường, hoặc bộng cây, hoặc ống tre v.v. nếu dùng các vật cứng ấy chạm vào nam căn để cho xuất tinh, mà tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất nước: Hoặc dùng các dòng nước chảy ngược chạm vào nam căn, hoặc dùng nam căn nhúng vào các chất sữa dầu hay các vật ẩm ướt ở trong nước, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất lửa: Hoặc để nam căn vào chỗ nóng, hoặc áp vật nóng vào nam căn, hoặc hướng đến ngọn lửa, hướng về ánh nắng, muốn cho tinh xuất mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Chất gió: Hoặc dùng miệng thổi, hoặc dùng quạt quạt, hoặc dùng vải phất qua, chạm đến nam căn muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo bảo người khác: "Ông hãy thủ dâm tôi để cho xuất tinh", mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc nói với người ta: "Ông chớ đợi tôi phải nói, ông từng biết việc đó mà." Sau đó, người ấy thủ dâm giúp mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo ở những nơi thanh vắng, trông thấy cầm thú giao phối, thấy rồi dục tâm sinh khởi, rồi bị xuất tinh thì phải trách tâm. Nếu vì thích hưởng khoái lạc mà tìm cách chạy theo xem cầm thú giao phối, muốn cho tinh xuất, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu có người dùng sức mạnh thủ dâm Tỳ-kheo khiến cho xuất tinh, thì Tỳ-kheo phải tự trách tâm. Nếu vì muốn khoái lạc, bèn đến người kia bảo họ thủ dâm giúp, mà tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thấy kẻ nam nữ hành lạc, thấy rồi, dục tâm sinh khởi nên xuất tinh, thì phải tự trách tâm. Nếu vì muốn

khoái lạc mà chạy theo xem, khiến cho tinh xuất, (**264a**) thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo thấy thợ cất nhà cho dâm nữ, liền suy nghĩ: "Nơi đó chính là để làm việc dâm dục chứ đâu có việc gì khác nữa", do thế, dục tâm sinh khởi, rồi xuất tinh, thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo trông thấy phụ nữ tắm lõa thể, thấy rồi dục tâm sinh khởi mà xuất tinh, thì phải tự trách mình. Nhưng nếu vì ham vui cố ý đến xem, khiến cho tinh xuất thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc thấy đàn ông lõa thể... cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường mà dục tâm sinh khởi, rồi xuất tinh thì phải tự trách tâm mình. Nhưng nếu trong khi đi cố tạo điều kiện khiến cho tinh xuất, rồi tinh xuất ra thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa... Như lúc đi, đứng, ngồi, nằm... cũng như thế. Nếu do thoa dầu để tắm mà tinh xuất thì phải tự trách tâm mình. Bằng cố ý tạo phương tiện thoa dầu để tắm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên, đức Thế Tôn nói:

Nếu Tỳ-kheo cố ý thủ dâm mà tinh xuất, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, ngoại trừ trong giấc mộng.

(Hết giới thứ 1 của giới Tăng tàn)

*

2. XÚC CHẠM NỮ NHÂN

Khi Phật an trụ tại thành Vương-xá, trong vườn Trúc Ca-lan-đà, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-lacó một đệ tử Sa-di-ni tên là Chi Lê. Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-lasai Sa-di-ni Chi Lê mang y đến cho Ưu-đà-di. Khi ấy, Ưu-đà-di đang vá y trước phòng

mình, Chi Lê bèn đảnh lễ dưới chân Ưu-đà-di, rồi đứng qua một bên, bạch Ưu-đà-di rằng: "Thầy con là Ưu-bát-lasai con đem y đến cho trưởng lão." Ưu-đà-di đáp: "Tốt, hãy mang để vào trong phòng." Thế rồi Ưu-đà-di liền bước theo sau, đi vào trong phòng, tiện tay ôm cô ấy vuốt ve một lát cho thỏa thích, rồi thả đi. Chi Lê nước mắt ràng rụa trở về với thầy. Ưu-bát-lahỏi: "Vì sao con khóc?" Đáp: "Trưởng lão Ưu-đà-di đi theo con vào trong phòng, rồi ôm con đùa giỡn, xúc phạm con thậm tệ." Ưu-bát-lanói: "Con đừng khóc nữa, ta sẽ thưa với Phật trừng phạt Ưu-đà-di."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên... Đến giờ khất thực, trưởng lão Ưu-đà-di khoác y cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Thầy đi vào một nhà, thấy một phụ nữ đang giã đậu, bèn nắm tóc lôi kéo, ôm vào lòng đùa giỡn thích ý trong giây lát, rồi thả đi. Người phụ nữ ấy liền khiển trách: "Ông Ưu-đà-di này là kẻ phi pháp, bất thiện. Ông cho rằng nhà tôi là phòng dâm nữ chăng? Tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo." Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch, tùy ý bà", rồi bỏ đi.

(**264b**) Lại nữa, khi Phật an trụ tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc đến giờ khất thực, Ưu-đà-di bèn khoác y cầm bát, vào thành tuần tự khất thực. Khi thầy vào một nhà, thấy một phụ nữ mang thai giã gạo mỏi mệt, bèn ngồi trên cối nghỉ ngơi. Thấy thế, Ưu-đà-di bèn dùng chân đạp vào cối, cái cối chuyển động, khiến bà ta ngã kềnh ra đất, để lộ thân thể. Ưu-đà-di liền dìu bà đứng dậy, nói: "Chị hãy đứng dậy, tôi đã thấy rồi." Khi ấy bà ta giận dữ nói: "Sa-môn Thích tử! Đó không phải là cách xin lỗi. Thà ngươi đập một chày giã gạo cho ta chết, còn hơn là trông thấy mặt ngươi ở chỗ vắng người thế này. Ta sẽ đem việc này thưa với các Tỳ-kheo." Ưu-đà-di nói: "Thưa hay không thưa tùy ý bà", rồi bỏ đi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, trưởng lão Ưu-đà-di đến phiên canh giữ các phòng. Nhân vì có một người Bà-la-môn quen biết dẫn vợ đến thăm Ưu-đà-di. Bà này rất đoan chính. Ông chồng nói với Ưu-đà-di: "Thầy hãy mở

căn phòng để cho bà này xem." Ưu-đà-di nói: "Dù ông không bảo thì tôi cũng muốn giới thiệu các căn phòng cho bà này xem huống gì ông đã yêu cầu", bèn đưa bà ấy lên trên gác chỉ cho xem các căn phòng có điêu khắc hoa văn, trang trí các hình ảnh đẹp đẽ, dưới đất thì tạo mô hình những hạt đậu xanh. Rồi đến một chỗ khuất, thầy bèn kéo bà ấy lại ôm chầm vào lòng.

Người đàn bà ấy suy nghĩ: "Ông Ưu-đà-di này chắc muốn làm cái việc như vậy, như vậy." Thế nhưng, thầy đùa giỡn xong rồi bèn buông ra, rồi đến nói với ông Bà-la-môn: "Tôi đã cho xem xong rồi." Ông Bà-la-môn nói: "Tốt, vậy hãy cho xem các phòng khác." Khi ấy, vì Ưu-đà-di không cùng giao hoan với người đàn bà ấy nên bà ta nổi giận nói: "Xem phòng ốc để làm gì? Đó là kẻ xuất gia hoàng môn bạc phước, ôm ấp, vuốt ve thân tôi, mà không có việc tốt." Lúc ấy, ông Bà-la-môn bèn nói với Ưu-đà-di: "Ông là chỗ tri thức của tôi mà lại sinh ra xằng bậy không xứng đáng tri thức! Tại nơi đất bằng bỗng sinh ra gò nổng! Trong nước bỗng sinh ra lửa." Bèn xiết cổ Ưu-đà-di dẫn đi. Ưu-đà-di nói: "Bà-la-môn hãy thả ta ra, đừng làm cho ta trong khoảnh khắc mà bị vỡ đầu." Bà-la-môn nói: "Ta không thả ngươi. Ngươi đã phụ lòng tin cậy của ta."

Các Tỳ-kheo nghe tiếng cãi cọ, liền ra xem, và nói với Bà-la-môn: "Thôi, thôi, hãy thả Ưu-đà-di ra." Bà-la-môn nói: "Dứt khoát tôi không thả, phải dẫn đến chỗ Thế Tôn."

Bấy giờ, Phật thấy thế, liền nói với Bà-la-môn: "Thả Ưu-đà-di đi." Bà-la-môn liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Nay con không thả, cần phải nói rõ (**264c**) tội trạng của y rồi mới thả ra."

Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn dùng hết sức vùng vẫy thoát được, liền bỏ chạy. Thế rồi Bà-la-môn đem các nhân duyên kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn liền tùy thuận thuyết pháp cho Bà-la-môn, khiến ông được lợi ích, hoan hỉ, giận dữ bèn tiêu trừ, được con mắt pháp thanh tịnh, nên ông từ giã xin phép trở về. Phật nói: "Ông

nên biết lúc nào phải làm gì." Rồi ông đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải ba vòng mà ra đi. Khi ông Bà-la-môn đi chưa bao lâu, Phật bèn bảo các Tỳ-kheo gọi Ưu-đà-di đến. Sau khi thầy đến, Phật liền đem việc trên hỏi rõ Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế chăng?" Đáp: "Có thật như thế bạch Thế Tôn!." Phật nói: "Ưu-đà-di! Đó là việc xấu." Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Ông Ưu-đà-di này không những làm một việc xấu như hôm nay mà trước đây, tại thành Vương-xá, trong vườn tre Ca-lan-đà cũng đã từng làm việc xấu. Đó là khi Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-lasai Sa-di-ni Chi Lê đem y đến cho Ưu-đà-di, Ưu-đà-di liền ôm cô ấy vào lòng đùa giỡn thỏa thích rồi thả đi." Phật liền hỏi Ưu-đà-di: "Ông có việc ấy thật chăng?" Thầy đáp: "Có thật bạch Thế Tôn!." Phật nói: "Đó là việc xấu."

Lại có Tỳ-kheo khác bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Không những một việc xấu đó thôi, mà lúc ở tại thành Xá-vệ cũng đã từng làm việc xấu. Đó là khi đến giờ khất thực, Ưu-đà-di khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Thầy vào một nhà kia, thấy trong nhà có một phụ nữ đang giã đậu, Ưu-đà-di bèn nắm tóc cô ấy lôi kéo, đùa giỡn, xúc não, rồi thả đi. Phật liền hỏi Ưu-đà-di: "Ông có việc ấy thật chăng?" Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!." Phật nói: "Đó là việc xấu."

Lại có một Tỳ-kheo khác nói:

Bạch Thế Tôn! Đâu phải chỉ có một việc xấu đó thôi, mà lúc Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ, đến giờ khất thực, Ưu-đà-di liền khoác y, cầm bát vào thành khất thực, khi đến một nhà kia, thầy trông thấy một phụ nữ đang mang thai, do giã gạo mỏi mệt ngồi trên cối nghỉ ngơi, Ưu-đà-di bèn dùng gót chân đạp vào cối giã khiến bà ta ngã kềnh trên đất, để lộ thân hình. Thầy bèn đứng xem mãn nhãn, rồi mới ra đi. Phật liền hỏi: "Ưu-đà-di, ông có làm việc ấy thật chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!." Phật hỏi: "Vì cớ gì vậy!."

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Vì con chưa từng trông thấy phụ nữ mang thai nên muốn xem thử vậy."

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si! Thà xem các cầu tiêu chứ không nên xem phụ nữ đang mang bầu. Ta há không từng dùng nhiều phương tiện chê trách dục tưởng, và khen ngợi ly dục là gì? Vì sao ông lại làm cái việc xấu bất thiện như vậy? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Ưu-đà-di này bị Bà-la-môn kia thộp cổ, rồi nhờ ân huệ của Thế Tôn mà chạy thoát được?

(**265a**) Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-đà-di này không những hôm nay nhờ ta mới được thoát, mà trong thời quá khứ cũng từng bị bắt và nhờ Ta mới thoát được."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?" Phật nói: "Có như vậy. Trong thời quá khứ, ở trên núi Hương Sơn, có một vị tiên nhân ẩn cư. Cách núi ấy không xa, có một cái ao nước. Trong ao có một con Ba Ba, nó rời khỏi ao đi tìm thức ăn, khi ăn xong liền hướng về phía mặt trời, mở miệng ra mà ngủ. Khi ấy, trong Hương Sơn có một con khỉ đi xuống ao uống nước, uống xong bèn lên bờ, liền trông thấy con Ba Ba đang mở miệng nằm ngủ. Thấy vậy, con khỉ bèn muốn làm việc dâm dục, liền đút dương vật vào trong miệng con Ba Ba. Ba Ba bỗng thức giấc, liền ngậm miệng lại, thu rút sáu chi phần vào trong mai, như bài kệ sau đây trình bày:

"Kẻ ngu si chấp tướng,
Như Ba Ba ngậm mồm.
Họa chỉ có trời gầm,
Búa bổ mới chịu nhả."

Khi ấy, Ba Ba ngậm chặt dương vật của khỉ định chui xuống nước. Khỉ đột hoảng sợ liền suy nghĩ: "Nếu ta xuống nước chắc chết, không còn nghi ngờ gì nữa." Nhưng Ba Ba sức yếu, hai con giằng co nhau, dần dần lôi đến bờ vực.

Lúc ấy, con Ba Ba nằm ngữa, khỉ dùng hai tay ôm lấy Ba Ba, suy nghĩ và nói: "Không biết có ai giúp ta thoát được nạn này?" Vì khỉ đã biết chỗ ở của tiên nhân, nên nghĩ rằng ông ấy sẽ cứu ta, bèn ôm Ba Ba hướng đến nơi ấy. Tiên nhân từ xa trông thấy, liền suy nghĩ: "Ôi, thật là việc lạ lùng! Con khỉ này nay muốn giở trò gì đây?", bèn nói đùa với khỉ: "Bà-la-môn! Vật quí gì đựng đầy bát mang đến đây vậy? Có tin tức gì vui mà đến tìm tôi thế?"

Bấy giờ, khỉ liền đọc kệ:

"Tôi, con khỉ ngu si
Vô cớ xúc não người.
Hiền sĩ hãy cứu giúp,
Tính mạng tôi sắp tiêu.
Hôm nay Bà-la-môn,
Nếu không cứu lấy tôi.
Chốc lát đứt của quí,
Khốn khổ trở về rừng."

Khi ấy, tiên nhân dùng kệ đáp lại:

"Nếu ta giải cứu ngươi,
Cho về lại núi rừng.
E rằng tánh khỉ đột
Chứng nào vẫn tật nấy."

Thế rồi, tiên nhân nói với chúng về sự tích thuở xưa:

"Ba Ba mi thuở xưa,
Từng có hiệu Ca-diếp.
(**265b**) Con khỉ trong quá khứ,

Hiệu là Kiều Trần Như.
Từng làm việc dâm dục
Nay là dịp đoạn trừ.
Ca-diếp thả Kiều Trần
Cho về lại núi rừng."

Bấy giờ, Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Vị tiên nhân thời ấy nào phải ai khác đau mà chính là ta đây; còn Ba Ba là Bà-la-môn, và con khỉ lúc ấy là Ưu-đà-di. Xưa kia làm muông thú, y đã nhờ ta cứu thoát, nay lại cũng nhờ ta mà được giải thoát."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Ưu-đà-di đối với Sa-di-ni Chi Lê như con gái mình, lại sinh khởi dục tưởng?" Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay Ưu-đà-di đối với Chi Lê như con gái mình mà khởi dục tưởng, mà trong thời quá khứ đối với cô gái ấy cùng đã từng khởi dục tưởng." Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?"

Phật đáp: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ có một người Bà-la-môn họ Tung Cừ, sống bằng nghề nông, ông cưới một bà vợ đoan chính đẹp đẽ, hai người ái ân nồng thắm, sinh một đứa con gái cũng đoan chánh không kém. Vì họ của ông là Tung Cừ nên ông đặt tên con gái là Tung Cừ. Đến khi cô khôn lớn, các gia đình Bà-la-môn liền sai mai mối đến xin cưới cô. Khi ấy, cô hỏi mẹ: "Những người khách đến là ai vậy?" Đáp: "Họ xin cưới con đấy." Cô bèn thưa với mẹ: "Con không muốn lấy chồng, chỉ thích tu phạm hạnh." Bà mẹ nói: "Không được! Nguyên tắc con trai con gái là phải lấy vợ lấy chồng." Cô lại nói: "Nếu cha mẹ thương yêu con, thì xin đừng gả con cho ai." Vì cha mẹ quá thương yêu con gái nên không nở làm trái ý nó, liền đáp: "Đồng ý." Lúc đó, bà con quen biết đều lấy làm kỳ quái, tự hỏi: "Vì sao người con gái ấy đoan chánh đẹp đẽ mà lại thủ chí thích tu phạm hạnh?" Thế nên, ai nấy đều yêu mến cô. Trong lúc Bà-la-môn ra đồng cày ruộng, bà vợ thường mang đồ ăn. Bỗng một hôm, bà vợ bận việc, bèn sai Tung Cừ đem thức ăn ra đồng cho cha. Khi ấy, Bà-la-môn vì

không tư duy chân chánh nên phát sinh dục tưởng, mong mỏi vợ tới sẽ cùng hành lạc, nên trông thấy người mang thức ăn đến, liền bỏ cày lên đón. Do lòng dục làm mê loạn, ông không kiềm chế được, nên chỗ không nên vuốt ve mà cha lại vuốt ve con mình. Khi ấy, cô Tung Cừ liền chảy nước mắt đứng yên. Thế rồi, ông Bà-la-môn bỗng sực nghĩ lại:"Con Tung Cừ này thường không ưa dục lạc, mọi người đều ca ngợi, nay ta vuốt ve nó mà nó chẳng kêu la gì, hình như nó có ý thích, liền đọc kệ:

"Nay ta vuốt ve con,
Con cúi đầu thở ra
(**265c**) Hình như con không muốn
Hành lạc cùng với ta.
Con từng tu phạm hạnh
Mọi người ai cũng kính
Mà nay lại yếu mềm
Dường có ý phàm tục."

Bấy giờ, cô Tung Cừ bèn dùng kệ đáp lại lời cha:

"Trước gặp cảnh khủng bố,
Con nương cậy cha hiền
Nay cội gốc nương tựa
Lại gặp phải não phiền
Nhưng trong chỗ thâm tình
Biết tố cáo cùng ai.
Ví như chỗ nước sâu
Bỗng phát sinh ra lửa
Nơi cội gốc chở che,
Mà nay sinh khủng bố
Chỗ không sợ sinh sợ
Nơi trở về gặp nạn
Các thiên thần rừng cây

Chứng cho điều phi pháp
Ân sinh dưỡng không tròn
Một sớm thành ô nhục
Lòng đất không mở ra
Ta biết trốn vào đâu?"

Khi Bà-la-môn nghe con gái mình đọc kệ, lòng đầy hổ thẹn, lập tức bỏ đi.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Bà-la-môn thuở ấy nào phải ai khác đâu mà là Ưu-đà-di ngày nay. Còn vợ Bà-la-môn lúc ấy thì nay là Tỳ-kheo-ni Ưu Bát La; và cô Tung Cừ thuở trước thì nay chính là Sa-di-ni Chi Lê vậy. Ngày xưa, ông đã từng khởi dục tưởng với cô gái này nên nay lại khởi trở lại."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo cư trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo bị dâm dục biến tâm, rồi cọ xát với thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm đuôi tóc và xúc chạm vào các bộ phận khác để tìm cảm giác êm ái, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Dâm dục: Tức là có tâm nhiễm ô.

Biến tâm: Tâm quá khứ diệt tận, thay đổi nên gọi là biến. Nhưng chỉ biến dịch trong các thứ này: căn, lực, giác chi và thánh đạo.

Tâm: Tức là ý thức.

Người nữ: Như mẹ, chị, em thân thích hoặc chẳng phải thân thích, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Nắm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, cho đến nắm một ngón tay thì gọi là nắm tay.

Biên: Có 8 loại, đó là: (1) Đuôi tóc; (2) Ngoài lề của hạt châu; (3) Phần chót của sợi tơ; (4) Trên chót vòng hoa; (5) Lớp ngoài vỏ cây; (6) Trên đầu ngọn cỏ; (7) Trên đầu sợi long; (8) Bên ngoài da.

Nếu nắm 8 loại biên này gồm luôn cả tóc thì phạm 8 tội Tăng-già-bà-thi-sa. Ngoài tóc ra, nếu nắm 7 loại biên kia thì phạm 7 tội Thâu-lan-giá.

Thân thể tiếp xúc: Hai thân thể tiếp xúc nhau.

Các bộ phận khác: Các bộ phận trong thân thể, trừ tóc ra.

Vuốt ve: Vuốt xuôi, vuốt ngược khắp nơi.

Tìm cảm giác êm ái: Trong khi vuốt xuôi, vuốt ngược thân thể có cảm giác êm ái.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói, hoặc Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô kéo mái tóc của phụ nữ, hoặc dở lên, hoặc đè xuống, hoặc kéo tới, hoặc đẩy lui, hoặc ôm vào, hoặc hôn, hoặc xô, hoặc vỗ, đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo muốn nắm người này mà lại đụng nhằm người khác, hoặc muốn nắm người khác mà lại đụng phải người này, hoặc muốn xúc chạm người này mà xúc chạm người này, hoặc muốn xúc chạm những người khác rồi xúc chạm những người khác, cho đến lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Trong ý tưởng người đó là phụ nữ, nhưng lại là hoàng môn rồi nắm tóc, cho đến lôi kéo, vuốt ve thì Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là hoàng môn, nhưng lại là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là phụ nữ mà người đó đích thực là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là hoàng môn mà người đó quả là hoàng môn, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là phụ nữ nhưng lại là đàn ông, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là nam giới, nhưng lại là phụ nữ, rồi lôi kéo, vuốt ve, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trong ý Tỳ-kheo tưởng người đó là nam giới, mà quả thực là nam giới, rồi lôi kéo, vuốt ve thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với hoàng môn thì cũng như nam giới.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ, rồi người nữ đó chạy vào trong đám phụ nữ, và Tỳ-kheo vào trong đó kéo người nữ ấy ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc khởi dục tâm chạm vào trong các phụ nữ ấy thì tùy xúc chạm vào ai đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ, rồi người nữ ấy chạy vào trong đám hoàng môn, và Tỳ-kheo vào trong đó kéo người nữ ấy ra, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục xúc chạm các người hoàng môn, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người nữ rồi người nữ ấy chạy vào trong đám đàn ông, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nữ ấy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục xúc chạm vào các người đàn ông, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni. Bằng không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn và người hoàng môn ấy chạy vào trong đám hoàng môn, rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, (**266b**) thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm xúc chạm những người hoàng môn khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn, và người hoàng môn ấy chạy vào trong đám phụ nữ, rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm xúc chạm vào những phụ nữ khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt người hoàng môn rồi người hoàng môn ấy chạy vào trong đám đàn ông, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người hoàng môn ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu có dục tâm xúc chạm những đàn ông khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một người nam, rồi người nam ấy chạy vào trong đám người nam, và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có dục tâm xúc chạm những người nam khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một người nam và người nam ấy chạy vào trong đám phụ nữ rồi Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có dục tâm xúc chạm những người nữ khác, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục đuổi bắt một người nam, rồi người nam ấy chạy vào trong chúng hoàng môn và Tỳ-kheo vào trong đó lôi kéo người nam ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có dục tâm xúc chạm những người hoàng môn khác, thì tùy theo sự xúc chạm, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không xúc chạm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục, một lần xúc chạm nhiều phụ nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu xúc chạm riêng từng người thì một lần xúc chạm phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang ngồi, có phụ nữ đến đảnh lễ dưới chân, mà Tỳ-kheo khởi tâm dâm dục, thì phải đứng thẳng dậy nghiêm trang, nói với phụ nữ ấy: "Đảnh lễ xa một tí."

Nhưng vì người phụ nữ ấy sùng tín, nên lại tiếp tục đảnh lễ dưới chân. Khi ấy, Tỳ-kheo phải cắn lưỡi, mím môi chịu đau đớn, chứ không được cảm nhận sự êm ái của người nữ.

Nếu phụ nữ đến Tỳ-kheo xin nước, thì Tỳ-kheo nên bảo người giữ nước cho họ, chứ không nên tự mình rót nước trực tiếp vào tay phụ nữ, mà phải đổ nước đầy xô rồi đưa. Nếu không có xô thì sai tịnh nhân (cư sĩ trong chùa) đưa cho họ. Nếu không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo phải để chén nước trên giường, trên ghế rồi bảo: "Hãy lấy nước đấy uống." Nếu Tỳ-kheo ngồi cùng với phụ nữ trên một chiếc giường thì trái oai nghi. Nếu khởi dục tâm thì phạm tội

Việt-tỳ-ni. Còn như cố ý lay động cái giường, dù không xúc chạm trực tiếp, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cùng ăn chung một chén, một tô, hoặc cùng nằm chung một giường cũng như vậy.

(**266c**) Nếu Tỳ-kheo nằm chung với phụ nữ trên một giường xúc chạm nhau, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo ngồi, phụ nữ nằm, phụ nữ ngồi, Tỳ-kheo nằm, tùy theo lúc ngồi, lúc nằm xúc chạm nhau, thì mỗi lần phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo biết phép mà đa trá ôm phụ nữ cùng ngồi, cùng nằm cả đêm không di dịch, thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo cùng kết vòng hoa chung với phụ nữ, thì trái oai nghi. Nhưng nếu sinh tâm nhiễm ô thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khởi dục tâm, làm lay động vòng hoa, dù không chạm xúc nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng đứng chung với phụ nữ trên miếng ván đặt trên miệng giếng để xách nước, thì trái oai nghi.

Nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có dục tâm làm lay động tấm ván, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không lay động thì không có tội. Hoặc nơi đó có người đàn ông khác cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ xách nước chung một dây thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu khởi dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì dục tâm mà làm lay động cái dây, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ xách nước chung một giếng, khi Tỳ-kheo thả gàu xuống, phụ nữ cũng muốn thả gàu xuống, thì Tỳ-kheo phải nói: "Này chị hãy khoan, đợi tôi xách lên rồi, chị mới thả xuống."

Nếu thềm giếng mỏng manh dễ lay động mà Tỳ-kheo cùng xách nước một lúc với phụ nữ, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu khởi dục tâm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Còn nếu vì dục tâm, làm lay động thềm giếng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu thềm giếng không động, thì không có tội. Hoặc ở trung gian có tịnh nhân, cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi vào xóm làng đến nhà Ưu-bà-tắc có tín tâm, khi ấy, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói: "Con muốn nghỉ tại chùa một đêm để cúng dường Phật và xin thầy cho con mượn những dụng cụ cần thiết." Tỳ-kheo đáp: "Được thôi!." Rồi sau đó, nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ nâng cây trụ lên để trồng, thì trái oai nghi. Nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì dục tâm mà làm lay động cây trụ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ trương ra những dụng cụ cúng dường như tre, gỗ, da, mỗi người cầm một đầu, thì trái oai nghi. Trong khi đó nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì dục tâm, làm lay động tre, gỗ, da thì phạm tội Thâu-lan-giá. Ngoài ra nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ nắm một đầu giăng ra các thứ như trướng, man y, gấm vóc, bức tượng, cho đến các vòng hoa, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì dục tâm mà làm lay động những vật ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người phụ nữ bưng cái hũ đường phèn lên thì trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Hoặc vì dục tâm mà làm lay động cái hũ đó, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cho đến tất cả các vật nặng khác cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ cắm hoa (**267a**), rót đầu, người nữ cầm lục bình, còn Tỳ-kheo cắm hoa hoặc Tỳ-kheo cầm lục bình và người nữ cắm hoa, đều trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì dục tâm mà làm lay động cái bình, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo nghe thuyết pháp suốt đêm với phụ nữ thì nên cho họ ngồi ở ngoài bức tường. Nếu giảng đường rộng, phải ngồi chung, thì phải dùng một khúc cây ngăn cách với họ.

Sau khi nghe pháp xong, Tỳ-kheo cầm các vật như mền, áo, châu báu v.v. bố thí, mà Tỳ-kheo cùng với người nữ cầm những vật đó để chú nguyện, thì trái oai nghi. Trong lúc đó, nếu có dục tâm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì dục tâm mà làm lay động các vật ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Vào buổi sáng sớm Tỳ-kheo cùng với người nữ chuẩn bị các thứ ẩm thực, cho đến các thứ muối, nếu Tỳ-kheo cầm chén, người nữ bỏ muối vào, hoặc người nữ cầm chén, Tỳ-kheo bỏ muối vào, đều trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc vì dục tâm mà làm lay động cái chén, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo để cái chén trên bàn, rồi người nữ bỏ muối vào trong đó, thì không phạm.

Nếu có người nữ muốn gánh vật nặng mà không dỡ nổi lên vai, bèn nhờ Tỳ-kheo đỡ giúp lên vai, thì Tỳ-kheo không nên đỡ giúp. Trong khi đó, nếu có những nam nữ khác thì Tỳ-kheo nên bảo họ đỡ giúp. Nếu không có ai cả thì Tỳ-kheo nên đỡ vật ấy đặt lên một chỗ cao, rồi bảo người phụ nữ ấy đến gánh.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với người nữ trên đường đất có thể rung động, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì dục tâm mà làm lay động đất, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với người nữ trên một chiếc xe, trên một con đò, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì dục tâm mà làm lay động chiếc xe, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu xe không lay động thì không có tội. Hoặc ở trung gian có người đàn ông khác, thì không có tội.

Nếu khi xuống xe, thấy người nữ cùng xuống, thì Tỳ-kheo dừng lại để người nữ xuống xong rồi Tỳ-kheo mới xuống. Nhưng nếu lối xuống rộng rãi, không lay động thì không có tội. Hoặc trung gian có người đàn ông khác thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi chung với phụ nữ trên một tấm ván dài thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì dục tâm mà làm lay động tấm ván, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu tấm ván không lay động, hoặc trung gian có người đàn ông, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng lội nước chung với người phụ nữ, mà Tỳ-kheo đi sát bên sau, làm văng nước lên người nữ thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì dục tâm mà làm bắn nước lên người nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đi cùng thuyền với phụ nữ, thì Tỳ-kheo phải (**267b**) đứng ở chỗ nam giới đứng. Nhưng nếu chỉ có một chỗ, thì Tỳ-kheo phải giữ chánh niệm mà đứng, trái lại, nếu có tâm này khác mà xúc chạm họ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu khi thuyền bị chìm, người nữ trôi giạt đến Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo tưởng tượng họ là cục đất mà vớt lên khỏi nước, thì không phạm. Nhưng nếu có dục tâm thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành ở bên sông, có người nữ rơi xuống sông, kêu la ơi ới xin Tỳ-kheo cứu mạng, thì Tỳ-kheo tưởng tượng họ là cục đất mà vớt lên, thì không phạm; hoặc đưa cành tre, khúc cây, chiếc dây cho họ nắm rồi kéo lên, thì không phạm. Hoặc Tỳ-kheo nói: "Ta biết cô tuy khổ, nhưng do số mạng đã định trước", thì không có tội.

Nếu người nữ vội vàng vớ lấy Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải giữ chánh tâm đứng im, còn như có tâm này khác, gấp chiếc y cho dày lại để nắm cô ta, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu nắm cô ta qua lớp y mỏng manh thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi Tỳ-kheo đi vào trong thành, nếu gặp vua xuất thành, hoặc gặp ngày đại hội có đông người ra vào, thì Tỳ-kheo phải đứng chờ lúc ít người mới đi vào, trái lại, nếu cùng đi chung với mọi người đông đúc, thì trái oai nghi; thậm chí, nếu có dục tâm xúc chạm họ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vào thành khất thực đi ngang qua nhà dâm nữ, rồi dâm nữ đến nắm lấy tay Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải tư duy chân chánh. Khi Tỳ-kheo khất thực, nếu có phụ nữ đoan chánh đem thức ăn đến cúng dường Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo thấy người nữ ấy mà khởi lên dục tưởng, thì Tỳ-kheo phải đặt bát xuống đất nhờ người trao cho cô ta.

Nếu người đem thức ăn đến dâng Tỳ-kheo, mà một tay cô đỡ bát, một tay sớt thức ăn, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm mà xúc chạm cô ấy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên con đường hẻm chật chội trong xóm mà gặp người nữ, thì phải dừng lại đợi người đó đi qua. Nhưng nếu cùng tranh nhau đi thì trái oai nghi, hoặc có dục tâm mà xúc chạm họ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo cùng với mẹ, chị, em, thân quyến lâu ngày gặp nhau, rồi họ vui mừng ôm chầm lấy Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo phải đứng im, giữ chánh niệm. Trái lại, nếu có tâm này khác, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn việt rồi phụ nữ bồng trẻ con đặt lên gối Tỳ-kheo, thì không phạm. Nhưng nếu Tỳ-kheo đến bồng trẻ con từ trên tay phụ nữ, thì trái oai nghi. Trong khi đó, nếu Tỳ-kheo có dục tâm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu hai đàng giằng co động chạm nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu tay Tỳ-kheo xúc chạm người phụ nữ ấy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đi vào thành mà gặp lúc vua xuất cung hoặc gặp ngày đại hội có nhiều nam nữ ra vào, thì Tỳ-kheo phải đứng lại đợi lúc ít người mới đi vào.

Nếu lúc đó có voi điên, ngựa điên, trâu điên phóng chạy (**267c**) hoặc xe bốc cháy, các tai nạn đáng sợ xảy ra nên Tỳ-kheo phải gấp rút đi vào thì không có tội.

Nếu tại những nơi có đại hội như chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật thành đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La-hầu-la mở đại hội, chỗ Ban giá vu sắp mở đại hội, đang có nhiều người đến xem, rồi người đem vòng xuyến, chuỗi anh lạc, y phục đến gởi Tỳ-kheo.

Nếu là vật không thanh tịnh (như vòng ngọc) thì Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân giữ. Nếu là vật thanh tịnh thì phải tự tay mình giữ. Và khi người nữ trở lại đòi những vật đó, thì bảo tịnh nhân trả lại vật không thanh tịnh, còn vật thanh tịnh thì chính tay mình trả lại. Nhưng Tỳ-kheo không được đeo những vật đó cho họ, nếu đeo, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như xúc chạm vào thân thể người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu xúc chạm vào kẻ hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu xúc chạm vào đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xúc chạm tất cả các loài súc sinh giống cái, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xúc chạm vào Khẩn na la cái, hoặc khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Ngoài ra còn có các trường hợp:

– Nếu đứng kề sát người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; kề sát người hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; kề sát đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc là đứng kề sát người nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; kề sát hoàng môn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; kề sát đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Hoặc là đứng kề sát người nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; kề sát hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; kề sát đàn ông thì không phạm. Hoặc là đứng kề sát phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; hoàng môn và đàn ông thì không phạm. Do đó nên nói:

Nếu Tỳ-kheo bị dâm dục biến tâm, rồi xúc chạm thân người nữ, hoặc nắm tay hoặc nắm đuôi tóc, hoặc xúc chạm vào các bộ phận khác để tìm cảm giác êm ái, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới thứ 2 của giới Tăng tàn)

*

3. NÓI NĂNG THÔ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, trong vườn Trúc Ca-lan-đà, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tịnh Cư Thiên đem thứ thuốc dành cho Chuyển Luân Vương uống giá trị hàng trăm ngàn trao cho Kỳ Cựu. Rồi thầy thuốc Kỳ Cựu suy nghĩ: "Hiện nay, trên thế gian này, ai là người đáng tôn trọng bậc nhất, ai là người cao quí hơn hết để ta đem món thuốc này mà hiến tặng." Thế rồi ông thầm

nhủ: "Chỉ có đức Như Lai là đáng tôn kính hơn hết, vậy ta hãy đem món thuốc này mà dâng hiến lên Thế Tôn." Tức thì Kỳ Cựu đồng tử đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên (**268a**) bạch Thế Tôn rằng:

Bạch Thế Tôn! Tịnh Cư Thiên cho con món thuốc dành cho Chuyển Luân Vương, giá trị đáng trăm nghìn, con suy nghĩ: "Trên thế gian này ai là người đáng tôn trọng bậc nhất, ai là người cao quí hơn hết đáng dâng tặng món thuốc này." Rồi con thầm nhủ: "Chỉ có đức Như Lai là bậc đáng tôn kính nhất trên đời, vậy ta hãy đem món thuốc này mà dâng hiến lên Thế Tôn." Xin Thế Tôn hãy thương xót con mà nhận lấy món thuốc này.

Phật bèn nói với Kỳ Cựu:

Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri đã vĩnh viễn đoạn tận các tập khí chướng ngại dâm, nộ, si chỉ còn cái thân vi diệu kiên cố, bình đẳng, không có bệnh hoạn gì cần phải uống thứ thuốc này.

Bấy giờ, Kỳ Cựu lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri có cái thân vi diệu bình đẳng, tuy không còn bệnh tật gì, nhưng vì thương xót con, xin hãy nhận lấy món thuốc này, lại vì các đệ tử trong đời sau mở bày phương tiện để họ thấy rõ: Người có bệnh thì nhận thuốc, người bố thí thì được phước."

Khi ấy, Thế Tôn im lặng thọ nhận. Kỳ Cựu lại suy nghĩ: "Nay đây ta không thể cho Thế Tôn uống thuốc như người thường, mà phải dùng hoa sen xanh ướp vào thuốc cho thơm để Thế Tôn ngửi." Bấy giờ, Thế Tôn bèn ngửi món thuốc có ướp mùi thơm của hoa sen xanh, cho nên bị đi cầu đến 18 lần. Sau khi đi cầu, sắc tướng của Thế Tôn kém vui.

Khi ấy vua Bình Sa cùng với quần thần và quyến thuộc đều đến thăm bệnh Thế Tôn. Đồng thời năm trăm dâm nữ tại thành Vương-xá cũng đến đảnh lễ vấn an Thế Tôn. Khi vua Bình Sa vào thăm bệnh Thế Tôn xong thì quần thần theo hầu cũng tuần tự vào

vấn an Thế Tôn. Năm trăm dâm nữ bấy giờ, hoặc cưỡi voi, ngựa, hoặc đi xe, đi kiệu riêng đến thăm bệnh Thế Tôn. Trong số đó có người thì vào thăm, có người thì không vào, có người thì cùng với bọn trai trẻ vào trong công viên dạo xem các hồ tắm, hưởng thụ ngũ dục, ca múa vui đùa. Khi ấy, có một dâm nữ bần cùng, y phục xấu xí, không ai thèm nói chuyện nên cô đi đến chỗ Ưu-đà-di, thưa: "Thưa thầy, con muốn vào xem." Ưu-đà-di nói: "Được thôi, chị không yêu cầu tôi cũng muốn cho chị vào, huống gì chị đã yêu cầu", liền dẫn cô ta vào phòng. Rồi Ưu-đà-di lần lượt chỉ cho cô xem những hình vẽ nơi các căn phòng, và hỏi: "Này chị, phòng ốc có đẹp không?" Đáp: "Thật đẹp." Thầy lại hỏi: "Này chị, chúng ta có thể cùng làm việc đó được chăng?" Đáp: "Tôi lấy việc nằm ngửa để làm kế sinh sống, khi nào có đàn ông đến kia mà." Ưu-đà-di nói: "Này chị, chị hãy nằm xuống đất." Cô ta liền nằm xuống đất. Thầy lại bảo: "Hãy nằm nghiêng bên phải." Cô ta bèn nằm nghiêng bên phải. Thầy lại bảo: "Hãy nằm nghiêng bên trái." Cô ta bèn nằm nghiêng bên trái. Thầy lại ra lệnh: "Hãy nằm ngữa." Tức thì cô ta nằm ngữa. Thầy lại truyền lệnh: "Hãy khoan thai đi." Cô ta liền đi ẻo lả. Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn nhổ nước bọt, đạp một đạp, khiến cô ta ngã quị. Rồi thầy lại nói: "Này chị, hãy đứng dậy. Ta đã làm (đùa) xong." Khi ấy, dâm nữ (**268b**) nổi giận nói: "Đó không phải là cách từ tạ của Sa-môn."

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo chuyên tọa thiền, trước đó vào ngồi tại một chỗ tối trong phòng, từ xa trông thấy sự kiện như thế, liền nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Họ liền gọi đến. Khi đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-đà-di:

"Ông có làm như vậy thật chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy."

Phật liền nói: "Ông dùng cái tâm nào (xử sự như vậy)?"

Đáp: "Cái tâm tham dục."

Phật lại hỏi: "Ông muốn hành dâm sao?" Đáp: "Con không muốn việc đó mà chỉ muốn đùa thôi."

Phật nói: "Đó là việc xấu. Này Ưu-đà-di, Ta không từng dùng nhiều cách chê trách dục tưởng, ca ngợi ly dục là gì? Vì sao nay ông lại làm một việc xấu như thế? Ưu-đà-di! Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo để cho tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn, rồi dùng lời dơ bẩn bảo người nữ giao hoan với mình, theo tập quán tính dục như bọn nam nữ trai trẻ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Bảo người nữ giao hoan với mình: Là nói cái việc trái với phạm hạnh.

Như bọn nam nữ trai trẻ: Trai trẻ có ba hạng: Thiếu niên nhỏ tuổi, thiếu niên trung niên và thiếu niên lớn tuổi. Trung niên cũng có ba hạng: Trung niên nhỏ tuổi, trung niên trung bình và trung niên lớn tuổi. Lão niên cũng có ba hạng: Lão niên nhỏ tuổi, lão niên trung bình và lão niên già lão.

(Nếu Tỳ-kheo bảo người nữ giao hoan với mình) Như bọn nam nữ thanh niên thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với phụ nữ khởi dục tâm, rồi nói thẳng rằng muốn làm hoặc không muốn làm, hoặc khen chê, hỏi han, cầu xin được thấy (của quí) hoặc mắng v.v. (thì phạm tội).

Muốn làm: Muốn bỏ pháp Sa-môn mà làm việc dâm dục.

Không muốn làm: Không muốn bỏ pháp Sa-môn, tuy nói: "Tôi sẽ làm việc dâm dục", nhưng thực sự không làm. Đó gọi là không muốn làm.

Khen chê: Khen hoặc chê tám chỗ sau đây: 2 môi, 2 nách, 2 vú, 2 bên sườn, bụng, rún, 2 đùi vế và 2 đường (âm đạo và hậu môn).

Môi: Nói rằng: Môi đẹp, môi hồng, môi cân đối, môi như hoa thạch lựu v.v. khen ngợi như thế thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(**268c**) Nếu nói: Môi xấu, môi trề, môi thô, môi heo, môi như miệng giếng v.v., chê bai như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nách: Hoặc khen rằng: Nách đẹp, nách bằng phẳng, nách không có lông, nách thơm. Hoặc chê rằng: Nách hôi, nách sâu, nách nhiều lông. Nếu khen chê như thế thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vú: Hoặc khen rằng: Vú đẹp, vú tròn, vú như trái lựu, vú như núm vàng, hai vú cân bằng. Hoặc chê rằng: Vú hôi, vú trệ, vú lớn, vú heo, vú chó, vú như túi đựng thuốc. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Sườn: Hoặc khen rằng: Sườn đẹp, sườn bằng phẳng, sườn như cái ròng rọc. Hoặc chê rằng: Sườn xấu, sườn bị sa xuống v.v. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Bụng: Hoặc khen rằng: Bụng đẹp, bụng bằng phẳng. Hoặc chê rằng: Bụng xấu, bụng lớn, bụng trệ. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Rún: Hoặc khen rằng: Rún đẹp, rún sâu, rún như dòng nước xoáy. Hoặc chê rằng: Rún xấu, rún lớn, rún lồi. Nếu khen chê như vậy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đùi vế**:** Hoặc khen rằng: Đùi vế đẹp, đùi vế tròn, đùi vế như chân cọp, đùi vế như vòi voi. Hoặc chê rằng: Đùi vế xấu, đùi vế ốm teo. Nếu khen chê như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hai đường: (Đường tiểu tiện và hậu môn), nếu nói tên hai đường này thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô khen chê tám chỗ kể trên, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói: Tức nói với người nữ rằng: Như mẹ, chị em của cô từng phục vụ người khác, hoặc chồng, hoặc chú của cô bảo cô: "Ngươi phải tùy theo chỗ đó mà làm."

Nếu nói những lời ấy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hỏi: Chẳng hạn hỏi người nữ: "Ngươi đã từng theo lệnh của những người như chồng hoặc chú, làm (việc ấy) tại chỗ nào? Làm vào giờ nào trong đêm?"

Nếu hỏi như vậy thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Cầu: Tỳ-kheo nói với người nữ: "Như người ta đòi mẹ, chị hay em của ngươi phục vụ cho họ. Nay nhà ngươi nhờ việc này mà được cơm áo."

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thỉnh: Tỳ-kheo nói với người nữ: "Ta đã cầu thỉnh các thiên thần để được giao hoan với ngươi thì ta mới thỏa nguyện."

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Xem: Tỳ-kheo nói với người nữ rằng: "Giờ đây chúng ta hãy so sánh xem môi ai đẹp: của tôi hay của cô? Nếu môi ai không đẹp thì phải chịu bù lỗ." (**269a**) Đối với hai nách, hai vú, hai sườn, bụng, rún và hai bắp đùi cũng đều so sánh xem của người nào đẹp; Nếu không đẹp thì phải chịu bù lỗ. Hoặc gọi tên hai đường, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Mắng: Vì do lòng dục mà mắng bằng các danh từ như lừa, ngựa v.v. thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói thẳng: Nếu Tỳ-kheo nói huỵch toẹt với người nữ rằng: "Hai ta hãy làm cái việc ấy", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với người nữ, hoặc muốn làm (tình), hoặc không muốn làm, rồi khen, chê, nói, hỏi, cầu, thỉnh, xem, mắng, nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi dục tâm muốn tới người này mà lại tới những người khác, hoặc muốn tới những người khác mà lại tới người này, hoặc muốn tới người này, rồi tới người này, hoặc muốn tới những người khác, rồi tới những người khác v.v... cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi dục tâm đối với người nữ mà hướng đến người hoàng môn, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đối với người hoàng môn, khởi dục tâm, mà lại hướng đến người nữ, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nữ khởi dục tâm rồi hướng đến người nữ cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo đối với người hoàng môn khởi dục tâm, rồi hướng đến người hoàng môn, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nữ khởi dục tâm, mà lại hướng đến người nam, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đối với người nam, khởi dục tâm, mà lại hướng đến người nữ, cho đến nói thẳng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. (Người nữ hướng đến người nữ cũng như thế).

Nếu Tỳ-kheo đối với người nam khởi dục tâm, rồi hướng đến người nam cho đến nói thẳng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoàng môn, người nam cũng như thế.

Hoặc Tỳ-kheo có dục tâm hướng đến người nữ nói về các việc: Dâm dục, thuận dâm dục, nói úp mở, nói quanh co, nói với người mang thai.

Dâm dục: Như nói: "Này chị, chúng ta cùng làm việc ấy." Đó gọi là dâm dục.

Thuận dâm dục: Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ rằng: "Muốn được các vật như con trai, thoa hương, vòng hoa, y phục, anh lạc, thì phải làm việc ấy", đó gọi là thuận dâm dục.

Nói úp mở: Nếu Tỳ-kheo đến người nữ nói úp mở rằng: "Này chị, đến tắm, đến ăn trái cây, đến nặn ra chất độc", nói những lời bóng gió như vậy, thì gọi là nói úp mở.

Nói quanh co: Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một phụ nữ này, rồi hướng về người nữ khác nói về tám chỗ, mà phụ nữ này biết Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo ấy phạm 8 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết, thì Tỳ-kheo phạm 6 tội Thâu-lan-giá, 2 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với một phụ nữ, rồi hướng đến chính phụ nữ này khen chê tám bộ phận của những phụ nữ khác, mà người nữ này biết (**269b**) Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo ấy phạm 8 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ này không biết, thì Tỳ-kheo phạm sáu tội Thâu-lan-giá, hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý đối với một phụ nữ, rồi hướng đến người nữ này nói về 8 bộ phận của kẻ hoàng môn, mà người nữ này biết Tỳ-kheo có tình ý đối với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm 6 tội Thâu-lan-giá và 2 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý đối với một phụ nữ, rồi tới nói với người phụ nữ ấy về 8 bộ phận của người đàn ông, mà người phụ nữ ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nếu người phụ nữ ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm 6 tội Thâu-lan-giá, 2 tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến những hoàng môn khác khen 8 bộ phận của họ, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu người hoàng môn ấy không biết thì thì Tỳ-kheo phạm 6 tội Việt-tỳ-ni, 2 tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê 8 bộ phận của những hoàng môn khác, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không biết thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni, 2 tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê về 8 bộ phận của phụ nữ, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu người hoàng môn ấy không biết thì Tỳ-kheo phạm 6 tội Việt-tỳ-ni, 2 tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn ấy khen chê 8 bộ phận của đàn ông, mà người hoàng môn ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu không biết thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni, 2 tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông khác khen chê 8 bộ phận của họ, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết, thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và 2 tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy khen chê 8 bộ phận của những người đàn ông khác, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và 2 tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy khen chê tám bộ phận của phụ nữ, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Việt-tỳ-ni. (**269c**)

Nhưng nếu không biết, thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và 2 tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có tình ý với một người đàn ông, rồi hướng đến người đàn ông ấy nói về 8 bộ phận của người hoàng môn, mà người đàn ông ấy biết Tỳ-kheo có tình ý với mình, thì Tỳ-kheo phạm 8 tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu không biết, thì phạm 6 tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối và 2 tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nói quanh co.

Nói với người mang thai: Nếu phụ nữ có thai đến chùa lễ Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo nói với họ: "Ôi, ôi, Ưu-bà-di! Ngươi đã mở cửa, đã thọ nhiễm sắc. Ngươi suốt đêm không ngủ, tạo nghiệp bất tịnh. Đó chẳng phải là phạm hạnh, mà là kết quả của sự dâm dục vậy."

Nếu nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Đó gọi là nói với người mang thai.

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo khen chê trước mặt phụ nữ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khen chê trước mặt hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; khen chê trước mặt đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu hướng đến khẩn na la cái, khỉ cái mà nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá; hướng đến những súc sinh cái khác nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói ở bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; bên cạnh hoàng môn, thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh hoàng môn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni, bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh đàn ông thì không có tội.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo khen chê bên cạnh phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh hoàng môn và đàn ông thì không có tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo để tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn, rồi nói với phụ nữ những lời thô ác theo cách dâm dục của thanh thiếu niên nam nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới thứ 3 của giới Tăng tàn)

*

4. YÊU CẦU NGƯỜI NỮ HIẾN THÂN

Bấy giờ, Phật trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Khi ấy, trưởng lão Ưu-đà-di có một người bạn Bà-la-môn cố cựu, ông nói với trưởng lão: "Tôi có công việc sắp đi xa, trưởng lão có thể thường lui tới chăm sóc giúp vợ con tôi ở nhà không?" Ưu-đà-di nói: "Này Bà-la-môn! Ông không ủy thác, tôi cũng phải trông nom, huống gì đã được ông ủy thác." Thế rồi, Bà-la-môn ra đi.

Bấy giờ, Ưu-đà-di bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà Bà-la-môn. Vợ Bà-la-môn trông thấy trưởng lão Ưu-đà-di đến liền ra nghinh tiếp, cung kính nói: "Lành thay sư phụ! Đã lâu ngày không gặp, nay lại hạ cố đến đây, xin mời thầy vào ngồi chơi." Ưu-đà-di liền bước vào, ngồi xong bèn nói: "Lâu ngày lắm tôi mới đến, hôm nay bà có gì cúng dường tôi không?" Vợ Bà-la-môn nói: "Có rất nhiều thức ẩm thực, tùy thầy đòi thứ gì tôi sẽ cúng dường tất cả." Ưu-đà-di nói: "Các thứ ẩm thực ấy (**270a**) tôi đều đã nhận được tại những nhà tín tâm khác rồi, nhưng cái mà người xuất gia chúng tôi khó được, thì bà được một cách tự nhiên, vậy hãy đem cái ấy ra hiến ta." Vợ Bà-la-môn nói: "Không biết cái mà người xuất gia khó được là vật gì mà tôi lại được một cách tự nhiên, xin thầy nói rõ cho biết? Nếu nhà tôi có thì tôi sẽ đem đến cho thầy, nhược bằng trong nhà không có, thì tôi sẽ đi tìm kiếm chỗ khác để biếu thầy." Ưu-đà-di nói: "Bà đã biết rõ việc ấy, chứ làm gì mà không biết! Bà đa tình xảo trá như kẻ trộm có 4 mắt, việc gì mà bà không biết." Vợ Bà-la-môn nói: "Tôi thật không biết, xin thầy nói rõ điều đó. Nếu trong nhà tôi có, tôi sẽ đem biếu thầy. Nếu trong nhà không có, tôi sẽ đi tìm chỗ khác mua biếu thầy. Thầy cần vật đó để làm gì?" Ưu-đà-di nói: "Bà dư biết việc ấy. Đó là cách cúng dường đệ nhất, tức là việc thông giao (giao hoan). Nghĩa là đem việc tùy thuận dâm dục cúng dường cho bọn Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi."

Khi ấy, trong số các bà vợ của ông Bà-la-môn, có người còn trẻ cảm thấy hổ thẹn liền cúi đầu lặng lẽ bỏ đi, ai nấy trở về phòng

mình. Còn những người trung niên cũng thấy xấu hổ, nhưng đều cúi đầu mà đứng im lặng. Riêng những người già cả liền mắng rằng: "Thầy Ưu-đà-di! Đó chẳng phải là việc thiện, thầy không nên nói những lời sàm sỡ như thế. Đây là nhà của Bà-la-môn chứ đâu phải là nhà của dâm nữ? Chúng tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo." Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch tùy ý các ngươi." Nói thế rồi, thầy liền bỏ đi. Sau khi rời khỏi nhà ấy, thầy liền đi vào nhà của các dâm nữ. Bọn dâm nữ thấy thầy đến đều đứng dậy tiếp đón, cung kính chào hỏi: "Lành thay sư phụ Ưu-đà-di! Đã lâu ngày không gặp, hôm nay bỗng nhiên hạ cố đến đây." Liền mời vào ghế ngồi. Ưu-đà-di nói: "Rất ít khi tôi đến, hôm nay các cô có chút ít gì cúng dường tôi không?" Các dâm nữ nói: "Có các thức ẩm thực, tùy thầy cần thứ gì, yêu cầu thứ gì, chúng tôi sẽ dâng hiến tất cả." Ưu-đà-di nói: "Các thứ ẩm thực ấy tôi đã nhận được tại những nhà có tín tâm khác rồi, nhưng cái mà những người xuất gia chúng tôi khó có được, thì các cô được một cách tự nhiên, vậy hãy đem cho tôi là tốt nhất." Các dâm nữ nói: "Nay chúng tôi không biết vật gì mà người xuất gia khó được, xin thầy hãy nói cho biết. Nếu trong nhà có thì chúng tôi sẽ đem cho thầy; nếu trong nhà không có thì chúng tôi sẽ đến những nơi khác tìm kiếm để dâng cho thầy." Ưu-đà-di nói: "Các cô đã biết việc ấy rồi, chứ sao không biết. Các cô đa tình xảo trá như tên trộm có 4 mắt, sao lại không biết." Thầy nói như thế đến ba lần mà bọn dâm nữ vẫn bảo là không biết. Ưu-đà-di lại nói: "(**270b**) Các cô biết rõ việc ấy rồi chứ sao lại không biết? Đó là cách cúng dường đệ nhất, tức là việc thông giao. Nghĩa là đem sự tùy thuận dâm dục cúng dường cho những Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi."

Bấy giờ, những người trẻ tuổi trong các dâm nữ liền vỗ tay cười ầm lên. Những người trung niên liền nói: "Nghề sinh sống chính của chúng tôi là nằm ngửa, nếu thầy là nam tử thì cứ đến." Còn những người già cả thì nói: "Thầy Ưu-đà-di, tuy chúng tôi lấy việc đó làm kế mưu sinh, nhưng chẳng lẽ thầy không giữ gìn pháp

Sa-môn sao? Chúng tôi sẽ đem việc này bạch với các Tỳ-kheo." Ưu-đà-di nói: "Bạch hay không bạch tùy ý các ngươi." Nói thế rồi, thầy liền bỏ đi.

Sau đó, bọn dâm nữ bèn nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật.

Phật dạy: "Hãy gọi Ưu-đà-di đến."Khi thầy đến rồi, Phật liền đem việc trên hỏi rõ Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế chăng?"

Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn!"

Phật liền khiển trách: "Ưu-đà-di! Ông há không từng nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để quở trách dâm dục, dùng nhiều nhân duyên để khen ngợi ly dục là gì? Vì sao ông làm một việc xấu, bất thiện như thế? Ưu-đà-di! Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

Nếu Tỳ-kheo để tư tưởng dâm dục xâm chiếm tâm hồn rồi ở trước mặt những người nữ khen ngợi việc đem thân mình ra cúng dường như sau: "Này chị em, hãy đem việc dâm dục cúng dường cho tôi, vì tôi là Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh." Nếu tán thán như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Khen ngợi sự cúng dường chính thân mình: Nếu Tỳ-kheo tự khen thân mình rằng: "Này chị em, tôi là Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh, nên đem việc dâm dục cúng dường cho tôi, đó là việc cúng dường bậc nhất", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo có tâm nhiễm ô, đứng trước người nữ mà nói với họ rằng: "Nếu ngươi muốn được việc tối thắng đệ nhất, tự tại, đại tự tại, không có gì so sánh được, không có gì tương tự, được sự tối thắng, được sở trường, được sự giải thoát (**270c**), được cái không có gì sánh bằng, được cái không có gì tương tự, bản thân không bệnh, mẹ không bệnh, cha không bệnh, bà con không bệnh, quyến thuộc không bệnh, được phúc đức danh dự, nhiều người thương, nhiều người nhớ tưởng, nhiều người hoan hỷ, nhiều người trọng thị, được trường thọ, được sắc đẹp, được an lạc, được thế lực, được quyến thuộc, được cõi thiện, được cõi trời thứ 33, được làm vợ của Thiên đế, được thiên nhãn thanh tịnh, 2 trái tai thòng xuống v.v., thì nên đem việc đó phụng sự cho hàng Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh như chúng tôi, đồng thời cung kính, tôn trọng, ngưỡng vọng cúng dường không nuối tiếc, thoải mái, rất thoải mái, tùy thuận lấy, tùy thuận nhận."

Trong 30 việc đó, 10 việc đầu tiên mỗi việc phạm một tội Việt-tỳ-ni. 8 việc kế tiếp, mỗi việc phạm một tội Thâu-lan-giá; 12 việc sau cùng, mỗi việc phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo khởi dục tâm, muốn hướng đến người này mà lại hướng đến những người khác, muốn hướng đến những người khác mà lại hướng đến người này, muốn hướng đến người này, rồi hướng đến người này, muốn hướng những người khác, rồi hướng đến những người khác... Hoặc Tỳ-kheo đối với người nữ khởi dục tâm mà lại hướng đến hoàng môn nói từ việc thứ nhất đến tùy thuận nhận, thì trong 30 việc đó, 10 việc đầu tiên phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; Trong 8 việc kế tiếp, phạm tội Việt-tỳ-ni; Trong 12 việc sau cùng, phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với người hoàng môn, mà hướng đến người nữ nói việc thứ nhất cho đến tùy thuận nhận, thì trong 30 việc đó, 10 việc đầu phạm tội Việt-tỳ-ni, 8 việc kế tiếp phạm tội Thâu-lan-giá, trong 12 việc sau cùng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ đối với người nữ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với người hoàng môn, rồi hướng đến người hoàng môn nói việc thứ nhất cho đến nói "tùy thuận thọ nhận." Trong 30 việc đó, 10 việc đầu tiên phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; trong 8 việc tiếp sau đó phạm tội Việt-tỳ-ni; trong 12 việc cuối cùng phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với người nữ mà hướng đến người nam nói việc thứ nhất cho đến nói: "tùy thuận thọ nhận", thì trong 30 việc đó, 10 việc đầu tiên và 8 việc tiếp theo, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; trong 12 việc sau cùng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo có dục tâm đối với người nam mà hướng đến người nữ nói việc thứ nhất cho đến nói "tùy thuận thọ nhận"thì trong 30 việc đó, 10 việc đầu tiên phạm tội Việt-tỳ-ni; 8 việc kế tiếp phạm tội Thâu-lan-giá; trong 12 việc sau cùng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người nữ đối với người nữ cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo khởi dục tâm đối với người nam, rồi hướng đến người nam nói việc thứ nhất cho đến nói "tùy thuận thọ nhận"thì trong 30 việc đó, 10 việc đầu và 8 việc tiếp theo phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; 12 việc sau cùng phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoàng môn, và đàn ông trong 4 câu cũng như vậy.

Nếu đối với người nữ mà khen ngợi việc đem thân cúng dường cho mình, thì phạm tội (**271a**) Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu đối với hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; đối với đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đối với Khẩn na la cái, khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá; đối với súc sinh giống cái, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh người nữ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa; bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh đàn ông, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp: Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh đàn ông thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Lại có trường hợp: nếu Tỳ-kheo... bên cạnh người nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni; bên cạnh hoàng môn thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh nam giới, thì không phạm.

Lại có trường hợp: Nếu Tỳ-kheo... bên cạnh phụ nữ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; bên cạnh hoàng môn và nam giới, thì không có tội. Thế nên, đức Thế Tôn nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo để cho tình dục xâm chiếm tâm hồn, rồi đứng trước người nữ ca ngợi việc họ đem thân cúng dường cho mình: "Này chị em! Hãy đem việc dâm dục cúng dường cho tôi vì tôi là hàng Sa-môn trì giới, làm việc thiện, tu phạm hạnh." Nếu ca ngợi như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

(Hết giới thứ 4 của giới Tăng tàn)

*

Hết quyển thứ năm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 6

TĂNG TÀN

5. LÀM MAI MỐI (271a)

Khi Phật an trú ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, lúc bấy giờ, có trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca La, đến giờ khất thực, thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi vào một gia đình nhà nông, người mẹ trong gia đình từ xa trông thấy trưởng lão Ca La đến, liền đứng dậy ra đón tiếp, cung kính chào hỏi:

Lành thay sư phụ mới đến, đã lâu ngày không gặp, xin đừng coi xa lạ như những nhà khác, mà hãy xem như nhà mình, mời thầy vào ngồi chơi.

Ca la liền vào ngồi, Khi ấy người mẹ đảnh lễ dưới chân Ca la xong, liền đứng qua một bên. Tiếp theo toàn gia nam nữ cũng đều ra đảnh lễ chân Ca La, rồi đứng qua một bên. Sau cùng, có một cậu con trai luống tuổi cũng đến đảnh lễ chân Ca La, rồi đứng sang một bên. Ca La hỏi chủ nhà: "Cậu này là con ai vậy?"

Người mẹ đáp: "Nó là con trai tôi."

Ca La bèn hỏi: "Đã lập gia đình chưa?"

Đáp: "Chưa lập gia đình."

Ca la nói: "Nên cưới vợ cho nó, không nên để đi ra ngoài, làm những việc tội lỗi, xấu xa."

(**271b**) Ca La lại hỏi: "Đã chọn được nơi nào thích hợp chưa?"

Đáp: "Có một nhà kia có một người con gái, tôi đã nhờ người mai mối đến hỏi cưới mà không được." Lại hỏi: "Vì sao không được?", Đáp: "Họ nói như sau: Tôi muốn không có con trai mà thành có con trai, không có con gái mà thành có con gái. Tôi đưa ra một điều kiện: Người đó vừa là rể tôi mà cũng vừa là con trai tôi, thì tôi mới gả con gái."

Rồi bà tiếp: "Tôi nay đâu có thể vì con gái họ mà để cho con mình đi ở rể."

Ca La nói: "Như lời bà nói thì kẻ đó là người ngu. Ai lại vì con gái mà bỏ mất con mình. Như người ta thường nói: "Hễ là con gái thì phải đi đến nhà người khác. Dù sinh trong gia đình hoàng tộc, thì theo luật hôn nhân, cũng phải ra đi, như bà ngày trước cũng từ bên ngoài mà đến đây. Nhưng tôi cũng có ra vào nhà ấy, tôi sẽ vì con trai bà mà cầu xin giúp cho."

Bà ấy liền đáp: "Lành thay sư phụ."

Thế rồi Tỳ-kheo Ca La bèn rời nhà này, đi đến nhà kia. Bà mẹ của gia đình ấy trông thấy Ca La đến, liền bước ra nghinh tiếp, cung kính chào hỏi: "Lành thay sư phụ mới đến, đã lâu ngày không được thăm hỏi. Xin thầy đừng coi xa lạ như những nhà khác, mà hãy xem nhà con như nhà của thầy, mời thầy vào ngồi chơi."

Khi ngồi xong, bà bèn đảnh lễ dưới chân Ca La, rồi đứng qua một bên. Sau đó toàn gia nam nữ cũng bước ra đảnh lễ dưới chân thầy, rồi đứng sang một bên, Cuối cùng có một người con gái luống tuổi, đi đến đảnh lễ dưới chân Ca la. Ca La hỏi bà chủ: "Đây là con gái nhà ai?"

Bà chủ đáp: "Con gái tôi đấy."

Lại hỏi: "Đã gả chồng chưa?"

Đáp: "Chưa gả chồng"

Ca La nói: "Nên sắp đặt sớm, đừng để nó đi ra bên ngoài mà rủi ro xảy ra những chuyện không hay."

Rồi Ca La lại hỏi: "Đã có ai đến xin cưới chưa?"

Đáp: "Có một gia đình kia đến xin cưới mà không gả."

Hỏi: "Vì sao không gả."

Đáp: "Thưa thầy, tôi muốn rằng không có con trai mà thành có con trai, không có con gái mà thành có con gái. Tôi có một điều kiện: Chồng nó vừa là chàng rể mà cũng vừa là con trai tôi, đến nhà tôi ở, thì tôi mới chịu gả nó. Nay tôi lẽ nào vì con trai người ta mà để cho con gái mình rời khỏi nhà."

Ca La nói: "Thật là quái gỡ! Bà là kẻ ngu si, Xưa nay có nghe ai nói gả con trai cho con gái bao giờ! Như bà ngày trước vì sao lại đến nhà người khác? Miệng đời thường nói: "Sinh con gái thì phải gả chồng. Dù sinh trong gia đình hoàng tộc, thì theo luật hôn nhân cũng phải rời khỏi nhà. Nhưng gia đình chàng trai kia vốn là thí chủ của tôi. Bà gả con gái cho họ thì có thể được giàu sang sung sướng."

Bà mẹ liền hỏi: "Ý thầy muốn như vậy sao?"

Đáp: "Muốn như vậy."

Bà liền đồng ý.

Thế rồi, Ca La trở về lại nhà trai, nói với bà chủ nhà rằng: "Nhà gái đã đồng ý rồi, những gì cần làm hãy làm ngay đi."

Khi ấy, cả hai gia đình đều giàu có, nên họ đưa lễ vật qua lại, rồi cử hành hôn lễ và người con gái đi về nhà chồng. Nhưng sau đó do công việc cực nhọc mà hằng ngày cô ta sinh ra mệt mỏi, nằm ngủ đến khi mặt trời mọc.

(**271c**) Bà mẹ chồng đến gọi: "Vì sao không dậy. Mày không biết phép tắc của người vợ là phải dậy sớm quét tước, làm công việc

và trông nom khách khứa sao?" Bà nhắc nhở đến lần thứ ba mà cô vẫn không nghe lời. Cho nên bà rất đau khổ, chán nản, than phiền rằng:

– Vì ông Ca La mà ta phải chuốc lấy nỗi khổ này, ông đã tìm cho ta một vật không có tay chân.

Bấy giờ cô vợ trẻ cũng khóc lóc than thở: "Vì ông Ca La mà ta phải chịu đựng nỗi khổ này, vì sao mà đem ta vứt vào trong hầm lửa."

Khi ấy, người mẹ của cô gái nghe được, cũng giận dữ nói: "Con gái ta ở nhà dịu dàng vui vẻ, ít việc, ngày nay ở nhà chồng nhiều việc lao khổ, suốt ngày khóc lóc. Vì sao ông Ca La lại đem con gái ta ném vào một gia đình tệ ác như thế?

Kết cuộc Tỳ-kheo Ca La làm cho cả hai nhà đều tức giận.

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế Tôn liền bảo gọi Tỳ-kheo Ca La đến. Họ liền gọi đến.

Phật bèn hỏi Ca La: "Ông có làm việc đó thật chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật nói: "Ca La, ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để chê trách việc hòa hợp dâm dục, và dùng vô số phương tiện khen ngợi sự ly dục là gì? Nay vì sao ông lại làm môi giới cho việc hòa hợp dâm dục? Đó là việc ác. Nay nhân vì ông mà ta phải chế giới cho các Tỳ-kheo."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ, phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nhận làm môi giới cho người khác để đưa đến hòa hợp dâm dục, hoặc cưới hỏi, hoặc là tư thông với nhau, dù trong chốc lát thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Sứ giả: Nhận làm công việc sứ giả.

Hành: Đi lại.

Hòa hợp: Hòa hợp nam nữ vậy.

Vợ: Làm vợ suốt đời.

Tư thông: Giao hoan tạm thời.

Dù trong chốc lát: Dù cho họ hòa hợp giao hoan trong khoảnh khắc, thì (Tỳ-kheo) cũng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Hoặc người con gái cô độc, không cha, không mẹ, không thân thích, hoặc không có ai hết, hoặc tự lập, hoặc nương tựa người khác, hoặc nương tựa thân thích, hoặc nương tựa nhiều người...

Con gái mồ côi mẹ: Người con gái không có mẹ, nương tựa vào cha mà sống, đó gọi là con gái mồ côi. Nếu có người con trai muốn xin cưới cô gái ấy làm vợ rồi nhờ Tỳ-kheo đến cầu hôn, mà Tỳ-kheo nhận lời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến người ấy nói, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được mà trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con gái mồ côi cha: Có những người con gái không có cha, nương tựa mẹ mà sinh sống. Đó gọi là con gái mồ côi cha.

Nếu có người con trai muốn xin cưới cô gái ấy làm vợ, rồi nhờ Tỳ-kheo thay mặt đến xin (**272a**) cưới cô về làm vợ, mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả cho họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nhà ấy nói thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đối với người con gái không có thân thích và không có ai để nương tựa cũng như thế.

Tự lập: Không cha, không mẹ, không bà con, tự nuôi lấy thân.

Nếu có người con trai muốn cưới cô gái này làm vợ, bèn cậy Tỳ-kheo đến nói với cô gái này, mà Tỳ-kheo nhận làm môi giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cô gái, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Sống nương tựa người khác: Nếu có người con gái không có cha mẹ, sống nương tựa người khác, rồi có người con trai muốn cưới cô ta làm vợ, bèn cậy Tỳ-kheo làm môi giới, mà Tỳ-kheo nhận lời, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với người ấy thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Người con gái sống nương tựa cha, mẹ và những người khác cũng như thế.

Hoặc các trường hợp con trai mồ côi không mẹ, không cha, không bà con, hoàn toàn không có ai cả, sống tự lập, hoặc nương tựa vào kẻ khác, hoặc nương tựa cha mẹ, hoặc nương tựa mọi người.

Không có mẹ: Nếu đứa con trai không có mẹ, nương nhờ cha mà sinh sống, muốn xin cưới một cô gái làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo làm môi giới, mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cô gái ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Kể cả những người không có ai để nương tựa cũng như thế.

Hoặc có các trường hợp: Cùng sinh trong một nhà, trước đã giao kết, trừng phạt, vua thảo khấu, dệt tơ, nấu ăn, lấy nước, không có con, vì thừa kế.

Trong nhà: Nếu có người nuôi trẻ con của người khác, dạy dỗ thành người, và trong nhà cũng có một đứa con gái ruột đã đến tuổi trưởng thành liền suy nghĩ "Con gái ta nay đã khôn lớn, cần

phải cho nó lấy chồng. Ngày nay, đứa con trai này do ta nuôi dưỡng cũng đã trưởng thành, vì sao ta không đem con gái mình gả cho nó, để nó trở thành chàng rể, đồng thời vừa là con trai ta?" Thế nhưng người này không thể nói ra được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay thế mình nói với đứa con trai ấy như sau: "Ta đã nuôi dưỡng con, cho ăn học thành tựu, nay đã khôn lớn và ta cũng có đứa con gái sắp lấy chồng. Ta muốn con làm rể ta và đồng thời cũng là con trai ta."

Nếu Tỳ-kheo nhận làm môi giới cho người ấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với cậu ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc giả đứa con nuôi ấy trước đó muốn cưới cô ấy, rồi nhờ Tỳ-kheo làm môi giới đến thưa với cha cô cũng như thế.

Cùng sinh: Nếu có 2 anh em ruột mà anh chết, em muốn lấy chị dâu làm vợ, rồi nhờ Tỳ-kheo làm môi giới đến nói với chị dâu... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trước đã giao kết: Nếu có một chàng trai cùng với vợ người thông giao, rồi người đàn bà ấy nói với chàng trai:

Nếu chồng tôi nổi giận trị tội tôi khốc liệt (**272b**) rồi đuổi ra khỏi nhà, thì anh hãy lấy tôi.

Đáp: "Có thể được."

Khi ấy, người vợ đó cố tình xúc não chồng mình, để cho anh ta nổi giận trừng trị cô rồi đuổi đi.

Chàng trai ấy biết được việc đó, nhưng không thể đích thân đến nói, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với người đàn bà ấy rằng: "Cô đã bị chồng trừng trị khổ sở rồi đuổi đi, vậy hãy đến với tôi", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có một người phụ nữ thích một người con trai mà không thể tự nói, liền nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với người con trai ấy: "Tôi bị chồng trừng phạt nặng rồi đuổi đi, nay muốn đến anh, lấy anh làm chồng", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có trường hợp có người đàn bà muốn tái hợp với chồng cũ mà không thể nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với người chồng ấy: "Cho tôi cùng trở lại để cùng sống bên nhau, tôi hứa sẽ không phạm sai lầm nữa", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có trường hợp người chồng muốn trở lại với vợ cũ mà không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà ấy rằng: "Nay cho phép cô trở về, nhưng đừng có phạm tội nữa", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trừng phạt: Nếu vua muốn cưới con gái người ta, nhưng không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với gia đình ấy: "Tôi có thể phạt gia đình ông, rồi bắt con gái ông, nhưng tôi không muốn thế. Nếu ông cho con gái ông cho tôi, thì cô ấy sẽ được y phục, ẩm thực và những vật trang điểm tự nhiên không thiếu thứ gì, lại còn ích lợi cho nhà ông nữa", mà Tỳ-kheo nhận lời làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vua thảo khấu: Tức chúa trại. Nếu chúa trại muốn lấy con gái người ta, nhưng không thể tự nói, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nhà ấy nói rằng: "Tôi là vua trong rừng, có thể gây cho ông những điều bất lợi, ông phải đưa con gái ông đến cho tôi thì cô ấy sẽ được y phục, ăn uống và các vật trang sức thoải mái và nhà ông cũng được bảo vệ", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dệt tơ: Nếu có người quả phụ làm nghề dệt tơ lụa để sinh sống, rồi có người đàn ông muốn cưới bà ta mà không thể tự nói được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà quả phụ ấy: "Tôi muốn lấy bà làm vợ." Người quả phụ ấy nói: "Nếu tôi về đó thì không thể làm việc gì khác mà chỉ biết dệt tơ thôi, nếu có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nấu ăn: Có một người đàn ông kia muốn lấy một quả phụ làm vợ, nhưng không thể đến nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy: "Hãy đến chung sống với tôi."

Quả phụ nói: "Tôi chỉ có thể nấu ăn, ngoài ra không thể làm gì khác, có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, (**272c**) thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Lấy nước: Có một gã đàn ông muốn hỏi cưới một quả phụ nhưng không thể đến nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ: "Hãy đến sống chung với tôi." Quả phụ đáp: "Tôi chỉ có thể lấy nước, ngoài ra không thể làm việc gì khác, có cần thì tôi sẽ đến", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Không có con: Có một người đàn ông không có vợ con muốn cưới một quả phụ cũng chẳng có chồng con gì, nhưng không thể tự mình nói ra, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy: "Hai chúng ta đều không có con cái gì, bà hãy đến sống chung cùng tôi", mà Tỳ-kheo nhận lời làm sứ giả, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc bà quả phụ ấy muốn lấy ông kia nhưng không thể tự mình nói trực tiếp được, bèn cậy Tỳ-kheo đến... thì cũng như vậy.

Thừa kế giỗ quải: Nếu có người đàn ông đàn bà đều không có con cái gì, sợ sau khi chết trở thành quỉ đói không có ai kế thừa, giỗ quải, rồi người đàn ông ấy muốn lấy quả phụ đó nhưng không thể

đến nói trực tiếp, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với bà quả phụ: "Bà hãy đến sống chung cùng tôi. Nếu tôi chết trước hóa thành quỉ đói thì bà cúng quải tôi. Nếu bà chết trước, thì tôi sẽ kỵ giỗ bà", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc bà quả phụ ấy muốn lấy người đàn ông đó cũng như vậy.

Hoặc có các trường hợp: Có người con gái được cha bảo vệ, mẹ bảo vệ, anh em bảo vệ, chị em bảo vệ, tự bảo vệ, dòng họ bảo vệ, nhờ tiền bạc bảo vệ, hoặc là bé gái, hoặc là quả phụ, hoặc là gái có chồng...

Mẹ bảo vệ: Có người con gái sống nương tựa vào mẹ, rồi có người muốn cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với mẹ cô: "Tôi muốn cưới cô này làm vợ", mà Tỳ-kheo nhận lời, cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp được cha bảo vệ, anh em, chị em bảo vệ cũng như thế.

Tự bảo vệ: Có người con gái không có cha mẹ bà con, phải tự mình mưu sinh và trì giới, giữ mình. Rồi có người con trai muốn cưới cô ấy, liền nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dòng họ bảo vệ: Có người con gái không có cha mẹ, phải sống nương tựa những người cùng họ hàng... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tiền bạc bảo vệ: Nếu có người con gái nợ tiền người ta mà chưa trả đủ, rồi có người con trai muốn cưới cô ấy, bèn cậy Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với gia đình cô ta: "Cho tôi cô gái này, tôi sẽ thay thế để trả món tiền mắc nợ", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Bé gái, quả phụ, đàn bà có chồng cũng như vậy.

Hoặc có các trường hợp: Có người con gái do dùng lúa mà đổi được, hoặc dùng tiền mua được, hoặc thuê nuôi bằng tiền, hoặc thuê nuôi nửa thời gian, hoặc thuê nuôi trọn thời gian (**273a**), hoặc ở một tháng, hoặc ở tùy hứng, hoặc do cướp được, hoặc nhận lấy vòng hoa, không có họ, chốc lát...

Dùng lúa mà đổi được: Hoặc có người dùng lúa đổi được cô gái, rồi có chàng trai muốn lấy cô, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với cô ta: "Cô hãy làm vợ tôi", mà Tỳ-kheo nhận lời... cho đến được hay không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dùng tiền mua được: Giống như trường hợp trên.

Thuê bằng tiền: Có người nuôi con gái người ta để lấy tiền công. Số tiền ấy trừ khoản cung cấp cô ta, còn thừa thì lấy hết. Rồi có chàng trai muốn lấy cô ấy, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nuôi thuê nửa thời gian hoặc toàn thời gian đều như thế cả.

Ở một tháng: Hoặc có chàng trai muốn cưới một quả phụ làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy, rồi quả phụ đáp: "Tôi không thể ở lâu dài được, mà chỉ có thể ở chừng một tháng, có cần thì tôi sẽ đến",... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ở tùy hứng: Có chàng trai muốn xin cưới một quả phụ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với quả phụ ấy, rồi bà ta đáp: "Tôi không thể ở mãi được, ý tôi chỉ muốn ở chừng ấy thời gian thôi, có cần thì tôi sẽ đến."... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Do cướp được: Hoặc có người phá xóm làng người ta, cướp được một cô gái, rồi có chàng trai muốn xin cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Do nhận lấy vòng hoa: Có những nước có phong tục: Khi con trai muốn xin cưới con gái thì phải sai người đem vòng hoa đến gia đình nhà gái.

Nếu họ nhận vòng hoa, thì biết họ đã đồng ý.

Nếu họ không nhận vòng hoa, thì biết họ không đồng ý.

Bấy giờ, nhà trai bèn nhờ Tỳ-kheo mang vòng hoa đến gia đình nhà gái..., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người không có họ: Hoặc có chàng trai không cha, không mẹ, không bạn bè và một cô gái kia cũng thế. Rồi chàng trai nọ muốn cầu hôn cô gái, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói... cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trong chốc lát: Có một chàng trai kia muốn thông giao với một cô gái đoan chính trong chốc lát, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình ngỏ ý..., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có các trường hợp: Đàn bà không có con, nô tỳ gái, người xuất gia, người bị bỏ (đuổi) dâm nữ, người hầu dâm nữ, dâm nữ đứng đường, người hầu dâm nữ đứng đường, cô gái bị vứt bỏ, cô gái xin được, cô gái bị thải hồi, hạ tiền nữ v.v…

Đàn bà không con**:** Có những gia đình giàu có, cưới vợ cho con lúc còn bé. Sau đó, con chết, rồi nàng dâu sống nương tựa mẹ chồng cho đến lúc khôn lớn. Thế rồi có chàng trai muốn lấy cô, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với mẹ chồng: "Con bà đã qua đời, tôi nay cũng như con bà, vậy xin bà hãy cho nàng dâu bà cho tôi. Tôi sẽ cung cấp y phục ẩm thực, để nàng cùng chung sống với tôi."... (**273b**) cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người đàn bà nô tỳ: Như nhiều quốc gia, có tục lệ bán bớt miệng ăn (cho con gái đi ở đợ) rồi có chàng trai muốn chuộc cô ta về làm vợ, nhưng sợ khoản tiền hơi nhiều, bèn nhờ Tỳ-kheo bí mật đem lời mình đến nói với cô ta: "Nay tôi chuộc cô về làm nô tỳ,

nhưng kỳ thực là để làm vợ."... cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Xuất gia: Có cô gái đoan chính xuất gia với ngoại đạo, rồi chàng trai muốn cưới cô ta về làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình để ngỏ ý..., cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Người bị bỏ: Bị bỏ có 2 trường hợp: hoặc bán, hoặc ly hôn.

Bán: Theo luật pháp của nước Pha Lợi, hễ người vợ có tỳ vết, thì liền bị đem bán.

Ly hôn: Có những quốc gia được luật pháp qui định, hễ vợ chồng sống không hạnh phúc, thì bèn dẫn nhau đến tòa án, mua 2 lá đơn ba đồng rưỡi để nhờ quan tòa xử cho ly hôn. Hoặc có người vợ trẻ tư thông với người khác, rồi cùng giao kết: "Nếu tôi được ly hôn với chồng tôi, thì tôi sẽ lấy anh."

Đáp: "Được đó."

Rồi cô ta bỏ tiền ra lo kiện và được ly hôn. Thế rồi, chàng trai kia nghe được, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói với cô ta: "Cô đã ly hôn, vậy hãy đến làm vợ tôi."., cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc giả cô ấy nhờ Tỳ-kheo đem lời mình đến nói với anh ta: "Tôi đã ly hôn, vậy anh hãy cưới tôi."., cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Dâm nữ: Có chàng trai nhờ Tỳ-kheo môi giới để được tư thông với dâm nữ..., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con hầu của dâm nữ: Tức là nô tỳ của dâm nữ, cũng như trường hợp đã nói ở trên.

Dâm nữ đứng đường: Có những hạng dâm nữ thường đón khách ở dọc đường, rồi một chàng trai nhờ Tỳ-kheo làm môi giới để

mình được tư thông với cô ta..., cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con hầu của dâm nữ đứng đường: Trường hợp này cũng như ở trên.

Con gái bị vứt bỏ: Có người con gái bị người ta hiếp dâm có thai, rồi sau đó xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo, đến ngày mãn nguyệt, liền sinh ra bé gái. Người mẹ ấy bèn đem con bỏ ở ngã tư đường, rồi có người nhặt về nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn. Đoạn có chàng trai muốn cưới cô ấy, bèn nhờ Tỳ-kheo thay lời mình đến nói giúp..., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

***Cô gái do xin được*:** Có người nhiều con trai mà không có con gái, bèn xin con gái người khác đem về nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Rồi có chàng trai muốn cưới cô ta làm vợ, bèn nhờ Tỳ-kheo đến nói giúp..., cho đến trở về báo lại, thì Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Con gái bị thải hồi: Có người con gái lúc chưa lấy chồng đã tư thông với người khác, đến khi về nhà chồng, chồng biết cô ta không phải đồng nữ (không còn trinh), bèn đuổi cô trở về nhà cha mẹ, rồi đòi lại những lễ vật trước kia. Thế rồi, người con trai từng tư thông với cô ngày trước nghe cô bị trục xuất, (**273c**) bèn suy nghĩ: "Người con gái này do ta mà bị trục xuất, vậy ta nên nhận lấy cô", rồi nhờ Tỳ-kheo đến nói với cha mẹ cô..., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hạ tiền nữ: Có chàng trai muốn cưới vợ mà nạp tiền cheo chưa đủ, rồi cha mẹ cô gái ấy nhiều lần đòi tiền mà chàng trai không thể trả nổi nên không cưới được vợ, và cô gái ấy cũng không thể lấy chồng. Thế rồi có một chàng trai khác muốn cưới cô ta, bèn nhờ Tỳ-kheo đem lời mình đến nói với cha mẹ cô "Gả cô này cho tôi, tôi sẽ đưa tiền cho ông để ông trả lại cho người chồng trước."., cho đến trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có một chàng trai hay tớ trai của chàng nói với Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo nghe theo lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với người kia, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu tự mình đến nói, hoặc sai người đến nói, rồi được hay không được mà trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc có cô gái mồ côi sống với ông bà ngoại, hoặc sống với ông bà cố ngoại, hoặc sống với cậu, hoặc sống với dì, hoặc sống với ông bà nội, hoặc sống với ông bà cố nội, hoặc sống với cậu của cha, hoặc sống với dì của cha, cũng đều như trên đã nói.

Lại có các trường hợp: Nói thẳng, nói quanh co, ra dấu, kham năng, ra vào, bệnh, nhà vua, pháp sư, bè đảng, cùng chung, phức tạp...

Nói thẳng: Có một chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể cầu hôn trực tiếp được, bèn nhờ Tỳ-kheo làm mai mối, mà Tỳ-kheo nhận lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu gia đình nhà gái nói: "Nhà đó thuộc dòng Sát-đế-lợi, còn tôi thuộc Bà-la-môn, nhà đó thuộc Tỳ (Phệ) Xá, còn tôi là Bà-la-môn; nhà đó thuộc Thủ Đà La, còn tôi là Bà-la-môn."Hoặc nói: Tôi là Sát-đế-lợi, còn nhà đó là Bà-la-môn. Tôi thuộc Tỳ Xá còn nhà đó là Bà-la-môn. Tôi là Thủ Đà La, còn nhà đó là Bà-la-môn."

Hoặc giả nói: "Nhà đó là Sát-đế-lợi, còn tôi là Tỳ Xá. Nhà đó là Sát-đế-lợi, còn tôi Thủ Đà La."

Hoặc nói: "Nhà đó là Bà-la-môn, tôi cũng là Bà-la-môn. Nhà đó là Sát-đế-lợi, tôi cũng là Sát-đế-lợi. Nhà đó là Tỳ Xá, tôi cũng là Tỳ Xá. Họ là Thủ Đà La, tôi cũng là Thủ Đà La..."

Nếu được hoặc không được, rồi trở về báo lại thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nói quanh co: Có một chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể tự mình đến cầu hôn, bèn nhờ Tỳ-kheo giúp, rồi Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới, Tỳ-kheo không được làm sứ giả." Miệng tuy không hứa, nhưng trong lòng mặc nhiên đồng ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ra dấu: Có chàng trai muốn cưới con gái người ta mà không thể tự đến cầu hôn, bèn nhờ Tỳ-kheo đi giúp, rồi Tỳ-kheo nói: "Phật chế giới: Tỳ-kheo không được làm sứ giả, nhưng tôi sẽ ra dấu cho anh biết. Nếu anh thấy tôi mặc y phục bẩn thỉu cầm bát rổng và vỡ ngồi trên giường thấp, nói chuyện với những bọn nô tỳ thì nên biết là không được. (**274a**) Trái lại, nếu anh thấy tôi mặc y mới và sạch, cầm bát đẹp, ngồi trên giường lớn, miệng nói những chuyện trai gái vợ chồng với cô gái ấy thì anh nên biết đó là dấu hiệu đã thành công."

Nếu Tỳ-kheo ra dấu như thế, hoặc được, hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Kham năng: Nếu chúng Tỳ-kheo đông đúc, đến nhà thí chủ thọ trai và sau khi ăn xong, Ưu-bà-di bạch với các Tỳ-kheo: "Tôi muốn cưới con gái của nhà kia về làm dâu, nhờ quí thầy nói giúp giùm tôi." Rồi các Tỳ-kheo nói: "Ưu-bà-di! Đức Thế Tôn chế giới: các Tỳ-kheo không được làm sứ giả." Nhưng trong đó có hai, ba Tỳ-kheo lại chấp nhận làm sứ giả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu trở về báo lại thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Ra vào: Khi Tỳ-kheo lui tới nhà người ta nhận sự cúng dường, rồi chủ nhà nói: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, xin tôn giả hãy ngỏ lời giúp." Tỳ-kheo nói: "Bà cho tôi ăn uống, tôi sẽ nói giúp cho bà." Chủ nhân nói: "Khi nào con tôi được vợ, tôi sẽ

mời tôn giả dùng cơm." Tỳ-kheo nói: "Tôi đã mở miệng, thì không gì là không thành công. Nhưng phải mời cơm trước đã." Thế rồi, chủ nhà sửa cơm, thì Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau đó Tỳ-kheo đến nhà ấy nói: "Bà có biết không?" Chủ nhà hỏi: "Biết việc gì?" Tỳ-kheo nói: "Tôi có điều muốn nói, nếu bà chịu nghe lời tôi, thì tôi sẽ nói." Chủ nhân nói: "Nhưng hãy nói đi đã." Tỳ-kheo nói: "Có người muốn xin cưới con gái bà." Hỏi: "Ai vậy?" Đáp: "Con trai nhà đó." Chủ nhân nổi giận nói: "Thà tôi đem con gái bỏ vào trong chỗ nước lửa tối tăm, chứ không bao giờ gả cho hạng ấy." Nếu Tỳ-kheo hoảng sợ liền bỏ đi, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cô ấy vẫn chưa lấy chồng, mà Tỳ-kheo vì trước đó khoa trương để người ta cho ăn nên cảm thấy xấu hổ, rồi trở về báo lại rằng không được, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu cô ấy hoặc đã đi lấy chồng, hoặc đã chết, rồi Tỳ-kheo trở về báo lại, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Bệnh: Nếu Tỳ-kheo thường ra vào một nhà kia, rồi gia chủ nói với Tỳ-kheo: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, nhờ thầy mai mối giúp." Rồi Tỳ-kheo nhận lời thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến nói với họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu nhà ấy nói: "Con gái tôi đang bệnh, không biết sống chết lúc nào." Hoặc người con trai kia có bệnh, rồi nhà gái nói: "Con trai nhà ấy bị bệnh, không biết sống chết lúc nào! Nếu gả con cho nó, mà rủi ro nó chết, thì con gái tôi sẽ thành quả phụ." Tỳ-kheo lại nói: "Hễ ai mắc bệnh đều chết hết cả sao? Rồi tự nhiên sẽ lành thôi, nên gả cho họ đi." Khi nói như vậy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Hoặc được hoặc không được rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Vua: Nếu vua muốn lấy con gái người ta, bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nay tôi muốn được con gái của nhà kia, (**274b**) nhờ chư Tăng

mai mối giúp", mà tất cả chư Tăng đều hứa giúp, thì tất cả đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tất cả Tăng chúng đều đến đó ngỏ lời, thì tất cả chúng Tăng đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì tất cả Tăng chúng đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu chúng Tăng sai sứ giả đến nói với nhà ấy, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi sứ giả nói với họ, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được rồi trở về nói lại, thì tất cả chúng Tăng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu sứ giả được sai đi suy nghĩ: "Nếu ta về lại trong chúng, thì mọi người sẽ sai ta đến tâu với vua, chi bằng ta đến tâu thẳng với vua, vua sẽ biết ta." Suy nghĩ thế rồi, vị Tỳ-kheo ấy đi làm mai mối, và việc được hay không được mà đi đến báo với nhà vua, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Còn tất cả chúng Tăng vì trước đó đã có ý giúp nên phạm tội Thâu-lan-giá.

Pháp sư: Có một gia đình Ưu-bà-tắc muốn cưới con gái của một Ưu-bà-tắc khác nhưng gia đình ấy không chịu gả, bèn nói: "Thà tôi gả con cho kẻ ngoại đạo tà kiến còn hơn là gả con cho gia đình Ưu-bà-tắc ấy." Bên nhà trai bèn suy nghĩ: "Ai có thể giúp ta để mà đứng ra tác hợp? Có lẽ chỉ có Sa-môn có lắm phương tiện giỏi thuyết pháp mới tác hợp giúp được thôi", bèn đến tinh xá, bạch với pháp sư: "Tôi xin cưới con gái nhà ấy, nhưng họ không chịu gả." Pháp sư liền hỏi: "Họ nói thế nào?" Đáp: "Họ nói thế này: Thà gả cho kẻ ngoại đạo tà kiến, chứ không gả cho nhà ấy." Nhờ pháp sư đem nghĩa vụ đồng đạo ra nói giúp để họ gả con cho tôi." Nếu Tỳ-kheo hứa khả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thỉnh chung đồ chúng mình đi mà họ đi, thì cả chúng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vào dịp thuyết pháp mồng 8, 14 và rằm hằng tháng, cả hai gia đình nhà trai, nhà gái đều đến nghe pháp, nhân dịp đó pháp sư thuyết rằng: Như trong Khế kinh Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các chúng sinh tùy theo tánh mà không có lòng tin, không có lòng tin mà kết thân hảo với nhau, như thế là phạm giới; Phạm giới mà kết thân với nhau thì không có oai nghi; không có oai nghi mà kết thân với nhau là không biết xấu hổ, không biết xấu hổ mà kết thân với nhau thì sinh ra lười biếng; Lười biếng mà kết thân với nhau thì thành ra loạn tâm; Loạn tâm mà kết thân với nhau thì thành vô trí. Thế rồi những kẻ vô trí bèn kết thân hảo với nhau tùy theo chủng loại. Quá khứ, hiện tại và vị lai, các chúng sinh đều như thế cả. Ví như 2 vật hôi thối bất tịnh hòa hợp cùng nhau cũng như vậy. Và này các Tỳ-kheo! Các chúng sanh tùy theo mỗi loài có niềm tin vững chắc. Những kẻ có niềm tin vững chắc mà kết thân hảo với nhau như thế là trì giới; Trì giới mà kết thân hảo với nhau thì có oai nghi; có oai nghi mà kết thân hảo với nhau là biết hổ thẹn; biết hổ thẹn mà kết thân hảo với nhau thì sẽ tinh tấn; Tinh tấn mà kết thân hảo với nhau thì có thiền định; Có thiền định mà kết thân hảo với nhau thì có trí tuệ. Thế rồi những kẻ có trí tuệ cùng kết thân hảo với nhau. Quá khứ , (**274c**) hiện tại và vị lai, các loài chúng sanh đều như thế cả. Ví như những vật trắng sạch được ướp hương thơm, rồi cho hòa hợp cùng nhau." Pháp sư thuyết pháp như thế xong, liền hỏi gia đình nhà gái: "Tôi nghe nói con trai nhà kia muốn xin cưới con gái bà, bà liền nói với họ: Thà gả con cho kẻ ngoại đạo tà kiến, chứ không gả cho nhà ấy", có đúng như thế chăng? Bà không nghe Thế Tôn nói: "Có kẻ sát nhân và lũ oan gia tay cầm kiếm sắc, lăm lăm thường tìm cơ hội để giết người hay sao? Đứa con oan gia của bà nên cho vào gia đình ấy, chứ không nên cho vào gia đình ngoại đạo tà kiến. Nay vì sao bà lại muốn gả con gái mình cho một gia đình tà kiến? Nếu gả cho Ưu-bà-tắc thì thường thường có thể gặp được các Tỳ-kheo trì giới thọ trai."Lúc ấy, bà ta nói: "Thưa thầy, thầy muốn như vậy sao?" Đáp: "Muốn như vậy." Bà ấy liền nói: "Tôi sẽ gả." Nếu lúc ấy, pháp sư im lặng không nói gì cả thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu pháp sư không nhẫn nại được bèn ngồi trên tòa nói: "Nhà kia đã được rồi", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu pháp sư xướng lớn trong đồ chúng: "Đã được rồi", thì cũng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Cùng chung: Có các trường hợp: Nhận lời chung rồi nói riêng; nhận lời riêng rồi nói chung; Nhận lời chung rồi nói chung; Nhận lời riêng rồi nói riêng.

Nhận lời chung rồi nói riêng: Tỳ-kheo, sau khi an cư mùa hạ xong, bèn đi đến các thôn xóm để từ biệt các gia chủ quen biết, rồi đi sang các nước khác. Bấy giờ, các Ưu-bà-di nơi các thôn xóm bèn nhờ cậy: "Thầy hãy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hãy hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hãy hỏi giùm vợ cho chú tôi."

Như vậy các Ưu-bà-di mỗi người nói với Tỳ-kheo một lần, rồi Tỳ-kheo đáp: "Được thôi!" thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đến nơi ấy, rồi ngỏ ý từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu trở về báo lại từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời riêng rồi nói chung: Tỳ-kheo sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ mà đi đến nước khác. Thế rồi các Ưu-bà-di có người nói với Tỳ-kheo: "Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi", có người nói: "Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi." Rồi Tỳ-kheo mỗi mỗi đều hứa giúp thì mỗi mỗi đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đến từng nhà hỏi giùm vợ cho họ, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu khi trở về chỉ thông báo một lời cho tất cả, thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời chung rồi nói chung: Tỳ-kheo, sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ mà đi

đến nước khác. Thế rồi, các Ưu-bà-di bèn nói với Tỳ-kheo: "Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi." Nếu Tỳ-kheo đáp chung một lời: "Có thể được", thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

(**275a**) Nếu đến đó hỏi riêng từng nhà, thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Thâu-lan-giá.

Nếu trở về đáp chung một lời: "Được", thì phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhận lời riêng rồi nói riêng: Tỳ-kheo sau khi an cư mùa hạ xong, bèn du hành trong nhân gian để từ biệt các thí chủ, rồi có Ưu-bà-di nói: "Nhờ thầy hỏi giùm vợ cho con trai tôi, hỏi giùm vợ cho anh em tôi, hỏi giùm vợ cho chú tôi." Rồi Tỳ-kheo đáp riêng từng người: "Có thể được", thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Nếu đến nơi đó hỏi riêng từng nhà thì mỗi nơi phạm mỗi tội Thâu-lan-giá. Nếu khi trở về, báo riêng từng chỗ thì mỗi chỗ phạm mỗi tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Phức tạp: Có một Tỳ-kheo có nhiều người quen biết, bèn dẫn đồ chúng đến một nhà xin ăn. Khi ăn xong bà chủ nhà bạch với thượng tọa: "Tôi muốn xin cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, nhờ thượng tọa nói giúp cho." Thế rồi, thượng tọa vì không am tường giới luật, bèn hứa khả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi ấy, đồ chúng vì ít rành giới luật, sợ mất lòng họ nên không dám can gián, đến lúc rời khỏi nhà, liền chất vấn thượng tọa: "Sao thượng tọa lại làm thế?" Hỏi: "Việc gì nào?" Đáp: "Há Thượng tọa không biết rằng đức Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được làm mai mối cho nam nữ lấy nhau hay sao?"

Thượng tọa đáp: "Không biết." Trong số đó có một Tỳ-kheo nói: "Thượng tọa chớ có ngỏ lời, để con nói giúp cho", thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Còn thượng tọa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu trước đó Ưu-bà-di nói với đồ chúng rằng: "Tôi muốn cưới con gái nhà kia cho con trai tôi, xin quí thầy mai mối giúp cho." Khi ấy đồ chúng không rành giới luật liền đáp: "Có thể được", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nhưng thượng tọa cũng ít biết giới luật, sợ mất lòng họ, nên không khiển trách, ngăn chận kịp thời, đến khi ra khỏi nhà liền nói với đồ chúng: "Các ngươi bất thiện nên mới làm việc đó." Hỏi: "Làm việc gì?" Thượng tọa nói: "Các ngươi không biết rằng đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được làm sứ giả sao?" Đáp: "Không biết." Thượng tọa lại nói: "Các ngươi đừng ngỏ lời, để ta ngỏ lời cho." Rồi thượng tọa đi làm mai mối, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Còn đồ chúng của thầy thì phạm Việt-tỳ-ni.

Nếu trước đó Ưu-bà-di bạch chung cả đại chúng mà đại chúng đều hứa khả, thì tất cả đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tất cả cùng đi làm mai mối, thì tất cả đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc được, hoặc không được, rồi trở về báo lại, thì tất cả đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Có một người đàn ông có nhiều vợ, bà thì được sủng ái, bà thì bị lạnh nhạt. Khi Tỳ-kheo đến nhà ấy, có một bà ra đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo cung kính vấn an. (**275b**) Rồi Tỳ-kheo hỏi: "Con có được yên ổn an lạc không?" Bà liền đáp: "Được an lạc chỗ nào?" Hỏi: "Vì sao vậy?" Bà bèn nói: "Người đàn ông ấy (ông chồng) thường cùng ngồi, cùng nằm chung với một người, riêng con bị ông ấy bạc đãi, ví như vật dụng đã lủng, trở thành vô dụng, làm sao mà không khổ được?" Tỳ-kheo bèn an ủi: "Con chớ có ưu sầu. Ta sẽ bảo chồng con đối xử bình đẳng giữa các bà vợ." Rồi thầy nói với ông chồng ấy: "Ngươi không biết gì cả. Vì sao bắt chước người ta lấy nhiều thê thiếp mà không đối xử bình đẳng lại thiên vị một người cùng ngồi cùng nằm?" Đáp: "Vậy phải làm sao?" Tỳ-kheo

nói: "Phải xem nhau bình đẳng, chia đều công việc." Đáp: "Tôi sẽ làm theo lời thầy dạy", thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người đã có nhiều vợ mà còn muốn tìm thêm gái trinh khác, nhưng không thể đến nói trực tiếp, bèn nhờ Tỳ-kheo đến nói giúp..., cho đến được hay không được, rồi trở về báo lại, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Có hai vợ chồng kia gây lộn với nhau mà Tỳ-kheo khuyên bảo họ hòa hợp, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu cặp vợ chồng ấy vì việc Phật, việc Tăng mà bất hòa, gây gổ nhau, rồi vì việc phước đức mà khuyên họ hòa hợp thì không có tội.

Nếu có một người đàn bà bồng con trở về nhà cha mẹ, rồi Tỳ-kheo đến nhà ấy, và các trai gái trong nhà ra đảnh lễ, Tỳ-kheo thấy hai mẹ con bà ấy, bèn nói: "Ngươi muốn ở mãi đây sao? Không nên ở lâu. Chồng ngươi xuất tiền ra cưới ngươi là để làm gì vậy? Ngươi nên trở về lại nhà ấy." Khi nói những lời ấy, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Có người nuôi nhiều ngựa, nhưng không có ngựa giống tốt, bèn nhờ Tỳ-kheo đi tìm giúp con ngựa giống tốt tại một nhà kia, mà Tỳ-kheo nhận làm, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có hai người Ma ha la, một người thì bỏ vợ và con trai đi xuất gia, còn một người thì bỏ vợ và con gái đi xuất gia. Họ đều đi du hành trong nhân gian, rồi trở về thành Xá-vệ, cùng ở chung một phòng. Người bỏ vợ và con gái bèn suy nghĩ: "Ta phải trở về nhà thăm vợ và con gái ta." Thế rồi, thầy khoác y trở lại nhà cũ. Người vợ từ xa trông thấy Ma ha la tới, liền nổi giận nói: "Ông là tên Ma ha la bạc phước, vô tích sự, đã không thể nuôi sống vợ con mà còn trốn nghĩa vụ quan dịch, bỏ nhà đi xa. Con gái đã đến tuổi khôn lớn mà không lấy chồng được. Tôi định đến tu viện lôi ông về nhà. Nếu ông không về thì tôi sẽ bẻ gãy cặp giò ông, xem ai còn thích trông thấy ông

nữa!." Lúc ấy Ma ha la bèn trở về lại trụ xứ, mặt mày bí rị, sầu khổ như khách buôn bị mất của.

Bấy giờ, người bỏ vợ và con trai đi xuất gia trở về thăm nhà cũng gặp trường hợp như thế. Nhưng thầy ít trí tuệ, bèn nói với thầy kia: "Trưởng lão! (**275c**) Vì sao mà ưu sầu, đau khổ như thế." Đáp: "Trưởng lão! Cần gì phải hỏi đến việc ấy!." Người kia lại nói: "Tôi muốn biết rõ những việc cần biết. Vì sao hai chúng ta cùng ở chung một phòng mà những việc xấu không cho nhau biết? Không nói với tôi thì nói với ai?"Ông Ma ha la này bèn nói rõ sự việc ở trên. Thế rồi, ông Ma ha la bỏ con trai đi xuất gia nói: "Thầy buồn rầu làm gì? Nhà tôi cũng thế thôi. Nay thầy có biết tương kế tựu kế không? Thầy có thể đem con gái mình gả cho con trai tôi." Thầy kia đáp: "Tốt." (Nếu sự kiện diễn tiến như vậy, thì) cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, cả hai Ma ha la sáng sớm hôm sau, khoác y trở về nhà. Thầy Ma ha la bỏ con gái đi tu nói với vợ: "Tôi đã tìm được chàng rể cho bà rồi."

Bà vợ liền hỏi: "Con trai nhà ai vậy?" Đáp: "Con trai nhà kia." Thầy Ma ha la bỏ con trai đi tu cũng nói với vợ: "Tôi đã tìm được vợ cho con bà rồi." Bà vợ hỏi: "Con gái nhà ai vậy?" Đáp: "Con gái nhà đó." Nếu nói như vậy thì cả hai đều phạm tội Thâu-lan-giá.

Lúc bấy giờ, hai đứa con trai con gái ấy đang chạy chơi trong xóm, rồi một Ma ha la chỉ cho con gái mình nói: "Thằng kia là chồng con đó." Thầy Ma ha la thứ hai cũng chỉ cho con trai mình nói: "Con kia là vợ con đó." Nếu cả hai cùng nói như thế, thì cả hai đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hai Ma ha la sau khi làm sui gia với nhau, ai nấy đều hoan hỷ như người nghèo được châu báu, họ yêu kính nhau như anh em ruột. Các Tỳ-kheo nghe sự tình như vậy, bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi rằng: "Bạch Thế Tôn! Vì sao hai thầy Ma ha

la ấy sau khi kết làm sui gia, họ rất hoan hỷ và yêu kính nhau đến như thế?"

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Hai ông Ma ha la này không những ngày nay mới làm cái việc như vậy, mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy."

Rồi Phật kể lại với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có một người Bà-la-môn, ông ta có loại đậu ma sa cũ kỹ nấu mấy cũng không chín, bèn bày trước cửa hàng để bán cho người ta, nhưng không có ai mua cả. Bấy giờ, có một người khác có con lừa đực đem ra chợ bán cũng rất khó khăn. Thế rồi, người có đậu ma sa cũ kỹ liền suy nghĩ: "Ta hãy đem loại đậu này đi đổi lấy con lừa kia đem về dùng." Bèn đến người kia nói: "Ông có thể đổi con lừa để lấy thứ đậu này được không?"

Người chủ con lừa bèn suy nghĩ: "Dùng lừa đực này để làm việc gì? Ta hãy đem đổi thứ đậu ấy", liền đáp: "Có thể được." Ông ta được lừa rồi, rất hoan hỷ. Bấy giờ, người có đậu bèn suy nghĩ: "Nay ta đã được mi", liền nói kệ:

"Phép Bà-la-môn khéo bán buôn
Đậu chai để dành mười sáu năm
Đốt bao nhiêu củi cũng không chín
Lớn bé nhà ngươi gãy hết răng."

(**276a**) Khi ấy chủ con lừa cũng đọc kệ:

"Này Bà-la-môn, sao vui thế?
Tuy có bốn chân lông đẹp tuyệt
Chở nặng đi đường hết chỗ chê
Kim châm lửa đốt không nao núng."

Thế rồi, người chủ đậu lại đọc kệ:

"Con độc sinh ngàn năm
Đầu mọc sừng bốn tấc.

Đánh bại con lừa ngu
Lo chi chẳng hàng phục."

Bấy giờ, người chủ con lừa nổi giận liền đọc kệ:

"Trụ vững hai chân trước
Song phi hai móng sau
Hàm răng ông sẽ gãy
Để rồi ông sẽ hay."

Người chủ đậu bèn đọc kệ nói với con lừa:

"Nọc độc loài muỗi mòng
Chỉ cong đuôi đề phòng
Đuôi ngươi phải chặt đứt.
Để ngươi biết khổ đau."

Con lừa liền đáp:

"Từ tiên tổ đến nay
Nghề đá hậu tuyệt hay
Nay tôi cố gìn giữ
Đến chết không đổi thay."

Bấy giờ, người chủ đậu biết đó là giống súc sinh tệ ác, nhưng không thể thốt lời cay đắng, trái lại còn đọc kệ ca ngợi:

"Âm thanh kêu tuyệt hảo
Mặt trắng như tuyết pha.
Ngươi sẽ được cưới vợ
Để rong chơi rừng già"

Con lừa nghe lời nói nhã nhặn thân ái liền đọc kệ:

"Tôi chở được tám đấu
Ngày đi sáu trăm dặm
Bà-la-môn biết không?
Nghe được vợ mừng lắm."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo:

Hai người khi ấy chính là hai Ma ha la ngày nay. Còn con lừa nay là con trai của Ma ha la. Khi ấy họ đã đổi chác nhau bằng sự lừa gạt, rồi hoan hỷ, ngày nay cũng thế, lừa dối lẫn nhau để mà hòa hợp, rồi lại hoan hỷ. Rồi Phật kết luận:

Nếu Tỳ-kheo đứng ra tác hợp cho người nữ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tác hợp cho kẻ hoàng môn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Tác hợp cho đàn ông và súc sinh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tác hợp cho Khẩn na la cái và khỉ cái, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

(Hết giới thứ 5 của giới Tăng tàn)

*

6. LÀM NHÀ QUÁ MỨC QUI ĐỊNH

Khi Phật an trú tại tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở trong tinh xá này làm 500 cái phòng riêng, đều do họ tự đi xin vật liệu về làm.

Có một Tỳ-kheo vào buổi sáng sớm khoác y, cầm bát vào thôn Khoáng Dã để xin vật liệu làm phòng. Lúc ấy, có một người bán tạp hóa mang những cái móc cửa ra tiệm tạp hóa mở cửa hàng định bán, thì trông thấy Tỳ-kheo từ xa đi nhanh đến. Người chủ tiệm liền suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này đến đây chắc là để xin vật liệu làm phòng. Từ sáng sớm đến giờ ta chưa bán chác được gì, thì lại có người đến xin." Nghĩ thế ông bèn đóng cửa hàng trở về nhà.

Rồi Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ông khách buôn này thấy ta bèn đóng cửa hàng trở về nhà, chắc là biết ta đến xin vật liệu mà không muốn cho chớ gì?" Nghĩ thế rồi, thầy liền đi tắt một đường khác đón đầu ông ta, hỏi: "Lão trượng, ông định đi đâu mà không đợi tôi? Tôi biết nhờ ai để cất phòng, chỉ có nhờ ông thôi. Vì ông là người tin

Phật pháp, biết có tội phước, hễ tạo nghiệp thì có quả báo..., mà không muốn cho, thì còn ai cho tôi? Lão trượng nên biết rằng đức Thế Tôn đã dạy:

Phải khởi từ tâm đối với người không muốn nghe, phải tạo phương tiện khiến cho họ nghe; Với những người không tin, phải làm cho họ tin; Thậm chí phải dùng tay kéo đầu họ, khuyên họ bố thí. Bởi lẽ, những người ấy sau khi mệnh chung sẽ sinh lên cõi trời, có sắc đẹp, sức khỏe, trường thọ và quyến thuộc đông đúc; đến khi sinh vào cõi người cũng được khoái lạc, có sắc đẹp, sức khỏe, sống lâu và bà con sum vầy, biết tu tập Phật pháp, làm tăng trưởng công đức, kiến tạo đạo quả.

Này lão trượng, thế nên đức Thế Tôn nói kệ:

"Làm phước hưởng quả vui,
Muốn gì được tự nhiên,
Vượt khỏi dòng sinh tử,
Lên tới cõi Niết bàn.
Nếu người làm việc phước
Thiên thần liền gia hộ
Nguyện gì cũng thành tựu
Ma quân không thể hại.
Đức mỏng nhiều phiền não
Phước lớn tai họa tiêu
Phước đức mà vững chắc
Định kiên cố chóng thành.
Sinh thiên hưởng khoái lạc
Cõi người cũng tự tại.
Vì do công đức này
Đến đâu đều tự nhiên.
Nhân phương tiện phước báo
Vĩnh ly khổ sinh tử.

Đắc đạo đến Niết bàn
Hết trôi nổi tái sinh."

Khi Tỳ-kheo đọc bài kệ ấy rồi, lại nói: "Lão trượng! Ông giúp tôi cất phòng (**276c**) thì phước đức rất lớn." Sau khi nghe thuyết pháp, khách buôn liền bố thí ít nhiều.

Thế rồi, ông suy nghĩ: "Nếu ta trở lại cửa hàng, thì sẽ có nhiều người đến xin, đã không được lợi mà còn bị lỗ vốn, chi bằng ngồi ở nhà thì mới bảo toàn được vốn liếng, hơn là ra sạp mua bán, vốn lời sẽ mất hết." Suy nghĩ như thế rồi, ông bèn trở về nhà ngồi nghỉ.

Bà vợ thấy ông chồng như thế, nổi giận nói: "Vì sao ông ra chợ rồi lại quay về liền? Biếng nhác như thế thì lấy gì để nuôi sống các con, đóng tiền sưu dịch cho nhà nước?"

Khách buôn đáp:

Bà chớ giận, hãy nghe đã. Sáng sớm hôm nay, tôi ra cửa hàng ngoài chợ v.v. (nói rộng cho đến) vì sợ mất vốn nên trở về nhà.

Bà vợ biết rồi, liền im lặng không nói.

Đoạn nói về tôn giả Xá-lợi-phất, khi vào xóm làng khất thực tuần tự, liền đến đứng ngoài cửa nhà ấy. Bà vợ ông nhà buôn vốn là người có niềm tin sâu xa, cung kính, nên khi trông thấy Xá-lợi-phất, bèn lấy cái bát sạch bỏ đầy thức ăn, đem ra đổ vào trong bát Xá-lợi-phất, rồi đảnh lễ dưới chân, cung kính vấn an.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất an ủi, hỏi thăm: "Trong nhà sinh hoạt thế nào, có tốt đẹp không?"

Bà ta đáp: "Trong nhà đều tốt cả, chỉ có việc sinh nhai bị đình đốn."

Hỏi: "Vì sao như vậy?"

Bà bèn đem các nhân duyên trên bạch đầy đủ với Xá-lợi-phất: "Các sinh hoạt trong nhà như ăn uống, y phục và cung cấp sưu dịch cho quan, đều trông cậy vào cái cửa hàng, nhưng nay ông

chồng chỉ ở riết trong nhà, vì sợ người ta đến xin. Thực sự ông đang ở nhà mà ông bảo là đi, thực sự đang thức mà bảo là ngủ. Thầy là người mà nhà tôi cung kính, tôn trọng cúng dường, không dám giấu điều chi, nên mới thố lộ cùng thầy."

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bèn dùng nhiều cách thuyết pháp cho bà vợ ông khách buôn, khiến bà ta sinh tâm hoan hỷ. Rồi thầy trở về tinh xá, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền bảo: "Gọi Tỳ-kheo kinh doanh ấy đến đây?"

Sau khi thầy được gọi đến, Phật bèn hỏi: "Có thật ông đi xin vật liệu về làm phòng, phiền lụy các thí chủ, khiến họ phiền trách với Xá-lợi-phất về việc của ông không?"

Đáp: "Có thật như vậy bạch Thế Tôn!"

Phật liền khiển trách: "Đi xin vật liệu về làm phòng riêng, làm não loạn các thí chủ là ác pháp."

Rồi Phật khuyến cáo các Tỳ-kheo:

Các thầy chớ có làm phòng riêng, khiến não loạn đến các thí chủ nữa. Vì tiền tài khó kiếm, (**277a**) việc bố thí cũng gian nan. Các Bà-la-môn, cư sĩ xén bớt tài vật để cúng dường Sa-môn y phục, ẩm thực, sàng tọa và các thứ thuốc men phòng trị bệnh, những việc đó thật rất gian nan.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Trong thời quá khứ, có một Tỳ-kheo tên Bạt Cừ sống ở trong rừng, đồng thời có nhiều con chim thích quân cũng đậu nơi rừng ấy, sớm chiều kêu inh ỏi, làm não loạn Tỳ-kheo ấy."

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt Cừ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Thế rồi, đức Thế Tôn bèn an ủi, hỏi Tỳ-kheo đang sống trong rừng ấy như sau: "Thế nào? Thầy ít bệnh, ít phiền não, sống trong rừng vui vẻ chứ?" Thầy liền đáp: "Bạch Thế Tôn! Ít bệnh, ít phiền não, sống trong rừng vui vẻ, nhưng vào

buổi sớm mai và chiều tối, bị các con chim thích quân kêu inh ỏi, làm não loạn không thể suy nghĩ được." Phật liền hỏi Tỳ-kheo ấy: "Ông muốn tất cả các con chim thích quân không đến chăng?" Đáp: "Con mong như vậy, bạch Thế Tôn!." Phật nói: "Này Tỳ-kheo, cứ vào buổi chiều, bầy chim thích quân bay về. Ông xin mỗi con một cái lông, rồi sáng sớm chúng bay đi, ông cũng xin như thế." Tỳ-kheo ấy liền bạch với Phật: "Lành thay đức Thế Tôn", bèn trở lại trong rừng, ngồi ngay ngắn suy nghĩ. Đến khi mặt trời về chiều, bầy chim bay về kêu inh ỏi, thầy liền nói: "Này các con chim thích quân, mỗi chú cho ta mỗi cái lông, vì ta đang có việc cần dùng." Khi ấy, bầy chim bèn im lặng trong giây lát, rồi mỗi con nhổ một cái lông bỏ xuống đất. Vào buổi sáng sớm thầy cũng xin như thế.

Do vậy bầy chim bèn di chuyển đến nơi khác, ngủ lại một đêm, nhưng chúng không thích chỗ ấy, nên bay về lại. Thế rồi, Tỳ-kheo lại xin lông chúng như trước. Mỗi con cũng đều nhổ lông cho thầy. Rồi chúng suy nghĩ: "Nay ông Sa-môn này, xin một cách thật là kỳ quặc. E rằng không bao lâu nữa lông của chúng ta sẽ hết sạch và từng thớ thịt cũng sẽ rơi xuống đất, hết bay nổi nữa, biết làm sao đây?" Rồi cùng nhau bàn bạc: "Tỳ-kheo này thường sống trong rừng này, vậy chúng ta nên đi tìm một nơi khác để đậu, không nên trở về đây nữa."

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Loài chim là giống súc sinh, còn ghét xin nhiều, huống chi người đời. Này các Tỳ-kheo! Chớ có kinh doanh sự nghiệp, khiến cho các Bà-la-môn, cư sĩ có tín tâm phải bỏ ra tài vật một cách đau khổ để cung cấp cho Sa-môn y phục, ẩm thực, giường nằm và các thuốc men phòng trị bệnh."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao thầy Tỳ-kheo ở trong rừng ấy lại khiếp sợ sự hỗn loạn, chán ghét tiếng chim?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo ấy không những ngày nay khiếp sợ mà trong quá khứ cũng đã từng khiếp sợ."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Đã có như vậy sao?"

Phật liền bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ có một con voi sống nơi thanh vắng trong rừng. Rồi có một cơn gió lốc thổi mạnh, làm gãy cây cối. Voi nghe (**277b**) tiếng cây cối đổ gãy, liền sợ hãi tuôn chạy. Sau đó, nổi sợ hãi vơi dần, voi liền đến đứng dưới một cội cây, nhưng cây ấy lại gãy nữa, voi liền bôn tẩu.

Bấy giờ, có một vị thiên nhân, thấy voi hoảng chạy, liền suy nghĩ: "Vì sao con voi này lại điên cuồng chạy loạn xạ như thế?", bèn đọc kệ:

"Gió trốt thổi lên cây đổ gãy,
Voi kia hoảng sợ chạy điên cuồng.
Giá như gió thổi khắp thiên hạ
Bấy giờ voi ấy chạy về đâu?"

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Con voi thuở ấy chính là Tỳ-kheo ở trong rừng ngày nay."

Đoạn Phật lại nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Trong thời quá khứ có 500 vị tiên nhân ở trong núi tuyết. Một tiên nhân ở riêng tại một chỗ có suối nước ngọt, hoa trái sum sê. Cách đó không xa, tại đầm Tát La có một con rồng đang sống. Nó thấy vị tiên nhân oai nghi tề chỉnh, sinh lòng yêu mến, bèn đến chỗ tiên nhân, thì gặp lúc vị tiên nhân đang ngồi kiết già. Rồng liền dùng thân quấn quanh vị tiên nhân 7 vòng và dùng đầu che trên đỉnh tiên nhân, rồi đứng yên.... Ngày nào cũng như thế. Chỉ có lúc ăn là không đến. Vị tiên nhân bị rồng quấn lấy thân, nên ngày đêm ngồi thẳng, không nghỉ ngơi được. Do đó, thân thể tiều tụy, sinh ra ghẻ chốc.

Bấy giờ, có một người sống gần đó, thong thả mang đồ đến cúng dường tiên nhân, thấy tiên nhân gầy ốm và ghẻ chốc, bèn hỏi: "Vì sao ông như thế?" Tiên nhân liền trình bày đầy đủ sự việc kể trên.

Người ấy liền nói với ông: "Ông có muốn con rồng này không trở lại nửa chăng?" Đáp: "Muốn như vậy." Người ấy lại hỏi tiên nhân: "Con rồng ấy có đeo thứ gì không?" Đáp: "Nó chỉ đeo chuỗi

ngọc anh lạc trên cổ." Người ấy liền bảo: "Ông chỉ cần xin nó xâu chuỗi ngọc. Vì tính của rồng rất keo kiệt, nên nó sẽ không cho ông và do đó nó không đến nữa." Bày kế xong rồi, ông ta liền đi. Trong khoảnh khắc con rồng lại đến, tiên nhân bèn xin chuỗi ngọc. Rồng nghe đến việc xin ngọc, trong lòng không vui, liền từ từ bỏ đi. Hôm sau, rồng bèn trở lại. Từ xa trông thấy, tiên nhân bèn đọc kệ:

"Chuỗi Ma ni ngời sáng,
Anh lạc trang nghiêm thân.
Rồng cho ta vật đó,
Mới là tình bạn thân."

Khi ấy, con rồng liền đọc kệ đáp lại:

"Sợ mất chuỗi Ma ni
Phải cầm gậy xịt chó (để giữ gìn)
Bảo châu khó có được
Nên không đến thăm ông.
Ma ni này quí hơn
Thức ngon và châu báu.
(**277c**) Tôi không thể nào cho
Khẩn khoản xin làm gì?
Cầu nhiều thân ái ly
Do đó không đến nữa."

Bấy giờ, có vị trời đang ở trên hư không, liền đọc kệ:

"Nhàm chán sở dĩ sinh
Đều do tham cầu nhiều
Lòng tham Phạm chí hiện
Rồng liền ẩn đầm sâu."

Thế rồi, Phật liền nói với các Tỳ-kheo kinh doanh: "Rồng là loài súc sinh còn ghét sự tham cầu nhiều, huống gì là người.

Này các Tỳ-kheo! Chớ có kinh doanh nhiều việc, đòi hỏi hoài không biết chán, khiến cho Bà-la-môn, cư sĩ có lòng tin phải đau xót bỏ tài vật ra cung cấp cho Sa-môn như y phục, ẩm thực, giường nằm và các thứ thuốc men chữa bệnh."

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Có mười việc làm cho người ta không thích. Đó là:

1. Không thường gần nhau.
2. Quá thường gần nhau.
3. Vì lợi mà gần nhau.
4. Người đáng yêu mà không yêu.
5. Kẻ không đáng yêu lại yêu.
6. Không tin lời nói chân thật.
7. Ưa xen vào việc người khác.
8. Mình thật sự không có uy đức mà muốn áp đảo người khác.
9. Ưa che giấu những lời nói gian tà.
10. Tham cầu nhiều quá.

Đó là mười việc làm cho người ta không thích."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại những nơi khoáng dã phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự mình đi xin vật liệu về xây phòng ốc, không có thân chủ, tự bản thân mình làm, thì phải làm đúng qui định, tức là: Chiều dài 12 gang tay tu Già-đà, bên trong rộng 7 gang tay, phải dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ xây phòng, nơi ấy không nguy hiểm, không có phương hại. Trái lại, nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thí chủ, tự mình làm lấy mà làm tại những nơi nguy hiểm, có phương hại, làm quá qui định, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

❖ Giải thích

Tự xin: Tự mình đi xin nhà này, nhà kia, hoặc một đồng, hai đồng cho đến trăm ngàn đồng.

Phòng xá: Mức độ căn phòng mà Phật cho phép.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm.

Không có thân chủ: Không có thân chủ nghĩa là không có người đàn ông, đàn bà, tại gia hay xuất gia là thân chủ.

Tự thân: Tự chính mình.

Đúng qui định**:** Qui định đúng pháp.

Dài: Đo theo chiều dọc.

Rộng: Đo theo chiều ngang.

Tu Già-đà: Vượt qua một cách khéo léo. (ám chỉ Phật)

Mười hai gang tay: Gồm hai thước bốn tấc.

Bên trong 7 gang tay: Phép làm phòng phải đo ở trong và ở ngoài, nghĩa là tính chiều dọc và chiều ngang bên trong bức tường.

Đo mức độ cao thấp của căn phòng**:** Tường phải cao 1 trượng 2 thước.

Dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng: Nghĩa là chỉ chỗ đất (qui định làm phòng).

Các Tỳ-kheo: (**278a**) Hoặc là chúng Tăng, hoặc là sứ giả của chúng Tăng.

Tăng: Vị Tỳ-kheo làm phòng trước hết vào trong Tăng làm pháp Yết-ma xin Tăng nghe mình trình bày, rồi mới làm pháp Yết-ma xin cất phòng.

Người làm Yết-ma nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Vị Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không có người giúp đỡ, tự mình làm lấy, muốn xin chúng Tăng chỉ cho chỗ (để làm). Nếu chúng Tăng thấy hợp thời, thì hãy chỉ chỗ cho Tỳ-kheo muốn xây phòng

Các đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp xin Tăng chỉ chỗ, nay Tăng đã nhận lời, nên im lặng. Việc này hãy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, vị Tỳ-kheo ấy vào trong Tăng, quì gối chắp tay nói như sau: "Đại đức Tăng nhớ nghĩ cho! Con là Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không người giúp đỡ, tự mình làm lấy. Nay đến trong Tăng xin phép làm phòng. Mong Tăng chỉ cho con chỗ làm phòng."

Thầy phải xin ba lần như vậy. Rồi Tỳ-kheo làm Yết-ma phải nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin cất phòng, không có người giúp đỡ, tự mình làm lấy, đã ở trước Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nếu Tăng thấy hợp thời, thì Tăng hãy chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp này!. Đó là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở trước Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nay Tăng vì Tỳ-kheo mỗ giáp chỉ chỗ làm phòng. Đại đức nào đồng ý thì im lặng, ai không đồng ý hãy nói.

Vì Tăng đã đồng ý chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp, nên tất cả đều im lặng. Vậy việc này hãy cứ như thế mà thi hành.

Nếu tất cả trong Tăng không có ai làm Yết-ma, thì tất cả Tăng phải đi đến chỗ làm phòng, rồi một Tỳ-kheo xướng lên giữa Tăng rằng:

Tất cả Tăng vì Tỳ-kheo mỗ giáp chỉ chỗ làm phòng. (nói như thế ba lần).

Sứ giả của Tăng: Nếu chỗ làm phòng xa xôi, hoặc bị nước ngăn cách, hoặc lúc trời lạnh, lúc nóng bức, lúc mưa lớn, hoặc lúc tuyết

rơi nhiều, hoặc trong Tăng có nhiều Tỳ-kheo già bệnh không đến đầy đủ được, thì khi vị Tỳ-kheo ấy xin Tăng chỉ chỗ làm phòng xong, Tăng phải sai 1, 2, tối đa là 3 Tỳ-kheo (đại diện cho Tăng). Vì không thể làm Yết-ma cho tất cả chúng (từ 4 người trở lên). Rồi thầy Yết-ma nên nói như sau:

Đại đức Tăng xin lắng nghe*! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng, mà không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở giữa Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nếu Tăng thấy hợp thời, thì Tăng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp*. Đó là lời tác bạch.

*Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp tự xin làm phòng mà không có người giúp, tự mình làm lấy, đã ở giữa Tăng xin chỉ chỗ làm phòng. Nay Tăng hãy sai (**278b**) Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Các đại đức nào bằng lòng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp, thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói.*

Vì Tăng im lặng, như vậy chứng tỏ Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo A, Tỳ-kheo B chỉ chỗ làm phòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Việc này cứ như thế mà thi hành.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sứ giả đến chỗ làm phòng quan sát. Nếu tại chỗ ấy có nhiều côn trùng và những cây nhiều hoa trái, thì không nên chấp nhận. Ngoại trừ sau khi quan sát mà không có những thứ đó thì như trên đã nói.

Một Tỳ-kheo xướng rằng:

Tăng đã xem chỗ làm phòng rồi. (Nói như thế ba lần)

Chỗ không nguy hiểm: Nơi ấy không có các giống côn trùng rắn rít, không có cây cối nhiều hoa trái.

Chỗ không phương hại: Bốn bên mỗi bên phải dung chứa được một cái thang có 12 nấc, và khoảng cách của mỗi nấc thang là 1 khuỷu tay. Cần phải sai người làm công dọn dẹp những cỏ tranh che phủ các lối đi lại xung quanh.

Nếu tại những chỗ nguy hiểm, có cây cối nhiều hoa trái, và chỗ có các loại trùng độc, rắn rít, xung quanh không dung chứa được một cái thang 12 nấc, không sai người dọn dẹp lối đi lại xung quanh bị cỏ tranh che khuất, mà Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự làm lấy, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, và làm quá mức qui định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại những chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, hoặc làm dưới mức qui định, hoặc nhờ người khác làm, đến khi làm xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ 2 Tỳ-kheo cho đến nhiều Tỳ-kheo cũng như thế.

Nếu một Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự làm lấy, lại làm tại chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, lại không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, hoặc tự làm đúng mức qui định, hoặc bảo người khác làm, đến khi làm xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ 2 người trở lên đến nhiều người cũng đều như thế.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không có người giúp, tự mình làm lấy, làm nhằm chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, lại không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, làm quá mức qui định, hoặc bảo người khác làm. Khi phòng làm xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ 2 Tỳ-kheo trở lên đến nhiều Tỳ-kheo cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng tại chỗ không được chỉ định, hoặc ngoài phạm vi Tăng chỉ định, hoặc chỗ dự kiến chỉ định từ năm trước, hoặc tại các cù lao không phải đất cát, không phải đất có đá cuội, không phải ở trên tảng đá, không phải chỗ đất bị lửa đốt cháy; hoặc trong Tăng có một người không làm phòng, hoặc 2, 3 người

không làm phòng đều không nên chỉ chỗ. (**278c**) Nếu những người không làm phòng trong chúng số đông thì cho phép chỉ chỗ.

Nếu Tỳ-kheo muốn làm phòng vệ sinh mà phải dùng cái phòng đang ở để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng cái phòng đang chất củi để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng đến cái phòng ở trung tâm để làm, thì không nên làm; hoặc phải dùng cái phòng tắm để làm, thì không nên làm.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng riêng tại những nơi nguy hiểm, nơi có thể phương hại, chỗ không được Tăng chỉ định, làm quá mức cho phép, hoặc xây toàn bằng đất sét đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dùng gạch xây tường để làm phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi làm vừa xong cửa lớn, cửa sổ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc căn phòng được xây bằng gạch cho đến khi xây xong viên gạch cuối cùng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc được lợp bằng ngói, hoặc được lợp bằng cây, hoặc lợp bằng ván, hoặc lợp bằng xi măng, hoặc lợp bằng những viên đất sét, hoặc lợp bằng cỏ, cho đến khi lợp xong lọn cỏ cuối cùng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu làm phòng chưa xong, nửa chừng dừng lại, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nhưng nếu làm cho đến khi hoàn thành, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc trường hợp người làm phòng hay chủ phòng ở trước trong phòng, rồi sai người khác làm, cho đến lúc hoàn thành thì Tỳ-kheo làm phòng phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Hoặc trường hợp chủ phòng ở trước trong phòng, rồi sau đó người khác làm hoàn thành, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng ở chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, không dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ cần làm, làm quá mức qui định và Tỳ-kheo chủ phòng, không xả giới, không chết, không hiến cho Tăng, rồi có

một Tỳ-kheo nào đó hoặc nhuộm bát, may y trong đó, hoặc tụng kinh, ngồi thiền, thì tất cả những người sử dụng đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Hai người, nhiều người làm phòng cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ cần làm, làm dưới mức qui định, hoặc bảo người khác làm, cho đến khi làm xong, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Người sử dụng cũng không có tội. Hai người, nhiều người cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không có phơng hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, và làm đúng mức qui định, hoặc bảo người khác làm cho đến khi phòng hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Người sử dụng cũng không có tội. Hoặc hai người, hoặc nhiều người cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ làm phòng, chỗ không ngoài ranh giới mà Tăng đã chỉ định, cũng không phải chỗ đã chỉ định từ năm trước, không phải các chỗ ở trong nước như: chỗ đất cát, chỗ đất có đá cuội, hoặc trên tảng đá, không phải chỗ đất bị lửa thiêu và những người không làm phòng trong chúng Tăng không phải là 1 người, 2 người, 3 người mà nhiều người thì cho phép làm. Hoặc giả dự định làm phòng ở, (**279a**) dự định làm phòng rửa ráy, dự định làm hội trường, dự định làm phòng tắm, thì cho phép làm. Hoặc giả Tỳ-kheo ấy làm cái phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, làm không quá mức qui định, thầy cũng có dẫn các Tỳ-kheo đến xem chỗ làm phòng, các Tỳ-kheo ấy hoặc giúp tô vách tường, hoặc trợ giúp thầy đúc gạch, chung quy tất cả những Tỳ-kheo trợ giúp này đều không có tội.

Nếu xây (gạch) một hàng, hai hàng cho đến khi đặt cửa lớn và cửa sổ, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc dùng gạch để lợp, cho đến khi lợp viên cuối cùng, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc lợp

bằng ngói, lợp bằng cây, lợp bằng ván, lợp bằng cỏ, lợp bằng xi măng, lợp bằng những viên đất sét, khi lợp đến viên đất sét cuối cùng, cũng không có tội.

Nếu làm nửa chừng rồi dừng lại, thì Tỳ-kheo ấy cũng không có tội. Hoặc làm cho đến khi hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy cũng không có tội. Hoặc tạo phương tiện để cho người khác làm hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội. Hoặc tự làm, rồi sau đó người khác hoàn thành, thì Tỳ-kheo ấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng tại chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại, có dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ, làm không quá mức qui định, rồi Tỳ-kheo này không xả giới, không chết, không hiến cho chúng Tăng, các Tỳ-kheo hoặc nhuộm bát, may y, tụng kinh, ngồi thiền ở trong đó, thì tất cả những người sử dụng này đều không có tội.

Nếu Tỳ-kheo làm các rạp tạm tại chỗ Phật đản sinh, chỗ Phật đắc đạo, chỗ chuyển pháp luân, chỗ năm năm đại hội một lần, vì để cúng dường những chỗ tôn quí ấy mà làm rạp bằng tranh, rạp bằng lá cây, rạp bằng các thứ cờ màn trướng thì cho phép làm. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo tự xin làm phòng, không ai giúp, tự mình làm lấy, mà làm quá mức qui định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới thứ 6 của giới Tăng tàn)

*

7. KHÔNG MỜI TĂNG CHỈ CHỖ LÀM THẤT

Khi Phật an trú tại nước Câu-xá-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại nước Câu-xá-di có 500 Tỳ-kheo mỗi người đều làm phòng riêng. Lúc ấy, Tỳ-kheo Xiển-đà không có người ủng hộ làm phòng,

nhưng thầy có một thí chủ thân tín tên A-bạt-tra. Thế rồi, thầy khoác y thường dùng để đi vào xóm làng, tới gia đình ấy. Chủ nhân trông thấy thầy đến, liền cung kính đảnh lễ dưới chân, rồi cùng nhau vấn an. Đoạn, chủ nhân hỏi: "Thưa thầy, tôi nghe nói 500 Tỳ-kheo tại Câu-xá-di làm 500 căn phòng riêng, vậy có ai làm phòng giúp cho thầy không?"

Đáp: "Đúng như đạo hữu đã nghe, ai có thân chủ thì đều được phòng, riêng tôi đức hèn, phước mỏng, giống như chim kiêu trơ trụi, không có thân nhân, thì ai làm phòng cho?"

Chủ nhân liền nói: "Thưa thầy, thầy đừng hận, tôi sẽ làm cho thầy", bèn cúng dường 500 đồng và bạch: "Thưa thầy, thầy hãy đem về làm phòng."

Bấy giờ, Xiển Đà liền cầm tiền ra về, tìm chỗ thuận tiện, yên ổn để làm một cái phòng lớn. Thầy dùng 500 đồng để đổ nền và xây một ít tường vách, thì tiền vật hết sạch. Thầy lại đi đến nhà ấy. Chủ nhân (**279b**) bèn lễ dưới chân, cùng nhau an ủi, rồi nói: "Thưa thầy, làm phòng xong chưa?

Đáp: "Mới đổ xong nền và làm được một ít tường vách thì tiền vật đều hết cả."

Lúc ấy, chủ nhân lại cúng thêm 500 đồng.

Xiển-đà mang số tiền ấy về xây xong tường vách và đặt xong các cửa lớn cửa sổ, thì tiền vật cũng lại hết sạch, nên thầy đi đến thân nhân một lần nữa.

Chủ nhân bèn lễ dưới chân rồi hỏi: "Thưa thầy, phòng làm xong rồi chăng?"

Đáp: "Tường vách, cửa lớn, cửa sổ làm xong, thì tiền vật cũng hết."

Bấy giờ, chủ nhân hết tin tưởng, bèn nói với Xiển-đà: "Thầy là người xuất gia mà làm căn phòng lớn làm chi. Số tiền 1000 đồng

đủ để xây một căn lầu mà chỉ làm một căn phòng, vì sao không đủ? Tôn giả hãy trở về. Tôi không thể cho thêm nữa."

Khi ấy, Xiển-đà ưu sầu thầm nhủ: "Không biết dùng phương tiện gì để làm cho xong căn phòng đây." Thầy bèn nhớ đến rừng cây tát La liền tới đó định chặt cây đem về làm cho căn phòng hoàn thành.

Bấy giờ, có một con quỉ đang nương thân nơi cây ấy, nói với Xiển-đà: "Chớ có chặt cây này, nếu thầy chặt thì các đứa con trai, con gái bé thơ của tôi bị nắng mưa sương gió, không nơi nương tựa."

Xiển-đà liền nói: "Đồ quỉ chết tiệt, hãy xéo gấp, đừng ở đây nữa, ai mà muốn thấy mặt ngươi", rồi đốn lấy cây. Khi ấy, con quỉ này liền khóc rống lên, rồi dắt các con đến chỗ Thế Tôn.

Phật thấy thế, tuy biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao mà ngươi khóc lóc?" Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xiển-đà chặt cái cây trong rừng mà con nương trú đem về làm phòng. Bạch Thế Tôn! Các con trai, con gái thơ dại, bé bỏng của con phải phơi thân ngoài nắng mưa sương gió, biết nương vào chỗ nào đây?"

Bấy giờ, Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho con quỉ ấy nghe, chỉ dạy về những điều lợi ích vui vẻ, khiến mọi sầu khổ đều được đoạn trừ. Rồi Thế Tôn chỉ cho nó đến nương thân một rừng cây gần đó.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo gọi Xiển-đà đến. Họ liền đi gọi. Sau khi Xiển-đà đến, Phật bèn hỏi rõ các việc trên: "Có thật ông làm như thế chăng?" Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!."

Phật nói: "Này kẻ ngu si! Đó là việc ác. Ông không biết rằng Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri hễ an trú một đêm tại nơi nào thì người ta xem cây cối xung quanh nơi ấy như là những tháp miếu. Cho nên quỉ thần thích đến cư trú. Vì sao Tỳ-kheo lại ác khẩu mắng họ? Xiển-đà! Hành vi đó là phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp."

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Xiển-đà này khéo dùng phương tiện kinh doanh khiến cho chủ nhân ấy cúng 1000 đồng tiền cũ?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đó chẳng phải là phương tiện khéo léo. Nếu là phương tiện khéo léo thì chỉ 500 đồng đã làm xong căn phòng, đâu phải dùng đến cả 1000 đồng!"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

"Đúng như Thế Tôn nói! Xét kỹ thì Tỳ-kheo Xiển-đà này (**279c**) không có phương tiện tốt."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Không phải ngày nay mới biết ông Tỳ-kheo này không có phương tiện tốt mà trong thời quá khứ cũng đã biết Tỳ-kheo Xiển-đà không có phương tiện tốt."

Rồi Phật tiếp: "Trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Già Thi. Lúc bấy giờ, vị quốc vương dùng luật pháp cai trị muôn dân, khiến cho dân chúng an lạc không bị tai ương. Quốc vương không có con, rồi hoàng hậu bỗng nhiên mang thai, đủ mười tháng liền sinh được một bé trai, nhưng không có mắt và mũi. Sinh con được 7 ngày, nhà vua liền mở đại hội triệu tập quần thần, thầy tướng và đạo sĩ đến để đặt tên cho con. Theo phong tục của vương quốc lúc bấy giờ người ta thường dựa vào phước tướng, vào tinh tú, hoặc vào cha mẹ để đặt tên cho con. Thế nên Bà-la-môn bèn hỏi mọi người: "Thân thể của vương tử có những dị tướng gì?"

Một người ngồi bên cạnh đáp: "Ngày nay, vương tử này mặt mày phương phi, đoan chánh nhưng không có mắt và mũi."

Bà-la-môn liền nói: "Thế thì nên đặt tên cho vương tử là Kính Diện, và giao cho 4 bà vú trông nom nuôi dưỡng: Một bà lo việc xoa bóp, tắm rửa; Một bà lo việc vệ sinh; Một bà lo việc bồng bế và một bà lo việc bú mớm.

Thế rồi, 4 bà vú này ngày đêm cung cấp và hầu hạ khiến vương tử như đóa hoa sen mỗi ngày mỗi tăng trưởng.

Đến lúc vương tử khôn lớn, thì vua cha mệnh chung, triều đình bèn tôn Kính Diện lên kế vị ngôi vua. Vị thái tử này vốn đã gieo trồng phước đức từ đời trước, nên tuy sinh ra không có mắt mà lại có thiên nhãn. Do đó mà có thể làm vua đủ phước đức và uy lực lớn.

Nhân dân trong nước nghe thái tử Kính Diện làm vua không ai là không lấy làm kỳ quái. Bấy giờ, có một đại thần muốn thử nhà vua mà chưa gặp cơ hội, thì gặp lúc vua xuất du, đồng thời ra lệnh quần thần làm lại cung điện mới, cho điêu khắc chạm trổ và vẽ vời nhiều cảnh trí.

Đại thần suy nghĩ: "Bấy lâu nay ta muốn thử nhà vua, hôm nay mới gặp được cơ hội." Ông bèn dùng một con khỉ cho mặc y phục, rồi làm những dụng cụ tinh xảo (của thợ mộc), bỏ vào trong túi da, buộc vào vai nó, đoạn đem đến trước vua, nói:

Tâu đại vương, đại vương ra lệnh lập cung điện, nay thợ khéo đã đến, xin đại vương hãy chỉ bảo về phương pháp xây cất cung điện.

Vua thầm nhủ: "Ông ấy muốn thử ta", liền đọc kệ:

"Xem loài chúng sinh này,
Mặt nhăn nhó dáo dác.
Tánh khinh tháo nhảy nhót,
Việc thành, hắn liền phá.
Bản chất vốn như thế,
Làm sao xây cung điện?
Tàn phá cây hoa trái
Không thể gần gũi người.
Huống gì tạo cung điện.
Thả về rừng hoang thôi."

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Quốc vương Kính Diện thuở ấy, nay chính là Ta đây; và con khỉ thuở ấy, nay là Tỳ-kheo Xiển-đà. Vào thời ấy ta sinh ra không có 2 mắt (**280a**) mà còn biết được ông ta không làm được việc, huống gì ngày nay."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Câu-xá-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới như sau:

> ***Nếu Tỳ-kheo làm phòng ốc lớn, có thân chủ giúp đỡ làm cho mình, phải dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, và làm tại chỗ không nguy hiểm, không phương hại. Trái lại, nếu Tỳ-kheo có thân chủ làm phòng cho mình, lại làm nhằm chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, cũng không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Lớn: Quá mức qui định.

Phòng: Phòng ở mà Phật cho phép.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm.

Có chủ: Trước đã giải thích.

Vì mình: Vì bản thân mình, không phải vì chúng Tăng.

Dẫn các Tỳ-kheo chỉ chỗ để làm: Nghĩa là dẫn cả chúng Tăng, hoặc là dẫn sứ giả của Tăng, như đã nói trong trường hợp phòng nhỏ ở trên.

Chỗ không nguy hiểm, chỗ không phương hại: Cũng như đã nói ở trên.

Nếu Tỳ-kheo làm phòng tại các nơi nguy hiểm, nơi có phương hại, và không dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu một Tỳ-kheo làm phòng lớn tại chỗ nguy hiểm, chỗ có phương hại, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, cho đến khi phòng hoàn thành, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Từ 2 người trở lên đến nhiều người cũng như thế. Trừ trường hợp làm quá mức qui định, các vấn đề có tội, không có tội cũng giống như trường hợp phòng nhỏ đã nói ở trên. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo làm phòng ốc lớn, có thân nhân giúp làm cho mình mà không dẫn các ***Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

(Hết giới thứ 7 của giới Tăng tàn)

*

8. VÌ TỨC GIẬN MÀ VU KHỐNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ như trên đã nói. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo tên Đà-phiêu Ma La Tử được chúng Tăng đề cử coi sóc chín việc sau đây:

1. Coi sóc theo thứ tự mà trao giường ghế.
2. Theo thứ tự mà sai thỉnh đi dự hội.
3. Theo thứ tự mà chia phòng ốc.
4. Theo thứ tự mà chia y vật.
5. Theo thứ tự mà chia hương hoa.
6. Theo thứ tự mà chia dưa trái.

7. Theo thứ tự mà phân công người nấu nước.
8. Theo thứ tự mà chia các quà bánh lặt vặt.
9. Biết tùy nghi mà cử người làm được việc.

Đó gọi là Tăng đề cử coi sóc chín việc.

Khi giao giường ghế cho ai thì trưởng lão dùng ngón tay út bên phải khều tim đèn cho sáng để thấy rõ các dụng cụ, rồi mới giao cho. Đoạn, thầy sắp xếp:

- Người ưa yên tĩnh thì cho ở chung với người ưa yên tĩnh.
- Người khất thực cho ở với người khất thực.
- Người mặc y phấn tảo cho ở với người mặc y phấn tảo.
- Người ăn một lần cho ở với người ăn một lần.
- Người thường ngồi cho ở với người thường ngồi.
- Người ưa ngồi chỗ trống cho ở với người ưa ngồi chỗ trống.
- Người ngồi nệm cỏ cho ở với người ngồi nệm cỏ.
- Người tụng kinh cho ở với người tụng kinh.
- Pháp sư cho ở với pháp sư.
- Người học luật cho ở với người học luật.
- Tu-đà-hoàn cho ở với Tu-đà-hoàn.
- (**280b**) Tư-đà-hàm cho ở với Tư-đà-hàm.
- A-na-hàm cho ở với A-na-hàm.
- A-la-hán cho ở với A-la-hán.
- Những vị được tam minh cho ở với những vị được tam minh.
- Những vị được lục thông cho ở với những vị được lục thông.
- Những vị không có oai nghi cho ở với những vị không có oai nghi.

- Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa và nhóm 6 Tỳ-kheo (Lục quần Tỳ-kheo) đến đòi phòng ở. Tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử đáp:
- Chờ một tí, đợi các thầy ngồi ổn định, rồi tôi sẽ tuần tự giao phòng cho các thầy.
- Đến khi họ ngồi xong, Đà-phiêu bèn theo thứ lớp giao phòng cho họ. Khi nhận được phòng, nhóm 6 Tỳ-kheo thấy các vật dụng trong phòng như giường nằm, ghế ngồi, mền gối đều cũ kỹ, mục nát và căn phòng ăn riêng cũng xấu xí bèn cùng nhau bàn tính:
- Hình như trưởng lão Đà-phiêu Ma La Tử có tư thù với chúng ta, nên cho chúng ta căn phòng tồi tàn và thức ăn thô xấu. Nếu trưởng lão này còn sống đời phạm hạnh lâu dài, thì chúng ta sẽ phải chịu nhiều đau khổ. Nay chúng ta hãy vu cáo ông ta phạm tội Ba-la-di.

Đoạn, họ nói với Đà-phiêu: "Trưởng lão! Ông phạm tội Ba-la-di. Chúng tôi sẽ vạch tội ông."

Đáp: "Tôi không phạm tội ấy."

Họ bèn nói: "Có ai ăn trộm mà tự xưng mình ăn trộm bao giờ! Nhưng nay ông đã phạm tội Ba-la-di."

Thế rồi, họ đến chỗ đông người vu khống, lại đến giữa chúng Tăng vu khống tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử phạm tội Ba-la-di.

Đà-phiêu Ma La Tử bèn đi đến bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Từ Địa đã vu khống con phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ."

Phật hỏi: "Ông có việc ấy không?"

Đáp: "Không có, bạch Thế Tôn!"

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, Như Lai biết ông thanh tịnh, nhưng người khác vu khống ông, vậy phải làm sao đây?"

Đà-phiêu nói: "Tuy Thế Tôn biết con thanh tịnh, không có tội, nhưng xin Thế Tôn hãy nói với ông ta khiến ông ta sinh khởi lòng tin, để khỏi chuốc lấy sự bất hạnh lâu dài."

Phật liền bảo: "Hãy gọi nhóm 6 Tỳ-kheo đến đây." Thầy liền đi gọi đến.

Đoạn, Phật hỏi nhóm 6 Tỳ-kheo: "Có thật các ông vu khống Tỳ-kheo Đà-phiêu Ma La Tử phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ không?"

Đáp: "Thật như vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật hỏi: "Vì sao thế?"

Đáp: "Vì trưởng lão ấy giao cho chúng con căn phòng cũ kỹ đổ nát cho đến: Nếu trưởng lão ấy còn sống đời phạm hạnh lâu dài, thì chúng ta còn phải chịu nhiều đau khổ. Do thế, chúng con vu khống ông ta phạm tội Ba-la-di."

Phật liền khiển trách nhóm Tỳ-kheo 6 người:

Đó là việc ác. Há ta không thường bảo phải cung kính và thể hiện sự từ ái của thân, khẩu, ý đối với các bậc phạm hạnh hay sao? Nay vì sao các ông lại vu khống một Tỳ-kheo sống phạm hạnh vô tội, rằng ông ta phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ như thế? Đó là phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

(**280c**) Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui, mà vu khống một Tỳ-kheo vô tội thanh tịnh rằng phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ, chỉ vì muốn phá rối Tỳ-kheo phạm hạnh ấy, sau đó hoặc có người tra xét lại, hoặc không ai tra xét, mà tự nói:***

"Việc đó không có căn cứ, vì tôi tức giận nên nói như thế", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Sân: chín sự não loạn hoặc giận dữ vô cớ và điều thứ 10 là hận.

Hận nghĩa là phàm phu và người còn đang học cảm thấy không vui, cho đến đối với A-la-hán.

Không có căn cứ: Sự việc ấy hoàn toàn không xuất hiện, cũng không thấy việc của người ấy, không nghe việc của người ấy, không nghi việc của người ấy.

Ba-la-di: Mỗi mỗi điều trong 4 Ba-la-di.

Vu khống: Việc không có mà dựng đứng lên nói là có. Đó gọi là vu khống.

Muốn phá sự thanh tịnh của người ấy: Muốn làm cho họ không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là con dòng họ Thích. Hoặc muốn họ làm Sa-di, làm người thế tục, làm kẻ giữ vườn, làm ngoại đạo...

Sau đó hoặc có người tra xét, hoặc không ai tra xét.

Tra xét: Như hỏi rằng: "Ông thấy việc gì? Việc dâm dục chăng? Lấy trên năm tiền chăng? Cố giết người chăng? Không có thật mà tự xưng được pháp hơn người phải không? Vì sao mà thấy? Nhân lý do gì mà thấy? Thấy ở đâu?"Đó gọi là tra xét. Trái lại, nếu không hỏi như thế, thì gọi là không tra xét.

Nếu việc ấy không có căn cứ mà chỉ vì sân hận nên nói như thế, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận mà vu khống 2 người tương tự: Người bất tịnh và người thanh tịnh. Rồi người thanh tịnh hỏi:

Thầy thấy tôi phạm tội gì? Trong 4 việc (4 tội Ba-la-di), phạm tội thứ nhất hay thứ hai? Trong 13 việc (13 tội Tăng-già-bà-thi-sa) phạm tội thứ nhất hay thứ hai?

Hoặc không thấy, không nghe, không nghi, không quyết định mà đem ra vu khống người ta tại chỗ vắng hoặc giữa nhiều người, hoặc giữa chúng Tăng rằng:

Tôi thấy thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Tôi nghe thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Tôi nghi thầy ấy phạm tội Ba-la-di. Nhưng thấy không thật thấy, căn bản không thật; Nghe không thật nghe, căn bản không thật; Nghi không thật nghi, căn bản không thật. Sự thấy đó là sai lầm, nghe sai lầm, nghi sai lầm, không phải thấy như vậy; không phải nghe như vậy, không phải nghi như vậy; thế mà hai người đối diện, 4 mắt nhìn nhau, vu khống trực tiếp, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các điều trong 4 tội Ba-la-di, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các điều trong 13 tội Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vu khống Tỳ-kheo khác phạm các tội trong Ba-dạ-đề, (**281a**) thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vu khống về các tội Ba la đề đề xá ni, chúng học pháp và tội Việt-tỳ-ni, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội trong 8 Ba-la-di, trong 19 Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội thuộc trong 30 Ni Tát Kỳ, trong 141 Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vu khống Tỳ-kheo-ni phạm các tội trong 8 giới Ba la đề đề xá ni, trong chúng học pháp và oai nghi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu vu khống học giới ni phạm các tội trong 18 pháp, rồi nói rằng: "Phải cho học giới trở lại." thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu vu khống Sa-di, Sa-di-ni phạm các tội trong 10 giới, rồi nói rằng: "Phải cho xuất gia trở lại", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau cùng đến những người thế tục, nếu Tỳ-kheo vu khống họ phạm các tội trong 5 giới, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui..., cho đến nói như vậy, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới thứ 8 của giới Tăng tàn)

*

Hết quyển thứ sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 7

TĂNG TÀN

9. XUYÊN TẠC ĐỂ HUỶ BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, như trên đã nói, bấy giờ tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử được chúng Tăng đề cử trông coi chín việc mà trên đã đề cập. Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo nhận phòng xấu, thức ăn kém, nên tâm thường sầu khổ, bèn suy nghĩ: "Nếu trưởng lão Đà-phiêu Ma La Tử mà còn sống phạm hạnh lâu dài thì chúng ta còn chịu khổ não. Nhưng Thế Tôn đã chế giới không cho phép vu khống người khác phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ. Nay ta phải tìm chứng cứ của tội lỗi." Nghĩ như thế rồi, họ bèn theo sát tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử, trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, đều theo sát hai bên. Hằng tháng vào các ngày mồng 8, 14 và 15 các Tỳ-kheo-ni đến lễ Phật, khi ấy tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử đang ngồi đối diện cách Phật không xa, nên các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ chân Phật rồi, bèn đến đảnh lễ tôn giả Đà-phiêu Ma La Tử. (**281b**) Bấy giờ, có một Tỳ-kheo-ni trong khi đảnh lễ bị gió thổi làm tung góc y của cô vướng trên đầu gối của tôn giả, tôn giả liền dùng tay dở lên.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn nói: "Trưởng lão Đà-phiêu, ông phạm tội Ba-la-di."

Đà-phiêu nói: "Tôi không có việc ấy."

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nói: "Việc ấy tôi đã thấy, còn nghi ngờ gì nữa, có ai ăn trộm mà lại nói mình là kẻ ăn trộm bao giờ."

Rồi họ đem việc ấy nói tại chỗ vắng, chỗ nhiều người và chỗ chúng Tăng. Bấy giờ, Đà-phiêu bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Thầy liền đi gọi đến.

Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông vu khống Đà-phiêu Ma La Tử phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ chăng?"

Đáp: "Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Có chứng cứ thật."

Phật nói: "Có chứng cứ gì?" Nhóm sáu Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, gặp ngày trai kỳ, các Tỳ-kheo-ni đến đảnh lễ Thế Tôn rồi họ sang đảnh lễ Đà-phiêu. Khi ấy gió thổi làm tung chéo y của Tỳ-kheo-ni lên đầu gối của Đà-phiêu. Đà-phiêu bèn dùng tay nắm y của cô ấy, đó là chứng cứ."

Phật nói: "Này kẻ ngu si, đó chẳng phải là bằng chứng phạm tội Ba-la-di. Đó chỉ là một việc nhỏ thuộc phạm vi khác." Thế rồi, Phật khiển trách nhóm sáu Tỳ-kheo: "Các ông không từng nghe ta dùng nhiều nhân duyên ca ngợi việc đem thân, khẩu, ý, từ ái, kính trọng những người tu phạm hạnh hay sao? Nay vì sao đối với một Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội, mà các ông lại muốn phá sự thanh tịnh của họ, rồi đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu cáo họ phạm tội Ba-la-di? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận, không vui, đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu cáo họ phạm tội Ba-la-di để phá hoại sự phạm hạnh của họ; rồi

sau đó, hoặc bị tra hỏi, hoặc không ai tra hỏi mà tự nói rằng: "Chỉ vì sân hận nên tôi đem một việc thuộc phạm vi khác mà vu cáo", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo sân hận không vui**:** Như trên đã nói.

Thuộc phạm vi khác: Trừ 4 Ba-la-di, từ 13 giới Tăng-già-bà-thi-sa trở đi là thuộc phạm vi khác.

Những việc nhỏ: Chúng học pháp và các oai nghi.

Chẳng phải Ba-la-di của Tỳ-kheo mà vu khống là phạm **Ba-la-di:** Việc đó không thuộc Ba-la-di, mà vu khống rằng phạm các giới trong 4 Ba-la-di.

Muốn phá phạm hạnh của người ấy: Muốn làm cho người ấy không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là con dòng họ Thích. (**281c**) Muốn họ làm Sa-di, làm người thế tục, làm người giữ vườn, làm kẻ ngoại đạo.

Sau đó, hoặc bị tra hỏi, hoặc không bị tra hỏi.

Tra hỏi: Như hỏi: "Ông thấy việc gì? Việc dâm chăng? Việc trộm cắp chăng? Cố ý giết người chăng? Không thật được pháp thượng nhân mà tự xưng được pháp thượng nhân chăng? Thấy tại chỗ nào?" Đó gọi là tra hỏi. Nếu không hỏi như vậy thì gọi là không tra hỏi.

Nếu vì sân hận đối với một Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội mà đem một việc nhỏ thuộc phạm vi khác vu khống họ phạm tội Ba-la-di, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Phần còn lại như trên đã nói rõ) Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo vì sân hận không vui mà đem một việc thuộc phạm vi khác, cho đến "vì sân hận mà nói", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

(Hết giới thứ 9 của giới Tăng tàn)

*

10. PHÁ TĂNG HOÀ HỢP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, cho nên tìm đủ mọi cách để phá hoại việc của Tăng.

Đối với 12 bài tựa của giới Kinh, 4 Ba-la-di, 13 Tăng-già-bà-thi-sa, 2 Bất định, 30 Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, 92 Ba-dạ-đề, 4 Ba la đề đề xá ni, Chúng học pháp, 7 Pháp diệt tránh, pháp Tùy thuận v.v…

Những gì Phật không chế, thì ông chế thêm; những gì Phật chế thì ông mở ra. Cho đến, những pháp mà người tại gia, xuất gia cùng thực hành như chín bộ kinh: (1) Tu-đa-la; (2) Kỳ-dạ; (3) Thọ Ký; (4) Già-đà; (5) Ưu-đà-na; (6) Như Thị Ngữ Kinh; (7) Bản Sanh Kinh; (8) Phương Quảng; (9) Vị Tằng Hữu Pháp.

Đối với chín bộ Kinh này, ông liền tạo ra những câu khác, những chữ khác, những ý nghĩa khác. Mỗi thứ đều có những lời văn khác để mà tụng đọc, cũng như dạy người khác tụng đọc. Khi ấy các Tỳ-kheo nói với Đề-bà-đạt-đa: "Ông chớ tìm cách phá sự hòa hợp của Tăng đoàn, chớ có kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng, cố ý tranh cãi. Trưởng lão nên hòa mình với Tăng. Vì sao vậy? Vì Tăng hòa hợp vui vẻ, không tranh cãi, cùng học một giáo lý, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, để cùng sống an lạc."

Sau khi khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không chấm dứt, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng đều không đình chỉ, cho nên các Tỳ-kheo đem nhân duyên ấy bạch lên Phật: "Bạch Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên đã kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng. Từ bài tựa của giới cho đến 9 bộ Kinh, ông đều đặt ra những chữ khác, ý nghĩa khác; (**282a**) mỗi thứ đều chế ra những thứ văn từ khác, rồi tự mình tụng đọc và dạy người khác tụng đọc. Thế nhưng, các Tỳ-kheo khuyên can lần thứ nhất không chấm dứt, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng không chấm dứt."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu ông Đề-bà-đạt-đa ngu si này vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên đã kiên trì tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng sự, cho đến đối với 9 bộ Kinh làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác và mỗi thứ đều dùng những văn từ khác, mà khuyên can đến lần thứ ba vẫn không chấm dứt, thì các ông nên đến đó khuyên can ông ở chỗ vắng ba lần, rồi khuyên can ở chỗ đông người ba lần, sau đó khuyên can giữa chúng Tăng ba lần, khiến cho ông ta bỏ việc ấy."

Khi Tỳ-kheo khuyên can ở chỗ vắng, thì nên nói như thế này: "Ông Đề-bà-đạt-đa kia, có thật ông muốn phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì phá Tăng sự, đối với 9 bộ Kinh tạo ra câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác, rồi tự mình tụng đọc và đem dạy người khác chăng?"

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên nói với Đề-bà-đạt-đa: "Ông chớ có phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự. Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa! Phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất nặng, phải đọa vào đường ác, rơi trong địa ngục, phải chịu tội đến một kiếp. Đề-bà-đạt-đa, nay tôi vì lòng từ muốn ông được lợi ích, vậy phải nghe lời tôi. Một lần khuyên can đã qua, còn hai lần khuyên can nữa, vậy ông có bỏ việc ấy không?"

Nếu trường hợp không bỏ, thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Lại khuyên can ở chỗ đông người, cũng như

vậy, nếu vẫn không chấm dứt, thì phải đưa đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính (Xin trình bày).

Bấy giờ, người làm Yết-ma nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Ông Đề-bà-đạt-đa vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự. Đối với 12 bài tựa của giới cũng như 9 bộ Kinh, ông làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác rồi tự tụng đọc và dạy người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can tại chỗ vắng ba lần, tại chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, nay ở giữa Tăng nên khuyên can ba lần nữa khiến ông chấm dứt."

Bấy giờ, Tăng nên hỏi Đề-bà-đạt-đa: "Có thật ông đối với 12 bài tựa của giới, cũng như 9 bộ Kinh, làm ra những câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, văn từ khác, rồi tự tụng đọc dạy người tụng đọc chăng? Thế rồi các Tỳ-kheo đã khuyên can ba lần tại chỗ vắng, khuyên can ba lần tại chỗ nhiều người mà vẫn không chấm dứt chăng?"

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì khuyên can giữa Tăng: "Này ông Đề-bà-đạt-đa, đừng vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, rồi đối với 9 bộ Kinh, tạo ra câu khác, chữ khác, ý nghĩa khác, và văn từ khác. Ông đừng phá sự hòa hợp của Tăng, vì phá sự hòa hợp của Tăng là một tội ác lớn, là tội nặng, phải đọa vào đường ác, rơi trong địa ngục, phải chịu tội khổ đến một kiếp. (**282b**) Ngày nay chúng Tăng vì lòng từ khuyên can, muốn ông được lợi ích. Vậy hãy vâng lời chúng Tăng. Một lần khuyên can đã qua, còn hai lần nữa, vậy ông bỏ việc ấy đi ."

Thế nhưng, ông ta không bỏ, rồi tiếp tục khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Cuối cùng, các Tỳ-kheo phải đem việc ấy bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Chúng Tăng đã khuyên can

ông Đề Bà Dạt Đa tại chỗ vắng ba lần, tại chỗ đông người ba lần, giữa chúng Tăng ba lần, mà vẫn không bỏ việc ấy."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Đề-bà-đạt-đa này là kẻ ngu si, phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự và đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ đông người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy, thì Tăng nên làm pháp Yết-ma cử tội (vạch tội)."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Đề-bà-đạt-đa này không chịu nghe lời các Tỳ-kheo khuyên can mà tự chuốc lấy khổ não?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay ông không nghe lời người khác, phải tự chuốc khổ não mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?"Phật đáp: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ, tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có một người Bà-la-môn đào một cái giếng tại nơi hoang vắng để làm phước thiện; nhằm giúp những kẻ mục đồng, những người đốn củi và khách bộ hành tới đó uống nước và tắm rửa. Bấy giờ, sắp đến lúc hoàng hôn, có bầy dã can đến đó uống nước dưới giếng, chỉ có con dã can chúa không chịu uống nước dưới giếng mà đút đầu vào trong lu để uống nước. Uống xong, nó bèn mang cả cái lu giơ cao đầu lên đập vỡ chiếc lu. Nhưng miệng lu vẫn còn vướng vào cổ nó, đàn dã can bèn nói với dã can chúa: "Nếu một chiếc lá cây ướt mà còn dùng được, người ta vẫn gìn giữ nó, huống gì cái lu này rất có ích cho người đi đường."

Dã can chúa nói: "Ta làm việc này vì cảm thấy trong lòng thích thú, đâu cần gì biết đến việc khác."

Bấy giờ, những người đi đường bèn nói với Bà-la-môn: "Cái lu của ông để trên giếng đã bị vỡ rồi. Vậy ông hãy đặt lại cái lu khác ở chỗ cũ." Dã can phá như vậy chẳng phải một cái lu mà đến 14 cái, mặc dù đàn dã can vẫn thường khuyên can, nhưng dã can

chúa vẫn không nghe lời. Thế rồi, Bà-la-môn bèn suy nghĩ: "Ta đào giếng làm việc phước thiện nhưng không biết ai đã gây ra chướng ngại nhỉ? Nay ta phải đến xem."

Khi đến nơi, ông ta thấy rõ sự việc, bèn đem cái lu khác đặt lại trên giếng như trước, rồi núp tại một chỗ khuất theo dõi, thì thấy các người bộ hành uống nước liền đi, không ai phá lu cả. Đến lúc mặt trời về chiều, ông bèn thấy bầy dã can đến uống nước dưới giếng, chỉ có con dã can chúa là uống nước trong lu, rồi đập vỡ lu. Thấy thế, ông bèn nghĩ: "Chính con dã can này gây ra tai họa đối với việc đào giếng làm phước của ta."

Rồi ông làm một cái thùng bằng gỗ kiên cố khó mà phá vỡ (**282c**), hễ đút đầu vào thì dễ mà rút ra thì khó, đem đặt bên giếng, bèn cầm gậy núp ở chỗ khuất mà rình. Ông thấy những bộ hành uống nước xong rồi đi. Vào lúc xế chiều, bầy dã can lại tụ về uống nước giếng như lần trước. Chỉ có dã can chúa là uống nước trong thùng, uống xong liền đập thùng xuống đất, nhưng không phá được. Khi ấy ông Bà-la-môn bèn cầm gậy chạy tới đập chết dã can. Thấy thế, từ trên không trung một vị trời bèn đọc kệ:

"Bạn từ tâm khuyên can
Ương ngạnh không nghe lời
Kẻ ngu chuốc tai họa
Tự hại tính mạng mình
Thế nên dã can ngu
Gặp nỗi khổ thùng gỗ."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Dã can chúa thuở ấy, ngày nay chính là Đề-bà-đạt-đa; còn bầy dã can khi ấy, ngày nay là các Tỳ-kheo khuyên can Đề-bà-đạt-đa. Các Tỳ-kheo nên biết, trong thời quá khứ, ông ta đã không chịu nghe lời khuyên ân cần của các bạn bè đến nỗi tự hại tính mạng; ngày nay cũng lại không chịu nghe lời khuyên can của các Tỳ-kheo, nên sẽ rơi vào ác đạo, chịu khổ lâu dài."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo phá sự hòa hợp của Tăng, bèn kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đấu tranh với người khác. Rồi các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão, chớ phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đấu tranh với người khác. Trưởng lão hãy hòa mình với chúng Tăng. Vì sao phải thế? Vì Tăng phải hòa hợp, vui vẻ, không tranh chấp, cùng học một giáo pháp, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng để cùng sống an lạc. Trưởng lão hãy bỏ động cơ phá Tăng ấy đi.

Khi các Tỳ-kheo đã khuyên can Tỳ-kheo ấy như vậy, mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa."

*

❖ Giải thích

Tăng hòa hợp: Không biệt chúng. Các Tỳ-kheo tuy có tranh cãi, nhưng vẫn nói chuyện với nhau, lại cùng ở trong một ranh giới, trong một chúng, một trú xứ, cùng Bố-tát, tự tứ, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Thế thì, đến chừng mực nào mới gọi là phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự? Đó là:

Nếu Tỳ-kheo đối với mười hai việc trong bài tựa của giới, 4 pháp Ba-la-di, 13 pháp Tăng-già-bà-thi-sa, 2 pháp Bất định, 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, 92 pháp Ba-dạ-đề, 4 pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, pháp Chúng Học, 7 pháp Diệt Tránh, (**283a**) pháp Tùy thuận v.v.,

Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khuếch đại, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội thuộc năm chúng, Phật không chế mà lại chế ra, Phật đã chế rồi đem khuếch đại, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội thuộc bốn chúng, Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai mở, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với các tội của ba chúng, các tội của hai chúng, các tội của một chúng như 4 Ba-la-di, Phật không chế mà lại chế ra, Phật đã chế mà khai mở, đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Lại nữa, đối với sáu pháp "Tác xả" như: (1) Yết-ma chiết phục; (2) Yết-ma không nói; (3) Yết-ma phát hỉ; (4) Yết-ma Tẫn Xuất; (5) Yết-ma cử tội; (6) Yết-ma biệt trú.

Trong sáu pháp Yết-ma tác xả này, những gì Phật không chế mà chế, những gì Phật đã chế bèn khai mở. Đó gọi là phá sự hòa hợp của Tăng.

Tỳ-kheo phá sự hòa hợp của Tăng: Như trường hợp Đề-bà-đạt-đa.

Các Tỳ-kheo: Hoặc một người, hoặc hai người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng.

Ba lần khuyên can: Ba lần khuyên can ở chỗ vắng, ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người và ba lần khuyên can ở giữa chúng Tăng.

Ba lần khuyên can ở chỗ vắng: Chẳng hạn hỏi: "Trưởng lão! Ông có thật phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến đối với mười hai đoạn trong bài tựa giới Kinh Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai mở chăng?" Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì vị Tỳ-kheo ấy bèn khuyên can: "Trưởng lão, ông chớ có phá sự hòa hợp của Tăng, kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đối với mười hai đoạn trong bài tựa giới kinh Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khai mở; phá Tăng

là một tội lớn, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay tôi có lòng từ khuyên can ông vì muốn được lợi ích. Ông hãy nghe lời tôi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần nữa, ông có bỏ việc đó chăng?" Nếu không bỏ thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như thế. Rồi lại khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ thì đem đến giữa chúng Tăng làm phép Yết-ma cầu Thính như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp này vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay ở giữa Tăng hãy khuyên can ba lần để cho ông chấm dứt."

Thế rồi, Tăng lại hỏi: "Trưởng lão, ông có thật vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự cho đến những gì Phật không chế, ông liền chế, những gì Phật đã chế, bèn khai mở chăng?"

Nếu đáp: "Đúng như thế", thì nên khuyên can: "Trưởng lão, nay chúng Tăng khuyên ông, đừng vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến những gì Phật không chế, bèn chế; những gì Phật đã chế, bèn khai mở; phá Tăng là việc đại ác, tội lỗi rất nặng, phải chịu khổ đau lâu dài trong đường ác. Ngày nay chúng Tăng có lòng từ quở trách ông, ông hãy đình chỉ ngay việc đó." (**283b**) Nếu không bỏ thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Khi khuyên can như vậy, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Khi vị Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng một lần mà không bỏ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người, một lần mà không chấm dứt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Nhưng khi đến giữa Tăng khuyên can lần thứ nhất, nói chưa xong, thì phạm

tội Việt-tỳ-ni; nói xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khuyên can lần thứ hai, nói chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khuyên can lần thứ ba, nói chưa xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá; nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa phát khởi từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, khuyên can ở chỗ nhiều người và khuyên can giữa chúng Tăng. Tất cả các tội Việt-tỳ-ni, các tội Thâu-lan-giá gộp lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ, thì tùy theo chỗ đình chỉ để trị tội. Thế nên nói:

> ***"Nếu Tỳ-kheo vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng mà kiên trì tìm đủ mọi cách để phá Tăng sự, cho đến ba lần khuyên can (ở giữa chúng Tăng) mà không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa."***

(Hết giới thứ 10 của giới Tăng tàn)

*

11. ĐỒNG LOÃ VỚI NGƯỜI PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo tác pháp Yết-ma cử tội Đề-bà-đạt-đa. Lần Yết-ma đầu tiên xong, không có ai ngăn cản, đến lần Yết-ma thứ hai chấm dứt, cũng không có ai ngăn cản. Nhưng đến lần Yết-ma thứ ba, thì Đề-bà-đạt-đa nhìn vào mặt nhóm sáu Tỳ-kheo, nói như sau: "Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Các ông từ lâu phụng sự ta, cùng cộng tác với ta, nay chúng Tăng làm Yết-ma vạch tội ta đến lần thứ hai mà sao các ông vẫn im lặng? Ngày nay, các ông đem ta bỏ vào giữa đám đông giống như dùng sữa chua phết lên bún, rồi đem cho quạ, hoặc như dùng váng sữa bôi lên bánh, rồi đem cho Na-câu-la, hoặc như dùng dầu trộn với cơm, rồi đem cho dã can. Người tu phạm hạnh trông thấy kẻ khác bị khốn đốn mà lại ngồi xem

sao?" Lập tức nhóm sáu Tỳ-kheo liền đứng dậy nói với (người làm Yết-ma): "Như vậy, như vậy đó trưởng lão. Vị Tỳ-kheo ấy nói đúng như pháp, nói đúng như luật. Điều gì Tỳ-kheo ấy nói thì chúng tôi đều chấp nhận cả, những ý kiến của Tỳ-kheo ấy chúng tôi cũng đều công nhận. Vị Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói." Vì lúc ấy có nhiều người ngăn cản, nên Yết-ma không thành. Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn nói với nhóm Tỳ-kheo sáu người: "Các trưởng lão chớ trợ giúp Đề-bà-đạt-đa phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý, mà nên cộng tác với Tăng. Vì tất cả Tăng cần phải hòa hợp, hoan hỉ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, (**283c**) điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, để được sống an lạc." Khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không từ bỏ; họ bèn khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, vẫn ngoan cố không từ bỏ. Thế nên, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si muốn phá hoại sự hòa hợp của Tăng, nên a dua, đồng ý với nhau, Tăng đã một lần, hai lần, ba lần khuyên can vẫn không từ bỏ. Vậy các ông hãy đi tới chỗ vắng khuyên can ba lần, rồi tới giữa chỗ đông người khuyên can ba lần; sau cùng đến giữa Tăng chúng khuyên can ba lần, khiến cho bỏ việc ấy." Tỳ-kheo lãnh giáo liền đi tới chỗ vắng hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật chăng các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý kết làm bè đảng, rồi các Tỳ-kheo đã ba lần khuyên can vẫn ngoan cố không từ bỏ?"..

Họ đáp: "Đúng như vậy."

Các Tỳ-kheo liền khuyên can: "Này nhóm sáu Tỳ-kheo, chớ cấu kết với Đề-bà-đạt-đa để phá sự hòa hợp của chúng Tăng, rồi cùng a dua, cùng đồng ý. Các ông phải hợp tác với chúng Tăng. Vì tất cả chúng Tăng cần phải hòa hợp, hoan hỉ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, điều gì như pháp thì nói là như pháp một cách rõ ràng, có vậy mới sống an lạc được. Các trưởng lão, phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất lớn, sẽ đọa

vào ác đạo, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay tôi vì từ tâm khuyên các ông, muốn cho các ông được lợi ích. Vậy phải nghe lời tôi. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa, các ông phải bỏ việc ấy đi." Nếu họ không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Rồi lại khuyên can ở giữa đông người ba lần, cũng như vậy. Nếu vẫn không từ bỏ, thì phải đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nhóm sáu Tỳ-kheo này cùng với Đề-bà-đạt-đa *phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý với nhau, đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ đông người, vẫn ngoan cố không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, thì nên khuyên can ba lần ở giữa Tăng, khiến cho bỏ việc ấy."*

Thế rồi, thầy Yết-ma hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật chăng các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa phá sự hòa hợp của Tăng, cùng a dua, cùng đồng ý và đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, được khuyên can ba lần ở chỗ đông người mà vẫn ngoan cố không bỏ?"

Họ đáp: "Đúng như vậy." Các Tỳ-kheo liền khuyên can: "Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Các ông chớ cấu kết với Đề-bà-đạt-đa để phá sự hòa hợp của Tăng, rồi cùng a dua, cùng đồng ý. Vì phá sự hòa hợp của Tăng là tội ác rất lớn, sẽ đọa vào ác đạo, rơi xuống địa ngục, chịu đau khổ lâu dài. Nay Tăng có lòng từ khuyên can các ông là vì muốn cho các ông được lợi ích. Vậy hãy vâng lời chúng Tăng. Một lần khuyên can đã xong còn hai lần nữa, các ông hãy bỏ việc ấy." Nếu như không chấm dứt, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng họ vẫn ngoan cố không bỏ.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến, họ bèn đi gọi đến.

Bấy giờ, Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: (**284a**) "Có thật các ông cùng với Đề-bà-đạt-đa ngu si cùng a dua, cùng đồng ý phá sự hòa hợp của Tăng, rồi các Tỳ-kheo đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần,

khuyên can ở chỗ đông người ba lần, khuyên can giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ phải không?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!"

Phật bèn khiển trách: "Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác, các ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để chê trách tính ương ngạnh, khó khuyên bảo và dùng nhiều nhân duyên để khen ngợi tính nhu nhuyến dễ khuyên bảo hay sao? Các ông vì sao lại ương ngạnh khó khuyên bảo? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao nhóm sáu Tỳ-kheo cùng cấu kết với Đề-bà-đạt-đa cùng a dua, cùng đồng ý, để phải chịu đau khổ một cách oan uổng?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này không những ngày nay cùng a dua, cùng đồng ý để phải chịu đau khổ oan uổng mà trong đời quá khứ cũng đã từng như vậy."

Các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật: "Đã từng có như vậy sao? Xin Thế Tôn hãy nói về việc ấy."

Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Trong thời quá khứ tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có năm trăm con khỉ đột sinh sống trong rừng tại một nơi hoang vắng, rồi chúng du hành đến một cây Ni-câu-luật. Dưới cây này có một cái giếng. Trong giếng có bóng trăng hiện ra. Con khỉ đột chúa khi thấy bóng trăng ấy, liền nói với đồng bọn: "Mặt trăng hôm nay đã chết và rơi vào trong giếng, chúng ta phải cùng nhau vớt lên, chớ để thế gian sống mãi trong tăm tối."

Thế rồi chúng cùng nhau bàn bạc: "Vớt lên bằng cách nào đây?"

Đoạn, khỉ đột chúa nói: "Ta biết cách đem lên. Ta nắm cành cây, các ngươi nắm đuôi ta, nối kết vào nhau, thì có thể vớt lên được."

Thế rồi, các khỉ đột liền làm theo lời khỉ chúa, lần lượt nắm vào nhau, nhưng chưa tới nước mà vì một chùm khỉ quá nặng còn

cành cây thì yếu ớt nên bị gãy tiện. Thế là, cả chùm khỉ đột đều rơi tõm vào trong giếng nước. Bấy giờ, thần cây liền đọc kệ:

"Một bầy thú lẩn thẩn
Ngu si nắm đuôi nhau
Tự mình gây khổ não
Làm sao cứu thế gian?"

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Con khỉ đột chúa thuở ấy, nay là Đề-bà-đạt-đa, còn bầy khỉ đột lúc bấy giờ, nay là nhóm sáu Tỳ-kheo này. Ngày xưa đã từng tùy thuận nhau mà chuốc lấy khổ não, rồi ngày nay cũng lại như thế."

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đồng ý tương trợ nhau, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến, muốn phá sự hòa hợp của Tăng (284b); khi các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy, thì Tỳ-kheo đồng bọn nói: "Các trưởng lão chớ nói về việc tốt xấu của Tỳ-kheo ấy, tại vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Những lời nói của Tỳ-kheo ấy chúng tôi đều chấp nhận, những ý kiến và việc làm của Tỳ-kheo ấy chúng tôi đều chấp nhận. Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói.

Các Tỳ-kheo phải khuyên can Tỳ-kheo đồng tình này như sau: "Các trưởng lão chớ nên nói rằng: Tỳ-kheo ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Tại vì sao? Vì đó là Tỳ-kheo nói phi pháp, nói phi luật. Các trưởng lão chớ nên trợ giúp việc phá Tăng, mà nên vui vẻ tán trợ sự hòa hợp của Tăng. Tại vì sao? Vì Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới, như nước hòa với sữa, điều gì đúng pháp thì nói là đúng pháp một cách rõ ràng thì mới sống an lạc. Các trưởng lão nên bỏ việc phá Tăng ấy đi."

Nếu Tỳ-kheo đồng bọn khi được các Tỳ-kheo khuyên can mà vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba để ông ta bỏ việc ấy. Nếu khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba mà bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa."

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Ở đây chỉ cho Đề-bà-đạt-đa.

Tỳ-kheo cùng nói, cùng ý kiến: Chỉ cho nhóm sáu Tỳ-kheo.

Hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến: Hoặc có khi cùng nói mà không cùng ý kiến, hoặc có khi cùng một ý kiến mà không cùng nói; hoặc có khi cùng nói cũng cùng ý kiến; hoặc có khi không cùng nói cũng không cùng một ý kiến.

Cùng nói mà không cùng ý kiến: Dùng lời nói để trợ giúp nhau, nhưng không đồng ý kiến với người ấy; đó gọi là cùng nói mà không cùng một ý kiến.

Cùng ý kiến mà không cùng nói: Cùng chung ý kiến với người ấy mà không nói giúp vào. Đó gọi là cùng một ý kiến mà không cùng nói.

Cùng nói và cùng ý kiến: Hỗ trợ lời nói của người ấy, đồng thời cùng ý kiến với họ. Đó gọi là cùng nói cùng ý kiến.

Chẳng cùng nói cũng chẳng cùng ý kiến: Không tán trợ lời nói của người ấy, cũng không cùng ý kiến. Đó gọi là chẳng cùng nói cũng chẳng cùng ý kiến.

Trong những trường hợp trên: Cùng nói chẳng cùng ý kiến và cùng nói cùng ý kiến, thì đáng khiển trách.

Cùng nói và cùng chung ý kiến: Đối với mười hai pháp (mười hai đoạn của bài tựa giới kinh), Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế mà khai ra, đó gọi là cùng nói và cùng ý kiến. Lại nữa, đối với năm chúng tội, Phật không chế mà chế, Phật đã chế bèn khai ra; đối với bốn chúng, ba chúng, hai chúng và một chúng tội cũng thế, nghĩa là Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế liền khai mở. Lại nữa, đối với sáu pháp "Tác xả", Phật không chế mà chế ra, Phật đã chế bèn khai mở. Đó gọi là cùng nói cùng ý kiến. Trong trường hợp này, các Tỳ-kheo nên khuyên can thầy Tỳ-kheo ấy rằng: "Trưởng lão đừng tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, rồi tìm đủ mọi cách để cùng nói và cùng đồng ý."

Trong khi các Tỳ-kheo khuyên can (**284c**) mà các Tỳ-kheo ấy vẫn kiên trì cố chấp vào việc đó: Đó là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo: Hoặc là Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người vậy.

Khuyên can ba lần: Khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở giữa nhiều người ba lần và khuyên can giữa chúng Tăng ba lần.

Khuyên can ở chỗ vắng: Chẳng hạn nói: "Các trưởng lão có thật tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, tạo phương tiện, cùng nói cùng chung ý kiến với người đó chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy!"

Lại nói: "Trưởng lão! Ông chớ có tham dự vào việc phá sự hòa hợp của Tăng, rồi tạo phương tiện cùng nói, cùng chung ý kiến với người đó. Vì phá Tăng là việc ác rất lớn, sẽ rơi vào đường ác, chịu đau khổ lâu dài. Tôi nay vì từ tâm khuyên can ông. Vậy ông nên bỏ việc đó đi. Lần khuyên can thứ nhất đã hết, còn hai lần khuyên can nữa." Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. Khi khuyên can ở giữa nhiều người cũng như vậy. Rồi đến giữa Tăng ba lần Yết-ma khuyên can mà vẫn không đình chỉ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng một lần mà không chấm dứt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nhưng nếu ở giữa Tăng làm Yết-ma khuyên lần đầu chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu nói xong (lần đầu) thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần Yết-ma thứ hai chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói xong, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần Yết-ma thứ ba chưa xong mà không chấm dứt, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói xong, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa phát khởi từ khi khuyên can ba lần ở chỗ vắng (phạm tội Việt-tỳ-ni) ba lần ở giữa nhiều người (cũng phạm tội Việt-tỳ-ni) và ở giữa chúng Tăng phạm tội Thâu-lan-giá. Tất cả các tội ấy gộp lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ, thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào mà theo đó trị tội. Do đó đức Thế Tôn nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo đồng tình hỗ trợ nhau, hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến, rồi được Tăng khuyên can ba lần vẫn không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

(Hết giới 11 của giới Tăng tàn)

*

12. NGOAN CỐ

Khi Phật an trú tại nước Câu-xá-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, trưởng lão Xiển-đà ác tánh, khó nói chuyện với thầy. Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo, thì thầy nói một cách bướng bỉnh: "Các trưởng lão chớ nói tôi hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói các trưởng lão hoặc tốt hoặc xấu. Vì sao thế? Vì các ông đều là dòng họ tạp nhạp, còn tôi là con nhà quan; ví như chim, quạ

ngậm những loại xương khác nhau cùng đậu tại một chỗ, thì làm sao khuyên bảo tôi về các việc Phật Pháp Tăng. Từ khi tôi chấp nhận theo Bồ tát xuất gia, tôi thường theo hầu ngài cho đến ngày nay, chỉ có Phật dạy tôi thì tôi mới vâng lời." Khi ấy các Tỳ-kheo bèn nói với Xiển-đà: "Trưởng lão! Các Tỳ-kheo đã khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, (**285a**) thầy đừng có làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thầy nên làm người có thể nói chuyện được. Trưởng lão! Thầy nên khuyên bảo các Tỳ-kheo đúng theo tinh thần của giới luật và các Tỳ-kheo cũng theo đúng tinh thần của giới luật mà khuyên bảo thầy. Vì sao vậy? Vì cùng nói chuyện, cùng bàn bạc, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng phát lồ, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh. Trưởng lão hãy từ bỏ cái tật làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được đó đi."

Khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng vẫn không bỏ, nên các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Xiển-đà tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ." Phật nói với các Tỉ- kheo: "Ông Xiển-đà này tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ. Vậy các ông phải đi đến chỗ vắng khuyên can ba lần. Nếu không bỏ, thì đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần. Nhưng nếu vẫn không đình chỉ thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, nên nói thế này:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Xiển-đà này có tính xấu, khó cùng nói chuyện. Các Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật mà thầy lại tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được.

Thế rồi đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp

đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần, khiến cho chấm dứt việc ấy.

Rồi khuyên can ở giữa Tăng: "Trưởng lão Xiển-đà! Có thật thầy có tính xấu khó cùng nói chuyện, rồi các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo mà thầy vẫn tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thậm chí đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt phải không?" Nếu đáp: "Quả thật như vậy!", thì Tăng nên khuyên can: "Trưởng lão! Thầy không nên có tính xấu khó cùng nói chuyện, nay các Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, thầy đừng có tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được", cho đến: "Vì cùng nói chuyện, cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng xuất tội, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh." Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là vì muốn được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa thầy nên đình chỉ việc ấy." Nếu như không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng thầy vẫn ngoan cố không chấm dứt. Do đó, các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo: "Gọi Xiển-đà đến đây."

Họ liền đi gọi đến. Rồi Phật hỏi Xiển-đà: "Có thật ông có tính xấu khó cùng nói chuyện, thậm chí được khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không chấm dứt chăng?"Đáp: "Có thật như vậy." Phật bèn khiển trách: "Xiển-đà, đó là việc xấu. Há ông không thường nghe ta dùng nhiều nhân duyên để chê trách tính bướng bỉnh và khen ngợi tính không bướng bỉnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng (**285b**) việc đó để nuôi lớn thiện pháp."

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo Xiển-đà này lại tự phụ nói rằng: "Chỉ có Phật dạy, tôi mới nghe lời?" Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà này

không những ngày nay không chịu nghe lời người khác, chỉ tin lời ta, mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy."

Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao? Chúng con muốn được nghe, mong Thế Tôn hãy nói."

Phật nói: "Đúng như vậy! Trong thời quá khứ có một trưởng giả ở thành Ba-la-nại, nước Già thi, ông ta có một đứa nô bộc tên A Ma Do tính tình hung ác. Bấy giờ, trưởng giả cùng với những cậu con trai của các Bà-la-môn du hí tại viên lâm, thì bọn người theo hầu đều ở cả bên ngoài cổng vườn. Khi ấy, A Ma Do đang ở ngoài cổng vườn liền đánh bọn người theo hầu. Lúc ấy, mọi người theo hầu đều báo lại với chủ mình. Thế rồi, những người con của các Bà-la-môn đều ra khiển trách y. Nhưng A Ma Do không nghe lời họ, mà trả lời với những người con của các Bà-la-môn rằng: "Ta không nghe lời các người. Khi nào chủ ta đến rầy la ta, thì ta mới chịu nghe lời." Rồi y tiếp tục đánh không ngừng. Họ liền đến báo với chủ của A Ma Do. Chủ của A Ma Do bình sinh có thiên nhãn, ông quan sát thấy dưới chỗ đánh nhau có kho tàng vàng bạc, vì hung khí của chất vàng bạc nên khiến chúng đánh nhau. Do vậy, ông bèn đến đó, la rầy tên nô bộc. Vì vậy, y mới dừng lại."

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông trưởng giả thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Ta đây, còn A Ma Do lúc đó, thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà." Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Xiển-đà này ỷ thế Thế Tôn lăng mạ người khác?"

Phật nói: "Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Xiển-đà không những ngày nay ỷ thế Ta khinh thường người khác mà trong thời quá khứ cũng đã từng ỷ thế Ta khinh thường người khác rồi."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?"

Phật nói: "Đúng như vậy. Trong thời quá khứ tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có một Bà-la-môn học rộng tên là Phất Lô Ê làm quân sư cho nhà vua. Ông thường dạy năm trăm đồng tử học tập. Khi ấy, kẻ gia nô của ông vừa sinh được một bé trai tên là Ca

La Ha. Chủ nhà sai y phục dịch cho các đồng tử. Theo phép tắc của Bà-la-môn thì những chủng tộc khác không được phép nghe (những giáo lý của họ), nhưng vì tên nô bộc này gần gũi cung phụng các đồng tử, nên được ở gần họ. Do đó, khi Bà-la-môn dạy các đồng tử, thì tên nô bộc sáng dạ này ghi nhớ hết những điều ông giảng dạy. Thế rồi, một hôm, y có chút xích mích với các đồng tử, bèn bỏ sang nước khác, mạo xưng mình là con trai của Bà-la-môn Phất Lô Ê, (**285c**) tên Da Nhã Đạt Đa, và nói với Bà-la-môn quân sư của quốc vương đó rằng: "Tôi là con trai của Phất Lô Ê, quân sư của quốc vương Ba-la-nại, vừa mới đến đây, muốn theo đại sư học giáo pháp của Bà-la-môn."

Thầy trả lời rằng: "Có thể được!." Tên nô bộc này bản tính thông minh, trước đã từng nghe, nay được nghe lại nên nghe đâu nhớ đó. Thế nên ông thầy rất vui, bèn nói với y: "Ta có việc phải đi đến nhà vua, vậy ngươi hãy thay mặt ta dạy dỗ năm trăm đồng tử môn đồ."

Vì ông thầy Bà-la-môn này không có con trai mà chỉ có một cô con gái, nên suy nghĩ: "Nay ta có thể gả con gái cho Da Nhã Đạt Đa, vì nó ở trong nhà ta cũng như con trai ta."

Nghĩ thế, liền nói: "Da Nhã Đạt Đa hãy nghe ta nói đây!."

Đáp: "Xin vâng lời!."

Thầy liền nói: "Ngươi chớ trở về Ba-la-nại mà hãy ở lại nước này. Nay ta sẽ gả con gái ta cho ngươi." Đáp: "Xin vâng lời."

Ông bèn gả con. Cô gái này cùng sống với chồng tại nhà mình, khiến gia đình dần dần trở nên giàu có. Nhưng Da Nhã Đạt Đa vốn là con người khó tính, cô vợ làm thức ăn chua ngọt, mặn nhạt, sống chín không thể nào vừa miệng y, cho nên y thường ôm lòng tức giận. Thấy thế, cô vợ thường suy nghĩ: "Phải chi có người nào từ Ba-la-nại đến, ta sẽ theo họ học phương pháp nấu ăn, rồi ta áp dụng nấu nướng cung phụng chồng ta."

Ông Bà-la-môn Phất Lô Ê nghe được sự tình ấy, liền suy nghĩ: "Tên nô bộc Ca La Ha của ta đã trốn sang nước khác, ta phải đến đó bắt về, may ra được lại nó." Thế rồi, ông đi đến nước ấy. Lúc bấy giờ, Da Nhã Đạt Đa cùng các học trò đang đi đến công viên dạo chơi, giữa đường y bỗng thấy chủ cũ từ xa, nên hoảng sợ, nói nhỏ với môn đồ: "Này các đồng tử! Các ngươi hãy trở về, ai nấy lo việc học bài."

Khi các học trò đi rồi, y bèn đến trước mặt chủ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch với chủ rằng: "Con đến nước này nói với họ rằng đại gia là phụ thân con, rồi tôn vị quốc sư là Bà-la-môn học rộng làm thầy để học các Kinh điển cao cấp. Thầy Bà-la-môn ấy bèn đem con gái gả cho con làm vợ. Hiện giờ mong đại gia chớ nói rõ sự thật của con. Con sẽ phụng sự đại gia như đầy tớ đối với chủ."

Ông Bà-la-môn này vốn là người hiểu rõ sự đời, liền đáp: "Ngươi thật là con ta, hà tất phải nhiều lời. Nhưng phải tạo điều kiện để ta trở về sớm." Tên đầy tớ bèn đưa ông về nhà giới thiệu với mọi người trong nhà: "Phụ thân tôi vừa mới đến."

Người vợ rất vui mừng, bèn sửa soạn các thức ăn uống dâng lên thếch đãi. Sau khi ăn xong, lựa lúc nhàn rỗi, cô bèn lén đảnh lễ dưới chân Bà-la-môn, hỏi rằng: "Con phụng sự chồng con là Da Nhã Đạt Đa, thường dâng các thức ăn uống, nhưng chàng không vừa ý, (**286a**) xin đại gia chỉ dạy. Lúc còn ở nhà chồng con thường ăn những thứ gì, để con làm các thức ẩm thực giống như khi trước."

Khách Bà-la-môn bèn nổi giận, nhưng kiềm chế, suy nghĩ: "Cái thằng chết bầm, làm khốn khổ con gái người ta như thế đó!", bèn nói với cô ấy: "Con hãy sắp đặt cho ta trở về sớm, đến lúc sắp đi, ta sẽ dạy con một bài kệ. Khi con đọc kệ ấy, sẽ khiến chồng con không thể nói nữa."

Đoạn, cô ta bèn nói với chồng: "Ông cụ Bà-la-môn từ xa đến, vậy hãy sớm tiễn ông ta trở về."

Anh chồng liền suy nghĩ: "Đúng như vợ ta nói, phải sớm tiễn ông ta trở về, không khéo ở lâu ngày lỡ nói năng sơ xuất, sẽ tổn hại đến ta không ít."

Rồi anh ta xuất ra nhiều tiền đưa cho vợ bảo sắm thức ăn và đích thân cung phụng để mua chuộc tình cảm của chủ. Sau khi dâng thức ăn xong, cô vợ bèn đảnh lễ từ biệt ông già và xin bài kệ ông đã hứa trước kia. Ông liền đọc bài kệ để dạy cho cô:

"Cô độc tới tha phương
Lừa dối người thiên hạ
Trước ăn thức ăn thô
Đâu có chê ngon dở?"

Rồi bảo: "Nay ta dạy con bài kệ này, nếu khi nào nó giận dữ chê thức ăn dở, thì con hãy đứng gần nó, quay lưng lại, đọc nhỏ cho nó nghe."

Dạy như thế rồi, ông bèn trở về lại bản quốc. Khi Da Nhã Đạt Đa tiễn chủ đi rồi, mỗi lần đến bữa ăn, y lại nổi giận. Cô vợ bèn đứng bên cạnh chồng đọc lên bài kệ ấy. Khi y nghe kệ rồi, lòng thấy không vui, liền suy nghĩ: "Ôi! Ông già quái ác này, phanh phui chuyện xấu của ta."

Thế nên, từ đó trở đi, y thường nói năng nhã nhặn, vì sợ cô vợ nói với người khác về sự ám muội của mình.

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Bà-la-môn Phất Lô Ê của nước Ba-la-nại thuở ấy nào phải là ai khác mà chính là Ta đây, còn tên nô bộc Ca La Ha lúc ấy thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà vậy. Thuở ấy, Y đã từng ỷ thế Ta mà lăng mạ người khác, thì nay y lại ỷ thế Ta mà khinh miệt tha nhân."

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-xá-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới:

"Nếu Tỳ-kheo nói những lời hung ác, rồi được các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên can, bèn nói một cách bướng bỉnh: "Các ông chớ nói với tôi hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với các ông hoặc tốt hoặc xấu", thì các Tỳ-kheo phải khuyên can Tỳ-kheo này rằng: "Trưởng lão! Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo, thầy chớ có bướng bỉnh mà nên vâng lời. Thầy cũng như pháp như luật mà khuyên bảo các Tỳ-kheo. Vì sao vậy? Vì các đệ tử của đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, ai có tội thì cùng (286b) phát lồ, thì thiện pháp mới tăng trưởng."

Khi các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy nên bỏ việc đó, nhưng nếu không bỏ thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa."

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo dùng những lời nói bướng bỉnh: Chỉ cho Tỳ-kheo Xiển-đà.

Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo: Đó là: Bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất Định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, pháp Chúng học, bảy pháp Diệt Tránh, pháp Tùy Thuận; dùng các pháp luật này mà khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng năm Chúng Tội, bốn chúng tội, ba Chúng Tội, hai Chúng Tội, một Chúng Tội và sáu pháp Tác Xả để khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng các tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề cho đến tội Việt-tỳ-ni, có thật chứ không phải không có thật, đúng lúc chứ không phải không đúng lúc, có lợi ích chứ không phải không có lợi ích, nói nhã nhặn chứ không phải nói thô lỗ, vì từ tâm chứ không phải cố ý vạch lỗi; đó gọi là như pháp, như luật khuyên bảo lẫn nhau.

Thầy Tỳ-kheo ấy: Tức là Xiển-đà.

Các Tỳ-kheo: Đó là một người, nhiều người và chúng Tăng.

Ba lần khuyên can: Khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, và khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Chỗ vắng: Người khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi như sau: "Trưởng lão! Thầy có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can, thì thầy tỏ ra ương ngạnh chăng?" Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì liền khuyên can: "Trưởng lão! Thầy chớ có dùng những lời nói ngang bướng. Khi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can thì thầy nên nghe lời, thầy chớ có tỏ ra ương ngạnh..., cho đến "khuyên bảo lẫn nhau thì thiện pháp được tăng trưởng. Tôi nay vì lòng từ khuyên bảo thầy nên bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa." Nếu không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như thế. Rồi lại khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như thế. Nhưng nếu vẫn không chấm dứt, thì phải đem đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, tác bạch như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp này dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo vẫn không nghe lời. Ông đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần khiến cho thầy chấm dứt việc ấy."

Bấy giờ, Tăng liền hỏi: "Trưởng lão có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo mà không nghe lời, lại được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn ngoan cố không nghe lời phải không?" (**286c**) Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên can: "Trưởng lão chớ có tỏ ra ương ngạnh. Các Tỳ-kheo đã như pháp, như luật khuyên can, cho đến "khuyên bảo lẫn nhau thì thiện pháp được tăng trưởng." Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là muốn

được lợi ích, vậy thầy nên nghe lời chúng Tăng mà bỏ việc ấy đi. Tăng khuyên can một lần đã xong, còn hai lần khuyên can nữa." Nếu không chấm dứt thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ấy đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không chấm dứt thì mỗi lần khuyên can phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở giữa Tăng lần đầu chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi Yết-ma lần đầu xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi Yết-ma lần thứ hai chưa xong cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, và khi xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng khi Yết-ma lần thứ ba chưa xong thì phạm tội Thâu-lan-giá và khi nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đi từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, cho đến khuyên can ở giữa chúng Tăng có các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá, gộp tất cả các tội ấy thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trường hợp đình chỉ nửa chừng, thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở chỗ đó. Thế nên đức Thế Tôn nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo tự mình nói những lời ngang bướng, cho đến khuyên can ba lần mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

(Hết giới thứ 12 của giới Tăng tàn)

*

13. LÀM MẤT LÒNG TIN CỦA TÍN ĐỒ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại thôn Ca-thi Hắc Sơn làm các việc trái oai nghi: thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi.

Thân trái oai nghi: Hoặc chạy đi, chạy lại, hoặc nhảy nhót, đi lẩn quẩn, đi xà lui, đi khúm núm, hoặc gõ bồn cười đùa, hoặc cõng nhau, dùng cái thân làm các trò đùa như thế gọi là thân trái oai nghi.

Miệng trái oai nghi: Giả tiếng voi kêu, lạc đà kêu, trâu rống, dê kêu, tiếng ngắn, tiếng dài, hoặc vểnh tai lên nghe; tạo ra các âm thanh như thế để đùa cợt.

Thân, miệng trái oai nghi: Vẽ loang lổ trên mình, nửa bên trắng, bôi mặt đen, nhuộm tóc trắng, nhịp trống đánh đàn, gõ nhịp nhảy múa v.v.

Bấy giờ, các Ưu-bà-tắc đi đến các Tỳ-kheo muốn lễ bái, nghe pháp, trông thấy việc như thế nên lòng không vui, liền nói: "Thưa thầy! Pháp của Sa-môn là làm các việc thiện, khiến cho những người không tin sinh niềm tin, những người đã tin càng thêm tin tưởng, mà nay các thầy làm đều phi pháp, chỉ làm cho người không tin càng thêm bất tín, người đã tin thêm tổn hại."

Nhóm sáu Tỳ-kheo liền nổi giận nói: "Ngươi là thầy Ta, là Hòa thượng của ta chắc! (**287a**) Đó là điều nghịch lý. Lẽ ra ta phải dạy bảo ngươi, trái lại ngươi lại dạy bảo ta!." Sự giận dữ ấy càng tăng mạnh, làm cho thân tổn hại, thân miệng tổn hại.

Thân tổn hại: Họ đi vào nhà Ưu-bà-tắc lôi mấy đứa bé ra vả tát, đánh đấm, đập vỡ đồ dùng, bẽ gãy chân bò nghé, đâm thủng mắt dê, rồi vào trong cửa hàng của họ tại chợ đổ lộn xà ngầu các thứ: Thóc gạo, tiểu mạch, đại mạch, muối, bún, sữa, dầu, sữa chua không còn phân biệt được nữa. Rồi họ ra ngoài đồng ruộng, những đám lúa non cần nước thì họ xả nước cho khô, những đám không cần nước thì họ xả nước vào cho ngập, cắt phá lúa non, đốt cháy lúa chín. Đó gọi là thân tổn hại.

Miệng tổn hại: Đi đến nhà vua dèm pha người tốt, vu cáo kẻ lương thiện. Đó gọi là miệng tổn hại.

Thân miệng tổn hại: Núp vào chỗ khuất để hù nhát người khác, lôi kéo kẻ vô tội. Đó gọi là thân miệng tổn hại.

Do thế, các Ưu-bà-tắc nổi giận nói: "Sa-môn con dòng họ Thích mà làm các việc phi pháp, từ nay trở đi chúng ta đừng cúng dường cho họ nữa."

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy cầm bát đi khất thực, gia đình kia trông thấy thầy, vẫn cho thức ăn như trước nên không đến nỗi vất vả lắm. Thấy thế, các Ưu-bà-tắc bèn giao ước với nhau: "Sa-môn con dòng họ Thích đã làm việc bạo ác như thế, từ nay chúng ta đừng cho họ vào cửa nữa." Thế rồi, Tỳ-kheo ấy bèn đến những nhà không có tín tâm khất thực. Ban đầu họ vẫn cho thức ăn, nhưng sau đó họ nghe các Ưu-bà-tắc cắt đứt không cho thức ăn nữa, họ nghĩ: "Nhất định đó là kẻ ác, vì sao ta lại cho thức ăn?" Do đó họ không cho vào cửa nữa.

Vì vậy các Tỳ-kheo ấy bèn làm các việc thân tà mạng, khẩu tà mạng, thân khẩu tà mạng.

Thân tà mạng: Làm bình đựng nước, làm đồ dùng bằng gỗ để bán, làm bình đựng sữa, làm túi da, dệt sợi, đan lưới, may áo, học làm bánh rồi đem bán, học bán thuốc, làm liên lạc cho người, làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là thân tà mạng.

Khẩu tà mạng: Tụng đọc các chú thuật, như chú rắn, chú rồng, chú quỉ, chú bệnh, chú nước, chú lửa v.v.., làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là khẩu tà mạng.

Thân khẩu tà mạng: Tay tự nhiên bốc lửa, miệng niệm chú thuật, tay rưới sữa dầu, rải tung những hạt cải, làm các việc như vậy để mưu sinh, đó gọi là thân khẩu tà mạng.

Bấy giờ, các Ưu-bà-tắc ở thôn Hắc Sơn đi đến thành Xá-vệ để giải quyết các việc quan. Sau khi xong việc, họ bèn đi đến Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con là những Ưu-bà-tắc tại thôn Hắc Sơn.

Nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại thôn này làm những việc phi pháp (nói rõ như trên), kính xin Thế Tôn hãy kiềm chế họ, khiến họ không ở thôn này nữa thì tốt."

(**287b**) Bấy giờ Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp dạy dỗ các Ưu-bà-tắc, khiến họ được lợi ích, hoan hỉ, rồi họ đảnh lễ mà đi. Thế rồi, đức Thế Tôn bảo A-nan: "Ông hãy đến thôn Hắc Sơn làm pháp Yết-ma khu xuất nhóm sáu Tỳ-kheo."

A-nan liền bạch với Phật: "Con không dám đi."

Phật hỏi: "Vì cớ gì?"

A-nan đáp: ' Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo tính tình thô tháo, hung bạo, nếu con đến đó thì cũng giống như các nông phu trồng mía đang chở mía từ ruộng về nhà, bỗng gặp lũ trẻ từ trong xóm đi ra, rồi chúng chạy ùa lại giựt lấy mía mà tìm một chỗ khuất để ăn. Nhóm sáu Tỳ-kheo này cũng như vậy. Nếu nghe con đến, ắt họ sẽ đón đường con làm những việc phi pháp; hoặc làm pháp Yết-ma khu xuất con. Thế nên con khó mà đi được."

Phật liền bảo A-nan: "Vậy thì ông hãy đi cùng với ba mươi người nữa, thì có thể chiết phục được họ."

Khi ấy, A-nan cùng với ba mươi người thứ tự trước sau đi đến thôn Hắc Sơn. Lại có ba mươi Tỳ-kheo khác nghe tôn giả A-nan tới thôn Hắc Sơn, bèn bảo nhau: "Tôi chưa từng nghe pháp Yết-ma khu xuất, vậy chúng ta nên theo A-nan đến thôn ấy để nghe pháp Yết-ma khu xuất." Thế rồi, họ kết hợp với ba mươi người trước thành ra sáu mươi Tỳ-kheo, một đoàn vui vẻ cùng đi.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe tôn giả A-nan với sáu mươi người nữa cùng kết làm bè bạn đi đến làm pháp Yết-ma khu xuất họ, nên họ đâm ra sợ hãi. Do vậy Tam Văn Đà Đạt Đa, Ma Ê Sa Đạt Đa bèn chạy tới thôn Vương Đạo; còn trưởng lão Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di đi một do tuần để đón tiếp tôn giả A-nan và sám hối rằng: "Trưởng lão! Những việc làm của chúng tôi là bất thiện, phạm các

tội lỗi, từ nay trở đi chúng tôi không dám tái phạm nữa." Lúc bấy giờ, Tăng chúng nhận sự sám hối ấy, rồi tôn giả A-nan đi tiếp đến thôn ấy. Ở đây, ngoài hai người đã sám hối xong, hai người chạy trốn, còn những người khác đang ở đó, tôn giả bèn làm pháp Yết-ma khu xuất. Vì đức Thế Tôn không cho phép chúng (Tăng) làm Yết-ma với chúng (Tăng) mà chỉ cho phép chúng Tăng làm Yết-ma với hai, ba người mà thôi. Khi làm Yết-ma, người làm Yết-ma phải nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Các *Tỳ-kheo mỗ giáp này ở tại thôn này, thường có những hành vi trái oai nghi mà không chấm dứt, người đạo kẻ tục đều biết cả. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên làm Yết-ma khu xuất các Tỳ-kheo mỗ giáp có hành vi trái oai nghi này."* Đó là lời tác bạch

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Các trưởng lão *Tỳ-kheo mỗ giáp kia thường có các hành vi trái oai nghi mà không chấm dứt, kẻ đạo người tục đều biết. Nay Tăng làm pháp Yết-ma khu xuất các Tỳ-kheo mỗ giáp ấy. Các đại đức nào đồng ý thì im lặng (**287c**), ai không đồng ý hãy nói."*

Khi Yết-ma xong lần thứ nhất tiếp đến làm Yết-ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Cuối cùng kết thúc:

"Tăng đã làm xong pháp Yết-ma khu xuất các Tỷ kheo mỗ giáp có các hành vi trái oai nghi, vì Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này cứ theo đó mà thi hành."

Các pháp Yết-ma miệng trái oai nghi cũng làm như thế. Đồng thời, thân tổn hại, miệng tổn hại, thân miệng tổn hại cũng làm như thế. Thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng cũng như thế.

Sau khi nói ba lần Yết-ma, các Tỳ-kheo trong nhóm sáu Tỳ-kheo bị khu xuất bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà, Tỳ-kheo Ca-lưu-đà-di cũng làm điều phi pháp, vì sao chỉ đuổi chúng tôi mà không đuổi họ?" Chúng Tăng bèn nói với mấy người đó: "Vì hai Tỳ-kheo ấy đã đi một do tuần nghinh đón chúng Tăng mà sám

hối và chúng Tăng đã nhận sự sám hối của họ. Còn Tam Văn Đà Đạt Đa và Ma Ê Sa Đạt Đa thì đã chạy sang thôn Vương Đạo trốn thoát. Trong khi các ông hiện diện nơi đây, đã không nghinh đón chúng Tăng để sám hối, cũng không bỏ chạy, cho nên phải làm Yết-ma khu xuất."

Họ lại nói: "Thưa trưởng lão! Tăng nay tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng có tội như nhau mà kẻ thì bị đuổi đi, người thì không đuổi." Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão chớ đem điều phi lý mà hủy báng Tăng. Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi đi, người thì không đuổi đi."

Khi các Tỳ-kheo khuyên can như vậy mà họ vẫn ngoan cố không chấm dứt, nên phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, thế nhưng họ vẫn kiên trì không chấm dứt. Bấy giờ tôn giả A-nan bèn tùy thuận thuyết pháp cho các Ưu-bà-tắc khiến họ hoan hỉ cúng dường chúng Tăng trở lại như trước. Rồi tôn giả cùng đại chúng chuẩn bị trở về lại Xá-vệ.

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn thưa với tôn giả A-nan: "Nay Tăng trở về hết, thì cảnh Già Lam này giao cho ai trông coi?"

A-nan hỏi: "Thế thì nên để ai ở lại trông coi?"

Các Tỳ-kheo nói: "Nên để trưởng lão Xiển-đà ở lại."

A-nan lại nói: "Xiển-đà trước đây đã có lỗi khiến người ta không tin, làm sao có thể ở lại được?"

Tôn giả bèn bổ nhiệm một Tỳ-kheo khác, rồi trở về thành Xá-vệ, đảnh lễ chân Thế Tôn, đứng hầu một bên. Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi: "A-nan! Các ông đã làm pháp Yết-ma khu xuất tại thôn Hắc Sơn xong rồi ư?"

Đáp: "Đã làm xong, bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di đi cả một do tuần nghinh đón chúng Tăng để sám hối, còn Tam Văn Đà Đạt Đa và Ma Ê Sa Đạt Đa thì chạy đến thôn Vương

Đạo. Ngoài ra, các Tỳ-kheo khác không tới sám hối, cũng không bỏ chạy, nên chúng Tăng đã làm Yết-ma khu xuất. Thế nhưng, họ thấy Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị (**288a**) khu xuất, nên đã hủy báng chúng Tăng một cách phi lý rằng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, người thì không đuổi."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu nhóm sáu Tỳ-kheo vô lý hủy báng chúng Tăng rằng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, có người thì không đuổi", thì các ông nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, chỗ nhiều người ba lần, rồi đến giữa chúng Tăng khuyên can ba lần, khiến cho họ bỏ việc ấy.

Khi ở chỗ vắng nên hỏi: "Các ông vì phân bì với Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di mà vô lý hủy báng chúng Tăng rằng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cùng phạm tội như nhau mà có người thì đuổi đi, có người thì không đuổi", có phải thế chăng?"

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can ở chỗ vắng rằng: "Trưởng lão! Chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì sao vậy? Vì chúng Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người cùng phạm tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Các ông chớ nói rằng chúng Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Trưởng lão! Nay tôi vì lòng từ khuyên can các ông là vì muốn được lợi ích, vậy hãy bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa." Nếu họ không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần. Nhưng nếu vẫn không chấm dứt, thì nên đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính.

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nhóm sáu Tỳ-kheo này đã vô lý hủy báng chúng Tăng, rồi đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên

can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay ở giữa chúng Tăng nên khuyên can ba lần khiến họ chấm dứt việc ấy."

Thế rồi ở giữa chúng Tăng hỏi các Tỳ-kheo ấy: "Các ông có thật vô lý hủy báng Tăng, rồi được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người mà vẫn không chấm dứt chăng?"

Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên rằng: "Trưởng lão! Chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì sao thế? Vì Tăng không có tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng phạm tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can các ông là muốn được lợi ích. Vậy các ông nên bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong còn hai lần khuyên can nữa." Nếu họ không chấm dứt, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng họ vẫn ngoan cố không chấm dứt. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn: "Nhóm sáu Tỳ-kheo đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, cho đến khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng mà vẫn ngoan cố không bỏ."

Phật bảo: "Gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến."

Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo: "Có thật các ông vô lý hủy báng Tăng, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, cho đến khuyên ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn ngoan cố không chấm dứt phải không?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!."

(**288b**) Phật bèn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Đó là việc ác. Các ông há chẳng nghe Ta thường khen ngợi tính dễ khuyên bảo và chê trách tính khó khuyên bảo hay sao? Nay vì sao các ông lại khó khuyên bảo, kiên trì không xả bỏ? Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp."

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Do đâu nhóm sáu Tỳ-kheo này chỉ vì Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị đuổi mà vô lý hủy báng chúng Tăng?"

Phật nói: "Nhóm sáu Tỳ-kheo này không những ngày nay vô lý hủy báng chúng Tăng mà trong thời quá khứ cũng đã từng vô lý hủy báng người khác."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Đã từng có như vậy sao?"

Phật đáp: "Đã từng có như vậy!"

Các Tỳ-kheo nói: "Xin Thế Tôn hãy kể lại, chúng con muốn nghe."

Phật nói: "Trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại, nước tên Già Thi. Bấy giờ, trong nhà của vua có nuôi hai con chó, nhà vua dùng vàng, bạc làm dây buộc chúng và dùng châu báu đựng thức ăn cho chúng. Ban đêm, người ta mở dây thả ra để cho chúng giữ cửa ngõ. Bấy giờ, nhà vua bị chứng bệnh đau đầu, chữa trị đã mười hai năm mà không bớt, nhưng sau đó đã tạm bớt. Rồi trong khi ngủ, nhà vua nghe tiếng chó sủa khiến ông kinh sợ thức giấc, do đó, chứng đau đầu ngày càng tăng thêm. Bấy giờ, vua liền hỏi người hầu cận: "Vừa rồi có tiếng gì vậy?"

Đáp: "Tiếng chó sủa đó."

Vua liền nổi giận ra lệnh kẻ hầu cận đuổi hết các con chó đang có mặt (trong thành phố). Họ bèn theo lệnh đuổi hết chúng đi. Bấy giờ, có một con chó hỏi người đuổi nó: "Vì sao đuổi tôi?"

Người đuổi đáp: "Nhà vua vừa hơi bớt bệnh, thì trong giấc ngủ nghe tiếng chó sủa khiến vua kinh hãi thức giấc, nên bệnh lại gia tăng, do đó mà đuổi ngươi."

Chó lại hỏi: "Tất cả chó đều bị đuổi hết phải chăng?"

Đáp: "Đều đuổi hết."

Lại hỏi: "Hai con chó trong nhà của vua cũng bị đuổi chăng?"

Đáp: "Hai con chó trong nhà của vua không bị đuổi."

Chó liền giận dữ nói: "Ông vua này vô đạo, tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si."

Rồi nó đọc kệ:

"Nếu bảo chó nguy hại
Thì nên đuổi tất cả
Mà nay không đuổi hết
Thế là vua vô đạo
Nhà mình nuôi hai con
Không đuổi mà đuổi ta
Mới biết ác vương này
Tùy thương, giận, sợ, si."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Chó của nhà vua thuở ấy nay là Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di, còn các con chó khác nay là những Tỳ-kheo còn lại trong nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi ấy, do thấy hai con kia không bị đuổi mà chúng bị đuổi nên đã vô lý phỉ báng, ngày nay bị đuổi lại cũng như thế."

Vì hai Tỳ-kheo Xiển-đà và Ca-lưu-đà-di không bị đuổi nên các Tỳ-kheo kia vô lý hủy báng Tăng (**288c**), do đó các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao mọi người muốn cử Tỳ-kheo Xiển-đà làm tri sự mà A-nan không đồng ý?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Không những ngày nay Tỳ-kheo Xiển-đà muốn làm tri sự mà A-nan không đồng ý, mà trong thời quá khứ cũng đã từng muốn được cử làm vua mà A-nan không đồng ý."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đã từng có như vậy sao?"

Phật nói: "Đúng như vậy!"

Các Tỳ-kheo bạch: "Chúng con muốn được nghe, mong Thế Tôn hãy kể lại."

Phật nói: "Trong thời quá khứ, tại một ngọn đồi dưới chân núi Tuyết có một chỗ nắng ấm, nhiều loài chim qui tụ về đó cùng bàn bạc: "Ngày nay, chúng ta hãy cử một con chim làm vua để cho các con chim sợ uy, không dám làm việc phi pháp."

Các con chim nói: "Tốt! Nhưng ai nên làm vua?"

Có một con chim nói: "Nên cử Hồng hộc."

Một con chim khác nói: "Không được! Vì sao? Vì nó có cẳng cao, cổ dài, giá như khi chúng ta phạm tội, thì nó sẽ mổ đầu chúng ta."

Cả bầy đều bảo là đúng như vậy. Lại có một con nói: "Nên cử thiên nga làm vua, vì sắc lông trắng tuyệt, nên mọi con chim đều kính trọng." Các con chim lại nói: "Con này không thể được, nhan mạo tuy trắng, nhưng cổ dài lại gấp khúc. Chính cổ mình đã không thẳng, thì làm sao sửa kẻ khác cho ngay chánh được."

Rồi nó lại nói: "Chỉ có con công đủ màu sắc, ai xem cũng thấy vui mắt, nên có thể làm vua."

Con khác lại nói: "Không thể được? Vì sao thế? Vì bộ lông tuy đẹp nhưng không biết hổ thẹn, mỗi lần múa là nó để lộ ra những chỗ xấu, cho nên không thể được."

Một con khác nói: "Nên cử con chim cú trọc đầu làm vua. Tại vì sao? Vì ban ngày thì ngủ yên còn ban đêm thì siêng năng hoạt động, bảo vệ chúng ta, nên có thể làm vua."

Cả đàn đều nói: "Được!."

Bấy giờ, có một con oanh vũ, đậu ở gần đó, có trí tuệ, suy nghĩ: "Qui luật của loài chim là ban đêm ngủ nghỉ, mà đặc tính của con cú trọc này ban đêm lại không ngủ nghỉ, bắt mọi con chim phải vây quanh hầu hạ, ngày đêm canh gác túc trực không được ngủ nghỉ, rất là khổ cực. Nhưng nếu ta nói ra thì nó sẽ nổi giận

vặt hết bộ lông ta, còn như không nói thì các loài chim phải chịu khốn khổ lâu dài. Ta thà bị vặt lông chứ không thể để lẽ phải bị chà đạp", bèn đến trước muôn chim trương đôi cánh, cung kính nói với đàn chim rằng: "Xin nghe tôi đọc một bài kệ." Bấy giờ, đàn chim bèn đọc bài kệ đáp:

"Có trí biết nghĩa rộng
Hà tất kể tuổi tác
Ngươi tuy tuổi còn thơ
Nhưng có trí, cứ nói!"

Khi oanh vũ nghe bầy chim đọc kệ, liền nói kệ:

Nếu nghe theo ý tôi
Chớ cho cú làm vua
(**289a**) Vì vẻ mặt lúc vui
Trông cũng thấy khiếp sợ
Huống gì khi giận dữ
Bộ mặt không coi được."

Bấy giờ, bầy chim đều nói: "Đúng như oanh vũ nói." Rồi cùng nhau bàn bạc: "Con oanh vũ này thông minh trí tuệ, nên cử làm vua", bèn suy tôn oanh vũ làm vua.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Chim cú trọc thuở ấy, nay là Tỳ-kheo Xiển-đà, còn chim oanh vũ nay là A-nan. Khi ấy con này đã ngăn cản con kia không cho làm vua, thì nay cũng lại ngăn cản không cho làm tri sự."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo cư trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại, rồi chế giới:

Nếu có các Tỳ-kheo sống tại thành phố hoặc thôn xóm mà làm những việc xấu khiến ai cũng thấy cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe, thì các Tỳ-kheo nên nói với những Tỳ-kheo ấy: "Các Trưởng lão! Các

vị đã làm những việc xấu khiến ai cũng thấy, cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Các Trưởng lão! Các vị hãy đi khỏi nơi này, không nên ở đây nữa.

Thế rồi, những Tỳ-kheo này nói với các Tỳ-kheo: "Các đại đức Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Tại sao? Vì có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi."

Các Tỳ-kheo nên nói với những Tỳ-kheo ấy: "Các Trưởng lão! Các vị chớ nên nói rằng: "(Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau, mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi)." Tại vì sao? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Này các Trưởng lão! Các vị đã làm những việc xấu khiến ai cũng thấy, cũng nghe; làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Các vị hãy đi khỏi nơi này, không được ở đây nữa."

Những Tỳ-kheo ấy khi được các Tỳ-kheo khuyên can, nếu vẫn kiên trì không bỏ, thì các Tỳ-kheo nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba cho họ bỏ việc ấy. Khuyên can lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Các Tỳ-kheo: Hoặc là chúng Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người nương tựa tại thành phố hay tại xóm làng.

Thế nào là nương tựa vào xóm làng? Nếu Tỳ-kheo ở nơi xóm làng ấy được y phục, ẩm thực, giường chõng, thuốc trị bệnh v.v. thì gọi là nương tựa mà sống. Nếu không được các thứ y phục, ẩm thực, giường chõng, thuốc trị bệnh v.v. mà chỉ có nương tựa vào xóm làng để khỏi các tai nạn, thì cũng gọi là nương tựa mà sống. Nếu

Tỳ-kheo không nương tựa vào xóm làng để tránh tai nạn, mà chỉ nương tựa nơi ranh giới của xóm làng, thì cũng gọi là nương tựa mà sống.

(289b) Người khác: Các nhà Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, đó gọi là người khác.

Làm vẩn đục: Nếu các Tỳ-kheo làm các việc phi phạm hạnh như uống rượu, ăn phi thời tại các xóm làng thì chưa phải là làm vẩn đục tín tâm của người khác.

Làm vẩn đục tín tâm của người khác: Nếu có người trong xóm làng trước đây có tín tâm cúng dường chúng Tăng, kiến tạo chùa tháp mà Tỳ-kheo làm cho họ thối thất đạo tâm, thì gọi là làm vẩn đục tín tâm của người khác.

Làm các việc xấu: Thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi; Thân tổn hại, miệng tổn hại, thân miệng tổn hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, đó gọi là làm việc xấu.

Làm các việc xấu khiến vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe: Làm các việc xấu tại nơi xóm làng khiến ai cũng thấy, cũng nghe, rồi các Tỳ-kheo nói với những Tỳ-kheo ấy: "Này các trưởng lão! Các vị đã làm những việc xấu, ai cũng thấy, cũng nghe, làm vẩn đục tín tâm của người khác, ai cũng thấy, cũng nghe. Nay chớ có ở đây nữa."

Các Tỳ-kheo ấy liền nói lại: "Này các trưởng lão! Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, có các Tỳ-kheo đồng tội mà người thì đuổi đi, người thì không đuổi."

Rồi các Tỳ-kheo nói với những Tỳ-kheo ấy: "Này các trưởng lão! Các vị chớ nên nói như thế. Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Các vị hãy bỏ việc ấy đi."

Những Tỳ-kheo ấy kiên trì không bỏ, lại còn vô lý hủy báng Tăng: Đó là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo: Hoặc là Tăng, hoặc nhiều người, hoặc là một người.

Ba lần khuyên can: Khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khuyên can ở chỗ vắng: Hỏi ở chỗ vắng: "Các trưởng lão! Các vị có thật vô lý hủy báng Tăng rằng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si. Có các Tỳ-kheo đồng phạm tội mà người thì bị đuổi, người thì không bị đuổi, có phải thế chăng?" Nếu đáp: "Thật như vậy", liền khiển trách: "Các trưởng lão chớ dùng những lời vô lý hủy báng Tăng. Vì sao thế? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Tôi nay vì lòng từ khuyên can các vị, là vì muốn được lợi ích. Vậy các vị hãy chấm dứt việc ấy đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa." Nếu không bỏ thì phải khuyên can lần thứ hai, thứ ba, rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần. Nhưng nếu vẫn ngoan cố không bỏ, thì phải đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Các *Tỳ-kheo mỗ giáp vô lý hủy báng Tăng và đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, nhưng vẫn ngoan cố không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ba lần ở giữa Tăng, để cho chấm dứt việc ấy.*"

Tăng nên hỏi: "Các trưởng lão! Các vị có thật vô lý hủy báng Tăng rằng: "Tăng tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si (**289c**) v.v… cho đến được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn ngoan cố không bỏ phải không?" Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì Tăng nên khuyên can: "Các trưởng lão! Các vị chớ vô lý hủy báng chúng Tăng. Vì cớ sao? Vì Tăng không tùy thương, tùy giận, tùy sợ và tùy si, cũng không phải đối với những người đồng tội mà có người thì đuổi, có người thì không đuổi. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can các vị, là muốn được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa. Các vị nên

bỏ việc ấy đi." Nếu không bỏ thì khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nhưng nếu vẫn không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Những Tỳ-kheo ấy được khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không chấm dứt thì mỗi lần khuyên can phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Rồi khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như thế. Đến khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lần đầu chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần khuyên can thứ hai, nói chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nói xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Lần khuyên can thứ ba nói chưa xong phạm tội Thâu-lan-giá, nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đi (trừ ba tội Thâu-lan-giá do vô lý hủy báng chúng Tăng) từ khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, các tội Thâu-lan-giá gộp chung lại thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào, trị tội ở chỗ đó. Thế nên nói:

> ***Có các Tỳ-kheo nương tựa vào thành phố hoặc xóm làng mà sinh sống..., cho đến khi khuyên can lần thứ hai, thứ ba mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

(Hết giới thứ 13 của giới Tăng tàn)

*

HAI PHÁP BẤT ĐỊNH

1. NGỒI CHỖ KHUẤT VỚI NGƯỜI NỮ

2. NGỒI CHỖ TRỐNG VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, ông Bà-la-môn đồng hương, bạn cũ của trưởng lão Ưu-đà-di có cô con gái vừa về nhà chồng, ưu sầu, không vui, nên cô sai người báo tin cho cha cô đến thăm, nếu không đi được thì nhờ trưởng lão Ưu-đà-di đến thăm cô. Người cha được tin bèn đến nói với Ưu-đà-di: "Con gái tôi vừa mới về nhà chồng, ưu sầu không vui, nên sai người nhắn tin tôi, đồng thời cũng nhắn tin thầy (đến thăm). Tôi nay là người thế tục có nhiều việc nên không thể đi được, xin thầy thỉnh thoảng đến thăm nó."

Ưu-đà-di nói: "Có thể được! Nếu ông không dặn dò, tôi cũng phải đến thăm, huống gì ông đã dặn." Thế rồi, trưởng lão Ưu-đà-di sáng sớm hôm sau khoác y đi đến nhà ấy. Khi ấy cô ta đang đóng cửa mà ngồi. Ưu-đà-di ở bên ngoài kêu: "Cô Tuyết có ở nhà không?" Cô hỏi: "Ai đó?" Đáp: "Tôi là Ưu-đà-di đây!." Cô nói: "Sư phụ! Thầy hãy vào. Sư phụ, (**290a**) thầy hãy vào." Thầy bèn bước vào, ngồi ở trong phòng cùng nói chuyện vãng với cô. Bấy giờ, bà mẹ chồng của cô là Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu có ba mươi hai cậu con trai và ba mươi hai cô con gái, và các nàng dâu bà đều có phước đức, thành tựu các tướng tốt. Khi ấy bà thường dạy bảo con trai, con gái và các nàng dâu, khuyên răn họ về cách đối xử với cha mẹ, bà con. Rồi bà đi tới trước phòng của cô ấy. Bà vốn là người biết rõ lúc nào là đúng thời, nên không vào liền mà đứng trù trừ ở ngoài

cửa. Thế rồi, bà nhìn vào khe cửa, thấy trong phòng có người cạo tóc, khoác y, đang nháy nhó thì thầm (với nàng dâu bà). Bà biết đó là người xuất gia nhưng không biết là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni, liền gọi cô dâu. Cô dâu ứng ngôn hỏi: "Ai đó?"

Đáp: "Ta đây."

Cô nói: "Đại nương xin mời vào."

Bà hỏi: "Người ở bên ngươi là ai vậy?"

Cô đáp: "Thầy Ưu-đà-di đấy."

Ưu-đà-di nói: "Ưu-bà-di vì sao không bước vào?"

Lộc mẫu liền bước vào, hỏi: "Thầy Ưu-đà-di! Thầy ngồi đây sao?"

Đáp: "Đúng vậy."

Bà thưa: "Thưa thầy, chỗ ngồi này không được tỏ rõ, giả sử có điều gì mờ ám thì ai có thể biết được! Con sẽ đem việc này nói với các thầy Tỳ-kheo."

Ưu-đà-di vặn lại: "Bà nói những gì?"

Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu nói: "Thấy Ưu-đà-di cùng ngồi với phụ nữ."

Ưu-đà-di liền phản pháo: "Tôi cũng sẽ đến Phật nói về bà!."

Bà bèn hỏi: "Thầy định nói điều chi?"

Ưu-đà-di nói: "Tôi thấy Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu cùng ngồi với đàn ông."

Bà liền hỏi: "Đàn ông nào?"

Ưu-đà-di nói: "Ta chẳng phải đàn ông sao?"

Bà liền nói: "Thưa thầy! Phật không cấm con cùng ngồi với đàn ông, nhưng thầy là người xuất gia phải giữ gìn phép của Sa-môn chứ?"

Ưu-đà-di giận dữ: "Than ôi! Ngươi đã não loạn ta không ít!", rồi đứng lên bỏ đi.

Thế rồi, thầy đi tới nơi khác và cùng ngồi với phụ nữ tại một chỗ trống. Còn Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu thì dạy bảo các con gái, con dâu

xong rồi, bèn đi ra, lại thấy Ưu-đà-di cùng ngồi nói chuyện với phụ nữ tại một chỗ trống, bà liền đến bên Ưu-đà-di nói: "Đó là việc bất thiện, không phải phép tắc của Sa-môn. Vì sao thầy lại ngồi với phụ nữ ở chỗ trống trải, tôi sẽ đem việc này nói với các Tỳ-kheo." Ưu-đà-di hỏi: "Bà nói việc gì?" Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu nói: "Thấy Ưu-đà-di ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ trống mà nói chuyện." Ưu-đà-di liền phản pháo: "Ta cũng sẽ đến Phật nói về việc của bà." Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu hỏi: "Thầy nói điều gì?" Ưu-đà-di nói: "Tôi thấy Lộc Mẫu cùng ngồi nói chuyện với đàn ông ở chỗ trống." Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu hỏi: "Người đàn ông nào?" Đáp: "Ta chẳng phải (**290b**) đàn ông chắc?" Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu nói: "Tôi là người thế tục ngồi với đàn ông thì Phật cho phép, còn thầy là Sa-môn phải giữ gìn phép tắc chớ sao lại thế?" Ưu-đà-di nói: "Bà quấy rầy ta ở mọi chỗ." Nói như thế rồi, liền đứng dậy đi.

Bấy giờ Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu bèn đem việc đó bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật bảo: "Gọi Ưu-đà-di đến!." Họ liền gọi đến. Phật bèn hỏi Ưu-đà-di: "Ông có thật như thế chăng?"Đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn!." Phật liền khiển trách Ưu-đà-di: "Ông là kẻ ngu si. Đó là một việc xấu, người thế tục còn biết phép tắc của người xuất gia điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Còn ông là người xuất gia mà lại không biết phép tắc ngồi đứng, nói năng, điều gì nên, điều gì không nên. Há ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên chê trách việc tùy thuận dâm dục và khen ngợi ly dục hay sao? Nay vì sao ông làm việc xấu như thế? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn thiện pháp." Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập trung lại tất cả. Khi đã tập họp xong, Thế Tôn bèn đem nhân duyên ấy hướng đến các Tỳ-kheo nói rộng về các nguyên nhân sinh khởi những sự lỗi lầm, khiển trách những lỗi lầm đã sinh khởi, rồi tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo. Vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế giới cho các đệ tử, lập ra pháp Ba-la-đề-mộc-xoa.

Mười việc đó là:

1. Vì nhiếp phục Tăng.
2. Vì nhiếp phục Tăng một cách triệt để.
3. Vì để cho Tăng được an lạc.
4. Vì để chiết phục kẻ không biết xấu hổ.
5. Vì để những ai có tâm quí được sống an lạc.
6. Vì để cho người không có lòng tin khiến họ tin tưởng.
7. Vì để người đã có lòng tin tăng thêm tin tưởng.
8. Vì muốn chấm dứt Lậu hoặc ngay trong hiện tại.
9. Vì để cho các Lậu hoặc chưa sinh khởi thì không sinh khởi.
10. Vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, mở cửa cam lồ cho chư thiên và nhân loại.

Đó gọi là vì mười việc lợi ích mà Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế giới cho các đệ tử; ai chưa nghe thì nghe, ai nghe rồi nên nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ vắng vẻ, che khuất, có thể hành dâm được, rồi Ưu-bà-di khả tín tố cáo Tỳ-kheo ấy phạm một trong ba pháp: Hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đoạn Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì trong ba pháp kia phạm pháp nào trị phạt theo pháp đó: Hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa; hoặc Ba-dạ-đề, phải tùy theo lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín mà trị phạt đúng như pháp. Thầy Tỳ-kheo ấy là người phạm pháp Bất Định thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình (290c) với người nữ tại chỗ trống, không thể hành dâm được, rồi có Ưu-bà-di khả tín tố cáo Tỳ-kheo ấy phạm một trong hai pháp: Hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đoạn Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì phải căn cứ vào lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín

mà trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng như pháp: Hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chỗ che khuất: Hoặc ở chỗ tối, hoặc chỗ có che kín.

Chỗ có thể hành dâm: Chỗ nam nữ có thể giao hoan mà không sợ hổ thẹn.

Một mình: Chỉ có một nam, một nữ mà không có người khác; giả sử có người khác mà đang ngủ, hoặc điên cuồng, hoặc trẻ con, phi nhân, súc sinh thì cũng gọi là một mình.

Ngồi chung: Ngồi gần nhau.

Ưu-bà-di **khả tín:** Người thành tựu mười sáu pháp sau đây thì gọi là Ưu-bà-di khả tín:

1. Qui y Phật.
2. Qui y Pháp.
3. Qui y Tăng.
4. Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Phật.
5. Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Pháp.
6. Không làm tổn thương lòng tịnh tín đối với Tăng.
7. Tăng chưa được lợi ích có thể làm cho lợi ích.
8. Tăng đã được lợi ích có thể làm cho tăng trưởng.
9. Tăng chưa được danh dự thì có thể làm cho danh dự vang xa.
10. Tăng bị tiếng xấu có thể sớm trừ diệt.
11. Không hành động tùy theo sự thiên vị.
12. Không hành động tùy theo sự giận dữ.
13. Không hành động tùy theo sự sợ hãi.

14. Không hành động tùy theo sự mê muội.

15. Hướng đến sự ly dục.

16. Thành tựu thánh giới.

Những ai thành tựu mười sáu pháp này thì gọi là người khả tín (đáng tin).

Nếu Tỳ-kheo ấy tự nói rằng biết sự việc, nhưng không biết là mình có ngồi hay không, thì nên trị phạt về sự việc. Nếu nói biết là mình có ngồi, nhưng không biết về sự việc, thì nên trị phạt về lỗi đã ngồi. Nếu nói biết về sự việc cũng biết là mình có ngồi, thì nên trị phạt cả hai. Nếu nói không biết về sự việc, cũng biết là mình có ngồi hay không, thì nên căn cứ vào lời tố cáo của Ưu-bà-di khả tín mà làm phép Yết-ma mích tội tướng (tìm xem dấu hiệu của tội).

Chỗ trống trải: Chỗ sáng sủa trống trải, không có gì che chắn, đó gọi là chỗ trống trải.

Chỗ không thể hành dâm: Chỗ mà, nếu nam nữ giao hoan thì có thể công xúc tu sĩ. (**291a**) Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một người nữ ở chỗ che khuất, kín đáo, có thể hành dâm được..., cho đến bị Ưu-bà-di khả tín tố cáo, thì Tăng phải trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng pháp. Đó gọi là pháp Bất Định thứ nhất.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ trống trải, không thể hành dâm được..., cho đến bị Ưu-bà-di khả tín tố cáo, thì Tăng phải trị phạt Tỳ-kheo ấy đúng pháp. Đó gọi là pháp Bất Định thứ hai.

(Hết 2 pháp Bất định)

*

Hết quyển thứ bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 8

NI-TÁT-KỲ

(Ni-tát-kỳ, gọi đủ Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, hay còn gọi giới Buông bỏ và Phát lộ, gồm ba mươi giới)

1. CẤT Y DƯ QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại một tinh xá có lầu gác trong rừng Đại Lâm, nói rộng như trên. Bấy giờ, trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành các thôn xóm rồi chở về đầy xe các thứ vải vóc phẩm vật đã nhận được. Sáng sớm hôm ấy, Thế Tôn nghe tiếng xe chở nặng, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tiếng xe gì vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng xe của trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành tại các thôn xóm đã nhận được nhiều vải vóc và phẩm vật chở về."

Khi ấy, Thế Tôn bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật đến như vậy nhỉ!" Sau đó vào một đêm mồng tám giữa mùa đông, tuyết sa rất lạnh, đầu đêm Thế Tôn mặc một chiếc áo nhập vào thiền có giác, có quán, đến lúc nửa đêm cảm thấy hơi lạnh, Thế Tôn bèn mặc chiếc áo thứ hai, nhưng đến cuối đêm, lại cảm thấy lạnh hơn, bèn mặc thêm chiếc áo thứ ba. Thế rồi, ngài suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y (áo) là đủ ngăn ngừa những khi quá lạnh, quá nóng, đề phòng muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể. Nếu ai không chịu nổi rét lạnh thì Ta cho phép mặc thêm những chiếc áo cũ kĩ."

Thế rồi, trải qua đêm đến sáng sớm, Thế Tôn bèn đi đến chỗ các Tỳ-kheo, (**291b**) trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Một hôm vào buổi sớm mai ta nghe tiếng xe chở nặng bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Tiếng xe gì thế?", các Tỳ-kheo đáp: "Trưởng lão Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà du hành các xóm làng và nhận được nhiều y vật, nên đã dùng xe chở về vậy." Ta bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta tìm cầu nhiều y vật, sính mặc nhiều áo thế nhỉ?" Rồi vào một đêm mùng tám giữa mùa đông..., cho đến mặc ba chiếc áo, bèn suy nghĩ: "Các đệ tử của Ta chỉ cần mặc ba y là vừa đủ ngăn ngừa khi quá lạnh, quá nóng, đề phòng các muỗi mòng, che khuất sự hổ thẹn, không làm tổn thương đến thánh thể." Từ hôm nay trở đi, Ta cho phép các Tỳ-kheo chỉ cất giữ chừng ba y. Nếu được vải mới thì may một y Tăng-già-lê hai lớp, một y Uất đa la tăng một lớp và một y An đà hội một lớp. Nếu ai không kham chịu lạnh thì Ta cho phép tùy ý mặc thêm những chiếc y cũ."

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại một làng kia có ba Tỳ-kheo Ma ha la cùng sống chung. Rồi một người qua đời để lại nhiều y vật, hai người còn sống không biết chia cách nào, một Tỳ-kheo nói: "Tôi cần Tăng-già-lê." Người thứ hai cũng nói: "Tôi cũng cần nó." Như vậy hai người đều muốn giành các vật mà không thể quyết đoán được. Khi ấy Ưu-ba-nan-đà du hành các thôn xóm rồi ghé qua chỗ họ. Các Ma ha la từ xa trông thấy Thầy đến, bèn suy nghĩ: "Ông này thuộc dòng dõi Thích Ca, tướng hảo đoan chánh, xuất gai từ dòng giống Phật, có thể giúp chúng ta chấm dứt sự tranh giành này", bèn thưa: "Tại chỗ chúng tôi hiện có các y vật, ai cũng muốn giành lấy, không thể chia được. Hôm nay mong tôn giả hãy vì chúng tôi mà chia giúp các y vật này để tránh sự tranh giành ."

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Tôi chia giúp y vật cho các ông tránh sao khỏi các ông oán tôi!."

Ma ha la nói: "Nếu Thầy không chia thì ai chia giúp chúng tôi? Chẳng lẽ chúng tôi đi nhờ các ngoại đạo chia giùm y vật hay sao?"

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Trước hết hai người phải cam kết nghe theo lời tôi, thì tôi mới chia cho."

Đáp: "Xin nghe lời."

Thế rồi, Ưu-ba-nan-đà bảo: "Đem hết các vật ra đây."

Họ bèn đem ra. Rồi Ưu-ba-nan-đà chia làm ba phần. Khi ấy, Ma ha la suy nghĩ: "Chúng ta chỉ có hai người mà ông ta lại chia làm ba phần, hay là ông ta muốn lấy một phần chăng? Vậy hãy bảo ông ta lấy một phần để chấm dứt sự tranh chấp của chúng ta."

Sau khi chia ba phần ấy đã xong, Ưu-ba-nan-đà lại hỏi các Ma ha la: "Còn vật gì hãy đem hết ra đây, kẻo để sau này lại tranh chấp nhau nữa." Người thứ nhất không muốn đem ra, nhưng người thứ hai bèn lấy mang ra, rồi nói: "Hết cả rồi!." Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà bèn chia thêm vào ba phần trước rồi tự mình đứng giữa hai phần, còn một phần đem đặt giữa hai Ma ha la, nói: "(**291c**) Các ông hãy nghe tôi làm Yết-ma." Đáp: "Vâng", bèn nói: "Hai phần này và cả tôi, như vậy tôi có ba; còn hai ông và một phần, như vậy hai ông cũng có ba. Thế là đằng này ba, đằng đó ba, hai bên đều được ba là công bằng phải không?" Các Ma ha la vì trước đó đã cam kết, hơn nữa do sợ uy con dòng họ Thích, nên không dám nói gì nữa.

Thế nên hai người bằng lòng nhận lấy một phần ấy, nhưng không biết làm sao chia, bèn nói: "Trưởng lão! Phần này của chúng tôi giờ đây phải chia bằng cách nào?"

Bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà bèn chia ra làm hai phần. Rồi mỗi Ma ha la nhận lấy một phần mang đi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao mà Ưu-ba-nan-đà lại lừa gạt các Tỳ-kheo Ma ha la kia như vậy?"

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-ba-nan-đà này không những ngày nay lừa gạt các Tỳ-kheo ấy mà trong thời quá khứ

cũng đã từng lừa dối họ." Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: "Đã từng có như vậy sao?"

Đáp: "Đã từng có như vậy. Trong thời quá khứ, tại một nước ở phương Nam, có một con sông trong sạch, trong sông ấy có hai con rái cá, một con có thể lặn xuống nước sâu, còn một con chỉ lặn ở trên cạn. Bấy giờ, con lặn dưới sâu, bắt được một con cá lý... như trong kinh Bổn Sinh đã nói rõ."

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì mười việc lợi ích mà cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành đến các phòng Tỳ-kheo một lần. Khi Thế Tôn đi qua các phòng, đến phòng của A-nan Đà trông thấy trong phòng cất chứa nhiều y vật: Có y đang hong phơi, có y đang may, có cái đang nhuộm, có cái vừa mới đập cho hết hồ, có cái tác tịnh. Nan-đà sắp xếp từng chỗ như thế, giống như đang chuẩn bị mở đại hội bố thí các tăng vật.

Khi ấy, Thế Tôn tuy biết mà vẫn hỏi: "Nan-đà! Những y vật này của ai thế?"

Đáp: "Của con đấy."

Phật nói: "Này Tỳ-kheo! Y này nhiều quá!."

Nan-đà liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn cho phép dùng hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất đa la tăng và một lớp y An đà hội kia mà!."

Phật nói: "Nhưng y này cũng vẫn nhiều."

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con có các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ đều cần may hai lớp y Tăng-già-lê, một lớp y Uất đa la tăng, một lớp y An đà hội, lại còn may y cho Sa-di nữa."

Phật lại nói: "Nhưng y này cũng vẫn còn nhiều."

Rồi thầy bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những người xuất gia chúng con khi cần đến y phục thì khó tìm được, cho nên các vải

vóc này giặt phơi xong rồi, con đem cất vào trong tủ, để khi y phục bị rách sẽ lấy ra may y mà dùng."

Phật bèn nói với Nan-đà: "Đó là việc xấu. Ông là người xuất gia vì sao vẫn còn tham-lam như kẻ thế tục? Ông há không thường nghe Ta (**292a**) chê trách đa cầu, đa dục, khó thỏa mãn và khen ngợi thiểu dục tri túc hay sao? Thế mà nay ông lại đa dục, khó thỏa mãn, cầu nhiều y vật cất chứa lâu dài. Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Vì sao lại cất chứa vải lâu ngày để dùng? Từ nay trở đi nếu nhận được vải vóc thì cho phép cất giữ một đêm."

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Nan-đà này lại cất chứa nhiều vải mà không biết đủ?"

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Nan-đà này không những ngày nay cất chứa nhiều vải vóc, không biết đủ, mà trong thời quá khứ cũng đã từng cất chứa nhiều, không biết đủ, như trong kinh Điểu sinh (thuộc Bổn sinh) đã nói rõ."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Câu-xá-di, được chư thiên và người đời cung kính cúng dường. Đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát đi vào thành Câu-xá-di tuần tự khất thực. Bấy giờ, hoàng hậu của quốc vương tên là Xá-di, đem một ngàn năm trăm tấm dạ cúng dường cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan đem những tấm dạ ấy chia cho các Tỳ-kheo. Trưởng lão A-nan liền đem chia cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận, và nói với A-nan: "Dùng kiếp bối nhuộm chưa xong, cho nên không đúng pháp."

Khi đó, A-nan đem nhân duyên ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan: "Từ nay trở đi nếu được vải thừa, ta cho phép để dành đến mười hôm."

Thế rồi, có các Tỳ-kheo cất vải thừa đã đủ mười ngày bèn cầm đến bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những vải này cất đã mười ngày, nay phải làm sao?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu có Tỳ-kheo bạn ở gần bên thì nên làm phép tịnh thí, rồi mười ngày thay đồ cũ và mặc đồ mới một lần."

Lại nữa, khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, hằng năm, dân chúng tại thành này cúng dường chúng Tăng ăn uống xong rồi, bèn bố thí y vật cho các Tỳ-kheo, nhưng các Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, các thí chủ bèn đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật rằng: "Có phương tiện gì cho phép các Tỳ-kheo nhận các y vật về dùng, để cho người bố thí thì được phước, người thọ dụng thì được lợi ích hay không?"

Phật nói: "Được." Như trên đã nói rõ.

Lúc bấy giờ, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo, việc y phục đã hoàn tất, y Ca-hi-na cũng đã xả, nhận được y (do thí chủ cúng dường) được cất giữ trong vòng mười hôm; nếu quá mười hôm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y phục đã hoàn tất: Tỳ-kheo đã may xong ba y, gọi là y đã hoàn tất. Hoặc không thọ y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. Hoặc đã xả y Ca-hi-na, cũng gọi là y đã hoàn tất. (**292b**) Hoặc y giặt nhuộm đã xong, cũng gọi là y đã hoàn tất.

Y: Gồm có các loại: Y Khâm bà la, y kiếp bối, y Sô ma, y Câu xá da, y Xá na, y Ma, y Khu mâu đề. Lại có các loại y khác như: Tăng-già-lê, Uất đala tăng, An đà hội, Ni sư đàn, y Tắm mưa, y Che ghẻ, y Chắp vá, y Cư sĩ, y Phấn tảo, hoặc làm, hoặc không

làm, y Như pháp, y không như pháp, y biết rõ, y Ca-hi-na. Đó gọi là y.

Đã xả**:** Tức xả y Ca-hi-na. Có mười trường hợp xả y như sau: (1) Thọ y xả; (2) Y hết xả; (3) Hết thời gian mà xả; (4) Nghe xả; (5) Ra đi (khỏi trú xứ) xả; (6) Bị mất mà xả; (7) Bị hư mà xả; (8) Đưa y đi chỗ khác mà xả; (9) Thời gian đã qua mà xả; 10- Hết thời gian mà xả. Đó gọi là mười trường hợp xả y.

Vừa đúng mười ngày: Số ngày tối đa là mười ngày.

Y để lâu ngày (trường y): Ngoại trừ số y được phép thọ dụng, các y khác nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Nghĩa là chiếc y đó cần phải xả giữa Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nhưng nếu không xả mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Các tội phải đọa vào đường ác như: Tội được thấy, được nghe, tội bị cử (nêu ra) v.v. Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác đều nhận được y, thì được cất trong vòng mười ngày không cần tác tịnh (cho tượng trưng). Nếu quá mười ngày thì tất cả các y đó đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, rồi liên tục các ngày khác cũng được y mà trong nửa số đó có tác tịnh, nửa số không tác tịnh, thì những cái có tác tịnh là hợp pháp, còn những cái không tác tịnh là không hợp pháp, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai tác tịnh; ngày thứ hai lại được y, ngày thứ ba tác tịnh; ngày thứ ba lại được y, ngày thứ tư tác tịnh; ngày thứ tư lại được y, ngày thứ năm tác tịnh; ngày thứ năm lại được y, ngày thứ sáu tác tịnh; ngày thứ sáu lại được y, ngày thứ bảy tác tịnh; ngày thứ bảy lại được y, ngày thứ tám tác tịnh; ngày thứ tám lại được y, ngày thứ chín tác tịnh; ngày thứ chín lại được y, ngày thứ mười tác tịnh; ngày thứ mười lại được y

để đến ngày thứ mười một, thì tất cả đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vì tương tục không gián đoạn vậy.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y liền tác tịnh ngay trong ngày ấy, cho đến hết ngày thứ mười được y, liền tác tịnh trong ngày thứ mười, ngày thứ mười một được một y, tác tịnh trong ngày thứ mười một, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vì không gián đoạn vậy.

Gián đoạn: Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất được y, bèn đình lại đến chín ngày; ngày thứ hai được y, bèn đình lại đến tám ngày, ngày thứ ba được y, bèn đình lại đến bảy ngày; ngày thứ tư được y, bèn đình lại đến sáu ngày; ngày thứ năm được y, bèn đình lại đến năm ngày; ngày thứ sáu được y, bèn đình lại đến bốn ngày; ngày thứ bảy được y, bèn đình lại đến ba ngày; ngày thứ tám được y (**292c**), bèn đình lại đến hai ngày; ngày thứ chín được y, bèn đình lại đến một ngày; ngày thứ mười được y, bèn tác tịnh tất cả các y kể trên trong ngày thứ mười. Nếu ngày thứ mười một được y, thì không nên nhận. Đó gọi là gián đoạn.

Nếu Tỳ-kheo trước được y nhiều, sau được y ít, do vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước được y ít, sau được y nhiều, vì hiệu lực của y trước, nên phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước có y, trung gian không có, nếu có thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo trước không có y, trung gian lại có, nếu có, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Lại có các trường hợp) Hoặc các Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ; hoặc đã xả y Ca-hi-na mà tưởng chưa xả; hoặc không thọ y mà tưởng có thọ; hoặc không tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh; hoặc không cho (người khác) mà tưởng đã cho; hoặc không ghi nhớ mà tưởng ghi nhớ; hoặc vì trong lòng mê muội, tác tịnh không đúng chỗ...

Không thọ y Ca-hi-na mà tưởng có thọ**:** Tỳ-kheo không thọ y Ca-hi-na mà tự bảo đã thọ, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Đã xả y **Ca-hi-na** mà tưởng chưa xả**:** Tỳ-kheo đã xả y Ca-hi-na mà tự bảo chưa xả, rồi cất giữ y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Chưa thọ y mà tưởng đã thọ: Nếu Tỳ-kheo đối với ba y tự mình không thọ mà tự bảo mình đã thọ rồi, nên không tác tịnh để y quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Chưa tác tịnh mà tưởng đã tác tịnh: Tỳ-kheo cất y lâu ngày không tịnh thí (cho người khác theo thủ tục chứ không thực cho), mà tưởng mình đã tịnh thí rồi để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Không cho mà tưởng đã cho: Chiếc y ấy không hiến cho pháp, không hiến cho Tăng, không cho người, mà bảo là đã cho rồi, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Không nhớ rõ mà tưởng nhớ rõ: Nếu Tỳ-kheo không nhớ rõ rằng đây là Ni sư đàn, đây là y Che ghẻ, đây là áo tắm mưa, mà tưởng là nhớ rõ, rồi không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Mê muội: Nếu Tỳ-kheo được y, mà vì mê muội, nên không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tâm niệm thuyết tịnh: Trong lòng định thuyết tịnh, mà miệng không nói thành lời đó gọi là thuyết tịnh phi pháp, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu miệng nói thì không có tội.

Không đúng chỗ: Nếu tác tịnh với người thế tục, người không hay biết, với súc sinh, thì cũng như không tác tịnh. Nếu (tác tịnh rồi) để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ưu-ba-ly bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ-kheo có y thừa muốn tác tịnh, vậy phải tác tịnh với ai?"

Phật nói với Ưu-ba-ly: "Nên tác tịnh với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni" (**293a**).

Lại hỏi: "Tác tịnh với những người ở cách mình chừng bao xa?" Phật nói: "Chừng ba do tuần và phải biết họ đã mất hay còn (Họ còn sống mới tác tịnh được)."

Ưu-ba-ly lại bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chiếc y để dành đem tác tịnh với Sa-di mà Sa-di ấy thọ giới cụ túc thì thế nào?"

Phật nói: "Xưng là Tỳ-kheo không có tuổi hạ để tác tịnh."

Ưu-ba-ly lại hỏi: "Nếu ông Tỳ-kheo không có tuổi hạ ấy chết thì phải làm sao?"

Phật đáp: "Được đình lại mười ngày, rồi tác tịnh với những người quen biết khác."

Lại hỏi: "Tấm vải rộng mức độ nào phải tác tịnh? Mức độ nào khỏi phải tác tịnh?"

Phật nói: "Nếu tấm vải (y) rộng chừng một khuỷu tay, dài chừng hai khuỷu tay thì phải tác tịnh. Nhưng nếu hai Tỳ-kheo có một tấm vải chung chưa chia thì không phạm. Nếu đã chia ra rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."

Nếu nhà Bà-la-môn mời chư Tăng đến thọ trai và bố thí vải vóc, nhưng có một Tỳ-kheo do bệnh bèn nhờ người khác nhận giúp phần vải của mình, rồi Tỳ-kheo ấy nhận giúp phần vải đó đem về, tuy cất lâu ngày chưa đưa vẫn không phạm tội. Nhưng khi Tỳ-kheo bệnh đã nhận rồi thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nghe nói thầy hoặc đệ tử sẽ cho y cho mình, nhưng chưa nhận được, thì lâu ngày vẫn không phạm tội. Nếu đã nhận được thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhờ thợ dệt áo cho mình, áo tuy dệt xong đã lâu mà họ chưa đưa, thì Tỳ-kheo không phạm tội. Nhưng nếu đã nhận

được áo thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo mua y, tuy giá cả đã dứt khoát, nhưng chưa nhận được y thì không phạm tội. Nếu đã nhận được y thì phải tác tịnh, nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vì việc cúng dường Phật, cúng dường Tăng, rồi đi tìm kiếm y đem về để một chỗ, tuy lâu ngày chưa dùng đến vẫn không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nhận được các y vật từ những cuộc bố thí lớn tại các nơi như Phật đản sinh, đắc đạo, chuyển pháp luân, chỗ A-nan mở đại hội, chỗ La Vân mở đại hội, chỗ năm năm đại hội một lần, rồi đem các y vật đó nhập vào của Tăng, chưa phân chia, tuy lâu ngày vẫn không phạm tội. Nếu y vật ấy đã phân chia, nhiều người được chung một phần, trong đó có người am tường luật đồng ý tác tịnh cho mọi người thì không có tội. Nếu không tác tịnh để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đi đường gặp chỗ nguy hiểm đáng sợ, bèn giấu y mà đi, để quá mười ngày trở lại lấy, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu có người lấy y ấy mang đến cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo nhận thì cũng phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị quân giặc đuổi, bèn vứt y mà chạy, quá mười ngày, có người nhặt được y ấy, đem trả lại Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu y không mất mà tưởng là mất (**293b**) hoặc mất mà tưởng là không mất, hoặc mất mà tưởng là mất, đều không phạm nên để quá mười ngày không có tội. Nhưng nếu y không mất mà biết là y không mất, để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cất y thừa quá mười ngày, muốn xả nó, thì nên nhờ một Tỳ-kheo trì luật, biết làm Yết-ma mời một số Tỳ-kheo quen

biết ra ngoài đại giới, nếu nơi ấy không có giới trường thì phải kết tiểu giới để làm Yết-ma, rồi thầy Yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy phạm vi từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm trở vào, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma.

Xin các đại đức Tăng hãy nghe! Ở tại chỗ này từ ngoài chỗ Tăng ngồi một tầm trở vào trong, dùng phạm vi ấy làm Yết-ma... Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà chấp hành.

Chỗ đất nào không làm Yết-ma (kết cương giới) thì không được làm các việc của Tăng (không được giải quyết việc của Tăng), nếu làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Vị luật sư nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Thầy hãy xả y này." Rồi Tỳ-kheo ấy phải quì xuống chắp tay nói như sau:

"Mong chư đại đức Tăng nhớ cho: Con là Tỳ-kheo mỗ giáp đã cất y này quá mười ngày, phạm tội Ni Tát Kỳ, nay con xả nó giữa chúng Tăng."

Vị luật sư lại hỏi: "Thầy đã dùng chiếc y này chưa?" Nếu nói: "Đã dùng", thì nên bảo: "Thầy đã phạm tội Ba-dạ-đề, vì sử dụng y bất tịnh (không đúng qui định), do sử dụng nên phạm thêm tội Việt-tỳ-ni." Nếu đáp: "Chưa dùng." Thì lại nói: "Thầy phạm tội Ba-dạ-đề."

Thầy Tỳ-kheo ấy phải quì trước vị luật sư, chắp tay bạch: "Xin trưởng lão nhớ cho: Tôi là mỗ giáp, cất giữ y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong đó phạm tội Ba-dạ-đề. Nay xin sám hối trước trưởng lão, không dám che giấu."

Vị luật sư hỏi: "Thầy có tự thấy tội không?"

Nếu đáp: "Thấy", thì nên khuyên bảo: "Chớ có phạm lại nữa."

Đáp: "Xin vâng" (3 lần).

Rồi Tỳ-kheo ấy lại nói như sau: "Xin trưởng lão nhớ cho: Tôi Tỳ-kheo mỗ giáp, cất y quá mười ngày, đã xả giữa chúng Tăng, trong

đó phạm tội Ba-dạ-đề, vì đã sử dụng y bất tịnh, phạm thêm tội Việt-tỳ-ni, nay hướng đến trưởng lão thành tâm sám hối tất cả các tội ấy không dám che giấu."

Vị luật sư hỏi: "Thầy có tự thấy tội không?"

Nếu đáp: "Thấy", thì bảo: "Thầy chớ có tái phạm."

Đáp: "Xin đội lên đầu chấp hành." Lập lại như thế đến lần thứ hai, thứ ba.

Vị luật sư lại hỏi: "Trong chúng Tăng đây ai là người mà Thầy quen biết?"

Nếu đáp: "Mỗ giáp", liền nói: "Hãy ngồi theo thứ tự." Rồi làm Yết-ma:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp đã cất y quá mười ngày và đã xả giữa chúng Tăng đúng pháp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng đem chiếc y này cho vị Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp." Đó là lời tác bạch.

*"(**293c**) Xin đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mỗ giáp này cất y quá mười ngày và đã xả giữa Tăng đúng pháp. Nay Tăng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp. Các đại đức Tăng nào bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất.*

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Rồi kết luận:

Tăng đã bằng lòng đem chiếc y này cho Tỳ-kheo quen biết với Tỳ-kheo mỗ giáp xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành

Sau đó, thầy Tỳ-kheo quen biết nên trả y lại cho vị kia ngay trong ngày ấy, hoặc ngày hôm sau, nhưng không được trả ở giữa chúng Tăng, cũng không được để hơn nửa tháng mới trả. Thầy Tỳ-kheo ấy được y lại rồi hoặc thọ trì, hoặc tác tịnh. Nếu không biết cách thọ trì và không biết tác tịnh thì Tăng nên dạy nói như sau:

"Tôi mỗ giáp, chiếc y Tăng-già-lê này, chiếc y Uất đa la tăng này, chiếc y An đà hội này tôi luôn luôn thọ trì không rời nó qua đêm."

Nói như thế ba lần. Nếu tác tịnh thì nên dạy nói như sau:

"Tôi là Tỳ-kheo A, chiếc y này dư thừa, nay tịnh thí cho Tỳ-kheo B; vì Tỳ-kheo B ở gần tôi. Tôi sẽ tùy ý giặt phơi, vá lại và nếu có nhân duyên thì đem ra sử dụng." Nói như vậy ba lần. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo việc y đã hoàn tất, y Ca-hi-na cũng đã xả, có thể cất giữ y (ngoài ba y) trong vòng mười ngày, nếu để quá mười ngày thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."***

(Hết giới thứ 1 của Ni-tát-kỳ)

*

2. RỜI Y MÀ NGỦ

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Bà-la-môn mời chúng Tăng về nhà nghỉ qua đêm để cúng dường và bố thí y vật. Các Tỳ-kheo nghe ông ta mời chúng Tăng liền suy nghĩ: "Lúc này thời tiết ôn hòa, không lạnh, không nóng, chúng ta chỉ cần mặc y thượng, y hạ đi đến, nếu ông ta cúng dường y thì ta cứ xem như thọ nhận thêm cái y thứ ba", bèn mặc y thượng và hạ ra đi.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì 5 việc lợi ích nên cứ 5 hôm đi tuần hành đến các phòng của Tăng chúng một lần. Khi đến đó, Thế Tôn mở cửa một căn phòng, thấy trên giá có nhiều y, mặc dù biết, Thế Tôn vẫn hỏi: "Trên giá có nhiều cái y, là y của ai thế?"

Có một Tỳ-kheo bệnh bạch với Thế Tôn: "Có một Bà-la-môn mời các Tỳ-kheo về nhà nghỉ qua đêm để cúng dường và bố thí các y vật. Các Tỳ-kheo nghĩ rằng thời tiết ấm áp nên để lại các y này,

chỉ mặc thượng, hạ y mà đi, nếu như ông ta cúng dường y, thì thọ làm cái y thứ ba."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nên biết rằng: Như Lai Ứng Cúng là người an lạc bậc nhất, xuất gia ly dục là niềm vui bậc nhất, tùy theo chỗ mà ở, lúc đi khất thực phải đem theo ba y và bát, ví như đôi cánh của chim (**294a**) luôn dính sát vào thân. Tỳ-kheo các ông đã từ bỏ dòng họ cũ, vì lòng tin xuất gia, thế nên, hễ đi đến đâu phải đem pháp y theo bên mình, không nên lìa y qua đêm."

Lại nữa, khi Phật an cư tại thành Xá-vệ xong, bèn đi đến thành Vương-xá. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo ở thành Vương-xá vì lòng tin xuất gia, sau khi an cư tại một thôn làng khác vừa kết thúc, nghe tin Phật an cư xong đi đến thành Vương-xá, bèn thầm nhủ: "Nay ta nên đến vấn an Thế Tôn rồi cùng theo Phật đi thăm những bà con, lúc này trời không lạnh, không nóng, vậy ta nên để lại một y, chỉ cần mặc y thượng, y hạ mà ra đi." Thế là bị Thế Tôn quở trách rằng: "Phép tắc của Tỳ-kheo là pháp y và ứng khí (bát) phải luôn đem theo bên mình, ví như chim bay, lông cánh luôn theo bên mình, không nên rời xa."

Khi Phật trú tại thành Vương-xá nơi tinh xá trong vườn trúc Ca-lan-đà. Bấy giờ, trưởng lão Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Nay ta nên vì lợi ích của bà con an cư tại thôn Na La. Nhưng vì lòng tôn kính đối với Thế Tôn nên không muốn rời xa, song cũng khó đến nói với Phật."

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Do đó, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay, Ta cho phép chư Tăng ở tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và chư Tăng tại thôn Na La cùng thiết lập chung một giới trường Bố-tát để cho Xá-lợi-phất được sống an lạc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Từ hôm nay tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na La cùng thiết lập chung một *giới trường Bố-tát. Nếu thời gian thích hợp đối với tăng, nay Tăng đem*

tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na la thiết lập chung một giới trường *Bố-tát, xin bạch như thế.*"

Một lần bạch Yết-ma, cho đến "*Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.*"

Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất an cư tại thôn Na La, hằng ngày đi đến tinh xá Trúc Viên đảnh lễ Thế Tôn, gặp lúc trời mưa suốt bảy ngày, bèn suy nghĩ: "Thân ta nay già yếu, mà y Tăng-già-lê này thì nặng, ta muốn mang đi, nhưng bị mưa ướt càng nặng thêm, còn nếu không mang đi, lỡ ra không về kịp, thành phạm tội Xả đọa. Vậy ta hãy chờ mưa tạnh rồi sẽ đi đến Thế Tôn." Nhưng lúc đi đường, gặp các ngoại đạo, tôn giả bèn luận bàn với họ (như kinh Sa-môn Quả đã nói) rồi mới đi đến Thế Tôn, đảnh lễ vấn an. Phật biết mà vẫn hỏi: "Xá-lợi-phất! Vì sao lâu ngày Ta không gặp ông?" Tôn giả bèn hướng đến Thế Tôn nói rõ các việc trên.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi gộp chung tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá và thôn Na La làm thành một giới "Bất ly y túc" (ngủ đêm không rời y), để các Tỳ-kheo được sống an lạc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

*"Xin đại đức Tăng (**294b**) lắng nghe! Nay từ tinh xá Trúc Viên tại thành Vương-xá đến thôn Na La - Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn - làm thành một phạm vi không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay gộp chung từ thành Vương-xá đến thôn Na la - Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn - làm thành một phạm vi không mất y.*

Các đại đức nào bằng lòng gộp chung từ thành Vương-xá đến thôn Na la.- Trừ các nhà dân và ranh giới của thôn - làm thành một phạm vi không mất y, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói... Tăng đã bằng lòng vì im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Sau khi kiết giới không mất y rồi thì từ thành Vương-xá đến thôn Na la, hai bên đường mỗi bên 25 khuỷu tay đều thuộc giới vức không mất y, nên Tỳ-kheo có thể để y tại thành Vương-xá rồi đi

đến thôn Na La mà không có tội, hoặc để y tại thôn Na la rồi đi đến thành Vương-xá cũng thế. Như nhân duyên của Xá-lợi-phất, nhân duyên của Mục Kiền Liên cũng như vậy.

Lại nữa, khi Thế Tôn an trú tại tinh xá Kỳ-hoàn thuộc thành Xá-vệ. Lúc ấy có một Tỳ-kheo sau bữa ăn muốn đến rừng Khai Nhãn ngồi thiền, liền suy nghĩ: "Nếu ta nghỉ đêm tại rừng Khai nhãn thì sẽ mất y Tăng-già-lê (y này bị phạm luật), liền đem cả ba y theo; bỗng gặp Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo! Vì sao thầy mang theo nhiều y thế?" Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con muốn đến rừng Khai nhãn ngồi thiền, nhưng sợ lỡ ra buổi chiều không trở về kịp thì sẽ mất y Tăng-già-lê, nên phải mang theo cả ba y."

Do thế, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi, kể từ rừng Kỳ-hoàn đến rừng Khai Nhãn các tinh xá Đông phường, tinh xá Tây phường tinh xá Đông lâm, tinh xá Tây lâm, tinh xá Vương viên, tháp Thọ trù, tinh xá Bà la lâm gộp lại làm thành giới vức không mất y, để các Tỳ-kheo sống trong đó được an lạc. Thầy Yết-ma nên nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nay từ Kỳ-hoàn đến rừng Khai Nhãn, từ tinh xá Đông lâm cho đến tháp Thọ Trù, trong phạm vi đó, trừ thôn và ranh giới của thôn... nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ rừng Kỳ-hoàn cho đến tháp Thọ trù, làm pháp Yết-ma kết giới không mất y. Đó là lời tác bạch.

*Xin đại đức Tăng lắng nghe! Từ rừng Kỳ-hoàn cho đến tháp Thọ Trù, trong phạm vi đó, trừ thôn và ranh giới của thôn (**294c**) Tăng nay kết giới không mất y. Các đại đức nào bằng lòng lấy từ rừng Kỳ-hoàn qua rừng Khai Nhãn cho đến tháp Thọ Trù làm giới vức không mất y thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.*

Tăng đã bằng lòng lấy từ rừng Kỳ-hoàn qua rừng Khai Nhãn cho đến tháp Thọ Trù làm giới vức không mất y, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Vậy việc đó cứ như thế mà thi hành."

Lại nữa, khi Phật trú tại tinh xá Kỳ-hoàn trong thành Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ bị hỏa hoạn nên dân chúng, voi, ngựa, xe cộ và trai gái mang vác y phục chạy ra khỏi thành. Còn các Tỳ-kheo thì phần lớn gởi y ở trong thành, nên vì sợ cháy y mà từ ngoài chạy gấp vào trong thành. Thấy thế, những kẻ không tin Phật ở trong thành đều chê trách: "Chúng ta vì bị lửa cháy mà chạy ra khỏi thành tị nạn, còn các Sa-môn này lại chạy vào thành giống như những con thiêu thân lao vào lửa, có việc gì mà gấp thế?"

Khi ấy có người nói: "Bọn Sa-môn này không sống theo chánh đạo, muốn lấy đồ vật của người ta. Ví như quân trộm cướp rình xem người ta giấu của ở đâu để lấy về nuôi sống, như là thuốc trị bệnh. Bọn Sa-môn này cũng như vậy, chờ khi người ta bị tai họa mà chạy xông vào thành... Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Họ bèn gọi đến. Khi các Tỳ-kheo ấy đến rồi, Phật liền hỏi: "Vì sao các ông lại hướng về trong thành mà chạy khiến cho người đời hiềm trách?" Đáp: "Bạch Thế Tôn! Y phục và vật dụng của chúng con trước đây để trong thành, khi trong thành phát hỏa, chúng con sợ mất y nên mới chạy vào để lấy."

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao Tăng chúng các ông không tác pháp Yết-ma ly y túc?"

Đáp: "Có tác Yết-ma."

Phật lại hỏi: "Tác Yết-ma bằng cách nào?"

Đáp: "Kết luôn cả thành Xá-vệ." Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Vì sao các ông lại tác Yết-ma gom chung chỗ A lan nhã với thôn xóm? Từ nay trở đi ta không cho phép làm phép Yết-ma gom chung A lan nhã với thôn xóm, mà phải A lan nhã kết chung với A lan nhã, thôn xóm kết chung với thôn xóm. Nếu ghép chung A

lan nhã với thôn xóm, thôn xóm với A lan nhã thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Thế rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại (**295a**) thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả. Rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo việc y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà rời một trong ba y ngủ qua đêm một chỗ khác - trừ trường hợp Tăng Yết-ma cho phép - thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích:

Y đã xong: Ba y đã đầy đủ gọi là y đã xong. Hoặc không thọ y Ca hi la cũng gọi là y đã xong, hoặc đã xả y Ca-hi-na cũng gọi là y đã xong, hoặc y được giặt nhuộm xong cũng gọi là y đã xong.

Y: Y gồm có các loại y Kiếp-bối, y Khâm bà la, y Sô ma, y Kiều xá da, y Xá na, y Ma, y Khu mâu đề.

Xả y Ca-hi-na: Gồm có mười việc từ thọ y xả cho đến chung cục xả.

Một đêm: Từ lúc mặt trời sắp lặn cho đến bình minh xuất hiện.

Ba y: Y Tăng-già-lê, y Uất đa la tăng và y An đà hội.

Trừ Tăng Yết-ma: Nếu Tăng không làm Yết-ma cho phép thì không được rời y một đêm. Nhưng nếu làm Yết-ma mà bạch không đúng cách thì việc Yết-ma cũng không thành tựu. Hoặc làm Yết-ma mà tất cả đều sai cách thức thì cũng như không làm Yết-ma.

Làm Yết-ma: Bạch thành tựu (đúng cách thức), Yết-ma thành tựu, chúng thành tựu, tất cả mọi chi tiết đều đúng pháp thì gọi là Tăng đã làm Yết-ma. Nếu đã làm Yết-ma như thế thì Thế Tôn bảo là không có tội (tức được rời y một đêm không phạm tội).

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề:Tức chiếc y ấy cần phải xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Cương giới: gồm có: (1) Cương giới Yết-ma; (2) Cương giới du hành; (3) Cương giới nương tựa; (4) Cương giới bảy cây Am-bà-la (xoài).

Cương giới Yết-ma: (a) Nói rộng; (b). Nói sơ lược; (c). Thôn xóm; (d). Nêu tên; (e). Cột mốc; (f). Tùy khúc giới; (g). Tị nạn giới; (hoặc) Chư phương giới.

a. Nói rộng: Như tại nước Ma Đầu La có Tùng Lâm tinh xá, ở phía Đông của Ma Đầu La, có sông Diêm Phù Na và về phía Đông của sông này có tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc sai sứ giả đến thưa với chư Tăng tại tinh xá Tùng Lâm như sau:

"Chúng tôi muốn cùng quí vị kết chung một giới vức Bố-tát."

Các Tỳ-kheo kia hỏi: "Vì sao vậy?"

Đáp: "Vì ở bên đó có nhiều thức ăn ngon lành, lại được y của từng phòng riêng, y An cư, nên chúng tôi muốn cùng được san sẻ."

Các Tỳ-kheo kia nên trả lời: "Nếu vì y phục và ẩm thực mà muốn kết giới chung thì điều đó không thích hợp, các vị cứ hãy ở yên bên đó."

Nhưng nếu họ nói: "Trú xứ của chúng tôi có nhiều Tỳ-kheo trẻ tuổi, không am tường Khế Kinh, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không khéo quán tưởng về ấm, giới, nhập, 12 nhân duyên, cho nên muốn đến các Trưởng lão để học Khế Kinh, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, ấm, giới, nhập, quán tưởng 12 nhân duyên."

Thì các vị kia nên nói: "Sau khi Tăng chúng bên các thầy làm Yết-ma mà không gặp trở ngại gì thì chúng tôi sẽ cùng (**295b**) các Thầy kết giới chung."

Đồng thời bảo tất cả Tỳ-kheo đến hết bên đó. Nếu không đến thì tất cả phải ra hết ngoài giới, hoặc là bên đó đến, hoặc là ra hết ngoài giới rồi mới làm phép Yết-ma. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Tùng Lâm đến tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc, ở trong đó: Nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới cùng kết chung một giới vức Bố-tát." Đó là lời tác bạch.

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Từ tinh xá Tùng Lâm này đến tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc, ở trong đó: Nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới Tăng nay kết hợp chung thành một giới vức Bố-tát. Các đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng đem tinh xá Ma Đầu La, Tùng Lâm kết chung với tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc - hai đại giới này thành một giới vức Bố-tát đã xong. Tăng bằng lòng vì im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành."

Nếu ở trung gian không có sông thì nên làm Yết-ma thành một chỗ, nhưng nếu ở Trung gian có sông thì phải làm Yết-ma chia thành ba khu vực:

1. Tinh xá Ma Đầu La.
2. Trong nước.
3. Tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc.

Nhưng nếu trong sông có cù lao thì phải làm Yết-ma chia thành năm khu vực:

1. Tinh xá Ma Đầu La.
2. Trong nước.
3. Trên cù lao.
4. Trong nước.
5. Thôn Tiên Nhân.

Cũng như trên đất liền cách hai bên đường mỗi bên 25 khuỷu tay, ở trong nước cũng vậy.

Sau khi kiết giới xong, một hôm vào mùa hạ, nước dâng lên cao, Tỳ-kheo nhận dục xong muốn đến tham dự Yết-ma, nhưng bị nước cuốn trôi ra khỏi ranh giới, suýt chết, may mà sống được, bèn bạch với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi tôi nhận dục xong đến đây bị nước cuốn trôi, may mà thoát chết, nay có thể kiết giới rộng được không?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Được! Vậy Thầy hãy đi đến phía trên, phía dưới nước khoảng ba do tuần làm các tiêu xí như cây, đá, hoặc đống đất, rồi trở về đây."

Bấy giờ, người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Từ tinh xá Ma Đầu La cho đến tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới, trung gian giới và trên, dưới nước với chừng mực như thế trở lại... Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay kết từ tinh xá Ma Đầu La cho đến Tinh Xá Tiên Nhân Tụ Lạc, trên dưới sông với chừng mực như thế trở lại làm thành giới vức Bố-tát Yết-ma, xin bạch như vậy."

Rồi bạch một lần Yết-ma cho đến *"Tăng bằng lòng vì im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành."*

Lại có một lần, một người nhận dục xong đi đến chỗ Yết-ma, bèn lên thuyền định đi, nhưng người chèo đò kéo thuyền ngược dòng nước rồi mới chèo, liền nói với Tỳ-kheo: "(**295c**) Thuyền nặng khó kéo đi, Thầy hãy lên bờ đến chỗ chèo được rồi hãy lên thuyền trở lại." Thầy Tỳ-kheo này vì đang nhận dục nên không được lên bờ, vì hễ ra khỏi giới thì bị mất dục. Do đó, Thầy phải lội dọc theo bờ mà đi tới, nhưng vì thuyền trôi quá nhanh nên ra khỏi phạm vi của giới vức. Tỳ-kheo bèn ở trong phạm vi của giới vức bơi theo thuyền, nhưng nước lại cuốn thuyền trôi về phía dưới quá ba do tuần. Bấy giờ, Tỳ-kheo phải bỏ thuyền nhắm bờ mà lội đến, khi

tới được đầu đường thuộc phạm vi trong giới vức rồi mới lên bờ. Đó là trình bày rộng.

b. Nói sơ lược: Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Ma Đầu La cho đến tinh xá Tiên Nhân Tụ Lạc, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian, kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế."

Bạch một lần Yết-ma cho đến "*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*"

Đó gọi là nói sơ lược về cương giới.

c. (Cương giới của) thôn xóm: Nếu như tinh xá Ma Đầu La ở phương Tây và tinh xá Tụ Lạc muốn kết chung thành một cương giới Bố-tát thì nên kể tên các tinh xá trong phạm vi ba do tuần để làm Yết-ma. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy từ tinh xá Điềm, tinh xá Đông, tinh xá Thắng, tinh xá Bất Loạn, tinh xá Hiền, tinh xá Giới Thứ Đệ, tinh xá Loa, tinh xá Lạc Thôn và tinh xá Hoàng, trong các tinh xá như vậy, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế."

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "*Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*"

d. Nêu tên (cương giới)**:** Nếu Tỳ-kheo làm Yết-ma không biết tên của các tinh xá thì nên nhờ một cựu Tỳ-kheo hiểu biết xướng tên của các tinh xá giữa chúng Tăng, rồi người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, thì kể từ hôm nay, Tăng đem các tinh xá mà thầy Tỳ-kheo mỗ giáp

vừa nêu tên, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới, kết chung thành một cương giới Bố-tát, xin bạch như thế."

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "*Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*" Đó gọi là nêu tên cương giới.

e. Cột mốc của giới: Người làm Yết-ma nói như thế này:

*"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay lấy các cột mốc như tảng đá, ngọn núi, cái giếng, bến đò, gốc cây, nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới, (**296a**) kết thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế.*"

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*"

Nếu người làm Yết-ma không biết rõ các cột mốc thì trước hết phải nhờ một Tỳ-kheo cựu trú hiểu biết xướng tên các cột mốc ở giữa Tăng như trong trường hợp nêu tên ranh giới ở trên.

f. Tùy khúc giới: Có các tinh xá ở cuối thôn xóm bị hư hại nhiều, rồi có người cúng dường dụng cụ cho chúng Tăng muốn các Tỳ-kheo của các tinh xá kết chung một cương giới Bố-tát, và dùng các dụng cụ ấy sửa chữa các tinh xá. Nhưng Tỳ-kheo ở các nơi có người thì muốn kết giới chung, có người thì không muốn. Nếu gặp trường hợp như thế, thì những người muốn kết giới chung phải tập họp hết lại rồi dẫn nhau ra khỏi cương giới. Còn những người không muốn kết giới chung thì phải đặt những cột mốc trong phạm vi tinh xá của mình để an trú. Trong khi ấy những người muốn kết giới chung sau khi đã tập họp một chỗ thì người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, kể từ hôm nay, Tăng đem trú xứ này với trú xứ mỗ giáp, có những cột mốc chỉ rõ nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế."

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "*Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*" Đó gọi là Tùy khúc giới.

g. Tỵ nạn giới: Tại một trú xứ kia, các Tỳ-kheo đã tiền an cư, hậu an cư xong, bỗng một hôm có tai nạn xảy ra, như nạn giặp cướp, nạn vua, hoặc bị cướp đoạt mạng sống, hoặc phá giới, hoặc nước có nhiều ký sinh trùng lọc không sạch; do thế, các Tỳ-kheo muốn đến một tinh xá cách đó ba do tuần để lánh các tai nạn ấy. Bấy giờ, phải gọi các Tỳ-kheo ở tinh xá ấy đến, hoặc ra ngoài giới, rồi người làm Yết-ma tác bạch thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng đem trú xứ này với tinh xá Tụ Lạc mỗ giáp kia gồm nội giới, ngoại giới, nội ngoại giới và trung gian giới kết chung thành một cương giới Bố-tát. Xin bạch như thế."

Rồi bạch một lần Yết-ma, cho đến: "*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành.*"

Nếu đến nơi đó rồi, lại muốn tới các tinh xá khác nữa, thì nên xả cương giới trước bằng cách bạch Yết-ma như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay đem trú xứ này với trú xứ trước kia kết thành cương giới tụng giới riêng, xin bạch như vậy."

Rồi bạch một lần Yết-ma cho đến: "*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.*"

Thế rồi, Tăng lại muốn đi tới một tinh xá cách đó ba do tuần và (**296b**) kết thành một cương giới Bố-tát. Rồi muốn đi tới trước nữa, thì phải xả cái sau, kết cái trước, cho đến khi tìm được nơi thích ý ở phía trước. Cứ như vậy, tùy ý kết, tùy ý xả. Đó gọi là cương giới tị nạn.

h. Chư phương giới: Nếu Tỳ-kheo trong lúc hạ an cư mà xảy ra các tai nạn như: Nạn vua, nạn giặc, nạn cướp, nạn giết hại, nạn phá giới, hoặc nước có nhiều ký sinh trùng không thể lọc sạch

được, thì tùy theo bốn phương, mỗi phương cách ba do tuần, được tự do kết giới, như đã nói ở trên. Nếu tai nạn đến bất ngờ, không thể làm Yết-ma được, thì có thể ra đi, không có tội. Đó gọi là cương giới ở các phương.

2. Cương giới du hành: Đó là các cương giới như:

1. Cương giới của một thôn có 60 gia đình.
2. Cương giới có ngăn cách.
3. Cương giới lầu gác.
4. Cương giới giữa hai con đường.
5. Cương giới của giếng.
6. Cương giới của cây.
7. Cương giới của vườn.
8. Cương giới của đám dây bò dưới đất.
9. Cương giới tạm trú một đêm.
10. Cương giới của thuyền.
11. Cương giới trong nhà.
12. Cương giới gồm chung.

Cương giới của một thôn có 60 gia đình: Như một thôn xóm lớn của nước Thích Ca Lê, thôn lớn của nước Tô Di, thôn lớn của nước Ma Đầu La, thôn lớn của ấp Ba Liên Phất; các thôn ấy đều có xây cất nhà cửa. Nếu Tỳ-kheo để y tại ngôi nhà thứ nhất còn bản thân mình ngủ đêm tại ngôi nhà thứ ba, mà lúc ra đi mặt trời chưa lặn đến lúc mặt trời xuất hiện mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi lúc mặt trời đã lặn đến sáng hôm sau mặt trời chưa xuất hiện trở về thì chưa có tội. Nhưng khi ra đi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa xuất hiện trở về thì không có tội. Hoặc giả, trong tất cả các ngôi nhà ấy đều có Tỳ-kheo trú ngụ thì không có tội. Hoặc đã kết giới không mất y, thì không có tội. Hoặc thôn xóm có tường vách bao quanh thì không có tội. Hoặc

có hào mương bao quanh cũng không có tội. Hoặc có bờ ngăn nước bao quanh cũng không có tội. Hoặc các ngôi nhà ấy đều đi chung một cửa cũng không có tội. Nếu thôn xóm đó có con đường xuyên qua mà Tỳ-kheo để y ở bên trái đường còn mình đi qua bên phải đường từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời xuất hiện, thì như đã nói ở trên. Nếu Tỳ-kheo nằm nghỉ ở giữa đường, dùng ba y gối đầu, (cho đến khi mặt trời chưa xuất hiện) mà y rời khỏi đầu thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Vì (theo luật) không được cách ly với y (vào lúc ban đêm). Thế nên tất cả các y ấy đều phải xả (giữa chúng Tăng). Nếu thôn xóm có tường bao xung quanh, hoặc có hào mương, có bờ rào, hoặc cả thôn chỉ có một cổng mà cổng được đóng lại, thì đều không có tội. Đó gọi là cương giới của một thôn có 60 gia đình.

Cương giới bị ngăn cách: Cũng như trên.

Cương giới của lầu gác: Cách con đường lên gác thang mỗi bên 25 khuỷu tay, đó gọi là cương giới của lầu gác. Nếu Tỳ-kheo để y trên gác, rồi vào lúc mặt trời chưa lặn ra đi cách đó hơn 25 khuỷu tay, đến khi mặt trời xuất hiện mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi lúc mặt trời đã lặn, đến khi mặt trời xuất hiện trở về thì không có tội. Hoặc ra đi lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời chưa mọc mà trở về, thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo đang ở trên lầu gác mà sợ bọn giặc cướp đến cướp phá lầu gác nên mang y ra khỏi lầu gác cách xa hơn 25 khuỷu tay cất giấu, rồi trở về nghỉ trên lầu, khi ra đi mặt trời chưa lặn (**296c**) đến lúc mặt trời xuất hiện mới nhận lại y thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ban đêm đi đại tiểu tiện lìa y trong vòng 25 khuỷu tay, rồi sau đó trở về lại chỗ để y, thì không có tội. Đó gọi là Cương giới của lầu gác.

Cương giới của hai loại đường: Đó là: (1) Đường bộ; (2) Đường xe đi.

(1) Cương giới đường bộ: Có Tỳ-kheo vì sợ lạnh nên đi đến các xứ ấm áp, hoặc vì sợ nóng nên đi đến những xứ ôn đới. Trong khi đi đường, Thầy vừa đi vừa bàn luận với các bạn bè, đệ tử mang y bát đi sau, theo Thầy không kịp. Đến lúc mặt trời lặn, Thầy sợ phạm tội nghỉ rời y, nên rời khỏi con đường, dừng lại một chỗ để đợi đệ tử. Nhưng lúc đệ tử đi qua không thấy Thầy, nên Thầy ngồi đợi cho đến sáng. Nếu chỗ Thầy ngồi đợi y cách đường trong vòng 25 khuỷu tay, rồi sau đó mới gặp lại y, thì không phạm. Nhưng nếu chỗ ngồi chờ quá 25 khuỷu tay thì phạm tội Ni tát Kỳ.

Hoặc trường hợp đệ tử cầm y đi trước, khi mặt trời lặn liền suy nghĩ: "Chớ để Thầy ta nghỉ đêm rời y"bèn dừng lại ở ngoài đường đợi Thầy đến. Nhưng vì ngủ quên không hay Thầy đi qua, đến sáng mới gặp nhau thì cũng như trên đã nói. Đó gọi là đường bộ.

(2) Cương giới đường xe đi: Tỳ-kheo cùng đi xe với khách buôn, để y trên xe, vì sợ bụi bặm nên đi trước, đến lúc mặt trời lặn, sợ phạm tội ngủ rời y, phải dừng lại ở ngoài đường trong vòng 25 khuỷu tay chờ xe để đến để gặp lại y, thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo để y trên xe rồi đi theo sau xe, đến khi mặt trời lặn không biết chiếc xe nào là xe mình để y, thì bấy giờ Tỳ-kheo nên nghỉ cách bến xe trong vòng 25 khuỷu tay, rồi sáng hôm sau gặp lại y thì không phạm.

Nếu chiếc xe lớn phải leo lên một, hai, ba tầng cấp mà Tỳ-kheo để y trên xe rồi đứng dưới xe, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời xuất hiện thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói. Nhưng nếu giữa đêm có sờ tay vào trên xe thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo nghỉ trên xe mà để y dưới xe, hoặc ở trước xe mà để y sau xe, hoặc ở sau xe mà để y trước xe (297a), hoặc ở bên trái xe mà để y bên phải xe, hoặc ở bên phải xe mà để y bên trái xe, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo để y trên xe rồi tìm chỗ yên lặng cách xe hơn 25 khuỷu tay để nghỉ; ra đi từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì sợ bọn cướp nên đem y cất giấu một chỗ cách xe hơn 25 khuỷu tay rồi trở về ngủ trên xe, từ khi mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu ban đêm trở dậy đi đại tiểu tiện, rời y trong vòng 25 khuỷu tay, rồi trở về chỗ để y thì không có tội.

Nếu tại bãi xe người ta dùng dây dài ngăn ra để nhốt bò, mà Tỳ-kheo nghỉ phía bên này dây, để y phía bên kia dây, từ lúc mặt trời chưa lặn cho đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Đó gọi là cương giới hai loại đường.

Cương giới của giếng: Nếu Tỳ-kheo đi đường với khách buôn, lỡ đường trú lại ở bên giếng, cách thành giếng trong vòng 25 khuỷu tay gọi là cương giới của giếng. Nếu để y trên thành giếng mà Tỳ-kheo đi cách thành giếng hơn 25 khuỷu tay, lúc ra đi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì phạm tội Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói.

Nếu vì sợ bọn cướp nên từ lúc mặt trời chưa lặn đem y đi giấu cách giếng hơn 25 khuỷu tay, rồi trở về nghỉ lại bên giếng đến khi mặt trời mọc mới lấy lại y thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu để y nơi cái lều che giếng rồi nghỉ trên giếng, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu dùng dây buộc từ cái y đến thân mình thì không phạm. Hoặc để y dưới đáy giếng, ngủ ở trên giếng, hoặc để y trên giếng, ngủ dưới đáy giếng (nếu giếng khô) cũng như thế. Nếu ban đêm đưa tay, chân chạm đến giếng, hợp cùng y thì không có tội. Đó gọi là cương giới của giếng.

Cương giới của cây: Trên cành lá của cây trong vòng 25 khuỷu tay gọi là cương giới của cây. Nếu Tỳ-kheo để y cách xa cây hơn 25 khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc... thì giống như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo vì sợ bọn cướp lấy y nên để

y cách xa cây hơn 25 khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới lấy lại y, thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc nhận lại y thì không phạm. Hoặc ra đi từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về thì không phạm. Hoặc trong đêm ghé lại chỗ để y chạm vào y, thì không phạm. Nếu để y trên cây, nghỉ dưới gốc cây, hoặc để y dưới gốc cây nghỉ trên cây từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu dùng dây buộc từ y đến thân mình thì không có tội. Đó gọi là cương giới của cây.

Cương giới của vườn: Cũng như vậy.

Cương giới của đám dây bò dưới đất: Các loại dây như dây mây, dây dang (**297b**), dây chùm bao, dây bìm bìm, dây tơ hồng v.v. Cách ngoài các loại dây ấy chừng độ 25 khuỷu tay thì được gọi là cương giới của các đám dây. Nếu Tỳ-kheo đi đường với khách buôn gặp những đám dây như thế, muốn nghỉ lại bèn tìm một chỗ khuất để giấu y dưới đám dây, rồi ra ngoài phạm vi 25 khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới trở về, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu ra đi từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc trở về thì không có tội. Hoặc ra đi từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc trở về cũng không có tội. Nếu vì sợ bọn cướp lấy y nên đem giấu y cách đám dây hơn 25 khuỷu tay, rồi trở về nghỉ chỗ đám dây, ra đi lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì cũng như trên đã nói. Nếu trong đêm đi tiểu rồi trở về chỗ để y chạm vào y thì không có tội.

Nếu để y trên đám dây, nghỉ dưới đám dây, để y dưới đám dây nghỉ trên đám dây thì cũng như vậy. Nhưng nếu dùng dây buộc từ y đến thân thì không có tội. Đó gọi là cương giới của đám dây.

Cương giới tạm trú: Nếu Tỳ-kheo dừng chân nơi lữ quán với nhiều hạng người, rồi chủ lữ quán nói: "Ở trong đây sợ có kẻ trộm cắp, vậy mỗi người phải tự phòng bị."

Tỳ-kheo bèn hỏi chủ lữ quán: "Lão trượng! Chỗ nào an toàn?"

Chủ lữ quán đáp: "Trên gác an toàn", hoặc nói: "Dưới gác an toàn." Rồi Tỳ-kheo giấu y dưới gác, lên nghỉ trên gác, hoặc giấu y trên gác xuống nghỉ dưới gác, rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu con đường lên thang gác thông nhau, thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo trong lúc đi đường dừng chân tại một Thiên Tự, rồi người chủ Thiên Tự nói: "Ở nơi đây sợ có kẻ lấy trộm đồ, vậy mỗi người phải tự phòng bị lấy."

Tỳ-kheo bèn hỏi chủ Thiên Tự: "Nơi nào an toàn?"

Người chủ Thiên Tự hoặc đáp: "Ở trong nhà an toàn, hoặc ở ngoài nhà an toàn."

Rồi Tỳ-kheo bèn để y ở trong nhà, ra ngoài nhà nằm quay đầu về hướng nhà, rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, như trên đã nói. Nhưng nếu Tỳ-kheo nằm gần cửa thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo đi đường rồi dừng chân tại một thôn xóm hoang vắng, để y tại căn phòng thứ nhất, còn mình nghỉ tại căn phòng thứ ba, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nhưng nếu tất cả các phòng đều có Tỳ-kheo trú, thì không phạm. Hoặc đã làm Yết-ma kết giới (không mất y), hoặc thôn xóm có hàng rào, tường, mương nước bao quanh, hoặc có con sông chảy xung quanh, thì không phạm. Đó gọi là cương giới tạm trú.

Cương giới của thuyền: Nếu Tỳ-kheo đi thuyền hoặc ngược dòng, hoặc xuôi dòng nước, trên thuyền có nhiều chỗ trú chân, hoặc chỗ trú chân của Tỳ-kheo, hoặc chỗ trú chân của ngoại đạo. Chỗ trú chân của Tỳ-kheo không kín đáo, không an toàn, nên Tỳ-kheo đem y đến gởi tại chỗ của ngoại đạo (**297c**), rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ, cũng như trên đã nói. Nhưng nếu ngoại đạo đồng ý cho gởi y vật, thì không phạm.

Nếu thuyền cập bến, Tỳ-kheo để y trên thuyền, rồi lên thuyền đi quá 25 khuỷu tay, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc thì như trên đã nói.

Nếu vì sợ trên thuyền có kẻ trộm nên Tỳ-kheo đem y lên bờ giấu ở chỗ cách thuyền hơn 25 khuỷu tay, rồi trở về nghỉ lại trên thuyền, rời y từ khi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc mới nhận lại y thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm đi đại tiểu tiện rồi ghé lại chỗ để y, chạm vào y thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo phơi y trên thuyền, bị gió thổi khiến y bay cách xa thuyền, trải qua suốt đêm, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm gió thổi y bay vào trong thuyền thì không phạm. Nếu phơi y một nửa trong thuyền, một nửa ở ngoài thuyền thì phạm Ni-tát-kỳ.

Vì y không được rời người, nên (nếu y rời người) thì phải xả tất cả. Đó gọi là cương giới của thuyền.

Cương giới trong nhà: Có hai anh em nhà kia cùng sống chung trong một nhà, sau đó họ ngăn hai ra, hoặc anh không cho em vào nhà mình, hoặc em không cho anh vào nhà mình. Nếu Tỳ-kheo nghỉ tại nhà người anh để y tại nhà người em, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nhưng nếu hai anh em nói với Tỳ-kheo: "Vì chúng tôi là người thế tục nên phải ngăn ra như thế nhưng đối với pháp không có gì trở ngại, Thầy cứ tùy ý an trú", thì khi ấy có thể tùy ý để y (bên nào cũng được) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y rồi nghỉ lại, vì sợ kẻ trộm nên hỏi bạch y: "Chỗ nào an toàn?"

Đáp: "Trong nhà an toàn." Tỳ-kheo bèn để y trong nhà và nghỉ ở ngoài nhà từ khi mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì như trên đã nói. Nếu trong đêm đưa một cánh tay vào trong nhà ngang qua lỗ trống, thì không phạm. Đó gọi là cương giới trong nhà.

Cương giới cả bốn bên: Nếu ở tại chỗ ranh giới của 4 thôn, Tỳ-kheo gối y trên đầu mà nằm, đầu thuộc một ranh giới, hai tay mỗi tay thuộc một ranh giới và chân thuộc một ranh giới. Nếu để y rời khỏi đầu, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu trong đêm tay chân có chạm vào y thì không phạm.

Nếu xe dừng tại chỗ 4 ranh giới ấy mà đầu xe thuộc một ranh giới, đuôi xe thuộc một ranh giới, bánh xe trái thuộc một ranh giới, bánh xe phải thuộc một ranh giới; nếu để y trước xe, nghỉ sau xe, hoặc để y sau xe, nghỉ trước xe; hoặc để y bên phải xe, nghỉ bên trái xe; hoặc để y bên trái xe, nghỉ bên phải xe, từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời mọc, thì phạm Ni-tát-kỳ. Nếu rời y từ lúc mặt trời đã lặn đến khi mặt trời mọc chạm lại y thì không phạm. Hoặc rời y từ lúc mặt trời chưa lặn đến khi mặt trời chưa mọc, chạm lại y thì không phạm. Đó gọi là cương giới của bốn bên.

3. Cương giới nương tựa (thôn xóm): Nếu Tỳ-kheo mặc thượng, hạ y vào thôn xóm, có chủ nhân (**298a**) nói với Tỳ-kheo: "Đêm nay tôi muốn cúng dường tượng Phật để tạo phước đức, nhờ Thầy hãy giúp tôi sắp đặt cho." Tỳ-kheo bèn giúp họ trang trí tượng Phật hoặc treo màn, cắm hoa, trải tòa, sắp đặt giường ghế, đến lúc mặt trời lặn, Tỳ-kheo nói với chủ nhân: "Trời đã hoàng hôn, tôi phải về lại tinh xá", nhưng chủ nhân ân cần lưu Tỳ-kheo nghỉ lại. Nếu ở đây có các Tỳ-kheo khác có y dư thì nên mượn tạm để mặc. Nếu tại đó không có, mà gần đó có Tỳ-kheo cư trú thì nên đến họ mượn y. Nếu không có Tỳ-kheo mà có Tỳ-kheo-ni cư trú thì cũng nên đến họ mượn. Nếu cũng không có mà người thế tục ở đây lại có y thì nên mượn y của họ rồi tác tịnh làm dấu để mặc. Nếu không có các trường hợp ấy thì rạng đông hôm sau khi cửa thành mở, phải trở về chùa gấp. Lúc trở về tinh xá, nếu cổng chùa chưa mở thì phải gọi người mở cửa. Nếu gọi không được thì phải trú dưới nhà của cổng chùa. Nếu cổng không có nhà thì phải đưa một tay xuyên qua lỗ trống vào bên trong. Lỗ trống có 2 loại: Hoặc lỗ trống của cửa, hoặc cống nước. Nếu cửa không có lỗ trống mà có cống nước thì nên đưa tay hoặc chân vào trong lỗ

trống của cống nước. Trước khi đút tay chân vào nên dùng cây quậy nước cho rắn rít kinh sợ bỏ chạy rồi mới đút tay chân vào để tiếp cận với cương giới của y. Nếu không có cống nước thì nên leo tường mà vào; trước khi leo vào phải ra hiệu để người bên trong biết, kẻo họ ngỡ là bọn cướp mà sinh ra kinh sợ. Nếu không vào được thì phải xả y (để ở chùa) để khỏi phạm tội Việt-tỳ-ni, mà từ tội nhẹ hóa thành tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo ở tại tinh xá giặt y rồi trải trên bờ tường để phơi, bất ngờ ban đêm bị gió thổi làm rơi bên ngoài tường thì phạm Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu y rơi bên trong tường thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo ra ngoài tinh xá cởi y chấp tác, rồi để quên y ngoài đó, ban đêm nhớ lại ra tìm, nhưng không thấy, đến sáng sớm ra tìm mới thấy. Nếu y đó để cách tinh xá trong vòng 25 khuỷu tay thì không phạm, nhưng nếu cách tinh xá hơn 25 khuỷu tay thì phạm Ni-tát-kỳ. Y đó phải xả giữa chúng Tăng. Đó gọi là cương giới của thôn xóm.

4. Cương giới của 7 cây xoài: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Bà-la-môn chuyên trồng loại cây xoài. Ông ta nghe nói Sa-môn Cù Đàm ở thành Xá-vệ có Nhất thiết tri kiến, ai hỏi điều gì đều có thể trả lời thông suốt, bèn suy nghĩ: "Nay ta hãy đến hỏi về phương pháp trồng xoài, xem làm cách nào để cho gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng, không bị chướng ngại." Nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến chỗ Thế Tôn (**298b**), cùng nhau thăm hỏi, rồi ngồi xuống một bên, bạch với Thế Tôn: "Sa-môn Cù Đàm! Trồng xoài bằng phương pháp nào để cho gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng không bị chướng ngại?"

Khi ấy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn: "Dùng năm thước làm mức đo, cứ bảy thước trồng một cây, trồng như thế thì có thể làm cho cây ấy có gốc rễ vững chắc, cành lá tốt tươi, hoa quả sum sê, chồi mầm sinh trưởng, không bị trở ngại nhau." Bấy giờ, Bà-la-môn hoan hỉ, bèn thốt lên rằng: "Lành thay Sa-môn Cù Đàm! Biết rất

rành phương pháp trồng cây, thật là bậc có trí biết tất cả mọi thứ", rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Sau khi Bà-la-môn ra đi không bao lâu, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Bà-la-môn này bữa nay thật là thiệt thòi lớn, điều nên hỏi thì không hỏi, điều không nên hỏi lại hỏi. Nếu ông ta hỏi về ý nghĩa của khổ tập thì đã có thể thấy được dấu vết của đạo mầu rồi. Tuy nhiên ông ta bữa nay đối với ta phát tâm hoan hỉ, như vậy cũng đã được ích lợi rồi."

Khi ấy, Ưu-ba-ly biết đúng lúc, bèn bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con đã nghe về giới hạn của cây xoài, giờ xin hỏi thêm: "Nếu có một thành thị thôn xóm nào đó không thể biết được ranh giới, nhưng ta muốn làm Yết-ma thì đến chừng mức nào được xem là Yết-ma tốt nhất để cho Tăng chúng ở các chỗ đều có thể trông thấy nhau, khiến pháp Yết-ma thành tựu, Tăng chúng không phạm tội biệt chúng?"

Phật nói với Ưu-ba-ly: "Cứ 5 khuỷu tay thành một cung, 7 cung trồng một cây xoài, làm Yết-ma trong phạm vi 7 cây xoài, thì gọi là pháp Yết-ma tốt nhất, khiến cho Tăng chúng ở các chỗ thấy được nhau, khỏi phạm tội biệt chúng. Đó gọi là cương giới của 7 cây xoài."

Nếu Tỳ-kheo lìa y ngủ qua đêm thì nên bạch với một vị trì luật có thể làm Yết-ma như sau: "Thưa Trưởng lão! Tôi đã ngủ cách ly với chiếc y này qua đêm nên phải xả, xin Trưởng lão làm Yết-ma giúp tôi." Pháp Yết-ma này như trường hợp y quá 10 ngày đã nói ở trên. Thế nên nói:

"Khi việc y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà Tỳ-kheo rời một trong ba y ngủ ở một chỗ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp Tăng Yết-ma cho phép."

(Hết giới thứ 2 của Ni-tát-kỳ)

*

3. CẤT VẢI QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn giả A-na-luật đang dừng chân ở bên sông A Kì La được một miếng vải nhỏ, thầy bèn đem xuống sông A Kì La giặt rồi cất, định tìm thêm những miếng khác nữa. Khi ấy, đức Thế Tôn khuất dạng nơi chỗ trú và hiện đến bên bờ sông A Kì La, mặc dù biết Ngài vẫn hỏi A-na-luật: "Ông làm gì đó?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con được một miếng vải nhỏ, kích thước không đủ (**298c**), con định kiếm thêm những miếng khác nữa."

Phật nói với A-na-luật: "Ông có chỗ nào hy vọng kiếm thêm được vải nữa không?"

Đáp: "Có!"

Thế Tôn hỏi: "Chừng nào có thể được?"

Đáp: "Một tháng."

Phật dạy: "Từ nay trở đi, ta cho phép ai có vải không đủ (may y) mà có chỗ hy vọng tìm thêm được nữa, thì có thể đợi một tháng để tìm cho đủ." Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới:

> ***Nếu Tỳ-kheo y đã xong, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà được vải phi thời, lại đang cần y, thì hãy may nhanh thành y để dùng. Nếu số vải đó không đủ may y mà có chỗ hy vọng kiếm thêm cho đủ, thì Ta cho phép được cất trong một tháng. Trái lại, nếu cất trên một tháng thì dù đủ hay không đủ đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y đã xong: Ba y đã đầy đủ cũng gọi là y đã xong. Không thọ y Ca-hi-na cũng gọi là y đã xong. Y Ca-hi-na đã xả cũng gọi là y đã xong. Giặt nhuộm y cũng gọi là y đã xong.

Đã xả y Ca-hi-na: Có mười trường hợp xả y Ca-hi-na như trên đã nói.

Được vải: Được vải từ những người tại gia, xuất gia gọi là được vải.

Phi thời: Nếu có thọ y Ca-hi-na thì thời gian phi thời là 7 tháng. Nếu không thọ y Ca-hi-na thì thời gian phi thời là 11 tháng. Nếu được vải trong thời gian ấy, thì vải ấy thuộc phi thời.

Vải: Như trên đã nói.

Cần: Nếu vị Tỳ-kheo này thật sự đang cần đến y thì có thể dùng vải (vừa nhận được) may nhanh thành y để dùng. Nếu vải chưa đủ thì có thể triển hạn 1 tháng, tức là 30 ngày, được cất giữ trong thời gian đó để chờ cho đủ.

Có hy vọng: Nếu Tỳ-kheo nghe nói nơi nào đó sẽ cúng vải thì có thể đợi cho đủ số, nên được cất giữ trong một tháng; nếu quá một tháng thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Chiếc y đó phải xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo trong 10 ngày ấy có hy vọng được thêm vải, rồi mất hy vọng, hoặc hy vọng rất nhỏ nhoi, hoặc không có thể hy vọng, hoặc hy vọng yếu ớt, hoặc sinh hy vọng trở lại rồi mất hy vọng, hoặc hy vọng một chỗ khác v.v.., những trường hợp này đều là triển hạn không chính đáng. Nếu khi được vải đủ số mà trong đó một nửa có tác tịnh, một nửa không tác tịnh, thì số đã tác tịnh được xem là hợp pháp; còn số không tác tịnh, để quá 10 ngày phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày đầu hoặc được vải từ cư sĩ, hoặc được vải phấn tảo mà không tự mình may y, không nhờ người khác may hộ, lại không cần dùng, không tác tịnh, thì số vải đó dù có may y hay không may y và các vải dư khác để quá 10 ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày đầu được vải cũ hoặc vải vụn (**299a**) mà không tự may y, không nhờ người khác may, để quá 10 ngày thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày giữa được vải đã giặt sạch hoặc chưa giặt sạch mà không tự mình may y cũng không nhờ người khác may, không sử dụng cũng không tác tịnh, thì số vải ấy dù đem may y hay không may y và các vải dư khác để quá 10 ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày được vải thích hợp hoặc không thích hợp, nhận rồi mà không tự may y, cũng không nhờ người khác may y, để quá 10 ngày, thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày sau được vải, ban đầu định may một y, nhưng sau lại muốn may hai y. Rồi các Tỳ-kheo khác nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão! Ban đầu Thầy định may một y, nay vì sao lại may hai y? Nay Thầy nên may một y như dự định ban đầu." Vị Tỳ-kheo ấy khi đã được vải không tự mình may y mà cũng không nhờ người khác may, lại để quá 10 ngày sau thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày sau được vải định may một y nhỏ nhiều mảnh, nhưng lại may một cái y lớn nhiều mảnh. Các Tỳ-kheo khác nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão! Ban đầu Thầy định may một y nhỏ nhiều mảnh nay vì sao lại may một y lớn nhiều mảnh? Thầy hãy may theo dự định ban đầu." Vị Tỳ-kheo này được vải rồi mà không tự mình may y, không nhờ người khác may, không sử dụng, cũng không tác tịnh, thì số vải ấy dù may hay không may y, và các vải dư khác đã để quá 10 ngày đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo được vải trong vòng 10 ngày đầu thì nên may y liền trong 10 ngày đầu; Được vải trong vòng 10 ngày giữa thì nên may y liền trong vòng 10 ngày giữa; Được vải trong vòng 10 ngày sau thì nên may y trong vòng 10 ngày sau.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày đầu, 5 ngày đã qua mà có hy vọng được vải thì trong 5 ngày sau của 10 ngày đầu và trong 5 ngày đầu của 10 ngày giữa, trong khoảng 10 ngày ấy nên may y.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày giữa đã qua hết 5 ngày đầu mà có hy vọng được vải thì trong 5 ngày sau của 10 ngày giữa và trong 5 ngày đầu của 10 ngày sau, trong khoảng 10 ngày ấy nên may y.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày sau đã qua hết 5 ngày đầu mà có hy vọng được y thì nên may y trong 5 ngày còn lại ấy.

Nếu Tỳ-kheo trong vòng 10 ngày sau đã qua hết 6 ngày mới có hy vọng được vải, thì nên may y trong 4 ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua 7 ngày mới được vải, thì nên may y trong 3 ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua hết 8 ngày mới được vải thì nên may y trong hai ngày còn lại ấy. Hoặc đã qua hết 9 ngày mới được vải thì nên may y trong một ngày còn lại ấy. Nếu ngày thứ 10 được vải thì nên may y ngay trong ngày ấy. Khi may y nên nhờ những người khác giúp đỡ; đoạn giặt sạch, cắt xén, chằm vá, thêu thùa, thêu chiều ngang, thêu chiều dài, thêu viền xung quanh, đem đi nhuộm, tác tịnh rồi mới sử dụng. Nếu sợ làm một ngày không xong thì nên làm sơ sài cho xong để dùng (**299b**). Rồi sau đó mới dọn kỷ lại, cho nên Thế Tôn dạy:

> ***Nếu Tỳ-kheo y đã xong, y Ca-hi-na đã xả... cho đến dù vải đủ hay không đủ để may y (mà để quá một tháng) thì phạm Ni-tát-kỳ.***

(Hết giới thứ 3 của Ni-tát-kỳ)

*

4. NHẬN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-lađem chiếc y Tăng kỳ chi cho tôn giả A-nan Đà. Vì chiếc y này dơ bẩn không sạch, nên A-nan Đà đem tẩy những

vết bùn lấm rồi phơi nắng. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "A-nan Đà! Ông làm gì đó?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-lacho con chiếc y Tăng kỳ chi này nhưng nó dơ bẩn không sạch nên con đem tẩy bùn đất, rồi đem phơi nắng."

Phật lại hỏi A-nan Đà: "Ông dùng vật dụng gì để đổi phải không?"

Đáp: "Không phải đổi, bạch Thế Tôn!."

Phật nói với A-nan Đà: "Nên cho một vật gì đó để đổi lấy, vì người nữ ít có những lợi lộc."

Thế nhưng A-nan Đà không muốn cho. Phật hỏi A-nan Đà: "Vì sao không cho?"

A-nan Đà bạch Phật: "Cho vật gì?"

Phật bảo A-nan Đà: "Ông nên đem tấm vải kiếp bối dài 16 khuỷu tay, rộng 8 khuỷu tay do vua Ba-tư-nặc đã bố thí mà cho."

Tuy vậy, A-nan Đà vẫn cố tình không cho, như kinh Kiếp Bối đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến đảnh lễ Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến đảnh lễ Ta vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh."

Phật hỏi các Tỳ-kheo:"Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh này được y mà không mặc, hay không được y?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Khi được y rồi cô bèn đem cho Ưu-đà-di."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu Lan Nan-đà mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến hầu thăm Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến viếng Ta vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thâu Lan Nan-đà."

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Thâu Lan Nan-đà này được y mà không mặc, hay vì không được y mà không mặc?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền đem cho A-nan Đà."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến viếng thăm Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật (**299c**). Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến thăm Ta thế?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề."

Phật bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề này được y mà không mặc hay không được y?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền đem cho Tỳ-kheo Thiện Giải."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma mặc y rách rưới, dẫn đồ chúng đến viếng Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni này là ai mà mặc y rách rưới đến viếng thăm Ta vậy?"

Các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma."

Phật hỏi các Tỳ-kheo:"Tỳ-kheo-ni Thất-lợi-ma này được y mà không mặc hay không được y?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Chỉ vì khi được y rồi cô liền đem cho chư Tăng." Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Nếu thấy Tỳ-kheo-ni thân quyến mặc y rách rưới như vậy thì Tỳ-kheo thân quyến có đành lòng nhận y cô ta không?"

Đáp: "Không nhận!"

Thế Tôn lại hỏi: "Nếu Tỳ-kheo-ni thân quyến mặc chiếc y rách rưới thì có thể đem chiếc y đó cho Thầy Tỳ-kheo thân quyến hay không?"

Đáp: "Không thể, bạch Thế Tôn!."

Phật nói: "Thế nên Tỳ-kheo không nên lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, trừ trường hợp trao đổi."

Bấy giờ, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nhận y của Tỳ-kheo-ni không phải bà con - trừ trường hợp trao đổi - thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không phải bà con: Không phải con cùng một cha, không phải con cùng một mẹ, thì gọi là Tỳ-kheo-ni không phải bà con. Nếu một người là bà con mà nhiều người không phải bà con, hay nhiều người là bà con mà một người không phải bà con, như Sa-di-ni là bà con mà Tỳ-kheo-ni không phải là bà con, hay Sa-di-ni không phải là bà con mà Tỳ-kheo-ni là bà con, nếu được

y - thuộc của chung - từ những người này thì phạm tội. Ngoại trừ hai chúng này thì không có tội.

Y: Gồm các loại y Khâm bà la, y Kiếp bối, y Kiều xá da, y Sô ma, y Xá na, y Ma, y Khu vật đề.

Lấy (nhận): Nhận của người kia bố thí.

Trừ trường hợp trao đổi: Phật dạy nếu trao đổi thì không có tội.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

(**300a**) Tỳ-kheo không phải bà con, sai sứ giả đi nhận, sứ giả trao tự tay mình nhận, tự tay người này đưa, tự tay người kia nhận, người này sai sứ đưa, người kia sai sứ nhận.

Sai sứ giả nhận: Tỳ-kheo-ni tự tay đưa y, rồi Tỳ-kheo sai sứ giả nhận lấy.

Sứ giả trao, tự tay mình nhận: Tỳ-kheo-ni sai sứ giả mang y đến cho Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo tự tay mình nhận lấy.

Tự tay người này đưa, tự tay người kia nhận: Tỳ-kheo-ni tự tay đưa y rồi Tỳ-kheo tự tay nhận lấy.

Người này sai sứ giả đưa, người kia sai sứ giả nhận: Tỳ-kheo-ni sai sứ giả cầm y trao cho Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo sai sứ giả nhận lấy.

Nếu Tỳ-kheo nhận y từ một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, hứa sẽ đổi một vật khác mà không đưa, cũng không bảo ai đưa, không nói trực tiếp, cũng không nhờ ai nói hộ, rồi trả lại y hoặc cắt xén bớt rồi trả, hoặc đưa một vật khác với vật đã hứa và để vật ấy cách xa chỗ thấy nghe, ngoài phạm vi cương giới, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-dạ-đề.

Không đưa: Tự mình không đưa.

Không bảo ai đưa: Không bảo người khác đưa.

Không nói trực tiếp: Không tự mình nói với Tỳ-kheo-ni: "Bữa sau vào lúc đó, tôi sẽ đưa y cho cô."

Không nhờ ai nói hộ: Không nhờ người khác nói với Tỳ-kheo-ni: "Sau này vào hôm nào đó, tôi sẽ đưa y cho cô."

Trả lại y trước: Trả lại chiếc y trước của Tỳ-kheo-ni. Đó là điều không nên làm, mà nên đưa cho cô chiếc y khác.

Cắt xén bớt: Cắt xén chiếc y trước rồi trả lại cô ấy, thì đó không thể gọi là trao đổi.

Đưa cái y thiếu kích thước: Nhận của họ cái y hoàn toàn, rồi đưa cho họ cái y nhỏ thiếu kích thước. Đó không phải là cách trao đổi, mà phải đưa cho họ một cái y hoàn toàn.

Trao cho vật khác: Chẳng hạn lấy y của họ, rồi đưa họ một cái bát nhỏ hoặc một cái tô, hoặc đưa thức ăn và những thứ khác. Đó không phải gọi là trao đổi, mà nên trao đổi bằng y.

Để cách xa chỗ thấy, nghe: Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con, rồi không đưa lại trực tiếp, không nhờ ai đưa, mình không tự nói, cũng không nhờ ai nói, lại để cách xa chỗ nghe thấy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Cách xa cương giới: Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà không đổi lại vật khác, không tự mình đưa, không nhờ người khác đưa, mình không nói trực tiếp, cũng không nhờ ai nói giúp, rồi bỏ y ngoài cương giới 25 khuỷu tay thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo lấy y của một Tỳ-kheo-ni không phải bà con hứa đổi lại vật khác mà không đưa, không tự mình đưa, không bảo người khác đưa giúp, không nói trực tiếp, không nhờ người khác nói giúp, rồi ngồi hoặc nằm, hoặc nhập định, đều phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni không phải bà con đưa y cho một người quen biết rồi dặn: "Sa-di! Tôi đưa cho chú chiếc y này, chú cầm đưa cho Tỳ-kheo mỗ giáp, sẽ được phước đức." Rồi Tỳ-kheo nhận lấy thì không có

tội. Cũng vậy (nếu Tỳ-kheo-ni ấy) đưa y cho Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Ưu-bà-tắc, cho đến các Ưu-bà-di và nói: "Ta đưa cho ngươi chiếc y này, ngươi hãy cầm đưa cho tôn giả Tỳ-kheo mỗ giáp, thì sẽ được công đức." Rồi Tỳ-kheo (**300b**) nhận lấy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo: "Tôi cho tôn giả mượn chiếc y này, tùy ý mặc", thì Tỳ-kheo được quyền mặc cho đến rách rồi trả lại vẫn không có tội.

Nếu nhiều Tỳ-kheo-ni cho y cho một Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo này phải đổi y lại cho mỗi Tỳ-kheo-ni ấy, cũng có thể dùng một chiếc y cho các Tỳ-kheo-ni ấy, và nói: "Này các chị em, chúng ta hãy trao đổi qua lại." Hoặc một Tỳ-kheo-ni cho các Tỳ-kheo mỗi người một chiếc y, thì các Tỳ-kheo này mỗi người cũng phải cho lại Tỳ-kheo-ni ấy một chiếc y. Cũng có thể chỉ cho một chiếc và nói: "Này chị, chúng tôi đổi lại cho chị chiếc y này."

Hoặc nhiều Tỳ-kheo-ni cho y cho nhiều Tỳ-kheo, thì các Tỳ-kheo cũng phải cho y lại cho các Tỳ-kheo-ni ấy.

Hoặc một Tỳ-kheo-ni cho y một Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo này phải cho y lại cho Tỳ-kheo-ni ấy.

Nếu Tỳ-kheo-ni cho Tỳ-kheo bát, hoặc chén, hoặc tô, hoặc thức ăn và các vật nhỏ nhặt khác, thì Tỳ-kheo đều có thể lấy mà không có tội. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải bà con - trừ trường hợp trao đổi - thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Hết giới thứ 4 của Ni-tát-kỳ)

*

Hết quyển thứ tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 9

NI-TÁT-KỲ
(tiếp theo)

5. NHỜ NI KHÔNG PHẢI BÀ CON GIẶC Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ tôn giả Ưu-đà-di cầm y đưa cho Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo và nói: "Lành thay Cù-đàm-di! Hãy giặt, nhuộm, ủi giúp cái y này cho tôi."

Đại Ái Đạo liền giặt, nhuộm, ủi xong đem trao lại Ưu-bà-di, nói: "Chiếc y này đã giặt nhuộm ủi xong, nay tôi xin gửi lại."

Ưu-đà-di liền chú nguyện: "Cầu mong được an lạc, không có bệnh", rồi đem cất vào trong phòng.

Thế rồi, Đại Ái Đạo bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Cù-đàm-di! Trên tay bà vì sao có màu phẩm?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Con giặt, nhuộm y cho Ưu-đà-di nên tay có màu phẩm."

(**300c**) Khi Cù-đàm-di đi chẳng bao lâu, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Vì sao Ưu-đà-di lại sai Tỳ-kheo-ni đang tu tập giặt, nhuộm y, làm phương hại đến đạo nghiệp của Tỳ-kheo-ni?"

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ trưởng lão A-nan Đà không xem xét cẩn thận, đưa y cho Thâu Lan Nan-đà Tỳ-kheo-ni giặt, nói rằng: "Này chị! Hãy giặt,nhuộm, ủi giúp cái y này cho tôi." Khi ấy Thâu Lan Nan-đà liền đem y về Tinh xá, căng ra thấy

chất bất tịnh dính trên y, bèn đưa y ấy cho các Tỳ-kheo-ni xem và nói: "Các người hãy xem trên cái y này, đó là hình ảnh của trượng phu vậy."

Lúc ấy các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Thâu Lan Nan-đà rằng: "Những thứ cần phải che giấu như vậy, vì sao lại đưa cho người ta xem, lẽ ra, nếu muốn giặt thì nên giặt, nếu không muốn giặt thì nên đem cất mới phải."

Khi đó, Thâu Lan Nan-đà Tỳ-kheo-ni bèn nói với các Tỳ-kheo-ni: "Cái đó có gì đáng xấu hổ mà bảo ta phải giấu đi? Đó chính là trượng phu, là hình ảnh của trượng phu." Bèn cầm đưa lên lần nữa cho các Tỳ-kheo-ni xem.

Bấy giờ nhóm 6 Tỳ-kheo ở cách Tỳ-kheo-ni không xa, nghe nói thế bèn vỗ tay cười lớn, nói: "Thật là việc kỳ lạ, là việc kỳ lạ."

Các Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi A-nan Đà đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi: "Ông có việc đó thật không?" Thầy đáp: "Có thật như vậy. Vì con không xem cẩn thận, nên đưa y cho cô ấy."

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử Tỳ-kheo bà con có chiếc y bất tịnh như vậy, thì có nên đưa cho Tỳ-kheo-ni bà con giặt hay không?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Không nên đưa, bạch Thế Tôn."

Phật lại hỏi: "Giả sử Tỳ-kheo-ni bà con thấy Tỳ-kheo bà con có việc cần phải che giấu như thế thì có nên đưa cho mọi người xem hay không?"

Họ lại bảo: "Không nên đưa xem, bạch Thế Tôn."

Phật liền nói với Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo-ni bà con mà còn không nên bảo giặt y bất tịnh, thì vì sao lại bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y như thế? Từ nay trở đi Ta không cho phép làm như vậy."

Rồi Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc ủi, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Không phải bà con: Không phải cùng Cha sinh ra, không phải cùng Mẹ sinh ra.

Y cũ: Dù chỉ dùng gối đầu một lần cũng gọi là y cũ.

Y: Như trên đã nói.

Giặt: Tẩy trừ cáu bẩn.

Nhuộm: Hoặc nhuộm bằng rễ cây, bằng vỏ cây, bằng lá cây, bằng hoa, bằng trái v.v.các thứ như thế.

Ủi: Cho đến dùng tay vuốt một lần thì gọi là ủi.

(**301a**) Tóm lại, nếu Tỳ-kheo bảo giặt, (Tỳ-kheo-ni) liền giặt, bảo nhuộm liền nhuộm, bảo ủi liền ủi, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải là bà con giặt y, cô ta liền nhuộm; hoặc bảo nhuộm cô ta liền ủi; bảo ủi, liền giặt; hoặc bảo mà cô ta không làm; hoặc không bảo mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y, cô ta bèn nhuộm, ủi; hoặc bảo nhuộm, cô ta bèn giặt, ủi; hoặc bảo ủi, cô ta liền giặt, nhuộm; hoặc bảo mà không làm, hoặc không bảo mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có các trường hợp Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-kheo-ni bà con mà Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt; hoặc đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con mà người bà con giặt; hoặc đưa y cho người bà con, rồi người không bà con giặt; hoặc đưa y cho người không phải bà con, rồi người không phải bà con giặt.

Đưa cho người bà con mà người không phải bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo có mẹ, chị, hoặc em xuất gia, và Tỳ-kheo đưa y bảo họ giặt, đoạn Tỳ-kheo-ni ấy đem y về Tinh xá, bấy giờ có người đệ tử ni nói: "Thầy có việc gì cần làm con làm cho", bèn lấy y đem giặt, nhuộm, ủi, thì Tỳ-kheo không có tội. Đó gọi là đưa cho người bà con mà người không phải bà con giặt.

Đưa cho người không phải bà con mà người bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, ủi. Rồi Tỳ-kheo-ni ấy cầm y về Tinh xá, bấy giờ Tỳ-kheo ấy có mẹ, chị hoặc em xuất gia, biết chiếc y ấy (của người thân mình) liền hỏi Tỳ-kheo-ni đó: "Chiếc y ấy là của ai?" Người ấy đáp: "Chiếc y của Tỳ-kheo mỗ giáp." Vị ni bà con này liền suy nghĩ: "Thầy ấy không biết Luật." Rồi cô muốn cho Tỳ-kheo ấy khỏi phạm tội Ni-tát-kỳ liền lấy y đi giặt, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đưa cho người không phải bà con mà người bà con giặt.

Đưa cho người bà con rồi người (không) bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo có mẹ, chị, hoặc em xuất gia, thầy bèn đưa y nhờ họ giặt giúp. Tỳ-kheo-ni ấy nói: "Tôi đang bị bệnh." Tỳ-kheo này liền nói: "Mẹ... có đệ tử khỏe mạnh, vậy hãy bảo họ giặt giúp." Rồi Tỳ-kheo-ni ấy liền sai đệ tử giặt, giặt xong bèn đem y trả lại, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ni-tát-kỳ. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bảo (sai đệ tử giặt) mà Tỳ-kheo-ni tự sai đệ tử giặt, thì Tỳ-kheo không có tội. (**301b**) Đó gọi là đưa cho người thân rồi người (không) thân giặt.

Đưa cho người không bà con rồi người không bà con giặt: Nếu Tỳ-kheo đưa y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, rồi Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt, nhuộm, ủi thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ

Ba-dạ-đề. Đó gọi là đưa cho người không phải bà con rồi người không phải bà con giặt.

Nếu Tỳ-kheo đem y và đồ dùng để giặt gởi tại một Tinh xá của Tỳ-kheo-ni rồi đi đến một nơi thanh vắng an cư. Tỳ-kheo-ni nhận ký gởi ấy nhân sau mùa hạ, đem y mình ra giặt, luôn tiện giặt giúp y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo an cư xong, trở về Ni xá đòi lại y để giặt. Tỳ-kheo-ni kia nói: "Tôi đã giặt nhuộm xong rồi", thì Tỳ-kheo ấy không phạm tội. Nhưng nếu khi gởi y, Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: "Họ sẽ giặt, nhuộm, ủi giúp ta." Quả nhiên sau đó, y được giặt, nhuộm, ủi thì thì Tỳ-kheo phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đi vào thôn xóm, gặp voi điên, hoặc xe ngựa làm văng bùn bẩn cả y, rồi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, nhờ Tỳ-kheo-ni giặt giúp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, Nhưng nếu Tỳ-kheo-ni xối nước, Tỳ-kheo tự giặt lấy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang giặt y tại giếng nước, nhằm ngày trai kỳ, các Tỳ-kheo-ni đi đến Tinh xá đảnh lễ chư Tỳ-kheo, rồi họ trông thấy Tỳ-kheo đang giặt y, bèn hỏi: "Thưa thầy, thầy không có ai giặt y giúp cho sao?" Tỳ-kheo đáp: "Không có." Tỳ-kheo-ni này vì có tín tâm nên bảo Tỳ-kheo dừng tay để mình giặt giúp cho. Rồi Tỳ-kheo đồng ý để cho họ giặt giúp thì không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo ấy cố ý giặt y vào ngày trai kỳ với ý nghĩ: "Tỳ-kheo-ni ắt sẽ đến và họ sẽ giặt giúp y cho ta", rồi đưa cho Tỳ-kheo-ni giặt thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử ni, tuy không được sai họ giặt, nhuộm, ủi y vẫn có thể sai lượm củi, lấy nước về đun nhuộm, lấy thức ăn, dâng nước uống, cầm quạt quạt, và khi ăn xong dọn cất bát. Tất cả các việc ấy...đều có thể sai làm, nhưng nếu sai họ giặt, nhuộm, ủi y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu vì Hòa thượng, A-xà-lê mà đưa y bảo Tỳ-kheo-ni giặt thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nhưng nếu vì tháp, Tăng mà sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, ủi, thì không có tội. Thế nên nói:

"(301c) Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc ủi thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."

(Hết giới thứ 5 của Ni-tát-kỳ)

*

6. XIN Y CỦA NGƯỜI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, vào ngày mồng 8, 14, 15 dân chúng trong thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Bấy giờ, có một người tên A-bạt-tra mặc 2 tấm áo lụa trắng, vào Tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ Thế Tôn, rồi đi tới chỗ trưởng lão Ưu-ba-nan-đà, chào: "Kính chào thầy."

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Kính chúc lão trượng không bệnh."

A-bạt-tra nói: "Tôi muốn xem các căn phòng và nhà."

Khi ấy Ưu-ba-nan-đà đáp: "Có thể được. Các vị không muốn xem, tôi cũng dẫn các vị đi xem, huống gì các vị đã thích xem", bèn dẫn lên trên 2 tầng lầu, nói: "Hãy xem này lão trượng: Những đường nét điêu khắc tinh vi, các hình vẽ có 5 màu lộng lẫy, sàn nhà màu lưu ly, và các thứ giường nệm mền gối..."

Lúc xem xong, ông ta nói: "Thật tuyệt diệu thưa thầy."

Ưu-ba-nan-đà nói: "Chiếc áo lụa của ông cũng rộng lớn tinh vi tuyệt đẹp."

Khi ấy A-bạt-tra thưa: "Tôi lại muốn xem các phòng xá khác nữa."

Thế rồi, Ưu-ba-nan-đà bèn đưa ông lên tầng lầu thứ ba để xem, nói rộng như trên, cho đến... "Áo của ông cũng rộng rãi tinh vi tuyệt đẹp."

Bấy giờ, ông ta suy nghĩ: "Vị Sa-môn này khen ngợi chiếc áo của ta, ắt muốn xin đây. Nhưng Vị Tỳ-kheo này lại là chỗ quen biết của nhà vua, và các quan đại thần có thế lực lớn, nếu ta không cho thì ông sẽ oán hận ta." Nghĩ thế rồi ông liền nói: "Thưa thầy, thầy muốn chiếc áo này chăng?"

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Rất muốn ."

A-bạt-tra nói: "Thôi hãy theo tôi về nhà, tôi sẽ trao cho thầy chiếc áo khác."

Ưu-ba-nan-đà nói: "Ôi thôi lão trượng! Vì sao ông lại bảo cho tôi chiếc áo khác? Tôi cũng có nhiều tấm vải lụa hảo hạng, chỉ vì nó không giống cái này. Nên muốn được cái áo của ông cùng một loại vải để may một chiếc y mà thôi. Nếu ý ông muốn cho thì hãy cho tôi chiếc áo này, ngoài ra những cái đẹp khác thì tôi không cần đến."

A-bạt-tra nói: "Tôi mặc chiếc áo này đi đến nhà vua, các trưởng giả và thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, là những việc không thể bỏ ngang được."

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Vì sao ông lại bảo cho tôi chiếc áo khác? Nếu quả thật ông nghĩ rằng tôi không có vải lụa đẹp mà muốn cho tôi thì hãy cho tôi chiếc áo này đi, ngoài ra những cái đẹp khác thì tôi không cần đến."

A-bạt-tra nói: "Nếu thầy cần loại áo này thì hãy theo tôi về nhà, tôi sẽ cho."

Ưu-ba-nan-đà nói: "Ông chẳng hiểu sự tình, cũng chẳng biết những chuyện rắc rối trong nhà. Giả sử cha mẹ, anh chị em ông hoặc tiếc của, hoặc không bằng lòng, thì dù ông cho, tôi cũng không thể lấy. (**302a**) Nếu ông không bố thí làm phước được, thì cả 2 đều bất lợi, vì những rắc rối vừa kể, thế nên cho tôi ngay bây giờ là tiện nhất."

Khi ấy A-bạt-tra đã từ chối một cách khó khăn mà vẫn không được liền cởi áo ngoài đưa cho, chỉ mặc có áo trong, rồi đi đến thành Xá-vệ. Bấy giờ nhiều người trong thành đi đến thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, A-bạt-tra bèn hỏi mọi người: "Hôm nay các người định đi đâu thế?"

Họ đáp: "Muốn đến Kỳ-hoàn."

Ông nói: "Chớ có đi."

Họ hỏi: "Vì cớ sao?"

Ông đáp: "Sa-môn là kẻ ăn cướp ."

Họ lại hỏi: "Cưỡng đoạt vật của người ta sao?"

Ông đáp: "Lại còn phải hỏi? Các ngươi hãy xem ta mặc hai lớp áo lụa ra đi mà bây giờ chỉ còn một tấm dính trong mình."

Do thế, những người không tin Phật liền trở về lại trong thành, còn những người khác thì nửa tin nửa ngờ, đứng trầm ngâm suy nghĩ. Trái lại những người tin Phật pháp thì suy nghĩ: "Hoàn toàn không thể có việc đó được.Vì Sa-môn Thích-tử hễ của người ta không cho thì không lấy, làm sao lại có thể cướp lấy của người! Hoặc là có thể dùng phương tiện thuyết pháp để nhận lấy mà thôi."

Thế rồi một ít người đi đến Kỳ-hoàn đảnh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan: "Vì sao hôm nay ít người đến Kỳ-hoàn thế này?"

Lúc ấy Tôn giả A-nan bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Họ liền gọi đến. Khi đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-ba-nan-đà: "Ông có việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn"

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, đó là việc ác. Vì sao Tỳ-kheo lại xin y của người ta một cách cưỡng bức? Há ông không thường nghe ta ca ngợi thiểu dục, chê trách đa dục không biết chán là gì?

Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo xin y của cư sĩ và vợ cư sĩ không phải bà con.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có 60 Tỳ-kheo ở phương Bắc đi đến thành Xá-vệ để thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn, nhưng giữa đường họ bị bọn cướp lấy mất y, nên họ phải lõa thể vào Tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn hỏi: "Các ngươi là ai vậy?"

Họ đáp: "Là người xuất gia."

Các Tỳ-kheo lại hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?

Họ đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích."

Lại hỏi: "Y của các vị đâu mà ở trần như vậy?"

Đáp: "Chúng tôi đi đường bị bọn cướp lấy mất y."

Bấy giờ các Tỳ-kheo bèn đem y cho mỗi người, hoặc là cho y Tăng-già-lê, hoặc Uất-đa-la-tăng, hoặc An-đà-hội, hoặc Tọa cụ. Các Tỳ-kheo mặc y xong, bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Các thầy từ đâu đến?"

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Chúng con từ phương Bắc đến."

Phật lại hỏi: "Các thầy kham nhẫn được khổ cực, khất thực không khó khăn, đi đường không vất vã chứ?"

Đáp: "Bạch Thế Tôn! Chúng con (**302b**) kham nhẫn được khổ cực, khất thực không khó khăn, đi đường không vất vả, nhưng giữa đường gặp bọn cướp lấy mất y, phải ở trần vào Tinh xá Kỳ-hoàn."

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Thế ra ở dọc đường không có thành ấp xóm làng gì sao?"

Đáp: "Thưa có."

Phật hỏi: "Vì sao không xin (y)?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Vì chúng con nghe Thế Tôn chế giới không được xin y của những người không phải bà con, mà chúng con không có bà con, cũng không có thí chủ bố thí, vì thế chúng con không dám xin y, mà phải ở trần đến đây."

Phật liền khen ngợi hạnh giữ giới ấy: "Lành thay, lành thay các Tỳ-kheo! Các thầy là những người tùy thuận, thành tín xuất gia, dù gặp phải sự kiện mất mạng cũng không để phạm giới. Từ nay về sau, Ta cho phép những ai mất y được phép xin y."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo xin y từ những người cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ lúc khác. Lúc khác tức là lúc mất y.***

*

❖ Giải thích

Cư sĩ: Tức là người chủ nhà.

Y: Y khâm-bà-la, y kiếp-bối, y sô- ma, y kiêu-xá-da, y xá-na, y ma, y khu-mâu-đề.

Xin: Hoặc tự mình xin, hoặc nhờ người khác xin. Trừ ra lúc bị mất y mà xin thì không có tội.

Lúc khác: Lúc bị mất y. Có 10 trường hợp mất y: Hoặc vua đoạt lấy, hoặc bị bọn cướp lấy, hoặc bị lửa cháy, hoặc gió cuốn mất, hoặc bị nước trôi mất, hoặc bị người nữ sinh lòng tham cướp lấy, hoặc bị cha mẹ bà con muốn cho mình bãi đạo mà đoạt lấy, hoặc mình cất giấu rồi sau quên mất chỗ cất, hoặc đem cất rồi y mục nát, hoặc cất lâu ngày y hư hỏng không dùng được nữa.

Đó gọi là 10 trường hợp mất y. Gặp các trường hợp này đức Thế Tôn bảo là không có tội

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo sẽ được y trong phạm vi 3 do tuần, mà hiện tại mất y Tăng-già-lê, nhưng y Uất-la-tăng vẫn còn, thì không nên xin y. Nếu mất y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng mà y An-đà-hội vẫn còn, thì không nên xin y. Nếu mất 3 y, mà y che ghẻ còn, thì không nên xin. Nếu mất cả 3 y, y che ghẻ cũng mất mà còn y tắm mưa, thì không nên xin y. Nếu Tỳ-kheo mất 3 y, y che ghẻ, y tắm mưa cũng mất, mà còn tấm vải trải giường, thì không nên xin y. (**302c**) Nếu Tỳ-kheo mất 3 y, mất y che ghẻ, y tắm mưa và tấm vải trải giường, mà còn miếng vải có chiều dài 2 khuỷu tay thì cũng không nên xin y. Vì sao vậy? Vì Tỳ-kheo có thể mặc áo lót đi trong 3 do tuần để nhận lại y trước của mình. Nếu trên đường đi có những tai nạn, không thể đi tới đó để nhận lại y thì được xin y che mưa, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo xin y từ người không phải bà con, hoặc tự xin, hoặc nhờ người khác xin, hoặc ra dấu để xin, hoặc thuyết pháp để xin...

Tự mình xin: Tự mình thân hành đến đó xin.

Sai người khác xin: Sai người khác đến đó để xin.

Hiện ra tướng để xin: Hiện ra tướng lạnh tướng nóng.

Thế nào là tướng lạnh: Nếu Tỳ-kheo vào đêm mồng 8 giữa mùa đông lúc tuyết rơi, mặc y cũ, đến nhà đàn việt, hiện ra tướng lạnh cóng, khi ấy người đàn việt đảnh lễ chân Tỳ-kheo rồi hỏi: "Thưa thầy, thầy không có y hợp thời ư? Vì sao lạnh cóng như thế? "Tỳ-kheo đáp: "Không có. Khi cha mẹ ngươi còn sống thường cúng dường ta y phục hợp thời, nay cha mẹ ngươi đã qua đời, thì ai sắm y cho ta? Chẳng những cha mẹ ngươi đã mất mà cha mẹ ta

cũng quá cố cả rồi? .” Người đàn việt liền thưa: “Thưa thầy, thầy đừng oán hận, con sẽ sắm y hợp thời cho thầy .”

Đó gọi là hiện tướng lạnh để xin y. Nếu được y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Thế nào gọi là hiện tướng nóng: Đó là: Vào tháng 5, tháng 6 lúc trời nóng, Tỳ-kheo mặc y vá nhiều lớp toát mồ hôi đi đến nhà đàn việt hiện ra tướng nóng. Bấy giờ người đàn việt lễ chân Tỳ-kheo, hỏi: “Thưa thầy, thầy không có y hợp thời sao mà mặc y dày toát mồ hôi như thế?” Tỳ-kheo bèn đáp: “Không có. Khi cha mẹ ngươi còn sống thường sắm y hợp thời cho ta, nay cha mẹ ngươi đã qua đời thì ai sắm y cho ta nữa. Không những cha mẹ ngươi đã mất mà cha mẹ ta cũng chẳng còn.” Người Đàn-việt liền nói: “Thưa thầy, thầy chớ oán hận, con sẽ sắm y hợp thời cho thầy.”

Đó là hiện tướng nóng để xin y. Nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Thuyết pháp để xin: Tỳ-kheo vì muốn xin y mà nói kệ cho Đàn-việt như sau:

“Nếu ai bố thí y
Sẽ sinh cõi tối thắng
Nhờ vui lòng bố thí
Hưởng phước báo nhân thiên
Sinh thiên được sắc đẹp
Điểm trang toàn châu báu
Vì cúng y Tỳ-kheo
Đời đời được áo đẹp.”

Đó gọi là thuyết pháp để xin. Nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu xin đãy lọc nước, hoặc xin miếng vải nhỏ để vá y, hoặc khăn trùm đầu, hoặc vải bó ghẻ, hoặc vải làm đệm, nếu xin một trong

những loại vải kể trên thì không phạm. (**303a**) Nếu xin các vật ấy, rồi đàn việt bố thí trọn tấm, hoặc cắt ra từng mảnh mà Tỳ-kheo nhận lấy thì không phạm.

Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ta chỉ cần xin những vật nhỏ, đàn việt sẽ tự cho ta", rồi được cả một tấm vải lớn thì phạm Ni-tát -kì Ba-dạ-đề.

Nếu xin cho Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu xin cho tháp, Tăng, thì không phạm. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo xin y từ cư sĩ hoặc vợ cư sĩ không phải bà con thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Ngoại trừ khi khác. Khi khác tức là khi mất y."***

(Hết giới thứ 6 của Ni-tát-kỳ)

*

7. NHẬN VẢI QUÁ MỨC QUY ĐỊNH

Khi Phật trú tại thành Xá-vệ, có 60 Tỳ-kheo từ phương Bắc đi đến Xá-vệ, giữa đường bị bọn cướp lấy mất y. Lúc các thầy vào Tinh xá Kỳ-hoàn, Ưu-ba-nan-đà thấy thế, bèn nói với họ: "Này các trưởng lão, đức Thế Tôn đã cho phép các Tỳ-kheo khi bị mất y có thể xin y của những người không phải bà con, vì sao không xin?"

Họ đáp: "Các vị đồng phạm hạnh đã cho y đủ rồi, vì thế nên không xin."

Lúc ấy Ưu-ba-nan-đà nói: "Nếu dịp này không xin thì mất lợi rất uổng."

Họ đáp: "Chúng tôi đã được y rồi, thì cần gì nói đến việc thất lợi hay không thất lợi?"

Ưu-ba-nan-đà lại nói với các Tỳ-kheo mất y:

"Các vị nếu không thể xin thì tôi sẽ xin giúp cho các vị."

Họ nói: "Thầy tự biết thời."

Thế rồi, vào buổi sáng sớm, Ưu-ba-nan-đà khoác y thường mặc, cầm giấy bút vào thành Xá-vệ, nói với các Ưu-bà-tắc: "Các vị hãy giúp tôi xin y."

Các Ưu-bà-tắc hỏi: "Vì lý do gì mà xin?"

Thầy đáp: "Vì có các Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, giữa đường bị bọn cướp lấy hết y vật, nên phải xin y giúp họ."

Ưu-bà-tắc nói: "Được."

Khi ấy họ bèn dẫn nhau đến các cửa hàng để khuyến hóa. Vì lúc bấy giờ nhiều người có lòng tín kính, nên xin được chỗ thì một tấm vải, chỗ thì 2 tấm. Như vậy dần dần được khá nhiều y vật, họ phải gánh đi. Có thể nói là đã xin được một phần tư trong những nhà có tín tâm, nhưng vẫn còn muốn xin nữa. Các Ưu-bà-tắc liền nói: "Thưa thầy, có lẽ đủ rồi, chúng ta trở về."

Ưu-ba-nan-đà nói: "Than ôi Lão trượng! gì mà gấp gáp thế! Ta xin mới có chừng ấy chưa nên đi về. Vì sao vậy? Vì hễ nhiều người bố thí thì nhiều người được phước. Bọn tôi là người xuất gia, ăn uống có thì giờ nhất định, còn chưa muốn trở về, Các vị là người tại gia ăn lúc nào cũng được, không sợ sai giờ giấc, thì có việc gì gấp gáp mà muốn vội vã trở về?"

Thế rồi, họ bèn tiếp tục đi xin nữa.

Các Ưu-bà-tắc lại nói: "Có lẽ đủ rồi thưa thầy."

Ưu-ba-nan-đà nói: "Vẫn chưa đủ."

Các Ưu-bà-tắc hỏi: "Có bao nhiêu người vậy?"

Thầy đáp: "Nhiều người."

Họ lại hỏi: "Nhiều người là bao nhiêu?"

Thầy lớn tiếng nói: "Có 60 Tỳ-kheo."

Các Ưu-bà-tắc nói: "(**303b**) Thưa thầy, số vải này có thể cung cấp cho 500 Tỳ-kheo (cũng đủ) huống gì 60 người, vì sao còn xin nữa, muốn làm sập tiệm người ta chăng?"

Họ liền ném giấy bút xuống đất, giận dữ nói: "Ở đâu mà sinh ra cái loại người tham cầu nhiều, không chán, không biết chừng nào là đủ thế này!"

Bấy giờ có thầy Tỳ-kheo ít dục biết đủ, nghe lời nói ấy, bèn đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Họ bèn gọi đến. Phật liền hỏi kỹ việc trên: "Ông có làm điều đó thật không?"

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn."

Phật hỏi Ưu-ba-nan-đà: "Vì sao mà xin?"

Thầy đáp: "Con vì các Tỳ-kheo bị mất y mà xin."

Phật liền gọi các Tỳ-kheo bị mất y đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Này các Tỳ-kheo, có thật các thầy nhờ Ưu-ba-nan-đà xin y giúp không?"

Họ đáp: "Thưa không, bạch Thế Tôn."

Phật lại hỏi họ vì sao Ưu-ba-nan-đà làm việc đó. Họ bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với Ưu-ba-nan-đà: "Này kẻ ngu si, đó là việc xấu, lúc không nên xin thì lại xin, lúc nên xin thì lại không xin. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để khen ngợi sự ít muốn, chê trách sự ham muốn nhiều là gì! Đó là điều phi pháp, trái luật, không phải là điều ta dạy, không thể dùng việc này để nuôi lớn thiện pháp được."

Sau khi Phật quở trách đủ điều rồi truyền lệnh các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Khi Tỳ-kheo bị mất y thì có thể xin y từ Cư sĩ, vợ cư sĩ, không phải bà con. Nếu cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con tùy hỉ cho nhiều vải, thì Tỳ-kheo chỉ được nhận 2 tấm y thượng hạ, quá số đó sẽ phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."

*

❖ Giải thích

Tùy hỉ: Tùy ý cho.

Thượng hạ y: Có thể nhận 2 tấm vải chiều dài 5 khuỷu tay, chiều rộng 3 khuỷu tay, nếu nhận quá số đó phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Trên đã giải thích.

(**303c**) Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với khách buôn mà gặp bọn cướp từ 1 phương, 2 phương hay 3 phương đến, thì phải tùy nghi chạy lánh bọn cướp. Nếu bọn cướp ập đến từ 4 phía không thể chạy được, thì nên đứng nghiêm chỉnh, không được xô xát với chúng. Nếu bọn cướp bảo lấy y Tăng-già-lê đưa, thì nên đáp: "Đây này lão trượng." Như vậy, tùy theo chúng đòi nhiều ít mà đưa cho chúng, chứ không được giận dữ lớn tiếng mắng chửi bọn chúng. Sau khi đưa y vật rồi, nên từ từ đi vào rừng núp để dò xét chúng từ xa, chờ sau khi bọn cướp đi rồi, nếu còn những y vật thừa chúng bỏ lại, thì có thể lấy dùng. Nếu không còn cái y dư nào, mà trong số các Tỳ-kheo hoặc ngoại đạo xuất gia có người bị bọn cướp giết chết, thì có thể lấy y của họ sử dụng. Nếu không có người xuất gia chết mà có người thế tục chết, thì nên lấy áo của họ cắt may, tác tịnh rồi mới mặc. Nếu không có áo của người chết mà có áo đẹp của khách buôn bỏ lại thì không nên lấy. Nếu áo họ bỏ lại thô xấu, thì nên lấy dùng. Nếu khách buôn quay trở lại, gọi Tỳ-kheo đến cho áo tốt, thì nên lấy, lấy xong đem cắt may, dùng phân bò nhuộm tác tịnh, rồi mới dùng. Nếu người khách buôn ấy nói với Tỳ-kheo: "Tôi cho ông mượn chiếc áo này mặc đi tới chỗ dừng chân rồi trả lại tôi, đừng làm hư hỏng", thì Tỳ-kheo nên lấy chiếc

áo đó gấp lại, may qua loa, không để lộ dấu tác tịnh, mặc tạm, đi đến chỗ dừng chân, rồi trả lại họ. Nếu không có các trường hợp ấy thì nên hái lá cây che trước sau thân mà đi. Nếu không có lá cây thì nên dùng tay che ở trước thân mình và đi bên lề đường, chứ không nên đi ngang nhiên giữa đường như bọn Ni kiền tử. Cũng không được đi sâu vào trong rừng khiến cho bọn cướp tưởng lầm là rình bắt chúng, mà chỉ nên đi dọc theo bên đường trong những chỗ cỏ thưa. Khi đi, nếu gặp người ta đến, thì phải giả vờ ngồi tiểu tại chỗ cỏ thưa để cho họ trông thấy. Nếu họ hỏi: "Ông là ai?" Thì phải đáp: "Người xuất gia." Nếu họ hỏi nữa: "Xuất gia theo đạo nào?" Thì đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích." Lại hỏi: "Vì sao mà lỏa thể?", thì đáp: "Bị bọn cướp lấy mất đồ." Thế rồi, nếu không xin mà họ tự cho nhiều áo, thì lấy không có tội. Nếu họ không cho thì nên xin họ. Khi xin mà họ cho nhiều vải thì chỉ nên lấy 2 tấm, mỗi tấm chiều dài 5 khuỷu tay, chiều rộng 3 khuỷu tay mà thôi. Nếu không gặp trường hợp đó thì nên đi đến các người quen biết ở nơi hoang vắng xin y mà dùng. Nếu không có nơi hoang vắng (**304a**) thì nên đến nghĩa trang. Nếu có người giữ nghĩa trang thì nên nói với họ: "Tôi muốn nhặt những chiếc áo hư." Nếu người giữ nghĩa trang bảo lấy, và lấy rồi đưa cho họ xem, thì nên lấy rồi giơ cho họ xem. Nếu lấy áo từ thây của một người nữ mới chết thân chưa hủy hoại, thì nên đến phía đầu mà lấy. Nếu thân đã hư hoại thì được tùy ý lấy. Hoặc là áo của thây chết đàn ông, cũng được tùy ý lấy. Nếu áo của thây chết có châu báu thì nên dùng chân gạt châu báu ra rồi lấy áo mà đi. Nếu không biết là có châu báu, đem về tới Tinh xá mới biết có châu báu, thì nên sai tịnh nhân (cư sĩ ở chùa) lấy đổi dược phẩm. Nếu người giữ nghĩa trang nói với Tỳ-kheo: "Cho ông được lấy áo xấu, còn áo tốt thì chớ lấy." Nhưng Tỳ-kheo đến nghĩa trang, không thấy áo xấu mà thấy có nhiều áo tốt, thì nên cầm đến nói với người giữ nghĩa trang: "Chỉ có những áo tốt này thôi." Nếu họ cho lấy thì liền lấy. Nếu họ nói những cái đó tốt không cho ông lấy, thì Tỳ-kheo nên trả lại, xin cái khác. Nếu họ bảo Tỳ-kheo lấy áo dưới đất thì nên lấy áo dưới đất. Nếu họ bảo lấy áo ở trên không, thì nên lấy áo ở trên không.

Nếu áo còn tốt một nữa dưới đất một nữa trên không thì nên cắt lấy một nửa.

Nếu không có trường hợp như thế, thì nên đến trú xứ của Tỳ-kheo ở ngoại vi thôn xóm, chứ không đi vào thôn xóm lúc ban ngày. Và nên đợi lúc hoàng hôn, khi mục đồng lùa bò về mà đi theo đàn bò, cũng không nên đi bên cạnh những con bò đực khỏe mạnh, mà nên đi gần những con bò con ốm yếu. Khi thấy có người thì nên ngồi xuống. Nếu họ hỏi: "Ông là ai?", thì nên đáp: "Là người xuất gia." Lại hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?", thì đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích." Lại hỏi: "Y phục ông đâu?", thì đáp: "Bị bọn cướp lấy hết cả."

Bấy giờ, nếu không xin mà họ tự cho thì được lấy nhiều ít tùy ý. Nếu họ không cho, thì nên xin họ. Khi xin, nếu họ cho nhiều thì nên lấy 2 cái, mỗi cái chiều dài 5 khuỷu tay, chiều rộng 3 khuỷu tay mà thôi.

Nếu không có trường hợp như thế, thì nên đến Tinh xá hỏi cựu Tỳ-kheo xem ai là Duy na, ai là người coi sóc giường nệm. Khi họ đã chỉ cho biết đối tượng, thì Tỳ-kheo nên đến vị Tỳ-kheo tri sự ấy hỏi rằng: "Tỳ-kheo chừng ấy tuổi thì được giường nệm ngọa cụ như thế nào?" Nếu họ đáp rằng: "Tỳ-kheo chừng ấy tuổi thì được giường nệm ngọa cụ như thế đó." Bấy giờ Tỳ-kheo nhận được mền rồi liền mở ra, lấy lông tóc buộc một chỗ làm dấu bên trong để dùng làm quần, nhận được gối cũng mở ra, lấy lông tóc buộc một chỗ làm dấu bên trong để dùng làm áo lót, và được ngọa cụ cũng lấy làm dấu. Xong đâu đó, nên đi lễ tháp, lễ Thượng-tọa, thăm hỏi Hạ-tọa, rồi trình bày: "Lúc đi đường, tôi bị bọn cướp lấy mất y, mong thầy hãy giúp tôi xin y." Nếu Cựu Tỳ-kheo nói: "(**304b**) Thầy như con quạ đói, chân không đậu một chỗ thì ai mà giúp thầy. Có lẽ chủ quán rượu hoặc nhà chứa cờ bạc đã cướp y thầy, hoặc là thầy đem đổi thức ăn rồi bảo là bị cướp lấy, để nhờ người ta xin giúp chớ gì?"

Nếu gặp trường hợp như thế, thì nên đến nhà Ưu-bà-tắc, nói: "Này lão trượng, tôi đi đường bị bọn cướp lấy mất y, các vị hãy giúp tôi xin y." Nếu khi ấy Họ đáp: "Thưa thầy, có thể được", rồi họ xin giúp được nhiều vải, thì Tỳ-kheo chỉ nên lấy 2 tấm mỗi tấm chiều dài 5 khuỷu tay, chiều rộng 3 khuỷu tay mà thôi. Lúc ấy Ưu-bà-tắc nói với Tỳ-kheo: "Thầy có thể dùng phương tiện lấy giúp hết số vải này không?", thì nên đáp: "Ông có thể chọn 2 tấm lụa nhỏ rồi mang đến đây." Nếu Ưu-bà-tắc khéo léo linh động, sẽ đưa Tỳ-kheo ra ngoài đại giới, nói: "Thưa thầy, số vải này dùng bố thí hiện tiền Tăng, mà hiện tại không có chư Tăng, chỉ có thầy hiện diện, vậy xin nhận giúp", thì khi ấy Tỳ-kheo nhận, không có tội.

Nếu Ưu-bà-tắc đưa cho tấm lụa lớn thì Tỳ-kheo nên cắt ra, rồi lấy 2 tấm. Nếu họ hỏi vì sao vậy, thì hãy đáp: Vì Thế Tôn chế giới chỉ được lấy 2 tấm vải. Rồi Ưu-bà-tắc lại bảo: "Thầy hãy đem đi nhuộm", thì Tỳ-kheo đem đi nhuộm rồi mang trả lại. Ưu-bà-tắc lại nói: "Khi chưa nhuộm là áo của người thế tục mà tôi còn không thích, huống gì giờ đây đã nhuộm thành hoại sắc, chính là màu áo của người xuất gia, thì tôi còn lấy làm gì." Khi ấy Tỳ-kheo được phép lấy, may y, tùy ý sử dụng. Thế rồi các thứ mền, áo gối mà trước kia đã dùng làm tạm quần áo lót, Tỳ-kheo phải đem nhuộm hoàn lại vị trí dụng cụ mền, áo gối... mà trả lại thầy tri sự, rồi mới ra đi. Nếu muốn ở lại đó thì tùy ý xin phép ở lại chứ không được ngang nhiên ở lại. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo bị mất y thì được phép xin vải từ Cư sĩ và vợ Cư sĩ không phải bà con. Nếu Cư sĩ, vợ cư sĩ không phải bà con cho nhiều vải, Tỳ-kheo chỉ được lấy 2 tấm thượng, hạ, quá số đó, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Hết giới thứ 7 của Ni-tát-kỳ)

*

8. KHUYÊN NGƯỜI CÚNG Y THEO Ý MÌNH

Khi Phật trú tại thành Xá-vệ, có Vị Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi tới một nhà kia, bà chủ nhà ấy bèn nói với Tỳ-kheo: "Thưa thầy, ngày đó tôi sẽ cúng dường cơm và bố thí y cho chư Tăng."

Tỳ-kheo nói: "Lành thay các chị em! Dùng tài sản để tạo nên 3 thân kiên cố, mong rằng trong việc làm đó không gặp gì trắc trở." Nói thế rồi ra đi. Khi khất thực xong trở về tịnh thất, thầy nói với các Tỳ-kheo: "Tôi báo cho các trưởng lão biết một tin vui."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Tin vui gì thế?"

Thầy đáp: "Tôi nghe vị Ưu-bà-di nọ một ngày kia sẽ thỉnh chư Tăng thọ trai và cúng dường y."

Khi nghe nói thế, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà liền hỏi: "Trưởng lão, nhà ấy ở xóm nào? Tên họ người ấy là gì?"

(**304c**) Hỏi rõ sự việc xong, sáng sớm hôm sau, 2 vị này khoác y đến gia đình ấy, chào hỏi: "Ưu-bà-di mạnh khỏe chứ?"

Ưu-bà-di đáp: "Kính chào thầy."

Tỳ-kheo nói: "Tôi vừa nghe có tin vui."

Người ấy hỏi: "Thầy nghe tin gì vậy?"

Đáp: "Nghe rằng bà định thỉnh chư Tăng cúng dường trai phạn và bố thí y."

Bà ta nói: "Tôi có ý định đó, nhưng sợ nửa chừng gặp trục trặc không thành."

Các Tỳ-kheo nói: "Nếu bà thỉnh chư Tăng cúng dường, bố thí vải thì nên cúng dường các trưởng lão Tỳ-kheo thứ vải tốt, còn vải xấu nên cúng dường cho Sa-di. Nếu cúng dường vải tốt cho tôi, tôi sẽ mặc đi vào Vương cung, vào các nhà hào quý và lễ Phật. Nếu

có ai hỏi, tôi sẽ nói là y do Ưu-bà-di có tín tâm mỗ giáp cúng cho tôi, bấy giờ bà sẽ được tiếng khen và công đức."

Bà nói: "Nhưng tôi không có hứa cúng dường chư Tăng. Nếu có thì tôi sẽ dành đặc biệt (cho thầy)."

Tỳ-kheo nói: "Cho hay không cho tùy ý bà."

Nói xong liền ra đi.

Người Đàn-việt ấy bèn suy nghĩ: "Nếu cúng dường thầy đó, không cúng dường Tăng là ruộng phước tốt (thì ta thất hứa). Còn nếu không cúng dường cho thầy thì sợ thầy dựa thế lực vua chúa có thể làm điều bất lợi ." Do sợ thầy ấy mà bà không cúng dường chư Tăng, và vì bà không hoan hỉ nên không cúng dường cả hai.

Các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khất thực ấy: "Việc thầy nghe trước đây tuyệt nhiên không thấy có tin tức gì cả."

Tỳ-kheo khất thực nói: "Tôi biết chắc ngày mai đây mà."

Thế rồi, sáng sớm hôm sau thầy khoác y thường mặc, đi tới nhà ấy, hỏi Ưu-bà-di: "Vì sao không thấy bày biện ra các thức ẩm thực?"

Bà ta nói: "Thưa thầy, tại vì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà phá vỡ thiện tâm của tôi."

Thầy hỏi: "Vì cớ gì?"

Bà liền trình bày đầy đủ sự việc kể trên. Thầy Tỳ-kheo khất thực nghe xong bèn trở về nói lại với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc ấy thực không?"

Họ đáp: "Thưa có thực như vậy."

Phật nói: "Các ông là kẻ ngu si. Đó là việc xấu, các ông đã làm cho cả 2 đều mất lợi ích: Người bố thí mất phước, người nhận thí

mất lợi. Các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Vì sao người ta không tự nguyện thỉnh cầu mà vì muốn y đẹp, các ông lại đến khuyên người ta bố thí? Đó là việc phi pháp, trái luật, không đúng lời ta dạy. Không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu vợ chồng cư sĩ, vì Tỳ-kheo, chuẩn bị số tiền sắm y, rồi bàn nhau: "Chúng ta chuẩn bị số tiền như thế để mua chiếc y như thế** (305a) **cho Tỳ-kheo mỗ giáp." Vị Tỳ-kheo này trước đó không được cư sĩ tự nguyện hứa cúng y mà vì thích đẹp nên đến nhà họ nói như sau: "Ông bà hãy sắm cho tôi chiếc y như vậy", thì khi được y phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Vị Tỳ-kheo: Hoặc là chư Tăng, hoặc là nhiều người, hoặc là một người.

Cư sĩ: Như trên đã nói.

Y: Trên đã nói.

Giá y: Trị giá bằng các thứ vàng bạc châu báu v.v.

Ra giá: Như nói: Hôm nay, hoặc là ngày mai, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng nữa, tôi cần chiếc y như vậy, như vậy đáng giá như vậy, để cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Đó gọi là ra giá.

Trước đó không tự nguyện thỉnh cầu: Mình biết trước là họ không tự ý thỉnh cầu mà bảo rằng họ tự ý thỉnh cầu. Hoặc biết họ tự nguyện thỉnh các Tỳ-kheo khác mà bảo là họ tự nguyện thỉnh

mình. Hoặc biết họ tự nguyện thỉnh đến bố thí những vật khác mà nói là họ tự nguyện thỉnh tôi đến bố thí y.

Đi đến: Hoặc đến ruộng của cư sĩ, hoặc đến nhà hoặc, vào trong nhà.

Yêu cầu: Như nói: Tôi cần màu xanh, hoặc màu vàng, hoặc màu đỏ, hoặc màu đen, hoặc các màu sắc khác. Hoặc dài hoặc rộng, hoặc dài rộng chừng ấy. Nếu họ cho theo yêu cầu của mình, hoặc họ cho vật khác thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Vì thích đẹp: Thích đẹp có: Tri túc hảo, bất tri túc hảo, thô túc hảo.

Tri túc hảo: Nếu họ cho vải mịn (vải sợi nhỏ), mình liền bảo: "Tôi cần vải thô." Đó gọi là tri túc hảo (thích cái đẹp trong sự vừa đủ). Nếu nhận được thì phạm Ni tát kỳ.

Bất tri túc hảo: Khi người ta cho y xấu, liền nói: "Nếu cho tôi y xấu, tôi không thèm mặc, vì tôi là hạng người cao quý, phải cho tôi y tốt." Đó gọi là Bất tri túc hảo.

Thô túc hảo: Khi họ cho y mịn màng liền nói: Tôi không dùng y tốt này, vì tôi là người sống ở nơi hoang vắng như con nai trong rừng, nghỉ chỗ đất trống, nên cho tôi y thô xấu đủ che lạnh nóng mưa gió mà thôi." Đó gọi là thô túc hảo. Nếu nhận được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Trên đã giải thích.

Thế nên đức thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

> ***Nếu cư sĩ, vợ cơ sĩ v.v…, cho đến vì thích đẹp mà được y, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

(Hết giới thứ 8 của Ni-tát-kỳ)

*

9. KHUYÊN HAI NHÀ CHUNG TIỀN SẮM Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có thầy Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn mặc y thường mặc, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Bấy giờ có người vợ cư sĩ nói với Tỳ-kheo như trên. Nhưng đó là một cư sĩ nói. Còn ở đây có 2 gia đình cư sĩ mà ý kiến khác nhau thì Tỳ-kheo (**305b**) nghe rồi cũng phải nghe lại cho rõ. Nếu cả 2 gia đình vợ chồng cư sĩ ấy đều bàn bạc về giá cả của y và nói như sau: "Chúng tôi sẽ sắm y như vậy như vậy, giá cả như vậy như vậy, để cho Tỳ-kheo mỗ giáp." Nhưng trước đó họ không tự ý thỉnh mời mà Tỳ-kheo vì muốn y tốt nên đến 2 nhà cư sĩ, nói: "Cả 2 nhà nên chung sức sắm cho tôi một chiếc y như vậy, với giá trị như thế." Vị này vì thích đẹp, nên nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Trong đây như trường hợp một cư sĩ đã nói rõ ở trên, nhưng 2 cư sĩ thì khác.

(Hết giới thứ 9 của Ni-tát-kỳ)

*

10. ĐÒI TIỀN Y QUÁ SỐ LẦN QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, vua Bình Sa có 2 vị đại thần, người thứ nhất là Ni-đề, người thứ 2 tên là Bà-lợi-sa. Vào mùa thu, nhân dân thu hoạch xong, bèn vận chuyển lương thực vào thành. Khi ấy tuyết rơi lạnh, hai vị Đại thần suy nghĩ: "Hằng năm chúng ta thường mời thầy Nan-Đà và Ưu-ba-nan-đà về nhà cúng dường trai phạn và y phục, không biết hiện giờ họ ở đâu." Có người nói: "Họ đang ở tại thành Xá-vệ."

Lúc ấy, 2 vị Đại thần bèn sai sứ giả mang thư và 800 đồng tiền cũ đến đưa cho Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà, và dặn họ phải mang thư

hồi âm về báo lại. Sứ giả đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn bèn hỏi thầy tri khách: "Phòng của-nan Đà, Ưu-ba-nan-đà ở đâu?"

Lúc ấy các Tỳ-kheo liền chỉ, nói: "Phòng này đây."

Sứ giả liền bước vào phòng, đảnh lễ, rồi hỏi: "Thầy có phải là Ưu-ba-nan-đà không?"

Thầy đáp: "Phải. Ông muốn hỏi điều gì?"

Sứ giả đáp: "Hai vị Đại thần của Vua Bình Sa là Ni-đề và Ba-lợi-Sa sai tôi đem thư và 800 đồng tiền cũ đến thầy, và xin thư hồi âm."

Khi ấy có Ưu-bà-tắc tên Pháp-dự, Ưu-ba-nan-đà bèn nói với ông ta: "Ông hãy đếm xem số tiền sắm y này có phù hợp với lá thư không."

Ông ta bèn đếm thì thấy số tiền ấy phù hợp với thư, liền viết thư phúc đáp và sai sứ giả đem về. Thế rồi, Pháp-dự định đi về, liền bạch với Ưu-ba-nan-đà: "Thưa Tôn giả, tiền sắm y này nên để ở đâu?"

Ưu-ba-nan-đà đáp: "Nên để bên ông."

Ưu-bà-tắc bèn mang về nhà, nhưng chờ một ngày, 2 ngày, 3 ngày mà không thấy Ưu-ba-nan-đà đến lấy. Vì thầy bận nhiều việc nên quên không đến lấy. Khi ấy, trong nhà Ưu-bà-tắc đang thiếu tiền, nên ông mượn số tiền ấy dùng tạm rồi sau sẽ hoàn lại. Mới vừa tiêu xong, thì ngay trong ngày ấy, Nan-Đà bảo Ưu-ba-nan-đà đến đòi lại số tiền sắm y. Ưu-bà-tắc nói: "Khi tôi mang tiền về nhà chờ Tôn giả 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày mà không thấy đến lấy, nhân trong nhà đang thiếu ít tiền, nên tôi mượn dùng tạm rồi sẽ hoàn trả lại."

Ưu-ba-nan-đà liền giận dữ nói: "Ông là người không thể gởi gấm được! Đó là tiền của tôi, vì sao tự tiện sử dụng?"

Thế rồi, Nan-đà nói với (**305c**) Ưu-ba-nan-đà rằng: "Vật ấy không thể đòi trực tiếp được", bèn báo với quan đến bắt ông ta đi.

Khi ấy dân chúng thấy thế, liền chê trách đủ điều, rằng: "Sa-môn Thích tử tự cho mình thánh thiện tốt đẹp, thế mà người đàn việt

kia thường cung cấp cho họ, họ lại nỡ làm khốn khổ như vậy đó, huống gì người khác! Thực là mất hết phép tắc Sa-môn, làm ác như vậy thì còn có đạo đức gì nữa!".

Ưu-ba-nan-đà nghe thế lấy làm xấu hổ, liền thả ông ta đi.

Các Tỳ-kheo nghe việc ấy bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Ưu-ba-nan-đà, ông có làm việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn."

Phật bèn khiển trách Ưu-ba-nan-đà: "Đó là việc ác. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện để chê trách sự đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay trở đi ta không cho phép đến đòi như thế nữa."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có Ưu-bà-tắc Pháp-dự thường mời các Tỳ-kheo tuần tự thọ trai. Đến phiên Tỳ-kheo đến nhà ấy thọ trai, Pháp-dự hỏi: "Vì sao không thấy Ưu-ba-nan-đà đến nhận lại tiền? Khi tôi chưa có tiền thì đòi một cách khẩn thiết giữa mọi người, nay tôi có tiền thì không thấy đến lấy."

Các Tỳ-kheo nói: "Phật chế giới không được đến đòi."

Pháp-dự nói: "Nếu không cho đòi thì vì sao không đến đây đứng im lặng, tôi sẽ hiểu ý?"

Thầy Tỳ-kheo ấy ăn xong trở về nói với Các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-bà-tắc Pháp-dự này là kẻ thông minh, có trí tuệ, và có phương tiện quyền biến. Từ nay ta cho phép các Tỳ-kheo 3 lần đến đòi, 6 lần đến đứng im lặng."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Vua hay Đại thần sai sứ giả mang tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo, rồi sứ giả đến chỗ Tỳ-kheo nói: "Tôn giả, đây là tiền sắm y của Vua, của vị đại thần kia đưa cho tôn giả, tôn giả hãy nhận lấy." Tỳ-kheo này nên nói với sứ giả như sau: "Phép của các Tỳ-kheo không được nhận tiền sắm y. Khi nào ta cần y thanh tịnh (hợp pháp), ta sẽ tự tay nhận tiền để sắm y." Sứ giả nên hỏi Tỳ-kheo: "Thưa Tôn giả! có người chức sự, thường xử lý công việc cho các Tỳ-kheo không?" Tỳ-kheo này nên chỉ cho sứ giả người chức sự như người làm vườn hoặc cư sĩ ở chùa, và nói: "Những người đó thường hay giúp việc cho các Tỳ-kheo." Bấy giờ, sứ giả đến chỗ người chức sự (306a) nói: "Lành thay ông chức sự! Số tiền sắm y như thế này đây dùng để sắm y như vậy, như vậy cho Tỳ-kheo mỗ giáp. Khi nào Tỳ-kheo ấy cần y đến lấy, thì ông nên đưa y cho thầy." Sứ giả này tự mình khuyến dụ, hoặc nhờ người khác khuyến dụ xong, trở lại chỗ Tỳ-kheo, thưa: "Thưa Tôn giả, người chức sự mà Tôn giả đã chỉ tôi đã đến nhờ ông ta may y cho Tôn giả. Khi nào Tôn giả cần y cứ đến lấy, ông ta sẽ đưa y cho Tôn giả."

Thầy Tỳ-kheo khi cần y nên đến chỗ người chức sự đòi y, nói như sau: "Tôi cần y." đòi đến lần thứ 2 thứ 3 cũng như thế. Nếu được y thì tốt, nếu không được thì lại đến trước người chức sự đứng im lặng đến lần thứ tư thứ năm, thứ sáu, mà được y thì tốt. Nếu không được mà cứ đến đòi hơn sáu lần thì khi được y, sẽ phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu không được y, thì hoặc tự đi, hoặc nhờ sứ giả tới người đưa tiền sắm y, nói như sau: "Ông đưa tiền sắm y cho Tỳ-kheo mỗ giáp, nhưng rốt cuộc Tỳ-kheo mỗ giáp không được y. Vậy ông hãy đến lấy lại tiền y kẻo bị mất." Việc này nên làm như vậy."

*

❖ Giải thích

Vua: Như đã nói trong giới ăn trộm.

Bề tôi của Vua: Kể cả viên Tiểu lại biết trông coi việc quan đều gọi là bề tôi.

Sứ giả: Hoặc trai, hoặc gái, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Y: Như trên đã nói.

Tiền sắm y: Tiền, vàng bạc, châu báu, lưu ly, hà bối, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não, Xích bảo, đồng, thiết, bạch lạp, chì v.v… Đó gọi là tiền sắm y.

Người làm vườn: Người tịnh nhân phụng sự chúng Tăng, gọi là người làm vườn.

Ưu-bà-tắc: Người đã thọ 3 quy y, giữ được một phần giới, giữ được một ít giới, giữ được nhiều giới, giữ được giới trọn vẹn, làm một cách nhuần nhuyễn. Người được như thế gọi là Ưu-bà-tắc.

Nói ba lần: Không phải chỉ trong một lần đi về, nói 3 lời, mà là đi về đòi 3 lần, thì gọi là nói 3 lần.

Hoặc 4, 5, 6 lần đến đứng im lặng: Không phải một lần đến đứng im lặng rồi trở về mà là 6 lần đến đứng im lặng rồi trở về. Nghĩa là một lần tự mình đến đòi, một lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, 2 lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, 3 lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, 4 lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, 5 lần sai sứ đến đứng im lặng. Một lần tự mình đến đòi, 6 lần sai sứ đến đứng im lặng. Hai lần tự mình đến hỏi, 3 lần tự mình đến hỏi cũng như vậy. Hoặc là một lần sai sứ đến đòi, một lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, 2 lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, 3 lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, 4 lần tự mình đến đứng im lặng. Một lần sai sứ đến đòi, 5 lần tự mình đến đứng im lặng (**306b**). Một lần sai sứ đến đòi, 6 lần tự mình đến đứng im lặng. Thế rồi, 2 lần sai sứ

đến hỏi, 3 lần sai sứ đến hỏi cũng như vậy. Hai lần tự mình đến đòi, 3 lần tự mình đến hỏi cũng như vậy. Sai sứ đến đòi, sai sứ đến đứng im lặng 3 lần cũng như vậy.

Nghĩa là 3 lần đến đòi, 6 lần đến đứng im lặng. Thời gian hoặc hoãn hoặc gấp.

Thế nào là hoãn?

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn việt đòi y, hỏi rằng: "Lão trượng đưa cho tôi số tiền sắm y." Rồi đàn việt đáp: "Tôn giả, một tháng nữa hãy đến." Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi.

Nếu đàn việt lại nói: "Một tháng nữa lại đến." Rồi Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi. Bấy giờ đàn việt lại nói: "Tôn giả, một tháng nữa lại đến"Tỳ-kheo đợi đủ một tháng lại đến đòi. Khi đã qua 3 tháng rồi thì không được đến đòi nữa.

Hoặc họ nói: "Nửa tháng nữa đến lấy", thì quá 3 lần nửa tháng, không được đến đòi nữa.

Hoặc họ nói: "Mười ngày, 5 ngày, 4 ngày, 3 ngày, 2 ngày, 1 ngày, một chốc lát..."mà quá 3 chốc lát thì không được đến đòi nữa.

Khi Tỳ-kheo này 6 lần đến đứng mà đàn việt nói: "Tôi biết Tôn giả đến đứng có ý gì rồi, vậy một tháng nữa hãy đến." Thì Tỳ-kheo đợi đủ một tháng sẽ đến đứng im lặng. Cứ như vậy đủ 6 tháng đến đứng im lặng rồi thì không được đến nữa.

Hoặc họ nói: "Nửa tháng, 10 ngày, 5 ngày, 4 ngày, 3 ngày, 2 ngày, 1 ngày, trong khoảnh khắc." Mà quá 6 khoảnh khắc rồi, thì không được đến đứng im lặng nữa. Thế thì thời gian đứng im lặng là bao lâu? - Khoảng thời gian ấy bằng thời gian một người vào phòng lấy mũ đội lên đầu, hoặc như khoảng thời gian khoác áo vào, rồi ra đi. Nếu Tỳ-kheo tạo phương tiện hiện ra tướng trạng bằng cách cầm y, bát, tích trượng, bình nước, đi qua nhà người mình đã gởi tiền trước kia, rồi người đó hỏi: "Tôn giả định đi đâu vậy?" Bèn đáp: "Định đi tới người đã gởi tiền trước kia bảo họ lấy lại tiền

kẻo để mất." Rồi người nhận ký gởi nói: "Tôi đã chuẩn bị tiền từ lâu, không cần phải đến nữa." Bèn đưa tiền cho Tỳ-kheo, mà Tỳ-kheo lấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nhưng nếu không có dụng ý mà nhân đi đường ngang qua trước họ, rồi họ hỏi: "Tôn giả định đi đến đâu đó." Tỳ-kheo đáp: "Định đi tới người chủ đã đưa tiền trước kia bảo họ lấy lại tiền kẻo để mất." Rồi người nhận ký gởi nói: "Tôi đã chuẩn bị tiền từ lâu, khỏi cần đi đến nữa"; bèn đưa tiền, mà Tỳ-kheo nhận, thì không có tội.

Trái lại, nếu người nhận ký gởi nói: "Tùy ý mà đi. Giả sử ông có xẻ thịt tôi ra như xẻ cây đa la, thì tôi cũng không đưa ông một đồng xu ten", thì bấy giờ Tỳ-kheo nên đến người đã gởi tiền bảo họ lấy lại tiền kẻo để mất. Nếu như người chủ đã đưa tiền nói: "Trước đây tôi đã cúng dường cho thầy, thầy tùy phương tiện mà đòi lại." Khi ấy Tỳ-kheo được phép làm như trước 3 lần đến đòi (**306c**), 6 lần đến đứng im lặng. Thế nên đức Thế Tôn nói:

Hoặc nhà Vua, hoặc Đại thần đưa tiền sắm y.. cho đến chớ để mất. Việc ấy nên làm như vậy.

(Hết giới thứ 10 của Ni-tát-kỳ)

*

11. LÀM PHU CỤ LÔNG ĐEN

Khi Phật an trú tại Tinh xá có tầng lầu nơi đại lâm ở Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ tất cả các Tỳ-kheo đều may y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Ni-sư-đàn bằng len, chỉ trừ đãy lọc nước và dây buộc xách là không phải bằng len. Do đó, các Tỳ-kheo đi mọi chỗ xin lông dê để may y bằng len, nhiều người đều làm như thế, khiến ngươì đời sinh chán ngán. Khi ấy, có một Tỳ-kheo sáng sớm khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly để xin lông thú. Bấy giơ, một khách buôn tay cầm chìa khóa đi tới chợ, định mở cửa sạp

hàng, nhưng trông thấy Tỳ-kheo từ xa vội vã đi đến, bèn suy nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này tới đây chắc là để xin lông thú, mới sáng sớm mà đã tới đây, chợ búa chưa mở hàng thì ai mà lại cho lông." Thế rồi, ông đóng cửa sạp hàng, trở về nhà. Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ông khách buôn này thấy ta liền đóng cửa sạp hàng, trở về nhà, có lẽ là không muốn cho ta lông thú", bèn đi đường tắt đến chận đầu ông ta hỏi: "Lão trượng, ông đi đâu mà không chờ tôi? Vậy thì tôi xin lông ai đây? Chính là tôi định xin lông thú của ông, vì ông là người tin tưởng Phật Pháp, biết rõ tội phước, việc làm có quả báo mà nếu không cho tôi, thì ai sẽ cho tôi. Lão trượng nên biết, đức Thế Tôn đã dạy rằng: Nên khởi từ tâm, đối với người không thích nghe, tạo phương tiện khiến cho họ nghe; đối với những người không tin tưởng phải khuyên bảo họ tin tưởng; thậm chí dùng tay ghì đầu họ, khuyên họ phải bố thì. Vì lẽ, họ nhờ đó mà khi mệnh chung được sinh lên cõi trời, có sắc đẹp, khỏe mạnh, sống lâu, có bà con sum họp, đời sau sinh vào cõi người cũng hưởng được khoái lạc, có sắc đẹp, khỏe mạnh, sống lâu, và bà con đông đúc. Thế rồi, họ tu tập Phật pháp, làm tăng thêm công đức và chờ đợi quả vị cam lồ. Do vậy, này lão trượng, Thế Tôn đã nói kệ:

"Làm phước hưởng an lạc
Muốn gì đều tự nhiên
Vượt khỏi dòng sinh tử
Lên cảnh giới Niết-bàn
Những kẻ làm việc phước
Được thiên thần hộ trì
Nguyện Chi-đều thành tựu
Ác ma không hại được
Bạc phước nhiều khổ não
Phước dày tai họa tiêu
Phước đức mà vững chắc
Định kiên cố chóng thành
Sinh thiên hưởng khoái lạc

Ở nhân gian, tự tại
Đó là do công đức
Đến đâu đều tự nhiên
(**307a**) Do phương tiện phước đức
Mà lìa khổ sinh tử
Đắc đạo đến Niết bàn
Dứt lưu chuyển tái sinh."

Khi Tỳ-kheo thuyết kệ xong, liền nói với khách buôn: "Lão trượng, bố thí lông dê cho tôi phước đức rất lớn."

Khách buôn nghe nói thế, liền bố thí một ít lông dê, đoạn suy nghĩ: "Nếu ta vào chợ, sẽ có nhiều người xin lông, đã chẳng được lợi ích gì mà còn hao tổn vốn liếng. Vậy, thà ngồi ở nhà còn có thể bảo toàn vốn liếng chứ cố vào sạp buôn bán, e mất toi cả vốn lời." Nghĩ thế rồi, ông bèn trở về ngồi trong nhà. Bà vợ trông thấy vậy, nổi giận nói với chồng: "Vì sao ông đến chợ rồi lại tức tốc trở về? Lười biếng như vậy thì lấy gì để nuôi con cái, nạp thuế quan và lo việc sưu dịch?"

Khách buôn đáp: "Bà chớ giận, hãy nghe đã. Sáng sớm nay tôi đến sạp hàng định mua bán... "Nói rộng như trên, cho đến "không bằng trở về nhà ngồi nghỉ."

Bà vợ nghe rồi im lặng không nói nữa. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất tuần tự khuất thực, đến nhà khách buôn ấy, đứng ở ngoài cửa. Bà vợ của ông nhà buôn vốn là người có tín tâm, cung kính, biết tôn giả Xá-lợi-phất, nên dùng cái tô múc đầy thức ăn, đem ra cửa sớt vào bát của Xá-lợi-phất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, cung kính vấn an. Khi ấy, Xá-lợi-phất cũng an ủi bà ta rằng: "Trong nhà thế nào? sinh hoạt có tốt không?"

Bà ấy đáp: "Trong nhà đều tốt đẹp cả, chỉ có việc sinh nhai bị đình đốn."

Tôn giả hỏi: "Vì sao vậy?"

Bà liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Xá-lợi-phất rằng: "Mọi sinh hoạt trong nhà như ăn uống, quần áo, cung cấp, sưu dịch, thuế khóa đều nhờ vào sạp hàng mà nay ông nhà cứ ngồi ì trong nhà, vì sợ người ta xin lông dê. Thật sự ông đang ở đó mà bảo là đi, thật sự ông đang thức mà bảo là ngủ. Nay thầy là người mà gia đình con cúng dường, cung kính, tôn trọng, không dám giấu giếm điều chi. Vì lẽ lông rất quí, giá một đồng một lạng, cho đến hai ba, bốn đồng tiền vàng một lạng. Hơn nữa, thứ lông này rất mịn, dù châm vào tròng mắt cũng không chảy nước mắt, nên rất khó được. Thưa Tôn giả! Thứ lông dê này phát xuất từ 4 nước lớn là: Nước Tỳ-xá-ly, nước Phất-ca-la, nước Đắc Sát Thi Ra, nước Nan-đề Bạt Đà. Chồng tôi và các thân quyến vì đi tìm thứ lông ấy mà có khi còn sống trở về, có khi bị chết không trở về, vì loại lông này khó được như vậy, cho nên rất quí. Thế mà các Tỳ-kheo hết người này đến người khác tới xin hoài, phá gia nghiệp của con, khiến lâm vào cảnh bần cùng."

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liền thuyết pháp rộng rãi, khiến bà ta phát tâm hoan hỉ, rồi trở về Tinh xá. Và sau khi thọ trai xong, thầy bèn đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Có thật là ông vì muốn làm y bằng len mà xin lông dê, (**307b**) khiến cho bà vợ ông nhà buôn đã trách móc với Xá-lợi-phất chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Này Tỳ-kheo, há ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện quở trách đa dục, tán thán thiểu dục hay sao? Việc ông làm là phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, rồi vì 10 điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

❖ Giải thích

Thuần: Không pha tạp.

Lông dê: Có 10 loại là: Dê tương tục, dê đen, dê lang (không đủ sắc), dê núi, dê lang thang, dê hồ, dê đẳng, dê kên, dê nhiều tai, dê mộc liên.

Mới: Mới làm thành.

Phu cụ: Dụng cụ để trải, được làm bằng len.

Làm: Hoặc tự làm, hoặc nhờ người khác làm.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Phu cụ ấy phải xả bỏ giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Dê tương tục: Có 6 loại lông: Màu xanh tự nhiên, màu xanh nhuộm, màu đen tự nhiên, màu đen nhuộm, màu xanh đen tự nhiên, màu xanh đen nhuộm.

Nếu tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Cho đến loại lông dê mộc liên cũng như vậy. Loại phu cụ này phải xả bỏ giữa chúng Tăng, nhưng chúng Tăng không được trao lại chủ cũ, cũng không được dùng vào các việc khác, mà chỉ có thể trải dưới đất, hoặc tủ trên mái nhà, làm rèm, phướn. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

(Hết giới thứ 11 của Ni-tát-kỳ)

*

12. LÀM PHU CỤ THUẦN MÀU ĐEN

Khi Phật an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng ở thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo làm các loại y bằng len như y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng, y An-đà-hội và Ni-sư-đàn, chỉ trừ đãy lọc nước và dây buộc túi xách. Vì bấy giờ Phật chưa chế giới nên các Tỳ-kheo mặc loại y bằng len này ngồi ở ngoài trời (ban đêm) một cách an ổn. Nhưng sau khi Phật chế giới, các Tỳ-kheo không được mặc y bằng len nên nhiều người đau ốm, sống không yên ổn. Do vậy, họ bèn đem sự kiện ấy nói với Tôn giả A-nan: "Khi Phật chưa chế giới, chúng tôi mặc y bằng len (nên dù ở ngoài trời) cũng yên ổn như ở trong nhà, đến khi Phật chế giới rồi, không được mặc y bằng len nữa, nên nhiều người ốm đau, không yên ổn. Lành thay A-nan! Thầy hãy vì chúng tôi bạch với Phật cho phép chúng tôi dùng lại y bằng len như trước."

Khi ấy, Tôn giả A-nan bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo mặc y bằng len như trước."

(**307c**) Phật nói: "Ta cho phép các Tỳ-kheo làm y pha trộn (các loại lông)."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới nên trộn lẫn 2 phần lông dê thuần đen, phần thứ 3 lông trắng và phần thứ tư màu xám. Trái lại, nếu Tỳ-kheo không trộn lẫn 2 phần lông dê thuần đen, phần thứ 3 lông trắng và phần thứ tư màu xám để làm phu cụ, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Hai phần: Dùng 2/4 lông dê đen để làm phu cụ.

Phần thứ 3 trắng: Dùng 1/4 lông dê trắng để làm phu cụ

Phần thứ tư màu xám: Dùng 1/4 lông màu xám để làm phu cụ

Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới (sai qui định trên đây) hoặc tự làm, hoặc nhờ người khác làm, khi làm thành thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Thế nên nói:

> ***"Nếu Tỳ-kheo muốn làm phu cụ mới thì phải dùng 2/4 lông dê thuần đen, phần thứ 3 màu trắng, phần thứ tư màu xám để làm. Trái lại, nếu không dùng 2/4 lông dê thuần đen, phần thứ 3 màu trắng, phần thứ tư màu xám để làm phu cụ mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."***

(Hết giới thứ 12 của Ni-tát-kỳ)

*

13. DÙNG TƠ TRỘN LÔNG LÀM PHU CỤ

Khi Phật an trú tại một Tinh xá có lầu gác trong rừng, bấy giờ có một Tỳ-kheo định làm phu cụ nhưng thiếu lông dê, các Tỳ-kheo bèn hỏi: "Làm phu cụ xong chưa?"

Thầy đáp: "Làm chưa xong."

Họ lại hỏi: "Vì sao vậy?"

Thầy đáp: "Vì thiếu lông dê."

Các Tỳ-kheo bèn nói: "Thầy muốn có tơ tằm mịn để làm không?"

Thầy đáp: "Muốn."

Các Tỳ-kheo liền nói: "Thầy hãy đến thôn Khoáng Dã xin tơ tằm về trộn lẫn với lông dê để làm."

Thầy liền theo lời chỉ dẫn, đi tới thôn Khoáng dã vào nhà làm tơ tằm hỏi chủ nhà: "Lão trượng, cho tôi ít tơ tằm."

Chủ nhà đáp: "Thầy đợi một chút, tôi đi lấy tơ tằm đem ra cho."

Tỳ-kheo đứng chờ ở ngoài một lát, bèn tới hỏi: "Đã lấy xong chưa?"

Họ đáp: "Vừa mới lấy ra, đợi tôi một lát, tôi nấu xong rồi sẽ đưa."

Thế rồi, họ đem ghế ra mời Tỳ-kheo ngồi. Thầy liền ngồi chờ một chốc lát, bèn đi tới xem nồi nước sôi chưa (**308a**). Thấy nước đã sôi thầy liền nói: "Nước đã sôi, có thể bỏ kén vào."

Chủ nhân vì muốn chế diễu Tỳ-kheo, nên hỏi: "Tôn giả, nước đã sôi có thể bỏ kén vào thực sao?"

Thầy đáp: "Quả thực đã sôi có thể bỏ vào được."

Chủ nhân bèn đem kén bỏ vào nồi nước sôi, phát ra tiếng kêu sùng sục, rồi ông trách: "Tôi nghe Sa-môn Cù-Đàm dùng vô số phương tiện ca ngợi sự không sát sinh, khiển trách sự sát sinh, vì sao Sa-môn Thích tử lại cố ý sát hại chúng sinh? Thế là mất hết phép tắc Sa-môn, còn có đạo hạnh gì nữa?"

Với tâm không hoan hỉ, chủ nhân bèn đem cho Tỳ-kheo một ít tơ tằm. Tỳ-kheo được tơ tằm rồi, bèn đem về trộn với lông dê, làm phu cụ. Các Tỳ-kheo lại hỏi: "Thầy làm phu cụ xong chưa?"

Thầy đáp: "Xong rồi, nhưng trong khi làm lợi ít mà lỗi nhiều."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Thế nào là lợi ít mà lỗi nhiều?"

Thầy bèn trình bày đầy đủ sự kiện kể trên. Các Tỳ-kheo nghe xong, liền đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến Phật liền hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Đó là việc ác. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh hay sao? Nay vì sao ông lại làm việc ác như thế. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Tỳ Xá Li phải tập họp lại tất cả, rồi vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn lẫn với lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tơ tằm: Gồm có 2 loại. Một là sống, hai là đã làm. Tơ sống nghĩa là tơ mịn. Tơ đã làm nghĩa là tơ đã đánh sợi.

Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm may y Tăng-già-lê, dùng lông dê may y Uất-đa-la-tăng; hoặc dùng lông dê may y Tăng-già-lê, dùng tơ tằm may y Uất-đa-la-tăng hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, khi làm xong, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng, phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm may y Tăng-già-lê, dùng lông dê may y An-đà-hội, hoặc dùng lông dê may y Tăng-già-lê, dùng tơ tằm may y An-đà-hội. Hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, khi làm xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Hoặc đường dọc (**308b**) làm bằng tơ tằm, đường ngang làm bằng lông dê, hoặc đường dọc làm bằng lông dê, đường ngang làm bằng tơ tằm; hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác, khi làm xong, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Hoặc dệt ở ngoài lề bằng lông dê, ở giữa bằng tơ tằm, hoặc dệt ở giữa bằng lông dê, ở ngoài lề bằng tơ tằm, hoặc

tự mình dệt, hoặc nhờ người khác dệt, khi dệt xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Hoặc dệt một sợi bằng tơ tằm, một sợi bằng lông dê, thì cũng như trên đã nói. Hoặc y bằng lông dê, đường viền bằng tơ tằm, hoặc y bằng lông dê, đường xếp bằng tơ tằm, hoặc y bằng lông dê, miếng vá bằng tơ tằm, hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm, đều như trên đã nói. Cái y len này phải đem xả bỏ giữa chúng Tăng, và Tăng không được dùng, cũng không được trả lại chủ cũ, mà chỉ được dùng trải đất và làm rèm, màn che gió mà thôi. Thế nên nói:

Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn lẫn với lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

(Hết giới thứ 13 của Ni-tát-kỳ)

*

14. DÙNG PHU CỤ CHƯA ĐỦ SÁU NĂM

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác trong rừng nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Vì 5 điều lợi ích nên Thế Tôn cứ 5 hôm đi quan sát phòng ốc của các Tỳ-kheo một lần. Lúc ấy, Thế Tôn thấy các phu cụ len cũ bỏ ngổn ngang khắp nơi, hoặc trong đống rác, hoặc trong xó nhà, hoặc dưới thềm nhà, bị chim, quạ mang về làm ổ, hoặc chuột tha vào trong hang. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là loại phu cụ len cũ của ai mà bỏ ngổn ngang khắp nơi như thế?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là thứ phu cụ len cũ mà các Tỳ-kheo vứt bỏ, vì thích làm phu cụ mới."

Phật bèn bảo với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi, các Tỳ-kheo khi làm phu cụ mới phải sử dụng đến 6 năm."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo già bệnh mang chiếc y Tăng-già- lê bằng len nặng nề, các Tỳ-kheo thấy thế, nói: "Thầy mang chiếc y Tăng-già-lê bằng len nặng thế này sẽ chết mất, hãy bỏ cái y nặng này đi và mang chiếc y nhẹ khác."

Thầy liền đáp: "Vì dùng chưa đủ 6 năm."

Các Tỳ-kheo lại nói: "Thầy không bỏ cái y này sẽ ốm mà chết."

Thầy đáp: "Thà tôi chết, chứ không dám trái giới luật."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Thầy Tỳ-kheo già bệnh ấy vì mang y bằng len nặng mà tăng thêm bệnh thì Tăng nên cho thầy pháp Yết-ma dùng y len. Tỳ-kheo này nên đến xin Tăng và Tăng nên làm pháp Yết-ma cầu thính. Người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp già bệnh mà chiếc y bằng len nặng nên càng tăng thêm bệnh suy vi. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho phép Tỳ-kheo mỗ giáp đến Tăng xin Yết-ma về y len.

*Xin các đại đức lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp muốn đến Tăng xin pháp Yết-ma y len, (**308c**) vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc đó cứ như thế mà thi hành."*

Thế rồi, Tỳ-kheo này đến trước Tăng, trật vai áo bên phải, chân phải quỳ xuống đất, tác bạch xin như sau:

"Tôi Tỳ-kheo mỗ giáp già bệnh mà chiếc y này nặng càng làm cho bệnh hoạn tôi tăng thêm. Nay tôi đến giữa Tăng xin pháp Yết-ma y len, mong Tăng cho tôi pháp Yết-ma y len." Xin lần thứ 2 thứ 3 cũng như thế.

Bấy giờ người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp này bệnh mà chiếc y bằng len nặng, thầy đã đến giữa Tăng xin pháp Yết-ma y len. Nếu

thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma y len. Đây là lời tác bạch.

Rồi 3 lần bạch Yết-ma cũng như thế.

Sau đó, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Tỳ-kheo già bệnh pháp Yết-ma y len chưa, thì họ đáp rằng đã cho rồi. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới phải dùng đến 6 năm. Nếu chưa đủ 6 năm mà bỏ, hoặc không bỏ phu cụ cũ, làm phu cụ mới - ngoại trừ Tăng làm Yết-ma cho phép - thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sáu năm: Tức 6 mùa hạ. Bốn tháng mùa hạ nên ở trong nhà, mỗi đêm nên trải tấm phu cụ bằng len 3 lần, không nên đầu đêm đem ra trải 3 lần; nếu đầu đêm đem ra mà giữa đêm, cuối đêm không đem ra, thì phạm 2 tội Việt-Tỳ-ni. Nếu giữa đêm đem ra (dùng) mà đầu đêm, cuối đêm không đem ra thì cũng phạm 2 tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cuối đêm đem ra, mà đầu đêm, giữa đêm không đem ra, thì cũng phạm 2 tội Việt-Tỳ-ni. Nếu đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm đều không đem ra, thì phạm 3 tội Việt-Tỳ-ni. Trái lại nếu đem ra 3 lần đầu đêm, giữa đêm và cuối đêm, thì không có tội.

Chưa đủ sáu năm: Chưa đủ 6 mùa hạ.

Phu cụ cũ: Đã được dùng trong 6 năm.

Hoặc xả, hoặc không xả: Cái phu cụ cũ hiện tiền nếu bỏ rồi làm cái mới thì phạm; hoặc cái phu cụ cũ hiện tiền không bỏ mà làm

cái mới cũng phạm; hoặc cái phu cụ cũ không hiện tiền, nếu bỏ mà làm cái mới cũng phạm; hoặc cái phu cụ cũ không hiện tiền, không bỏ mà làm cái phu cụ mới, tự mình làm hay nhờ người khác làm, khi làm xong phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Khi sử dụng phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Vì muốn tốt: Chẳng hạn hiềm vì "lớn quá, nhỏ quá, nhẹ quá, nặng quá, khi mặc vào lạnh quá, nóng quá, mà ta có đàn việt, có người làm giúp, ta có lông dê, vậy ta hãy làm cái phu cụ mới." Nếu vì muốn tốt, suy nghĩ như thế thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ngoại trừ Tăng Yết-ma cho phép: Nếu Thế Tôn cho đặc miễn thì không có tội. Nhưng Yết-ma hoặc thành hoặc không thành.

Yết-ma không thành tựu: Thân thể không gầy yếu, (**309a**) nhan sắc không tiều tụy, gân cốt không suy giảm, ăn thực phẩm thô sơ vẫn no; hoặc tác bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, tăng không thành tựu, có những sự việc không thành tựu như vậy, đó gọi là Yết-ma không thành tựu. Trái lại, nếu Tỳ-kheo ấy bệnh hoạn, thân thể nhan sắc tiều tụy, gân cốt suy giảm, ăn thức ăn nhuyễn cũng không thấy no, đừng nói là thức ăn thô; nhưng khi tác bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, tăng không thành tựu, có các việc sai trái như thế, thì cũng gọi là Yết-ma không thành tựu.

Yết-ma thành tựu: Nếu Tỳ-kheo ấy ốm yếu, nhan sắc tiều tụy, gân cốt suy giảm, ăn thức ăn nhuyễn cũng không no được, tác bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, tăng thành tựu, các việc như thế đều không sai sót, đó gọi là Yết-ma thành tựu.

Vị Tỳ-kheo già bệnh này, khi được Tăng Yết-ma cho phép rồi, phải ghi nhớ số ngày tháng năm đã sử dụng cái phu cụ bằng len cũ, đến lúc lành bệnh phải sử dụng lại cái phu cụ cũ ấy, tính với số thời gian trước kia đủ 6 năm. Nếu Tỳ-kheo này sau khi lành bệnh không dùng lại phu cụ cũ đủ 6 năm, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề như trên đã nói. Sau khi vị ấy đem xả giữa chúng Tăng, Tăng không nên trả lại vị ấy, mà được sử dụng, nhưng không được khoác mặc vào thân, thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 14 của Ni-tát-kỳ)

*

15. KHÔNG MAY MỘT MIẾNG CŨ TRÊN PHU CỤ MỚI

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác trong rừng ở Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên.Vì 5 việc lợi ích nên Thế Tôn cứ 5 hôm đi thị sát phòng xá của các Tỳ-kheo, thấy phu cụ bằng len cũ bỏ vung vãi khắp nơi như tại đống rác, trong xó nhà, dưới mái hiên, hoặc bị chim quạ tha đi lót ổ, hoặc chuột tha vào hang. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Những phu cụ bằng len cũ này của ai mà bỏ vung vãi khắp nơi thế này?"

Các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Có một số Tỳ-kheo hoặc bãi đạo, hoặc qua đời, hoặc còn đang sống, chính họ vứt bỏ các phu cụ bằng len cũ vung vãi như thế."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nếu như người bố thí không cân nhắc, thì người thọ thí cũng phải cân nhắc, nghĩa là Tỳ-kheo thọ thí phải sử dụng, không được vứt bỏ. Từ nay trở đi nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới thì phải dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay Tu-già-đà may chồng lên cái mới để cho hỏng màu sắc đi mới được."

Thế rồi, Phật tryền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Tỳ-xá-li phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới thì phải dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay***

Tu-già-đà may chồng lên cái mới để cho hỏng màu sắc đi. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ Ni-sư-đàn bằng len mới mà không dùng một miếng phu cụ bằng len cũ vuông vức một gang tay Tu-già-đà may chồng lên cái mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Phu cụ cũ: Phu cụ đã dùng được 6 năm.

Tu-già-đà: Chỉ cho đức Đẳng Chánh Giác.

Một gang tay: Dài 2 thước, 4 tấc. Khi dùng cái phu cụ cũ không được dùng phu cụ của những người kém hiểu biết, người phạm giới, người không nghe pháp, người ở trong phòng mà khi phòng hư không sửa chữa, người bị mang tiếng xấu, người có kiến giải đoạn diệt, người xa lìa Hòa thượng, A-xà-lê, không thích thưa hỏi, người không thể phá ác ma, người không phân biệt được việc của ma. Trái lại, nên dùng phu cụ cũ của những người nghe nhiều.... và phân biệt được việc của ma.

Khi dùng một miếng phu cụ cũ vuông vức bằng một gang tay của đức Chánh Đẳng Giác thì không được dùng miếng mất góc, miếng có hình hạt lúa, miếng như cái chày, miếng có hình chiếc xe, có hình thòng xuống, có hình méo mó, có hình lồi, hình lõm.

Mất góc: Không có góc.

Hình hạt lúa: Ở giữa rộng, 2 đầu hẹp.

Hình cái chày: Hai đầu rộng, chính giữa hẹp.

Hình chiếc xe: Một đầu rộng, một đầu hẹp.

Hình thòng xuống: Hình xiên xẹo.

Hình méo mó: Không cân xứng.

Hình lồi: Nổi gồ lên.

Hình lõm: Bốn góc lồi ra, ở các khoảng giữa lõm xuống.

Khi may chồng thêm, không được may những miếng có hình thù kể trên, mà phải may những miếng vuông vức đầy đặn. Khi bị rách thì phải vá lại, hoặc bị bẩn thì phải giặt, rồi dùng các loại len bằng lông khác mà vá lại. Thầy Tỳ-kheo nào may Ni-sư-đàn mới mà không may một miếng cũ chồng lên trên, thì cái Ni-sư-đàn ấy phải đem xả bỏ giữa chúng Tăng, và Tăng không được trả lại chủ cũ mà chỉ để Tăng dùng, nhưng không được khoác lên mình. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 15 của Ni-tát-kỳ)

*

16. CẦM LÔNG DÊ ĐI QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại Tì-xá-li nơi Tinh xá có lầu gác trong rừng, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ưu-đà-di gánh một gánh lông dê nặng nề, thân còng xuống, từ trong thành đi ra, khiến cho người đời chỉ trích: "Hãy xem Sa-môn Ưu-đà-di kìa! Giống như con Lạc đà, giống như con lừa, giống như phu khuân vác, gánh lông dê như thế mất hết phép tắc Sa-môn, nào còn có đạo hạnh gì nữa!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Ưu-đà-di đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật ông gánh lông dê nặng nề, khiến cho người đời chê trách phải không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Đó là việc xấu, từ nay về sau, ta không cho phép các Tỳ-kheo gánh vác nữa."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có 60 Tỳ-kheo từ phương Bắc định đến Xá-vệ để thăm viếng Phật, thăm viếng Xá-lợi-phất, Mục Liên các trưởng lão Tỳ-kheo và thăm viếng Cư sĩ Tu-đạt, Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu, tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi lầu gác trong rừng Khai Nhãn. Nhân có một Tỳ-kheo từ Xá-vệ đến chỗ họ, họ bèn hỏi: "(**309c**) Chúng tôi muốn đến đó (Xá-vệ) cúng dường các bậc phạm hạnh một ít phẩm vật, không hiểu nên mang theo những vật gì cho hợp với nhu cầu của các vị ấy?"

Vị này đáp: "Thưa trưởng lão, tất cả các Tỳ-kheo ở đó đều mặc y bằng len, chỉ trừ đãy lọc nước và quai buộc xách. Vậy có thể mang theo lông dê đến đó."

Thế rồi, 60 Tỳ-kheo ấy, mỗi người đều gánh những gánh lông dê nặng mà đi, từ thôn xóm này đến thôn xóm khác, từ thành phố này đến thành phố khác. Thấy thế, dân chúng châm biếm: "Các người hãy xem kìa! Những Sa-môn Thích tử này gánh nặng mà đi giống như đàn lạc đà, đàn lừa, như phu khuân vác, như khách buôn....." Lại có người nói: "Các vị không biết sao, ở đây mua rẻ nên họ định đem đến đó bán đắt đấy. Thật là mất hết phép tắc Sa-môn, nào có đạo hạnh gì nữa!"

Các Tỳ-kheo đi lần lần đến thành Xá-vệ, khi đến nơi, bèn đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Các Thầy từ đâu đến vậy?"

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Từ phương Bắc đến."

Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đi đường có vất vả, khất thực có khó khăn không?"

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! Đi đường không vất vả, khất thực không khó khăn, chỉ có điều dọc đường bị người đời chê trách."

Phật liền hỏi các Tỳ-kheo: "Người ta chê trách về việc gì?"

Họ đáp: "Bạch Thế Tôn! 60 người chúng con đều gánh lông dê (nói rộng như trên)."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các ông đáng bị người đời chê trách. Từ nay về sau, ta không cho phép Tỳ-kheo gánh lông dê đi."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đi đường được lông dê mà muốn lấy thì có thể tự tay cầm đi trong ba do tuần. Nếu gánh đi quá ba do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Đường đi: Hoặc 3 do tuần, 2 do tuần, 1 do tuần, nửa do tuần, hoặc một Câu-lô-xá.

Được: Được từ những người đàn ông, đàn bà, người lớn, trẻ con, người tại gia hoặc người xuất gia.

Muốn lấy: Thực sự cần đến.

Tự mang đi 3 do tuần: Cứ 2000 bộ được gọi là một Câu-lô-sá, 4000 bộ là nửa do tuần, 8000 bộ là một do tuần, 16000 bộ là 2 do tuần, 24000 bộ là 3 do tuần. Tỳ-kheo có thể tự mang lông dê đi trong vòng 3 do tuần, nếu quá 3 do tuần thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. (về cách xử lý như đã nói ở trước).

(**310a**) Nếu Tỳ-kheo mang lông dê đi trên đường một do tuần, bỗng quên mất một vật gì bèn trở lại lấy, lấy xong trở lại chỗ khi nãy tức là vừa đúng 3 do tuần, không được đi thêm nữa, nếu đi thêm nữa thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu như đi được một do tuần rưỡi, rồi quên một vật gì phải trở lại chỗ khởi hành để lấy, thì khi lấy xong không được đi tiếp nữa (vì đã đủ 3 do tuần). Nếu đi tiếp thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu đi thẳng đúng 3 do tuần mà còn đi thêm một bước nữa thì phạm tội Việt-Tỳ-ni; đi quá 2 bước

nữa thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu 2 người gánh một gánh, thì người đầu gánh đi 3 do tuần rồi sang vai người kia gánh đi 3 do tuần. Nếu 3 người gánh một gánh thì được thay đổi nhau đi 9 do tuần. Nếu 4 người gánh một gánh thì được đi 12 do tuần. Nếu nhiều người đi thì tùy theo số lượng đó mà tính, nhưng có điều là không được gánh nặng. Trong khi gánh đi hoặc trao đổi, hoặc được cái mới thì cũng chỉ được gánh đi trong vòng 3 do tuần mà thôi. Nếu Tỳ-kheo đem lông dê bỏ vào trong túi xách y, mang đi từ nhà này đến nhà khác, thì cũng chỉ được trong vòng 3 do tuần, không được đi thêm. Hoặc đem lông dê bỏ vào trong túi đựng bát, rồi đi khất thực từ làng này đến làng khác, thì cũng như thế. Hoặc đem lông dê bỏ vào trong túi đựng kinh rồi đi, cũng như vậy. Nếu lông dê chưa được dệt thành thì dù bỏ trong ống đồng mang đi quá 3 do tuần cũng phạm tội. Trái lại, nếu đã dệt thành len, hoặc làm gối, làm đệm v.v. thì không phạm. Nếu gánh lông lạc đà, lông bò thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu gánh lông đuôi trâu đen đi thì phạm tội Việt-Tỳ-ni, Nếu gắn vào cái cán (làm thành chổi lau bụi) thì không có tội. Nếu gánh lông sư tử, lông heo thì phạm tội Việt-Tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu đã làm thành dụng cụ thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 16 của Ni-tát-kỳ)

*

17. NHỜ TỲ-KHEO-NI GIẶT LÔNG DÊ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly trong Tinh xá có lầu gác trong rừng, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ưu-đà-di đem lông dê đưa cho Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh, vốn là vợ cũ của Tôn giả, và bảo: "Lành thay này em, em hãy giặt nhuộm chải giúp cho ta cái này." Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh bèn đem về trú xứ, giặt nhuộm chải xong, bỏ vào trong hộp, lấy lông ngực, ức, của nai phủ lên trên, rồi sai sứ

giả mang đến cho Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nhận xong, mở hộp ra, thấy có lông nai hoan hỉ, liền đem khoe với các Tỳ-kheo: "Hãy xem này các trưởng lão, tôi đưa ít lông cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến mà lại nhận được nhiều lông."

Các Tỳ-kheo thấy thế, liền nói: "Đó là vật nên che giấu vì sao lại đưa cho người ta xem?"

Thầy liền đáp: "Vật này có gì phải che giấu, tôi đưa (cô ấy) lông ít mà lại nhận được nhiều lông."

Bấy giờ nhóm 6 Tỳ-kheo từ xa nghe được bèn vỗ tay cười lớn: "Quái thay! Quái thay."

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy tới rồi, Phật bèn hỏi: "(**310b**) Ông có việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn!"

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu v.v."

Rồi Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử có vật cần phải che giấu thì Tỳ-kheo-ni thân quyến có nên đưa cho Tỳ-kheo thân quyến xem hay không?"

Họ đáp: "Không nên, bạch Thế Tôn."

Phật lại hỏi: "Giả sử Tỳ-kheo thân quyến nhận được một vật cần phải che giấu của Tỳ-kheo-ni thân quyến, thì có nên đưa cho người khác xem hay không?"

Họ đáp: "Không nên, bạch Thế Tôn."

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi (các Tỳ-kheo) không được nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê."

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ưu-đà-di cầm lông dê đưa cho Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo, nói rằng: "Lành thay này chị, hãy giặt nhuộm, chải giúp cho tôi cái này."

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo liền đem giặt nhuộm chải xong, gởi trả lại cho Ưu-đà-di. Rồi bà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao trên tay bà có màu thuốc nhuộm?"

Bà đáp: "Tôi giặt nhuộm chải giúp lông dê cho tôn giả Ưu-đà-di ."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tại sao Ưu-đà-di lại nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải giúp lông dê?"

Thế rồi, Phật bèn gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có nhờ Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo giặt nhuộm chải lông dê thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật, bạch Thế Tôn."

Phật liền khiển trách Ưu-đà-di: "Vì sao ông lại sai một Tỳ-kheo-ni đang hành đạo làm? Từ nay về sau, ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì 10 điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***"Nếu Tỳ-kheo nhờ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."***

Trong đây tăng thêm việc chải (lông dê), và trừ việc mặc y vấy bùn, y cáu bẩn đến chùa Ni, ngoài ra, như trong giới thứ năm ở trên đã nói rõ.

(Hết giới thứ 17 của Ni-tát-kỳ)

*

Hết quyển thứ chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 10

NI-TÁT-KỲ
(tiếp theo)

18. CẦM CỦA TIỀN VÀNG BẠC

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà ở thành Vương-xá, nói rộng như trên, bấy giờ thôn trưởng của thôn Châu-la đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi đứng qua một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Trước đây các vị đại thần, Bà-la-môn, Cư sĩ, Trưởng giả họp tại cung điện Vua cùng nhau nghị luận. Có người thì nói Sa-môn Thích tử nên cất giữ vàng bạc. Có người thì nói không nên cất giữ. Vậy ai nói thật, nói đúng pháp, nói tùy thuận pháp, nghị luận không trái nghịch với phép tắc hiện tại?"

Phật đáp: "Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu có ai nói nên cất giữ, thì đó là phỉ báng ta, không thật, không đúng pháp, không tùy thuận, là lời nghị luận trái với phép tắc hiện tại. Vì sao vậy? Vì nếu được cất giữ vàng bạc thì cũng được duy trì ngũ dục. Ngũ dục là: Mắt phân biệt sắc pháp sinh ra ái nhiễm, cho đến thân xúc chạm sinh ra ái nhiễm. Phải biết rằng đó không phải là pháp của Sa-mônThích Tử."

Vị Thôn trưởng nói: "Thật là kỳ lạ, Bạch Thế Tôn! Chưa từng có việc như thế. Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu cất giữ vàng bạc thì không phải

pháp của Sa-môn, không phải pháp của dòng họ Thích. Vì thế, nay con xin quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng. Con là đệ tử tại gia của Phật, xa lìa sát sinh, Thế Tôn hãy chứng minh cho con. (nói như thế 3 lần) cho đến: Không uống rượu. Trước đây con đã suy nghĩ: Sa-môn Thích tử không nên cất giữ vàng bạc. Nếu ai cất giữ thì chẳng khác gì người hưởng thụ ngũ dục."

Bấy giờ Thế Tôn liền tùy nghi thuyết pháp chỉ dạy Thôn trưởng khiến ông được lợi ích, hoan hỉ, giống như tấm lụa sạch dễ thấm màu nhuộm. Ông liền thấy được lý Tứ Đế ngay tại chỗ ngồi, bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Người thế tục có nhiều công việc, con xin từ biệt trở về."

Phật nói: "Ông nên tự biết đúng lúc."

Ông liền đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu bên phải rồi ra đi.

Sau khi ông đi không bao lâu Phật bèn đến chỗ có đông Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Vừa rồi thôn trưởng Thôn Chu La đến chỗ ta (như trên đã nói cho đến) nhiễu bên phải rồi ra đi."

Đoạn Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các thầy (**311a**) phải học như sau:

> ***Không được cất giữ vàng bạc. Ta không có lý do gì được phép cất giữ vàng bạc.***

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần. Ngài đến chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà vừa đếm tiền nên tay bị dính đất, liền đi đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Tay các thầy vì sao dính đất như thế?"

Họ liền đáp: "Bạch Thế Tôn! Con vừa đếm tiền, nên tay bị dính đất."

Phật liền nói với Nan-đà: "Vì sao các thầy lại dùng tay để cầm sinh sắc, tợ sắc?

Từ nay ta không cho phép các thầy tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng nơi Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Khi ấy, Ưu-đà-di đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát đi tới nhà một người thợ hồ. Nhà ông này vừa làm lễ khánh hạ xong, bà vợ bèn bước ra nghênh đón làm lễ, hỏi: "Tôn giả, hôm qua vì sao không đến? Nếu đến thì đã được thức ăn uống ngon rồi."

Thầy liền đáp: "Hôm qua, bữa nay thì có sao đâu? Nếu có thức ăn ngon thì hãy mang ra đây."

Bà liền nói: "Thức ăn ngon hết rồi, nay con xin gởi tiền để tôn giả đến quán ăn mua thức ăn ngon khác."

Thầy nói: "Đức Thế Tôn chế giới, không cho ta tự tay cầm tiền. Bà hãy đem tiền buộc vào chéo y của ta."

Bà theo lời chỉ bảo, đem tiền buộc vào chéo y, rồi thầy ra đi, đến một quán bán bánh, nói với chủ quán: "Lão trượng, hãy mang bánh cho tôi."

Ông ta nói: "Tôn giả cho tôi xem tiền đã."

Ưu-đà-di nói: "Ông chỉ cần đưa bánh cho ta, ta sẽ trao tiền cho ông ngay tại đây thôi."

Ông liền nói: "Tôn giả hãy đưa bát ra."

Thế rồi, ông liền đem các thứ bánh bỏ vào đầy bát, và nói: "Xin đưa tiền cho tôi."

Ưu-đà-di bảo: "Ông hãy mở chéo y của tôi ra mà lấy."

Ông chủ quán muốn đùa cợt nên không chịu mở, nói: "Ông hãy tự mở lấy đưa cho tôi."

Ưu-đà-di đáp: "Phật không cho phép tôi cầm sinh sắc, tợ sắc, ông hãy tự mở lấy."

Ông ta bèn mở lấy. Lấy xong, chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại dùng phương tiện sơ sài này, xem đây là thanh tịnh! Chúng ta cũng ít khi dùng tay cầm nắm và đặt vào trong miệng, cũng chẳng khi nào buộc vào chéo áo hoặc bỏ vào trong túi. Thế này thì mất hết phép tắc Sa-môn, nào có đạo hạnh gì?"

Thế rồi, Ưu-đà-di mang bánh về phòng, mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Thứ bánh này rất ngon, ở đâu mà có được vậy? Loại này không phải là bánh làm ở nhà."

Ưu-đà-di đáp: "Này các trưởng lão! Trong đây lợi ít mà lỗi nhiều!"

Các Tỳ-kheo bèn hỏi: "(**311b**) Vì sao nhiều lỗi?"

Đáp: "Tôi tạo nhân duyên như vậy như vậy cho nên nhiều lỗi."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có làm như vậy thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Từ nay về sau, dùng tiền buộc vào chéo y, Ta cũng không cho."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích, nên Thế Tôn cứ năm hôm đi quan sát phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, bỗng thấy một Tỳ-kheo mang bệnh huỳnh đãng ốm yếu. Phật biết mà vẫn hỏi: "Tỳ-kheo! Thầy có kham nhẫn nỗi khổ được chăng? Thầy có sống yên ổn chăng?"

Thầy ấy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con không được yên ổn, bị bệnh tật khổ não."

Phật liền hỏi thầy: "Ông không thể đòi hỏi thức ăn hợp với bệnh, thuốc hợp với bệnh được sao?"

Thầy đáp: "Con nghe Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc, lại không có ai đưa cho con, nên con phải chịu khổ não."

Phật liền nói: "Từ nay về sau, ta cho phép người bệnh được quyền sai tịnh nhân cất tiền bạc, nhưng chớ có tham trước."

Thế rồi, Phật truyền cho các Tỳ-kheo tại thành Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm sinh sắc, tợ sắc hoặc sai người cầm nắm với ý tham trước thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sinh sắc: Chỉ cho vàng.

Tợ sắc: Chỉ cho bạc.

Sinh sắc tợ sắc: Chỉ cho các loại tiền tệ dùng ở thị trường.

Cầm: Hoặc tự mình cầm, hoặc bảo người khác cầm.

Nắm: Hoặc tự mình nắm, hoặc bảo người khác nắm.

Tham trước: Suy nghĩ như sau: "Ta sẽ dùng vật này để đạt được năm thứ dục lạc như: Sắc, thanh, hương, vị, xúc." Đó gọi là tham trước.

Không tham trước: Như vị Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh tự gánh lương thực như bún, bánh, gạo, bột gạo v.v., khi ấy suy nghĩ: "Ta không có phương tiện nào khác nên bất đắc dĩ phải dùng đến thức ăn này." Trái lại, nếu đối với các vật bất tịnh này mà tưởng là những vật thanh tịnh, như sau: "Ta sẽ thọ dụng những thứ này", thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Các thứ tiền, vàng bạc này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả (**311c**) mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các thứ vàng bạc hay tiền, hoặc nhiều, hoặc ít, hoặc thuần, hoặc tạp, hoặc đã làm thành dụng cụ, khi đem thí xả giữa chúng Tăng, thì Tăng không nên cho lại Tỳ-kheo ấy, cũng không được phân chia. Nếu nhiều thì nên bỏ vào quỹ tiết kiệm. Sau khi bỏ vào quỹ tiết kiệm, nếu sinh lợi tức, thì được dùng nó làm phòng xá, sắm y, mà không được mua sắm thức ăn.

Tỳ-kheo khi nhận được tiền, và sau mùa an cư xong nhận được tiền sắm y, không được đưa tay cầm lấy mà phải nhờ tịnh nhân lấy giúp.

Nếu không có tịnh nhân thì hãy bảo thí chủ bỏ dưới đất bên cạnh chân mình. Sau đó, mình dùng cỏ, lá, gạch, ngói tủ lên trên, đợi tịnh nhân đến, chỉ cho họ thấy để họ cầm lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin cậy, thì bảo họ đi trước mình, và bảo để tiền tại nơi nào đó.

Nếu Tỳ-kheo làm tri sự trông coi việc của Phật, của Tăng có nhiều tiền vàng bạc để tại chỗ sinh địa thì nên chỉ cho tịnh nhân biết. Nếu để chỗ tử địa kín đáo thì hoặc tự mình đào lấy, hoặc sai Tỳ-kheo trẻ tuổi đào lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin, thì nên dùng khăn bịt mắt họ ba vòng, rồi mới dẫn đến chỉ cho họ biết chỗ đất, sau đó chỉ cho biết hầm để tiền, và cứ để mắt bị bịt như thế bảo đi khỏi nơi đó. Nếu tiền rơi trên bờ hầm, thì được dùng ngói gạch gạt cho tiền rớt xuống hầm, và được tự tay đậy nắp hầm lại. Sau đó khi cần lấy, nếu là chỗ sinh địa thì chỉ cho tịnh nhân biết; nếu là chỗ tử địa thì được tự tay đào lên cho đến khi gặp tiền, bèn sai tịnh nhân đến lấy. Nếu tịnh nhân không đáng tin thì phải bịt mắt y 3 vòng rồi dẫn đến lấy. Nếu trong cái khăn gói để trên đầu cây gậy có vàng, bạc, tiền thì không được tự tay cầm lấy mà nên bảo cho tịnh nhân biết. Nếu tịnh nhân bé nhỏ không sờ tới thì được bồng y lên khiến y lấy. Khi bồng y nên nói như sau: "Tôi bồng

tịnh nhân, tôi bồng tịnh nhân." Lúc đem gói đồ xuống rồi phải bảo y mở ra. Nếu y không biết mở thì được phép cầm tay y chỉ cho y mở. Khi mở xong bảo y đếm. Nếu y không biết đếm thì được phép cầm tay y mà đếm. Khi đếm xong, số còn thừa bảo y bỏ lại vào túi. Nếu y không biết cầm bỏ vào túi, thì được phép cầm (**312a**) tay y dạy y bỏ vào túi. Khi bỏ vào túi xong nên bảo tịnh nhân buộc túi lại. Nếu tịnh nhân không biết buộc, thì bảo y nâng cái đáy túi, rồi Tỳ-kheo tự tay mình buộc. Khi buộc xong nên đem để lại trên đầu gậy như trước. Nếu tịnh nhân thấp để không tới thì Tỳ-kheo được phép bồng y lên.

Nếu kho lẫm, rương, tủ để trên gác, trên cột trụ, thì khi lấy, khi mở ra, khi đậy lại cũng như thế.

Nếu khi đi đường, tịnh nhân mang vàng bạc, mà y còn bé, thì ta được phép dùng tay dắt y đi. Nếu khi lội nước, thì ta được phép dìu y lội qua, nhưng phải nói: "Tôi dìu tịnh nhân, tôi dìu tịnh nhân."

Nếu Tỳ-kheo dẫn tịnh nhân theo, lúc đi qua đò mà y còn bé không lên đò được, thì Tỳ-kheo được phép đỡ y lên đò, nhưng phải nói: "Tôi đỡ tịnh nhân, tôi đỡ tịnh nhân." Khi xuống đò, cũng như vậy. Trên đường đi, Tỳ-kheo dừng lại ở trên bờ sông, bên giếng hoặc trên ao hồ để ăn uống nghỉ ngơi, rồi lúc ra đi, tịnh nhân để quên túi xách. Bấy giờ có vị trưởng lão Tỳ-kheo đi sau, xem có ai để quên vật gì không, thì thấy có một gói đồ sót lại, bèn suy nghĩ: "Cái này ắt là của vị Tỳ-kheo kia", bèn cầm lấy mang đi, khi đi kịp chúng bạn, bèn hỏi: "Vật này của ai vậy?" Lúc ấy có người nói: "Đó là gói đồ của tịnh nhân." Vị trưởng lão bèn bỏ gói đồ xuống đất. Bấy giờ, tịnh nhân nên cầm lấy mang đi, nhưng không được gọi tên gói đồ.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với tịnh nhân, khi đêm đến dừng nghỉ tại một chỗ, rồi tờ mờ sáng ra đi. Bấy giờ, tịnh nhân cầm nhầm gói đồ của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm nhầm gói đồ của tịnh nhân. Khi đến nơi, Tỳ-kheo mới nhận ra gói đồ mình cầm là của

Tịnh nhân, thì nên bỏ xuống đất, và tịnh nhân phải đến lấy mà không được gọi tên gói đồ (tức không được gọi là túi đựng bạc).

Nếu Tỳ-kheo nhiều vàng, bạc, tiền bị mất, và nghi bị rơi ở bên cạnh giường, nên muốn tìm lại, thì khi rời khỏi giường, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tìm lại được thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi là cất trong mền len, nên định tìm kiếm thì khi mở chiếc mền ra, phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi được tiền, phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trên đất, muốn tìm kiếm thì khi cầm chổi quét đất, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tìm lại được, thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều tiền bạc, nghi bị rơi trong đống rác, nên định tìm kiếm, thì khi bươi đống rác, phạm tội Việt-tỳ-ni, khi được tiền phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo lâm bệnh, có đàn việt cúng dường tiền thuốc, vì bệnh nên được nhận tiền, đem cất dưới mền. Khi cần tìm lấy, nhưng vì trong tối mắt không trông thấy, dùng tay rờ đụng tiền, thì không có tội.

Nếu đàn việt làm giường ghế mới bằng vàng bạc, vì có lòng tin, nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia, luật không cho phép dùng." Đàn việt lại nói: "Tôn giả vì tôi mà khai thông có được thọ dụng không?" Tỳ-kheo nên nói: "Hãy xếp một tọa cụ cho dày lót lên, thì tôi mới ngồi được." Nhưng khi Tỳ-kheo ngồi rồi thì không được (**312b**) lay động cái giường, cũng không được khen ngợi.

Nếu đàn việt làm xe, máy móc mới bằng vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước tiên, khi ấy Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia luật không cho phép sử dụng vật ấy." Người kia lại nói: "Tôn giả hãy vì tôi mà phương tiện khai thông thọ dụng giúp cho." Tỳ-kheo nên bảo: "Nếu trên xe có lót lá cây, hoặc lót

tấm vải lên trên, thì tôi mới đặt chân lên được." Nhưng sau khi đặt chân lên, không nên động chân, cũng không được khen ngợi.

Có người đàn việt làm cái mâm vàng bạc, vì có tín tâm nên muốn để Tỳ-kheo sử dụng trước nhất, Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia, không được phép dùng vật ấy."

Người kia nói: "Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?"Tỳ-kheo nên nói: "Nếu dùng cỏ, lá cây hay tấm vải phủ lên trên đó thì có thể được." Nhưng không được dùng tay cầm mà nên bảo họ bưng để xuống đất.

Nếu đàn việt làm chén bát mới bằng vàng bạc, vì tín tâm nên muốn nhờ Tỳ-kheo sử dụng trước nhất. Rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi là người xuất gia không được phép dùng nó." Người ấy lại nói: "Tôn giả có thể vì tôi mà khai thông phương tiện thọ dụng được không?" Tỳ-kheo nên đáp: "Ngươi nên rửa sạch, đặt trên mâm, đem thức ăn bỏ vào, rồi đưa tay chỉ bát nói: "Dùng, dùng...." Nói 3 lần như vậy, đó gọi là dùng. Nhưng khi ăn, Tỳ-kheo chỉ ăn thức ăn trong bát, không được động đến xung quanh bát.

Nếu ngày mồng tám tháng tư hay các ngày đại hội cúng dường, tất cả các tháp, tượng Bồ tát, cờ phướn, bảo cái, những dụng cụ cúng dường ấy có thếp vàng bạc thì Tỳ-kheo không được cầm đến mà nên bảo tịnh nhân cầm. Nếu bị rơi xuống đất, thì nên cầm chỗ nào không có vàng bạc nhặt lên. Nếu được thếp vàng khắp cả thì nên dùng vải bọc tay rồi mới cầm. Nếu không có vật gì bọc tay mà trên tượng có chỗ chưa thếp vàng thì nên cầm chỗ ấy. Tất cả các thứ như lư hương, đèn, cán phất trần mà có thếp vàng, đều không được cầm. Khi tắm rửa tượng Bồ tát bằng vàng bạc thì không được tự tay mình tắm mà phải bảo tịnh nhân làm. Vào những ngày đại hội, Tỳ-kheo bảo tịnh nhân lấy ra các tượng bằng vàng bạc, Tỳ-kheo chỉ được đỡ giúp tịnh nhân, không được cầm. Và trên tượng có thếp vàng, Tỳ-kheo không được trước cầm rồi sau thả ra. Tùy theo mỗi nước, có nước dùng tiền bằng đồng, hoặc tiền bằng vỏ ốc, hoặc tiền bằng sắt, hoặc tiền bằng hồ dao,

hoặc tiền bằng thẻ tre, hoặc tiền bằng da... Tất cả các loại tiền ấy, Tỳ-kheo không được cầm. Hoặc có những nước người ta sử dụng tiền tệ mà chưa thành hình tướng của tiền tệ, Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dạng của tiền tệ, mà Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Có những nước người ta dùng loại tiền tệ có hình dạng của tiền tệ mà Tỳ-kheo cầm nó thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. (**312c**) Có những nước người ta dùng loại tiền tệ không có hình dáng của tiền tệ, Tỳ-kheo xem nó như loại đồng, sắt mà cầm, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 18 của Ni-tát-kỳ)

*

19. BUÔN BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, nhóm 6 Tỳ-kheo mua các thứ sinh tô, dầu, mật, đường phèn, sữa, sữa chua tại giữa chợ để dùng, nên bị người đời chê trách rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử không chịu khất thực mà đến các chợ mua thức ăn để ăn, mất hết cả phép tắc Sa-môn, có đạo nào như thế?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm 6 Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông mua các thức ăn tại chợ nên bị người đời chê trách không?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu, đáng bị người chê trách. Các ông không nghe ta thường khen ngợi thiểu dục, khiển trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho tất cả các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Các thứ: Hoặc tự hỏi giá, hoặc nhờ người khác hỏi giá, hoặc tự thách giá, hoặc nhờ người khác thách giá, hoặc tự hạ giá, hoặc nhờ người khác hạ giá.

Tự hỏi giá: Như hỏi: "Vật này giá bao nhiêu?" Và họ đáp: "Bán cho ông giá chừng đó." Rồi hỏi: "Tôi mua với giá đó được không?"Vì cách hỏi không thanh tịnh, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mua được vật ấy thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người khác hỏi: Như bảo: "Ngươi đến hỏi xem vật ấy họ đòi bao nhiêu." Hoặc bảo: "Nếu họ đòi giá chừng đó thì ngươi nên trả cho họ." Vì sai người ta hỏi những lời bất tịnh nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mua được vật đó thì phạm Ni-tát-kỳ.

Thách giá: Chẳng hạn họ hỏi: "Vật này giá bao nhiêu?" Rồi mình đáp: "Tôi bán cho ông với giá đó." Và người kia nói: "Tôi muốn mua với giá đó." Do tranh nhau thách trả nói những lời bất tịnh nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bán được vật đó, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người thách giá: Như bảo tịnh nhân: "Ngươi đến thách giá như vậy. Nếu được giá đó thì bán." Vì nói lời bất tịnh nên phạm tội Ni-tát-kỳ.

Hạ giá: Như hỏi: "Giá vật này bao nhiêu?" Rồi họ đáp: "Một nghìn", và mình nói: "Tôi trả cho ông 800." Nếu họ đòi 900, rồi mình nói: "Tôi trả 700."... cho đến 10. Vì mong mua được vật của

người ta mà bớt giá một cách bất tịnh, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mua được thì phạm Ni-tát-kỳ.

Sai người hạ giá: Cũng như vậy. Nếu căn cứ theo thời giá mà đi mua các vật, như vật dùng ban đêm, (**313a**) vật dùng trong 7 ngày, vật dùng suốt đời, vật tùy thân, vật nặng, vật bất tịnh, vật vừa thanh tịnh vừa bất tịnh, khi nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi mua được thì phạm tội Ni-tát-kỳ. Nếu hỏi mua các vật dùng 7 ngày, trọn đời, tùy thân, vật nặng, vật vừa thanh tịnh vừa bất tịnh..., thì khi hỏi mua cũng phạm tội như vật dùng ban đêm kể trên.

Tại chợ, giá vải đã được quy định sẵn, Tỳ-kheo đem tiền đến mua vải, khi đặt tiền xuống sạp thì nên nói với chủ sạp: "Đây là giá tiền của tấm vải đó." Nếu không nói (mà đặt tiền xong) im lặng cầm vải đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mua dù lọng, rương, giày da, quạt, mía, cá, sữa chua, dầu, mật... các vật ấy cũng như vậy.

Có những quốc gia, việc mua bán tại các chợ đã có phép nhất định, người mua chỉ cần cầm tiền đặt ở chỗ vật cần mua, và người chủ sạp gật đầu, thì biết là đồng ý bán. Nhưng Tỳ-kheo khi mua cũng phải nói: "Giá tiền của vật này đây." Người chủ sạp biết hay không biết, đều phải nói như thế. Nếu không nói như thế mà im lặng cầm món hàng đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu món hàng đáng giá 50 đồng mà người chủ sạp thách giá 100 đồng, rồi Tỳ-kheo nói: "Tôi chỉ trả 50 đồng." Chỉ mong mua với giá như vậy, thì không gọi là bớt (hạ) giá.

Nếu Tỳ-kheo biết người đứng trước mình đang muốn mua vật nào đó thì không được tranh mua mà nên hỏi: "Bà đã thôi chưa?" Nếu họ nói: "Tôi đang cố mua với giá đó." Bấy giờ Tỳ-kheo không nên xen vào tranh mua với họ. Nếu mua thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu người mua nói: "Tôi dừng rồi", thì Tỳ-kheo nên nói với người chủ sạp: "Tôi muốn mua vật kia với giá đó."

Nếu Tỳ-kheo trao đổi y bát với nhau thì không được làm trung gian tranh giành. Nếu tranh giành thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người trước đã bỏ cuộc, rồi mình đổi lấy thì không có tội.

Nếu bán đồ vật giữa chúng tăng thì được phép ra giá, khi bán được thì không có tội.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê muốn mua lấy thì không được tranh giành. Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo mua bán đổi chác, nói những lời bất tịnh để mua thì không có tội. Đối với 96 hạng người xuất gia, dùng những lời bất tịnh trao đổi với họ để mua được vật thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo thấy người ta bán bát bèn suy nghĩ: "Cái bát này đẹp, nếu đem đến nơi kia bán sẽ được lời", rồi mua, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu suy nghĩ: "Ta có vật này mà không có tịnh nhân, đây là vật thanh tịnh", thì được mua mà không có tội. Khi đến đó, hoặc Hòa thượng, A-xà-lê cần đến, hoặc mình bị bệnh, hoặc muốn làm công đức, được giá cao bèn bán đi mà không vụ lợi, thì không có tội. Đối với tất cả các vật khác cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo khi cất giữ lúa suy nghĩ: "(**313b**) Loại này về sau sẽ quí giá", thì khi cất giữ phạm tội Việt-tỳ-ni, khi đem bán, phạm Ni-tát-kỳ. Nếu suy nghĩ: "Sợ lúc nào đó giá lúa đắt đỏ, bấy giờ ta sẽ bán lúa này và nhờ đó mà ta yên tâm tụng kinh ngồi thiền, hành đạo." Đến khi đó, quả nhiên lúa đắt đỏ, thì hoặc dùng để ăn, hoặc cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc dùng làm công đức, còn thừa ra đem bán được lời, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cất thảo dược với suy nghĩ: "Sau này giá đắt ta sẽ bán", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về sau đem bán thật thì phạm tội Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo mua thuốc với suy nghĩ: "Về sau này khi có bệnh sợ giá thuốc đắt đỏ khó mua", nhưng sau đó nếu không bệnh, hoặc uống còn thừa đem bán có lợi, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo kinh doanh thuê thợ làm đồ gốm, thợ mộc làm việc, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đi thuê các loại thợ như thợ hồ, thợ vẽ, thì cũng như vậy. Nếu đi thuê xe ngựa, bò, lừa, lạc đà, người, thuyền... cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo phụ trách công việc hằng tháng cho chúng Tăng, ra chợ mua các loại sữa, dầu, gạo, đậu, lúa mạch, bún, bột mì, khi đi tìm mua các thứ đó, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc tự mua cho chính mình các thứ sữa, dầu... nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi đã mua được thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo lúc đi mua đồ khen chê một cách trung thực về những vật ở trước người rằng: "Cái này tốt, cái này xấu, hoặc thô, hoặc tế, hoặc cân lượng lớn, nhỏ, thơm, thối..." thì không có tội. Nếu người bán hàng nói: "Tôi sẽ cân đo đầy đủ." Tỳ-kheo nên nói: "Ông bán đúng với giá này thì thôi."

Nếu Tỳ-kheo khất thực có mì, bún, thừa đem ra cửa hàng đổi sữa, dầu, tô lạt, nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi đổi được thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo không được đến những cửa hàng của những người tại chợ búa ồn náo để mua đồ, mà được đến những cửa hàng ít người, nói: "Nên biết rằng tôi mua với giá này đây." Tất cả đều nên nói như thế.

Nếu Tỳ-kheo khất thực có bún dư thừa, đem cho người khác để nhờ họ sửa chữa giày dép, nói những lời bất tịnh thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trước đó cho người ta bún, sau đó người ta sửa chữa giày giúp, hoặc người ta sửa chữa trước, sau đó mình cho họ bún thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng thức ăn thừa trong bát đem thuê người bảo họ sửa chỗ đi kinh hành, nói những lời bất tịnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Chỉ nên nói rằng: "Hãy biết cái này." Nếu trước cho ăn, sau nhờ họ làm, hoặc trước nhờ họ làm, sau cho họ ăn, thì không có tội.

Có đàn việt muốn giúp đỡ Tỳ-kheo bèn đưa tiền cho chủ quán, nói: "Nếu Tỳ-kheo mỗ giáp hằng ngày đến đây có cần thứ gì thì tùy ý đưa cho thầy ấy." Về sau, khi cần đến đòi hỏi, nói những lời bất tịnh, thì không có tội. Thầy Tỳ-kheo ấy đòi đồ vật mà ở sạp hàng không có (**313c**), nên chủ quán đưa tiền cho Tỳ-kheo đến chỗ khác tìm mua, rồi Tỳ-kheo đến chỗ khác tìm mua vật mình cần, nói những lời bất tịnh, khi được vật thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo đến cửa hàng dùng bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ, hoặc tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, hoặc bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, hoặc tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ.

Bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ: Như hỏi người chủ sạp: "Vật này đòi giá bao nhiêu? Tôi muốn biết giá của nó."

Tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ: Biết vật đó đề giá như thế, nhưng trả: "Tôi muốn mua với giá đó."

Bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ: Vật đó họ đòi giá như thế, nhưng nói: "Tôi mua với giá đó."

Tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ: Biết vật ấy giá chừng đó và mình mua đúng với giá đó.

Hai trường hợp bất tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ và tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, phạm tội Việt-tỳ-ni. Trường hợp bất tịnh ngữ phân biệt giá, bất tịnh ngữ thủ, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Trường hợp tịnh ngữ phân biệt giá, tịnh ngữ thủ không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 19 của Ni-tát-kỳ)

*

20. MUA BÁN VÀNG BẠC

Khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng Đại lâm, nơi thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mua vàng từ các nhà hoàng tộc rồi bảo thợ kim hoàn của các hoàng tộc làm dụng cụ trang sức bằng chuỗi anh lạc. Khi làm xong đem mài giũa phát sáng, cất vào trong va li, dùng tấm lụa màu hoa sen xanh phủ lên trên, rồi đưa cho Sa-di, dặn rằng: "Ta dẫn ngươi đến các nhà hào quí, nếu ta bảo ngươi mở nắp va li, thì ngươi chỉ mở lộ ra một góc." Thế rồi, họ dẫn Sa-di đến các nhà hào quí. Phụ nữ các nhà ấy trông thấy họ đến, liền ra cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, và hỏi: "Vật gì đựng trong va li này vậy?"

Họ đáp: "Hỏi cái này làm gì? Đó không phải là điều các người nên hỏi."

Vì không cho xem, nên các bà ân cần nói với Sa-di: "(**314a**) Mở ra cho chúng tôi xem với."

Sa-di bèn mở hé ra cho xem một góc. Màu xanh càng giúp cho xâu chuỗi nổi rõ màu sắc, và ánh mặt trời chiếu vào càng làm rực rỡ chói mắt. Mấy bà liền hỏi: "Vật này của ai vậy?"

Họ đáp: "Hỏi cái này làm gì? Ai có vàng đem chế tạo ra tức là chủ nhân."

Mấy bà lại hỏi: "Giá vàng bao nhiêu?"

Họ liền đáp đúng như thật: "Giá vàng chừng đó, tiền công chừng đó."

Mấy bà liền tán thán: "Thực là đại quí!"

Họ nói: "Vì sao bà lại "chê" của quí? Tôi đưa cho bà giá tiền chừng đó liệu bà có làm được không?"

Trong số đó có người thành tín nói: "Đúng như thầy dạy, làm cũng thật là khó, không thể nào làm nhanh được"

Trong số đó có một phụ nữ, hoặc là có của riêng hoặc là của của cha mẹ, hoặc là tài sản của mẹ chồng, hoặc là tài sản của chú bác, hoặc là tài sản của chồng, hoặc là của giữ riêng cho gia đình, bèn lấy mua chuỗi anh lạc đó. Vì lúc ấy người này không mua vàng tại cửa hàng, cũng không thuê thợ kim hoàn làm, cho nên chủ nhân các tiệm vàng và những thợ kim hoàn đều chỉ trích rằng: "Vì sao Sa-mônThích tử lại đoạt mất nguồn lợi tức của người ta?"

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông mua vàng từ các nhà hoàng tộc, rồi bảo thợ kim hoàn làm thành đồ trang sức không?"

Ho đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Ưu-ba-nan-đà, đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, ca ngợi thiểu dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang ở tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ sinh sắc, tợ sắc thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sinh sắc: Vàng.

Tợ sắc: Bạc.

Hoặc dùng vàng đổi lấy vàng, dùng vàng đổi lấy bạc, dùng vàng đổi lấy vàng bạc; hoặc dùng bạc đổi lấy bạc, dùng bạc đổi lấy vàng, dùng bạc đổi lấy vàng bạc; hoặc dùng vàng bạc đổi lấy bạc, hoặc

dùng vàng bạc đổi lấy vàng bạc. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hay không thể làm ra vàng; hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng hay không thể làm ra vàng. Dùng loại làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng trong 4 trường hợp; dùng loại làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng trong 4 trường hợp; dùng loại làm ra vàng không làm ra vàng và làm, hoặc không thể làm ra vàng trong 4 trường hợp, đều như trên. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra bạc, hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hay không thể làm ra bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra bạc hay không làm ra bạc và có thể hay không thể làm ra bạc. Các loại làm ra vàng trong 4 trường hợp (**314b**) làm hay không làm ra vàng 4 trường hợp, làm ra vàng hay không làm ra vàng và vừa có thể vừa không thể làm ra vàng trong 4 trường hợp, cũng như trên. Hoặc dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại không thể làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể hoặc không thể làm ra vàng bạc; dùng loại không thể làm ra vàng đổi lấy loại có thể làm và không thể làm ra vàng bạc. Ngoài ra, làm dụng cụ bằng vàng, làm không làm dụng cụ bằng vàng, làm thành vàng không làm thành vàng và làm không làm dụng cụ bằng vàng 4 trường hợp, đều như trên. Về những dụng cụ được làm bằng bạc theo 12 cách trong 4 trường hợp và những kim hoàn hợp chế bằng vàng bạc theo 12 cách trong 4 trường hợp cũng được nói rộng như trên.

(Hết giới thứ 20 của Ni-tát-kỳ)

*

21. CẤT BÁT THỪA QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi đến nhà một người thợ gốm tên Pháp Dự. Pháp Dự trông thấy liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên. Tỳ-kheo nói:

Tôi cần bát.

Pháp Dự bèn làm bát cúng dường. Bát này không lớn, không nhỏ, vừa cỡ trung bình, được nung chín nhẵn bóng.

Sau khi được bát, thầy mang về tinh xá Kỳ-hoàn, các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão, thầy được bát đó ở đâu mà không lớn, không nhỏ, vừa trung bình, được nung chín nhẵn bóng như thế?

Thầy đáp:

Thợ gốm Pháp Dự bố thí cho tôi đấy.

Các Tỳ-kheo hỏi thế rồi, đi đến nhà Pháp Dự xin, đều được tất cả. Quá nhiều người đến xin như thế, nên Pháp Dự suy nghĩ: "Có nhiều Tỳ-kheo cần đến bát, chi bằng ta mời chúng Tăng về nhà cúng dường bát, vì chúng Tăng là phước điền tốt nhất, phước báo vô lượng."

Nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến tinh xá Kỳ-hoàn, tới trước Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay bạch:

Con là thợ gốm Pháp Dự, xin mời đại đức chúng Tăng tới nhà con nhận cúng dường bát. Ai cần thì đến lấy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo người thì lấy 1 cái, hoặc 2, 3, 4 thậm chí có người lấy 10 cái. Pháp Dự cung cấp không đủ. Bấy giờ, tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ tuần tự khất thực, lần lượt đến gia đình ấy. Người vợ của Pháp Dự vốn có tín tâm, nên rất hoan hỉ, hơn nữa, bà đã từng quen biết Tôn giả Xá-lợi-phất từ trước nên đem cái bát bằng đồng rửa sạch

múc đầy thức ăn, bưng ra sớt vào bát của Xá-lợi-phất, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi bà: "Nghề nghiệp sinh kế trong nhà thế nào?"

Bà đáp: "Việc sinh kế trong nhà không được phát đạt."

Tôn giả hỏi: "Vì sao thế?"

Bà đáp: "Chồng con mời chư Tăng về cúng dường bát. Các Tỳ-kheo người thì lấy 1 cái, 2 cái thậm chí có người lấy 10 cái. Thế nên, làm bát cung cấp không đủ, việc sinh kế trong nhà không xoay xở nổi. Tại vì sao? Vì gia đình con, lớn nhỏ, ăn uống, trang phục, cung cấp cho vua chúa, thuế khóa đều dựa vào nghề làm đồ gốm mà sinh hoạt. Thầy là người được gia đình con tôn trọng, cúng dường, nên mới dám bộc bạch như thế."

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp rộng rãi cho bà ta sinh tâm hoan hỉ, rồi ra về. (**314c**) Khi về đến tinh xá, tôn giả bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo tới. Khi họ tới rồi, Phật hỏi: "Các ông có việc đó thật không?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu thí chủ không biết tính toán, thì người thọ nhận phải biết cân nhắc."

Rồi Phật nói: "Từ nay trở đi, Tỳ-kheo có bát thừa, chỉ cho phép cất trong một ngày mà thôi."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly nơi tinh xá có lầu gác trong rừng Đại lâm, nói rộng như trên. Hằng năm, dân chúng tại Tỳ-xá-ly thường mời chư Tăng thọ trai rồi cúng dường bát. Nhưng các Tỳ-kheo không dám nhận bát, vì Thế Tôn chỉ cho phép họ chứa bát thừa trong một ngày, nếu để lâu hơn một ngày thì thành ra vật bất tịnh. Khi ấy, thí chủ nói: "Chúng con sẽ đến Thế Tôn trình bày nguyện vọng này?"

Thế rồi, họ đi đến Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Hằng năm

chúng con mời chư Tăng thọ trai rồi cúng dường bát, nhưng các Tỳ-kheo không thọ nhận và nói: "Tôi nhận cái bát này làm gì, vì chưa dùng đến mà thành ra bất tịnh rồi." Lành thay, bạch Thế Tôn! Có phương tiện nào giúp khai thông để cho người bố thí được công đức, và người thọ dụng được lợi ích hay không?"

Phật nói: "Ta cho phép một ngày (đã cho phép) trước kia thêm chín ngày nữa."

Thế rồi, các Tỳ-kheo chứa bát dư đủ mười ngày, bèn cầm bát đến chỗ Phật bạch rằng: "Cái bát này đã đủ mười ngày, giờ đây phải làm sao?"

Phật dạy: "Này các Tỳ-kheo, cái bát ấy nên tác tịnh cho các Tỳ-kheo quen biết, cứ mười hôm cất cái cũ, dùng cái mới thay đổi một lần."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo có bát thừa được chứa trong mười ngày, nhưng để quá mười ngày thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Mười ngày: Được cất chứa trong khoảng mười ngày.

Bát thừa: Cái bát được phép sử dụng ngoài cái bát (đã qui định).

Bát: Có các loại: (1) bát Tham-bà; (2) bát Ô-ca-tư-ma; (3) bát Ưu-ca-tra-da; (4) bát Đa-kì-da; (5) bát Sắt; (6) bát Trí-diệp-ni; (7) bát Tất-lệ-thâu; (8) bát Thượng; (9) bát Trung; (10) bát Hạ; (11) Quá-bát; (12) Phi-bát; (13) Tùy-bát.

Bát thượng: Tại nước Ma-kiệt-đề, cứ một A-la-gạo được nấu thành cơm và canh rau thì đựng vừa đầy bát. Một A-la bằng một đấu 6 thăng của Trung Quốc.

Bát trung: Cứ nửa A-la-gạo nấu thành cơm và cả canh rau thì đựng vừa đầy bát.

Bát hạ: Chứa được một Bát-tha-gạo nấu thành cơm và canh rau, cứ 3 phần cơm thì một phần canh rau.

Quá bát: Một A-la-gạo được nấu thành cơm (**315a**) và cả canh rau vẫn đựng không đầy bát này. Đó gọi là quá bát.

Phi bát: Chứa không hết một bát tha gạo được nấu thành cơm và canh rau. Đó gọi là phi bát.

Tùy bát: Tùy theo những thứ cần thiết mà đựng vào trong đó.

Ở đây, nếu cất bát thượng, bát trung, bát hạ quá 10 ngày, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoài ra cất các loại bát khác không phạm.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo vào ngày mồng một đầu tháng nhận được 10 cái bát mà không tác tịnh, để qua khỏi ngày thứ 10, thì tất cả các bát ấy đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Giá như ai không hiểu cách thọ trì, không hiểu cách tác tịnh, thì nên dạy họ thọ trì như thế, tác tịnh như thế. Nghĩa là như trong giới trường y thứ nhất đã trình bày rõ, ở đây chỉ khác là bát thay vì y mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 21 của Ni-tát-kỳ)

*

22. BÁT CŨ CHƯA HƯ MÀ TÌM BÁT MỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ ở thành này có một người thợ gốm tên Pháp Dự mời chư Tăng về cúng dường bát. Các Tỳ-kheo vì ưa đẹp nên đem bát cũ đổi bát mới, rất nhiều người làm như vậy. Do đó, thí chủ không cung cấp nổi. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, khoác y,

cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến gia đình Pháp Dự, đứng trước cửa. Bà vợ của Pháp Dự với Tôn giả Xá-lợi-phất vốn là chỗ quen biết nhau từ trước, bà lại có lòng kính tín, nên rất hoan hỉ, cho đến nói: "Thưa tôn giả, chồng con mời chư Tăng đến cúng dường bát. Các Tỳ-kheo vì thích bát đẹp nên đem bát cũ đến đổi bát mới, khiến nhà con chứa bát cũ chất cao như núi. Gia đình con là nhà thế tục, bát mới còn không dùng, huống gì là bát cũ. Thưa Tôn giả, mọi sinh hoạt trong gia đình con chỉ trông cậy vào nghề làm bát."

Thế rồi, Xá-lợi-phất tùy thuận thuyết pháp, khiến bà sinh tâm hoan hỉ, đảnh lễ dưới chân rồi cáo lui. Đoạn thầy trở về tinh xá, đem sự tình ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Sau khi họ đã đến, Phật liền hỏi: "Các ông có làm việc đó thật chăng?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Có thật như thế, bạch Thế Tôn."

Phật dạy: "Từ hôm nay trở đi, ta không cho các Tỳ-kheo xin bát (nơi đàn việt)."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có 60 Tỳ-kheo ở phương Bắc muốn đến tinh xá Kỳ-hoàn đảnh lễ Phật, nhưng giữa đường bị bọn cướp lấy mất hết bát, nên không có bát để tới Kỳ-hoàn. Lúc ấy, các vị phạm hạnh mỗi người cho một cái bát. Khi họ được bát rồi bèn đi đến Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, các ông từ đâu đến?"

Họ đáp: "Từ phương Bắc đến."

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Đi đường có an ổn không?"

Họ đáp: "Không an ổn, giữa đường gặp bọn cướp nên mất hết bát, (**315b**) do đó, không có bát để đi vào Kỳ-hoàn, may nhờ các vị phạm hạnh mỗi người cho chúng con một cái bát."

Phật lại hỏi: "Dọc đường không có thành ấp xóm làng hay sao?"

Họ đáp: "Có."

Phật lại hỏi: "Vì sao không xin bát?"

Họ đáp: "Vì chúng con nghe Thế Tôn chế giới không cho xin bát, lại không có thí chủ."

Phật tán thán: "Lành thay! Lành thay các Tỳ-kheo! Các ông là những người có lòng tin xuất gia, đúng phép phải như vậy, dù cho mất mạng cũng không được phạm giới. Từ nay trở đi, Ta cho phép khi mất bát được quyền xin bát."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ 60 Tỳ-kheo ở phương Bắc bị mất bát, đi đến Kỳ-hoàn, Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nói với họ: "Các Trưởng lão, Đức Thế Tôn cho phép ai mất bát được quyền xin bát, vì sao không xin?"

Họ đáp: "Các vị phạm hạnh đã cho chúng tôi bát rồi."

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Các vị không xin những gì mình được phép xin, thành ra thất lợi."

Họ đáp: "Chúng tôi đã được bát rồi, thất lợi với chẳng thất, không thành vấn đề."

Nan-đà nói: "Tôi sẽ xin giúp cho các vị."

Họ đáp: "Thầy tự biết phải làm gì", cho đến Ưu-bà-tắc nói: "Tôn giả muốn làm cửa hàng đồ gốm chăng?", như đã được nói rõ ở mục xin y.

Các Tỳ-kheo nghe việc ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật hỏi: "Vì lý do gì mà xin?"

Họ đáp: "Con xin cho các Tỳ-kheo bị mất bát."

Phật bảo gọi các Tỳ-kheo bị mất bát đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các Tỳ-kheo, các ông bảo Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà xin bát phải không?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Không có, bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Vậy thì vì lý do gì mà xin?"

Họ liền trình bày lại sự việc kể trên.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Hai ông Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà này việc không nên xin lại xin, việc đáng xin lại không xin."

Thế rồi, Phật nói với Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Đó là việc xấu, các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện tán thán thiểu dục, khiển trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc này để nuôi lớn thiện pháp được."

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo dùng bát chưa vá đến 5 lần mà vì thích đẹp, xin bát mới, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Cái bát ấy phải thí xả giữa chúng Tăng, rồi Tăng đem cái bát chót nhất trao cho thầy ấy, dạy như sau: "Này Tỳ-kheo, thầy hãy nhận cái bát này sử dụng cho đến khi vỡ", nguyên tắc phải như vậy.***

*

❖ Giải thích

Chưa đủ 5 miếng vá: Nếu có một miếng vá, hoặc (**315c**) từ 2 miếng cho đến 4 miếng thì gọi là chưa đủ 5 miếng vá.

Đủ 5 miếng vá: Đã có 5 miếng vá, và mức độ đã đủ. Mức độ ở đây được quy định là chỗ vỡ được vá lại xấp xỉ bằng ngón chân cái.

Bát: Như trên đã nói.

Mới: Vừa hoàn thành.

Lại tìm thêm nữa: Hoặc xin, hoặc khuyến hóa, vì thích đẹp, rồi chê bát của mình đang dùng là lớn quá, nhỏ quá, nặng quá, nhẹ quá, hoặc thô kệch quá..., tự nghĩ: "Ta có đàn việt, có đất sét, có tay nghề, ta nên làm cái bát khác cho đẹp." Nếu như thế thì vị Tỳ-kheo này phải cầm cái bát mới ấy đến thí xả giữa chúng Tăng. Rồi chúng Tăng chọn một cái bát kém nhất đưa cho Tỳ-kheo này và căn dặn: "Này trưởng lão, thầy phải nhận cái bát này sử dụng cho đến khi vỡ không được cố ý đập bể; lại phải sám hối tội Ba-dạ-đề." Nếu không đem cái bát mới ấy xả giữa chúng Tăng mà sám hối tội Ba-dạ-đề thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Thầy Tỳ-kheo ấy dùng bát chưa vá (hàn) đủ 5 chỗ mà vì thích đẹp, đi tìm bát mới nên phạm Ni-tát-kỳ. Tỳ-kheo ấy phải mời một vị trì luật, biết làm Yết-ma và thành tựu 5 pháp, rồi Tăng làm Yết-ma cử vị này đứng ra xử lý công việc. Vị này phải hội đủ 5 yếu tố: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ sệt, không si ám, ai đưa, ai không đưa đều biết. Đó gọi là 5 yếu tố. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 5 pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát (giải quyết công việc). Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 5 pháp, Tăng nay sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo mỗ giáp làm người hành bát xong, vì tất cả đều im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Khi làm Yết-ma xong, nên tuyên bố giữa chúng Tăng: "Những cái bát mà đại đức Tăng đang sử dụng phải đem đến tất cả." Nếu không tuyên bố như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, mỗi Tỳ-kheo đều phải mang cái bát mà mình đang sử dụng đến. Nếu có Tỳ-kheo nào để cái bát mình đang sử dụng ở nhà, rồi đem cái bát kém nhất đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người

làm Yết-ma nên bảo Tỳ-kheo này đặt cái bát ấy xuống, trật vai áo bên phải, quỳ gối bên phải xuống đất, nói: "Con là Tỳ-kheo mỗ giáp, dùng cái bát chưa đủ 5 miếng vá mà vì ưa đẹp, đi tìm bát mới, nay con đem thí xả giữa chúng Tăng."

Vị luật sư nên hỏi: "Ông đã sử dụng chưa?" Nếu đáp rằng đã sử dụng thì nên nói: "Ông đã sử dụng bát bất tịnh (không đúng pháp) nên đã phạm vô lượng tội Việt-tỳ-ni, phải sám hối."

Thế rồi, vị này phải nói: "Thưa trưởng lão, (**316a**) con là mỗ giáp, có cái bát dùng chưa đủ 5 miếng vá mà con lại xin bát mới, nay đem thí xả giữa chúng Tăng, trong đây phạm tội Ba-dạ-đề vì dùng bát bất tịnh, lại phạm vô lượng tội Việt-tỳ-ni, con xin sám hối tất cả."

Người làm Yết-ma hỏi: "Ông có thấy tội không?"

Đáp: "Thấy."

Cẩn thận chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu chấp hành.

Người hành bát (được Tăng sai) phải đem cái bát này đến đưa cho vị lớn nhất trong Tăng (Thượng tọa). Nếu Thượng tọa thứ nhất nhận, thì phải đem cái bát của Thượng tọa đưa cho Thượng tọa thứ hai, cứ tuần tự như thế cho đến vị Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Nếu hoàn toàn không có ai lấy, thì cái bát kia nên trao lại cho chủ cũ. Nhưng nếu cái bát ấy quí giá thì nên đem bán rồi mua 10 cái, 9 cái đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng, một cái giao lại cho chủ cũ và bảo: "Thầy hãy sử dụng cái bát này cho đến khi vỡ."

Thầy Tỳ-kheo cầm cái bát vá vào thôn xóm khất thực, và khi ăn xong nên gỡ miếng vá ra, rồi dùng tro, đất rửa cho sạch. Khi rửa, không được dùng vật cứng xoi vào lỗ thủng khiến nó bể vỡ, mà nên dùng lông chim xoi vào. Khi rửa bát, cũng không được dùng cát chà xát khiến nó phai màu mà phải dùng bùn đất để chà, hoặc dùng nước rễ cây, nước lá cây, nước trái cây, nước hoa cây để rửa. Khi rửa, không được đến trên bờ hố, chỗ nguy hiểm, hoặc dưới

cây xoài có trái chín, hoặc dưới cây dừa, trên tảng đá, trên gạch, chỗ đường đi, chỗ cửa mở. Khi rửa xong phải để vào trong túi rồi đem cất trên vách, trong tủ, dùng vật gì đậy lên miệng bát. Nếu có việc gấp gáp không rửa sạch được thì nên dùng nước rễ, nước lá chùi qua, để khi xong việc sẽ rửa. Sáng sớm, rửa xong mới mang vào làng khất thực. Giá như bát vá khó dùng, thì mỗi ngày dùng xong phải rửa sạch. Nếu cố ý đập bể thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê, những bạn bè quen biết suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo hiền thiện này vì việc rửa bát mà phương hại đến sự ngồi thiền, trì kinh, tụng kinh." Rồi đập vỡ, hoặc đem giấu đi khiến Tỳ-kheo tìm không thấy, rồi xin cái khác, thì không có tội. Khi không có bát mà xin được một cái thì phải sử dụng. Nếu xin được 2 cái, thì dùng một cái, một cái nên đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng. Thậm chí, nếu xin được 10 cái thì nên dùng một cái, còn 9 cái kia nên đem cất vào nhà bếp của chúng Tăng.

Nếu Tỳ-kheo không có bát rồi đi tìm bát, bèn nhận được giá tiền của một cái bát, cũng được xem là có bát. Nếu xin được giá tiền của 2 cái bát, thì phải bỏ vào ngân quỹ của chúng Tăng giá tiền một cái. (**316b**) Thậm chí, nếu được giá tiền của 10 cái bát, thì nên bỏ vào ngân quỹ của chúng Tăng giá tiền của 9 cái. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 22 của Ni-tát-kỳ)

*

23. CẤT THUỐC QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì 5 việc lợi ích nên cứ 5 hôm, Thế Tôn đi thị sát phòng xá các Tỳ-kheo một lần, Phật thấy chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà để đầy các bình sữa, dầu, mật, đường phèn, nước rỉ ra, và các thứ rễ thuốc, cây thuốc, lá thuốc, hoa thuốc và trái thuốc. Phật biết

nhưng vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, chỗ ở của ai đây mà để đầy các bình sữa, dầu, mật... nước rỉ ra khắp cả thế này?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ ở của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà."

Khi ấy, Thế Tôn nói: "Đợi họ đến ta sẽ hỏi."

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá có lầu gác trong rừng Đại Lâm ở Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với nhiều Tỳ-kheo sắp vào thành Tỳ-xá-ly khất thực thì thấy Ưu-ba-nan-đà cầm một bát mật đầy đi ra. Thấy thế, Phật biết mà vẫn hỏi: "Trong bát này đựng thứ gì vậy?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Đó là mật."

Phật lại hỏi: "Dùng để làm gì?"

Thầy đáp: "Nan-đà bệnh đang cần nó."

Phật nói: "Nhiều quá."

Thầy đáp: "Phải uống suốt ngày."

Phật nói: "Vì sao chứa thuốc uống suốt ngày? Từ nay trở đi không được chứa thuốc để uống suốt ngày nữa."

Lại nữa, khi Phật an trú tại tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật, trong thành Ca-duy-la-vệ, vì 5 việc lợi ích nên cứ 5 hôm Thế Tôn đi tuần tra phòng xá các Tỳ-kheo một lần. Năm việc lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có bận tâm đến các việc hữu vi không;
2. Xem họ có say mê đàm luận các việc thế tục không;
3. Xem họ có ưa thích ngủ nghỉ, phương hại đến việc hành đạo không;
4. Nhằm thăm bệnh các Tỳ-kheo;

5. Nhằm làm cho các Tỳ-kheo-niên thiếu mới xuất gia trông thấy oai nghi của Như Lai mà sinh tâm hoan hỉ.

Chính vì 5 việc ấy mà cứ 5 hôm Như Lai đi xem xét các phòng. Khi ấy Phật thấy một Tỳ-kheo đang bệnh, nhan sắc tiều tụy, vàng vọt ốm yếu, Ngài biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, ông có được điều hòa không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh, đau khổ, không điều hòa.

Ông không thể đòi thức ăn hợp với bệnh và thuốc trị bệnh sao?

Vì Thế Tôn chế giới có thuốc phải uống liền không được cất lâu, nên con mới bị khổ.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay trở đi ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được cất thuốc qua một ngày."

Khi ấy Phật hỏi Nan-đà: "Lúc ở Xá-vệ ông thường cất chứa nhiều sữa, dầu, mật, đường phèn phải không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế tôn."

Phật liền khiển trách: "(**316c**) Vì sao ông lại đa dục không biết chán? Từ nay trở đi Ta không cho phép cất chứa nhiều thức ăn."

Lại nữa, khi Phật trú tại Ba-la-nại trong vườn nai của tiên nhân, nói rộng như trên. Bấy giờ có một y sĩ xuất gia hành đạo, chữa bệnh cho 60 Tỳ-kheo đau ốm. Thầy đi đến thăm viếng Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo y sĩ, các Tỳ-kheo bệnh có điều hòa không?

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo bệnh an ổn, nhưng con thì lao khổ."

Phật hỏi: "Vì sao vậy?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Thành Ba-la-nại cách đây nửa do tuần, vì phải tìm những thứ cần dùng, hằng ngày con phải đi về, vì thế mà lao khổ. Vả lại, Thế Tôn chỉ cho phép Tỳ-kheo bệnh cất thuốc trong một ngày mà bệnh tật thì chưa khỏi."

Phật lại hỏi Tỳ-kheo y sĩ: "Vậy thì nên chứa thuốc chừng bao nhiêu ngày là an ổn?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Dùng liên tục 7 ngày thì mới có thể biết rõ hiệu lực của thuốc."

Phật dạy: "Từ hôm nay trở đi, Ta cho phép được cất thêm 6 ngày nữa, với một ngày trước kia, thành ra 7 ngày."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ba-la-nại phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần phải uống các thứ sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tố, mỡ, thì được phép cất 7 ngày để uống. Nếu để quá 7 ngày mà còn cất thuốc để uống không xả bỏ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề .***

*

❖ Giải thích

Bệnh cần uống thuốc: Như sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tố, mỡ như đã nói trong giới ăn trộm.

Bệnh: Gồm có 404 bệnh, bệnh phong có 101, bệnh hỏa có 101, bệnh thủy có 101 và bệnh tạp cũng có 101. Nếu gặp bệnh phong, nên dùng dầu, mỡ để chữa trị; gặp bệnh nhiệt, nên dùng sữa để trị; gặp bệnh thủy, nên dùng mật chữa trị; gặp bệnh tạp, nên dùng cả 3 loại thuốc trên để trị.

Bảy ngày: Mức độ tối đa.

Cất trong 7 ngày: Nhận thuốc về dùng trong 7 ngày, nếu để quá 7 ngày uống thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Thứ thuốc ấy phải đem ra thí xả giữa chúng Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được 10 loại thuốc như sữa, dầu, mật, đường phèn, sinh tố và 5 thứ mỡ thì được uống tất cả 7 ngày không cần tác tịnh, nếu để quá 7 ngày thì tất cả phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được 10 loại thuốc, một nửa tác tịnh, (**317a**) một nửa không tác tịnh, trong đó, loại được tác tịnh thì đúng pháp, loại không tác tịnh mà để quá 7 ngày thì phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo một ngày được 10 loại thuốc, thì như trong giới y thừa ở trên đã nói rõ, trong đây khác nhau là thời gian của thuốc chỉ có 7 ngày. Cho đến không nhớ rõ mà tưởng nhớ rõ, đó không gọi là tác tịnh. Dầu thắp đèn, dầu thoa chân, dầu thoa mình không nhớ rõ, không tác tịnh, để quá 7 ngày, phạm Ni-tát-kỳ.

Tác tịnh không đúng pháp: Nếu tác tịnh với người không có tâm ý (không hay biết), để quá 7 ngày phạm Ni-tát-kỳ.

Nên tác tịnh với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, người thế tục, súc sinh.

Có các trường hợp*:* Súc dược lợi, súc dược lợi tương ô; súc dược lợi, bất súc dược lợi tương ô; bất súc dược lợi, súc dược lợi bất tương ô; bất súc dược lợi, bất súc dược lợi bất tương ô; tục nhân dược lợi ô Tỳ-kheo dược lợi; Tỳ-kheo dược lợi ô tục nhân dược lợi; tục nhân dược lợi ô tục nhân dược lợi; Tỳ-kheo dược lợi ô Tỳ-kheo dược lợi; Khách Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi; Cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi; Khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi; Cựu Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi; Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi; Tỳ-kheo lợi ô tăng lợi; Tăng lợi ô Tăng lợi; Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi; Hữu thực gian, phi thọ gian; Thọ gian, phi thực gian; Thọ gian, thực gian; Phi thọ gian, phi thực gian; bình đường phèn; dầu đốt đèn; bình sữa lạc; mỡ.

Súc dược lợi, súc dược lợi tương ô: Nếu Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, tạp thực còn thừa không tác tịnh, sau bữa ăn

lại được đường phèn cũng không tác tịnh mà lấy cất; đó gọi là súc dược lợi súc dược lợi, tương ô (thức ăn cất trước, thức ăn cất sau hoen ố lẫn nhau).

Súc dược lợi, bất súc dược lợi tương ô: Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, tạp thực, bèn ăn không tác tịnh, sau bữa ăn lại được đường phèn đem tác tịnh rồi lấy cất. Đó gọi là súc dược lợi, bất súc dược lợi tương ô.

Bất súc dược lợi, súc dược lợi bất tương ô: Nếu Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, không ăn tạp đem tác tịnh, sau bữa ăn lại được đường phèn thừa không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là bất súc dược lợi, súc dược lợi bất tương ô.

Bất súc dược lợi, bất súc dược lợi bất tương ô: Nếu Tỳ-kheo trước bữa ăn được đường phèn, không ăn tạp, liền đem tác tịnh mà ăn, sau đó lại được đường phèn tác tịnh rồi nhận lấy. Đó gọi là bất súc dược lợi, bất súc dược lợi bất tương ô.

Tục nhân (dược) lợi ô Tỳ-kheo (dược) lợi: Bấy giờ có Ưu-bà-tắc đến đảnh lễ (**317b**) chân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có đường phèn cất đến ngày thứ 7, bèn hỏi Ưu-bà-tắc: "Ông muốn uống nước đường phèn không?" Ông ta đáp: "Muốn uống." Thế rồi, ông ta mang đường phèn ấy đi đến đảnh lễ các Tỳ-kheo khác, hỏi: "Tôn giả muốn uống nước đường phèn không?", Tỳ-kheo ấy đáp: "Muốn uống." Tỳ-kheo này được đường phèn trong ngày không tác tịnh mà lấy. Đó gọi là tục nhân lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Tỳ-kheo (dược) lợi ô tục nhân (dược) lợi: Có một Ưu-bà-tắc đem đường phèn đến, đảnh lễ chân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có đường phèn cất đến ngày thứ 7, bèn hỏi Ưu-bà-tắc: "Ông có muốn uống nước đường phèn không?" Ông ta đáp: "Muốn uống", liền lấy đổ chung vào trong bình rồi đi. Lại có một Ưu-bà-tắc khác đem đường phèn đến, hai người gặp nhau giữa đường. Ưu-bà-tắc trước hỏi Ưu-bà-tắc sau: "Ông định đi đâu đó?" Ông ta đáp: "Tôi muốn đem đường phèn này đến cho Tỳ-kheo mỗ giáp." Ông này liền nói: "Ông hãy

mang phần đường phèn này đến cho Tỳ-kheo mỗ giáp ấy giúp tôi." Ông ta liền nhận mang đi. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô tục nhân lợi.

Tục nhân (được) lợi ô tục nhân (được) lợi: Cả 2 người đều khác biệt nhau.

Tỳ-kheo (được) lợi ô Tỳ-kheo (được) lợi: Tỳ-kheo có nước đường phèn cất đến ngày thứ 7, bèn hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?" Thầy ấy đáp: "Muốn uống." Rồi Tỳ-kheo ấy ngay trong ngày được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Khách Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi: Tỳ-kheo khách có đường phèn cất đến ngày thứ 7, bèn hỏi Cựu Tỳ-kheo: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?" Vị kia đáp: "Muốn uống." Thế rồi, cựu Tỳ-kheo này ngay trong ngày ấy được đường phèn không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là khách Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi.

Cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi: Có Tỳ-kheo khách đến, rồi cựu Tỳ-kheo có đường phèn cất 7 ngày, nói với Tỳ-kheo khách: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?" Thầy liền đáp: "Muốn uống." Thế rồi, Tỳ-kheo khách này được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là cựu Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi.

Khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi: Có 2 khách Tỳ-kheo đến một trú xứ, vị này có đường phèn để 7 ngày, bèn hỏi vị kia: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?" Vị kia đáp: "Muốn uống." Thế rồi, ngay trong ngày, thầy được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là khách Tỳ-kheo lợi ô khách Tỳ-kheo lợi.

Cựu Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi: Một cựu Tỳ-kheo có (**317c**) đường phèn để 7 ngày, hỏi một cựu Tỳ-kheo khác: "Thầy muốn uống nước đường phèn không?" Thầy liền đáp: "Muốn uống." Thế rồi, ngay trong ngày, thầy được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là cựu Tỳ-kheo lợi ô cựu Tỳ-kheo lợi.

Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi: Tăng có đường phèn để 7 ngày đem chia cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này ngay trong ngày được đường phèn, không tác tịnh mà thọ nhận. Đó gọi là Tăng lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Tỳ-kheo lợi ô Tăng lợi: Tỳ-kheo có đường phèn để 7 ngày liền mang đến cúng dường Tăng, Tăng được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô Tăng lợi.

Tăng lợi ô Tăng lợi: Tăng có đường phèn để 7 ngày đem ra cúng dường cho Tăng, Tăng này nhận được đường phèn ngay trong ngày, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tăng lợi ô Tăng lợi,

Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi: Tỳ-kheo có đường phèn để 7 ngày, rồi hỏi Tỳ-kheo khác: "Thầy có muốn uống nước đường phèn không?" Vị này đáp: "Muốn uống." Thế rồi, Tỳ-kheo này ngay trong ngày nhận được đường phèn, không tác tịnh mà nhận lấy. Đó gọi là Tỳ-kheo lợi ô Tỳ-kheo lợi.

Hữu thực gian, phi thọ gian: Nếu Tỳ-kheo 7 ngày ăn đường phèn, rồi nhận thêm đường phèn nữa, ngày thứ 8 lại ăn. Vì không để gián đoạn nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Cần phải để gián đoạn một ngày. Đó gọi là hữu thực gian, phi thọ gian.

Thọ gian phi thực gian: Nếu Tỳ-kheo nhận đường phèn để 7 ngày không ăn, đến ngày thứ 8 lại nhận thêm đường phèn khác, không để gián đoạn mà thọ nhận nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Cần phải để gián đoạn một ngày. Đó gọi là thọ gian phi thực gian.

Thọ gian thực gian: Nếu Tỳ-kheo 7 ngày nhận được đường phèn rồi ăn, đến ngày thứ 8 lại nhận được đường phèn cũng ăn, như vậy là phạm 2 tội Việt-tỳ-ni.

Phi thọ gian, phi thực gian: Nếu Tỳ-kheo do tụng kinh nhiều bị bệnh phổi, thổ huyết, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống thường xuyên đường phèn." Thì trước bữa ăn được ăn đường phèn, sau bữa ăn tác tịnh rồi cũng được ăn. Đó gọi là phi thọ gian, phi thực gian.

Bình đường phèn: Như ở nước Vũ-La, người muốn thọ giới cụ túc, sau khi thọ giới tại giới trường, bèn đem bố thí cho chúng Tăng mỗi người một bình đường phèn. Các Tỳ-kheo có tín tâm thích làm công đức bèn mang bình đường phèn ấy đến cúng dường Thượng tọa. Thượng tọa có tín tâm, nên nói: "Tăng là phước điền tốt nhất." Thế là vị ấy đem bố thí cho Tăng. Các Tỳ-kheo có đường phèn cất 7 ngày, còn lấy thêm đường phèn này. Đó gọi là ô nhiễm lẫn nhau.

Nếu Tỳ-kheo vào bữa ăn nhận được nhiều mía, ăn còn thừa thì được ép ra nước để dùng vào buổi tối. Nếu uống không hết thì được (**318a**) đem nấu thành đường phèn để dùng trong 7 ngày. Đường phèn này nếu dùng không hết thì đem đốt thành tro để dùng suốt đời. Nếu có việc không ép được, thì trước bữa trưa nên dùng nước tác tịnh, nói như sau: "Ở trong đây có tịnh vật sinh ra, tôi sẽ nhận lấy."

Nếu vào bữa ăn nhận được nhiều trái cây, ăn không hết thì được đem ép để dùng buổi tối. Nếu có việc không thể ép được thì lúc ấy nên nói: "Trong đây có tịnh vật sinh ra, tôi sẽ nhận lấy." Nếu thời gian đã quá hạn (hết ngày), thì không nên làm.

Dầu đốt đèn: Nếu tín nữ có lòng tin thuần thành đem cúng dường cho Tăng Thức ăn, bằng cách đổ dầu vào đèn đốt lên đem cúng dường, thì Tăng không nên nhận khi có ngọn đèn sáng, mà nên bảo tịnh nhân nhận lấy. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ để xuống đất, thổi tắt ngọn đèn rồi mới nhận. Nếu người nữ vì có tín tâm, quá ân cần, không muốn tắt ngọn đèn, thì có thể nhận lấy. Khi nhận xong, nên dùng dao cắt bỏ tim đèn rồi mới sử dụng dầu. Đó là trường hợp dầu thắp đèn.

Bình sữa lạc: Vào bữa ăn nhận được nhiều sữa lạc dùng không hết, thì nên đem nấu thành sinh tô để dùng trong 7 ngày. Nếu sinh tô còn thừa thì được đem nấu lần nữa thành thục tô để dùng trong 7 ngày.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực được nhiều sinh tô thì nên dùng miếng lụa sạch lọc lấy tô để dùng trong 7 ngày. Nếu có công việc không

thể làm trước buổi trưa được, thì nên nói: "Trong đây sẽ sinh ra tịnh vật, tôi sẽ dùng làm thuốc uống trong 7 ngày." Nếu lỡ quên không dùng, không tác tịnh, để quá thời hạn thì thành ra bất tịnh.

Nếu khi đi khất thực được nhiều dầu, thì nên áp dụng như trường hợp tô vừa nói ở trên.

Nếu vào bữa ăn nhận được nhiều mè, ăn còn thừa thì nên đem ép thành dầu để dùng trong 7 ngày. Nếu vì công việc không làm được, thì như trường hợp tô đã nói ở trên. Đó gọi là bình sữa lạc.

Mỡ: Nếu Tăng đem chia cho mỡ gấu, mỡ cá, mỡ bi, mỡ heo, mỡ Thất-tu-ma-la, thì Tỳ-kheo ít có người quen biết có thể dùng một miếng lụa mỏng lọc để làm thức ăn dùng trong 7 ngày. Nếu bận việc không thể làm được thì như trường hợp tô đã nói ở trên.

Khi Tăng đem chia dầu, Tỳ-kheo hoặc muốn đem tác tịnh, hoặc dùng làm dầu ăn 7 ngày, hoặc dùng làm dầu thắp đèn, hoặc làm dầu thoa chân, hoặc dùng thoa mình. Nếu Tăng chia dầu ít không đủ dùng, bèn đem đổ dồn một chỗ, thì tất cả đều bất tịnh. Nếu có dầu thanh tịnh (hợp lệ) thì đổ chung với dầu thanh tịnh trong một bình rồi đem rửa bình sạch giao cho tịnh nhân giữ. Cũng vậy, dầu dùng 7 ngày nên đổ chung với dầu dùng 7 ngày trong một bình, rồi đem rửa bình sạch giao cho tịnh nhân cất. Cũng vậy, dầu đốt đèn, dầu thoa chân, khi có được cũng nên nhận.

Nếu Tỳ-kheo muốn uống bột, uống dầu, thì không được trước uống bột, sau uống dầu, vì bột là thuốc dùng trọn đời, còn dầu là thuốc dùng 7 ngày. Do đó, nên uống dầu trước, rồi rửa tay, súc miệng cho sạch (**318b**), sau đó mới uống bột.

Nếu Tỳ-kheo sau bữa ngọ trai có bệnh, nên uống tô trước, vì tô là thuốc 7 ngày, rồi rửa tay, súc miệng cho sạch mới ăn. Nếu Tỳ-kheo có bệnh muốn uống tô thì phải uống vào buổi mai, vì tô là thuốc dùng 7 ngày, sau đó ăn cơm xong, súc miệng, rửa tay cho sạch rồi mới uống thuốc.

Nếu Tỳ-kheo uống dầu xong, còn thừa định dùng đốt đèn hoặc thoa chân, nhưng có Hòa thượng, A-xà-lê đến thấy chê dầu nhiều, bèn uống nữa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn đường phèn xong rồi muốn uống nước ngọt vào buổi tối, thì phải súc miệng cho sạch, rồi mới uống nước ngọt. Nếu uống nước ngọt rồi mới ăn đường phèn, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo muốn nấu đường phèn, nên sai tịnh nhân nấu.

Nếu Tỳ-kheo nhận được tô, rồi dùng tô trộn với tô, tô trộn với dầu, tô trộn với mật, tô trộn với đường phèn, tô trộn với sinh tô, tô trộn với mỡ, cũng vậy, dầu, mật, đường phèn, sinh tô, cho đến mỡ trộn với tô, mỡ trộn với dầu, mỡ trộn với mật, mỡ trộn với sinh tô, mỡ trộn với đường phèn, mỡ trộn với mỡ, cũng như vậy. Thức ăn đúng giờ, thức uống buổi tối, thuốc dùng 7 ngày, thuốc dùng suốt đời trộn lẫn vào nhau thì được uống đúng thời.

Thuốc uống buổi tối, thuốc dùng 7 ngày, thuốc dùng suốt đời hòa lẫn vào nhau thì được uống vào buổi tối.

Thuốc uống 7 ngày, thuốc dùng suốt đời hòa lẫn vào nhau, thì được uống trong 7 ngày.

Nếu Tỳ-kheo có ít người quen biết khi đi khất thực được muối đỏ, muối tía... thì nên rửa sạch để dùng suốt đời. Nếu được hồ tiêu, tất bát, cũng lại như vậy.

Nếu Tỳ-kheo có ít người quen biết khi đi khất thực được đường phèn đen, đường phèn trắng, nên đem rửa sạch hơi đồ ăn, để làm thuốc dùng trong 7 ngày. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 23 của Ni-tát-kỳ)

*

Hết quyển thứ mười

TÔN KÍNH ẤN TỐNG

Thượng toạ Thích Thiện Ý
Trụ trì Chùa Từ Quang, Thủ Đức

SÁCH KÍNH BIẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 – 39142419 – Fax: (028) 39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Biên tập: Trần Thị Hoàng Tần
Sửa bản in: Mai Hoàng
Bìa & Trình bày: TN Nguyễn

Đối tác liên kết:
Chùa Dược Sư - 464 Lê Quang Định, P. 11, Q. Bình Thạnh

Số lượng: 500 cuốn, khổ 16x24cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.
Số đăng ký KHXB: 2484-2019/CXBIPH/3-98/VNTPHCM.
Quyết định xuất bản số: 395-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 15/7/2019.
Mã số ISBN: 978-604-68-5734-1. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019.

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 2

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

CỐ VẤN

Hòa thượng **Thích Giác Toàn**

Hòa thượng **Thích Nguyên Giác**

THỰC HIỆN

Tỳ kheo **Thích Thiện Ý**

Tỳ kheo **Thích Minh Hải**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Thưa quý vị thiện hữu trí thức và quý Phật tử,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn là một bậc chân tu thật học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài sống đơn giản thanh bần trong chốn thiền môn; ứng xử nhẹ nhàng, tao nhã trong giao tiếp; hết lòng dạy dỗ Tăng Ni sinh các thế hệ trong giáo dục; cẩn trọng tham chiếu nhiều nguồn kinh văn sử liệu trong nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và trí đức.

Từ năm 1991, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Viện đã trân trọng mời Trưởng lão Hòa thượng tham gia các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu của Viện. Trải dài theo năm tháng tinh cần làm việc, Ngài được Giáo hội tin tưởng và cung cử làm thành viên của Hội đồng phiên dịch, rồi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2007 - 2012 và 2012 - 2017). Hiện nay, Ngài là thành viên Ban Chứng minh của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2017 – 2022).

Năm nay – 2019, các đệ tử thân tín của Trưởng lão Hòa thượng phát tâm sưu tầm tất cả công trình biên soạn, sáng tác, dịch thuật của Ngài kết tập thành *Toàn tập Thích Phước Sơn,* làm Pháp bảo lưu bố cho thế hệ hậu lai. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tán thán việc làm có ý nghĩa và giá trị này.

Xin trân trọng giới thiệu công trình Toàn tập này đến chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Nguyện cầu Chánh pháp được lan truyền khắp chốn, Tăng Ni Phật tử ân triêm pháp lạc, tinh tấn tu hành, lợi lạc nhân thiên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

LỜI CẨN BẠCH

Thầy của chúng con, đức Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Phước *hạ* Sơn, là một bậc Phạm hạnh, suốt cuộc đời cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo. Thầy từng làm Hiệu trưởng trường Bồ đề - Nha Trang, sau đó vào niềm Nam gắn bó với đức cố Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Minh *hạ* Châu, người đã khai sáng viện Đại học Vạn Hạnh, tạo tiền đề cho hệ thống các Học viện Phật giáo ngày nay, nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni lãnh đạo của Phật giáo Việt Nam. Trong nhiều thập niên, Thầy tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Huế; Thầy còn giữ vai trò Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Chắc hẳn, nhiều thế hệ Tăng Ni đã thọ ân giáo dưỡng của Thầy, đều có chung một cảm nhận về sự tận tâm và uy nghiêm của một bậc Thầy khả kính.

Là một người may mắn được gần gũi và thọ ân giáo dưỡng của Thầy, chúng con cảm thấy hạnh phúc và biết ơn Thầy, vì Thầy đã dạy những bài học quí báu và thâm sâu cho chúng con có được tuệ mạng như ngày hôm nay. Đặc biệt, qua thân giáo của Thầy, chúng con có đủ niềm tin vững chãi nơi giáo lý của đức Thế Tôn để vượt qua những khó khăn trên bước đường tu học và hành đạo.

Nhằm lưu giữ các tài liệu mà một cuộc đời Thầy đã trước tác, biên dịch, từ những bản giới kinh tinh hoa dành cho Tăng Ni; cho đến những giáo lý phổ thông dành cho hàng người cư sĩ Phật tử, chúng con đã thỉnh ý của Thầy, và đã được Thầy hứa khả cho phép thực hiện bộ *Toàn tập Thích Phước Sơn*. Chúng con thực hiện công việc này, như một phần tránh sự thất lạc các di sản văn hoá phẩm của Thầy. Đồng thời, đây cũng là món quà kính dâng Thầy với lòng biết ơn của người đệ tử, người học trò đã có thiện duyên gắn bó với Thầy trong ánh đạo vàng của đức Như lai.

Năm nay (2019), Thầy đã tám mươi ba lần sinh nhật, tuy sức khoẻ của Thầy không được như ngày nào lên bục giảng, hướng dẫn từng chữ Hán cổ, giải thích cho chúng con hiểu rõ thâm ý ẩn chứa bên trong những lời dạy của đức Phật và chư Tổ. Nhưng chúng con cảm thấy hạnh phúc và ý thức rất rõ Thầy vẫn còn hiện hữu, có mặt với chúng con trong Thiền thất sáng chiều ở Vạn Hạnh. Vì vậy mà chúng con đang tích cực làm việc để hoàn thành công trình Toàn tập dâng lên Thầy, khi Thầy còn khoẻ, còn thấy và còn đọc được các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm của Thầy đã xuất bản suốt mấy mươi năm qua, gồm có:

1. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu lược giảng (dịch), 2008
2. Giải trình ý nghĩa Vu Lan, 2004
3. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo nguyên thủy (đồng dịch, 2 tập), 2015
4. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch), 2008
5. Luật học tinh yếu, 2006
6. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập), 2003
7. Một số vấn đề về giới Luật, 2006
8. Phật học khái yếu, 2010
9. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch), 2000

10. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (dịch, 2 tập), 2008

11. Tam tổ thực lục, 1995

12. Thanh tịnh đạo luận toản yếu, 2006

13. Thơ thiền Việt Nam, 2002

14. Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật, 2013

15. Truyện cổ Sự tích cứu vật phóng sinh (dịch), 2001

16. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (đồng dịch), 2012

Các tác phẩm của Thầy phần lớn được dịch từ Hán tạng, gồm giới kinh và các nguồn văn học Phật giáo Đại thừa với tư tưởng uyên thâm về triết học và tâm lý học. Với gần hai mươi tác phẩm, khoảng hơn tám ngàn trang, ban biên tập dự kiến sẽ in thành mười sáu tập, mỗi tập khoảng năm trăm trang. Chúng con đã cố gắng biên tập và sắp xếp các tác phẩm theo chủ đề, nhưng chắc chắn không sao tránh khỏi sự rời rạc vì có khi bố cục hai tác phẩm trong một tập, không cùng chung một chủ đề.

Chúng con không quên tỏ lòng biết ơn chư vị đồng dịch giả đã chấp thuận cho in các bản dịch chung trong bộ Toàn tập này. Sau cùng, chúng con kính đảnh lễ Thầy với lòng quí kính, và niệm ân Thầy đã cho phép chúng con thực hiện công việc ý nghĩa này.

Thiền viện Vạn Hạnh,
Phật đản, 2563 – 2019
Thích Minh Hải

Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

TẬP II
Quyển 11 - 20

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đỗng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bổn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đỗng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng diễm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đấng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lí, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cảo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoan tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC
TẬP 2

Lời giới thiệu i
Lời cẩn bạch iii
Lời nói đầu viii

NI-TÁT-KỲ

Quyển 11: 24. Cho y rồi lấy lại 470
25. Sắm áo mưa trước thời hạn 475
26. Xin chỉ sợi về dệt vải 479
27. Quỵt tiền công của thợ dệt 481
28. Cất y cúng gấp quá hạn 487
29. Rời y quá thời hạn 492
30. Biển thủ tài sản của tăng 497

BA-DẠ-ĐỀ

Quyển 12: 1. Cố ý vọng ngữ 502
2. Gièm pha thành phần nghề nghiệp người khác 506
3. Nói để ly gián kẻ khác 510
4. Khơi lại sự tranh cãi 515

Quyển 13: 4. Khơi lại sự tranh cải (tiếp theo) 533
5. Thuyết pháp cho phụ nữ quá giới hạn 555
6. Dạy người chưa thọ cụ túc đọc tụng 560
7. Nói thật rằng mình đắc đạo 562

Quyển 14: 8. Nói tội nặng của tỳ-kheo khác 566
9. Đồng ý yết-ma, sau phủ nhận 570

10. Huỷ báng giới pháp 572
11. Chặt phá cây sống..... 574
12. Nói để nhiễu loạn người khác 581
13. Chê trách chức sự của tăng 585
14. Trải đồ của tăng ở chỗ trống 589
15. Trải đồ của tăng ở chỗ khuất..... 594
16. Lôi tỳ-kheo khác ra khỏi phòng 597

Quyển 15: 17. Cưỡng chiếm chỗ nằm của người khác..... 601
18. Ngồi giường có chân nhọn..... 604
19. Dùng nước có sinh trùng 606
20. Lợp nhà quá ba lớp 608
21. Tự đi dạy ni 612
22. Giáo giới ni cho đến trời tối..... 613
23. Không bạch tỳ-kheo khác tại chùa ni 617
24. Phỉ báng vị giáo thọ ni..... 621
25. Ngồi với ni ở chỗ khuất..... 623
26. Hẹn đi chung đường với ni..... 625
27. Hẹn đi chung thuyền với ni 629
28. Đem y cho ni không phải bà con..... 631
29. May y cho ni không phải bà con 633
30. Ăn thức ăn do ni ca ngợi 634

Quyển 16: 31. Ăn quá giới hạn được cúng dường..... 642
32. Ăn nhiều lần trong ngày..... 645
33. Ăn rồi, ăn lại..... 657
34. Khuyên người ăn rồi ăn nữa..... 668
35. Ăn thức ăn không được mời 671

Quyển 17: 36. Ăn phi thời 683
37. Để dành thức ăn mà ăn 683
38. Nhận thức ăn quá mức đã cho 689
39. Đòi thức ăn ngon..... 694
40. Không bệnh mà nhóm lửa 700

41. Ngủ quá thời hạn cho phép 714
42. Gởi dục rồi phủ nhận 719
43. Làm cho người khác nhịn đói 721
44. Xuyên tạc giáo pháp, không nghe lời khuyên 723

Quyển 18: 45. Bao che người có lỗi 729
47. Mặc y không hoại sắc 735
48. Cất giữ bảo vật 740
49. Tắm quá giới hạn cho phép 749
50. Uống nước có sinh trùng 754
51. Cho tu sĩ ngoại đạo đồ ăn 758
52. Ngồi nơi phòng ngủ nhà thí chủ 761
53. Ngồi chỗ khuất nhà thí chủ 761
54. Đi xem quân trận 763
55. Ở trong quân trại quá hạn 765
56. Xem quân đội diễn tập 769
57. Đánh tỳ-kheo khác 771
58. Dọa đánh tỳ-kheo khác 773

Quyển 19: 59. Che giấu tội tỳ-kheo khác 777
60. Sát hại sinh vật 780
61. Gây phiền toái tỳ-kheo khác 786
62. Cho y rồi, lấy lại mặc 789
63. Giấu vật dụng của người khác 791
64. Hù nhát tỳ-kheo khác 794
65. Đùa giỡn trong nước 797
66. Chỉ chỏ lẫn nhau 800
67. Hẹn đi chung đường với người nữ 803
68. Ngủ chung một nhà với người nữ 806
69. Ngồi với phụ nữ 810
70. Cho người chưa đủ tuổi thọ giới 812
71. Hẹn đi chung với bọn cướp 817
72. Đào xới đất đai 822

Quyển 20: 73. Nhận cúng dường quá giới hạn..... 829
74. Chống cự lại sự khuyên học..... 833
75. Uống các thứ rượu 836
76. Khinh thường người khác 840
77. Nghe lén sự tranh cãi 844
78. Lẳng lặng bỏ cuộc họp mà đi 846
79. Vào làng mà không báo người khác..... 849
80. Đi phi thời, không báo người khác..... 852
81. Vào vương cung quá sớm 856
82. Dùng xương, sừng làm ống đựng kim 860
83. Làm chân giường cao quá cỡ 862
84. Dồn bông làm nệm..... 866
85. Làm tọa cụ quá quy định 868
86. May y che ghẻ quá kích thước..... 872
87. May áo tắm mưa quá kích thước 874
88. May y quá cỡ y phật 876

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 11

NI-TÁT-KỲ
(tiếp theo)

24. CHO Y RỒI LẤY LẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trưởng lão Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, vào mùa Đông thời tiết khá lạnh, bèn mặc áo dày, trải chăn nệm ấm, trên đầu chít khăn (**318c**) Phú-la, ở trước đốt một lò lửa. Bấy giờ, có ngoại đạo da đen, mắt xanh, lạnh run lẩy bẩy đi đến, đứng trước hai thầy. Ngoại đạo thấy thế lòng sinh vui vẻ, liền nói với Tỳ-kheo: "Các vị xuất gia được sướng như vậy nhỉ!" Thế rồi, tâm họ sinh hoan hỉ đối với Phật pháp, liền nói: "Chúng tôi cũng mang danh là xuất gia, nhưng Phất Lan Ca-diếp dạy chúng tôi sống lõa thể, nhổ tóc, leo lên núi, nhảy xuống khe, để cho năm sức nóng thiêu thân mà đi khất thực, chịu đau khổ oan uổng mà chẳng vui sướng gì."

Các Tỳ-kheo liền bảo: "Các ông có thích giáo pháp này thì đến đây xin xuất gia, rồi sẽ sống an lạc như chúng tôi thôi."

Ngoại đạo nói: "Tôi không có y Tăng-già-lê của sa-môn."

Tỳ-kheo nói: "Ông cứ đến, tôi sẽ cho ông."

Thế rồi, ngoại đạo liền đến, các Tỳ-kheo bèn cho họ xuất gia, thọ giới cụ túc, rồi bảo: "Nay Ta đã độ ông xuất gia, thọ giới cụ túc, ông phải làm những việc cần thiết như sau: Sáng sớm Ta ngủ dậy, phải hỏi rằng: "Ngủ có an ổn không?", mang ống nhổ và đồ tiểu

tiện đi đổ, rồi đem rửa sạch để lại chỗ cũ, trao nước rửa mặt, tăm xỉa răng, mang bát đi lấy cháo. Khi Ta điểm tâm xong, ông phải rửa bát, lau khô rồi để lại chỗ cũ. Nếu có chỗ nào mời thọ trai thì phải đến đó nhận lấy thức ăn. Khi Ta muốn vào xóm làng, phải đem y thường mặc vào xóm làng trao cho Ta, rồi lấy y Ta vừa thay xếp lại ngay ngắn cất vào chỗ cũ. Khi Ta từ xóm làng trở về, ngươi phải trải ghế nhỏ cho Ta ngồi, trao Ta nước và lá cây. Khi Ta ăn, phải cầm quạt quạt. Ta ăn xong, phải rửa bát, lau khô, đem cất lại chỗ cũ, rồi cởi y Ta mặc vào xóm làng xếp lại đem cất, trao cho Ta y thường mặc. Khi ngươi ăn xong, phải đi lấy củi rác, giặt y, đem nhuộm, quét trong phòng sạch sẽ, rồi lau sàn nhà. Khi Ta muốn vào rừng ngồi thiền, ngươi phải mang tọa cụ đi theo, khi Ta trở về, thì theo về, rồi trao cho Ta nước rửa tay. Khi trao cho Ta hương hoa cúng dường xong, ngươi phải trải giường, đưa nước rửa chân cho Ta, rồi lấy dầu xoa bóp, trải ra, bỏ mùng, đưa ống nhổ, đồ tiểu tiện, đốt đèn v.v., cung cấp các thứ như vậy cho Ta xong xuôi, sau đó mới tự lo phần mình."

Khi ấy tân Tỳ-kheo (ngoại đạo) bèn đáp với Thầy rằng: "Những điều đó không phải là phép tắc xuất gia, mà là làm đầy tớ."

Thầy nói: "Nếu ngươi không thể làm được thì phải trả y Tăng-già-lê lại cho Ta."

Người ấy bèn cởi y để dưới đất rồi ra đi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn-giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn nói với người đệ tử tùy tùng của anh mình như sau: "Ta cùng với ngươi vào xóm làng, Ta sẽ cho ngươi phẩm vật. Nếu Ta có làm điều gì trái oai nghi, (**319a**) ngươi chớ nói với người khác, vì Ta là chú của ngươi."

Người đệ tử nói: "Nếu tôi thấy cha tôi làm điều phi pháp, tôi cũng sẽ nói với người khác, huống gì là chú."

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Nếu ngươi như thế, Ta sẽ cho ngươi biết tay", bèn dẫn y đến nhà hào quý. Nhà đàn việt này bèn mời họ ở lại dùng cơm.

Vì không muốn cho y ăn nên Ưu-ba-nan-đà làm ra vẻ suy nghĩ đợi cho mặt trời gần trưa để cho y không thể khất thực, mà trở về trú xứ cũng quá bữa, bèn nói với y: "Ngươi hãy trở về Tinh xá."

Người này liền trở về, vì sợ trễ bữa, nên vội vàng vừa nhìn mặt trời vừa đi, nhưng vừa tới Tinh xá, thì thấy các Tỳ-kheo đã ăn xong, đang đi kinh hành trước cửa.

Các Tỳ-kheo từ xa trông thấy Thầy đi vội vàng, nghi ắt có điều gì bất thường, liền hỏi: "Hôm nay, ngươi cùng với Tỳ-kheo có nhiều người quen biết đi giáo hóa các nơi, được những thức ăn gì ngon mà mặt mày hớn hở như thế?"

Đáp: "Hôm nay tôi bị mất bữa ăn, chứ làm gì được thức ngon!"

Ưu-ba-nan-đà bảo y trở về rồi, sau đó ăn uống các thứ, ăn xong, sợ sự tình tiết lộ, bèn nhanh chân trở về, thì thấy các Tỳ-kheo đang tụ tập đông đảo bàn luận, liền suy nghĩ: "Mọi người tụ họp bàn luận, ắt Tỳ-kheo kia đã nói với các vị phạm hạnh về hành vi xấu ác của Ta", liền nói với Nan-đà: "Trưởng lão, đệ tử của Ngài đã hướng đến các vị phạm hạnh nói về những việc xấu của tôi."

Nan-đà bèn giận dữ, nói với đệ tử: "Hôm nay, vì sao ngươi lại nói về lỗi của em Ta? Ngươi hãy trả y Tăng-già-lê lại cho Ta."

Các Tỳ-kheo nghe thế, cùng nhau bảo: "Thầy Tỳ-kheo này hôm nay gặp hai việc khổ não: Một là mất ăn. Hai là mất y."

Phật nghe được việc ấy, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đó là Tỳ-kheo nào mà cao giọng lớn tiếng như thế?"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Nan-đà đoạt lại y của đệ tử tùy tùng, cho nên mới lớn tiếng."

Phật bảo gọi Nan-đà đến. Khi Thầy tới rồi, Phật bèn hỏi kỹ Nan-đà: "Có thật ông vì muốn được cung cấp cho mình mà độ người, cho y, khiến cho đệ tử giận không chịu làm thân phận tôi đòi, rồi ông đoạt lại y của đệ tử tùy tùng phải không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy."

Khi ấy, Phật nói với Nan-đà: "Vì sao ông độ người xuất gia, không dạy pháp luật, mà chỉ sai họ chấp tác, cung cấp cho bản thân mình?"

Phật khiển trách đủ điều, xong rồi liền nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi không được rắp tâm vì muốn cung cấp cho chính mình mà độ người xuất gia, ai độ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nên nghĩ thế này: "Mong cho kẻ kia nhờ Ta hóa độ, tu các thiện pháp, thành tựu đạo quả."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, rồi sau đó nổi giận không vui, hoặc tự đoạt, hoặc sai người (319b) đoạt lại, nói như sau: "Tỳ-kheo, trả y lại cho Ta, Ta không cho ngươi nữa", khi được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

(Một số từ đã được giải thích)

Đoạt: Hoặc tự đoạt, hoặc sai người đoạt, nói như sau: "Trả y lại cho Ta, Ta không cho ngươi nữa." Khi lấy lại được, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cho, rồi sai người đoạt lại; hoặc sai người cho, rồi tự mình đoạt lại; hoặc tự mình cho, rồi tự mình đoạt; hoặc sai người cho, sai người đoạt; hoặc cùng cho, đoạt riêng, hoặc cho riêng, cùng đoạt; hoặc cùng cho cùng đoạt; hoặc cho riêng, đoạt riêng.

Cùng cho, đoạt riêng: Tỳ-kheo một lần cho 3 y, về sau đoạt riêng từng cái, nói: "Trả cho Ta Tăng-già-lê, trả cho Ta Uất-đa-la-tăng, trả cho Ta An-đà-hội." Đoạt như vậy thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cùng cho, đoạt riêng.

Cho riêng, đoạt chung: Tỳ-kheo cho y Tăng-già-lê, cho Uất-đa-la-tăng, cho An-đà-hội không cùng một lần, nhưng đòi lại một lần, nói: "Ngươi trả các y lại cho Ta." Đoạt như vậy thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cho riêng, đoạt chung.

Cùng cho, cùng đoạt: Tỳ-kheo một lần cho các y, sau đó nói: "Trả hết các y lại cho Ta." Đoạt như vậy, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Cho riêng, đoạt riêng: Tỳ-kheo cho Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội không phải cùng lúc, rồi sau đó đòi lại dần dần, nói: "Trả cho Ta Tăng-già-lê, trả cho Ta Uất-đa-la-tăng, trả cho Ta An-đà-hội." Nói như vậy mà được, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi ở gần bên Ta, Ta sẽ cho ngươi y, nếu không ở, Ta sẽ lấy lại", thì khi lấy lại không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi ở đây, Ta sẽ cho, nếu không ở, Ta lấy lại", thì khi lấy lại không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi làm vui lòng Ta thì Ta cho." Sau đó, không làm vui lòng, bèn lấy lại, thì không có tội.

Vì người xem Kinh mà cho, sau đó, họ không xem, bèn lấy lại, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo bán y chưa lấy tiền, hoặc lấy chưa đủ, nên lấy lại y thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cho y cho đệ tử tùy tùng, đệ tử y chỉ mà không thể dạy dỗ được, vì muốn chiết phục mà đoạt lại y, sau khi chiết phục được, bèn trả lại, thì không có tội.

Nếu đoạt y của Tỳ-kheo, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; đoạt y Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đoạt y Thức-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đoạt y người thế tục, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 24 của Ni-tát-kỳ)

*

25. SẮM ÁO MƯA TRƯỚC THỜI HẠN

(**319c**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, dân chúng bốn phương cách 12 do tuần, bố thí cho chúng Tăng áo mưa, như nhân duyên Tỳ-xá-khư lộc mẫu đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật trụ tại nước Kiều-tát-la, có một Tỳ-kheo lẩm cẩm, khi du hành, mặc áo mưa bên trong, mặc y An-đà-hội bên ngoài, cầm cây chổi cán dài quét đất, Phật thấy thế, nói với các Tỳ-kheo:

Các ông có thấy Tỳ-kheo lẩm cẩm kia chăng? Vì sao mà mặc y một cách ngược ngạo như thế!

Tỳ-kheo lẩm cẩm ấy trông thấy Phật, bèn đi đến, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, bên trong ông mặc áo gì?"

Thầy đáp: "Áo mưa."

Bên ngoài mặc áo gì?

An-đà-hội.

Này Tỳ-kheo, vì sao cái đáng lý mặc ở ngoài, ông lại mặc ở trong, cái đáng mặc ở trong, lại mặc ở ngoài? Nay vì sao lúc nào ông cũng mặc áo mưa?

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các ông hãy đợi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về thành xá-vệ, rồi nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định cách thức mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo."

Sau khi Phật du hành nước Kiều-tát-la trở về, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn du hành nước Kiều-tát-la có nói rằng: – Sau khi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về Xá-vệ, các ông hãy nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định việc mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo. Nay thật đúng lúc, xin Thế Tôn chế định việc mặc áo mưa."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Trong vòng một tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng mà dùng. Nếu chưa đến tháng cuối mùa xuân mà Tỳ-kheo đi tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Một tháng cuối xuân: Tức 15 ngày cuối của tháng 3 và 15 ngày đầu của tháng tư. Đó gọi là một tháng cuối mùa xuân.

Áo mưa: Như Thế Tôn đã cho phép.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Tìm: Cầu xin, hoặc khuyên người ta cho. Lúc tìm, không nên đến các nhà nghèo xin chỗ này một thước, chỗ kia hai thước, mà nên đến xin những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc nhiều người cùng cho. Đó gọi là tìm.

Nửa tháng cuối: Từ 16 tháng 3 trở đi nên giặt, nhuộm, vá y, cho đến ngày mồng một tháng tư thì sử dụng. Nếu Tỳ-kheo chưa đến ngày 16 tháng 3 mà đi tìm, may thành, sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào có năm đức tính thành tựu thì Tăng nên làm yết-ma cử vị ấy chia áo mưa. (**320a**) Năm đức tính đó là: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ hãi; (4) Không mê muội; và (5) biết ai đã chia rồi, ai chưa chia.

Đó gọi là năm đức tính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa, Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa, thì xin im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia áo mưa xong, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Khi làm yết-ma xong, nên xướng lên giữa chúng rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe! Có các loại vải lớn, nhỏ, bằng 4 ngón tay, 8 ngón tay, không bằng nhau, không thể tính, tôi sẽ chia.

Nếu không xướng lên như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người này làm yết-ma xong, phải đi tìm cho Tăng. Khi đi tìm, không nên đến những gia đình nghèo, xin chừng một thước, hai thước, mà nên đến những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc

nhiều người hợp lại cho, tối thiểu được một áo mưa. Đó gọi là đi tìm.

Nếu từ 16 tháng 3 trở đi có người mang vải đến cúng thì nên chia. Khi chia nên hỏi Thượng-tọa: "Thượng toạ muốn lấy hôm nay hay đợi sau này lấy?" Nếu đó là loại tốt. Nếu Thượng-tọa nói: "Lấy hôm nay" thì liền trao cho. Nếu nói: "Sau này sẽ lấy", thì đợi về sau sẽ đưa. Nếu có Tỳ-kheo khách tới, nên hỏi: "Thầy định an cư mùa hạ tại đâu?" Nếu nói: "An cư tại đây" thì nên đưa cho. Nếu nói: "Tôi muốn an cư chỗ khác, nhưng muốn nhận áo mưa ở đây" thì cũng nên đưa, nhưng dặn: "Thầy không nên nhận áo mưa ở chỗ khác nữa." Nếu nói: "Tôi không lấy ở đây, đợi khi an cư chỗ nào, tôi sẽ lấy ở đó" thì cứ tùy ý.

Nếu được nhiều áo mưa thì mỗi Tỳ-kheo nên cho một trong hai sa-di một cái. Nếu ít, cho không đủ, thì khi an cư xong, chia y nên chia đều áo mưa, áo này không được dùng mặc thường như ba y, cũng không được tác tịnh thí, không được mặc áo mưa xuống tắm dưới sông, dưới ao, không được mặc khi mưa lâm râm. Khi tắm không được khỏa thân mà nên mặc đồ lót. Nếu dư y cũ thì không được thường mặc áo mưa làm các công việc, mà phải đợi khi mưa lớn, mặc tắm. Khi mặc tắm bỗng dưng trời ngừng mưa, mà còn bẩn, thì được mặc tìm chỗ nước khác tắm, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi ăn, hoặc khi có bệnh muốn dùng dầu thoa mình mà gặp chỗ nhiều người qua lại, thì có thể hai người chụm đầu lại che khuất để thoa.

Cái y tắm mưa này được dùng tắm vào khoảng nửa tháng 4 cho đến 15 tháng 8 (**320b**) thì nên xả. Khi làm phép xả, một Tỳ-kheo xướng giữa chúng Tăng như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay Tăng xả áo tắm mưa."

Nói như thế ba lần. Nếu để đến ngày 16 mới xả thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi xả rồi, được dùng nó để may 3 y, được tác tịnh với Tỳ-

kheo quen biết, cũng được mặc vào trong các chỗ có nước khác tắm, đều không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 25 của Ni-tát-kỳ)

*

26. XIN CHỈ SỢI VỀ DỆT VẢI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ Tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cầm bắp chỉ sợi đi đến nhà Cư sĩ, nói với Ưu-bà-di: "Bố thí vải sợi cho tôi."

Những bà vợ của các Cư sĩ suy nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này muốn mua vải sợi", nên mỗi người đều mang vải sợi đến.

Tỳ-kheo thấy vậy, bèn lấy so sánh với cuộn vải sợi của mình rồi nói: "Chính tôi muốn tìm loại vải sợi này đây, bây giờ đem so sánh thì giống y hệt." Nếu thấy cái nào đẹp, thì lại nói: "Tôi muốn tìm loại này, nhưng so sánh thì ở đây đẹp hơn." Nếu thấy loại thô, thì liền nói: "Chỉ sợi này tuy thô, nhưng có thể làm thành đẹp." Thế nhưng, những người gánh gồng vải sợi đến đều chẳng được tích sự gì.

Lúc bấy giờ, cách Tinh xá Kỳ-hoàn không xa có một xóm nghèo, nơi đây có lập ra một cửa hàng dệt, các Tôn-giả kia định độ thợ dệt này xuất gia, để sai dệt y (cho mình). Tôn-giả A-nan khi đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khất thực, đến trước cửa nhà ấy, trông thấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cùng cầm cuộn chỉ sợi căng ra. Thấy thế, rồi cùng nhau chào hỏi. Đoạn A-nan hỏi hai vị kia: "Các trưởng lão đang làm gì đấy?"

Họ đáp: "Chúng tôi định dệt vải".

Thế rồi, họ suy nghĩ: "Hôm nay Ta được thấy thị giả A-nan (tức A-nan là thị giả của Phật), thế nào Thầy ấy cũng sẽ nói với Thế

Tôn tạo ra phương tiện (có giải pháp linh động)." Nghĩ thế rồi, ông bèn cầm cuộn chỉ cúng dường tôn-giả A-nan, nói: "Nên cầm cái này về để vá y." Nhưng A-nan không lấy.

Sau khi khất thực trở về, ăn xong, A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-ba-nan-đà về vấn đề trên, cho đến: "A-nan không nhận chỉ sợi của ông có thật thế chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo tự đi xin chỉ sợi rồi sai thợ dệt dệt vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tự xin: Khuyến hóa xin, hoặc được một cuộn, hai cuộn chỉ sợi.

Vải sợi: Có 7 loại (**320c**) vải sợi.

Thợ dệt: Như thợ dệt Kim-tì-đề-trú-cu-lợi.

Nếu dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vải sợi thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nhận được (vải sợi) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Theo phong tục của nước Ca-thi, cứ sau khi an cư xong, đàn việt cúng chỉ sợi và tiền dệt cho các Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nào muốn dệt thành vải thì đem đến bảo thợ dệt như sau: "Tôi đưa ông cuộn chỉ này, ông dệt thành vải cho tôi." Nếu như thợ dệt nói: "Tôi không hiểu ý Thầy", thì nên hỏi: "Nhà ông làm nghề gì?" Đáp: "Dệt vải." Lại nói: "Ông hãy dệt cái này thành vải cho tôi." Nếu thợ dệt cũng không hiểu lời nói ấy, thì nên đem cuộn chỉ ấy giao cho tịnh nhân nhờ họ thuê dệt giúp, nhất thiết không được dùng những lời nói thuê mướn. Nếu có Tỳ-kheo biết dệt đai buộc lưng, Ta muốn nhờ Thầy ấy dệt thì nên cầm chỉ đến đưa và nói: "Trưởng lão, hãy làm giùm thành đai lưng cho tôi." Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 26 của Ni-tát-kỳ)

*

27. QUỴT TIỀN CÔNG CỦA THỢ DỆT

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn trong thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-xá-khư lộc mẫu cứ mỗi ngày mời chúng Tăng về nhà thọ trai. Bấy giờ, có Tỳ-kheo tới phiên mình đến nhà ấy thọ trai, trông thấy Tỳ-xá-khư lộc mẫu cầm cuộn chỉ đưa thợ dệt, nói: "Ông dệt thành vải giúp tôi. Tôi muốn cúng dường Tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Những vị này khó tính, ông gắng dệt cho thật đẹp."

Tỳ-kheo ấy thọ trai xong, trở về Tinh xá, nói với Nan-đà: "Trưởng lão, tôi muốn báo cho Thầy một tin vui."

Có việc gì vui thế?

Tôi nghe Tỳ-xá-khư lộc mẫu định cúng dường y cho Thầy.

Y đó không phải cúng dường cho tôi. Vì sao? Vì Ưu-bà-di này sắp cúng dường cho các bậc hiền thánh.

Không phải vậy, chính mắt tôi trông thấy Tỳ-xá-khư lộc mẫu cầm cuộn chỉ sợi đưa thợ dệt, nói: "Tôi đưa ông cuộn chỉ sợi này, ông hãy dệt thành vải cho đẹp giúp tôi. Tôi muốn cúng dường cho Nan-đà, vì Thầy ấy khó tính."

Thầy có biết nhà thợ dệt ở đâu không?

Tôi Biết.

Nhà ấy ở vùng nào? Tại hẻm nào? Cửa hướng về phương nào? Chỉ cho tôi rõ các tiêu tướng (dấu hiệu).

Khi đã hỏi kỹ, biết rõ chỗ rồi, sáng hôm sau Nan-đà khoác y, đi đến nhà ấy, trông thấy thợ dệt đang căng đường kinh (đường chỉ dọc) để dệt liền hỏi:

Lão trượng, căng đường kinh dệt vải cho ai vậy?

Tôi sắp dệt vải cho Lộc mẫu Tỳ-xá-khư.

Ông có biết Tỳ-xá-khư thuê dệt cho ai không?

Tôi biết. Bà thuê dệt cho Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Ông biết Nan-đà không?

Tôi không biết.

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà chính là chúng tôi đấy. Ông hãy dệt cho đẹp, dài, rộng, mịn, dày.

(**321a**) Số lượng sợi có giới hạn nhất định, tôi có thể dệt không có đường vĩ (đường chỉ ngang) được sao?

Ông cứ theo lời tôi dệt cho đẹp, nhà ấy giàu có, sẽ tự đưa thêm vải sợi cho ông.

Nhà ấy đưa thêm cho tôi vải sợi, thế còn tiền dệt thì ai đưa cho tôi?

Ông cứ dệt cho đẹp, còn tiền dệt tôi sẽ đưa cho ông.

Nếu Tôn-giả trả tiền dệt cho tôi, bà ấy đưa thêm vải sợi, thì tôi sẽ dệt như lời dặn.

Thế rồi, thợ dệt cứ theo lời dặn, dệt thật đẹp, khi sợi hết thì đến đòi, làm như vậy đến ba lần. Tỳ-xá-khư lộc mẫu suy nghĩ: "Người này chỉ đến đòi vải sợi, không đòi tiền dệt, vì sao Ta không đưa cho đủ vải sợi? "

Khi dệt xong tấm vải rộng, dài, dày, đẹp, ông bèn đem đến đưa Lộc mẫu. Lộc mẫu nhận rồi, thầm nhủ: Tấm vải này rất đẹp, không nên cúng cho Thầy ấy (Nan-đà), vì đây là vật cúng dường có giá trị. Thế nhưng, trước đã hứa cúng cho Thầy rồi. Nghĩ vậy, bà bèn đưa cho Nan-đà.

Khi tấm vải chưa thành, ngày nào Nan-đà cũng đến nhà thợ dệt, nhưng lúc được vải rồi thì Thầy rời xa nhà ấy, đi vào con hẻm khác, ví như con quạ già lánh xa chỗ có tên bắn. Thợ dệt do nhiều công việc, không thể đến đòi tiền dệt. Về sau, nhân có đại hội thợ dệt, ông bèn đến thành xá-vệ. Lúc ấy thợ dệt suy nghĩ: "Mọi người chưa tập họp, giờ đây Ta hãy đến Tinh xá Kỳ-hoàn đòi tiền dệt." Nghĩ thế, ông bèn đến đó, hỏi các Tỳ-kheo: "Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở tại chỗ nào?"

Các Tỳ-kheo nói: "Trong phòng này đây."

Ông liền vào phòng, thấy Nan-đà rồi, bèn đảnh lễ vấn an, giả vờ không biết, như chưa từng gặp nhau, bèn hỏi: "Tôn-giả nhận được vải chưa? "

Nan-đà hỏi ngược lại: "Vải nào?"

Tôi dệt cho Lộc mẫu đấy.

Được rồi.

Tấm vải có vừa ý Tôn-giả không?

Cũng tạm được.

Thưa Thầy, Thầy hãy trả tiền dệt cho tôi.

Trả tiền dệt gì?

(cho đến) Ưu-bà-di đưa đủ vải sợi, và Thầy hứa trả tiền dệt cho tôi.

Nan-đà bèn nổi giận nói: "Ngươi có biết Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không? Ta muốn móc lấy tròng mắt của ngươi. Bỗng dưng hư không mà bốc khói. Ngươi hy vọng nhận được tiền dệt của Ta chẳng khác gì muốn lột lấy 2 miếng vải che của ngoại đạo lõa thể, hoặc mong lóc lấy 500 cân thịt từ chân của con quạ già đã chết, hoặc đem bỏ một nắm cám dưới đáy sông Hằng rồi mong nhặt lại được tất cả." Đoạn, bảo đệ tử: "Ngươi lấy Tăng-già-lê đưa Ta, Ta sẽ mặc đi tới nhà vua gọi lính đến bắt trói tên này nạp cho quan."

(**321b**) Thợ dệt suy nghĩ: "Kẻ sa-môn này có thế lực lớn, lại hay ra vào cung vua, y có thể gây ra sự bất lợi lớn cho Ta. Ta lấy số tiền dệt kia để làm gì! Miễn giữ được mạng sống là tốt." Nghĩ thế rồi, ông ta bỏ đi, ra khỏi cửa bèn chạy một mạch đến giữa hội chúng các thợ dệt. Mọi người liền trách y: "Bọn chúng tôi ai cũng bỏ cả việc nhà, đến đây để cùng lo liệu việc quan. Nay ngươi vì sao lại bỏ mọi người, đi đâu?"

Anh ta liền đáp: "Các vị hãy nghe tôi đã: Lộc mẫu đưa sợi cho tôi dệt, khi vải dệt chưa xong, ngày nào Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cũng ghé đến. Nhưng khi nhận được vải rồi thì cũng giống như con quạ già lánh xa chỗ bị tên bắn... chung cục, tôi suy nghĩ: "Miễn giữ được mạng sống", (nói rộng việc trên) cho nên tôi mới đến trễ như vậy."

Mọi người liền nổi giận, nói: "Tên Tỳ-kheo này khinh thường chúng ta quá lắm, đã không trả tiền may mà trái lại còn muốn dựa thế lực của Vua định bắt trói người. Ngày nay, chúng ta hãy lập ra giao ước. Sau này không ai dệt vải cho sa-môn nữa." Có người nói: "Chúng ta nên giao ước với nhau ở chỗ kín, đừng cho ai biết. Tôi biết kích thước y của sa-môn, dài 5 khuỷu tay, rộng 3 khuỷu tay, hoặc dài 5 khuỷu tay, rộng 2 khuỷu tay. Nếu gặp kích thước y

chừng ấy thì chúng ta không nên dệt. Vị sa-môn này có thế lực, y có thể nhờ nhà vua dùng quyền lực sai khiến người ta, thậm chí có thể gây nên sự bất lợi cho người, vậy chớ cho ai biết."

Đến ngày Tự-tứ, đàn việt gánh bắp chỉ đến nhà thợ dệt thuê thợ dệt dệt vải, thợ dệt hỏi: "Ông định dệt áo kích thước cỡ nào?"

Chủ nhân đáp: "Chiều dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, hoặc dài năm khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay."

Thợ dệt suy nghĩ: "Đó là kích thước y của sa-môn", liền đáp: "Tôi đã dệt cho người ta, không thể dệt thêm được." Thế rồi, người ấy đi hỏi khắp nơi, đều không ai chịu dệt.

Bấy giờ, các nhà hào phú bèn đem vải đã dệt rồi cúng dường cho chúng Tăng. Còn các nhà nghèo vì không có vải dệt sẵn nên không lấy gì cúng dường cho Tăng. Khi ấy, chư Tăng nhận vải cúng dường ít, Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: "Vì sao chúng Tăng nhận ít vải cúng dường như vậy?"

A-nan liền đem sự việc trên, cho đến thợ dệt sinh tâm không hoan hỉ, cùng giao ước với nhau, bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao?"

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> **(321c)** ***Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ bảo thợ dệt dệt vải cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này không được yêu cầu trước mà tự động đến thợ dệt khuyên: Ông có biết không, vải ấy là dệt cho tôi đấy. Ông phải dệt cho đẹp, dài và rộng, rồi tôi sẽ trả tiền cho ông, thì dù***

số tiền chỉ đáng giá một bữa ăn, Tỳ-kheo này đã giao ước trả tiền như vậy, khi nhận được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Cư sĩ: Người chủ nhà.

Người vợ: Người vợ của chủ nhà.

Tỳ-kheo: Hoặc Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.

Thợ dệt: Như trên đã nói.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Không được yêu cầu trước: Vốn không yêu cầu mà tưởng có yêu cầu, hoặc yêu cầu người khác mà tưởng yêu cầu mình, hoặc yêu cầu về việc khác mà tưởng yêu cầu về việc dệt vải.

Tự động đến: Tức đi tới ruộng hoặc tới nhà họ.

Khuyên: Bảo họ dệt dày, mịn, hoặc dài, rộng.

Tiền: Các loại tiền tệ.

Giá tiền: Những vật khác (được trị giá thành tiền)

Thức ăn: Như gạo lứt, gạo nếp, cá, thịt.

Trị giá: Như tiền, vật v.v., nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với thợ dệt: "Ông dệt cho tôi thật đẹp, thật chắc, thật dày..." Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi thợ dệt bắt tay vào dệt chừng vài nhịp thì phạm Ba-dạ-đề. Khi họ dệt xong, nhận được vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho thợ dệt nghe, rồi thợ dệt dừng tay đứng lắng nghe, Tỳ-kheo nói: "Chỉ nên nghe bằng tai, không nên

nghe bằng tay, tay vẫn cứ làm." Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe ai đó định dệt vải cho mình, rồi đến đó khuyên thợ dệt mà không hứa trả giá, thì khi được vải phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nghe rồi đến khuyên và hứa trả giá, thì khi nhận được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu không nghe mà đến khuyên rồi tự động đưa (tiền), thì khi được vải, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nghe, không đến khuyên, cũng không đưa tiền dệt, thì khi được vải không có tội.

Nếu có quả phụ cúng dường vải cho chúng Tăng, rồi Tỳ-kheo theo thứ tự nhận được vải ấy giữa chúng Tăng, khi ấy người đàn bà đó nói với Tỳ-kheo: "Nhà tôi không có người. Tôn-giả có thể đến chỗ thợ may nhờ họ may giúp vải này. Nếu Tôn-giả tự đến thợ may lo liệu thì có thể vừa nhanh mà vừa đẹp."

Khi đó, Tỳ-kheo được quyền đi tới chỗ thợ may, nói như sau: "Lão trượng, ông biết may nhanh, biết may dày...." Nói như thế, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 27 của Ni-tát-kỳ)

*

28. CẤT Y CÚNG GẤP QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại một làng nọ. Lúc mới bắt đầu an cư, vào một buổi mai, họ khoác y, cầm giấy bút vào một xóm làng, nói với các Ưu-bà-tắc: "Các ông hãy họp nhau làm việc nghĩa, cúng vải (**322a**) an cư cho chúng tôi."

Các Ưu-bà-tắc nói: "Lúc này không phải là lúc xin vải an cư, đợi đến mùa thu lúa chín, khi ấy phần lớn người ta đều hoan hỉ, họ sẽ cúng dường vải."

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Các ông không biết rằng ở đời có nhiều tai nạn, như nạn vua, nạn nước, lửa, trộm cướp, hoặc cha mẹ các ông ngăn cản không bố thí được, thế là các ông không thành tựu công đức, còn chúng tôi thì thất lợi hay sao?"

Ưu-bà-tắc nói: "Tôn-giả chỉ chỉ cho tôi các tai nạn mà tự mình không thấy các tai nạn, Tôn-giả tính nhận được tiền an cư rồi thì bãi đạo (hoàn tục) hoặc muốn đi nơi khác sao? Sao lại đa dục tham lam, như thế thì nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật lúc bắt đầu an cư, các ông đến nhà Ưu-bà-tắc xin vải an cư, khiến cho các Ưu-bà-tắc trách móc chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. An cư chưa xong mà đã xin vải trước. Từ nay trở đi, các Tỳ-kheo không được xin vải trước khi an cư xong."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ vị đại thần của vua Ba-tư-nặc là Di-ni-sát-lợi làm phản, Vua sai vị đại thần tên Tiên nhân Đạt-đa tới đó đánh dẹp. Vị đại thần này lúc sắp lên đường, bèn đi đến chỗ tôn-giả A-nan bạch rằng: "Thưa Tôn-giả, vị đại thần của Vua Ba-tư-nặc làm phản, nay nhà vua sai tôi đến đó đánh dẹp, tôi sắp đối đầu với cường địch, thân mạng khó bảo toàn. Hằng năm cứ khi an cư xong, tôi thường cúng dường trai Tăng và dâng y. Nay tôi vì lệnh Vua sai khiến không thể chờ đợi được, nên tôi định dâng y trước, đến khi an ổn trở về, sẽ cúng dường trai phạn sau."

Tôn-giả A-nan bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: "Ông an cư còn mấy ngày nữa?"

Thầy đáp: "Còn mười ngày."

Phật dạy: "Từ nay Ta cho phép trước Tự tứ mười ngày, các Tỳ-kheo được nhận y dâng cấp thời."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

> ***Nếu còn mười ngày nữa mới mãn 3 tháng hạ mà gặp dịp dâng y cấp thời, Tỳ-kheo nào cần, được phép tự tay nhận lấy, rồi được cất giữ đến lúc thời y (thời gian được phép tìm y), nếu cất quá thời hạn, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề."***

*

❖ Giải thích

Mười ngày: Từ mồng 6 tháng 7 đến 15 tháng 7, đó là mười ngày.

Được y dâng cấp thời: Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia, hoặc quân lính lúc sắp ra trận dâng, (**322b**) hoặc lúc trở về dâng, hoặc lúc chết dâng, hoặc khi thiếu nữ về nhà chồng dâng, hoặc người đi buôn lúc lên đường dâng, khi ấy thí chủ nói với Tỳ-kheo: "Nếu hôm nay không lấy thì ngày mai sẽ không có." Đó gọi là y dâng cấp thời.

Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói.

Muốn lấy: Nếu cần vật ấy thì lấy cất đến thời của y.

Thời gian của y: Nếu không thọ y Ca-hi-na thì được cất đến 15 tháng 8, nếu có thọ y Ca-hi-na thì được cất đến 15 tháng chạp. Nếu cất quá thời gian ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính sau đây thì Tăng nên cử làm người chia y: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ hãi, không mê muội và biết ai nhận rồi, ai chưa nhận. Đó gọi là năm đức tính.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y." Đây là lời tác bạch.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y. Các Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y cho chúng Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y xong, vì Tăng đã im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành."

Người được Tăng cử nên bạch Tăng như sau:

"Các Đại đức, vải có loại 4 ngón tay, có loại 8 ngón không bằng nhau, nếu cùng thông cảm tôi sẽ chia."

Nếu không bạch mà chia thì phạm tội Việt-tỳ-ni, phải bạch như trên rồi mới chia. Vị Tỳ-kheo này từ 16 tháng 3 nên bảo các đàn việt cầm giấy bút đi ghi chép các phòng xá, giảng đường, phòng sưởi ấm, nhà thiền, cửa ngõ, nhà bếp, nhà chứa nước, nhà tiêu, nhà chứa củi, phòng tắm, chỗ ngồi dưới gốc cây, chỗ kinh hành, phải ghi tên tất cả, rồi xướng giữa Tăng:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tại trú xứ kia có chừng ấy mền gối, có chừng ấy y an cư, chừng ấy thực phẩm, chừng ấy ngày ăn chay, chừng ấy vật được chú nguyện. Tại trú xứ nọ có chừng ấy chỗ A-luyện-nhã."

Nếu các Tinh xá ở bên trái, bên phải xa nhau thì nên chia phòng xá vào ngày 12, 13. Nếu tại trú xứ ấy không dung nạp hết thì phải đi đến nơi khác. Nếu trong phạm vi thôn xóm gần đó có Tinh xá thì nên chia vào ngày 14, 15. Khi chia, phải ghi rõ phòng ốc, mền gối này đưa cho Thượng toạ, và phải bạch Tăng: "Trụ xứ kia có chừng ấy phòng xá, mền gối, xin Thượng toạ tùy ý nhận." Khi nhận xong, phải tuần tự giao cho đệ nhị, (**322c**) đệ tam Thượng

toạ, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Thượng toạ nên nói rằng: "Phòng xá thì chia theo thứ lớp, còn vật cúng dường thì nên chia bình đẳng." Bấy giờ, nên tùy Thượng toạ xử trí. Khi Thượng toạ nhận rồi nên tuần tự trao cho đệ nhị, đệ Tam Thượng toạ, cũng như thế, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Nếu phòng nhiều, nên chia một người hai phòng. Khi giao cho hai phòng mà không chịu nhận thì nên nói: "Đây là vì để trông coi mà chia, chứ không phải chia để ở." Không được chia cho sa-di hai phòng. Nếu phòng xá ít, thì nên chia hai người một phòng. Nếu chia như vậy mà vẫn không đủ, thì ba người một phòng, hoặc bốn người, năm người, cho đến mười người cùng ở chung một phòng.

Nếu có nhà lớn, hoặc phòng sưởi, hoặc phòng ngồi thiền, hoặc giảng đường thì tất cả cùng ở trong đó. Nếu không đầy đủ, thì đưa cho Thượng toạ giường nằm, cho người trẻ giường ngồi. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng toạ giường ngồi, người trẻ giường đặt dưới đất. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng toạ nệm cỏ, người trẻ ngồi không nệm. Nếu cũng không đủ, thì các Thượng toạ nên ngồi, những người trẻ nên đứng. Nếu cũng không đủ, thì Thượng toạ nên đứng, người trẻ nên ra khỏi phòng, tới dưới gốc cây hoặc những nơi khác.

Thầy Tỳ-kheo được Tăng sai, từ ngày 16 tháng 6 trở đi, nên nói với các đàn việt: "Lão trượng, phải lo chuẩn bị y." Khi ấy, nếu đàn việt đưa y, thì nên bảo: "Hãy để ở nhà ông, đợi đúng lúc rồi đưa." Nếu quân lính sắp đi chinh chiến cúng dường, hoặc chinh chiến trở về cúng dường, hoặc người trước khi chết cúng dường, hoặc khách buôn lúc ra đi cúng dường, hoặc lúc thiếu nữ lấy chồng cúng dường, nếu như lúc ấy không lấy thì ngày mai không có thì khi ấy nên nhận lấy.

Từ mồng 5 tháng 7 trở đi, nếu có ai đưa y đến thì lấy cất một chỗ, rồi dùng lá cây hoặc vỏ cây ghi chép vào: Chừng ấy thời y, chừng ấy phi thời y, chừng ấy y dâng cấp thời. Loại y đúng thời, thì để

đúng thời chia; loại y phi thời thì chia lúc phi thời; loại y dâng cấp thời thì chia đúng thời.

Nếu người chia y hoặc bãi đạo, hoặc chết không thể chia y được, hoặc thời hạn đã hết thì nên đổi y cho nhau: Y Tỳ-kheo-ni nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho Tỳ-kheo-ni. Nếu làm như vậy mà không được thì y sa-di nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho sa-di. Nếu cũng không được thì nên bạch giữa chúng Tăng như vầy: "Bạch chư Đại đức, thời gian của y đã qua, chúng Tăng hòa hợp, dùng các y đó làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương." Nếu bằng lòng thì nên làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương, Nếu có người nói: "Tôi an cư mùa hạ tại đây, được phần y này, vì sao lại dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương?", thì nên nói với người ấy rằng: "Đợi sang năm vào thời gian của y, sẽ đưa cho thầy." Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 28 của Ni-tát-kỳ)

*

29. RỜI Y QUÁ THỜI HẠN

(**323a**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ vào mùa hạ an cư, các Tỳ-kheo sống tại A-lan-nhã, đến giờ khất thực, bèn khoác y đi vào thôn xóm khất thực. Sau đó, các mục đồng chăn bò, chăn dê, hoặc những người đi lấy củi bèn cầm chìa khóa tới mở cửa phòng các Tỳ-kheo lấy trộm y vật. Khi ấy các Tỳ-kheo vì sợ lấy trộm, nên cầm hết y vật vào xóm làng. Phật biết mà vẫn hỏi: "Đó là những Tỳ-kheo nào mà chuyển vận đồ đạc đến đây vậy?"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là các Tỳ-kheo an cư tại A-lan-nhã, sau khi đi khất thực, có người cầm chìa khóa đến mở cửa phòng lấy trộm hết các y vật, cho nên mới mang lổn ngổn tới đây."

Phật nói: "Từ nay về sau, vào những lúc đáng lo ngại, Ta cho phép được đem một trong 3 y gởi trong xóm làng."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành xá-vệ, lúc ấy tại nước Sa Kỳ, ngay trong mùa hạ an cư, có sự tranh cãi xảy ra trong Tăng chúng, Phật bèn sai Ưu-ba-ly đến nước Sa Kỳ như pháp dập tắt sự tranh chấp đang xảy ra giữa chúng Tăng. Nhưng trưởng lão Ưu-ba-ly không đi. Phật hỏi Ưu-ba-ly: "Vì sao ông không đi?"

Bạch Thế Tôn! Y Tăng-già-lê của con nặng nề, nếu gặp mưa nữa thì không thể mang nổi, mà nay đã nửa mùa an cư, nếu để y lại, thì phạm Ni-tát-kỳ.

Ông đi về mất hết mấy ngày?

Bạch Thế Tôn! Đi 2 ngày, ở lại 2 ngày, trở về 2 ngày, tổng cộng mất hết 6 hôm kể cả đi về.

Từ nay về sau các Tỳ-kheo được để y lại trong vòng 6 hôm.

Ưu-ba-ly đến đó rồi, thấy sự đấu tranh khó mà giải quyết nhanh được, bèn trở về, đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Ưu-ba-ly, vì sao ông đi về nhanh vậy? Sự đấu tranh đã dập tắt xong chưa?"

Dạ chưa dập tắt, bạch Thế Tôn.

Vì sao vậy?

Sự tranh chấp khó dập tắt, không thể giải quyết nhanh được, lại sợ quá ngày, mất y (y phạm quy định), phạm Ni-tát-kỳ, cho nên con phải trở về.

Từ nay Ta cho phép được sống cách ly với y trong một tháng, nhưng Tăng phải làm Yết-ma cho phép được sống cách ly với y một tháng mà không vi phạm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly nay đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp. Nếu thời gian thích hợp đối với

*Tăng, nay Tăng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép yết-ma một tháng không mất y thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà (**323b**) thi hành.*"

Thế rồi, đương sự phải đến trước Tăng xin, nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, mong Đại đức Tăng cho tôi pháp yết-ma một tháng không mất y."

Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi người làm yết-ma nên nói:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp yết-ma một tháng không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa-kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất, (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Ưu-ba-ly một tháng không mất y xong. Vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Sau đó Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã cho Ưu-ba-ly pháp yết-ma một tháng không mất y chưa?"

Đáp: "Đã cho."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi ba tháng hạ chưa xong, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã, nếu có sự kiện đáng lo sợ, nghi ngờ, thì có thể gởi một trong ba y tại nhà dân. Tỳ-kheo có duyên sự được cách ly với y trong sáu hôm, nếu quá sáu hôm, trừ Tăng yết-ma cho phép, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ba tháng an cư: Từ 16 tháng Tư đến 15 tháng 7.

Chưa xong: Chưa hết tháng cuối mùa hạ, nghĩa là Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã chưa đến tháng cuối.

Chỗ A-luyện-nhã: Trong phạm vi đường kính 500 cung không có nhà của mục đồng, đó gọi là chỗ A-luyện-nhã.

Điều đáng lo sợ: Hoặc bị giết, bị cướp đoạt.

Điều nghi ngờ: Tuy không bị giết, bị cướp đoạt, nhưng trong lòng sinh nghi: "Không biết trong chốc lát nữa có kẻ nào đến giết người, lấy y không." Nếu Tỳ-kheo thấy có điều đáng nghi ngờ lo ngại như vậy, đó gọi là nghi ngờ.

Hoặc một trong ba y: Hoặc y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, nhưng không được gởi y Tăng-già-lê và An-đà-hội, mà nên gởi y Uất-đa-la-tăng tại nhà dân trong thôn. Tuy vậy, không được gởi nhà thế tục (không đáng tin) mà nên gởi nhà nào đáng tin, có thể lấy lại được. Nếu gởi gia đình khả nghi mà họ suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo (**323c**) không chắc gì đã trở lại", thì nên đề phòng. Các Tỳ-kheo nếu vì việc tháp, việc Tăng thì được lìa y trong sáu đêm.

Sáu đêm: Thời hạn trong 6 hôm.

Trừ Tăng yết-ma (cho phép): Thế Tôn dạy (nếu Tăng yết-ma thì) không có tội. Nhưng nếu Tăng yết-ma không thành tựu, thì không

thể gọi là yết-ma. Yết-ma không thành tựu nghĩa là: Chúng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu bạch thành tựu, yết-ma thành tựu, chúng Tăng thành tựu thì gọi là Tăng làm yết-ma.

Nếu đã thọ yết-ma giữa Tăng xong thì không nên ở lại đợi cúng dường, mà nên đi liền. Nếu trước bữa ăn làm yết-ma thì sau bữa ăn nên đi. Nếu sau bữa ăn làm yết-ma thì sáng sớm hôm sau nên đi. Lúc đi, không nên đi đường quanh ghé nhà đàn việt, mà nên đi đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn như tai nạn sư tử, tai nạn hổ lang, tai nạn trùng độc, tai nạn mất mạng, thì khi ấy đi bằng đường quanh không có tội.

Khi đến đó rồi không được diên trì đợi khách Tỳ-kheo cúng dường ẩm thực. Nếu đến trước bữa ăn, thì sau khi ăn xong, tập họp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu đến sau bữa ăn, thì sáng sớm hôm sau liền tập họp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu sau bữa ăn giải quyết xong việc, thì sáng sớm hôm sau trở về. Nếu giải quyết xong công việc trước bữa ăn, thì sau bữa ăn trở về, không được ở lại đợi khách Tỳ-kheo cúng dường. Khi trở về không nên đi đường quanh mà phải trở về bằng đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn, thì như trên đã nói.

Lúc mới đến đó không được tụng kinh, đun bát, nhuộm y. Nếu giải quyết công việc xong mà còn thì giờ thì được tụng kinh, làm các việc khác. Nếu sự việc khó giải quyết, thì trong thời gian lưu lại được tụng kinh, đun bát và nhận sự cúng dường ẩm thực của Tỳ-kheo khách, như vậy không có tội.

Khi dập tắt sự tranh chấp không được dùng ý riêng mình áp đặt người ta mà phải ra giữa chúng sai người có khả năng, có uy đức thế tục (giúp giải quyết).

Nếu ở A-luyện-nhã thì được gởi y trong nhà dân sáu hôm. Nếu quá sáu hôm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vị Tỳ-kheo này muốn

xả y thì nên thỉnh vị trì luật, như giới thứ nhất ở trên đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 29 của Ni-tát-kỳ)

*

30. BIỂN THỦ TÀI SẢN CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, có một phụ nữ nói với Thầy:

Thưa Tôn-giả, ngày ấy..., con sẽ cúng dường chư Tăng và dâng y.

Tỳ-kheo nói: "Lành thay, này chị em! Dùng ba pháp không kiên cố là thân, mệnh và tài sản để đổi lấy ba pháp kiên cố, vậy hãy thực hiện nhanh. Vì tài vật vô thường, có nhiều tai nạn."

Nói thế rồi, Thầy liền trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo: "Tôi muốn báo cho các vị một tin vui."

Các Tỳ-kheo hỏi: "(**324a**) Có tin vui gì thế?"

Thầy đáp: "Tôi nghe Ưu-bà-di mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng."

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế rồi, liền hỏi: "Thầy vừa nói gì đó?"

Tôi nghe Ưu-bà-di mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng.

Thầy có biết nhà ấy ở nơi nào không? Nằm vào đường nào? Cửa hướng về phương nào?

Hỏi cặn kẽ rồi, sáng sớm hôm sau, họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, hỏi: "Bà chủ có được yên ổn không?"

Bà đáp: "Yên ổn."

Tôi nghe bà định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng có thật thế không?

Thưa Tôn-giả, tôi có ý định ấy, nhưng e trong lúc chuẩn bị gặp nhiều sự khó khăn, không biết có thành tựu không.

Như tôi đây là người xuất gia trước, làm Tỳ-kheo đã lâu năm, nếu bà dâng y, tôi sẽ mặc đi tới các nhà hoàng tộc, hoặc đảnh lễ Thế Tôn. Nếu các nhà hào quý, hoặc ai đó hỏi tôi: "Ông được y đó ở đâu vậy?" Tôi sẽ đáp: "Do Ưu-bà-di mỗ giáp có tín tâm cúng dường", như vậy bà sẽ được tiếng tốt, mọi người đều biết đến bà.

Gia đình con lại không có vật nào nữa, vì con đã định cúng dường chư Tăng, nếu cúng riêng cho Thầy thì con sẽ phạm lỗi thất hứa cúng cho Tăng. Nếu con có (y khác), con sẽ cúng riêng cho Thầy, vì cúng cho Thầy cũng như cúng cho chư Tăng.

Cúng hay không cúng tùy ý bà!

Nói thế rồi, Thầy liền ra đi. Khi Thầy đi rồi, Ưu-bà-di suy nghĩ: "Nếu Ta cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà không cúng dường cho chư Tăng, vốn là ruộng phước tốt (thì không ổn), nhưng nếu Ta không cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy vốn có nhiều thế lực với vương gia thì ông ấy có thể gây cho Ta sự bất lợi." Nghĩ như vậy nên bà không cúng dường cho Tăng, và vì giận Tỳ-kheo ấy nên cũng không cúng dường cho Thầy.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi rõ các việc trên: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu, có 2 điều không ổn: Một là khiến cho người bố thí mất phước; Hai là người nhận mất y."

Rồi Phật nói với Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Các ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được."

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tự xoay về cho mình, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác.

(**324b**) **Vật:** Gồm có tám loại: (1) Thức ăn dùng đúng giờ: (2) Thức uống dùng buổi tối; (3) Thuốc dùng trong bảy ngày; (4) Thuốc dùng suốt đời; (5) Vật vặt vãnh; (6) Vật có giá trị; (7) Vật không hợp pháp; (8) Vật vừa hợp pháp vừa không hợp pháp.

Vật định cúng Tăng: Ý thí chủ định chọn những vật đó để cúng cho Tăng.

Tăng: Gồm tám thành phần: (1) Tỳ-kheo-Tăng; (2) Tỳ-kheo-ni Tăng; (3) Khách Tăng; (4) Tăng ra đi; (5) Tăng cựu trú; (6) Tăng an cư; (7) Tăng hòa hợp; (8) Tăng không hòa hợp.

Tự xoay về cho mình: Tự thu vào, tự cất chứa, tự sử dụng. Nếu như vậy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vật này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người định cúng dường, đến hỏi Tỳ-kheo:

Thưa Tôn-giả, tôi định cúng dường mà không biết nên cúng dường nơi nào?

Tỳ-kheo nên đáp:

Tùy ý bà kính trọng nơi nào thì cúng dường nơi đó.

Nơi nào được quả báo nhiều?

Cúng dường Tăng được quả báo nhiều.

Chư Tăng nào giữ giới thanh tịnh, có nhiều công đức?

Tăng không phạm giới không mất thanh tịnh.

Nếu có người đem phẩm vật đến cúng dường, Tỳ-kheo nên bảo: "Cúng cho Tăng được quả báo lớn." Nếu họ nói: "Con đã từng cúng cho Tăng rồi, nay con muốn cúng cho Tôn-giả", thì Tỳ-kheo nhận, không có tội.

Nếu thí chủ hỏi Tỳ-kheo: "Con nên cúng dường vật này cho người nào để vật cúng này của con được sử dụng luôn?"

Khi ấy, Tỳ-kheo nên nói: "Tỳ-kheo mỗ giáp là người tụng kinh, giữ giới, tọa thiền, nếu cúng cho Thầy ấy thì sẽ được sử dụng thường xuyên."

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu xoay về cho người khác thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu biết vật đó họ định cúng chúng Tăng này mà khiến họ cúng chúng Tăng khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết họ cúng cho nhóm người này mà khiến họ cúng nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết vật đó cúng cho súc sinh này mà xoay xở hướng về súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cái vật mà Tỳ-kheo đã xoay về cho mình (đã nói ở trên), Tăng không được cho ai mà phải sử dụng. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 30 của Ni-tát-kỳ)

*

Hết quyển thứ mười một

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 12

BA-DẠ-ĐỀ

(Ba-dạ-đề hay Đơn-đề, còn gọi giới Phát lộ,
gồm có chín mươi hai giới)

1. CỐ Ý VỌNG NGỮ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ chúng Tăng đang tập họp tại một chỗ định làm yết-ma, nhưng trưởng lão Thi-lợi-da-bà không đến, họ bèn sai sứ giả đi gọi: "Trưởng lão, chúng Tăng đang tập họp, định làm các pháp sự."

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: "Chính là họ đang vì ta mà làm yết-ma đó", liền sinh tâm sợ hãi, nhưng không trốn được đành phải đến.

Khi thầy tới rồi, các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão, thầy phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?"

Đáp: "Phạm."

Các Tỳ-kheo liền sinh tâm hoan hỉ. Nhưng thầy suy nghĩ: "Các vị phạm hạnh ở trước ta nêu sự việc có thể sám hối, chứ không phải việc không thể sám hối", liền bạch với chúng Tăng: "Cho phép tôi ra ngoài một lát."

Các Tỳ-kheo sau đó bàn nhau: "Vị Tỳ-kheo này đa trá, bất định, đi ra ngoài rồi, lát nữa đây sẽ nói dối, vậy nên hỏi lại ba lần để xác định cho chắc."

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: "Vì sao ta vô sự mà lại nhận tội? Các Tỳ-kheo này thường thường hay trị tội ta. Nay ta không nên nhận tội ấy, mà nên nói dối, bất quá chúng Tăng sẽ trị tội nói dối, dù có trị tội vẫn nhẹ."

Các Tỳ-kheo bèn gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi thầy vào rồi, Tăng hỏi: "Có phải thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không?"

Không phạm.

Vừa rồi, vì sao thầy nhận là có phạm?

Vì vừa rồi chúng Tăng muốn nói tôi phạm, nên tôi đáp là có phạm. Giờ đây tôi không nhớ là mình có tội.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên: "Ông có thật như vậy không?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách sự nói dối, khen ngợi nói thật hay sao? Nay vì sao ông biết mà nói dối? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo (325a) biết mà vọng ngữ thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Đã nghĩ biết trước.

Vọng: Sự việc không phải như vậy.

Ngữ: Dùng miệng nói ra.

Ba-dạ-đề: Tên tội được phân biệt chế định.

Lại có các trường hợp: Tám cách nói của hiền Thánh, nói thẳng, vọng ngữ, không vọng ngữ, nghi, không nghi, quyết định, không quyết định, nói một chiều.

Tám cách nói của hiền thánh: Thấy nói là thấy, nghe nói là nghe, dối nói là dối, biết nói là biết, không thấy nói là không thấy, không nghe nói là không nghe, không dối nói là không dối, không biết nói là không biết. Đó gọi là 8 cách nói của hiền thánh. Nói như thế thì không có tội.

Tám cách nói không phải hiền thánh: Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, dối nói không dối, biết nói không biết, không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không dối nói dối, không biết nói biết. Đó gọi là 8 cách nói không phải hiền thánh. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nói thẳng: Thấy nghe hay biết (mà nói) không thấy, không nghe, không hay, không biết. Đó gọi là nói thẳng, phạm tội Ba-dạ-đề.

Vọng: Thấy vọng mà nói là không vọng, nghe vọng mà nói là không vọng, hay vọng mà nói là không vọng, biết vọng mà nói là không vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết vọng (sai lầm) mà nói là không vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ đề.

Không vọng: Thấy nghe hay biết không vọng mà nói là vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết không vọng mà nói là vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nghi: Thấy nghe hay biết nghi nói không nghi; không thấy, không nghe, không hay, không biết nghi nói không nghi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không nghi: Thấy nghe hay biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ. Không thấy không nghe, không hay không biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Quyết định: Thấy nghe hay biết quyết định (một cách chắc chắn) mà nói là không quyết định; không thấy không nghe không hay

không biết quyết định mà nói là không quyết định thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không quyết định: Thấy nghe hay biết không quyết định (không chắc chắn) mà nói là quyết định; không thấy không nghe không hay không biết không quyết định mà nói là quyết định, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nói một chiều: Thấy nghe hay biết mà nói là không thấy không nghe không hay biết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là có mà nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là không mà nói là có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có mà cho là không, rồi nói rằng có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không mà cho là có, rồi nói rằng không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng rằng không, mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

(**325b**) Thật có rồi tưởng là không mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có năm pháp thành tựu biết mà nói dối phạm tội Ba-dạ-đề. Năm pháp đó là gì? Đó là thật có, tưởng là có, rồi đổi ý, tưởng trái lại, nói khác đi, đó là năm việc biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có 4 pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Bốn pháp đó là gì? Đó là tưởng rằng có, mà đổi ý, tưởng trái lại, rồi nói khác đi. Đó gọi là bốn pháp, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có ba pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Ba pháp đó là gì? Đó là đổi ý, tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có hai pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hai pháp đó là gì? Đó là tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có một pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Một pháp đó là gì? Đó là nói khác đi, như vậy là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 1 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

2. GIÈM PHA THÀNH PHẦN NGHỀ NGHIỆP NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo dùng lời lẽ nhã nhặn dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi: "Ông tên là gì? Tộc họ ông là gì? Cha mẹ ông tên gì? Nhà ông trước đây làm nghề gì?"

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi, tính tình chất trực, cứ thực mà đáp: "Nhà tôi như vậy. Tên họ như vậy, nghề nghiệp như vậy."

Nhóm sáu Tỳ-kheo sau đó có việc hiềm khích, liền nói như sau: "Ngươi thuộc dòng giống rất hạ tiện. Ngươi là loại Chiên-đà-la, là kẻ hớt tóc, là thợ dệt, là thợ làm đồ gốm, là thợ làm da."

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nghe những lời nói ấy, rất lấy làm hổ thẹn. Các Tỳ-kheo nghe sự việc ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi: "Có thật các ông dùng những lời nhã nhặn, dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi, rồi sau đó hiềm khích, liền nói v.v..., (cho đến) là thợ gốm, thợ da phải không?"

Họ đáp: "Có thật như vậy."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, vì sao đối với những người phạm hạnh mà lại phân biệt nói về hình tướng chủng loại?" (như trong kinh Nan-đề-bản-sinh đã nói rõ). Cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo: "Loài súc sinh còn ghét sự hủy báng, huống chi là người."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói về hình tướng chủng loại, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hủy báng về chủng loại: Gồm có bảy thứ: (**325c**) Chủng tánh, nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kiết sử.

Chủng tánh: Gồm có ba: Bậc hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Như nói: "Người là hạng người Chiên-đa-la, là thợ hớt tóc, thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da." Nếu nói như vậy làm cho họ xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Cha mẹ ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Như nói: "Các ngươi thuộc chủng tánh trung lưu." Nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Cha mẹ của ngươi thuộc dòng dõi trung lưu", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi thuộc

dòng dõi trung lưu", khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi thuộc dòng dõi trung lưu", khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Như nói với người kia rằng: "Ngươi là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn", khiến cho họ xấu hổ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Cha mẹ của ngươi là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn", nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi thuộc dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn", nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi thuộc dòng dõi sát-lợi, bà-la-môn", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc thượng của chủng tánh.

Nghiệp: Gồm có ba loại: Hạ, trung và thượng.

Hạ nghiệp: Chẳng hạn nói: "Ngươi là tên đồ tể, là kẻ bán heo, là kẻ chài lưới, săn bắn, là kẻ rập chim, là kẻ giăng lưới, là quân giữ thành, là kẻ bán nem", nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng thế. Hoặc nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi là quân đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi là tên đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hạ nghiệp.

Trung nghiệp: Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ bán hương, là kẻ ngồi quán xá, là kẻ làm ruộng, là kẻ trồng rau, là người sứ giả", nói như vậy vì muốn làm cho người ta xấu hổ, thì phạm tội Thâu-lan-giá; về cha mẹ cũng như vậy. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi...", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi..." (**326a**) khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là trung nghiệp.

Thượng nghiệp: Nếu nói: "Ngươi là người ở nhà vàng, bạc, ma ni, nhà đồng", nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm

tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, cũng như vậy. Nếu nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là thượng nghiệp.

Tướng mạo: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Nếu nói: "Ngươi là kẻ mắt mù, lưng gù, chân tay cán giá giống như cánh chim, đầu ngoẹo, răng khểnh", nói như thế khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, cũng như vậy. Nếu nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói về bạn bè quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bậc hạ của tướng mạo.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Ngươi rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về bạn bè quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bậc trung.

Bậc thượng: Nếu nói: "Ngươi có 32 tướng viên mãn, sáng sủa, màu vàng", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê cũng như vậy. Nếu nói về bạn bè, quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bậc thượng.

Bệnh: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả đều gọi là bậc hạ. Chẳng hạn nói: "Các ngươi bị bệnh ghẻ lở, bệnh hoàng đãng, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh da vàng, bệnh sốt rét, bệnh còi, bệnh điên cuồng"; nói các bệnh như thế khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về bạn hữu quen biết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bệnh.

Tội: Không có thượng, trung, hạ, mà tất cả tội đều được gọi là hạ. Nếu như nói: "Ngươi phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ cũng vậy. Nếu

nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan. Nói về bạn bè thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội.

Mắng: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả sự mắng đều thuộc về hạ. Mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế tục như: "Dâm dật, ô uế,...", khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Mắng cha mẹ cũng vậy. Mắng Hòa thượng, A-xà-lê phạm tội Thâu-lan-giá. Mắng bạn bè quen biết phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắng.

Kiết sử: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều thuộc về loại hạ. Nếu nói: "Ngươi là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, (**326b**) như ngỗng trắng, như chim cú", nói những lời như vậy khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng như vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan. Nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dùng nhưng lời gièm pha hủy báng về bảy phương diện trên thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan; hủy báng Thức-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hủy báng người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 2 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

3. NÓI ĐỂ LY GIÁN KẺ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo tìm cách dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo tuổi trẻ: "Ngươi có biết nghề nghiệp, dòng dõi của cha mẹ Tỳ-kheo mỗ giáp kia không?"

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy tính tình chất trực, tùy việc mà đáp. Về sau, khi nổi giận, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: "Ngươi là Chiên-đà-la, là thợ hớt tóc, là thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da."

Nói thế rồi, lại bảo: "Ta vốn không biết mà do Tỳ-kheo mỗ giáp kia nói về ngươi như vậy."

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, rất lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi (cho đến) Tỳ-kheo kia xấu hổ không?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Vì sao các ông lại làm như vậy?

Chúng con làm việc đó vì thấy thích thú.

Này những kẻ ngu si! Đó là việc xấu, đối với bậc phạm hạnh mà nói hai lưỡi. Đấy là việc khổ mà bảo là vui.

Phật dùng vô số phương tiện khiển trách rồi, bèn nói về nhân duyên, như trong kinh Bản-sinh ba con thú đã nói rõ. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nói hai lưỡi: Gồm có 7 loại, đó là chủng tánh, nghề nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kiết sử.

Chủng tánh: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Như nói: "Ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da" lại nói: "Ai có biết ngươi đâu, chính là mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là mong kẻ ấy lìa bỏ người kia và thân thiện với mình. Dù họ rời nhau, hoặc không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Cha

mẹ của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da." Lại nói: "Ai có biết ngươi đâu, chính là do Tỳ-kheo mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là mong kẻ ấy rời bỏ người kia để thân thiện với mình. Nếu họ rời nhau hay không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Hòa thượng A-xà-lê của ngươi là Chiên-đà-la (**326c)** (cho đến) là thợ làm da", cũng phạm Ba-dạ-đề. Nói về bạn hữu tri thức, cũng như vậy. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Trưởng lão, Ngài thuộc dòng dõi trung lưu, thuộc dòng dõi binh sĩ, dòng dõi ca kỹ", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, chính là do mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là muốn cho người này lìa bỏ người kia, để trở về với mình. Dù họ chia lìa nhau hay không chia lìa đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Nếu nói: "Trưởng lão, Ngài là dòng dõi sát-lợi, Bà-la-môn." Lại nói: "Tôi đâu có biết thầy, đó là do mỗ giáp kia nói", với suy nghĩ là muốn cho người ấy bỏ người kia để về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về chủng tánh.

Nghề nghiệp: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Chẳng hạn nói: "Ngươi làm nghề đồ tể, (cho đến), làm nghề bán nem", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với mong muốn người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ bán hương, là người buôn bán, (cho đến) là người đưa tin", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa nhau hay không lìa nhau,

đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Chẳng hạn nói: "Ngươi ở cửa hàng vàng, bạc, (cho đến) ở cửa hàng đồ đồng", lại bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về nghề nghiệp.

Tướng mạo: Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Nếu nói: "Ông là kẻ mù lòa (cho đến) là kẻ răng khểnh", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy, với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Nếu nói: "Ông rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu quen biết, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó là bậc trung.

Bậc thượng: Chẳng hạn nói: "Ông có 32 tướng (**327a**) viên mãn, sáng rỡ sắc vàng", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về tướng mạo.

Bệnh: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả bệnh đều là hạ. Chẳng hạn nói: "Ông bị ghẻ lở, (cho đến) bị điên cuồng", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa

thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

Tội: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả tội đều thuộc về hạ. Chẳng hạn nói: "Ông phạm Ba-la-di, (cho đến) phạm tội Việt-tỳ-ni", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do mỗ giáp kia nói." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề.

Mắng: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả sự mắng đều gọi là hạ. Nếu mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế gian, như: "Dâm dục, ô uế, xấu xa", thì dù họ có lìa nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu mắng cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức của người ấy, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mắng.

Kiết sử: Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều gọi là hạ. Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, như ngỗng trắng, như chim cú", nói những lời như vậy, rồi bảo: "Tôi đâu có biết ngươi mà do mỗ giáp kia nói đó." Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo, thì phạm Ba-dạ-đề; nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đối với Thức-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đối với người thế tục, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 3 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

4. KHƠI LẠI SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết chúng Tăng như pháp, như luật diệt trừ sự tranh chấp rồi, liền nói:

Việc ấy chưa xong, phải xử đoán lại.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói những lời ấy xong, sự tranh chấp liền khởi lên trở lại, chư Tăng sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Có thật các ông biết chúng Tăng như pháp (**327b**), như luật dập tắt sự tranh chấp rồi, bèn làm cho phát sinh trở lại phải không?

Có thật như vậy.

Vì sao như thế?

Chúng con tạo ra sự việc ấy là vì thấy thích thú.

Này những kẻ ngu si, làm não loạn các bậc phạm hạnh, đó là việc ác, vì sao lại cho là vui? Các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người phạm hạnh thường có tâm từ bi, thân khẩu từ bi hay sao? Do đó, cần phải tôn kính họ. Nay vì sao các ông lại làm việc ác như thế? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã như pháp, như luật dập tắt sự tranh cãi rồi mà làm phát sinh trở lại, nói rằng: Việc yết-ma ấy chưa xong, phải làm lại, chỉ vì lý do như vậy, chứ không có gì khác, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sự tranh cãi: Gồm có bốn việc: (1) Sự tranh cãi về lời nói; (2) Sự tranh cãi do hủy báng; (3) Sự tranh cãi về tội phạm; (4) Sự tranh cãi về những việc thường làm.

Dập tắt sự tranh cãi đúng pháp đúng luật: Trong 7 cách dập tắt sự tranh cãi nhất nhất đều đã dập tắt đúng pháp, đúng luật, rồi làm phát sinh trở lại mà không có lý do nào chính đáng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Bốn sự tranh cãi: (1) sự tranh cãi về lời nói; (2) sự tranh cãi do hủy báng; (3) sự tranh cãi về tội phạm; (4) sự tranh cãi về những việc thường làm.

Sự tranh cãi về lời nói, dùng ba pháp Tỳ-ni (nguyên tắc) mỗi mỗi diệt trừ. Ba pháp đó là gì? Đó là: Dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Đa-mích Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Bố-thảo (rải cỏ) Tỳ-ni để diệt trừ.

1. Hiện-tiền Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di đấu tranh nhau, những người cùng sống một chỗ không hòa hợp. Pháp họ bảo là phi pháp; luật bảo là phi luật; tội bảo gọi là không phải tội; tội nặng, tội nhẹ; có thể trị, không thể trị; đúng pháp yết-ma, phi pháp yết-ma; yết-ma có hòa hợp, yết-ma không hòa hợp; nên làm, không nên làm. Bấy giờ có một Tỳ-kheo ngồi trong ấy nói như sau: "Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với Ưu-ba-đề-xá (luận). Trái với kinh, luật, luận, sinh khởi các sự nhiễm ô, lậu-hoặc; như tôi nói mới đúng là pháp, là luật, là lời Phật dạy, tương ứng với kinh, luật, luận không sinh ra nhiễm ô, Lậu-hoặc. Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt sự tranh cãi này. Tôi phải đến thành xá-vệ, chỗ Thế Tôn, để hỏi về giải pháp dập tắt sự tranh cãi này."

Thế rồi, Tỳ-kheo này đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ (**327c**) chân Phật rồi đứng một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di đấu tranh nhau, cùng sống một chỗ mà không hòa hợp. Những việc như pháp mà họ bảo là phi pháp, (cho đến) con không thể dập tắt sự tranh đấu ấy, nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về phương pháp dập tắt sự tranh đấu ấy. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh đấu ấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly: Ông hãy đến nước Câu-diệm-di dập tắt sự tranh đấu ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni. Này Ưu-ba-ly, sự tranh đấu có ba chỗ khởi lên: Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng. Do đó, cũng phải ba chỗ xả, ba chỗ thủ, ba chỗ diệt. Này Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, dập tắt sự tranh đấu ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni.

Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn bạch với Phật: Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể dập tắt được sự tranh đấu?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì có thể dập tắt sự tranh đấu. Năm pháp đó là: Biết việc đó là có thật chứ không phải không có thật; làm vì lợi ích chứ chẳng phải không lợi ích; được mọi người tán thành, chứ chẳng phải không được tán thành; làm một cách công bằng chứ không phải không công bằng, hợp thời chứ chẳng phải không hợp thời.

Này Ưu-ba-ly, nếu giải quyết sự việc không hợp thời, thì Tăng hoặc bị phá (bị chia rẽ), hoặc Tăng tranh cãi, hoặc Tăng ly tán. Trái lại, nếu dập tắt sự tranh đấu đúng lúc thì Tăng không bị phá, không tranh cãi, không phân tán. Đó gọi là vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp có thể dập tắt sự tranh đấu, làm cho các vị phạm hạnh thương nhớ, ca ngợi. Nay ông hãy đi đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di, giải quyết việc ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc Hiện-tiền Tỳ-ni.

Bấy giờ Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn đảnh lễ chân Thế Tôn, đi tới chỗ Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di, nói:

Này trưởng lão, hãy trở về lại chỗ có sự tranh chấp, sinh khởi mà dập tắt ngay tại đó, chứ không giải quyết sự việc ở đây. Vì sao vậy? Vì ở đây chúng Tăng hòa hợp, hoan hỉ, không tranh chấp, cùng sống chung, không nên nhiễu loạn họ.

Khi ấy, Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di liền bạch với Tôn-giả Ưu-ba-ly:

Thưa Đại đức, nếu tôi có thể dập tắt sự tranh chấp tại đó được thì đã không tới đây. Nguyện xin Tôn-giả vì tôi mà đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

Ưu-ba-ly nói: Nếu tôi đến đó thì việc gì đáng làm Yết-ma, tôi sẽ làm yết-ma, việc gì đáng trị phạt thì sẽ trị phạt, hoặc đáng làm yết-ma chiết phục, yết-ma không nói, yết-ma Ma-na-đỏa, yết-ma A-phù-ha-na, có những lỗi lầm như vậy, như vậy, tôi sẽ làm yết-ma như vậy, để trị phạt. Khi ấy, các vị chớ nên sinh tâm không vui.

Vị Tỳ-kheo sứ giả ấy liền bạch với (**328a**) Tôn-giả Ưu-ba-ly: Nếu chúng tôi có những lỗi lầm như vậy, thì sẽ chịu những sự trị phạt như vậy, trong lòng chẳng có gì là không vui.

Khi ấy Tôn-giả Ưu-ba-ly bèn trở lại chỗ Phật, bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Muốn dập tắt sự tranh chấp của các Tỳ-kheo ấy phải dụng tâm như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Muốn dập tắt sự tranh chấp thì trước hết phải trù tính năng lực của bản thân mình, năng lực phước đức, năng lực biện tài và năng lực vô úy và biết rõ sự duyên sinh khởi. Tỳ-kheo trước hết phải tự suy nghĩ xem mình có những khả năng như vậy không. Nếu thấy sự tranh chấp ấy khởi lên chưa lâu; tâm người đó nhu nhuyến, sự tranh chấp có thể dễ dập tắt, thì Tỳ-kheo này, lúc ấy mới dập tắt sự tranh chấp. Trái lại, nếu tự tư duy thấy mình không có các khả năng trên, sự tranh chấp khởi lên

đã lâu, người ấy cang cường, không thể dập tắt nhanh được, thì nên tìm một Tỳ-kheo có đức vọng cùng với mình dập tắt việc ấy. Nếu không có Tỳ-kheo có đức vọng, thì nên tìm một Tỳ-kheo đa văn. Nếu không có Tỳ-kheo đa văn thì nên tìm một Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Nếu không có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, thì nên tìm một Ưu-bà-tắc có thế lực lớn. Vị Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy Ưu-bà-tắc rồi, tâm sẽ sinh xấu hổ, thì sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu không có Ưu-bà-tắc như vậy, thì nên nhờ nhà vua, hoặc vị đại thần có thế lực. Khi ấy, Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy người hào quý có thế lực như vậy, thì tâm sinh kính sợ, do đó, sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu sự tranh chấp được dập tắt vào mùa đông, thì nên đem đến chỗ không có giá lạnh, khí hậu ấm áp, một nơi vắng vẻ. Khi Tỳ-kheo khách đến, nên cung cấp lò sưởi. Nếu vào mùa xuân, nên đem đến một nơi mát mẻ, sắp giường ghế dưới gốc cây, trang bị nước lạnh, nước giải khát, nên dùng quạt để quạt. Nếu vào mùa hạ nên đem đến một nơi cao ráo mát mẻ, và cung cấp các thứ cần thiết theo thời. Bấy giờ, nên cử một Tỳ-kheo có khả năng và có trí tuệ, biết rõ nhân duyên sự việc, không khiếp sợ, không tìm lỗi người, không sợ số đông. Nếu có Ưu-bà-tắc đến, nên tán thán công đức làm cho chúng Tăng hòa hợp, lại nói với Ưu-bà-tắc: "Như đức Thế Tôn nói, một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người khổ não, trời người bất lợi. Một pháp đó là: Phá hoại, làm rối loạn chúng Tăng, đến khi thân hoại mệnh chung sẽ rơi thẳng vào địa ngục."

Lại nữa, này Ưu-bà-tắc, như đức Thế Tôn nói: "Một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người an lạc, trời người được lợi. Một pháp đó là: Làm cho chúng Tăng hòa hợp, thì sau khi thân hoại mệnh chung sẽ sinh vào cõi Thiện, trên cõi trời, hoặc trong cõi người. Như vậy đó Ưu-bà-tắc, muốn được công đức lớn, nên làm cho chúng Tăng hòa hợp."

Khi hai nhóm trình bày, thầy Tỳ-kheo này (người xử đoán) phải xem xét sự việc cặn kẽ, ghi nhớ từng lời nói, từng câu, từng chữ,

từng ý nghĩa. Bấy giờ trong hội chúng có một Tỳ-kheo không phải Thát-lại-tra mà giả bộ Thát-lại-tra, nói như sau:

Tôi nghe các Đại đức trước kia nói (**328b**) những lời như vậy mà giờ đây lại nói những lời như vậy là không ăn khớp nhau.

Nếu thấy người này tính tình nhu nhuyến có thể chiết phục được thì nên nói giữa chúng Tăng như thế này để ông ta hổ thẹn: "Ông là kẻ bất thiện, gây nên việc bất hòa, làm cho chúng Tăng không hòa hợp. Hôm nay vì việc đó mà phải tập trung tại đây." Trái lại, nếu đó là người ác tính, tính cang cường cố chấp, có thể làm tăng thêm sự tranh đấu, thì nên nói nhỏ nhẹ bằng những lời sau: "Trưởng lão, hôm nay chúng Tăng tập họp là để dập tắt sự tranh đấu, vậy trưởng lão nên hợp tác với tôi để dập tắt sự tranh đấu này." Nếu thấy tâm ý của Tỳ-kheo ấy đã nhu nhuyến rồi thì bấy giờ vị Tăng đoán sự (người xử đoán) nói với thầy Tỳ-kheo hữu sự thế này: "Giờ ông hãy trình bày sự việc đó."

Rồi Tỳ-kheo ấy nói như sau: "Nay tôi trình bày sự việc này, mong chúng Tăng giải quyết cho tôi đúng pháp, đúng luật."

Bấy giờ, Tỳ-kheo đoán sự nên khiển trách người này bằng những lời sau, để cho ông hổ thẹn: "Ông là kẻ bất thiện, có chúng Tăng nào lại dùng điều phi pháp, phi luật để giải quyết công việc!" Nếu Tỳ-kheo ấy nói: "Tôi không định nói như thế với chúng Tăng, mong chúng Tăng hãy dạy bảo tôi về những cách thức."

Bấy giờ người đoán sự nên dạy ông ta nói thế này: "Nay tôi trình bày nguyên nhân của sự tranh chấp này, tùy theo chúng Tăng chỉ dạy, tôi sẽ phụng hành."

Nếu Tỳ-kheo ấy không theo lời nói mà Tăng chỉ dạy, thì nên nói với ông: "Nếu ông không vâng lời Tăng chỉ dạy, thì tôi sẽ lấy biểu quyết giữa Tăng, đuổi ông ra khỏi chúng."

Nếu Tỳ-kheo ấy vẫn không chịu vâng lời, thì bấy giờ nên bảo một Ưu-bà-tắc hỏi ông ta: "Ông có chịu nghe lời Tăng dạy không? Nếu

ông không chịu nghe lời, tôi sẽ áp dụng luật pháp của bạch y đối với ông, đuổi ông ra khỏi thành ấp xóm làng."

Nếu biết sự tranh chấp của Tỳ-kheo ấy là sự tranh chấp nhỏ nhặt, thì Tăng có thể dập tắt sự tranh chấp trước mặt Ưu-bà-tắc. Nếu sự việc ấy bỉ ổi, xấu xa thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi hội chúng, rồi Tăng mới tùy theo sự thật, áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni mà diệt trừ sự việc ấy đúng pháp, đúng luật, đúng theo kinh giáo.

Bấy giờ, Tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt tranh chấp?"

Phật nói với A-nan: "Này A-nan, những sự tranh cãi của Tỳ-kheo gồm có: Như pháp, phi pháp; như luật, phi luật; tội, chẳng phải tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trừng trị, tội không thể trừng trị; như pháp yết-ma, phi pháp yết-ma; hòa hợp yết-ma, không hòa hợp yết-ma; yết-ma nên làm, yết-ma không nên làm. Này A-nan, nếu có những việc như thế phát sinh, thì nên nhanh chóng tập họp Tăng, tập họp Tăng rồi, kiểm điểm sự việc, như pháp, như luật, như kinh giáo, tùy theo sự thật mà áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni để diệt trừ. Nếu hội đủ năm điều phi pháp (sau đây) thì không thành Hiện-tiền Tỳ-ni. Thế nào là năm? Đó là: Bất hiện tiền dữ (giải quyết sự việc không có mặt đương sự); (**328c**) không hỏi; không nhận lỗi; không đúng pháp; giải quyết việc không hòa hợp. Đó gọi là năm điều phi pháp, áp dụng hiện hiền Tỳ-ni nên không thành. Nếu thành tựu năm pháp thì mới thành áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni. Năm pháp đó là: Có sự hiện diện của đương sự; hỏi; nhận lỗi; đúng pháp; giải quyết sự việc trong sự hòa hợp.

Đó gọi là năm pháp thành tựu áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni, như vậy đó A-nan, như pháp, như luật, như Phật dạy.

Khi áp dụng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh chấp rồi, nếu có khách Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, hoặc Tỳ-kheo

đang ngồi ngủ gục, những Tỳ-kheo này nói như sau: "Yết-ma như vậy là không tốt, trái với Phật, pháp, Tăng giống như trâu dê, yết-ma bất thiện, yết-ma không thành tựu." Này A-nan, do nói như thế mà sự tranh chấp khởi lên trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tướng ngôn tránh (sự tranh cãi do những lời bắt bẻ).

Dùng Hiện-tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi do hủy báng: Nếu Tỳ-kheo không thấy, không nghe, không nghi Tỳ-kheo khác phạm năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà dùng năm thiên tội ấy hủy báng, đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng. Trong trường hợp này nên dùng hai pháp Tỳ-ni là "Ức niệm Tỳ-ni"và "Bất-si Tỳ-ni"để dập tắt.

2. Ức niệm Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, Tỳ-kheo-ni Từ Địa làm điều phi phạm hạnh, bị mang thai, bèn đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo nói như sau: "Tôi làm việc phi phạm hạnh, nay bị mang thai, Tôn-giả có hiềm thù với ai, tôi sẽ vu cáo họ giúp cho."

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Lành thay này chị em, nay muốn làm việc lợi ích cho chúng tôi. Này chị em, Đà-phiêu-ma-la-tử là kẻ thù suốt đời của chúng tôi, đã cho chúng tôi phòng ở dột nát, cung cấp mền gối không tốt, và thức ăn uống thô xấu. Nếu người này còn sống lâu trong nếp sống phạm hạnh, thì chúng tôi còn chịu khổ dài dài. Cô hãy chờ ngày chay, khi đại chúng thuyết pháp, rồi cô đến giữa đại chúng tố cáo Tỳ-kheo ấy đã làm điều phi phạm hạnh (đã giao hợp) với cô."

Cô ấy đáp: "Tôi sẽ làm như lời Tôn-giả dạy."

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni ấy, vào các ngày mồng 8, 14, 15 lúc đại chúng thuyết pháp, bèn đến trước chúng, nói như sau: "Này Tôn-giả (Đà-phiêu), hãy sắm các thức ẩm thực như sữa, dầu, nếp v.v…, và sửa chữa phòng ốc, tìm người hộ sinh giúp cho tôi, vì tôi sắp đến lúc sinh nở."

Trưởng lão (Đà-phiêu) đáp: "Này cô, cô hãy tự biết, tôi không có việc ấy."

Tỳ-kheo-ni Từ Địa lại nói: "Kỳ quái! Kỳ quái! Ông là kẻ trượng phu (nhân tình của tôi) sớm đi, tối đến, cùng với tôi chăn gối, mà giờ đây lại nói: "Tôi không có việc ấy." Chớ có nhiều lời, hãy sắm cho tôi các thứ sữa, dầu v.v..., vì giờ sinh nở của tôi đã đến."

(**329a**) Trưởng lão lại nói: "Cô tự biết lấy. Tôi không có việc đó", nói như thế ba lần, rồi bỏ đi.

Khi ấy trong dân chúng, những người không tin Tam bảo thì liền suy nghĩ: "Hai người này đều còn trẻ tuổi, ắt có việc đó." Còn những người có ít lòng tin thì đều sinh nghi ngờ: Chẳng biết có hay không. Trái lại, những người có lòng tin kiên cố, thì nói: "Tôn-giả này đã diệt xong ba độc, ác pháp đã đoạn tận vĩnh viễn, không thể có việc ấy."

Bấy giờ, những tiếng xấu về Tôn-giả Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, ở chỗ kín đáo cũng nghe, ở chỗ nhiều người cũng nghe, ở giữa chúng Tăng cũng nghe. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

Này các Tỳ-kheo, những tiếng xấu đồn về Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ba lần, ở chỗ đông người hỏi ba lần, ở giữa chúng Tăng hỏi ba lần. Tại chỗ kín đáo nên hỏi như sau: "Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế đó, thầy có biết chăng?" Nếu lúc ấy, trưởng lão nói: "Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy, rồi lại hỏi ở giữa chúng Tăng: "Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế, thầy có biết việc đó không?" Nếu đáp: "Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy."

(Sau khi đã làm theo lời Phật dạy) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử đã được hỏi ở chỗ kín đáo ba lần, ở chỗ nhiều người ba

lần, ở giữa chúng Tăng ba lần, ông đều nói: "Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa."

Khi ấy, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ông Đà-phiêu-ma-la-tử này thanh tịnh, không có tội. Còn Tỳ-kheo-ni Từ Địa tự nói mình phạm tội thì phải khu xuất."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở tại thành Vương-xá hiềm trách Thế Tôn như sau: "Xem ra việc xử đoán ấy không công bằng. Cả hai người đều phạm tội, vì sao lại giữ Tỳ-kheo, đuổi Tỳ-kheo-ni! Nếu cùng có tội thì cùng đuổi, nếu không có tội thì đều giữ lại. Vì sao Thế Tôn lại đuổi một, giữ một?"

Các Tỳ-kheo liền đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan: "Ông đi gọi các Tỳ-kheo-ni Tăng đang sống tại thành Vương-xá đến cả đây."

Thế rồi, A-nan vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỳ-kheo-ni Tăng nói như sau: "Này các chị em, đức Thế Tôn cho gọi các vị!"

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni nói với tôn-giả A-nan: "Chúng tôi chẳng có duyên sự gì ở chỗ Thế Tôn, vì sao lại gọi đến? Nếu có sự duyên thì không gọi, chúng tôi cũng đến. Tôn-giả hãy trở về. Chúng tôi không có duyên sự nên không thể đến."

Bấy giờ, A-nan bèn suy nghĩ: "Đây thật là điều lạ lùng! Nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia (**329b**) hành đạo, thế mà vì sao đối với Phật không khởi tâm kính trọng, không vâng theo mệnh lệnh?" Thế rồi, A-nan trở về lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo A-nan: "Ông hãy đến nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá rằng: Các ngươi có lỗi, Thế Tôn ra lệnh cho các ngươi ra đi, không được ở đây."

A-nan vâng lời dạy, liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói như sau: "Này các chị em, các ngươi có lỗi, đức Thế Tôn ra lệnh các ngươi phải đi, không được ở đây nữa."

Các Tỳ-kheo-ni trả lời tôn-giả A-nan: "Chúng tôi không có duyên sự gì ở ngoài thành nên không đi đâu hết; nếu có duyên sự thì không cần ra lệnh cũng tự ra đi."

Bấy giờ A-nan suy nghĩ: "Thực là lạ kỳ, nhờ ân đức của Thế Tôn mà được xuất gia tu hành, vì sao đối với Phật lại không có tâm kính trọng, bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi! "

Thế rồi, A-nan bèn trở về chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan: "Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Tăng ở các thành ấp thôn xóm nếu bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai phải tự mình đi lánh (nạn). A-nan, ông hãy lấy y Tăng-già-lê đưa đây."

Khi ấy, Tôn-giả A-nan bèn trao y Tăng-già-lê cho Thế Tôn. Thế rồi, vào giữa trưa, Thế Tôn không nói với các Tỳ-kheo-tăng, chỉ đem theo A-nan, đi qua thôn xóm có cư sĩ Ngũ-Thông, hướng về thành xá-vệ. Bấy giờ, vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi, sau khi sát hại phụ vương, ôm lòng ưu sầu cực độ, hằng ngày thường đến Thế Tôn sám hối ba lần, vào bình minh, giữa trưa và buổi chiều. Ông sám hối sớm mai rồi giữa trưa lại đến mà không thấy Thế Tôn, bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Thế Tôn đang ở đâu?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Thế Tôn đã đi rồi."

Nhà vua nói: "Đức Thế Tôn mỗi lần đi đâu một tháng, nửa tháng đều nói với tôi. Nay vì nhân duyên gì mà im lặng ra đi?"

Khi ấy các Tỳ-kheo đã nghe được Phật nói, bèn đáp: "Thưa đại Vương, các Tỳ-kheo-ni ở Thành Vương-xá không vâng theo mệnh lệnh của Thế Tôn, gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi, như thế đó Đại Vương có biết không, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Tăng đang sống tại các thành ấp xóm làng nếu bảo đến mà không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai bèn tự mình đi ẩn lánh. Ngày nay các Tỳ-

kheo-ni Tăng tại thành Vương-xá không vâng theo lời Phật dạy, vì vậy Thế Tôn im lặng mà đi."

Nhà vua nghe lời trình bày, cực kỳ giận dữ, bèn ra lệnh cho các quan: "Hiện giờ trong lãnh thổ của ta có bao nhiêu Tỳ-kheo-ni Tăng phải đuổi đi tất cả."

Khi ấy, có vị quan trí tuệ liền can nhà vua: "Không phải tất cả Tỳ-kheo-ni trong lãnh thổ đều có lỗi, mà chỉ có Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá trái lời dạy của Thế Tôn mà thôi."

Nhà vua bèn chấp nhận lời can của (**329c**) vị đại thần, ra lệnh quan Hữu ty đuổi các Tỳ-kheo-ni tại thành Vương-xá đi. Lúc ấy, quân lính bèn cầm cây gậy đất đá ngói gạch, đánh ném các Tỳ-kheo-ni, đuổi ra khỏi kinh thành, dùng những lời trách cứ thế này: "Các ngươi là những kẻ tệ ác, nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia tu hành, thế mà không biết cung kính, trái lời Phật dạy, hãy rời khỏi đây nhanh, hỡi những mụ già tệ ác. Vì các ngươi mà chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các ngươi hãy đi nhanh, không được ở đây nữa."

Bấy giờ tại các thôn làng, dân chúng thấy sự kiện như vậy, đều từ xa mắng rằng: "(cho đến) Khiến chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các ngươi hãy ra đi nhanh, không được ở đây nữa."

Khi ấy, Ưu-đà-di cũng cầm gậy xua đuổi các Tỳ-kheo-ni, và cũng trách cứ những lời như trên. Nhà vua bèn ra lệnh cho các quan: "Các ngươi thấy Tỳ-kheo-ni nào đi theo đức Thế Tôn thì phải tìm cách bảo vệ họ, để cho họ được yên ổn. Nếu họ đi về hướng khác thì tùy ý họ, không cần phải bảo vệ."

Khi các Tỳ-kheo-ni ra khỏi thành rồi, người nào cũng đều nói: "Nếu chúng ta đi tới những phương khác thì ở đâu cũng đều bị xua đuổi, không có chỗ nào ở được. Vậy, giờ đây chúng ta nên đi theo sau đức Thế Tôn."

Do vậy, nơi nào đức Thế Tôn buổi sớm ra đi, thì các Tỳ-kheo-ni buổi chiều tới đó. Như vậy ở trên đường đi thường cách nhau một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn vì muốn hóa độ nên đi qua xóm làng có cư sĩ Ngũ-thông hướng về thành xá-vệ. Cư sĩ Ngũ-thông theo lệ thường hễ nghe Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tới thì đi cách một do tuần đón rước và dâng các thức cúng dường. Bấy giờ, ông nghe các Tỳ-kheo-ni kia sắp đến, liền nhập định quan sát xem các Tỳ-kheo-ni vì nhân duyên gì mà đến. Quán sát rồi, ông thấy rằng các Tỳ-kheo-ni ấy tất cả đều có lỗi, đều bị trị phạt đuổi đi, chưa được giải tội, chẳng phải là khí cụ thanh tịnh, không có phần nào thánh pháp. Quán sát thấy thế nên ông không đến nghênh đón và dâng các thức cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni lần lượt hỏi thăm, bèn tìm đến được nhà ông, nói: "Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá nay đang ở ngoài cửa, xin báo cho cư sĩ biết."

Cư sĩ bèn ra lệnh cho những người giúp việc giao cho (các Tỳ-kheo-ni) nhà dột, mền gối rách nát, không cung cấp nước nóng, nước rửa chân và dầu thoa chân, cũng không cho nước uống phi thời, cũng không hỏi thăm, an ủi, ban đêm không thắp đèn, sáng sớm không cung cấp tăm xỉa răng và nước sạch, và đưa cho các thứ ẩm thực thô sơ. Họ ăn rồi, liền bảo đi nhanh.

Các Tỳ-kheo-ni rời khỏi nhà ông rồi liền bảo nhau: "Tôi nghe nói ông cư sĩ này thường có tín tâm, cung kính cúng dường chúng Tăng, nhưng nay xem ra thì không có lòng kính tín."

Trong số họ, có một Tỳ-kheo-ni bảo với mọi người: "Thôi im đi các dì! (**330a**) Hãy tự quán sát chính mình. Chúng ta đã trái lời dạy của Thế Tôn, được cúng dường như thế là quá lắm rồi."

Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni dần dần đi tới, đến thành xá-vệ, tới chỗ A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với A-nan: "Chúng tôi muốn được yết kiến Thế tôn để đảnh lễ thăm

hỏi, mong Tôn-giả hãy vì Tỳ-kheo-ni Tăng mà bạch giúp Thế Tôn, xin thương xót hứa cho."

A-nan đáp: "Lành thay này các chị!" Liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá muốn đến hầu Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép, con sẽ gọi đến."

Phật nói với A-nan: "Ông chớ bảo Tỳ-kheo-ni ở Vương-xá đến gặp Ta."

A-nan nói: "Lành thay!"

Rồi lễ Phật, trở lại chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: "Này các chị, đức Thế Tôn dạy không cho các vị tới."

Rồi thầy xin đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Phật liền nói với A-nan: "Vì sao ông tỏ ra ân cần đối với Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá đến như thế?"

A-nan liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ họ là Tỳ-kheo-ni, mà Thế Tôn gọi đến không đến, khiến đi không đi, nhưng vì Thế Tôn đã nhắc đến Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá với một lý do khác. Chính vì Tăng (đoàn) cho nên con mới ân cần."

Phật nói: "Ta cho phép Tỳ-kheo-ni Tăng ở thành Vương-xá đến đây."

A-nan liền trở về chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: "Các chị được lợi ích rất lớn! Vì Thế Tôn đã cho phép các vị tới hầu."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế rồi, liền khen ngợi: "Lành thay, lành thay A-nan!", rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con bất thiện, dại dột như trẻ con, không biết ruộng phước, không biết ân tình, chẳng vâng lời Thế Tôn dạy. Nay chúng con đã tự thấy biết tội lỗi. Kính xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của chúng con."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá: "Các ngươi bất thiện, dại dột như trẻ con, không biết ruộng phước, chẳng biết ân tình, Thế Tôn (Ta) gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi. Nay các ngươi đã tự thấy lỗi lầm, Ta cho phép các ngươi sám hối. Trong giáo pháp của bậc thánh, ai có thể hối lỗi thì căn lành tăng trưởng. Từ nay trở đi chớ có phạm trở lại."

Nếu Tỳ-kheo-tăng như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, thì Tỳ-kheo-ni Tăng đúng pháp phải đến liền, nếu không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, Tỳ-kheo-tăng được phép ngăn Tỳ-kheo-ni Tăng này Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Tỳ-kheo-tăng như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì cũng như vậy.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, thì đúng pháp Tỳ-kheo-ni Tăng phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, phải ngăn những Tỳ-kheo-ni này (**330b**) Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến, thì không cho vào cửa.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Nếu một Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni Tăng, hoặc gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì Tỳ-kheo-ni đúng pháp phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, cần phải ngăn Tỳ-kheo-ni này Bố-tát, tự tứ, hoặc lúc họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Ni Tăng, hoặc nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc một Tỳ-kheo-ni hướng về Tỳ-kheo-tăng, hướng về nhiều Tỳ-kheo, hướng về một Tỳ-kheo sám hối lỗi lầm thì cũng như trong pháp hướng về Phật sám hối lỗi lầm trước kia đã nói rõ.

Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá tùy thuận thuyết pháp, chỉ dạy khiến họ được lợi ích, vui vẻ. Do thế một Tỳ-kheo-ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Phật liền nói với các

Tỳ-kheo-ni: "Các ngươi hãy trở về men theo con đường cũ, nếu cư sĩ Ngũ-thông có chỉ bảo điều chi thì hãy thọ trì."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá liền trở về ngang qua thôn Ngũ-thông. Lúc ấy, cư sĩ Ngũ-thông liền nhập định, quán sát thấy các Tỳ-kheo-ni này đã hướng về Phật sám hối, đều được thanh tịnh, thành tựu pháp khí. Thế nên, theo thường lệ, ông ngồi xe ngựa trắng đi một do tuần nghênh đón, từ xa trông thấy các Tỳ-kheo-ni Tăng, bèn xuống xe, đi bộ, trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chắp tay bạch rằng: "Lành thay quý Ni-sư, đi đường không vất vả đấy chứ?"

Thế rồi, ông mời các Tỳ-kheo-ni đi trước, ông đi theo sau mà trở về. Khi về đến nhà, ông cung cấp phòng ở và giường nệm ngọa cụ mới đẹp, lại cung cấp nước nóng, nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, buổi tối thắp đèn, an ủi hỏi thăm rằng: "Quý Ni-sư hãy nghỉ ngơi yên ổn."

Thế rồi, vào buổi sáng sớm, ông cung cấp tăm xỉa răng, nước rửa mặt và cháo sáng, đến giờ ăn lại dâng các thức ẩm thực thích hợp. Sau khi họ ăn xong, ông trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chắp tay bạch rằng: "Nay con xin mời quý Ni-sư an cư mùa hạ, con sẽ cung cấp các thứ cần thiết như y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc chữa bệnh, và sẽ chỉ bảo cho các cô đọc tụng kinh kệ, chỉ trừ việc Bố-tát, Tự-tứ."

Bấy giờ các Tỳ-kheo-ni liền suy nghĩ: "Nay đã đến ngày 12 tháng 4, việc Hạ an cư đã gấp rút, hơn nữa, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải lãnh giáo Ngũ-thông cư sĩ." Suy nghĩ thế rồi, họ liền chấp nhận an cư mùa Hạ tại đấy. Và hàng ngày cư sĩ thuyết giảng về Tứ-niệm-xứ cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni nghe được pháp đó rồi, thì đầu đêm, cuối đêm tinh cần không biếng nhác, tụ tập thánh đạo, thành tựu quả chứng. Sau khi thọ Tự-tứ xong, các Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: "Chúng ta (**330c**) hãy đi đến Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi và trình bày quả chứng." Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bèn hướng về thành xá-vệ đi đến chỗ A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua

một bên, bạch với Tôn-giả A-nan: "Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì các Thanh-văn giảng Tứ Niệm Xứ, chúng tôi đầu đêm, cuối đêm tinh tấn không lười biếng, tu tập thánh đạo, thành tựu quả chứng." Nói như thế rồi họ bèn trở về trú xứ.

Sau khi các Tỳ-kheo-ni đi không bao lâu, tôn-giả A-nan bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, đem những gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá đã nói, trình bày đầy đủ với Thế Tôn, cho đến việc tu đạo, chứng quả. Sau khi trình bày xong, thầy liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào xin Thế Tôn-giải thích rõ."

Phật liền nói với A-nan: "Đúng như các Tỳ-kheo-ni đã nói chân thật không khác. Tại vì sao? Là vì, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ai có khả năng tu tập Tứ niệm xứ một cách tinh cần, thì tất cả đều thành tựu, chứng quả, như trong kinh Tứ Niệm Xứ đã nói rõ."

Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương-xá không biết tri ân đối với Thế Tôn? Rồi khi tới thành xá-vệ, lại đi thẳng đến chỗ A-nan mà không hầu thăm Thế Tôn, khiến cho Ưu-đà-di phải cầm gậy gộc xua đuổi, rồi tôn-giả A-nan ân cần giải cứu, xin Thế Tôn-giải thích rõ việc ấy."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các Tỳ-kheo-ni không những ngày nay đối với Ta không biết tri ân, khiến Ưu-đà-di cầm gậy xua đuổi, rồi A-nan ân cần cầu xin Ta giải cứu mà trong đời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bổn sinh tượng vương đã nói rõ."

(Giới thứ 4 tiếp tục ở quyển thứ 13)

*

Hết quyển mười hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 13

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

4. KHƠI LẠI SỰ TRANH CẢI (tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ trong thành có một dâm nữ nhà rất giàu có, của cải thật nhiều, châu báu đủ loại, kho tàng đầy ắp, giữ gìn kiên cố, (**331a**) kẻ trộm rình mò, không làm gì được. Lúc ấy, tên chúa đảng cướp nghĩ được kế hay, bèn sai sứ giả đến nói với dâm nữ: "Bọn chúng tôi muốn đến trên hồ kia, mời thêm nhiều cô gái làng chơi nữa, bày ra các thức ẩm thực, rồi tha hồ hưởng lạc. Vậy cô nên trang sức thật đẹp, rồi đến hồ ấy chớ để lượm thượm mà bọn họ chê cười."

Tâm lý của phụ nữ là ưa ganh tỵ, háo thắng, nên cô ta khoác các loại danh y thượng hạng, trang sức trên thân đủ các thứ chuỗi ngọc anh lạc, ánh sáng của chúng chiếu ra chói mắt, rồi đi tới chỗ mà họ đã mời. Lúc ấy, tên tướng cướp bèn khéo léo dụ dỗ đưa cô ta đến một nơi vắng vẻ, kín đáo, rậm rạp. Dâm nữ liền hỏi: "Trước đây nghe nói có mời các phụ nữ khác, giờ đây họ ở đâu?"

Tên tướng cướp đáp: "Lát nữa họ sẽ đến, ta hãy cùng nhau hoan lạc đã."

Lúc ấy, dâm nữ bèn suy nghĩ: "Giờ đây, xem người này chắc là tướng cướp chứ không gì khác. Vì sao mà biết? Vì nơi này không phải là chỗ hẹn trước. Vả lại, các phụ nữ kia chắc chắn là không

đến, mà mặt trời đã về chiều." Thế rồi, dâm nữ nói: "Tôi muốn trở về nhà."

Tên tướng cướp nói: "Hãy cùng nhau vui chơi đã, có gì đâu mà gấp gáp thế!"

Khi ấy dâm nữ suy nghĩ: "Thế này là hắn định ăn cướp rồi, chắc ta bị hắn làm khốn đốn mất. Ta có 64 diệu thuật giờ chính là lúc phải áp dụng, nếu không áp dụng thì làm sao thoát nạn!" Thế rồi, cô ta giả vờ hiện ra vẻ ủy mị yêu thương, cùng chén tạc chén thù với tên tướng cướp, mình uống cầm chừng, mời hắn cạn chén, bên ngoài ra vẻ ân cần thân thiết trìu mến, nhưng trong lòng giữ một khoảng cách, khiến cho tâm hồn của tên cướp say đắm khoái lạc, không nghi ngờ gì nữa.

Lúc ấy, tên tướng cướp một mình dìu dâm nữ tới một chỗ kín đáo thì hơi men phát tác, say túy lúy không còn hay biết gì nữa. Dâm nữ bèn từ từ thoát ra khỏi vòng tay của tướng cướp, lấy y phục mặc vào, rồi đi tới thành xá-vệ, nhưng cửa thành đã đóng. Cô bèn đi về phía Tinh xá Kỳ-hoàn, thì cửa tu viện cũng đã đóng. Khi ấy, ở bên ngoài cửa có một trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca-lô đang trải giường dây mà ngồi tại một chỗ khuất, cách cổng chùa không xa. Y của Thầy phủ xuống bốn phía giường. Vì trong cơn sợ hãi, cần tìm chỗ an ổn nên dâm nữ này bèn chui vào dưới giường trưởng lão. Nhưng Ca-lô lúc ấy đang nhập định không quan sát dưới giường. Sau lúc nửa đêm, tên tướng cướp tỉnh rượu, định lột đồ của dâm nữ, nhưng tìm cô ta không thấy. Hắn bèn hỏi chúng bạn: "Các ngươi có thấy cô gái ấy không?" Bọn chúng đều đáp: "Không thấy." Thế rồi, cả bọn đều cầm đuốc đi tìm, nhưng tuyệt nhiên không biết cô ta ở đâu. Chúng bèn bảo nhau: "Nếu tìm không được thì hãy theo vết chân." Thế là chúng men theo dấu chân tìm đến cửa thành xá-vệ, thì thấy cửa thành đóng, bèn theo dấu chân đến trước cửa Kỳ-hoàn, lại cũng mất dấu vết, không biết đi về phương nào. Bọn cướp tuy thấy Tỳ-kheo nhưng không có bụng nghi ngờ. Bấy giờ trời sắp hừng đông, trong thành xá-vệ đã

có tiếng trống đánh, lại nghe tiếng voi ngựa gà chó, cho nên tên tướng cướp (**331b**) bèn bàn với đồng bọn: "Giờ đây đã mất cô ấy, không biết ở đâu, trời lại sắp sáng, không nên ở lâu nơi đây mà phải trở lại chỗ ẩn núp trong rừng." Bàn bạc thế rồi, chúng bèn trở lại trong rừng. Khi ấy trời sáng, dân chúng, voi ngựa, xe cộ từ trong thành đi ra, lại có các Ưu-bà-di cũng rời khỏi thành đi thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn. Thế rồi, họ sang đảnh lễ Tỳ-kheo Ca-lô, bỗng thấy dâm nữ kia từ dưới giường chui ra. Mọi người thấy thế, liền chê trách, nói: "Đây là nơi A-luyện-nhã, vì sao kẻ nạp y khất thực lại ngủ chung với dâm nữ suốt đêm, đến sáng mới thả đi, mất hết phép tắc sa-môn, có đạo nào như thế!"

Lúc ấy tiếng xấu về trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử Ca-lô Tỳ-kheo được loan truyền khắp nơi. Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Này các Tỳ-kheo, tiếng xấu về Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô làm điều phi phạm hạnh được loan truyền khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ông ba lần, đến chỗ đông người hỏi ba lần, rồi hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi ở chỗ kín đáo nên hỏi như sau: "Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô, các vị phạm hạnh nói như thế, việc đó Thầy có biết không?" Nếu ông ta đáp: "Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. Rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy."

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy đã được hỏi ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Nhưng Thầy tự nói: "Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa."

Bấy giờ, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy thanh tịnh, không có tội. Tăng nên cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), cùng sống thanh tịnh. Khi làm pháp yết-ma cầu thính, người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này đã tự nói trước các bậc phạm hạnh như sau: "Không biết có làm hay

không tôi cũng không nhớ nữa." Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt tai tiếng, mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh thì im lặng; ai không bằng lòng thì hãy nói.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Thế rồi, người xin là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô phải trật vai áo phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối phải trên đất, nói như sau:

"Tôi là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đã nói trước các bậc phạm hạnh như sau: "Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa." Tôi là Đà-phiêu Ca-lô nay đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, cúi xin Tăng cho tôi pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh" (xin như vậy đến lần thứ hai, & 3).

Rồi người làm yết-ma nên nói thế này:

*"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô (**331c**) được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa." Nay Thầy đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Đây là lời tác bạch.*

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa." Nay Thầy đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy *nói. Đây là yết-ma lần đầu* (lần thứ hai và 3 cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni chưa. Các Tỳ-kheo đáp: "Đã cho."

Phật nói: "Này các Tỳ-kheo, có năm trường hợp cho pháp Ức niệm Tỳ-ni phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Không thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho; (2) Thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho; (3) Không kiểm điểm trước; (4) Làm phi pháp; (5) Không hòa hợp. Đó gọi là năm điều phi pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni.

Trái lại, có năm điều như pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho; (2) Không thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho; (3) Có kiểm tra trước; (4) Làm như pháp; (5) Hòa hợp. Đó gọi là năm điều như pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni."

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao nàng dâm nữ ấy bị bọn cướp truy đuổi? "

Phật nói: "Không những ngày nay cô ta bị bọn cướp truy đuổi mà trong thời quá khứ cũng đã từng bị bọn chúng truy đuổi, như trong *kinh Oan gia bản sinh* đã nói rõ."

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ức niệm Tỳ-ni?"

Phật nói với A-nan: "Nếu Tỳ-kheo này vu cáo Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì phải cấp tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi bèn hỏi Hòa thượng A-xà-lê, bạn hữu tri thức của Tỳ-kheo ấy rằng: "Trưởng lão, Thầy có biết Tỳ-kheo mỗ giáp kia từ trước đến nay là người giới hạnh thế nào không? Ông quen biết với ai? Người

quen biết ấy thiện hay ác?" Nếu nói: "Ông ấy từ trước đến nay giữ giới hạnh thanh tịnh, nhưng ông ta cùng với bạn bè quen biết có phạm vài lỗi nhỏ nhặt, mà trong lòng thấy (**332a**) hổ thẹn, liền tức khắc sám hối để tiêu trừ." Người như vậy thì Tăng nên trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi biết Tỳ-kheo ấy từ trước đến nay giới hạnh không thanh tịnh, lại cùng kết bạn với kẻ ác, phạm tội mà không chịu sám hối như pháp." Này A-nan, nếu Tỳ-kheo như vậy thì Tăng không nên trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tiếng xấu). Như vậy đó A-nan, khi đã như pháp, như luật trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi xong rồi, mà có khách Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo ngồi ngủ gục trong phòng họp, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, trong các Tỳ-kheo ấy, nếu ai nói: "Làm yết-ma như vậy không thành tựu, không đúng pháp, ngu si, vô trí, trái với Phật, Pháp, Tăng, giống như trâu dê, pháp yết-ma ấy bất thiện, không thành." Do nói như vậy khiến cho sự tranh cãi sinh khởi trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt.

3. Sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Tôn-giả Kiếp-tân-na có 2 đệ tử tùy tùng, một tên là Nan-đề, 2 tên là Bát-già-nan-đề. Hai Tỳ-kheo ấy trước kia bị bệnh cuồng si. Khi bệnh, làm nhiều điều phi pháp. Giờ đây bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm của hai người trong lúc cuồng si, khiến cho 2 Thầy khi nghe những lời ấy rất là xấu hổ. Vì thế, 2 Thầy bèn đem việc ấy trình bày với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trong khi mắc bệnh cuồng si, làm nhiều điều phi pháp, nay bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc hai người đang mắc bệnh cuồng si."

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Các ông hãy hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần.

Khi hỏi ở chỗ vắng nên nói: "Trưởng lão, các vị phạm hạnh nói như thế, Thầy có biết không?" Nếu Họ đáp: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy."

(Sau khi hỏi xong) Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Chúng con đã hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi ở giữa chúng Tăng ba lần, nhưng họ tự nói: không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Hai Tỳ-kheo ấy trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa", thì Tăng nên cho họ pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người chấp pháp nên làm pháp yết-ma cầu thính, xướng rằng:

*"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, (**332b**), rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa." Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho phép 2 Tỳ-kheo Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)... Các Đại đức đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."*

Thế rồi, Nan-đề, Bát-già-nan-đề phải đến giữa Tăng, trịch vai áo phải, quỳ gối chắp tay xin như sau:

'Tôi là mỗ giáp, trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, nhưng các vị phạm hạnh nhắc lại những việc cuồng si trước kia mà tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ. Nay tôi đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Kính xin Tăng cho tôi

pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)" (Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Bấy giờ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: "Tăng không nói về việc của Thầy. Ai nói về việc của Thầy thì hãy đến bảo họ chớ nói nữa."

Thế rồi, Tỳ-kheo này (cuồng si) nên đến Tỳ-kheo kia (phạm hạnh), nói: "Thưa trưởng lão, những việc làm trước đây của tôi trong lúc cuồng si, nay tôi không biết là mình có làm hay không cũng không nhớ nữa, xin trưởng lão chớ nhắc lại những việc làm của tôi trong lúc cuồng si."

Vị Tỳ-kheo ấy nếu chấm dứt thì tốt, nếu không chấm dứt thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê và bạn bè quen biết của ông ta như sau: "Thưa trưởng lão, đệ tử của Ngài và bạn bè tri thức nói về những việc làm của tôi trong lúc cuồng si trước đây. Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa. Xin trưởng lão hãy quở trách vị ấy, bảo chớ có nhắc lại nữa."

Hòa thượng, A-xà-lê của vị ấy nên quở trách rằng: "Ngươi bất thiện, không biết giới luật, ngươi không nghe Thế Tôn nói rằng việc làm trong lúc cuồng si tâm loạn không có tội hay sao?"

Người lắm lời kia, nếu nhận (sự quở trách) thì tốt. Khi ấy, Tăng nên làm yết-ma. Người làm yết-ma phải xướng như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si trước kia, rồi các Thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa." Nay họ đến trước Tăng xin Pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc

làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa." Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nay Tăng cho các vị ấy pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã cho mỗ giáp, pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã (**332c**) cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni chưa?"

Họ đáp: "Đã cho rồi, bạch Thế Tôn."

Phật nói: "Nếu hội đủ năm phương diện thì thành ra cho pháp Bất-si Tỳ-ni phi pháp. Năm phương diện đó là gì? Đó là: (1) Không si, tưởng là si mà cho; (2) Không thỉnh cầu người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu nhuyến; (3) Không đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni; (4) Làm phi pháp; (5) Tăng không hòa hợp.

Đó gọi là hội đủ năm điều phi pháp khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Ngoài ra, còn có năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni. năm điều đó là gì? Đó là: (1) Không si, tưởng là không si mà cho; (2) Cầu xin người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu nhuyến; (3) Đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni; (4) Làm đúng pháp; (5) Tăng hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch: "Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bất-si Tỳ-ni?"

Phật nói với A-nan: "Có Tỳ-kheo trước cuồng si, nay hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại việc làm cuồng si trước kia, thì lúc ấy phải gấp rút tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ theo

kinh, theo luật, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni để chấm dứt sự hủy báng gây ra tranh cãi. Sau khi xong việc, nếu có Tỳ-kheo khách cho đến những kẻ ngu si vô trí giống như trâu dê làm phát khởi lại sự tranh cãi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Bất-si Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi."

Sự tranh cãi về tội (tội tránh): Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo tranh luận nhau về việc phạm tội như Ba-la-di, cho đến Việt-tỳ-ni, thì trong trường hợp này nên dùng 2 loại Tỳ-ni để diệt trừ. Đó là: Tự ngôn Tỳ-ni và Mích-tội-tướng Tỳ-ni.

4. Tự ngôn Tỳ-ni

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Huệ mạng La-hầu-la đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khất thực, khất thực xong trở về Tinh xá. Rồi khi ăn xong, Thầy đem y, bát cất lại chỗ cũ, cầm tọa cụ định đến rừng Đắc Nhãn ngồi thiền, thì giữa đường, Thầy thấy một Tỳ-kheo làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ. Sau khi bị trông thấy, ác Tỳ-kheo này bèn suy nghĩ: "Con của Phật là La-hầu-la trông thấy ta làm điều phi phạm hạnh, chắc chắn sẽ nói với Thế Tôn. Trong lúc y chưa nói, ta nên đến chỗ Thế Tôn, nói trước về tội lỗi của hắn." Thế rồi, ác Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Con trông thấy Tôn-giả La-hầu-la khi đi đến rừng Đắc Nhãn, đã làm điều phi pháp với một phụ nữ ở dọc đường." Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế còn Tôn-giả La-hầu-la, sau khi ngồi thiền dưới một gốc cây, bèn xuất thiền, đi đến chỗ Thế Tôn, nhưng không nhớ sự việc của ác Tỳ-kheo, theo thường lệ, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. (**333a**) Khi ấy, vì muốn cho La-hầu-la nhớ lại sự việc vừa rồi, Thế Tôn bèn hóa ra ác Tỳ-kheo đứng ngay trước mặt. La-hầu-la thấy rồi, liền gợi lại ký ức, bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con đi vào rừng,

thì trông thấy Tỳ-kheo này đang làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ."

Phật nói: "La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo ấy cũng nói thế này: Con thấy La-hầu-la làm việc phi phạm hạnh ở giữa đường, thì phải tính sao?"

Tôn-giả La-hầu-la bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không có việc đó."

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: "Con không có việc đó, thì phải tính sao?"

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, thì chỉ có Thế Tôn mới hiểu con.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: "Chỉ có Thế Tôn mới hiểu được việc này của con", thì phải làm sao?

Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự-ngôn-trị.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói: "Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự-ngôn-trị", thì phải tính sao đây?

Nếu như vậy thì xin Thế Tôn cho 2 chúng con pháp Tự-ngôn-trị.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bèn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi trình bày rõ với các Tỳ-kheo về sự việc trên. Nói xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Cho Tỳ-kheo này pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy).Vì sao vậy? Vì giá như đời sau có ác Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo thanh tịnh rồi Tỳ-kheo thanh tịnh không được pháp Tự-ngôn-trị, liền bị đuổi đi." Thế rồi, Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Có 8 việc phi pháp khi cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni. Tám pháp đó là gì? Đó là: (1) Hỏi tội nặng (quan trọng) mà đáp tội nhẹ, song tội nhẹ ấy lại không thật, đó gọi là cho pháp Tự-ngôn-trị phi pháp; (2) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng; (3) Hỏi tội có dư tàn mà đáp không có dư tàn; (4) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp có dư tàn; (5) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ; (6) Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng; (7) Hỏi tội có dư tàn mà đáp có dư tàn; (8) Hỏi tội không có dư

tàn mà đáp tội không có dư tàn. Nhưng tất cả đều không nói thật tội, đó gọi là phi pháp trao cho Tự-ngôn-trị.

Trái lại có tám điều như pháp khi trao cho Tự-ngôn-trị. Tám điều đó là gì? Đó là: (1) Hỏi tội nặng mà đáp tội nhẹ, nhưng thật có tội nhẹ nên đáp tội nhẹ; đó gọi là như pháp trao cho Tự-ngôi-trị; (2) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng; (3) Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn; (4) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội có dư tàn; (5) Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng; (6) Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ; (7) Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội có dư tàn; (8) Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn. Như vậy tất cả đều nói thật.

Đó gọi là tám điều như pháp trao cho Tự-ngôn-trị.

Bấy giờ, tôn-giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi là Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi, vậy thế nào là Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi?"

Phật nói với A-nan: "Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo moi móc tội lỗi của nhau, hoặc (**333b**) Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni, này A-nan, lúc ấy nên cấp tốc tập họp Tăng, khi tập họp Tăng rồi, phải căn cứ kinh, luật, lời Phật dạy, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo này mà cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi. Như vậy đó A-nan, nếu sau khi như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi rồi mà có Tỳ-kheo khách cho đến (những người khác) làm phát sinh (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi.

5. Mích tội tướng Tỳ-ni

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên Tăng chúng tập họp định làm pháp yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ giả đi gọi. Sứ giả đến nói: "Trưởng lão, Tăng chúng đang tập họp, định làm yết-ma."

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: "Chính là vì ta mà làm yết-ma vậy", nên tâm sinh sợ hãi, bất đắc dĩ phải đến.

Các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?"

Thầy đáp: "Phạm."

Thế rồi, tâm Thầy sinh hoan hỉ, suy nghĩ: "Các vị phạm hạnh nêu tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sửa chữa." Nghĩ thế, Thầy liền bạch với chúng Tăng: "Cho phép tôi ra ngoài một lát."

Sau đó, các Tỳ-kheo bàn nhau: "Tỳ-kheo này khinh suất, là người không quả quyết, ra ngoài rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối. Chúng ta phải hỏi ông ba lần để xác định cho thật chắc rồi mới làm yết-ma."

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: "Vì sao ta lại nhận tội này? Các Tỳ-kheo thường trị tội ta, nay ta không nên nhận tội."

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi vào rồi họ hỏi Thầy: "Có thật ông phạm Tăng-già-bà-thi-sa không?"

Thầy đáp: "Không phạm."

Các Tỳ-kheo hỏi: 'Vì sao vừa rồi ở giữa Tăng ông nhận tội, giờ lại nói không phạm?"

Thi-lợi-da-bà nói: "Tôi không nhớ việc ấy."

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Phật. Phật bèn bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền đem việc đó hỏi kỹ Thi-lợi-da-bà: "Ông có việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Thi-lợi-da-bà này ở giữa chúng Tăng, thấy tội lại nói không thấy, rồi bảo rằng: "Tôi không nhớ." Vậy Tăng phải trao cho ông pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: "Tôi không nhớ." Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên cho Thi-lợi-da-bà Tỳ-kheo pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

***(333c)** Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì bảo là không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: "Tôi không nhớ." Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.* Đây là lần yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy), vì Tăng im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Khi Tăng đã cho pháp yết-ma Mích-tội-tướng Tỳ-ni cho Tỳ-kheo ấy xong rồi, thì Tỳ-kheo ấy phải chấp hành tám pháp suốt đời. Tám pháp đó là gì? Đó là: (1) Không được độ người (xuất gia); (2) Không được cho người thọ giới cụ túc; (3) Không được cho người y chỉ; (4) Không được nhận Tăng mời theo thứ tự; (5) Không được làm sứ giả cho Tăng; (6) Không được làm người thuyết pháp cho chúng Tăng; (7) Không được làm người tụng giới cho chúng Tăng; (8) không được làm người Bố-tát yết-ma cho chúng Tăng. Khi Tăng làm yết-ma rồi, Tỳ-kheo này suốt đời không được bỏ (pháp yết-ma ấy). Đó gọi là tám pháp."

Bấy giờ, tôn-giả A-nan, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong luật nói về pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni, vậy thế nào gọi là Mích-tội-tướng Tỳ-ni?"

Phật nói với A-nan: "Nếu có Tỳ-kheo nào ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: "Tôi không

nhớ", tỏ thái độ khinh mạn, thì phải tức tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ vào kinh, luật và tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Sau khi xong việc, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão, ông chẳng được lợi ích gì! Vì sao ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: "Tôi không nhớ?" Vì ông đã nói những lời ấy ở giữa Tăng, nên Tăng cho ông pháp yết-ma Mích-tội-tướng." Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy mà cho pháp Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Sau đó, nếu Tỳ-kheo khách hay người nào làm phát sinh sự tranh cãi trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Mích-tội-tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi về tội phạm."

Sự tranh cãi về lời nói phải dùng ba pháp Tỳ-ni để dập tắt, trước đã nói về Hiện-tiền Tỳ-ni rồi.

6. Đa-mích Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, thành xá-vệ, bấy giờ có hai hội chúng, mỗi hội chúng đều có một Thầy (thủ lãnh). Vị lãnh tụ hội chúng thứ nhất tên Thanh Luận, vị lãnh tụ hội chúng thứ hai tên Thiện Thích. Thanh Luận có một đệ tử tùy tùng tên Bạc Khẩu. Thiện Thích có một đệ tử tùy tùng tên Điếm Bạch. Vị Lãnh tụ thứ nhất (**334a**) có đệ tử y chỉ tên Đầu-đầu-già. Vị Lãnh tụ thứ hai có đệ tử y chỉ tên Trá Già. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Đầu-ma. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Vô Yên. Vị thứ nhất có đàn việt là Ưu-đà-già. Vị thứ hai có đàn việt là cư sĩ Cừ-sư-la. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-di là phu nhân Xá-di. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-di là Ma-kiền-đề-nữ, tên A-nậu-ba-ma. Vị thứ nhất có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Tần-đầu-ma-ra. Vị thứ hai có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Ba-đà-ma-ra. Mỗi người đều có 500 Tỳ-kheo, 500 Tỳ-kheo-ni, 500 Ưu-bà-tắc, 500 Ưu-bà-di.

Vị lãnh tụ thứ nhất khi đi cầu xong, định dội nước, thì thấy trong nước có trùng, liền lấy cỏ để trên thạp nước làm dấu. Người đệ tử

y chỉ của vị lãnh tụ thứ hai, sau đó vào cầu tiêu, trông thấy trên thạp nước có cỏ, liền nói: "Kẻ nào mà không biết hổ thẹn, đem cỏ bỏ trên thạp đựng nước!"

Người đệ tử tùy tùng của vị lãnh tụ thứ nhất nghe lời nói ấy, liền nói với người đó: "Vì sao ngươi dám bêu rêu tên của Hòa thượng ta, bảo là kẻ không biết hổ thẹn?"

Do sự kiện này mà bốn chúng đệ tử của hai hội chúng sinh ra tranh cãi dữ dội. Bấy giờ, khắp thành phố Câu-diệm-di đều nghe có tiếng tranh cãi, cả trong ngoài thành đều vang dội kinh động, chẳng khác gì vua chim cánh vàng vào biển bắt rồng, khiến cho nước nổi sóng cuồn cuộn. Sự tranh cãi nổi lên ồn ào chỉ xung quanh việc cỏ hay không phải cỏ. Vì các Tỳ-kheo đấu tranh nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói, nào là đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; tội nặng, tội nhẹ; tội có thể sữa trị, tội không thể sữa trị; yết-ma đúng pháp, yết-ma phi pháp; yết-ma có hòa hợp, yết-ma không hòa hợp; việc nên làm, việc không nên làm v.v…

Lúc bấy giờ, tại trú xứ có một Tỳ-kheo nói như sau: "Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với luận, trái với kinh, luật, luận, chỉ khởi lên những sự ô nhiễm, phiền não. Những gì tôi biết mới là đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, phù hợp với kinh, luật, luận, như thế sẽ không sinh ra nhiễm ô, phiền não." Rồi Thầy tiếp: "Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, tôi sẽ đến thành xá-vệ, tới chỗ Thế Tôn, hỏi về cách dập tắt sự tranh cãi này." Thế rồi, Thầy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di đấu tranh nhau, cãi vã nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp,... (cho đến) con không thể dập tắt được sự tranh cãi, nên con phải đến thưa với Thế Tôn về việc dập tắt sự tranh cãi này. Kính xin (**334b**) Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh cãi này."

Khi ấy, Phật bảo Ưu-ba-ly: "Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, luật, theo lời Phật dạy mà cho họ pháp Mích-tội Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy, như cách giải quyết sự việc mà các người họ Thích và các người Ly-xa đã áp dụng. Nếu sự việc không thể giải quyết nhanh được thì cũng phải cho pháp Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt. Này Ưu-ba-ly, sự tranh cãi khởi lên từ ba chỗ: "Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng." Do đó, cũng phải xả tại ba chỗ, lấy tại ba chỗ và diệt tại ba chỗ. Này Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dập tắt sự tranh cãi ấy theo nguyên tắc Đa-mích Tỳ-ni như trường hợp Hiện-tiền Tỳ-ni đã nói rõ ở trên, (cho đến) nếu tâm Tỳ-kheo ấy nhu nhuyến thì Tăng nên biểu quyết theo đa số. Tỳ-kheo nào hội đủ năm pháp thì Tăng nên làm yết-ma cử người ấy làm người xử đoán. Thế nào là năm pháp? Đó là: (1) không thiên vị; (2) Không sân hận; (3) Không sợ hãi; (4) Không si ám; (5) Biết ai rút thẻ rồi, ai chưa rút thẻ.

Người làm yết-ma nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp có thể vì chúng Tăng làm người đưa thẻ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người đưa thẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người đưa thẻ. Các Đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người đưa thẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người đưa thẻ xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành."

Sau khi yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải làm 2 loại thẻ: Một loại màu đen và một loại màu trắng, không được xướng rằng: "Phi pháp lấy thẻ đen, như pháp lấy thẻ trắng", mà nên xướng thế này "Ai nói thế này thì lấy thẻ đen, ai nói thế này thì lấy thẻ trắng."

Người đưa thẻ khi đưa thẻ phải tập trung tâm ý vào năm pháp kể trên rồi mới đưa thẻ; không nên làm bạn với những kẻ không như pháp, mà nên làm bạn với những kẻ như pháp. Khi đưa thẻ xong đem đếm, nếu thấy phe phi pháp nhiều hơn chừng một thẻ, thì không nên xướng: "Những người phi pháp nhiều, những người như pháp ít", mà nên tạo phương tiện giải tán. Nếu thời điểm bữa ăn trước đã đến thì nên xướng lệnh: "Bữa ăn trước." Nếu thời điểm bữa ăn sau đã đến, thì nên xướng lệnh: "Bữa ăn sau." Nếu thời điểm tắm rửa đến, thì nên xướng lệnh: "Tắm rửa." Nếu thời điểm thuyết pháp đến, thì nên xướng lệnh: "Thời điểm thuyết pháp đã đến." Nếu giờ tụng luật đã đến thì nên xướng: "Giờ tụng luật đã đến."

Nếu phe phi pháp biết được (sự tình) bèn nói rằng: "Chúng tôi thắng lợi mà vì sao lại giải tán? Giờ đây chúng tôi không đứng dậy, phải giải quyết việc ấy dứt khoát ngay tại chỗ ngồi này", thì lúc ấy nếu bên cạnh Tinh xá có một ngôi nhà nhỏ không có côn trùng, nên sai tịnh nhân phóng hỏa đốt, rồi hô hoán: "Lửa cháy, lửa cháy", liền đứng dậy chạy đi chữa lửa. Hoặc biết tại trú xứ gần đó có Tỳ-kheo như pháp, thì nên đi kêu gọi: "Vừa rồi có phát thẻ vừa xong, nhưng những người phi pháp thì nhiều mà những người như pháp thì ít, trưởng lão hãy vì Phật pháp mà đến đó làm sao cho những người lấy thẻ như pháp thì nhiều, để cho Phật pháp được tăng trưởng, về phần Trưởng lão cũng được lợi ích, công đức."

Nếu người ấy nghe lời yêu cầu này mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu Thầy ấy đến thì phải phát thẻ trở lại. Khi phát thẻ xong bèn đem đếm, nếu thấy thẻ trắng nhiều hơn một cái, thì không nên xướng: "Nhiều hơn một cái", mà nên xướng rằng: "Những người nói như thế này nhiều, những người nói như thế kia ít." Xướng như thế rồi, nên theo phe đa số.

Nếu hội đủ năm pháp sau đây thì sự phát thẻ thành ra phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là: (1) Những người nói như pháp thì ít

mà những người nói phi pháp thì nhiều; (2) Những người nói như pháp không nhất trí, những người nói phi pháp nhất trí; (3) Phi pháp nói là đúng pháp, đúng pháp nói là phi pháp; (4) Do việc phát thẻ này mà gây ra phá Tăng; (5) Tăng chia rẽ nhau.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái lại năm điều trên thì gọi là sự phát thẻ đúng pháp.

Bấy giờ tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Trong luật dùng Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi). Vậy thế nào gọi là dùng Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi)?"

Phật nói với A-nan: "Nếu các Tỳ-kheo đối với kinh, luật, oai nghi mà nói rằng: "Điều này là tội, là chẳng phải tội; là tội nhẹ, là tội nặng; là tội có thể trị phạt, là tội không thể trị phạt; là tội có dư tàn, là tội không có dư tàn; do đó mà sinh ra cãi vã lẫn nhau, thì lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ theo pháp, luật, lời Phật dạy và tùy theo sự thật mà dập tắt ngay việc ấy. Nếu không thể giải quyết được, mà nghe ở một trú xứ nào đó có vị trưởng lão Tỳ-kheo tụng kinh, tụng luật, tụng luận, hoặc một Tỳ-kheo thiếu niên, tụng kinh, tụng luật, tụng luận, thì phải nhanh chóng đến đó vấn kế, hoặc mời về, rồi tùy theo Tỳ-kheo ấy chỉ vẽ mà trao cho pháp Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Này A-nan, nếu sau khi dập tắt việc ấy rồi mà có Tỳ-kheo khách..., cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới, làm phát khởi (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là Tướng-ngôn-tránh dùng Đa-mích Tỳ-ni để dập tắt.

7. Như thảo bố địa Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh:

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di tranh cãi nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói nào là pháp, phi pháp, luật, phi luật... cho đến Tôn-giả Ưu-ba-ly nói với Tỳ-kheo ấy (vị sứ giả): "Này Trưởng lão, tôi đến đó rồi, sẽ làm các pháp yết-ma (**335a**) để trừng trị, trục xuất các ông. Khi ấy các ông chớ có buồn."

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả nói: "Tôi muốn ra ngoài một lát." Khi ra ngoài rồi, ông ta suy nghĩ: "Nếu ta theo tôn-giả Ưu-ba-ly trở về, thì ông ấy có thể trị tội chúng ta, chi bằng giờ đây ta trở về Câu-diệm-di một mình, cùng nhau dập tắt sự tranh cãi ấy." Nghĩ thế rồi, Thầy trở về Câu-diệm-di, nhưng chung cục vẫn không dập tắt được sự tranh cãi, bèn thưa (với vị Thượng tọa trong trú xứ): "Trưởng lão, bản thân tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, nay tôi phải trở lại thành xá-vệ để cầu viện dập tắt sự tranh cãi." Nói thế rồi, Thầy liền đi đến thành xá-vệ, tới chỗ tôn-giả Ưu-ba-ly, thưa như sau: "Lành thay Tôn-giả, hãy vì các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di mà dập tắt sự tranh cãi."

Ưu-ba-ly bèn nói với Tỳ-kheo ấy: "Như tôi đã nói với ông trước đây, tùy theo sự việc ở đó mà tôi sẽ làm các pháp yết-ma để trị phạt, lúc ấy ông đừng buồn. Tôi sẽ theo ông mà đi."

Tỳ-kheo ấy đáp: "Tôi không dám trái lệnh nữa."

Ưu-ba-ly nói: "Hãy trở lại nơi ấy để dập tắt, chớ làm rối loạn Tăng chúng ở đây."

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả của Câu-diệm-di liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp, họ cãi vã nhau. Kính xin Thế Tôn hãy dập tắt sự tranh cãi ấy."

Phật liền nói với Tỳ-kheo Câu-diệm-di ấy: "Các ông chớ có đấu tranh cãi vã với nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Vì sao vậy? Vì trong thời quá khứ xa xưa có thành phố tên Ca-tì-la, nhà vua tên Bà-la-môn Đạt-đa v.v..., như trong kinh Bổn-sinh Trường Thọ Vương đã nói rõ... Họ bị nước mất nhà tan như vậy, thế mà Thái Tử Trường Sinh không trả thù cha, lại còn giải hòa với kẻ thù, không sinh ác tâm. Nay vì sao các ông đã có lòng tin, xuất gia sống trong chánh pháp mà còn phẫn nộ, tranh cãi, cùng sống một trú xứ mà bất hòa?" Thế rồi, Phật bảo Ưu-ba-ly: "Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, theo

luật, theo lời Phật dạy mà trao cho họ pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy. Này Ưu-ba-ly, sự tranh cãi do ba chỗ khởi lên, ba chỗ thủ, ba chỗ xả và ba chỗ diệt. Giá như sự tranh cãi ấy có tính cách lặt vặt thì cùng với Ưu-bà-tắc giải quyết. Trái lại, nếu sự tranh cãi có tính cách trầm trọng, thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi giới trường, rồi tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy, căn cứ theo pháp, luật mà làm pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt."

Phật lại nói với Ưu-ba-ly: "Nếu vị Hạ tọa có lỗi lầm, thì nên đến chỗ Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, nói như sau: "Thưa trưởng lão, tôi đã làm điều phi pháp, xâm phạm trưởng lão, có lỗi. Nay tôi sám hối, không dám tái phạm." Khi ấy Thượng tọa nên dùng tay xoa đầu (vị đó), đưa tay đỡ dậy ôm vào lòng và nói: "Tuệ mạng (hiền giả) tôi cũng có lỗi, xin Thầy hãy tha thứ."

(**335b**) Trái lại, nếu Thượng tọa có lỗi, thì nên đến chỗ Hạ tọa, cầm tay nói: "Tôi đã làm điều phi pháp, có lỗi, nay xin sám hối với Thầy, không làm như vậy nữa." Lúc ấy, Hạ tọa nên đứng dậy đảnh lễ chân Thượng tọa, rồi cũng sám hối như trên.

Bấy giờ tôn-giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch: "Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi Bố thảo Tỳ-ni, thế nào là Bố thảo Tỳ-ni?"

Phật nói với A-nan: "Nếu có sự tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, khiến cho cùng sống một trú xứ mà bất hòa, rồi hai bộ chúng không chịu nhịn nhau, sinh ra ác tâm, cãi nhau, bên nào cũng nói những lời không phù hợp với Phật pháp. Này A-nan, lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp luật, rồi một vị có đủ đức hạnh thuộc một bộ chúng, biết việc, hiểu rõ nhân duyên, có biện tài, thông hiểu pháp, không khiếp nhược, tán thán công đức hòa hợp chúng Tăng. Rồi vị này rời khỏi chỗ ngồi, trật vai áo phải, quỳ gối, chắp tay, hướng về bộ chúng thứ hai, nói như sau: "Này các Đại đức, vì sao chúng ta đã có lòng tin, xuất gia, cùng sống trong một chánh pháp mà tranh cãi nhau, khiến cho cùng sống chung

mà bất hòa, hai bộ chúng không nhường nhịn nhau, người nào cũng sinh ra ác tâm, lời qua tiếng lại, không tùy thuận pháp, việc không hay đã khởi lên. Tất cả đều do không khéo tư duy mà đến như thế, khiến cho hiện đời này sống khốn khổ, đời sau đọa vào ác đạo. Này các Đại đức, chúng ta ai nấy nên bỏ sự tranh cãi này, như rải cỏ trên đất. Nay tôi hướng đến các Trưởng lão sám hối, mỗi người nên nguôi giận, hòa hợp cùng sống chung."

Này A-nan, nếu bộ chúng thứ hai tất cả đều im lặng, tỏ sự đồng ý, thì một vị có đức hạnh, thông minh, biện tài thuộc bộ chúng này, liền đứng dậy sám hối. Cách sám hối cũng như trên đã nói. Này A-nan, nếu có sự tranh cãi khởi lên trong Tăng như vậy, thì phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp, luật mà dập tắt sự tranh cãi ấy, như dùng cỏ rải trên đất. Này A-nan, tất cả mọi sự tranh cãi như đánh nhau, tát nhau, lôi ra khỏi phòng, đại loại như vậy, hoặc nói hai lưỡi, vu khống vô căn cứ v.v… Các tội như vậy, đều nên dùng nguyên tắc như rải cỏ trên đất dập tắt. Khi đã dùng phương pháp như rải cỏ trên đất để dập tắt rồi, mà có Tỳ-kheo khách, thậm chí Tỳ-kheo mới thọ giới làm phát sinh trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Tóm lại, những việc làm của chúng Tăng đều như pháp thực hiện, như pháp tập họp, như pháp giải trừ, như pháp xả bỏ, như pháp ban cho, nói chung, những việc làm của các Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn có vô lượng phương tiện như vậy, đều nên áp dụng bảy diệt tránh để dập tắt mọi sự tranh cãi. Đó gọi là những việc thường làm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 4 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

5. THUYẾT PHÁP CHO PHỤ NỮ QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tôn-giả Ưu-đà-di đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, tới một nhà kia (**335c**) Thầy bèn thuyết pháp cho nhiều phụ nữ. Lúc ấy, tôn-giả A-nan cũng tuần tự khất thực, đến gia đình ấy, thấy thế, liền hỏi: "Trưởng lão đang làm gì đấy?"

Ưu-đà-di đáp: "Tôi thuyết pháp cho các phụ nữ này."

Tôn-giả A-nan liền nói với Ưu-đà-di: "Vì sao đã nhân danh là Tỳ-kheo, trong lúc không có người nam hiểu biết, chỉ có một mình thuyết pháp cho phụ nữ?"

Sau khi A-nan khất thực về, ăn xong, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Sau khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có làm việc đó thật không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc không có đàn ông hiểu biết mà ông thuyết pháp cho phụ nữ?"

> ***Từ nay về sau, ta không cho phép (Tỳ-kheo), trong lúc không có đàn ông hiểu biết, mà thuyết pháp cho phụ nữ.***

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, liền thuyết pháp cho nhiều phụ nữ nghe. Lúc ấy, tôn-giả A-nan cũng tuần tự khất thực, đến ngay nhà đó, trông thấy thế, bèn hỏi:

Trưởng lão đang làm gì đấy?

Đang thuyết pháp cho các phụ nữ.

Trưởng lão không nghe Thế Tôn nói rằng không có đàn ông thì không được thuyết pháp cho phụ nữ sao?

– Này A-nan, ông không thấy người đá này, người gỗ này, người cỏ này, người họa này sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người?

Tôn-giả A-nan sau khi khất thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có thật như vậy chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy".

Phật nói: "Này Ưu-đà-di, vì sao ông lại tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ?"

Từ nay về sau, ta không cho phép Tỳ-kheo tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy Ưu-đà-di đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi vào thành xá-vệ..., cho đến đáp tôn-giả A-nan: "Ông không thấy đứa trẻ được bồng trên tay kia, đứa trẻ đang bú, đứa trẻ đang nằm hay sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người."

Tôn-giả A-nan sau khi khất thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu – đà– di đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có điều đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy."

Phật nói: "Này Ưu-đà-di, vì sao ông lại tự ví mình trong sạch như đứa trẻ con mà thuyết pháp cho phụ nữ? Từ nay về sau, các Tỳ-kheo không được tự xem mình như đứa bé đang bú mà thuyết pháp cho phụ nữ."

(**336a**) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tì-xá-khư Lộc-mẫu bị bệnh. Do đó, tôn-giả A-nan sáng sớm khoác y đi đến đó thăm bệnh, hỏi: "Ưu-bà-di, bệnh tình thế nào? Có khổ não lắm không?"

Bà đáp: "Bệnh tình không thuyên giảm, không thể chịu nổi, xin Tôn-giả hãy thuyết pháp cho con nghe."

A-nan đáp: "Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ."

Nếu không được nói nhiều, thì có thể nói cho con chừng năm, sáu lời được không?"

Tôi không biết có được hay không, nên không dám tự tiện nói.

Xin cảm ơn Thầy.

Cầu mong bệnh tật chóng hết.

Tôn-giả A-nan nói xong, bèn từ giã, trở về chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "A-nan, ông từ đâu trở về?"

A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Phật, Phật liền nói với A-nan: "Tì-xá-khư Lộc-mẫu là người trí tuệ. Nếu ông nói năm sáu lời thì bệnh bà ấy liền bớt, được sống an lạc. Từ nay về sau, ta cho phép (Tỳ-kheo) khi không có đàn ông, được thuyết pháp cho phụ nữ năm sáu lời."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo, không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ quá năm sáu lời thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp có đàn ông hiểu biết tham dự.***

*

❖ Giải thích

Không có đàn ông hiểu biết: Nếu người đó mù, hoặc điếc thì cũng được xem là không có tịnh nhân. Nếu có hai người mà một

mù, một điếc, thì được xem là một tịnh nhân. Nhưng có tịnh nhân đang nằm ngủ thì cũng được xem là không có đàn ông.

Phụ nữ: Những người ấy hoặc là mẹ, chị em, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Pháp: Những điều Phật nói, hoặc được Phật ấn chứng. Những điều Phật nói nghĩa là chính miệng Phật tự nói ra. Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử Phật hoặc người khác nói, rồi Phật chuẩn nhận.

Nói: Dạy, đọc tụng, hoặc giải thích.

Năm, sáu lời: Gồm có hai loại câu dài và câu ngắn. Câu dài như "Tất cả việc ác chớ làm." Câu ngắn như "Mắt là vô thường."

Ngoại trừ có người đàn ông hiểu biết: Nếu trẻ em dưới bảy tuổi không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt, xấu thì không thể gọi là đàn ông hiểu biết. Nhưng nếu hơn bảy tuổi mà không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu thì cũng gọi là người đàn ông vô tri. Trái lại, nếu bảy tuổi hoặc hơn bảy tuổi mà hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu, thì gọi là người đàn ông hiểu biết.

Lại nữa, nếu có phụ nữ sáng sớm đến lễ tháp, rồi sang đảnh lễ Tỳ-kheo, (**336b**) bạch rằng: "Thưa Tôn-giả, tôi muốn nghe pháp, xin Tôn-giả thuyết pháp cho tôi nghe", thì khi ấy, Tỳ-kheo được nói một câu rưỡi kệ. Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi vào thôn xóm, nếu lại nói năm sáu lời nữa cho người phụ nữ ấy thì phạm Ba-dạ-đề. Sở dĩ đức Thế Tôn chế ra giới nói năm sáu lời, là nói về số lượng lời nói trong một ngày.

Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã mà có phụ nữ đến lễ tháp, rồi sang đảnh lễ Tỳ-kheo, bạch rằng: "Thưa Tôn-giả, xin Tôn-giả thuyết pháp cho tôi nghe", thì Tỳ-kheo nên nói với phụ nữ ấy rằng: "Đức Thế Tôn chế giới, không có tịnh nhân, thì không được thuyết pháp cho phụ nữ." Thế rồi, người phụ nữ ấy bạch với Tỳ-kheo: "Tôi biết Phật pháp, vậy xin hãy nói cho tôi nghe trong mức độ mà Thế Tôn

cho phép", thì khi ấy Tỳ-kheo được nói với phụ nữ ấy một câu kệ rưỡi. Nếu hai người thì được nói 3 câu kệ, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng để giáo hóa, rồi có nhiều phụ nữ đến muốn nghe pháp, thì mỗi mỗi được nói 6 câu. Trước hết, nên nói với phụ nữ thứ nhất: "Tôi nói cho cô 6 câu", rồi nói với phụ nữ thứ hai: "Tôi nói cho cô 6 câu." Như vậy thì nói cho nhiều người vẫn không có tội. Thế rồi, Tỳ-kheo từ giã, các phụ nữ liền đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo để tiễn biệt. Nếu khi ấy, Tỳ-kheo chú nguyện: "Mong cho cô nhanh chóng chấm dứt khổ đau", thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nói: "Mong cho cô không đau ốm, được sống an lạc", thì không có tội.

Tỳ-kheo rời khỏi nhà ấy liền đến nhà khác thuyết pháp, rồi người phụ nữ trước đó bèn đi theo, đứng ở bên ngoài nghe, thấy thế, Tỳ-kheo hỏi: "Cô cũng đi theo nghe sao?" Cô ta đáp: "Vâng." Nếu Tỳ-kheo nói: "Cô đã thâm tín, ưa thích pháp như vậy, thì có thể nghe", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, tuy thấy người phụ nữ ấy mà không hỏi chỉ lo thuyết pháp cho các phụ nữ khác, thì dù phụ nữ ấy nghe pháp Tỳ-kheo cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho phụ nữ trong khi không có tịnh nhân ngồi trong phòng nghe pháp, nhưng có người giúp việc đi qua lại, vào ra, hoặc có người ở bên ngoài, trên gác dưới gác nghe thấy được nhau, thì không có tội.

Nếu nhà của người thế tục hướng mặt ra đường, Tỳ-kheo ở trong đó thuyết pháp cho phụ nữ, dù không có tịnh nhân, nhưng người đi trên đường không dứt, họ đều có thể nghe thấy được, thì cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi trên đường gián đoạn, không nghe thấy được, thì không nên thuyết.

Nếu có phụ nữ đến lễ tháp, rồi tới bạch với Tỳ-kheo: "Thưa Tôn-giả, đây là tháp gì vậy? Xin nói cho tôi biết tên chỗ này." Khi ấy, Tỳ-kheo được phép nói: "Đó là tháp chỗ (Phật) đãn sinh, tháp chỗ Phật đắc

đạo, tháp chỗ Phật Chuyển pháp luân, tháp chỗ Phật Niết-bàn", tùy họ hỏi việc gì, đều được phép trả lời, mà không có tội.

Có bốn loại tịnh nhân: Hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa thấy vừa nghe, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

(**336c**) Thấy mà không nghe: Mắt trông thấy Tỳ-kheo với phụ nữ mà không nghe tiếng nói. (cũng tương tự như vậy đối với 3 trường hợp kia). Trong trường hợp này (Tỳ-kheo) phạm tội Việt-tỳ-ni. Nghe mà không thấy cũng như vậy. Không thấy, không nghe thì phạm Ba-dạ-đề. Vừa thấy vừa nghe thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 5 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

6. DẠY NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TÚC ĐỌC TỤNG

Khi Phật an trú tại thành Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ có Thầy Tỳ-kheo quản sự dạy nhiều đồng tử (nhi đồng) đọc từng câu, từng câu Ba-la-da-na (?). Khi nghe thế, một Bà-la-môn suy nghĩ: "Nơi nào mà có pháp thuần thiện thù thắng như thế! Ta nên đến đó xin xuất gia." Suy nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến Tinh xá Khoáng dã, định xin xuất gia, nhưng thấy Tỳ-kheo dạy các đồng tử đọc tụng, giống như âm thanh đọc tụng của các em học sinh trong các trường học, nên ông suy nghĩ: "Nay ta muốn cầu pháp thù thắng, theo họ xuất gia, thế mà nghe giọng đọc ê, a ở đây giống như giọng đọc của các em học sinh trong các trường học, lại không thể nhận ra ai là Thầy, ai là học trò."

Thấy vậy, nên ông sinh tâm không kính tín, do đó cũng không yết kiến Phật, mà trở về nhà, không xuất gia nữa.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi Thầy đến rồi, Phật hỏi: "Ông có thật như vậy chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Vì sao ông dạy người chưa thọ giới cụ túc tụng cú pháp? Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc tụng cú pháp." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Khoáng dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc cú pháp thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Người chưa thọ giới cụ túc: Chưa trở thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; tuy Tỳ-kheo-ni đã thọ giới cụ túc nhưng cũng không được dạy.

Cú: Cùng đọc tụng từng câu chữ, câu chữ.

Pháp: Những gì do Phật nói, do Phật ấn chứng. Những gì do Phật nói nghĩa là do Phật tự nói ra. Những gì do Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử Thanh văn và những người khác nói được Phật chuẩn nhận, chẳng hạn các pháp thiện cho đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp.

Dạy: Vì họ mà nói, chỉ dạy bằng lời.

Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới cụ túc đọc câu "Mắt là vô thường", rồi một lần đọc lên, một lần lặp lại và một lần gián đoạn, mà Thầy trò cùng đọc vui vẻ, lưu loát, thì phạm Ba-dạ-đề. Đối với

tai, mũi, lưỡi, thân, ý, 18 giới, năm ấm, sáu giới, cho đến các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã cũng như vậy.

(**337a**) Nếu Tỳ-kheo dạy đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ các loại kinh như kinh Ba-la-da-na, kinh Luận nạn, kinh A-nậu-đạt-trì, kinh Duyên giác..., mà đệ tử cùng đọc lên, cùng lặp lại, cùng gián đoạn, thì Thầy nên bảo đệ tử như sau: "Ngươi đợi ta đọc dứt câu rồi ngươi mới đọc." Nếu dạy như vậy mà đệ tử không vâng lời, thì không nên dạy nữa. Nếu đệ tử nói: "Xin Thầy dạy cho con kinh khác", thì lúc ấy, Thầy nên bảo: "Nếu ngươi không đọc theo ta, thì ta sẽ dạy ngươi tiếp." Đối với các đệ tử như vậy, cho đến các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, gặp trường hợp như thế, cũng không được dạy.

Nếu các Tỳ-kheo cùng tụng kinh, thì Thượng tọa nên tụng, còn Hạ tọa nên chú tâm im lặng theo dõi. Nếu Thượng tọa tụng không lưu loát, thì Hạ tọa nên tụng, còn Thượng tọa, nên chú tâm âm thầm tụng theo, cho đến Ưu-bà-di cũng như vậy.

Khi trong Tăng chúng cùng xướng đọc kệ, thì (mọi người) không được cùng đọc một bài kệ, mà lúc ấy mỗi người nên đọc một bài kệ khác nhau. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 6 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

7. NÓI THẬT RẰNG MÌNH ĐẮC ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, cũng như trong giới vọng ngữ thứ tư đã nói rõ nhân duyên các sự việc, chỗ khác nhau là ở đây nói thật, cho đến chỗ Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đó là việc xấu, ví như dâm nữ bán nhan sắc để tự nuôi sống. Các ông cũng vậy, dùng pháp chân thật vi diệu để nói với người, thì chẳng khác gì dâm nữ vì miệng, bụng mà bán nhan sắc để nuôi mạng

sống." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự xưng mình đã được pháp hơn người, rằng: "Tôi biết như vậy, thấy như vậy", dù đó là nói thật, cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tự xưng được pháp hơn người: Pháp hơn người như trước đã nói. Nếu tự nói: "Tôi được pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói: "Tôi được pháp trí", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi đã chứng đắc pháp trí", thì phạm Ba-dạ-đề, từng câu, từng câu như trên đã nói rõ, cho đến nói thật về mười pháp vô học, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: "Các Tỳ-kheo an cư tại chỗ kia đều chẳng phải là phàm phu", thì phạm tội Việt– Tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu họ hỏi: "Tôn-giả cũng ở trong đó chăng?", rồi đáp: "Cũng ở trong đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Ưu-bà-di hỏi: "Tôn-giả cũng được pháp ấy chăng?", rồi đáp: "Được", thì dù là nói thật, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "Tỳ-kheo tự tứ tại chỗ kia chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu Ưu-bà-di hỏi: "(**337b**) Tôn-giả cũng tự tứ tại đó chăng?", rồi đáp: "Đúng vậy", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lại hỏi: "Tôn-giả cũng đắc quả A-la-hán chăng?", mà đáp: "Đắc", thì dù cho nói thật cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo Thắng-lí ở nơi kia thường đến nhà của vua, nhà của Đại thần, nhà của trưởng giả, nhà cư sĩ, nhà của ngươi và nhà bà con ngươi dạy kinh, Thầy ấy đi, đứng, nằm, ngồi

như vậy, ăn thức ăn như vậy (đắc quả A-la-hán)", thì cũng như vậy (tức là phạm Ba-dạ-đề).

Nếu dùng lời nói ở trung tâm đất nước mà nói với người ở biên thùy, hoặc dùng lời nói của biên thùy mà nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở trung tâm đất nước nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở biên thùy, nói với người ở biên thùy, nếu nói nghĩa mà không nói ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói ẩn ý mà không nói nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói nghĩa và nói cả ẩn ý thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý thì không có tội. Nếu viết ra chữ, dùng tay ra dấu, biểu thị nghĩa mà không biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu biểu thị ẩn ý mà không biểu thị nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu biểu thị nghĩa và biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không biểu thị nghĩa, không biểu thị ẩn ý, thì không có tội. Cuối cùng cho đến hiện tướng A-la-hán, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 7 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 14

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

8. NÓI TỘI NẶNG CỦA TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một cư sĩ mời các Tỳ-kheo quen biết đến nhà. Trong số đó có một Trưởng lão Tỳ-kheo đang thi hành pháp Ma-Na-Đỏa nên ngồi ở hàng dưới. Ưu-bà-di đàn việt thấy thế, liền hỏi: "Tôn-giả trước kia ngồi ở trên, nay vì sao lại ngồi ở chỗ này?"

Thầy đáp: "Gặp đâu thì ngồi đó mà, cần chi phải hỏi?"

Ưu-bà-di nói: "Con biết chỗ ngồi của tôn-giả đúng ra tại chỗ này, con cũng biết chỗ ngồi của các tôn-giả khác."

Khi ấy Nan-đà nói với Ưu-bà-di: "Vì sao bà lại bảo thầy của bà lên ngồi ở chỗ trên? (**337c**) Vì thầy của bà vẫn chưa bỏ tính bông đùa của thời niên thiếu đó mà."

Ưu-bà-di nghe thế, lòng không vui, liền suy nghĩ: "Vì thầy ta đang phạm các tội nhỏ nên phải ngồi ở chỗ dưới này", liền ném giỏ cơm xuống đất rồi bỏ đi nói: "Tôn-giả hãy tự lấy thức ăn ở trong đó mà ăn." Nói thế rồi, bà liền vào trong phòng đóng lại một cánh cửa, rồi đọc kệ:

"Xuất gia đã lâu ngày
Tu tập nếp phạm hạnh
Tính trẻ con không bỏ
Làm sao nhận bố thí?"

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà đến.

Khi thầy đến rồi, Phật hỏi: "Ông có thật như vậy không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật liền quở trách Nan-đà: "Đó là việc xấu. Người tu phạm hạnh có lúc phóng dật, sau đó sẽ sống như pháp, vì sao nói với người chưa thọ giới cụ túc về tội lỗi của người ấy?

Từ nay trở đi ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nói với người chưa thọ giới cụ túc về thô tội của người khác."

Lại nữa khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo khất thực, đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, lúc ấy nghe người đàn ông nói với người nữ: "Ngươi bố thí thức ăn cho người xuất gia."

Người phụ nữ hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?"

Đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích."

Tôi không cho thức ăn.

Vì sao không cho?

Đó là người phá phạm hạnh, nên tôi không cho.

Tỳ-kheo liền nói với người phụ nữ ấy: "Này bà chị, tôi là người phạm hạnh."

Người phụ nữ nói: "Tôn-giả Ca-lô là hàng đại danh đức mà còn không thể tu phạm hạnh, nay vì sao ông lại tự nói mình là ngưòi phạm hạnh?"

Tỳ-kheo nghe lời nói ác ấy, cảm thấy sầu não trong lòng, nên không khất thực mà trở về lại Tinh xá, tuyệt thực một ngày.Vì tuyệt thực nên thân thể rũ rượi, thầy bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi

đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Nay ông vì sao mà thân thể rũ rượi như vậy?"

Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: "Này Tỳ-kheo, vì sao ông không nói với họ rằng: giả sử Tỳ-kheo Ca-lô chẳng phải là người phạm hạnh, thì có phương hại gì đến việc tu phạm hạnh của tôi?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con có thể nói với bà ấy, nhưng vì Thế Tôn chế giới không cho phép nói với người chưa thọ giới cụ túc về thô tội của người khác, cho nên con không nói."

Phật nói: "Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Ông không vì mạng sống mà vi phạm lời dạy dỗ của Phật."

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy (**338a**) phi phạm hạnh, vậy Tăng nên trao cho ông ta phép yết-ma phi phạm hạnh. Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy phi phạm hạnh, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng cho phép nói về phi phạm hạnh của Tỳ-kheo Ca-lô." Bạch như vậy, rồi bạch ba lần yết-ma.

Sau đó Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã làm pháp yết-ma cho phép nói về việc phi phạm hạnh của Tỳ-kheo Ca-lô chưa?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Đã làm rồi."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm thô tội mà đem nói với người chưa thọ giới cụ túc – trừ Tăng yết-ma cho phép – thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thô tội: Như bốn tội (Ba-la-di), mười ba tội (Tăng Tàn).

Chưa thọ giới cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni. Nhưng Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới cụ túc cũng không được nói với họ.

Nói: Nói cho người ở trước mặt mình biết; ngoại trừ trường hợp Tăng yết-ma cho phép

Yết-ma: Nếu tác bạch không hợp lệ, chúng Tăng không hợp lệ, thể thức yết-ma không hợp lệ, thì cũng không được gọi là yết-ma. Trái lại, tác bạch hợp lệ, chúng Tăng hợp lệ, thể thức yết-ma hợp lệ, thì được gọi là yết-ma. Đức Thế Tôn bảo yết-ma đó không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết người khác phạm thô tội, mà Tăng chưa làm yết-ma cho phép, thì không được nói thô tội của người ấy. Nếu có ai hỏi: "Tỳ-kheo mỗ giáp phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?", thì nên đáp: "Thầy ấy sẽ tự biết."

Nếu Tăng đã làm yết-ma rồi, cũng không được đem rêu rao với xóm làng. Nếu có ai hỏi: "Tỳ-kheo ấy phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?", thì Tỳ-kheo (được hỏi) nên hỏi lại người ấy: "Ngươi nghe ở đâu?"

Nếu họ đáp: "Tôi nghe tại nơi đó", thì Tỳ-kheo nên trả lời: "Tôi cũng nghe tại nơi đó."

Nếu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ giới cụ túc về việc Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng Tàn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về ba mươi pháp Ni-Tát-kì, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói về bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học, oai nghi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói về tám Ba-la-di, mười chín Tăng Tàn của Tỳ-kheo-ni, thì phạm tội Thâu-lan (giá). Nếu nói về ba mươi pháp Ni-Tát-kì, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề, Tám Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học, oai nghi (của Tỳ-kheo-ni) thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu nói về mười giới của sa-di, sa-di-ni, thì phạm Việt-tỳ-ni. Sau cùng cho đến nói về năm giới của người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 8 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

9. ĐỒNG Ý YẾT-MA, SAU PHỦ NHẬN

(**338b**) Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn-giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng làm yết-ma cử thầy trông coi chín việc, như trong mười ba việc (giới Tăng Tàn) đã nói rõ. Lúc ấy có y phấn tảo xá na, không thể phân chia được nên thầy bạch với Tăng rằng: "Y phấn tảo xá na này không thể chia được, nên cho Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp được không?"

Các Tỳ-kheo đều đồng tình bảo: "Được." Thế nhưng, Đà-phiêu sợ về sau có lời tranh cãi, bèn xướng giữa tăng rằng: "Y phấn tảo xá na này cho Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp", như vậy ba lần.

Xướng vừa xong, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy nói: "Ai nói cho? Nhóm sáu Tỳ-kheo đã chịu cho chưa? Ông xướng như vậy là không có tâm bình đẳng. Ông vì thân tình riêng mà đem vật của chúng Tăng ra cho họ."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có thật như vậy chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc ác. Bậc phạm hạnh như vậy, nếu cần đến da thịt máu tủy của các ông, cũng nên đem cho, huống gì chiếc y phấn tảo ấy không thể chia được, nay đã tuyên bố cho giữa Tăng mà ngăn cản. Khi các ông im lặng bằng lòng cho thì giống

như tướng mạo của bậc quý nhân. Giờ lại ngăn cản, thì giống như bộ dạng của kẻ bần tiện. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo, khi Tăng đem chia phẩm vật, đã hòa hợp bằng lòng cho người khác nhưng sau đó ngăn cản, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Trước đã bằng lòng: Trước đó trong Tăng chia phẩm vật, mình cùng hòa hợp bằng lòng cho.

Sau đó ngăn cản: Nói như sau: "Trưởng lão tùy theo chỗ thân tình mà đem vật của Tăng cho riêng", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khi Tăng đem chia các vật cần phải chia, như: Y-tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hoặc tọa cụ, áo che ghẻ, áo tắm mưa, dây thắt lưng, tô, chén nhỏ, thau đồng, quạt, dù che, bình đựng dầu, túi da, dao con, giày da, bình đựng nước v.v... Tất cả các vật đáng chia như vậy khi chia cho mình thì nên lấy. Nếu không muốn lấy, nên bảo họ đi qua. Nếu họ hỏi: "Vì sao thầy không lấy?", thì nên đáp: "Cái này tôi không cần, tôi muốn lấy vật khác ", rồi sau đó, khi cần mình lấy, thì không có tội. Nếu người chia vật tuyên bố: "Các vị tùy ý mà lấy", thì Tỳ-kheo lúc ấy tùy theo những gì mình cần tự ý lấy, (**338c**) không có tội.

Ngăn cản: Có ba trường hợp: hoặc cho rồi mà ngăn cản; hoặc lúc đang cho ngăn cản; hoặc khi chưa cho ngăn cản.

Khi cho rồi mà ngăn cản thì phạm Ba-dạ-đề. Lúc đang cho mà ngăn cản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc chưa cho mà ngăn cản thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 9 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

10. HỦY BÁNG GIỚI PHÁP

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng chúng cứ nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa (giới), khi tụng đến bốn việc (Ba-la-di) thì nhóm sáu Tỳ-kheo im lặng, đến mười ba việc (Tăng Tàn), thì họ nổi giận; khi tụng đến ba mươi việc (Ni-Tát-Kì), thì họ làm ồn; khi tụng đến chín mươi hai việc (Ba-dạ-đề), thì họ bèn đứng dậy, nói như sau: "Này các Trưởng lão, ai giữ được những giới ấy mà tụng làm chi? Họa có chư Thiên mới giữ được những giới ấy chăng? Chỉ làm cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận mà thôi." Lúc ấy người tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa đâm ra hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ngươi có thật như vậy không."

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Như Lai vì muốn được lợi ích cho các đệ tử nên quy định cứ nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa. Vì sao các ông coi thường, trách cứ, ngăn cản việc tụng giới? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì

mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu vào dịp nửa tháng tụng Ba-La-Đề-Mộc-Xoa mà Tỳ-kheo nào tỏ ra khinh thường chê trách giới nói như sau: "Trưởng lão, cứ nửa tháng tụng các giới tạp nhạp nhỏ nhặt làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận", thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nửa tháng: Hoặc mười bốn ngày, hoặc mười lăm ngày.

Ba-la-đề-mộc-xoa: Mười giới tánh vậy.

Tụng: Tăng hòa hợp cứ nửa tháng, nửa tháng tụng.

Giới nhỏ nhặt tạp nhạp: Chỉ cho các Thiên giới khác, ngoại trừ bốn việc (Ba-la-di), mười ba việc (Tăng tàn).

Khiến các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận: (Ai nói như thế) thì phạm Ba-dạ-đề.

Khinh thường, chê trách: Có ba trường hợp: hoặc chê trách lúc chưa tụng; hoặc chê trách lúc đang tụng; hoặc chê trách lúc tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng: Trước khi tụng nói như sau: "Trưởng lão chớ có tụng các giới nhỏ nhặt ấy làm gì. Tôi muốn tụng xong cho thật nhanh." Đó là chê trách khi chưa tụng.

Chê trách lúc đang tụng: Lúc thuyết giới nói như sau: "Trưởng lão thuyết các giới nhỏ nhặt ấy làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo nghi ngờ, hối hận." Đó gọi là lúc đang tụng mà chê trách.

Chê trách lúc tụng xong: Lúc tụng xong liền nói như sau: "Vừa rồi thầy tụng chi các giới nhỏ nhặt ấy. Thầy tụng đầy đủ các giới

làm chi khiến tôi ngồi lâu mỏi mệt muốn chết!" (**339a**) Đó gọi là chê trách khi tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Chê trách lúc đang tụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chê trách lúc tụng xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

"Vọng ngữ và chủng loại
Hai lưỡi cùng khui lại
Không tịnh (nhân) và cú pháp
Hơn người (đắc quả) nói thô tội
Vị tình, khinh chê giới
Xong phần đầu Bạt-cừ."

(Hết giới thứ 10 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

11. CHẶT PHÁ CÂY SỐNG

Khi Phật trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo quản sự tự tay chặt cây, bẻ cành lá hoặc hái hoa quả, nên bị người đời chê trách như sau: "Các người xem kìa! Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây tự tay chặt cây, hái hoa, giết hại mạng sống thực vật, mất hết phép tắc sa-môn, có đạo nào như thế?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi Phật hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Trong đó tuy không có mạng sống, nhưng không nên làm cho người ta sinh ác cảm. Các ông cũng có thể tạo ra được một sự nghiệp nhỏ, hãy bỏ bớt các việc lặt vặt. Từ nay ta không cho Tỳ-kheo tự tay chặt đốn cây cối, phá hoại thôn của quỷ." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả. Vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo phá hoại mầm sống của cây, phá thôn của quỷ, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mầm sống của cây: Gồm có năm loại: (1) củ, rễ; (2) thân cây; (3) đốt cây; (4) lõi cây; (5) chồi cây. Đó gọi là năm mầm sống của cây.

Thôn của quỷ: Cây lớn, cây nhỏ, cỏ.

Phá hoại: Đốn chặt hủy hoại, nếu đốn chặt hủy hoại thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Củ, rễ cây: Củ gừng, củ sen, củ khoai nước, củ cải, củ hành. Các loại củ cây như vậy phải dùng lửa làm cho sạch (nấu chín), hoặc dùng dao gọt sạch. Đó gọi là củ cây.

Thân cây: Như các loại: Ni-câu-luật, Bí-sát-la, Ưu-đàm-bát-la, dương liễu. Các thân cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch. Đó gọi là các loại thân cây.

Đốt cây: Như trúc, cỏ lau, nứa. Các loại đốt cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch, hoặc vạc bỏ các mắt cây. Đó gọi là đốt cây.

Lõi cây: Như củ cải, rau đắng, cây chàm. Các thứ do lõi sinh ra nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng tay chà cho sạch. Đó gọi là lõi cây.

Chồi cây: Gồm có mười bảy loại hạt giống, như trong giới thứ hai đã nói. Các loại chồi cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc lột vỏ cho sạch. Đó gọi là chồi cây.

Các giống thực vật gồm có: (1) Khỏa hạch chủng; (2) Phu khỏa chủng; (3) (**339b**) Sác khỏa chủng; (4) Cối khỏa chủng; (5) Giác khỏa chủng; (6) Anh vũ trác; (7) Hoàn xuất; (8) Hỏa thiêu; (9) Thời chủng; (10) Phi thời chủng; (11) Thủy chủng; (12) Lục chủng; (13) Tiên tác cánh sanh chủng ;

Khỏa hạch chủng: Như La-lợi-lặc, Tỷ-ê-lặc, A-ma-lặc, Khước-thù-la, Toan-tảo. Các loại trái như vậy nên dùng móng tay cạy hạt bỏ, rồi ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì nên nấu chín. Đó gọi là khỏa hạch chủng.

Phu khỏa chủng: Như Bí-bát-la, phá cầu, Ưu-đàm-bát-la, lợi nại. Các loại có vỏ bọc như thế nên dùng lửa làm cho sạch. Khi chín, nó tự rơi từ trên cây xuống đất, nếu bị va vào cây đá, nó sẽ tróc vỏ như dấu chân muỗi thì được xem là sạch. Không được ăn luôn cả hột. Nếu muốn ăn cả hột thì phải nấu chín. Đó gọi là phu khỏa chủng (loại hạt có vỏ bọc).

Sác khỏa chủng: Như trái dừa, trái hồ đào, trái lựu, các loại trái có vỏ cứng như thế nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc làm vỡ ra. Đó gọi là sác khỏa chủng.

Cối khỏa chủng: Như rau thơm, rau tía tô, đậu, các loại rau như vậy nếu chưa ra trái thì dùng tay vò làm cho sạch, nếu đã có trái thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là cối khỏa chủng.

Giác khỏa chủng: Như các loại đậu lớn nhỏ, hay đậu ma sa, các loại đậu như thế, nếu chưa có hạt, thì dùng tay làm cho sạch, nếu đã có hạt, thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là giác khỏa chủng.

Anh vũ trác: Các trái cây bị chim anh vũ mổ vỡ rơi xuống đất, có vết như dấu chân muỗi, thì gọi là sạch (tịnh), bỏ hạt được phép ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì phải dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là anh vũ trác.

Hoàn xuất: Các loại hạt được bọ ngựa, khỉ ăn vào rồi ỉa ra thành phân thì được xem là tịnh (loại hạt hợp lệ). Đó gọi là hoàn xuất.

Hỏa thiêu: Nếu trái cây bị lửa thiên nhiên đốt cháy, rơi xuống đất được xem là tịnh. Đó gọi là hỏa thiêu.

Thời chủng: Vào mùa lúa thường thì cấy lúa thường, mùa lúa mạch thì cấy lúa mạch. Những loại hạt lúa này nên dùng lửa làm cho sạch. Hoặc bóc vỏ làm cho sạch. Như tại nước Câu-lân-đề, khi nông dân thu hoạch lúa đổ thành đống, họ sợ loài phi nhân lấy trộm nên dùng tro rải lên trên để làm dấu, như thế gọi là tịnh. Như trường hợp thầy tri sự có lẫm lúa chưa tác tịnh, sợ Tỳ-kheo trẻ tuổi không biết thể thức, nên sai tịnh nhân dùng lửa tác tịnh, lửa cháy, cháy lan đốt hết lẫm thóc. Lúc ấy Tỳ-kheo được nói: "Thóc đã đem đi xay hết rồi", thì không phạm tội. Đó gọi là thời chủng.

Phi thời chủng: Như vào mùa nếp mà gặt lúa mạch, vào mùa lúa mạch mà gặt nếp, thì nên dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là phi thời chủng.

Thủy chủng: Như hoa Ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa hương đình, củ của các loại hoa ấy nên dùng lửa tác tịnh, hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là thủy chủng (thực vật sống dưới nước).

Lục chủng: Gồm có mười bảy loại lúa, cần phải bóc vỏ tác tịnh, (**339c**) hoặc dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là lục chủng (thực vật sống ở đồng bằng).

Tiên tác hậu sinh: Có loại lúa tẻ hoặc là rễ củ cải, nên dùng lửa tác tịnh hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là tiên tác.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cắt đứt; hoặc sai người cắt đứt, hoặc tự mình phá; hoặc sai người phá. Hoặc tự mình đập

nát; hoặc sai người đập nát; hoặc tự mình đốt hoặc sai người đốt, hoặc tự mình lột vỏ, hoặc sai người lột vỏ.

Tự cắt: Hoặc tự mình dùng phương tiện cắt năm loại thực vật cả ngày không ngừng, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng ngừng rồi cắt tiếp, thì cứ một lần ngừng phạm một tội Ba-dạ-đề.

Sai người cắt: Một lần dùng phương tiện sai người cắt một ngày, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng nói: "Cắt nhanh lên", thì cứ một lần nói phạm một tội Ba-dạ-đề. Tất cả bốn trường hợp kia như phá, đập nát, đốt, lột vỏ, hoặc tự mình làm, hoặc sai người làm cũng phạm tội như vậy.

Nếu vì Tăng làm tri sự, nhất thiết không được bảo tịnh nhân như: "Cắt cây này, phá cây này, đập nát cây này, lột vỏ cây này." Nếu nói như thế thì phạm tội. Do đó chỉ nên nói: "Hãy biết cây ấy, hãy làm sạch cây ấy", nói như thế không có tội.

Nếu đem năm loại thực vật ném vào trong hồ nước, hoặc dưới giếng, hoặc trong cầu tiêu, trong đống rác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì thế mà thực vật ấy hư chết, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nào muốn cho cỏ không sinh trưởng nên đi qua lại trên đó, thì lúc đi phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cỏ cây chừng độ vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đứng, ngồi, nằm như trên, cũng đều phạm tội như vậy.

Nếu dùng bút vẽ lên cây làm tổn thương bằng vết chân con muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu trên tảng đá sinh rêu, rồi Tỳ-kheo muốn giặt y trên đó, thì không được nhổ bỏ, mà chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ dọn sạch), rồi sau đó mới giặt y. Nếu rêu đó bị ánh nắng làm cho khô, thì được tự tay gỡ bỏ không có tội.

Nếu sau cơn mưa, cây cối ngã trên đất, thì Tỳ-kheo không được dùng tay đỡ lên; nếu đỡ lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cây, dù chỉ bằng vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đến đỡ trước rồi Tỳ-kheo đỡ giúp họ, thì không có tội.

Nếu các y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hay tọa cụ, mền gối, giày dép của Tỳ-kheo sinh nấm mốc thì nên chỉ cho tịnh nhân biết, để họ đem phơi nắng cho khô, thì Tỳ-kheo được dùng tay phủi đi.

Nếu trên bánh sinh mốc, thì nên chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ làm sạch mốc), rồi sau đó mới được ăn.

Nếu khi dọn cơm có các thứ như đậu, mè, dưa, mía v.v... thì Thượng tọa nên hỏi: "Đã tác tịnh chưa?" Nếu họ đáp: "Chưa tác tịnh", thì bảo họ tác tịnh. Nếu họ nói: "Đã tác tịnh rồi" thì được phép ăn.

Nếu trong một đĩa có nhiều trái cây, mà tác tịnh một trái, thì tất cả các trái khác cũng được xem như đã tác tịnh. Nếu trái cây đựng từng đĩa khác nhau, thì phải tác tịnh từng đĩa một.

Nếu mía đang còn lá thì phải tác tịnh riêng từng cây. Nếu mía không có lá, được cột thành bó, thì được tác tịnh như trái cây.

Nếu Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại A-lan-nhã, nơi ấy có cỏ sinh trưởng phủ kín đường đi, vì sợ mất đường đi (**340a**) nên tóm hai bụi cỏ cột lại với nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng vật khác cột lại làm dấu mà đi, đến khi trở về mở ra, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ở trong núi, khi mưa, đường sá bùn đất trơn trợt, lúc đi trợt chân suýt bị té, bèn nắm cỏ nhưng cỏ đứt, lại nắm cái khác thì không có tội.

Nếu bị nước cuốn trôi, nên Tỳ-kheo chụp lấy cỏ làm cho cỏ đứt, thì cũng không có tội.

Nếu khi trét phên đất mà khát nước, muốn uống nước, nhưng vì tay có bùn, thì được dùng lá cây múc nước uống. Nếu không có tịnh nhân lấy lá cây, thì được leo lên cây dùng lá cây tươi đựng nước uống; nhưng không được bứt đứt lá cây. Nếu cây cao sử dụng không được, thì được quằn cây xuống, lấy lá khô múc nước uống. Nếu Tỳ-kheo bứt đứt lá cây xanh non thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu làm đứt lá cây có nhiều chân cứng, chắc thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu bứt đứt lá cây đã úa vàng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu gió thổi làm rụng ba loại lá cây (tươi, úa và khô) rồi lấy dùng, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo hái trái cây tươi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hái trái cây sắp chín thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hái trái chín thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường, ban đêm nằm ngủ trên cỏ tươi mà tưởng là cỏ khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc cỏ khô mà tưởng cỏ tươi, cũng phạm Việt-tỳ-ni. Cỏ tươi mà tưởng cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cỏ khô mà tưởng cỏ khô thì không có tội.

Nếu trong thành phố hoặc xóm làng có nhà từ đường, nơi ấy có cây cối cành lá, dù là khô cũng không được bẻ lấy. Nếu bẻ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về bốn trường hợp đối với cây cối cũng như trong vấn đề cỏ tươi đã nói ở trên.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đại tiểu cần dùng nước phải đi đến hồ lấy nước, nhưng trên mặt hồ đầy cả lục bình, thì không được dùng tay quạt cho lục bình trôi đi để lấy nước, mà phải tìm lối đi của bò, ngựa hoặc rắn, hoặc ếch. Nếu không có lối đi, thì cầm cục đất ném trên không rồi nói như sau: "Đi lên đến cõi phạm thiên", chờ khi cục đất rơi xuống rồi quạt bèo, lấy nước dùng thì không có tội. Nhưng nếu làm cho bèo cỏ trong nước bị lật úp xuống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vớt bèo cỏ ném lên bờ thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi vào hồ nước tắm, nếu có cỏ tươi vướng vào mình, nên dùng nước xối cho trôi xuống nước. Nếu nhổ nấm buổi mai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi nhặt phân bò khô mà dính luôn cả cỏ tươi thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 11 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

12. NÓI ĐỂ NHIỄU LOẠN NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Khi ấy, Tăng tập họp định làm yết-ma, thì Tôn-giả Xiển-đà không đến. Tăng liền sai sứ đi gọi Xiển-đà nói: "Tăng tập họp định làm yết-ma, Trưởng lão hãy đến." Xiển-đà liền suy nghĩ: "Nay Tăng cho gọi ta, chính là muốn trị tội ta, chứ không có việc gì khác. Nay ta (**340b**) phải nhiễu loạn ai đây để cho tất cả Tăng chúng đều rối loạn không thể làm yết-ma được? Có lẽ nên nhiễu loạn tôn-giả Mục Kiền Liên thì mới thoát được việc này. Nhưng Mục Kiền Liên có đại thần lực ắt sẽ biết việc ta làm, hoặc ông có thể nắm ta ném đến thế giới khác, nên việc này cũng không thể được." Rồi lại suy nghĩ: "Nếu nhiễu loạn Đại-Ca-Diếp thì có thể thoát được việc này. Nhưng Đại-Ca-Diếp có uy đức lớn, ông có thể chiết phục, làm nhục ta ở giữa chúng Tăng, nên việc này cũng không thể được." Rồi lại suy nghĩ: "Tôn-giả Xá-lợi-phất tâm nhu nhuyến chất trực, dễ nói chuyện, nếu nhiễu loạn ông ta thì có thể khiến cho Tăng đều rối loạn không thể làm yết-ma đối với ta."

Nghĩ thế rồi, Xiển-đà bèn đi đến giữa Tăng, nói như sau: "Thưa tôn-giả Xá-lợi-phất, tôi muốn hỏi nghĩa kinh."

Xá-lợi-phất nói: "Nay vì việc khác mà tập họp Tăng, lúc này không phải là lúc hỏi nghĩa kinh."

Xiển-đà lại nói với tôn-giả Xá-lợi-phất: "Đối với chánh pháp của Phật không có lúc nào là lúc phi thời. Nếu được thiện quả ngay trong hiện tại, trừ diệt phiền não, các hiền thánh vui vẻ, thì đều không có gì phải chọn lựa thời gian."

Tôn-giả Xá-lợi-phất nói: "Tôi xin nghe thầy hỏi."

Xiển-đà liền hỏi: "Đức Thế Tôn thuyết tứ niệm xứ, vậy thế nào là tứ niệm xứ?"

Khi ấy Tôn-giả Xá-lợi-phất bèn giảng về tứ niệm xứ cho Xiển-đà. Xiển-đà lại nói: "Tôi không hỏi tứ niệm xứ, tôi hỏi Tứ chánh cần. Trưởng lão chỉ nên nói về Tứ chánh cần cho tôi."

Xá-lợi-phất nói: "Thầy muốn nghe Tứ chánh cần thì hãy lắng nghe", rồi nói về Tứ chánh cần.

Xiển-đà lại nói: "Tôi hỏi về Tứ Như Ý Túc." Như vậy lần lượt hỏi đến ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, Bát chánh đạo phần cũng như tứ niệm xứ, hỏi đi hỏi lại ba lần.

Lúc ấy các Tỳ-kheo ngồi lâu mỏi mệt, liền lần lượt bỏ ra, khiến Tăng không hòa hợp, chung cục yết-ma không thành. Do vậy, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Xiển-đà, ông có thật như vậy không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy."

Phật nói: "Xiển-đà, đó là việc xấu. Ta đã không vì ông mà dùng vô lượng phương tiện chê trách những lời nói nhiễu loạn, khen ngợi những lời nói tùy thuận hay sao? Nay vì sao ông gây ra sự nhiễu loạn? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nói những lời khác làm não loạn người khác, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Nói những lời khác làm não loạn người khác: Có tám trường hợp. Đó là: (1) Lúc làm yết-ma; (2) Lúc bàn luận như pháp; (3)

Lúc bàn luận về A-tỳ-đàm; (**340c**) (4) Lúc bàn luận về Tỳ-ni; (5) Không bàn về việc khác; (6) Không bàn với người khác; (7) Ngưng luận bàn; 8. Nói những lời khác làm não loạn người khác.

Làm yết-ma: Tỳ-kheo tập trung hòa hợp làm yết-ma Chiết phục, cho đến yết-ma biệt trụ. Đó gọi là làm yết-ma.

Bàn luận như pháp: nói về phi thường (vô thường), phi đoạn (không đoạn diệt). Đó gọi là bàn luận như pháp.

A-tỳ-đàm: Chỉ cho chín bộ kinh. Đó gọi là A-tỳ-đàm.

Tỳ-ni: Nói đủ, hoặc nói tóm lược Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Đó gọi là Tỳ-ni.

Không bàn về việc khác: Không được rời bỏ vấn đề đang bàn luận mà bàn về vấn đề khác. Đó gọi là không bàn về việc khác.

Không luận bàn với người khác: Không được rời bỏ người vừa hỏi để hỏi người khác. Đó gọi là không bàn luận với người khác.

Ngưng bàn luận: Lúc đương thuyết pháp liền bảo: "Dừng lại, sau sẽ bàn tiếp." Đó gọi là ngưng bàn luận

Nói những lời khác làm não loạn người khác: Như tôn-giả Xiển-đà đã nói những lời khác (ngoài mục đích yết-ma) để làm não loạn người khác.

Đó gọi là tám trường hợp.

Trong đây, dùng những lời khác làm não loạn người khác, phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngoài tám việc trên đây thì không phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người hỏi: "Tỳ-kheo, Thầy từ đâu đến?"

Từ quá khứ đến.

Thầy sẽ đi về đâu?

Hướng về vị lai mà đi.

Thầy ngủ ở đâu?

Ngủ trên tám loại cây.

Hôm nay thầy ăn tại đâu?

Ăn bằng năm ngón tay.

Nếu hỏi một đằng mà đáp một ngả như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có bọn cướp xâm nhập vào chùa, hỏi Tỳ-kheo: "Chỉ cho tôi những đồ vật của chư Tăng."

Khi ấy, Tỳ-kheo không được chỉ cho họ các thứ châu báu, cũng không được nói dối, mà nên chỉ cho họ phòng ốc, giường ghế các thứ. Nếu bọn cướp nói: "Chỉ cho tôi những vật dụng của tháp", thì cũng không được chỉ cho họ những bảo vật của tháp, cũng không được nói dối, mà nên chỉ những khí cụ cúng dường ở cạnh tháp.

Nếu bọn cướp nói: "Chỉ cho tôi nhà bếp ", thì Tỳ-kheo cũng không được chỉ cho họ chỗ cất tiền, mà nên chỉ cho họ chỗ để các thứ nồi niêu xoong chảo.

Nếu súc vật của nhà đồ tể chạy thoát, họ đến hỏi Tỳ-kheo có thấy không, thì Tỳ-kheo không được nói dối, cũng không được chỉ chỗ, mà nên nói: "Xem móng tay đây, xem móng tay đây (tiếng phạn có nghĩa là không thấy)."

Nếu Tỳ-kheo ở tại A-luyện-nhã, có tù nhân đào thoát, rồi quân lính đến hỏi thì Tỳ-kheo cũng đáp như trường hợp súc sinh trên.

Nếu Tỳ-kheo ở giữa Tăng mà hỏi một đàng đáp một ngả, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ở giữa nhiều người, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước các Trưởng lão Tỳ-kheo mà hỏi một đàng đáp một ngả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 12 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

13. CHÊ TRÁCH CHỨC SỰ CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ người đời có lòng tín kính rất sâu xa, nên họ mang nhiều thức ẩm thực đến cúng dường Thế Tôn, rồi cúng chúng Tăng, tôn-giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Phần cúng dường Phật thì có thị giả thu dọn còn phần cúng dường chúng Tăng và Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên (**341a**) thì hoặc dùng hết, hoặc dùng không hết mà không có ai thu dọn để đến hôi thối. Bấy giờ tôn-giả Đà-phiêu còn ở địa vị đang học, suy nghĩ: "Nếu ta đạt được vô học, thì ta sẽ coi sóc công việc của Tăng để chư Tăng được an lạc." Suy nghĩ thế rồi, đầu đêm, cuối đêm, thầy tinh tấn tu tập nên đắc quả A-la-hán, đắc tam minh, lục thông. Đoạn thầy suy nghĩ: "Vì sao ta phải làm những việc hữu vi? Ta nên tu tập vui sống với thiểu dục, vô sự."

Phật nói với Đà-phiêu: "Khi còn ở địa vị phải học, ông đã nói như sau: "Nếu ta đạt được địa vị vô học, ta sẽ coi sóc công việc chư Tăng." Ông có nói như thế không?"

Thầy đáp: "Có nói như vậy, bạch Thế Tôn."

Này Đà-phiêu như nguyện vọng của ông trước kia, giờ đây nên làm như vậy.

Con sẽ làm như Thế Tôn dạy.

Thế rồi chúng Tăng cử thầy làm chín việc như trước đây đã nói. Lúc ấy, thầy tùy nghi sai phái chúng Tăng đi thọ trai. Nếu là trưởng lão Thượng tọa thì cho thức ăn thượng hạng. Nếu trung tọa thì cho thức ăn trung bình. Nếu hạ tọa thì cho thức ăn thô sơ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vì đã có mối hiềm khích oán hận, nên đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với Đà-phiêu: "Phàm là người xuất gia, nguyên tắc phải trao thức ăn bình đẳng, ông nên biết: được ít thì không đủ, được nhiều cũng không nên chán, được tốt, được xấu, đều không chu đáo."

Do thế, trưởng lão Đà-phiêu bèn phân ra ba loại thực phẩm tinh thô, cứ tuần tự giáp vòng rồi trở lại từ đầu. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sáng sớm thức dậy, liền khoác y cầm bát, đến nhà cúng dường ẩm thực, nói với Ưu-bà-di: "Trao thức ăn cho tôi."

Ưu-bà-di nói: "Thưa tôn-giả, chưa đến giờ ăn. Tôi chưa kịp rửa mặt và rửa chén bát, chưa làm được thức ăn cho người xuất gia."

Lúc ấy các thanh thiếu nữ trẻ ở nhà đàn việt mới thức dậy, đi tắm rửa để lộ thân thể. Tỳ-kheo Nan-đà do không thu nhiếp các căn, nhìn chăm chăm vào các cô gái, nên Ưu-bà-di suy nghĩ: "Tỳ-kheo này không phải là người trì luật, nếu để lâu ở đây có thể sinh ra nhiều tội lỗi. Ta hãy đưa thức ăn của người giúp việc để ông ta đi ngay cho rồi."

Suy nghĩ như thế rồi bà liền mang thức ăn của người giúp việc đưa cho thầy.

Tỳ-kheo ấy nhận được thức ăn rồi, liền trở về Tinh xá. Bấy giờ, có trưởng lão Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y cầm bát đi đến nhà cúng dường thức ăn. Đàn việt liền cúng dường thức ăn ngon lành đầy bát, rồi thầy trở về. Khi ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà trông thấy thế, liền nói như sau: "Này trưởng lão Đà-phiêu, đức Thế Tôn dạy phải chia thực phẩm bình đẳng. Thầy hãy xem hai loại thức ăn này có giống nhau hay không?"

Đà-phiêu nói: "Vì thầy đến quá sớm, chưa tới giờ ăn (nên mới thế)."

Hôm sau, Nan-đà bèn khoác y, cầm bát vào thành, nhưng ở dọc đường thầy xem đấu voi, đấu ngựa và nghe người thế tục bình phẩm. Lúc ấy Ưu-bà-di suy nghĩ: "(**341b**) Hôm qua thầy ấy đến không được ăn, hôm nay phải chuẩn bị sớm." Thế rồi bà làm thức ăn xong đã lâu mà chờ mãi vẫn không thấy tới, nên suy nghĩ: "Tôn-giả hôm qua đến sớm, bữa nay vì sao không tới? Hay là ở Tinh xá Kỳ-hoàn có cúng dường chư Tăng, cho nên không đến?" Do vậy, bà cùng với chồng con ăn sạch.

Lúc đến giờ, Nan-đà mới vội vã đến, nói với Ưu-bà-di: "Đưa thức ăn cho tôi."

Ưu-bà-di nói: "Con làm thức ăn từ sớm đợi tôn-giả mà không thấy đến. Con tưởng hôm nay có người cúng dường chư Tăng tại Kỳ-hoàn. Thầy được họ mời rồi chứ? Vì thế phần cúng dường cho thầy con đã ăn hết."

Nan-đà liền nói: "Ngươi định bỏ đói ta sao?"

Bấy giờ, Ưu-bà-di liền đem thức ăn thừa của người giúp việc ra cho thầy. Được thức ăn rồi thầy bèn trở về Tinh xá, nói lại như trước.

Đà-phiêu nói: "(Hôm nay) thầy lại tới quá trễ." Nói xong tôn-giả Đà-phiêu liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà tới. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Ông có thật như vậy chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo hiềm trách thầy tri sự thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hiềm trách: Hoặc bái nhân, bái chúc nhân, bái chúc chúc nhân.

Bái nhân (người được giao việc): Như tôn-giả Đà-phiêu. Đó gọi là bái nhân.

Bái chúc nhân (người được giao việc bèn nhờ người khác làm giúp): Như trường hợp Đà-phiêu Na-la-tử nhờ người khác xử lý công việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc nhân.

Bái chúc chúc nhân (người được giao việc nhờ người khác làm giúp, rồi người ấy lại nhờ người khác nữa): Người được giao việc lại đi nhờ người khác nữa xử lý việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc chúc nhân.

Hiềm trách: Người hiềm trách phạm Ba-dạ-đề.

Khi Tăng phát các thứ bánh, theo thứ tự đến mình, thì mình nên nhận lấy. Nếu không muốn lấy thì nên bảo họ đi tiếp. Nếu tịnh nhân hỏi: "Vì sao thầy không lấy?"

Rồi mình đáp: "Tôi kiêng cữ không dùng thứ này, muốn lấy thứ khác", thì không có tội.

Khi Tăng đi phân phát các loại cháo, như cháo sữa, cháo tô lạc, cháo mè, cháo cá v.v..., nếu họ múc đầy vá đưa cho Thượng tọa thì Thượng tọa không nên nhận liền mà nên nói: "Nên đưa cho bình đẳng." Nếu người trị nhật đi đưa thịt, vì vị nể Thượng tọa nên đưa nhiều hơn, thì Thượng tọa nên hỏi: "Tất cả đều như thế này chăng?"

Người trị nhật liền đáp: "Chỉ đưa cho Thượng tọa nhiều thôi."

Thượng tọa nên nói: "Nên chia bình đẳng." Thế rồi, nếu không cần nhiều (**341c**) thì hãy lấy một ít. Lấy xong rồi bảo đưa bình đẳng cho mọi người.

Khi có những thức ăn ngon như vậy nên đưa cho bình đẳng.

Lúc sa-di đi trao đồ ăn, nếu trao cho thầy mình một cách thiên vị, thì thầy tri sự nên nói: "Hãy đưa bình đẳng."

Nếu sa-di nói: "Sao ông không tự làm đi?" Lúc ấy thầy tri sự nên đuổi sa-di đi rồi sai người khác làm.

Nếu người đi đưa thức ăn, thấy có vị đại đức trong Tăng bèn đưa nhiều hơn, khiến những người khác bị thiếu, thì thầy tri sự nên nói với người ấy: "Trong Tăng không có cao thấp, ngươi hãy đưa bình đẳng."

Nói chung, có các trường hợp: hoặc có hiềm mà không trách móc; hoặc có trách móc mà không hiềm; hoặc vừa hiềm vừa trách móc; hoặc chẳng hiềm chẳng trách móc.

Có hiềm mà không trách móc: Bưng bát thức ăn của mình đem so sánh với bát người bên cạnh rồi nói thế này: "Như thế này có bình đẳng không?" Đó gọi là có hiềm mà không trách móc. Cả bốn trường hợp kia nói rộng cũng như vậy.

Có hiềm mà không trách móc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Có trách móc mà không hiềm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Vừa hiềm vừa trách móc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chẳng hiềm cũng chẳng trách móc thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 13 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

14. TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ TRỐNG

Khi Phật trú tại nước Bạt-kỳ, Ngài đi du hành trong nhân gian, đến bên một con sông kia, thấy các ngư ông đang bủa lưới bắt cá. Các Tỳ-kheo thấy thế liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các ngư ông này làm một việc lẽ ra không nên làm." Nhân các Tỳ-kheo nói nên Thế Tôn liền đọc kệ:

"Đã được thân khó được
Vì sao làm việc ác
Thân cưu mang ái nhiễm
Chết rồi vào ác đạo."

Khi ấy, các ngư phủ bủa một mảng lưới lớn, ở bên dưới buột đá, ở bên trên cột những cái bầu nổi, thuận theo dòng nước kéo lên, mỗi đầu hai trăm năm mươi người, kêu la kéo lên bờ ầm ĩ. Các Tỳ-kheo thấy thế, liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những người này nếu ở trong Phật pháp mà tinh tấn như vậy, thì sẽ được lợi ích lớn." Bấy giờ nhân sự việc ấy, Thế Tôn liền đọc kệ:

"Cái gọi là tinh tấn
Không phải là các dục
Mà là lìa việc ác
Nuôi mạng sống đúng pháp."

Như kinh Bổn sinh Ca-tỳ-la đã nói rõ.

Lúc ấy, trong các con cá bị mắc lưới, có con cá lớn có hàng trăm cái đầu, mỗi đầu đều khác nhau. Thế Tôn thấy vậy liền gọi tên nó. Nó liền đáp Thế Tôn. Thế Tôn liền hỏi: "Mẹ ngươi ở đâu?"

Nó đáp: "Đang làm thân dòi trong một cầu tiêu nọ."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Con cá lớn này vào thời đức Phật Ca-diếp, làm (**342a**) một Tỳ-kheo thông tam tạng, vì ác khẩu mà chịu quả báo đủ kiểu đầu. Còn người mẹ vì thọ lợi dưỡng của y cho nên làm dòi trong cầu tiêu."

Khi Phật kể nhân duyên ấy, năm trăm ngư phủ liền bỏ việc kéo lưới, xin xuất gia tu hành, và đều đắc quả A-la-hán, rồi cư trú bên dòng sông Bạt-kỳ.

Thế rồi Phật bảo A-nan: "Hãy sửa soạn chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo khách ấy." A-nan liền bạch Phật: "Xin Phật an ủi các khách Tỳ-kheo."

Phật lại nói với A-nan: "Ông không biết đó thôi, Ta đã nhập vào Tứ Thiền an ủi khách Tỳ-kheo rồi."

Trong khi các giường gối bày ra tại chỗ đất trống (không ai dọn dẹp), thì tới giờ khất thực, các Tỳ-kheo khách liền dùng thần lực, người thì đến Uất đơn việt phương bắc, kẻ thì đến cõi trời ba

mươi ba, người khác lại xuống cung long vương khất thực. Do thế các gường gối bày ra chỗ trống kia bị nắng táp, gió thổi nên bụi bặm bám rất dơ bẩn. Phật biết mà vẫn hỏi. Rồi các Tỳ-kheo đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: "Đợi các Tỳ-kheo ấy trở lại đã."

Khi họ về rồi Phật liền hỏi: "Các ông có thật như thế chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy".

Phật nói: "Từ hôm nay nhân việc của các ông, ta chế giới cho các Tỳ-kheo."

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống bên sông Bạt-kỳ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo, ở tại trú xứ của Tăng, mà tự mình hoặc sai người khác đem giường nằm, giường ngồi, nệm gối ra chỗ đất trống, rồi lúc đi không dọn cất, cũng không sai người dọn cất, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Trú xứ của Tăng: Hoặc trú xứ tại A-luyện-nhã, hoặc trú xứ tại thôn xóm.

Giường nằm, giường ngồi: Có mười thứ: (1) Giường nằm chân tròn; (2) Giường ngồi chân tròn; (3) Giường nằm bằng nệm; (4) Giường ngồi bằng nệm; (5) Giường nằm bằng dây; (6) Giường ngồi bằng dây; (7) Giường nằm bằng ô-na-đà; (8) Giường ngồi bằng ô-na-đà; (9) Giường nằm bằng đà-di; (10) Giường ngồi bằng đà-di.

Nệm: Nệm kiếp bối, nệm lông mịn, nệm len, nệm Ca-thi, nệm cỏ.

Gối: Gối kiếp bối, gối lông mịn, gối len, gối Ca-thi.

Trải: Hoặc tự mình trải, hoặc bảo người khác trải.

Đi: Đi đến nơi khác.

Không đem cất: không tự mình đem cất, không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu muốn thuyết pháp tại chỗ đất trống, rồi người coi giữ giường nệm đem bày giường nệm ra, sau đó bỏ đi cách hai mươi lăm khuỷu tay mà không dặn lại người khác đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu cả hai người cùng biết (có giường ở ngoài trời) thì khi một người ra đi phải dặn người thứ hai. Nếu người thứ hai muốn đi, phải đợi người thứ nhất trở lại dặn dò xong mới được đi. Nếu đem giường gối ra bày rồi có người đến ngồi mà người đem ra biết được họ, thì bỏ đi không có tội.

Nếu vào những tháng mùa xuân, Tỳ-kheo đem giường nệm để ngoài trời, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi đến ngồi ngủ trên đó, thì người đem ra phải dặn Tỳ-kheo ấy đem cất.

(**342b**) Nếu Tỳ-kheo ban đêm đi đại tiểu tiện, đụng nhằm giường của Tăng mà trên ấy không có Tỳ-kheo rồi bỏ đi, thì tùy theo chạm mỗi cái phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu trên giường ấy có Tỳ-kheo, bèn dặn họ đem cất thì không có tội.

Nếu thầy tri sự của Tăng muốn trao giường nệm cho ai, rồi lấy ra để ngoài trời, bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu người nhận giường nệm của Tăng, rồi để phơi ngoài nắng bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh, nằm ngủ ở chỗ trống, đệ tử đến đảnh lễ, nếu thấy thầy đứng dậy đi, thì đệ tử phải đem giường ấy vào trong phòng cất. Nếu hai người cùng ngồi một giường, thì khi Thượng tọa muốn đi phải dặn lại Hạ tọa. Hạ tọa muốn đi thì phải bạch với Thượng tọa rằng: "Con muốn đi, cái giường này nên cất ở chỗ

nào?" Nếu Thượng tọa nói: "Ông cứ đi đi, giường này ta sẽ cất cho", thì khi ấy Hạ tọa đi, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đem giường nệm ra để cho Hòa thượng A-xà-lê nằm, rồi bỏ đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Hòa thượng A-xà-lê biết đệ tử đem ra cho mình nằm, thì khi ra đi nên dặn họ cất, nếu không dặn mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đặt hình tượng trên giường của chúng Tăng, rồi các Tỳ-kheo khác đến lễ bái, tay chạm vào hình tượng mà không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo theo thứ tự đến lễ bái, tay chạm vào hình tượng, thì nên dặn người sau cùng đem cất.

Có các trường hợp: Hoặc được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm, hoặc thuộc trách nhiệm mà không dặn dò; hoặc vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm; hoặc chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm.

Được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp sa-di.

Thuộc trách nhiệm mà không phải được dặn dò: Đó là trường hợp Tỳ-kheo Thượng tọa.

Vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp Tỳ-kheo hạ tọa.

Chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp người thế tục.

Nếu Tỳ-kheo có đức lớn có nhiều đệ tử, rồi họ trải giường nệm, mà thầy biết họ trải cho mình, thì khi đi nên dặn họ đem cất, nếu không dặn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tại trú xứ của chúng Tăng có những giường nệm để ngoài trời, mà khi Tỳ-kheo ra đi, không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu thấy giường nệm của chúng Tăng để ngoài trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của chúng Tăng mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của Tăng để ngoài trời tại nhà bạch y, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của người thế tục để ở ngoài trời, thì khi ra đi nên nói cho họ biết. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 14 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

15. TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Bà-la-môn (**342c**) mời chúng Tăng ở lại cúng dường ẩm thực và dâng y phục. Các Tỳ-kheo bày biện các tọa cụ trong Tăng phòng không dọn cất mà ra đi. Thế Tôn vì năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy trên các tọa cụ ấy có phân chuột gián và bụi đất bẩn thỉu, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các ông là người xuất gia không có ai lo liệu cho các ông những việc trước sau, vì sao lúc ra đi không đem cất đồ đạc? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự trải giường nệm hay sai người khác trải giường nệm ở trong chỗ che khuất mà khi ra đi không đem cất, cũng không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề."

*

❖ Giải thích

Ở trong: Tức là chỗ che khuất.

Giường ghế: Gồm mười bốn loại như trên đã nói.

Gối nệm: Cũng như trên đã nói.

Trải: Hoặc tự mình trải, hoặc sai người trải.

Đi: Đi đến nơi khác.

Không tự cất: Không tự mình đem cất.

Không sai người cất: Không sai người khác đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn đi nơi khác, thì trước khi đi phải rảy nước quét phòng, dùng khăn lau sàn nhà cho sạch, lại phải đem mền gối phơi khô, rồi nói với người giữ mền gối như sau: "Này Trưởng lão đây là giường mền gối ", nhất thiết phải dặn dò lại như vậy. Nếu người giữ giường nệm là hàng Hạ tọa, thì nên đáp: "Tôi sẽ cất giường nệm ấy." Nếu người giữ giường nệm là hàng Thượng tọa, thì khi người kia trả lại giường nệm, nên đáp: "Được rồi." Nếu ra đi mà không bạch thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không bạch mà ra đi, rồi có Tỳ-kheo khác vào ở, phòng ấy không còn trống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu khi đi rồi mà để quên y bát, bèn trở lại lấy, nhân đó mới bạch, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường trong lúc trời u ám sắp mưa, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn đi trước về Tinh xá, lấy giường nệm của Hòa

thượng A-xà-lê đem cất, thì khi trời tạnh muốn ra đi, phải bạch với Hòa thượng, nếu không bạch mà đi thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều Tỳ-kheo dừng chân nghĩ tại một Tinh xá ở thôn xóm, cùng nhận lấy giường nệm của chúng Tăng, rồi mọi người đều suy nghĩ khi ra đi: "Mỗ giáp sẽ dặn họ cất." Thế rồi đi đến nửa đường, người này hỏi người khác, chung cục không ai dặn lại cả. Nếu vậy, thì lúc ấy, nên sai hai người trở lại dặn họ đem cất.

Nếu các Tỳ-kheo đi dường đến nghỉ tại một Tinh xá, rồi khi ra đi không dặn thầy tri sự cất giường nệm, đến khi đi một đoạn đường xa bèn hỏi nhau, thì mới biết không ai dặn lại cả. Lúc ấy bỗng gặp (**343a**) một Tỳ-kheo khác đi ngược chiều, liền hỏi: "Trưởng lão định đi đâu đó?" Nếu người ấy đáp: "Tôi muốn đến nơi đó", thì các Tỳ-kheo kia nên bạch: "Tối qua chúng tôi nghỉ tại đó, nhưng lúc ra đi quên không dặn họ cất giường nệm. Vậy trưởng lão đến đó hãy dặn giúp chúng tôi." Tỳ-kheo ấy cũng nói: "Lúc ra đi tôi cũng quên không dặn, vậy các trưởng lão đến Tinh xá ấy hãy vì tôi mà dặn giúp." Như vậy hai đàng cùng nhờ vả lẫn nhau, cho đến khi cả hai cùng vào đến ranh giới của mỗi Tinh xá, thì được gọi là có dặn dò.

Nếu Tỳ-kheo nghỉ tại nhà người thế tục, rồi họ cung cấp cho giường nệm tọa cụ, thì lúc ra đi nên nhắc họ đem cất. Nếu đó là tọa cụ bằng cỏ, thì khi đi nên hỏi họ: "Nệm cỏ này nên cất ở đâu?" rồi tùy chủ nhân chỉ chỗ, ta sẽ đem cất tại đó. Nếu đàn việt nói: "Thầy cứ đi đi rồi tôi sẽ thu dọn", thì Tỳ-kheo nên xếp lại một góc nhỏ, rồi đi.

Nếu Tỳ-kheo lúc đi đường đến một nơi kia vạch cỏ ra để trải tòa ngồi, thì lúc ra đi phải vuốt cho cỏ thẳng lại rồi mới đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 15 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

16. LÔI TỲ-KHEO KHÁC RA KHỎI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khách đến phòng nhóm sáu Tỳ-kheo, nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Lành thay trưởng lão!" Nói như thế rồi bèn đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, để nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ xong, họ bèn hỏi Tỳ-kheo khách: "Thưa trưởng lão thầy định nghỉ ở đâu?"

Nghỉ trong phòng này đây.

Ông biết phòng này của ai không?

Tôi biết đây là phòng của chúng Tăng.

Tuy phòng này là của chúng Tăng nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo chúng tôi đã ở đây trước rồi.

Đây là phòng của chúng Tăng bốn phương giả sử có nhóm mười sáu Tỳ-kheo ở đây trước, ta cũng theo thứ tự mà ở đây, huống gì là sáu Tỳ-kheo?

Nếu trưởng lão muốn ở thì cứ ở.

Khi Tỳ-kheo khách ở đó rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo ập đến, kẻ nắm tay chân, người tóm lấy đầu, giở cao lên định vứt thầy ấy ra khỏi phòng. Khi ấy Thế Tôn dùng thần túc đang lơ lửng trên hư không đi đến. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy Thế Tôn, liền ném ông ta xuống đất và bỏ đi. Phật liền nói với Tỳ-kheo khách: "Ông cứ ở trong phòng này đi."

Lại nữa, Tôn-giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà. Nan-đà có người đệ tử tùy tùng, người này sau bị đuổi ra khỏi phòng bèn la lớn lên. Các Tỳ-kheo nghe tiếng la đều thất kinh, ra xem nói như sau: "Tỳ-kheo này hôm nay mất hai thứ lợi: Không được ăn, lại mất phòng." Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Các ông có thật như thế chăng?" Họ đáp: "(**343b**) Có thật như vậy."

Phật liền khiển trách: "Vì sao các ông ở trong phòng của Tăng bốn phương, rồi lôi Tỳ-kheo khách ra ngoài? Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe ta dùng vô lượng phương tiện tán thán những người phạm hạnh cần phải tu tập tâm từ bi, tu tập khẩu ý từ bi và thường cúng dường, cung cấp (cho khách Tăng) hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự mình hoặc sai người khác kéo Tỳ-kheo khác ra khỏi Tăng phòng, thậm chí nói: "Tỳ-kheo ông ra đi", thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, rồi Tỳ-kheo ấy hoặc ôm cột nhà, hoặc nắm cánh cửa, hoặc tựa vào vách, mà Tỳ-kheo kéo rời khỏi mỗi chỗ, thì phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Hoặc dùng lời nói trách mắng, xua đuổi Tỳ-kheo kia, rồi Tỳ-kheo kia tùy theo lời trách mắng mà rời đi từng chỗ, thì phạm từng tội Ba-dạ-đề. Nếu dùng phương tiện đuổi thẳng ra khỏi cửa, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tức giận chuột rắn mà đuổi chúng đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu nói: "đây là vật vô ích", rồi đuổi chúng đi, thì không có tội.

Nếu lạc đà, bò, ngựa đứng trong chùa tháp, rồi Tỳ-kheo vì sợ ô uế chùa tháp mà đuổi chúng đi thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo này đuổi Tỳ-kheo khác đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đuổi Tỳ-kheo-ni đi, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đuổi Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, cho đến đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 16 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 15

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

17. CƯỠNG CHIẾM CHỖ NẰM CỦA NGƯỜI KHÁC

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn du hành trong nhân gian đến Câu-diệm-di, thế rồi vào một hôm đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn; sau khi nghe thuyết pháp xong, các Tỳ-kheo trở về phòng an trú. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo còn nấn ná, chuyện vãn với các người khác đến khuya mới trở về, gõ cửa phòng. Người trong phòng hỏi: "Ai đó?", thì họ đáp: "Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo đây, muốn nghỉ lại trong phòng này." Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: "Phòng này đã hết chỗ rồi."

Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn hạ giọng nhỏ nhẹ van nài: "Cho chúng tôi một chỗ để ngồi một lát thôi."

Họ van nài như thế mà không được, rồi họ đi đến phòng khác van nài lại cũng không được. Họ bèn đi tới chỗ trú của các Tỳ-kheo hạ tọa, như căn phòng sưởi, phòng tọa thiền, giảng đường gõ cửa. Các Tỳ-kheo trong phòng hỏi: "Ai đó?", thì họ đáp: "Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo, muốn xin nghỉ ở đây."

Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: "Phòng này đã đầy cả rồi."

Nhóm sáu Tỳ-kheo lại kỳ kèo, van nài không ngừng. Các Tỳ-kheo trong phòng liền mở cửa. Họ bèn bước vào trong phòng, rồi nằm ngang dọc trên giường, hoặc dùng tay chân gác lên người bên

cạnh, hoặc dùng cùi chỏ, đầu gối húc vào hông những người đó, hoặc nói: "Nếu các trưởng lão thấy khó chịu thì đi chỗ khác." Nói thế xong họ liền thổi tắt đèn, rồi gọi các Tỳ-kheo bạn hữu ở ngoài, nói: "Các vị phạm hạnh có thể vào đây."

Khi vào phòng xong, họ nằm quay đầu ngược nhau, người này gác cùi chỏ lên đầu gối người kia, mặc sức đùa giỡn. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ai mà có thể nằm chung với những kẻ phi oai nghi này", rồi cầm tọa cụ đi ra khỏi phòng. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Đợi ta đi Kiều-tát-la xong, trở về lại thành xá-vệ, các thầy hãy trình bày lại việc này với ta, Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Các Tỳ-kheo khách nhận được phòng của nhóm sáu Tỳ-kheo, ban đêm họ đóng cửa nằm ngủ. Nhóm sáu Tỳ-kheo vì trước đó có mối hiềm khích với Tỳ-kheo khách nên họ hốt bùn lầy đổ ngay lối đi trước cửa phòng, rồi bỏ đá gạch lẫn lộn vào. Tỳ-kheo khách ban đêm đi ra khỏi phòng, đạp nhằm bùn lầy, té trên gạch đá, bèn la lên: "Các trưởng lão! Nhóm sáu Tỳ-kheo hại tôi (**344b**) làm gãy cổ tôi. Họ làm cái việc như thế (đổ bùn đá trên lối đi) là muốn nhiễu loạn tôi. Ai mà có thể sống với họ được."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có làm chuyện ấy thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo không những làm một việc ác này mà lúc Thế Tôn đi du hành đến nước Kiều-tát-la, họ cũng đã từng nhiễu loạn các Tỳ-kheo, đến nỗi các Tỳ-kheo ấy phải mang tọa cụ rời khỏi trú xứ."

Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có làm việc ấy thực chăng?

Có thực, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đã biết những người ấy đến trước, trải tọa cụ rồi, mà các ông đến sau làm nhiễu loạn muốn đuổi họ đi? Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đến trước trải giường nệm rồi, mình đến sau cũng trải đồ đạc ra rồi suy nghĩ: "Nếu người kia không thích thì bỏ đi." Làm việc đó với dụng tâm như thế chứ chẳng có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề."***

*

❖ Giải thích

Biết: Tự biết hoặc nghe từ người khác mà biết.

Trải đồ đạc ra trước: Trải ra từ lúc đầu.

Giường nệm: Như trước đã giải thích.

Đến sau rồi bày đồ đạc ra: Vì muốn nhiễu loạn người trước muốn cho họ bỏ đi. Nếu vì nguyên nhân ấy chứ không có lý do nào khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu chỗ ở thiếu thì mỗi Tỳ-kheo nên chiếm cứ trong phạm vi một cây cột, trải giường nệm, tọa cụ, rồi đi đến các Hòa thượng, A-xà-lê lễ bái, hoặc thăm hỏi, hoặc đọc kinh. Thế rồi Tỳ-kheo đến sau bèn cuốn tọa cụ người trước, trải tọa cụ mình ra, ngồi tán kệ rầm

rì. Vị Tỳ-kheo ở trước trở về phòng, thấy thế, suy nghĩ: "Ai mà có thể nhiếp phục được người này!", bèn cầm tọa cụ bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo đến sau ấy phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc ngồi thiền, tụng kinh, dưỡng bệnh cũng như vậy. Hoặc mình là Thượng tọa đến sau rồi nằm ngủ trên giường người khác, thì người kia nên nói: "Trưởng lão không biết Thế Tôn ngăn cấm việc đó sao?" Nếu Tỳ-kheo nằm ngủ này là Hạ tọa, thì người kia nên khiển trách: "Ông không biết rõ giới luật. Ông không biết Thế Tôn đã chế giới sao? Vì sao đến sau mà ngủ trên giường người khác?"

Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành tại chỗ của một Tỳ-kheo khác mà trông thấy người ấy đến thì nên lánh đi. Nếu Tỳ-kheo ban đêm nằm ngủ rồi nói mớ mà không có ý nhiễu loạn tha nhân thì vô tội. Nhưng nếu có chủ tâm nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nhiễu loạn Tỳ-kheo thì phạm tội Thâu-lan-giá (**344c**); nhiễu loạn Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhiễu loạn người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 17 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

18. NGỒI GIƯỜNG CÓ CHÂN NHỌN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng dã, lúc ấy có hai Tỳ-kheo cũng sống tại đó, Thượng tọa ở tầng trệt, hạ tọa ở trên gác. Thượng tọa ngồi thiền, hạ tọa tụng kinh. Đến giờ khất thực, Thượng tọa khoác y, cầm bát vào thôn Khoáng Dã khất thực, nhanh chóng đủ thức ăn bèn trở về, thì hạ tọa mới đi. Thượng tọa ăn xong, rửa bát đem cất lại chỗ cũ, rồi rửa chân ngồi kiết già. Hạ tọa đi khất thực nhận được thức ăn chậm chạp nên về muộn, bèn leo lên gác, để bát ở chỗ cũ, rồi kêu lên: "Mệt quá", đoạn đặt đít xuống ngồi thì bỗng

dưng chân giường sút ra rơi nhằm đầu Thượng tọa làm cho bị thương máu chảy ra. Thượng tọa liền kêu lên: "Chết tôi rồi! Chết tôi rồi!" Các Tỳ-kheo nghe tiếng kêu liền chạy đến hỏi vì sao như vậy, Thượng tọa liền trình bày đầy đủ sự kiện kể trên. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo họ đi gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi: "Ông có điều đó thật không?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ở trên gác mà ông đặt giường có chân nhọn, rồi ngồi mạnh lên đó? Từ nay trở đi ta không cho phép đặt giường có chân nhọn trên gác mà ngồi.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thôn Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đặt giường có chân nhọn ở trên gác, trên lầu, rồi ngồi hoặc nằm trên đó, thì phạm Ba-dạ-đề."***

*

❖ Giải thích

Gác: Tầng thứ hai.

Trên lầu: Như đức Thế Tôn đã cho phép.

Chân nhọn: Như cái cọc.

Giường: Gồm có mười bốn loại, như trước đã nói.

Nếu ngồi hoặc nằm (trên giường có chân nhọn) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dùng đất sét làm nền ở dưới vững chắc, hoặc dùng gỗ lát kín ở dưới, hoặc chân giường tròn, hoặc xung quanh gác và dưới gác không có người ngồi thì đều vô tội. Nếu đục đẽo làm chân giường nhọn dùng để ngồi hay nằm thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên tấm ván mỏng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên trường kỷ (ghế dài) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm cái giường một chân nhọn, ba chân tròn, hay hai chân nhọn, ba chân, bốn chân nhọn đều phạm Ba-dạ-đề. Nhưng làm cái giường bốn chân tròn thì vô tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 18 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

19. DÙNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã có Tỳ-kheo quản sự dùng nước có trùng tưới lên cỏ trên đất bùn khiến cho người đời chê trách rằng: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách việc sát sinh, ca ngợi từ bỏ sát sinh, thế mà nay sa-môn đệ tử dùng nước có trùng tưới lên cỏ, trên bùn. Đó là những kẻ bại hoại (**345a**) nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên: "Ông có làm việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác đáng bị người đời chê trách. Đó là điều phi luật, phi pháp, trái với lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng nước có trùng tưới lên cỏ lên đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại thôn Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đem nước có trùng tưới lên cỏ lên bùn hoặc sai người khác tưới, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Trùng: Kể cả những loại bé nhỏ nhất mà có mạng sống đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói.

Cỏ: Chỉ các loại cỏ tranh, cỏ gai v.v...

Bùn (mùn): Chất mục nát của cỏ, của rác hoặc phân voi, phân ngựa, phân bò v.v....

Tưới: Hoặc tự mình tưới hoặc sai người khác tưới, đều phạm Ba-dạ-đề như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà đem tưới rồi dừng lại, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, tùy theo dừng lại nhiều ít, cứ mỗi lần dừng thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu sai người khác tưới, thì một lần bảo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu lại nhắc nhở: "Hãy tưới nhanh nhanh lên", thì mỗi lần nhắc phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo làm phòng xá, nhà sưởi ấm cần đến nước, thì có thể lấy nước hồ, nước sông, nước giếng đem lọc đựng vào trong thùng xem kỹ mà không thấy có trùng thì mới dùng. Nếu vẫn còn trùng thì phải dùng đãy lọc lại rồi xem kỹ, nhưng nếu vẫn còn trùng thì lọc đi lọc lại ba lần. Tuy thế, nếu chưa hết trùng thì phải đào giếng khác, rồi tuần tự lọc và xem như trước, nếu vẫn có trùng

thì bỏ nơi này mà đi đến chỗ khác. Phương pháp lọc nước phải trồng ba cây trụ cứng rồi dùng dây buộc vào các đầu trụ bên trên cột đãy lọc, ở dưới đặt thùng hứng nước. Nước đọng trong đãy lọc, ta đem đổ đi thì nó lại chảy trở lại xuống giếng; trùng sinh ra không nhất định, hoặc trước không có bây giờ mới có, hoặc bây giờ có mà sau này thì không. Thế nên Tỳ-kheo hằng ngày phải xem kỹ trong nước không có trùng mới được dùng. Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà tự mình đem tưới trên cỏ, trên đất mùn, hoặc sai người khác đem tưới, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đem nước có trùng đưa cho Hòa thượng, A-xà-lê tắm rửa, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nước rửa chén, rửa cơm thừa canh cặn, các thứ tương chao có trùng trong đó đem tưới trên cỏ trên đất bùn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 19 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

20. LỢP NHÀ QUÁ BA LỚP

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, nói rộng như trên, lúc ấy tôn-giả Xiển-đà đi khuyến hóa (**345b**) về làm phòng. Xiển-đà gom góp các vật dụng lợp nhà như cỏ cây, tre v.v… xong xuôi, rồi đi đến thợ lợp nhà nói: "Tôi đã chuẩn bị các vật dụng lợp nhà xong rồi, nhờ ông hãy đến lợp nhà giúp cho." Người thợ lợp nhà nói: "Thưa thầy, thầy hãy cho tôi ăn cơm và trả tiền công cho tôi."

Khi ấy, Xiển-đà tùy theo giá trị đồng ý trả tiền công cho ông. Thế rồi ông ta đi tới chỗ lợp nhà, Xiển-đà chỉ cho ông xem những vật dụng để lợp nhà, ông nói: "Lợp nhà có ba trường hợp dày mỏng không giống nhau, vậy thầy muốn lợp theo cách nào?"

Xiển-đà nói: "Ông cứ tùy theo ba mức độ dày mỏng đó mà dùng hết loại cỏ này để lợp."

Thợ lợp nói: "Tất cả các việc ở đời đều có chừng mực nhất định, làm đúng chừng mực thì người đời mới khen ngợi." Xiển-đà nói: "Ông cứ việc lợp hết lên, cần chi phải nói nhiều lời."

Thợ lợp theo lời chỉ bảo dùng hết cỏ để lợp lên. Vì cỏ nhiều, dày nên buộc không chặt do thế vừa mưa xuống liền sút sổ ra hết, giống như hoa nở mà bị cơn mưa suốt đêm tàn phá. Cho nên y bát bị ướt hết cả. Bởi thế, sáng sớm hôm sau, Xiển-đà tới nhà thợ lợp nói: "Vì sao ông lợp nhà cho tôi lại để xảy ra sự cố như thế?"

Thợ lợp hỏi: "Sự cố gì?"

Xiển-đà nói: "Bị mưa suốt đêm khiến y bát của tôi ướt cả."

Thợ lợp nói: "Lúc đầu tôi đã không bảo với thầy rằng lợp nhà có ba trường hợp dày mỏng khác nhau là gì? Thế mà thầy lại bảo cứ lợp hết cả lên."

Xiển-đà nói: "Ông phải lợp lại cho tôi."

Thợ lợp nói: "Thầy phải cho tôi ăn và trả tiền công cho tôi."

Tiền công ông đã nhận trước rồi.

Tiền nhận trước thì đã làm việc trước xong rồi. Nếu thầy muốn làm lại thì phải trả gấp ba lần giá trước kia.

Thế nhưng Xiển-đà ỷ thế lực của vua chúa, bắt buộc thợ lợp phải lợp lại mà không chịu trả tiền. Thầy đi xung quanh nhà thợ lợp đay nghiến, trách móc.

Lúc ấy, có người đi qua đó, thợ lợp bèn phân bua với họ: "Các vị hãy xem ông sa-môn con dòng họ Thích này ỷ thế lực của vua chúa bắt buộc tôi phải làm việc mà không trả tiền công."

Những người đi đường liền chê trách: "Vì sao con nhà họ Thích ỷ thế lực của vua chúa bắt người ta phải làm việc mà không trả tiền công, thật là điều không thể chấp nhận. Lại còn đi quanh nhà

người ta giống như con ngựa dẫm đạp tàn phá cỏ tươi. Đây là kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Phật bảo họ đi gọi Xiển-đà đến. Khi thầy tới rồi Phật bèn hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả (**345c**) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nào làm phòng lớn có cửa lớn cửa sổ thì nên làm tại chỗ ít cỏ mọc và chỉ bảo người ta lợp ba lớp là vừa, nếu lợp quá ba lớp thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Làm: Hoặc tự làm, hoặc sai người khác làm.

Lớn: Quá mức quy định.

Phòng: Đức Thế Tôn đã cho phép.

Cửa lớn: Chỗ người ta ra vào thông thoáng.

Cửa sổ: Chỗ để ánh sáng chiếu vào.

Chỉ bảo: Sai bảo chỉ vẽ.

Lợp: Có mười cách: Hoặc bằng cỏ, hoặc bằng đất dẻo, hoặc bằng ván, hoặc bằng xi măng; hoặc lợp theo cách của nước A Bàn Đầu; theo cách của nước Ma Kiệt Đề; theo cách của nước Câu-diệm-di; theo cách của Sơn Quốc; theo cách của nước Cung Kính; theo cách của nước Tàng Ngữ. Đó là mười cách lợp.

Ba lớp: Tối đa là ba lớp chứ không phải năm sáu lớp.

Chỗ đất ít cỏ: Chỗ đất mà cỏ ít sinh trưởng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi đi thuê người lợp nhà định giá cả thì phải căn cứ theo thời giá, không được cao hay thấp, và nên nói với người thợ lợp: "Nếu ông lợp được như thế, thì tôi sẽ trả cho ông giá như thế. Nếu ông không lợp được như thế thì tôi sẽ không trả cho ông giá như thế", cần phải yêu cầu rõ ràng như vậy.

Khi đã đặt điều kiện xong, Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Ta hãy dùng phương tiện đem cỏ cây, tre tới chỗ anh ta, để anh ta trông thấy mà lợp nhanh và đẹp", thì người thợ lợp khi thấy rồi, dù làm đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo đều phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc là dùng phương tiện muốn cho người lợp nhà trông thấy mình, thầy bèn đi đến Hòa thượng, A-xà-lê đảnh lễ hoặc nghe kinh, hoặc đi kinh hành hoặc vào thôn xóm, với suy nghĩ: "Mong người thợ lợp trông thấy mình để anh ta sẽ lợp nhanh và đẹp", thì khi thợ lợp trông thấy, dù có lợp đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo này đều phạm Ba-dạ-đề. Nghĩa là dùng bất cứ phương tiện nào với dụng tâm như vậy, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có ý đồ dùng phương tiện mà chỉ đến xem anh ta lợp có nhanh và đẹp hay không, thì vô tội. Thế nên nói:

"Chủng tử và nói khác
Hiềm trách ngồi chỗ trống
Trải đồ đuổi người ra
Trải đồ trước trên gác
Nước trùng, làm phòng lớn
Phần hai Bạt cừ xong."

(Hết giới thứ 20 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

21. TỰ ĐI DẠY NI

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà không được sắp xếp theo thứ tự giáo giới, nên tự bảo nhau: "Các trưởng lão Tỳ-kheo đều được sắp xếp theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, còn chúng ta thì không được theo thứ tự đi giáo giới, vậy nay chúng ta hãy tự đi giáo giới trước." Họ bèn suy nghĩ: "Ta phải theo thứ tự trước ai đây? Đại Mục-kiền-liên chăng? Nhưng tôn-giả ấy có đại thần lực, lỡ có điều gì thất thố thì ông ta sẽ xách chúng ta ném đến một thế giới xa xôi khác mất. Vậy chúng ta nên theo thứ tự trước tôn-giả Đại-Ca-Diếp (**346a**) mà đi. Nhưng tôn-giả ấy có đại uy đức, nếu ta có điều gì không hợp lý thì ông ta có thể làm nhục chúng ta giữa đại chúng. Chỉ có tôn-giả Xá-lợi-phất là nhu nhuyến hòa nhã, vậy ta hãy theo thứ tự của ông ấy." Suy nghĩ thế rồi, họ bèn theo thứ tự, sớm tinh sương, khoác y đi đến trước Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói như sau: "Các chị em hãy tập trung lại trong sự hòa hợp, chúng tôi đến để giáo giới đây."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn tập họp Ni chúng (để nghe giáo giới). Tỳ-kheo Nan-đà này vốn đa văn, có biện tài, khéo thuyết pháp, liền tùy nghi thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni.

Khi ấy, tôn-giả Xá-lợi-phất đến giờ đi giáo giới bèn khoác y, đi đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, đứng lại đó, thì nghe tiếng thuyết pháp. Lúc này các Tỳ-kheo-ni từ xa trông thấy tôn-giả Xá-lợi-phất, nhưng vì tôn kính pháp nên không ra cửa đón tiếp. Tôn-giả Xá-lợi-phất thấy sự kiện như thế liền suy nghĩ: "Nay ta không nên làm gián đoạn thời thuyết pháp", bèn trở về, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất: "Ông đã giáo giới Tỳ-kheo-ni xong rồi sao?"

Không giáo giới, bạch Thế Tôn.

Vì sao thế?

Xá-lợi-phất bèn đem nhân duyên trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao Tăng không sai mà các ông đi giáo giới Tỳ-kheo-ni? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm Ba-dạ-đề.***

(Hết giới thứ 21 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

22. GIÁO GIỚI NI CHO ĐẾN TRỜI TỐI

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng tôn-giả Nan-đà đến phiên mình đi giáo giới mà không chịu đi, khiến Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đại Kiều-đàm-di, đi đến chỗ Phật cuối đầu đảnh lễ chân Phật rồi bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Tôn-giả Nan-đà theo thứ tự đi giáo giới (**346b**) Tỳ-kheo-ni mà không chịu đi, vậy thì ai là người nên đi đây?" Nói thế xong, bà cuối đầu đảnh lễ chân Phật rồi ra đi.

Phật liền bảo một Tỳ-kheo đi gọi Nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật bèn hỏi: "Đến phiên ông phải đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, mà vì sao không đi?"

Bạch Thế Tôn! Vì con chưa được Tăng làm yết-ma cử đi, do thế mà không đi.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Người nào thành tựu mười hai việc thì Tăng nên cử đi giáo giới Tỳ-kheo-ni."

Thế nào là mười hai việc? Đó là:

1. Trì giới thanh tịnh.
2. Học nhiều A-tỳ-đàm.
3. Am tường Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể đoạn trừ ác kiến, tà kiến cho kẻ khác.
8. Tự mình giữ giới tinh nghiêm lại có thể làm gương cho người khác.
9. Rành ngôn ngữ lý luận
10. Không làm hoen ố phạm hạnh.
11. Không hủy hoại trọng giới của Tỳ-kheo-ni.
12. Đủ hai mươi hạ lạp, hoặc hơn hai mươi hạ lạp.

Đó là mười hai pháp.

Người làm yết-ma nên tác bạch (đề cử) như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tôn-giả Nan-đà thành tựu mười hai pháp, nay Tăng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni, các đại đức nào bằng lòng Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo-ni, vì Tăng đã im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, tôn-giả Nan-đà tới đó thuyết pháp cho các Tỳ-kheo-ni kéo dài đến lúc mặt trời lặn, các Tỳ-kheo-ni mới vội vã trở về lại trong thành, khiến người đời trông thấy thế, chê trách rằng: "Sa-môn Thích tử dẫn Tỳ-kheo-ni này đi mua vui cho đến mặt trời lặn mới trở về. Khá thương thay cho thân phận nữ nhi không được tự tại! Đến như thế thì thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà ở lại từ lúc mặt trời lặn cho đến bình minh chưa xuất hiện, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tăng sai: Người thành tựu mười hai pháp. Tăng chúng thành tựu, tác bạch thành tựu và yết-ma thành tựu.

Giáo giới (346c): Hoặc là dạy về A-tỳ-đàm (luận), hoặc là dạy về Tỳ-ni (luật).

Trời tối: Từ lúc mặt trời lặn cho đến khi ánh sáng mặt trời chưa xuất hiện.

Ba-dạ-đề: Như đã nói trên

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời chưa lặn cứ việc giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn (nhưng vẫn tiếp tục giáo giới) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng chưa lặn thì không có tội.

Minh tướng (ánh sáng bình minh) trong bốn trường hợp cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni mà tưởng là Thức-xoa-ma-na rồi giáo giới họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Thức-xoa-ma-na mà tưởng là Tỳ-kheo-ni, rồi giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thức-xoa-ma-na mà tưởng là Thức-xoa-ma-na rồi giáo giới, thì không có tội.

Tỳ-kheo-ni mà tưởng là Tỳ-kheo-ni rồi giáo giới (đến tối), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sa-di-ni, nữ ngoại đạo xuất gia, Ưu-bà-di, trong bốn trường hợp, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni ban đêm đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo nói: "Mong hết khổ được giải thoát", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Lành thay, cô đến đây", thì không có tội.

Nếu trong đêm bốn bộ chúng tập họp để nghe pháp mà Tỳ-kheo có dụng ý muốn thuyết pháp riêng cho Tỳ-kheo-ni rồi nói về các kinh Đại-ái-đạo xuất gia, kinh Hắc Cù-đàm-di, Kinh pháp dự Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu lâu nay chỉ đọc các kinh này, không biết các kinh khác rồi theo thứ tự mà đọc, thì không có tội.

Nếu ban đêm Tỳ-kheo ngồi trên tòa cao thuyết pháp mà nói như sau: "Tất cả hội chúng ngồi lắng nghe cho rõ", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói như thế mà chỉ lo thuyết pháp thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 22 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

23. KHÔNG BẠCH TỲ-KHEO KHÁC TẠI CHÙA NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhóm sáu Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni, nhưng chúng ta thì không được đi. Vậy ta hãy đi trước đến giáo giới Tỳ-kheo-ni." Lúc ấy có người nói: "Đức Thế Tôn chế giới: Tăng không sai thì không được giáo giới Tỳ-kheo-ni."

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi biết làm pháp yết-ma", bèn đem nhau ra khỏi cương giới làm pháp yết-ma đề cử nhau theo thứ tự, rồi đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, nói như sau: "Này các chị em hãy tập trung ni chúng lại trong sự hòa hợp để tôi dạy bảo."

Lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni liền nhanh chóng tập họp lại, nhưng trong ni chúng có người biết pháp nói như sau: "Ai mà chịu nhận sự giáo giới của các kẻ làm trái giới luật." Thế rồi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni bèn tự ý tập họp lại bàn chuyện thế tục, xong rồi liền giải tán.

Khi đến giờ đi giáo giới, tôn-giả Nan-đà bèn khoác y, đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, nói như sau: "Các Tỳ-kheo-ni hãy tập họp hết lại, tôi sẽ giáo giới." Lúc ấy các thiện Tỳ-kheo-ni liền tập trung lại trong sự hòa hợp, nhưng (**347a**) nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến. Nan-đà bèn hỏi: "Chúng Tỳ-kheo-ni đã hòa hợp chưa?"

Chưa.

Ai không đến?

Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni không đến.

Ni chúng cho sứ giả đi gọi, nhưng họ vẫn không đến, mà còn nói như sau: "Trước đây chúng tôi đã nhận sự dạy bảo của nhóm sáu Tỳ-kheo rồi."

Nan-đà nói: "Ni chúng không hòa hợp thì không được giáo giới." Nói xong liền trở về Tinh xá, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Ông đã giáo giới Tỳ-kheo-ni xong rồi sao?" Nan-đà bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc trên: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Có thật bạch Thế Tôn.

Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Vì sao Tăng không sai mà giáo giới Tỳ-kheo-ni?

Chúng con đã nhận sự sai bảo xong rồi.

Này những kẻ ngu si! Ai sai bảo các ông?

Chúng con ra ngoài đại giới (làm yết-ma) tự sai (đề cử) lẫn nhau.

Từ nay trở đi ta không cho phép ra ngoài đại giới (làm yết-ma) sai bảo nhau đi đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di lâm bệnh, tôn-giả A-nan đến viếng thăm, hỏi rằng: "Thân thể thế nào, bệnh có giảm không? Không tăng thêm đấy chứ?"

Thưa tôn-giả, bệnh hoạn khổ sở không thuyên giảm; lành thay mong tôn-giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe.

Đức Thế Tôn chế giới: không bạch với các Tỳ-kheo trong đại giới thì không được thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni.

Hòa nam (mô Phật).

Mong ni sư được an ổn.

Nói thế xong, tôn-giả liền trở về, đến thẳng chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan. A-nan bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói: "Nếu ông thuyết pháp cho bà ấy nghe thì bệnh của bà ấy sẽ bớt, thân thể sẽ được an lạc. Từ nay về sau Ta cho phép thuyết pháp cho Tỳ-kheo-ni đang lâm bệnh." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đến trú sứ của Tỳ-kheo-ni, muốn giáo giới, thấy có Tỳ-kheo khác mà không bạch – ngoại trừ lúc khac – thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Lúc khác: Tức là lúc lâm bệnh.

Giáo: Dạy bảo.

Có Tỳ-kheo: Tỳ-kheo đang có mặt tại trú xứ đó không phải Tỳ-kheo quen biết.

Không bạch: Nếu nói: "Tôi vào thôn xóm phi thời", hoặc nói: "Tôi rời bỏ người cùng ăn chung", thì không gọi là bạch.

Bạch: Phải nói như thế này: "Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni để giáo giới." Người kia nên đáp: "Chớ phóng dật."

Trừ lúc khác (347b): Lúc khác là lúc Tỳ-kheo-ni bị bệnh, thì Thế Tôn cho phép giáo giới mà không có tội

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo đang sống tại nơi hoang vắng mà một người muốn vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni thì phải bạch với người thứ hai như sau: "Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo-ni để giáo giới." Người kia nên nói: "Chớ phóng dật." Người nọ đáp: "Xin cúi đầu vâng lời."

Nếu cả hai người muốn đi thì nên bạch với nhau rồi mới đi. Nếu một người đi rồi, người còn lại muốn đi thì suy nghĩ thế này: "Nếu đi giữa đường gặp Tỳ-kheo, tôi sẽ bạch, hoặc vào thôn xóm thấy Tỳ-kheo tôi sẽ bạch." Khi tới cổng Tinh xá Tỳ-kheo-ni, không nên vào liền, mà nên hỏi xem có Tỳ-kheo trong đó hay không đã. Nếu có thì mời họ ra tác bạch, bạch xong rồi mới vào. Nếu không bạch mà bước một chân vào khỏi cổng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai chân đã vào khỏi cổng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni mời Tỳ-kheo đến thọ trai, thì vị Thượng tọa trong chúng nên bạch như sau: "Vào trú xứ Tỳ-kheo-ni để giáo giới." Nếu Thượng tọa đệ nhất không rành đối đáp, thì đệ nhị Thượng tọa nên bạch. Nếu chư Tăng đã vào ngồi (tại trú của ni), rồi Tỳ-kheo-ni đến hỏi việc này việc khác, mà trong chúng có Tỳ-kheo trẻ có biện tài đối đáp, thuyết pháp ngay khi ấy, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở hai phòng gần nhau, rồi Tỳ-kheo tán tụng nho nhỏ mà Tỳ-kheo-ni cách tường nghe được bèn hỏi: "Tôn-giả nào tán tụng vậy?"

Tôi tán đấy.

Tôn-giả tán tụng hay thật.

Cô muốn nghe lại không?

Muốn nghe.

Thế rồi, Tỳ-kheo liền tán tụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nhưng nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh mà Tỳ-kheo tán tụng (kinh chú) thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo-ni ấy chết, rồi đệ tử của Tỳ-kheo-ni bảo Tỳ-kheo rằng thầy mình đã chết, thì Tỳ-kheo nên dừng lại.

Nếu tán tụng về lý vô thường cho cô ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo rồi Tỳ-kheo chú nguyện rằng: "Mong cô dứt hết đau khổ, được giải thoát", thì phạm tội Ba-dạ-đề; chỉ nên nói: "Lành thay cô đã đến!" Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 23 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

24. PHỈ BÁNG VỊ GIÁO THỌ NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, ra đứng trước cửa Tinh xá Kỳ-hoàn từ tờ mờ sáng, bỗng thấy Tỳ-kheo đi giáo giới Tỳ-kheo-ni ra cửa. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy thầy ấy liền nói như sau: "Các ông nay vào trong thành tha hồ buông thả các căn, chỉ vì thích ăn uống mà đi chứ chẳng có lý do nào khác." Khi ấy Tỳ-kheo đi giáo giới này lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn (**347c**). Phật bèn bảo họ đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy; không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Trưởng lão vì thức ăn mà giáo giới Tỳ-kheo-ni", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thức ăn: Như bún, bánh, cơm, thịt, cá lại có thức ăn khác gọi là: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Giáo giới: Như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác rằng: "Nay thầy vì việc ăn uống mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nói: "Thầy vì thuốc men mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo-ni như sau: "Thầy Tỳ-kheo kia vì việc ăn uống mà giáo giới các cô đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo-ni như sau: "Thầy Tỳ-kheo kia vì thuốc men mà giáo giới các cô đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy vì việc ăn uống mà đi giáo giới Thức-xoa-ma-na, sa-di-ni", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Vì việc thuốc men mà đi giáo giới", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cũng thế, cho đến đối với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói rằng: "Thầy ấy vì sự ăn uống mà giáo giới các người đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Thầy ấy vì thuốc men mà giáo giới các người đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 24 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

25. NGỒI VỚI NI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh – vốn là vợ cũ của tôn-giả Ưu-đà-di – nói với tôn-giả Ưu-đà-di rằng: "Ngày mai đến phiên tôi sẽ nhận được phòng ở, thầy có thể đến để chúng ta cùng nói chuyện." Thế rồi, sáng hôm sau, trong khi các Tỳ-kheo-ni vào xóm làng khất thực thì Ưu-đà-di đi đến phòng của Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh, ngồi xoài chân ra tại chỗ khuất, kề cận nhau nói chuyện, khiến dục tâm phát sinh, nam căn khởi lên, rồi họ nhìn chăm chú vào nó. Bất thần có một Tỳ-kheo-ni già bệnh, từ trong phòng đi ra, trông thấy cảnh tượng ấy lấy làm hổ thẹn, liền trở về phòng. Đoạn bà đem việc ấy thuật lại với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh: "Cô là người xuất gia, vì sao lại làm việc phi pháp như vậy? Thật là đáng xấu hổ!".

Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh liền nổi sân lên, nói: "Kỳ quái thay! Kỳ quái thay! Đó là Tỳ-kheo thân tình với tôi (**348a**) thường thường đến thăm tôi, nếu tôi không tiếp chuyện vui vẻ thì ai làm việc đó? Đó là phép nhà của tôi, có gì mà lấy làm lạ!" Hễ các Tỳ-kheo-ni cật vấn đến đâu thì Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh – vì có tài biện luận – trả lời đến đó. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy bạch với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo liền bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có việc đó thật căng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô lượng phương tiện ca ngợi phạm hạnh, chê trách dâm dục hay sao? Vì sao ông lại làm một việc xấu bất thiện như thế? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni tại chỗ vắng vẻ, trống trãi thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một mình: Một Tỳ-kheo ngồi với một Tỳ-kheo-ni, dù cho có người khác mà người này cuồng si điên loạn, hoặc đang ngủ, hoặc là loài phi nhân, súc sinh, thì tuy có những đối tượng như thế cũng được xem như không có người thứ ba.

Chỗ vắng vẻ: Tức nơi hoang vắng.

Ngồi: (hai người) cùng ngồi.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni mời một Tỳ-kheo đến thọ trai, rồi một Tỳ-kheo-ni cùng ngồi với một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni khác đi lại tiếp thức ăn, thì cứ mỗi lần Tỳ-kheo-ni tiếp thức ăn đi khỏi, Tỳ-kheo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi thì khi ấy Tỳ-kheo nên đứng dậy, nhưng không được im lặng đứng dậy khiến cho Tỳ-kheo-ni nghi ngờ mình định làm điều phi pháp mà nên nói: "Tôi muốn đứng dậy." Nếu Tỳ-kheo-ni hỏi: "Vì sao đứng dậy?", thì nên đáp: "Đức Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được ngồi với Tỳ-kheo-ni." Nếu Tỳ-kheo-ni nói: "Tôn-giả cứ ngồi tôi sẽ đứng dậy", thì khi ấy Tỳ-kheo ngồi lại không có tội.

Thậm chí nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với sa-di-ni tại các chỗ như trên gác, dọc đường trên tấm ván, trên giày, hễ cứ mỗi lần sa-di-ni di chuyển chỗ khác mà Tỳ-kheo di chuyển theo thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Hoặc giả sa-di-ni dưới bảy tuổi đi nữa, thì Tỳ-kheo cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo ngồi một mình với Tỳ-kheo-ni ở chỗ khuất thì phạm Ba-dạ-đề (ý này ở trên đã nói rồi).

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni tại Tinh xá mà cửa hướng ra đường, và ngoài đường người qua lại không gián đoạn; hoặc giả ngồi tại chỗ che khuất không trống trải, ngồi gần nhau chứ không xa, ngồi với một người chứ không phải với nhiều người, không kể ngày hay đêm, thì tất cả giống như giới: "Thuyết pháp cho phụ nữ" đã nói rõ ở trước. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 25 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

26. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NI

(**348b**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cùng đi chung với nhóm sáu Tỳ-kheo-ni trên dọc đường, thì trời vừa chạng vạng nên họ ngồi lại bên một hồ nước định tìm chỗ tạm trú. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni bạch với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Các tôn-giả hãy ngối đây để con vào trong xóm tìm chỗ tạm trú", nói xong, liền vào xóm tìm chỗ để nghỉ, thì được chủ nhà bằng lòng cho nghỉ tạm. Do thế, Tỳ-kheo-ni bèn trở ra thưa với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Thưa các tôn-giả, con đã xin được chỗ trú chân rồi, chúng ta cùng vào để nghỉ ngơi." Khi các Tỳ-kheo vào an trú xong, cô lại bạch: "Thưa các tôn-giả con định vào trong thôn khuyến hóa thức ăn cho buổi sáng mai." Thế rồi cô vào nhà có phụ nữ nói với họ: "Hai chúng phạm hạnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

ni đều đã đến đây, các vị hãy sắm sửa thức ăn cho buổi sớm mai, thức uống phi thời và dầu xoa chân." Các phụ nữ nghe thế rồi, người thì chuẩn bị một phần cúng dường, kẻ thì sắm sửa hai phần cúng dường, ai nấy đều sửa soạn các thức cúng dường. (Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni) ăn uống no nê, thứ gì còn lại thì mang đi hết. Khi đi dọc đường, họ cùng nhau cười nói đùa giỡn, khiến cho dân chúng trông thấy thế đàm tiếu rằng: "Các vị hãy xem kìa! Sa-môn Thích tử đều còn trẻ tuổi mà cùng nhau cạo đầu (nói cười với nhau) giống như bọn dâm nữ đùa cợt, thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay trở đi ta không cho phép Tỳ-kheo hẹn cùng đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly nơi thành xá-vệ, các Tỳ-kheo an cư mùa hạ xong định đến thăm viếng Thế Tôn. Các Tỳ-kheo-ni nghe tin ấy bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Các đại đức định đi thăm viếng Thế Tôn, vậy ngày nào khởi hành?" Các Tỳ-kheo liền cho biết ngày khởi hành. Bản tính phụ nữ vốn nhiều tình cảm cho nên tính ngày rồi đi tới trước dọc đường dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy họ liền hỏi: "Các chị em định đi đâu đó?" Họ đáp: "Định đến Kỳ-hoàn thăm viếng đức Thế Tôn." Các Tỳ-kheo nghe thế sợ (đi chung với họ) phạm giới, liền vội vã bỏ họ mà đi. Những Tỳ-kheo-ni còn trẻ liền quấn y lại tức tốc chạy theo sau, còn những Tỳ-kheo-ni già yếu vì theo không kịp chúng bạn nên bị bọn giặc cướp đoạt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem nhân duyên ấy đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đoạn bà than phiền: "Nếu các Tỳ-kheo không giúp đỡ (**348c**) các Tỳ-kheo-

ni thì ai giúp đỡ?" Do thế, Phật dạy: "Từ nay về sau ta cho phép khi nào có sự nguy hiểm thì Tỳ-kheo được đi chung đường với Tỳ-kheo-ni." Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo-ni hẹn nhau cùng đi chung đường thì phạm Ba-dạ-đề; ngoại trừ lúc khác.

*

❖ Giải thích

Cùng hẹn nhau: Hoặc hôm nay, hoặc ngày mai, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng.

Đường đi: Hoặc ba do tuần, hoặc hai do tuần, hoặc một do tuần, hoặc một câu lô xá.

Ngoại trừ lúc khác: Tức là lúc có sự nguy hiểm thì đức Thế Tôn cho phép.

Nguy hiểm: Có thể bị mất mạng trong khoảnh khắc, hoặc bị mất của cải, hoặc bị hủy hoại phạm hạnh. Tuy thật sự không có những việc ấy, nhưng nếu có nghi ngờ bị mất mạng trong giây lát, bị mất của hoặc bị hủy hoại phạm hạnh (thì Phật cũng châm chước).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với một Tỳ-kheo-ni trên con đường trong phạm vi một thôn xóm, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu cùng đi nơi vùng hoang dã không có xóm làng, trong phạm vi một câu lô xá, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng với mẹ, chị, em đã xuất gia làm Tỳ-kheo-ni cùng đi theo hành khách trên một chiếc xe, khi hành khách dừng nghỉ rồi đi lại mà Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo-ni như sau: "Hãy lại nhanh lên kẻo không kịp với hành khách", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nói: "Đi đi chị em, chớ để lạc bạn bè" thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni dừng lại dọc đường để nghỉ, rồi Tỳ-kheo gọi: "Lại lại đây chị em", đó gọi là kỳ hẹn. Nếu đã giở lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở lên cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Đi đi kẻo không theo kịp hành khách", thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với khách buôn, rồi khách buôn vào trong thôn xóm, Tỳ-kheo không biết họ đi đâu bèn chạy tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo-ni, liền hỏi: "Này chị em, chỉ đường giúp cho tôi với", đó gọi là cùng kỳ hẹn. Nếu Tỳ-kheo-ni giở một chân bước tới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: "Đi đi chỉ đường giùm cho tôi với", thì không phạm tội.

Nếu đàn việt trong thôn mời Tỳ-kheo đến thọ trai, mà Tỳ-kheo không biết nhà họ ở đâu, bèn đi tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo-ni, liền hỏi: "Cô có biết nhà đàn việt ở đâu không, chỉ chỗ cho tôi đến với?" Đó gọi là kỳ hẹn. Nếu giở một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã giở cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: "Đi đi chị em, chỉ nhà đàn việt giúp tôi", thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni hẹn (với Tỳ-kheo) mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không hẹn mà ngẫu nhiên đến, thì không có tội. Nếu cùng hẹn, cùng đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không hẹn, không đến thì không có tội. Nếu cùng ra đi mà đến nơi khác nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xuất hành khác nhau mà đến cùng một chỗ, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cùng phát xuất (**349a**), cùng đến một nơi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu xuất hành khác chỗ, đến khác chỗ, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 26 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

27. HẸN ĐI CHUNG THUYỀN VỚI NI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ nhằm ngày cát tường, sáng sớm nam nữ tập trung, tại sông A-kì-la để vui chơi, ăn uống ca hát. Hôm đó, nhóm sáu Tỳ-kheo thức dậy từ rạng đông, khoác y, đi đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni, hỏi: "Hôm nay là ngày cát tường, các cô có thức ăn uống gì không, chúng ta hãy cùng nhau đến sông đó tham quan?" Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni nói: "Chúng tôi đang chuẩn bị đây, đại đức hãy đi tìm xe thuyền đi." Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi tới vị quan giữ thuyền của vua mượn một chiếc thuyền đẹp và các thứ trang trí, rồi họ mang các thực phẩm để lên thuyền, cùng với các Tỳ-kheo-ni thuận theo dòng nước chèo đi, vui đùa bỡn cợt, khiến cho người đời chê trách rằng: "Các vị hãy xem kìa! Những sa-môn Thích tử này phóng túng vô đạo, giống như người thế tục giao hoan với nhau. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì."

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay không được hẹn ước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung thuyền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ đàn việt ở bên kia bờ sông A-kì-la mời hai bộ Tăng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thọ trai. Đến lúc qua sông, các Tỳ-kheo không cho các Tỳ-kheo-ni lên thuyền, hoặc một người đi một chiếc, hoặc hai người một chiếc, mà không chở Tỳ-kheo-ni, nên ba, bốn chiếc thuyền rất nhẹ. Khi các Tỳ-kheo qua sông rồi, mới chở Tỳ-kheo-ni, và lúc đưa Tỳ-kheo-ni đến chỗ thọ trai xong còn sắp xếp theo tuổi tác, nên mặt trời đã quá ngọ, do thế tất cả đều không được ăn. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cũng không ăn được. Bà liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Cù-đàm-di, vì sao tiều tụy quá thế?" Đại-ái-đạo liền đem sự kiện trên bạch đầy

đủ với Thế Tôn. Phật bèn dạy: "Từ nay trở đi ta cho phép cùng qua đò." Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo hẹn ước với Tỳ-kheo-ni cùng đi chung thuyền xuôi hoặc ngược dòng sông, ngoại trừ đi đò ngang, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Hẹn ước: Như trên đã nói.

Trừ đi đò ngang: Đức Thế Tôn bảo là (**349b**) không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo-ni hẹn ước nhau cùng đi chung một chuyến xe đò, trải qua phạm vi một thôn, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua vùng hoang dã không có xóm làng thì qua phạm vi một Câu lô xá, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo-ni đi chung một chuyến đò, khi đò dừng lại bên bờ sông, Tỳ-kheo-ni xuống thuyền đi đại tiểu, rồi khi thuyền khởi hành, Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo-ni: "Này chị em hãy đến", thì gọi là ước hẹn. Nếu Tỳ-kheo-ni giở lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu giở hai chân thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu hai bên cùng ước hẹn mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không ước hẹn mà đến thì không có tội.

Nếu cùng hẹn ước và cùng đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu không hẹn ước và không đến thì không có tội.

Bốn trường hợp sau cũng như trên. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 27 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

28. ĐEM Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ra đi. Trải qua bảy năm sau, thầy mặc một chiếc y cũ rách đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo ngày trước ông chưa có tuổi hạ mà mặc một chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, nay vì sao lại mặc chiếc y cũ rách như thế?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Từ bảy năm nay hễ khi nào được y đẹp thì con đem cho Tỳ-kheo-ni."

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, rồi đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo-ni thân quyến, thì Tỳ-kheo-ni có nên nhận không?" Các Tỳ-kheo đáp: "Không nên nhận."

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, thí có nên đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo-ni thân quyến không?" Các Tỳ-kheo đáp: "Không nên cho."

Thế rồi, Phật dạy: "Từ hôm nay ta không cho phép Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến có nhiều y bát, thầy có người chị xuất gia, nên thầy nhờ tôn-giả A-nan dẫn đến thăm chị mình. Tôn-giả A-nan vốn tính tình dễ dãi liền đưa thầy đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo-ni để hỏi thăm Tỳ-kheo-ni mỗ giáp ấy có trong đó hay không. Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi lại: "Người gọi là ai vậy?", thì được đáp rằng: "Tôi là Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo mỗ giáp." Tỳ-kheo-ni nói: "Tôn-giả hãy đợi một tí." Thế rồi, họ trải giường nệm, đoạn mở cửa ra gọi: "Mời tôn-giả vào." Hai người cùng vào an tọa, rồi chuyện vãn thăm hỏi các Tỳ-kheo-ni, trong chốc lát liền cáo từ ra đi.

Khi ấy vị Tỳ-kheo kia nói với tôn-giả A-nan: "Tôi từ xa đến đây là để thăm chị tôi mà không thấy chị ra gặp tôi, không hiểu vì lẽ gì?" Tôn-giả A-nan vốn giỏi tướng pháp, nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Ông không hiểu vì ý gì mà chị ông không ra sao?"

Không hiểu.

Vì y phục của chị ông rách rưới, xấu xí nên hổ thẹn **(349c)** mà không ra. Ông có nhiều y vì sao không cho cô ấy?

Vì đức Thế Tôn chế giới không được cho y cho Tỳ-kheo-ni.

Ông hãy chờ đây để tôi đến xin Phật giúp cho ông.

Thế rồi, A-nan liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, hỏi Phật có đồng ý cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni bà con hay không. Phật bèn dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni bà con." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, ngoại trừ trao đổi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y của Tỳ-kheo-ni bà con: Đều như trên đã nói.

Ngoại trừ trao đổi: Trường hợp này Thế Tôn bảo là vô tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra như người lấy y của Tỳ-kheo-ni trong ba mươi điều trên kia đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 28 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

29. MAY Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại Thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thiện Sinh vốn là vợ cũ của tôn-giả Ưu-đà-di đem vải đã cắt xong đến nhờ Ưu-đà-di may y. Ưu-đà-di liền nhận lấy đem may, khi may xong bèn thêu hình trai gái giao hợp vào đó rồi xếp lại bỏ vào trong hộp trao lại cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni này nhận được y liền đem về Tinh xá, mở ra xem, thấy thế rất hoan hỷ, bèn đem khoe với các Tỳ-kheo-ni khác: "Các cô hãy xem này, tôn-giả Ưu-đà-di có tài thêu thùa thật là khéo léo."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn chê trách rằng: "Đó là vật cần phải che giấu, vì sao lại chỉ cho người ta xem?"

Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy liền đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có làm việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni không phải bà con: Như trên đã nói.

May y: Hoặc tự may hoặc sai người khác may đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hơn nữa, Tỳ-kheo không được thêu y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con, nếu bắt đầu xỏ kim thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi thêu xong rút kim ra thì phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc sai người khác thêu cũng phạm tội như thế. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 29 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

30. ĂN THỨC ĂN DO NI CA NGỢI

(**350a**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có đàn việt ban đêm đến mời các tôn-giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, A-nhã-kiều-trần-như v.v… chỉ có tôn-giả Đại-Ca-Diếp vì không cho mời ban đêm, nên sáng sớm đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khất thực. Khi tôn-giả đi đến cửa gia đình ấy, bà chủ nhà trông thấy rất hoan hỷ, liền bước đến cúi đầu đảnh lễ dưới chân tôn-giả, rồi đứng qua một bên, bạch rằng: "Các đại đức nhận lời mời của gia đình con nên hôm nay tập trung về đây, kính xin tôn-giả cũng nhận lời mời của con."

Khi ấy tôn-giả Ca-diếp liền suy nghĩ: "Đây là gặp trực tiếp", bèn nhận lời mời, rồi vào trong nhà ngồi, không đi đâu nữa. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà khất thực ngang qua nhà ấy, trông thấy bà chủ nhà đang quét tước, soạn chén bát và các phẩm vật cúng dường, liền hỏi: "Ưu-bà-di, bà đang làm gì đấy?"

Lúc ấy bà chủ nhà vì bận rộn các công việc nên không trả lời, đến nỗi cô hỏi đến lần thứ hai, thứ ba bà vẫn không đáp. Thâu-la-nan-đà liền lên tiếng: "Nay bà thật là tự kiêu quá lắm, tôi hỏi mấy lần mà vẫn không đáp."

Bà chủ liền trả lời: "Hôm nay tôi mời các đại đức Thanh văn Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v…, vì công việc túi bụi nên không thể trả lời."

Thâu-la-nan-đà liền nói: "Những người bà chọn hôm nay, trong đàn voi không chọn những con voi lớn mà chọn những con voi nhỏ, trong đàn chim không chọn các con công mà chọn các con quạ già. Các con voi lớn đó là: Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di, Tam-văn-đà-đạt-đa, Ma-sẩn-sa-đạt-đa, Mã-sư, Mãn-túc và thị giả A-nan. Nếu bà nhờ tôi mời thì tôi sẽ mời giúp bà những đại đức như thế đó."

Lúc ấy tôn-giả Đại-ca-diếp đang ngồi trong nhà liền lên giọng đằng hắng. Thâu-la-nan-đà nghe tiếng liền hỏi bà chủ: "Đó là tiếng của ai vậy?"

Bà chủ nhà đáp: "Đó là trưởng lão Đại-Ca-Diếp đấy."

Tỳ-kheo-ni liền tán thán: "Bà được lợi ích rất lớn, vì đã mời được bậc đại long tượng như vậy, nếu tôi mời thì cũng sẽ mời trưởng lão ấy."

Tôn-giả Ca-diếp nghe lời nói ấy rồi lòng không vui, liền hỏi cô: "Này cô em, vừa rồi cô bảo đó là hạng voi nhỏ, quạ già, giờ sao nói long tượng đại đức? Nếu lời nói trước là chân thực, thì lời nói sau là hư dối. Nếu lời nói sau là chân thực thì lời nói trước là hư dối. Trong hai lời nói ấy lời nói nào trung thực?"

Vì Tôn-giả Đại-Ca-Diếp có uy đức đáng tôn kính, dùng hai câu hỏi cật vấn khiển trách Tỳ-kheo-ni, khiến cô hoảng sợ liền bỏ chạy, vấp ngã trên đất làm cho thân thể bị thương tích. Xiển-đà thấy vậy liền hỏi cô: "Cô xúc phạm ai mà đến nỗi thân thể bị thương tích như vậy?"

(**350b**) Con xúc phạm Đại-Ca-Diếp.

Cô đã xúc phạm người không đáng xúc phạm.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Trong trường hợp này không tán thán cũng đã có lỗi huống gì lại tán thán. Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn do Tỳ-kheo-ni tán thán mà được cúng dường.

Do thế, tôn-giả A-nan nổi tiếng phước đức tại thành xá-vệ. Lại được Thế Tôn khen ngợi thầy có ba sự đầy đủ: Tên họ bà con thành tựu, là bậc đa văn đệ nhất trong hàng hữu học và là thị giả chu đáo đệ nhất. Vì vậy mà tại thành xá-vệ có thôn Phước đức, hễ ai trong thôn này làm nhà mới đều mời A-nan, hoặc lúc xông đất, hoặc lúc cạo đầu, lúc xỏ lỗ tai, tất cả đều mời A-nan.

Khi ấy có một trưởng giả mời A-nan đến nhà dự lễ khánh thành. Thế nào là khánh thành? Chẳng hạn khánh thành nhà mới, giường mới, dụng cụ mới, mới khép dầu, đàn bà mới sinh con, mặc áo mới, dùng quạt mới.

Khi A-nan thọ trai có một Tỳ-kheo khất thực đứng ở ngoài cửa. A-nan liền bảo đàn việt cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo khất thực. Đàn việt nghe A-nan dạy rất hoan hỷ, bèn lấy bát bỏ đầy thức ăn mỹ vị đem ra cúng dường Tỳ-kheo khất thực. Tỳ-kheo khất thực nhận thức ăn xong liền đứng đợi A-nan. A-nan ăn xong chú nguyện rồi bước ra. Tỳ-kheo khất thực thấy A-nan liền hỏi: "Tôn-giả ăn chưa?"

Ăn rồi.

Ăn có ngon không?

Vì sao thầy không ăn mà hỏi tôi ăn có ngon hay không ngon?

Sở dĩ tôn-giả được ăn như thế này là do Tỳ-kheo-ni tán thán.

Thật như vậy sao?

Đúng như vậy.

A-nan liền lấy lông chim ngoáy vào cổ cho mửa ra. Thế nên ngày đó thầy bị mất ăn khiến cho thân thể bị tiều tụy, thầy bèn đi đến

chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "A-nan, vì sao thân thể ông tiều tụy như thế?"

A-nan liền đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật bèn hỏi: "Ông có biết việc ấy không?"

Bạch Thế Tôn, con không biết.

Biết mới có tội, không biết thì không có tội.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo khất thực kia làm cho A-nan không vui?"

Không những ngày nay ông ta làm cho A-nan không vui mà ngày xưa cũng đã từng làm, như trong kinh Hiền điểu sinh đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, đến giờ khất thực, các trưởng lão Tỳ-kheo khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi đứng cử động có hàng ngũ có uy nghi. Khi ấy có một trưởng giả nói như sau: "Lành thay, nếu bố thí y phục, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho những người xuất gia như vậy thì sẽ được lợi ích rất lớn."

(**350c**) Ông lại suy nghĩ: "Nếu ta có khả năng ta sẽ cúng dường những người như vậy."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với trưởng giả: "Lão trượng, ông chỉ cần xuất tiền sắm thức ăn, tôi sẽ lo liệu giúp cho." Người đàn việt này rất có tín tâm nên hoan hỷ đưa tiền cho cô.

Tỳ-kheo-ni bèn nói: "Lão trượng, ông phải đi mời các Tỳ-kheo."

Ông thưa: "Tôi không biết, nhờ cô mời giúp cho." Tỳ-kheo-ni liền sắm sửa các thức ẩm thực, xong rồi nói với đàn việt: "Lão trượng, các thức ăn đã sửa soạn xong, ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo báo tin đã đến giờ."

Người đàn việt nói: "Tôi không biết, nhờ cô đi đến các Tỳ-kheo báo giờ giúp cho."

Tỳ-kheo-ni bèn đến Tinh xá bạch: "Đã đến giờ."

Thế rồi các Tỳ-kheo đi đến nhà đàn việt, an tọa chỉnh tề. Tỳ-kheo-ni bèn nói với đàn việt: "Ông hãy bưng dọn thức ăn cúng dường lên."

Ông ta nói: "Thưa cô, cô hãy dọn giúp tôi."

Các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Bữa cúng dường này do Tỳ-kheo-ni tán thán mà có chứ chẳng nghi ngờ gì nữa", liền đứng dậy ra về.

Họ đi như vậy một người, hai người cuối cùng cả chúng đều ra về hết. Đàn việt liền hỏi Tỳ-kheo-ni: "Các tôn-giả vì sao đi hết mà không trở lại?"

Cô ni đáp: "Tôi không biết. Ông hãy đến chỗ Thế Tôn hỏi việc này. Phật sẽ nói cho ông hay."

Ông ta bèn đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự việc trên trình bày rõ đầu đuôi với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự kiện kể trên: "Các ông có việc đó thật như vậy chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ hôm nay trở đi ta cho phép (các Tỳ-kheo thọ trai) ở nhà đàn việt cũ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết thức ăn do Tỳ-kheo-ni tán thán mới có, mà ăn – ngoại trừ đàn việt cũ – thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Biết: Như trên đã nói.

Tán thán: Khen ngợi đức hạnh của người nào đó là cao quý.

Thức ăn: Gồm có năm loại: Mì, bún, cơm, cá, thịt.

Ngoại trừ đàn việt cũ: (Tỳ-kheo thọ trai tại nhà đàn việt cũ) Đức thế Tôn bảo là không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại có các trường hợp tán thán: Xướng đẳng cúng thời thán, hạ thực thời thán, tác thực thời thán, tác thực dĩ biện thán; hữu thỉnh thời thán.

Xướng đẳng cúng thời thán: Dọn thức ăn xong, báo tin giờ ăn đã đến, bỗng có Tỳ-kheo khác tới, Tỳ-kheo-ni liền nói với Ưu-bà-di: "Lại có Tỳ-kheo đến." Ưu-bà-di liền nói: "Lành thay, tôi hoan hỷ cho người đi mời còn không được huống gì tự nhiên đến", thì trong trường hợp này không gọi là tán thán. Trái lại, nếu Tỳ-kheo-ni nói: "Vị này sống ở nơi rừng vắng, đi khất thực, mặc y phấn tảo, ngồi giữa trời, dùng nệm cỏ...", (**351a**) dùng những lời ca ngợi như vậy để được cúng dường mà Tỳ-kheo ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Hạ thực thời thán: Vừa mới ngồi ăn, bỗng có Tỳ-kheo khác lại đến, thì cũng như trường hợp vừa nói trên.

Tác thực thời thán: Lúc đang ăn thì có Tỳ-kheo khác đến, trong trường hợp này cũng như trên đã nói.

Tác thực dĩ biên thán: Lúc ăn vừa xong thì có Tỳ-kheo khác đến, Tỳ-kheo-ni liền nói với Ưu-bà-di: "Lại có Tỳ-kheo đến." Nếu Ưu-bà-di nói: "Lành thay, tôi cố sai người đi mời mà còn không thể được, huống gì bỗng nhiên lại tới", thì không gọi là tán thán. Hoặc giả Ưu-bà-di nói: "Phải cúng dường nhiều bún, bánh, cơm, canh ngon lành một cách bình đẳng", cũng không gọi là tán thán. Trái lại, nếu cô ni chê thức ăn ít, rồi bảo đàn việt: "Hãy đưa thêm thầy ấy một nắm bún nữa", (mà Tỳ-kheo ấy nhận lấy thức ăn) thì phạm Ba-dạ-đề.

Hữu thỉnh thời thán: Nếu Tỳ-kheo nói với đàn việt: "Đồ chúng của thầy ấy đa văn tinh tấn, nên mời hết tất cả." Đó gọi là tán

thán để cúng dường thức ăn. Nếu cô ta nói: "Vị thủ chúng kia đa văn tinh tấn, nên vì Tỳ-kheo này mà mời thêm hai mươi người nữa." Trong trường hợp này một người được tán thán, còn những người khác không phạm (tức không phải được tán thán). Nếu gặp trường hợp tán thán để mời thọ trai như thế, thì các Tỳ-kheo nên hoán chuyển chỗ ngồi, chứ không nên bỏ bàn ăn ra về. Nếu chỗ ngồi bên cạnh dơ bẩn không sạch, không thích đổi chỗ, thì nên tâm niệm: "Thức ăn ta đang ăn trong bát này là của Tỳ-kheo mỗ giáp kia", nghĩ như vậy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Ưu-bà-di: "Bà nên thường xuyên mời tôn-giả mỗ giáp kia đến cúng dường." Đó gọi là tán thán. Trái lại, nếu nói: "Tôn-giả kia có thể thường đi khất thực", thì không gọi là tán thán. Thế nên nói:

"Tăng không sai, trời tối,
Không bạch, vì thức ăn.
Cùng ngồi, cùng đi chung
Qua đò và cho y.
May y, tán thán thực
Xong phần ba bạt cừ."

(Hết giới thứ 30 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 16

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

31. ĂN QUÁ GIỚI HẠN ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có một Tỳ-kheo an cư tại một xóm làng vừa xong, lên đường đi đến thành xá-vệ để thăm viếng đức Thế Tôn. Lúc ấy có một cư sĩ trong thôn làm nhà phước thiện vừa xong, thiết một bữa cơm cúng dường cho Tăng bốn phương, gặp Tỳ-kheo này vừa đến, cư sĩ rất hoan hỷ nói: "Lành thay, đại đức vừa mới đến!" Thế rồi, ông trải giường nệm, đưa nước rửa chân, cung cấp dầu thoa chân và nước uống phi thời. Ban đêm, ông đốt đèn sáng, sửa soạn chỗ nằm để cho thầy nghỉ ngơi yên ổn. Sáng hôm sau, ông lại cung cấp tăm xỉa răng, nước sạch và cúng dường thức ăn mĩ vị ngon miệng. Tỳ-kheo ăn xong thầm nghĩ: "Ta từ xa đến đói khát, nay lại được các thức ăn uống khoái khẩu thế này, ta nên ở lại ít hôm nghỉ ngơi cho thân thể khỏe khoắn, rồi hãy đến viếng Thế Tôn." Suy nghĩ thế rồi, ban ngày thầy vào nghỉ trong rừng vắng, chiều tối về lại nhà. Đàn việt thấy thầy vẫn đối xử hoan hỷ như trước. Cho đến ngày thứ ba, đàn việt bèn hỏi: "Hôm nay đại đức dùng bữa ở đâu?"

Ở đây.

Thế còn hôm qua ở đâu?

Thì cũng tại đây.

Vậy ngày mai ở nơi nào?

Cũng nơi này.

Đàn việt liền trách: "Nhà tôi nghèo, vừa đủ sống, ở đây có thể cúng dường cho tứ phương Tăng một bữa cơm mà thôi, đại đức không nên ở lâu. Nếu nhà tôi giàu có dư dả thì tha hồ dâng cúng cho tất cả chư Tăng."

Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Đàn việt thốt ra lời nói có vẻ oán trách, ta phải đi thôi." Thế rồi, thầy đi lần hồi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Ông an cư ở đâu?"

Tại thôn mỗ.

Bắt đầu ra đi từ lúc nào?

Từ ngày ấy.

Vì lý do gì đường đi không xa mà trải qua nhiều ngày như thế?

Thầy Tỳ-kheo liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật nói: "Việc đó không nên. Lẽ nào chỉ vì thỏa thích thân miệng mà ông làm cho đàn việt than phiền! Từ nay trở đi, nơi nào chỉ cúng dường một bữa ăn, thì Tỳ-kheo không được dùng quá một bữa."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ có một Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại một làng kia vừa xong, (**351c**) lên đường đi đến Xá-vệ để thăm viếng đức Thế Tôn. Bấy giờ, có một đàn việt trong thôn làm nhà phước thiện, cúng dường cho Tăng bốn phương một bữa cơm, thì gặp lúc Tỳ-kheo kia vừa đi tới đó, họ liền cung cấp những thứ nhu yếu, như trên đã nói. Vị Tỳ-kheo này ăn xong, ra đi thì bệnh phong phát sinh, liền suy nghĩ: "Ta không thể đi được mà Thế Tôn đã chế giới hễ nơi nào cúng một bữa ăn thì không thể ăn quá một bữa. Nay ta hãy ở lại đây, nhưng không dùng cơm của họ." Nghĩ thế rồi, thầy liền trở lại nhà ấy, đàn việt lại cung cấp những nhu yếu như trước, nhưng Tỳ-kheo không nhận. Đến

sáng hôm sau, họ lại dọn thức ăn, thầy cũng không dùng. Thế rồi, thầy ra đi, trong bụng nghĩ: "Ta đến làng kia sẽ khất thực để ăn." Nhưng khi thầy đến làng ấy thì mặt trời đã quá ngọ, do thế không được ăn khiến tứ chi rũ rượi. Rồi thầy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi, thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khen ngợi: "Lành thay, lành thay Tỳ-kheo! Ông tùy thuận chánh pháp có lòng tin xuất gia, thiểu dục tri túc, không vì mạng sống mà vi phạm những điều do Như Lai chế định. Từ nay ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn hơn một bữa tại nhà phước thiện."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Tại những nơi bố thí một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh chỉ nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Chỗ bố thí một bữa: Đức Thế Tôn cho phép được ăn.

Thức ăn: Gồm năm loại, như trên đã nói.

Không bệnh: Thân thể không tật bệnh. Nhưng nếu thân có bệnh tật không đi đường được thì ở lại ăn không có tội. Trái lại, nếu không có bệnh mà ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dãy nhà có mười sáu gian, mỗi gian cúng dường một bữa ăn, mà Tỳ-kheo vì công việc của Tăng, của tháp, của chính mình đến ở gian nhà nào thì được ăn tại đó một bữa để giải quyết các công việc. Nếu công việc chưa xong thì phải sang gian nhà thứ hai nghỉ lại ăn một bữa rồi đi. Nếu công việc vẫn chưa xong, thì

có thể tuần tự ở trong mười sáu gian nhà, ăn mười sáu bữa để lo cho xong công việc rồi đi. Nếu như công việc vẫn chưa xong, thì không được ăn lại tại các nhà ấy mà phải đi khất thực ở những nơi khác, chứ không được khất thực tại các nhà ấy. Nếu lúc đầu làm nhà có những người cùng thôn chung sức để làm thì cũng không được khất thực tại thôn ấy mà phải đến thôn khác để khất thực. Đồng thời nghỉ lại tại thôn ấy để giải quyết công việc. Nếu công việc vẫn chưa xong thì có thể trở lại mười sáu (**352a**) căn nhà kia để thọ trai như trước. Nếu trong thời gian ấy công việc vẫn chưa xong thì phải rời khỏi nơi ấy một đêm rồi trở lại thọ trai để lo công việc. Nhưng nếu gia đình ấy có con trai cưới vợ rồi họ thưa với Tỳ-kheo: "Tôi sai sứ giả đi mời thầy chưa chắc gì được, huống gì nay thầy đang có mặt ở đây lẽ nào lại bỏ ra đi", thì khi ấy Tỳ-kheo nhận lời họ mời ở lại thọ trai không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 31 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

32. ĂN NHIỀU LẦN TRONG NGÀY

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ nông dân ở trong vườn của Tăng cứ hằng năm bắt đầu mùa lúa chín thì cúng dường trai phạn cho chúng Tăng.

Thế nào là hằng năm bắt đầu mùa lúa chín? Đó là lúc lúa tẻ chín, lúa mạch chín, lúc thu hoạch đậu xanh, lúc thu hoạch đậu phụng, mía v.v... Nông dân đều trích ra mỗi thứ một ít để dành cúng dường cho chư Tăng.

Khi đó, nông dân nói với Tỳ-kheo: "Hằng năm cứ bắt đầu mùa gặt hái thì tôi đều cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Nếu tại Tinh

xá Kỳ-hoàn ngày nào không có người cúng dường thì xin thầy nói cho tôi biết, tôi sẽ cúng dường để chúng tăng ăn uống no đủ."

Bấy giờ tại đây các cư sĩ tín tâm cúng dường các thức ẩm thực theo lịch trình trước sau, nhưng trong đó có một ngày không có cúng dường. Do đó, sứ giả đến nói với người nông phu: "Lão trượng, ngày mai tại Kỳ-hoàn không có ai cúng dường, trước đây ông đã hứa cúng thì dịp này là đúng lúc."

Nông phu nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, quỳ chân phải xuống đất, chắp tay bạch rằng: "Con là nông dân mỗ giáp, ngày mai thiết trai cúng dường, xin tất cả chúng Tăng nhận lời mời của con."

Chúng Tăng bèn nhận lời mời. Thế rồi lúc ấy có một trưởng giả dùng năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, ông muốn thử xem sức nó thế nào, bèn mắc nó vào xe, đánh cho chạy lui chạy tới trong phạm vi một do-diên. Vì cái ách xe quá chặt nên một con bò bị chết, ông hết sức khổ não, đứng đập ngực than trách: "Vì sao ta mua bò với một giá đắt chưa dùng được mà đã chết thế này!"

Bỗng có một người quen biết với cư sĩ liền hỏi ông: "Vì sao ông buồn bã như vậy?"

Cư sĩ bèn trình bày tường tận sự việc kể trên. Ông bạn liền hỏi: "Vì sao ông không làm kiên pháp?"

Kiên pháp là thế nào?

Kiên pháp nghĩa là ông đến Kỳ-hoàn mời chư Tăng về nhà mổ thịt con bò kia làm cơm cúng dường chư Tăng.

Ông nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, vào phòng cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, rồi quỳ gối chắp tay nói như sau: "Con là mỗ giáp, ngày mai xin mời chư Tăng về nhà để con cúng dường một bữa cơm đạm bạc. Mong chư Tăng nhận lời mời của con."

Lúc đó có một Tỳ-kheo vốn là chỗ quen biết cũ với ông, liền đến bảo: "Ông chưa biết cách mời. Vì sao không nói trước với tôi để tôi chỉ cho ông cách mời chúng Tăng?"

Ông liền phân bua: "Thưa thầy, tôi đem năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, nhưng một con bị chết, nay tôi muốn dùng thịt nó để cúng dường chúng Tăng."

Nhưng chúng Tăng đã nhận lời mời của người khác rồi.

Tôi đã sắm sửa thức ăn rồi bây giờ phải làm sao?

Giờ tôi bày ông trở lại (**352b**) bạch với chúng Tăng như sau: "Con mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai." Nếu tăng hỏi ông đã sắm những thức ăn gì thì ông phải đáp: "Đã sửa soạn bún, cơm, thịt."

Khi được dặn bảo xong, ông liền trở lại chỗ chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối, chắp tay, nói như sau: "Con là mỗ giáp, xin mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai, mong chư tăng hãy nhận lời mời của con."

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ông đã sắm sẵn những thức ăn gì?"

Con đã làm bún, cơm, thịt.

Lão trượng, ngày mai ông hãy chuẩn bị cho sẵn sàng.

Thưa vâng, xin chư tôn-giả sáng mai hãy đến sớm.

Thế rồi ông trở về nhà, suốt đêm kho nấu thịt và các thức ẩm thực, lúc sáng sớm bèn trải giường nệm, lọc nước sạch, rồi đến bạch với chúng Tăng: "Đã đến giờ."

Chư tăng bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Người đàn việt liền dọn lên thức ăn ngon lành, chư Tăng ăn uống no nê rồi trở về Tinh xá.

Đoạn nói về người nông phu kia suy nghĩ: "Các thầy là những người ngày ăn một bữa, nên cần phải ăn sớm." Do đó, suốt đêm

ông sửa soạn các thức ẩm thực, rồi trải giường nệm, lọc nước sạch, xong xuôi bèn đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư tăng, quỳ gối, chắp tay, bạch rằng: "Đã đến giờ rồi."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vì mới ăn uống no nê, nên tuy thấy ông ấy đến mời mà tựa hồ như không nghe. Ông ta liền suy nghĩ: "Kỳ thay! Kỳ thay! Các thầy là những người ăn ngày một bữa, lẽ ra thường cảm thấy đói, vì sao nghe mời thọ trai mà tựa hồ như không nghe! Nếu ngoại đạo mà nghe mời thọ trai thì họ liền cầm gậy có ba nấc và bình nước đi ngay lập tức." Ông tán thán như vậy đến lần thứ ha thứ ba thì các Tỳ-kheo mới đứng dậy, thong thả, đi đại tiểu tiện, mở lỏng dây lưng, sửa lại oai nghi, ung dung đi đến nhà ông, ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ người nông dân liền tự tay dọn thức ăn, múc đầy vá đưa Thượng tọa thì Thượng tọa đưa tay ra dấu chỉ dùng một ít. Người nông dân liền nói: "Các thầy là những người ăn mỗi ngày một bữa mà sao đối với các thức ăn này đều không tỏ ra thích thú!"

Rồi ông thầm nhủ: "Nếu Thượng tọa ăn ít thì Hạ tọa phải ăn nhiều và đệ nhị, đệ tam Hạ tọa cho đến những Tỳ-kheo trẻ tuổi (phải ăn nhiều hơn nữa)." Thế rồi, ông nói: "Thầy là người ăn ngày một bữa mà sao đối với các thứ ẩm thực này không thấy thầy thích thú chút nào!" Lúc ấy trong hàng Hạ tọa có một người mới tu, lẩm cẩm, liền nói như sau: "Hôm nay chúng tôi không phải vì ăn mà đến đây, do vì chiều ý ông mà đến. Bởi lẽ chúng tôi ăn uống ở chỗ khác no nê rồi. Nếu không tin ông hãy xem chân tôi còn có dấu mỡ dính đây này"

Người nông dân nghe thế trong lòng không vui, liền vứt nồi thức ăn xuống đất hậm hực nói: "Các thầy đã nhận lời mời của tôi trước rồi, vì sao lại đi ăn ở chỗ khác?" Trong lòng mang niềm oán hận, ông bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu (**352c**) đảnh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật: "Vì sao các Tỳ-kheo nhận lời của con trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác?" Phật liền tùy nghi thuyết pháp cho nông dân này, khuyên bảo chỉ dạy, khiến

ông vui vẻ, ông bèn bạch Phật rằng: "Bạch Thế tôn! Những thực phẩm con cúng dường chúng tăng dư thừa nên bỏ chỗ nào?"

Phật dạy! "Ông đến bên hồ mỗ giáp kia, quét sạch đất trên bờ hồ, rồi mang thức ăn còn dư đến bỏ tại đó. Vì lúc này vua Ba-tư-nặc đánh nhau với quân Nhỉ-ni-sát-lợi không thắng nổi nên kéo quân về đang đồn trú tại đó. Ông có thể đem thức ăn kia dâng cho nhà vua. Vì vua mới xuống hồ tắm rửa và thay y phục mới." Vâng lời Phật dạy, ông bèn đem các thức ăn kể trên đến dâng cho nhà vua và các tướng sĩ. Vì trong lúc đang đói khát mà được các thức ăn ngon lành nên họ ăn rất hoan hỉ. Do đó, nhà vua bèn ra lệnh ban thưởng cho ông các thứ trân bảo. Ông được lợi ích trước mắt nên sung sướng vô cùng.

Thế rồi, Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo thọ trai kia đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Vì sao các ông nhận lời mời của người ta trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác? Này các Tỳ-kheo, các ông không biết sao? Ví như người ta thờ thần nhà, thần cây, nếu các thần muốn đi đâu thì trước hết phải ăn thức ăn của chủ nhà cúng rồi mới đi tới chỗ khác. Các ông đã làm một việc không thuận với nhân tình, trước đã nhận lời mời của người ta rồi mà đi thọ trai ở chỗ khác. Từ nay về sau ta không cho phép các Tỳ-kheo muốn ăn đâu thì ăn."

Lại nữa khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần.

Bỗng Ngài thấy có Tỳ-kheo đang bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông đau bệnh gì? Lúc này bớt hay nặng thêm?"

Con đang đau lắm không giảm bớt. Trước đây con được ăn thường xuyên nên thân thể yên ổn. Từ khi Thế Tôn chế giới không được ăn lặt vặt nên bệnh con không thuyên giảm.

Từ hôm nay Ta cho phép các Tỳ-kheo khi có bệnh được ăn mỗi ngày nhiều lần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu cứ hằng năm mời chư Tăng thọ trai và dâng y. Khi ấy, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có sáu mươi Tỳ-kheo đang bệnh, họ đi tới nhà bà. Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu thưa: "Thưa quý thầy, Tinh xá Kỳ-hoàn có năm trăm Tỳ-kheo, nay vì sao chỉ có sáu mươi người đến đây?"

Các Tỳ-kheo nói với bà: "Đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được phép muốn ăn đâu thì ăn, chỉ trừ những người bệnh, vì thế các Tỳ-kheo bệnh mới đến đây."

Thưa quý thầy, người đời mời ăn là việc chính; nếu quý thầy có ăn thức ăn của con thì con mới dâng y; nếu không dùng cơm thì con không dâng y. Thưa quý thầy, trong lần dâng y này các thầy có thể đến bạch với Phật để xin Ngài phương tiện cho phép được chăng?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến (**353a**) bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu là người thông minh trí tuệ. Từ nay trở đi ta cho phép khi dâng y (các Tỳ-kheo được phép thọ trai nhiều lần trong một ngày)."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ một số người đi lạc quyên, định tổ chức một cuộc đại hội cúng dường trai phạn cho những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, do thế, họ đến nhà người Ưu-bà-tắc lạc quyên các phẩm vật. Người Ưu-bà-tắc liền ra điều kiện: "Nếu ông sắp đặt cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật." Người đi lạc quyên nói: "Ông thử nghĩ xem, nếu tín đồ của ngoại đạo cũng nói thế này: "Nếu ông làm cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật" thì tôi làm sao có thể hứa với mọi người là ai cũng được ngồi trên. Ông chỉ cần cho tôi phẩm vật, để vào ngày đó, tháng đó, tôi sẽ dựng cờ xí, bày biện các cây báu, trải các giường ghế đẹp đẽ tại trên bờ sông A-kỳ, mà mở đại hội cúng dường bữa trai soạn với những món ngon vật lạ, rồi trong số những người xuất gia hễ ai đến trước thì ngồi trên."

Các Ưu-bà-tắc nghĩ rằng Phật, Tăng là ruộng phước tốt nên đưa phẩm vật cho người đó, rồi đi đến chỗ tôn-giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch đầy đủ sự việc kể trên và thêm rằng: "Tôn-giả phải làm cách nào để cho các Tỳ-kheo được ngồi trên, khiến cho bọn ngoại đạo bị sỉ nhục một phen."

Tôn-giả A-nan liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi khi ấy những người đi lạc quyên sắm sửa các thực phẩm xong xuôi, bèn mời những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, đồng thời mời vua Ba-tư-nặc và quần thần, thái tử cùng đến dự. Các vị thôn trưởng, các trưởng giả kỳ túc và những người chủ xướng, khi đến giờ đều qui tụ về trên bờ sông A-kì để tham dự đại hội.

Trước đại hội một ngày Phật nói với Mục-liên: "Ông phải biết đúng thời." Tôn-giả Mục-liên liền dùng thần túc làm cho nước sông nổi sóng cuồn cuộn, đầy những bọt bèo tràn ngập đến bờ. Các ngoại đạo đều nói như sau: "Ta phải qua sông trước để lấy được chỗ ngồi thứ nhất." Thế rồi suốt đêm họ tranh nhau chèo thuyền bè để mong qua sông trước nhất, nhưng vì bị nước chảy dốc nên muốn qua bờ mà thuyền cứ trôi giạt trở lại, khiến họ vất vả chèo chống suốt đêm mà chiếc thì chìm xuống dòng nước lạnh, chiếc thì trôi tấp lên bờ phơi nắng chơ hơ, cho tới giờ ăn vẫn không thể nào qua sông được.

Lúc bấy giờ tại Tinh xá Kỳ-hoàn có người cúng dường chúng Tăng nên Phật còn dừng lại đợi họ. Những người trẻ tuổi trong các Tỳ-kheo đều nói: "Đức Thế Tôn hôm nay xuất hành sao mà muộn quá, sợ rằng các ngoại đạo sẽ chiếm được chỗ ngồi đầu mất!"

Thế nhưng, đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát uy nghi ung dung cùng với đại chúng đi đến (**353b**) bờ sông.

Các ngoại đạo thấy thế đều bảo nhau: "Chúng ta suốt đêm tạo các phương tiện khổ sở như vậy mà không thể qua sông được thì các sa-môn đầu trọc này làm sao qua được."

Khi ấy, Phật bảo Mục-liên: "Ông tự biết phải làm cách nào cho các Tỳ-kheo qua sông được yên ổn."

Thế rồi, Mục-liên bèn dùng thần lực tạo ra một chiếc cầu thất bảo, dùng các thứ châu báu làm lan can, kết thất bảo làm dây giăng ở trên, làm mưa các loại hoa quý, trổi âm nhạc vi diệu, đốt các hương thơm khiến khói hương tỏa ra như mây phủ. Các ngoại đạo thấy chiếc cầu như thế đều rất hoan hỉ, mỗi phái đều tự bảo nhau: "Các sa-môn này từ từ mà đến, vậy chúng ta phải qua sông trước để chiếm chỗ số một."

Họ liền tranh nhau chạy vội lên cầu, vì ai cũng muốn qua trước nên chen lấn nhau lên cầu khiến cho tất cả đều rơi tõm xuống nước. Các vật dụng của ngoại đạo như y phục, gậy có ba khấc, bình nước đều rơi xuống nước trôi nổi ngổn ngang. Nhưng do thần lực của Thế Tôn khiến cho không ai bị chết cả. Thế rồi, đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo uy nghi tuần tự nghiễm nhiên tiến lên, Phật đi đầu còn các Tỳ-kheo đi theo thứ tự. Khi Phật và các Tỳ-kheo qua xong đến người cuối cùng thì Mục-liên liền làm cho chiếc cầu báu biến mất.

Phật bèn bảo Mục-liên: "Ông hãy làm cho con sông trở lại bình thường như trước."

Bấy giờ, các ngoại đạo mới chèo thuyền bè lục tục qua sông.

Khi ấy Phật đứng trên bờ ngoái lại nhìn họ đọc kệ:

"Những ai qua bờ trước.
Đều vượt biển sanh tử
Không bị đời chôn vùi
Chánh trí qua bờ kia."

Phật đọc kệ xong ung dung đến tòa ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ tự. Còn các ngoại đạo vì qua sông sau nên đến ngồi tiếp sau các Tỳ-kheo.

Bấy giờ các đàn việt tự tay bưng các thức ẩm thực lên cúng dường Thế Tôn và các đệ tử. Khi ấy các Tỳ-kheo trong tâm sinh nghi về việc đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều lần mà sao chúng ta lại được ăn lại, liền đứng dậy bạch với Phật. Phật dạy: "Ta cho phép làm phép thí thực, nói như sau: "Tôi nay nhận được vật thực này xin cúng lại cho Tỳ-kheo mỗ giáp... cho đến sa-di-ni. Nếu vị ấy không nhận, tôi sẽ dùng." Nói ba lần như vậy."

Bấy giờ các đàn việt mỗi người đều suy nghĩ: "Ai nên chú nguyện đây?" Thế rồi có người thì bảo là Ni-kiền-tử, người thì nói Bất-lan-ca-diếp v.v…, đề nghị các ngoại đạo như thế chú nguyện. Thế nhưng nhiều người khác nói: "Sa-môn Cù-đàm ngồi trên hết, đáng được chú nguyện." Lúc ấy đức Thế Tôn ở giữa chín mươi sáu giáo phái ngoại đạo, không tự cho mình cao quý, không coi thường người khác, (**353c**) tùy thuận chú nguyện, như trong sanh kinh đã nói rõ. Đoạn Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp rộng rãi cho mọi người, dạy bảo khiến họ được lợi ích, hoan hỉ rồi họ từ giã ra đi. Rồi Phật trở lại Kỳ-hoàn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều lần trong ngày – trừ khi khác – phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Khi khác: Khi bệnh, khi may y. Đó gọi là khi khác.

Ăn nhiều lần: Ăn rồi ăn nữa.

Trừ khi khác: Trừ khi có bệnh.

Bệnh: Bệnh nhiệt, bệnh phong, lạnh, nói chung gặp các bệnh như vậy mà ăn rồi ăn lại thân thể được an ổn thì không có tội.

Thời của y: Nếu không thọ y Ca-thi-na thì trong vòng một tháng. Nếu có thọ y Ca-thi-na thì trong vòng năm tháng. Trong khoảng thời gian đó được xả năm điều cấm kỵ không có tội. Năm việc đó là: Được ăn riêng chúng; được ăn rồi ăn lại; khi rời trú xứ không cần bạch với người khác; được cất y lâu ngày; ngủ nghỉ được rời y.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo phải biết số ngày nào cần làm pháp thí thực, biết số tuổi hạ, nhớ y đã thọ trì được bao lâu, khi nào được ăn riêng chúng, có bệnh hay không bệnh. Nếu có người hỏi: "Hôm nay là ngày mấy?", thì không được hỏi lại họ: "Hôm qua là ngày mấy?", mà phải biết hôm đó là ngày mồng một, hay mồng hai trong tháng, cho đến ngày mười bốn, mười lăm, lại phải biết rõ là tháng đủ hay tháng thiếu.

Tỳ-kheo mỗi sáng nên nhớ đến pháp thí thực: "Nếu hôm nay được thực phẩm ta sẽ cúng dường cho mỗ giáp. Nếu mỗ giáp không nhận ta sẽ dùng." Nói ba lần như vậy. Hằng ngày Tỳ-kheo nên nhớ mình đã được bao nhiêu tuổi hạ, nên nhớ thọ trì ba y, và y nào không thọ trì thì phải tịnh thí, lại phải nhớ khi nào được ăn riêng chúng, hoặc có bệnh hoặc là không có bệnh.

Mức độ một bữa ăn của Tỳ-kheo là bao nhiêu? Nếu cơm tẻ thì ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, thêm một bát hay nửa bát cá thịt nữa. Đó là mức độ một trong những bữa ăn của Tỳ-kheo.

Nếu thức ăn nấu được tại chùa mà chưa chín, rồi Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước uống, thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu làm phép thí thực, hoặc bệnh thì không phạm, hoặc thời của y cũng không phạm.

Nếu ở bên ngoài có người mời thọ trai, rồi Tỳ-kheo lúc ấy nhờ người đi lấy thức ăn, nhưng thức ăn chưa đem về mà vì đói bụng

nên Tỳ-kheo lấy bột khuấy thành nước định uống, thì thức ăn vừa đem về. Nếu Tỳ-kheo lấy thức ăn về mà biết giới luật thì nên dừng một lát đợi Tỳ-kheo kia làm phép thí thực xong mới trao cho thức ăn. Trái lại, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn về không rành giới luật, liền trao ngay thức ăn cho Tỳ-kheo ấy, rồi Tỳ-kheo ấy chưa làm phép thí thực mà ăn liền (**354a**) thì trong khi đang ngậm cơm Tỳ-kheo ấy nên đọc phép thí thực, tức là dùng tội nhẹ đổi tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn việt, rồi đàn việt nói: "Thưa thầy, bữa nay mời thầy ở lại thọ trai." Đó gọi là mời thọ trai.

Khi ấy Tỳ-kheo suy nghĩ: "Cơm ở đây chưa chín, bây giờ ta nên đi đến nhà khác", thì khi ấy nên nói với chủ nhà rồi mới đi, nếu không nói mà đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tới nhà kia được năm thức ăn chánh hoặc năm thức ăn tạp mà ăn, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Trái lại, gặp trường hợp được phép ăn nhiều lần trong ngày, được phép rời khỏi trú xứ mà không cần bạch, hoặc bị bệnh, hoặc đã làm phép thí thực rồi mới ăn thì không có tội, hoặc thời của y thì cả hai đều không có tội.

Nếu đàn việt nói như sau: "Thưa thầy, nếu lúc nào không có thức ăn, xin thầy đến nhà con thọ trai."

Rồi một hôm Tỳ-kheo đến nhà ấy nói thế này: "Bà cụ, hôm nay tôi sẽ thọ trai tại đây."

Đoạn Ưu-bà-di nói: "Lành thay, con sẽ chuẩn bị."

Nếu thức ăn chưa chín mà Tỳ-kheo muốn đi tới nhà khác thì phải nói với chủ nhà rồi mới đi. Nếu không nói mà đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực tuần tự đến một nhà kia, rồi đàn việt nói: "Hôm nay nhà con mời các Tỳ-kheo thọ trai, xin mời thầy cùng ở lại đây chớ có đi nơi khác." Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời tức là được xem như ăn tại đó. Nhưng nếu Tỳ-kheo khất thực này nhận lời mời rồi, liền suy nghĩ: Ai lại nhận lời người ta mời mình ăn một cách bất

đắc dĩ", thế rồi muốn bỏ đi, thì nên báo cho họ biết. Nếu không báo cho họ biết mà bỏ đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có công đức và danh vọng lớn được nhiều người mang thức ăn đến cúng, vì muốn được lòng đàn việt nên thọ nhận tất cả thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nếu như làm pháp thí thực, hoặc bị bệnh thì không có tội, hoặc thời của y, cả hai đều không có tội.

Có hai Tỳ-kheo, mỗi người đều được một gia đình mời ăn thường xuyên. Nếu Tỳ-kheo thứ nhất nói với Tỳ-kheo thứ hai: "Trưởng lão, hôm nay cùng đến nhà đàn việt tôi thọ trai" thì Tỳ-kheo thứ hai phải tin cho đàn việt rồi đi. Nếu không tin mà đi thì như trên đã nói. Trái lại, nếu Tỳ-kheo thứ hai mời Tỳ-kheo thứ nhất thì cũng như thế; bữa ăn của Tỳ-kheo là: Cơm tẻ ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, và thịt cá chừng một bát hay nửa bát; mỗi mỗi thức ăn trong đó là một bữa ăn của Tỳ-kheo. Nếu tại một nhà hoặc xin được ba thăng, hoặc hai thăng, hoặc một thăng, hoặc nửa thăng, tùy xin được nhiều bao nhiêu đều không có tội. Nếu tại một nhà được ba bát cơm tẻ, hai bát bún, hoặc một bát gạo nấu thành cơm thêm thịt cá chừng một bát hay nửa bát thì không được nhận thêm ở chỗ khác nữa. Trong trường hợp này, thế nào là phạm? Thế nào là không phạm? (**354b**) Nếu cháo vừa mới múc ra khỏi nồi mà viết thành chữ được (nghĩa là nó không liền lại với nhau) thì phạm. Nếu viết không thành chữ thì không phạm. Tất cả rau, tất cả bún, tất cả bánh, tất cả trái cây đều không thuộc loại cấm ăn nhiều lần trong ngày, không thuộc loại cấm ăn biệt chúng, không thể ăn no được, nên cất chứa nhiều trong nhà không phạm, thế nên nói. (như trên)

(Hết giới thứ 32 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

33. ĂN RỒI, ĂN LẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ có người Bà-la-môn mời chư tăng về nhà cúng dường trai phạn. Ông sửa soạn các thức ăn uống xong, bèn lọc nước sạch trải giường nệm, rồi suy nghĩ: "Các thầy là những người ăn ngày một bữa, nên cần phải ăn sớm." Nghĩ thế ông liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chúng tăng, quỳ gối, chắp tay, bạch như sau: "Con là mỗ giáp xin mời chư tăng đến thọ trai, thức ăn đã sửa soạn xong, mong chư tăng biết cho thời giờ đã đến."

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Ông Bà-la-môn bèn tự tay bưng dọn các thức ăn, các Tỳ-kheo ăn uống no nê. Ông lại bưng thức ăn đi tuần tự mời mọc các Tỳ-kheo ăn thêm.

Các Tỳ-kheo đều nói: "Chúng tôi no rồi, không dùng nữa." Lúc ăn xong, Tỳ-kheo nào không có duyên sự thì trở về Tinh xá còn ai có duyên sự thì đi tới nhà đàn việt. Đàn việt gặp được rất hoan hỉ, rồi lễ bái vấn an, thưa: "Thưa thầy, thầy cần dùng cơm không? Cần dùng dưa, trái cây không cần dùng cháo không? Thầy cần dùng thì con sẽ dọn lên."

Tỳ-kheo nói: "Tôi đã ăn no tại nhà Bà-la-môn mỗ giáp rồi." Đàn việt biết khi ấy chưa quá giờ ăn của Tỳ-kheo, liền nói: "Thưa thầy, mặt trời còn sớm, thầy hãy cầm các bánh này về Tinh xá để ăn." Tỳ-kheo bèn đưa bát cho đàn việt bỏ bánh vào đầy bát, rồi đem về trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn ngồi ăn, rồi mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Bấy giờ ông Bà-la-môn ăn uống xong bèn bảo bà vợ đem những thức ăn còn lại biếu cho những người hàng xóm.

Rồi ông đi đến chỗ Thế Tôn định đảnh lễ, thăm hỏi. Bỗng từ xa ông trông thấy các Tỳ-kheo đang ngồi trước cổng Kỳ-hoàn cùng ăn bánh. Thấy vậy ông liền đi tới chỗ một Tỳ-kheo đang đi kinh hành hỏi: "Đó là khách Tỳ-kheo phải không?"

Không phải!

Hay là Tỳ-kheo sắp ra đi?

Cũng không phải!

Có phải Tỳ-kheo vừa thọ trai nhà tôi không?

Đúng vậy.

Thầy ấy đang làm gì thế?

Này Bà-la-môn, chứ ông không biết sao?

Không biết.

Vì Tỳ-kheo ấy ăn ít nên ăn thêm cho no đó mà.

Lúc ấy trong lòng ông Bà -la môn không vui, liền nói: "Sa-môn Thích tử là người nói thật, mà nay lại nói không thật, ăn chưa no mà nói đã no, dùng mà nói không dùng, chưa thỏa mãn mà nói đã thỏa mãn. Đó là kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!" Vì trong lòng hậm hực nên rốt cuộc ông không đến chỗ Phật mà trở về nhà.

Các Tỳ-kheo nghe vậy liền đến bạch Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. (**354c**) Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này Tỳ-kheo! Vì sao ông ăn đã no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại? Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo ăn no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại.

Lại nữa khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ăn rau cho là no, ăn muối cho là no, rồi uống nước mà không ăn cơm khiến thân thể tiều tụy.

Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, ta cho phép ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp thì mới gọi là no."

Lúc ấy, các Tỳ-kheo tại chỗ ngồi ăn một ít thức ăn tưởng là đã no nên không ăn thêm, do thế rũ rượi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn.

Phật dạy: "Ngồi một chỗ ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, ăn uống thỏa mãn thì mới gọi là no."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, tại Tinh xá Kì Hoàn có 60 Tỳ-kheo bệnh, nhận 60 phần ăn, nhưng họ ăn còn thừa, liền đem bỏ bên tường, khiến chim quạ đến tranh nhau ăn kêu la inh ỏi.

Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao các con chim ấy kêu to như vậy?"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì có 60 Tỳ-kheo bệnh nhận lấy phần ăn mà ăn không hết, rồi đem bỏ bên tường, khiến các con chim tranh nhau thức ăn ấy nên kêu to như vậy."

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo bệnh ăn không hết thì ta cho phép Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn ấy."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo nuôi bệnh làm phép tàn thực để ăn thức ăn còn lại nhưng vẫn không hết, rồi các con chim tranh nhau ăn như trên đã nói. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao các con chim đánh nhau?"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn còn thừa mà vẫn không hết, liền đem bỏ ngoài tường, do đó các con chim tranh nhau ăn nên mới kêu la."

Phật dạy: "Từ hôm nay ta cho phép một người làm pháp tàn thực thì những người khác đều được ăn."

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm pháp tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thức ăn: Gồm năm loại như trên đã nói; lại có 5 thức ăn tạp. Đó gọi là thức ăn.

Ăn no có tám trường hợp: (1) Tự tứ túc; (2) Thiểu dục túc; (3) (**355a**) Uế ô túc; (4) Tạp túc; (5) Bất tiện túc; (6) Siểm túc; (7) Đình trụ túc; (8) Tự kỷ túc.

Tự tứ túc: Đàn việt dọn cơm bún cá thịt và các thức ăn hỗn tạp khác rồi mời Tỳ-kheo ăn thoải mái; Tỳ-kheo nói: "Tôi đã no rồi", liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tự tứ túc.

Thiểu dục túc: Đàn việt dọn lên năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp, mời Tỳ-kheo ăn thỏa thích mà Tỳ-kheo đưa tay ra dấu chỉ lấy một ít, rồi rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thiểu dục túc.

Uế ô túc: Khi dọn thức ăn, tay của tịnh nhân có ghẻ và dơ bẩn, Tỳ-kheo thấy bẩn thỉu như thế liền nói: "Tôi không dùng, đi đi", rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là uế ô túc.

Tạp túc: Tịnh nhân dùng tô đựng sữa để múc cơm bưng đi qua, Tỳ-kheo thấy thế chê dơ nói: "Tôi không dùng, đem đi đi", rồi đứng dậy khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạp túc.

Bất tiện túc: Tịnh nhân dọn thức ăn, Tỳ-kheo hỏi: "Đó là thứ gì?" Tịnh nhân đáp: "Bún." Tỳ-kheo nói: "Thứ này kích thích bệnh phong của tôi, tôi dùng không tiện, đem đi đi", thế rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Hoặc là khi thấy người dọn cơm, Tỳ-kheo hỏi: "Thức ăn cứng hay mềm vậy?" Họ đáp: "Cứng." Tỳ-kheo nói: "Đây là loại lúa mì khó tiêu, tôi dùng không tiện, đem đi." Hoặc họ đáp: "Mềm." Rồi Tỳ-kheo nói: "Thứ này nát quá khó ăn, tôi dùng không thích

hợp, đem đi đi." Hoặc tịnh nhân bưng thịt lên, Tỳ-kheo hỏi: "Thứ gì vậy?" Người ấy đáp: "Thịt bò." Tỳ-kheo nói: "Thịt bò tính chất nóng, tôi dùng không tiện, đem đi đi." Hoặc họ nói: "Thịt trâu." Tỳ-kheo nói: "Tính chất nó mát khó tiêu, đem đi đi." Hoặc họ nói: "Thịt nai." Tỳ-kheo nói: "Loại thịt này có chất phong, đem đi đi." Thế rồi, Tỳ-kheo đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bất tiện túc.

Siểm túc: Tịnh nhân dọn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, Tỳ-kheo sợ nhiều, không nói mà đưa tay ra dấu, hoặc lắc đầu, hoặc che bát lại, rồi đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là siểm túc.

Đình trụ túc: Tịnh nhân dọn năm món ăn chính, năm món ăn phụ, Tỳ-kheo nói: "Này bác, chớ nên dọn cơm lên trước mà phải dọn rau muối nước lạnh lên trước." Thế rồi, đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo làm trị nguyệt (phụ trách công việc trong một tháng), Duy na mà chỉ vẽ ra dấu, (**355b**) thì không gọi là đã no. Tóm lại, trên đây gọi là đình trụ túc.

Tự kỷ túc: Tỳ-kheo đi khất thực đến một nhà kia, để cái túi đựng bún ở một chỗ, rồi vào nhà đàn việt xin nước uống. Đàn việt suy nghĩ: "Chắc thầy Tỳ-kheo này đang cần bún" liền hỏi: "Thầy cần bún không?" Tỳ-kheo suy nghĩ: "Có lẽ người đàn việt này muốn lấy bún trong nhà họ cúng dường cho ta", liền đáp: "Cần." Khi ấy, đàn việt bèn xách cái đãy đựng bún của Tỳ-kheo đưa cho thầy. Tỳ-kheo thấy mình bị chưng hửng, liền nói: "Để đó, để đó", nói xong, bèn đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tự kỷ túc.

Đứng dậy rời khỏi chỗ: Rời có tám vị thế: Đi, đứng, ngồi, nằm, giường dài, giường nhỏ, thuyền, xe.

Đứng: Tỳ-kheo đang đứng rồi có người đưa thức ăn đến thì phải đứng ăn cho no, nếu trong thời gian đó mà đi, ngồi hoặc nằm thì

đều gọi là rời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đi, ngồi, nằm cũng như thế.

Giường dài: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên giường dài rồi có người bưng cơm đến cho ăn, bỗng thấy Thượng tọa, Hòa thượng hoặc A-xà-lê đến thì không cần rời khỏi chỗ ngồi lánh đi mà chỉ cần nghiêng mình là được. Nếu khi đó chân giường gãy, thì xem như đã rời khỏi chỗ cũ, nếu như không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường dài.

Giường nhỏ: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi một mình trên giường rồi có người đưa cơm tới ăn, bỗng nhớ sau lưng có tháp, có tăng, có Hòa thượng, A-xà-lê, thì không nên rời khỏi giường quay mình lại. Nếu bị trời mưa thì nên dùng dù lọng che lên trên. Nếu không có dù thì được khiêng cả giường dời vào chỗ che khuất, và khi đặt giường xuống đất thì được xem như đã dời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường nhỏ.

Thuyền: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi ở trên thuyền có người đem cơm đến cho ăn, rồi thuyền đậu vào bờ, hoặc đụng nhằm cây đá, hoặc bị nước cuốn khiến thân Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuyền.

Xe: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên xe có người đem cơm đến cho ăn, hoặc xe nghiêng bên trái, bên phải, hoặc lắc lư khiến Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là xe.

Có năm trường hợp phi pháp không được xem là làm phép tàn thực. Năm trường hợp đó là: (1) Ly xứ; (2) Ly thực; (3) Ly cảnh giới; (4) Ly thân thủ; (5) Ly ngữ.

Ly xứ: Nếu Tỳ-kheo ăn trong khi đi mà khi đứng, khi ngồi, khi nằm làm phép tàn thực thì phép tàn thực này là phi pháp. Cũng thế đối với các trường hợp còn lại. Đó gọi là ly xứ.

Ly thực: Không có ai đưa thức ăn mà làm phép tàn thực, thì trường hợp này không gọi là phép tàn thực. Đó gọi là ly thực.

Ly cảnh giới: (**355c**) Thức ăn để dưới đất không ở trên tay mà làm phép tàn thực, thì phép tàn thực này phi pháp. Đó gọi là ly cảnh giới.

Ly thân thủ: Dang tay ra ngoài làm phép tàn thực mà không phải giở lòng bàn tay lên để làm thì không được gọi là làm phép tàn thực. Đó gọi là ly thân thủ.

Ly ngữ: Miệng không nói thế này: "Tất cả những thức ăn trong bát ở trên tay tôi nay tôi không cần, đây là thức ăn dư, tôi sẽ cho trưởng lão mỗ giáp." Đó gọi là ly ngữ.

Trên đây là năm trường hợp phi pháp làm phép tàn thực không thành phép tàn thực.

Lại có năm trường hợp được gọi là như pháp làm phép tàn thực. Năm trường hợp đó là: (1) Bất ly xứ (không rời khỏi chỗ); (2) Bất ly thực (không rời khỏi thức ăn); (3) Bất ly cảnh giới (không rời khỏi vị trí); (4) Bất ly thân thủ (không rời khỏi bàn tay mở vào trong); (5) Bất ly ngữ (không rời khỏi lời nói).

Bất ly xứ: Nếu muốn làm phép tàn thực cho ai thì Tỳ-kheo lúc đang đi mà có thức ăn liền làm phép tàn thực ngay khi đang đi. Đó là làm phép tàn thực đúng cách. Cũng vậy, khi đứng, khi ngồi, khi nằm cũng như thế. Đó gọi là bất ly xứ.

Bất ly thực: Khi nhận được thức ăn liền làm pháp tàn thực. Đó gọi là bất ly thực.

Bất ly cảnh giới: Cầm thức ăn trong tay làm phép tàn thực chứ không phải để dưới đất. Đó gọi là bất ly cảnh giới.

Bất ly thân thủ: Đưa tay vào trong làm phép tàn thực chứ không phải dang tay ra ngoài. Đó gọi là bất ly thân thủ.

Bất ly ngữ: Khi nhận được thức ăn liền nói: "Tất cả những thức ăn trong bát trên tay tôi, tôi không cần nữa, đó là thức ăn dư, giờ đây tôi cho Trưởng lão mỗ giáp." Đó gọi là bất ly ngữ.

Trên đây là năm cách làm phép tàn thực đúng pháp.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Năm phép đó là: (1) Không am tường chỗ; (2) Không am tường ăn; (3) Không am tường vị trí; (4) Không am tường khi đưa tay ra; (5) Không am tường khi ngừng ăn.

Không am tường chỗ: Không biết khi đi ăn thì phải ăn cho no khi đi, khi đứng ăn thì phải ăn cho no khi đứng, khi ngồi ăn thì phải ăn cho no khi ngồi, khi nằm ăn thì phải ăn cho no khi nằm. Đó gọi là không am tường chỗ.

Không am tường ăn: Không biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là những thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là không am tường ăn.

Không am tường vị trí: Không biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là không am tường vị trí.

Không am tường khi đưa tay ra: Không biết rằng mở tay hướng vào trong là ăn no, dang tay ra ngoài là không ăn no. Đó gọi là không am tường khi đưa tay ra.

Không am tường khi ngừng ăn: Không biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là không am tường khi ngừng ăn.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp này thì suốt đời không cho phép làm phép tàn thực để ăn. Nếu ai thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời được làm phép tàn thực để ăn.

Thế nào là năm điều như pháp? Đó là: (1) Am tường chỗ; (2) Am tường ăn; (3) Am tường vị trí; (4) Am tường mở tay ra; (5) Am tường dừng lại.

Am tường chỗ: Biết rằng lúc đi ăn thì phải ăn cho no trong khi đi; biết rằng lúc đứng ăn thì phải ăn cho no trong khi đứng, biết rằng lúc ngồi ăn thì phải ăn cho no trong khi ngồi, biết rằng lúc nằm ăn thì phải ăn cho no trong khi nằm. (**356a**) Đó gọi là am tường chỗ.

Am tường ăn: Biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là loại thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là am tường ăn.

Am tường vị trí: Biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, thức ăn để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là am tường vị trí.

Am tường mở tay ra: Biết rằng mở tay vào trong là ăn no, mở tay ra ngoài là không ăn no. Đó gọi là am tường mở tay ra.

Am tường dừng lại: Biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là am tường dừng lại.

Ai thành tựu năm pháp này thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn.

Nếu Tỳ-kheo đem thức ăn đến định làm phép tàn thực thì nên làm phép tàn thực trong chén để trên bát. Chính thức ăn trong chén này mới là thức ăn được làm phép tàn thực, chứ không phải thức ăn trong bát. Nhưng nếu nước của thức ăn trong chén chảy vào bát thì cũng được gọi là đã làm phép tàn thực.

Nếu Tỳ-kheo A đem hai bát đến nhờ Tỳ-kheo B làm phép tàn thực, mà Tỳ-kheo B chỉ ăn thức ăn trong một bát thì thức ăn trong bát này được làm phép tàn thực. Nếu trên hai bát có các thứ bánh, rau để phủ lên trên cả hai, thì cả hai bát đều được xem là đã làm phép tàn thực. Ngoài ra, các vật đựng thức ăn khác cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi đến nhà đàn việt, chủ nhà nói: "Thưa thầy, thầy ăn bánh không?"

Tỳ-kheo đáp: "Tôi đã ăn no rồi." Người Ưu-bà-tắc này vốn hiểu luật, liền nói: "Nhà mỗ giáp kia có Tỳ-kheo chưa ăn, nếu thầy cần, con sẽ đến đó làm phép tàn thực cho."

Tỳ-kheo nếu thấy cần, nên đáp: "Có thể được."

Đàn việt liền đem bát rửa sạch, đổ đầy các thức ăn ngon vào đấy, đưa lại Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm lấy, dùng miếng lụa phủ lên trên chớ để bụi bặm rơi vào, rồi trao lại tận tay tịnh nhân, nói: "Ngươi mang đi làm phép tàn thực xong rồi mang về."

Tịnh nhân liền mang thức ăn đến chỗ vị Tỳ-kheo kia, nói như sau: "Thưa tôn-giả, ở nhà con có một Tỳ-kheo ăn chưa no, xin tôn-giả làm phép tàn thực giúp cho con."

Vị Tỳ-kheo ấy nên rửa tay sạch, nhận thức ăn này, nói với tịnh nhân: "Ông lại đứng gần ta, đưa tay ra."

Rồi Tỳ-kheo ăn một miếng trong bát ấy, đoạn nói như sau: "Tất cả thức ăn trong bát ở trên tay tôi, tôi đều không cần, tôi làm phép tàn thực cho ông."

Thế rồi, tịnh nhân nhận lấy bát đem về trao lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được phép ăn. Nếu Tỳ-kheo này ăn no mà còn thừa thức ăn thì Tỳ-kheo nào cần đều có thể ăn được.

Hỏi: "Nếu tại những xứ có ít Tỳ-kheo, và khi Tỳ-kheo ăn xong, có đàn việt mang các thức ăn đến, gặp lúc Tỳ-kheo đã đứng dậy giải tán, thì phải làm sao?"

Đáp: "Nếu tại nơi đó có các vị tri sự như trị nguyệt, Duy na chưa ăn thì nên đến nhờ họ làm phép tàn thực. Nếu họ đã ăn no rồi mà Thượng tọa chưa ăn, thì nên đến nhờ Thượng tọa làm phép tàn thực. Nếu Thượng tọa thẹn không chịu làm giữa nhiều người (**356b**) thì nên bưng cả cái ghế Thượng tọa ngồi đến một chỗ vắng để Thượng tọa làm phép tàn thực.

Nếu Thượng tọa cũng ăn no rồi mà có khách Tỳ-kheo tới thì nên hỏi: "Hôm nay tự tứ trưởng lão đã ăn no chưa?"

Nếu Tỳ-kheo khách nói: "Tôi không an cư mùa hạ thì làm sao tự tứ được", thì biết người này không hiểu giới luật, liền hỏi tiếp: "Vậy thầy đã ăn chưa?"

Nếu nói: "Đã ăn rồi."

Lại hỏi nữa: "Đàn việt đem cúng dường phải không?"

Nếu ông ta nói: "Trưởng lão, ai mà đem đến cúng dường? Ăn rau uống nước mà còn không đủ huống gì những thức ăn khác?", thì phải biết vị này chưa ăn no nên nhờ thầy làm phép tàn thực.

Nếu thầy ấy nói: "Nhà đàn việt của tôi đã cúng thức ăn rồi", thì biết rằng thầy đã no, Tăng nên tạo phương tiện (linh động), không nên phá thiện tâm của đàn việt. Nếu bấy giờ trong chúng có sa-di đã lớn thì đưa ông vào giới trường cho ông thọ giới cụ túc, dạy ông cách thức làm phép tàn thực, xong rồi mình mới được ăn.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại tạp thực mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn chính thì không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn lại thì không có tội. Nhưng nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại thức ăn chính mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn tạp thì không đúng cách. Nhưng nếu chưa no mà ăn nữa thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo rời năm thức ăn chính, rời năm thức ăn tạp, làm phép tàn thực là không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp mà làm phép tàn thực ngay nơi đó, thì đó là làm phép tàn thực đúng pháp. Nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội.

Trong các trường hợp trên đây trường hợp nào phạm, trường hợp nào không phạm?

Nếu các loại cháo vừa múc ra khỏi nồi viết chữ lên mà không thành chữ (tức cháo lỏng), tất cả trái, tất cả rau, không phải thức ăn cấm ăn biệt chúng, không phải thức ăn cấm ăn nhiều lần, không phải thức ăn có thể ăn no mà cất chứa nhiều trong nhà thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 33 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

34. KHUYÊN NGƯỜI ĂN RỒI ĂN NỮA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn-giả A-nan có hai đệ tử tùy tùng, một người tên là Mãn Trà, một người tên là A-tì-kì cùng với hai người đệ tử tùy tùng của Mục-liên, một người tên là A-xà-đô, một người tên là Xá-xá-đô, họ thường tranh nhau xem ai đa văn hơn, ai biện tài hơn. Khi ấy, một người đệ tử tùy tùng của A-nan có biện tài và lợi căn hơn khiến người đệ tử Mục-liên tranh luận không lại. Do đó, ông thường theo sát người kia trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi để tìm chỗ sơ hở. Thế rồi, hai người cùng được một nhà kia mời thọ trai. (**356c**) Khi đó, người đệ tử Mục-liên được bánh, bèn ăn một nửa, cầm một nửa ra ngoài nói với đệ tử của A-nan như sau:

Trưởng lão, thầy có muốn ăn bánh không?

Ông được bánh ở đâu vậy?

Tôi được bánh ở chỗ vừa thọ trai kia nên cầm đến đây.

Thầy ấy liền cầm lấy bánh ăn. Khi ăn xong thầy kia liền nói như sau:

Trưởng lão, ông phạm tội rồi.

Phạm tội gì?

Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại.

Vì sao ông biết tôi không làm phép tàn thực mà cố ý khuyên tôi ăn?

Trước đây trong khi tranh luận, vì sao ông dùng biện tài chiết phục làm nhục tôi?

Do thế, hai người tranh cãi nhau, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: "Ý các ông nghĩ sao? Ta vì Thanh văn nói chín bộ kinh: Tu-đa-la, Kì-dạ, Thọ-kí, Già-đà, Ưu-đà-na, Như-thị-ngữ, Bản-sanh, Phương-quảng, và Vị-tằng-hữu cho các Thanh văn nghe, để rồi họ xúi đệ tử nghị luận tranh chấp thắng bại phải không?"

Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

Nếu không phải vậy, thì Ta thuyết chín bộ Kinh này cho các Thanh văn để họ nghe xong rồi theo đó tu hành phải không?

Dạ đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi hai Tỳ-kheo hướng vào nhau sám hối trước sự chứng kiến của Thế Tôn. Phật liền dạy: "Không được ỷ mình thông Kinh điển mà khinh người khác. Ta cũng không cho phép kẻ nào biết người khác đã ăn no, không làm phép tàn thực mà xúi giục ăn nữa."

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết người kia đã ăn no, rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực, mà vì muốn não loạn, khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

(Một số từ ngữ đã được giải thích ở trên).

Não loạn: Xúc não nhiễu loạn người đang ở trước mình muốn cho họ không vui.

Không làm phép tàn thực: Nếu thành tựu năm điều phi pháp thì không được gọi là làm phép tàn thực. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì mới được gọi là làm phép tàn thực. Nếu người ta gắng gượng khuyên mình ăn mà mình ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn. Còn các việc khác đã nói rộng như trên.

Nếu như người kia đã ăn no mà tưởng họ chưa no khuyên họ ăn, thì phạm tội (**357a**) Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn chưa no mà tưởng đã no, khuyên họ ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn đã no, tưởng họ ăn đã no mà còn khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu họ ăn chưa no, ta tưởng họ ăn chưa no nên khuyên họ ăn, thì không có tội.

Ở đây, (nếu ăn) các thứ: Cháo mới múc từ trong nồi ra viết không thành chữ, trái cây, rau... thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 34 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

35. ĂN THỨC ĂN KHÔNG ĐƯỢC MỜI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ tôn-giả A-na-luật dùng tất cả các thứ đều bằng phấn tảo: Bát phấn tảo; y phấn tảo; thức ăn phấn tảo và giày dép phấn tảo.

Bát phấn tảo: Những cái bát của Tỳ-kheo bị vỡ được vá năm lần rồi đem vứt, A-na-luật nhặt về vá lại rồi dùng. Đó gọi là bát phấn tảo.

Y phấn tảo: Những cái áo cũ rách người ta vứt trong thôn xóm, A-na-luật lượm về giặt sạch rồi dùng. Đó gọi là y phấn tảo.

Thức ăn phấn tảo: Những thức ăn người ta đem cúng các tự miếu của quỷ thần, trưởng lão đem về ăn. Đó gọi là thức ăn phấn tảo.

Giày dép phấn tảo: Những giày dép của các Tỳ-kheo dùng hư rách đem vứt bỏ, Trưởng lão nhặt về, sửa chữa lại rồi mang. Đó gọi là giày dép phấn tảo.

Khi đến giờ khất thực, trưởng lão khoác y, cầm bát vào thành khất thực, nhưng lúc vừa vào liền thấy một phụ nữ mang một giỏ cơm, cầm phân bò khô và các phẩm vật tế lễ đi ra. Tôn-giả thấy thế, liền suy nghĩ: "Nếu ta được những thức ăn trong đó ta sẽ rất vui, nhưng bây giờ ta phải đi khất thực trước đã." Thế rồi, thầy đi từ xóm này sang xóm khác, khắp mọi chỗ mà chẳng có gì cả, bèn đến bên một hồ nước, thì thấy phụ nữ trước kia đang quét tước trước miếu, trải cỏ sạch, rồi đặt những phẩm vật xuống đó cúng tế. Khi cúng xong, bà bèn vốc cơm rải ra bốn phía, nói như sau: "Những con quạ ngoan hãy đến ăn. Những con quạ ngoan hãy đến ăn."

Lúc ấy tôn-giả đang đứng dưới một gốc cây, do thần lực của tôn-giả nên những con quạ không dám bay đến ăn. Người phụ nữ trông thấy tôn-giả liền nói: "Ông giống như con quạ mù, luôn lẽo đẽo theo người ta."

Bà ta mắng rồi liền đi về nhà, lúc ấy tôn-giả bèn nhặt các thực phẩm tế lễ, rồi cũng trở về Tinh xá. Các Tỳ-kheo trông thấy thầy,

liền bàn với nhau: "Tôn-giả này xin thức ăn cực khổ, rất khó được." Thế rồi họ hỏi thầy:

Tôn-giả có xin được thức ăn không?

Có, nhưng thức ăn ấy vướng nhiều tội lỗi chẳng thú vị chút nào!

Có những tội lỗi gì vậy?

Như vậy, như vậy đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đến hỏi Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Người đàn bà mắng chửi kia phạm bao nhiêu tội?

Phạm nhiều tội.

Nhiều là bao nhiêu?

Người phụ nữ ấy trong năm trăm đời sẽ mang thân con quạ mù, và trong tất cả các kiếp tái sinh ấy đều chết vì đói.

Thế rồi, Phật bảo gọi A-na-luật đến. Khi thầy đến rồi, (**357b**) Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tuy ông muốn ít việc (nhưng vẫn gặp rắc rối). Từ hôm nay ta không cho phép các Tỳ-kheo tự tay cầm lấy những vật mà người khác không đưa cho.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, ngài chế giới cho các Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy vật mà người ta không cho. Do thế, các Tỳ-kheo đều nhận nước và tăm xỉa răng từ tay người khác đưa. Những ai có tịnh nhân (giúp đỡ) có được tăm và nước còn những người không có tịnh nhân thì không có. Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng, có Tỳ-kheo tự nghe miệng mình hôi hám, sợ mùi uế khí ảnh hưởng đến các vị đồng phạm hạnh, nên ngồi sau tất cả mọi người. Phật biết mà vẫn hỏi: "Tỳ-kheo ấy tại sao ngồi tại chỗ đó giống như người đang giận dữ vậy?"

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới vật người ta không trao thì không được lấy, cho nên các Tỳ-kheo đều nhận nước và tăm xỉa răng từ người khác. Những ai có tịnh nhân thì có được, còn những người không có tịnh nhân thì rất vất vả, không thể có được; do đó miệng bay mùi hôi, sợ ảnh hưởng đến các bạn đồng phạm hạnh, cho nên phải ngồi sau cùng."

Phật nói: "Từ nay ta cho phép các Tỳ-kheo được lấy nước và tăm xỉa răng để dùng, dù không ai cho."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho ác Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo lấy vật người ta không cho bỏ vào miệng, trừ nước và tăm xỉa răng, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Không cho: Người khác không cho, không nhận từ người ở trước mình.

Thức ăn bỏ vào trong miệng: Ngoại trừ nước và tăm xỉa răng.

Nước: Gồm có mười loại như trước đã nói. Nếu (người ta đưa) nước đục mình vẫn phải nhận. Nếu tính chất của nước là màu vàng thì uống không có tội (?).

Tăm xỉa răng gồm có hai loại: Loại dẹp và loại tròn. Nếu trong miệng Tỳ-kheo bị khí nóng làm cho lở loét, rồi thầy thuốc bảo: "Nên nhăm cây xỉa răng", thì có thể dùng; Và khi yết hầu tiết nước ra thì nên nuốt vào, vì Thế Tôn dạy dùng nước và tăm xỉa răng không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra còn có các trường hợp: (1) Trên thức ăn; (2) Trên cây; (3) Trong giếng; (4) Trên nhà; (5) Nhà bếp; (6) Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng; (7) Nhận ở trên giường; (8) Thuyền; (9) Xe; (10) Tâm niệm nhận; (11) Đường đi.

Trên thức ăn: Nếu khi ăn đem đặt giường, ghế dài, nệm lên trên bó mía, củ cải, hoặc trên bao đựng đậu, thì Tỳ-kheo lúc ngồi lên đó không nên động thân, cũng không nên hỏi, nếu động thân hay hỏi: "Đây là vật gì?" Đó gọi là bất tịnh (Phạm lỗi). Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà bị gió thổi làm bay bụi vào bát nhưng không làm bẩn cơm và rau thì vẫn cứ ăn. Trái lại, nếu tất cả rau và cơm đều bẩn thì nên nhận thức ăn khác. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà có bò, lạc đà đi ngang qua (**357c**) làm tung bụi lên mà không vấy bẩn đồ ăn, thì vẫn cứ ăn. Hoặc giả chỉ làm bẩn rau thì vẫn cứ ăn. Nếu bụi làm bẩn cả rau và cơm thì tất cả đều phải đổi thứ khác. Nếu súc sinh rùng mình bụi bay đến (làm bẩn thức ăn) mà mình tác ý nhận lấy thì được gọi là đã nhận. Nếu có các loài chim làm bay bụi đến cũng như thế. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn, rồi người nữ đi qua quẹt lai quần xuống đất làm bay bụi vào thức ăn, thì cũng như thế. Nếu có tịnh nhân mang cỏ, lá đi qua, Tỳ-kheo nên nói với họ: "Để xuống đó." Hoặc họ mang muối, trái, rau đi qua nên bảo họ: "Để xuống đó." Nếu tịnh nhân cầm trái cây đi làm rơi trên cỏ rồi họ đi luôn thì không gọi là (Tỳ-kheo) đã nhận; nhưng nếu họ dừng lại một tí, thì được gọi là đã nhận. Nếu trái cây còn cứng thì được phép lấy rửa sạch mà ăn. Nếu trái cây đã hư thối thì không nên lấy.

Nếu tịnh nhân đem lương khô ra đập giũ khiến bụi lương khô bay vào trong bát mà Tỳ-kheo tác ý thọ nhận, tức là đã nhận. Nếu không tác ý thì nên nhận cái khác. Nếu tịnh nhân lấy cái chén để đựng bún, rồi cái chén rơi vào trong bát mà ngay lập tức Tỳ-kheo dùng tay lấy ra, thì cái chén kia vẫn được xem là sạch. Nếu dừng lại trong chốc lát thì cái chén ấy được coi là không sạch. Nếu đó là chén bằng đồng thì nên đem rửa sạch mà dùng. Nếu đó là cái chén bằng gỗ bị cáu bẩn dính vào thì nên vứt đi. Nếu cáu bẩn không dính, thì nên đem gọt đi rồi dùng. Nếu khi tịnh nhân dọn

cơm làm văng cơm vào trong bát mình mà Tỳ-kheo tác ý nhận thì gọi là đã nhận.

Nếu không tác ý nhận thì nên nhận cái khác. Nếu họ bưng tô, lạc, sữa rau tương... thì cũng như vậy.

Nếu vào các dịp: Năm năm mở đại hội một lần, ngày Phật đản sanh, ngày Phật thành đạo, ngày chuyển pháp luân, ngày A-nan mở đại hội, ngày La-hầu-la mở đại hội mà không có tịnh nhân giúp đỡ thì Tỳ-kheo nên đến chỗ rổ rau để lấy rau hoặc lấy muối, bún, cơm cũng như thế. Nếu tịnh nhân đưa thức ăn mà họ giở lên không khỏi đất thì cũng được xem là Tỳ-kheo đã nhận, nhưng như thế là trái oai nghi. Khi ấy Tỳ-kheo nên nói với tịnh nhân: "Ngươi dỡ lên khỏi đất mà trao cho ta." Nếu tịnh nhân còn nhỏ không giở nổi thì nên nói: "Ngươi đưa dần dần cho ta." Khi nhận canh, bánh, thức ăn uống cũng như thế. Nếu khi nhận bình sữa mà dây buộc vướng dưới đất thì nên nói: "Ngươi mang luôn cả cái dây." Nếu tịnh nhân còn bé bưng lên không nổi, thì nên bảo họ múc sữa đưa cho mình từ từ. Tất cả các vật khác cũng thế. Nếu đường đang nấu nóng không cầm được, thì nên dùng hai miếng gỗ kẹp ngang đặt trên đất, rồi Tỳ-kheo dùng chân đạp lên trên và nói: "Nhận, nhận." Đó gọi là trên thức ăn.

Trên cây: Khi thấy tịnh nhân đang ăn trái cây trên cây, Tỳ-kheo nói: "Đưa trái cây cho ta." Tịnh nhân liền rung cây, trái rơi vào trong đồ đựng của Tỳ-kheo, thì được gọi là nhận; nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Nếu tịnh nhân dùng chân, dùng tay, dùng miệng thả trái cây xuống, rồi trái cây chạm vào cành lá, Tỳ-kheo (**358a**) nên nói: "Lấy lấy" đó gọi là đã lấy. Hoặc họ dùng dây buộc thả xuống, hoặc dùng chân, tay thả xuống khiến nó chạm vào cành lá, thì Tỳ-kheo cũng nên nói: "Lấy lấy." Đó gọi là lấy. Nếu tịnh nhân ăn bánh, đậu mà Tỳ-kheo muốn ăn, liền hỏi: "Cho tôi bánh, đậu." Nhưng tịnh nhân không muốn đưa, Tỳ-kheo liền gỡ tay tịnh nhân ra, giựt bỏ vào trong túi áo của mình, nói: "Lấy lấy", thì được gọi là lấy, nhưng trái oai nghi.

Khi khỉ đang ăn quả trên cây, Tỳ-kheo muốn ăn bèn nói với khỉ: "Cho ta trái cây." Khỉ liền rung cây cho trái rớt xuống, rồi Tỳ-kheo dùng giỏ hứng lấy, trái cây liền rơi vào trong giỏ, thì được xem là đã lấy. Nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Hoặc nó dùng tay, chân hay miệng thả trái xuống, khi trái chạm vào cành lá, Tỳ-kheo cũng nên nói: "Lấy lấy." Đó gọi là lấy. Tóm lại, đó gọi là trên cây.

Trong giếng: Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, khi giếng bị ngập nước mà không có tịnh nhân giúp đỡ, thì Tỳ-kheo phải tự mình múc nước ra. Rồi lúc ấy một Tỳ-kheo khác nói: "Đến giờ rồi, nên lên ăn đã." Tỳ-kheo ở trong giếng nói: "Nếu tôi lên thì nước sẽ đầy lại. Tôi muốn ăn ngay trong đây, hãy đưa thức ăn xuống." Khi ấy tịnh nhân nên dùng bát đựng đầy thức ăn, rồi lấy dây buộc để thả xuống, và Tỳ-kheo ở dưới giếng nên nói với tịnh nhân: "Nắm dây thả xuống." Nếu ở hông giếng có cỏ cây sống thì nên bảo phải tránh chúng. Khi đưa thức ăn xuống tới đáy giếng, thì Tỳ-kheo nên một tay cầm dây, một tay cầm lấy bát thức ăn, nói như sau: "Lấy lấy." Đó gọi là lấy. Nếu nước dưới giếng trong thì có thể lấy uống, nếu nước đục thì bảo tịnh nhân lấy cái bình đựng nước sạch buộc dây thả xuống, như trên đã nói. Đó gọi là trong giếng.

Trên nhà: Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, không có tịnh nhân nên Tỳ-kheo phải tự lợp nhà, rồi đến giờ ăn, một Tỳ-kheo khác gọi: "Đã đến giờ, xuống ăn cơm đã."

Tỳ-kheo đang lợp nhà nói: "Lên xuống khó khăn lại bỏ giở công việc, tôi muốn ăn trên này, hãy đưa đồ ăn lên." Rồi bảo tịnh nhân: "Đem thức ăn bỏ vào trong bát rồi đưa lên."

Đồng thời Tỳ-kheo hạ cây móc dài xuống bảo tịnh nhân máng vào móc đó rồi kéo lên, nói thế này: "Nhận nhận." Đó gọi là nhận. Khi thả dây xuống cũng thế. Đó gọi là trên nhà.

Nhà bếp: Nếu làm chùa mới không nên làm nhà bếp tại chái nhà phía Đông và phía Bắc mà nên làm tại chái nhà phía Nam và phía Tây, và nên khai thông hướng gió, khai thông đường nước quét rửa

cho nước chảy đi, trong nhà bếp dùng nấu thức ăn. Khi tủ đựng thức ăn bẩn mà tịnh nhân còn nhỏ, thì Tỳ-kheo tự rửa lấy cho sạch. Khi đổ nước vào trong nồi đồng xong nên bảo tịnh nhân: "Ngươi đem vo gạo đi." Nếu tịnh nhân còn bé không thể (**358b**) làm được, thì nên cầm tay nó dạy cách rửa đồ đạc, vo gạo và nấu cơm. Nếu đồ đựng thức ăn chưa đậy thì nên chỉ y đậy lại. Nếu không có tịnh nhân mà lúc đó có chiếu sạch, khăn sạch hay tấm ván sạch, thì Tỳ-kheo tự động lấy đậy lên trên. Khi phơi lúa nếu Tỳ-kheo giẫm chân lên lúa thì nên bảo tịnh nhân khỏa dấu chân đi. Nếu bị sư tử hổ lang rượt, hoặc phụ nữ có lòng dục truy đuổi Tỳ-kheo, thì lúc bỏ chạy dù giẫm chân lên lúa vẫn không có tội. Nếu dồn lúa thành đống gặp lúc trời mưa thì nên bảo tịnh nhân che lại. Nếu không có tịnh nhân mà có chiếu sạch thì Tỳ-kheo nên lấy che lên trên rồi dùng gạch đá sạch đằng lên. Nếu làm chùa mới, mà trong nhà bếp có các thứ như: dầu ăn, dầu dùng trong bảy ngày, hoặc bình đựng bột, bình đường cát, hũ muối, hũ đựng bột cỏ, hũ đường phèn, hũ đựng tro, bó mía, bó tre, bó nem, bó vỏ cây dùng để nhuộm, rồi Tỳ-kheo bảo một Tỳ-kheo thị giả: "Ngươi lấy bình dầu dùng bảy ngày đến đây", nhưng Tỳ-kheo thị giả cầm nhầm bình dầu ăn đến, tuy lúc ấy Tỳ-kheo từ xa trông thấy biết đó là dầu ăn vẫn không được kêu lên, vì e người kia hoảng sợ làm vỡ bình dầu. Đợi người ấy đến rồi mới hỏi:

Trưởng lão, dầu gì đó vậy?

Dầu dùng bảy ngày.

Thầy liền bảo: "Hãy để xuống đó", mà không được gọi tên dầu, rồi để đó mà dùng trong bảy ngày. Hoặc bảo: "Trưởng lão thầy lấy dầu ăn đến." Tỳ-kheo ấy liền lấy nhầm dầu ăn bảy ngày đến, thì không được nói tên mà đợi họ mang đến nơi rồi mới hỏi: "Trưởng lão, dầu gì đó vậy?"

Nếu người ấy đáp: "Dầu ăn" thì nên bảo: "Hãy để xuống đó." Do thế gọi là dầu trong bảy ngày.

Cũng thế, nếu bảo lấy hũ đường cát mà cầm nhầm bình bột, bảo lấy hũ bột cỏ mà cầm nhầm hũ muối, bảo lấy hũ đựng tro mà cầm nhầm hũ đường phèn, bảo lấy bó tre mà cầm nhầm bó mía, bảo lấy bó vỏ cây dùng để nhuộm mà cầm nhầm bó nem đến thì đều như trên đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo này bảo Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão, thầy hãy tới chỗ kia xem kỹ bình nào là bình tro thì đem lại đây." Tỳ-kheo ấy đến đó thò tay vào sờ trong bình đựng nhằm bún liền cầm lên xem, thì cái bình này vẫn còn sạch. Nếu thầy cầm bún bỏ lại vào trong bình, thì gọi đó là không sạch. Đối với các bình bột cỏ, bình tro đều cũng như thế.

Nếu bảo: "Ông xem kỹ loại nào tre thì mang đến", rồi Tỳ-kheo ấy đến đó rút cây mía lên xem, thì vật đó vẫn gọi là sạch. Nếu thầy đút cây mía trở vào trong bó thì cả bó mía đều không sạch. Cũng như vậy đối với bó nem.

Nếu nhà bếp bị dột rồi Tỳ-kheo bảo tịnh nhân đem tất cả đồ đạc trong nhà bếp ra ngoài, lấp hang chuột lại, quét đất, dùng đá lớn đặt lên trên, xây chân tường bằng gạch, loại lớn để ở dưới loại nhỏ đặt lên trên. Khi ấy Tỳ-kheo được đứng ở giữa nhà chỉ bảo tịnh nhân sắp đặt (**358c**) các thứ sữa, tô, lạc, dầu, mật, đường phèn, muối nhưng không được xem chúng.

Khi nhà bếp bị hư hỏng mà không sửa chữa thì theo pháp luật xử thầy tri sự. Đó gọi là nhà bếp.

Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng: Tất cả các loại lá, nếu cuốn lại thì gọi là đồ đựng, nếu nó trợt ra thì không phải là đồ đựng. Nếu cái mâm có vành, ở trong sâu, đựng thóc lúa được, thì gọi là đồ đựng. Nếu giường ngồi, giường nằm có loại dây đan dày thì được xem là đồ đựng, nếu đan thưa thì không gọi là đồ đựng. Thuyền ở trên bờ gọi là đồ đựng, mà ở dưới nước thì không phải là đồ đựng. Khi xe không có bò kéo thì gọi là đồ đựng, mà khi có bò kéo thì không phải là đồ đựng.

Nếu khi Tỳ-kheo đi khất thực, rồi người chủ nhà, chủ quán dùng cái đấu (chén) múc bún đưa cho Tỳ-kheo, mà cái đấu đó được buộc lại một chùm thành năm thăng, bốn thăng, ba thăng, hai thăng, hay một thăng, thì khi đó, Tỳ-kheo nên bảo thí chủ mở hết ra, lấy cái đấu có đồ ăn đưa cho mình. Nếu buộc chặt không mở được, thì Tỳ-kheo nên bảo họ dùng cái lá bỏ thức ăn lên đó đưa cho mình. Đó gọi là nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng.

Nhận ở trên giường: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi Thiền hoặc ngủ trên giường, rồi tịnh nhân đem thức ăn đến để gần tầm tay, mà Tỳ-kheo hay biết tức là nhận. Nếu không hay biết, thì khi tỉnh ra mà muốn ăn phải nhận lại từ tịnh nhân. Nếu không muốn ăn thì tự tay trao lại cho tịnh nhân. Trong trường hợp treo bên cạnh giường thì cũng giống trường hợp để trên giường. Nếu ở trên sàn, trên gác có thức ăn mà Tỳ-kheo để y bát, rồi khi lấy y bát làm lay động đến thức ăn, thì tất cả thức ăn đó trở thành bất tịnh (không hợp lệ). Nhưng nếu sàn gác chắc chắn không lay động, thì không có tội. Nếu trên giá y có để bình sữa, bình dầu mà khi Tỳ-kheo lấy y, làm lay động cũng như vậy. Đó gọi là nhận vật ở trên giường.

Thuyền: Nếu thuyền chở mười bảy loại mễ cốc mà trên mễ cốc có trải tấm sáo hoặc trải chiếu lên trên, thì Tỳ-kheo được ngồi trên đó, nhưng không nên gọi tên giống mễ cốc; nếu gọi tên thì được coi là bất tịnh (bất hợp pháp). Nếu bỗng nhiên gió thổi khiến thuyền trôi xuôi dòng, hoặc bị sóng xô khiến thuyền giạt lên bờ, thì tất cả (các thứ mễ cốc) đều bất tịnh. Nhưng nếu dây buộc thuyền, và mái chèo chưa rời khỏi nước thì cũng gọi là tịnh. Đó gọi là thuyền.

Xe: Nếu trên xe lớn chở mười bảy giống mễ cốc, trên mễ cốc trải tấm sáo tre và chiếu, rồi Tỳ-kheo ngồi lên trên thì không được gọi tên mễ cốc, nếu gọi thì thành bất tịnh. Nếu trên xe nhỏ có các tịnh vật và y bát mà khi Tỳ-kheo lấy y bát làm lay động tịnh vật, thì tất cả tịnh vật đều trở thành bất tịnh. Lúc ấy Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lấy y bát đưa cho mình. Không được dùng bò tác tịnh (?). Khi lên xe, Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lên trước, mình lên

sau; lúc xuống xe, Tỳ-kheo phải xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu khi xuống dốc, xe lắc lư khiến rơi xuống đất hoặc rời khỏi bò, thì tất cả (mễ cốc) đều thành bất tịnh (**359a**). Nếu khi xuống dốc, xe lật rời khỏi bò, mà dây buộc đuôi bò chưa rời khỏi xe, thì tất cả đều là tịnh. Đó gọi là xe.

Tâm niệm nhận: Có nước Đăng-Cù vốn là nơi biên địa, dân chúng có tà kiến, nên ghét Tỳ-kheo không cho thức ăn. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nên làm đàn tràng vẽ thành một khu vực, nếu thấy lá vàng rơi vào bát (?), thì từ xa nói: "Nhận nhận." Khi lá bắt đầu rơi thì hay biết, nhưng khi rớt vào trong bát thì không hay biết, như thế được gọi là đã nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rơi vào trong bát thì biết nhưng khi bắt đầu rơi thì không biết, cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi và khi rớt vào trong bát đều hay biết, đó gọi là khéo nhận.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực, bỗng chim quạ làm rơi cục thịt vào trong bát của Tỳ-kheo, khi bắt đầu rơi đã biết chứ không phải khi rơi vào trong bát mới biết, đó gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rớt vào trong bát mới biết chứ không phải lúc bắt đầu rơi đã biết, đó cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi liền biết, khi rớt vào trong bát cũng biết, đó gọi là khéo nhận. Tóm lại, trên đây gọi là tâm niệm nhận.

Đường đi: Nếu Tỳ-kheo muốn cùng đi chung với thương nhân, nên nói với họ: "Cho tôi mượn người giúp đỡ." Rồi thương nhân đáp: "Được thôi." Nhưng lúc lên đường, họ lại nói: "Tôi không có người giúp đỡ mà chỉ có bò, nếu tôn-giả cần thì hãy lấy dùng." Khi ấy, nên sai tịnh nhân lấy cái túi xách lớn, đong lương thực đủ số ngày đi, rồi đổ vào túi xách, xong xuôi lấy dây buộc vào trên con bò, và đến bữa ăn thì nên sai tịnh nhân đi lấy. Nếu không có tịnh nhân, thì một người gỡ dây, một người lấy túi xách, đồng thời miệng nói: "Lấy lấy." Đó gọi là lấy.

Khi chưa tới nơi mà lương thực hết ở dọc đường, thì nên lấy cái túi xách ra giặt sạch, rồi xin lương thực khác bỏ vào túi, buộc kỹ lại như trước.

Lúc đi đường, phải tùy thời cho bò ăn, cột ở chỗ mát mẻ, chớ để nó cực nhọc. Khi tới nơi, phải trả bò lại cho chủ cũ.

Nếu Tỳ-kheo đi trên đường, ngang qua đám mía, thì nên đến người giữ mía hỏi xin như sau: "Lão trượng, cho tôi một ít mía."

Tôn-giả cứ tự ý lấy.

Lão trượng, tôi không được phép tự lấy.

Nếu thầy muốn ăn thì tự ý lấy, nếu không muốn ăn thì hãy đi đi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo liền lấy dây cột vào những cây mía tốt rồi buộc vào đầu bò, nói như sau: "Hãy biết đó là mía của chúng sinh." Nếu bấy giờ bên cạnh đám mía đang có đống lửa thì thầy nên lùa bò đi qua đống lửa để cho mía được tác tịnh, nhưng không làm cho bò bị cháy. Thế rồi, một người vác mía đặt lên đầu bò, một người mở dây buộc, nói như sau: "Lấy lấy." Đó gọi là lấy. Trong trường hợp củ cải cũng như thế.

Nếu bò ăn củ cải, Tỳ-kheo liền nắm đầu bò giựt lại, nói: "Lấy lấy", thì được gọi là lấy; nhưng trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo đi đường, tịnh nhân đứng bên đường lấy đãy bỏ bún vào (**359b**) nhưng dây của đãy chưa rời khỏi đất, cũng gọi là đã nhận; nhưng như thế là trái oai nghi, cần phải bảo họ cuốn dây gọn lại rồi trao đãy cho mình. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 35 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 17

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

36. ĂN PHI THỜI

37. ĐỂ DÀNH THỨC ĂN MÀ ĂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai nhờ ăn mỗi ngày một bữa mà thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc. Các ông cũng nên ăn mỗi ngày một bữa. Vì ăn mỗi ngày một bữa thì thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc." Khi ấy tôn-giả Bạt-đà-lợi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không kham nổi ăn mỗi ngày một bữa. Vì cớ sao? Vì con ăn cả buổi sáng, buổi chiều mới được an lạc." Phật liền nói với Bạt-đà-lợi: "Nếu ông không thể ăn mỗi ngày một bữa, thì buổi sáng sớm hãy cầm hai bát vào thôn khất thực, rồi một bát dùng buổi mai, một bát dùng buổi trưa. Thế là ăn hai bữa." Thế Tôn dạy đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà Bạt-đà-lợi vẫn khăng khăng nói là mình không kham nổi. Lúc ấy các đệ tử đều vâng lời Thế Tôn dạy, ngoại trừ Bạt-đà-lợi. Vì thế thầy cảm thấy hổ thẹn, nên suốt ba tháng không đến chỗ Phật, như trong kinh Bạt-đà-lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo đi khất thực phi thời nên bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại khất thực phi thời, làm mất hết đạo hạnh, có đạo nào lại như thế?" Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem nhân duyên ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Các ông là người xuất gia mà khất thực phi thời, nên bị người đời chê trách là phải. Từ nay về sau, Ta không cho phép khất thực phi thời." Trong đây cũng giống như trong kinh Ưu-đà-di Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo ăn vào chập tối, bị người đời chê trách: "Vì sao sa-môn Thích tử lại ăn vào buổi tối? Chúng ta là người tại gia còn không ăn vào buổi tối. Những bọn người này làm mất phép tắc sa-môn, có đạo nào như vậy!"

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự việc ấy (**359c**) đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các ngươi ăn vào ban đêm nên mới bị người đời chê trách, từ nay về sau, Ta cho phép ăn trước nửa ngày (từ giờ ngọ trở về trước), và phải làm dấu bóng mặt trời để ấn định thời khắc."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo trước giờ ăn vào thôn xóm khất thực, sau giờ ăn, lại đến những nơi người đời tụ tập vui chơi như công viên, hồ nước để khất thực nữa, nên bị người đời chê trách nói với bạn: "Ông xem kìa, vị sa-môn Thích tử ấy vừa mới khất thực tại nhà tôi, giờ đây lại ra tới hồ nước theo tôi xin nữa! Thật là làm băng hoại phép tắc của đạo giáo, có đạo nào mà như thế!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi việc trên:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế thì ông khất thực buổi sáng dùng để làm gì?

Để ăn vào lúc đúng giờ.

Thế thì sau bữa ăn ông còn xin để làm gì nữa?

Cất để dành sáng mai ăn.

Vì sao ông lại cất giữ thức ăn để ăn?

Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn phi thời, không cho phép cất thức ăn để ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Bạt-đà-lợi cảm thấy lòng đầy hổ thẹn nên khi vào thôn xóm khất thực giống như đi vào giữa trận chiến, thầy mang theo hai bát để xin, rồi một bát để dùng hôm nay, còn một bát để dành ngày mai. Lúc ấy, các Tỳ-kheo định vào thôn xóm khất thực, liền gọi Bạt-đà-lợi:

Trưởng lão, chúng ta cùng vào thôn xóm khất thực.

Các thầy cứ đi đi. Tôi không đi nữa.

Trưởng lão được lợi ích rất lớn, thầy chỉ ăn một bữa mà yên ổn cả hai ngày.

Không phải tôi chỉ ăn một bữa mà được yên ổn cả hai ngày, mà vì khi tôi vào thôn xóm giống như đi vào trận chiến, cho nên tôi đem theo hai bát để xin ăn cả hai ngày.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo đi gọi Bạt-đà-lợi đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật, bạch Thế Tôn.

Tuy ông muốn giảm bớt sự việc (nhưng như thế là không được). Từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời, không cho phép cất thức ăn để ăn; như trong kinh Bạt-đà-lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật đem phơi cơm thiu nát trên hòn đá đen vuông nơi núi Tiên nhân, Phật bèn dùng sức thần thông (**360a**) đi đến núi ấy. Tuy Ngài biết mà vẫn hỏi A-na-luật:

Ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn, các đệ tử Thanh văn có lòng tin, hoan hỉ, ngày mai muốn (làm lễ) nương tựa nơi con, do đó, con không thể vào thôn xóm để khất thực, (nên con định phơi cơm nguội này để ăn).

Tuy ông muốn giảm bớt việc phiền toái, nhưng từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời và để dành thức ăn để ăn.

Thế rồi, Phật dùng thần lực trở về lại thành xá-vệ, truyền bệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời, phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo để dành thức ăn mà ăn, phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phi thời: nếu thời gian vượt qua (mức quy định) như trong chớp mắt hoặc đã vượt qua bằng ngọn cỏ, lá cây, thì đó gọi là phi thời.

Ăn: Nếu ăn gạo lứt, gạo tẻ, cá, thịt, hoặc các thứ linh tinh khác thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Để quá giờ ăn: Tức là quá thời gian Tu du.

Tu du: Hai mươi niệm gọi là một khoảng chớp mắt. Hai mươi chớp mắt gọi là một khảy móng tay. Hai mươi khảy móng tay gọi là một la tượng. Hai mươi la tượng gọi là một Tu du. Ngày dài nhất thì được mười tám tu du. Đêm ngắn nhất thì có mười hai tu du. Đêm dài nhất thì được mười tám tu du. Ngày ngắn nhất thì có mười hai tu du.

Thức ăn: Gồm có năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp. Nếu để quá giờ mới ăn một thứ nào đó thì phạm Ba-dạ-đề.

(Ngoài ra còn có các trường hợp) Thời thọ, Phi thời thọ, cố thọ, bất cố thọ, thiểu thọ, đa thọ, tật tật thọ, từ từ thọ, tuyết băng thọ.

Thời thọ: Nếu nhận (thức ăn) đúng giờ và ăn đúng giờ thì không có tội. Nếu để quá thời khắc chừng một chớp mắt, hoặc quá chừng một ngọn cỏ, lá cây, mà ăn thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-da-đề. Vì phạm một tội ăn phi thời và một tội ăn thức ăn để quá giờ.

Phi thời thọ: Nhận thức ăn phi thời rồi ăn vào lúc phi thời thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội ăn phi thời và tội ăn thức ăn để quá giờ.

Các trường hợp cố thọ (cố ý nhận), bất cố thọ (không cố ý nhận), thiểu thọ (nhận ít), đa thọ (nhận nhiều), tật tật thọ (nhận nhanh), từ từ thọ (nhận từ từ) cũng có các sự sai biệt như vậy.

Tuyết băng thọ (Thọ tuyết): Nếu Tỳ-kheo muốn ăn tuyết thì nên nhận từ tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên rửa tay sạch rồi tự lấy ăn. Trường hợp nước đá cũng như vậy. Đó gọi là Tuyết băng thọ.

Tỳ-kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch, không nên rửa một cách thô tháo mà nên rửa năm đầu ngón tay trước, cũng không được rửa từ nách mà nên rửa từ cổ tay trở về trước cho sạch, không nên thô lỗ. Rửa không nên quặn quẹo khiến cho máu ra. Nên dùng hòn đá lớn, ngọn cỏ hoặc tro mà rửa cho sạch tay, lại (**360b**) vỗ khiến cho ra tiếng. Sau khi rửa tay sạch, nếu lại vò hai tay thì gọi là chẳng sạch, nên rửa lại. Nếu rửa bát rồi, lúc tay còn ướt mà lại xoa vuốt thì cũng xem là không sạch, nên đợi cho nó khô. Tỳ-kheo trước bữa ăn nên giữ gìn tay cho sạch. Nếu gãi đầu, hoặc cầm cái quần, giày da, hoặc cầm tô sữa, dầu, túi da đều phải rửa lại cho sạch như trước. Nếu cầm y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la tăng đều phải dùng nước rửa lại.

Tỳ-kheo khi muốn đi khất thực nên rửa tay sạch rồi mặc chiếc y dùng đi vào làng xóm. Mặc y xong, nên rửa tay lại rồi cầm bát mà đi vào xóm làng. Nếu vào lúc mùa đông lạnh cầm bát để vào trong túi rồi định đi tới bên ranh giới thôn xóm, hoặc bên ao nước, hoặc trên dòng nước chảy thì nên rửa tay sạch. Nếu không có nước thì nên vào trong thôn xóm, đến trú xứ của Tỳ-kheo, xin nước rửa tay. Nếu cũng không có thì nên tới Tinh xá của Tỳ-kheo-ni mà xin nước. Nếu cũng không có thì nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin nước sạch. Nếu cũng không có thì nên mở túi, lấy bát ra chỉ cầm một chỗ đi khất thực. Khi được thức ăn rồi, nên ra khỏi xóm làng, đến bên hồ nước, hoặc suối nước chảy, đặt bát trên cỏ sạch, rồi mới rửa tay sạch, tiếp đến rửa sạch tảng đá hoặc lá cây. Rửa xong, nên lấy chỗ cơm mà ngón tay chạm vào vứt bỏ, rồi đổ cơm ra trên tảng đá hay trên lá cây. Khi đổ cơm ra không được đổ ra ngay cái chỗ mà tay không sạch đã cầm. Khi đổ xong phải rửa bát sạch, rồi đổ cơm vào lại trong bát mà ăn. Lúc ăn xong, nếu còn thừa cơm, thì nên đổ một chỗ trên tảng đá, rồi ra đi. Hôm sau, Tỳ-kheo lại vào thôn xóm khất thực; nếu chẳng được chi cả, phải rời khỏi thôn xóm với bát không, rồi tình cờ trở về lại con đường cũ, trông thấy chỗ cơm thừa đổ trên hòn đá hôm qua vẫn còn đó, nếu như có tịnh nhân thì nên bảo họ lấy đưa để mình ăn. Nếu không có tịnh nhân mà chỗ cơm ấy bị chim quạ ăn thì gạt bỏ chỗ chim ăn, rồi tự lấy ăn. Nếu tịnh nhân dùng tay không sạch cầm bún, cơm cúng dường cho Tăng, thì đối với Thượng tọa như thế được xem là không sạch, nhưng đối với những người khác thì được xem là sạch. Nếu tịnh nhân đem bún sạch đổ trên bún không sạch, thì được vớt lấy cái phần trên (để ăn). Nhưng nếu họ đem bún không sạch đổ trên bún sạch, thì tất cả thành ra không sạch. Nếu họ đem bún sạch đổ vào trong một cái tô không sạch, thì được múc lấy ở chính giữa (mà ăn). Nếu họ khuấy lên, thì tất cả đều trở thành không sạch. Khi Tỳ-kheo ăn bún, nếu dùng tay chùi miệng, thì được xem là không sạch, phải rửa tay lại. Nếu hai tay xoa vào nhau thì được xem là tay không sạch, phải rửa tay lại.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần cháo thì nên nhờ tịnh nhân nấu. Nếu tại nơi A-luyện-nhã không có tịnh nhân (**360c**) thì được rửa tay sạch không để dính cáu bẩn, rồi múc nước đổ vào nồi, chụm lửa cho nước sôi, rồi bảo cho tịnh nhân biết để họ đổ gạo vào. Khi họ đổ gạo vào xong, Tỳ-kheo không được chụm lửa nữa mà phải bảo tịnh nhân chụm lửa cho đến khi sôi. Nếu tịnh nhân đi khỏi thì Tỳ-kheo được chụm lửa cho đến khi cháo chín, rồi múc đưa cho người bệnh. Nếu Tỳ-kheo uống thuốc ỉa mửa rồi, thầy thuốc bảo phải cho ăn cháo trong, nếu không có thì sẽ chết. Vậy phải làm sao? Bấy giờ Ta nên lấy gạo rửa sạch rồi nấu nhừ thành nước trút vào trong tô để cho Tỳ-kheo bệnh. Nếu người bệnh không kham (không dùng được) thì nên lấy một nắm lúa nguyên vẹn đem rửa bảy lần cho sạch, rồi để vào một cái túi, cột đầu lại, đồng thời đem rửa nồi cho sạch để vào nấu. Không được để cho đầu hạt lúa bị vỡ, nếu vỡ thì không được cho Tỳ-kheo bệnh dùng. Nếu ở tại nơi hoang vắng mà tịnh nhân bị bệnh, thì nên khiến tịnh nhân khác nấu cháo giúp cho họ. Nếu trường hợp không có tịnh nhân mà có được thóc hợp pháp, thì Tỳ-kheo được tự mình đem giã, nấu cháo đưa cho tịnh nhân dùng. Nếu cháo tịnh nhân dùng không hết thì Tỳ-kheo không được dùng, cũng không được đưa cho những Tỳ-kheo khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 36 & 37 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

38. NHẬN THỨC ĂN QUÁ MỨC ĐÃ CHO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một cư sĩ sinh được một bé gái đoan chính vô song, cha mẹ rất hoan hỷ. Đến khi đầy tháng, cha mẹ em định tổ chức lễ khánh hỉ, nên suy nghĩ: "Con bé này đoan chính, hiếm có trên đời, nếu quốc vương biết được, ắt sẽ đoạt lấy, vậy ta nên đặt cho nó một cái tên

xấu xí", bèn đặt tên là Hạt nhãn. Cô gái này dần dần khôn lớn, quan xem tướng cho vua trông thấy, liền hỏi (dân chúng): "Con bé này con nhà ai vậy?" Có người đáp: "Con gái của cư sĩ mỗ giáp đấy." Viên quan xem tướng của vua suy nghĩ như sau: "Tướng của cô này phải làm đến đại phu nhân của vua", bèn tâu với vua: "Nhà kia có một người con gái quý tướng, đáng làm đến Hoàng hậu, nên tuyển cô vào cung." Vua bèn sai người đến nhà ấy hỏi xem cô ta tên gì, thì họ đáp: "Tên là Hạt nhãn." Sứ giả bèn trở về báo lại nhà vua. Vua nói: "Cái tên này không tốt lành. Ta không cần." Về sau, có người xin cưới cô, cha mẹ chồng bảo rước cô về nhà. Người chồng bèn sai sứ giả đến xin rước dâu, thì gia đình nhà gái đáp: "Sẽ đưa ngay", bèn chuẩn bị các vật dụng để đưa tiễn con gái và làm các thứ bánh. Bỗng nhiên có một Tỳ-kheo tuần tự khất thực, đến nhà ấy. Mẹ cô trông thấy thầy, liền khởi tâm tin tưởng, hoan hỷ, hỏi: "Tôn-giả có cần bánh không?" Thầy đáp: "Cần." Bà liền đem các thứ bánh cúng dường đầy bát của thầy. Khi đã nhận được bánh, thầy bèn đem về Tinh xá, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão, thứ bánh này rất ngon, thầy được ở đâu vậy?" Thầy đáp: "Được tại nhà của cô Hạt nhãn." Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đến nhà ấy, và họ cũng nhận được bánh như người đầu. Như vậy, từng người, từng người (**361a**) cứ đến xin, khiến những phẩm vật dùng tiễn đưa con gái hết sạch. Trải qua ngày thứ hai, thứ ba cũng như thế. Người chồng lại sai người đến nhắc. Nhà gái lại nói: "Xin đợi ít hôm làm cho xong lễ vật đưa tiễn đã." Nhưng rồi các Tỳ-kheo hằng ngày lại đến xin hết cả. Vì cô dâu không về nhà chồng đúng ngày giờ nên ông chồng nổi cáu nói: "Ta đã sai người đến nhắc (mấy lần) mà đều bảo rằng lễ vật làm chưa xong nên chưa đưa đến, chắc là có tâm này khác rồi", liền sai người đi xin cưới cô gái khác. Mẹ cô Hạt nhãn nghe tin con gái mình bị khiển trách, bà rất đau buồn, than khóc. Cô cũng sầu não trách mẹ không đưa tiễn mình đúng ngày giờ nên mới bị khiển trách. Những người hàng xóm thấy thế bèn hỏi: "Các vị vì sao mà ưu sầu, than khóc?" Họ bèn trình bày đầy đủ sự kiện kể trên với những người hàng xóm. Thế rồi, người láng giềng cũng

trách: "Vì sao bà không đưa tiễn con gái trước rồi mới sắm các thức ăn uống khác mà bố thí cho các Tỳ-kheo?"Các Tỳ-kheo nghe được liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi: "Các ngươi có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nhận những thức ăn dùng để đưa tiễn cô dâu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ trong thành có người khách buôn tên là Vô úy sắp đi xa cùng với các khách buôn khác. Lúc ấy, bà vợ ông đang ở nhà sắm sửa các thứ lương thực đi đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo tuần tự khất thực đến nhà ấy, bà vợ trông thấy khởi tín tâm, hoan hỉ hỏi: "Tôn-giả có cần bún không?" Thầy đáp: "cần." Bà liền cắt một phần lương thực đem đổ đầy bát, cúng dường cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo được thức ăn rồi, liền mang về Tinh xá Trúc viên Ca-lan-đà, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy được thức ăn ngon thế này ở đâu vậy?" Thầy đáp: "Được tại nhà của ông khách buôn mỗ giáp đấy." Các Tỳ-kheo nghe thế, liền cùng nhau người này người khác, đến nhà ấy xin lương đi đường đến nỗi hết sạch. Như vậy, họ phải sắm lương thực đến ngày thứ hai, thứ ba. Nhưng rồi các Tỳ-kheo cũng thay phiên nhau đến xin hết cả cho đến ngày thứ tư, sắm lương xong thì đi theo không kịp bạn, bị bọn cướp lấy tài vật hết sạch. Bà vợ ông khách buôn nghe thế, sầu não, khóc than. Người hàng xóm bèn hỏi: "Vì sao bà khóc than như vậy?" Bà liền trình bày đầy đủ sự kiện trên với người láng giềng. Người láng giềng nói: "Vì sao bà không sắm trước lương thực cho người ra đi xong rồi sau đó mới sắm các thứ khác bố thí cho các Tỳ-kheo?" Các Tỳ-kheo nghe được việc đó, liền đến bạch đầy đủ sự kiện lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Họ đáp: "Có thật như vậy."

Phật khiển trách: "Đó là việc ác. Người bố thí không biết lượng định thì người thọ nhận cũng phải biết cân nhắc chứ! Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy (**361b**), không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin lương thực đi đường." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y họ cúng dường bánh bún thoải mái, thì được nhận hai, ba bát, rồi đem về cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh. Nếu nhận quá số đó mà đem về không cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người.

Nhà bạch y: Các gia đình sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà-la cúng dường bánh hoặc bún.

Bánh: Đó là các thứ bánh làm bằng lúa đại mạch, tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Bún: Đó là các loại bún được làm bằng lúa đại mạch tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Ba bát: Được nhận tối đa ba bát.

Mang đi ra ngoài: Mang đến nơi mà mình muốn.

Tỳ-kheo không bệnh: Tỳ-kheo có sức lực có thể đến nhà ấy.

Cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh: Thức ăn đem về nên cùng ăn chung, nếu không cùng ăn chung thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Lại có các trường hợp: Vật dùng để tiễn đưa, lương thực đi đường, lương không phải làm cho Tỳ-kheo mà làm để đưa tiễn, cho một cách hào phóng.

Vật dùng để tiễn đưa: Như bánh dùng để tiễn đưa cô Hạt nhãn.

Lương thực đi đường: Như trường hợp người chủ khách buôn Vô úy.

Bánh bún: Như trên đã nói.

Không phải vì Tỳ-kheo: Vốn là vì người khác mà làm lương thực để tiễn đưa.

Cho một cách hào phóng: Như cách cho của mẹ con cô Hạt nhãn, cách cho của vợ chồng ông khách buôn thì Tỳ-kheo được nhận ba bát, rồi đem ra ngoài cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh.

Nếu Tỳ-kheo nghĩ như sau: "Ai hơi sức đâu mà làm cho nhiêu khê", rồi nói với Ưu-bà-di: "Múc đầy một bát đổ vào trong một tô, rồi múc đầy bát khác đổ vào một tô khác." Đoạn thầy tự dùng một bát, rồi dặn người nữ gia chủ: "Nếu có Tỳ-kheo đến thì bà cho một bát này. Nếu có người khác đến nữa thì bà cho bát thứ hai. Sau đó, nếu có người nào đến nữa, thì bà đừng cho. Nếu cho, thì bà sẽ được ít phước đức." Bấy giờ, Tỳ-kheo mang thức ăn ra đi, nếu giữa đường gặp Tỳ-kheo khác thì nên nói như sau: "Nhà mỗ giáp kia có thức ăn, thầy nên đến đó lấy phần." Nếu gặp Tỳ-kheo thứ hai, cũng nên nói như thế.

Lại có các trường hợp: Không phải bánh dùng để đưa tiễn, không phải lương thực để đi đường, vì Tỳ-kheo, không phải là lương thực dùng để đưa tiễn, không cho một cách hào phóng.

Không phải bánh dùng để đưa dâu: Không phải như trường hợp cô Hạt nhãn trên đây.

Không phải lương thực dùng để đi đường: không phải như trường hợp ông khách buôn Vô úy.

Vì Tỳ-kheo: (thức ăn) làm cho Tỳ-kheo, chứ không phải làm cho người khác.

Không phải lương thực dùng để đưa tiễn: Trừ hai trường hợp kể trên, nếu (thực phẩm) làm cho những người khác thì được nhận lấy, không phạm.

Không cho một cách hào phóng: Tùy theo thực phẩm nhận được (**361c**) rồi mang đi. Nếu cô Hạt nhãn về nhà chồng rồi, sau đó mẹ cô mới cho, thì được phép lấy mà không có tội.

Nếu cô dâu về nhà chồng rồi, cô mới cho (thực phẩm) thì được phép lấy, không có tội.

Nếu người khách buôn ra đi rồi, người vợ sau đó mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu khách buôn đi đến mục tiêu rồi ông mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu một nhà kia vào dịp gả chồng hay cưới vợ cho con mà có khoản đãi, hoặc những ngày lễ hội, rồi Tỳ-kheo đi đến nhà ấy, chủ nhân nói như sau: "Thưa tôn-giả, dù tôi muốn sai người đi mời, e chưa chắc đã được, huống gì nay hân hạnh được tôn-giả đến đây." Nếu như thế thì được lấy thoải mái, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 38 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

39. ĐÒI THỨC ĂN NGON

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến nhà có sữa tô thì xin sữa tô, nhà có dầu thì xin dầu, nhà có sữa tươi thì xin sữa tươi, nhà có sữa lạt thì xin sữa lạt, nhà có mật thì xin mật, nhà có đường phèn thì xin đường phèn, nhà có cá thì xin cá, nhà có thịt thì xin thịt, nên bị người đời chê bai như sau: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện tán

thán ít muốn, biết đủ, dễ nuôi dưỡng, dễ thỏa mãn, và chê trách đa dục, không biết chán, khó nuôi dưỡng, khó thỏa mãn; thế mà nay vị sa-môn này không chịu xin thức ăn thô, mà đến nhà có sữa tô xin sữa tô, cho đến nhà có thịt thì xin thịt. Đó là kẻ bại hoại, chứ có đạo nào như thế!"

Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện tán thán ít muốn, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn Thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin thức ăn ngon để ăn.

Lại nữa, khi Phật trú tại một Tinh xá ở vườn cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ thuộc dòng họ Thích ca. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Phật đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần; trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Bệnh của ông như thế nào? Có đau đớn lắm không?

Không đau đớn lắm, bạch Thế Tôn.

Ông không thể xin được thức ăn hợp với bệnh, thuốc men hợp với bệnh được sao?

Có thể xin được, nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép xin thức ăn ngon, nên con không dám xin. Vả lại, con không có đàn việt, cũng không có người cho.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được xin thức ăn ngon.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang trú tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu tại nhà các đàn việt có các loại mỹ thực như sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, cá, thịt... mà Tỳ-kheo không bệnh, vì muốn sướng thân mà xin, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Nhà: Như trên đã nói.

(362a) Sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, thịt, cá: Như trong giới ăn trộm thứ hai trước kia đã nói. Đó gọi là mỹ thực. Nếu người bị bệnh thì Thế Tôn cho phép xin ăn, không có tội.

Bệnh: Có các loại như: Bệnh hoàng lạn, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đi tiểu, đại không làm chủ được, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh ho lao, bệnh gầy ốm, bệnh phong thũng, bệnh thũng nước, các bệnh như thế gọi là bệnh.

Vì thân mình: Vì chính thân mình mà xin, nếu tự mình xin hoặc nhờ người khác xin để ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh nhiệt, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống sữa chua", thì được xin sữa chua. Nhưng không được đến nhà không có niềm tin mà xin. Vì sao thế? Vì khi xin, họ sẽ dèm pha rằng Tỳ-kheo do tham món ngon mà xin sữa chua. Chính vì họ chê bai sự hay giở của Tỳ-kheo nên không được đến xin, mà nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin. Khi xin được rồi nên cân nhắc (mà dùng).

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh phong, rồi thầy thuốc bảo: "Nên uống dầu", thì khi ấy được phép xin dầu. Nhưng không được đến nhà ép dầu để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thũng nước, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống mật", thì khi ấy được xin mật. Nhưng không được đến nhà người đi lấy mật để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh khô gầy, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống đường phèn", (thì được xin đường phèn). Nhưng không được đến nhà làm mía mà xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị nhiễm lạnh, rồi thầy thuốc bảo: "Nên dùng đường phèn, sữa chua hai thứ hòa chung vào nhau mà uống"; thì không được đến nhà không có lòng tin mà xin, như trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh ỉa chảy, rồi Thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống sữa tươi." Khi ấy được đến chỗ người chăn bò để xin sữa tươi. Khi xin được nên trù tính để lấy.

Nếu Tỳ-kheo muốn ói ra và uống thuốc ói mửa, rồi thầy thuốc bảo: "Trước nên uống nước cá", thì khi ấy được xin nước cá, nhưng không được đến nhà người bắt cá để xin, cũng không được đến nhà người không có lòng tin mà xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo muốn lể đầu ra máu, hoặc uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống nước thịt", thì khi ấy được phép xin nước thịt, nhưng không được đến nhà đồ tể, nhà không có lòng tin để xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực đến nhà người đong sữa chua, rồi người đong sữa hỏi: "Tôn-giả muốn tìm thứ gì?" Thầy đáp: "Muốn xin thức ăn." Người ấy nói: "Không có thức ăn mà chỉ có sữa chua này,

nếu thầy cần tôi sẽ cho." Khi ấy, nếu Tỳ-kheo cần thì được nhận đầy bát, không có tội. Hoặc là có bạn thì có thể khuyên người ta cho bạn, không có tội. Cũng như thế đối với người đong dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo khất thực được bún, cơm đầy một bát cỡ trung không còn chỗ nữa, thì có thể xin nước uống. Nếu đàn việt nói: "Không có nước uống mà chỉ có nước thịt, nếu thầy cần (**362b**) thì tôi sẽ cho." Khi ấy Tỳ-kheo được phép lấy. Hoặc họ lại nói: "Cũng có thịt, nếu thầy cần tôi sẽ cho." Lúc ấy, Tỳ-kheo được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời Tỳ-kheo cũng được đến nhà người ép mía, xin nước mía. Nếu chủ nhà nói: "Không có nước mía mà chỉ có đường phèn, nếu thầy cần, tôi sẽ cho." Tỳ-kheo nếu thấy cần thì có thể lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình. Cũng như được đến nhà ép dầu mè để xin cặn dầu mè. Nếu chủ nhân nói: "Tôi không có cặn dầu mè, nhưng thầy có cần dầu thì tôi sẽ cho." Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin nước trong ở dưới sữa đóng váng. Nếu họ nói: "Tôi không có nước trong ở dưới sữa đóng váng mà chỉ có sữa đóng váng, thầy có cần thì tôi sẽ cho." Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin mía, cũng được vì Tỳ-kheo khách đi đường xa mà xin thức ăn ngon. Hoặc khi mình đang đi trên đường cũng được xin (thức ăn ngon).

Nếu Tỳ-kheo xin một chỗ được tám thứ mỹ thực, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo xin được tám thứ mỹ thực tại nhiều chỗ khác nhau, rồi ăn một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại nhiều chỗ, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại

một chỗ được nhiều loại thức ăn, rồi họp lại ăn một lần, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu xin khi không bệnh đến khi bệnh đem ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xin khi đang bệnh, đến lúc không bệnh đem ăn, thì không có tội.

Nếu xin khi đang bệnh, rồi ăn lúc đang bệnh, thì không có tội.

Nếu xin khi không có bệnh, rồi ăn lúc không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nấu không tùy theo bệnh mà ăn tùy theo bệnh, thì không có tội (?).

Nếu nấu tùy theo bệnh mà ăn không tùy theo bệnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nấu tùy theo bệnh, rồi ăn cũng tùy theo bệnh, thì không có tội.

Nếu nấu không tùy theo bệnh, ăn không tùy theo bệnh, thì không có tội. Vì sao vậy? Vì người xuất gia sống nhờ người khác vậy. Thế nên nói:

"Mỗi chỗ cho một bữa,
Ăn no khuyên ăn thêm.
Không nhận phần mà ăn,
Ăn phi thời, đồ thừa.
Hai ba bát món ngon,
Ăn riêng chúng, ăn sau
Hết Bạt cừ thứ tư."

(Hết giới thứ 39 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

40. KHÔNG BỆNH MÀ NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành xá-vệ, lúc này người đời đốc tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh (thuốc bổ). Trong khi ấy, những người xuất gia ngoại đạo cũng đang ở tại thành xá-vệ nhưng không được người đời cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Do thế, nhiều người xuất gia ngoại đạo tập hợp tại nhà luận nghị, bàn luận như sau: "Sa-môn Cù-đàm này đang ở tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ đà, thành xá-vệ (**362c**) được người đời thâm tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh nhưng chúng ta không được tôn trọng cung kính cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Vậy ai có thể đến xuất gia sống trong giáo pháp của sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, tụng đọc giáo pháp của ông ta, rồi trở về lần lượt dạy lại chúng ta, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ta?"

Khi các ngoại đạo luận bàn như thế rồi, cùng bảo nhau: "Tu-thâm-ma là người ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chúng ta nên có thể sai ông đến xuất gia trong giáo pháp của sa-môn Cù-đàm, thọ giới luật của Cù-đàm, rồi về lại...." Thế rồi, các ngoại đạo nói với Tu-thâm-ma: "Sa-môn Cù-đàm đang sống tại Tinh xá Kỳ-hoàn được nhiều người tôn trọng cúng dường, còn chúng ta thì không được lợi ích như thế. Nay ông nên đến xuất gia trong giáo pháp sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, đọc tụng kinh điển của ông ấy, rồi trở về trong giáo pháp của Ta, lần lượt dạy lại nhau, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ấy."

Tu-thâm-ma nghe lời đề cử rồi, liền ra khỏi thành xá-vệ, đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Khi tới cổng Tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành, ngồi thiền, Tu-thâm-ma liền đến chỗ các Tỳ-kheo thăm hỏi, rồi ngồi sang một bên, nói: "Tôi vốn là ngoại đạo nay muốn xuất gia, thọ cụ túc trong giáo pháp của Như Lai thì ở đây

phải làm thế nào?" Các Tỳ-kheo đáp: "Nếu gốc gác là ngoại đạo mà muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, thì phải được thử thách qua bốn tháng. Qua bốn tháng thử thách mà các Tỳ-kheo thấy hợp ý thì sẽ cho xuất gia."

Khi ấy Tu-thâm-ma liền vâng lời, thực hành bốn tháng thử thách. Qua bốn tháng, các Tỳ-kheo thấy vừa ý, liền cho thọ giới cụ túc. Sau khi thọ cụ túc, ông bèn đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, con đã chứng đắc, đời sống của con đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn phải tái sinh nữa." Họ nói như thế xong, liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ra đi.

Khi các Tỳ-kheo ấy vừa ra đi, thì Tu-thâm-ma đến đảnh lễ chân Phật, rồi đi tới các Tỳ-kheo ấy thăm hỏi. Hỏi thăm xong, bèn đứng qua một bên, hỏi các Tỳ-kheo: "Thưa trưởng lão, vừa rồi ở trước Phật, thầy tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh nữa, có phải thế không?" Các Tỳ-kheo đáp: "Đúng như vậy." Thế rồi Tu-thâm-ma lại hỏi: "Thưa trưởng lão, biết như vậy thấy như vậy, được thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sinh chết chỗ này, sinh chỗ kia, người đẹp, kẻ xấu, thiện thú, ác thú (**363a**), thấy chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng hiền thánh, tự làm việc tà kiến, dạy người làm theo tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Lại thấy chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, tự mình làm theo chánh kiến rồi dạy người làm theo chánh kiến, đến khi thân hoại, mạng chung, sinh vào cõi thiện, trên cõi trời, trong cõi người, thiên nhãn thanh tịnh hơn người như thế, trưởng lão có được không?" Thầy đáp: "Không được." Ông lại hỏi: "Tôn-giả được Túc mạng trí biết như vậy, thấy như vậy, biết quá khứ một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, cho đến kiếp thành, kiếp hoại, danh tánh, chủng tộc, chết nơi đây, sinh chỗ kia, chết chỗ kia, sinh chỗ này, vô số sự việc trong các kiếp như thế, trưởng lão có biết không?" Thầy đáp:

"Không biết." Ông lại hỏi: "Ly sắc, quá sắc, vô sắc, tịch diệt, giải thoát, thân chứng cụ túc an trú, các loại giải thoát như vậy, trưởng lão có được không?" Thầy đáp: "Không được."

Tu-thâm-ma nói: "Vừa rồi tôi hỏi về các pháp thì trưởng lão đều nói là không được. Thế thì vì sao trước mặt Thế Tôn trưởng lão tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống của mình đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, vậy ai mà tin nổi?"

Các Tỳ-kheo đáp: "Này trưởng lão, chúng tôi là những người được giải thoát bằng trí tuệ."

Tu-thâm-ma nói: "Trưởng lão nói giản lược quá, nghĩa chưa rõ, xin nói lại rõ hơn."

Tỳ-kheo nói: "Tuy nghĩa chưa rõ, nhưng tôi tự biết mình là người đã giải thoát nhờ trí tuệ."

Khi Tu-thâm-ma nghe các Tỳ-kheo nói như thế, liền suy nghĩ: "Ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về việc này, Thế Tôn-giải đáp như thế nào thì ta hãy ghi nhận như vậy." Suy nghĩ thế rồi, thầy từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc nêu trên bạch đầy đủ với Thế Tôn, hỏi rằng việc ấy như thế nào?

Phật liền nói với Tu-thâm-ma:

Tiên pháp trí, hậu tỉ trí.

Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn dạy quá bí ẩn, giản lược, con chưa hiểu.

Dù ngươi chưa hiểu, nhưng vẫn tiên pháp trí, hậu tỉ trí.

Lành thay Thế Tôn, con vẫn chưa hiểu, kính mong Thế Tôn vì con nói rõ thêm.

Vậy Ta hỏi ngươi, tùy ngươi hiểu như thế nào hãy trả lời Ta. Này Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ thế nào, do Sinh nên có Già Chết phải không?

Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Lành thay Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ sao, do Vô minh mà sinh ra các Hành phải không?

Đúng như vậy.

Lành thay Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ sao, do Sinh duyên diệt nên Già Chết diệt phải không? Cho đến do Vô minh diệt nên các Hành diệt phải không?

Đúng như vậy.

Lành thay (**363b**) Tu-thâm-ma, nếu Tỳ-kheo sống trong giáo pháp này chánh quán, chánh trí, điều gì phải đạt được thì sẽ đạt được hết phải không?

Đúng như vậy.

Ngươi đã biết do Sinh nên có già chết phải không?

Đúng như vậy.

Do Vô minh nên có các Hành phải không?

Đúng như vậy.

Do Sinh duyên diệt nên già bệnh chết ưu bi khổ não, ngũ âm đều diệt phải không?

Đúng như vậy.

Do Vô minh diệt nên các Hành diệt phải không?

Đúng như vậy.

Ngươi đã biết các pháp như vậy, ngươi có đạt được thiên nhãn, Túc mạng trí và các sự giải thoát không?

Không đạt được, bạch Thế Tôn.

Ngươi tự nói biết các pháp như vậy rồi lại bảo không đạt được các công đức kia, thì ai mà tin được?

Bạch Thế Tôn, vì bị Vô minh ác tà vây bủa nên con sinh ra tà kiến như vậy. Nay con nghe rõ chánh pháp nơi Thế Tôn nên diệt được ác tà kiến, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Thế rồi, Tu-thâm-ma cúi đầu đảnh lễ chân Phật, quỳ gối, chắp tay, bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, con xuất gia sống trong chánh pháp của Như Lai với tâm gian trá định trộm giáo pháp, Thế Tôn đại từ xin nhận sự hối lỗi của con.

Ngươi ngu ngốc như trẻ con, vì muốn trộm chánh pháp của Phật mà xuất gia với tâm gian trá. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ngươi. Này Tu-thâm-ma, ví như có người phạm tội với vua, rồi vua sai lính đem ra phân thây, cắt tai, xẻo mũi, dùng cưa để cưa, dùng dao cắt chặt từng đoạn, lại cho voi chà, ngựa đạp, giết chết bằng các hình thức cực kỳ đau khổ như vậy. Nay ngươi xuất gia với tâm gian trá, vì muốn trộm pháp mà phạm phải tội lỗi, giờ đây Ta nhận sự hối lỗi của ngươi, ở trong pháp của hiền thánh, ngươi sẽ được tăng trưởng; từ nay về sau chớ có tái phạm.

Vì Thế Tôn độ Tu-thâm-ma và vì mục-liên vận dụng thần túc dùng bát chiên đàn hàng phục ngoại đạo tại Tỳ-xá-ly nên nhân dân càng thêm kính tín, và (tăng đoàn) được nhiều lợi dưỡng. Do thế, các ngoại đạo lồng lộn phỉ báng Thế Tôn, như trong kinh Tôn đà lợi đã nói rõ: Khi Phật chưa ra đời thì ngoại đạo được các thứ cúng dường, nhưng đến khi Phật ra đời thì tất cả ngoại đạo đều mất hết lợi dưỡng. Vì sao vậy? Vì mọi người đều biết rằng pháp Phật thâm diệu, như trong *kinh Khổng tước điểu bản sinh* đã nói rõ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn chán sự cúng dường của người đời, nên trở về lại thành xá-vệ. Đến giờ khất thực, Phật khoác y thường mặc, cầm bát, vào thành xá-vệ tuần tự khất thực. Rồi sau khi ăn xong, Phật ung dung đi kinh hành, đoạn, thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, Phật du hành một mình (**363c**) đến nước Kiều-tát-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ A-nan, nói với A-nan:

Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, đơn độc du hành đến nước Kiều-tát-la.

A-nan đáp: "Thưa trưởng lão, nếu đức Như Lai Ứng cúng, Chánh biến tri sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với các Tỳ-kheo và thị giả mà du hành một mình, là vì muốn tìm sự yên lặng, vậy các Tỳ-kheo không nên đi theo Ngài."

Lúc ấy, Thế Tôn từ nước Kiều-tát-la du hành đến Ba-lợi-đa, rừng Ta-la, an trú dưới cây Hiền Thọ. Đoạn, nói về bầy voi năm trăm con đang du hành. Voi chúa thường đi sau, gặp phải nước đục, cỏ xơ xác, vì thế nó chán ngán đàn voi, nên cũng đơn độc tìm đến cây này. Khi voi chúa trông thấy Phật, nó liền dùng vòi nhổ cỏ, đạp đất cho bằng, lại dùng vòi lấy nước rưới lên đất cho khỏi bụi, đồng thời lấy cỏ mềm trải lên để làm chỗ ngồi. Đoạn nó quỳ gối, mời Phật ngồi lên. Khi thấy Phật ngồi rồi, nó bèn xin được cúng dường Phật ba tháng. Phật biết ý voi chúa, liền nhận sự thỉnh cầu của nó. Nhân việc này, Phật đọc bài tụng:

"Độc thiện không phải lo,
Như voi nơi hoang dã.
Vui trì giới học tập,
Cần bè bạn làm gì?"

Bấy giờ, voi chúa lấy những ngó sen tốt đẹp rửa sạch, rồi dâng lên Thế Tôn, và Thế Tôn đã nhận sự cúng dường của voi chúa suốt ba tháng. Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo vì cả ba tháng không thấy Phật, nên đến chỗ tôn-giả A-nan, thưa:

Trưởng lão, chúng tôi đã lâu không thấy Phật, cũng không được nghe pháp, nay chúng tôi muốn đến đảnh lễ thăm hỏi Thế Tôn để nghe Thế Tôn dạy bảo.

Các trưởng lão nên đứng ở đây một lát và đợi tôi trở về.

Lành thay!

Thế rồi, A-nan liền đi đến chỗ tôn-giả đại Mục-liên, nói như sau: "Thưa trưởng lão, năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ tôi nói rằng: "Đã lâu ngày không thấy Phật, không được nghe chánh pháp, muốn đến đảnh lễ cúng dường Phật và nghe Phật dạy bảo. Trưởng lão hãy quan sát xem Phật đang ở tại đâu?"

Mục-liên liền nhập định, quan sát hết thảy thế gian, thấy Phật đang ở dưới gốc cây Hiền thọ, tại rừng Ta-la, Ba-lợi-da, nhận sự cúng dường của voi chúa. Thấy thế, thầy bèn hướng đến A-nan, nói bài kệ sau:

"Rời bỏ hồ hoa sen,
Thân tươi đẹp đẫy đà.
Mình không bẩn sạch sẽ,
Sống vui nơi rừng vắng.
Được cam lồ diệu pháp,
Tướng hảo, thân sung mãn.
(**364a**) Tâm trong sạch không bẩn,
Rời chúng, vui rừng vắng."

Khi Mục-liên đọc bài kệ đó rồi, liền nói với tôn-giả A-nan: "Đức Thế Tôn nay đang ở tại Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ, nhận sự cúng dường của voi chúa. Nếu ông muốn đến chỗ Thế Tôn thì bây giờ là đúng lúc."

Tôn-giả A-nan bèn trở về chỗ các Tỳ-kheo, nói như sau:

Thế Tôn hiện giờ ở Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Giờ đây, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ vấn an Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe A-nan nói thế, liền cùng nhau đi đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, dưới cây Hiền thọ. Khi còn cách Thế Tôn không xa, A-nan nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri đang ở tại chỗ thanh vắng, chúng ta không nên đến đường đột. Các trưởng lão nên đứng lại đây một lát, để tôi đi đến trước.

Lành thay.

A-nan liền đến với Phật. Từ xa trông thấy A-nan đi đến, Phật liền nói: "Ông đến thật là đúng lúc A-nan, đã lâu ngày Ta không gặp ông." Tôn-giả A-nan liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch như sau: "Thế Tôn có được ít bệnh, ít khổ não và sống an lạc chăng?"

Như Lai ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Này A-nan, các Tỳ-kheo Tăng có được ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc hay không? Khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp đấy chứ?

Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Tăng ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp. Bạch Thế Tôn, năm trăm Tỳ-kheo hiện giờ đang đợi ngoài rừng, muốn vào thăm viếng, kính xin Thế Tôn chuẩn thuận.

Ta cho phép họ vào.

A-nan bèn trở lại chỗ các Tỳ-kheo nói:

Các trưởng lão được lợi ích rất lớn, vì Thế Tôn đã cho phép vào thăm.

Các Tỳ-kheo liền theo A-nan, cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Lúc bấy giờ trong số ấy có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: "Làm thế nào mà Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật và lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?" Tuy thầy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi Phật.

Đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo ấy, nên nói với A-nan: "Trong số người này có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: "Làm thế nào để một Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?" Tuy thầy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi. Này A-nan, trước đây Ta đã

vì các Tỳ-kheo nói về cách quán tưởng ấm, giới, nhập và mười hai nhân duyên; nếu Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, thì đoạn tận được các lậu hoặc."

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Thế Tôn nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất (sắc) là ta."

Lúc đó, Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: "Thầy Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "(**364b**) Vật chất là Ta." A-nan nên biết, nếu có Tỳ-kheo quán tưởng thế này: "Vật chất là tất cả các hành, do Vô minh, Xúc, Thọ mà sinh ra Ái", thì này A-nan, Ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?

A-nan nên biết, Ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào Thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ.

A-nan nên biết, Thọ bắt nguồn từ Xúc, nương tựa vào Xúc, phát sinh từ Xúc và chuyển biến từ Xúc.

A-nan nên biết, Xúc bắt nguồn từ Lục nhập, nương tựa vào Lục nhập, phát sinh từ Lục nhập và chuyển biến từ Lục nhập.

A-nan nên biết, Lục nhập là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh là pháp Vô thường hoại diệt; Xúc là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; Thọ là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; Ái là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt; hành là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Vô minh là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt đoạn tận hữu lậu."

Vị Tỳ-kheo ấy, nghe nói thế, bèn suy nghĩ: "Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta."

Phật biết được, những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: "Thầy Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: "Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta."

A-nan nên biết, nếu Tỳ-kheo quán tưởng như sau: "Vật chất là tất cả các hành, do Vô minh, Xúc, Thọ mà sinh ra ái, vậy ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?"

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ, cho đến Vô minh hữu vi hành (là sự vận hành của pháp hữu vi), do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt."

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất không phải là Ta, cũng không phải sở hữu của Ta, mà trong ta có vật chất."

Phật biết những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, cũng chẳng phải trong ta có vật chất, hay trong vật chất có ta."

Phật biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Nếu vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có vật chất, cũng chẳng phải trong vật chất có ta; (Vậy chắc) Thọ là ta, Tưởng, Hành, Thức cũng như vậy. Nếu năm ấm chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có năm ấm, chẳng phải trong năm ấm có ta; vậy thì vì sao mà có ta?"

Phật nói với A-nan: "Nếu quán tưởng như vậy về (**364c**) năm ấm, tất cả các Hành, do Vô minh, Xúc, Thọ sinh ra Ái, thì này A-nan, Ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu?

Chuyển biến từ đâu? Này A-nan, Ái bắt nguồn từ Thọ, nương tựa vào Thọ, phát sinh từ Thọ và chuyển biến từ Thọ.

A-nan nên biết, Thọ bắt nguồn từ Xúc, nương tựa vào Xúc, phát sinh từ Xúc và chuyển biến từ Xúc.

A-nan nên biết, Xúc bắt nguồn từ Lục nhập, nương tựa vào Lục nhập, phát sinh từ Lục nhập và chuyển biến từ Lục nhập.

A-nan nên biết, Lục nhập là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường biến hoại, (cho đến) Vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, quán tưởng như vậy, thì lần lượt sẽ đoạn tận hữu lậu.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi thầy suy nghĩ: "Tất cả các pháp đều vắng lặng, không có ta, không có sở hữu của ta."

Phật nói với A-nan: "Thầy Tỳ-kheo ấy trong khi suy nghĩ như thế, thì không thọ nhận bất cứ pháp nào, đoạn tận các lậu hoặc và tâm được giải thoát."

Trong khi Phật vì Tỳ-kheo ấy thuyết về pháp đó thì năm trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, đều thành La-hán.

Thế rồi, đức Thế Tôn cùng sống với các Tỳ-kheo, lúc ấy vào tháng mùa thu, gặp cơn mưa lạnh thình lình các Tỳ-kheo đem đốt một khúc cây lớn rỗng ruột. Nhưng trong cây ấy vốn có một con rắn lớn. Vì bị lửa nóng nên nó chui ra, ngẩng đầu lên, đuổi theo các Tỳ-kheo. Do đó, các Tỳ-kheo kêu gọi nhau om sòm: "rắn bò ra, rắn bò ra." Lúc ấy, Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao mà kêu la om sòm như thế?"

Bạch Thế Tôn, vì bị cơn mưa lạnh thình lình các Tỳ-kheo-niên thiếu đem đốt một cây rỗng ruột. Trong cây ấy có con rắn, do bị

lửa nóng nên nó bò ra đuổi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy vậy nên mới kêu gọi nhau om sòm như thế.

Đi gọi các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Đốt lửa có bảy sự tai hại, đó là: (1) Làm hư mắt; (2) Làm hư nhan sắc; (3) Làm cho thân tiều tụy; (4) Y phục bị dơ bẩn, hư hại; (5) Làm hư hỏng giường nệm; (6) Sinh ra cơ hội phạm giới; (7) Làm tăng thêm sự bàn tán về chuyện đời. Có bảy điều tai hại như thế, nên từ nay về sau, Ta không cho phép đốt lửa."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ ngứa, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, có dễ chịu không? Không khổ đấy chứ?

Con bị bệnh ghẻ ngứa không được vui, nếu được hơ lửa thì thấy dễ chịu, nhưng Thế Tôn chế giới không cho đốt lửa, nên không được dễ chịu.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được phép đốt lửa.

(**365a**) Lại nữa, khi Phật trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các tôn-giả nan-đề, kim-tì-lô, bạt-đề an cư tại núi tháp vừa xong, bèn đi đến thành xá-vệ để đảnh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thấy các vị mặc áo bị thấm mưa, màu nhuộm phai lạt, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, vì sao lại mặc áo bị thấm nước mưa (màu phai lạt)?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế giới không được đốt lửa, nên chúng con không dám nấu thuốc nhuộm để nhuộm lại.

Từ nay về sau, trừ có lý do chính đáng (thì được đốt lửa).

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà tự đốt cỏ, cây, phân bò, hoặc sai người khác đốt, thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ có lý do chính đáng.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Bệnh: Như ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, bệnh phong... có các loại bệnh cần đến lửa như vậy mới dễ chịu, thì cho phép đốt lửa.

Cỏ: Tất cả các thứ cỏ và lau, sậy, trúc...

Cây: Tất cả các loại cây hoặc đã bị đốn chặt, hoặc còn nguyên vẹn.

Phân bò: Hoặc tự mình đốt, hoặc sai người đốt, ngoại trừ có lý do chính đáng thì Thế Tôn bảo không có tội.

Lý do: Hoặc trực nguyệt (chịu trách nhiệm trong tháng), hoặc phải chăm sóc việc ăn uống, hoặc đến phiên mình phải đốt lửa, đốt đèn, hoặc đốt lò sưởi cho ấm trong phòng, hoặc đốt lửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc đun nước nóng, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y... đốt lửa thì không có tội. Nếu không có lý do thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cầm cây củi có lửa để trên đống củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ, trên đống rác thì phạm Ba-dạ-đề. Như vậy, cho đến nếu cầm nắm rác có lửa để trên củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo giẫm trên đống lửa bằng cỏ cây, có cái đã cháy, có cái chưa cháy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu giẫm trên lửa làm cho lửa văng ra mà chưa cháy đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). (Khi ấy) được cầm cây sắt, gạch, ngói mà dập đống lửa thì không có tội.

Nếu cầm lửa xoay thành vòng tròn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngắt cỏ ném về phía lửa hoặc ném trên lửa, thì tùy ngắt bao nhiêu cộng, phạm bấy nhiêu tội Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy cây cỏ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy thân cây nảy mầm thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội đốt lửa và làm hại mầm cây.

Nếu vì muốn phá (vật gì đó), hoặc hỏa tịnh (dùng lửa đốt đồ ăn để đồ ăn hợp lệ), hoặc vì lý do chính đáng mà đốt thì không có tội.

Nếu đốt buội lúa đã có hạt hoặc bông lúa đã có hạt thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Một tội đốt lửa và một tội làm hại mầm sống. Nhưng nếu cần dùng lửa để tác tịnh (như nghĩa hỏa tịnh) hoặc có lý do mà đốt, thì không có tội.

Nếu đốt tóc, đốt lông ngựa, lông lạc đà..., thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt da thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt bánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt thuốc độc và than thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(**365b**) Nếu ăn không tiêu được dùng miếng sắt nung nóng áp trên bụng, thì không có tội.

Nếu dùng giày da dẫm trên lửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 40 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

41. NGỦ QUÁ THỜI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo quản sự thuê thợ trộn hồ đúc gạch. Người thợ ấy khi thì ngủ trong phòng trai đường của Tăng, khi thì nghỉ trong phòng Thiền, khi thì nghỉ trong phòng sưởi, ông khạc nhổ đồ dơ bẩn, hoặc đại tiểu tiện nơi này nơi kia, làm cho ô uế, phương hại đến sự tọa thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đén rồi, Phật bèn hỏi: "Có thật ông thuê người làm công về làm cho ô uế nơi này nơi kia, khiến phương hại đến sự tọa Thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo hay không?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Con muốn sai người thợ ấy buổi mai làm, buổi chiều nghỉ, làm sao vừa đủ số tiền thuê thì thôi.

Tuy vậy, nhưng từ nay về sau (Tỳ-kheo) không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới cụ túc.

Lại nữa, khi Phật còn là Bồ-tát, ở nhà phụ vương rất yêu quý, vì sợ mất giống Chuyển luân vương nên ưu sầu khóc lóc không cho Bồ-tát xuất gia. Đến khi (Gia du) hoài thai La-hầu-la thì (Bồ-tát) mới bỏ nhà xuất gia được. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai nhu nhuyến làm vui lòng người không thể nào hơn được phụ vương, vì Ngài đã xây ba cung điện phù hợp cho ba mùa Xuân, Hạ, Đông, như trong *kinh Nhu nhuyến tuyến* đã nói rõ, (cho đến) Như Lai được thành Đẳng chánh giác."

Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao Thế Tôn phải tu khổ hạnh đến sáu năm như vậy?

Không phải chỉ có ngày nay (tu khổ hạnh), như trong *kinh Điểu bản sinh* đã nói rõ.

Bạch Thế Tôn, vì sao ma Ba tuần thường muốn làm não loạn phá hoại Thế Tôn?

Không phải chỉ có ngày nay (phá hoại), như trong kinh Miết Bản Sinh đã nói rõ về sự kiện cha con gặp nhau tại nước Ca-duy-la-vệ. Trong đó còn nói rõ về trường hợp Đại-ái-đạo, Da-thâu-đà-la, La-vân xuất gia. Lại còn nói rõ trường hợp Phật vì thân quyến nên trở về nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, những người có lòng tin bèn làm cầu tiêu cho Phật. Tuy Phật không cần, nhưng vì thuận theo người đời nên đã nhận. Thế rồi, một hôm, tôn-giả La-hầu-la nằm ngủ ở ngoài trời, đêm ấy trời bỗng đổ mưa gió. Thầy liền đi đến trước phòng tôn-giả Xá-lợi-phất, gõ cửa. Xá-lợi-phất hỏi: "Ông là ai?"

Bạch Hòa thượng, con là La-hầu-la.

Ông hãy đứng ngoài đó.

La-hầu-la bèn đến trước phòng tôn-giả Đại Mục-liên, gõ cửa. Mục-liên hỏi:

Ông là ai?

Thưa A-xà-lê (thầy giáo thọ), con là La-hầu-la.

Ông hãy đứng ngoài đó.

Cứ như thế, La-hầu-la lại đến các phòng khác, nhưng ai cũng bảo phải đứng ở ngoài phòng. Lúc ấy, La-hầu-la bèn đi vào trong cầu tiêu của Thế Tôn, gối đầu trên thềm cầu mà nằm. (**365c**) Thế rồi, có một con rắn đen, vì sợ mưa gió nên cũng định vào trong cầu tiêu. Phật thường quan sát chúng sinh, thấy con rắn đen ấy muốn vào trong cầu tiêu, vì sợ nó làm hại La-hầu-la, nên người phóng ra ánh sáng, rồi đi đến nhà cầu, cất tiếng hỏi: "Ông là ai?"

Bạch Thế Tôn, con là La-hầu-la.

La-hầu-la, chẳng lẽ ông đang ở đấy sao?

Bạch Thế Tôn, con được chỗ này đã may mắn lắm rồi!

Phật liền dùng bàn tay sắc vàng mềm mại đỡ La-hầu-la lên, rồi phủi bụi bám trên mình, đoạn, dẫn vào phòng mình chỉ cái giường ở trước, nói: "Ông hãy nghỉ trên giường này."

> ***Vì khi ấy, Như Lai đã chế giới cho các đệ tử, nên phải tuân hành theo giới ấy. Do đó, Thế Tôn ngồi kiết già trên đất. Lúc ngồi Thiền xong, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: Như Lai vì lòng từ, nhân chuyện La-hầu-la, nên muốn cho các đệ tử được an lạc, từ nay về sau Ta cho phép người chưa thọ giới cụ túc được ngủ chung phòng (với Tỳ-kheo) trong ba đêm, đến đêm thứ tư, nên ngủ riêng.***

Các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, vì nguyên nhân gì mà La-hầu-la ở trong thai sáu năm?"

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ngày xưa có một tiên nhân tên Lê-ba-đô, di đến nhà vua xin yết kiến. Vua bèn báo tin cho tiên nhân: "Ông hãy ở tạm trong vườn Vô ưu, chốc lát rồi Ta sẽ cho gặp." Nhà vua ra lệnh thế rồi, nhưng đến sáu hôm mà chưa cho tiên nhân gặp." Ông vua khi ấy nay là La-hầu-la, vì nguyên nhân đó mà phải ở trong thai đến sáu năm, như trong Sanh kinh đã nói rõ." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một phòng với người chưa thọ giới cụ túc quá ba đêm thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chưa thọ cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nhưng Tỳ-kheo-ni tuy thọ cụ túc cũng không cho phép ở chung ba đêm.

Ngủ ba đêm: Giới hạn được ngủ ba đêm.

Cùng một phòng: Nếu cùng ngủ chung trong một phòng có cùng một mái, cùng một bức tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu một phòng mà có cửa riêng, có ngăn cách thì không có tội.

Nếu khác phòng mà cùng một cửa thì phạm Ba-da-đề.

Hoặc một phòng một cửa cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khác phòng, khác cửa thì không có tội.

Nếu (phòng) có tường có mái thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có tường mà lợp một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tường mà không có mái thì không có tội.

Nếu có mái, có tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có mái mà tường ngăn một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có mái mà không có tường thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ cụ túc cũng ngủ trong phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ giới cụ túc nằm một nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài thì không có tội.

(**366a**) Nếu người chưa thọ giới cụ túc ngủ trong phòng và Tỳ-kheo cũng ngủ trong phòng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người chưa thọ giới cụ túc ngủ trong phòng, mà Tỳ-kheo nằm nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài phòng thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nằm trước trong phòng rồi người chưa thọ giới cụ túc đến nằm sau thì cứ mỗi lần nằm phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu

Tỳ-kheo hay người chưa thọ cụ túc nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi vào ngủ lại, thì cứ mỗi lần trở dậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều người chưa thọ cụ túc vào nằm trước, rồi Tỳ-kheo đến ngủ sau thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi trở vào nằm lại, thì cứ mỗi lần đi lại phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ cùng phòng với người chưa thọ cụ túc ba đêm, thì đêm thứ tư phải đổi sang phòng khác. Nếu ra nằm ngoài trời rồi gặp lúc trời mưa gió lạnh lẽo thì nên vào lại trong phòng mà ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu Tỳ-kheo bệnh không thể ngồi được thì nên lấy mền đắp lên từ đầu trở xuống hoặc từ nách trở xuống cho tới đất và nên dùng một vật dày khít ngăn lại không để cho con mèo đi qua được.

Nếu Tỳ-kheo đang lúc đi đường có thể ngủ với người chưa thọ giới cụ túc trong một nhà qua ba đêm, đến đêm thứ tư nên ngủ riêng ra. Nếu ra nằm ngoài trời mà gặp lúc mưa gió tuyết rơi lạnh phải vào trong nhà thì nên dùng cái mền ngăn lại như trên đã nói. Nếu không che mền thì phải ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu vì già bệnh không ngồi được mà người chưa thọ giới cụ túc kia có thể tin được thì nên bảo y: "Ngươi ngủ thì ta phải ngồi." Đến lúc Tỳ-kheo muốn ngủ thì nên gọi y dậy, nói: "Khi ta ngủ thì ngươi phải ngồi, nếu ngươi cũng ngủ thì không được phước đức."

Tội ngủ chung cùng phòng này nếu chưa sám hối mà lại ngủ chung nữa thì tội càng thêm nặng. Nếu sám hối xong, rồi ngủ phòng riêng, thì sau đó sẽ được ngủ chung lại. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 41 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

42. GỞI DỤC RỒI PHỦ NHẬN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma, thì Ưu-ba-nan-đà không đến. Sứ giả liền đến, gọi: "Trưởng lão, Tăng tập họp định làm yết-ma, cho tôi tới gọi trưởng lão." Ưu-ba-nan-đà vốn hiểu giới luật liền gởi dục yết-ma cho sứ giả. Sau khi gởi dục yết-ma rồi, thầy Tỳ-kheo nhận dục nói: "Ông đã gởi dục rồi, sau này chớ nói này khác." Thế rồi, Tăng làm yết-ma cử tội người đệ tử thân cận của Ưu-ba-nan-đà. Sau khi bị Tăng làm yết-ma cử tội, người này liền đến chỗ Hòa thượng (Ưu-ba-nan-đà) nói như sau:

Vì sao Hòa thượng lại gởi dục trong trường hợp này?

Có việc gì vậy?

Chúng Tăng làm yết-ma cử tội con.

Ta đâu có biết.

Thầy nghe đệ tử nói rồi, bèn đến nói với người mình đã gởi dục: "Trưởng lão, tôi không gởi dục (trong trường hợp) không tốt như vậy, pháp yết-ma đó (**366b**) không thành tựu. Tôi không gởi dục về pháp yết-ma này."

Khi đó, các Tỳ-kheo nghe thế hổ thẹn, không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật nói: "Đó là việc xấu. Vì sao ông gởi dục rồi lại nói không gởi, yết-ma không thành tựu. Tôi không gởi loại dục như thế. Vì sao ông không hỏi trước mà liền gởi dục? Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo không hỏi rõ sự việc mà gởi dục." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo gởi dục rồi, sau đó nổi giận không vui, nói như sau: "Tôi không gởi dục (về việc) không tốt, pháp yết-ma đó***

không thành tựu. Tôi không gởi dục trong trường hợp này", thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Gởi dục: Có hai trường hợp: Hỏi rồi mới gởi, không hỏi mà gởi.

Hỏi rồi mới gởi: Tức hỏi người nhận dục: "Làm việc gì vậy?" Rồi người ấy đáp: "Làm yết-ma chiết phục", thì khi ấy gởi dục yết-ma chiết phục, cho đến "yết-ma cử tội", thì gởi dục yết-ma cử tội; mỗi thứ, mỗi thứ yết-ma như vậy hỏi rồi mới gởi dục; đó gọi là hỏi rồi mới gởi dục.

Không hỏi mà gởi: Như nói: "Tôi gởi dục yết-ma." Nói ba lần như vậy. Đó được xem là gởi dục chung cho tất cả pháp yết-ma, chỉ trừ Bồ-tát và Tự tứ. Như vậy gọi là không hỏi mà gởi dục.

Thế rồi, sau khi làm yết-ma xong giận dữ không vui. Giận dữ không vui được gọi là chín sự khổ não và nổi giận không đúng chỗ. Sự giận dữ thứ mười thì kẻ phàm phu đang học còn mắc phải, thậm chí La-hán cũng có cái không vui, rồi nói như sau: "Tôi không gởi dục (những việc) không tốt, pháp Yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gởi thứ dục ấy", thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu khi Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma thì tất cả mọi người phải đến đầy đủ. Nếu có duyên sự như xông bát, nhuộm y, hoặc bệnh, hoặc bận các việc đối với tháp, với Tăng, thì khi ấy phải gởi dục. Nhưng không được gởi rồi, sau lại nói: "Theo tôi nghe người kia nói lại thì việc đó không nên làm như vậy." Nếu trước đã gởi dục yết-ma rồi thì sau đó phải tùy hỉ. Nếu ở giữa Tăng đã gởi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ở giữa nhiều người, hoặc ở trước Tỳ-kheo trưởng lão, trước Hòa thượng A-xà-lê gởi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 42 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

43. LÀM CHO NGƯỜI KHÁC NHỊN ĐÓI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Ưu-ba-nan-đà em của A-nan-đà nói với người đệ tử đồng hành của A-nan-đà như sau: "Ngươi cùng đi với ta vào thôn xóm (**366c**), đến một nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn ngon. Nếu ta có làm việc gì trái oai nghi thì ngươi chớ nói với người khác. Ta là chú của ngươi (như trong giới ba mươi đã nói rõ)", cho đến nói với Nan-đà: "Vì sao đệ tử của thầy lại nói lỗi của tôi ở trước mặt những người phạm hạnh?" Nan-đà liền khiển trách đệ tử: "Ngươi là vật tồi tệ, vì sao lại nói lỗi của em ta ở trước những người phạm hạnh?" Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Ông có làm như vậy thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Ưu-ba-nan-đà, đó là việc ác. Vì sao ông lại nói với Tỳ-kheo kia rằng: "Ngươi cùng đi với ta vào thôn xóm, đến nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn ngon." Nhưng khi đến đó rồi, lại bảo họ trở về. Từ nay về sau Ta không cho phép bảo họ trở về.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác như sau: "Ngươi cùng vào thôn xóm với ta, đến nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn", hoặc tự mình cho hoặc bảo người khác cho. Rồi sau đó muốn đuổi họ đi, nói: "Ngươi đi đi. Ta ở với ngươi, nói chuyện với ngươi không vui. Ta sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn." Chỉ nêu lý do đó mà đuổi chứ không có lý do nào khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Thôn xóm: Như trong giới ăn trộm trên kia đã nói.

Sau đó không cho: Tự mình không cho cũng không bảo người khác cho, nói như sai: "Trưởng lão, ông hãy đi đi. Tôi cùng ở với ông, cùng nói chuyện với ông không vui. Tôi sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn", để mà đuổi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường mà lưu giữ người kia ở lại trong Tinh xá, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường, rồi ngay giữa đường sai người kia trở về, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở trong thôn xóm, rồi ngay tại thôn xóm đuổi người kia đi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không nên dẫn đi rồi đuổi trở về. Nếu khả năng không thể xin đủ hai người ăn, thì có thể sai người kia trờ về, không có tội.

Nếu có thể xin đủ hai người ăn thì nên cùng ăn. Nếu sai đi lấy thuốc, mời y sĩ, thì không có tội.

Nếu xin không thể được rồi khi ấy định sai đi mà có chỗ mời ăn, thì nên bảo đến chỗ mời ăn để người ấy ăn. Nếu không có chỗ mời ăn mà trong Tinh xá có thức ăn, thì nên bảo về lại Tinh xá để ăn. Nếu không có chỗ nào mời ăn, trong Tinh xá cũng không có thức ăn, thì nên nói với người kia "Trưởng lão, ông hãy tự đi tìm thức ăn lấy." Nếu người ấy làm điều trái oai nghi, nhìn ngó bất chính, thì khiến họ đi không có tội.

Hoặc sai người ấy làm các việc như xông bát, nhuộm y, thì không có tội.

Tóm lại, nếu đuổi Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đuổi (**367a**) Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đuổi Học giới ni, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng, nếu đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 43 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

44. XUYÊN TẠC GIÁO PHÁP, KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-lợi-tra hủy báng khế kinh như sau: "Theo tôi hiểu các pháp do Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả." Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn nói: "Trưởng lão A-lợi-tra, chớ hủy báng khế kinh. Đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục." Can gián một lần, hai lần, ba lần vẫn không chấm dứt, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, A-lợi-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: "Theo chỗ tôi biết, những pháp do đức Như Lai thuyết giảng, thì những pháp mà Ngài cho là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có

gì chướng đạo cả." Chúng con đã can gián một lần, hai lần, ba lần mà thầy vẫn không chấm dứt."

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông A-lợi-tra ấy hủy báng khế kinh, nói rằng: "Theo chỗ tôi biết, các pháp do đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài cho là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả." Rồi được can gián một lần, hai lần, ba lần mà vẫn không chấm dứt, thì các ông nên đến chỗ vắng can gián ba lần, đến giữa nhiều người can gián ba lần, rồi đến giữa chúng Tăng can gián ba lần. Khi can gián ở chỗ vắng, nên hỏi như sau: "Trưởng lão A-lợi-tra, ông hủy báng khế kinh nói như sau: "Theo chỗ tôi biết, các pháp đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chướng đạo cả", rồi được can gián ba lần mà không từ bỏ phải không?" Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên can gián ở chỗ vắng như sau: "A-lợi-tra, ông hủy báng khế kinh, đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Trưởng lão, tôi vì từ tâm can gián ông là muốn cho ông được lợi ích, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi. Lần can gián thứ nhất đã xong, còn hai lần can gián nữa, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi."

A-lợi-tra nói: "Đó là kiến giải tốt, kiến giải thiện, từ khi tôi chấp hành đến nay, cha mẹ bạn bè quen biết của tôi cũng thường áp dụng kiến giải này. Nay tôi không thể không hỏi cha mẹ bạn bè quen biết mà lại vứt bỏ kiến giải này."

Thế rồi, nếu can gián đến lần thứ hai thứ ba mà vẫn không chấm dứt, cho đến can gián ở chỗ nhiều người ba lần cũng không chấm dứt, thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp yết-ma cầu thính (xin được nghe), nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe! A-lợi-tra hủy báng khế kinh nói thế này: "Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo rằng chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì chướng đạo cả." Đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy. Nếu thời gian thích hợp

đối với Tăng, nay Tăng cũng lại can gián ở giữa Tăng ba lần khiến cho bỏ việc ấy."

Trong chúng Tăng nên hỏi: "Trưởng lão A-lợi-tra, có thật ông hủy báng khế kinh nói rằng: "Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, (**367b**) những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chướng đạo cả", rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?"

Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì ở giữa chúng Tăng nên can gián. Cách can gián phải nói như sau: "A-lợi-tra, ông chớ hủy báng khế kinh. Hủy báng khế kinh sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Này trưởng lão, Tăng muốn lợi ích cho ông, ông phải vâng lời chúng Tăng. Một lần can gián đã xong, còn hai lần can gián nữa, ông phải bỏ việc ấy đi."

A-lợi-tra lại nói: "Đó là kiến giải tốt, kiến giải thiện, từ cha mẹ tôi trở đi đều kế thừa áp dụng kiến giải này. Tôi không thể không hỏi cha mẹ mà bỏ kiến giải này."

Tuy được can gián đến lần thứ hai, thứ ba mà ông vẫn không bỏ, do đó, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo A-lợi-tra hủy báng khế kinh nói rằng: "Theo tôi hiểu pháp của Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả", rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy, thì các ông nên làm pháp yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi tra."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nói thế này: "Thưa trưởng lão, tôi biết pháp do Thế Tôn thuyết giảng, những pháp mà Thế Tôn bảo là chướng đạo, khi thực hành chẳng có gì là chướng đạo", thì các Tỳ-***

kheo nên khuyên can Tỳ-kheo ấy, nói thế này: "Trưởng lão, ông chớ nên hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như thế. Thế Tôn nói pháp chướng đạo thì thật là chướng đạo. Ông hãy bỏ việc ấy đi." Nếu các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy mà ông vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. (Sau ba lần khuyên can) mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội. Sau khi làm yết-ma xong, (Tỳ-kheo ấy) phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Thế Tôn: Là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến.

Pháp: Những điều do Thế Tôn nói, những điều được Thế Tôn ấn khả.

Thế Tôn nói: Thế Tôn tự nói.

Ấn khả: Các đệ tử nói rồi Thế Tôn ấn chứng (chuẩn nhận).

Nói: Nói ra từng câu từng câu rõ ràng.

Biết: Tức là cái biết thuộc trí tuệ siêu đẳng.

Pháp chướng đạo: Đối với ngũ dục mắt thấy sắc sinh ra ái luyến nhớ nghĩ, tâm sinh ham muốn đắm trước, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, cảm thọ cũng như vậy.

Thực hành (tập): Làm việc đó.

Chẳng có gì chướng đạo: Không chướng đạo Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Các Tỳ-kheo: Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc Tăng chúng.

Tỳ-kheo ấy: (**367c**) Như Tỳ-kheo A-lợi-tra.

Chớ hủy báng Thế Tôn: (chớ) giữ lấy những điều không thật, giữ lấy những điều không tốt.

Can gián ba lần: Hoặc (ở chỗ) một người, hoặc (ở chỗ) nhiều người, hoặc (ở giữa) chúng Tăng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; cho đến ba lần can gián, nếu bỏ thì tốt; cho đến không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội bắt sám hối Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 44 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 18

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

45. BAO CHE NGƯỜI CÓ LỖI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lợi-tra không bỏ ác kiến, bị chúng Tăng làm yết-ma cử tội xong, thầy bèn đến chỗ tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Hai vị này thấy Thầy, liền tán thán: "Lành thay! (tôn-giả) đến đây", rồi đứng dậy đón tiếp, đưa cho ghế ngồi và nước rửa chân, lại đưa dầu thoa chân, nước uống phi thời, chỉ cho căn phòng, giường nệm, dụng cụ để nằm, và cùng hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất.

Thế rồi, Tỳ-kheo A-lợi-tra đi đến trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Này các trưởng lão, các ông tưởng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi-tra này rồi thì tôi không có chỗ ở sao? Tôi vẫn được các Tỳ-kheo phạm hạnh cho cùng ở chung, giao cho phòng xá, giường, nệm, ngọa cụ, lại được hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất. Các ông càng sớm cử tội thì tôi càng sớm được chỗ ở tốt như vậy đó."

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, cảm thấy hổ thẹn không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà v.v.. đến.

Khi đến rồi, Phật liền hỏi Nan-đà: "Các ông có việc đó thật như vậy không?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Đó là việc xấu. Vì sao ông đã biết chúng Tăng làm yết-ma cử tội rồi mà còn ăn chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất (với người ấy)? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có ác kiến không bỏ, Tăng đã làm yết-ma cử tội, chưa làm như pháp, mà cùng (368a) ăn chung, cùng ở chung một nhà, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác (mà biết).

Ác kiến: Như A-lợi-tra hủy báng khế kinh.

Chưa làm như pháp: Tăng chưa giải tỏa pháp yết-ma cử tội.

Cùng ăn: Cùng hưởng thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất.

Cùng ở: Cùng ở trong cùng một cương giới.

Cùng một nhà: Cùng ở trong một nhà có cùng một vách tường, cùng một mái.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có một Tỳ-kheo bị Hòa thượng, A-xà-lê quở trách thì Tỳ-kheo khác không được quyến rũ, nói: "Ta cho ngươi y bát, thuốc trị bệnh, giường nệm ngọa cụ, ngươi nên ở gần bên ta học kinh đọc kinh...." Nếu quán sát thấy tình huống của Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ xả giới hoàn tục, thì nên dỗ dành và dạy bảo như sau:

"Ông phải biết, ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất thâm trọng khó mà báo đáp. Ông nên trở về sống thân cận với (các ngài)", nói như thế thì không có tội.

Nếu người bị cử tội mà tưởng là không bị cử tội, cùng ở cùng ăn với họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người không bị cử tội mà tưởng là bị cử tội cùng ở cùng ăn chung với họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ngươi bị cử tội tưởng là họ bị cử tội (mà cùng ở cùng ăn với họ) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Người không bị cử tội tưởng là không bị cử tội (cùng ở cùng ăn với họ) thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 45 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

❖ 46. CHỨA CHẤP SA-DI BỊ ĐUỔI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-lợi-tra có một sa-di tự là Pháp Dữ, nói như sau: "Này trưởng lão! Theo tôi biết pháp do đức Như Lai thuyết giảng, Ngài nói dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện sự dâm dục thì không có gì là chướng đạo."

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nói: "Này sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là không tốt. Ngươi không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, vì thực hiện sự dâm dục quả thật là chướng đạo." Can gián một lần, hai lần, ba lần mà sa-di ấy vẫn không chấm dứt, nên các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật nói với các Tỳ-kheo: Nếu sa-di Pháp Dữ ấy nói rằng: "Theo tôi hiểu pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói sự dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chướng

đạo", thì các ông nên can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và can gián ở giữa chúng Tăng ba lần, khiến cho bỏ việc ấy.

Ở chỗ vắng nên hỏi: "Này sa-di, có thật ngươi nói như sau: – Theo tôi biết, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói hành dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chướng đạo. Rồi ngươi đã được can gián ba lần mà không chấm dứt phải không?"

Nếu ông ta đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên can gián ở chỗ vắng: "Này sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là điều bất thiện. Ngươi không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, hành dâm dục quả thật là chướng đạo. Nay ta vì lòng từ can gián ngươi là muốn cho ngươi được lợi ích. Vậy ngươi nên nghe lời ta. Một lần can gián đã xong còn hai lần can gián nữa, ngươi có bỏ việc đó chăng?"

Nếu không bỏ, thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. (**368b**) Khi can gián ở chỗ nhiều người cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ thì nên làm yết-ma cầu thính ở giữa Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ông sa-di Pháp Dữ này nói như sau: "Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chướng đạo." Thế rồi, đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng nên can gián ba lần khiến cho ông bỏ việc ấy.

Lúc bấy giờ, nên hỏi giữa Tăng: "Sa-di, có thật ngươi nói như sau: Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm không có gì là chướng đạo. Rồi đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ phải không?"

Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì ở giữa Tăng nên can gián như sau: "Này sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn

là điều bất thiện. Ngươi không khéo ghi nhớ, chứ hành dâm dục quả thực là chướng đạo. Chúng Tăng vì lòng từ can gián ngươi, là muốn ngươi được lợi ích, vậy ngươi nên ghi nhận lời dạy của Tăng. Một lần can gián đã qua còn hai lần can gián nữa, ngươi nên bỏ việc ấy đi."

Nếu ông không bỏ thì lần thứ hai, thứ ba cũng can gián như vậy. Thế nhưng, ông vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu sa-di Pháp Dữ ấy nói như sau: "Đức Thế Tôn nói dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng theo tôi biết hành dâm dục không có gì là chướng đạo." Rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần, mà vẫn không bỏ, thì nên đuổi y ra khỏi đại chúng."

Thế nhưng, sau khi bị đuổi đi, Pháp Dữ liền đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo. Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy ông, bèn tán thán: "Lành thay ông đến đây", rồi cho nước uống phi thời, chỉ phòng ở, đưa giường nệm ngọa cụ, đưa y bát, thuốc bổ. Sa-di được cung cấp các vật dụng ấy rồi, liền đi đến cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Này các trưởng lão, các ngài đuổi tôi ra khỏi Tăng chúng, tưởng rằng tôi sẽ không có được chỗ ở, nhưng nay tôi lại được ở chung với bậc phạm hạnh, ngài còn cho tôi phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, cùng chia sẻ với tôi thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất, cho tôi y bát và thuốc bổ. Này các trưởng lão, các ngài càng đuổi tôi chóng, thì tôi càng chóng được sống an lạc như vậy đó!"

Các Tỳ-kheo nghe ông nói như thế, lòng không vui bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật như vậy chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

– Đó là việc xấu. Vì sao các ông đã biết sa-di có ác kiến không bỏ, chúng Tăng đã như pháp trục xuất mà còn cho sống chung, chia sẻ thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, (**368c**) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu sa-di nói như thế này: "Theo tôi biết, đức Như Lai nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chướng đạo", thì các Tỳ-kheo nên can gián sa-di ấy như sau: "Này sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là hành vi bất thiện. Thế Tôn nói hành dâm dục quả thật là chướng đạo. Ngươi hãy bỏ ác kiến ấy đi." Khi các Tỳ-kheo can gián sa-di ấy mà ông vẫn cố tình không bỏ, thì nên can gián lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Nếu ông bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì các Tỳ-kheo nên nói như sau: "Từ nay trở đi, ngươi không được nói Phật là thầy của tôi, cũng không được ngủ chung với Tỳ-kheo ba đêm. Ngươi đi đi, không được ở đây."

Nếu Tỳ-kheo biết sa-di không bỏ ác kiến, bị khu xuất, chưa giải tỏa pháp yết-ma, mà dụ dỗ, nuôi dưỡng, cùng ăn chung, ở chung một phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Sa-di: Như sa-di Pháp Dữ.

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích trong các giới trước).

Khu xuất: Đuổi ra khỏi Tăng già lam.

Chưa làm như pháp: Như trên đã giải thích.

Nuôi: Cho y chỉ (cho phép nương tựa).

Dưỡng: Cho y bát, thuốc chữa bệnh.

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích ở các giới trên).

Nếu sa-di bị Hòa thượng, A-xà-lê khiển trách thì Tỳ-kheo không được dụ dỗ gọi về cùng ở chung, nói rằng: "Ta sẽ cho ngươi y bát, thuốc men, sẽ dạy kinh cho ngươi."

(**369a**) Nếu biết sa-di ấy nhân việc đó sẽ hoàn tục thì có thể nhỏ nhẹ dỗ dành, rồi nói với ông Ta: "Ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất nặng, khó mà báo đáp. Ngươi nên trở về sống thân cận với ngài."

Nếu (sa-di) bị đuổi mà tưởng không bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không bị đuổi mà tưởng bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bị đuổi và tưởng là bị đuổi (mà đem về nuôi), thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu không bị đuổi và tưởng không bị đuổi (mà đem về nuôi), thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 46 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

47. MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC

Khi Phật trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y không được cắt may thành nhiều mảnh, ngoại đạo cũng mặc y không cắt may thành nhiều mảnh. Thế rồi, Ưu-bà-tắc muốn đảnh lễ Tỳ-kheo mà đảnh lễ nhầm ngoại đạo, khi nghe chú nguyện rồi mới biết là ngoại đạo, nên trong lòng Ưu-bà-tắc cảm

thấy hổ thẹn. Đồng thời, đệ tử của ngoại đạo muốn đảnh lễ ngoại đạo mà đảnh lễ nhầm Tỳ-kheo, khi nghe chú nguyện mới biết là Tỳ-kheo, nên đệ tử của ngoại đạo cảm thấy hổ thẹn trong lòng.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau nên may y khác nhau, cắt sạch các tua vải và nhuộm cho hoại sắc."

Tỳ-kheo liền cắt may nhuộm làm thành màu sắc khác. Khi ấy, ngoại đạo dùng đá đỏ nhuộm y thành màu đỏ Lưu Châu La, cầm gậy có ba khấc để cho khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở nơi hoang dã lượm được y Kiều-xá-da, nấu nước nhuộm định nhuộm, thì Thế Tôn đang dùng thần túc đi trên không đến chỗ Tỳ-kheo, Ngài biết nhưng vẫn hỏi Tỳ-kheo: "Ông định làm gì đấy?"

Nấu nước nhuộm định nhuộm y Kiều-xá-da.

Y Kiều-xá-da mỏng manh nếu nhuộm bằng nước nhuộm thô kệch như thế sẽ làm hại y. Từ nay về sau, y Kiều-xá-da nên tác tịnh (làm dấu cho hợp lệ) bằng hai cách: cắt (một miếng) may lên tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-li được một chiếc y Khâm-bà-la mềm mại, thầy bèn nấu nước nhuộm định nhuộm, thì gặp lúc Phật dùng thần túc đi tới chỗ Thầy. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông làm gì đấy?"

Nấu nước nhuộm để nhuộm y Khâm-bà-la.

Y Khâm-bà-la mềm mại mỏng manh mà nhuộm thuốc nhuộm thô kệch thế này sẽ làm rách y mất. Từ nay về sau, Ta cho phép, y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Tôn-đà-la-nan-đà là con trai bà dì của Phật, do đại ai đạo sinh, có ba mươi tướng, với tướng bạch hào, và tướng trái tai thòng xuống. Sau khi thầy khất thực xong, từ trong thành xá-vệ đi ra (**369b**), thì lúc ấy có tôn-giả A-nan đi sau; đồng thời các Tỳ-kheo cũng vừa ăn xong, đang ngồi thiền hoặc đi kinh hành trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn. Từ xa trông thấy (Tôn-đà-la-nan-đà), họ tưởng là Thế Tôn, liền cùng nhau đứng dậy chắp tay, nói: "Thế Tôn đến, Thế Tôn đến." Tôn-đà-la-nan-đà cũng xoa tay chắp tay nói: "Các trưởng lão, tôi là Tôn-đà-la-nan-đà, tôi là Tôn-đà-la-nan đà."

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, ai nấy đều cảm thấy mắc cỡ, bèn đem sự kiện ấy đến bạch Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau phải làm một dấu chấm trên y hoại sắc." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo được y mới phải dùng ba thứ làm hoại sắc, hoặc dùng một thứ làm hoại sắc (các y ấy), đó là: màu xanh, màu đen và màu mộc lan. Nếu không dùng ba thứ ấy làm hoại sắc các y mà đem mặc thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Được: Được từ người nam, người nữ, tại gia, xuất gia.

Y mới: Khi vừa mới may xong, như y Khâm-bà-la, y điệp, y sô-ma, y kiều-xá-da, y xá-na, y gai, y khu-mâu-đề.

Ba thứ hoại sắc, hoặc mỗi một thứ hoại sắc: Đó là màu xanh, màu đen, màu mộc lan.

Màu xanh: Đó là màu xanh đồng, màu xanh trưởng dưỡng và màu xanh đá.

Màu xanh đồng: Đem đồ đựng bằng đồng để lên trên rượu đắng (làm cho đồng sanh ten) rồi lấy ten ấy, đó gọi là màu xanh đồng.

Màu xanh trưởng dưỡng: Tức màu xanh của bã chàm, hay màu xanh lam.

Màu xanh đá: Tức màu xanh da trời.

Nói chung, đem các màu kể trên điểm tịnh (làm dấu cho hợp lệ) trên y.

Màu đen: Gồm hai loại: Danh tự nê và bất danh tự nê.

Danh tự nê: (Dùng bột của các loại) a lê lặc, tì ê lặc, a ma lặc đổ chung vào một cái tô; đó gọi là danh tự nê.

Bất danh tự nê: Đó là bùn thật, bùn dưới hồ, bùn dưới giếng, nói chung các loại bùn như vậy.

Màu mộc lan: Hoặc dùng a lê lặc, tì ê lặc, a ma lặc mài trên sắt, đem điểm tịnh; đó gọi là màu mộc lan.

Tỳ-kheo được y mới không tác tịnh (hay điểm tịnh) mà đem mặc, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu được y Tăng-già-lê mới, tác tịnh thì tốt, không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề. Cũng vậy, khi được Uất-đa-la-tăng, An đà hội, y tắm mưa, y che ghẻ, tọa cụ (tấm trải ngồi) đem tác tịnh thì tốt, nếu không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề.

Y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may "tịnh"và điểm tịnh màu xanh. Khi cắt may tịnh mà không điểm tịnh màu xanh thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi điểm tịnh màu xanh mà không điểm tịnh bằng cắt may thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Không điểm tịnh màu xanh, cũng không điểm tịnh bằng cắt may, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni.

(**369c**) Vừa tác tịnh bằng cắt may, vừa tác tịnh bằng màu xanh thì không có tội.

Y nhiều lớp phải tác tịnh bằng ba cách: tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm và tác tịnh bằng màu xanh. Nếu tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm mà không tác tịnh màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu tác tịnh màu xanh mà không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, không tác tịnh bằng màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu tác tịnh bằng ba cách trên thì không có tội.

Y sô ma tác tịnh ba cách giống như y nhiều lớp; y kiều-xá-da tác tịnh hai cách như y khâm-bà-la; y xá-na, y ma, y khu-mâu-đề tác tịnh bằng ba cách giống như y nhiều lớp, đó là tác tịnh màu xanh, màu đen và màu mộc lan cũng lại như vậy.

Khi tác tịnh không được lớn, không được nhỏ, lớn tối đa bằng bốn ngón tay, nhỏ tối thiểu bằng hạt đậu. Hoặc dùng a-lê-lặc, tì-ê-lặc, a-ma-lặc để trên sắt ép lấy nước rồi tác tịnh; không được làm thành số chẵn, (mà làm thành số lẻ) hoặc một, hoặc ba, hoặc năm, hoặc bảy, hoặc chín; không được tác tịnh như hình đóa hoa. Nếu khi giặt, vá mà có bùn rơi lên trên, hoặc có dấu chân đất của chim, quạ giẫm lên trên, thì cũng được xem là đã tác tịnh.

Nếu được nhiều phẩm vật tạp nhạp rồi đem để đống một chỗ, thì chỉ cần tác tịnh một chỗ. Nếu đổ thành nhiều đống thì mỗi đống đều tác tịnh.

Nếu may Tăng-già-lê mới thì phải tác tịnh tại một góc. Nếu chắp thêm nửa điều hoặc một điều cũng phải tác tịnh.

Y uất-đa-la-tăng, an-đà-hội và tất cả các y khác khi mới vá cũng phải tác tịnh. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 47 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

48. CẤT GIỮ BẢO VẬT

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ vào ngày mười lăm trăng tròn, vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi tắm rửa xong, thoa dầu vào thân, mặc áo mới, cùng quần thần hội họp tại cung điện, vua nói với một Đại thần:

Hôm nay là ngày trăng tròn, chúng ta nên đến chỗ sa-môn hay Bà-la-môn nào để trưởng dưỡng thiện căn?

Vị Đại thần nói:

Phất lan Ca-diếp đang ở trong thành Vương-xá là bậc đại sa-môn, lại có đồ chúng đông đảo, đại vương nên đến với ông ta, sẽ được trưởng dưỡng thiện căn.

Vua im lặng không nói. Lại có một đại thần nói: "Tát-già-ni-kiền-tử đang ở trong thành Vương-xá là bậc đại sa-môn, nên đến với ông ta sẽ được trưởng dưỡng thiện căn." Như vậy, mỗi vị đại thần, vốn là đệ tử của ngoại đạo, ông nào cũng ca tụng Thầy mình, đều bảo nên đến vị ấy sẽ được trưởng dưỡng thiện căn. Bấy giờ, Kỳ cựu Đồng tử đang cầm lọng đứng hầu vua A-xà-thế, vua nói với Đồng tử: "Mọi người đều nói, vì sao ông im lặng không nói? Hôm nay trăng tròn nên đến nơi nào (**370a**) để được trưởng dưỡng thiện căn?" Đồng tử tâu với vua: "Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở trong vườn Am-bà-la của hạ thần cùng với 1.250 Tỳ-kheo, nếu đến đó thì có thể trưởng dưỡng thiện căn." Vua liền chuẩn thuận lời đề

nghị ấy, rồi nói với Kỳ cựu Đồng tử: "Ngươi hãy tức tốc trang bị năm trăm voi cái, cứ trên mỗi thớt voi chở một phu nhân."

Khi ấy, Kỳ đồng tử bèn theo lời vua mà trang bị, trang bị xong liền đến tâu vua: "Tâu đại vương, hạ thần trang bị xong rồi, Đại vương hãy làm những gì mình cần."

Thế rồi, vua A-xà-thế cùng với năm trăm phu nhân, được quân lính cầm đèn đuốc sáng choang, nhiễu hành trước sau, ra khỏi thành Vương-xá vào lúc nửa đêm, đi đến trước cổng vườn Am-bà-la. Lúc ấy các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Vua cảm thấy hoảng sợ, quay lại nói với Đồng tử: "Ngươi bảo có 1.250 Tỳ-kheo đang ở trong vườn của ngươi, đại chúng đông đảo như vậy mà sao im phăng phắc chẳng có tiếng động gì hết chẳng phải ngươi định lừa dối ta sao?"

Đồng tử đáp: "Thật đấy, hạ thần không dối vua đâu, cứ đi thẳng tới." Rồi Đồng tử chỉ dẫn, nói: "Trong ngôi nhà lớn chỗ có đèn đốt sáng, Thế Tôn đang ngồi chính giữa uy đức đáng tôn trọng đặc biệt, cao cả không gì hơn, giống như trâu chúa ở giữa đàn trâu, như vua sư tử ở giữa muông thú, như vua voi trắng sáu ngà tại Tuyết Sơn đang ở giữa bầy voi, cũng như sông Hằng sâu thẳm, trong trẻo, im lặng không có tiếng động; đại chúng im lặng cũng như vậy. Lại giống như biển lớn vô lượng nước đều đổ về đó. Đại chúng của đức Thế Tôn có công đức vô lượng cũng như thế."

Bấy giờ, vua A-xà-thế xuống xe mặc thường phục đi bộ, dẫn đầu đoàn người tiến đến chỗ Phật, nhiễu quanh Phật và đại chúng ba vòng, rồi đứng lại, nói với Đồng tử: "Thế Tôn cùng đại chúng công đức thành tựu vắng lặng thanh tịnh, mong sao con của ta là Ưu-đà-di-bạt-đà cũng thành tựu công đức như vậy." Phật nói: "Đại vương, tùy theo sự cầu nguyện của đại vương đều sẽ đạt được." Thế rồi, nhà vua trải tòa, mời Phật an tọa. Phật dạy: "Đại vương tự ngồi, Như Lai đã có chỗ ngồi." Bấy giờ, vua cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, con có điều muốn hỏi, kính mong Phật cho phép.

Như Lai cho phép đại vương cứ hỏi, rồi Như Lai sẽ trả lời cho đại vương.

Bạch Thế Tôn, trong đây các loại thợ xuất gia theo giáo pháp của Phật có thể chứng quả sa-môn ngay trong đời này không? (Như trong *kinh sa-môn quả* đã trình bày).

Lúc ấy, vì thuyết pháp quá lâu, các vị phu nhân đeo chuỗi anh lạc nặng, nên ai nấy đều cởi ra để trước chỗ ngồi. Vua A-xà-thế vì mang tội giết cha, nên trong lòng thường nơm nớp hoảng sợ, khi nghe trong thành có tiếng trống, tiếng tù và, tiếng voi, tiếng ngựa (**370b**), vua sợ hãi dữ dội, liền nói với các phu nhân: "Hãy trở về trong thành, hãy trở về trong thành."

Các phu nhân vì đi về quá gấp nên quên lấy chuỗi anh lạc. Đến sáng sớm hôm sau, phu nhân của vua định đeo chuỗi anh lạc, nhưng tìm không có. Người mặc áo cho bà nói: "Ngày hôm qua vì hoảng hốt khi trở về e rằng để quên tại Tinh xá." Cũng thế, các phu nhân đều nói mình để quên anh lạc, nhưng họ sợ rằng nếu tâu với vua thì sẽ bị vua quở trách. Bấy giờ có một thanh y (con hầu) tâu với vua: "Các phu nhân hôm qua trở về gấp, nhiều người bỏ quên chuỗi anh lạc." Lúc ấy, có Bà-la-môn ngoại đạo là quân sư của vua, đang ngồi với vua, liền tâu rằng: "Nếu để quên tại đó thì các sa-môn đã đem giấu hết rồi, giả sử có sai người đến tìm cũng chẳng được gì!"

Khi ấy, vua sai một người đáng tin, thử đến đó tìm xem (thì khi ông này đến nơi) thấy đại chúng của Phật còn ngồi y nhiên tại đó, và thấy những chuỗi anh lạc của các phu nhân vẫn còn tại chỗ cũ, bị ánh sáng mặt trời chiếu sáng rực rỡ, bèn thu lấy mang về, rồi tâu đầy đủ lên vua. Vua rất đỗi vui mừng, nói: "Các sa-môn của Phật đúng là phước điền tốt lành, không tham, không ham muốn, đặc biệt đáng tin cậy, không ai hơn được hội chúng này, mong rằng họ thường ở trong nước ta, để ta được cúng dường suốt đời."

Rồi vua nói với các phu nhân: "Anh lạc của các khanh đây, mỗi người hãy lại lấy, không được làm hỗn loạn, giành lấy cái tốt."

Các Tỳ-kheo nghe vị ngoại đạo quân sư của vua nói như thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Châu báu vẫn còn nguyên vẹn không ai lấy, mà còn bị người ta hủy báng, huống gì bị lấy mất. Từ nay về sau Ta không cho phép cầm lấy châu báu."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, đồng tử Lê-xa mang các thứ châu báu bên lưng, có giá trị hàng ngàn vạn, cưỡi xe bốn ngựa ra khỏi thành du ngoạn. Vì châu báu mang nặng nên bị tuột rơi xuống đất mà không hay. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo đi theo sau, vừa đến đó thì thấy châu báu rơi xuống đất, liền gọi: "Đồng tử, đồng tử, lấy lại châu báu của ông." Nhưng vì tiếng xe nên Đồng tử không nghe. Thầy sợ người đi sau nhặt lấy, nên đứng bên đường coi chừng. Đồng tử đi một lát liền biết bị mất cái đai lưng, bèn quay xe trở lại, từ xa trông thấy Tỳ-kheo, liền hỏi: "Ông đi sau có thấy cái đai lưng không?"

Tỳ-kheo đáp: "Tôi thấy có chiếc đai lưng, vừa rồi từ xa gọi ông, nhưng ông không nghe."

Đồng tử lại hỏi: "Ở tại chỗ nào?" Thầy đáp: "Tại chỗ kia kìa." Đồng tử liền đi đến lấy chiếc đai, buộc vào lưng xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh vào tay chân một trận nhừ tử, lại mắng chửi đủ thứ, nói: "Nếu ta không trở lại thì ngươi đã lấy chiếc đai lưng rồi."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên (**370c**) Thế Tôn. Phật nói: "Không lấy mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi tới sông Tô, cởi áo xuống tắm, lúc ấy có đồng tử Lê-xa cũng đến tắm sông bèn cởi vòng đeo tai để một chỗ, rồi lấy áo tủ lên, xuống nước tắm. Khi tắm xong, anh ta lên bờ, mặc áo vào, rồi ra đi mà quên vòng đeo tai. Tỳ-kheo lên sau, thấy chiếc vòng đeo tai, liền từ xa gọi: "Đồng tử, đồng tử, vòng tai của ông

còn để trên bờ." Nhưng đồng tử vì đi nhanh nên không nghe thầy gọi, cứ từ từ đi một đỗi xa, bèn sực nhớ lỗ tai không có vòng, liền trở lại tìm, từ xa hỏi Tỳ-kheo: "Có thấy vòng tai của tôi không?"

Tỳ-kheo đáp: "Vòng tai của ông còn để trên bờ, vừa rồi tôi trông thấy bèn từ xa gọi ông, nhưng ông đi nhanh nên không nghe tiếng gọi."

Đồng tử hỏi: "Hiện giờ ở chỗ nào?" Thầy đáp: "Tại chỗ kia kìa." Đồng tử liền đến lấy vòng tai, đeo vào xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh đấm túi bụi, và mắng: "Như vậy, như vậy đó, nếu ta không trở lại thì ngươi sẽ lấy vòng tai của ta đi mất."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Không lấy bảo vật mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy."

Lại nữa, khi Phật an trú tại vườn cây Ni-câu-luật thuộc dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có con nhà họ Thích cúng dường cơm cho các Tỳ-kheo, cùng thân quyến dọn cơm, nhưng vì đeo vòng vàng nặng nề, dọn cơm không tiện, nên cởi vòng xuyến để bên cạnh chân Tỳ-kheo, nói như sau: "Vòng vàng này con để bên cạnh chân thầy." Tỳ-kheo ăn xong bèn đứng dậy bỏ đi, sau đó, có người trông thấy liền cầm lấy vòng xuyến rồi đi. Người con dòng họ Thích ấy khi đãi cơm xong, liền trở về, quên lấy vòng xuyến. Khi về đến nhà mới hay là không có chiếc vòng, ông bèn trở lại chỗ cũ tìm mà không thấy, liền đi tìm thầy Tỳ-kheo mà mình đã gởi, nói:

Thầy trả lại chiếc vòng mà trước kia tôi đã gởi.

Tôi nhớ chiếc vòng ông đã gởi còn ở chỗ cũ mà, tôi đâu có lấy.

Tôi gởi không đúng chỗ nên bị mất chiếc vòng.

Thế rồi, trong lòng ông ta không vui, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, bạch với Phật: "Vừa rồi, con đem chiếc vòng gởi cho Tỳ-kheo mỗ giáp, thầy không chịu coi chừng nên đã bị

mất." Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho người con họ Thích ấy, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông ta hoan hỉ, rồi cáo lui. Sau khi ông đi không lâu, Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Nếu ông đã nhận người ta gởi thì phải coi chừng, còn nếu không nhận thì bảo là không nhận. Vì sao ông đã nhận đồ người ta gởi mà không trông coi? Từ nay về sau, (**371a**) nếu trong vườn có châu báu hoặc những bảo vật có giá trị thì Ta cho phép tự mình lấy cất, hoặc là sai người khác lấy cất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo (trông thấy) châu báu hoặc bảo vật có giá trị ở trong vườn mà tự mình lấy hoặc sai người khác lấy, trừ trường hợp đặc biệt thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Trường hợp đặc biệt: Tỳ-kheo thấy châu báu hoặc bảo vật có giá trị, rồi tự mình lấy, hoặc sai người khác lấy, với suy nghĩ: "Có chủ tới tìm, ta sẽ đưa." Đó gọi là trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Trong vườn: Trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng.

Châu báu: Vật dụng đã thành, chẳng hạn: Thiên quan, bảo cái, anh lạc, cán phất trần, guốc báu..., những bảo vật đã làm thành dụng cụ như vậy.

Bảo vật có giá trị: Như tiền, vàng, bạc, chân châu, lưu ly, hà bối, san hô, hổ phách, pha lê, xích bảo, đồng, đồng đỏ, chì, thiết, bạch lạp, sắt...

Lấy: Nếu vật hợp pháp (tịnh) được tự tay cầm lấy, nếu vật không hợp pháp thì sai tịnh nhân lấy.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trường hợp đặc biệt: Nếu trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng, Tỳ-kheo thấy có châu báu hay bảo vật có giá trị mà thanh tịnh thì nên tự lấy; nếu vật không thanh tịnh thì sai tịnh nhân lấy cất, với suy nghĩ: "Nếu có chủ tìm thì sẽ trả lại." Chỉ nghĩ như vậy chứ không có gì khác (đó gọi là trường hợp đặc biệt). Hoặc vào các dịp Phật đản sinh, dịp Phật thành đạo, dịp Chuyển pháp luân, dịp A-nan, La-hầu-la mở đại hội; khi ấy những người đi xem hoặc quên y phục và các vật dùng để trang điểm thân thể; hoặc Tỳ-kheo quên y bát và các vật khác mà Tỳ-kheo thấy thì nên lấy, lấy rồi nên hỏi xem vật đó của ai. Nếu đúng là chủ của vật thì nên trao cho họ. Nếu không ai biết thì nên đem treo trên cây trụ ở chỗ dễ trông thấy cho người ta trông thấy. Nếu có người nói: "Đó là vật của tôi", thì nên hỏi: "Ngươi mất tại chỗ nào?" Nếu đáp tương ứng thì nên đưa. Nếu không ai biết thì nên đình lại đến ba tháng. Nếu vật đó nhặt được ở trong vườn tháp thì nên dùng để làm tháp. Nếu nhặt được trong vườn Tăng thì nên dùng làm vật cho Tăng bốn phương. Nếu là vật quý báu như ngọc, anh lạc, vàng, bạc thì khi ấy không được phơi bày ra mà nên xướng: "Tôi được của báu." Rồi Tỳ-kheo nên xem xét kỹ lưỡng, coi thử hình dáng thế nào, rồi mới cầm lên. Nếu có người đến hỏi: "Tôi để quên vật báu thầy có thấy không?" Tỳ-kheo khi ấy nên hỏi lại: "Ông để quên tại chỗ nào? Vật báu của ông có hình dáng thế nào?" Nếu họ nói không phù hợp, thì nên bảo: "Chùa này rộng lớn ông hãy đi tìm xem." Nếu họ nói phù hợp, thì nên đưa vật báu ra hỏi: "Lão trượng, vật này là của ông phải không?" Nếu đáp: "Đúng đấy", thì Tỳ-kheo không được đưa ngay trước một người ấy mà nên (**371b**) tập họp

nhiều người, rồi bảo người ấy rằng: "Ông hãy quy y Phật, Pháp, và Tăng. Nếu đức Thế Tôn không chế giới thì dù mắt ông muốn xem lại cũng chưa chắc đã được (chứ đừng nói là nhận lại được). Nếu ông ta nói: "Ngoài vật báu này của tôi còn có vật khác", thì nên bảo: "Lão trượng, tôi chỉ được có vật này, ngoài ra không thấy những vật khác. Này Lão trượng, ngươi là kẻ gian ác! Ngươi được lại vật này đã là quá lắm rồi, vì sao còn muốn đòi vật khác đặng hủy báng người ta? Nếu Thế Tôn không chế giới thì ngươi đâu có thể thấy lại vật này." Nếu làm như vậy mà vẫn không xong, thì nên đem y đến chỗ Ưu-bà-tắc, rồi nói như sau: "Tôi vốn chỉ nhặt được có vật này, đã đem trả lại hết, mà còn bị vu khống." Bấy giờ Ưu-bà-tắc nên mắng kẻ ấy: "Như thế như thế đấy (quân khốn kiếp). Ngươi được lại vật ấy đã là quá lắm rồi mà giờ đây lại còn hủy báng Tỳ-kheo! Ngươi hãy theo ta, ta sẽ cùng với ngươi đối chất để giải quyết việc này."

Nếu không có ai đến (tìm) thì chờ đến ba năm – như trên đã nói – rồi tùy theo nhặt được ở nơi nào mà đem dùng vào trong lãnh vực đó.

Nếu Tỳ-kheo đi vào xóm làng mà thấy có vật rơi dưới đất thì không nên lấy. Nếu có người lấy đưa cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được nhận. Vì người cho tức là thí chủ, nên không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào thôn xóm, thấy có y rơi, hoặc là y bị gió thổi bay đến, thì không được tưởng là y phấn tảo rồi nhặt lấy.

Nếu ở nơi đường vắng không có người mà thấy có y rơi thì nên lấy. Nếu thấy trên y có châu báu thì nên dùng gót chân đạp bỏ châu báu rồi cầm y mà đi. Lúc đi không nên che giấu mà nên cầm bày ra để cho người ta trông thấy. Nếu trên y bị dơ bẩn khiến người ta nhờn tởm thì được xếp lại mà cầm đi. Nếu khi nhặt không biết trong y có vật báu đến khi về tới trú xứ mới thấy thì nên giao cho tịnh nhân quản lý để họ đổi lấy tiền mua thuốc.

Khi đi ra khỏi xóm làng nếu giữa đường thấy y mà trên y có bụi dính lâu ngày thì nên lấy. Lấy rồi, không được che giấu mà phải bày ra cầm đi, nếu có chủ chạy theo, Tỳ-kheo nên hỏi: "Lão trượng, vì sao chạy?" Nếu họ đáp: "Tôi mất y", thì nên hỏi: "Đây là y của ông phải không?" Nếu nói: "Đúng đấy", thì nên trả lại và bảo họ: "Ông nên quy y Phật Pháp Tăng. Nếu Thế Tôn không chế giới thì giả sử ông có thấy lại y cũng không thể lấy được."

Nếu phòng ốc của chúng Tăng cũ kỹ, hư nát muốn sửa chữa mà khi đào đất đổ nền gặp được kho tàng châu báu, nếu như tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua, giả sử vua nói: "Vật này đương nhiên thuộc về trẫm, nay trẫm bố thí cho Tỳ-kheo để làm công đức", thì nhà vua được xem là thí chủ. Nếu đã dùng một nửa, còn một nửa, mà vua nói: "Vì sao ông sử dụng vật của trẫm? Nếu đã dùng thì phải ngừng lại, còn bao nhiêu đưa cho trẫm", thì Tỳ-kheo nên đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "(**371c**) Vì sao ông dùng vật của trẫm? Đưa hết lại cho trẫm", mà Tỳ-kheo đã lỡ sử dụng vật đó, thì phải lấy vậy của Tăng trả lại. Nếu Tăng không có vật thì phải xin vật khác trả lại. Nếu vua nói: "Đã lỡ sử dụng thì phải ngừng lại, công đức ấy thuộc về trẫm", thì cũng như vua dùng.

Khi sửa chữa tháp cũ được vàng bạc châu báu mà tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua. Nếu tịnh nhân đáng tin thì được giữ lấy, rồi cất đó trong ba năm. Sau ba năm nên đem dùng làm các việc cho tháp. Nếu nhà vua biết được, hỏi Tỳ-kheo: "Ông được kho báu ở trong vườn tháp phải không?", thì nên đáp: "Có được." Nếu đã sử dụng thì nên đáp: "Có được mà đã dùng làm tháp." Rồi nhà vua nói: "Đã làm thì phải ngừng lại. Công đức này thuộc về trẫm." Nếu đã dùng một nữa, còn lại một nửa, rồi vua nói: "Đã dùng thì ngừng lại, chỗ còn đó đưa cho trẫm", thì phải đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "Ông không biết rằng bảo vật trong đất thuộc về trẫm sao? Vì sao ông lấy dùng? Trả hết lại cho trẫm", thì bấy giờ Tỳ-kheo nên lấy vật của tháp trả lại. Nếu tháp không có vật thì phải nhân danh tháp xin vật để trả lại. Nếu vua hỏi: "Trong giới luật của Phật như thế nào?", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Trong Phật

pháp nếu được vật nơi đất của tháp thì dùng làm tháp. Nếu được vật nơi đất của Tăng thì sử dụng cho Tăng." Nếu vua nói: "Theo Phật pháp mà sử dụng", thì sử dụng không có tội. Nếu trên kho báu có miếng sắt dùng khắc tên họ, rồi vua hỏi: "Các đại đức thấy trên kho báu ấy có tên họ như thế phải không?", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Có thấy như vậy, nhưng đã dùng làm tháp xong rồi." Nếu vua nói: "Đó là vật của tiền nhân trẫm, vì sao ông sử dụng? Đã sử dụng thì phải trả lại cho trẫm." Hoặc vua nói: "Đã làm tháp hoàn thành rồi thì công đức đó thuộc về trẫm", thì không có tội. Hoặc vua nói: "Nếu đã dùng một nửa thì nửa còn lại trả cho trẫm", thì khi ấy Tỳ-kheo nên trả số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "Vì sao ông dùng vật của tiền nhân trẫm? Phải trả hết tất cả cho trẫm", thì khi ấy nên trả hết lại. Nếu tháp có vật thì nên lấy trả, nếu không có vật thì đi xin về trả. Nếu vua nói: "Đây là vật của tiền nhân mà tiền nhân đã chết, nên công đức này thuộc về họ" thì không có tội.

Khi làm chùa mới, làm tháp mới mà được bảo vật thì cũng như vậy. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 48 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

49. TẮM QUÁ GIỚI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Thành Vương-xá có ba suối nước nóng: suối nước nóng của vua, suối nước nóng của Tỳ-kheo và suối nước nóng của voi. Suối nước nóng của vua thì vua, các phu nhân ở hậu cung và các Tỳ-kheo đệ tử của Phật tắm. Suối nước nóng của Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo Tăng của Phật tắm. Suối nước nóng của voi thì voi và mọi người tắm. Khi ấy, các Tỳ-kheo vào suối nước nóng của vua tắm. Lúc này vua

dùng dầu thoa thân định vào suối nước nóng tắm, bèn hỏi viên quản lý suối: "(**372a**) Suối nước nóng có trống không?"

Trong suối không trống, có các Tỳ-kheo đang tắm.

Hãy để các Tỳ-kheo tắm xong, trẫm đi đến Thế Tôn rồi trở về sẽ tắm.

Vua liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi trở về, lại hỏi người quản lý:

Trong hồ đã trống chưa?

Chưa trống.

Như vậy tới ba lần mà các Tỳ-kheo vẫn chưa ngừng tắm. Vua lại nói: "Cứ để họ tắm, chớ gọi họ lên làm gì. Trẫm sẽ trở về tắm trong cung." Mọi người nghe vậy, đều chê trách, nói: "Sa-môn Thích tử tự nói mình tốt đẹp có đức hạnh mà vẫn ở mãi trong hồ không để cho đại vương được tắm."

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Không ở đâu có được ông vua nhẫn nại hết sức như vậy! Từ nay trở đi, Ta không cho (các Tỳ-kheo) tắm (hồ của vua)."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn chế giới không cho tắm, các Tỳ-kheo không được tắm nên thân thể dơ bẩn hôi hám. Khi ấy Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thường ngồi ở chỗ dưới gió, vì sợ mùi hôi hám làm ô uế các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, vì sao chỉ ngồi một chỗ ấy in tuồng như giận hờn ai vậy?" Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì Thế Tôn chế giới không cho tắm nên thân thể dơ bẩn, hôi hám, sợ làm ô uế các vị phạm hạnh, cho nên phải ngồi ở dưới gió." Phật dạy: "Từ nay về sau, ta cho phép, nửa tháng tắm một lần."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo Tháng xuân nóng mà không được tắm nên thân

thể ngứa ngáy, bứt rứt. Do thế, họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau vào mùa nóng ta cho phép được tắm trong hai tháng rưỡi: một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ. Đó gọi là hai tháng rưỡi."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, sau khi an cư xong, Ngài cùng các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian đi đến nước Kiều-tát-la, giữa đường gặp chỗ cỏ cây rậm rạp, ở dưới thì khí nóng xông lên, bên trên thì mặt trời thiêu đốt, khiến cho rất khổ não. Các Tỳ-kheo bèn chạy nhanh đến chỗ có nước, như nai chạy tới hồ. Phật biết mà vẫn hỏi (nguyên nhân). Các Tỳ-kheo liền kể đầy đủ sự việc trên..., vì khổ não như vậy nên mới tranh nhau chạy đến chỗ có nước. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi đi được quyền tắm."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ốc các Tỳ-kheo một lần. Ngài trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ ngứa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: "Tỳ-kheo, ông có thấy dễ chịu không?" Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, không được dễ chịu. Con bị bệnh (**372b**) ghẻ ngứa, nếu được tắm thường xuyên thì mới an lạc, nhưng Thế Tôn chế giới không cho tắm cho nên không được an lạc." Phật dạy: "Từ nay trở đi, Ta cho phép Tỳ-kheo có bệnh được tắm."

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo doanh sự chở đất, chở gạch, làm các công việc mà không dám tắm, cứ để nguyên như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau, trên chân có dấu bùn đất, Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, trên chân ông vì sao có dấu đất?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, con làm các công việc bị bùn vấy bẩn thân mình, mà vì sợ phạm giới nên không dám tắm, do đó chân con có vết bùn." Phật nói: "Từ nay trở đi, Ta cho phép khi làm việc được tắm."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo gặp cơn gió thổi mạnh, khiến bụi tấp trên mình, rồi lại gặp trời mưa, nhưng không dám tắm, cứ để y như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau họ đến vấn an Thế Tôn, Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, trên thân ông vì sao có bụi bẩn như thế?"

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn, ngày hôm qua bị gió thổi bụi tấp trên mình, lại gặp trời mưa, nhưng con không dám tắm, cho nên trên thân có vết bụi bẩn."

Phật nói: "Từ hôm nay, Ta cho phép khi có gió lớn được tắm."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ trời đang quang đãng, có ít sợi mây nổi lên, rồi bỗng chốc đổ cơn mưa lớn.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đó là trận mưa tốt lành đầu tiên ở cõi Diêm-phù-đề này, các ông nên tắm mưa, nước mưa có thể trừ được các bệnh ghẻ chốc trong mình."

Nhưng các Tỳ-kheo trong lòng hồ nghi: "Đức Thế Tôn chế giới không được tắm, vì sao nay chúng ta lại được tắm?"

Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi trời mưa thì được tắm."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo chưa đến nửa tháng mà tắm – trừ trường hợp đặc biệt – phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Trường hợp đặc biệt: Một tháng rưỡi cuối mùa xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong hai tháng rưỡi đó, và các dịp như: khi

trời nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi gió, khi mưa, khi đi đường; đó gọi là các trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nửa tháng: Nếu tắm ngày mười lăm thì tính đủ mười lăm ngày nữa rồi tắm. Nếu tắm ngày mười bốn, mười ba, mười hai, mười một, mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một thì nên từ ngày tắm đếm đủ mười lăm ngày rồi tắm nữa.

Trừ trường hợp đặc biệt: (Những ngày ấy) Thế Tôn nói không có tội.

Khi nóng: Một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong khoảng hai tháng rưỡi ấy chính là khi nóng. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

(**372c**) **Khi bệnh:** Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh như: ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, sài, ung thư... cần phải tắm mới được thỏa thích, thì cho phép tắm. Đó gọi là khi bệnh. Nhưng không kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

Khi làm việc: Trong tất cả các lúc chúng Tăng làm việc: Tỳ-kheo làm đất, sửa chữa phòng ốc, hoặc khai thông vũng nước đọng, hoặc vét giếng, hoặc đổ nền phòng xá, hoặc quét tước, hoặc tắm rửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, cho đến quét tháp viện, Tăng viện, thậm chí cầm cây chổi quét năm, sáu cái thì được gọi là khi làm việc. (Những lúc ấy) tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi gió: Nếu Tỳ-kheo bị gió thổi, bụi tấp trên mình thì được tắm rửa không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi mưa: Nếu trời mưa mà tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi đi: Khi đi ba do diên, hai do diên, ít nhất là một câu lô xá, hoặc đi, hoặc lại, thì gọi là khi đi. Lúc đó tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không gặp các dịp kể trên thì nên bắt chước phương pháp tắm của thợ đúc: trước hết rửa hai đầu gối, hai bàn chân, sau đó mới thấm nước trên đầu, mặt, sau lưng, cánh tay, khuỷu tay, ngực, nách. Thế nên nói (kệ):

"Đốt lửa, quá ba đêm,
Gởi dục, vào xóm làng.
Chê kinh, nuôi phạm nhân,
Sa-di, y ba màu.
Nhặt của, nửa tháng tắm,
Hết Bạt cừ thứ năm."

(Hết giới thứ 49 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

50. UỐNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG

Khi Phật ở tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di đi đường, thấy khát nước đến cực độ, liền vào trong thôn, tới một cô gái, hỏi: "Này chị, chị cho tôi ít nước." Cô gái ấy bèn lấy nước đưa cho, nhưng trong nước có trùng, Ưu-đà-di thấy vậy, liền suy nghĩ: "Ta chỉ uống chỗ không có trùng này thôi." Nhưng khi uống trùng theo nước vào miệng. Khi uống xong, thầy sinh nghi, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách: "Vì sao ông biết nước có trùng mà uống? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, nếu biết nước có trùng thì không được uống."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở nước Ba la chi phương Nam cùng kết bạn, đến Xá-vệ vấn an Thế Tôn. Giữa đường bị đói khát mà không có nước uống nên họ đi đến một cái giếng. Lúc ấy, một Tỳ-kheo múc nước lên, liền uống. Còn Tỳ-kheo kia thấy nước có trùng nên không uống. Tỳ-kheo uống nước có trùng hỏi Tỳ-kheo bạn: "Vì sao thầy không uống?" (**373a**) Thầy ấy đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được uống nước có trùng mà nước này có trùng nên tôi không uống." Tỳ-kheo uống nước bèn khuyên: "Trưởng lão, thầy hãy uống nước chớ để chết khát mà không thấy Phật." Thầy đáp: "Thà tôi mất mạng chớ không hủy giới của Phật." Nói thế xong, thầy liền chết vì khát nước.

Thầy Tỳ-kheo uống nước dần dần đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, ông từ đâu đến?

Con từ nước Ba la chi đến.

Này Tỳ-kheo, ông có bạn không?

Chúng con hai người cùng kết bạn, nhưng đi được nửa đường thì bị đói khát mà không có nước, chúng con đến một cái giếng, nước giếng có trùng, con liền lấy uống. Nhờ có sức nước mà con được hầu cận Thế Tôn. Còn thầy kia giữ giới không uống, nên đã chết vì khát nước.

Này kẻ ngu si, ông không thấy Ta mà tưởng rằng được thấy Ta. Còn Tỳ-kheo chết kia thì đã thấy Ta trước rồi. Nếu Tỳ-kheo phóng túng biếng nhác, không thu nhiếp các căn thì dù ở với Ta một chỗ, nhưng Tỳ-kheo ấy cách Ta rất xa. Tuy ông ấy thấy Ta nhưng Ta không thấy ông ấy. Trái lại, nếu Tỳ-kheo sống nơi góc biển chân trời mà không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, thu nhiếp các căn, thì tuy cách xa Ta mà Ta thường thấy người ấy và người ấy thường gần Ta.

Thế rồi, Phật nói với Tỳ-kheo (đang diện kiến): "Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, biết nước có trùng thì không được uống." Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà uống thì phạm Ba-dạ đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe người khác mà biết.

Trùng: Không phải là cá, rùa, thất thâu (?), ma la (?) mà là các côn trùng nhỏ bé như con quăng quăng, cho đến những loài có hình thù cực nhỏ mà mắt thấy được, đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói.

Uống: Nước vào đến bụng (thì gọi là uống).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo thọ cụ túc rồi cần phải sắm đãy lọc nước và phải tắm rửa đúng pháp. Khi đi đâu, Tỳ-kheo phải đem theo đãy lọc nước. Nếu không có thì tối thiểu phải dùng một góc y Uất-đa-la-tăng (để lọc). Khi nhìn vào nước, không nên dùng thiên nhãn để xem, cũng không được bảo người mắt thong manh xem, tối thiểu là nhờ người có thể thấy những đường chỉ nhỏ nhất trong bàn tay để xem. Khi nhìn vào nước không nên nhìn qua loa mà phải chú ý xem, không được quá mau, không được quá chậm mà phải bằng thời gian con voi lớn quay mình lại, hay chiếc xe chở tre trở đầu. Nước không trùng thì nên dùng, nếu nước có trùng thì nên lọc

mà dùng. Nước có (**373b**) ba lớp: dưới, giữa, trên. Nếu phần dưới không trùng mà phần giữa và trên có trùng thì nên lấy phần nước không có trùng ở dưới mà dùng. Nếu phần nước ở giữa không có trùng, còn phần trên và phần dưới có trùng thì nên lấy phần nước ở giữa mà dùng. Nếu phần trên không có trùng thì nên lấy phần nước trên mà dùng. Nếu phần trên có trùng thì nên dùng tay vỗ nước để cho trùng lặn xuống đáy, rồi lấy nước dùng. Nếu cả ba phần đều có trùng, thì lúc ấy nên lọc nước mà dùng. Nếu trong nước có trùng quá vi tế thì không được dùng rửa tay rửa mặt và dùng dội cầu khi đại tiểu tiện.

Nếu nhà đàn việt mời Tỳ-kheo thọ trai, thì khi ấy nên hỏi: "Ngươi đã lọc nước chưa?" Nếu đáp: "Chưa lọc", thì nên xem xét người đang đối diện mà tin tưởng được, khi ấy hãy bảo họ lọc nước. Nếu xét người ấy không đáng tín thì không nên sai họ lọc, kẻo sẽ sát hại côn trùng, Tỳ-kheo nên tự lọc rồi dùng. Thế rồi, nên đổ nước có trùng ấy vào trong tô của mình, rồi hỏi xem họ lấy nước ở đâu, để mình đem nước có trùng ấy đổ lại chỗ cũ. Nếu chỗ đã lấy nước trước kia ở xa, mà gần đó thấy có hồ nước trải qua bảy ngày không khô cạn, thì được đem nước có trùng kia đổ vào trong hồ đó. Nếu không có hồ nước, thì phải múc nước đổ thêm đầy tô để nuôi chúng. Rồi đợi khi trời mưa to, có đường nước chảy mạnh, ta sẽ đem tô nước có trùng kia đổ vào trong đó, và chú nguyện rằng: "Ngươi hãy vào trong biển lớn nhé!"

Nếu Tỳ-kheo đang đi giữa đường mà khát nước cần uống, thì khi đến giếng lấy nước phải xem kỹ, không có trùng thì được uống, có trùng thì phải lọc sạch rồi mới uống, như phương pháp ở trên. Nếu biết nước có trùng thì không được đem đổ vào trong thùng.

Nếu đem nước mình múc dưới hồ cho ai thì khi rót ra phải xem kỹ rồi mới đưa.

Nếu thấy nước có trùng thì không được la lên: "Trưởng lão, nước này có trùng, có trùng", khiến cho người ấy sinh nghi, không vui.

Nếu người đó hỏi: "Nước này có trùng không?", thì nên đáp: "Trưởng lão tự xem lấy." Nếu người đó là bạn tri thức cùng Hòa thượng, A-xà-lê thì nên nói: "Nước này có trùng, nên lọc rồi mới dùng."

Tóm lại, nếu nước có trùng mà tưởng là không trùng rồi dùng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước không trùng mà tưởng là có trùng (rồi dùng) thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước có trùng mà tưởng là có trùng rồi dùng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nước không có trùng, tưởng là không có trùng rồi dùng, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 50 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

51. CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO ĐỒ ĂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-nan có tên tốt đầy đủ, tánh tốt đầy đủ, gia thế tốt đầy đủ. Vì đầy đủ ba việc ấy nên được người đời quý trọng. Mỗi khi đến ngày lành (tốt), như về nhà mới, cưới hỏi, xỏ lỗ tai, thì người ta mời A-nan trước hết. Bữa nọ, một nhà kia mời tôn-giả A-nan thọ trai, thì có một người ngoại đạo xuất gia da đen, mắt xanh, bụng bự đến chỗ A-nan xin thức ăn. A-nan (**373c**) liền cho đồ ăn. Ông ta dùng tay vốc cơm mà ăn, ăn xong lại dùng tay chùi trên mình rồi đi. Lại có một ngoại đạo khác đến hỏi ông ta: "Ông được thức ăn ở đâu vậy?"

Ông đáp: "Tôi được thức ăn từ ông cư sĩ trọc đầu này đây."

A-nan nghe lời nói ấy, lòng không vui, nên sau đó có người đến xin thì thầy không cho. Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với A-nan: "Người này không biết tri ân. Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho người xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đức Thế Tôn cứ bốn tháng cạo tóc một lần. Người đời nghe Phật cạo tóc bèn dâng các thức cúng dường. Khi ấy, gặp lúc đói kém nên có năm trăm người thường theo Thế Tôn xin thức ăn thừa. Phật hỏi A-nan có thức ăn thừa không, thầy đáp: "Có bánh."

Phật bảo: "Hãy chia cho những người khất thực."

A-nan liền phân phát mỗi người một cái. Trong số đó có một phụ nữ ngoại đạo xuất gia, lúc A-nan cầm bánh cho cô thì có hai cái dính vào nhau. Những người được bánh bèn quây quần ăn tại một chỗ, rồi phát biểu: "Thứ bánh này ngon tuyệt, chỉ hiềm là ít quá, được có mỗi một cái!" Người được hai cái liền nói: "Tôi được hai cái."

Người được một cái nói: "A-nan sẽ là chồng cô chăng vì sao lại chỉ cho riêng cô hai cái?"

A-nan nghe thế không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể."

Rồi các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì sao kẻ ngoại đạo đó không biết tri ân?"

Phật dạy: "Không những ngày nay không biết tri ân mà trong quá khứ cũng đã từng như thế, như trong kinh Bản Sinh Di Hầu đã nói rõ.." Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Lõa thể: Có kẻ khỏa thân đi vào (đạo lõa thể), rồi mặc y phục đi ra; có kẻ mặc y phục đi vào, rồi khỏa thân đi ra; có kẻ mặc y phục đi vào, rồi mặc y phục đi ra; có kẻ khỏa thân đi vào, rồi khỏa thân đi ra.

Xuất gia: Chỉ cho ngoại đạo xuất gia như Bất-lan Ca-diếp, cho đến Ni-kiền-tử.

Tự tay: Hoặc cho bằng tay nhận bằng tay, hoặc cho bằng bát nhận bằng bát.

Thức ăn: Gồm năm loại thức ăn chính và năm loại thức ăn tạp. Nếu cho các loại thức ăn ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cha mẹ anh em chị em của Tỳ-kheo xuất gia theo ngoại đạo, Tỳ-kheo cũng không được tự tay (**374a**) cho thức ăn, mà nên bảo tịnh nhân đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ tự lấy thức ăn. Nếu sợ ngoại đạo khác ăn hết thì nên bảo họ đưa cho mình cái bát rồi mình tùy ý sớt thức ăn, đoạn, đặt trên giường, ghế, hoặc trên đất rồi nói: "Người tự lấy ăn."

Nếu người ngoại đạo quyến thuộc ấy trách như sau: "Nay ngươi tiếp ta theo cách của Chiên đà la", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Người xuất gia không đúng chỗ. Đức Thế Tôn chế giới (phải làm) như vậy. Nếu người muốn ăn thì ăn, còn không muốn ăn thì tùy ý." Nếu khi Tỳ-kheo sai ngoại đạo làm việc thì cũng không được tự

tay đưa cho họ thức ăn mà phải bảo tịnh nhân đưa. Nếu không có tịnh nhân thì đưa như cách ở trên. Nếu ngoại đạo đến xin nước gạo, nước cơm, cũng không được tự tay đưa. Nếu ngoại đạo đến khất thực tại chỗ chúng Tăng, cũng không được tự tay đưa mà phải để dưới đất mà đưa. Nếu ngoại đạo có lòng tin muốn cúng dường Tỳ-kheo, thì bấy giờ Tỳ-kheo cũng không được tự tay đưa thức ăn thức uống, nhưng được sai ngoại đạo làm thức ăn thức uống, rồi bảo họ đưa cho mình ăn. Khi ăn xong, thức ăn còn thừa nên cho họ. Phương pháp cho như trên đã nói. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 51 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

52. NGỒI NƠI PHÒNG NGỦ NHÀ THÍ CHỦ

53. NGỒI CHỖ KHUẤT NHÀ THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di cùng với người bạn Bà-la-môn quen biết, hai người cùng ở chung một thôn. Con gái ông Bà-la-môn này lấy chồng tại một thôn khác. Cô ta sai người báo tin cho cha: "Cha hãy thường thường đến thăm con. Nếu cha không đến được thì hãy nhờ thầy Ưu-đà-di thường thường đến thăm con", như trong hai giới Bất định ở trước đã nói rõ, (cho đến) Phật nói với Ưu-đà-di: "Đó là việc xấu. Người tại gia còn biết phép tắc của sa-môn, ông là người xuất gia vì sao không biết chỗ nào nên ngồi, chỗ nào không nên ngồi? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn Thiện pháp được." Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết "Thực gia dâm xứ" mà ngồi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo biết Thực gia bình xứ mà ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

Thực (thức ăn): Gồm có: gạo lúa tẻ, gạo lúa mạch, cá, thịt, các thứ như vậy gọi là thức ăn. Lại có những thức ăn khác như: Nhãn thức thấy sắc khởi ái niệm, sinh đắm trước; nhĩ, tỉ, thiệt, thân cũng như vậy. Lại có những thức ăn khác như: Nồi lấy vung làm thức ăn; cối lấy chày làm thức ăn; hộc lấy đấu làm thức ăn..., các trường hợp như vậy đều gọi là thức ăn. Lại còn có thức ăn khác như: nam giới (**374b**) là thức ăn của phụ nữ; phụ nữ là thức ăn của nam giới.

Gia (nhà): Nhà Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Tì-xá, Thủ-đà-la.

Dâm xứ (chỗ hành dâm): Chỗ vợ chồng hành lạc.

Ngồi: Cùng ngồi một chỗ thì phạm Ba-dạ-đề.

Bình xứ (chỗ khuất): Chỗ mà nam nữ có thể hành dâm không thấy hổ thẹn. Lại có chỗ khuất khác, như: hoặc trong chỗ tối, hoặc cửa được đóng lại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một chỗ với vợ chồng người ta thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo khác từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi tại chỗ dùng để hành dâm, ngồi chỗ che khuất, ngồi trong phòng đóng cửa lại mà Tỳ-kheo ở từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở ngoài nhìn vào thấy, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

(Nếu Tỳ-kheo) ngồi chung (với vợ chồng người kia) ở trong nhà, mà ở giữa sân có đống mía che khuất, hoặc đống lúa che khuất, hoặc bức tường che khuất thì cũng như vậy. Nhưng nếu có Tỳ-kheo bạn thì không phạm tội. Nhưng dù có nhiều người bạn bạch y vẫn phạm, (trừ trường hợp) tất cả (những người ngồi đó) đều là nam giới thì không có tội. Hoặc tất cả những người ấy đều là nữ giới cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 53 & 54 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

54. ĐI XEM QUÂN TRẬN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, viên đại thần thuộc xứ Kiều-tát-la tên Di ni vốn dòng dõi sát-lợi làm phản. Do đó, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn binh chủng, chọn ngày lành, cùng với các đại thần đánh trống khua chuông, chuẩn bị kéo quân đi thảo phạt. Khi ấy, tôn-giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đi đến đứng trước quân sĩ. Nhà vua thấy thế, bèn từ xa bỏ lọng, gập mình tỏ sự cung kính. Các quan đại thần thấy vậy liền chê trách: "Xem ra các ông sa-môn Thích tử này không hiểu thời thế! Nay đại vương muốn thảo phạt nghịch tặc, thế mà các ông ấy lại đứng chặn trước ba quân." Rồi họ lại than phiền nhà vua: "Tướng sĩ của đại vương đông đảo như vậy, lại gặp được ngày lành, đi tìm sự lợi ích, thế mà khi thấy kẻ sa-môn trọc đầu liền từ xa bỏ lọng, gập mình tỏ sự cung kính!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Mong sao tất cả các ông vua đều có lòng tin như vậy! Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) vào giữa quân lính để gặp họ."

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo xem quân lính xuất trận thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Quân xuất trận: Tức quân lính cầm khí giới đi đến nước địch. Quân có bốn loại: Tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân.

Tượng quân: (**374c**) Bốn người bảo vệ một thớt voi. Đó gọi là tượng quân.

Mã quân: Tám người bảo vệ một con ngựa. Đó gọi là mã quân.

Xa quân: Mười sáu người bảo vệ một chiếc xe. Đó gọi là xa quân.

Bộ quân: Ba mươi hai người cầm vũ khí (thành một toán). Đó gọi là bộ quân.

Nếu Tỳ-kheo xem bốn loại quân này, hoặc xem một trong những loại đó thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn xem quân lính rồi từ trong thôn xóm đi đến nơi hoang dã, từ nơi hoang dã đi vào thôn xóm; hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao, từ chỗ cao xuống chỗ thấp; hoặc từ chỗ kín đến chỗ trống, từ chỗ trống đến chỗ kín, cố ý đi đến xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vào thành ấp xóm làng, giữa đường gặp quân trận mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu cố ý cất đầu lên, cúi đầu xuống để quan sát thì phạm Ba-dạ-đề.

Hoặc khi vua xuất chinh, hoặc voi lớn xuất trận mà đường chật hẹp đông đúc, khi ấy Tỳ-kheo đứng lại một chỗ không cố ý xem thì không có tội. Nếu tác ý muốn xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo xem đấu voi, ngựa, bò cho đến đấu gà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu quân lính đến Tinh xá, Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tác ý xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thậm chí khi người ta cãi nhau mà xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 54 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

55. Ở TRONG QUÂN TRẠI QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tại nước Kiều-tát-la có viên đại thần dòng dõi sát-lợi tên Di ni làm phản không tuân phục triều đình. Do đó, vua Ba-tư-nặc bèn sai viên đại thần Đạt đa thống lãnh bốn binh chủng đến đó chinh phạt. Lúc ấy người đi chinh phạt là Đạt đa sai người đến bạch với Thế Tôn: "Nay con sắp xuất chinh, xin Thế Tôn sai các Tỳ-kheo vì con thuyết diệu pháp." Thế rồi, Phật nói với A-nan: "Ông hãy đến trong quân đội vì người đi chinh phạt là Đạt đa thuyết pháp." A-nan liền đến đó. Viên đại thần bèn sửa soạn các thức cúng dường. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết nhà vua sửa soạn các thứ cúng dường cho A-nan, liền đến trong quân thọ trai. Khi ăn xong, họ đến chỗ quân lính tập trận để xem. Nếu thấy không điêu luyện thì chê bai: "Các ngươi dạy người ta cưỡi voi giống như cưỡi heo, thật là phí lương thực của vua, đem đội quân thế này xông trận thì chắc chắn bị mất mạng, mà còn mất voi của vua nữa." Nếu họ thấy quân lính thiện chiến thì ca ngợi: "Cưỡi voi thật thiện nghệ, mà cầm kích rất đắc thế, lại hiểu rõ đấu pháp tả hữu lui tới, xứng

đáng ăn lộc của quan. Nếu xua đội quân này xông trận thì có thể giữ được thân mình mà voi cũng không bị mất."

Khi họ xem quân lính cưỡi ngựa, nếu thấy không điêu luyện, liền chê bai: "Các ngươi dạy người cưỡi ngựa giống như cưỡi lừa, thật là phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng (**375a**) mà còn mất ngựa của vua nữa." Nếu họ thấy thiện chiến thì liền ca ngợi: "Các ngươi cưỡi ngựa rất thiện nghệ, cầm dây cương rất đắc thế, lui tới tả hữu đều có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo vệ được sinh mạng, mà không bị mất ngựa nữa."

Khi họ xem quân xa, nếu thấy thiếu khả năng thì liền chê bai: "Các ngươi dạy lính lái xe như leo lên giường, thật uổng phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn sẽ bỏ mạng mà còn làm mất xe của vua nữa." Nếu họ thấy lái xe thiện nghệ thì ca ngợi: "Tài xế cầm lái lui tới điêu luyện quay qua phải trái đều rất có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn giữ được tính mạng mà xe cũng không bị mất."

Khi họ xem bộ binh nếu thấy không biết bắn thì liền chê bai: "Các ngươi dạy lính cầm cung giống như vuốt lông, thật là uổng phí ăn lộc quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng, mà còn mất cung tên của quan." Nếu họ thấy bắn thiện nghệ thì bèn ca ngợi: "Thật là ngay ngắn chính xác đúng là những tay thiện xạ, xứng đáng ăn lộc của quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo toàn được tính mạng, mà không bị mất cung tên."

Khi họ xem đội quân đao thuẫn, nếu thấy không có khả năng, liền chê bai: "Các ngươi dạy người ta cầm thuẫn giống như cầm đao bằng vải. Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bị bỏ mạng, mà còn mất đao trượng của quan nữa." Nếu thấy thiện nghệ liền ca ngợi: "Dùng đao thuẫn thiện nghệ rất khéo léo và có phép tắc.

Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bảo toàn tính mạng mà đao trượng của vua cũng không bị mất."

Họ chê bai, khen ngợi bốn binh chủng như vậy đó. Những kẻ bị chê bai ai nấy đều giận dữ, nói: "Không những ông Di ni dòng dõi sát-lợi là kẻ thù của chúng ta, mà nay kẻ sa-môn này cũng là tên giặc, chuyên hủy nhục chúng ta, hãy cùng nhau giết hắn cho rồi." Thế rồi, quân lính được ca ngợi bèn nói với quân lính bị chê bai: "Các sa-môn này đều là dòng dõi vua chúa hoặc là dòng dõi đại thần, hoặc là dòng dõi sát-lợi, họ vốn đã luyện tập binh pháp, thông hiểu chiến trận. Như lời họ nói, lẽ ra các anh nên học tập, trái lại, các anh còn đâm ra oán hận thật là ngu si hết chỗ nói." Khi ấy, những kẻ bị chê bai nghe như thế đều cảm thấy rất hổ thẹn.

Tôn-giả A-nan nghe được sự việc ấy bèn suy nghĩ: "Nay ta nên đi, nếu ở đây lâu, e sinh tai họa", liền trở về lại Tinh xá. Phật biết nhưng vẫn hỏi A-nan:

Ông đã thuyết pháp cho người đi chinh chiến là Đạt đa rồi chăng?

A-nan liền đem sự việc trên bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, khi có nhân duyên thì Ta mới cho phép vào trong quân trại ba đêm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ (**375b**) phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên được vào trong quân ngũ ba đêm, nếu quá (ba đêm) thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nhân duyên: Hoặc việc của Tăng, việc của tháp, việc của riêng mình.

Quân: Như trên đã nói.

Ba đêm: Tối đa là ba đêm, nếu quá thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đêm thứ nhất ngủ tại bộ binh, đêm thứ hai tại tượng binh, đêm thứ ba tại mã binh, đêm thứ tư tại xa binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại tượng binh, đêm thứ hai tại mã binh, đêm thứ ba tại xa binh, đêm thứ tư tại bộ binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mã binh, đêm thứ hai tại xa binh, đêm thứ ba tại cung binh, đêm thứ tư tại sáo (giáo dài) binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại xa binh, đêm thứ hai tại cung binh, đêm thứ ba tại mâu binh, đêm thứ tư tại đao binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại cung binh, đêm thứ hai tại sáo binh, đêm thứ ba tại đao binh, đêm thứ tư tại ngoại la binh (lính canh phòng) thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mâu binh, đêm thứ hai tại đao binh, đêm thứ ba tại ngoại la binh, đêm thứ tư rời khỏi chỗ có thể nghe thấy được thì không có tội.

Nếu vì tháp, vì Tăng lo giải quyết công việc chưa xong thì nên rời quân đội một đêm rồi được ngủ trở lại. Nếu thành ấp xa không thể đến được thì nên rời khỏi chỗ quân có thể thấy nghe mà ngủ, khi ngủ nên nói với quân ngoại la: "Ban đêm tôi muốn ngủ tại mỗ xứ, chớ tưởng là người khác."

Nếu quân lính đến đóng trong chùa thì không nên bỏ đi, dù nhiều đêm cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 55 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

56. XEM QUÂN ĐỘI DIỄN TẬP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngủ trong quân trại ba đêm rồi, bèn đến chỗ thao trường xem, nếu thấy quân lính không biết cưỡi voi, liền chê bai: "Kẻ này cưỡi voi giống như cưỡi heo, nếu vào trận chiến thì chắc chắn sẽ mất mạng, thật là uổng phí bổng lộc của vua." Nếu thấy cưỡi voi thiện nghệ thì khen ngợi: "Kẻ này cưỡi voi thiện nghệ, cầm móc điều khiển tới lui, xoay bên trái bên phải đều khéo léo. Nếu xông trận thì chắc chắn phá được quân giặc, lại bảo toàn được tính mạng. Người như thế xứng đáng ăn lộc của vua." Khi họ thấy những ai không thể cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, đao, mâu, thuẫn, sáo thì nhất nhất chê bai hoặc khen ngợi, rồi chỉ bảo: "Ngươi phải cưỡi voi, cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, cầm thuẫn, cầm mâu (**375c**) như thế này, thế này này."

Những kẻ không thể làm được, nghe họ chê như vậy, liền nổi giận, nói: "Đây chính là giặc chứ còn tìm giặc ở đâu nữa. Chúng ta hãy cùng nhau giết hắn." Khi ấy, những kẻ được khen ngợi liền nói: "Các Tỳ-kheo này đều là dòng dõi vua chúa, dòng dõi sát-lợi đại thần, đều biết binh pháp. Vì sao các anh không chịu khó học hỏi mà trái lại còn oán người ta?" Những kẻ bị chê bai nghe nói thế, liền nguôi giận và trong lòng cảm thấy hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo nghe sự kiện ấy, liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo có duyên sự thì được ngủ trong quân trại ba đêm, nhưng nếu xem quân xuất trận, nha kỳ, cãi lộn, đánh nhau, thế lực thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Ba đêm: Tối đa là ba đêm.

Xem: Tạo điều kiện cố ý đi đến, hoặc từ chỗ cao xuống chỗ thấp, hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao.

Quân: Bốn quân chủng như trên đã nói.

Nha kỳ: Cờ hình sư tử, hoặc hình bán nguyệt.

Cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Đánh: Hai nhóm giao đấu.

Thế lực: Xem coi sự thế mạnh yếu nghiêng về bên nào, thì gọi là thế lực.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường gặp quân lính mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu quân cướp từ trong thôn đi ra, Tỳ-kheo đang đi giữa đường gặp họ mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi thôn dã gặp quân giặc đến mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi rừng hoang, rồi bọn cướp vừa cướp bóc trong thôn đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo, sau đó, những người truy đuổi bọn cướp đi tìm chúng đến chỗ Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo: "Có thấy bọn cướp không?", thì Tỳ-kheo không được nói dối, cũng không được chỉ chỗ bọn cướp mà nên nói: "Hãy xem móng tay đây này."

Nếu Tỳ-kheo đang ở trong thành, bỗng có giặc đến vây thành, rồi vua bảo Tỳ-kheo phải lên cả trên thành để chứng tỏ trong thành có đông người, mà Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 56 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

57. ĐÁNH TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, dùng nắm tay cú vào đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Các Tỳ-kheo này liền khóc rống lên. (**376a**) Phật nghe tiếng khóc, tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Ở trong đây vì sao có tiếng khóc của trẻ con?

Bạch Thế Tôn, nhóm sáu Tỳ-kheo sau khi từ phòng tọa thiền đứng dậy, bèn dùng nắm tay cú lên đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, do đó nên họ khóc.

Hãy đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Vì muốn đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não loạn những người phạm hạnh mà lại bảo là vui. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các ngươi ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng nên khởi thân, khẩu, ý Từ bi cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Vì sao lại làm việc ác bất thiện như vậy? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Đánh: Hoặc dùng thân, thân phần, thân phương tiện.

Thân: Dùng toàn bộ thân thì gọi là thân.

Thân phần: Hoặc tay, hoặc chân, hoặc cùi chỏ, hoặc đầu gối, hoặc răng, hoặc móng; đó gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Hoặc cầm gậy gộc, gạch đá mà đánh, hoặc từ xa ném đá, đó gọi là thân phương tiện.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đánh Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đánh Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; sau hết, nếu đánh người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu có các loài muông thú hung dữ như voi, ngựa, trâu, dê, chó đến thì không được đánh mà chỉ được cầm gậy gộc gạch đá đập xuống đất để khủng bố chúng mà thôi.

Nếu súc vật vào trong tháp làm phương hại hình tượng, phá hoại hoa quả cây cối, cũng chỉ được dùng gậy gộc, gạch đá đập xuống đất cho chúng sợ bỏ đi mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 57 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

58. DỌA ĐÁNH TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đánh nhau, nên khi ấy nhóm sáu Tỳ-kheo từ phòng thiền đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: "Ta sẽ dùng nắm tay này đánh vỡ mặt các ngươi." Vì bị khủng bố nên họ bèn khóc lớn lên. Phật nghe tiếng khóc, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

Đó là do nhóm sáu Tỳ-kheo (**376b**) từ phòng thiền đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: "Ta

dùng nắm tay đánh vỡ mặt các ngươi." Vì bị khủng bố nên họ liền khóc lớn lên.

Hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tại sao như vậy?

Vì để đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não lọan những người phạm hạnh, mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng phải khởi thân, khẩu, ý Từ bi, cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau Ta không cho phép dùng nắm tay để đe dọa nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo dùng chưởng đao đe dọa Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chưởng: Bàn tay.

Đao: Ngón tay.

Đe dọa: Biểu lộ dấu hiệu muốn đánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đưa lên một ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến năm ngón cũng như vậy.

Nếu dùng tất cả ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu dùng nắm tay đe dọa thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu dùng tay đe dọa Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; đe dọa Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đe dọa Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng cho đến đe dọa người thế tục thì phạm tôi Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu các loại ác thú như voi, ngựa, trâu, dê, chó đi đến thì không được dùng nắm tay đe dọa mà nên dùng gậy gộc gạch đá đập xuống đất khủng bố cho chúng sợ bỏ đi.

Nếu các loại thú ấy vào trong tháp phá hoại các ảnh tượng và hoa quả cây cỏ thì cũng chỉ nên (dùng gậy gộc) đập xuống đất khủng bố cho chúng sợ bỏ đi mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 58 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 19

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

59. CHE GIẤU TỘI TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà nói với người đệ tử tùy tùng của A-nan-đà anh mình như sau:

Này tên kia, ngươi hãy cùng ta vào xóm làng, đến một nhà kia, họ sẽ cúng dường ẩm thực cho ngươi. Nếu ta có làm điều gì trái oai nghi tại đó, thì ngươi hãy che giấu, chớ nói cho ai biết, vì ta là Thúc phụ của ngươi. Đồng thời ta cũng che giấu lỗi lầm cho Hòa thượng của ngươi.

Dù cho ông, cha hay Hòa thượng của tôi có lỗi, tôi cũng không che giấu, huống gì là Thúc phụ. Trưởng lão hãy tự che giấu lỗi lầm của Hòa thượng tôi, chứ tôi hoàn toàn không thể che giấu lỗi lầm của trưởng lão.

Ưu-ba-nan-đà nghe trả lời như thế, liền suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ làm cho ngươi đau khổ để biết tay." Thế rồi, hai người cùng vào thành, đến nhà một trưởng giả. Đàn việt trông thấy rất hoan hỉ, chào hỏi, rồi mời ở lại thọ trai. Ưu-ba-nan-đà lại suy nghĩ: "Ta phải trông chừng mặt trời, khi nào gần đến giờ ngọ, ta sẽ sai hắn trở về Tinh xá để cho không kịp bữa ăn của chúng đồng thời cũng mất bữa ăn ở đây, lui tới đều mất bữa ăn, cho hắn thấm nỗi khổ đau." Suy nghĩ thế rồi, khi gần đến giờ ngọ, thầy bèn bảo ông kia

trở về lại Tinh xá. Vì sợ mất bữa ăn cho nên ông ta vừa ngó chừng mặt trời vừa đi vội vã trở về Tinh xá. Thế nhưng, lúc ấy Tăng chúng vừa ăn xong, ra ngoài cổng Tinh xá, đang ung dung đi kinh hành. Từ xa, họ trông thấy ông ta miệng mồm khô rốc có vẻ như chưa ăn, họ liền nói đùa:

Sáng nay ngươi đi theo Tỳ-kheo giáo hóa vào thành, có được những thức ăn gì ngon chăng?

Chỉ bị khổ não chứ nào có thức ăn gì đâu.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, nếu biết Tỳ-kheo có tội thô ác, thì không được che giấu.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm thô tội mà che giấu, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

(**377a**) **Tỳ-kheo:** Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nhờ nghe người nói mà biết.

Thô tội: Như bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa; đó gọi là Thô tội.

Che giấu: Không muốn cho người khác biết.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tỳ-kheo thấy người khác phạm tội thô ác thì không được che giấu, nếu che giấu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trường hợp này cần phải nói với người khác. Nhưng khi nói, không phải nói với bất cứ ai mà phải nói với Tỳ-kheo tốt, hoặc nói với đồng Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu Tỳ-kheo phạm tội kia hung bạo, hoặc dựa vào thế lực của vua, của đại thần, của kẻ hung ác khiến họ có thể sát hại hay hủy hoại phạm hạnh của mình, thì mình nên suy nghĩ: "Ông ta gây nên tội lỗi chắc chắn sẽ chuốc lấy quả báo, ông ta phải tự biết việc ấy. Ví như khi bị hỏa hoạn, ta chỉ nên tự cứu lấy mình, cần gì phải biết đến việc khác." Thế rồi, khi ấy lo giữ gìn tánh mạng mình thì được xem là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, mà tất cả đều che giấu thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu biết người khác phạm ba mươi Ni tát lì, chín mươi hai Ba-dạ-đề, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết người khác phạm bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm tám Ba-la-di, mười chín Tăng-già-bà-thi-sa mà tất cả đều che giấu, thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm ba mươi Ni-Tát-kì, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết Tỳ-kheo-ni phạm tám Ba-la-đề Đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Thức-xoa-ma-na phạm mười tám hành pháp mà cho họ thọ học trở lại hoặc tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết sa-di, sa-di-ni phạm mười giới, mà tất cả đều che giấu, hoặc cho họ xuất gia trở lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau cùng, cho đến biết người thế tục phạm năm giới, mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

"Nước có trùng, không y
Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
Xem quân trận, ba hôm
Đánh người và dọa đánh
Hết Bạt cừ thứ sáu."

(Hết giới thứ 59 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

60. SÁT HẠI SINH VẬT

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-li nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, có người mặc giáp, mang cung tên đi vào Tinh xá, rồi cởi giáp bỏ cung, ngồi nghỉ dưới gốc cây. Khi ấy, tại vũng đất cát trước sân Tinh xá có đàn bồ câu đang ăn uống vui đùa. Tôn-giả Ưu-đà-di thấy thế, liền nói (với người ấy):

Các hạ (trường thọ), cho tôi mượn cung tên để tôi bắn thử một phát xem.

(**377b**) Được thôi.

Ưu-đà-di liền lấy cung và năm mũi tên, lắp tên vào, bắn năm phát, hạ năm con bồ câu, đoạn nhổ hết lông, ghim chúng vào khúc cây, đem đến trao cho Thế Tôn, nói:

Bạch Thế Tôn, đây là thịt chim.

Ở đâu mà có vậy?

Bạch Thế Tôn, có người mặc giáp, mang cung tên, đến trước sân Tinh xá, rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây, con mượn cung tên ông ta để bắn thử mấy con chim, vì trước kia con đã từng tập bắn nên bắn không trật.

Này kẻ ngu si, đó là việc ác, lẽ ra phải bỏ sớm, lại còn bảo là trước kia đã từng tập bắn nên bắn trúng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh hay sao mà nay còn làm việc ác bất thiện như vậy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, lẽ ra nên khởi từ tâm cứu hộ chúng sanh, thế mà vì sao Ưu-đà-di lại cướp lấy mạng sống của chúng mà không có lòng từ bi?

Không những ngày nay ông ta không khởi từ tâm mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Bổn Sinh Thích đề hoàn nhân đã nói rõ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-li phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo cố ý cướp đoạt sinh mạng của súc sinh thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước tiên tạo ra phương tiện.

Cướp đoạt sinh mạng của súc sinh: Hoặc là Thân, Thân phần, Thân phương tiện.

Thân: Chỉ cho toàn thân. Nếu giẫm đạp trên thân của chúng sanh, hoặc lôi kéo, đè xuống muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Thân phần: Vì muốn sát hại chúng sanh nên dùng một trong các thứ: hoặc chân, hoặc tay, hoặc đầu gối, hoặc cùi chỏ, hoặc răng, hoặc móng tay... để giết thì gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Nếu dùng tay cầm các thứ như cây, gậy, gạch, đá... đến đánh, hoặc đứng từ xa ném, muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hoặc Tỳ-kheo muốn sát hại sinh mạng của súc sinh bằng các thứ như: dao, thuốc, thoa, cho mửa, cho ỉa, làm đọa thai...

Đao: Các loại dao lớn nhỏ cho đến một tấc sắt, nếu Tỳ-kheo có tâm sát hại thì khi cầm dao phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; đụng đến thân thể chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dao.

Thuốc: Có ba loại là: sanh, hợp và độc.

Sanh: Như ở đất nước Ni lâu, đất nước Uất xà ni có loại cỏ độc tên là Ca la; đó gọi là sanh.

Hợp: Như thợ săn dùng các thứ rễ cọng, lá hoa, trái, các loại cỏ trộn lại bào chế thành thuốc; đó gọi là hợp.

Độc: Chất độc của rắn, chất độc của chuột, của chó sói, của mèo, của chó, của gấu, của báo, của người v.v... các thứ như vậy gọi là độc.

Hoặc sanh, hoặc hợp, hoặc độc, (**377c**) tất cả các thứ như vậy gọi là thuốc.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn giết súc sinh, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuốc.

Thoa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn dùng thuốc bôi vào thân súc sinh, khi bôi nghĩ rằng: "Ta bôi vào đầu, chân, mình để cho nó chết khổ", thì khi cầm thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm vào thân nó phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu vì thế mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thoa.

Mửa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc định làm cho súc sinh mửa cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mửa.

Ỉa (đại tiện): Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc đại tiện, muốn làm cho súc sinh đại tiện cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; do đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề.

Làm đọa thai: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, muốn làm đọa thai súc sinh, thì khi tạo phương tiện, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà chỉ làm đọa thai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; định làm đọa thai mà mẹ chết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà mẹ chết, thì phạm Ba-dạ-đề; định giết thai mà thai chết, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu súc sinh mang thai người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai.

Lại có các trường hợp: Đi theo hàng, dùng chú Tì đà la, dùng mạt vụn, giăng lưới, gài bẫy, đào hầm sập, đường đi, sông.

Đi theo hàng: Có loài súc sinh đi từng hàng hoặc năm con, mười con, hai mươi con, mà Tỳ-kheo muốn giết con đầu lại giết nhầm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhầm con sau, hoặc muốn giết con sau lại giết nhầm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhầm con đầu, thì đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu định giết con đầu mà con đầu chết, định giết con giữa mà con giữa

chết, định giết con sau mà con sau chết, thì đều phạm Ba-dạ-đề. Hoặc định giết bất cứ con nào mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đi theo hàng.

Dùng chú Tì đà la: Nếu Tỳ-kheo muốn giết súc sinh bèn đọc chú Tì đà la, chú làm cho thây người chết đứng dậy, thì khi đọc chú phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng kinh hãi lông dựng đứng lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà chúng chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng chú Tì đà la.

Dùng mạt vụn: Nếu Tỳ-kheo muốn sát hại súc sinh, bèn nghiền bột rắc lên mình chúng định làm cho chúng chết khô, thì khi tạo phương tiện phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào mình chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu nhân đó mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề.

Giăng lưới: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh, bèn giăng lưới tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn, thường uống nước, thì khi giăng lưới phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni. (**378a**) Vì thế mà chúng chết phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là giăng lưới.

Gài bẫy: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn gài bẫy tại những chỗ mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi gài bẫy phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là gài bẫy.

Đào hầm: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn đào hầm tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi đào hầm phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng rơi vào trong đó phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đào hầm.

Đường đi: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên đầu đường, thấy súc sinh đến, liền suy nghĩ: "Giờ đây, ta sẽ làm cho không một mống nào thoát chết", thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng chạy đến chỗ sư tử, chỗ hổ báo, chỗ đáng sợ, chỗ nhà vua săn bắn", thì

khi xua đuổi chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là đường đi.

Sông: Nếu chùa ở gần bên sông, Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên bờ sông, trông thấy súc sinh đi đến, liền suy nghĩ: "Giờ đây ta sẽ làm cho những con vật này không một con nào sống sót", thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng đến chỗ không an toàn, chỗ bờ dốc có nước xoáy, chỗ thi Thâu ma la (?) đi qua, chỗ có sư tử hổ báo và chỗ nhà vua săn bắn; thì khi xua đuổi phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sông.

Khi một Tỳ-kheo khởi tâm sát hại cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo thì cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo vì muốn sát hại súc sinh, rồi đưa dao cho một người, hai người hay nhiều người khiến họ đi sát hại, thì cũng như vậy. Nếu người được sai lại sai chuyền người khác, cho đến nhiều người, thì khi đưa dao, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề.

Các trường hợp thuốc, độc, thoa, mửa, ỉa, làm đọa thai, thì cũng như trường hợp dao đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo sát hại sinh mạng của súc sinh mà hội đủ năm yếu tố sau thì phạm Ba-dạ-đề. Đó là: (1) Súc sinh; (2) Tưởng đó là súc sinh; (3) Có tâm sát hại; (4) Khởi thân nghiệp; (5) Mạng sống kết thúc. Đó gọi là năm yếu tố. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 60 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

61. GÂY PHIỀN TOÁI TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận liền nói như sau: "Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ giới cụ túc, các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ cụ túc (**378b**) như thế không thể gọi là Thọ cụ túc." Họ nghe nói thế liền khóc rống lên. Phật nghe tiếng khóc, biết mà vẫn hỏi (các Tỳ-kheo):

Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

Bạch Thế Tôn, nhóm sáu Tỳ-kheo vì muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận nên nói như sau: "Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ cụ túc, các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ cụ túc, thế là chẳng phải thọ cụ túc." Vì họ nghe nói thế nên mới khóc lóc.

Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như thế?

Chúng con đùa cho vui vậy mà.

Này những kẻ ngu si! Đó là việc ác, làm não loạn người phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các ông ném vào một thế giới khác cho xem. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận, không vui trong giây lát, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước hết tạo ra phương tiện.

Nghi ngờ hối hận: Gồm có bảy việc: (1) Sinh; (2) Yết-ma; (3) Hình tướng; (4) Bệnh; (5) Tội; (6) Mạ lỵ; (7) Kiết sử.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Sinh: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới tuổi đủ hai mươi mới cho thọ giới cụ túc, ông chưa đủ hai mươi mà thọ cụ túc, như thế là không thành thọ cụ túc." Nói như thế là nhằm làm cho người kia sinh nghi, thì dù người ấy có nghi hay không nghi, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sinh.

Yết-ma: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới một lần bạch ba lần yết-ma, không có người ngăn cản yết-ma (thì yết-ma mới thành tựu); thế mà ông bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, chúng Tăng không thành tựu, tất cả đều không thành tựu; như vậy là chẳng phải thọ cụ túc, không thể gọi là thọ cụ túc." Nói như vậy là nhằm làm cho người kia sinh nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là yết-ma.

Hình tướng: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới thân thể hoàn toàn, mới cho thọ cụ túc; thế nhưng ông lưng cong, đi

lệch đệch, mắt quáng gà, chân quẹo, đầu ngoẹo, răng khểnh, thân thể không đầy đủ mà thọ cụ túc, như vậy không thể gọi là thọ cụ túc." Nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hình tướng.

Bệnh: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới (**378c**) người không bệnh mới cho thọ cụ túc; thế nhưng ông bị bệnh ghẻ lở, hoàng đãng, ung thư, bệnh trĩ, bị các bệnh như thế mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc." Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

Tội: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người thanh tịnh mới cho thọ cụ túc, thế nhưng ông phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà thọ cụ túc thì không thể gọi là thọ cụ túc." Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thù dù họ có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội.

Mạ lỵ: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người hoan hỉ mới cho thọ cụ túc, thế nhưng, ông không hoan hỉ, giận dữ hay chửi mắng mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc." Khi nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mạ lỵ.

Kiết sử: Nói như sau: "Trưởng lão, đức Thế Tôn chế giới người thông minh trí tuệ mới cho thọ cụ túc, thế nhưng ông ngu si vô trí, giống như cục đất, như sừng dê, chim đỗ quyên, chim hồng hộc, mà thọ cụ túc, thì không thể gọi là thọ cụ túc." Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu có người đến muốn xin thọ cụ túc mà đủ hai mươi tuổi, thì nên cho thọ cụ túc. Nếu chưa đủ, thì nên nói: "Ông hãy đợi đủ hai mươi tuổi đã." Nếu ông ta thọ cụ túc một chỗ khác thì không nên nói khiến ông nghi ngờ hối hận, nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo (thấy người khác) lúc thọ cụ túc mà làm yết-ma không thành tựu, thì nên đưa tay lên nói: "Trưởng lão, phép yết-ma của thầy không thành tựu." Nếu khi ấy không nói, thì sau đó không được nói để cho họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói: "Khi ông thọ cụ túc, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, Tăng không thành tựu", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người mắt quáng gà, lưng còng, chân đi khập khiễng, thân thể không hoàn toàn mà đến xin thọ cụ túc, thì nên bảo: "Hãy đợi đã." Nếu họ thọ cụ túc từ chỗ khác rồi đến, thì không được nói khiến họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu người bệnh đến xin thọ cụ túc thì nên nói: "Hãy đợi đã." Nếu họ đã thọ cụ túc từ nơi khác rồi đến thì không được nói khiến cho họ nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cho Tỳ-kheo nghi ngờ hối hận, thì phạm Ba-dạ-đề.

(Nếu làm cho) Tỳ-kheo-ni (nghi ngờ hối hận) thì phạm Thâu-lan giá.

(Nếu làm cho) Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni (nghi ngờ hối hận), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(Nếu làm cho) người thế tục (nghi ngờ hối hận), thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. (**379a**) Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 61 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

62. CHO Y RỒI, LẤY LẠI MẶC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn mặc chiếc khác, sau bữa ăn lại mặc chiếc khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Đó là những y nào vậy?

Đó là y tịnh thí của con.

Vì sao y đã tịnh thí cho người ta mà không xả, còn làm thành ba y để sử dụng? Từ nay trở đi, Ta không cho phép y tịnh thí không xả mà sử dụng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo đã cho y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, sau đó không xả mà sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cho: Đã tịnh thí cho năm loại người.

Không xả: Sau đó không xả bỏ.

Sử dụng: Nếu làm ba y để sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều y mà quên không nhớ thì nên lấy hết tất cả y ấy để dồn một chỗ, rồi nói như sau để xả: "Những chiếc y này tôi tịnh thí cho mỗ giáp, mỗ giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng; nay tôi xả tất cả." Nhưng nếu là ba y thì phải xả riêng từng cái, nói như sau: "Y Tăng-già-lê này thuộc trong số ba y của tôi mà trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Tăng-già-lê này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y Uất-đa-la-tăng này thuộc trong số ba y của tôi trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Uất-đa-la-tăng này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y An-đà-hội này thuộc trong số ba y của tôi, trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y An-đà-hội này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi nay tôi sử dụng. Đây là ba y của tôi, tôi luôn giữ gìn, ban đêm không rời chúng."

Ngoài ra những tấm vải khác dài chừng hai khuỷu tay, rộng chừng một khuỷu tay trở lên đều phải tịnh thí tất cả. Phép tịnh thí nên nói như sau: "Thưa trưởng lão, đây là y dư của tôi, tôi xin tịnh thí cho mỗ giáp, mỗ giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng. Nếu gặp những dịp như giặt, nhuộm, vá y thì tôi sẽ sử dụng." Khi dùng xong, tịnh thí xong thì phải đem móc trên giá y, và hằng ngày thường phải ghi nhớ. Nếu quên, thì phải bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ: "Đây là ba y của ta, ngươi phải giúp ta để ghi nhớ hằng ngày." Nếu không có đệ tử thì nên viết chữ ở chéo y. Nếu tự thân đối diện tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không đối diện mà tự nói tịnh thí, rồi không xả mà sử dụng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đối diện với người khác tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, (**379b**) thì phạm Ba-dạ-đề.

Lại nữa, (nếu có y dư) đem tịnh thí cho người khác mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không biết y (của mình) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không có ba y thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc thì xả, lúc thì dùng, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không xả mà đem làm ba y để sử dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà đem dùng cho việc của tháp, của Tăng rồi cho người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Không nên đối diện nói tịnh thí mà nên nói tịnh thí gián tiếp với người khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 62 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

63. GIẤU VẬT DỤNG CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo, trước bữa ăn, lấy Tăng-già-lê của người nọ, lấy bát của người kia đem giấu chỗ khác. Khi đến giờ khất thực, vị Tỳ-kheo nọ định vào thôn xóm bèn tìm Tăng-già-lê, thì không có. Lại có một Tỳ-kheo khác đi tìm bát cũng không có. Thầy Tỳ-kheo

mất y liền hỏi các Tỳ-kheo: "Các trưởng lão, ai lấy Tăng-già-lê của tôi đi đâu rồi?" Người mất bát thì hỏi: "Ai lấy bát của tôi đi đâu rồi?" Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền cười, nói: "Trưởng lão, Tăng già lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm xem." Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: "Trưởng lão, cho tôi một vật gì đi, tôi sẽ tìm giúp cho ông." Nghe nói thế, thầy biết là ông ta đã lấy giấu. Sau khi ăn, họ lại giấu tọa cụ và ống đựng kim. Khi ăn xong, các Tỳ-kheo muốn vào trong rừng ngồi thiền, đi tìm tọa cụ nhưng không có, bèn hỏi: "Trưởng lão, ai lấy tọa cụ của tôi đi đâu rồi?" Lại có Tỳ-kheo khác cũng hỏi: "Ai lấy ống đựng kim của tôi đi đâu rồi?" Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn cười, nói: "Trưởng lão, Tăng già lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm khắp nơi xem." Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nói: "Ông cho tôi một vật gì tôi sẽ tìm giúp cho ông." Nghe nói thế, thầy biết là họ đã lấy giấu. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Tại sao như vậy?

Để đùa cho vui vậy mà.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não loạn các bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui à? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn Thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép vì vui đùa mà cất giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác, dù là để vui đùa, thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Y: Gồm có bảy loại.

Bát: Như bát bằng đất, bát bằng sắt, chúng được chia thành ba loại: thượng, trung và hạ.

Tọa cụ: Như Thế Tôn đã cho phép dùng.

Ống đựng kim: Trong ống có kim.

(379c) **Giấu:** Hoặc tự mình giấu, hoặc bảo người khác giấu, dù là để vui đùa, đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trong ba y, nếu giấu một y nào đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu tăng kì chi và các y khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong ba loại bát, nếu giấu một cái nào đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu bát nhỏ, hoặc đồ đựng khác, thì phạm Việt-tỳ-ni.

Nếu giấu tọa cụ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu những vật trải ngồi khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong trường hợp giấu ống đựng kim mà có kim trong đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim, chỉ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim chỉ, nhưng mở chỉ ra lấy giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa vui mà giấu y của Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; giấu y của Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; giấu y của Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu giấu y của người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 63 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

64. HÙ NHÁT TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ trong thiền phòng đứng dậy đi đến một chỗ khuất đứng núp, rồi vểnh tai, nhăn mặt, trợn mắt, le lưỡi, giả tiếng kêu âu âu nhát nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ nghe thế kinh hãi cất tiếng khóc thét lên. Phật biết nhưng vẫn hỏi (các Tỳ-kheo): "Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?" Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao như vậy?

Vì muốn đùa cho vui.

Này những kẻ ngu si, đó là việc ác; làm não loạn bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập thiền định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Khủng bố: Nếu dùng sắc, thanh, hương, xúc (để khủng bố) thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Sắc: Nếu đứng núp tại chỗ tối, vểnh tai, nhăn mặt, trợn mắt, le lưỡi cho đến cong một ngón tay, kêu tiếng âu âu để hù nhát thì dù người kia có sợ hay không sợ, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sắc (dùng tướng trạng).

Thanh: Nếu dùng các thứ tiếng như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng lừa, hoặc kêu một hơi dài, hoặc chợt kêu, chợt nín, cho đến (**380a**) kêu tiếng vo ve để hù nhát, thì dù người kia có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh (dùng tiếng kêu).

Hương: Nếu nói: "Trưởng lão, trong đó có hơi của rắn, hơi của Phú đơn na, hơi của bò cạp", dùng các hình thức như vậy nói để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hương (hơi).

Xúc: Gồm có các thứ: nóng, lạnh, nặng, nhẹ, trơn, nhám.

Nóng: Nếu dùng lửa hoặc ánh nắng mặt trời hơ nóng y, bát, tô, ổ khóa rồi đem áp vào thân người kia, nói như sau: "Trưởng lão, lửa cháy, lửa cháy", làm như vậy khiến cho người kia sợ, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nóng.

Lạnh: Nếu dùng quạt, dùng y mà quạt, hoặc rưới nước, rồi nói: "Trưởng lão, mưa tuyết, mưa tuyết", làm như vậy để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là lạnh.

Nặng: Nếu dùng gốc cây nặng hoặc cán cờ đè lên người kia rồi nói như sau: "Trưởng lão, tường ngã, tường ngã"; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nặng.

Nhẹ: Nếu dùng những cái y mỏng nhẹ trùm lên người kia, nói như sau: "Trưởng lão, mây rơi, mây rơi"; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhẹ.

Trơn: Nếu dùng cọng hoa súng, cọng hoa Câu mâu đầu, cọng hoa tu kiền đề, hoặc cái then cửa chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: "Trưởng lão, con rắn, con rắn", để khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là trơn.

Nhám: Nếu dùng cọng hoa ưu đầu ma, cọng hoa phân đà lợi chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: "Trưởng lão, đây là con rít", nhằm khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhám.

Nếu khủng bố Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; khủng bố Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; khủng bố Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu khủng bố người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 64 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

65. ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, được chư thiên và người đời cúng dường rất nhiều phẩm vật. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có hai chị em người kia, (một người) đang mang thai mà chưa sinh, vì có lòng tin nên xuất gia tu hành. Các Tỳ-kheo-ni trông thấy tướng bụng của cô như thế, liền đuổi đi, rồi đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy rằng mang thai ở nhà thì không có tội. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni này sau đó sinh một bé trai, bèn đặt tên là Đồng Tử Ca-diếp. Đến năm tám tuổi, cậu bé ấy xuất gia tu hành, thành A-la-hán. Rồi ông cùng với nhóm mười sáu Tỳ-kheo mỗi người đều mang thau tắm ra sông A kì la xuống nước tắm. Họ nằm sấp, nằm ngửa, bơi qua, bơi lại đùa giỡn (**380b**), tát nước mà tắm. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đang đứng trên lầu nhìn xem bốn phương, thấy sự việc như thế càng sinh bất tín, vì lúc này vua chưa tin Phật pháp, liền nói với phu nhân Mạt Lợi: "Hãy xem phước điền mà ái khanh phụng sự kia kìa." Vì phu nhân thâm tín không nghi, nên không ngoái đầu lại xem, liền đáp: "Tâu Đại vương, có lẽ là họ xuất gia còn trẻ, mới thọ cụ túc nên chưa am tường giới luật, hoặc là đức Thế Tôn chưa chế giới ấy, nên mới như thế." Vua bèn nói với phu nhân: "Ví như khi gia trưởng nói thì quyến thuộc phải nghe theo; khi Hòa thượng A-xà-lê nói thì đệ tử nghe theo; khi sa-môn Cù-đàm nói thì đệ tử đều đáp: "Như vậy đó Thế Tôn, như vậy đó Thiện Thệ." Thế mà trẫm nói với khanh, khanh không ngoái lại xem." Lúc ấy, tôn-giả Đồng Tử Ca-diếp đang nhập vào mức chót của Thiền thứ tư, dùng Thiên nhĩ nghe được tiếng nói của nhà vua, liền bảo các Tỳ-kheo bạn: "Các trưởng lão, vua đang sinh tâm bất tín và phu nhân Mạt Lợi thì lòng không vui, giờ đây chúng ta hãy làm cho họ phát tâm hoan hỉ." Thế rồi, tất cả đều nói: "Lành thay", rồi mỗi người đều dùng thau múc đầy thau nước để trước mặt sắp hàng ngồi kiết già đi trên hư không ngang qua trên điện của vua. Bấy giờ, phu nhân Mạt Lợi đang ngồi ngoài trời, thấy bóng của họ chiếu xuống, liền ngước lên xem, trông thấy họ đang ngồi kiết già theo thứ tự, trước mặt đều đặt thau nước tắm

mà đi trên hư không, giống như đàn nhạn chúa, khiến tâm bà rất hoan hỉ, liền tâu với vua: "Đại vương hãy xem, phước điền của nhà thiếp thần đức như thế đó." Vua thấy thế rồi, lòng rất hoan hỉ, liền nói: "Lành thay! Trẫm được Thiện lợi, mong Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo sống suốt đời trong nước của trẫm, để làm phước điền tốt nhất."

Các Tỳ-kheo vì trước đó nghe vua nhạo báng, nên đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Nay Ta phạt các ngươi; nhân việc các ngươi Ta phải chế giới cho các Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có mười loại.

Đùa giỡn: Nếu nhảy, lội, bơi qua lại, lặn xuống, trồi lên, quạt nước, tạt nước, xối nước thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nhảy: Vì đùa giỡn mà nhảy xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi trên bờ mà bị ngã xuống nước, hay đi trên thuyền

mà va nhằm cây đá trên bờ (**380c**) bị rơi xuống nước thì không có tội. Đó gọi là nhảy.

Lội: Nếu vì đùa giỡn mà lội nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đang đi đường phải lội nước, hoặc kéo vật gì qua sông, hoặc có công việc của Tăng, của tháp ở bên kia bờ nên phải thường qua lại để giải quyết, hoặc vì muốn tập bơi (mà lội nước) thì không có tội.

Bơi qua lại: Nếu vì đùa giỡn mà bơi qua lại dưới nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì để quên vật gì ở bên kia bờ mà phải bơi qua để lấy, thì không có tội.

Lặn xuống: Nếu vì đùa giỡn mà lặn xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu bát, tô chén, ống đựng kim, các vật khác bị rơi xuống nước nên phải lặn xuống lấy, thì không có tội. Hoặc vì tắm rửa mà phải lặn trong nước, thì không có tội.

Trồi lên: Nếu vì đùa giỡn mà xuống nước rồi trồi lên khỏi nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lấy vật thì không có tội.

Quạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà quạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nước ở trên mặt nóng, muốn lấy nước mát nên phải quạt nước ở trên để lấy nước ở dưới, thì không có tội.

Tạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà tạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trên mặt nước có lăng quăng nên phải tạt nước để chúng lặn xuống mà lấy nước không có trùng, thì không có tội.

Xối nước: Nếu vì đùa giỡn mà lấy nước từ dưới sông đổ lên bờ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc đổ nước từ trên bờ xuống sông cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu lấy nước dưới sông đổ lại xuống sông thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu lấy nước từ trên đất đổ xuống đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo bị cảm gió, lể đầu lấy máu khiến bị hôn mê, hoặc bị bệnh nhiệt mà hôn mê nên phải dùng nước lạnh rưới lên đầu thì không có tội. Nếu trên thức ăn của Tỳ-kheo bị sa-di quấy phá (viết bậy bạ), sợ người thế tục sinh tâm

bất tín, nên thầy tri sự lấy nước xối đi, thì không có tội. Đó gọi là xối nước.

Nếu khi tắm cho Hòa thượng, A-xà-lê mà lấy nước vẽ trên lưng các ngài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa giỡn mà viết chữ trên bát, tô, chén dùng đựng thức ăn của Tỳ-kheo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi rửa chân mà dùng nước vẽ lên cây hay trên ang, trên thạp, thì cứ mỗi chỗ vẽ phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ngón tay búng trong nước thành tiếng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lấy nước vung lên trên không rồi đưa tay hứng lấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 65 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

66. CHỈ CHỎ LẪN NHAU

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vào các ngày chay mồng tám, 14, 15, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ thăm hỏi. Lúc ấy, nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang ngồi tại một chỗ cách Phật không xa, nên Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la và sa-di-ni Chi lê cũng đến đảnh lễ thăm hỏi họ. Thế rồi, vì tuổi trẻ thích vui nên các cô lại ngồi gần chỗ các Tỳ-kheo, nhưng do ngồi không ngay ngắn, các Tỳ-kheo thấy thế (**381a**) bèn chỉ chỏ nhau mà cười. Ngay khi ấy có một Bà-la-môn xấu xí lưng gù, chân quẹo dẫn theo cô vợ trẻ, thấy các Tỳ-kheo cười, liền suy nghĩ: "Chắc là các Tỳ-kheo này thấy ta xấu xí mà dẫn theo một bà vợ đoan chính nên cười ta chớ gì!", bèn nổi giận, nói: "Các sa-môn Thích tử không biết phép tắc nên dựa vào hình tướng mà cười ta." Các Tỳ-kheo

liền đáp: "Chúng tôi không cười ông." Bà-la-môn nói: "Không phải thế, chính là đang cười tôi." Nói thế xong, ông liền đi đến chỗ Phật, nói như sau: "Kỳ thay Cù-đàm, sa-môn Thích tử không biết phép tắc, thấy tôi xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chính nên dựa vào hình tướng mà cười tôi." Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho ông Bà-la-môn, chỉ cho những điều lợi ích, vui vẻ, khiến ông hoan hỉ mà ra đi. Khi ông đi rồi, Phật liền bảo gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Lúc họ tới, Phật bèn hỏi:

Có người Bà-la-môn rất xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chính, các ông thấy thế nên cười họ phải không?

Bạch Thế Tôn, chúng con không cười ông Bà-la-môn.

Vậy thì các ông cười ai?

Bạch Thế Tôn, vào ngày chay, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la và sa-di-ni Chi Lê đến chỗ chúng con, rồi ngồi không đoan chính, chúng con thấy thế chỉ cho nhau xem, do thế mà cười vậy.

Các cô Ni ngồi không đoan chính thì các ông phải dùng phương tiện làm cho họ đứng dậy, chứ sao lại cười? Nay Ta phạt các ông; nhân việc này mà ta chế giới cho các đệ tử.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay chỉ chỏ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu dùng một ngón tay chỉ thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến dùng năm ngón mà chỉ thì cũng như vậy; hoặc dùng tất cả ngón tay

cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nắm tay chỉ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng khúc cây, cành tre chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo cãi lộn rồi dùng tay chỉ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo trực nguyệt (được phân công làm việc trong tháng), hoặc làm tri sự, sai người ta dọn cơm, dùng ngón tay chỉ nói: "Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm", thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu cầm cành tre hoặc khúc cây chỉ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; chỉ nên nói: "Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm."

Nếu sa-di nằm ngủ, muốn gọi dậy, thì nên khảy móng tay mà gọi. Nếu không dậy, thì nên dùng ngón tay nắm áo kéo cho thức dậy.

Nếu các Tỳ-kheo ngồi tại nhà thế tục, có Tỳ-kheo ngớ ngẩn ngồi không ngay ngắn thì nên nói: "Ông hãy ngồi cho ngay ngắn." Nếu ông ta không hay thì nên nói: "Hãy sửa lại y phục ông cho ngay ngắn." Nếu cũng không hay nữa thì nên bảo: "Này kẻ ngớ ngẩn hãy che kín thân thể của ông."

Nếu Tỳ-kheo đến ngồi tại Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni đảnh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, (**381b**) thì không nên nhắc nhở làm cho họ hổ thẹn, mà nên bày phương tiện bảo họ đứng dậy đi lấy vật gì.

Nếu Tỳ-kheo ngồi tại nhà đàn việt, phụ nữ đến đảnh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, thì không nên nói làm cho họ xấu hổ, mà nên dùng phương tiện sai họ đi lấy một vật gì.

Nếu dâm nữ đến bỡn cợt để thử thách Tỳ-kheo nên ngồi không đoan chánh, thì không nên nói mà chỉ nên lánh đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 66 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

67. HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người kia, nhân bà vợ làm điều gì đó phật ý ông nên ông nổi giận cực độ, đánh một trận, rồi bỏ đi. Bà vợ suy nghĩ: "Ông ấy chưa nguôi giận, nếu đánh một trận nữa, e ta chết mất. Giờ đây ta nên chạy trốn", liền chạy ra khỏi cửa, bỗng trông thấy một Tỳ-kheo vừa khất thực xong, định ra khỏi thành, bà liền hỏi:

Thầy định đi đâu vậy?

Đi ra khỏi thành.

Con muốn đi theo thầy.

Này chị, đây là con đường của vua, hà tất phải hỏi.

Thế là cô ta bèn đi theo sau thầy. Sau lúc đánh vợ, ông chồng suy nghĩ: "Vợ ta bị đòn, e rằng cô ta chạy trốn chăng?", liền vào phòng tìm, thì không thấy vợ, bèn hỏi người khác: "Bà ấy đi đâu rồi?" Họ đáp: "Vừa mới đi ra, theo con đường này." Ông liền đuổi theo sau, bỗng trông thấy bà đang theo sau Tỳ-kheo, nên nổi trận lôi đình, mắng rằng: "Kẻ sa-môn tệ ác, dám dụ dỗ vợ ta đi", bèn tóm lấy Tỳ-kheo đánh cho một trận nên thân, rồi dẫn lên chỗ quan xử kiện, nói như sau: "Ông Tỳ-kheo này dụ dỗ vợ tôi theo." Viên quan xử kiện nói: "Hãy đem bọn họ lại đây để ta hỏi rõ thực hư." Thế rồi, ông liền hỏi Tỳ-kheo: "Ông là người xuất gia vì sao lại dẫn vợ người ta đi?"

Không phải vậy.

Thế thì vì sao bà ấy đi theo?

Tôi vừa khất thực xong định ra khỏi thành, thì người đàn bà ấy hỏi tôi định đi đâu, tôi đáp: "Định rời khỏi thành." Bà ta nói: "Con cũng muốn đi theo ra khỏi thành." Tôi đáp: "Này chị, đây là con đường của vua, hà tất chị phải hỏi." Sự thật là như vậy.

Viên quan xử kiện liền bảo (quân lính): "Đem Tỳ-kheo này đi, gọi bà kia đến." Rồi ông hỏi: "Ông sa-môn ấy bắt ngươi đi chăng?"

Không phải vậy.

Thế thì vì sao cùng đi với nhau?

Vì tôi bị chồng đánh, mà ông ta chưa nguôi giận, tôi sợ ông đánh một lần nữa e sẽ vong mạng, cho nên tôi bỏ chạy, bỗng thấy thầy Tỳ-kheo, tôi liền hỏi: "Tôn-giả đi đâu đó?" Thầy đáp: "Tôi định ra khỏi thành." Tôi nói tôi muốn đi theo thầy, thầy bảo: "Đây là con đường của vua, cần gì phải hỏi." Sự thật là như vậy, chứ không phải ông ấy bắt tôi.

Viên quan liền bảo bà ấy đi ra, rồi gọi Tỳ-kheo vào hỏi: "Ông là người xuất gia, vì sao bắt vợ người ta đi mà còn nói dối để mong được thoát tội? Vừa rồi người đàn bà ấy nói (**381c**) rằng chính ông bắt đi, vì sao ông lại nói không?"

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Không phải vậy." Viên quan liền hỏi lần nữa, thì thầy cũng đáp giống y như lần đầu, nên ông bèn bảo Tỳ-kheo đi ra, rồi gọi người đàn bà kia vào, hỏi: "Người đàn bà tồi tệ đáng chết kia, bỏ chồng trốn chạy nói dối gạt quan để mong được khỏi tội sao? Vừa rồi Tỳ-kheo bảo là có bắt ngươi thật, vì sao ngươi nói là không?" Đáp: "Quả thật không phải như vậy." Quan hỏi như vậy ba lần mà lời đáp của bà ấy vẫn như lúc đầu; do thế, quan giữ người phụ nữ ấy lại, rồi gọi Tỳ-kheo đến để xét nghiệm tình trạng, quan sát sắc diện hầu biết rõ thực hư, thì thấy lời đáp của thầy vẫn như lúc đầu. Quan lại hỏi Tỳ-kheo: "Bát của ông tại sao bị vỡ?"

Vì bị vỡ.

Y vì sao bị rách nát?

Vì bị rách.

Cùi chỏ đầu gối vì sao bị xây xát?

Vì bị thương.

Bà vợ còn giận chồng chưa nguôi, thương Tỳ-kheo phải chịu khổ như vậy mà không tố cáo với quan, liền nói rõ đầu đuôi sự việc với quan. Quan nghe biết sự tình, cực kỳ tức giận, nói với ông chồng: "Tên tội phạm tệ ác kia, ngươi tưởng rằng ngoài vua ra không còn ai nữa sao?", liền truyền lệnh cho viên quan thuộc hạ giải quyết việc của Tỳ-kheo, cấp phát thuốc men và y bát cho thầy, rồi bắt ông chồng kia hạ ngục, tịch thu tài sản sung vào quốc khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Mong sao tất cả các ông vua đều có được tín tâm như thế! Trường hợp này không kỳ hẹn với người ta mà còn bị tai họa như vậy, huống gì là hẹn hò cùng đi với nhau. Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ, thậm chí đi trong phạm vi một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phụ nữ: Hoặc là mẹ, hoặc là chị, em, hoặc là người lớn, trẻ con, hoặc tại gia, xuất gia.

Cùng hẹn hò: Hoặc hẹn hôm nay, hoặc ngày mai, nửa tháng, một tháng...

Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, nửa do diên; hoặc một Câu lô xá, nửa Câu lô xá, cho đến khoảng trong một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ trải qua những khoảng cách mỗi xóm làng thì phạm các tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua đi lại, thì mỗi lần đi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, giống như trong phần Bạt cừ thứ ba thuộc 92 giới, cùng hẹn hò đi chung đường với Tỳ-kheo-ni đã nói rõ. Ở đây chỉ khác nhau là đi với phụ nữ mà thôi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 67 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

68. NGỦ CHUNG MỘT NHÀ VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-na-luật an cư mùa hạ tại núi tháp vừa xong, trở về thành xá-vệ để hầu thăm vấn an Thế Tôn. (**382a**) Trên đường đi gặp lúc hoàng hôn nên thầy muốn vào thôn xóm để tìm chỗ nghỉ ngơi. Lúc ấy, trong thôn có một bà mẹ dẫn một cô con gái định ra khỏi thôn để lấy nước, thì gặp nhau giữa đường. Cô gái thấy Tỳ-kheo diện mạo đoan chính, oai nghi tề chỉnh, liền sinh dục tưởng. Thầy vào làng đi tìm chỗ nghỉ khắp nơi mà không được, liền suy nghĩ: "Ta hãy ra ngoài thôn tìm một gốc cây mà nghỉ", bèn trở ra, thì gặp lại mẹ con bà kia. Khi ấy cô gái hỏi mẹ: "Vị sa-môn này đi đâu trong đêm tối vậy?"

Mẹ đáp: "Không biết."

Cô gái nói: "Vậy mẹ hãy hỏi thử xem."

Bà mẹ liền hỏi: "Sa-môn lầm lũi ra khỏi thôn trong đêm tối định đi đâu vậy?"

Đáp: "Tôi vào trong thôn tìm chỗ nghỉ mà không được nên định trở ra nghỉ dưới gốc cây."

Cô gái liền bảo mẹ: "Nên đem ông về nhà cho ông nghỉ tạm."

Bà mẹ liền nói: "Sa-môn hãy theo tôi về nhà tôi sẽ cho nghỉ nhờ qua đêm." Tỳ-kheo bèn theo bà về nhà, bà liền chỉ một căn phòng và nói: "Sa-môn, ông có thể nghỉ trong phòng này." Thầy Tỳ-kheo liền trải nệm cỏ, ngồi kiết già. Mẹ con bà ăn xong bèn vào phòng ngủ. Tỳ-kheo vì đi đường mệt nhọc nên nằm xuống nghỉ ngơi. Cô gái chờ mẹ ngủ say bèn từ từ lén đến chỗ Tỳ-kheo, nắm kéo nệm cỏ. Tỳ-kheo hay được bèn trở dậy ngồi ngay ngắn. Vì phụ nữ tính rụt rè nên cô ta liền bỏ đi. Khi cô đi rồi, Tỳ-kheo bèn nằm trở lại. Nhưng trong chốc lát, cô ta lại đến. Như Thế Tôn đã dạy, có năm loại người ban đêm phần nhiều không ngủ được. Năm hạng người đó là:

1. Phụ nữ khởi dục tưởng, nhớ đến nam nhi, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
2. Nam nhi khởi dục tưởng nhớ đến phụ nữ, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
3. Quân đạo tặc có tâm trộm cắp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
4. Nhà vua lo nghĩ việc nước, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được;
5. Tỳ-kheo tinh tấn tu tập đạo nghiệp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

Cô gái này cũng không ngủ được, liền lén đứng dậy đi đến kéo tấm nệm cỏ của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo hay được, liền trở dậy ngồi ngay ngắn cho đến sáng. Hôm sau, thầy liền đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy thầy, Phật biết mà vẫn hỏi: "Ai quấy nhiễu xúc phạm ông mà mặt mày không vui thế?"

Thầy bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một nhà với phụ nữ thì phạm Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nhà: Cùng có trên một mái che, trong một vách tường.

Nghỉ: Nếu cùng nằm ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cùng một phòng mà có cửa riêng biệt thì không có tội. (**382b**) Nhưng nếu khác phòng mà không có ngăn cách thì phạm Ba-dạ-đề. Cùng phòng, có cách biệt cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu cùng phòng mà khác cửa thì không có tội. Trên có lợp và có tường bao quanh thì phạm Ba-dạ-đề. Trên có lợp mà xung quanh che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên có lợp mà không có ngăn xung quanh thì không có tội. Nếu có ngăn xung quanh và có che ở trên thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có ngăn xung quanh và trên che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có ngăn xung quanh mà trên không che, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ ở trong ngôi nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà còn phụ nữ nằm nửa thân trong nhà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà, phụ nữ ở ngoài nhà, thì không có tội.

Nếu phụ nữ cùng với Tỳ-kheo ở trong nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo nằm nửa thân mình ở trong nhà (nửa thân ở ngoài), thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo ở ngoài nhà thì không có tội.

Nếu vào các ngày lễ Phật đản sinh, ngày Phật thành đạo, ngày kỷ niệm Chuyển pháp luân, kỷ niệm La vân, kỷ niệm A-nan, kỷ niệm Ban giá vu sắt (lễ hội bố thí bình đẳng), phải thuyết pháp suốt

đêm thì nên tổ chức ở ngoài trời. Nếu gặp trời mưa gió hoặc tuyết rơi lạnh, thì nên vào trong nhà, ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn che ra. Nhưng khi ngăn che không nên dùng vật thưa mỏng ngăn che từ vai nách trở xuống.

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường, khi vào xóm làng để nghỉ, thì phải nghỉ trong phòng riêng có vách ngăn. Nếu không có nhà phải nghỉ ngoài trời, rồi gặp mưa gió tuyết lạnh phải vào trong nhà thì nên ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh ốm yếu không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn cách ra. Nếu không ngăn cách mà có người nữ đáng tin thì nên bảo họ: "Ưu-bà-di, ngươi hãy ngủ trước để ta ngồi." Khi Tỳ-kheo muốn ngủ thì gọi họ dậy, nói: "Ta muốn ngủ, ngươi chớ ngủ. Nếu ngươi ngủ thì ngươi sẽ không có phước."

Nếu (Tỳ-kheo nghỉ chung chỗ với các loài như) voi cái hoặc lạc đà, trâu, lừa cho đến gà mái, mà khi chúng còn ngẩng đầu lên thì chưa phạm tội; nếu chúng gục đầu xuống ngủ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu là chó cái nằm xoài đầu ra thì không có tội; nhưng khi nó gục đầu xuống ngủ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cho đến vịt, công, gà mái, mà khi chúng còn xoài đầu ra thì không có tội. Nhưng khi chúng gục đầu vào trong cánh, thì phạm Ba-dạ-đề. Con voi khi còn đang đứng ngay ngắn thì không có tội, nhưng khi nó thiếp ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang ngủ trong phòng mà có bà mẹ bồng một bé gái đang ngủ đi vào phòng thì tất cả Tỳ-kheo đang ngủ đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu lúc ấy thầy Duy na hay tri sự thấy vậy thì nên bảo bà ta: "Bà hãy làm cho đứa bé thức dậy rồi mời bồng vào." Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 68 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

69. NGỒI VỚI PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di có một người bạn Bà-la-môn quen biết ở cùng thôn; con gái ông ta đi lấy chồng ở một thôn khác; cô sai người nhắn tin cho cha hoặc sư phụ (Ưu-đà-di) thường thường đến thăm cô, như nhân duyên của giới Bất định thứ hai đã nói rõ, cho đến Phật bảo với Ưu-đà-di: "Này kẻ ngu si, (**382c**) người thế tục tại gia mà còn biết phép tắc của người xuất gia điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Ông đã có lòng tin xuất gia mà lại không biết phép tắc nên làm của người xuất gia. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng." Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng thì phạm Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Một mình: Chỉ duy nhất một người nữ không có ai khác. Giả sử có người khác mà đang ngủ, điên cuồng tâm loạn thống khổ, hoặc trẻ con, phi nhân, súc sinh, thì dù có họ cũng xem như không có.

Chỗ trống vắng: Chỗ vắng vẻ.

Ngồi: Nếu cùng ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với phụ nữ suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo hoặc người nữ nửa chừng đứng dậy đi, rồi ngồi lại, thì cứ mỗi lần như vậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời thọ trai, đến nhà đàn việt ngồi, rồi người nữ dọn cơm xong đến ngồi trước Tỳ-kheo, đoạn đứng dậy sớt thêm thức ăn, thì cứ mỗi lần đứng dậy ngồi xuống như vậy phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu một người nữ ngồi gần Tỳ-kheo, một người nữ khác lui tới sớt thêm thức ăn, thì khi người nữ kia đi ra, Tỳ-kheo nên đứng dậy. Khi đứng dậy, không nên vụt đứng dậy liền khiến cho người nữ đang ngồi sinh nghi tưởng Tỳ-kheo có ý đồ gì khác mà trước khi đứng, nên nói: "Này chị, tôi muốn đứng dậy." Nếu cô hỏi: "Vì sao đứng dậy?", thì đáp: "Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ vắng vẻ, cho nên tôi đứng dậy." Nếu người nữ nói: "Tôn-giả chớ đứng dậy, để con đứng dậy", rồi cô đứng dậy, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu con gái dưới bảy tuổi ngồi trên đường đi có tầng cấp, rồi chuyển ngồi trên tầng cấp thứ hai, lại chuyển ngồi trên tầng cấp thứ ba, nếu cứ di chuyển chỗ ngồi như vậy, thì cứ mỗi lần di chuyển Tỳ-kheo phạm mỗi tội Ba-dạ-đề (?). Nhưng nếu trong nhà có tịnh nhân đang làm việc qua lại không gián đoạn, thì (Tỳ-kheo) không có tội. Nếu cửa hướng ra đường, mà trên đường có người đi như Tỳ-kheo khất thực không gián đoạn, họ cũng như sự có mặt của tịnh nhân, nên (Tỳ-kheo) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi trên gác với phụ nữ mà dưới gác tịnh nhân trông thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cũng trông thấy tịnh nhân, thì không có tội. Hoặc Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ dưới gác mà trên gác có phụ nữ trông thấy thì cũng như vậy.

Lại có các trường hợp: hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa nghe vừa thấy, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

Thấy mà không nghe: Tịnh nhân từ xa trông thấy Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ mà không (**383a**) nghe tiếng nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không thấy người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vừa thấy vừa nghe: Nếu thấy cùng ngồi và nghe được tiếng nói, thì không có tội.

Chẳng thấy chẳng nghe: Trong trường hợp này phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ mà bên cạnh, có người mù, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bên cạnh có người điếc cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tịnh nhân ấy vừa mù vừa điếc, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có một tịnh nhân mù, một tịnh nhân điếc, thì không có tội. Nếu tịnh nhân ngủ thì nên đánh thức họ dậy.

Tội này bao gồm lúc ở thôn xóm lúc ở chỗ hoang vắng; hoặc đúng thời, hoặc phi thời; hoặc ban ngày hoặc ban đêm; tại chỗ khuất, không phải chỗ trống; tại chỗ vắng vẻ, không phải chỗ nhiều người; ở gần, chẳng phải ở xa. Thế nên nói:

"Cố đoạt làm người khác nghi ngờ,
Không xả, lấy giấu và khủng bố.
Đùa dưới nước, chỉ chỏ lẫn nhau,
Cùng đi, cùng ngủ chung một nhà.
Tại chỗ hoang vắng cũng như vậy.
Đến đây vừa hết phần thứ bảy ."

(Hết giới thứ 69 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

70. CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu mời chư Tăng ở Tinh xá Kỳ-hoàn theo thứ tự, đến nhà bà thọ trai lâu dài. Bà cúi đầu đảnh lễ chân chư tăng, lần lượt đến chỗ nhóm mười sáu Tỳ-kheo, thấy họ còn nhỏ, thân thể yếu đuối mà có thể bỏ nhà xuất gia, người nữ vốn nặng lòng từ nên thấy họ liền tưởng họ như con, hơn nữa cũng do lòng tôn kính

pháp, bà liền hỏi: "Khi tăng chúng Kỳ-hoàn không cúng dường, các tôn-giả ăn ở đâu?"

Đáp: "Khi đến giờ, chúng tôi khoác y, cầm bát đi đến từng nhà khất thực."

Bà liền nói: "Này các tôn-giả, lúc nào không có cúng dường hãy đến nhà con thọ trai. Từ nay về sau hễ hôm nào không có người cúng dường thì con sẽ cúng dường."

Các Tỳ-kheo trẻ nghe nói thế, liền nhận lời mời, đến bữa không có cúng dường, bèn tới nhà bà thọ trai. Lộc Mẫu thỉnh Phật thường xuyên đồng thời cũng thỉnh A-nan, nên tôn-giả A-nan hằng ngày đến nhà bà, bỗng trông thấy nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang thọ trai tại đó. Các Tỳ-kheo trẻ này sinh tâm phóng túng nói với Lộc Mẫu: "Thưa mẹ, thức ăn này nhiều quá!" Bà đáp: "Các con sớt bớt đi."

Họ lại nói: "Ít quá!"

Bà bảo: "Các con hãy thêm vào." Họ chê lạnh, nóng, cứng, mềm, ngọt, chua, mặn, nhạt đủ mọi cách như vậy tỏ sự không hài lòng.

Lộc Mẫu vốn có lòng tin và nhiều lòng từ nên đáp: "Tùy các con đòi cái gì thì ta cho cái ấy."

A-nan thấy thế, liền nghĩ: "Nếu đây là nhà không có niềm tin, chắc chắn sẽ khởi ác tâm."

Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch lên Phật, nói: "Lành thay Thế Tôn, mong rằng từ nay trở đi chớ cho trẻ con thọ giới cụ túc."

Phật liền dạy: *"Từ nay về sau, người chưa đủ hai mươi tuổi thì không được cho thọ giới cụ túc."*

(**383b**) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai cha con người lẩm cẩm kia có lòng tin bỏ nhà xuất gia tu hành. Người con làm sa-di, lo cung cấp các thứ cho năm trăm Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hoặc đòi cành dương, hoặc đòi lá cây, vì quá nhiều người nên không thể cung cấp đầy đủ. Khi ấy thầy

Tỳ-kheo lẩm cẩm suy nghĩ: "Ta chỉ có một đứa con mà phải cung cấp cho năm trăm Tỳ-kheo, những yêu sách quá nhiều không thể nào cung cấp cho xuể, như thế này thì không bao lâu chắc chắn nó sẽ sinh bệnh. Nhưng Thế Tôn chế giới người chưa đủ hai mươi tuổi thì không cho thọ giới cụ túc, dẫu biết là không nên, song ta hãy cho nó thọ để nó đỡ khổ." Rồi thầy mời các Tỳ-kheo vào giới trường truyền giới cụ túc cho đứa bé. Sau khi thọ cụ túc, các Tỳ-kheo vẫn sai bảo như lúc trước: "Sa-di, đưa cho ta cành dương, lá cây."

Ông liền nói: "Tôi đã thọ cụ túc rồi vì sao còn gọi là sa-di?"

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ai cho ông thọ?"

Đáp: "Cha tôi chứ ai."

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Phật. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo lẩm cẩm kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Này kẻ lẩm cẩm, vì sao ông biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới cụ túc?

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ cụ túc, thì phạm Ba-dạ-đề. Các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo này. Và người đã thọ kia không được xem là đã thọ cụ túc.***

*

❖ Giải thích

Chưa đủ: Chưa đủ hai mươi mùa mưa, dưới hai mươi tuổi, đó gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà đủ hai mươi tuổi vẫn gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi tuổi cũng gọi là chưa đủ hai mươi. Sinh vào mùa Đông rồi thọ giới vào mùa Đông mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào mùa Xuân rồi thọ giới vào mùa Xuân mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh lúc tiền an cư rồi thọ giới lúc tiền an cư mà chưa trải qua hết tiền an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào lúc hậu an cư rồi thọ giới lúc hậu an cư mà chưa trải qua hết hậu an cư, đó gọi là chưa đủ.

Khi người ấy (đã thọ giới rồi (?)) dưới hai mươi tuổi mà một nửa số Tăng chúng bảo là dưới hai mươi, một nửa bảo là đủ hai mươi, thì một nửa số người bảo dưới hai mươi phạm Ba-dạ-đề, một nửa bảo đủ hai mươi không có tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hợp pháp.

(**383c**) Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi chưa đủ, mà cho thọ cụ túc, thì tất cả đều phạm Ba-dạ-đề. Người này không được xem là thọ cụ túc hợp pháp.

Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi đã đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều vô tội. Người này được xem là thọ cụ túc hợp lệ.

Đủ hai mươi mùa mưa mà dưới hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, quá hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Sinh vào mùa Đông, trải qua an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào mùa Xuân, an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào lúc tiền an cư, tiền an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Sinh vào lúc hậu an cư, hậu an cư xong cho thọ cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, nửa số người bảo là đủ, nửa số bảo là chưa đủ, thì nửa số bảo chưa đủ phạm tội Việt-tỳ-ni; nửa số bảo đã đủ vô tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa (rồi cho họ thọ cụ túc) mà mọi người bảo là chưa đủ, thì tất cả phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy không được xem là thọ cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, tất cả đều bảo là đã đủ, thì tất cả vô tội. Người ấy được xem là thọ cụ túc hoàn hảo.

Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ cụ túc, thì các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo ấy, rồi bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến xin thọ cụ túc mà đủ tháng thì nên cho thọ cụ túc; nếu chưa đủ, thì nên bảo họ đợi cho đủ rồi mới thọ. Nếu người ấy không biết rõ tuổi, thì nên hỏi cha mẹ bà con của người ấy. Nếu họ cũng không biết thì nên xem miếng ván ghi năm sinh. Nếu cũng không có, thì nên xem vóc dáng của người ấy. Khi xem, không nên xem thẳng hình thể, vì nếu là con nhà giàu có thì hình thể lớn mà tuổi nhỏ. Phải xem tay chân người ấy đã có dấu hiệu trưởng thành chưa. Nếu đã làm như vậy mà vẫn không biết thì nên hỏi xem thời tiết khí hậu đất nước của họ năm nào được mùa, mất mùa, hạn hán, lụt lội (để đoán tuổi tác). Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 70 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

71. HẸN ĐI CHUNG VỚI BỌN CƯỚP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai nước Xá-vệ và Tỳ-xá-ly có mối hiềm khích, nên hằng năm đánh cướp lẫn nhau. Người Tỳ-xá-ly đến Xá-vệ cướp bóc tài sản của dân chúng rồi trở về cương giới của mình cho là yên ổn, cởi bỏ vũ khí để nghỉ ngơi. Vua nước Xá-vệ suy nghĩ: "Ta là quốc vương, phải diệt trừ quân địch để dân chúng yên ổn, lẽ nào lại để cho bọn giặc cướp đoạt tài sản của nhân dân?", liền truyền lệnh cho các tướng sĩ: "Các ngươi phải truy kích bọn giặc cướp, bắt cho hết bọn chúng; nếu không bắt được thì chớ có trở về tay không." Tướng sĩ suy nghĩ: "Lệnh vua rất nghiêm khắc, việc này phải nhanh chóng thi hành", bèn tập họp quân lính, dò theo dấu vết truy kích.

(**384a**) Khi ấy, các Tỳ-kheo tại xá-vệ an cư xong, muốn đi đến Tỳ-xá-ly, nhưng bị lạc đường nên rơi vào chỗ bọn giặc cướp. Bọn cướp kinh ngạc, hỏi các Tỳ-kheo:

Các người là những người nào?

Chúng tôi là những người xuất gia.

Xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo họ Thích.

Thưa các đại đức, các thầy định đi đâu đó?

Định đến Tỳ-xá-ly, nhưng vì lạc đường, nên mới đến đây.

Nhân đó, bọn giặc liền chỉ đường cho các Tỳ-kheo. Thế rồi, các Tỳ-kheo lại hỏi:

Này các tráng sĩ, các vị định đi đâu đó?

Đi tới Tỳ-xá-ly.

Cho chúng tôi cùng kết bạn với.

Chúng tôi là bọn giặc cướp, cướp đoạt tài sản của kẻ khác, đi tắt trong những rừng cây, không theo đường chính; còn các thầy là

những người lương thiện, vì sao lại đi theo chúng tôi? Đây là con đường thẳng, có thể theo đó mà đi.

Các Tỳ-kheo lại yêu cầu: "Hãy dẫn chúng tôi đi theo với, chớ để chúng tôi bị lạc đường một lần nữa." Bọn giặc lại trả lời như lúc đầu. Hỏi qua, nói lại như thế đến ba lần vẫn chưa dứt khoát, thì quân lính đuổi kịp, bèn tóm cổ bọn giặc cướp cùng với các Tỳ-kheo, đem đến chỗ nhà vua, tâu trình như sau:

Tâu đại vương, đây là bọn giặc cướp.

Trước hết hãy dẫn các Tỳ-kheo đến đây.

Khi lính dẫn các Tỳ-kheo đến nơi, nhà vua bèn hỏi.

Các ngươi là những người xuất gia, vì sao lại làm kẻ cướp?

Chúng tôi không phải là kẻ cướp.

Thế thì vì sao đi với bọn chúng?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ cho vua nghe. Nghe xong, vua sai lính đem các Tỳ-kheo đến một chỗ khác, rồi đem bọn giặc cướp đến. Khi chúng đến, vua hỏi:

Những người xuất gia này có phải là đồng bọn với các ngươi không?

Không phải là đồng bọn.

Thế thì vì sao họ lại cùng đi với các ngươi?

Bọn giặc cướp bèn đem sự việc trên trình bày đầy đủ với nhà vua. Vua liền sai lính đem bọn giặc cướp đi, rồi dẫn các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, nhà vua hỏi:

Các ngươi là những người xuất gia vì sao làm kẻ cướp, mà còn nói dối lừa gạt quan trên để hòng thoát tội. Bọn cướp đã khai rằng các ngươi là đồng bọn, vì sao còn chối cãi?

Các Tỳ-kheo vẫn trả lời như lúc đầu. Vua liền sai quân lính thả các Tỳ-kheo đi, rồi đem bọn cướp ra trị tội theo luật pháp. Nghĩa

là bắt năm trăm tên giặc cướp này mang vòng hoa Ca tì la, đánh trống, dẫn chúng đi nhiễu quanh các ngã tư đường, thông báo cho dân chúng biết. Đến khi sắp bị hành hình, bọn cướp bèn khóc rống lên. Bấy giờ, Phật biết việc đó mà vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, có chuyện gì mà nhiều người kêu khóc như vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là tiếng kêu khóc của năm trăm tên giặc cướp bị nhà vua sai lính đem đi hành hình đấy.

Phật liền bảo A-nan:

Ông hãy đến nói với nhà vua như sau: "Đại vương là vua của mọi người thì phải thương dân như con mình, chứ vì sao lại đem giết cả năm trăm người trong một lúc?"

A-nan thọ giáo, bèn đem những lời Phật dạy đến bảo với nhà vua. Vua liền nói:

Thưa tôn-giả A-nan, tôi vẫn biết rằng nếu giết một người thì tội báo đã rất nhiều, huống gì giết năm trăm người, nhưng bọn giặc cướp này thường đến phá hoại xóm làng của tôi, cướp bóc tài sản của dân chúng; nếu Thế Tôn có thể giáo hóa bọn chúng, khiến chúng không cướp bóc nữa, thì tôi sẽ tha cho chúng được sống.

(**384b**) A-nan liền trở về, đem những lời nhà vua nói, bạch đầy đủ lên đức Phật. Phật lại sai A-nan đến nói với nhà vua một lần nữa như sau:

Chỉ cần nhà vua tha cho họ, thì tôi (Phật) sẽ giáo hóa họ từ nay về sau không còn làm kẻ cướp nữa.

A-nan lãnh giáo xong, trước hết đến bộ phận hình sự, nói với viên giám sát: "Những kẻ có tội này, đức Thế Tôn đã cứu họ rồi, các vị không được sát hại họ."

Rồi thầy hỏi bọn cướp: "Các ngươi có thể xuất gia được không?"

Bọn cướp nói:

Thưa tôn-giả, nếu trước đây chúng tôi xuất gia, thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Nay chúng tôi rất mong muốn, nhưng không biết làm sao cho được.

A-nan liền đi đến chỗ nhà vua, thuật lại lời của Thế Tôn nói với vua: "Tôi có thể giáo hóa những người này từ nay về sau sẽ không còn làm kẻ cướp nữa." Vua bèn ra lệnh giám quan tha mạng cho họ, nhưng chưa cởi trói, mà dẫn đến chỗ Thế Tôn, để Thế Tôn cởi trói cho họ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn độ những người ấy nên ngồi ở chỗ đất trống. Bọn giặc cướp từ xa trông thấy Phật thì những dây trói tự nhiên được tháo ra, họ liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật quán sát túc duyên của họ, rồi tùy thuận thuyết pháp như bố thí, giữ giới, sự báo ứng của các hạnh nghiệp, bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo. Ngay lập tức, họ đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Phật liền hỏi:

Các ngươi có thích xuất gia không?

Bạch Thế Tôn, nếu trước đây chúng con xuất gia thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Kính mong Thế Tôn hôm nay độ chúng con xuất gia.

Này các Tỳ-kheo, hãy đến một cách khéo léo (Thiện lai Tỳ-kheo).

Khi Phật nói câu ấy thì y phục trên mình của năm trăm tên cướp biến thành ba y, tự nhiên tay cầm bát, uy nghi tề chỉnh, tựa như những Tỳ-kheo đã được trăm tuổi, đều đắc quả La-hán.

Các (cựu) Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, do đâu mà năm trăm tên cướp nhờ ân đức của Thế Tôn tự nhiên được giải thoát?

Không những ngày nay mà trong đời quá khứ họ cũng đã nhờ ân đức của Ta mà được giải thoát, như trong kinh Bản Sinh về loài khỉ đã nói rõ.

Thế rồi, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cùng đi chung đường với bọn giặc cướp, dù chỉ trải qua một xóm làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Giặc cướp: Bọn trộm cướp.

Hẹn: Hoặc hẹn hôm nay, ngày mai, một tháng, nửa tháng v.v...

Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, một câu lô xá, nửa câu lô xá, cho đến trong khoảng một thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Không được hẹn cùng đi chung đường với bọn giặc cướp. Khi Tỳ-kheo muốn đi đâu thì nên kết bạn với những người đi xe, những người đi bộ. Bọn giặc cướp có ba dấu hiệu có thể nhận biết, đó là: mùi hương, khí sắc và dáng vẻ.

Mùi hương: Ở nơi hoang vắng, chúng có thể ăn thịt chín hoặc thịt sống.

Khí sắc: Thường có khí sắc sợ hãi.

Dáng vẻ: Vì suốt ngày bị gò bó nên mặt đen, (**384c**) tóc vàng, trông có vẻ hung ác giống như người ở cõi âm phủ.

Đó là ba dấu hiệu của bọn giặc cướp, Tỳ-kheo không nên đi chung đường với họ. Nếu như bọn cướp giả mạo người tốt, mặc y phục đẹp, rồi đến nơi hoang vắng, chúng bàn với nhau rằng: "Hôm nay chúng ta hãy vào thôn xóm ấy, phá hoại tường vách, cướp đoạt tài vật, không luận sa-môn hay Bà-la-môn, tất cả đều lấy hết", thì biết

đó chính là bọn cướp. Nhưng khi ấy không nên bỏ chúng mà đi ngay, mà phải tùy thuận theo chúng, đợi đến nơi gần thôn xóm, mới tìm cách rời bỏ chúng. Nếu bọn chúng phát giác được, thì nên nói: "Này các tráng sĩ, chúng tôi chỉ đi tới đây thôi."

Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với bọn cướp thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung đường với bọn nữ tặc thì cũng như vậy. Nếu đi chung với bọn ăn trộm vàng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung với bọn phản loạn, bọn mắc nợ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 71 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

72. ĐÀO XỚI ĐẤT ĐAI

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo lo việc kinh doanh tự đào đất đổ nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, nên bị người đời chê bai rằng: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện đả kích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, thế mà nay Tỳ-kheo lại tự tay đào đất làm nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, khiến tổn thương đến mạng sống. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!" Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn, Phật liền sai đi gọi Tỳ-kheo lo việc kinh doanh đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?

Bạch Thế Tôn, có thật.

Tuy trong đất không có mạng sống, nhưng đó là việc mà người xuất gia không nên làm. Trái lại, nên ít việc, ít dịch vụ, chớ để cho người đời chê trách mà mất đi điều phước thiện của họ. Từ nay về sau, Tỳ-kheo không được tự tay đào đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***"Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hoặc sai người đào, chỉ bảo họ đào, thì phạm tội Ba-dạ-đề."***

*

❖ Giải thích

Tự tay mình: Hoặc là tự thân, thân phần, thân phương tiện.

Thân: Cất mình lên nhảy nhót, chạy qua chạy lại, muốn làm cho hư đất, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thân.

Thân phần: Hoặc tay, chân, đầu gối, khuỷu tay, móng tay; đó gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Hoặc dùng cuốc xẻng, rìu búa tự tay đào đất hay đục vào tre gỗ, hoặc từ xa ném, muốn làm cho đất hư hại; nếu đất bị hư hại, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Đất: Gồm hai loại: Sinh và tác.

Sinh: Đất còn nguyên sơ gọi là sinh.

Tác: Gồm hai loại: cơ tác và thượng tác.

Cơ tác: Chỉ cho đất trên đường đi và đất dùng làm tường vách.

Thượng tác: chỉ cho đất đổ trên các tầng lầu, trên mái nhà; đó gọi là thượng tác.

Tự đào: Tự mình đào hoặc sai người khác đào, dù chỉ bảo rằng: "Hãy đào đất này", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

(385a) Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình tìm phương tiện để đào cho nhiều đất thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu vừa làm vừa nghỉ, thì mỗi lần nghỉ phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu bảo người khác đào mà người ấy đào một lần nhiều đất, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhắc đi nhắc lại, bảo họ đào cho nhanh lên, thì mỗi lần lặp lại, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn cho đất bằng bèn tìm cách quét đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương đất bằng dấu chân muỗi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không tạo phương tiện, thì không có tội.

Nếu dùng phương tiện kéo cây gỗ muốn cho đất bị xây xước, thì khi kéo cây gỗ, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muỗi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu lùa bò ngựa đi qua muốn cho đất bị hư lở, thì cũng như vậy. Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu muốn cho đất bằng phẳng bèn đi kinh hành, thì khi đi kinh hành phạm tội Việt-tỳ-ni; khi đất bị tổn thương bằng dấu chân muối, phạm tội Ba-dạ-đề. Khi đứng, ngồi, nằm cũng như vậy. Nhưng nếu không cố ý thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng chân đạp vào cạnh bờ sông làm cho đất rơi xuống, thì mỗi lần đạp phạm một tội Ba-dạ-đề. Nhưng khi đi cạnh bờ sông, (vô tình) làm cho đất sập, thì không có tội. Tuy nhiên, nếu khối đất bị vỡ nặng hơn một người, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu khối đất bị vỡ nặng không bằng một người, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm cây, đá, ngói, gạch, cuốc, xẻng mà lỡ tay bị rơi xuống đất, dù đất bị tổn thương cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh có nhiều vật dụng của Tăng, của Tháp, muốn cất giấu trong đất, nhưng đất ấy thuộc sinh địa, ở chỗ

trống trải, thì không được tự tay mình đào, mà phải sai tịnh nhân làm. Nếu đất ấy thuộc tử địa, ở chỗ khuất, thì được tự mình đào đất, cất giấu. Nếu đóng cọc xuống đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muỗi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn căng tấm bạt thì phải đóng đinh ở bốn góc, nếu căng ở chỗ đất chết, vắng vẻ thì tự tay đóng đinh không có tội. Căng ở chỗ đất sống, trống trải, thì phải sai tịnh nhân làm. Khi tháo ra cũng phải sai lịnh nhân làm.

Nếu Tỳ-kheo đóng đinh vào trên vách trong phòng làm vỡ vách thì khi làm xong, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên vách trước đó đã có lỗ rồi, thì không có tội.

Nếu mặt đất có nước mưa thấm mà Tỳ-kheo làm vỡ bằng dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn vẽ trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vẽ trên đất bùn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh muốn vẽ sơ đồ thì nên vẽ trên miếng gỗ, trên gạch. Nếu đất trên phòng ở đã cũ kỹ muốn dỡ bỏ thì không được tự tay dỡ mà phải sai tịnh nhân dỡ bỏ.

Nếu Tỳ-kheo muốn phá bức vách thì nên sai tịnh nhân phá lớp đất tô ở bên ngoài rồi mới được tự tay mình gỡ gạch, và khi đến sát mặt nền thì cũng phải sai tịnh nhân gỡ. Nếu bức vách không tô đất mà bị nước mưa thấm ướt thì khi muốn dỡ bỏ phải sai tịnh nhân dỡ vài ba lớp gạch trên mặt, rồi mới tự tay mình dỡ; và khi dỡ đến sát mặt đất thì lại sai tịnh nhân dỡ tiếp. Nếu một đống ngói gạch bị mưa thấm ướt, thì khi lấy, Tỳ-kheo không được tự tay mình lấy mà phải sai tịnh nhân lấy chừng (**385b**) vài ba lớp ở trên, rồi mình mới lấy; và khi đến sát đất lại sai tịnh nhân lấy tiếp. Khi lấy ngói lợp nhà thì Tỳ-kheo được lấy nhưng khi đến lớp ngói để sát đất thì phải sai tịnh nhân lấy. Khi chất đống gạch cũng vậy.

Khi đất thuộc bị mưa thấm ướt thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy cho hết lớp đất thấm mưa, rồi mới tự lấy thì không có tội.

Nếu đất do chuột đào, bị mưa thấm ướt, thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được vét giếng mà phải sai tịnh nhân vét. Nếu tịnh nhân nhỏ không làm được, thì phải đưa họ xuống giếng quậy cho nước đục, rồi Tỳ-kheo mới vét. Nếu nước ao, nước đọng sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tháo nước. Nhưng nếu có bò ngựa đã lội qua thì Tỳ-kheo được tháo. Nếu đất bùn gặp phải trận mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu đất trong ao trong thạp gặp phải cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa có nước đọng trên rãnh, trên máng xối thì Tỳ-kheo không được tự tay khai thông mà phải sai tịnh nhân khai thông.

Nếu khi đi đại tiểu tiện dùng nước rửa mà để tay chà trên đất thì phạm tội Ba-dạ-đề. Sau khi đi tiêu tiểu xong, phải dùng tro, bột đậu rửa tay.

Nếu nước mưa chảy xoáy đất dồn thành một đống thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu ang, bình, thau v.v... để ngoài trời, trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu miếng ván dùng để rửa chân trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được cầm lấy.

Nếu các vật như gỗ, đá, ngói, gạch để ngoài trời trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy mà phải sai tịnh nhân cầm lấy.

Nếu Tỳ-kheo đào đất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đất đó lộn một nửa cát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu đất đó chỉ thuần là cát thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo đào đá, đá cuội, bụi đất thì cũng như vậy (tức không có tội). Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 72 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển thứ mười chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 20

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

73. NHẬN CÚNG DƯỜNG QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ cư sĩ Ma Ha Nam thuộc chủng tộc Lê-xa định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo hay tin Ma Ha Nam định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc (**385c**) nên muốn chọc phá để làm não hoạn họ. Thế rồi, sáng sớm, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, vào xóm làng, đến thẳng gia đình đó, vái chào họ, rồi hỏi rằng:

Tôi nghe nhà đàn việt định mời chư Tăng về nhà cúng dường thuốc, có thật thế chăng?

Có thật như vậy. Nhưng tôn-giả có cần thứ gì không?

Cần thuốc.

Thế thì cần loại thuốc gì?

Cần chừng ấy sữa đông, chừng ấy dầu, chừng ấy mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc v.v...

Ngay hôm nay chưa đủ, đợi kiếm đủ con sẽ cúng dường.

Ông phải chuẩn bị thuốc đầy đủ rồi mới mời chư Tăng chứ, cúng thuốc cho một Tỳ-kheo cũng như cung cấp cho một con voi lớn. Nay tôi chỉ xin thuốc cho một người mà còn không đủ huống chi

nhiều người. Ông chỉ cầu mong được tiếng khen, chứ không thật tâm cúng dường.

Thưa tôn-giả, dù cho kho của nhà vua cũng chưa đủ chừng ấy thuốc huống gì nhà con, khi nào tìm đủ con sẽ đem cúng.

Cúng dường hay không cúng mặc ý ông.

Nói xong, nhóm sáu Tỳ-kheo liền bỏ đi. Người đàn việt sau đó tìm đủ các món thuốc, liền đến bạch rằng: "Các thứ thuốc mà trước đây các thầy xin, nay con đã tìm đủ, các thầy hãy đến lấy." Các Tỳ-kheo nghe xong, liền cười, nói rằng:

Trước đây tôi chỉ nói chơi thôi chứ thực ra tôi không cần thuốc.

Vì sao các thầy lại thử con như vậy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và các Tỳ-kheo, con không tiếc thứ gì cả.

Ông đàn việt nổi giận sao?

Quả thật là nổi giận.

Nếu ông tức giận thì tôi xin tạ lỗi.

Con không nhận sự tạ lỗi, thầy hãy đến Phật mà sám hối.

Tỳ-kheo liền đến Phật sám hối. Đức Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?" Họ bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si, gia đình Ma Ha Nam thuộc chủng tộc Ly-xa, đối với Phật và các Tỳ-kheo, họ không hề tiếc rẻ bất cứ một vật quý báu nào, vì sao lại quấy nhiễu ông ta? Từ nay về sau, Ta cho phép khi thí chủ mời riêng bốn tháng thì được nhận, ngoại trừ họ mời lại và mời lâu dài." Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu thí chủ mời cúng dường riêng bốn tháng thì Tỳ-kheo được nhận, nhưng nếu nhận hơn bốn tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp họ mời lại, mời lâu dài, và mời tùy ý.

*

❖ Giải thích

Bốn tháng: Hoặc bốn tháng mùa Hạ, bốn tháng mùa Đông hay bốn tháng mùa Xuân.

Mời riêng: Mời đích danh cá nhân mình.

Hơn: Hơn bốn tháng.

Trừ trường hợp mời lại: Đức Thế Tôn nói không có tội (nếu mình vẫn tiếp tục nhận cúng dường).

Mời (cúng dường) lâu dài: (Đàn việt) mời cúng dường suốt đời.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đàn việt nói với Tỳ-kheo: "Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con trong bốn tháng Hạ", mà Tỳ-kheo nhận họ cúng dường cho đến quá ngày 16 tháng 8, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như họ mời vào mùa Đông, mùa Xuân thì cũng như vậy.

Đàn việt mời các Tỳ-kheo không (**386a**) nhất định, hoặc bốn tháng, một tháng, nửa tháng; nếu thời gian mời đã hết thì không được thọ nhận tiếp.

Nếu đàn việt nói: "Tôn-giả thường ở đây thì con sẽ cúng dường thực phẩm lâu dài", mà Tỳ-kheo rời khỏi nơi đó một đêm thì không được nhận thức ăn trở lại. Nhưng nếu đàn việt nói: "Vì sao tôn-giả không đến nữa?", thì phải đáp: "Trước đây ông nói rằng nếu tôi ở thường xuyên tại đây thì ông cúng dường thực phẩm, nhưng tôi đã rời khỏi đây một đêm, nên không đến nữa."

Khi ấy, nếu đàn việt nói: "Rời khỏi hay không rời khỏi (không thành vấn đề), từ nay trở đi xin tôn-giả cứ đến", thì được phép tiếp tục nhận cúng dường, không có tội.

Nếu đàn việt nói: "Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con cho đến khi hết kho thóc này", thì khi nhận xong, Tỳ-kheo phải thường thường hỏi người giữ kho xem kho thóc đã hết chưa. Nếu họ bảo rằng đã hết, thì không được nhận cúng dường tiếp nữa. Nhưng nếu đàn việt hỏi: "Vì sao tôn-giả không đến nữa?", thì hãy đáp: "Trước kia tôi chỉ nhận mời ăn hết kho thóc này, nay kho thóc đã hết, nên tôi không đến nữa."

Bấy giờ, nếu đàn việt nói: "Tôi không chỉ nói một kho mà còn có nhiều kho khác, vậy từ nay về sau xin tôn-giả cứ đến", thì tiếp tục nhận cúng dường nữa, không có tội.

Nếu đàn việt mời cúng dường sữa đông, mía thì cũng như vậy.

Nếu đàn việt nói: "Xin tôn-giả nhận con mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này, thì sau khi nhận, phải thỉnh thoảng hỏi xem sữa con bò cái ấy đã hết chưa, nếu họ bảo đã hết thì không được nhận cúng dường tiếp. Nếu họ hỏi: "Vì sao tôn-giả không đến nữa?", thì hãy đáp: "Trước đây tôi chỉ nhận mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này. Nay sữa nó đã hết, nên không đến nữa."

Bấy giờ, nếu đàn việt nói: "Tôi không phải chỉ có một con bò mà còn những con bò khác nữa, vậy, từ nay trở đi tôn-giả cứ đến", thì tiếp tục nhận cúng dường không có tội.

Nếu đàn việt nói: "Xin tôn-giả nhận sự cúng dường của con cho tới khi nào chàng rể của con còn ở tại đây", thì Tỳ-kheo nên nhận. Nhưng khi chàng rể ra đi thì không được nhận cúng dường tiếp. Nếu đàn việt hỏi: "Vì sao tôn-giả không đến nữa?"thì hãy đáp: "Trước kia tôi chỉ nhận sự cúng dường trong bao lâu chàng rể còn ở tại đây, nay anh ta đã đi, nên tôi không tới nữa."

Bấy giờ, nếu họ nói: "Xin thầy nhận sự cúng dường của con trở lại", thì khi ấy, nhận tiếp sự cúng dường, không có tội.

Nếu đàn việt nói: "Xin tôn-giả nhận bữa cơm trước giờ ăn của con", thì không được đòi bữa ăn sau. Nếu họ mời bữa ăn sau thì không được đòi bữa ăn trước. Nếu họ mời dùng nước uống phi thời thì không được đòi thuốc và các thứ khác. Nếu họ xin cúng dường dầu thoa chân thì không được đòi nước uống phi thời. Nếu họ xin cúng dường thuốc thì nên đòi thuốc.

Nếu họ nói: "Con xin cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men suốt đời cho tôn-giả", thì bấy giờ được tùy ý đòi những thứ ấy, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 73 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

74. CHỐNG CỰ LẠI SỰ KHUYÊN HỌC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên, bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

Trưởng lão phải học, đừng phạm năm thiên tội. Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu tôi thấy những Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu sâu sắc, thì tôi sẽ chất vấn họ; nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành.

Các Tỳ-kheo bèn đem (**386b**) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi các việc trên:

Ông có nói như thế thật không?

Bạch Thế Tôn, có thật như vậy.

Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi đức tùy thuận, chê trách sự trái nghịch hay sao? Vì sao ông lại bướng bỉnh tự thị? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại nước Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khuyên bảo phải học, đừng phạm năm thiên tội mà đáp rằng: "Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu thấy có những trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu sắc, thì tôi sẽ hỏi họ, nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Vì Tỳ-kheo muốn được lợi ích trong chánh pháp thì phải học và phải hỏi han các Tỳ-kheo khác.***

*

❖ Giải thích

Năm thiên tội: (1) Tội Ba-la-di; (2) Tăng-già-bà-thi-sa; (3) Ba-dạ-đề; (4) Ba-la-đề Đề-xá-ni; (5) Việt-tỳ-ni.

Đừng phạm: Khuyên bảo học mười hai việc sau đây: (1) Bài tựa của giới kinh; (2) Bốn Ba-la-di; (3) Mười ba Tăng-già-bà-thi-sa; (4) Hai pháp Bất định; (5) Ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; (6) Chín mươi hai Ba-dạ-đề; (7) Bốn Ba-la-đề Đề-xá-ni; (8) Chúng học pháp; (9) Bảy pháp Diệt tránh; (10) Pháp tùy thuận; (ở đây chỉ kể có mười thứ) phải học chớ có phạm. Nếu khi được người khác khuyên như thế mà đáp rằng: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu sắc, thì tôi sẽ hỏi han, nếu vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu khi có người khác khuyên: "Trưởng lão, trong năm thiên tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, Trưởng lão phải học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe

nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Hoặc khi có người khuyên nên học bốn chúng (thiên) tội, ba chúng tội, hai chúng tội, một chúng tội, bốn Ba-la-di, chớ có phạm, mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, trong sáu pháp "tác xả" là yết-ma chiết phục, yết-ma không nói chuyện, Yết-ma khu xuất, (**386c**) yết-ma phát hỉ, yết-ma cử tội, yết-ma biệt trú, trưởng lão nên học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, trong sáu pháp tác xả yết-ma, Tăng đã làm pháp yết-ma chiết phục (đối với trưởng lão), vậy trưởng lão nên tỏ ra phục tùng, mềm mỏng, bỏ tính bướng bỉnh (cho đến pháp yết-ma biệt trú cũng như vậy), trưởng lão phải học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, phải học, hiền thiện, giữ giới, đọc tụng kinh pháp thì sẽ được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì không được đáp theo lối thông thường rằng: "Tôi sẽ học", mà nên đáp: "Tôi vì lẽ đó nên mới xuất gia." Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 74 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

75. UỐNG CÁC THỨ RƯỢU

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Câu-diệm-di có con rồng dữ tên Am-bà-la có thể làm cho trời hạn không mưa, khiến lúa thóc thất thu, nhân dân đói khổ, chịu đủ thứ tai ương. Lúc ấy, tôn-giả Thiện Lai bèn đến đó hàng phục con rồng dữ, như trong *kinh Thiện lai Tỳ-kheo* đã nói rõ. Khi đã hàng phục được con rồng dữ thì đất nước trở lại phong thịnh, nhân dân cảm ân đức của thầy nên muốn báo đáp. Bấy giờ, có năm trăm nhà hào phú vì Tỳ-kheo Thiện Lai mà thiết lập chỗ cúng dường thường xuyên, treo cờ xí, đặt giường ghế, mời chư Tăng cúng dường, và mời riêng Tỳ-kheo Thiện Lai về nhà cúng dường các thứ mỹ thực. Lúc ấy có một nhà sau khi cúng dường thức ăn bèn đem rượu có màu sắc như nước lã ra cúng dường Thiện Lai. Nhân khát nước nên thầy uống thứ rượu đó, rồi trở về Tinh xá. Bấy giờ, nhằm ngày đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, thì Thiện Lai bị hơi men chếnh choáng, hôn mê, nằm dang chân sóng soài trên đất, trước mặt Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà nằm dang chân trước mặt Như Lai như thế?

Bạch Thế Tôn, vì Tỳ-kheo Thiện Lai uống quá nhiều rượu nên bị say nằm như thế đó.

Tỳ-kheo Thiện Lai này trước đây có bao giờ ngủ ban ngày không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Thiện Lai khi chưa say rượu có bao giờ nằm sải chân trước mặt Phật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Khi uống nhiều rượu mà muốn đừng say có được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Giả sử Tỳ-kheo Thiện Lai không uống rượu thì khi nghe pháp vi diệu, bất tử (**387a**) có muốn bị mất lợi ích, không chịu nghe pháp không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Thiện Lai này vốn từng hàng phục rồng dữ, nay có thể hàng phục nổi con ễnh ương không?

Thưa không thể hàng phục, bạch Thế Tôn.

Giá mà rồng Am-bà-la nghe được chuyện này ắt sẽ không vui. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo uống rượu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn-giả Na-di-sí uống rượu đường phèn quá nhiều rồi trở về Tinh xá, thì gặp lúc đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, nhưng vì bị hơi men chếnh choáng nên Na-di-sí hôn mê bất tỉnh, nằm dang chân sóng soài trước Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà nằm sải chân trước Như Lai như vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là Tỳ-kheo Na-di-sí, vì uống quá nhiều rượu đường phèn nên nằm say khước như thế đó.

Tỳ-kheo Na-di-sí trước đây có bao giờ nằm ngủ ban ngày không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Tỳ-kheo Na-di-sí trước khi say rượu có từng nằm sải chân trước Phật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nếu uống nhiều rượu mà muốn cho không say có được không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Nếu Tỳ-kheo Na-di-sí không uống rượu thì khi nghe thuyết pháp vi diệu, bất tử, có thể để mất cơ hội lợi ích mà không chịu nghe pháp không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo uống rượu đường phèn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo uống rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Rượu: Gồm có mười loại: Hòa, điềm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điến, thanh.

Hòa: Dùng cơm tấm, bún nát trộn với nước rồi đựng vào trong thạp, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hòa.

Điềm: Gây rượu vừa biến thành vị ngọt rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là điềm.

Thành: Khi chất rượu đã thành khí vị mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thành.

Động: Khi hơi nồng của rượu đã biến hoại mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là động.

Tạc: Vị rượu đã biến hoại trở thành chua mà đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạc.

Tí: Đem tấm lụa trắng giặt sạch rồi ngâm vào trong rượu, thỉnh thoảng lấy ra phơi nắng, rồi ngâm trở lại, dành khi đi đến những nơi hoang dã, đem vắt lấy nước mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tí.

Hoàng: Rượu thành màu vàng trong chưa biến thành xanh, đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hoàng.

Tiết: Bã rượu. (trong nguyên bản không giải thích).

Điến: Cặn đục (**387b**) dưới đáy thùng rượu, nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là Điến.

Thanh: Rượu ở trên mặt thùng có màu trong xanh như dầu, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh.

Rượu đường phèn: Gồm có mười loại, là: Hòa, điềm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điến, thanh.

Hòa: Đường phèn trộn với nước của mầm cây rồi đem ngâm trong thùng thì dù chỉ một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm Ba-dạ-đề.

Còn chín loại sau như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra còn có các loại: Miến mạch nhân sâm, mễ phạn sâm, mạch phạn sâm, mộc mạch sâm, xiểu sâm.

Miến mạch nhân sâm: Bột lúa mạch trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong thùng, loại này dù một giọt nhỏ như cọng cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mễ phạn sâm: Gạo trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong thùng, nếu uống loại này thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mạch phạn sâm: Dùng gai lúa mạch trộn với nước mầm cây ngâm vào trong hũ mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mộc mạch sâm: Dùng cây lúa mạch trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong hũ rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Xiểu sâm: Gạo lúa mạch đem rang rồi ngâm vào trong hũ cho lên men, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sau bữa ăn, uống nước xiểu sâm thì không có tội. Nếu ăn men rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng men rượu trộn với cơm mà ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn đường phèn rồi uống nước thì không có tội. Nếu ăn bã rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hợp ba loại (trên) mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu ngũ cốc, rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu nho thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu uống nước tu lâu, Nan-đề hay ăn xác của nó đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ăn quả Khư la, Ca tỉ đa, tỉ la bà, Câu đà la thì phạm tội Việt-tỳ-ni, vì chúng làm cho người ăn bị say.

Trừ mười bốn loại nước trái cây ép như nước ép trái Am-bà-la cho đến nước ép trái da bà, được phép lọc cho trong rồi uống. Nhưng nếu chúng biến thành màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không được phép uống. Vì uống nước trái cây lên men làm cho người uống bị say, do đó không được phép uống. Ngoại trừ uống rượu mía đắng, rượu nho đắng và nước ép trái cây. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 76 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

76. KHINH THƯỜNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, thì Xiển-đà không đến. Tăng bèn sai sứ giả tới gọi Tỳ-kheo Xiển-đà rằng Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, trưởng lão hãy đến, nhưng Xiển-đà không chịu đến.

Các Tỳ-kheo liền bàn nhau: "Xiển-đà rất ương bướng, nếu gọi đến chắc là ông không đến, trái lại, nếu bảo đừng đến có khi ông lại đến", bàn xong, bèn sai sứ giả đến bảo: "Trưởng lão đừng đến."

Thế là Xiển-đà nói: "Thôi, thôi đi, (**387c**) tất cả các thầy đều đến lại bảo tôi đừng đến."

Nói xong, Xiển-đà liền đến, vào giữa chúng Tăng. Các Tỳ-kheo bảo Xiển-đà ngồi, nhưng thầy không ngồi. Các Tỳ-kheo lại nói:

Trưởng lão đừng ngồi.

Xiển-đà liền nói: "Các thầy đều ngồi cả vì sao bảo tôi đừng ngồi", bèn ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo lại nói: "Trưởng lão, thầy nên bàn về vấn đề này."

Xiển-đà nói: "Tôi không nói".

Các Tỳ-kheo bảo: "Trưởng lão đừng nói".

Xiển-đà nói: "Các thầy đều nói, tại sao bảo tôi đừng nói?"

Rồi thầy nói mãi không ngừng làm trở ngại những người khác. Các Tỳ-kheo lại bảo: "Trưởng lão nên đi ra ngoài một lát"; nhưng thầy không chịu đi.

Các Tỳ-kheo lại nói: "Trưởng lão chớ có đi", thì thầy bèn bỏ đi. Do thế, Tăng không hòa hợp, ai nấy đều đứng dậy bỏ đi, khiến Tăng không làm yết-ma được. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên:

Ông có những việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Này Xiển-đà, ông không từng nghe Ta dùng vô lượng nhưng tiện ca ngợi hạnh tùy thuận, ăn nói nhỏ nhẹ, chê trách tính ương bướng hay sao? Vì sao ông lại tỏ ra ương bướng

tự thị? Đó là việc phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khinh thường người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Khinh thường người khác: Gồm có tám trường hợp: bảo đến mà không đến; bảo đừng đến lại đến; bảo ngồi mà không ngồi; bảo đừng ngồi lại ngồi; bảo nói mà không nói; bảo đừng nói lại nói; bảo đi mà không đi; bảo đừng đi lại đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm các pháp yết-ma như yết-ma chiết phục, không nói, tẫn xuất, phát hỉ, cử tội, biệt trú, thì tất cả đều phải đến. Nếu coi thường người khác không thèm đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo đang vá y, xông bát, hoặc vì lý do đau ốm không đến được, nên gởi dục, thì không có tội.

Nếu bảo đừng đến, mà coi thường cứ đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong Tăng có việc, cần gặp, xin Tăng, Tăng cho phép, thì đến không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão hãy ngồi", nhưng khinh thường không ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu chỗ ngồi có máu mủ, xin Tăng cho phép, rồi không ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão chớ ngồi", mà khinh thường người ấy, cứ ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn, đứng lâu mỏi mệt, xin phép Tăng, Tăng cho phép, rồi ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão hãy nói", mà khinh thường người ấy không nói, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì tài hèn, lời nói vụng về, khiến người ta không kính phục, giả sử có nói thì pháp yết-ma cũng không thành tựu, Tăng cũng không hòa hợp, bèn xin Tăng, Tăng cho phép, rồi không nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng nói, mà khinh thường người ấy, cứ nói, (**388a**) thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Giả sử ta không nói thì việc yết-ma không thành, Tăng không hòa hợp, việc này ta phải nói", rồi xin Tăng, Tăng cho phép nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đi mà khinh thường người ấy, không đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Nếu ta ra đi thì việc yết-ma ở đây không thành, sự việc không giải quyết được", bèn xin tăng, được tăng cho phép, rồi không đi, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng đi mà khinh thường người ấy nên cứ đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Nếu ta không đi thì yết-ma không thành, sự việc không giải quyết được", bèn xin phép Tăng, được Tăng cho phép, rồi ra đi thì không có tội.

Nếu Tăng bảo đến mà không đến, bảo đừng đến lại đến, bảo ngồi mà không ngồi, bảo đừng ngồi lại ngồi, bảo nói mà không nói, bảo đừng nói lại cứ nói, bảo đi mà không đi, bảo đừng đi lại cứ đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu trong nhóm nhiều người hoặc trong phạm vi thầy trò, bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, thầy giáo thọ bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì cứ mỗi sự vi phạm, phạm một tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 76 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

77. NGHE LÉN SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; bấy giờ, các Tỳ-kheo xung đột nhau, cùng sống chung một chỗ mà bất hòa. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất lén nghe những người này nói, rồi đem nói với những người kia, nghe những người kia nói rồi đem nói với những người này, khiến cho hai bên xích mích nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà bất hòa. Họ cãi nhau nào là đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc ấy nên làm yết-ma, việc ấy không nên làm yết-ma. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi về sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu khi các Tỳ-kheo tranh tụng nhau mà một Tỳ-kheo đứng im lặng lắng nghe, với suy nghĩ: Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ (chỉ vì mục đích đó chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tranh tụng: Như nói: Việc đó đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc đó nên làm yết-ma, việc đó không nên làm yết-ma.

Đứng nghe: Hoặc đứng cách bức tường, cách hàng rào, đứng ngoài cửa, cách bức màn, cách tảng đá, cách đám cỏ v.v... lắng

nghe với suy nghĩ: "Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ" (chỉ vì mục đích mách lẻo chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

(**388b**) Khi hai Tỳ-kheo đang nói chuyện riêng ở trong phòng mà một Tỳ-kheo khác muốn đi vào thì phải khảy ngón tay, giậm chân có tiếng động, nếu người trong phòng bỗng dưng im lặng, thì nên trở lui. Nếu người trong phòng vẫn nói không ngừng thì đi vào không có tội.

Khi một Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng mà có hai Tỳ-kheo vừa nói chuyện riêng vừa từ ngoài đi vào thì vị Tỳ-kheo ngồi trong phòng không được im lặng mà phải khảy ngón tay, giậm chân cho có tiếng động. Nếu hai người kia im lặng thì tự mình phải đi ra khỏi phòng.

Nếu Tỳ-kheo đấu tranh với những Tỳ-kheo khác gây nên thù hận, bèn nói rằng: "Người này đã mắng chửi ta, ta phải giết kẻ ác này, rồi bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo nghe được điều này, phải đến nói với người kia: "Trưởng lão nên khéo léo đề phòng. Tôi nghe có những lời tiếng không hay, có những Tỳ-kheo khách đến tại giảng đường, phòng sưởi, phòng ngồi thiền, hoặc thầy quản chúng, thầy tri sự sẽ đến thăm đó."

Khi khách Tỳ-kheo nghe khách Tỳ-kheo nói như sau: "Trưởng lão, chúng ta hãy lấy trộm đồ trong kho nọ, vật trong tháp kia, thức ăn trong nhà bếp của Tăng, y bát của Tỳ-kheo đó", thì phải im lặng trở về lại giữa chúng Tăng thông báo cho mọi người biết rằng: "Này các đại đức, đồ trong kho nọ, vật nơi tháp kia, thức ăn trong nhà bếp đó, y bát của Tỳ-kheo ấy cần phải phòng bị, vì tôi nghe có kẻ muốn lấy cắp."

Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử thì buổi tối nên đi thăm dò các phòng xem họ có sinh hoạt đúng pháp không. Nếu nghe họ bàn luận về các câu chuyện như chuyện thế tục, chuyện của vua chúa, chuyện trộm cướp v.v…, thì không nên vào phòng ngay lúc ấy quở trách

họ mà phải đợi khi họ đến phòng mình rồi mới dạy bảo như sau: "Các ông vì lòng tin xuất gia, ăn đồ do thí chủ cúng dường, phải ngồi thiền, tụng kinh, vì sao lại bàn luận những chuyện thế tục phi pháp như vậy? Đó chẳng phải là những việc tùy thuận tốt lành của người xuất gia."

Nếu nghe họ bàn luận kinh điển, đối đáp nghĩa lý, thì không nên vào phòng khen ngợi ngay lúc ấy mà phải đợi họ đến phòng mình rồi mới khen ngợi rằng: "Các ông có thể luận bàn Kinh điển, giảng giải Phật pháp, như đức Thế Tôn dạy: Khi Tỳ-kheo hội họp thì nên làm hai việc, một là im lặng như hiền thánh, hai là giảng luận Phật pháp."

Khi các Tỳ-kheo đi vào xóm làng vừa đi vừa nói chuyện, thì vị Tỳ-kheo đi sau đến nơi, không được im lặng mà phải đằng hắng, giậm chân cho có tiếng, nếu những người đi trước cứ tiếp tục nói, thì mình đi tới không có tội.

Khi vị Tỳ-kheo đang đi trước mà có các Tỳ-kheo đi sau, vừa đi vừa nói chuyện đến nơi, thì Tỳ-kheo đi trước không được im lặng, mà phải đằng hắng, giậm chân cho có tiếng động (để những người đi sau biết). Khi Tỳ-kheo đi nhiễu tháp, hoặc sau bữa ăn đi vào trong rừng ngồi thiền thì cũng làm như vậy. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 77 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

78. LẲNG LẶNG BỎ CUỘC HỌP MÀ ĐI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma cử tội đệ tử đồng hành và đệ tử y chỉ của Ưu-ba-nan-đà. (**388c**) Ưu-ba-nan-đà nghe chúng Tăng định làm yết-ma cử tội đệ tử mình, liền đứng dậy bỏ đi. Sau

đó, các Tỳ-kheo thấy có chỗ ngồi bỏ trống, liền điểm danh xem ai đến, ai không đến, thì mới hay chỗ trống đó là của Ưu-ba-nan-đà. Do vậy, Tăng sinh bất hòa, ai nấy đều đứng dậy bỏ đi, không thể làm yết-ma. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi vấn đề vừa rồi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Vì sao trong lúc Tăng định giải quyết sự việc, ông im lặng đứng dậy bỏ đi mà không thưa với các Tỳ-kheo? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tăng định giải quyết sự việc, mà Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi, không bạch với các Tỳ-kheo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tăng định giải quyết sự việc: Có hai trường hợp: Một là thuyết pháp, tụng luật; hai là làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú.

Im lặng đứng dậy bỏ đi: Đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, ra đi.

Không bạch: Nếu bạch không đúng lúc để vào xóm làng thì không được gọi là bạch. Hoặc bạch để đến Tinh xá của Ni giáo giới, cũng không được gọi là bạch. Hoặc bạch để rời chỗ ngồi ăn cũng không được gọi là bạch.

Khi Tăng tập họp thuyết pháp, tụng luật, thì nên bạch rằng: "Con xin rời giảng đường, ra đi." Tăng đáp: "Được." Nếu Tăng tập họp để làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú, thì phải vừa bạch vừa gởi dục với Tỳ-kheo. Nếu ở giữa chúng Tăng, không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tăng tập họp định làm yết-ma chiết phục, cho đến yết-ma biệt trú mà Tỳ-kheo muốn ra đi, thì phải bạch và gởi dục rồi mới đi; nếu không bạch mà chỉ gởi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu bạch mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu không bạch, không gởi dục, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni; nếu vừa bạch vừa gởi dục thì không có tội. Nếu chỉ đi đại tiểu tiện trong chốc lát, rồi trở vào không bỏ giở việc của Tăng, thì không có tội. Nếu suy nghĩ: "Có thể ta trở lại trễ", thì nên bạch và gởi dục (rồi mới đi).

Nếu Tăng đang thuyết pháp, tụng luật, thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đang nghe nhiều Tỳ-kheo tụng kinh thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người tụng kinh ngừng tụng mà nói sang việc khác, thì ra đi không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang đọc kinh, thì nên bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang tụng kinh thì phải bạch (**389a**) rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 78 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

79. VÀO LÀNG MÀ KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng (A-luyện-nhã) phi thời đi vào xóm làng, bị người đời chê trách rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử ở nơi hoang vắng mà đi vào xóm làng lúc phi thời, muốn tìm thứ gì vậy?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc kể trên:

Ông có làm việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ông ở nơi hoang vắng mà lại đi vào xóm làng lúc phi thời, đến nỗi bị người đời chê trách? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo sống tại nơi hoang vắng. Một Tỳ-kheo đang tô phòng thì bị rắn cắn, liền nói với bạn: "Trưởng lão, tôi bị rắn cắn."

Người ấy đáp: "Đợi tôi mặc y Tăng-già-lê rồi sẽ đi đến gọi y sĩ Kỳ vực." Nhưng trong lúc thầy lấy y thì người kia bị tắt tiếng, và khi lấy y xong thầy thưa: "Thưa Trưởng lão, tôi đi vào xóm làng lúc phi thời đây."

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia không thể đáp được, thầy phải thưa đến ba lần rằng: "Thưa Trưởng lão, tôi vào xóm làng lúc phi thời." Thế nhưng, người kia vẫn không nói được. Thầy bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác. Ta đành phải chờ xem hạnh nghiệp của Thầy ấy như thế nào thôi." Thế là vị Tỳ-kheo kia liền mệnh chung. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự tình vừa rồi:

Ông có xử sự như vậy thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông ấy nếu dùng từ tâm gọi tên bốn đại Long vương thì không đến nỗi phải chết. Bốn đại Long vương đó là: Trì Quốc Long Vương, Y La Quốc Long vương, Thiện tử Long vương và Hắc Bạch Long vương. Nên nói rằng: "Ta có lòng từ đối với chúng sanh không có chân.Ta có lòng từ đối với chúng sanh hai chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh bốn chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh nhiều chân. Chớ có làm hại những chúng sanh hai chân của ta. Chớ có làm hại những chúng sanh bốn chân của Ta. Chớ có làm hại những chúng sanh nhiều chân của Ta. Chớ có làm hại các chúng sanh của Ta. Mong được sự vô lậu, dùng thiện tâm của các bậc hiền thánh mà nhìn nhau, chớ có sinh ra ác ý." Giá như vị Tỳ-kheo kia gọi tên của bốn đại Long vương thì đã không bị chết. Từ nay về sau, Ta cho phép lúc gấp rút (không cần theo quy định)."

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, (**389b**) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, đi vào xóm làng lúc phi thời, không bạch với Tỳ-kheo khác – ngoại trừ trường hợp đặc biệt – thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sống tại A-luyện-nhã: Tại những nơi cách xa thành ấp xóm làng năm trăm cung, mỗi cung dài năm khuỷu tay, không có dân chúng cư trú, thì gọi là a-luyện-nhã.

Phi thời: Sau khi ăn xong, dù thời gian còn sớm cũng vẫn là phi thời.

Xóm làng: Thôn xóm có bờ tường ngăn cách nhau hoặc là ở lẫn lộn (không cách biệt nhau).

Bạch: Nếu bạch xin rời nhà ăn, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin đến Tinh xá của Ni để giáo giới, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin rời khỏi nơi thuyết pháp, thì không gọi là bạch. Cần phải bạch như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi vào thôn xóm lúc phi thời." Người kia nên đáp: "Vâng."

Tỳ-kheo: Chỉ cho những Tỳ-kheo có mặt trong cường giới, chứ không phải là những đồ chúng đang hiện diện.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh hoặc bị rắn cắn cần phải đi gọi thầy thuốc, thì Thế Tôn bảo là không có tội (khi ra đi không bạch).

Nếu hai Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, muốn cùng đi, thì phải bạch lẫn nhau, rồi mới đi. Nếu một người đi trước, thì người sau khi muốn đi phải bạch với Tỳ-kheo khác; nếu không có Tỳ-kheo khác, thì nên thầm nghĩ: "Khi đến giữa đường, ra khỏi cửa, đến xóm làng, hay tại Tinh xá của Ni, mà gặp Tỳ-kheo thì ta sẽ bạch. Bạch xong, ta sẽ vào xóm làng lúc phi thời."

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường từ xóm làng này sang xóm làng khác mà thấy ở ven đường có tháp hoặc chỗ thờ chư thiên, thì phải thuận đường đi thẳng qua: Nếu con đường ở dưới tháp miếu ấy xoay về bên trái mà mình đi vòng theo chiều bên phải thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu có hỏa hoạn, ác thú đến hay bị người rượt đuổi, thì đi qua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường xa, gặp trời tối, muốn vào xóm làng ngủ nghỉ thì không được mang vác túi xách cồng kềnh đi vào. Nếu bên ngoài làng có nước thì nên dừng nghỉ ở trong rừng, trước hết sai hai Tỳ-kheo tắm rửa sạch sẽ, khoác y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, bạch lẫn nhau, rồi khiến họ vào thôn xóm xin chỗ ngủ tạm. Nếu xin được chỗ ngủ thì phải xin đàn việt cung cấp những thứ

cần thiết, rồi trở ra khỏi xóm làng, nói với các Tỳ-kheo rằng: "Đã xin được chỗ ngủ."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nên rửa tay chân sạch sẽ, nếu cần uống thức uống phi thời thì nên uống ngay khi ấy, đừng để vào xóm làng mới uống mà bị người ta chê trách là sa-môn ăn đêm. Đoạn, phân công mang vác các túi xách, mặc y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, cầm tích trượng, mang giày dép, bạch hỏi nhau rồi mới vào xóm làng. Khi đã đến chỗ dừng nghỉ, mà muốn đi ra khỏi xóm làng lấy củi, cỏ, nước, thì nên theo con đường cũ mà ra, không có tội. Nếu muốn đi con đường khác thì phải bạch, (**389c**) nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn đi tìm dầu xoa chân, nước uống phi thời, đi khuyến hóa thức ăn sáng hôm sau, thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong xóm làng có tăng già lam, trên đường có nhà cửa liên tiếp nhau, thì đi (mà không bạch) không có tội. Nếu đi con đường khác thì phải bạch, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

"Chưa đủ, đi với cướp,
Đào đất, bốn tháng mời.
Chưa học và uống rượu.
Khinh người, đứng rình nghe.
Bỏ đi, phi thời vào.
Bạt cừ thứ tám xong."

(Hết giới thứ 79 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

80. ĐI PHI THỜI, KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-ba-nan-đà sáng sớm thức dậy, khoác y đi vào xóm làng, tới nhà đàn việt, nói với Ưu-bà-di: "Những kẻ phàm phu khi mệnh chung phần nhiều bị đọa vào đường ác, bà nên nghe tôi thuyết pháp."

Lúc ấy, Ưu-bà-di đang sắp đặt việc nhà, bận bịu nhiều việc không rảnh để nghe thuyết pháp, nên cự nự với Tỳ-kheo: "Thôi đi! Thầy đừng lo về những người phàm phu khi chết bị rơi vào đường ác mà hãy lo phần thầy, đừng lo việc của người khác." Sau khi ăn xong, thầy bèn sai đệ tử chuẩn bị y bát rồi trở lại nhà ấy, nói như trước: "Này Ưu-bà-di, kẻ phàm phu khi chết sẽ rơi vào đường ác; bà nên nghe tôi thuyết pháp."

Khi ấy, Ưu-bà-di vừa lo cho chồng con ăn xong, đang dùng cơm, không rảnh để nghe pháp, nên cự nự với Tỳ-kheo: "Thôi đi! Đừng lo về những người phàm phu sau khi chết rơi vào đường ác mà hãy tự lo việc của thầy, chớ lo việc của người khác." Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

Ông có làm như vậy thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn

Này Tỳ-kheo, vậy thì sau khi ăn xong, ông đi làm việc gì?

Có nhiều việc lắm, bạch Thế Tôn. Con muốn làm thầy thuốc để trị liệu các chứng bệnh.

Vì sao trước bữa ăn, sau bữa ăn, ông không bạch với những Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo trước bữa ăn, sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Phật bảo A-nan: "Ông báo tin cho các Tỳ-kheo biết rằng an cư xong, các đàn việt sẽ cúng dường y an cư." A-nan liền thông báo với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo trước hay sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân. Tôi cùng các vị đồng phạm hạnh cùng ăn, cùng sống bên nhau, vì tôn kính nhau nên không dám thường

bạch." (**390a**) A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép trong lúc sắm y (khỏi bạch)." Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo cùng ăn một chỗ mà trước khi ăn, sau khi ăn không bạch với Tỳ-kheo khác, đi đến nhà người khác – ngoại trừ trường hợp đặc biệt – thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp đặc biệt tức là khi sắm y, đó gọi là trường hợp đặc biệt.***

*

❖ Giải thích

Cùng ăn: Hoặc dùng bốn thăng gạo nấu cơm, hoặc tám thăng gạo rang, hoặc một đấu hai thăng cơm lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt. Đó gọi là cùng ăn.

Trước khi ăn: Lúc chưa ăn.

Sau khi ăn: Khi ăn xong, dù trời còn sớm vẫn gọi là sau khi ăn.

Đi đến nhà người khác: Như nhà của sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà Tì xá, nhà Thủ-đà-la.

Bạch: Nếu bạch vào xóm làng lúc phi thời, bạch đến Tinh xá Tỳ-kheo-ni, bạch rời chỗ thuyết pháp, thì không được gọi là bạch. Mà phải bạch rằng: "Xin trưởng lão nhớ cho, con là mỗ gấp rời chỗ cùng ăn, đi đến nhà khác." Người kia đáp: "Vâng."

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Tức lúc mà Thế Tôn bảo là không có tội.

Trường hợp đặc biệt: Thời gian sắm y. Thời gian này, nếu không thọ y Ca-thi-na thì một tháng, nếu có thọ y Ca-thi-na, thì năm tháng. Trong thời gian của y này được miễn trừ năm việc: (1)

Được ăn biệt chúng; (2) Được ăn nhiều chỗ; (3) Rời trú xứ không cần bạch với người khác; (4) Được cất y dư lâu ngày; (5) Được rời y ngủ chỗ khác mà không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo rời chỗ cùng ăn với người khác để đi đến nhà khác thì phải bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn ở chỗ khác mà có năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu gặp hai trường hợp bố thí bữa ăn, thời gian sắm y, thì không bạch với người cùng ăn, đi ăn chỗ khác không có tội.

Nếu trú xứ của Tỳ-kheo không nấu ăn, mà có người mời ăn, thì nơi đây được gọi là cùng ăn (đồng thực). Nếu từ đây muốn đi đến chỗ khác, thì phải bạch rồi đi, nếu không bạch mà đi, thì như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đã nhận trong xóm làng mời, thì nơi đó được gọi là cùng ăn. Nếu ở tại đây thấy thời gian còn sớm muốn đi một lát rồi trở lại thì phải bạch rồi đi; nếu không bạch mà đi thì như trên đã nói.

Nếu trong xóm làng có đàn việt mời tăng thọ trai, rồi một Tỳ-kheo đi ngang qua nhà ấy, đàn việt bèn mời: "Thưa tôn-giả, hôm nay nhà con cúng dường trai phạn cho chúng tăng, xin mời tôn-giả ở lại thọ trai luôn." Nếu Tỳ-kheo này nhận lời mời tức là cùng ăn. Nếu thấy thì giờ còn sớm, muốn đi nơi khác thì phải bạch rồi mới đi; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra như trên đã nói.

Nếu đàn việt mời chúng Tăng thọ trai rồi Tỳ-kheo khất thực đi ngang qua nhà ấy, đàn việt liền mời: "Hôm nay con mời chúng tăng thọ trai, xin tôn-giả nhận con mời luôn thể." Nếu Tỳ-kheo nhận (**390b**) lời mời, thì nơi đây tức là chỗ cùng ăn. Nếu bỗng chốc, Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tâm bố thí của đàn việt này rất trọng hậu, ta không thể tiêu hóa nổi bữa bố thí này, chi bằng ta đi khất thực

chỗ khác để tạm nuôi thân", rồi bỏ đi, thì phải bạch; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo ai cũng có chỗ để ăn, cùng đi trên đường tới xóm làng rồi bàn nhau: "Hôm nay, chúng ta hãy ăn trước tại một nhà, rồi sau đó... cùng ăn bữa ăn sau tại nhà khác", thì một Tỳ-kheo nên bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đến nhà ăn trước mà có cả năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu rời người cùng ăn, ăn chỗ này chỗ khác mà nhằm lúc có bố thí thức ăn hay thời gian của y, thì cả hai trường hợp ấy đều không có tội. Người thứ hai cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực tại một nhà được một thăng, hai thăng, cho đến một hộc, thì nhận lấy không có tội. Nếu một nhà mà được bốn thăng gạo tẻ, hoặc tám thăng gạo rang, một, hai thăng gạo lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt, thì không được đi xin thêm chỗ khác nữa. Ở đây, thế nào là phạm, thế nào là không phạm? Nghĩa là tất cả các thứ cháo-trừ cháo cá thịt - và cháo ấy khi múc ra khỏi nồi, viết trên mặt không thành chữ (tức cháo lỏng); tất cả bánh; tất cả gạo rang; tất cả trái cây (đều không được kể là) ăn biệt chúng, hay ăn rồi ăn lại, ăn no rồi ăn nữa. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 80 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

81. VÀO VƯƠNG CUNG QUÁ SỚM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây, thuật lại trường hợp phu nhân Mạt Lợi mà kinh Trung A hàm đã đề cập có liên quan đến việc các trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự vào cung giáo giới. Bấy giờ, tôn-giả Ưu-đà-di theo thứ tự vào cung giáo giới

thì gặp lúc phu nhân Mạt Lợi mặc y phục mỏng manh, trơn láng, trang sức vàng bạc ngọc báu trên y phục, đang ngồi giữa hậu cung. Khi Ưu-đà-di vào cung, phu nhân trông thấy sinh tâm cung kính, bỗng đứng bật dậy. Vì được trang điểm bằng vàng bạc ngọc báu nặng và trơn nên y phục tuột xuống đất, khiến phu nhân hổ thẹn đứng trân người ra. Các thị nữ bèn lấy thân đứng che phu nhân. Ưu-đà-di thấy thế liền bỏ đi ra, về lại Tinh xá nói với các Tỳ-kheo: "Này các trưởng lão, lâu nay Vua Ba-tư-nặc che giấu bảo vật, hôm nay tôi đã thấy được."

Thầy thấy thứ gì vậy?

Thấy phu nhân Mạt Lợi.

Này trưởng lão, thầy là người xuất gia, nếu đi vào xóm làng thì phải xem như đi vào nơi hoang vắng, không nên tham luyến thanh sắc, khi thấy thì phải coi như không thấy, nghe thì phải coi như không nghe (mới được).

Tôi đã thấy thực, mà có thể nói là không thấy sao?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo vào trong cung vua.

Do các Tỳ-kheo không vào trong cung nên các phu nhân khác (**390c**) buộc tội phu nhân Mạt Lợi:

Ngươi đã làm cho các Tỳ-kheo không vào cung nữa, khiến chúng ta không được nghe pháp và đảnh lễ chư Tăng.

Vì sao lại oán tôi? Các vị hãy tự đi cầu xin đại vương (về việc đó).

Các phu nhân liền đến thưa với vua: "Thưa đại vương, vì cớ gì mà các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?"

Khi Vua Ba-tư-nặc nghe những lời ấy, liền thân hành đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?

Vì trong đó có những điều tội lỗi, Như Lai đã thấy nên không cho họ vào nữa.

Bạch Thế Tôn, trong đó có những tội lỗi gì con có thể nghe được không?

Này đại vương, Tỳ-kheo không được vào vương cung vì nơi đó có mười tội lỗi như trong kinh Trung A hàm đã nói.

Bạch Thế Tôn, vì Phật thấy những tội lỗi nên cấm Tỳ-kheo vào vương cung; khi con chưa phát sinh lòng tin, thì chính tay phải của con, con còn không tin, huống gì các Tỳ-kheo? Nay Phật đã chế giới thì phải tùy thuận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu bảo vật của phu nhân vua sát-lợi đã làm lễ quán đỉnh chưa cất mà Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Vua: Gồm có các chủng tộc sát-đế-lợi, bà-la-môn, ưu-già-la vương, xả-già-da vương, bà-na vương v.v...

Nếu vì vua ấy không thuộc dòng dõi sát-lợi (thì Tỳ-kheo) vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi mà không được làm lễ quán đỉnh, (thì Tỳ-kheo) vào (vương cung) không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi đã làm lễ quán đỉnh mà không có lãnh thổ, thì Tỳ-kheo vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi sát-lợi, đã làm lễ quán đỉnh, có đất nước thì Tỳ-kheo không được vào vương cung.

Vào cung: Vào nội cung.

Phu nhân của vua chưa cất bảo vật: Phu nhân của vua chưa cởi những châu báu trang sức đem cất. Trong trường hợp này, nếu Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu nhà vua mới làm cung điện, có lòng tin, hoan hỉ, mời Tỳ-kheo như sau: "Thưa tôn-giả, xin tôn-giả hãy vì tôi mà sử dụng trước cung điện này", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không cho chúng tôi vào vương cung." Nếu nhà vua nói tiếp: "Tôn-giả có cách nào giúp khai thông vấn đề này không?", thì nên đáp: "Chỉ khi nào phu nhân của vua cởi châu báu trong người ra, thì tôi mới vào vương cung được." Và khi phu nhân đã cởi hết châu báu ra rồi, thì Tỳ-kheo được vào. Nhưng khi vào rồi, nếu phu nhân của vua lại tuần tự mang các bảo vật vào, thì Tỳ-kheo không được bỏ ra đi, mà cứ ngồi yên, khi ấy không có tội. Nếu như trong khoảng thời gian ấy Tỳ-kheo đi ra ngoài đại tiểu tiện, (**391a**) thì không được vào trở lại. Nếu vào lại thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu tại những nơi vua thường du ngoạn ngắm cảnh như ao hồ rừng núi, có lập ra hành cung, mà phu nhân của vua đã cởi hết châu báu đeo trong mình, đồng thời nơi đây có bảy lớp cửa, thì Tỳ-kheo vào cửa thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cho đến cửa thứ sáu không có tội. Nhưng nếu bước một chân vào cửa thứ bảy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu bước cả hai chân vào khỏi cửa thứ bảy, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vua đã đi du ngoạn, khi phu nhân đã cởi hết bảo vật trong mình, hành cung trống không, mọi người vào xem, thì Tỳ-kheo vào không có tội. Hoặc giả, vua có lòng tin, quý mến Tỳ-kheo, dùng tay dắt Tỳ-kheo vào, thì vào không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 81 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

82. DÙNG XƯƠNG, SỪNG LÀM ỐNG ĐỰNG KIM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên; trong thành này có người thợ làm ngà voi tên là Pháp Dự. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến nhà ấy, nói: "Này đàn việt, hãy làm giúp tôi một ống đựng kim." Người thợ này bèn làm cho thầy một ống đựng kim không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận, thầy liền cầm về phòng. Các Tỳ-kheo trông thấy thế, liền hỏi: "Trưởng lão, thầy được ống đựng kim ở đâu mà không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận như vậy?" Thầy đáp: "Ông thợ làm ngà voi tên là Pháp Dự làm cho tôi đó." Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đến đó xin. Người thợ ngà voi thầm nghĩ: "Các Tỳ-kheo đều cần đến ống đựng kim, hơn nữa chúng Tăng là ruộng phước tốt đẹp, vậy ta nên mời chúng Tăng đến nhà cúng dường ống đựng kim." Nghĩ thế, ông bèn đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư tăng, bạch rằng: "Con là Pháp Dự, xin mời chư Tăng đến nhà con cúng dường ống đựng kim." Các Tỳ-kheo nghe vậy, ai nấy đều đến lấy, có người lấy một cái, có người lấy hai, ba, thậm chí lấy mười cái, do thế, ngà voi hết sạch. Đàn việt liền nói: "Ngà đã hết, giờ chỉ còn xương, vị nào cần thì con sẽ làm." Các Tỳ-kheo đáp: "Chúng tôi đều cần." Nhưng rồi xương cũng hết, nên người thợ thưa: "Xương cũng hết cả, giờ chỉ còn sừng, thầy nào cần, con sẽ làm." Các Tỳ-kheo đáp: "Chúng tôi đều cần." Nhưng vì những người đến đòi quá đông, người thợ không lấy gì để cung cấp nổi.

Bấy giờ, tôn-giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ khất thực, tuần tự đi đến nhà ấy. Bà vợ của Pháp Dự vốn có tín tâm, hoan hỉ, hơn nữa đã từng quen biết Xá-lợi-phất, nên đem thức ăn ra cúng dường, đồng thời cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng ngay trước mặt. Xá-lợi-phất liền hỏi: "Này chị em, gia cảnh thế nào? Cơ nghiệp có gia tăng không?"

Trong nhà cũng tàm tạm, nhưng cơ nghiệp không gia tăng.

Vì sao vậy?

Thưa tôn-giả, ông chồng con mời các Tỳ-kheo về nhà cúng dường ống đựng kim, các Tỳ-kheo hoặc lấy một cái, hoặc lấy hai, ba, thậm chí lấy đến mười cái, nên ngà hết sạch; rồi lấy xương, xương hết, lại lấy sừng. Nhưng vì có quá nhiều người đến đòi nên không lấy gì để cung ứng. Thưa tôn-giả, mọi sinh hoạt trong gia đình con như việc ăn của con cái, cung cấp sưu thuế cho quan trên đều dựa vào cái nghề này. Vì tôn-giả là người mà con rất kính trọng nên mới dám bộc bạch như vậy. Cũng vì thế mà chồng con (**391b**) khi ở nhà thì nói là không ở nhà, đang thức thì bảo là ngủ v.v...

Bấy giờ, tôn-giả Xá-lợi-phất bèn tùy thuận thuyết pháp, làm cho bà hoan hỷ, rồi trở về Tinh xá, đem sự tình ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ các việc kể trên:

Các ông có việc như thế thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, ta không cho phép dùng ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo dùng răng, xương, sừng làm ống đựng kim, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Răng: Như các loại răng voi, răng cá, răng ma già la, răng heo v.v...

Xương: Như các loại xương voi, xương ngựa, xương bò, xương lạc đà, xương rồng...

Sừng: Như các loại sừng bò, sừng trâu, sừng tê giác, sừng nai, sừng dê v.v...

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm thì phải phá bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nếu không phá bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi đức Thế Tôn chế giới không cho dùng răng, xương, sừng làm ống đựng kim, thì các Tỳ-kheo bèn dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngọc báu để làm. Vì vậy Phật dạy: "Ta không cho phép dùng vàng, bạc, châu báu làm ống đựng kim mà nên dùng đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiết, tinh đồng, đồng trắng, tre, gỗ, lụa Khâm-bà-la, lông chim, cho đến dùng cái đai của túi đựng bát để làm." Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 82 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

83. LÀM CHÂN GIƯỜNG CAO QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ vào các ngày trai trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, nhân dân trong thành rời khỏi thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Lúc ấy, hoàng tử của Vua Ba-tư-nặc cũng đến đảnh lễ. Sau đó, ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch rằng: "Tôi muốn đi tham quan, xin chỉ cho tôi xem các chỗ." Các thầy đáp: "Rất tốt", rồi dẫn hoàng tử lên gác, nói: "Hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo." Lần lượt đi đến chỗ ở của Nan-đà, hoàng tử thấy trên sàn nhà màu xanh đặt một chiếc giường cao lớn, trên

giường trải một cái nệm dày, êm ái, hai đầu giường để những cái gối. Thấy thế, liền hỏi:

Thưa tôn-giả, giường nệm này của ai vậy?

Của tôi đấy.

Những thứ này quá sang trọng, không thích hợp cho Tỳ-kheo.

Nếu không thích hợp với tôi thì ai nên dùng nó?

Vua hay hoàng tử sử dụng chúng mới thích hợp.

Tôi không phải hoàng tử sao? Nếu đức Thế Tôn không xuất gia thì Ngài xứng đáng làm Chuyển luân thánh vương, thống trị bốn phương thiên hạ, tất cả các ngươi sẽ là con dân của chúng ta. (**391c**) Nhưng Thế Tôn không thích làm như thế mà xuất gia, thành Phật, làm đấng Pháp vương. Ta là con của đấng Pháp vương, giả sử trang sức những thứ sang trọng hơn nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe rồi, hổ thẹn im lặng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi các thầy tới rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

Các ông có những việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông trang bị giường nệm lộng lẫy để cho người đời đàm tiếu? Từ nay về sau, ta không cho phép làm giường quá mức độ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn chế giới không cho làm giường cao quá mức quy định, các Tỳ-kheo liền theo quy định cắt bớt chân giường nhưng lại kê thêm dưới chân. Bấy giờ nhằm các ngày chay trong tháng như mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành ra ngoài thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Vương tử của Vua Ba-tư-nặc cũng tới đảnh lễ. Rồi ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: "Xin

tôn-giả hãy chỉ cho tôi xem các nơi." Cuối cùng, ông đến phòng Nan-đà, thấy chân giường bị cắt, liền hỏi:

Vì sao mà cắt cái chân giường này?

Cắt bớt cho đúng theo sự quy định của Thế Tôn.

Nếu Thế Tôn bảo cắt bớt đầu mà lại kê thêm dưới chân thì có khác gì nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau làm chân giường phải đúng theo mức quy định, Ta không cho phép kê thêm dưới chân." Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo làm chân giường thì phải làm đúng mức quy định, nghĩa là chiều cao tám ngón tay, ngoại trừ chỗ tra vào thành giường; nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Giường: Loại giường ngồi, giường nằm gồm tất cả có mười bốn loại, như đã nói ở trước. Nếu làm quá mức quy định thì phạm tội.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tu Già-đà: Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Tám ngón tay: Tám ngón tay của Phật.

Quá: Quá mức quy định.

Trừ chỗ tra vào thành giường: Từ chỗ lỗ trống trở xuống, (nếu thừa) thì cắt bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm giường rồi ngồi suốt ngày trên đó thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu ngồi trên giường người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kê thêm chân giường cũng phải kê đúng kích thước đã quy định và vững chắc.

Nếu mình là Tỳ-kheo khách đi đến trú xứ nào mà được phân phối giường theo thứ tự, nhưng giường cao quá mức quy định thì nên bảo thầy tri sự cho mượn cái cưa. Nếu hỏi mượn để làm gì, thì đáp: "(**392a**) Cái giường này cao quá mức độ, tôi muốn cưa bớt chân cho đúng pháp." Nếu thầy tri sự nói: "Đừng cưa bớt, đàn việt thấy sẽ không vui", và mình cũng không ở đó lâu thì nên đào đất chôn chân giường xuống cho bằng mức quy định. Nếu mình còn ở lại lâu, thì nên dùng ống bằng gỗ bọc lại đoạn chân giường bị chôn dưới đất, đừng để nó bị hư hoại.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng đến nhà đàn việt ngồi, mà ngồi cái giường cao, thì không được ngồi để thòng đôi chân. Nếu đó là gia đình quen biết cũ thì nên bảo họ đưa cái ghế nhỏ để gác chân. Nếu đó không phải là nhà quen biết cũ thì nên bảo họ đưa viên gạch hay cục gỗ dùng để gác chân mà ngồi. Nhưng nếu ngồi trên giường cao ở nhà phước thiện thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 83 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

84. DỒN BÔNG LÀM NỆM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhằm các ngày chay trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành đi đến thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn. Vương tử Vua Ba-tư-nặc cũng đến đảnh lễ. Rồi ông đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: "Xin trưởng lão hãy chỉ cho tôi xem các nơi." Các thầy nói: "Tốt lắm", rồi liền dẫn Vương tử lên trên gác, vừa chỉ vừa nói: "Này Vương tử, hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà nhà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo kia kìa"; đoạn, dẫn về phòng mình. Thấy trên nền phòng màu xanh có đặt một chiếc giường đẹp, trên giường trải một tấm nệm bông, hai đầu giường để những cái gối, rồi trải tấm ra trắng lên trên; thấy thế, Vương tử liền hỏi:

Đồ đạc này của ai vậy?

Của tôi đó.

Những thứ này quá đẹp đẽ, lộng lẫy, không phù hợp với tôn-giả.

Nếu không phù hợp với tôi thì ai nên sử dụng chúng?

Vua, vương tử và đại thần dùng chúng mới thích hợp.

Tôi không phải Vương tử sao? Nếu Thế Tôn không xuất gia thì Ngài xứng đáng làm Chuyển luân Thánh vương, làm vua bốn phương thiên hạ, tất cả bọn ngươi sẽ là con dân của chúng ta; nhưng Thế Tôn không thích làm vua mà Ngài đã xuất gia, thành Phật làm đấng Pháp luân vương. Ta là vương tử của Pháp luân vương, giả sử trang bị hơn thế nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì dùng những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe xong, hổ thẹn không nói lời nào. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông dùng bông làm nệm khiến cho người đời đàm tiếu? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng bông làm nệm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng bông làm nệm, để ngồi hay nằm thì phải moi bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Bông: Gồm các loại như bông a già, bông bà già, (**392b**) bông Cưu tra xà, bông giác, bông cỏ, bông Ca-thi, bông hoa và các loại khác. Đó gọi là bông. Phải moi bông trong nệm ra hết rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Khi moi bông ra, phải đập giũ làm cho hết; nếu không hết, thì nhúng nước cho ướt tay, chà lên làm cho sạch, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, rồi trọn ngày ngồi trên đó, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi trở lại, thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên bông của người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nhồi bông làm gối dùng gối đầu, kê chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng vì bệnh mà gối đầu, kê chân, thì không có tội. Nếu dùng da nhồi bông làm gối thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Vì cả da và bông.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, rồi bị gió thổi bông bay dính trên y, mà túm y lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ sạch rồi mới ngồi.

Nếu xe chở bông hay có người gánh, mang bông đi rồi bông bị gió thổi bay dính lên y của Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo túm lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ hết bông, rồi mới ngồi.

Nếu chỗ đất có phủ bông cỏ thì Tỳ-kheo không được ngồi. Nếu Tỳ-kheo đi ngang qua ruộng có bông giác, khiến bông dính trên y, thì không được ngồi, phải giũ hết rồi mới ngồi. Nếu trải bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dồn đống bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trồng ruộng bông, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì luật sư, pháp sư mà trải tòa sư tử, rải hoa, mà hoa dính trên tòa thì không được ngồi, phải phủi hết hoa, rồi mới ngồi, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 84 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

85. LÀM TỌA CỤ QUÁ QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm điều lợi ích nên Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy giường nệm ngọa cụ của các Tỳ-kheo có những vết nhớp dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi giống như hoa mạn đà la đang phơi giữa nắng gắt, Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Giường nệm ngọa cụ của ai mà dơ nhớp bẩn thỉu thế này?

Bạch Thế Tôn, đó là ngọa cụ của các Tỳ-kheo vì không dùng vật gì che đậy nên bị dơ nhớp như vậy.

Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ.

Lại nữa, khi Phật cho phép làm tọa cụ rồi, các Tỳ-kheo bèn may tọa cụ nhiều lớp. Vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy những vải vóc, tọa cụ dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi, giống như hoa mạn đà la đem phơi ngoài nắng gắt, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Những tọa cụ của ai để nguyên tua vải mà may, cáu bẩn dơ dáy thế này?

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cho phép làm tọa cụ, (**392c**) nên các Tỳ-kheo bèn để nguyên tua vải mà may như vậy.

Vì sao các ông lại để nguyên tua vải mà may tọa cụ? Từ nay về sau phải làm cho đúng mức, chiều dài hai gang tay tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhiều Tỳ-kheo đang ở tại giảng đường, bàn bạc như sau: "Này Trưởng lão, Thế Tôn chế tọa cụ lớn nhỏ, nếu trải chỗ ngồi thì hai đầu gối không có, nếu đắp trên hai đầu gối, thì chỗ ngồi lại không có." Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Vị Thượng tọa trong chúng Tăng là ai?

Xá-lợi-phất, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với Xá-lợi-phất: "Nhiều vị phạm hạnh bàn về việc đó, vì sao ông ngồi im lặng mà nghe? Nay Ta phạt ông phải đứng phơi nắng."

Xá-lợi-phất nhận sự trừng phạt, đứng phơi nắng ngoài trời. Các Tỳ-kheo liền đến trước Thế Tôn sám hối và bạch rằng: "Bạch Thế Tôn, tôn-giả Xá-lợi-phất thân thể mảnh mai yếu đuối, xin Thế Tôn tha thứ lỗi lầm cho thầy, chớ để thầy mất vui."

Phật nói: "Chẳng những ngày nay tâm ông ấy không thể lay chuyển mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Xà Bản Sinh đã nói rõ. Con rắn lúc ấy là Xá-lợi-phất, tâm nó rất kiên cố không hề lay chuyển."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy tấm nệm của Tăng ở giữa mới tốt, nhưng hai bên dơ bẩn, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, ngọa cụ này của ai mà ở giữa thì mới tốt nhưng hai bên dơ bẩn thế này?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế tọa cụ nhỏ che không đủ, nên chỗ được che thì sạch, còn chỗ không che thì dơ.

Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ hai lớp, nhưng không được làm một cách tùy tiện, mà nên dùng loại vải cũ nhỏ may thành hai lớp. Nếu dùng vải Khâm-bà-la thì một lớp, còn vải Kiếp bối thì làm hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn-giả A-na-luật vắt tọa cụ trên vai, đến đảnh lễ dưới chân Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi: – Vật gì trên vai ông vậy?

Bạch Thế Tôn, đó là tọa cụ nhỏ. Song cái tọa cụ này nhỏ quá, xin Thế Tôn cho phép tăng thêm lên.

(**393a**) Tăng thêm chừng bao nhiêu là vừa đủ?

Bạch Thế Tôn, chừng một gang tay.

Ta cho phép tăng thêm một gang tay.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ thì phải làm đúng kích thước chiều dài hai gang tay Tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi, lại tăng thêm (mỗi chiều) một gang tay nữa. Nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tọa cụ: Đức Thế Tôn cho phép làm với mức độ chiều dài hai gang tay Tu Già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Chiều dài: Tức chiều dọc.

Chiều rộng: Tức chiều ngang.

Tu Già-đà: Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Gang tay: Gang tay của đức Như Lai dài hai thước bốn tấc.

Thêm một gang tay: Gấp hai, ba lớp (miếng) vải rồi kết nối thêm vào tọa cụ. Nếu quá mức quy định thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, hoặc sai người khác làm chiều dài đúng cỡ, chiều rộng quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hoặc sai người khác làm chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ, hay ở giữa đúng cỡ, ở ngoài rìa quá cỡ, hay ở ngoài rìa đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô mà vẫn còn dài lớn quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi làm phải làm đúng cỡ, không được làm quá cỡ.

Tọa cụ là loại vật dụng bằng vải vóc dùng để ngồi, nên không được làm ba y, không được tịnh thí, hay dùng để lót củi, cỏ hoặc lau chùi, mà chỉ được dùng để trải ngồi.

Nếu đi đường thì được xếp lại để trên túi y, hay vắt trên vai rồi mang đi. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 85 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

86. MAY Y CHE GHẺ QUÁ KÍCH THƯỚC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, thấy y bị dính đầy máu mủ của ghẻ lở đang phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Y của ai mà dơ bẩn thế này?

Bạch Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở nên y phục dơ bẩn như thế.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo được may y che ghẻ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo không cắt các tua ở lề tấm vải mà may nguyên như vậy. Vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy những chiếc y che ghẻ được may với những tua vải, dính đầy máu mủ đang phơi ngoài nắng. Tuy biết (**393b**) nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo.

Y của ai mà may cả những tua vải, dơ bẩn như thế này?

Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo may nguyên cả những tua vải, nên bị dính máu mủ dơ như thế đó.

Vì sao các ông để nguyên cả tua vải may y che ghẻ? Từ nay về sau may y che ghẻ phải đúng với kích thước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo may y che ghẻ thì phải may đúng theo kích thước, chiều dài bốn gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu may quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y che ghẻ: Thế Tôn cho phép may với kích thước dài rộng theo gang tay của Tu Già-đà, như trên đã nói. Nếu quá kích thước thì cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước, ngoài lề quá kích thước, hoặc ngoài lề đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi xếp lại đo, gấp lại đo, thấm nước đo, rồi đem phơi khô mà còn dài rộng quá cỡ, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Cho nên cần phải làm đúng theo kích thước.

Loại y che ghẻ và y tùy thân không được dùng làm ba y, không được tịnh thí, không được dùng để gói củi, cỏ, hay lau chùi. Khi muốn vào xóm làng thì mặc y che ghẻ trước mặc y Tăng-già-lê sau, rồi buộc chặt lại. Khi trở về, thì cởi y Tăng-già-lê đập giũ, xếp lại, cất vào chỗ cũ, còn y che ghẻ thì đừng cởi, nếu cởi vảy ghẻ sẽ lột ra chảy máu, cần ngâm mình dưới nước, nhưng không được ngâm mình ở chỗ Tăng chúng thường tắm, mà nên ngâm ở chỗ vắng vẻ. Sau khi y đã thấm nước thì cởi ra giặt cho sạch. Lúc tắm xong, nên dùng nó lau mình. Cách sử dụng hằng ngày cũng đều như vậy. Đến khi ghẻ lành thì được dùng nó làm ba y và tịnh thí, ngoại trừ việc dùng tiếp tục. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 86 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

87. MAY ÁO TẮM MƯA QUÁ KÍCH THƯỚC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trong ba mươi việc, nhất là vấn đề liên quan đến Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu bố thí y tắm mưa cho các Tỳ-kheo trong vòng mười hai do diên.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo không cắt bỏ các tua vải, cứ để nguyên như thế mà may. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy những tua vải của y tắm mưa bị dơ bẩn được đem phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Y phục của ai mà để nguyên cả tua vải may dơ bẩn như thế?

(**393c**) Bạch Thế Tôn, sau khi Phật cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo để nguyên cả tua vải may nên trông nhơ bẩn như thế.

Vì sao các ông lại để nguyên cả tua vải may y tắm mưa? Từ nay về sau phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo may y tắm mưa phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu Già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y tắm mưa: Đức Thế Tôn quy định kích cỡ, chiều dài sáu gang tay Phật, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Chiều dài, chiều rộng của gang tay Phật như trên đã nói. Nếu quá kích cỡ thì phải cắt bỏ rồi

sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước mà ở ngoài biên quá kích thước, hoặc ở ngoài biên đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hay sai người khác làm như gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô, mà làm xong còn dài rộng quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vị Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính thì Tăng nên mời chia y tắm mưa. Năm đức tính đó là: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ hãi; (4) Không ngu si; (5) Biết ai được chia, ai không được chia.

Thầy yết-ma nên tác bạch như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa." Đây là lời tác bạch.

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nay Tăng mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng mời Tỳ-kheo mỗ giáp chia y tắm mưa, nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy."

Sau khi làm yết-ma xong nên xướng ở giữa Tăng: "Thưa các đại đức, các vật được chia ở đây sai khác không đồng nhau, cỡ chừng bốn ngón, tám ngón tay thì theo lý không được kể đến." Nếu không xướng như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Từ ngày mồng một tháng tư trở đi, hễ được y tắm mưa, thì lần lượt chia từ Thượng tọa trở xuống. Khi đã có rồi thì không được tắm khỏa thân, cũng không được mặc y tắm mưa thường xuyên mà nên mặc những y cụ khác. Nếu ở chỗ vắng hoặc chỗ nước sâu thì tắm khỏa thân không có tội.

(**394a**) Không được mặc y tắm mưa làm các việc trong chúng Tăng như dọn quá đường, lau nhà, hốt tro trắng, hốt bùn, lợp nhà, khai thông rãnh nước, đào giếng, mà nên mặc những cái y cũ khác làm các việc ấy.

Y tắm mưa này không được dùng làm ba y; không được dùng tịnh thí; không được dùng vào những việc như đi lấy củi, cỏ, hay lau chùi; không được mặc vào trong những ao nước, vũng nước để tắm. Được mặc khi có mưa lớn, nhưng mưa nhỏ thì không được mặc. Nếu cơn mưa lớn bỗng dưng hết, mà cáu bẩn chưa sạch, thì được mặc vào trong ao, trong vũng nước để tắm.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thổ tả rồi uống thuốc, hay lể đầu chảy máu, hoặc lúc thọ trai ở chỗ trống, thì được dùng y này làm màn để che.

Y tắm mưa này được sử dụng từ nửa tháng tư đến rằm tháng tám. Khi mãn hạn nên xướng giữa Tăng rằng: "Thưa các đại đức, hôm nay Tăng xả y tắm mưa." Xướng ba lần như vậy. Khi đã xả rồi, được dùng làm ba y, hoặc tịnh thí, hoặc dùng vào các việc khác. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 87 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

88. MAY Y QUÁ CỠ Y PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo mặc y để nguyên các tua vải. Các ngoại đạo cũng mặc y để nguyên các tua vải. Khi ấy Ưu-bà-tắc muốn đảnh lễ Tỳ-kheo,

lại đảnh lễ nhầm ngoại đạo, đến khi nghe lời chúc nguyện khác lạ, mới biết không phải là Tỳ-kheo, nên thấy mắc cỡ. Trái lại, đệ tử của ngoại đạo muốn đảnh lễ ngoại đạo, lại đảnh lễ nhầm Tỳ-kheo; hai bên có những nhầm lẫn như vậy. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, y của Tỳ-kheo phải cắt bỏ những cái tua để tác tịnh và nhuộm để tác tịnh."

Các ngoại đạo vì muốn cho mình khác với Tỳ-kheo nên dùng son, đá đỏ nhuộm y, cầm gậy có ba nấc và chiếc bình nhỏ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang dã khi được y Câu xá da, muốn mặc, bèn dùng màu để nhuộm, như ba loại màu dùng để nhuộm y mà ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, Tỳ-kheo được y Khâm-bà-la cũng như trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, tôn-giả Tôn-đà-la-nan-đà vốn là con trai di mẫu của Phật, có ba mươi tướng. Sau bữa ăn, thầy từ thành xá-vệ đi ra, có A-nan đi theo sau, như: trong việc ba màu y ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành xá-vệ, lúc ấy, tôn-giả A la quân trà may y của mình theo kích thước y của Phật, rồi mặc đi vào thành xá-vệ. Vị Tỳ-kheo này thân lùn mà y dài, nên kéo lê y trên đất mà đi, do vậy, bị người đời đàm tiếu rằng: "Sa-môn Thích tử kéo lê y mà đi." Lại có người mỉa mai: "Ông không biết sao? Y của sa-môn Cù-đàm không phải do chính cha mẹ mình may, mà là nhặt của người ta vứt, nên mới như vậy."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. (**394b**) Phật liền bảo gọi A la quân trà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, nên tùy theo kích cỡ của thân mình mà may y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Khi Tỳ-kheo may y thì phải căn cứ kích cỡ y của Như Lai để may, nếu may quá kích cỡ phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Cỡ y của Như Lai chiều dài chín gang tay Tu Già-đà, chiều rộng sáu gang tay. Đó gọi là cỡ y của Như Lai.***

*

❖ Giải thích

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà dài đúng cỡ, rộng quá cỡ, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ hoặc ở giữa đúng cỡ, ngoài biên quá cỡ, hoặc ngoài biên đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, hoặc gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô mà còn dài rộng, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi may nên may giảm kích thước, không được may quá kích thước, và phải tùy theo kích cỡ của thân mà may.

Y Tăng-già-lê có ba loại: Thượng, trung, và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra. Khi đắp y dùng hai ngón tay căng ra mà đắp.

Y Uất-đa-la-tăng có ba loại: Thượng, trung và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Y An đa hội cũng có ba loại: Thượng, trung, và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Cuối cùng cho đến loại Phú tam mạn đà la, quần v.v... Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 87 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

Hết quyển hai mươi

TÔN KÍNH ẤN TỐNG

Thượng toạ Thích Thiện Ý
Trụ trì Chùa Từ Quang, Thủ Đức

SÁCH KÍNH BIẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 – 39142419 – Fax: (028) 39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Biên tập: Trần Thị Hoàng Tân
Sửa bản in: Mai Hoàng
Bìa & Trình bày: TN Nguyễn

Đối tác liên kết:
Chùa Dược Sư - 464 Lê Quang Định, P. 11, Q. Bình Thạnh

Số lượng: 500 cuốn, khổ 16x24cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.
Số đăng ký KHXB: 2484-2019/CXBIPH/4-98/VNTPHCM.
Quyết định xuất bản số: 396-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 15/7/2019.
Mã số ISBN: 978-604-68-5735-8. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019.

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 3

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

CỐ VẤN

Hòa thượng **Thích Giác Toàn**

Hòa thượng **Thích Nguyên Giác**

THỰC HIỆN

Tỳ kheo **Thích Thiện Ý**

Tỳ kheo **Thích Minh Hải**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Thưa quý vị thiện hữu trí thức và quý Phật tử,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn là một bậc chân tu thật học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài sống đơn giản thanh bần trong chốn thiền môn; ứng xử nhẹ nhàng, tao nhã trong giao tiếp; hết lòng dạy dỗ Tăng Ni sinh các thế hệ trong giáo dục; cẩn trọng tham chiếu nhiều nguồn kinh văn sử liệu trong nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và trí đức.

Từ năm 1991, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Viện đã trân trọng mời Trưởng lão Hòa thượng tham gia các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu của Viện. Trải dài theo năm tháng tinh cần làm việc, Ngài được Giáo hội tin tưởng và cung cử làm thành viên của Hội đồng phiên dịch, rồi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2007 - 2012 và 2012 - 2017). Hiện nay, Ngài là thành viên Ban Chứng minh của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2017 – 2022).

Năm nay – 2019, các đệ tử thân tín của Trưởng lão Hòa thượng phát tâm sưu tầm tất cả công trình biên soạn, sáng tác, dịch thuật của Ngài kết tập thành *Toàn tập Thích Phước Sơn,* làm Pháp bảo lưu bố cho thế hệ hậu lai. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tán thán việc làm có ý nghĩa và giá trị này.

Xin trân trọng giới thiệu công trình Toàn tập này đến chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Nguyện cầu Chánh pháp được lan truyền khắp chốn, Tăng Ni Phật tử ân triêm pháp lạc, tinh tấn tu hành, lợi lạc nhân thiên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

LỜI CẨN BẠCH

Thầy của chúng con, đức Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Phước *hạ* Sơn, là một bậc Phạm hạnh, suốt cuộc đời cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo. Thầy từng làm Hiệu trưởng trường Bồ đề - Nha Trang, sau đó vào niềm Nam gắn bó với đức cố Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Minh *hạ* Châu, người đã khai sáng viện Đại học Vạn Hạnh, tạo tiền đề cho hệ thống các Học viện Phật giáo ngày nay, nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni lãnh đạo của Phật giáo Việt Nam. Trong nhiều thập niên, Thầy tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Huế; Thầy còn giữ vai trò Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Chắc hẳn, nhiều thế hệ Tăng Ni đã thọ ân giáo dưỡng của Thầy, đều có chung một cảm nhận về sự tận tâm và uy nghiêm của một bậc Thầy khả kính.

Là một người may mắn được gần gũi và thọ ân giáo dưỡng của Thầy, chúng con cảm thấy hạnh phúc và biết ơn Thầy, vì Thầy đã dạy những bài học quí báu và thâm sâu cho chúng con có được tuệ mạng như ngày hôm nay. Đặc biệt, qua thân giáo của Thầy, chúng con có đủ niềm tin vững chãi nơi giáo lý của đức Thế Tôn để vượt qua những khó khăn trên bước đường tu học và hành đạo.

Nhằm lưu giữ các tài liệu mà một cuộc đời Thầy đã trước tác, biên dịch, từ những bản giới kinh tinh hoa dành cho Tăng Ni; cho đến những giáo lý phổ thông dành cho hàng người cư sĩ Phật tử, chúng con đã thỉnh ý của Thầy, và đã được Thầy hứa khả cho phép thực hiện bộ *Toàn tập Thích Phước Sơn*. Chúng con thực hiện công việc này, như một phần tránh sự thất lạc các di sản văn hoá phẩm của Thầy. Đồng thời, đây cũng là món quà kính dâng Thầy với lòng biết ơn của người đệ tử, người học trò đã có thiện duyên gắn bó với Thầy trong ánh đạo vàng của đức Như lai.

Năm nay (2019), Thầy đã tám mươi ba lần sinh nhật, tuy sức khoẻ của Thầy không được như ngày nào lên bục giảng, hướng dẫn từng chữ Hán cổ, giải thích cho chúng con hiểu rõ thâm ý ẩn chứa bên trong những lời dạy của đức Phật và chư Tổ. Nhưng chúng con cảm thấy hạnh phúc và ý thức rất rõ Thầy vẫn còn hiện hữu, có mặt với chúng con trong Thiền thất sáng chiều ở Vạn Hạnh. Vì vậy mà chúng con đang tích cực làm việc để hoàn thành công trình Toàn tập dâng lên Thầy, khi Thầy còn khoẻ, còn thấy và còn đọc được các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm của Thầy đã xuất bản suốt mấy mươi năm qua, gồm có:

1. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu lược giảng (dịch), 2008
2. Giải trình ý nghĩa Vu Lan, 2004
3. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo nguyên thủy (đồng dịch, 2 tập), 2015
4. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch), 2008
5. Luật học tinh yếu, 2006
6. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập), 2003
7. Một số vấn đề về giới Luật, 2006
8. Phật học khái yếu, 2010
9. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch), 2000

10. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (dịch, 2 tập), 2008

11. Tam tổ thực lục, 1995

12. Thanh tịnh đạo luận toản yếu, 2006

13. Thơ thiền Việt Nam, 2002

14. Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật, 2013

15. Truyện cổ Sự tích cứu vật phóng sinh (dịch), 2001

16. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (đồng dịch), 2012

Các tác phẩm của Thầy phần lớn được dịch từ Hán tạng, gồm giới kinh và các nguồn văn học Phật giáo Đại thừa với tư tưởng uyên thâm về triết học và tâm lý học. Với gần hai mươi tác phẩm, khoảng hơn tám ngàn trang, ban biên tập dự kiến sẽ in thành mười sáu tập, mỗi tập khoảng năm trăm trang. Chúng con đã cố gắng biên tập và sắp xếp các tác phẩm theo chủ đề, nhưng chắc chắn không sao tránh khỏi sự rời rạc vì có khi bố cục hai tác phẩm trong một tập, không cùng chung một chủ đề.

Chúng con không quên tỏ lòng biết ơn chư vị đồng dịch giả đã chấp thuận cho in các bản dịch chung trong bộ Toàn tập này. Sau cùng, chúng con kính đảnh lễ Thầy với lòng quí kính, và niệm ân Thầy đã cho phép chúng con thực hiện công việc ý nghĩa này.

Thiền viện Vạn Hạnh,
Phật đản, 2563 – 2019
Thích Minh Hải

Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

TẬP III
Quyển 21 - 30

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đỗng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bổn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đỗng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng diễm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đấng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lí, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cảo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoan tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC
TẬP 3

Lời giới thiệu i
Lời cẩn bạch iii
Lời nói đầu viii

BA-DẠ-ĐỀ

Quyển 21: 89. Vô cớ vu khống người khác 889
90. Xoay vật của tăng về cho người khác 892
91. Cố ý nói dối để chạy tội 896

PHÁP ĐỀ-XÁ-NI

1. Nhận thức ăn tại a-luyện-nhã 900
2. Nhận thức ăn của tỳ-kheo-ni 904
3. Ăn thức ăn do ni vận động 909
4. Nhận thức ăn của nhà học gia 911

PHÁP CHÚNG HỌC

1. Mặc nội y tề chỉnh 918
2. Đắp y tề chỉnh 919
3. Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y 920
4. Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y 921
5. Nói khẽ khi vào nhà bạch y 922
6. Không được cười đùa khi vào nhà bạch y 923
7. Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y 924
8. Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y 925
9. Không được đi nhón gót vào nhà bạch y 926
10. Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y 927
11. Không được đi ẻo lả vào nhà bạch y 928
12. Không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y 929

13. Không được vẫy tay đi vào nhà bạch y 930
14. Che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y 931
15. Ngó thẳng đàng trước khi ngồi trong nhà bạch y 932
16. Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y 933
17. Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y..... 934
18. Không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y 935
19. Không được vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y 936
20. Không được ngồi bó gối trong nhà bạch y 937

Quyển 22: 21. Không được ngồi tréo chân trong nhà cư sỹ (bạch y). . 939
22. Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y 940
23. Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y .941
24. Chú tâm nhận đồ ăn..... 942
25. Nhận cơm và canh bằng nhau 943
26. Không được moi xung quanh bát mà ăn 944
27. Không được lùa thức ăn trong miệng
từ bên này qua bên kia mà ăn 945
28. Không được le lưỡi ra ăn 946
29. Không được ăn những miếng cơm lớn..... 947
30. Không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn 948
31. Không được ném thức ăn vào miệng 949
32. Không được cắn một nửa món ăn mà ăn 950
33. Không được ngậm thức ăn mà nói 951
34. Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn 952
35. Không được liếm tay mà ăn..... 953
36. Không được mút ngón tay mà ăn 954
37. Không được nhai thức ăn ra tiếng 955
38. Không được hút thức ăn mà ăn 956
39. Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn 956
40. Không được làm rơi cơm khi ăn..... 958
41. Không được vung tay khi ăn 959
42. Không được nhìn trong bát của người bên cạnh
với tâm xoi bói..... 960
43. Giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn 961
44. Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn 962
45. Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được
thêm canh..... 963

46. Không được dùng tay bẩn cầm ly nước..... 964
47. Không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất... 965
48. Không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe 966
49. Không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe..... 968
50. Không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe 969
51. Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe .. 971
52. Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe..... 972
53. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe..... 973
54. Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe 974
55. Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe 976
56. Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe 977
57. Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe 979
58. Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.. 980
59. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe..... 981
60. Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe 983
61. Không được thuyết pháp cho người đi trước mình nghe . 984
62. Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe 985
63. Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe 987
64. Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi..... 989
65. Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước..... 989

PHẨM TẠP TỤNG

Quyển 23: 1. Thể thức thọ Cụ túc 994
1) Tự thọ cụ túc..... 994
2) Thiện lai thọ cụ túc..... 994
3) Thập chúng thọ cụ túc 996
4) Ngũ chúng thọ Cụ túc 1008

CÁC GIÀ NẠN

1/ Hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni 1016
2/ Sống trong chúng để trộm pháp 1018
3/ Kẻ lừa đảo..... 1020

4/ Ngũ vô gián (ngũ nghịch) 1020
5/ Sáu loại người không thể làm đàn ông 1021
6/ Nhỏ quá 1023
7/ Già quá 1024
8/ Bị chặt tay 1025
9/ Bị chặt chân 1026
10/ Bị chặt cả tay chân 1026
11/ Bị cắt tai 1026
12/ Bị xẻo mũi 1027
13/ Bị cắt cả tai mũi 1027
14/ Bị mù 1027
15/ Bị điếc 1028
16/ Bị cả mù điếc 1028
17/ Bị câm 1029
18/ Què 1029
19/ Vừa câm vừa què 1030
20/ Bị đánh có sẹo 1030
21/ Bị đóng dấu 1030
22/ Bị rút gân 1031
23/ Gân bị giãn 1031
24/ Bị còng lưng 1032

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

Quyển 24: 25/ Quan viên 1034
26/ Kẻ mắc nợ 1035
27/ Bị bệnh 1036
28/ Ngoại đạo 1038
29/ Trẻ con 1040
30/ Đầy tớ 1042
31/ Thân thể dị dạng 1043
32/ Hình dáng xấu xí 1044
Thể thức yết-ma 1046
Việc yết-ma 1048
1. Yết-ma chiết phục 1050
2. Yết-ma không nói chuyện 1060

3. Pháp Yết-ma tẫn xuất 1061
4. Pháp yết-ma phát hỉ 1061
5. Yết-ma cử tội 1069

Quyển 25: Tội tăng-già-bà-thi-sa 1074
Trách nhiệm của tỳ-kheo đoán sự 1082
Có tội cũng biết 1087
Che giấu cũng biết 1100
Pháp biệt trụ 1104
Pháp ma-na-đỏa 1108
Pháp xuất tội 1110

Quyển 26: Tội cũ 1118
Tội trung gian 1122
Việc nên làm yết-ma và không nên làm yết-ma 1137
Giải quyết việc bất hoàn (làm tha-la-tha) 1141
Phá yết-ma tăng 1147
Cho pháp học hối ba-la-di 1152
Tùy thuận hành mích tội tướng 1154
Việc cử tội (nêu tội) 1156
Việc trị phạt 1161
Đuổi đi 1162
Phá pháp luân tăng 1162

Quyển 27: Pháp yết-ma 1166
Vấn đề ruộng vườn 1168
Vấn đề nhà đất 1171
Vấn đề tăng già-lam 1171
Phép tắc về doanh sự 1175
Phép tắc về giường nệm 1177
Phép cung kính 1180
Phép bố-tát 1186
Phép an cư 1209
Phép tự tứ 1211

Quyển 28: Vấn đề y ca-hi-na 1217
Chẳng phải y ca-hi-na 1221
Thể thức xả y ca-hi-na 1222
Vấn đề y pháp 1224

Phẩm vật thuộc tăng hiện tiền 1230
Vấn đề tỳ-kheo bị bệnh 1236
Phương pháp chăm sóc tỳ-kheo bệnh 1241
Vấn đề thuốc 1248
Trách nhiệm liên quan giữa thầy và trò 1250
Trách nhiệm thầy đối với đệ tử 1255
Những công việc đệ tử phải làm 1259

Quyển 29: Phép tắc của sa-di 1269
Phép tắc của bát 1274
Cách thức dùng cháo 1281
Phép dùng bánh 1285
Phép dùng rau 1287
Phép dùng lương khô 1287
Phép dùng nước trái cây 1288
Phép dùng thức uống chế biến 1291
Phi yết-ma 1293
1– Tôn-đà-la-nan-đà 1294
2– Y phục mới nhuộm màu 1295
3– Bị cử tội ở chỗ khác 1296
4– Rừng Khai nhãn 1298
5– Ngoại đạo xuất gia 1298
6– Hẹn nhau 1299
7– Không tĩnh tưởng 1300
8– Sông Tô Hà 1301
9– Giảng đường 1301
10– Tướng quân Sư Tử 1303
11– Nam nhi 1305
12– Đồng tử Li-xa 1306
13– Bốn người bỏ việc đánh đấm 1307
14– Trường hợp ở trên gác 1307
15– Dời đá 1309
16– Suối nước nóng 1309
17– Dâm nữ 1310
18– Tam bà tha 1310

Quyển 30: 19– Một thố dầu 1318
20– Lấy thức ăn 1318

21– Nuôi bệnh 1319
22– Miếng thịt của chim 1320
23– Miếng thịt của bọn cướp 1320
24– Thịt heo 1321
25– Đạp phụ nữ 1322
26– Xay bột 1322
27– Trâu nghé 1323
28– Người ngớ ngẩn bỏ vợ 1324
29– Cách vách 1325
30– Bố-tát 1326
31– Hai trường hợp nước trái cây 1327
32– Gạch 1329
33– Phân rác 1329
34– Tỳ-kheo khất thực 1330
35– Uất-trù. 1331
Chướng ngại & không chướng ngại 1334
Vấn đề tỳ-kheo-ni 1336
1– Kính lễ Tỳ-kheo 1336
2– Hai năm học giới 1337
3– Nêu tội 1354
4– Không được nhận phẩm vật trước Tăng 1355
5– Nửa tháng Ma-na-đỏa 1356
6– Cầu giáo thọ trong dịp Bố-tát nửa tháng 1356
7– Không nương tựa Tỳ-kheo không được an cư 1361
8– Tỳ-kheo-ni an cư xong phải thọ Tự tứ trước hai bộ Tăng 1361

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 21

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

89. VÔ CỚ VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng cử làm quản lý trông coi chín việc như trước đã nói, cho đến Đà-phiêu-ma-la-tử có ngón tay út bên phải phóng quang phát sáng, theo thành phần mà giao phòng: A-luyện-nhã ở chung với A-luyện-nhã, khất thực ở chung với khất thực, y phấn tảo ở chung với y phấn tảo, người ăn một lần ở chung với người ăn một lần, thường ngồi ở chung với người thường ngồi, ngồi ở chỗ trống ở chung với người ngồi ở chỗ trống, nệm cỏ ở chung với người nệm cỏ, đọc kinh ở chung với người đọc kinh, pháp sư ở chung với pháp sư, học Luật ở chung với người học Luật, A-la-hán ở chung với A-la-hán, Tam minh ở chung với Tam minh, Lục thông ở chung với Lục thông, không oai nghi ở chung với không oai nghi. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nói với Đà-phiêu:

Thưa Trưởng lão! Cho sáu người chúng tôi ở chung một chỗ.

Đợi vị Hạ tọa thấp nhất trong nhóm của các thầy đến lượt nhận phòng, rồi tùy ý mà ở chung.

Khi người bạn Hạ tọa của họ đến phiên được căn phòng xấu, giường nằm, giường ngồi, gối nệm các vật đều xấu xí cũ kỹ, và phòng ăn riêng cũng thô sơ tồi tàn, họ bèn bảo nhau:

Trưởng lão Đà-phiêu như là kẻ thù truyền kiếp của chúng ta, giao cho chúng ta căn phòng xấu xí, thức ăn tồi tệ. Nếu vị trưởng lão này còn sống lâu trong đời sống phạm hạnh thì chúng ta còn bị đau khổ vô cùng. Nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép vô cớ vu khống người khác phạm tội Ba-la-di, nay ta hãy vu khống ông ấy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ Đà-phiêu, nói như sau:

Trưởng lão, ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tôi không phạm tội đó.

Có ai ăn trộm mà lại tự bảo mình là kẻ trộm! Thế nhưng, ông đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ vắng, đi đến chỗ nhiều người, đi đến giữa chúng Tăng vu khống Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi ấy, Tỳ-kheo Đà-phiêu bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Ông có việc đó không?

Thưa không, bạch Thế Tôn.

Ông không có tội ấy, Thế Tôn biết ông thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, tuy Thế Tôn biết con vô tội, nhưng mong Thế Tôn hãy khiến cho những người kia cũng tin như vậy, chớ để họ vu khống mãi mà mất lợi ích.

(**395a**) Vậy hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự kiện kể trên:

Các ông có việc đó thật chăng?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Các ông không từng nghe Ta dạy phải sinh lòng cung kính, dùng thân, miệng, ý thương xót các vị đồng phạm

hạnh hay sao? Nay vì sao các ông lại vô cớ vu khống người khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa? Đó là việc phi pháp, phi Luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo vì giận dữ không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Giận dữ: Gồm chín việc não loạn và vô cớ nổi giận. Việc thứ mười là uất hận, thì kẻ phàm phu và người đang học vẫn còn. Nhưng tâm không vui thì A-la-hán vẫn còn.

Vô cớ: Việc đó vốn không có, không thấy, không nghe, cũng không nghi.

Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu vu khống một trong mười ba việc này, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi có sự tức giận nhau giữa hai Tỳ-kheo thanh tịnh và không thanh tịnh, rồi người thanh tịnh hỏi người kia:

Thầy thấy tôi phạm tội nào trong mười ba việc, tội thứ nhất hay tội thứ hai?

Người kia không thấy, không nghe, không nghi, không chắc chắn, mà ở chỗ vắng, chỗ nhiều người, giữa chúng Tăng nói như sau:

Tôi thấy thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghe thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghi thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nghe không đúng sự thật, căn cứ không đúng; nghi không đúng sự thật, căn cứ không đúng; những điều đã thấy, nghe và nghi đó đều hư dối; thấy, nghe và nghi không phải như vậy, mà đối diện, bốn mắt nhìn nhau, nói lời hủy báng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia thanh tịnh mà mình tưởng là không thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Việt-tỳ-ni, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người kia thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh, mà tưởng họ không thanh tịnh, rồi hủy báng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vu khống Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề; vu khống Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan-giá; vu khống Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vu khống người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 89 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

90. XOAY VẬT CỦA TĂNG VỀ CHO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy có vị Tỳ-kheo khất thực, đến giờ, bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, có một người đàn bà nói:

(**395b**) Thưa tôn giả, đến ngày mỗ, con sẽ cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

Lành thay Ưu-bà-di, nên kíp thời vì thân mạng và tài sản mà tu ba pháp kiên cố, thường siêng tu tập chớ nên trì hoãn.

Sau khi khất thực xong, Tỳ-kheo trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo khác:

Này các trưởng lão, tôi mách với các vị một việc tốt.

Việc tốt gì thế?

Gia đình kia đến ngày ấy sẽ cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

Lúc ấy, Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ở cách đó không xa, nghe nói thế, liền hỏi:

Nhà ấy ở đâu? Tên họ là gì? Cửa ngõ xoay về hướng nào?

Hỏi đầy đủ và biết rõ các việc xong, sáng sớm hôm sau, hai người đi đến nhà ấy, nói với Ưu-bà-di:

Tôi nghe có tin tốt lành.

Tôn giả nghe được tin gì vậy?

Bà định cúng dường trai phạn và y phục cho chúng tăng có đúng thế không?

Lúc đầu con có tâm nguyện ấy, nhưng e nửa chừng gặp những trở ngại, chẳng biết có thành tựu được không!

Ưu-ba-nan-đà liền bảo Ưu-bà-di:

Bà nên đem chiếc y ấy mà cúng dường cho Nan-đà.

Nhà con không có vật gì khác nữa, chỉ có chiếc y này thôi, nhưng con đã định cúng dường cho Tăng, giờ không thể nào thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà liền lên giọng mỉa mai:

Thế nào là Tăng? Con quạ già cũng là Tăng. Con cú già cũng là Tăng. Tăng như cái cối lủng, cái bồn rỉ không thể đầy đặn. Tăng như vậy đối với bà có lợi ích gì? Có thể nuôi sống con trai, con gái bà, có thể đến nhà vua để giải quyết những việc liên quan đến quan quyền được không? Nan-đà có thể giúp bà làm được nhiều việc lợi ích. Bà hãy đem chiếc y này mà cúng dường cho Nan-đà.

Ưu-bà-di vẫn trả lời như trước.

Lúc ấy, Nan-đà cũng khuyên bà cúng dường cho Ưu-ba-nan-đà như cách nói ở trên. Nhưng Ưu-bà-di vẫn nói:

Nhà con không có vật gì khác nữa. Con cũng muốn dùng nó cúng dường cho tôn giả, nhưng vì đã hứa cúng dường cho Tăng, nên không thể thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà nói:

Cúng dường hay không cúng dường mặc ý bà.

Rồi bỏ đi. Bấy giờ, Ưu-bà-di suy nghĩ: "Chiếc y này ta cũng muốn cúng dường cho Nan-đà, nhưng Tăng là ruộng phước tốt lành, nên ta cũng muốn cúng dường cho Tăng. Song, Nan-đà có thế lực lớn, sợ e ông có thể làm điều gì bất lợi cho ta." Suy nghĩ thế rồi, bà quyết định không cúng dường nữa.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si, ông đã gây nên ba việc xấu này: kẻ bố thí mất phước, người thọ nhận mất lợi và khinh hủy chúng Tăng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi ít muốn và chê trách muốn nhiều hay sao? Đó là việc phi pháp, phi

luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

(**395c**) Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo biết vật ấy thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Vật: Gồm có tám thứ kể cả thanh tịnh và không thanh tịnh.

Định cúng: Đã quyết định chỗ cúng dường vật đó.

Tăng: gồm có tám loại, như trên đã nói.

Vận động: Chuyển vật đó cho người khác.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu người ta đem phẩm vật đến hỏi Tỳ-kheo: "Thưa tôn giả, con muốn đem vật này cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Tùy ý ông (bà) thích nơi nào thì nên cúng dường nơi đó."

Vậy, cúng dường nơi nào được quả báo lớn?

Cúng dường cho Tăng được quả báo lớn.

Tăng ở đâu giữ giới, con định cúng dường họ?

Không có tăng nào lại phạm giới.

Vị Tỳ-kheo nào siêng năng tu tập, biết quí trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, để con thường gặp mặt.

Tỳ-kheo mỗ giáp siêng năng tu tập, biết quí trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, cúng dường cho Tỳ-kheo ấy thì có thể thường gặp mặt.

Nếu thí chủ nói: "Con muốn cúng dường vật này cho tôn giả", thì nên đáp: "Thí chủ nên cúng dường cho tăng."

Nếu thí chủ lại nói: "Con đã cúng dường cho Tăng rồi, ý con muốn cúng dường cho tôn giả, mong tôn giả vui lòng nhận cho", thì bấy giờ nhận lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tìm cách xoay về cho mình, thì phạm tội Ni tát kì Ba-dạ-đề.

Nếu xoay về cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng này mà mình tìm cách xoay về cho Tăng khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thí chủ định cúng dường vật đó cho nhóm người này mà mình tìm cách xoay về cho nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu... cho súc sanh này mà xoay về cho súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 90 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

91. CỐ Ý NÓI DỐI ĐỂ CHẠY TỘI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng chúng cứ mỗi nửa tháng tụng giới, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe tụng đến bốn việc thì im lặng, nghe tụng đến mười ba việc thì nổi giận, nghe tụng đến ba mươi việc liền xầm xì, nghe đến chín mươi hai việc bèn đứng dậy nói: – Trưởng lão, những điều đó do Thế Tôn nói sao? Thế Tôn nói tại đâu vậy? Nếu tôi còn sống lâu ở đời thì

sẽ phải nghe những điều như thế này nhiều lắm. Đây chính là mẹ của pháp phát sinh ra cấm giới như thế này!

Các Tỳ-kheo nghe những lời ấy, cảm thấy hổ thẹn, bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì Như Lai muốn cho các đệ tử được lợi ích, nên chế giới cứ nửa tháng tụng một lần. Vì sao các ông lại chê bai, ngăn cản? (**396a**) Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu vào dịp nửa tháng tụng giới mà Tỳ-kheo nói như sau: "Nay tôi mới biết những pháp này được đưa vào Giới kinh để tụng vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng", nhưng các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy đã từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn, nên không thể lấy lý do không biết để hòng chạy tội. Vì thế Tăng phải căn cứ theo tội đã phạm mà quở trách rằng: "Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào những dịp tụng giới mỗi nửa tháng thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp." Quở trách xong, (bảo sám hối) tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Nửa tháng: 14 ngày hay 15 ngày.

Giới: 12 giới kinh.

Chạy tội: Nghĩa là nói rằng: "Nay tôi mới biết là pháp ấy được đưa vào giới bản để tụng mỗi nửa tháng." Nhưng kỳ thực Tỳ-kheo

tụng giới đã biết vị ấy từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn. Thế nên, Tỳ-kheo ấy không thể lấy lý do không biết để mong thoát tội. Do vậy, tùy theo tội đã phạm, rồi căn cứ theo pháp, luật mà quở trách như sau: "Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào dịp tụng giới mỗi nửa tháng, thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp." Quở trách như vậy rồi, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo sau khi thọ giới Cụ túc nên đọc hai bộ Luật (của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni). Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu không thể đọc một bộ thì nên đọc đủ năm thiên giới. Nếu không thể đọc hết năm thiên thì nên đọc bốn thiên giới. Nếu không thể đọc hết bốn thiên thì nên đọc ba thiên. Nếu không thể đọc hết ba thiên thì nên đọc hai thiên. Nếu không thể đọc hết hai thiên thì nên đọc một thiên và các bài kệ.

Khi bố-tát nên tụng đủ năm thiên giới. Nếu không thể tụng cả năm thiên thì nên tụng bốn thiên. Nếu không thể tụng cả bốn thiên thì nên tụng ba thiên. Nếu không thể tụng cả ba thiên thì nên tụng hai thiên. Nếu không thể tụng cả hai thiên thì nên tụng một thiên và các bài kệ. Ngoài ra, những việc khác như Tăng thường nghe. Nếu không tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tăng nên mời một vị tụng lưu loát để tụng, còn những người khác chú tâm lắng nghe.

Phật dạy:

Khi tụng giới, các Tỳ-kheo không được ngồi thiền hay làm những việc khác, mà tất cả đều phải chú ý lắng nghe. Nếu bốn việc (bốn Ba-la-di) lắng nghe mà mười ba việc không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (**396b**) Nếu mười ba việc lắng nghe mà hai Bất định không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hai giới Bất định nghe mà ba mươi việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ba mươi việc nghe mà chín mươi hai việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-

ni. Nếu chín mươi hai việc nghe mà bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni nghe mà pháp chúng học không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu pháp chúng học nghe mà bảy Diệt tránh không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu giữa chừng không nghe một Thiên nào thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tất cả đều không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tội này không thể đến sám hối riêng với một người, mà phải sám hối giữa Tăng chúng, trước một người giữ giới, có uy đức mà mình kính trọng. Rồi người này nên khiển trách: "Này trưởng lão, thầy đã mất lợi ích. Vì khi nửa tháng tụng giới thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không chú ý lắng nghe giới pháp." Khiển trách xong, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

"Nhà ăn, vào vương cung,
Ống đựng kim, giường, nệm.
Tọa cụ, y che ghẻ,
Y mưa, y Như Lai.
Vu khống là thứ mười.
Chuyển hướng vật kẻ khác
Ngăn chúng Tăng bố-tát
Hết Bạt cừ thứ chín."

(Hết giới thứ 91 của 92 pháp Ba-dạ-đề)

*

(Trong đây chỉ có liệt kê 91 pháp Ba-dạ-đề)

PHÁP ĐỀ-XÁ-NI

(Đề-xá-ni, gồm có bốn pháp)

1. NHẬN THỨC ĂN TẠI A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã được cha mẹ, chị em, bà con thuộc dòng họ Thích sai sứ giả đem các thức ẩm thực đến cho các thầy. Nhưng những kẻ đem thức ăn hoặc ăn hết một nửa, hoặc ăn một phần ba, hoặc ăn hết sạch ở dọc đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo có người về thăm nhà, được thân nhân hỏi: "Trước đây tôi có sai người đưa thức ăn, thầy có nhận được hết không?." Trong số ấy, ai nhận được hết thì bảo là nhận hết; nhận một nửa thì bảo là nhận một nửa; nhận một phần ba thì bảo là nhận một phần ba; không nhận thì bảo là không nhận. Thân nhân nghe vậy, nổi giận mắng sứ giả: "Quân tệ ác chết tiệt! Ta sai ngươi đem thức ăn, vì sao ngươi dám ăn?", bèn lấy roi quất hắn. Bị đánh đau, tên sứ giả khóc rống lên kêu than: "Vì ông sa-môn bất nhân ấy mà ta bị đánh."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đó đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông ở A-luyện-nhã trước hết không nhắn với người bên ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin tức của người ở trong, mà tự tay lấy thức ăn (**396c**) để ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tin bên ngoài, bên ngoài cũng không nhận được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (thức ăn).

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến triđi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy một Tỳ-kheo đang đau ốm, nhan sắc tiều tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, khí lực ông có đầy đủ không?

Con bị bệnh rất khổ sở, bạch Thế Tôn.

Ông không thể uống thuốc hợp với bệnh, ăn thức ăn hợp với bệnh được sao?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã trước không thông tri cho người ở ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin bên trong mà tự tay nhận lấy (vật thực). Bạch Thế Tôn, con bị bệnh không thể ra ngoài, nên mới tiều tụy khổ sở thế này.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được nhận (vật thực) ngay trong trú xứ.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tri, không nói là Tỳ-kheo đang bệnh; người bên ngoài cũng không được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (vật thực), hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo này phải đến bên Tỳ-kheo khác sám hối như***

sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng quở trách, xin hối lỗi với trưởng lão." Đây là giới Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ nhất.

*

❖ Giải thích

A-luyện-nhã: Như trên đã nói.

Trước không thông tri: Thông tri có hai cách, nói rõ số lượng và không nói rõ số lượng.

Có nói số lượng: Bảo phải gởi vào chừng ấy, chừng ấy thứ ẩm thực.

Không nói số lượng: Chỉ nói đơn giản là gởi thức ăn vào mà không liệt kê số lượng là bao nhiêu.

Bên ngoài không nhận được tin bên trong: Người ở ngoài Tinh xá không nhận được tin của người ở trong Tinh xá.

Bệnh: Bệnh tả, bệnh lạnh, bệnh phong. Những người có các chứng bệnh như vậy không thể ra ngoài Tinh xá để lấy thức ăn, nên đức Thế Tôn bảo là (ăn ở trong Tinh xá) không có tội.

Tự tay nhận lấy: Dùng tay mình nhận đồ từ tay người khác, dùng bát nhận đồ từ bát người khác.

Nhai: Khi ăn bánh, trái cây v.v...

Ăn: Khi ăn năm loại thức ăn chính. Nếu nhai hoặc ăn thì Tỳ-kheo này phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão." Người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội không?

Thưa thấy.

Cẩn thận chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Tội này phải hướng đến người khác phát lồ, không được che giấu.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy nhận thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo khác đưa thức ăn, mình (**397a**) nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu người đưa thức ăn trước đó đã cho biết số lượng (của thức ăn) mà Tỳ-kheo nhận kiểm tra tương ưng với số lượng ấy thì được nhận ngay tại Tinh xá. Nếu không tương ứng thì nên bảo họ mang về. Nếu có thư gởi đến mà đọc thư thấy tương ưng, thì nên nhận. Nếu không tương ứng thì bảo họ đem về. Nếu bì thư có đóng dấu mà mở thư xem thấy đầy đủ, thì nhận; nếu không đầy đủ, thì bảo họ đem về.

Nếu người đưa thức ăn trước đó không nói rõ số lượng, thì khi thức ăn mang đến, nên ra ngoài cổng Tinh xá để nhận. Nếu bỗng dưng họ mang đến, vào khỏi cổng, thì không nên nhận. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ đưa cho tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ để dưới đất, đợi tịnh nhân đến, rồi sai tịnh nhân đem thức ăn ấy ra khỏi cổng, bấy giờ Tỳ-kheo mới được nhận.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh không thể ra ngoài, thì ở trong Tinh xá nhận thức ăn, không có tội.

Nếu người bà con đem thức ăn đến những nơi du ngoạn như công viên, hồ ao thắng cảnh, rồi họ lấy thức ăn đưa cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo tùy ý nhận, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đường suy nghĩ: "Ta đến Tinh xá mỗ sẽ ăn", mà lại đến nơi khác ăn, thì phải sám hối. Nhưng nếu đến Tinh xá mỗ gặp lúc Tăng ở đây được mời phó trái, thì mình bỏ đi, không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 1 của bốn pháp Đề-xá-ni)

*

2. NHẬN THỨC ĂN CỦA TỲ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Nhân đây hãy nhắc lại nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo: "Phước đức bậc nhất trong hàng Thanh văn ni của Ta chính là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma. Lúc ấy nạn đói hoành hành, khất thực khó khăn, vào giờ khất thực Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly tuần tự khất thực. Bỗng cô thấy một Tỳ-kheo, liền hỏi:

Tôn giả có được thức ăn không?

Vị Tỳ-kheo ấy bèn đưa cái bát không cho cô xem. Thấy thế, cô suy nghĩ: "Thầy là bậc tôn túc của ta mà khất thực không có", đoạn đem thức ăn trong bát của mình sớt cho Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy được thức ăn bèn trở về Tinh xá gọi các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Các Tỳ-kheo liền hỏi:

Trưởng lão, ở đâu mà được thức ăn ngon thế này?

Thầy đáp:

Tôi được thức ăn này từ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế, ai nấy đều đến đó đòi, lần lượt nhau cho đến năm trăm Tỳ-kheo đều nhận được thức ăn. Lo cho các Tỳ-kheo xong, cô mới tìm thức ăn cho mình thì mặt trời đã quá ngọ,

nên mất bữa ăn, cô đành trở về Tinh xá. Sáng sớm hôm sau, các Tỳ-kheo lại khoác y, cầm bát đến đứng ngoài cửa Tinh xá Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thấy vậy liền vào nói với Thi-lợi-ma:

Các Tỳ-kheo hôm nay đang đứng chờ ngoài cửa.

Thi-lợi-ma nghe rồi, liền bảo đệ tử:

Lấy y bát ra đây để ta mặc đi khất thực giúp cho các vị tôn túc.

Thế rồi, cô tuần tự lo cung cấp cho năm trăm người xong (**397b**) mới lo cho mình, thì đã quá ngọ, đành nhịn đói trở về. Đến ngày thứ ba cũng thế, cô lo cung cấp tuần tự cho năm trăm người, nhưng chỉ còn một người chưa được thức ăn. Thế nên, vị Tỳ-kheo này bèn đi theo sau Thi-lợi-ma vào một nhà kia. Do cô nhịn đói liên tục ba ngày nên thân thể hao mòn, ngất xỉu té nằm trên đất. Lúc ấy, các bà thấy vậy hãi kinh, định đỡ cô dậy, thì cô bảo:

Khoan, khoan đã! Để tôi nghĩ xem vì sao mà té xuống đất.

Rồi cô nhớ lại là vì mình đã khất thực giúp cho các bậc tôn túc, còn mình thì không được ăn cho nên bị hao mòn, ngất xỉu. Đoạn, cô đứng dậy phủi đất cát, sửa lại y phục chỉnh tề, suy nghĩ: "Người bố thí có lợi ích vô thượng, nhớ đến việc bố thí khiến tâm sinh hoan hỉ, vì hoan hỉ nên được tam muội thanh tịnh, dùng tam muội quán chiếu thấy rõ sự sinh diệt của năm ấm, việc bố thí có công dụng trang nghiêm tự tâm, điều phục các căn." Nhờ vậy cô nhập được kim cương định, dứt sạch mọi lậu hoặc (ô nhiễm), chứng được tam minh trong chánh pháp. Sau khi Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma chứng ngộ, người phụ nữ kia bèn đưa cô vào trong nhà tắm rửa, rồi trải tòa mời ngồi, đoạn đem thức ăn ra cúng dường. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia vẫn còn đứng đợi ngoài cửa. Người phụ nữ ấy sợ thầy lại đòi thức ăn, bèn đứng án ngữ giữa cửa. Thi-lợi-ma thấy bà đứng chặn trước cửa liền sinh nghi, không hiểu vì sao bà lại đứng chặn trước cửa, bèn nghiêng đầu nhìn ra, thì thấy góc y của Tỳ-kheo, liền nói:

Đó là vị tôn sư của tôi, khất thực không được.

Rồi mời:

Xin tôn giả vào lấy thức ăn.

Người phụ nữ nói:

Thưa cô, cô cứ ăn. Con sẽ tìm thức ăn khác cúng dường cho thầy ấy.

Thi-lợi-ma nói:

Lúc này đang bị nạn đói, tìm đâu ra thức ăn nữa.

Đoạn, đem thức ăn ra cúng dường.

Người phụ nữ ấy oán trách:

Sa-môn Thích tử không có lòng từ. Vì sao người ta đã nhịn ăn cả ba hôm, đói xỉu suýt mất mạng, mà còn theo đòi thức ăn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn giả A-lợi-tra thân thể lở loét bị người ta nhờm gớm, nên không cho thức ăn. Mỗi lần đi khất thực, nếu thầy chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào rồi thì họ đuổi ra, không cho. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì năm điều lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; thấy thân thể A-lợi-tra bị lở loét, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, sức khỏe của ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con chỉ lo đói khát thôi.

Này Tỳ-kheo, ông không thể đi khất thực sao?

(**397c**) Bạch Thế Tôn, con có thể đi khất thực, nhưng vì thân thể con bị lở loét, khiến người ta nhờm gớm, nên cứ mỗi lần đi khất thực, nếu chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào cửa thì họ đuổi ra không cho.

Sao ông không đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma xin thức ăn?

Vì Thế Tôn chế giới không cho tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y; mà cô ấy không phải bà con nên con không dám đến.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đến.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y, hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão." Đây gọi là Ba la đề đề xá ni.***

*

❖ Giải thích

Không phải bà con: không phải cha mình, không phải mẹ mình.

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nhưng không phải là nói về những bệnh chút chút mà là nói về những bệnh như ghẻ chốc, lở loét, ung thư khiến cho người ta nhờm gớm. Đó gọi là bệnh.

Tại nhà bạch y: Tại nhà của người thế tục.

Tỳ-kheo-ni: thọ Cụ túc giới giữa hai bộ Tăng.

Tự tay nhận lấy: Hoặc tay này nhận từ tay khác, hoặc bát này nhận từ bát khác.

Nhai: Như ăn các loại bánh, trái cây v.v...

Thức ăn: Năm thức ăn chính. (Nếu đã nhận thức ăn thì) Tỳ-kheo này phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác rằng: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách, xin hối lỗi với trưởng lão." Tỳ-kheo nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội không?

Dạ thấy.

Cẩn thận chớ tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà người thế tục, thì khi nhận phạm tội Việt-tỳ-ni, khi ăn phạm pháp hối quá.

Người không phải bà con, mình tưởng là không phải bà con mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con, mình nghi ngại mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con mà mình tưởng là người bà con rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình tưởng là không phải bà con, rồi nhận thức ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình nghi, rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mình tưởng là người bà con (rồi nhận thức ăn) thì không có tội.

Vì người khác mà nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì người bệnh mà nhận thì không có tội. Hoặc ăn thức ăn còn lại của người bệnh cũng không có tội.

Khi Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni đem thức ăn đến thì hãy bảo họ để xuống đất, rồi mình nhận lại từ tay người khác thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mang thức ăn đến để xuống đất rồi thưa: "Xin tôn giả nhận gấp cho con", (**398a**) khi ấy mình nhận thì không có tội. Hoặc nhận thức ăn tại chỗ ở của Tỳ-kheo-ni cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 2 của bốn pháp Đề-xá-ni)

*

3. ĂN THỨC ĂN DO NI VẬN ĐỘNG

Khi Phật ở Tinh xá Ca-lan-đà Trúc Viên tại thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, một gia đình quen biết của Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mời chư tăng thọ trai. Thâu-lan-nan-đà đứng trước nhóm sáu Tỳ-kheo chỉ bảo, nói với đàn việt: Đưa cơm cho Tỳ-kheo này, đưa canh cho Tỳ-kheo kia, đưa thịt cá cho Tỳ-kheo nọ.

Đàn việt vâng lệnh dọn thức ăn đầy đủ cho nhóm sáu Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn chê trách:

Vì sao nhóm sáu Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo-ni bảo đàn việt dọn nhiều thức ăn cho mình mà không quở trách?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông để cho Tỳ-kheo-ni bảo dọn thức ăn nhiều cho mình một cách thiên vị mà không quở trách?

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu nhà bạch y mời chư Tăng thọ trai, mà Tỳ-kheo-ni đứng trước Tỳ-kheo, chỉ bảo đàn việt: "Đưa cơm cho vị này, đưa canh cá thịt cho vị kia", thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã."

Nếu như không có một người nào trong số các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni rằng: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã", thì các Tỳ-kheo phải hướng đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách." Pháp sám hối này được gọi là Ba la đề đề xá ni.

*

❖ Giải thích

Nhà bạch y: Nhà người thế tục.

Mời: Hoặc mời ngày nay, hoặc ngày mai.

Thức ăn: Năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ.

Tỳ-kheo-ni: Người đã thọ giới Cụ túc giữa hai bộ Tăng (Ni).

Đưa: Như nói: "Sớt thêm cơm cho vị này, múc thêm canh cho vị kia, đem cá thịt cho vị nọ."

Nên nói với Tỳ-kheo-ni: Qua sự thấy nghe hay biết, nên bảo rằng: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã."

Nếu người ấy dừng lại thì tốt, nếu không dừng lại, thì nhắc nhở đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu không nói mà cứ nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu ăn thì phạm pháp Hối quá. Tỳ-kheo này phải hướng đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách." Pháp Hối quá này người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có thấy tội ấy không?

Dạ thấy.

Hãy cẩn thận chớ tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu chưa quở trách đủ ba lần mà ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đủ ba lần mà người ấy không đình chỉ, thì ăn không có tội. (**398b**) Một người quở trách rồi, tất cả đều ăn không có tội. Hoặc không thấy, không nghe thì ăn không có tội. Hoặc Ni tự làm đàn việt thì không có tội. Nếu đàn việt chưa mời Tăng lần nào nên không biết cách thức, thì khi ấy, Tỳ-kheo-ni có thể chỉ bảo họ tôn trí hình tượng, dọn các thức ăn, rồi mời ngồi. Nếu không mời, không phải năm thức ăn chính, thì chỉ bảo không có tội. Thế nên nói (như trên).

(Hết giới thứ 3 của bốn pháp Đề-xá-ni)

*

4. NHẬN THỨC ĂN CỦA NHÀ HỌC GIA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây xin nói rộng về nhân duyên của đại thần Tỳ-xà, cho đến chỗ Tiên Di Ni Sát-đế-lợi, rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, Tăng nên làm yết-ma học gia cho ông." Pháp yết-ma này nên nói:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận. Tăng nay làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Các đại đức nào bằng lòng làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy).

Tăng đã làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy."

Đại thần Tỳ-xà sau khi từ chỗ tiên Di-ni Sát-đế-lợi trở về, mệt lả, thân thể đầy bụi bặm, liền hỏi người nhà: "Các A-xà-lê có thường đến không?." Người nhà đáp: "Có đến, nhưng khi bố thí vật gì thì tất cả đều không nhận." Tỳ-xà nghe vậy, lòng không vui, cũng không kịp tắm rửa gì, tức tốc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vì sao các Tỳ-kheo không nhận vật cúng dường của nhà con?

Vì ông bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Như Lai muốn lợi ích cho ông nên đã làm yết-ma học gia đối với ông. Vì lý do đó mà các Tỳ-kheo không nhận phẩm vật bố thí của ông.

Bạch Thế Tôn, ngày nay gia đình con giàu có gấp ba lần trước kia, kính xin Thế Tôn từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo nhận phẩm vật bố thí của gia đình con.

Hôm nay là ngày rằm, vậy ông hãy trở về nhà, tắm rửa thân thể, mặc y phục mới mẻ sạch sẽ, rồi cùng với thân quyến đi đến xin chúng Tăng tùy hỉ nguyện vọng của ông.

Sau khi Tỳ-xà vâng theo lời dạy trở về, thì Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Trước đây Tỳ-xà vì bố thí thái quá, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự đến

nói rằng gia sản đã giàu có hơn xưa (**398c**) gấp ba lần, nên muốn xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, vậy Tăng nên xả cho ông."

Tỳ-xà trở về nhà, tắm rửa thân thể, thay y phục mới, rồi cùng với quyến thuộc, đi đến chỗ Tăng, trình bày đầy đủ việc kể trên. Lúc này, Tăng muốn giải yết-ma học gia phải làm yết-ma cầu thính, nói như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông lợi ích đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nhưng nay sản nghiệp đã sung túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, mong Tăng hãy cho phép đại thần Tỳ-xà vào trước Tăng xin xả pháp yết-ma học gia.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà xin xả pháp yết-ma học gia, Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy."

Lúc ấy, đại thần Tỳ-xà phải vào trước chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối, chắp tay, bạch như sau:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là Tỳ-xà, trước giàu sau nghèo, Tăng thương tình cho con pháp yết-ma học gia. Nay gia nghiệp của con đã giàu có hơn xưa gấp ba lần, nên con đến xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, kính mong Tăng xả pháp yết-ma học gia cho con" (xin ba lần như vậy).

Bấy giờ phải dẫn ông Tỳ-xà ra đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe, rồi người làm yết-ma bạch:

"Xin đại đức Tăng lắng nghe. Vị đại thần Tỳ-xà này do bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông được lợi ích nên đã làm pháp yết-ma học gia cho ông. Nay ông tự đến nói rằng gia sản giờ đây đã sung túc hơn xưa gấp ba lần, nên xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay hãy xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm

yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự nói rằng gia sản đã sung túc gấp ba lần trước kia, nên đã xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nay Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đại đức nào bằng lòng việc Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy."

Vấn đề xả pháp yết-ma học gia này phải có sự hiện diện của Tăng chúng chứ không phải bằng sự hiện diện của đồ chúng. (Nghĩa là chỉ có thầy trò với nhau).

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo chưa được mời trước mà đến những gia đình Tăng đã làm pháp yết-ma học gia tự tay nhận thức ăn, (399a) hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi rằng: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách." Pháp hối quá này là pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni.***

*

❖ Giải thích

Học gia: Gia đình mà cả hai vợ chồng mỗi người đều đã chứng được một trong ba quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm.

Gia đình: Gia đình của bốn chủng tộc: Gia đình Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la.

Tỳ-kheo chưa được mời trước: Trước đó chưa được thí chủ mời mà mình tưởng họ mời, hoặc mời người khác mà tưởng họ mời mình, rồi mình đến nhà, vườn hay ruộng đồng của họ.

Tự tay nhận lấy: Từ tay đưa qua tay hay từ bát đưa qua bát để nhận.

Nhai: ăn các loại bánh, trái v.v...

Thức ăn: Năm loại thức ăn chính. Nếu Tỳ-kheo nhận năm loại thức ăn chính thì phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng quở trách, xin hối lỗi với trưởng lão." Người nhận sám hối nên hỏi:

Thầy có tự thấy tội không?

Dạ thấy.

Chớ có tái phạm.

Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu gia đình nào Tăng đã làm yết-ma học gia thì không được tuyệt nhiên không đến nữa như chim quạ tránh tên, mà thỉnh thoảng nên đến thăm, thuyết pháp bàn luận nghĩa lý. Nếu gia đình ấy bố thí thì bảo họ hãy để đấy, tôi sẽ biết đúng lúc. Nếu trước đó, họ đã mời Tăng rồi mới làm yết-ma sau, thì không được nhận những vật có giá trị lớn mà nên nhận những vật có giá trị tầm thường. Nếu gia đình ấy hỏi: "Vì sao tôn giả không nhận vật bố thí này? Thầy cho rằng tôi nghèo sao?", thì khi ấy nên đáp: "Ông (bà) không nghèo, như đức Thế Tôn đã dạy, người đắc quả Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp, là kẻ giàu nhất trong hàng Thanh văn. Bốn pháp đó là:

1. Có niềm tin kiên cố đối với đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, Sa-môn, Bà-la-môn, Chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được.
2. Có niềm tin kiên cố đối với chánh pháp.
3. Có niềm tin kiên cố đối với chúng Tăng.

4. Có niềm tin kiên cố đối với thánh giới, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được niềm tin ấy.

Những ai thành tựu bốn pháp này là người không nghèo mà là giàu có bậc nhất trong hàng Thanh văn của đức Như Lai."

Nếu mình đến Tinh xá nào đó (**399b**) gặp lúc cúng dường trai phạn và nước uống phi thời cho Tăng chúng, thì không được bỏ đi mà nên giúp họ trải giường nệm, bày vật cúng dường, rồi cùng thọ trai. Trai phạn xong, nên thuyết pháp cho họ nghe. Thế nên nói:

"Ở nơi A lan nhã,
Không bệnh nhận Ni cúng.
Tỳ-kheo-ni bảo dọn
Yết-ma định học gia,
Hết bốn pháp hối quá."

(Hết giới thứ 4 của bốn pháp Đề-xá-ni)

*

PHÁP CHÚNG HỌC

(Pháp chúng học hay còn gọi Uy nghi,
gồm có sáu mươi sáu pháp)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mặc nội y hoặc thấp, hoặc cao, so le, bách điệp, như hoa Thạch lựu, như nắm cơm vắt, như đuôi cá, như lá cây đa la, như vòi voi v.v...

Thấp: Chấm gót chân.

Cao: Ngang đầu gối.

So le: Không tề chỉnh.

Bách điệp: Gấp lại nhiều lớp.

Hoa Thạch lựu: Dồn về một bên.

Nắm cơm vắt: Túm trên đầu như nắm cơm vắt.

Đuôi cá: Thòng xuống hai góc giống như đuôi cá.

Lá cây đa la: Lồi lên như lá cây đa la.

Vòi voi: Một góc thòng xuống.

Họ mặc nội y lôi thôi như thế nên bị người đời chế nhạo:

Xem sa-môn Thích tử mặc áo quần giống như Vương tử, đại thần, kẻ ăn chơi, hoặc cao, thấp, so le cho đến giống như vòi voi. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế?

Các Tỳ-kheo nghe vậy, liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông mặc nội y cao thấp, cho đến giống như vòi voi, khiến cho người đời chê bai? Từ nay về sau Ta không cho phép mặc nội y như vậy.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, rồi Ngài mặc nội y ở trước chúng Tăng. Mặc xong, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Các ông nên mặc nội y như thế này, như cách mặc nội y của trời Tịnh Cư, gấp bên phải xếp về bên trái.

Thế rồi, vì mười lợi ích mà Phật chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

1. Cần phải học: Mặc nội y tề chỉnh

Khi mặc nội y phải mặc chỉnh tề, không được cuộn tròn như quấn vào trục, không được làm như dâm nữ bán nhan sắc nhìn bên trái bên phải xem có đẹp hay không đẹp, chỉ cần xem mặc có tề chỉnh đúng pháp hay không. Nếu buông lung các căn (**399c**) không chú ý mặc tề chỉnh tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: mặc nội y tề chỉnh*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y khi thì thấp, lúc thì cao, hoặc giống như Bà-la-thiên, Bà-tẩu-thiên.

Đắp y thấp: xuống tới gót chân.

Đắp y cao: Ngang đầu gối.

Đắp y như Bà-la-thiên: Y lòi trên đầu, dưới hai nách lòi ra. Đó gọi là đắp y như Bà-la-thiên.

Đắp y như Bà-tẩu-thiên: Y lồi trên lưng, từ dưới hai nách choàng lên hai vai. Đó gọi là đắp y như Bà-tẩu-thiên.

Họ đắp y lôi thôi như thế nên bị người đời chế nhạo:

Vì sao sa-môn Thích tử đắp y khi cao, khi thấp giống như nhà vua, đại thần, kẻ hào phú! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép đắp y cao, thấp, cho đến giống như cách đắp y của Bà-tẩu-thiên, mà phải đắp y tề chỉnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

2. Cần phải học: Đắp y tề chỉnh

Khi đắp y phải đắp tề chỉnh, không được cuộn tròn giống như cuốn vào trục, mà phải khắp trên vai trái, hai góc y phải bằng nhau. Khi đắp không được để cho góc y trong tay lồi ra giống như tai dê; không được làm như dâm nữ bán nhan sắc, nhìn qua bên phải bên trái xem có đẹp hay không đẹp; chỉ cần xem cho đúng pháp, tề chỉnh, không cao không thấp là được. Khi y bị dính đất thì có thể dùng tay giở lên, phủi đi. Nếu buông lung các căn đắp y không đúng pháp tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị

cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: đắp y tề chỉnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mặc áo trong thưa mỏng để lộ thân hình; đồng thời nhóm sáu Tỳ-kheo cũng mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả hông, ức, lưng, cùi chỏ, rồi họ cùng nhau đi vào nhà đàn việt, nên bị người đời châm biếm:

Các vị hãy xem kìa! sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần, mặc áo trong thưa mỏng để lộ cả thân hình.

Còn thấy mặc y rách rưới thì họ nói với nhau:

Các vị hãy xem kìa! sa-môn Thích tử mặc y phục để lộ cả thân thể giống như những kẻ tôi tớ, như người hạ tiện làm thuê đi vào nhà chúng ta. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo nghe họ nói, bèn đem (**400a**) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải che thân kín đáo khi vào trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

3. Cần phải học: Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y

Nếu may y An-đà-hội thì phải dùng vải dày để may. Nếu vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu y An-đà-hội thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la tăng thưa thì y Tăng-già-lê

phải may bằng vải dày. Nếu buông lung các căn không che thân thể kín đáo khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu cuồng loạn điên khùng, thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Phục sức kín đáo khi vào trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi vào nhà bạch y, họ ngó voi, ngựa, lạc đà, chim chóc, hoặc xem kỹ nữ ca múa, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà nhìn ngó bên Đông bên Tây giống như kẻ gián điệp?

Có người cắc cớ hỏi:

Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó hai bên giống như đang tìm kiếm vậy? Người xuất gia khi vào nhà ai thì phải ngó thẳng mà đi chứ! Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

4. Cần phải học: Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y

Ngó thẳng: Khi đi không được cúi đầu xuống mà đi giống như ngựa, mà phải nhìn thẳng đàng trước đề phòng voi, ngựa, bò dữ, phải đi giống như người khiêng kiệu, không được nhìn ngó bên Đông bên Tây. Khi muốn nhìn về phía nào, phải xoay cả người về phía ấy mà nhìn. Nếu buông lung các căn, không ngó thẳng phía

trước khi vào nhà đàn việt tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu như bị tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo lớn tiếng gọi nhau khi vào nhà bạch y, nên bị người ta chê cười:

Tôn giả giống như khách buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng lớn tiếng gọi nhau. Ông là người xuất gia, khi vào nhà ai nên nói khẽ chứ.

Rồi họ tiếp:

Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

(**400b**) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau nên nói khẽ khi vào nhà người khác.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

5. Cần phải học: Nói khẽ khi vào nhà bạch y

Không được lớn tiếng gọi nhau khi đi vào nhà bạch y. Nếu muốn gọi nhau thì nên khảy ngón tay. Nếu người trước không nghe thì nên nhờ người ngồi bên cạnh nói giùm. Nếu buông lung các căn không học nói khẽ khi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nói khẽ khi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y, nên bị người đời cười chê:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như Vương tử đại thần, kẻ phóng dật dâm loạn, cùng nhau cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y.

Rồi có người hỏi:

Tôn giả vì sao giơ cả lợi ra, muốn bán răng hả? Ở trong đó cũng không có kỹ nữ mà vì sao lại cười? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc ấy thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông sống trong giới luật của bậc Thánh mà lại cười nói đùa giỡn để hở cả lợi? Từ nay về sau không được cười đùa khi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

6. Cần phải học: Không được cười đùa khi vào nhà bạch y

Không được cười: Nếu có việc đáng cười thì không được cười ha hả để hở cả răng lợi, mà phải kìm chế, phải quán tưởng về lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về cái chết. Nếu không thể ngừng được thì phải cắn lưỡi lại. Nếu cũng không thể ngừng được, thì nên dùng chéo y bịt miệng lại ức chế từ từ. Nếu phóng túng các căn, cười lớn khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được cười đùa khi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu đi vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà phóng túng như bọn dâm nữ, như kẻ gián điệp của giặc, như cô vợ mới cưới, như kẻ lấy mật?

(**400c**) Rồi họ hỏi: Tôn giả bị bệnh đau mắt sao? Sợ nắng cháy đầu sao? Vì sao lại trùm đầu? Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được trùm đầu đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

7. Cần phải học: Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y. Nếu vì trời mưa tuyết quá lạnh, sợ bị đau đầu, thì được trùm nửa đầu và một tai. Nếu phóng túng các căn trùm đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được trùm đầu đi vào nhà bạch y.*"

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vắt trái y vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao Sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà vắt trái y để hở cả cùi chỏ, xương sườn, giống như Vương tử, đại thần, như bọn dâm nữ bán nhan sắc?

Rồi họ hỏi: Tôn giả muốn đến đó đánh lộn sao? Vì sao lại vắt trái y để hở cả xương sườn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vắt trái y đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

8. Cần phải học: Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y

Lật trái: Hai bên lật trái vắt trên vai.

Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y. Nếu khi mưa gió thì được vắt lên một bên. Nếu để trần vai bên phải thì được vắt qua bên trái. Nếu cả hai vai đều phủ kín thì được vắt qua bên phải, nhưng không được để lộ cùi chỏ. Khi đi khất thực, nếu sợ nhớp y, có thể vắt trái y lên vai mà không để lòi cùi chỏ, thì không có tội. Nếu buông lung các căn, vắt trái y đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vắt trái y đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi nhón gót vào nhà bạch y, (**401a**) bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đi giống như dâm nữ, kẻ trộm, rắn bò. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đi nhón gót vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

9. Cần phải học: Không được đi nhón gót vào nhà bạch y

Khi vào trong nhà nếu chân dính đất thì không được đặt các ngón chân xuống trước rồi gót chân xuống sau, mà phải đặt gót chân xuống trước rồi các ngón chân xuống sau. Nếu lòng bàn chân có mụt thì nên đi nghiêng bàn chân, và dùng vật gì đắp mụt rồi buộc lại, đoạn đặt gót chân xuống trước rồi ngón chân xuống sau. Nếu buông lung các căn, không học cách đi bàn chân bằng phẳng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được đi nhón gót vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo chống nạnh đi vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn, Thích tử mà chống nạnh đi vào nhà bạch y giống như Vương tử, đại thần, lực sĩ? Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đây là việc ác, từ nay về sau không được chống nạnh đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

10. Cần phải học: Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y

Chống nạnh: Hai tay ôm vào hai bên hông.

Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y. Nếu bị đau sống lưng, bị bệnh phong nhọt thì được chống nạnh, không có tội. Hoặc bị ung thư, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp, rồi sợ dơ y nên chống nạnh thì không có tội. Nếu buông lung các căn chống nạnh đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được chống nạnh đi vào nhà bạch y.*

Kệ tóm tắt:

"Khoác y nội, y ngoài,
Trùm kín, mắt nhìn thẳng,
Nói khẽ, không được cười.
Trùm đầu và lật y
(**401b**)Nhón gót và chống nạnh,
Hết phần đầu Bạt cừ."

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đi ẻo lả vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đi ẻo lả vào nhà bạch y giống như Vương tử, đại thần, dâm nữ? Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đi ẻo lả vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

11. Cần phải học: Không được đi ẻo lả vào nhà bạch y

Nếu thân già bệnh gặp trời mưa gió tuyết lạnh thì đi ẻo lả không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn đi ẻo lả vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được đi eỏ lả vào nhà bạch y*.

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đầu lắc lư đi vào nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà lắc lư cái đầu giống như kẻ dâm loàn, như chuột, chó sói? Đó là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

12. Cần phải học: Không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y

Nếu vì già yếu đau ốm, hoặc bị nhức đầu, hay trời mưa gió lạnh lẽo thì lắc lư cái đầu không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vẫy tay đi vào nhà bạch y, đụng nhằm mặt đàn việt, khiến bình đựng dầu sữa trong tay họ bị vỡ bể, nên bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà vẫy tay đi vào nhà bạch y giống như những kẻ lực sĩ hung bạo! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem (**401c**) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vẫy tay đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

13. Cần phải học: Không được vẫy tay đi vào nhà bạch y

Nếu người ấy trước kia vốn là Vương tử, đại thần, tập khí chưa trừ được, thì nên dạy rằng:

Nay Thầy đã xuất gia, phải bỏ tập quán cũ mà theo phép tắc của Tỳ-kheo. Nếu muốn gọi ai thì không được đưa cả hai tay lên vẫy, mà chỉ cần đưa một tay lên vẫy mà thôi. Nếu buông lung các căn, vẫy tay đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vẫy tay đi vào nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, riêng Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thì mặc y thưa mỏng để lộ cả thân thể, cùng ngồi trong nhà bạch y, khiến cho người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như Vương tử, đại thần, kẻ quí nhân, mặc y phục thưa mỏng?

Khi Thầy mặc y xấu xí thì họ lại chê:

Giống như những kẻ tôi tớ, người hạ tiện làm thuê, mặc y phục dơ bẩn rách rưới, để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, ngồi trong nhà bạch y. Sa-môn Thích tử lẽ ra phải che kín thân khi ngồi trong nhà. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

14. Cần phải học: Che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y

Che kín thân: Nên dùng vải dày làm nội y; nếu may bằng vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu nội y thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la tăng thưa thì y Tăng-già-lê phải may bằng vải dày. Nếu y Tăng-già-lê thưa thì y Uất-đa-la tăng phải may bằng vải dày. Khi ngồi không được ngồi trên y, phải dùng một tay vén y, một tay vin tọa cụ, rồi ngồi một cách nhẹ nhàng. Nếu ngồi thọ trai ở trong Tinh xá trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão, (**402a**) thì phải che thân kín đáo. Nếu buông lung các căn không che thân kín đáo khi ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: che thân kín đáo khi ngồi trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vào trong nhà bạch y, ngồi ngó các phụ nữ và trẻ em đang đi ra đi vào, lên gác xuống gác, nên bị người đời chê bai:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ dâm loàn, như quân trộm cắp, ngồi trong nhà người ta nhìn ngó các phụ nữ?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó Đông Tây như vậy? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau khi ngồi trong nhà bạch y phải ngó thẳng đàng trước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

15. Cần phải học: Ngó thẳng đàng trước khi ngồi trong nhà bạch y

Nhìn thẳng phía trước khi ngồi trong nhà nghĩa là không được làm như ngựa ngẩng cổ lên hay cúi đầu xuống nhìn mà phải nhìn thẳng, để coi chừng đàn việt có bưng những vật nóng như nước sôi đến, khỏi va nhằm vào tay họ. Khi ngồi ăn tại Tinh xá hay lúc ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được nhìn ngó bên phải bên trái, mà phải ngồi nhìn thẳng phía trước. Nếu buông lung các căn không nhìn đoan chính khi ngồi, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nhìn ngó đoan chính khi ngồi trong nhà bạch y*.

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vào ngồi trong nhà bạch y lớn tiếng gọi nhau nói năng ầm ĩ, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử mà lớn tiếng gọi nhau giống như người đi buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng gọi nhau?

Rồi họ vặn hỏi:

Tôn giả, vì cớ gì mà gọi lớn như thế? Người xuất gia lẽ ra phải nói năng nhỏ nhẹ, chứ vì sao lại gọi nhau ầm ĩ? Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải nói năng nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, (**402b**) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

16. Cần phải học: Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y

Khi ngồi trong nhà không được gọi nhau ầm ĩ. Nếu muốn gọi ai thì nên gảy móng tay, nếu người ấy không nghe thì nên nhờ người ngồi gần bên nói giúp. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được lớn tiếng gọi nhau. Khi muốn nói chuyện với ai thì nên nói với người ngồi gần rồi chuyển dần đến người thứ hai, thứ ba v.v... khiến cho người ấy biết. Nếu buông lung các căn lớn tiếng gọi nhau khi ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà bạch y cười giỡn với nhau ầm ĩ, bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử khi ngồi trong nhà bạch y mà cười giỡn tự do như Vương tử, đại thần, bọn dâm nữ?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả, ở trong đây có việc gì đáng cười không? Vì sao để bày cả lợi ra, muốn bán răng hả? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Các ông là những người xuất gia, vì sao sống trong giới luật của hiền Thánh mà lại cười lớn để hở cả lợi ra? Từ nay về sau không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

17. Cần phải học: Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y

Khi ngồi trong nhà bạch y không được cười. Khi Thọ trai tại Tinh xá hay đang ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão cũng không được cười. Nếu có chuyện đáng cười cũng không được cười lớn để hở cả răng lợi ra ngoài. Nên quán tưởng về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về sự chết, hoặc phải cắn lưỡi lại. Nếu không ngừng được cũng không nên cười lớn để hở cả lợi, mà phải lấy chéo y che miệng lại để kìm chế. Nếu buông lung các căn ngồi trong nhà bạch y mà cười, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà trùm đầu ngồi trong nhà bạch y giống như bọn dâm nữ, hay người lấy mật?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả (**402c**) bị bệnh đau đầu, sợ ánh nắng chiếu vào đầu phải không? Vì sao lại trùm đầu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

18. Cần phải học: Không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu ngồi trong nhà. Khi Thọ trai tại Tinh xá, hoặc ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được trùm đầu. Trong trường hợp mưa gió lạnh lẽo, hoặc bị bệnh, bị đau đầu phong cũng không được trùm kín cả đầu mà chỉ nên trùm nửa đầu để trống một bên tai. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo trưởng lão thì phải lấy đi. Nếu trùm đầu ngồi trong phòng riêng kín đáo thì không có tội. Nếu buông lung các căn trùm đầu ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà vắt y (lên vai) ngồi trong nhà để lộ cả cùi chỏ, hông, giống như vương tử, đại thần, bọn dâm nữ bán nhan sắc? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được vắt y ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

19. Cần phải học: Không được vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y

Vắt y: Hoặc vắt lên một bên, hoặc vắt cả hai bên.

Không được vắt y ngồi trong nhà. Khi khất thực hoặc lấy thức ăn, nếu sợ nhớp y, có thể vắt y lên, nhưng không để lộ cùi chỏ, thì không có tội. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được vắt y lên. Nếu có vắt thì chỉ được vắt một bên, không được vắt cả hai bên. Nếu vắt y thì nên vắt bên trái. Nếu cả hai vai đều đắp y kín thì được vắt bên phải. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải buông xuống trở lại. Nếu buông lung các căn, vắt y lên vai ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. (**403a**) Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được vắt y lên vai ngồi trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ôm đầu gối ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà kiêu căng phóng dật, ôm gối ngồi trong nhà người thế tục giống như Vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

20. Cần phải học: Không được ngồi bó gối trong nhà bạch y

Bó gối: Có thể vòng tay, vén y nhưng không được bó gối mà ngồi trong nhà.

Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì không được ôm gối mà ngồi. Khi đầu gối bị đau thì được dùng vải bó lại, nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải mở ra(?). Nếu trong phòng riêng ở chỗ vắng thì được ngồi bó gối. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo trưởng lão đến thì phải ngồi ngay ngắn. Nếu buông lung các căn, ôm gối ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn, thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y*.

Kệ tóm tắt:

"Uốn mình, đầu lắc lư,
Vẫy tay, che kín thân.
Nhìn thẳng và nói khẽ,
Không cười, ngồi trùm đầu.
Vắt y, ngồi ôm gối,
Hết phần hai Bạt cừ."

*

Hết quyển thứ hai mươi mốt

LUẬT MA HA TĂNG KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 22

PHÁP CHÚNG HỌC
(tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi tréo chân trong nhà bạch y, (**403b**) bị người đời chê cười: "Vì sao sa-môn Thích tử mà ngồi tréo chân trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!" Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

21. Cần phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà cư sỹ (bạch y).

Tréo chân: Bắp vế để trên bắp vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên ống chân, gót chân đặt trên mu bàn chân. Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y mà phải ngồi ngay ngắn hai chân bằng nhau. Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão không được ngồi tréo chân lên nhau.

Nếu bị bệnh thì được ngồi tréo chân, nhưng khi thấy Thượng tọa thì phải ngồi lại đoan chánh. Nếu bàn chân bị dính bùn nên ngồi tréo chân để gạt bùn, thì không có tội. Nếu buông lung các căn ngồi tréo chân trong nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, bị người đời chê cười: "Vì sao sa-môn Thích tử mà ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần, lực sĩ? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

22. Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y

Chống nạnh: Hoặc chống nạnh một tay, hoặc chống nạnh cả hai tay. Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

Khi Thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão không được ngồi chống nạnh. Nếu vì già bệnh hay bị chứng phong thống đau lưng, thì ngồi chống nạnh không có tội. Nếu bị ung nhọt, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp lên, rồi sợ

nhớp y nên ngồi chống nạnh, thì không có tội. Nhưng khi thấy Thượng tọa đến thì phải thả tay xuống. Nếu buông lung các căn, ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.*

*

(**403c**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà bạch y, vừa đung đưa cái chân, vừa múa tay, lại còn ngắt cỏ nữa, nên bị người đời chê cười: "Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên múa, ngồi trong nhà bạch y mà tay chân không để yên? Đấy là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

23. Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y

Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y: Khi ngồi không được động tay động chân, múa tay múa chân, hay ngắt cỏ, mà phải ngồi chững chạc đoan nghiêm. Nếu có ai hỏi thì trước hết phải giữ gìn oai nghi giới luật, tùy thuận mà đáp. Nếu họ hỏi về bốn ngôi Tháp thì được dùng tay chỉ, nói: "Đó là chỗ đản sinh, đó là chỗ Thành đạo, đó là chỗ Chuyển pháp luân, đó là chỗ nhập

Niết-bàn", thì không có tội. Nếu đàn việt muốn kiến tạo Tinh xá cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên xem xét địa hình địa thế, chỗ có thể làm, rồi đưa tay chỉ, nói: "Chỗ này có thể xây Tinh xá, chỗ này có thể xây giảng đường, chỗ kia có thể làm nhà sưởi, chỗ nọ có thể xây tăng phòng", thì không có tội. Nếu buông lung các căn múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng tại Tinh xá; khi họ bắt đầu dọn cơm thì nhóm sáu Tỳ-kheo đòi nước rửa tay, rửa bát. Đàn việt nghe thế, liền đặt thau cơm nóng xuống đất, trách:

Con bỏ nhà đến chùa thiết trai cúng dường là mong chúng Tăng đồng lòng tịnh tâm để cầu được phước, mà giờ đây khi mới dọn cơm thì lại đòi hỏi này kia. Người xuất gia nên chú tâm mà ăn, chứ vì sao trong bữa ăn mà còn đòi hỏi nhiều thứ khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải chú tâm nhận đồ ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (**404a**) cũng phải nghe lại:

24. Cần phải học: Chú tâm nhận đồ ăn

Khi chú tâm ăn không được dùng hai tay ghì cái bát đặt trên hai bàn chân. Trước hết phải rửa tay sạch, rồi lau bát, khi thức ăn

được đưa đến nên chú ý mà nhận. Nếu mình là người trực nguyệt trông coi việc ăn uống, nên phải đến sau, thì được đòi nước rửa tay, rửa bát, không có tội. Nếu buông lung các căn không chú tâm khi nhận đồ ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Chú tâm nhận đồ ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có vị trưởng giả đến Tinh xá cúng dường trai phạn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận nhiều canh, sau mới nhận cơm, khiến bát đầy tràn, canh chảy xuống đất, nên đàn việt chê trách: – Tôi lấy phần cơm của vợ con để cúng dường cho chúng Tăng là mong Tăng dùng cho hết, mà nay lại vứt xuống đất. Tôn giả có biết không, trong một hạt cơm này chứa hàng trăm công sức!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải nhận cơm và canh bằng nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

25. Cần phải học: Nhận cơm và canh bằng nhau

Nhận cơm và canh bằng nhau: Không được lấy canh trước, lấy cơm sau mà phải lấy cơm trước bỏ vào bát xong, mới lấy canh. Nếu tục lệ của nước đó dọn canh trước, dọn cơm sau, thì nên dùng một cái tô để nhận. Nếu không có tô, thì nên dùng lá cây, hay bát nhỏ để nhận. Nếu cũng không có lá cây thì được dùng bát để nhận canh. Nhưng khi nhận cơm thì phải dùng tay đỡ, từ

từ bỏ vào trong bát, không được để nó tràn chảy ra ngoài. Nếu Tỳ-kheo bệnh cần dùng canh nhiều, thì lấy nhiều canh không có tội. Nếu buông lung các căn không nhận cơm canh bằng nhau tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Nhận cơm canh bằng nhau.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn xung quanh bốn phía bát để dành chính giữa lại, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, moi xung quanh bốn phía bát mà ăn, để chính giữa lại? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được moi xung quanh bốn phía bát mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập (**404b**) họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

26. Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn

Moi xung quanh bát mà ăn: Moi bốn phía, để chính giữa lại.

Trước hết nên nhận cơm để vào một bên bát, sau đó nhận canh, rồi trộn chung lại mà ăn. Nếu có sữa, chất béo lẫn vào trong cơm, thì không được vì chuộng ngon moi chỗ ngon ăn trước mà phải ăn theo thứ lớp. Nếu muốn cho ai, thì nên xắn một nửa mà cho.

Nếu buông lung các căn, moi xung quanh bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, nên bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, ợ thức ăn từ trong bụng ra nhai lại? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

27. Cần phải học: Không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn

Lùa thức ăn trong miệng từ phía bên này qua phía bên kia: Ngậm một miếng cơm từ phía má bên này chuyển qua phía má bên kia. Cần nhai bên nào thì nhai bên đó xong rồi nuốt. Nếu Tỳ-kheo ăn bột, gạo tẻ thì có thể ngậm một bên, nhai một bên không có tội. Nếu buông lung các căn lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học.

Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo le lưỡi ra ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rắn, như chuột, như chó, như mèo, le lưỡi ra ăn? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hành gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được le lưỡi ra ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (**404c**) cũng phải nghe lại:

28. Cần phải học: Không được le lưỡi ra ăn

Le lưỡi ra ăn: Le lưỡi ra để thức ăn trên lưỡi rồi mới ngậm miệng lại. Nếu người trực nguyệt hay coi sóc việc ăn uống muốn biết thức ăn sống chín, mặn nhạt, chua ngọt thì được bỏ thức ăn trong bàn tay, rồi dùng lưỡi nếm, thì không có tội. Nếu bị bệnh thì được bỏ muối trong bàn tay rồi nếm, không có tội.

Nếu buông lung các căn le lưỡi ra ăn, tức là coi Thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được le lưỡi mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và những miếng cơm lớn mà ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ phóng dật, như bò, như dê, như lạc đà, như tù nhân đói khát, ăn những miếng cơm lớn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ăn những miếng cơm lớn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

29. Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn

Không được lớn, không được nhỏ, kiểu như dâm nữ và vài hột, ba hột mà ăn, mà phải ăn miếng cơm vừa miệng. Nếu Tỳ-kheo ăn cơm tẻ thì và đầy miệng không có tội. Nếu buông lung các căn ăn những miếng cơm lớn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng chờ cơm mà ăn, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rùa trạnh, ếch nhái, hả miệng để chờ cơm? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

30. Cần phải học: Không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn

Không được hả miệng chờ cơm mà ăn: Khi ăn, Tỳ-kheo phải ăn như cách ăn của voi chúa trên núi tuyết, (**405a**) nghĩa là khi thức ăn vào miệng liền dùng cái vòi đẩy sâu vào và chia đều ra trong miệng. Nuốt xong miếng ăn trước rồi mới đưa miếng ăn sau vào, chứ không được hả miệng chờ thức ăn. Nếu miệng bị lở thì được hả miệng chờ không có tội. Nếu buông lung các căn hả miệng chờ cơm để ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được hả miệng chờ cơm để ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng ra vò thức ăn ném vào, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ dâm loàn, ném thức ăn vào miệng mà ăn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ném thức ăn vào miệng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

31. Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng

Ném thức ăn vào miệng: Không được vò cơm thành cục từ xa ném vào miệng. Nếu ăn các loại như táo chua, nho, cho đến đậu rang, thì ném vào miệng mà ăn không có tội. Nếu buông lung các căn ném thức ăn vào miệng, tức là coi Thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo cắn một nửa món ăn, còn một nửa cất vào trong bát, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, cắn một nửa món ăn (mà ăn)? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được cắn một nửa món ăn mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

32. Cần phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn

Không được cắn một nửa món ăn còn một nửa cất vào trong bát mà nên (bẻ) từng miếng vừa miệng mà ăn.

Nếu cục bột lớn thì nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng.

Nếu ăn trái dưa, mía hay củ cải thì được cắn ăn không có tội.

Nếu ăn bánh cũng nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng.

Nếu buông lung các căn (**405b**) cắn một nửa món ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng điên thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ngậm đồ ăn mà nói, bị người đời chê cười:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, lừa, ngậm thức ăn mà kêu rống? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ngậm thức ăn mà nói.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

33. Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói

Không được ngậm thức ăn mà nói: Nếu đang ăn mà bị Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo gọi, mình nuốt chưa hết thức ăn mà tiếng nói không khác thường, thì được lên tiếng đáp.

Nếu không thể được thì phải nuốt cho hết cơm rồi mới lên tiếng đáp. Nếu người gọi trách cứ, thì hãy đáp: "Vì trong miệng con có thức ăn nên không thể trả lời ngay được."

Nếu phóng túng các căn, ngậm thức ăn mà nói, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói.*

Kệ tóm tắt:

Ngồi tréo chân trong nhà,
Chống nạnh, động tay chân.
Chú ý, cơm bằng canh,
Dồn thức ăn hai má.
Le lưỡi, ngậm lớn miếng
Hả miệng, ném cơm vào.
Cắn ăn, ngậm cơm nói
Hết Bạt-cừ thứ ba."

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn,

nhóm sáu Tỳ-kheo dùng ngón tay vét bát mà ăn, nên bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử lại ăn như trẻ con, như tù nhân bị đói?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả ăn uống rất sung túc, vì sao lại phải vét bát? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

34. Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn

(405c) Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn: Không được cong ngón tay lại để vét bát. Nếu sữa, dầu, mật dính nơi bát thì không được co ngón tay lại vét bát mà phải dùng ngón tay dồn lại rồi mới nhúm lại mà ăn.

Nếu buông lung các căn, dùng ngón tay vét bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loại thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo liếm tay mà ăn, nên bị người đời chê trách: Vì

sao sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, khi được thức ăn liền liếm tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

Tôn giả, con cúng một cách hào phóng cho Thầy ăn đầy đủ, vì sao lại liếm tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được liếm tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

35. Cần phải học: Không được liếm tay mà ăn

Không được lật ngửa, lật sấp bàn tay để liếm mà ăn. Nếu sữa, dầu, mật, đường phèn dính vào tay thì phải dùng tay vuốt vào miệng bát để dồn lại một chỗ, rồi mới lấy ăn.

Nếu buông lung các căn liếm tay mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được liếm tay mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo mút ngón tay mà ăn, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, mút ngón tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

Con cúng dường một cách hào phóng, vì sao Thầy lại mút ngón tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được mút ngón tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

36. Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn

Không được mút ngón tay mà ăn: Nếu Tỳ-kheo ăn các Thứ như canh thịt, mỡ hay chất ngọt dính vào ngón tay thì không được mút mà phải kê ngón tay vào thành bát vuốt cho dồn lại một chỗ rồi lấy ăn.

Nếu mật, (**406a**) đường phèn, muối dính vào đầu ngón tay thì được mút, không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, mút ngón tay mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhai thức ăn ra tiếng, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn giống như heo, chuột ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nhai thức ăn ra tiếng.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

37. Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng

Nếu buông lung các căn nhai thức ăn ra tiếng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hút cơm ra tiếng mà ăn, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như lạc đà, bò, lừa hút cơm mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được hút thức ăn ra tiếng mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

38. Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn

Nếu ăn các thứ cháo lỏng, sữa tươi, sữa chua, canh, cơm thì không được húp thành tiếng mà phải nuốt từ từ.

Nếu buông lung các căn, hút thức ăn mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nuốt trộng thức ăn nghe tiếng ừng ực, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn nghe tiếng ừng ực giống như lừa, lạc đà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem (**406b**) sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nuốt trộng thức ăn mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

39. Cần phải học: Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn

Không được nuốt trộng thức ăn nghe tiếng ừng ực. Nhưng nếu yết hầu bị bệnh nên nuốt thức ăn nghe tiếng thì không có tội.

Nếu yết hầu bị khô thì nên uống nước cho thông rồi mới nuốt thức ăn.

Nếu buông lung các căn, nuốt trộng thức ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và cơm vào trong miệng một nửa, rơi xuống đất một nửa, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà ăn uống đổ tháo giống như kẻ phóng dật?

Rồi họ hỏi:

Đại đức tưởng rằng những thức ăn này không tốn tiền mua sao? Con đã lấy phần của vợ con đem cúng dường để cầu phước, một hạt gạo này tốn hàng trăm công sức mới thành, cần phải ăn hết, vì sao lại để rơi xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được ăn uống làm đổ tháo thức ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

40. Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn

Khi nhận thức ăn không nên để một hạt cơm nào rơi xuống đất, nhưng nếu tịnh nhân sớt cơm rơi xuống đất thì không có tội. Khi đã và thức ăn vào trong miệng thì đừng để rơi xuống đất, nhưng nếu lỡ rơi thì không có tội. Khi ăn cá, thịt, trái cây, dưa, mía thì không được vứt bừa bãi vỏ, hạt, xác, xương dưới đất, mà phải bỏ dồn đống một bên dưới chân.

Nếu buông lung các căn làm rơi rớt cặn bã thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo vung tay ra, làm bẩn y Tỳ-kheo ngồi bên cạnh. Vị ấy liền hỏi:

Trưởng lão! Vì sao mà vung tay ra, bị rít, ong, bò cạp cắn phải không?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

(**406c**) Từ nay về sau không được vung tay khi ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

41. Cần phải học: Không được vung tay khi ăn

Khi vung tay thì không được hướng vào người ngồi bên cạnh mà vung. Nếu thức ăn dính vào tay thì nên đưa tay về trước mặt mình mà rảy, hoặc rảy vào trong bát.

Nếu buông lung các căn vung tay khi ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được vung tay khi ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhìn vào bát của người ngồi bên cạnh với tâm châm chọc. Nếu thấy thức ăn ít, liền nói:

Thật là liêm khiết, có tiết độ; nếu đã no rồi không dùng nữa thì hãy cho tôi.

Nếu thấy cầm cái bát lớn, liền nói:

Ôi! Đây là kẻ tham ăn, cái bát giống như cái chõ lớn, đàn việt cung cấp chỉ đủ cái này thôi, bọn chúng tôi còn lấy đâu ra nữa!

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm hổ thẹn, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm châm chọc.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

42. Cần phải học: Không được nhìn trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói

Nếu người trông coi việc ăn uống vì muốn biết nơi nào đã có, nơi nào chưa có thức ăn mà xem, thì không có tội.

Nếu đệ tử tùy tùng hay đệ tử y chỉ bị bệnh, mình xem trong bát của họ để biết thức ăn có hợp với bệnh hay không, thì không có tội. Hoặc xem người ngồi trên, ngồi dưới để biết thức ăn đã có hay chưa thì không có tội.

Nếu buông lung các căn nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm xoi bói tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được xem trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ấy, một Tỳ-kheo để bát trước mặt, quay lại nói chuyện với người ngồi bên cạnh. Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn lấy bát để ở chỗ khác. Khi người mang thức ăn đến, Thầy Tỳ-kheo không thấy bát, bèn sờ dưới đất để tìm, khiến tay bị bẩn, liền hỏi đàn việt xin nước rửa tay. Khi ấy, đàn việt bèn bỏ thố cơm xuống đất, cằn nhằn:

Con bỏ cả việc nhà vì muốn tạo phước, cúng cơm cho chư Tăng, lẽ ra Tăng nên tề chỉnh nhận lấy thức ăn. Thế mà giờ đây khi bưng cơm lên thầy mới xin nước rửa tay. Người xuất gia (**407a**) phải giữ tâm đoan chính, nhìn vào bát mà ăn chứ. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau phải giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

43. Cần phải học: giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn

Giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn: Không được để bát trước mặt rồi nói chuyện với người bên cạnh. Nếu có lý do cần nói chuyện với người bên trái, bên phải thì tay trái phải cầm lấy vành bát. Khi thấy người mang thức ăn đến cách mình ba người thì phải tráng bát sạch cầm chờ đến phiên mình. Nếu buông lung các căn không giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn tức là xem thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: giữ tâm đoan chính nhìn vào bát mà ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo đòi cơm, canh, bị đàn việt chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử đến bữa ăn lại đòi cơm, đòi canh?

Rồi họ hỏi:

Này tôn giả, con tự nguyện cúng dường thức ăn đầy đủ, vì sao lại kêu đòi ầm ĩ?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép đòi thức ăn.

Lại nữa, khi Phật trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, theo Thường lệ, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến trivì năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, gầy ốm tiều tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, Ông đau như thế nào đấy?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh đau đớn, chẳng có thích thú gì.

Ông không thể đòi thức ăn thích hợp với bệnh và thuốc thích hợp với bệnh sao?

Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn chế giới không được đòi thức ăn (nên con không dám đòi).

Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đòi thức ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

44. Cần phải học: Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn

Khi không bệnh không được vì mình mà đòi cơm canh. Nếu có bệnh cần nhiều canh thì đòi không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, không có bệnh mà vì mình đòi thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì (**407b**) không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận cá thịt canh rồi lấy cơm phủ lên trên. Người coi việc ăn uống thấy thế liền hỏi:

Trưởng lão đã nhận được cá thịt canh chưa?

Lão trượng, ông thấy đó thì biết, cần gì phải hỏi?

Người coi việc ăn uống liền hỏi người đưa thức ăn:

Vì sao ông không đưa cá thịt canh chỗ này?

Chỗ nào chưa nhận được?

Chỗ này chưa được đây này.

Con đã đưa rồi vì sao nói là chưa được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng cơm phủ lên canh để mong được thêm canh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

45. Cần phải học: Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm canh

Nếu Tỳ-kheo chờ người ta sớt thức ăn mà sợ nhớp y thì có thể (phủ cơm trên canh), để hở một bên, nhưng không được phủ kín hết.

Nếu phủ kín hết mà người đưa thức ăn hỏi đã nhận được chưa thì phải đáp là đã nhận được rồi.

Nếu buông lung các căn, lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng tay bẩn cầm ly nước đưa người bên cạnh, khiến người ấy chê nhớp không cầm. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được dùng tay bẩn cầm ly nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

46. Cần phải học: Không được dùng tay bẩn cầm ly nước

Khi ăn, Tỳ-kheo nên giữ gìn tay trái cho sạch, dùng tay phải nhận lấy ly nước rồi kê vào môi mà uống. Không được ngậm vành ly sâu vào miệng, cũng không được để cho vành ly chạm vào mũi và trán. Không được uống hết mà nên để lại chừng một ngụm, đổ đi, rồi dùng nước rửa cho sạch, đoạn đưa tiếp người ngồi dưới mình. Nếu tay trái bị bệnh ghẻ, thì dùng tay phải gạt trên vành bát (cho hết thức ăn) rồi lấy nước sạch rửa. Nếu rửa không sạch thì dùng chiếc lá để cầm ly nước mà uống, uống xong như trên đã nói. Nếu buông lung các căn dùng tay bẩn cầm ly nước tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được dùng tay bẩn cầm lấy ly nước.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn

xong, nhóm sáu Tỳ-kheo dồn cơm thừa trong bát đổ xuống đất, nên bị đàn việt chê trách rằng:

Tôn giả cho rằng thức ăn này không có tiền mà mua được sao? Con đã lấy phần của vợ con để làm việc phước đức, một hạt cơm tốn cả trăm công sức, vì sao lại đổ xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau không được đem cơm thừa trong bát đổ xuống đất.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

47. Cần phải học: Không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất

Khi ăn, phải lượng cái bụng mà lấy thức ăn, không được lấy nhiều. Nếu tịnh nhân sớt quá nhiều, thì trước khi ăn nên sớt bớt cho người bên cạnh. Nếu người bên cạnh không lấy thì nên cho sa-di và người làm vườn.

Khi rửa bát, không được đổ một hạt cơm nào xuống đất. Nếu còn thức ăn thừa thì nên đổ trên tấm ván hoặc trên lá cây. Nếu những hạt thức ăn quá nhỏ như bột không thể dồn lại được thì không có tội. Nếu buông lung các căn đem đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất.*

Kệ tóm tắt:

Vét, liếm, nhai ra tiếng,
Nuốt trộng, làm rơi cơm.
Vung tay, nhìn bát khác,
Đoan tâm, vì mình đòi.
Che canh, tay dơ, đổ,
Hết Bạt-cừ thứ tư.

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đứng thuyết pháp cho các đồng tử Ly-xa ngồi nghe, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi thuyết pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải mời vị ấy ngồi trên giường, chứ sao lại để vị ấy đứng thuyết mà mình ngồi nghe?

Các Tỳ-kheo (**408a**) bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe? Từ nay về sau không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

48. Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe; ngoại trừ họ bị bệnh

Bệnh: (Khi người nghe có bệnh thì đứng thuyết pháp) đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Thuyết: Vì thính giả mà giảng giải nghĩa lý, phân biệt diễn thuyết để cho họ theo đó mà tu hành.

Pháp: Do Phật thuyết hoặc do Phật ấn chứng.

Do Phật thuyết: Do chính đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrình bày.

Do Phật ấn chứng: Do các vị Thanh văn thuyết, được Phật ngợi khen là có ý nghĩa, đó gọi là ấn chứng.

Không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, nhưng nếu họ bị bệnh (thì mình đứng thuyết pháp) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp của chúng Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người đứng, mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đứng đó nghe, thì dù nhà vua ngồi nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, ngoại trừ họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, những kẻ nghe pháp không có tâm cung kính, Vì sao nghe thuyết pháp vi diệu như vậy mà lại nằm nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe? Từ nay về sau Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

49. Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh

Họ bị bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "(**408b**) Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ngồi, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ngồi đó nghe, dù vua (nằm) nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn, ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho tướng quân Sư Tử ngồi trên giường cao nghe, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, bản thân mình ngồi dưới giường thấp nhỏ mà thuyết pháp cho người ngồi trên

giường cao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, tướng quân Sư Tử này không có tâm cung kính, khi nghe pháp vi diệu như vậy vì sao lại ngồi trên giường cao, để cho Tỳ-kheo ngồi dưới giường thấp thuyết pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe? Từ nay về sau, mình ở dưới thấp không được thuyết pháp cho người ngồi ở trên cao nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

50. Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh

Giường thấp: Có hai loại: (1) Giường ở dưới gọi là giường thấp; (2) Giường thô sơ xấu xí cũng gọi là giường thấp.

Giường cao: gồm hai loại: (1) Giường cao lớn gọi là giường cao; (2) Giường đẹp đẽ lộng lẫy cũng gọi là giường cao.

Bệnh: (Khi thính giả bị bệnh thì Tỳ-kheo đứng thuyết pháp) đức Thế Tôn nói là không có tội.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, nhưng nếu đó là người bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, đi đến nhà vua, đến chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì khi ấy không được bảo họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ở dưới thấp, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua ngồi trên giường cao nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu buông lung các căn ngồi dưới giường thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà (**408c**) thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang giày da nghe, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người mang giày da nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này nghe thuyết pháp vi diệu mà không có tâm cung kính, không chịu cởi giày da khi nghe pháp." Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

51. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh

Giày da: hoặc một lớp, hoặc hai lớp.

Thuyết pháp: như trên đã nói.

Không được thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe, nhưng nếu họ bị bệnh thì Phật bảo là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của Tăng... cho đến có tịnh nhân ở bên cạnh họ, thì mình nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang ở nơi đường hiểm, chỗ đáng kinh sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì người ấy dù mang giày da, mình thuyết pháp cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang guốc gỗ nghe, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên thuyết pháp cho người mang guốc nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải cởi guốc, vì sao lại mang guốc mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

52. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

(**409a**) **Guốc**: Gồm mười bốn loại: (1) Guốc vàng; (2) Guốc bạc; (3) Guốc ma-ni; (4) Guốc răng; (5) Guốc gỗ; (6) Guốc đa-la; (7) Guốc da; (8) Guốc Khâu-bà-la; (9) Guốc diên; (10) Guốc cỏ gai; (11) Guốc vỏ cây; (12) Guốc bà-ca; (13) Guốc cỏ. Gồm các loại guốc như thế, đó gọi là guốc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến vua hoặc chủ đất, mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không nên bảo họ cởi guốc ra, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho Tịnh nhân nghe, dù vua nghe cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa trùm đầu nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viễn, thuyết pháp cho người trùm đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải gỡ bỏ khăn trùm đầu, vì sao lại trùm đầu nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

53. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Trùm đầu: trùm kín cái đầu hoàn toàn.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, nhưng được thuyết pháp cho người bệnh (trùm đầu) nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất v.v. cho đến nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đi đến những nơi đường hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì dù người ấy đang trùm đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có

tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà (**409b**) thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa quấn khăn trên đầu nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vi diệu như vậy vì sao lại quấn khăn trên đầu mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà quấn khăn trên đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

54. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Quấn (khăn) trên đầu: Hoặc dùng vải quấn hoặc dùng lụa quấn.

Thuyết pháp: như trên đã nói; nhưng được thuyết pháp cho người có bệnh quấn khăn trên đầu nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ mở khăn quấn đầu, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe" thì người ấy dù đang quấn khăn trên đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà quấn khăn trên đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại Thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi ngay ngắn, vì sao lại ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi (**409c**) cũng phải nghe lại:

55. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ôm đầu gối: Ôm tay, ôm y, ôm cả dây buộc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Nếu thuyết pháp cho người có bệnh nghe thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng khi đi đến nhà vua hay chủ đất, cho đến câu nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên suy nghĩ là mình thuyết pháp cho Tịnh nhân nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà ngồi ôm đầu gối nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chồm hổm ôm đầu gối nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa ngồi tréo chân mà nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung

kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi nghiêm chỉnh, vì sao lại ngồi tréo chân?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

56. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Ngồi tréo chân: Đùi vế để trên đùi vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên bắp chân, gót chân để trên gót chân.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Không được thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì thuyết pháp không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ ngồi lại nghiêm chỉnh, vì sợ họ sinh tâm nghi kỵ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học:*

Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Kệ tóm tắt:

Những người ngồi và nằm,
Trên giường cao, mang giày,
Mang guốc cùng trùm đầu,
Quấn đầu, ngồi bó gối,
Và tréo chân, không thuyết
Hết Bạt-cừ thứ năm.

*

(**410a**) Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm dao nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải nhất tâm, chắp tay, vì sao lại như bọn đồ tể, cầm dao nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

57. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe

Cầm: dùng tay cầm.

Dao: dao lớn, dao nhỏ, gươm.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ dao, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho Tôi nghe", thì tuy người ấy đang cầm dao mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người cầm dao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.*

*

Khi Phật an trú tại Thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm cung tên nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe? Vả lại, bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải bỏ cung tên, vì sao lại cầm cung tên mà nghe pháp giống như bọn thợ săn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, (**410b**) vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

58. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe

Cầm: dùng tay cầm.

Cung tên: Vũ khí phòng vệ.

Thuyết pháp: như trên đã nói; không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ cung tên, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy cầm cung tên mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm gậy nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm gậy nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, tại sao nghe diệu pháp như vậy mà không bỏ gậy xuống, lại cầm gậy nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

59. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh

Cầm gậy: Tất cả các loại gậy.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bị bệnh mà cầm gậy nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ gậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy đang cầm gậy, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe tức là coi thường pháp cần phải học. (**410c**) Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, ngoại trừ họ bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm dù nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dù nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải bỏ dù đi, vì sao lại cầm dù nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ có bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

60. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Dù: Dù bằng vỏ cây, dù bằng lá đa-la, bằng lá đa-lê, bằng thanh tre, bằng nhiều nếp gấp, bằng lông đuôi công, nói chung các loại có thể che mưa nắng như vậy đều gọi là dù.

Thuyết pháp: như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe" thì không được bảo họ bỏ dù, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu thuyết pháp cho pháp sư, luật sư khi mưa, gió, lạnh, tuyết, hoặc nóng bức mà họ cầm dù, thì không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi sau các đồng tử Lê-xa mà thuyết pháp, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải đi sau mà nghe.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

(**411a**) Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe? Từ nay về sau không được đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

61. Cần phải học: mình đi sau không được thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Đi sau: Người kia đi trước, mình đi sau.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay Chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đi phía sau mình, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Nơi này bọn cướp thường đón đầu đoàn bộ hành, để tôi đi trước, tôn giả đi sau thuyết pháp cho tôi nghe", thì mình thuyết pháp không có tội. Nếu có kẻ ác lườm mắt, cầm gậy giành đi trước bắt Tỳ-kheo đi sau thuyết pháp cho y nghe, thì thuyết pháp không có tội.

Nếu buông lung các căn đi sau thuyết pháp cho người không bệnh đi trước nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Tỳ-kheo không được đi sau thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cưỡi ngựa nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải xuống ngựa, vì sao ngồi trên lưng ngựa mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cưỡi ngựa nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

62. Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Cưỡi: gồm có tám loại: Cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi bò, cưỡi lừa, ngồi trên thuyền, ngồi trên xe, (**411b**) ngồi trên kiệu, ngồi trên cáng.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ xuống ngựa, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ rằng mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì dù người ấy ngồi trên ngựa, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh cưỡi ngựa nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở ngoài lề đường thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ở giữa đường nghe, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, mình ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải tránh sang bên lề đường để Tỳ-kheo ở giữa đường, chứ vì sao mình lại ở giữa đường?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Từ nay về sau không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

63. Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh

Bệnh: đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ở ngoài lề đường: Tỳ-kheo ở ngoài lề đường.

Ở giữa đường: Thính giả ở giữa đường.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ tránh ra ngoài lề đường, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy ở ngoài lề đường, để tôi ở giữa đường, nếu có bọn cướp xuất hiện, tôi sẽ chống cự chúng. Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy ở giữa đường, mình thuyết pháp cũng không có tội.

(**411c**) Nếu buông lung các căn ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, tức là coi thường pháp

cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc muốn đi đến hồ nước ở công viên phía đông để du ngoạn, bèn ra lệnh cho kẻ hầu cận:

Ngày mai, Trẫm cùng phu nhân thể nữ sẽ đi du ngoạn ở đông viên, các ngươi hãy quét tước sạch sẽ, trang hoàng giường nệm chu đáo.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe được, liền đến trước vườn đó, nhổ nước miếng, nước dãi trên cỏ non, rồi lấy lá cây gói những thứ bất tịnh thả nổi trong hồ nước. Phu nhân thể nữ ở trong cung lâu ngày thường trông mong được đi du ngoạn, đến hôm được theo vua ra đi, chẳng khác gì tù nhân ra khỏi ngục. Khi đến trong vườn, thấy cỏ non mềm mại, ai nấy đều chạy xô tới, từ xa xí phần, nói: "Đây là phần của tôi. Đây là phần của tôi", rồi ngồi trên những bãi nước miếng, khiến y phục bị dơ bẩn. Do thế, họ chạy tới hồ nước để rửa tay và gụt y, rồi họ lại thấy những chiếc lá gói lại đang nổi phập phều trên mặt hồ, liền tưởng tượng: "Có lẽ các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp đi dạo chơi nên gói các hương thơm để tặng chúng ta chứ gì?"

Rồi xúm tranh nhau, bảo: "Cái này của tôi. Cái này của tôi", giành lấy các gói lá, khiến những thứ bất tịnh bắn ra, nhớp cả y phục.

Đoạn, họ bảo nhau: "Kỳ quá, kỳ quá! Ta tưởng là hương thơm, ai ngờ là đồ bất tịnh", liền tâu với vua: "Thực là kỳ lạ! Trước đây đại vương đã ra lệnh quét tước sạch sẽ mà giờ thì nhớp nhúa như vậy đó!"

Vua bèn hỏi người giữ vườn: "Ai làm bẩn vườn này như thế?."

Người giữ vườn tâu: "Hôm qua nhóm sáu Tỳ-kheo đến chơi trong vườn này khá lâu, có lẽ họ làm bẩn chăng?."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi và trong nước? Từ nay về sau không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi và trong nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

64. Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi

65. Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước

Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi mà nên đại tiểu tiện nơi chỗ đất không có cỏ. Nếu vào những tháng hạ, cỏ non mọc khắp nơi không có chỗ đất trống thì nên đại tiện... tại những lối đi của lạc đà, bò, ngựa, lừa, dê. Nếu không có những chỗ ấy thì nên (đại tiện) trên ngói, gạch, đá. Nếu cũng không có nữa thì nên (đại tiện) trên những lá cỏ khô. (**412a**) Nếu cũng không có nữa, thì nên dùng cành cây lót, đại tiện trên cành cây, rồi đem chôn xuống đất.

Khi đi kinh hành, Tỳ-kheo không được nhổ trên cỏ tươi. Nơi đầu đường đi kinh hành nên để ống nhổ trên ngói đá cỏ lá, dùng tro bỏ trong ống nhổ rồi mới nhổ vào. Nếu đại tiểu tiện bị dơ tay chân thì được chùi trên cỏ tươi. Nước gồm có mười loại như trên

đã nói. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước mà phải đại tiểu tiện trên đất. Nếu vào mùa mưa, nước bỗng dưng dâng lên ngập khắp nơi thì nên đại tiện trên những mô đất. Nếu không có những mô đất thì nên dùng ngói đá hay tre gỗ đại tiện trên đó, rồi mới đem bỏ xuống nước.

Nếu đào đất làm cầu tiêu mà dưới đáy cầu có nước chảy ra, thì Tỳ-kheo không được đi cầu trước mà phải bảo Tịnh nhân đi trước, rồi Tỳ-kheo mới đi sau, thì không có tội. Nếu dưới đáy cầu có nước chảy thì phải dùng thanh gỗ đại tiện trên đó rồi mới bỏ xuống nước.

Nếu đại tiểu tiện, khạc nhổ bị bẩn tay chân thì được dùng nước rửa. Hoặc khi đại tiểu tiện thì được rửa trôn trong nước, không có tội.

Khi Tỳ-kheo xuống nước tắm, không được khạc nhổ trong đó. Nếu ở cách xa bờ thì phải nhổ vào trong tay rồi đem vứt đi.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khạc nhổ trên cỏ tươi tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: Không được đại tiểu tiện khạc nhổ trên cỏ tươi. Cần phải học: Không được đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước.*

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mà đứng đại tiểu tiện giống như bò lừa lạc đà? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao các ông lại đứng đại tiểu tiện? Từ nay về sau không được đứng đại tiểu tiện.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

66. Cần phải học: Không được đứng đại tiểu tiện

Nếu gót chân bị dính bùn, sợ nhớp y, thì được đứng đại tiểu tiện không có tội. Nếu gót chân bị đau, bị ghẻ, bị phù thũng thì được đứng đại tiểu tiện không có tội.

Nếu buông lung các căn đứng đại tiểu tiện tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: *Cần phải học: (**412b**) không được đứng đại tiểu tiện.*

Kệ tóm tắt:

Cầm dao, mang cung tên,
Cầm gậy và dù lọng,
Đi sau, người cưỡi ngựa,
Lề đường, trên cỏ tươi.
Trong nước, đứng tiểu tiện,
Hết Bạt-cừ thứ sáu.

*

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Phật nói với A-nan:

Tăng đang có việc tranh chấp, ông hãy đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

A-nan liền bạch với Phật:

Thế nào là Tăng có sự tranh chấp phải tìm cách dập tắt?

Phật dạy: Nhóm sáu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, đúng Tỳ-ni, nhưng sau đó khơi dậy sự tranh chấp của các Tỳ-kheo, nói rằng: Việc đó phi pháp, cho đến việc yết-ma đó không hợp lệ, như trong giới Ba-dạ-đề đã nói rõ. Trong vô lượng việc thường làm của chư Tăng đệ tử đức Thế Tôn đều dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Đó gọi là những việc thường làm, dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Thế nên nói: "Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, mà sau đó còn khơi dậy, thì phạm tội Ba-dạ-đề."

Bảy pháp Diệt tránh đến đây là hết.

Pháp, tùy thuận pháp như hai bộ Tỳ-ni đã đề cập. Tùy thuận nghĩa là tuân hành pháp này vậy.

(Hết phần giới bản chính)

*

Hết quyển thứ hai mươi hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 23

PHẨM TẠP TỤNG

1. THỂ THỨC THỌ CỤ TÚC

Trong vòng năm năm sau khi đức Thế Tôn thành đạo, các Tỳ-kheo Tăng đều thanh tịnh, nhưng từ đó trở về sau, dần dần trở nên phi pháp. Do đó, Thế Tôn tùy theo sự việc mà chế định giới bổn gồm bốn loại cụ túc: (1) Tự thọ Cụ túc; (2) Thiện lai cụ túc; (3) Thập chúng cụ túc; (4) Ngũ chúng cụ túc.

1) Tự thọ cụ túc

Khi Thế Tôn ngồi dưới cội bồ đề, tâm sở cuối cùng hoát nhiên đại ngộ, tự giác diệu chứng, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Đó gọi là Tự thọ cụ túc.

2) Thiện lai thọ cụ túc

Khi Phật ở thành Vương-xá trong vườn trúc (**412c**) Ca-lan-đà, Ngài nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai độ đủ mọi hạng người, nào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các Thầy cũng nên bắt chước Như Lai mà hóa độ rộng rãi mọi người." Khi các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn dạy như vậy bèn du hành sang các nước, hễ thấy có thiện nam tử nào cầu xin xuất gia, thì các thầy cũng bắt chước đức Như Lai, gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo", để độ người xuất gia. Nhưng về oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp, nên bị người đời chê cười rằng: "Đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo, thì oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải,

khoác y cầm bát, tất cả đều đúng pháp. Các Tỳ-kheo độ người cũng gọi là Thiện lai, nhưng oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp."

Khi nghe nói như thế, tôn giả Xá-lợi-phất liền trải tòa ngồi kiết già tại nơi thanh vắng, suy nghĩ như sau: "Cũng đều là thiện lai cả mà vì sao đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo thì tất cả đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ Thiện lai Tỳ-kheo thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để cho các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, tất cả đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ẩm thực, một học xứ, một giáo thuyết?." Suy nghĩ thế rồi, vào buổi xế, Xá-lợi-phất xuất định, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vừa rồi ở nơi thanh vắng con suy nghĩ như sau: "Cũng đều gọi là Thiện lai mà vì sao đức Thế Tôn độ người đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ người thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết? Kính xin Thế Tôn giải thích đầy đủ giùm con.

Như Lai độ nhóm A-nhã Kiều-trần-như năm người Thiện lai xuất gia, khéo thọ giới cụ túc, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết; kế đến độ ba mươi người Mãn từ tử; kế đến độ Thiện Thắng tử ở thành Ba-la-nại; kế đến độ nhóm Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp năm trăm người; kế đến độ Na-đề Ca-diếp ba trăm người; kế đến độ Già-gia Ca-diếp hai trăm người; kế đến độ Ưu-ba-tư-na hai trăm năm mươi người; kế đến độ ông và Đại Mục-liên mỗi nhóm hai trăm năm mươi người; kế đến độ Ma-ha-ca-diếp, Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di, Ưu-ba-ly; kế đến độ con dòng họ Thích năm trăm người; kế đến độ Bạt-cừ Ma-đế năm trăm người; kế đến độ bọn người trộm cướp năm trăm người; kế đến độ con trưởng giả Thiện lai. Đó là những Tỳ-kheo mà Như Lai (**413a**) đã độ họ xuất gia, khéo thọ giới cụ

túc, cùng một giới, cùng một mục đích, cùng một trú xứ, cùng một cách ăn uống, cùng một học xứ và cùng một giáo thuyết. Này Xá-lợi-phất, những người mà các Tỳ-kheo hóa độ cũng gọi là khéo xuất gia, khéo thọ cụ túc, cho đến cùng một giáo thuyết; đó gọi là Thiện lai thọ cụ túc.

3) Thập chúng thọ cụ túc

Phật nói với Xá-lợi-phất: "Từ nay Ta chế định pháp thọ cụ túc, có mười vị Giới sư hòa hợp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, đó gọi là khéo thọ cụ túc. Người muốn thọ giới Cụ túc ban đầu vào giữa chúng Tăng, trật vai áo bên phải, cúi đầu đảnh lễ dưới chân chư Tăng, trước hết cầu Hòa thượng, quỳ gối sát dưới chân, nói như sau: "Con đến cầu xin Ngài làm Hòa thượng, Ngài hãy vì con làm Hòa thượng, cho con thọ Cụ túc." (nói ba lần như vậy). Rồi Hòa thượng nên khích lệ để giới tử sinh tâm hoan hỉ. Đoạn, giới tử đáp: "Con xin cúi đầu vâng giữ." Trước hết Hòa thượng dạy giới tử tìm y bát, dạy cầu tăng chúng, dạy cầu giới sư, dạy cầu xin chỗ thanh vắng. Rồi Tăng họp, sai người làm Giáo Thọ. Thầy yết-ma hỏi: "Ai có thể đem mỗ giáp này đến chỗ thanh vắng để dạy bảo?." Vị Giáo Thọ đáp: "Tôi có thể." Thầy yết-ma lại nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay đồng ý để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, còn mỗ giáp kia có thể dạy bảo giới tử ở chỗ thanh vắng.

Vì Tăng đã đồng ý nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, Thầy Giáo thọ nên đem giới tử đến chỗ cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy sơ lược, hoặc đầy đủ. Dạy sơ lược thì như sau: "Lát nữa đây Tăng sẽ hỏi, nếu điều gì có thì ngươi nói là có, điều gì không thì ngươi nói là không." Dạy đầy đủ thì như cách vấn đáp giữa Tăng sau đây. Thầy giáo Thọ vào giữa Tăng, bạch:

"Tôi đã hỏi mỗ giáp (giới tử) xong, y tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn." Thầy yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp xin thọ Cụ túc, mỗ giáp đã dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, thì cho phép mỗ giáp vào giữa Tăng.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, nay Tăng bằng lòng cho mỗ giáp vào giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như thế.

Người muốn thọ giới Cụ túc phải vào giữa chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân của chư Tăng, rồi đến trước giới sư quỳ gối chắp tay, giới sư trao cho y bát, dạy nói như sau: "Đây là bát của con, tùy theo nhu cầu mà thọ dụng, là vật dùng để khất thực, nay con xin thọ trì. (nói ba lần như vậy). Đây là y Tăng-già-lê, đây là y Uất-đa-la-tăng, đây là y An-đà-hội, đó là ba y của con. Ba y này (**413b**) con nguyện thọ trì không khi nào ngủ rời khỏi chúng." (nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng; tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, giới sư dạy giới tử cầu thính như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là mỗ giáp theo Hòa thượng mỗ giáp thọ Cụ túc. A-xà-lê mỗ giáp đã hỏi han chỉ bảo con ở chỗ thanh vắng xong.

Con là mỗ giáp, Hòa thượng của con là mỗ giáp, nay con theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng cho con thọ Cụ túc. Xin thương xót con. (nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nói với chư Tăng:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp A-xà-lê đã hỏi han dạy dỗ y ở chỗ thanh vắng xong. Nay y theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Xin các đại đức lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp. Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, Thầy yết-ma nói với giới tử:

"Thiện nam tử hãy lắng nghe. Giờ đây là lúc phải chí thành, là lúc phải nói thật, ở trước chư thiên, thế gian, Thiên ma, các bậc phạm hạnh sa-môn, Bà-la-môn, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các vị ấy. Đồng thời cũng là lừa dối đối với chúng Thanh văn của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội rất nặng. Nay ta hỏi ngươi ở giữa chúng Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

Cha mẹ đã cho phép ngươi chưa?

Ngươi đã cầu xin Hòa thượng chưa?

Ba y và bát đã đủ chưa?

Ngươi có phải là trang nam tử không?

Đã đủ hai mươi tuổi chưa?

Ngươi không phải là loài phi nhân đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ bất năng nam (lại cái) đấy chứ?

Tên của ngươi là gì?

(đáp: tên là mỗ giáp).

Hòa thượng của ngươi tên là gì?

(đáp: tên là mỗ giáp).

Ngươi không phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ trộm pháp đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ đang đào thoát đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ tự ý xuất gia đấy chứ?

Ngươi không giết hại cha mẹ đấy chứ?

Ngươi không giết hại A-la-hán đấy chứ?

Ngươi không phá hòa hợp Tăng đấy chứ?

Ngươi không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ? (Mặc dù Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng ở đây căn cứ theo văn xưa mà hỏi).

Trước đây ngươi đã từng thọ Cụ túc chưa?

(Nếu đáp đã từng thọ, thì hỏi tiếp)

Ngươi không phạm bốn giới Ba-la-di đấy chứ?

(Nếu đáp đã phạm, thì nên bảo đi ra, không được thọ Cụ túc. Nếu đáp không phạm thì lần lượt hỏi tiếp mười ba giới Tăng– tàn, hỏi từng giới một xem có phạm hay không. Nếu đáp phạm, thì hỏi khi thọ Cụ túc xong, y theo pháp sám hối các tội ấy được không? Nếu đáp được, thì hỏi tiếp)

Trước đây đã từng xả giới chưa?

(Đáp: đã xả).

(**413c**) Ngươi không phải là đầy tớ đấy chứ?

Ngươi không phải là con nuôi đấy chứ?

Ngươi không mắc nợ người khác đấy chứ?

Ngươi không phải là công chức đấy chứ?

Ngươi không âm mưu làm chính trị đấy chứ?

Ngươi không phải là người có cả hai căn đấy chứ?

Ngươi có phải là bậc trượng phu không?

Ngươi không có các chứng bệnh: Ghẻ lở, bỏng da, mụt nhọt, ung thư, bệnh trĩ, đái tháo, vàng da, sốt rét, suyễn, bệnh gầy còm, điên cuồng, bệnh nhiệt, phong thũng, thũng nước, bụng phù thũng, nói chung các chứng bệnh như thế và những bệnh khác nữa trên thân ngươi không có đấy chứ?

(Đáp: không có).

Hỏi xong, Thầy yết-ma lại nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu thỉnh Hòa thượng, ba y và bát đã đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là mỗ giáp. (một lần bạch, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc y sạch mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi. Thế rồi, sau đó vào một dịp khác, Tỳ-kheo này mặc y rách rưới dơ bẩn, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, trước đây ông mặc y sạch sẽ mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Ta, nay vì sao mặc y rách rưới như thế?

Bạch Thế Tôn, đây là chiếc y ngày trước, nhưng vì đã lâu năm nên bị hư rách.

Ông không thể vá lại được sao?

Bạch Thế Tôn, con có thể vá, nhưng không lấy gì để vá.

Ông không thể đi nhặt những y phục cũ rách tại những con đường hẻm đem về giặt, nhuộm sạch rồi vá sao?

Bạch Thế Tôn, y phấn tảo bẩn thỉu, con rất nhờm gớm không thể dùng được.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Y phấn tảo ít phiền toái, dễ tìm, nên giặt cho sạch, không có các lỗi, hợp với pháp phục của sa-môn, dựa vào đó mà sống đời xuất gia.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chế ra pháp y cứ đầu tiên này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chánh, kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thọ."

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, vì năm sự lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm sự lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có ưa thích các việc hữu vi hay không;
2. Xem họ có thích nói những điều vô ích hay không;
3. Xem họ có say mê ngủ nghỉ (**414a**) hay không;
4. Vì để thăm viếng những Tỳ-kheo bị bệnh;
5. Để cho những Thiện nam tử có lòng tin thấy oai nghi tề chỉnh của Như Lai mà sinh tâm hoan hỉ.

Vì năm việc đó mà Ngài đi đến phòng các Tỳ-kheo, bỗng thấy một Tỳ-kheo bị bệnh tê liệt vàng vọt gầy ốm, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Tỳ-kheo, khí lực của ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh đói khát, khí lực không đầy đủ.

Ông không thể đi khất thực sao?

Bạch Thế Tôn, ở nước Câu-tát-la này chỉ có thể xin đồ ăn thừa của người ta, chứ không thể xin đồ ăn còn nguyên vẹn, mà thức ăn thừa thì dơ bẩn, con không thể ăn được, cho nên mới bị gầy ốm.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, chớ nói như thế. Xin đồ ăn thừa ít phiền toái, dễ được, hợp pháp, không có lỗi lầm, nhờ đó mà đời sống xuất gia được dễ dàng.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ, ngồi trình bày lại đầy đủ việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định pháp y cứ thứ hai này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không thể kham nhẫn được thì không nên cho thọ."

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo ngồi dưới gốc cây, nói như sau: "Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh, ngồi dưới gốc cây khổ cực, ban ngày thì bị gió lùa nắng đốt, ban đêm thì bị muỗi mòng châm chích, ta không thể chịu nổi."

Phật liền nói với Thầy: "Im, im đi, đừng nói như thế. Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ chịu, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với phép tắc sa-môn, đời sống xuất gia lấy đó làm chỗ nương tựa."

Thế rồi, đức Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật sự việc trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: "Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định pháp y cứ thứ ba này. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính, biết kham nhẫn

thì cho thọ Cụ túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thọ."

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo đang bị bệnh tê liệt, vàng vọt gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, khí lực ông có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn, con bị bệnh rất khổ sở, khí lực không điều hòa.

Ông không thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh sao?

Bạch Thế Tôn, con không có tiền mua thuốc, cũng không ai cúng dường, nên bị bệnh khốn khổ.

Ông không thể uống trần khí dược sao?

Bạch Thế Tôn, loại trần khí dược này (**414b**) do bẩn, con không uống được.

Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Loại trần khí dược ít phiền toái, dễ tìm, sạch sẽ, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của sa-môn, y cứ vào đó mà sống đời sống xuất gia.

Thế rồi, Phật đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

Từ hôm nay, Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định điều y cứ thứ tư. Nếu Thiện nam tử nào có lòng tin chân chính, biết kham nhẫn thì cho thọ Cụ túc, còn ai không kham nhẫn được thì không nên cho thọ.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có trang thanh niên Bà-la-môn ở thôn Đô Di đến cầu xin các Tỳ-kheo xuất gia, thọ Cụ túc, rồi mới Thọ bốn thứ y cứ. (Bấy giờ giới sư hỏi):

Y phấn tảo này ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy ngươi có thể chấp nhận dùng nó suốt đời được không?

Không thể kham nhẫn được.

Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử khoác y đẹp đẽ mảnh mai, con thích mặc loại y ấy, do thế mà xuất gia.

Có khi nào mà tất cả các Tỳ-kheo xuất gia đều được mặc y đẹp hết như thế này đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ hai, nói:

Xin thức ăn thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy ngươi có thể kham nhẫn tuân thủ suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn.

Vậy, vì cớ gì mà ngươi xuất gia?

Con thấy sa-môn Thích tử ăn toàn gạo trắng lúa thơm, bánh ngọt ngon lành, con tham những thức ngon ấy cho nên xuất gia.

Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được ăn những thứ ngon lành này.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ ba, nói:

Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của sa-môn, nương vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, ngươi có thể kham nhẫn tuân thủ nếp sống này suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn.

Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử ngồi tại những căn phòng lớn, những lầu gác lộng lẫy, con tham sống nơi những phòng xá này cho nên xuất gia.

Có nơi nào mà tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được các phòng xá tốt đẹp hết như vậy đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ tư, nói:

Loại trần khí dược ít phiền toái, dễ có, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, thích hợp với nếp sống của sa-môn, lấy đó làm chỗ y cứ để xuất gia, thọ Cụ túc, trong vấn đề này ngươi có thể kham nhẫn tuân thủ suốt đời được không?

Con không thể kham nhẫn được.

Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

Vì con thấy sa-môn Thích tử uống sữa dầu mật đường phèn và các thứ thuốc khác, con tham uống những thứ này (**414c**) cho nên xuất gia.

Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được những món thuốc ngon lành như vậy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách: "Vì sao các ông cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cứ sau? Từ nay về sau không được cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cứ sau, mà phải trao cho bốn sự y cứ trước, xem họ có kham nhẫn được hay không, rồi mới cho thọ Cụ túc. Nếu họ nói không kham nhẫn được thì không nên cho thọ Cụ túc. Nếu cho thọ Cụ túc trước, trao cho bốn pháp y cứ sau, cũng được gọi là thọ Cụ túc, nhưng tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi trao cho bốn pháp y cứ, trước hết phải làm yết-ma cầu thính như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo giới tử ở chỗ thanh vắng xong, giờ

đến giữa Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ, trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho mỗ giáp làm Hòa thượng. Mỗ giáp muốn trình bày bốn pháp y cứ ở giữa Tăng.

Chư đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho mỗ giáp, muốn nói về bốn pháp y cứ ở giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, Hòa thượng truyền bốn pháp y cứ:

Thiện nam tử hãy lắng nghe. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, đã chính thức chế định bốn pháp y cứ này. Nếu Thiện nam tử có lòng tin chân chính kham nhẫn được thì mới cho thọ Cụ túc, còn không kham nhẫn được thì không cho thọ. Y phấn tảo này ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống của sa-môn, lấy đó làm chỗ nương tựa mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo; vậy ngươi có thể kham nhẫn thọ trì y phấn tảo này suốt đời được không?."

Đáp: Được.

Vậy, nếu được các loại y như Khâm-bà-la, y điệp, y sô ma, y Câu-xá-da, y xá-na, y ma, y Khâu mâu đề (thì ngươi hãy thọ trì).

Xin thức ăn dư thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy ngươi có thể kham nhẫn khất thực sống suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm trong tháng, những dịp thuyết giới, dịp bốc thăm, dịp thí chủ mời, được các bữa ăn (thì ngươi hãy thọ dụng).

Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy ngươi có thể kham nhẫn tuân hành suốt đời ngồi dưới gốc cây được không?

Đáp: được.

Tuy nhiên, khi được những ngôi nhà lớn, những ngôi nhà có lầu gác, ngôi nhà có cửa lớn, ngôi nhà trong hang (thì ngươi có thể sử dụng).

Loại trần khí dược ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, ngươi có thể (**415a**) kham nhẫn uống trần khí dược suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu được sữa tươi, sữa chua, dầu, mật, đường phèn và mỡ (thì ngươi hãy thọ dụng).

Tóm lại, ngươi phải tùy thuận học tập tuân thủ bốn Thánh chủng này (bốn pháp y cứ).

Thế rồi, Thầy yết-ma nói:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo (giới tử) ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây mỗ giáp theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, đã kham nhẫn bốn pháp y cứ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là mỗ giáp***.** Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây, mỗ giáp theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử này đã đủ hai mươi tuổi,

*tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, đã kham nhẫn bốn pháp y cứ. Nay Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mỗ giáp. Các đại đức nào bằng lòng việc Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mỗ giáp thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. Vậy có thành tựu không***?** (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là mỗ giáp. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

(Đoạn, quay sang nói với giới tử):

Này Thiện nam tử, ngươi đã thọ Cụ túc, một sự thọ Cụ túc tốt đẹp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, chúng Tăng hòa hợp không phải là không hòa hợp, từ mười chúng (mười giới sư) hay mười chúng trở lên. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng pháp, kính trọng Tỳ-kheo Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Ngươi đã may mắn gặp được, đừng để mất đi. Thân người khó được, Phật xuất thế khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu, khó có dịp đảnh lễ đấng Thích Sư Tử (Phật) và chúng Thanh văn, ngươi đã được giới Cụ túc, như hoa vô ưu rời khỏi bùn và nước vậy, phải nương vào giới pháp mà tu tập pháp Niết-bàn vi diệu. Đó là bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, các pháp chúng học, bảy pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta dạy bảo ngươi đại khái như thế, sau này Hòa thượng, A-xà-lê sẽ nói cho ngươi rộng rãi hơn.

Đó gọi là Thập chúng thọ giới.

4) Ngũ chúng thọ Cụ túc

Khi Phật an trú tại rừng Thi-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy trong thành có một cư sĩ (**415b**) tên là Uất Kiền, vốn dòng tôn thất, hào

quí, tài sản vô lượng. Ông nghe đức Như Lai xuất hiện trong đời, đang trú tại rừng Thi-đà, lòng rất hoan hỉ phấn khởi, muốn mời Phật và chúng Tăng cúng dường trai phạn, liền cho trang hoàng nội thất, quét tước sạch sẽ. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có một cư sĩ tên là A Na Bân Chi, vốn là bạn chí thiết của Uất Kiền, đến chơi nhà Uất Kiền, thấy ông đang bận rộn trang hoàng quét tước, liền hỏi: "Này Cư sĩ, vì sao mà chuẩn bị khẩn trương, định gả chồng, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần chăng?."

Cư sĩ đáp: "Tôi không gả con, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần gì cả. Ông không nghe con của vua Bạch Tịnh xuất gia, thành Phật, hiệu là Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri xuất hiện trên đời này sao? Hiện nay Ngài đang ở tại rừng Thi-đà. Nay tôi quét dọn trang hoàng chính là muốn mời Phật và chúng Tăng, cho nên mới khẩn trương như vậy."

Bân Chi nghe thế lòng rất vui mừng, liền hỏi: "Tôi muốn thăm viếng đảnh lễ Ngài có được không?."

Cư sĩ đáp: "Có thể thăm được. Đức Phật có tình thương bao la, không ai yết kiến mà không có lợi ích. Ông hãy biết lúc nào nên làm gì." Ông ta nghe rồi, lòng tôn kính bộc phát mạnh mẽ, mong mau đến sáng. Đức Phật hiểu rõ tâm ông, liền phóng quang ngay trong đêm tối, ánh sáng chiếu khắp trong thành. Bân Chi thấy ánh sáng, tưởng là trời đã hừng đông, liền ra đi, thì cửa tự nhiên mở. Ông đi lần đến cửa thành, cửa thành cũng mở ra, khi ra khỏi thành, bỗng thấy một ngôi miếu thờ trời nằm ở ven đường. Ông muốn tới đó lễ bái trước rồi mới đến viếng Phật sau, thì khi vừa hướng đến ngôi miếu, bỗng dưng trời đất tối sầm. Ông cảm thấy hoảng sợ, tới lui đều mờ mịt, không biết đi lối nào. Lúc ấy, trên không có vị trời nói với Bân Chi: "Giờ đây chính là đúng lúc, hãy đi tới, đừng sợ", rồi đọc kệ:

Dùng Thất bảo trang hoàng,
Trăm cỗ xe bò, ngựa,

Đem tất cả bố thí,
Kể công đức của chúng,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu.
Dùng Thất bảo trang hoàng,
Trăm voi chúa Tuyết sơn,
Rồi đem chúng bố thí,
Phước báo công đức ấy,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu.
Thân Thất bảo anh lạc,
Của trăm Thiên nữ đẹp,
Dùng chúng để bố thí,
Kể về phước báo ấy,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu.

Lúc bấy giờ A-na-bân-chi nghe bài kệ ấy rồi, lòng sinh kính tín bội phần, liền đi đến chỗ Phật, (**415c**) cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên. Phật liền thuyết pháp, dạy bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỉ. Ông bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, con muốn trở về thành xá-vệ thiết lập Tinh xá, để mời Phật và chúng Tăng an trú. Kính xin Thế Tôn thương xót nhận lời thỉnh cầu của con. Đồng thời xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo trông coi việc xây cất." Như trong kinh Tỉ-la đã nói rõ, cho đến Phật nói với Xá-lợi-phất và Mục-liên: "Các ông hãy đến đó xem xét địa hình địa thế, tùy trú xứ của Tăng mà trông coi sắp xếp, bố trí phòng ốc."

Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy liền đi đến đó. Khi ấy, Cư sĩ Bân-chi bèn dùng mười tám ức tiền vàng mua một khoảnh đất, mười tám ức tiền vàng làm tăng phòng, mười tám ức tiền vàng cúng dường chúng tăng, cọng tất cả là năm mươi tư ức tiền vàng. Vị cư sĩ này lại muốn cúng dường thêm nữa, bèn sai Phú-

lâu-na vào biển tìm châu báu. Do oai thần của Phật nên bốn Đại Thiên vương, Đế Thích và Phạm Thiên vương hộ vệ người này, khiến ông đi về bảy lần, được châu báu vô số mà không gặp tai nạn gì hết.

Thế rồi, Phú-lâu-na thưa với Bân Chi: "Kính mong cư sĩ cho phép tôi xuất gia." Cư sĩ liền chuẩn thuận, đoạn, dẫn đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Người này muốn xuất gia, kính mong Thế Tôn thương xót tiếp độ." Phật liền tiếp độ.

Sau khi xuất gia, ông thưa với Phật: "Bạch Thế Tôn, kính xin Thế Tôn dạy bảo tóm lược cho con, con muốn đến nước Thâu-na, nương theo lời dạy ấy mà tu hành."

Phật liền tùy thuận dạy bảo, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Phú-lâu-na thọ giáo rồi, liền đi đến nước Thâu Na. Trong nước này có một Trưởng giả tên là Thát Bà, kiến tạo phòng Chiên đàn. Ở đây xin nói rõ về nhân duyên của Ức Nhĩ, cuối cùng, ông cầu xin xuất gia, và được Phú-lâu-na độ cho xuất gia, làm sa-di cho đến bảy năm, vì ở đây chúng Tăng khó tìm, nên không được thọ Cụ túc. Sau bảy năm, Thát Bà mới làm xong phòng Chiên đàn, rồi trang trí đẹp đẽ, mời chúng Tăng nhiều nơi về thiết trai cúng dường, đoạn, đem căn phòng ấy cúng dường cho Phú-lâu-na.

Bấy giờ, nhân dịp chúng Tăng tập hợp, Phú-lâu-na bèn mời mười vị Tăng tinh thông giới luật, cho Ức Nhĩ thọ Cụ túc. Thọ Cụ túc xong, Ức Nhĩ liền bạch với Hòa thượng: "Con muốn đến xá-vệ thăm viếng đảnh lễ đức Thế Tôn, kính xin Hòa thượng chuẩn thuận."

Phú-lâu-na đáp: "Tùy ý. Nhưng ông hãy nhân danh Ta thăm hỏi đức Thế Tôn và xin Ngài chấp thuận năm nguyện vọng."

Ức Nhĩ thọ giáo rồi liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật liền nói với A-nan: "Ông hãy trải giường nệm cho Tỳ-kheo khách."

Khi Phật bảo A-nan trải giường nệm thì phải biết là vị ấy sẽ ngủ cùng phòng với Thế Tôn. Còn khi Phật bảo tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử (**416a**) thì phải biết là vị ấy theo thứ tự mà nhận phòng. Đức Như Lai đầu hôm thuyết pháp cho chúng Thanh văn, nửa đêm Ngài trở về phòng, hào quang thường sáng tỏ. Phật liền hỏi Tỳ-kheo khách:

Ông có tụng kinh không?

Có tụng, bạch Thế Tôn.

Tụng kinh gì?

Tụng Kinh Bát Bạt-kỳ.

Ông hãy tụng xem.

Thầy bèn tụng nho nhỏ. Khi tụng xong, hỏi đến câu cú nghĩa lý thì thầy đều đáp đâu đó rành mạch. Phật liền ngợi khen: "Tốt lắm Tỳ-kheo! Câu cú chữ nghĩa mà ông vừa tụng đều giống y những gì trước kia Ta đã nói." Thế rồi, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thánh nhân chẳng thích ác,
Người ác chẳng ưa Thánh.
Nếu thấy lỗi thế gian,
Phát tâm hướng Niết-bàn.

Đoạn, Phật tiếp: "Lành thay, trong hàng đệ tử của Ta người thông hiểu nhanh chóng bậc nhất chính là Ức Nhĩ." Ức Nhĩ liền đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi trình bày việc Hòa thượng mình xin Phật năm nguyện vọng. Đức Như Lai nghe xong, sáng sớm hôm sau thức dậy, đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Phú-lâu-na ở nước Thâu Na sai Ức Nhĩ đến xin Ta năm nguyện vọng. Từ nay về sau, Ta cho phép tại nước Thâu Na biên địa được thực hiện năm nguyện vọng sau đây:

1. Ở Thâu-na biên địa dân chúng thích sạch sẽ, Ta cho phép được tắm rửa hằng ngày. Còn ở đây nửa tháng mới tắm một lần.
2. Tại Thâu-na biên địa có nhiều ngói gạch đá cuội và gai gốc, Ta cho phép mang dép da hai lớp, còn ở đây chỉ được mang dép một lớp.
3. Ở Thâu-na biên địa ít có phu cụ mà có nhiều thứ da, Ta cho phép dùng da làm phu cụ, còn ở đây thì không cho.
4. Ở Thâu-na biên địa có ít vải vóc mà nhiều y phục của người chết, Ta cho phép mặc y phục của người chết và ở đây cũng cho phép mặc.
5. Ở Thâu-na biên địa có ít Tỳ-kheo, Ta cho phép năm người được truyền giới Cụ túc, còn ở đây phải đủ mười người mới được truyền giới Cụ túc. Đó là cách thọ Cụ túc tốt lành nhất, trước mười người một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Còn ở Thâu-na biên địa trước năm người, một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Đó gọi là bốn cách thọ Cụ túc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly có hai sa-di, một người tên là Đà Bà Già, còn người kia tên là Bà-la-già. Hai sa-di này được nuôi từ nhỏ dần dần lớn lên, đủ hai mươi tuổi, tôn giả muốn cho thọ Cụ túc, liền suy nghĩ: "Nếu cho một người thọ trước thì người sau ắt hẳn sẽ oán hận, không hiểu cùng một Hòa thượng, cùng một Tăng chúng, cùng một giới sư, hai người thọ giới cùng một lúc có được không?"

Suy nghĩ thế rồi, Ưu-ba-ly liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem đầy đủ sự việc kể trên bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, cùng một Hòa thượng, (**416b**) một giới sư, một chúng, hai người cùng thọ giới một lần có được không?"

Phật dạy: "Được. Cũng thế, hai người, ba người cùng thọ một lần cũng được, nhưng không được thọ một lần nhiều người (bốn

người trở lên); đó gọi là thọ Cụ túc. Nếu một giới tử mà hai Hòa thượng, ba Hòa thượng, nhiều Hòa thượng thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Không có Thầy yết-ma thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Hai người, ba người cùng với một Thầy yết-ma, còn Hòa thượng tách riêng với một chúng để thọ, thì không gọi là thọ Cụ túc. Hai người làm yết-ma hai người, ba người làm yết-ma ba người, còn riêng Hòa thượng cho thọ cùng một chúng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu Hòa thượng ở trong số mười người (Thập sư) thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu đem người muốn thọ Cụ túc tính cho đủ số mười người, đem Tỳ-kheo-ni tính cho đủ số mười người, đem người gởi dục tính cho đủ số mười người, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu không xưng tên Hòa thượng, không xưng tên giới tử, không xưng tên chúng Tăng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng nói yết-ma, giới tử nói yết-ma, Tỳ-kheo-ni nói yết-ma, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng ở trên không trung, giới tử ở trên không trung, Tăng ở trên không trung, tất cả ở trên không, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở dưới đất, một nửa ở trên không, cũng không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu bị che chắn ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở chỗ che khuất, trung gian có vật ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa bị che khuất, một nửa ở chỗ khoảng trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu tất cả đều ngồi ở chỗ trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, hoặc tất cả đều ngồi ở chỗ khuất, không nghe thấy nhau, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu ngủ, hoặc si ám, điên cuồng, tâm loạn, bị bệnh khổ bức bách, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu giới tử không nói, hoặc chỉ suy nghĩ, hoặc kêu lớn, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu sai người mang thư tín đến, hoặc đưa tay ra dấu, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Đương sự không hiện diện, không hỏi giới tử, giới tử không muốn thọ giới, làm yết-ma phi pháp, Tăng không hòa họp, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, hoặc một trong những việc đó không thành tựu thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

*

CÁC GIÀ NẠN

Lại nữa, nếu có các Trường hợp như hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni; trú trong chúng với tâm trộm pháp; kẻ lừa đảo; phạm ngũ nghịch; sáu hạng không phải nam tử; nhỏ quá; già quá; bị chặt tay; bị chặt chân; tay chân đều bị chặt; bị cắt tai; bị cắt mũi; tai mũi đều bị cắt; hoặc mù; hoặc điếc; hoặc bị mù điếc; hoặc câm; què; hoặc bị câm què; (**416c**) hoặc bị đánh có sẹo; hoặc bị đóng dấu; hoặc bị rút gân; hoặc gân bị giãn; xương sống bị còng; làm quan chức; mắc nợ; bệnh; ngoại đạo; trẻ con; đầy tớ; thân thể dị dạng; hình dáng xấu xí, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

1/ HỦY HOẠI TỊNH HẠNH CỦA TỲ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy, đồng tử Ly-xa là An Bà La phá hoại tịnh hạnh đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Pháp Dự bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, đồng tử Ly-xa phá hoại phạm hạnh đệ tử của con." Nói như thế rồi bèn lễ Phật mà ra đi. Khi ấy, Phật liền nói với A-nan: "Ông hãy lấy y Tăng-già-lê của Ta lại đây, để Ta đi vào thành Tỳ-xá-ly." A-nan bèn lấy y Tăng-già-lê đưa cho Thế Tôn. Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri từ khi thành Phật đến giờ, chưa khi nào đi vào thành ấp xóm làng sau bữa ăn. Khi ấy, Thế Tôn cùng A-nan vào thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, năm trăm người Ly-xa đang tập hợp tại ngôi nhà nghị luận, định bàn bạc về những việc khác, trông thấy Thế Tôn từ xa

đi đến, họ liền bảo nhau: "Không hiểu đức Như Lai có việc gì mà sau bữa ăn đi vào thành?." Thế rồi, lập tức các Ly-xa đứng dậy trải tòa ra nghênh đón Thế Tôn, quỳ gối chắp tay, bạch rằng: "Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn ngồi trên tòa này."

Khi ấy, Thế Tôn bèn trải tọa cụ mà ngồi, đoạn, các người Ly– xa cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Phật liền nói với các Ly-xa: "Quyến thuộc của các ngươi, các ngươi phải bảo hộ, cũng như đệ tử Tỳ-kheo-ni của Ta, Ta cũng phải bảo hộ. Nếu có ai xâm phạm, hoặc muốn hay không muốn phá hoại phạm hạnh, thì theo phép tắc của Ta, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung."

Các người Ly-xa liền bạch với Phật: "Cũng như phép tắc của Thế Tôn, hễ kẻ nào phá hoại phạm hạnh thì chúng tôi không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung. Phép tắc thế tục của chúng tôi cũng như vậy, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung."

Khi ấy, đức Thế Tôn tùy nghi thuyết pháp cho các Ly– xa, khiến họ sinh tâm hoan hỉ, rồi ra đi. Sau khi Ngài đi không bao lâu, Tỳ-kheo-ni Pháp Dự liền đến chỗ Ly-xa, nói như sau: "Này các cư sĩ, đồng tử Ly-xa Am-bà-la đã hủy hoại phạm hạnh đệ tử của tôi. Đó là việc bất thiện, không phải pháp tùy thuận."

Các Ly-xa nghe thế liền tự bảo nhau: "Vừa rồi, chính đức Thế Tôn muốn nói về việc này đây", bèn cảm thấy rất xấu hổ, nói với Tỳ-kheo-ni: "Vậy, Ni-sư muốn chúng tôi trừng trị bằng cách nào đây?"

Tỳ-kheo-ni nói: "Đổi họ ông ta, công bố ông ta không còn là người Ly-xa nữa, xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, phá nhà bếp ông ta, hủy mái nhà ông ta xung quanh một khuỷu tay."

Các Ly-xa đáp: "Xin thọ giáo", liền tuyên bố Am-bà-la không còn là Ly-xa nữa, rồi xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, cho đến phá hủy (**417a**) mái nhà ông ta.

Bấy giờ đức Thế Tôn đi đến giữa đám đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Trong trường hợp phá tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni: Nếu (hành dâm với) Ni A-la-hán, A-na-hàm mà lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối tất cả (đều thọ lạc) thì gọi là phá hoại tịnh hạnh của Ni. Nếu Ni Tư-đà-hàm, Ni Tu-đà-hoàn, Ni phàm phu giữ giới mà (khi hành dâm) lúc đầu thọ lạc thì gọi là hoại tịnh hạnh của Ni, còn lúc giữa và lúc cuối (thọ lạc) thì không gọi là hoại tịnh hạnh.

Khi ấy có một (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn, lúc còn là người thế tục đã hoại tịnh hạnh của Ni, tâm sinh nghi hoặc, liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, lúc con còn là người thế tục đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni." Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn này tự nói: Đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni, vậy hãy đuổi đi."

Các Tỳ-kheo liền đuổi vị ấy.

Phật lại dạy: "Nếu kẻ nào hoại tịnh hạnh của Ni thì không nên cho họ xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni."

2/ SỐNG TRONG CHÚNG ĐỂ TRỘM PHÁP

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, thì có một người đen điêu, bụng bự đến ngồi chỗ của Thượng tọa. Trong chốc lát, Thượng tọa đến hỏi:

Ông bao nhiêu hạ lạp?

Ngồi ở đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác làm gì?

Vì Thượng tọa có uy đức nghiêm trang, bèn bảo: "Ối chao! Ông đi xuống dưới kia." Ông bèn đến ngồi chỗ của Thượng tọa thứ hai. Trong khoảnh khắc, Thượng tọa thứ hai đến, hỏi:

Ông bao nhiêu tuổi hạ?

Ngồi đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác để làm gì?

Cứ như vậy, lần lượt đến chỗ của sa-di. Sa-di xua đuổi, hỏi:

Ai là Hòa thượng của ông? Ai là thầy ông? Sa-di có mấy giới? Sa-di phải thuộc bao nhiêu thứ? Loại thứ nhất gọi là gì? Đó là: (1) Tất cả chúng sinh đều ngước lên mà ăn; (2) Hai loại danh, sắc; (3) Ba cảm thọ; (4) Bốn Thánh đế; (5) Năm ấm; (6) Lục nhập; (7) Thất giác ý; (8) Bát Chánh đạo; (9) Chín cõi của chúng sinh cư trú; (10) Thập nhất thiết nhập. Phép của sa-di là phải nhớ những điều như vậy).

Tôi là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật nói: "Ông ta không phải là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Đây là người tự động xuất gia. Nếu người như thế ấy mà chưa từng tham dự bố-tát, Tự-tứ, sau này có lòng tốt muốn xuất gia, thì nên cho xuất gia thọ Cụ túc. Nếu đã từng tham dự bố-tát, Tự-tứ thì gọi là kẻ sống trong chúng để ăn trộm, không cho xuất gia, thọ Cụ túc. Nếu là con vua hay con quan đại thần (**417b**) vì tị nạn mà khoác Ca sa, nhưng chưa tham dự bố-tát Tự-tứ, thì nên cho xuất gia. Nếu đã từng tham dự bố-tát, Tự-tứ thì không cho xuất gia. Nếu sa-di suy nghĩ: "Trong khi thuyết giới không biết bàn luận về vấn đề gì?", rồi lén chui trước dưới giường của Thượng tọa để nghe trộm, giá như ông ta thông minh, nhớ tất cả các lời từ lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau này không được thọ Cụ túc. Nếu đần độn, hoặc ngủ, hoặc tâm ý đang nghĩ những chuyện khác, không nhớ những lời nói lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau này được thọ Cụ túc. Nếu sống trong chúng để ăn trộm thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ ở trong chúng để ăn trộm."

3/ KẺ LỪA ĐẢO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một người trước bữa ăn, mặc theo hình thức của sa-môn, tay cầm bát đen, vào xóm làng khất thực. Sau bữa ăn, ông lại mặc theo hình thức ngoại đạo, tay cầm bát bằng gỗ, theo người ta vào nơi công viên, hồ nước, chỗ du ngoạn trong rừng để khất thực, bị người đời chê bai: "Vì sao sa-môn Thích tử vào trong xóm làng đến nhà tôi khất thực, giờ lại vào trong rừng, không làm sao thoát được ông ta?" Lại có người nói: "Ông không biết sao? Kẻ sa-môn này dối trá, vì y phục ẩm thực nên vào cả hai nơi."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Đó gọi là kẻ lừa đảo, bỏ hình thức sa-môn, khoác hình thức ngoại đạo, rồi lại bỏ hình thức ngoại đạo khoác hình thức sa-môn. Những kẻ lừa đảo như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ lừa đảo."

4/ NGŨ VÔ GIÁN (NGŨ NGHỊCH)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Bà-la-môn Đô Di vốn là Thiện tri thức cũ của Xá-lợi-phất, đến chỗ Xá-lợi-phất, nói như sau:

Tôn giả, cho tôi xuất gia.

Đó là việc tốt. Ông vốn là Bà-la-môn thường tương phản với sa-môn, do đâu mà có tín tâm, theo ai nghe pháp, phát tâm hoan hỉ, theo Thế Tôn chăng, hay theo các Tỳ-kheo?

Tôi cũng chẳng có tín tâm gì, lại không hoan hỉ, cũng chẳng theo ai nghe pháp cả. Chỉ vì tôi giết mẹ nên muốn đoạn trừ tội này, do đó mà xuất gia.

Đợi tôi hỏi đức Thế Tôn đã.

Thế rồi, Xá-lợi-phất đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Người này giết mẹ, gây tội vô gián, vốn là hạt giống thối nát, đối với chánh pháp không thể phát sinh thánh thiện, không nên cho xuất gia."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bà-la-môn Đô Do vốn là (**417c**) Thiện tri thức cũ của A-nan, đến chỗ A-nan, nói:

Tôn giả, tôi muốn xuất gia.

Đó là việc tốt.

Cho đến Phật nói với A-nan: "Người này giết cha, tạo nên tội vô gián, là hạt giống mục nát, đối với chánh pháp không thể thành tựu đạo quả. Giá như bảy đức Phật cùng xuất hiện một lúc, thuyết pháp cho y nghe, thì đối với chánh pháp, rốt cuộc cũng không thể sinh ra Thiện tâm. Ví như cây đa-la đã bị chặt đầu thì không thể sống, không còn xanh, cũng không còn mầm sống ở bên trong. Tội vô gián này cũng như vậy, đối với chánh pháp không thể sinh mầm móng Thánh Thiện. Nếu kẻ nào gây ra năm tội vô gián, thì không nên cho xuất gia. Nếu đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ngoài ra, ba tội vô gián kia cũng như vậy. Đó gọi là năm tội vô gián."

5/ SÁU LOẠI NGƯỜI KHÔNG THỂ LÀM ĐÀN ÔNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ban đêm đang ngủ trong phòng thì có kẻ đến rờ mó từ gót chân lên đến bắp vế, đến bụng, rồi lần tới chỗ kín. Tỳ-kheo định chụp bắt, thì y liền chạy thoát. Rồi y lại đến những nơi khác như hội trường, phòng sưởi, nơi nào cũng làm như thế. Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo tập trung một chỗ bàn tán nhau: "Này các Trưởng lão, đêm qua trong khi ngủ thì có người đến rờ mó khắp người rồi lần tới chỗ kín, tôi định bắt lấy thì y chạy thoát."

Lại có Tỳ-kheo khác nói: "Tôi cũng gặp trường hợp như thế." Cho đến nhiều người cũng gặp như thế. Rồi một Tỳ-kheo suy nghĩ: "Đêm nay ta phải rình để bắt hắn." Đoạn, Tỳ-kheo này đến tối, liền ngủ sớm, rồi thức dậy rình. Trong khi các Tỳ-kheo đang ngủ thì hắn ta lại đến sờ mó như trước. Tỳ-kheo liền chộp cổ được, bèn kêu lớn lên: "Các trưởng lão, hãy đem đèn lại đây." Khi đã đem đèn tới, liền hỏi y:

Ngươi là ai?

Tôi là con gái của vua.

Thế nào là con gái?

Tôi thuộc lưỡng tính, phi nam, phi nữ.

Vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

Tôi nghe nói sa-môn không có vợ, tôi muốn đến làm vợ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật nói: "Đó là kẻ bất năng nam. Bất năng nam có sáu loại. Đó là: (1) Sanh; (2) Bị phá hỏng; (3) Cắt bỏ; (4) Nhân người khác (mà cương cứng); (5) Tật đố; (6) Nửa tháng có tác dụng.

Sanh: Từ khi sinh đã không có nam căn, đó gọi là sanh.

Bị phá hỏng: Vợ lớn vợ bé sinh con, ganh ghét nhau, rồi họ tìm cách phá hỏng. Đó gọi là bị phá hỏng không thành đàn ông.

Cắt bỏ: Hoặc vua, hoặc đại thần chọn những người đã cắt bỏ nam căn để hầu hạ nơi phòng the. Đó gọi là bị cắt bỏ không còn là đàn ông.

Nhân người khác: Nhân có người xúc chạm mà nam căn cương cứng. Đó gọi là nhân người khác (**418a**) mà bất năng nam.

Tật đố: Thấy người khác hành dâm mà nam căn cương cứng. Đó gọi là tật đố, không thành đàn ông.

Nửa tháng (có tác dụng): Nửa tháng có tác dụng, nửa tháng không có tác dụng. Đó gọi là nửa tháng không thành đàn ông.

Trong đây, sanh không thành đàn ông, bị phá hỏng không thành đàn ông, cắt bỏ không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Còn nhân người khác mà không thành đàn ông, tật đố không thành đàn ông, nửa tháng không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia, thì không nên đuổi đi, về sau, nếu sinh khởi dâm dục thì phải đuổi đi. Sáu loại không thành đàn ông này không nên cho xuất gia. Nếu ai độ cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là sáu loại không thành đàn ông.

6/ NHỎ QUÁ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ trẻ con xuất gia, nằm xuống, ngồi dậy phải nhờ người khác đỡ đần, đi ra đi vào cầu tiêu, dính đồ bất tịnh làm dơ bẩn mền gối của Tăng chúng, ngủ dậy kêu khóc, do đó, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử độ trẻ con xuất gia, chưa biết phép tắc, chưa biết những lời nói nào là tốt hay xấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Lại có người mỉa mai: "Ông không biết sao? Vì Sa-môn này không có con, nên nuôi trẻ con người khác để tưởng tượng là con mình, lấy đó làm vui."

Lại có người khác chêm vào: "Các sa-môn này chỉ duy nhất không độ hai hạng người: Một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Nếu không độ họ, thì đồ chúng không tăng trưởng. Do đó mà phải độ nhiều."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau người còn nhỏ quá không nên cho xuất gia. Nhỏ quá có nghĩa là: Hoặc dưới bảy tuổi, hoặc đủ bảy tuổi mà không biết việc tốt xấu, đều không nên cho xuất gia. Nếu đủ bảy tuổi mà hiểu biết được việc tốt xấu thì nên cho xuất gia. Nếu trẻ con đã cho xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là quá nhỏ.

7/ GIÀ QUÁ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo độ những người tám mươi, chín mươi tuổi xuất gia, đầu bạc, lưng còng, xương sống lồi lõm, các căn không còn chủ động được, khi muốn tiểu tiện thì phân lòi ra, đi đứng phải có người giúp đỡ, không thể tự mình đứng dậy nổi. Hoặc ở trong phòng, hoặc ở nơi nhà sưởi, chỗ rửa chân, chỗ đi kinh hành, ho hen liên hồi muốn hụt hơi, đàm dãi tuôn ra làm dơ bẩn trú xứ của Tăng; do đó, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử độ những ông lão đầu bạc, (**418b**) lưng còng, ho hen chấn động, đi đứng phải nhờ người giúp đỡ này xuất gia? Người xuất gia lẽ ra phải tráng kiện để tọa Thiền, tụng kinh, tu tập các nghiệp, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Lại có người mỉa mai: "Ông không biết sao? Vì sa-môn Thích tử xuất gia không có cha, nên nuôi những ông lão này để tưởng tượng là cha mình." Lại có người chêm vào: "Các sa-môn này chỉ có hai hạng người họ không độ: một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Vì nếu không độ thì hội chúng không tăng trưởng."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Phật. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người quá già không nên cho xuất gia. Quá già nghĩa là quá bảy mươi tuổi. Nhưng nếu dưới bảy mươi tuổi mà không còn làm việc nổi, nằm ngồi phải nhờ người khác giúp đỡ, người như vậy cũng không nên cho xuất gia. Nếu quá bảy mươi tuổi mà còn có thể làm việc được thì cũng không nên cho xuất gia. Những người đủ bảy mươi tuổi mà khang kiện có thể tu tập các nghiệp thì cho họ xuất gia. Còn già quá thì không nên cho xuất gia. Nếu ai đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là già quá.

8/ BỊ CHẶT TAY

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt tay xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt tay xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn bị, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người bị chặt tay không nên cho xuất gia. Bị chặt tay nghĩa là: hoặc bị chặt cánh tay, hoặc bị chặt cổ tay, hoặc bị chặt ngón tay nhỏ, ngón tay lớn thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt tay.

9/ BỊ CHẶT CHÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt chân xuất gia, bị người đời chê cười, cho đến câu Phật dạy: "Từ nay về sau những người bị chặt chân không nên cho xuất gia. Bị chặt chân nghĩa là: hoặc bị chặt chân, hoặc bị chặt bắp chân, hoặc bị chặt ngón chân út, ngón chân cái thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi, cho đến câu phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là bị chặt chân.

10/ BỊ CHẶT CẢ TAY CHÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị chặt cả tay chân xuất gia, bị người (**418c**) đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt cả tay chân xuất gia? Nếu một thứ bị chặt còn không được xuất gia, huống gì cả hai thứ đều bị chặt. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau những người bị chặt cả tay chân không nên cho xuất gia. Chặt cả tay chân nghĩa là: Hoặc bị chặt tay phải, chân trái; hoặc bị chặt tay trái, chân phải; hoặc bị chặt tay trái, chân trái; hoặc bị chặt tay phải, chân phải, đều không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt cả tay chân.

11/ BỊ CẮT TAI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị cắt tai xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì

sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị cắt tai?." Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người bị cắt tai không nên cho xuất gia. Bị cắt tai nghĩa là: hoặc bị cắt tai, hoặc bị cắt vành tai. Nếu trước kia xỏ lỗ tai mà có thể liền lại thì được cho xuất gia. Còn người bị cắt tai thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị cắt tai.

12/ BỊ XẺO MŨI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo độ người bị xẻo mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị xẻo mũi xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người bị xẻo mũi không nên cho xuất gia. Bị xẻo mũi nghĩa là: hoặc bị xẻo mũi, hoặc bị xoi thủng mũi, đều không nên cho xuất gia", cho đến... đó gọi là bị xẻo mũi.

13/ BỊ CẮT CẢ TAI MŨI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia? Bị cắt một thứ còn không được xuất gia huống gì bị cắt cả hai thứ. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau những người bị cắt cả tai mũi không nên cho xuất gia", (cho đến...) đó gọi là bị cắt cả tai mũi.

14/ BỊ MÙ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người mù lòa xuất gia, rồi nắm tay dắt đi, bị người đời

chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử (**419a**) lại độ người mù lòa xuất gia, không thể tự đi được, phải cầm tay dắt đi? Người xuất gia cần phải đầy đủ các căn; đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người mù lòa không nên cho xuất gia. Mù lòa nghĩa là mắt hoàn toàn không thấy các vật. Nếu (không) thấy rõ những đường chỉ tay, hoặc mắt ti hí như mắt chim sẻ thì không được cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị mù.

15/ BỊ ĐIẾC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người điếc xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người điếc xuất gia, không nghe được những lời nói thiện ác, thì làm sao nghe pháp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người điếc không nên cho xuất gia. Điếc nghĩa là không nghe được tất cả các âm thanh, nếu nghe được tiếng nói lớn thì nên cho xuất gia", (cho đến...) đó gọi là bị điếc.

16/ BỊ CẢ MÙ ĐIẾC

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị mù điếc xuất gia, nên bị người đời chê cười

rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người vừa mù vừa điếc xuất gia, không thể nghe thấy gì cả? Người xuất gia các căn nên đầy đủ, bị mù còn không được, huống gì cả mù điếc. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau những người mù điếc không nên cho xuất gia." (cho đến...) đó gọi là mù điếc.

17/ BỊ CÂM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người câm xuất gia, dùng tay ra dấu, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người câm xuất gia, không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau không được độ người câm xuất gia. Câm nghĩa là không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu, hạng người ấy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi", (cho đến...) đó gọi là câm.

18/ QUÈ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người què xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người què đi không được xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: "Từ nay về sau không nên cho người què xuất gia. Què nghĩa là hai tay mang guốc mà đi. Người như vậy thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi." (cho đến...) đó gọi là bị què.

19/ VỪA CÂM VỪA QUÈ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người vừa câm, vừa què xuất gia, cho đến: "Nếu ai cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là vừa câm vừa què.

20/ BỊ ĐÁNH CÓ SẸO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người có sẹo xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đánh có sẹo xuất gia? Người xuất gia thân thể phải lành lặn, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, không nên độ những người bị đánh có sẹo xuất gia. Bị đánh có sẹo nghĩa là: hoặc lồi lên, hoặc lõm xuống. Nhưng nếu có thể chữa trị vết sẹo trở lại bình thường, liền với màu da thì nên cho xuất gia. Còn những người bị đánh có sẹo thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị đánh có sẹo.

21/ BỊ ĐÓNG DẤU

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ người bị đóng dấu xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đóng dấu xuất gia? Người xuất gia cần phải lành lặn mới phải, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: "Từ nay về sau những người bị đóng dấu không nên cho xuất gia. Bị đóng dấu nghĩa là dùng mật con công hay chất ten của đồng vân vân in vào da thành chữ, hoặc thành các hình chim, thú khiến thịt bị hỏng. Những người như vậy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là bị đóng dấu.

22/ BỊ RÚT GÂN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị rút gân xuất gia, phải kéo lê chân mà đi, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người bị rút gân, phải kéo lê chân mà đi? Người xuất gia lẽ ra phải lành lặn mới được, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: "Từ nay về sau, những người bị rút gân (**419c**) không nên cho xuất gia. Bị rút gân nghĩa là bị rút gân gót chân. Người như thế không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là bị rút gân.

23/ GÂN BỊ GIÃN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người gân bị giãn xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người gân bị giãn xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải lành lặn mới được."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: "Từ nay về sau những người gân bị giãn không nên cho xuất gia. Gân bị giãn nghĩa là: Từ gót chân đưa lên cổ được, từ cổ gập xuống gót chân được. Những người như vậy không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là gân bị giãn.

24/ BỊ CÒNG LƯNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người còng lưng, lùn tịt xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ người còng lưng diễn trò cho vua xem xuất gia? Người xuất gia thì thân thể cần phải thẳng thớm, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: "Từ nay về sau, những người còng lưng không nên cho xuất gia. Còng lưng nghĩa là: lưng không thẳng. Còn lùn thấp thì hoặc là phần trên dài, phần dưới ngắn, hoặc phần trên ngắn, phần dưới dài, hoặc hoàn toàn ngắn. Người như vậy không nên cho xuất gia. (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là còng lưng, lùn thấp.

*

Hết quyển thứ hai mươi ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 24

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

25/ QUAN VIÊN

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, nơi thành Vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ một quan viên xuất gia, Thọ Cụ túc. Viên quan hình sự thấy thế, liền bắt Tỳ-kheo tống đến chỗ quan tòa, nói như sau: "Vị sa-môn này lén độ quan viên."

Vị quan tòa nói: "Đem Hòa thượng ra bẻ gãy ba xương sườn, (**420a**) dẫn giới sư đến kéo lưỡi ra, lôi thập sư ra đánh mỗi người tám roi. Còn kẻ Thọ Cụ túc kia thì dùng cực hình trị tội."

Khi đám đông đang hộ tống các tội nhân ra khỏi thành thì nhằm lúc vua Tần Bà Ta La trên đường đi đến Thế Tôn, trông thấy đám đông này, vua liền hỏi tả hữu: "Đó là những người nào vậy?"

Quân hầu liền đem sự việc kể trên tâu đầy đủ với vua. Vua nghe xong, giận dữ cực độ, liền ra lệnh thả ra, nói: "Từ nay về sau, ai muốn xuất gia thì cho phép Thầy được tiếp độ."

Đoạn, vua bảo gọi quan tòa đến. Khi y đến, vua hỏi:

Trong nước này ai là vua?

Đại vương là vua.

Nếu Trẫm là vua thì vì sao ngươi trị tội người mà không tâu với Trẫm?

Đoạn, vua ra lệnh quan Hữu Ty cách chức viên quan tòa, đồng thời tịch thu hết tài sản sung vào công khố. Quan Hữu Ty liền thi hành mệnh lệnh của vua, lột chức quan của y, và tịch thu hết tài sản của y nhập vào công khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ước gì tất cả các vì vua đều có lòng tin như thế! Từ nay về sau, Ta không cho phép thu nhận quan chức xuất gia. Quan chức có bốn loại: 1/ Hoặc có danh mà không có bổng lộc; 2/ Hoặc có bổng lộc mà không có danh; 3/ Hoặc vừa có bổng lộc vừa có danh; 4/ Hoặc không có danh, không có bổng lộc.

Trong đây, có danh mà không có bổng lộc, có danh và có bổng lộc, thì ở nước này không cho xuất gia và các nước khác cũng không cho. Còn loại có bổng lộc mà không có danh thì ở đây không cho, nhưng ở nơi khác thì cho. Còn hạng không có danh, không có bổng lộc thì ở đây cho và các nơi khác cũng cho. Tóm lại, không nên cho quan chức xuất gia, (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là quan chức.

26/ KẺ MẮC NỢ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ kẻ mắc nợ xuất gia. Chủ nợ gặp được, liền thộp cổ đem đến quan tòa, nói: "Người này mắc nợ tôi chưa trả mà xuất gia."

Viên quan tòa vốn có lòng tin Phật pháp, bèn nói với chủ nợ: "Người này đã xả bỏ tài sản xuất gia, vì sao lại mắc nợ?", liền tha cho đi.

Chủ nợ bèn than trách: "Người này vốn đang mang nợ của tôi chưa trả, vì sao sa-môn Thích tử lại cho y xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người mắc nợ không nên cho xuất gia. Nếu họ đến định xin xuất gia thì trước hết phải hỏi: "Ngươi có mắc nợ người ta không?." Nếu nói: "Có mắc nợ, nhưng nhà tôi có vợ con ruộng đất tài sản, tôi sẽ trả", thì nên cho xuất gia. Nếu nói: "Không mắc nợ", thì nên cho xuất gia. (**420b**) Sau khi xuất gia mà chủ nợ đến đòi, nếu món nợ ít thì lấy y bát của người ấy trả cho chủ nợ. Nếu không đủ thì phải đem y bát của mình mà trả. Hoặc xin thêm để giúp vào mà trả. Nếu số nợ nhiều không thể trả nổi, thì nên nói: "Trước đây ta đã hỏi ngươi có mắc nợ hay không thì ngươi nói là không mắc nợ, vậy ngươi hãy tự đi xin tiền của để trả nợ người ta." Tóm lại, người mắc nợ không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Cho đến... phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắc nợ.

27/ BỊ BỆNH

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người bệnh đến chỗ lương y Kỳ-vức, nói như sau:

Kỳ-vức, trị bệnh cho tôi rồi tôi sẽ trả cho ông năm trăm lượng vàng và hai cây lụa mỏng.

Tôi không thể trị. Tôi chỉ trị cho hai hạng bệnh nhân: Một là đức Phật, Tỳ-kheo Tăng; hai là nhà vua và các phu nhân hậu cung của vua.

Người bệnh liền đi đến phòng Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Tới rồi, Nan-đà hỏi:

Lão trượng, bốn đại có điều hòa không?

Bị bệnh, không được điều hòa. Tôi đến chỗ Kỳ-vức, dùng năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị, lại nói: "Tôi chỉ trị hai hạng bệnh nhân: Phật, Tỳ-kheo Tăng và nhà vua cùng các phu nhân hậu cung."

Ông bỏ năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng làm chi cho uổng. Ông chỉ cần bỏ hai thứ: một là bỏ tóc, hai là bỏ y phục thế tục là được.

Thưa thầy, thầy muốn tôi xuất gia sao?

Dĩ nhiên.

Nan-đà liền độ ông ta xuất gia cho thọ Cụ túc. Thế rồi, sáng sớm thầy khoác y thường mặc, đi đến nhà Kỳ-vức, nói như sau:

Đồng tử, tôi có đệ tử đồng hành bị bệnh, hãy trị giúp giùm tôi.

Được thôi. Con định đem thuốc đến đây.

Kỳ-vức bèn mang thuốc đến tu viện, thấy người bệnh, ông nhận diện ra ngay, liền hỏi:

Tôn giả đã xuất gia rồi sao?

Vâng.

Tốt lắm. Giờ tôi sẽ trị bệnh cho Thầy.

Thế rồi, Kỳ-vức liền dùng thuốc chữa trị. Khi trị lành còn đem hai cây lụa mỏng cúng dường và cầu chúc: "Mong tôn giả hãy sống trong Phật pháp tịnh tu phạm hạnh."

Người bệnh ấy nhận vật cúng dường rồi liền bãi đạo, cởi áo ca sa, mặc hai tấm lụa mỏng, đi vào trong đường hẻm, chửi xéo như sau: "Lương y Kỳ-vức có rất nhiều con. Tôi đem năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị. Nhưng khi thấy tôi xuất gia liền chữa trị, lại còn cúng dường nữa chứ."

Kỳ-vức nghe thế, lòng rất căm hận, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, người bệnh kia nhờ con mới được sống mà trái lại còn nhục mạ con. Bạch Thế Tôn, con là Ưu-bà-tắc, vì muốn cho Phật pháp được tăng trưởng, kính xin Thế Tôn từ nay về sau đừng cho các Tỳ-kheo (**420c**) độ người bệnh xuất gia."

Bấy giờ, Thế Tôn vì đồng tử Kỳ-vức tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỉ, đảnh lễ dưới chân rồi ra đi. Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo nghe. Đoạn, Phật nói: "Từ nay về sau, những người bệnh không nên cho xuất gia. bệnh nghĩa là bệnh ghẻ, bệnh lở loét, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đái tháo, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh suyễn, bệnh gầy còm, bệnh điên cuồng, bệnh nhiệt, bệnh phong thũng, thủy thũng, bụng chướng v.v..., nói chung, nếu uống thuốc chưa bình phục thì không nên cho xuất gia. Nếu bệnh sốt rét trong vòng từ một đến bốn ngày mà không tái phát thì nên cho xuất gia. Tóm lại, nếu là người bệnh thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là bệnh.

28/ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo độ ngoại đạo xuất gia. Sau khi xuất gia, hễ ai nói về những thói xấu của ngoại đạo như: Ngoại đạo không có lòng tin, tà kiến, phạm giới, không có tàm quí. Khi nghe chê bai về những thói xấu của ngoại đạo như thế, thì ông ta liền bênh vực: "Này trưởng lão, chớ nói như thế. Trong hàng ngũ ấy cũng có những bậc hiền Thiện, cũng giữ giới. Tất cả đều đạt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ngoại đạo chưa được thử thách mà ông cho họ xuất gia? Từ nay về sau, nếu ngoại đạo chưa được thử thách, thì không nên cho xuất gia. Nếu ngoại đạo đến xin xuất gia thì phải cho họ sống chung trong bốn tháng để thử thách. Vị Tỳ-kheo nhận họ phải bạch Tăng. Khi bạch Tăng rồi, trước hết Tăng nên cho vị ấy pháp yết-ma cầu thính, rồi sau mới cho cầu xin. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xuất gia theo giáo pháp của Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp ngoại đạo xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách.

Xin các đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi người này phải theo Tăng xin như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Con là ngoại đạo mỗ giáp, muốn xuất gia thọ Cụ túc *trong giáo pháp của đức Như Lai. Con là mỗ giáp theo Tăng xin sống bốn tháng thử thách. Kính xin chư đại đức Tăng thương xót cho con sống bốn tháng.* (xin như vậy ba lần).

Thế rồi, Thầy yết-ma nói như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. (**421a**) Ngoại đạo mỗ giáp muốn xuất gia, thọ Cụ túc trong giáo pháp Như Lai, đã xin Tăng bốn tháng thử thách. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho ngoại đạo mỗ giáp sống bốn tháng thử thách. Đây là lời tác bạch.*

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Ngoại đạo mỗ giáp muốn xuất gia thọ Cụ túc trong giáo pháp của đức Như Lai, đã theo Tăng xin bốn tháng thử thách. Tăng nay cho ngoại đạo mỗ giáp sống bốn tháng thử thách. Đại đức nào bằng lòng Tăng cho ngoại đạo mỗ giáp sống bốn tháng thử thách thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cho ngoại đạo mỗ giáp sống bốn tháng thử thách xong, vì Tăng đã im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, nếu người này có thể theo Tăng làm các công việc như sa-di, thì xếp dưới sa-di theo thứ tự lấy thức ăn. Nếu không thể làm việc được thì nên bảo: "Ông tự tìm lấy thức ăn." Thế rồi, hằng ngày nên chỉ trích ngoại đạo ở trước mặt y như sau: Ngoại đạo không có niềm tin, tà kiến, phạm giới, không biết hổ thẹn v.v.. Khi chỉ trích các điểm như vây mà y nói: "Trưởng lão đừng nói như vậy, trong hàng ngũ ấy cũng có người hiền thiện, có người giữ giới, tất cả đều đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì nên nói với y: "Ngươi hãy trở về nơi đó mà cầu A-la-hán." Nếu y nói: "Đúng như Trưởng lão nói, ngoại đạo có tà kiến, (cho đến...) không biết xấu hổ, gây nghiệp địa ngục, xin Trưởng lão hãy cứu vớt con." Đồng thời qua bốn tháng thử thách mà tâm y bất động không dời đổi thì nên cho xuất gia. Nếu nửa chừng mà được Thánh pháp thì chấm dứt sự thử thách. Nếu người ấy bỏ hình thức ngoại đạo mặc sắc phục của người đời đến xin xuất gia thì nên cho xuất gia. Nếu họ mặc hình thức ngoại đạo đến mà không cho bốn tháng thử thách, liền cho xuất gia, thọ Cụ túc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là ngoại đạo.

29/ TRẺ CON

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có đồng tử con nhà họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỳ-kheo độ cho xuất gia. Sau đó, các đứa con còn lại khi cha mẹ dạy bảo, thì chúng

giận dữ, nói: "Đức Thế Tôn lúc sắp trở thành Chuyển Luân Thánh vương, còn bỏ nhà xuất gia, con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?." Khi ấy, các người họ Thích liền đến chỗ vua Bạch Tịnh tâu rằng: "Tâu đại vương, con của tôi không cho mà các Tỳ-kheo độ cho xuất gia, cho nên những đứa còn lại không thể dạy bảo được. Nếu có dạy bảo chúng, thì chúng hậm hực, nói: "Đức Thế Tôn khi sắp trở thành Chuyển Luân Thánh Vương mà còn bỏ đi xuất gia, thì con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?." Kính mong đại vương đến Thế Tôn xin một nguyện vọng: "Nếu cha mẹ không cho thì đừng cho xuất gia."

Khi ấy, vua Bạch Tịnh cùng với các người họ Thích đến chỗ Thế Tôn (**421b**), cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. Đoạn, nhà vua bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, các đồng tử dòng họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỳ-kheo cho xuất gia. Cho nên những đứa còn lại nếu có dạy bảo điều gì thì chúng hậm hực đòi xuất gia, nói: "Đức Thế Tôn sắp đạt địa vị Chuyển Luân Thánh vương mà còn bỏ đi xuất gia, vậy thì con còn luyến tiếc thứ gì mà không xuất gia?" Bạch Thế Tôn, cha mẹ nghĩ đến con nhớ thương thấu suốt xương tủy. Tôi cũng đã từng như vậy. Trong thời gian bảy năm Thế Tôn xuất gia, khi ngồi đứng, ăn uống, không lúc nào là tôi không thầm khóc. Kính mong Thế Tôn chế định: Nếu cha mẹ chưa cho phép thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia."

Bấy giờ đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến vua phát tâm hoan hỉ, đoạn, vua cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi ra đi. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn liền đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo. Rồi Phật nhấn mạnh: "Từ nay về sau (đứa con nào) cha mẹ không cho phép thì không nên cho xuất gia. Con gồm có ba loại: Con ruột, con nuôi và con đến (xin làm con nuôi). Con ruột: tức là con do cha mẹ sinh. Con nuôi: tức cha mẹ xin trẻ con còn nhỏ đem về nuôi dưỡng. Con tự đến: tức người tự đến nương tựa xin làm con. Ở đây, con ruột thì nước này không cho phép (cha mẹ không cho mà độ họ xuất gia) mà các

nước khác cũng không cho phép. Còn con nuôi và con tự đến xin nương tựa, thì nước này không cho phép, nhưng các nước khác thì cho phép. Tóm lại, nếu đứa con cha mẹ không cho thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là con.

30/ ĐẦY TỚ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một người đầy tớ của dòng họ Thích, chủ nhà không đuổi mà các Tỳ-kheo độ y xuất gia. Do thế, bọn đầy tớ còn lại khi được chủ nhà dạy bảo, phân công công việc, chúng không chịu phục tùng mà hậm hực, nói: "Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia, thì tôi còn luyến tiếc thứ gì, thà bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái cung kính cúng dường."

Khi ấy, các người họ Thích bèn đi đến chỗ vua Bạch Tịnh, tâu: "Thưa đại vương, bọn gia nô của chúng tôi, chúng tôi không đuổi mà các Tỳ-kheo độ họ xuất gia. Do thế, số còn lại khi được phân công công việc thì chúng hậm hực, nói: "Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia thì tôi còn luyến tiếc thứ gì; bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái tôn kính cúng dường." Thưa đại vương, dòng họ Thích chúng tôi có nhiều đầy tớ dùng để sai khiến làm các công việc. Kính mong đại vương đến Phật, cầu xin một nguyện vọng: những đầy tớ nào chủ không đuổi thì đừng cho xuất gia." Thế rồi, vua Bạch Tịnh cùng với các người họ Thích đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chế định rằng từ nay về sau những nô bộc nào chủ không đuổi thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia."

(**421c**) Khi ấy, đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến ông phát tâm hoan hỉ, rồi vua cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn mà ra về. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn bèn

đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: "Từ nay về sau, những nô bộc nào chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nô bộc gồm có năm loại: Sanh ra từ trong nhà; mua về; bắt được; người ta cho; tự đến.

1. Sinh ra từ trong nhà: Do tì thiếp trong nhà sinh ra.
2. Mua về: Đem tiền đi mua về.
3. Bắt được: Bắt được quân của nước láng giềng.
4. Người ta cho: Do người khác đem đến cho.
5. Tự đến: Tự đến xin làm nô bộc.

Ở trong đây, ba loại đầy tớ: Sinh từ trong nhà, mua về và bắt được thì ở đây không cho phép (nếu chủ không đuổi thì không được độ xuất gia) mà các nơi khác cũng không cho phép. Còn hai loại: do người ta cho, tự đến làm nô bộc, thì ở đây không cho phép, nhưng ở các nơi khác thì cho phép. Tóm lại, nếu gia chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai cho họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đầy tớ.

31/ THÂN THỂ DỊ DẠNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người mà các phần trên thân thể dị dạng xuất gia, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ những người thân thể dị dạng? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn hảo, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người thân thể dị dạng không nên cho xuất gia. Thân thể dị dạng nghĩa là mắt lé, lưng gù, chân què, gót lệch, răng hô, đầu bự; những người có thân thể dị dạng như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thân thể dị dạng.

32/ HÌNH DÁNG XẤU XÍ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên, được chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người có hình dáng xấu xí xuất gia, như quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá lớn, quá bé, bị người đời chê cười rằng: "Vì sao sa-môn Thích tử lại độ những kẻ có hình dáng xấu xí xuất gia? Người xuất gia thì hình dáng phải đoan trang, mà những người này thì hình dáng xấu xí, không ai thích nhìn cả. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!." Lại có người chế nhạo: "Những sa-môn này chỉ có hai hạng người họ không độ mà thôi, một là người chết, hai là người không thích xuất gia. Nếu không độ thì đồ chúng không tăng trưởng."

(**422a**) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi Thầy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, những người có hình dáng xấu xí không nên độ xuất gia. Hình dáng xấu xí nghĩa là quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá thô, quá bé. Vì lẽ, những kẻ có hình dáng xấu xí thì khi người ta vui vẻ còn không muốn nhìn, huống gì khi người ta tức giận. Do đó, những người có hình dáng xấu xí

không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những hình dáng xấu xí.

Nếu rơi vào trong 32 trường hợp trên thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Trái lại, nếu thanh tịnh, như pháp thì gọi là thọ Cụ túc.

Bây giờ đề cập đến vấn đề yết-ma và việc yết-ma.

THỂ THỨC YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba nổi lên tranh chấp, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép một người cử tội một người, cho đến nhiều người cử tội nhiều người." Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay về sau nên làm yết-ma.

Yết-ma gồm có: Bốn loại yết-ma, hai loại yết-ma, một lần bạch một lần yết-ma, một lần bạch ba lần yết-ma, bốn người làm yết-ma, năm người làm yết-ma, mười người làm yết-ma, hai mươi người làm yết-ma, nếu thành tựu năm điều phi pháp, không hòa hợp thì làm yết-ma xong phải sám hối; nếu thành tựu năm điều như pháp, hòa hợp thì làm yết-ma xong không sám hối."

Bốn loại Yết-ma: Gồm có: phi pháp hòa hợp yết-ma; như pháp bất hòa hợp yết-ma; như pháp hòa hợp yết-ma; bất như pháp bất hòa hợp yết-ma. Đó gọi là bốn loại yết-ma.

Hai loại Yết-ma: Bố-tát yết-ma; cung kính yết-ma. Đó gọi là hai loại yết-ma.

Một lần bạch một lần Yết-ma: Gồm có hai mươi tám vấn đề, đó là: (1) Xuất yết-ma; (2) Ngủ không lìa y; (3) Ngủ rời y; (4) Chỉ chỗ làm phòng; (5) Chỉ chỗ làm phòng lớn; (6) Chỉ chỗ làm phòng

trước; (7) Người chia bát; (8) Người chia thăm (thẻ); (9) Thử nghiệm ngoại đạo; (10) Cột túi xách vào gậy vác đi; (11) Trông coi giường nệm; (12) Trông coi việc nấu ăn; (13) Trông coi việc phân phối người đi ăn; (14) Trông coi việc chia phòng; (15) Trông coi việc giữ y; (16) Trông coi việc thưởng y; (17) Trông coi việc chia y; (18) Trông coi việc lấy vải; (19) Trông coi việc cắt vải; (20) Trông coi việc chia vải; (21) Trông coi việc chia hoa; (22) Trông coi việc chia hương; (23) Trông coi việc chia quả; (24) Trông coi việc chia nước nóng; (25) Trông coi việc chia bánh; (26) Trông coi việc tùy ý cử tội; (27) Trông coi việc chia cháo; (28) Trông coi việc chia các vật lặt vặt. Đó gọi là 28 việc.

Một lần bạch ba lần yết-ma (422b): Gồm có tám trường hợp, đó là: (1) Chiết phục; (2) Không nói; (3) Tẫn xuất; (4) Phát hỉ; (5) Cử tội; (6) Biệt trú; (7) Ma-na-đỏa; (8) Xuất tội. Đây thuộc về một lần bạch ba lần yết-ma.

Yết-ma gồm bốn người: Như yết-ma bố-tát và các trường hợp cử người thì bốn người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm bốn người.

Yết-ma gồm năm người: Gồm các trường hợp: Thọ Tự tứ; thọ Cụ túc ở Thâu-na biên địa; tất cả các tội Ni-tát-kỳ thì năm người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm năm người.

Yết-ma gồm mười người: Gồm các trường hợp: Tỳ-kheo thọ Cụ túc; Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc, thì mười người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm mười người.

Yết-ma gồm hai mươi người: Xuất tội Tỳ-kheo, xuất tội Tỳ-kheo-ni thì hai mươi người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm hai mươi người.

Làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp thì làm xong phải sám hối: (1) Đương sự không hiện diện; (2) Không hỏi; (3) Không nêu lỗi; (4) Làm phi pháp; (5) Không hòa hợp. Đó gọi là làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp, làm xong phải sám hối.

Làm yết-ma trong năm trường hợp như pháp, làm xong không sám hối: (1) Đương sự hiện diện; (2) Có hỏi; (3) Hỏi xong bèn nêu lỗi; (4) Làm đúng pháp; (5) Tăng hòa hợp. Đó gọi là làm yết-ma thuộc năm trường hợp đúng pháp, làm xong không sám hối.

Trường hợp nào cần hai mươi người làm yết-ma thì mười người làm không thành tựu. Trường hợp cần mười người làm yết-ma thì năm người làm không thành tựu. Trường hợp cần năm người làm yết-ma thì bốn người làm không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch ba lần yết-ma thì một lần tác bạch không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch một lần yết-ma thì một lần bạch không thành tựu. Trường hợp đơn bạch yết-ma mà làm yết-ma cầu thính thì không thành tựu.

Trái lại, cần làm yết-ma cầu thính mà tác bạch thì thành tựu. Cần tác bạch yết-ma mà bạch nhất Yết-ma thì thành tựu. Cần bạch nhất yết-ma mà bạch tam yết-ma thì thành tựu. Cần làm yết-ma với bốn người mà làm yết-ma với năm người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với năm người mà làm yết-ma với mười người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với mười người mà làm yết-ma với hai mươi người thì thành tựu. Đó gọi là yết-ma.

*

VIỆC YẾT-MA

Việc yết-ma gồm có: (1) Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ Cụ túc; (2) Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc; (3) Việc yết-ma Chi mãn; (4) Việc yết-ma già pháp thanh tịnh; (5) Việc yết-ma bất cụ túc thanh tịnh; (6) Việc yết-ma không sinh giới; (7) Việc yết-ma tội căn; (8) Việc yết-ma không xả căn; (9) Việc yết-ma xả căn; (10) Việc yết-ma hòa hợp căn.

Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ Cụ túc

Người thọ Cụ túc cầu xin Hòa thượng; Hòa thượng dạy tìm y bát; dạy cầu Tăng chúng; dạy cầu giới sư; dạy cầu Thầy Giáo Thọ dạy bảo ở chỗ thanh vắng. Do các việc ấy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này (**422c**) đều thuộc về việc yết-ma thọ Cụ túc của Tỳ-kheo.

Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc

Khi Tỳ-kheo-ni cho giới tử thọ Cụ túc xong, liền dẫn đến giữa chư Tăng, Tăng nên hỏi Tỳ-kheo-ni: "Giới tử thanh tịnh, không có già nạn đấy chứ?" Giới sư Ni đáp: "Thanh tịnh." Do các việc ấy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc đó đều thuộc về trường hợp yết-ma khi Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc.

Việc yết-ma chi mãn

Người thọ giới Cụ túc đã cầu Hòa thượng, Hòa thượng đã dạy tìm y bát, dạy cầu thỉnh chúng Tăng, dạy cầu thỉnh giới sư, dạy cầu thỉnh Thầy Giáo Thọ để dạy bảo ở chỗ thanh vắng, Thầy giáo Thọ dẫn giới tử vào giữa Tăng, xin Tăng thọ Cụ túc, hỏi về các già nạn, nói về bốn pháp y cứ. Do các việc đó mà phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này được gọi là việc yết-ma Chi mãn.

Việc yết-ma già pháp thanh tịnh

Việc ngăn cản hợp lệ. Do vấn đề này sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc này đều thuộc về việc yết-ma già pháp thanh tịnh (ngăn cản hợp lệ).

Việc yết-ma không đủ thanh tịnh

Do các chi tiết không hợp lệ mà phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không đủ thanh tịnh (không hợp lệ).

Việc yết-ma không sinh giới

Phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni, sống trong tăng với tâm trộm pháp, kẻ lừa đảo, mắc tội ngũ nghịch, phạm tội Ba-la-di, Sa-di có

tà kiến. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không sinh giới (không phát huy giới thể).

Việc yết-ma tội căn

Gồm năm Thiên tội là Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni. Do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch Yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma tội căn.

Việc yết-ma không xả căn

Tỳ-kheo được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ lỗi lầm, do đó, phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma không xả căn (bỏ gốc tội).

Việc yết-ma xả căn

Người được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần liền bỏ gốc của tội. Do các việc này phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma xả căn (bỏ gốc của tội).

Việc yết-ma hòa hợp căn

Tỳ-kheo Tăng tập hợp phát thẻ, người không đến thì gởi dục, xướng việc Tăng hòa hợp, do các việc này phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề này đều thuộc về việc yết-ma hòa hợp.

Các vấn đề vừa nêu thuộc về việc yết-ma (bây giờ đến các pháp yết-ma khác).

1. Yết-ma chiết phục

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo tại Chiêm-ba tranh chấp, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến (**423a**) bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nên cho phép yết-ma chiết phục." Pháp yết-ma chiết phục này gồm có tất cả năm

việc, được Phật chế định tại thành xá-vệ. Đó là: (1) Tám trường hợp quan hệ thân mật; (2) Thường thường phạm tội; (3) Đi đến những bạn bè xấu ác tại chỗ không nên đến mà đi sớm về trễ; (4) Tranh chấp cãi vã nhau; (5) Tôn kính người nhỏ tuổi.

1/ Tám trường hợp quan hệ thân mật

a. Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (với người khác).

Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi chung một giường, ngủ chung một giường, ăn chung một bát, mặc chung y phục, cùng đi cùng về. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là hai bên có tâm ô nhiễm, nói những lời quyến luyến nhau. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi một giường, ngủ một giường, ăn một bát, mặc y phục chung, cùng đi cùng về. Khi nói, thì nói những lời quyến luyến nhau với tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng thân miệng quan hệ thân mật.

Thế rồi, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão Tỳ-kheo Từ Địa, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật (với người khác)." Khuyên can như vậy một lần không bỏ, thậm chí đến ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Tỳ-kheo Từ Địa này dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (với người khác) mà khuyên can ba lần không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Thầy yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo từ Địa dùng thân quan hệ thân mật (với người khác), đã được khuyên can ba lần mà không

bỏ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật với người khác, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vấn đề dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như thế.

b. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Ưu-đà-di dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh. Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng mặc chung y phục. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói những lời quyến luyến với nhau bằng tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

(**423b**) Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay cùng ngồi, cùng mặc chung y phục, dùng tâm ô nhiễm nói với nhau bằng những lời quyến luyến. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão Ưu-đà-di, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh." Khuyên

can một lần, hai lần, ba lần như vậy mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật mà can gián ba lần không bỏ thì Tăng nên cho pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thầy Ưu-đà-di này với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-đà-di pháp yết-ma chiết phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến... *Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận như vậy.*

Về miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như trên.

c. Lại nữa, lúc bấy giờ Tỳ-kheo Bạt-đà-lê với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-thi-lê dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng giống như trong trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

d. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tô-tì-đề cùng với Tỳ-kheo-ni Tô-tì-đề-di sống quan hệ thân mật về thân, quan hệ thân mật về miệng, quan hệ thân mật về thân miệng như trong trường hợp Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh ở trên đã nói rõ.

đ. Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ cùng với vợ ông dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng với phụ nữ tay nắm trong tay cùng ngồi, đem hương, hoa, quả, dưa đưa cho nhau, nhờ người khác làm liên lạc. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời quyến luyến với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì giống như hai trường hợp trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, Thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đàn bà", khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di đã nói rõ ở trên.

e. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo cùng với người bất năng nam (lại cái) dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng đi cùng về. Đó gọi là thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là (**423c**) nói với nhau bằng những lời thân thiện với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì như hai việc trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, Thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với kẻ bất năng nam." Khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

g. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Ưu-đà-di với đệ tử đồng hành, dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

h. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Xiển-đà dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan

hệ thân mật với đồng tử, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

Trên đây là tám trường hợp sống quan hệ thân mật.

2/ Thường thường phạm tội

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo khuyên can rằng: "Trưởng lão, thầy đừng vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội." Được khuyên can như vậy một lần không bỏ, khuyên can lần thứ hai không bỏ, khuyên can đến lần thứ ba cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu ông Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội trong năm Thiên tội, thì hãy làm pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội ấy. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà này thường thường phạm tội, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội, đã được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma chiết phục về việc thường thường phạm tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là thường thường phạm tội.

3/ Đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, làm bạn với kẻ xấu, kẻ ác, cùng đi đến những chỗ không nên đến

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, kết bạn với kẻ ác, kẻ xấu, đi đến những nơi không nên đến.

Đi đến quá sớm nghĩa là đi vào thôn xóm khất thực quá sớm. Đi về quá tối nghĩa là rời khỏi thôn xóm quá tối. Kết bạn với kẻ ác nghĩa là kết bạn với kẻ quản tượng, chăn ngựa, kẻ cắp, quân ăn cướp, đứa đánh xúc xắc, kết thân với những kẻ như vậy gọi là kết bạn với kẻ ác. (**424a**) Làm bạn với kẻ xấu thì cũng như các bạn ác kể trên. Đi đến chỗ không nên đến nghĩa là đến nhà đàn bà góa, nhà con gái lớn tuổi chưa có chồng, nhà dâm nữ, nhà kẻ lại cái, Tỳ-kheo-ni bị tiếng xấu, Sa-di-ni bị tiếng xấu. Đó gọi là đến chỗ không nên đến.

Trong các trường hợp ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, Thầy đừng ra đi quá sớm, trở về quá tối, (cho đến...) đi tới chỗ sa-di-ni bị tiếng xấu." Nhưng khuyên can một lần, hai lần, ba lần vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo Ca-lộ ra đi quá sớm, trở về quá tối, cho đến đi tới những chỗ không nên đến, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca-lộ pháp yết-ma chiết phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm này. Đây là lời tác bạch. (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Vấn đề trở về quá tối, kết bạn với kẻ xấu, kẻ ác, đi đến những chỗ không nên đến (cách khuyên can và làm yết-ma) cũng như thế.

4/ Tranh chấp cãi vã nhau

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tự đại tranh luận cãi vã với người khác. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão Tỳ-kheo Mã Túc, Thầy đừng có tranh cãi." Khuyên can như vậy một lần không bỏ, hai lần, ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Khi năm điều sau đây hiện hữu thì biết là sự tranh cãi sẽ phát sinh. Đó là:

Yết-ma đúng pháp mà nói là phi pháp;

Tập hợp đúng pháp mà nói là phi pháp;

Xuất tội đúng pháp mà nói là phi pháp;

Xả vật đúng pháp mà nói là phi pháp;

Kết tội đúng pháp mà nói là phi pháp.

Đó gọi là năm điều phi pháp.

Trái với năm điều trên thì gọi là đúng pháp. Các Tỳ-kheo nên khuyên bảo như sau: "Này Trưởng lão, Tỳ-kheo cần phải thành tựu năm pháp sau đây khi vào trong chúng. Đó là: (1) Nói nhỏ nhẹ khi vào trong chúng; (2) Khi nghe yết-ma phải tin tưởng; (3) Đã tin tưởng thì phải tuân hành; (4) Nếu thấy yết-ma không đúng pháp mà không thể ngăn cản được thì nên gởi dục; (5) Nếu không thể gởi dục thì nên cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng." Khi Tỳ-kheo nghe những lời khuyên bảo ấy liền nói: "Tôi biết nói năng khéo léo, vì sao phải nói nhỏ khi vào trong chúng? Tôi cũng là kẻ đa văn, vì sao nghe yết-ma liền phải tin? Tôi biết rõ phép tắc, vì sao nghe liền phải tuân hành? Tôi cũng thông thạo yết-ma, vì sao nghe yết-ma không đúng pháp lại không thể ngăn cản mà phải gởi dục? Tôi đã đến được, vì sao phải báo người ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng? Tôi sẽ ngăn cản."

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Khi năm pháp hiện hữu khiến sự tranh chấp phát sinh, thì Tăng nên làm yết-ma chiết phục. Năm pháp

đó là: (1) Tự cao; (2) Tính tình thô lỗ, hung ác; (**424b**) (3) Nói những lời vô nghĩa; (4) Nói không đúng lúc; (5) Không thân cận với người thiện. Đó gọi là năm pháp hiện hữu Tăng nên làm yết-ma chiết phục. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao xong, vì Tăng im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Bốn việc sau cũng nói như thế.

5/ Tôn kính người nhỏ tuổi

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà độ một chàng trai trẻ xuất gia, rồi tự mình lo cung cấp các thứ. Buổi sáng sớm Thầy đến vấn an, đem đổ đồ đại tiểu tiện và ống nhổ cho y, rồi đem để lại chỗ cũ. Thầy lại xoa bóp thân thể, trao cho y bát, rồi cùng vào xóm làng, nhường cho y đi trước. Khi đến nhà đàn việt, Thầy lại bảo y ngồi ở chỗ cao, nhận phần cúng dường trước. Khi y ăn xong, Thầy lấy bát đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ, đồng thời nhuộm y, hơ bát, trải giường nệm cho y. Khi đêm đến, Thầy thắp đèn, đem ống nhổ và bô đại tiểu tiện đến cho y. Các Tỳ-kheo thấy thế bèn khuyên can: "Này trưởng lão, thầy đừng cung cấp cho người trẻ, người trẻ phải cung cấp cho thầy chứ." Thầy đáp: "Đúng như trưởng lão nói. Nhưng chàng trai

trẻ này trước kia vốn là nhạc sĩ xuất gia, cho nên tôi rất ái mộ, tôn kính và tự thấy hổ thẹn, phải lo cung cấp cho y."

Các Tỳ-kheo khuyên can như vậy một lần không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si! Đối với Như Lai, ông không ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận, mà trái lại, đối với anh chàng tuổi trẻ, ông lại tỏ ra ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận như thế.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vì Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ người còn trẻ, vậy Tăng nên làm yết-ma chiết phục về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, tôn kính cung cấp hầu hạ người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp (**424c**) cho người còn trẻ. Đây là lời tác bạch.*

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma chiết phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Về các vấn đề tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận cũng nói như thế. Đó gọi là yết-ma chiết phục.

2. Yết-ma không nói chuyện

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc đáng làm mà không làm, việc đáng bỏ mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc này đã được Tăng làm yết-ma chiết phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm Yết-ma không nói chuyện với Tỳ-kheo Mã Túc. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có một người lẩn thẩn xuất gia, thường phạm các giới nhỏ như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, cất thức ăn mà ăn, cùng ăn chung bát với người khác, ngủ cùng phòng với phụ nữ, ngủ chung với người khác quá ba đêm, cùng ngủ chung một giường, cùng ngồi một giường, ăn trái cây không hợp lệ, nhận thịt sống, nhận thóc, nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão, không nên làm những việc đó." Thầy đáp: "Trưởng lão đã bảo tôi, tôi sẽ tuân hành." Các Tỳ-kheo tự nhủ: "Ông Thầy lẩn thẩn này có tâm tu hành." Nhưng sau đó, Thầy thường thường phạm các tội nhỏ như ăn riêng chúng, cho đến nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo lại khuyên can: "Này ông thầy lẩn thẩn, Thầy không nên làm những việc ấy." Thầy đáp: "Trưởng lão đã cho tôi biết, tôi sẽ tuân hành." Thế nhưng, sau đó lại thường thường vi phạm. Các Tỳ-kheo tự nhủ: "Ông Thầy lẩn

thẩn này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, quanh co, không thật, không muốn tu học." Rồi các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Ông Thầy lẩn thẩn ấy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, (**425a**) vậy Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Ông Thầy lẩn thẩn này xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng làm Yết-ma không nói chuyện với ông thầy lẩn thẩn này. Đây là lời tác bạch. (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là pháp yết-ma không cùng nói chuyện.

3. Pháp Yết-ma tẫn xuất

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở tại ấp Ca-thi, làm những việc trái oai nghi, nói những lời trái oai nghi, hành động và nói năng trái oai nghi; thân làm điều tai hại, miệng nói lời tai hại, thân miệng gây tai hại; thân làm việc tà vạy, miệng nói điều tà vạy, thân miệng đều tà vạy, như trong giới Tăng-già-bà-Thi-sa, (khi nhóm sáu Tỳ-kheo) ở thôn Hắc Sơn trên kia đã nói rõ. Đó gọi là yết-ma tẫn xuất.

4. Pháp yết-ma phát hỉ

Pháp yết-ma này gồm có các trường hợp: (1) Hỉ-ưu-bà-di; (2) Xá-na-giai; (3) Du-ngao-ngư-tử; (4) Ca-lộ; (5) Ma-ha-nam; 6/ Nhóm sáu Tỳ-kheo.

1/ Hỉ-ưu-bà-di

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà du hành các nước, rồi trở về xá-vệ. Vào buổi sớm, thầy khoác y thường mặc, cầm bát, đi đến nhà Ưu-bà-di. Hỉ-ưu-bà-di trông thấy, rất hoan hỉ, đon đả

chào hỏi: "Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít đến quá vậy?", liền mời ngồi. Ngồi xong, Nan-đà nói:

Tôi ít khi đến, vậy bà định cúng dường thứ gì đây?

Tùy Thầy cần gì thì cúng dường nấy, hoặc bữa ăn trước, hoặc bữa ăn sau, hoặc cháo, bánh, trái, tùy Thầy cần thứ gì, thì con sẽ làm.

Tôi cần bữa ăn trước, hãy nấu cho ngon.

Y theo lời dạy, con sẽ nấu thật ngon, xin thầy sáng mai hãy đến sớm.

Nan-đà nói thế rồi, liền ra đi. Sau đó, Ưu-bà-di sáng sớm thức dậy, sắm sửa bữa ăn sớm ngon lành, trải chỗ ngồi, rồi lần hồi chờ đợi. Nhưng Nan-đà vì nhiều việc nên quên mất, không đến. Ưu-bà-di chờ đợi đã quá giờ mà không thấy đến, bèn chọn những thức ăn ấy thứ nào để dành được thì để dành, thứ nào không để dành được thì ăn. Đợi như thế đến ngày thứ hai, thứ ba vẫn không thấy đến, liền đem ra ăn hết. Tới ngày thứ tư, Nan-đà mới đến, hỏi: "Ưu-bà-di khỏe chứ?." Ưu-bà-di nổi sùng, nói:

Sư phụ đã nhận lời mời của con đến ăn bữa ăn sớm, vì sao không tới?

Ưu-bà-di tức giận sao?

Tức giận.

Nếu vậy, tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến sám hối với đức Thế Tôn.

Nan-đà bèn đi đến sám hối với Phật. Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?." Nan-đà liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Phật. Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si! Ưu-bà-di này đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc rẻ một thứ gì. Vậy, vì sao ông lại nhiễu loạn người ta?." Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ưu-bà-di này là một người có niềm tin kiên cố, thế mà Nan-đà đã nhiễu loạn (**425b**) khiến cho bà không vui. Vậy nay Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma phát hỉ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nan-đà đã nhiễu loạn người thế tục sinh tâm không hoan hỉ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỉ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đà đã nhiễu loạn người thế tục, làm cho họ không hoan hỉ. Tăng nay cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỉ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỉ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỉ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Đó gọi là Hỉ-ưu-bà-di (làm cho Ưu-bà-di sinh tâm hoan hỉ).

2/ Xá-na-giai

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ mời Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế, liền bảo nhau: "Cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, chúng ta hãy đến thử nghiệm ông ta." Thế rồi đến giờ khất thực, bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà ấy, chào hỏi nhau xong, liền hỏi:

Tôi nghe nói cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, có thật thế không?

Đúng như vậy. Thầy cần thuốc sao?

Tôi cần một gánh xá-na-giai.

Đợi con tìm có rồi sẽ đưa.

Kỳ quái, không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời Tăng? Ông không biết sao? thuốc của một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của con voi chúa to lớn trên núi Tuyết. Ông không thực tâm cúng dường, mà chỉ cầu danh.

Thưa Thầy, trong kho của nhà vua cũng chưa đủ chừng ấy thuốc, huống gì nhà con, đợi con tìm có rồi sẽ đưa thầy.

Cho hay không cho tùy ý ông.

Nói xong, Thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ sai người đến xóm Tượng, nước Câu-lân-đề, tìm được Xá-na-giai, bèn đến thưa: "Thưa thầy, con đã tìm được Xá-na-giai Thầy hãy tới lấy." Nghe nói thế, họ bèn nhìn nhau cười khúc khích. Cư sĩ liền chê trách:

Vì sao lại nhìn nhau cười khúc khích mà không lấy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc bất cứ một thứ gì, tôn giả vì sao lại thử con?

Cư sĩ nổi giận sao?

Nổi giận chứ sao nữa.

Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến đức Thế Tôn mà sám hối.

Như trường hợp hỉ Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.

3/ Du ngao ngư tử

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ, sắm một trăm món ăn dùng để đãi Tăng. Khi Tăng ăn xong trở về Tinh xá, cư sĩ bèn ra lệnh cho vợ con trong nhà: "(**425c**) Hãy xử lý các thức ẩm thực còn thừa, đem cho các nhà láng giềng, tôi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn."

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, bàn luận về những việc thế tục. Cư sĩ thấy thế, suy nghĩ: "Đây là những kẻ phi giới luật, nhưng nếu ta không đến chào thì họ sẽ oán hận", liền đi tới chào hỏi chúc tụng. Tỳ-kheo bèn đáp:

Lành thay đàn việt đã đến đây, giống như thớt voi lớn.

Cư sĩ liền hỏi:

Hôm nay tôn giả có đến thọ trai nhà con không?

Có đến thọ trai.

Thưa tôn giả, thức ăn có vừa ý không?

Thật tuyệt vời, chỉ thiếu có một thứ thôi.

Thiếu thứ gì vậy?

Nếu được Du diêm ngao ngư tử – một thức ăn nổi danh thì thí chủ được tiếng tốt trọn vẹn.

Thưa tôn giả, trước đây con không biết. Nếu biết trước thì con sẽ sắm thật nhiều, để cho mỗi người một bát. Nhưng thưa tôn giả, hãy nghe con nói ví dụ: Trong thời quá khứ, có một bầy gà sống trong rừng Nại Lâm, rồi có một con chồn, bắt ăn thịt dần các con gà trống, cuối cùng, chỉ còn một con gà mái. Sau đó, có con quạ đến giao phối, bèn sinh một gà con. Khi gà con kêu, người chủ bèn đọc kệ:

"Gà này chẳng giống ai,
Cha hoang, mẹ dân dã.
Cả hai hợp lại sinh,
Chẳng quạ, cũng chẳng gà.
Nếu muốn học tiếng cha,
Thì là do mẹ sinh.
Nếu học theo tiếng mẹ,
Thì cha lại là quạ.
Học quạ thành tiếng gà,
Học gà thành tiếng quạ,
Quạ, gà đều cùng học,
Cả hai hóa bất thành."

Cũng vậy đó tôn giả, thầy không phải là người thế tục mà cũng chẳng phải kẻ xuất gia.

Cư sĩ nổi giận sao?

Nổi giận.

Nếu nổi giận, thì tôi xin lỗi.

Hãy đến Thế Tôn mà xin lỗi.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Phật, hướng về Ngài mà sám hối. Phật liền hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?." Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si, những vật sở hữu trong nhà của cư sĩ Chất-đế-lệ, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề luyến tiếc bất cứ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông?" Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ông cư sĩ này dùng Túc mạng thông, thấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngày xưa từng làm con của gà và quạ, cho nên nói như thế. Vậy, Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng. Cách làm giống như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ."

4/ Ca-lộ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thành khất thực, lần lượt đến cổng một nhà kia, thấy ông chồng (**426a**) đang ngồi giữa sân, bảo bà vợ:

Bà hãy cúng dường thức ăn cho người xuất gia.

Xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo dòng họ Thích.

Không cho.

Vì sao không cho?

Vì người ấy phi phạm hạnh.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

Này chị em, tôi không phải là người phi phạm hạnh.

Tôn giả Ca-lộ còn không thể tu phạm hạnh, huống gì là ông mà có thể tu phạm hạnh được sao?

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, cảm thấy buồn bực không vui, bèn không đi khất thực, trở về tọa thiền. Đến xế, thầy xuất Thiền, thấy thân thể đói khát rã rời, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo, vì sao ông có vẻ đói lả như thế?

Vì con không được ăn, bạch Thế Tôn.

Ông không thể đi khất thực sao?

Thầy bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Ca-lộ này đã làm cho người thế tục không vui, vậy Tăng nên làm yết-ma khiến Ca-lộ phải làm cho người thế tục hoan hỉ, như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên kia đã nói rõ. Đó gọi là Ca-lộ."

5/ Ma-ha-nam

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ một người họ Thích là Ma-ha-nam mời Tăng về nhà cúng dường thuốc. Khi nghe thế, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bảo nhau: "Chúng ta đến thử ông này chơi." Thế rồi, đến giờ khất thực họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, cùng chào hỏi, rồi nói:

Tôi nghe nói đàn việt định mời Tăng về cúng dường thuốc, có đúng thế không?

Đúng vậy. Nhưng tôn giả cần thuốc sao?

Vâng. Tôi cần chừng ấy bình sữa, chừng ấy bình dầu, chừng ấy bình mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc.

Thưa tôn giả, ngay ngày hôm nay thì không thể có chừng ấy thuốc, phải tìm rồi mới đưa được.

Nan-đà liền nói:

Sao kỳ vậy, Đàn việt không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời các Tỳ-kheo Tăng. Ông không biết sao, thuốc một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của một thớt voi lớn trên núi tuyết kia chứ? Ông không muốn cúng dường mà chỉ mong cầu danh thôi.

Thưa tôn giả, trong kho của vua còn chưa đủ chừng ấy thuốc huống gì nhà con, để con tìm đủ rồi con sẽ đưa cho.

Cho hay không cho mặc ý ông.

Nói thế xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ tìm được thuốc, liền đến bạch: "Thưa tôn giả, hôm nay Thầy có thể đến lấy." Hai người nghe thế, bèn nhìn nhau cười chúm chím. Đàn việt liền chê trách: "Vì sao lại thử con rồi nhìn nhau mà cười? Khi chưa có thì đến đòi gấp rút, bây giờ tìm có rồi thì lại không lấy." Nan-đà nói:

Đàn việt nổi giận sao?

Nổi giận.

Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

Thầy hãy đến Thế Tôn mà sám hối.

Nan-đà bèn đi đến chỗ Phật sám hối. Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?." Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Đức Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si. (**426b**) Những vật sở hữu trong nhà của Ma-ha-nam, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông ta?" Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ." Đó gọi là Ma-ha-nam.

6/ Nhóm sáu Tỳ-kheo

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại ấp Ca-thi, thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái

oai nghi; thân làm hại, miệng làm hại, thân miệng làm hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, cho đến... làm cho người thế tục không hoan hỉ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ. Đó gọi là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tóm lại, trên đây là sáu pháp yết-ma phát hỉ.

Thọ Cụ túc phi pháp,

Chi mãn, không Thanh tịnh.

Yết-ma, sự yết-ma,

Chiết phục, không nói chuyện.

Tẫn xuất, phát hoan hỉ.

Hết Bạt-cừ thứ nhất.

5. Yết-ma cử tội

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo liền nói:

Trưởng lão, Thầy có thấy tội này không?

Không thấy. Thầy hỏi tôi thấy hay không thấy để làm gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà này thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội thì Tăng nên làm yết-ma cử tội không thấy tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội. Nếu thời gian của

Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội xong, Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: "Thưa trưởng lão, tôi thấy những việc cần phải làm đối với tội ấy nên đã tùy thuận chấp hành. Nay xin Tăng thương xót xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy (**426c**) đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội. Những việc cần làm, ông đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Vậy Tăng nên xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà tự nói không thấy tội. Vì muốn cho Thầy được lợi ích nên Tăng đã cho pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Những việc cần làm Thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà vào giữa Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà muốn vào giữa *Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.*

Thế rồi, người này nên vào giữa Tăng xin như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Xiển-đà, thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà nói không thấy. Vì muốn cho tôi được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm, tôi đã tùy thuận chấp hành. Nay tôi đã thấy tội, theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Kính mong đại đức Tăng thương xót, xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi (xin như vậy ba lần).

Thế rồi, người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho Thầy được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm Thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay thầy tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho Thầy được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm Thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng xả pháp Yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Sau khi Tăng đã xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội xong, các Tỳ-kheo liền nói với Xiển-đà: "Này trưởng lão, tội này nên làm đúng như pháp." (**427a**) Thầy đáp: "Ông dạy tôi làm đúng như pháp để làm gì? Tôi không thể làm."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không thể cải hóa đúng như pháp, thì Tăng nên làm yết-ma về việc phạm tội mà không thể cải hóa. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải tạo đúng như pháp. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

*

Hết quyển thứ hai mươi bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 25

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

TỘI TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói với các Tỳ-kheo như sau:

Thưa Trưởng lão, theo tôi biết pháp mà Thế Tôn thuyết giảng thì những gì gọi là chướng đạo, khi thực hành chúng không có gì là chướng đạo cả. Các Tỳ-kheo liền khuyên:

Trưởng lão! Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là hành vi ác tà kiến, rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Thầy bèn đáp:

Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, Thầy dạy của tôi kế thừa từ xưa đến nay, đều thấy như vậy cả.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra nói rằng: "Thế Tôn thuyết pháp, theo tôi hiểu, thì những gì gọi là chướng đạo khi thực hành chúng không có gì là chướng đạo cả", (**427b**) thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khi khuyên can ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: "Trưởng lão A-lê-tra, có thật Thầy hủy báng khế kinh, nói rằng: "Thế Tôn thuyết pháp, theo tôi hiểu, thì thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả" phải không?."

Nếu đáp: "Thật như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can ở chỗ vắng như sau: "Này Trưởng lão, Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là ác tà kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Vì lòng từ, muốn được lợi ích cho nên tôi khuyên can Thầy, Thầy hãy bỏ việc này đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ việc này không?."

Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ và thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy cả, tôi không thể bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu không bỏ thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần.

Nếu cũng không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng làm yết-ma. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. "Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: "Theo tôi hiểu pháp mà Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi Thầy ở giữa Tăng: "Này trưởng lão, có thật Thầy hủy báng khế kinh, nói rằng: "Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả" rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ việc ấy phải không?."

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Tăng như sau: "Trưởng lão, Thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là việc ác tà kiến, bị rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Tăng nay vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can Thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ việc này không?" Thầy đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi không thể bỏ." Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra đã hủy báng khế kinh, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: "Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn Thuyết giảng, thì khi thực hành những điều gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lê-tra về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ.

Đây là lời tác bạch (bạch như vậy xong, làm yết-ma ba lần).

(**427c**) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, nói rằng: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau."

Các Tỳ-kheo bèn khuyên: "Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến là bất thiện, sẽ rơi vào ác đạo, đọa xuống địa ngục."

Thầy liền đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi kế thừa từ trước đến nay đều thấy như vậy."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo:

Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên ác kiến, cho đến nói rằng: "Không có quả báo Thiện ác...", thì nên khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Khi khuyên can ba lần ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: "Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật Thầy khởi lên ác kiến, nói như sau: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này và đời sau" phải không?."

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can: "Trưởng lão, Thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can Thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ ác kiến này không?." Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi không thể bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng, làm yết-ma cử tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, nói rằng: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến... làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay nên khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Bấy giờ Tăng nên hỏi:

Này Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật thầy nói như sau: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa,

làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?."

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Tăng: – Này trưởng lão, thầy đừng khởi lên ác tà kiến, khởi lên ác tà kiến như vậy là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Chúng Tăng vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, Thầy có bỏ ác tà kiến này không? Nhưng Thầy vẫn đáp: "(**428a**) Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy. Tôi không thể bỏ."

Khuyên can như vậy một lần không bỏ, cho đến ba lần khuyên can vẫn không bỏ.

Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, rồi được khuyên can ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ ác tà kiến. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến rồi được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng mà vẫn không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Thi-lợi-da-bà về việc không bỏ ác tà kiến.

Đây là lời tác bạch (bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến).

Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử khởi lên biên kiến, nói rằng:

Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên.

Các Tỳ-kheo khuyên:

Trưởng lão! Thầy đừng khởi lên biên kiến, biên kiến này là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

Thầy đáp:

Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện; cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay. Tôi không thể bỏ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử khởi biên kiến, nói rằng: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên hỏi:

Trưởng lão, có thật Thầy khởi lên biên kiến, nói rằng: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên" không?.

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can: "Trưởng lão, đó là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn được lợi ích nên khuyên thầy. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa. Thầy có bỏ biên kiến này không?."

Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ", thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vạy. Nếu vẫn không bỏ, thì nên làm yết-ma cử tội ở giữa chúng Tăng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ma-lâu-già-tử này khởi lên biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba

lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Bấy giờ, ở giữa Tăng trước hết nên hỏi:

Trưởng lão! Có thật thầy khởi lên biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", (**428b**) rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ biên kiến này phải không?

Nếu Thầy vẫn đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can ở giữa chúng Tăng: "Trưởng lão! Thầy đừng khởi lên biên kiến. Biên kiến này là ác kiến, phải rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Tăng nay vì lòng từ, muốn được lợi ích, nên khuyên Thầy. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa, Thầy có bỏ biên kiến này không?"

Nhưng thầy vẫn đáp: "Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ."

Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy mà vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử này khởi lên biên kiến, rồi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ biên kiến, như trên đã nói. Đó gọi là yết-ma cử tội.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, liền nói với các Tỳ kheo:

Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa.

Các Tỳ-kheo bèn hỏi:

Trưởng lão, vì sao thầy xin pháp Ma-na-đỏa?

Thầy đáp: "Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Các Tỳ-kheo trước đó đã biết Thầy thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên nói:

Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, Tăng tập trung hòa hợp làm yết-ma chất vấn, những gì trưởng lão đã phạm thì nên trình bày tất cả trong một lần yết-ma. Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Thế rồi, Thầy đáp:

Chính tôi vi phạm tội đó.

Nhưng sau khi làm Yết-ma xong, thầy suy nghĩ: "Vì sao ta đợi làm yết-ma trở lại? Ta nên nói tất cả trong một lần làm yết-ma", rồi nói với các Tỳ-kheo:

Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa.

Vì sao thầy lại đòi pháp Ma-na-đỏa?

Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Trưởng lão phạm khi nào?

Phạm vào khi ấy.

Trước đây chúng tôi đã nói với trưởng lão rằng Tăng đang tập trung hòa hợp làm yết-ma, trưởng lão có phạm những gì thì hãy nói ra tất cả trong một lần làm yết-ma, vì sao không nói?

Vì tôi hổ thẹn nên không nói ra tất cả.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi Thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Này kẻ ngu si! Khi phạm không biết hổ thẹn, khi cầu thanh tịnh vì sao lại hổ thẹn? Đây là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

*

TRÁCH NHIỆM CỦA TỲ-KHEO ĐOÁN SỰ

(**428c**) Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Khi vị Tỳ-kheo trì Luật cho ai pháp xuất tội, thì họ có tội cũng biết, không tội cũng biết; che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết; phát lồ cũng biết, không phát lồ cũng biết; nên cho biệt trú cũng biết, không nên cho biệt trú cũng biết; như pháp cho biệt trú cũng biết, không như pháp cho biệt trú cũng biết; như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết, không như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết; nửa chừng có tội cũng biết, nửa chừng không có tội cũng biết; đêm gián đoạn cũng biết, đêm không gián đoạn cũng biết; tùy thuận làm cũng biết, không tùy thuận làm cũng biết; nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết, không nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết; cho Ma-na-đỏa đúng pháp cũng biết, cho Ma-na-đỏa không đúng pháp cũng biết; hành Ma-na-đỏa rốt ráo cũng biết, hành Ma-na-đỏa không rốt ráo cũng biết; nên cho pháp xuất tội cũng biết, không nên cho pháp xuất tội cũng biết; cho pháp xuất tội đúng pháp cũng biết, cho pháp xuất tội không đúng pháp cũng biết; cùng che giấu cũng biết, không cùng che giấu cũng biết; che giấu vô lượng cũng biết, Tỳ-xá-già-cước cũng biết; hoặc có trường hợp tội hợp mà không phải đêm hợp; hoặc là đêm hợp mà không phải tội hợp; hoặc là tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc là tội không hợp mà đêm cũng không hợp; hoặc tội cũ, tội trung gian. Đó gọi là Tỳ-kheo trì luật.

Lại nữa, Tỳ-kheo thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật. Đó là: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật: Biết có tội, biết không có tội, không xem tội nặng thành tội nhẹ, không xem tội nhẹ thành tội nặng. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp: Biết có tội, biết không có tội, không bảo người không có tội là có tội, không bảo người có tội là không tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp: Không xem tội nặng là tội nhẹ, không xem tội nhẹ là tội nặng, không xem người không phạm tội là phạm tội, không xem người phạm tội là không phạm tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu năm pháp sau gọi là người giữ luật: Biết rõ sự tranh chấp, biết rõ nguyên nhân sự tranh chấp, biết rõ cách dập tắt sự tranh chấp, biết rõ cách phân biệt về việc chấm dứt tranh chấp, biết rõ cách dập tắt tranh chấp làm cho ngưng hẳn. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu sáu pháp: tức năm việc trên, thêm việc khéo dập tắt sự tranh chấp đã tích lũy. Đó gọi là sáu pháp.

Lại, thành tựu bảy pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ, không đem tội nặng làm tội nhẹ, không đem tội nhẹ làm tội nặng, khéo biết cách làm yết-ma. (**429a**) Đó gọi là bảy pháp.

Lại, thành tựu tám pháp: Tức bảy việc trên, thêm việc biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược. Đó gọi là tám pháp.

Lại, thành tựu chín pháp: Đó là tám việc trên, tăng thêm việc khéo tụng giới, khéo biết nghĩa, không quên, hiểu rõ, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là chín pháp.

Lại, thành tựu mười pháp: Tức ngoài chín việc trên, thêm việc khéo điều phục các căn, phạm hạnh viên mãn, hiểu sâu pháp yết-ma. Đó gọi là mười pháp.

Lại, thành tựu năm pháp gọi là người giữ luật. Đó là: Trì giới, biết có tội, biết không có tội, biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp. Đó là: Trì giới, biết rõ có tội, biết rõ không có tội, biết rõ pháp yết-ma. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu ba pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết pháp yết-ma. Đó gọi là ba pháp.

Lại, thành tựu hai pháp. Đó là: Biết có tội, biết không có tội. Đó gọi là hai pháp.

Lại, thành tựu một pháp. Đó là: khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là người giữ luật, cho đến thành tựu mười bốn pháp thì gọi là người giữ luật bậc nhất; ngoại trừ đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri (thì không ai làm được). Mười bốn pháp đó như sau: (1) Biết có tội; (2) Biết không có tội; (3) Biết tội nặng; (4) Biết tội nhẹ; (5) Biết có che giấu; (6) Biết không che giấu; (7) Biết tội có thể trị; (8) Biết tội không thể trị; (9) Biết đã thanh tịnh; (10) Biết chưa được thanh tịnh; (11) Được công đức của bốn Thiền, hiện được an lạc; (12) Được Thiên nhãn, thiên nhĩ và túc mạng thông; (13) Dứt sạch hữu lậu; (14) Được Vô lậu (hết cấu uế). Đó gọi là mười bốn pháp. Người thành tựu mười bốn pháp này là bậc nhất trong tất cả các người giữ luật, ngoại trừ Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo Ưu-ba-ly thành tựu mười bốn pháp kể trên, là người giữ luật bậc nhất, có tội cũng biết, không có tội cũng biết, cho đến dứt sạch hữu lậu, đạt được vô lậu tuệ giải thoát.

Có tội cũng biết: tức biết năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni.

Ba-la-di: Dâm, trộm, giết người, tự xưng được pháp hơn người.

Tăng-già-bà-thi-sa: Cố ý xuất tinh, xúc chạm người nữ, nói lời ô uế, cho đến làm hoen ố nhà người ở thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Gồm ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi hai Ba-dạ-đề thuần túy.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Ở nơi A-luyện-nhã, không bệnh mà nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ điểm, khất thực tại nhà học gia.

Việt-tỳ-ni: Gồm mười ba việc như sau: (1) A-già-dữ; (2) Thâu-lan-giá; (3) Xú Thâu-lan; (4) Không làm; (5) (**429b**) Không nói; (6) Đột-cát-la; (7) Ác thanh; (8) Oai nghi; (9) Phi oai nghi; (10) Ác oai nghi; (11) Ác tà mạng; (12) Ác kiến; (13) Tâm sinh hối Tỳ-ni.

A-già-dữ: Như ngoại đạo Thân ma, như Tôn giả Bạt-đà-lợi, như các Tỳ-kheo-ni ở thành vương-xá, các trường hợp như thế đều phải đến Phật sám hối. Đó gọi là A-già-dữ.

Thâu-lan-giá: Lấy trộm dưới năm tiền, đụng vào vật đáng giá năm tiền mà chưa dời khỏi chỗ. Đó gọi là Thâu-lan-giá.

Xú-thâu-lan: Dùng tâm nhiễm ô đùa giỡn với nam căn. Đó gọi là Xú-thâu-lan.

Không làm: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo làm việc gì mà đúng pháp thì phải làm; nếu không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bảo gọi phụ nữ, lấy rượu đến, thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê: "Con nghe nói trong giới luật (việc đó) không được làm." Đó gọi là không làm.

Không nói: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cùng gọi, nghe mà không đáp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà giọng nói không thay đổi thì nên đáp. Nếu không thể đáp được, thì nuốt cơm rồi mới đáp. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê hỏi như sau: "Vì sao nghe ta gọi mà không trả lời", thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê: "Trong miệng con đang ngậm cơm, cho nên không đáp được." Đó gọi là không nói.

Đột-cát-la: Như Thế Tôn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo Ưu-đà-di và các Tỳ-kheo khác rằng: "Làm việc đó không tốt." Đó gọi là Đột-cát-la.

Ác thanh: Giả tiếng kêu của voi, tiếng của ngựa, bò, lừa, lạc đà v.v..., tất cả tiếng của loài súc sinh như thế; hoặc kéo dài hơi ra rồi kêu đứt đoạn, hoặc kêu gấp rồi kéo dài ra. Đó gọi là ác thanh (tiếng kêu chối tai).

Oai nghi: Sáng sớm thức dậy nên rửa dọn sạch nơi đại tiểu tiện, rồi đổ đầy nước tại nơi đại tiểu tiện, lại phải quét tháp, viện, phòng Tăng. Nếu lấy, cho, làm các việc, thậm chí buộc một sợi chỉ mà không bạch với Hòa thượng y chỉ, A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là oai nghi.

Phi oai nghi: Như sửa tóc, trang điểm mắt, làm đẹp mặt mày, giũ y, làm cho dải lụa bóng sáng, buộc lưng, hơ bát làm cho sáng bóng, dùng gương soi mặt. Đó gọi là phi oai nghi (trái oai nghi).

Ác oai nghi: Thân có oai nghi xấu, miệng có oai nghi xấu, thân miệng có oai nghi xấu; thân tai hại, miệng tai hại, thân miệng tai hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng. Đó gọi là ác oai nghi (oai nghi xấu).

Ác tà mạng: Thân quanh co, miệng quanh co, Tâm quanh co, hiện cử chỉ thân ái để hy vọng người ta cúng dường. Đó gọi là ác tà mạng.

Ác kiến: Tất cả các loại kiến giải như thường, đoạn v.v..., gọi là ác kiến.

Tâm sinh hối tỳ-ni: Pháp chúng học oai nghi, tâm niệm ác, không cố ý mà xúc chạm nữ nhân, đại loại như thế đều gọi là tâm hối. Đó gọi là (**429c**) Tâm sinh hối tỳ-ni.

*

CÓ TỘI CŨNG BIẾT

Lại nữa, hoặc có tội từ tham dục sinh; hoặc có tội từ giận dữ sinh; hoặc có tội từ ngu si sinh; hoặc có tội không từ tham dục, giận dữ, ngu si sinh; hoặc có tội do hành vi của thân, không phải hành vi của miệng; hoặc do hành vi của miệng, không phải hành vi của thân; hoặc do hành vi của thân và miệng, hoặc không phải do hành vi của thân và miệng; hoặc có tội từ bản thân mình sinh, không phải từ thân người khác; hoặc từ thân người khác, không phải từ thân mình; hoặc từ thân mình và thân người khác sinh; hoặc không phải từ thân mình, cũng không phải thân người khác; hoặc có tội từ miệng mình sinh, không phải từ miệng người khác; hoặc có tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình; hoặc có tội từ miệng mình cũng từ miệng người khác; hoặc không từ miệng mình cũng không từ miệng người khác; hoặc có tội căn cứ tâm, không căn cứ việc; hoặc có tội căn cứ việc, không căn cứ tâm; hoặc có tội sự nặng, không phải tâm nặng; hoặc có tội do tâm nặng, không phải sự nặng; hoặc có tội sự nặng, tâm cũng nặng; hoặc có tội không phải sự nặng, cũng không phải tâm nặng; hoặc có tội do vật của mình, không phải do vật người khác; hoặc có tội do vật người khác, không phải do vật của mình; hoặc do vật mình, cũng do vật người khác; hoặc có tội không do vật mình, cũng không do vật người khác; hoặc có tội tại một chỗ mà phạm nhiều thứ, hoặc tại nhiều chỗ mà phạm một tội; tại nhiều chỗ phạm nhiều tội; hoặc tại một chỗ phạm một tội; hoặc từ chỗ không có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến không tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ không tội dẫn đến không tội; hoặc từ nguyên nhân tọi nặng dẫn đến tội nhẹ; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nặng dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ; có khi nhận mà phạm tội, có khi ăn mà phạm tội; sự thành có tội, không thọ thì có tội, thọ thì không có tội; không thực hiện thì bị tội, thực hiện thì không bị tội; hoặc có tội thuộc xóm làng, không thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội thuộc nơi hoang vắng, không thuộc xóm làng; hoặc

có tội thuộc xóm làng, cũng thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội không thuộc xóm làng, cũng không thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội đúng thời, không phải phi thời; hoặc có tội phi thời, không phải đúng thời; hoặc có tội vừa đúng thời, vừa phi thời; hoặc có tội vừa không phải đúng thời, vừa không phải phi thời; hoặc có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày; hoặc có tội thuộc ban ngày, không phải ban đêm; hoặc có tội vừa thuộc ban đêm, cũng vừa thuộc ban ngày; hoặc có tội vừa không phải ban đêm, cũng không phải ban ngày; hoặc có tội ở chỗ che khuất, không phải chỗ trống trải; hoặc có tội ở chỗ trống trải, không phải chỗ che khuất; hoặc có tội vừa ở chỗ che khuất, vừa ở chỗ trống trải; hoặc có tội không ở chỗ che khuất, cũng không phải ở chỗ trống trải; hoặc có tội khi đi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi đi; hoặc có tội (**430a**) vừa khi đi, vừa khi đứng; hoặc có tội vừa không phải khi đi, vừa không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi ngồi; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi đứng; hoặc có tội không phải khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi ngồi; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngồi, cũng không phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi đi; hoặc có tội khi đi, không phải khi ngủ; hoặc có tội vừa khi đi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngủ, cũng không phải khi đi; hoặc có tội ở chỗ vắng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người, không phải ở chỗ vắng; hoặc có tội vừa ở chỗ vắng, vừa ở chỗ đông người; hoặc có tội không phải ở chỗ vắng, cũng không phải ở chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người mà không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở chỗ giữa chúng Tăng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội vừa ở chỗ đông người, vừa ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội không phải ở chỗ đông người, cũng không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng mà không phải ở chỗ vắng vẻ; hoặc có tội ở chỗ vắng vẻ, không ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng, cũng ở chỗ vắng vẻ; hoặc vừa không ở giữa chúng Tăng, cũng không ở

chỗ vắng vẻ; hoặc có tội vào mùa Đông, không phải mùa Xuân; hoặc có tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông; hoặc vừa mùa Đông, cũng vừa mùa Xuân; hoặc không phải mùa Đông, cũng không phải mùa Xuân; hoặc có tội về mùa Xuân, không phải mùa Hạ; hoặc tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân; hoặc thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa Hạ; hoặc có tội vừa không thuộc mùa Xuân, vừa không thuộc mùa Hạ; hoặc có tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Đông; hoặc thuộc mùa Đông, không phải mùa Hạ; hoặc thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông; hoặc không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông.

Có tội từ dục sinh: Như cố ý đùa giỡn với nam căn, ma xát, ác khẩu, tự khen mình, làm môi giới, nói với tâm hoàn toàn nhiễm ô. Đó gọi là tội sinh ra từ dục.

Có tội từ giận dữ sinh ra: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, đánh người, đuổi đi, biết người khác đã ăn no mà cố ý xúc não, xua đuổi người khác ở nơi xóm làng, đánh bằng nắm tay, giơ tay dọa đánh, đứng chỗ khuất lén nghe. Đó gọi là tội từ giận dữ sinh ra.

Có tội từ ngu si sinh ra: Do tâm ngu si mà cho rằng thế giới thực sự là thường hằng, hoặc thế giới là Vô thường, có các loại kiến giải như thế, đó gọi là tội từ ngu si sinh ra.

Có tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra: Như trường hợp A-la-hán phạm tội. Đó gọi là tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra.

Có tội do thân không phải do miệng: Như ở cùng phòng với người nữ, ngủ cùng phòng với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chúng, ăn chung một bát. Đó gọi là tội do thân không phải do miệng.

Có tội do miệng không phải do thân: Nói chung những tội thuộc về phạm vi miệng. Đó gọi là tội do miệng, không phải do thân.

Có tội gồm cả thân và miệng: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, đấu tranh gây rối, đuổi đi, biết người đã ăn no mà cố tình xúc não, đuổi đi khi ở xóm làng, dùng tay đánh người, đưa tay dọa đánh, đứng chỗ khuất nghe lén. Đó gọi là tội gồm cả thân và miệng.

Có tội không do thân và miệng: Như (**430b**) các tội từ tâm sinh. Đó gọi là tội không do thân và miệng.

Có tội từ thân mình, không phải từ thân người khác: Như nổi giận tự đánh vào mình. Đó gọi là tội từ thân mình không phải từ thân người khác.

Có tội từ thân người khác không phải từ thân mình: Như thấy người khác phạm tội dâm, trộm, giết người mà che giấu. Đó gọi là tội từ thân người khác, không phải từ thân mình.

Có tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh: Như ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường với người khác, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chúng, ăn chung bát. Đó gọi là tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh.

Có tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác: Như tất cả những tội thuộc lĩnh vực miệng, ngoại trừ việc dạy người chưa thọ Cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác.

Có tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác: Tất cả tội thuộc về miệng, trừ việc dạy người chưa thọ Cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác.

Có tội từ miệng người khác không phải từ miệng mình: Nếu Tăng giải quyết sự việc phi pháp mà Tỳ-kheo không gởi dục, cũng không cho người khác biết mình không đồng ý, im lặng lắng nghe. Đó gọi là tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình.

Có tội vừa từ miệng mình vừa từ miệng người khác: Như cùng đọc chung từng câu với người chưa thọ Cụ túc. Đó gọi là tội vừa từ miệng mình, vừa từ miệng người khác.

Có tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác: Như các tội từ thân và tâm phát sinh. Đó gọi là tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác.

Có tội căn cứ vào tâm không căn cứ vào sự: Như trường hợp nên hỏi: dùng tâm gì để trộm cắp? Dùng tâm gì để giết người? Dùng tâm gì để xúc chạm phụ nữ? Dùng tâm gì để làm hại cỏ tươi? Dùng tâm gì để đào đất? Đó gọi là căn cứ vào tâm, không căn cứ vào sự.

Có tội căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm: Chẳng hạn không nên hỏi: Dùng tâm gì để hành dâm? Dùng tâm gì để ăn phi thời? Dùng tâm gì để uống rượu? Dùng tâm gì để ngủ cùng nhà với người nữ? Dùng tâm gì để ngủ cùng phòng với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm? Nếu phạm thì nên trị phạt đúng pháp. Đó gọi là căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm.

Có tội sự nặng, không phải tâm nặng: Như Tỳ-kheo phi thời mà cho là đúng thời để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, không phải tâm nặng.

Có tội tâm nặng, không phải sự nặng: Tỳ-kheo đúng thời mà cho là phi thời rồi ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội tâm nặng, không phải sự nặng.

Có tội sự nặng, tâm cũng nặng: Như phi thời biết là phi thời mà vẫn ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, tâm cũng nặng.

Có tội sự nhẹ, tâm cũng nhẹ: Như các pháp thuộc chúng học và oai nghi. Đó gọi là sự nhẹ, tâm cũng nhẹ.

Có tội từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật người khác: Như Tỳ-kheo cố lấy trộm nhằm vật của chính mình, thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Đó gọi là từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật của người khác.

Có tội từ vật của người khác, không phải từ vật của mình: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật của người khác dưới năm tiền, (**430c**) thì phạm tội Thâu-lan-giá, nếu đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là từ vật của người khác phát sinh, không phải từ vật của mình.

Có tội vừa từ vật của mình vừa từ vật của người khác phát sinh: như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật chung của mình và người khác dưới năm tiền, thì phạm tội Thâu-lan-giá, đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là tội từ vật của mình và của người phát sinh.

Có tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật không có chủ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người khác.

Có tội tại một chỗ mà phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại một chỗ mà được tám món ăn ngon, rồi ăn mỗi thứ tại mỗi chỗ, thì phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại một chỗ mà phạm nhiều tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ mà phạm một tội: Như Tỳ-kheo xin tại nhiều chỗ được tám thức ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ mà phạm một tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại tám chỗ được tám món ăn ngon, rồi ăn tám lần, phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ phạm nhiều tội.

Tại một chỗ phạm một tội: Như tại một chỗ xin được tám món ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ. Đó gọi là tại một chỗ phạm một tội.

Từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội: Như Tỳ-kheo vô tội mà xin sám hối về tội phạm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội.

Từ nguyên nhân có tội mà thành vô tội: Như làm phòng nhỏ, phòng lớn, rồi được ba lần khuyên can. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội mà thành ra vô tội.

Từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội: Khi Tăng tụng giới, được hỏi đến ba lần rằng ai có tội thì sám hối như pháp, ai không có tội thì im lặng, mà bấy giờ người có tội không làm đúng pháp, lại không nói cho người khác biết, cũng không thầm nghĩ: "Để rồi tôi sẽ sám hối đúng pháp với người thanh tịnh và thông cảm", vẫn cứ im lặng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội.

Từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội: Như trường hợp không làm, không phạm. Đó gọi là từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội.

Từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ: Như Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người ác tà kiến, biên kiến, người bị cử tội. Đó gọi là từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bị cử tội, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng.

Từ tội nặng dẫn đến tôi nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bị cử tội, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nặng dẫn đến tội nặng.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ: Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người chưa thọ Cụ túc, thì không được gọi là sám hối mà còn phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ.

(**431a**) **Khi nhận phạm tội:** Như nhận thịt sống, lúa thóc, vàng bạc, voi, ngựa, lạc đà, lừa, bò, dê, nô tì, phụ nữ, ruộng đất, nhà cửa. Đó gọi là khi nhận phạm tội.

Có trường hợp khi ăn phạm tội: Như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ăn cùng bát, ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là khi ăn phạm tội.

Việc thành tựu mà có tội: Như làm phòng nhỏ, phòng lớn, được khuyên can đến ba lần mà không sửa chữa. Đó gọi là việc thành tựu mà có tội.

Có trường hợp không thọ thì có tội, thọ thì không có tội: Như khi thọ y Ca-thi-na thì được giải tỏa năm giới là: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, đi đâu không cần thưa với người cùng ăn với mình, cất y dư lâu ngày, rời y mà ngủ. Đó gọi là không thọ thì có tội, thọ thì không có tội.

Không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội: Khi Tỳ-kheo được y mới mà không dùng ba màu để nhuộm cho hoại sắc, hoặc dùng một màu để nhuộm, tác tịnh rồi thọ dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội.

Có tội tại xóm làng không phải tại chỗ hoang vắng: Khi vào xóm làng không mặc y tăng-già-lê, không buộc đai, không cột dây lưng, không cầm bát, không thưa với người cùng ăn chung, vào xóm làng lúc phi thời. Đó gọi là tội tại xóm làng, không phải tại nơi hoang vắng.

Có tội tại nơi hoang vắng không phải tại xóm làng: Tỳ-kheo làm bạn với kẻ trộm, hẹn với phụ nữ, Tỳ-kheo-ni cùng đi chung đường. Đó gọi là tội tại nơi hoang vắng, không phải tại xóm làng.

Có tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng: Đấm người bằng nắm tay, đưa tay dọa đánh người. Đó gọi là tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng.

Có tội không phải nơi hoang vắng, không phải xóm làng: Tội xảy ra ở nơi cửa vua. Đó gọi là tội không phải nơi hoang vắng, cũng không phải tại xóm làng.

Có tội đúng thời chứ không phải phi thời: Như ăn riêng chúng, ăn tại nhiều nơi, ăn chung một bát, moi dưới bát mà ăn, ăn tám món ngon, ăn trái cây chưa tác tịnh. Đó gọi là tội đúng thời, chứ không phi thời.

Có tội phi thời chứ không phải đúng thời: Phi thời đi vào xóm làng mà không bạch, ăn phi thời, đi giáo giới Tỳ-kheo-ni đến chiều tối. Đó gọi là tội phi thời chứ không phải đúng thời.

Có tội vừa đúng thời, mà vừa phi thời: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa đúng thời, vừa phi thời.

Có tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời: Như phạm tội đúng vào giữa trưa. Đó gọi là tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời.

Có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày: Như ngủ cùng một nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, giáo giới Tỳ-kheo-ni cho đến chiều tối. Đó gọi là tội thuộc ban đêm, không thuộc ban ngày.

Có tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm: Như ăn riêng chúng, cho đến ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm.

Có tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm.

Có tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm: Như tội xảy ra lúc rạng đông. Đó gọi là tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm.

Có tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống (431b): Như ngủ cùng nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba

đêm, trải đồ ở giữa phòng, ngồi ở chỗ người ta dùng hành lạc, ngồi ở chỗ khuất kín. Đó gọi là tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống.

Có tội tại chỗ trống, không phải chỗ khuất: Hoặc tự mình, hoặc sai người đem giường nệm của chúng Tăng ra trải ở chỗ trống, mà khi đi không thưa với chúng Tăng, đi chừng hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội tại chỗ trống, không phải tại chỗ khuất.

Có tội vừa tại chỗ khuất, vừa tại chỗ trống: Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ khuất, cũng không ở chỗ trống? Đó là tội xảy ra ở dưới thềm nhà.

Thế nào là tội khi đi, không phải khi đứng? Tỳ-kheo kết bạn với bọn cướp, cùng với người nữ và Tỳ-kheo-ni hẹn đi chung đường; Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi thì phạm tội. Đó gọi là do đi, không do đứng.

Thế nào là tội khi đứng, không phải khi đi? Như đứng ở bên dâm nữ, đứng nơi quán rượu, đứng tại chỗ đánh bạc, đứng bên nhà tù, đứng giữa cửa, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà cứ đứng, thì phạm tội. Đó gọi là tội do đứng, không phải do đi.

Thế nào là tội vừa do đi, vừa do đứng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi đi, không phải khi đứng? Như khi ngồi, khi ngủ.

Thế nào là tội do đứng, không phải do ngồi? Như đứng bên dâm nữ, rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà vẫn đứng, thì phạm tội.

Thế nào là tội do ngồi, không phải do đứng? Như ngồi trên giường lớn quá cỡ, dùng bông nhồi làm nệm, dùng da làm tọa cụ và ngồi bên cạnh dâm nữ, bên quán rượu, bên chỗ đánh bạc, bên cạnh nhà tù, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà vẫn ngồi thì phạm tội.

Thế nào là tội vừa do đứng, vừa do ngồi? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải do đứng, cũng không phải do ngồi? Đó là tội xảy ra khi đi và khi ngủ.

Thế nào là tội khi ngồi, không phải khi ngủ? Như ngồi trên giường quá lượng, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà cứ ngồi, thì có tội.

Thế nào là tội khi ngủ, không phải khi ngồi? Ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, ngồi giường lớn quá lượng, dùng bông nhồi vào nệm để ngồi, dùng da làm tọa cụ.

Thế nào là tội khi ngồi cũng như khi ngủ? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi ngồi, cũng không phải khi ngủ? Như phạm tội khi đi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội khi ngủ, không phải khi đi? Như ngủ cùng một nhà với phụ nữ, cho đến ngủ trên nệm bằng da.

Thế nào là phạm tội khi đi, không phải khi ngủ? Như Tỳ-kheo làm bạn với kẻ cướp, với phụ nữ (cùng đi chung đường), rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi, thì phạm tội.

Thế nào là phạm tội khi ngủ cũng như khi đi? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải khi ngủ, cũng không phải khi đi? Như phạm tội khi ngồi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, cũng không phải chỗ nhiều người? Như được khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở chỗ vắng? (**431c**) Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ vắng, cũng như ở chỗ nhiều người? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, không phải chỗ nhiều người? Như ở giữa chúng Tăng.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở giữa chúng Tăng? Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở giữa chúng Tăng, không phải ở chỗ nhiều người? Như được khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người cũng như ở giữa chúng Tăng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ nhiều người, không ở giữa Tăng? Như được khuyên can ba lần ở chỗ vắng mà không bỏ.

Thế nào là tội ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng? Như được khuyên ở giữa Tăng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội ở chỗ vắng, không phải ở giữa Tăng? Như được khuyên ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội vừa ở giữa Tăng, vừa ở chỗ vắng? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng? Như được can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội thuộc mùa đông, không phải mùa Xuân? Tỳ-kheo đến ngày 15 tháng 8 mà không xả y tắm mưa tới ngày 16 mới xả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông? Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na đến ngày 15 tháng chạp thì nên xả, nếu không xả, để đến ngày 16 thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Đông, cũng thuộc mùa Xuân? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Đông, không thuộc mùa Xuân? Như thời gian an cư (tức mùa Hạ)

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa hạ? Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na mà không xả để đến ngày 16 tháng chạp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân? Tỳ-kheo đến ngày 16 tháng tư phải an cư, mà không an cư thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đến hậu an cư cũng không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa hạ? Như đánh người bằng tay, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa hạ? Như tội phạm vào mùa Đông.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không thuộc mùa đông? Vào hai thời an cư mà không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Đông, không phải mùa hạ? Đến ngày 15 tháng 8 nên xả y tắm mưa mà không xả, để đến ngày 16 thì phạm tội.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông? Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông? Đó là tội vào mùa Xuân, tức là tội không thuộc vào mùa Hạ, không thuộc mùa Đông.

Lại có tội do không kiềm chế thân, không kiềm chế miệng, không kiềm chế thân miệng; thân phạm, miệng phạm, thân miệng đều phạm; thân làm ác, miệng làm ác, thân miệng đều làm ác. Đó gọi là tội.

Trái lại, vô tội nghĩa là kiềm chế thân, kiềm chế miệng, kiềm chế thân miệng; thân không phạm, miệng không phạm, thân miệng đều không phạm; thân không làm ác, miệng không làm ác, thân miệng không làm ác. Đó gọi là không có tội.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo giữ luật khi cho người xuất tội, thì có tội cũng biết, (**432a**), không có tội cũng biết, che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết.

*

CHE GIẤU CŨNG BIẾT

Tỳ-kheo khi hừng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết đó là tội, không cố ý che giấu, nhưng đến lúc mặt trời mọc lại cố tình che giấu cho đến hừng đông sáng mai. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Đến lúc giữa trưa, vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, nửa đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa biết là có tội mà không cố tâm che giấu, cho đến cuối đêm, vẫn biết là có tội

nhưng cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là một đêm che giấu. Vào giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn và đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội nhưng không cố tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là có tội, đến giờ ăn mới biết là có tội nhưng không cố tâm che giấu, đến giữa trưa lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, cho đến giữa đêm biết là có tội, mà không có tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông thì gọi là bốn thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến lúc mặt trời mọc quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Cũng vậy, vào giờ ăn, giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, giữa đêm, cho đến cuối đêm quyết tâm che giấu đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay

không, tới bữa ăn thì quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. (**432b**) Cũng vậy, giữa trưa, buổi xế, khi mặt trời lặn, đầu đêm cũng thế.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến cuối đêm mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, mà không biết phạm tội, mãi đến giờ ăn mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, tới giữa trưa mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho tới giữa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đên cuối đêm mới quyết định che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là bốn thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến khi mặt trời mọc lại quyết định không che giấu, cho đến cuối đêm lại quyết tâm che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, rồi lại ở cách vách, cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, xưng tên một Tỳ-kheo mỗ giáp khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Đó không gọi là phát lồ, vì biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là che giấu.

Trường hợp không che giấu: Nếu ở chỗ ngăn cách, hoặc cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, tự xưng tên của người khác phạm tội

Tăng-già-bà-thi-sa, thì được gọi là phát lồ, nhưng xảo trá, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp không che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không ở chỗ cách vách, cách hào, chỗ tối, không nói nhỏ, không xưng tên người khác mà tự xưng tên mình phạm tội. Đó gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không phải tội mà tưởng là tội, sinh nghi, nghi không biết nên che giấu hay không, nghi đêm. Nếu phát lồ thì gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không cố tâm che giấu, chưa phát lồ được, rồi hoặc quên, hoặc bỏ đạo, hoặc nhập định, hoặc mệnh chung. Đó gọi là không che giấu.

Phật nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội nên biết, không có tội nên biết, che giấu nên biết, không che giấu nên biết, phát lồ nên biết, không phát lồ nên biết; hoặc là che giấu không phát lồ, hoặc là phát lồ không che giấu, hoặc là vừa che giấu vừa phát lồ, hoặc là không che giấu cũng không phát lồ đều nên biết.

Thế nào là che giấu không phát lồ?

Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni, biết là phạm tội mà cố tâm che giấu (**432c**) không nói với người khác. Đó gọi là che giấu không phát lồ.

Thế nào là phát lồ, không che giấu?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nói với người khác. Đó gọi là phát lồ, không che giấu.

Thế nào gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, định che giấu, nhưng sau đó nói với người khác. Đó gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ.

Thế nào là vừa không che giấu, vừa không phát lo?

Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, không cố tâm che giấu, suy nghĩ: "Đợi đúng lúc, đúng chỗ, đúng người ta sẽ sám hối đúng pháp." Đó gọi là vừa không che giấu vừa không phát lồ.

*

PHÁP BIỆT TRỤ

Phật bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội phải biết, không có tội phải biết, che giấu phải biết, không che giấu phải biết, phát lồ phải biết, không phát lồ phải biết, nên cho Biệt trụ phải biết, không nên cho Biệt trụ phải biết.

Thế nào là không nên cho Biệt trụ?

Không có tội thì không nên cho; không che giấu, không nên cho; tội không quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho Biệt trụ.

Thế nào là nên cho Biệt trụ?

Có tội thì nên cho; che giấu thì nên cho; chắc chắn có tội, chắc chắn che giấu, chắc chắn qua đêm, đương sự có yêu cầu thì nên cho.

Cho Biệt trụ không đúng pháp, cho Biệt trụ đúng pháp.

Thế nào là cho Biệt trụ không đúng pháp?

Tội không chắc chắn, che giấu không chắc chắn, đêm không chắc chắn, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, chúng Tăng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Đó gọi là cho Biệt trụ không đúng pháp.

Thế nào là cho biệt trụ đúng pháp?

Có tội, tội chắc chắn, chắc chắn che giấu, chắc chắn trải qua đêm, đương sự có yêu cầu, chúng Tăng thành tựu, tác bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi thứ đều thành tựu, đó gọi là cho Biệt trụ đúng pháp.

Hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp, hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp?

Tại chùa không có Tỳ-kheo, nửa chừng phạm tội bị phát giác, cùng ở chung với Tỳ-kheo khác đồng phòng, đồng có ngăn cách, Tỳ-kheo khách đến không bạch, Tăng tập hợp đúng thời, phi thời không bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp?

Tại chùa có Tỳ-kheo đang sống, trong thời gian hành Ba-lợi-bà-sa không tái phạm, không bị cử tội, ở phòng riêng, ngăn cách riêng với Tỳ-kheo khác, khi Tỳ-kheo khách đến có bạch, khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời đều bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp. Đêm không gián đoạn, đêm có gián đoạn.

Thế nào là đêm không gián đoạn?

Trong chùa có Tỳ-kheo đang ở, cho đến khi Tăng tập hợp đúng thời, phi thời đều có bạch. Đó gọi là đêm không gián đoạn.

Thế nào là đêm có gián đoạn?

Trong chùa không có Tỳ-kheo ở, cho đến khi Tăng tập hợp đúng thời, phi thời đều không bạch. Đó gọi là (**433a**) đêm có gián đoạn.

Ngoài ra còn có nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội.

Thế nào gọi là nửa chừng phạm tội?

Sau khi phát lồ, Tăng chưa cho hành Ba-lợi-bà-sa, bèn phạm lại, hành Ba-lợi-bà-sa nửa chừng rồi tái phạm. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào gọi là nửa chừng không phạm tội?

Trong khoảng thời gian ấy không tái phạm. Đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa nên tùy thuận hành bảy việc sau đây: (1) Việc thuộc Tỳ-kheo; (2) Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; (3) Việc thuộc quyến thuộc; (4) Việc vào làng xóm; (5) Làm việc nhọc trong chúng; (6) Việc nhận người khác lễ bái; (7) Việc vương gia.

1/ Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo?

Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo; không được nói tội của Tỳ-kheo; không được bàn luận với Tỳ-kheo; không được nói tội của sa-di; không được thưởng phạt sa-di; không được bàn luận với sa-di; không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo; không được đi trước sau cùng hàng với Tỳ-kheo vào thôn xóm; khi Tăng chúng tập hợp không được thay mặt cho chúng thuyết pháp, trừ khi sống một mình. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo.

2/ Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo-ni?

Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Tỳ-kheo-ni; không được bàn luận với Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được Thưởng phạt Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được luận bàn với Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được ngăn Tỳ-kheo-ni bố-tát tự tứ; không được chận Tỳ-kheo-ni đứng ngoài cổng; không được đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni, dù trước đó Tăng đã sai cũng không được đến. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo-ni.

3/ Thế nào là việc thuộc về quyến thuộc?

Không được độ người, không được cho người thọ Cụ túc, không được nhận sự nương tựa của người khác và nuôi sa-di, không được nhận sự cung cấp của Tỳ-kheo, không được đưa kinh cho người khác, không được theo người khác nhận những bản kinh, khi tụng kinh phải tụng nhỏ tiếng. Nếu trước đó đã có đệ tử nên

bảo họ nương tựa người khác, phải cắt đứt sự thân thiết. Đó gọi là việc thuộc về quyến thuộc.

4/ Thế nào là việc đi vào xóm làng?

Không được đi vào xóm làng quá sớm, trở về quá trễ, không được đi trước hay sau trong hàng ngũ của sa-môn vào xóm làng, không được đến nhà đàn việt quen biết, không được ở những ngôi già-lam không có Tăng, khi ngồi, khi ăn đều ở dưới Tỳ-kheo, không được sai người đi đón thức ăn, không được cùng người đi đón thức ăn, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là việc vào xóm làng.

5/ Thế nào là làm những việc nhọc trong chúng?

Sáng sớm thức dậy quét Tháp, viện, phòng Tăng, đem nước đến cho Tăng, rửa ráy chỗ đại tiểu tiện của Tăng. Tất cả những việc có thể làm được như thế phải tùy sức mà làm. Không được gởi dục, không được nhận sự gởi dục của người khác, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là làm những việc nhọc trong chúng.

6/ Thế nào là nhận sự lễ bái?

(**433b**) Không được nhận tất cả sự lễ bái; bạch nhất yết-ma, bạch tam yết-ma đều không được nhận. Đó gọi là nhận sự lễ bái.

7/ Thế nào là việc thuộc nhà vua?

Không được ỷ thế lực của vua, đại thần, cư sĩ, kẻ hung ác; không được chê Phật, chê pháp, chê Tăng, chê người làm yết-ma; chỉ tự trách mình, không được chê người khác. Đó gọi là việc thuộc nhà vua.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa phải chấp hành bảy việc này. Đó gọi là tùy thuận hành. Nếu không làm thì gọi là không tùy thuận chấp hành.

*

PHÁP MA-NA-ĐỎA

Ngoài ra, có các việc: không nên cho Ma-na-đỏa, nên cho Ma-na đỏa.

Thế nào là không nên cho Ma-na-đỏa?

Không có tội thì không nên cho; che giấu mà chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; một nửa che giấu, một nửa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu chưa quyết định, đêm chưa quyết định, thì không nên cho; Ba-lợi-bà-sa chưa quyết định thì không nên cho. Đương sự không đòi hỏi, không yêu cầu thì không nên cho Ma-na-đỏa.

Thế nào là nên cho Ma-na-đỏa?

Có tội, che giấu, hành Ba-lợi-bà-sa xong; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, Ba-lợi-bà-sa quyết định, đương sự có yêu cầu thì nên cho Ma-na-đỏa. Nhưng cho có hai trường hợp cho không đúng pháp và cho đúng pháp.

Thế nào là cho không đúng pháp?

Không có tội, cho đến đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi; chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là cho không đúng pháp.

Thế nào là cho đúng pháp?

Có tội, cho đến đương sự có yêu cầu đòi hỏi, chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu, mỗi thứ đều thành tựu. Đó gọi là cho đúng pháp.

Hành Ma-na-đỏa không rốt ráo và hành Ma-na-đỏa rốt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa không rốt ráo?

Tăng chúng không đủ số thì không gọi là hành Ma-na-đỏa; nửa chừng tái phạm bị phát hiện; cùng ở với Tỳ-kheo trong một phòng,

một chỗ có che chắn; không bạch với Tỳ-kheo khách; khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời không bạch; hằng ngày không bạch với chúng tăng trong cương giới. Đó gọi là thi hành Ma-na-đỏa không rốt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa rốt ráo?

Chúng Tăng đủ số; nửa chừng không tái phạm, không bị cử tội; không ở với Tỳ-kheo khác cùng một phòng, một chỗ có che chắn; Tỳ-kheo khách đến có bạch; khi Tăng tập hợp đúng thời hay phi thời có bạch; hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là hành Ma-na-đỏa rốt ráo.

Đêm (sáu đêm Ma-na-đỏa) bị dở dang, đêm không bị dở dang.

Thế nào là đêm bị dở dang?

Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng không đủ số, cho đến hằng ngày không bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là sáu đêm Ma-na-đỏa bị dở dang.

Thế nào là sáu đêm Ma-na-đỏa không dở dang?

Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng đủ số, cho đến hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là đêm Ma-na-đỏa không dở dang.

Nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội.

Thế nào là nửa chừng phạm tội?

Trong khoảng thời gian chưa cho pháp Ma-na-đỏa mà phạm tội; trong lúc cho Ma-na-đỏa rồi, phạm tội; trong khoảng thời gian gần xong, phạm tội. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào là nửa chừng không phạm tội?

Không có các việc kể trên, đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa (**433c**) phải tùy thuận chấp hành bảy việc như trên đã nói. Đó gọi là Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo phải tùy thuận chấp hành, nếu không chấp hành thì gọi là không tùy thuận hành.

*

PHÁP XUẤT TỘI

Có trường hợp không nên cho xuất tội, có trường hợp nên cho xuất tội.

Trường hợp không nên cho:

Không có tội thì không nên cho; che giấu, chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; hành Ma-na-đỏa chưa xong thì không nên cho; chưa hành Ma-na-đỏa thì không nên cho; vừa che giấu, vừa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, biệt trụ không quyết định, Ma-na-đỏa không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho xuất tội.

Trường hợp nên cho:

Có tội thì nên cho; che giấu tội thì nên cho hành biệt trú, và khi hành Ma-na-đỏa xong thì nên cho; không che giấu, hành Ma-na-đỏa xong, thì nên cho; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, biệt trú quyết định, Ma-na-đỏa quyết định và đương sự có yêu cầu, thì nên cho xuất tội. Cho xuất tội đúng pháp, cho xuất tội không đúng pháp.

Cho xuất tội không đúng pháp:

Không có tội, không nên cho, cho đến chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một thứ không thành tựu thì đó gọi là cho xuất tội không đúng pháp.

Cho xuất tội đúng pháp:

Có tội, trường hợp nên cho, cho đến chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi mỗi việc đều thành tựu thì đó gọi là cho xuất tội đúng pháp.

Trường hợp cùng che giấu:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, đến ngày mồng hai, mồng ba cho đến mồng mười, tất cả đều biết là có tội, rồi cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội. Tất cả các tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo, ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, ngày mồng hai phạm hai tội, ngày mồng ba phạm ba tội, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều biết là phạm tội và đều cố tâm che giấu tất cả cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là 55 tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều có một đêm che giấu, nên làm 55 lần yết-ma biệt trụ, 55 lần Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết (**434a**) là phạm tội, cũng thế, ngày mồng hai, ngày mồng ba cho đến ngày mồng mười, tất cả đều biết là phạm tội, và cố tâm che giấu tất cả đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội cùng chung một đêm che giấu, cho đến... cũng được làm yết-

ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, không có tâm che giấu, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều biết là phạm tội, cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Trong 55 tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, cho đến... cũng có thể làm yết-ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Trường hợp che giấu sai khác:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, tới ngày thứ hai đến nói với người khác, rồi lại phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến ngày thứ mười tới nói với người khác rồi lại phạm tội và biết là phạm tội, nhưng cố tâm che giấu cho đến ngày mười một mới nói với người khác. Như vậy, trong mười tội Tăng-già-bà-thi-sa ấy tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu sai khác.

Lại có trường hợp che giấu sai khác:

Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày mồng hai nói với người khác, rồi lại phạm tội như vậy, cho đến ngày mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày 11 tới nói với người khác. Trong 55 tội Tăng-già-bà-thi-sa này tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm 55 lần yết-ma Biệt trụ, 55 lần Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là trường hợp che giấu sai khác.

Trường hợp che giấu vô lượng:

Hoặc nhớ tội, không nhớ số đêm; hoặc nhớ số đêm, không nhớ tội; hoặc vừa nhớ tội, vừa nhớ số đêm; hoặc không nhớ tội cũng không nhớ số đêm.

1. Nhớ tội, không nhớ số đêm: Nhớ biết có phạm tội nhiều hay ít, nhưng không nhớ là mấy đêm.
2. Nhớ số đêm, không nhớ tội: Nhớ biết bao nhiêu đêm, nhưng không nhớ tội nhiều hay ít.
3. Vừa nhớ tội, vừa nhớ số đêm: Nhớ biết số tội nhiều hay ít, đồng thời cũng nhớ bao nhiêu đêm.
4. Không nhớ tội, cũng không nhớ số đêm: Không nhớ phạm tội nhiều hay ít, cũng không nhớ là bao nhiêu đêm.

Trong trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm này, nên hỏi:

Ông phạm tội khi nào, (**434b**) từ lúc chưa có tuổi (hạ) phải không?

Nếu đương sự im lặng, thì tùy theo năm (thọ giới) mà cho pháp Biệt trụ.

Nếu đáp: "Không phải vậy", thì hỏi tiếp: "Một tuổi chăng? Hai tuổi chăng? Năm tuổi chăng?" Nên tùy theo họ im lặng ở khoảng nào mà cho pháp Biệt trụ ở khoảng đó. Đó là trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm.

Trong trường hợp nhớ số đêm mà không nhớ tội thì tùy theo đêm nhiều ít mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội. Đó gọi là nhớ đêm mà không nhớ tội.

Trong trường hợp vừa nhớ tội vừa nhớ đêm thì khi đã nhớ tội nhiều hay ít, tùy theo nhớ đêm bao nhiêu mà cho pháp Biệt trụ. Đó gọi là vừa nhớ tội, vừa nhớ đêm.

Trong trường hợp không nhớ tội cũng không nhớ đêm, thì nên hỏi: "Ông phạm tội khi chưa có tuổi (hạ) phải không?."

Nếu im lặng, thì tùy theo số năm mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội.

Nếu đáp: "Không phải vậy", thì hỏi tiếp: "Từ lúc chưa có tuổi hạ phải không? hay một tuổi, hai, ba, bốn, năm tuổi?."

Tùy theo họ im lặng ở chỗ nào thì cho pháp Biệt trụ vô lượng tội ở chỗ đó. Đó gọi là che giấu vô lượng.

Cùng chung che giấu, che giấu sai khác, che giấu vô lượng, ba loại này đều gọi là che giấu.

Che giấu riêng:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, ngày thứ hai lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Mười tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ có một đêm che giấu, như vậy hai đêm, ba đêm tính ngược lên đến tội đầu tiên thành mười đêm che giấu, do vậy nên làm mười pháp yết-ma Biệt trụ, mười Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội.

Lại có trường hợp che giấu riêng: Tỳ-kheo ngày Mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Trong 55 tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ che giấu có một đêm, như vậy hai đêm, ba đêm, tính ngược lên đến tội đầu tiên thành ra 55 đêm che giấu, do đó, nên cho pháp yết-ma Biệt trụ 55 đêm, 55 Ma-na-đỏa, 55 lần xuất tội; nhưng cũng có thể cho một pháp Biệt trụ, một Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu riêng.

Hai loại cùng che giấu, che giấu riêng này đều gọi là che giấu.

Tỳ-xá-già-cước

Hoặc là tội dài không phải đêm dài; hoặc đêm dài không phải tội dài; hoặc tội dài, đêm cũng dài; hoặc không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

Có trường hợp tội dài, không phải đêm dài: Tỳ-kheo suốt ngày phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, đến nói với người khác. Đó gọi là tội dài, không phải đêm dài.

Có trường hợp đêm dài, (**434c**) không phải tội dài: Tỳ-kheo phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không đến nói với người khác. Đó gọi là đêm dài, không phải tội dài.

Có trường hợp tội dài, đêm cũng dài: Tỳ-kheo hằng ngày đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, nhưng che giấu một nửa, phát lồ một nửa. Đó gọi là tội dài, đêm cũng dài.

Có trường hợp không phải tội dài cũng không phải đêm dài: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, đến nói với người khác, rồi không phạm nữa. Đó gọi là không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

Ở đây hai trường hợp tội dài đêm không dài và tội dài đêm cũng dài thì khi hành Ba-lợi-bà-sa nên cho ăn ít mà bắt làm việc nhiều, nếu cố tình không chấm dứt, thì nên bảo tịnh nhân cột tay chân, đặt trên giường, rồi nói: "Nếu còn tái phạm thì Tăng sẽ trị tội ông nặng hơn nữa." Đó gọi là Tỳ-xá-già-cước.

Hoặc có trường hợp tội hợp, không phải đêm hợp; hoặc có trường hợp đêm hợp, không phải tội hợp; hoặc có trường hợp tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc có trường hợp không phải tội hợp cũng không phải đêm hợp:

Tội hợp, không phải đêm hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại làm yết-ma cho một trăm đêm Biệt trụ.

Tỳ-kheo liền thưa: "Thưa trưởng lão, tôi bị bệnh hoạn ốm yếu không thể kham nổi, có thể cho hành tóm lược pháp Ba-lợi-bà-sa được không?" Tăng nên nói: "Được", rồi làm yết-ma gom một trăm đêm Biệt trụ thành mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, không phải đêm hợp.

Đêm hợp, không phải tội hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo bèn thưa: "Thưa trưởng lão, tôi thấy xấu hổ, muốn hành Ba-lợi bà-sa đầy đủ." Tăng nên nói: "Được." Đó gọi là đêm hợp, không phải tội hợp.

Tội hợp, đêm cũng hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, đêm cũng hợp.

Không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp: (Như trường hợp trên) nhưng tất cả đều làm yết-ma cho pháp ba-lợi-bà-sa riêng. Đó gọi là không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp.

*

Hết quyển thứ hai mươi lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 26

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

TỘI CŨ

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin biệt trụ, đoạn, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.

Tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không che giấu?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ trước Thầy đã hành đúng pháp, còn tội mà hôm nay nói có che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp lại hai tội cùng hành Ba-lợi-bà-sa, cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, xin pháp Biệt trụ, làm được một nửa, bèn nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Biệt trụ của thầy đã làm đúng pháp còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp hai tội lại hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin Biệt trụ, khi làm xong lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tôi cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp biệt trụ trước thầy đã làm đúng pháp, tội che giấu hôm nay phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, gộp hai tội lại cùng xin Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa xong, đồng thời xin Ma-na-đỏa xong, lại nói:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội cũ hay tội trung gian?

Tội cũ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, (**435b**) còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong, lại xin Ma-na-đỏa, hai tội này gộp lại làm chung, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành Ba-lợi-bà-sa, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm xong Ba-lợi-bà-sa, xin Ma-na-đỏa, làm được nửa chừng, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Pháp Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong lại xin Ma-na-đỏa. Hai tội này hợp lại làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Ba-lợi-bà-sa, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi làm Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, khi làm xong sẽ xin xuất tội một lần.

Đó gọi là xin riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (cho đến nên nói):

Các pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, xuất tội trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tọi trung gian?

Đó là tội cũ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không che giấu.

Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, còn nay tội không che giấu thì để yên, tội có che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, hợp lại làm xong, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Như vậy, pháp Biệt trụ đoạn giữa và đoạn cuối, pháp Ma-na-đỏa đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, pháp xuất tội đoạn cuối, cũng nói như trên.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Đó là tội cũ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không che giấu (**435c**) và một tội còn nghi ngờ.

Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, giờ đây tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ thì hãy quyết định, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội. Như vậy, đoạn giữa Biệt trụ, đoạn cuối biệt trụ, đoạn đầu, giữa và cuối Ma-na-đỏa, đoạn cuối xuất tội cũng nói như trên. Đó gọi là tội cũ.

*

TỘI TRUNG GIAN

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Đó là tội trung gian.

Phạm vào khi nào?

Phạm trong lúc hành Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ trước đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, nay tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, và cùng làm Ma-na-đỏa, cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Biệt trụ, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm Biệt trụ xong, khi hành Ma-na-đỏa lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc hành Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão, pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Giờ đây tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi khi làm xong lại xin pháp Ma-na-đỏa, họp lại mà làm, rồi cùng xuất tội. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, xin riêng Ma-na-đỏa, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Này trưởng lão! Pháp Biệt trụ đầu tiên hành đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu; giờ đây tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, làm xong lại hợp xin pháp Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Biệt trụ, xin chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

(**436a**) Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Có che giấu.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ. Khi làm xong, xin lại Ma-na-đỏa rồi hợp lại mà làm, làm xong cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, và hành chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hợp hành Biệt trụ, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, đến lúc hành Ma-na-đỏa thì nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ. Khi hành xong lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin chung, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ đầu làm như pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Biệt trụ rồi hợp lại mà làm. Khi làm xong, lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội (**436b**) trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm vào lúc Ma-na-đỏa.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không.

Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa đầu đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm, do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, tội có che giấu phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, hợp xin Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Lại có Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão! Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không và một tội còn ngờ.

Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, rồi cùng làm Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đến phần Ma-na-đỏa cũng nói như thế.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

Thưa trưởng lão, tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đó là tội cũ hay tội trung gian?

Tội trung gian.

Phạm vào lúc nào?

Phạm trong lúc Biệt trụ.

Có che giấu hay không?

Một tội che giấu, một tội không và một còn ngờ.

Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu. Tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, gộp lại mà làm, đồng thời làm chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Nếu trong phần Ma-na-đỏa mà phạm lại ba tội thì cũng như trên. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, hành Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Trên đây gọi là tội Trung gian.

Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa rồi che giấu, nhưng sau đó muốn hành Biệt trụ, thì nên xin với một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma như sau: "Thưa trưởng lão! Xin trưởng lão cho tôi pháp yết-ma Ba-lợi-bà-sa." Đoạn, đưa vị Tỳ-kheo mà mình tâm đắc đến giới trường để làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ.

Các đại đức đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, (***436c***) che giấu mười đêm – vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Người này phải trịch vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Kính mong Tăng xót thương cho tôi mười đêm Biệt trụ (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm

một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ. Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm– mười đêm Biệt trụ đã xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Khi yết-ma xong, người này liền vào trong giới trường, trật vai áo phải, quỳ gối chắp tay, bạch Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi mười đêm Biệt trụ.

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay tôi thi hành pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho. (nói như vậy ba lần rồi bạch): Tôi xin tùy thuận chấp hành bảy việc.

Nếu phạm hai, ba cho đến mười tội thì đều hợp xin một lần yết-ma Biệt trụ như vậy. Rồi người làm yết-ma nên nói như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh (**437a**) cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm – theo Tăng xin Tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.*

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, muốn theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Kính xin Tăng xót thương cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm – tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Nếu muốn làm liền thì ngay trong ngày ấy trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, bạch Tăng như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều

che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

*Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm – nay tôi làm (**437b**) chung pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như vậy ba lần, rồi tiếp), tôi xin tùy thuận làm bảy việc.*

Thế rồi, người này nên nhớ đếm từng ngày, khi làm đủ, nên bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm mười đêm Biệt trụ xong, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như vậy ba lần).

Nếu nơi đây Tăng chúng đủ số thì nên hành Ma-na-đỏa. Nếu không đủ thì nên xin nơi nào Tăng đủ số, rồi mời một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma mà mình tâm đắc, đưa đến giới trường. Nếu không có giới trường, không có đất làm yết-ma thì việc của Tăng không làm được. Đất làm yết-ma như trên đã nói.

Rồi người làm yết-ma nên hỏi: "Hành Biệt trụ đủ chưa? Không làm Biệt trụ tại già-lam không có Tăng đấy chứ? Không phạm tội cũ và tội trung gian đấy chứ? Không ở cùng một phòng, một nơi được che kín với Tỳ-kheo đấy chứ? Khách Tỳ-kheo đến có bạch không? Khi Tăng tập hợp đúng thời và phi thời có bạch không?." Khi kiểm tra như vậy mà thấy đúng pháp, thì nếu phạm một tội, hai tội, ba tội cho đến mười tội, nên hợp lại xin (một lần) Ma-na-đỏa. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã

đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong – theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã hành xong Biệt trụ, muốn theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như thế.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin Tăng như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ, và tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, nay theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Kính mong Tăng xót thương cho tôi tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, (**437c**) đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong – tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa.* Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp

phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ – tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi yết-ma xong, ngay trong ngày ấy nên vào trong Tăng, bạch như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa.

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong Biệt trụ, tổng hợp làm sáu đêm Ma-na-đỏa, xin Tăng ghi nhớ cho (nói như thế ba lần rồi tiếp). Tôi xin tùy thuận làm bảy việc (nói như thế ba lần).

Đến ngày thứ hai, nên bạch như sau:

*Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong một đêm Ma-na-đỏa, (**438a**) còn lại năm đêm, xin Tăng ghi nhớ cho* (nói như vậy ba lần).

Thế rồi hằng ngày nên bạch như thế, cho đến đêm thứ sáu nên bạch như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, giờ đến lúc xuất tội, xin Tăng ghi nhớ cho.

Nếu nơi đây Tăng đủ số thì nên mời một vị thông thạo yết-ma rồi bạch như sau: "Thưa trưởng lão, xin trưởng lão làm yết-ma cho tôi."

Người làm yết-ma nên hỏi: "Khi hành Ma-na-đỏa Tăng không thiếu túc số đấy chứ? Ma-na-đỏa đã rốt ráo chưa? Có phạm lại tội cũ và tội trung gian không? Không ở với Tỳ-kheo cùng một phòng, một nơi có ngăn che đấy chứ? Khi Tỳ-kheo khách đến có bạch không? Khi Tăng tập hợp đúng thời và phi thời có bạch không? Hằng ngày có bạch với Tăng trong trú xứ không?." Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp thì người làm yết-ma nên bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, tổng hợp làm Biệt trụ và Ma-na-đỏa xong – theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, đến trước Tăng xin như sau:

*Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay theo Tăng xin (**438b**) tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Kính mong Tăng xót thương cho tôi xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm* (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, đã tổng hợp làm xong Biệt trụ và Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa và đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều

che giấu mười đêm, đã tổng hợp làm xong mười đêm Biệt trụ và sáu đêm Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – tổng hợp xuất tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp – mười đêm che giấu, tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa – xuất tội xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận viêc này như vậy.

Bấy giờ người làm yết-ma xoay qua nói với người phạm tội: "Thiện nam tử hãy lắng nghe. Thầy đã được xuất tội đúng pháp, một lần bạch, ba lần yết-ma, chúng Tăng đủ hai mươi người hòa hợp. Việc tập hợp Tăng làm yết-ma rất khó khăn. Thầy phải cẩn thận, chớ có tái phạm."

Đó gọi là Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội thuộc về Tỳ-kheo, đã xong.

*

VIỆC NÊN LÀM YẾT-MA (438C) VÀ KHÔNG NÊN LÀM YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba tranh chấp cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Một người cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba sống phi pháp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo." Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn pháp yết-ma. Thế nào là bốn? Đó là: (1) Yết-ma phi pháp, không hòa hợp; (2) Yết-ma phi pháp hòa hợp; (3) Yết-ma như pháp không hòa hợp; (4) Yết-ma như pháp hòa hợp."

Yết-ma phi pháp không hòa hợp: Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục, rồi không tùy thuận làm mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Hai trường hợp trên được gọi là yết-ma phi pháp không hòa hợp.

Yết-ma phi pháp hòa hợp: Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma chiết phục, rồi không tuân hành mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma phi pháp hòa hợp.

Yết-ma như pháp không hòa hợp: Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến mà không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma chiết phục, tùy thuận chấp hành và được xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến mà không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma như pháp không hòa hợp.

Yết-ma như pháp hòa hợp: Tỳ-kheo có tội, Tăng làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo có việc, Tăng làm yết-ma chiết phục, tùy thuận chấp hành rồi được xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là Yết-ma như pháp hòa hợp.

(**439a**) Ở đây, yết-ma như pháp hòa hợp thì gọi là yết-ma thích hợp. Ngoài ra, các yết-ma khác thì không thích hợp.

Lại có yết-ma không thích hợp:

Tỳ-kheo không có việc đáng chiết phục mà làm yết-ma chiết phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Đương sự không hiện diện, không hỏi, không dẫn chứng lỗi lầm, làm phi pháp không hòa hợp, chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là Yết-ma không thích hợp.

Nếu tùy thuận làm xong thì nên xả. Xả có sáu việc: (1) Làm yết-ma chiết phục; (2) Làm yết-ma không nói chuyện; (3) Làm yết-ma tẫn xuất; (4) Làm yết-ma phát hỉ; (5) Làm yết-ma cử tội; (6) Làm yết-ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa.

Làm yết-ma chiết phục: Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo; Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; Việc thuộc quyến thuộc; Việc thuộc yết-ma; Việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên nói: "Này trưởng lão, Thầy chớ có tái phạm. Nếu tái phạm thì Tăng sẽ trị phạt nặng hơn. Năm việc này nên tùy thuận làm tất cả." Khi làm xong, tâm ý đã được chiết phục nhũn nhặn thì Tăng nên cho yết-ma xả (tội). Đó gọi là xả tác (không làm nữa).

Làm yết-ma không nói chuyện: Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo; Việc thuộc Tỳ-kheo-ni; Việc thuộc quyến thuộc; Việc thuộc yết-ma; Việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên tùy thuận làm năm việc trên. Tuy người một trăm tuổi cũng phải theo y chỉ với vị Tỳ-kheo trì giới, biết hai bộ luật, ít nhất mười tuổi (hạ). Sáng sớm thức dậy phải vấn an, đem đổ bô đại tiểu tiện, ống nhổ, rồi cất lại chỗ cũ, đưa đồ chà răng, quét phòng, đưa thức ăn, giặt y, hong bát; cung cấp tất cả mọi thứ, chỉ trừ việc lễ bái, xoa bóp. Nhưng nếu Thầy y chỉ bệnh thì được sai xoa bóp. Thầy y chỉ nên dạy hai bộ luật. Nếu không có khả năng thì dạy một bộ. Nếu không có khả năng nữa, thì nên dạy rõ về năm thiên tội, nên dạy cho biết rõ về ấm, giới, nhập, mười hai nhân duyên, nên dạy cho biết thế nào là tội, thế nào là không phải tội, khi thấy có oai nghi

nên khích lệ, trái oai nghi nên ngăn cản. Nếu học xong thì được gọi là xả.

Làm yết-ma tẫn xuất: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo, cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên cho ở bên cạnh Tăng già-lam, để tùy thuận làm năm việc. Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp xong thì nên cho xả tội. Đó gọi là xả tẫn xuất.

Làm yết-ma phát hỉ: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm Yết-ma xong, nên sai đến nhà thế tục mà đương sự đã sai phạm xin lỗi. Nếu người thế tục hỏi: "Tôn giả vẫn còn ở Tinh xá cũ sao? Tôi sẽ cắt đứt thực phẩm, y phục, tiền bạc và các phẩm vật khác tại nơi đó", thì Tăng nên nói (với người phạm lỗi): "Đây không phải là lỗi của Tăng, thầy nên trở lại chỗ người ấy làm cho họ nguôi giận, khiến họ vui vẻ." (**439b**) Nếu người ấy hoan hỉ thì gọi là xả.

Làm yết-ma cử tội: Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo đến việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên an trí tội nhân ở ngoài cửa Tăng già-lam, hướng về nơi hoang vắng. Nếu người ấy vào quét tước nơi Tháp, Viện, tăng phòng, thì Tỳ-kheo nên quét dấu chân của họ. Nếu người ấy đến múc nước đổ vào thùng nước dùng rửa chân, thùng nước dùng đi đại tiểu tiện thì nên múc đổ ra. Nếu là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì không được gọi là đệ tử của Hòa thượng, A-xà-lê. Không ai nên nói chuyện với người bị cử tội, chỉ nên nói với những người khác: "Hãy tùy thuận làm, hãy bỏ ác tà" nhưng không nên nói chuyện với Tỳ-kheo ác tà, không nên sống chung, không nên cùng ăn chung, không nên cùng sinh hoạt chung trong Phật, pháp, Tăng, không bố-tát chung, không Tự tứ chung, không yết-ma chung; có thể nói với ngoại đạo: "Ông muốn ngồi cứ ngồi", mà không được bảo người bị cử tội ngồi. Nếu người ấy bị bệnh thì không nên chăm sóc, nhưng được bảo đàn việt hay thân quyến của người ấy: "Người bị cử tội đang lâm bệnh, ông hãy đến chăm sóc." Nếu

vô thường (sự chết) xảy đến thì không nên dùng hương hoa cúng dường tử thi, không nên sắm các thứ ẩm thực, nước uống phi thời để cúng dường. Tăng không nên chia y bát, không nên cho thiêu thân, lấy y bát buộc vào cổ tử thi, đặt tử thi trên giường mà ông ta ngủ rồi khiêng ra ngoài, nói: "Việc của chúng Tăng đã thanh tịnh, việc của chúng Tăng đã thanh tịnh." Đối với Tỳ-kheo ác tà này không nên khởi ác tâm. Vì sao vậy? Vì dù bị thiêu đốt (?) cũng không nên khởi ác tâm. Nên suy nghĩ thế này: "Đừng để cho người đời sau bắt chước theo tà kiến này." Nếu những kẻ chăn bò, những người đi lấy củi đem y bát (của người ấy) đến cúng dường thì được lấy, vì xem họ là thí chủ.

Nếu người bị cử tội tùy thuận làm năm việc, được chánh kiến, tâm ý nhu nhuyến thì nên cho họ xả tội. Làm yết-ma Biệt trú, Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa nên tùy thuận làm bảy việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua, đã được giải thích rõ ở trên. Đó gọi là xả (tội).

*

GIẢI QUYẾT VIỆC BẤT HOÀN (LÀM THA-LA-THA)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

Chị ở trong thôn này hãy chăm sóc khách Tăng giúp tôi.

Khi thấy các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đến, bà rất hoan hỉ, niềm nở chào hỏi:

Lành thay các đại đức đã đến đây.

Thế rồi, bà trải giường nệm, mời chư Tăng đến ngồi. Khi Tăng ngồi xong, bà đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, ban đêm bà đốt đèn, đoạn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối

chắp tay, nói như sau: "Xin đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến thọ trai."

Chư Tăng liền nhận lời mời. Bỗng chốc, chúng thứ hai lại đến, bà lại trải giường nệm, mời họ vào ngồi, rồi đưa nước rửa chân, dầu thoa chân và nước giải khát, đoạn, cúi đầu (**439c**) đảnh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay, nói như sau: "Xin đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến nhà con thọ trai." Chúng này nói:

Chúng tôi không ăn chung với những người ấy.

Vì sao vậy?

Vì họ là những người bị cử tội.

Các Tỳ-kheo ấy nói:

Chúng tôi không phải là những người bị cử tội.

Chúng Tăng kia lại nói:

Các ông là những người bị cử tội, tại sao bảo là không?

Cứ như vậy cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử, khiến cho những người thế tục ở gần đó sinh tâm không vui. Bà chị ông cư sĩ nghe thế, liền trách cứ:

Vì sao sa-môn lại cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử.

Rồi bà thấy lòng không vui. Do thế, buổi sáng, bà không cho bữa ăn trước, bữa ăn sau, rồi lên xe ngựa đi về thành xá-vệ, đến chỗ cư sĩ Tu Đạt, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến việc bà không thếch đãi. Cư sĩ nghe rồi, lòng bồi hồi không vui, nói với chị:

Đấy là việc ác, cứ cho (họ ăn), vì sao lại không cho? Việc đúng pháp hay phi pháp là chuyện của sa-môn (chứ can hệ gì!).

Thế rồi, Tu Đạt bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi sang một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến bị cử, không bị cử cho Thế Tôn nghe, rồi bạch:

Bạch Thế Tôn! Chúng con phải cung kính cúng dường như thế nào đối với những người vị cử, kính xin Thế Tôn phân biệt dạy rõ?

Phật nói với cư sĩ:

Đúng nghĩa nên biết, không đúng nghĩa cũng nên biết, đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật đều nên biết. Trong đây những ai làm đúng nghĩa, như pháp, như luật nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp bằng sức lực. Này cư sĩ, chỉ nên bố thí làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì để các sa-môn tự biết lấy.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con phải làm sao...?

Cuối cùng Phật dạy: "Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng sức lực."

Bấy giờ, tôn giờ A-nan, Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cũng hỏi như thế.

Khi ấy, tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo bị cử tội chúng con làm sao biết được?

Cho đến (Phật dạy:) "Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng công việc."

Thế rồi, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Tha-la-tha? Phật nói với Xá-lợi-phất:

Có bảy việc, bao gồm chẳng phải Tha-la-tha mà tợ hồ Tha-la-tha và nhị Tha-la-tha. Bảy việc đó là: Hoặc do điên cuồng nên không bênh vực chúng này cũng không bênh vực chúng kia. Đó là Tha-la-tha sớm nhất, thuộc loại không phải Tha-la-tha mà tợ hồ Tha-

la-tha. Cũng thế, hoặc do tâm loạn, đần độn, ngu si, bị bệnh nên không bênh vực chúng này hay chúng kia.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có người vì muốn lợi ích, nên suy nghĩ:

Nếu ta bênh vực (**440a**) chúng này thì chúng kia mất lợi ích. Nếu ta bênh vực cho chúng kia thì chúng này mất lợi ích.

Do đó, cả hai đều không bênh vực.

Lại nữa, có người vì được lợi ích cả hai bên nên suy nghĩ: "Vì ta được lợi cả hai bên nên không bênh vực chúng này, cũng không bênh vực chúng kia."

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là bảy việc, không phải Tha-la-tha mà tợ Tha-la-tha.

Nhị tha-la-tha: Gồm có: Tự giữ lòng mình, đợi thời gian.

Tự giữ lòng mình: Khi thấy người ta thị phi, liền suy nghĩ: "Do nghiệp vận hành, ai làm nấy biết. Ví như khi bị lửa cháy, ta chỉ lo tự cứu mình, hơi đâu lo việc người khác." Đó gọi là tự giữ lòng mình.

Đợi thời gian: Có người khi thấy kẻ khác tranh chấp cãi nhau, liền suy nghĩ: "Việc tranh chấp cãi vã này khi nào đến lúc, nó sẽ tự kết thúc." Đó gọi là Nhị tha-la-tha.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Trung tha-la-tha?

Phật nói với Xá-lợi-phất: Có một người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng kia, rồi được mời đứng ra giải quyết việc (tranh chấp).

Lại nữa này Xá-lợi-phất, có người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và

thức ăn với chúng kia, người ta không mời mà đứng ra giải quyết việc tranh chấp. Đó gọi là Trung Tha-la-tha.

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tha-la-tha muốn xử lý Tỳ-kheo bị cử thì phải làm sao?

Phật nói với Xá-lợi-phất:

Nếu người bị cử tỏ ra tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến mà mình muốn xử lý họ thì không nên xử lý vào lúc Tăng tập hợp đúng thời và phi thời mà trước hết nên vào nơi phòng riêng hay tại phòng sưởi, trên giảng đường, hay tại chỗ đông người tụ tập, hỏi Tỳ-kheo trẻ tuổi:

Trưởng lão có nghe Hòa thượng A-xà-lê của thầy nói: "Nếu trung gian có người đứng ra giải quyết, thì người bị cử nên nghe lời", hay không?

Nếu đáp:

Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng nếu người bị cử tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến mà có người còn moi móc thì phải trừng trị người này.

Nếu nghe nói như thế thì cứ làm thinh để yên. Còn nếu đáp:

Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng người bị cử đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến đáng thương mà không có ai giúp giải quyết.

Khi nghe nói như thế thì này Xá-lợi-phất, không được cố ý tập hợp chúng, mà hãy nhân lúc chúng tập hợp đúng thời hay phi thời, hoặc vào những ngày bố-tát tự tứ, người bị cử nên đến trước Tăng xin như sau:

Tôi là Tỳ-kheo bị cử đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến, xin xả (tội) cho tôi.

Nói như thế ba lần, rồi đi ra. Nhưng lúc đi ra, không được im lặng mà nên trịch vai áo bên phải, chắp tay lại mà đi. Nếu trong chúng có người còn bới móc thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên hỏi:

Này trưởng lão, người này vốn do việc gì mà bị cử?

Nếu có người trách: "Người này bị cử (**440b**) mà vì sao không biết?", thì nên phối hợp trị tội cả hai. Còn nếu nghe mình chất vấn mà im lặng, hay nói: "Thưa trưởng lão! Người này bị cử tội, đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến mà không có người giúp giải quyết xả tội", thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên nói: "Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn dạy rằng có hai hạng người cương cường, chưa trị thì nên trị, đã trị mà nhu nhuyến thì nên xả."

Nếu trường hợp được Tăng chúng đồng tình thì nên làm yết-ma cầu thính, khi đã cho phép xin thì người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp muốn theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp có việc như thế, Tăng vì muốn được lợi ích đã làm yết-ma cử tội. Tôi đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu nhuyến, bỏ ác kiến cũ, nay theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma bỏ việc cử tội. (xin như vậy ba lần)

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp có tội như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng xin phép yết-ma bỏ việc cử tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng xin pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là tha-la-tha.

*

PHÁ YẾT-MA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

Chị ở thôn này, vậy khi có khách Tăng đến nhờ chị cung cấp giúp cho tôi.

Thế rồi, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đến. Thấy họ, bà hoan hỉ mời vào chỗ ngồi, rồi tùy nghi cung cấp. Đoạn, bà quỳ gối chắp tay thưa:

Kính xin các đại đức ngày mai đến thọ bữa cúng dường của con.

(**440c**) Trong chốc lát, chúng thứ hai lại đến, bà cũng mời vào nhà ngồi, rồi cung cấp các thứ, đồng thời mời họ ngày mai thọ trai. Chúng này nói:

Chúng tôi không ăn chung với những người ấy.

Bà hỏi:

Vì cớ sao?

Họ đáp:

Vì những người ấy phá Tăng.

Chúng này liền đáp:

Chúng tôi không phá Tăng.

Chúng kia nói lại:

Các vị phá Tăng thật, vì sao nói là không? Cứ như thế cãi nhau suốt đêm, khiến những người thế tục ở gần nghe xong phát chán. Bà chị ông cư sĩ không vui, nên không cung cấp thứ gì cả. Sáng sớm bà thức dậy, ngồi xe ngựa trở lại thành xá-vệ, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Tu Đạt. Cư sĩ nghe xong, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn; rồi bạch:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con có nên cung kính cúng dường hay không, kính xin Thế Tôn phân biệt chỉ rõ?

Phật nói với cư sĩ:

Những người hợp nghĩa nên biết, những người không hợp nghĩa cũng nên biết, như pháp, phi pháp, như luật, phi luật, tất cả đều nên biết. Trong đây, những ai hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung. Này cư sĩ, chỉ nên bố thí, làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì mặc sa-môn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con làm sao biết được?

Như ở trên đã nói rõ.

Khi ấy, tôn giả A-nan, Xá-lợi-phất và Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng chúng con làm sao biết được?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Những ai hợp nghĩa nên biết, không hợp nghĩa cũng nên biết, hoặc như pháp phi pháp, đúng luật phi luật, đều nên biết. Trong đây, những người hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phá Tăng?

Phật nói với Ưu-ba-ly: Có hai việc gọi là phá Tăng. Đó là: (1) Thêm pháp ác; (2) Thêm người ác.

Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng như pháp đông người, chúng phi pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp hoặc thiếu mười người, hoặc thiếu mười lăm người, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Chúng phi pháp đủ người, chúng như pháp cũng đủ người, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà trong số những người còn ngồi lại tất cả đều nói đúng pháp, có gọi là phá Tăng không?

Không.

Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà trong đó tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, thì có gọi là phá Tăng không?

Không

(**441a**) Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, rồi miễn cưỡng đem những người chưa thọ Cụ túc vào cho đủ số, thì có gọi là phá Tăng không?

Không!

Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem những người chưa thọ Cụ túc vào cho đủ số, nhưng tất cả đều muốn phá Tăng, thì có gọi là phá Tăng không?

Không! Này Ưu-ba-ly! Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, hoặc thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi lại, không gởi dục, không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem người chưa thọ Cụ túc vào tính cho đủ số, cũng không phải tất cả đều muốn phá Tăng; nhưng nếu một trú xứ, cùng một cương giới mà bố-tát riêng, tự tứ riêng, làm việc tăng riêng, thì gọi là phá Tăng. Nếu biết người kia muốn phá Tăng, thì các Tỳ-kheo nên khuyên: "Này trưởng lão! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là tội rất nặng, sẽ đọa

vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho Thầy y bát, trao cho kinh, dạy kinh, hỏi han công việc, chỉ bảo Thầy." Nếu đã khuyên như thế mà vẫn cố tình không bỏ thì nên nói với người Ưu-bà-tắc có thế lực: "Này lão trượng! Người này muốn phá Tăng. Ông nên đến khuyên để ông ta hiểu, bảo phải chấm dứt."

Thế rồi, Ưu-bà-tắc nên khuyên:

Này tôn giả! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là trọng tội, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho tôn giả y bát và cung cấp thuốc thang chữa bệnh. Nếu không thích tu phạm hạnh nữa thì có thể hoàn tục. Tôi sẽ cưới vợ cho thầy và cung cấp những thứ cần thiết.

Nếu vẫn cố tình không chấm dứt thì nên rút thăm rồi đuổi đi. Đuổi rồi cần phải tuyên bố như sau:

Này các đại đức! Có người phá Tăng đến đấy, các vị nên coi chừng.

Nếu đã làm đủ cách như vậy mà vẫn cố tình phá Tăng thì gọi là phá Tăng. Nhưng nếu bố thí cho họ thì gọi là việc phước điền tốt. Nếu thọ giới với họ thì gọi là khéo thọ Cụ túc. Nếu đã biết họ phá Tăng thì nên bỏ đi. Nếu không bỏ đi tức là bạn của kẻ phá Tăng, là bè đảng phá Tăng. Do thế, Tăng suốt đời không nên cùng nói chuyện với họ, không cùng ăn chung, không cùng sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát, an cư, Tự tứ chung và không làm yết-ma chung.

Có thể nói với những người xuất gia của ngoại đạo:

Có các chỗ ngồi, các vị muốn ngồi cứ ngồi.

Nhưng không được mời những người phá Tăng ngồi. Đó gọi là dị trụ.

*

CHO PHÁP HỌC HỐI BA-LA-DI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong thành xá-vệ có Nan-đề không thích sống ở nhà, bỏ nhà xuất gia, đi cũng Thiền, đứng cũng Thiền, ngồi cũng Thiền, (**441b**) nằm cũng Thiền. Lúc ấy cũng có nhiều Nan-đề khác làm như vậy, cho nên những người này được gọi là Thiền Nan-đề, như trong giới Ba-la-di đã nói rõ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đuổi đi. Sau khi bị đuổi, họ ra đứng trước cổng Tinh xá Kỳ hoàn khóc lóc, nói với Tỳ-kheo:

Thưa trưởng lão, tôi phạm giới Ba-la-di, nhưng không có một chút tâm ý che giấu. Tôi thích mặc Ca-sa, không muốn rời bỏ Phật pháp.

Thế rồi, mẹ của A-nan-đề đến, cũng khóc, nói:

Con tôi thích xuất gia nhưng đức Thế Tôn đuổi đi.

Rồi chị Nan-đề đến, cũng khóc, nói:

Em tôi thích làm sa-môn mà Thế Tôn đuổi đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Nan-đề này phạm giới Ba-la-di nhưng không hề có một chút tâm niệm che giấu, vậy, Tăng nên cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Người này nên trịch vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, theo Tăng xin như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Nan-đề, phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu. Nay theo Tăng xin pháp học hối Ba-la-di. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma học hối Ba-la-di. (xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp

yết-ma học hối Ba-la-di. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Tăng nay cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối ba-la-di thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên ngồi dưới tất cả Tỳ-kheo, ngồi trên tất cả sa-di, không được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo quá ba đêm, cũng không được ngủ với sa-di quá ba đêm. Những món ăn nào không hợp pháp đối với Tỳ-kheo, thì với vị này cũng không hợp pháp. Những món ăn nào không hợp pháp đối với vị này, thì với Tỳ-kheo cũng không hợp pháp. Vị này được Tỳ-kheo trao cho thức ăn, ngoại trừ năm thứ thực vật hỏa tịnh và vàng bạc. Vị này được theo sa-di nhận thức ăn. Tỳ-kheo không được nói với vị này về giới bản, về tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được nói:

Không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối, không được uống rượu; (**441c**) tất cả đều được dạy bảo như thế.

Nếu trước đó là người tụng giới thì (giờ đây) không được tụng lớn tiếng.

Nếu tôn kính pháp thì được tụng thầm. Tăng không được cho bố-tát tự tứ. Vào ngày bố-tát, tự tứ, vị này nên vào giữa Tăng nói như sau:

Tôi thanh tịnh, xin Tăng ghi nhận cho.

Nói như vậy ba lần rồi lui ra. Trong bốn giới Ba-la-di, nếu vị này vi phạm thì phải đuổi đi; còn các giới Tăng-già-bà-thi-sa trở xuống mà phạm thì tất cả đều cho sám hối tội Đột-cát-la. Đó gọi là cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di.

*

TÙY THUẬN HÀNH MÍCH TỘI TƯỚNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng tập hợp định làm yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi:

Trưởng lão! Chúng Tăng tập hợp định làm yết-ma vì sao không đến?

Thi-lợi-da-bà nói: "Ắt hẳn Tăng vì ta mà làm yết-ma chứ gì!", liền cảm thấy trong lòng hoảng sợ, rồi đi đến. Các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão! Thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa phải không?

Thầy đáp:

Phạm.

Rồi, trong lòng sinh hoan hỉ, thầm nghĩ:

Các vị phạm hạnh khởi từ tâm đối với ta, nêu ra tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sám hối.

Liền bạch:

Cho tôi ra ngoài một lát.

Sau khi thầy ra rồi, các Tỳ-kheo bàn nhau:

Vị Tỳ-kheo này khinh suất, không quyết định, đi rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối, cần phải hỏi lại ba lần cho chắc chắn rồi mới làm yết-ma.

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi suy nghĩ: "Vì sao ta lại nhận tội ấy? Các Tỳ-kheo thường thường trị tội ta, ta không nên nhận."

Các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào, rồi hỏi:

Thầy có phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thật không?

Không phạm.

Vì sao lúc ở giữa Tăng Thầy nói có tội đó, mà giờ lại bảo là không phạm?

Tôi không nhớ việc đó.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Thi-lợi-da-bà này lúc ở giữa Tăng nói là thấy tội, rồi lại nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, còn nói rằng không nhớ. Vậy Tăng nên làm yết-ma mích tội tướng (tìm dấu vết của tội). Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói không nhớ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mích tội tướng. Đây là lời tác bạch.

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo (**442a**) Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói mình không nhớ. Tăng nay cho pháp yết-ma mích tội tướng. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mích tội tướng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).*

Tăng đã bằng lòng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mích tội tướng, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này suốt đời nên làm tám việc sau đây:

1. Không được độ người;
2. Không được cho người thọ Cụ túc;
3. Không được cho người y chỉ;
4. Không được nhận sự cung cấp và xoa bóp của Tỳ-kheo;
5. Không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo;
6. Không được nhận Tăng sai theo thứ tự;
7. Không được làm người thuyết pháp cho Tăng;
8. Suốt đời không cho xả tội.

Khi Tăng hòa hợp làm yết-ma mích tội tướng xong thì phải thi hành tám việc này suốt đời mà không được bỏ. Đó gọi là mích tội tướng tùy thuận làm.

Kệ tóm tắt:

Cử yết-ma, Biệt trụ,
Ma-na-đỏa, xuất tội.
Nên, không nên tùy thuận,
Tha-la-tha, dị trụ.
Học hối, Mích tội tướng,
Kết thúc phẩm thứ hai.

*

VIỆC CỬ TỘI (NÊU TỘI)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đấu tranh, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo nêu tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo, nói như sau:

Tôi nêu tội trưởng lão, tôi nêu tội trưởng lão.

Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba khởi lên việc phi pháp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, cho đến nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu việc thì Tỳ-kheo được nêu tội người khác?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Khi có ba việc, ba nhân duyên thì Tỳ-kheo được nêu tội người khác.

Thế nào là ba việc? Đó là: Giới không thanh tịnh, kiến không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh.

Thế nào là ba nhân duyên? Đó là: Thấy, nghe và nghi. Đó gọi là ba.

Lại nữa, khi bản thân Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì được nêu tội người khác. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. Sự việc có thật không hư dối;
2. Nói đúng lúc, không phải không đúng lúc;
3. Vì lợi ích, không phải không lợi ích;
4. Nói nhỏ nhẹ, không nói thô lỗ;
5. Vì lòng từ, không phải vì giận dữ.

Đó gọi là năm pháp được nêu tội người khác.

Lại nữa, thành tựu năm pháp, được nêu tội người khác. Thế nào là năm? Đó là:

1. Thân nghiệp thanh tịnh;
2. Khẩu nghiệp thanh tịnh;
3. Mạng sống chân chánh;
4. Am tường luận tạng;
5. Thông thạo Luật tạng.

Này Ưu-ba-ly, nếu thân nghiệp không thanh tịnh mà nêu tội người khác, thì người đó nên nói: Này trưởng lão! Thân nghiệp thầy (**442b**) không thanh tịnh, vì sao nêu tội người khác? Trước hết nên làm cho thân nghiệp mình thanh tịnh rồi mới nêu tội người khác.

Thế nên, này Ưu-ba-ly, muốn nêu tội người khác, trước hết thân nghiệp mình phải thanh tịnh, khẩu nghiệp phải thanh tịnh, và mạng sống phải chân chánh. Nếu người nào ít nghe luận điển mà cử tội người khác thì người đó nên nói:

Này trưởng lão! Vì sao Thầy ít nghe luận điển mà cử tội người khác? Lành thay trưởng lão, trước hết Thầy hãy nghe nhiều luận điển rồi mới cử tội người khác.

Thế đó Ưu-ba-ly, khi muốn nêu tội ai, trước hết mình phải nghe nhiều luận điển. Nếu ít nghe Luật tạng mà muốn nêu tội người khác thì người ấy nên nói:

Này trưởng lão! Vì sao Thầy ít nghe Luật tạng mà nêu tội người khác? Trưởng lão cũng không biết do việc gì mà chế giới này, tại thành ấp xóm làng quốc gia nào chế giới này. Lành thay trưởng lão! Khi muốn nêu tội ai, trước hết Thầy phải nghe nhiều Luật tạng rồi mới nêu tội họ.

Thế nên, này Ưu-ba-ly! Khi muốn nêu tội ai, trước hết phải nghe nhiều Luật tạng.

Đó gọi là bản thân mình phải thành tựu năm pháp, mới được nêu tội người khác.

Lại nữa, này Ưu-ba-ly, có năm trường hợp nêu tội người phi pháp. Thế nào là năm? Đó là:

1. Mắng rồi mới nêu tội;
2. Nêu tội rồi mới mắng;
3. Nêu tội, vừa mắng;

4. Mắng mà không nêu tội;
5. Nêu tội mà không mắng.

Mắng rồi mới nêu tội: Trước tiên mắng xối xả rồi mới nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội. Đó gọi là mắng rồi mới nêu tội.

Nêu tội rồi mới mắng: Trước hết nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội, rồi mới mắng. Đó gọi là nêu tội rồi mới mắng.

Vừa nêu tội vừa mắng: Mắng xối xả, rồi nói: "Ông phạm Ba-la-di." Mắng xối xả, rồi nói: "Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa cho đến tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là vừa nêu tội vừa mắng.

Mắng mà không nêu tội: Mắng nhiếc đủ thứ mà không nêu tội. Đó gọi là mắng mà không nêu tội.

Nêu tội mà không mắng: Nêu một tội nào trong năm Thiên tội mà không mắng mỏ. Đó gọi là nêu tội mà không mắng.

Trong đây, các trường hợp trước mắng rồi sau nêu tội; nêu tội rồi mới mắng; vừa nêu tội vừa mắng thì Tăng không nên hỏi, không nên chấp nhận. Trái lại, trường hợp nêu tội mà không mắng thì Tăng nên kiểm tra.

Khi muốn nêu tội ai, trước hết nên nói:

Này trưởng lão! Tôi muốn nêu một sự việc Thầy có chịu nghe không?

Bị cáo nên nói:

Thầy muốn nêu tội thì được thôi.

Nếu không hỏi bị cáo có chịu nghe không mà nêu tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì sự lợi ích, nói thô lỗ không nhỏ nhẹ, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì sự lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (**442c**) Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình thấy đúng sự thật, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về việc nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh mà khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận, mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có từ tâm, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, người nào có năm tính xấu sau đây thì không được nêu tội người khác ở giữa chúng Tăng. Đó là: Thiên vị; giận dữ; sợ hãi; si mê và vụ lợi. Nếu có năm tính xấu đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục.

Lại nữa, người nào thành tựu năm pháp sau đây thì được nêu tội người khác. Đó là: Không Thiên vị; không giận dữ; không sợ hãi; không ngu si và không vụ lợi. Người nào thành tựu năm pháp đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh chung được

sinh vào đường Thiện, được các bậc phạm hạnh ca ngợi. Đó gọi là cử (tội).

*

VIỆC TRỊ PHẠT

Thế nào gọi là Trị phạt?

Người phạm tội Ba-la-di thì Tăng nên đuổi về làm người thế tục, hoặc làm sa-di. Người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nếu che giấu thì Tăng cho pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa rồi xuất tội, nếu không che giấu thì hành Ma-na-đỏa rồi xuất tội. Người phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề thì phải đem vật đã cất ra xả bỏ giữa Tăng, rồi đến trước Tỳ-kheo trưởng lão trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, bạch như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi đã cất y Thừa quá mười ngày, nay đem xả bỏ giữa chúng Tăng và sám hối tội Ba-dạ-đề.

Vị Tỳ-kheo thụ sám nên hỏi:

Thầy có thấy tội này không?

Dạ thấy.

Đừng tái phạm nhé.

Tôi xin cúi đầu vâng giữ.

Thế rồi Tăng làm yết-ma, giao y đó cho một người giữ, sau đó nên trả lại (chủ cũ). Còn phạm tội Ba-dạ-đề cho đến Việt-tỳ-ni thì cũng sám hối như thế.

*

ĐUỔI ĐI

Gồm bảy trường hợp:

1. Hủy hoại tịnh hạnh của Ni;
2. Sống trong chúng để trộm pháp;
3. Lừa đảo;
4. Phạm ngũ nghịch;
5. Bất năng nam;
6. Phạm bốn tội Ba-la-di;
7. Sa-di có ác kiến.

Đó gọi là bảy việc nên đuổi đi.

*

PHÁ PHÁP LUÂN TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, đã xảy ra vụ Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, như ở trước đã nói rõ. Thế rồi, (**443a**) Đề-bà-đạt-đa đi đến thành Già-da. Sau đó, Phật cũng đi tới thành Già-da. Hôm ấy nhằm ngày bố-tát, Phật bảo A-nan:

Ông đến gọi Đề-bà-đạt-đa về, hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

A-nan bèn đến đó, nói:

Thưa trưởng lão! Hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát, đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão.

Đề-bà-đạt-đa đáp:

Tôi không đến. Từ nay về sau tôi không sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát, tự tứ, yết-ma chung. Từ nay về sau,

đối với giới luật điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định.

A-nan nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Đây là việc kỳ quái, thốt ra lời nói ác này lẽ nào không thương tổn đến Tăng?"

Đoạn, A-nan trở về, đem việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

Ông hãy trở lại chỗ Đề-bà-đạt-đa một lần nữa.

Cho đến A-nan suy nghĩ: "Thật là kỳ quái, thốt ra lời nói ác này chẳng lẽ không tổn thương đến Tăng sao?."

Sau khi A-nan trở về, nhóm sáu Tỳ-kheo bàn nhau: "Chắc chắn sa-môn Cù-đàm sẽ sai sứ đến lần thứ ba. Tất cả chúng ta phải giữ chánh niệm bố-tát trước. Chúng ta hãy để lại danh dự cho hậu thế biết rằng khi Phật còn tại thế mà Đề-bà-đạt-đa và nhóm sáu Tỳ-kheo đã cùng nhau phá Tăng", bèn thực hiện bố-tát. Thế rồi, A-nan liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

Ông hãy trở lại lần thứ ba, bảo Đề-bà-đạt-đa đến, vì hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

A-nan liền đến đó, nói:

Đức Thế Tôn gọi các vị. Hôm nay Tăng làm yết-ma bố-tát.

Họ đáp:

Chúng tôi không đi. Từ hôm nay trở đi, chúng tôi không sinh hoạt chung trong Phật pháp Tăng, không bố-tát tự tứ và yết-ma chung. Từ nay về sau, đối với giới luật, điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định. Nhưng chúng tôi đã bố-tát xong rồi.

A-nan nghe thế, suy nghĩ: "Thực là kỳ lạ, thế là họ đã phá hoại Tăng thật rồi", bèn trở về, đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đức Thế Tôn nghe xong, bèn đọc kệ:

Thanh tịnh như trăng tròn,
Thanh tịnh được bố-tát.
Thân khẩu nghiệp thanh tịnh,
Thế mới nên bố-tát.

Đoạn, Phật nói với A-nan:

Những người phi pháp đã bố-tát xong, vậy những người như pháp nên bố-tát.

Khi ấy Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, còn nhóm sáu Tỳ-kheo là bè đảng phá Tăng. Đó gọi là Dị trụ.

*

Hết quyển thứ hai mươi sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 27

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

PHÁP YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba tranh cãi với nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Từ hôm nay Tăng nên làm yết-ma. Ưu-ba-ly sẽ xử đoán sự việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng đề cử trưởng lão Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, Tăng nay đề cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã đề cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Pháp yết-ma gồm có hai mươi trường hợp. Tám trường hợp bạch nhất yết-ma như trên đã nói. Còn tám trường hợp bạch tam yết-ma (một lần bạch ba lần yết-ma) thì như sau:

1. Cử người xử đoán sự việc;
2. Cử người dạy bảo Tỳ-kheo-ni;
3. Cử người làm yết-ma một tháng;
4. Yết-ma chiên;
5. Yết-ma cuồng si;
6. Yết-ma phát lồ;
7. Yết-ma phú bát;
8. Yết-ma xác định học gia.

Đó gọi là tám trường hợp một lần bạch ba lần yết-ma.

Trong đây, cử người xử đoán, dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì chúng Tăng phải thỉnh cầu, còn yết-ma rời y mà ngủ, yết-ma một tháng và yết-ma chiên thì đương sự phải theo Tăng xin. Ngoài ra, Yết-ma cuồng si, yết-ma nói tội người khác, các yết-ma này nên làm trong cương giới với sự hiện diện của Tăng, không được làm ngoài cương giới. Cũng thế, yết-ma học gia, yết-ma phú bát cũng nên làm trong cương giới với sự hiện diện của Tăng, không được làm ở ngoài cương giới.

Người xử đoán, sau khi được đề cử không được chần chừ. Nếu được đề cử buổi sáng thì buổi xế nên khởi hành. Nếu được đề cử vào lúc xế thì sáng sớm hôm sau thức dậy nên lên đường. Lúc đi, không được theo đàn việt đi những con đường vòng vo mà phải đi theo con đường thẳng. Nếu con đường thẳng có chướng nạn thì đi con đường vòng vo không có tội. Khi đến nơi đó rồi (**443c**) thì không được chần chừ đợi Tỳ-kheo khách ăn. Nếu đến buổi xế thì sáng sớm hôm sau nên xử đoán. Nếu đến vào buổi sáng thì lúc xế nên xử đoán. Không được nhuộm y, hơ bát, ngồi Thiền, tụng kinh. Nếu sự việc khó giải quyết, trong lúc đang rỗi rảnh thì làm các

việc trên không có tội. Khi xử đoán sự việc xong rồi trở về cũng như vậy. Đó gọi là pháp yết-ma.

*

VẤN ĐỀ RUỘNG VƯỜN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đem ruộng đất của chúng Tăng cho người thuê mướn, hoặc đem bán, hoặc dùng làm của riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau ruộng đất của chúng Tăng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được dùng làm của riêng. Giả sử Tăng tập hợp tất cả đồng ý cũng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được sử dụng riêng. Nếu tập hợp Tăng lại cho người thuê mướn, đem bán hay sử dụng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ruộng đất của Tăng tốt, bị kẻ ác xâm chiếm thì nên bảo đàn việt coi sóc giúp. Nếu đàn việt nói: "Đây là ruộng đất tốt vì sao bảo tôi chăm sóc?", thì nên đáp: "Ruộng đất này tuy tốt nhưng kẻ ác muốn xâm chiếm, nên nhờ đàn việt trông coi giúp."

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đất của Tăng và đất của vua lẫn lộn vào nhau, vua Ba-tư-nặc nói với tôn giả A-nan:

Đất của vua lẫn lộn vào trong đất của Tăng, vậy nên đem dây đến đo để chia ra.

A-nan đáp:

Đợi tôi bạch với Phật đã.

Thế rồi, A-nan đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

Ông hãy đến nói với nhà vua rằng: Đại vương là chủ đất, sa-môn Thích tử dựa vào đại vương mà sống, do thế, không nên chia đất đại vương.

A-nan thọ giáo, đi đến chỗ vua, nói:

Phật dạy rằng: "Đại vương là chủ đất, sa-môn Thích tử nương vào đại vương mà sống, do thế không nên chia đất với đại vương." Vua nói: "Nếu như thế thì xin cúng tất cả cho chúng Tăng. Hôm nay đặt tên là vườn của vua để cho người sau được biết."

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ Tăng có đám đất trống, rồi một trưởng giả đến hỏi:

Đám đất trống này của ai vậy?

Tăng đáp:

Đất của Tăng đó.

Trưởng giả nói:

Nếu đất của Tăng thì nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng. Tăng bèn giao đất, nhưng trải qua lâu ngày mà ông không làm phòng.

Rồi có một cư sĩ đến hỏi:

Đám đất trống này của ai vậy?

Tăng đáp:

Đất của Tăng đó.

Nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng.

Trước đây đã có một trưởng giả xin làm phòng nhưng chưa làm.

Thưa tôn giả, tôn giả cứ giao cho tôi, lo gì không làm!

Tỳ-kheo liền giao đất. Cư sĩ vì muốn tạo công đức nên dốc hết gia tài châu báu làm những phòng ốc tốt đẹp, rồi sắm sửa (**444a**) mọi thứ ẩm thực cúng dường chúng Tăng. Đoạn, đem các phòng

ốc đó cúng dường cho chúng Tăng, đồng thời mời vị trưởng giả trước kia đến để cùng chung vui. Trưởng giả thấy thế hỏi:

Thưa tôn giả, ai làm phòng vậy?

Vị cư sĩ này đây.

Đám đất này trước đã giao cho tôi, vì sao còn giao cho cư sĩ?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Vì sao không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta? Từ nay về sau không nên không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta. Nếu Tăng có đất trống rồi có người đến xin làm phòng thì nên ra điều kiện phải làm trong thời gian chừng ấy.

Nếu đương sự nói: "Tôi sẽ làm trong khoảng thời gian chừng đó", thì nên nói: "Nếu đến thời gian đó mà chưa làm thì tôi sẽ giao cho người khác."

Nếu hai người đến xin làm mà một người nói: "Tôi sẽ làm cho chúng Tăng một tầng lầu", còn người kia nói: "Tôi sẽ làm hai tầng lầu", thì Tăng nên giao cho người xin làm hai tầng; cũng thế, ba, bốn tầng cho đến bảy tầng.

Nếu hai người cùng nói xin làm bảy tầng, thì lúc ấy nên xem tướng coi người nào có thể làm được thì giao cho họ. Nếu hai người đều có thể làm được thì nên giao cho người có nhiều quyến thuộc. Nếu không bắt làm cam kết trước mà giao đất cho họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo làm Thảo am trên đất của chúng Tăng, rồi Thượng tọa đến, theo thứ tự giao phòng thì Tỳ-kheo không giao. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng, thì nên đem các vật liệu cây cỏ ấy

đến chỗ khác. Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà khi Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

VẤN ĐỀ NHÀ ĐẤT

Nếu chúng Tăng có đất cất nhà có giá trị mà có kẻ ác ở lân cận muốn xâm chiếm, thì nên bảo đàn việt trông coi giúp đất đó. Nếu đàn việt nói: "Đất làm nhà này quí giá, vì sao lại muốn cho tôi trông coi?", thì nên nói: "Đất làm nhà này tuy tốt nhưng kẻ ác ở gần thường muốn chiếm đoạt."

Nếu đàn việt nói: "Muốn hoán đổi sao?", thì hãy đáp: "Tùy ý đàn việt quyết định." Nếu đàn việt hoán đổi thì không có tội. Đó gọi là nguyên tắc về nhà đất.

*

VẤN ĐỀ TĂNG GIÀ-LAM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo chiếm đoạt đất già-lam để làm phòng, Thầy cựu Tri sự nói:

Trưởng lão đừng có chiếm đoạt chỗ ở của Tăng để làm phòng.

Tỳ-kheo ấy nói:

Này trưởng lão, tôi làm phòng cho chúng Tăng, thầy đừng có gây trở ngại.

Thế rồi hai người cùng tranh luận, không giải quyết được, bèn dẫn nhau đến chỗ Phật, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. (**444b**) Phật dạy:

Từ nay về sau không được cưỡng chiếm chỗ ở cũ của Tăng để làm phòng cho chúng Tăng. Vị cựu Tỳ-kheo cũng không được gây trở ngại việc đó. Nếu hai Tỳ-kheo tri sự đồng ý nhau thì nên làm một phòng cùng mái lợp mà ngăn chia khác vách; hoặc mái lợp cách biệt mà cùng một tường vách; hoặc cùng một mái lợp, cùng một tường vách; hoặc mái lợp riêng biệt, tường vách riêng biệt.

Nếu hai người không vui vẻ với nhau, thì nên làm phòng có mái lợp riêng, tường vách riêng. Nếu cưỡng chiếm phòng cũ để làm nhà mới cho Tăng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn kẻ nào gây trở ngại đối với người làm phòng cho Tăng cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo xây Tháp cho Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi, khiến các cư sĩ đi đến lễ bái Thế Tôn, thấy thế, chê trách:

Chúng ta đến đây để đảnh lễ đức Thế Tôn, mà chưa thấy Thế Tôn đâu đã thấy nấm mồ người chết.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Vì sao các ông không làm yết-ma trước mà xây tháp Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi? Từ nay về sau Ta không cho phép không làm yết-ma trước mà xây tháp cho Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi. Muốn xây tháp trước hết nên làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp vì vô thường đã nhập Niết-bàn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo mỗ giáp – Vì sự vô thường đã nhập Niết-bàn – tại chỗ này.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo mỗ giáp tại chỗ này. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu không hòa hợp thì nên nói:

Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn nói có bốn hạng người nên xây tháp, đắp tướng luân (hình bánh xe), treo tràng phan bảo cái, đó là đức Như Lai, các Thanh văn, Phật Bích-chi và Chuyển luân thánh vương. Nếu Tỳ-kheo viên tịch là Tu-đà-hoàn thì nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nên gọi là A-la-hán. Hoặc gọi là Tỳ-kheo giữ luật, hoặc gọi là Pháp sư, hoặc gọi là Tỳ-kheo doanh sự có đức vọng.

Thế rồi, nên tiếp:

Thưa trưởng lão, vị ấy giữ giới, hiền thiện, cúng dường cho Tăng rất nhiều, làm việc cực nhọc, nên xây tháp cho Thầy.

Trình bày như thế rồi, mới xây Tháp cho vị ấy. Khi xây tháp Thanh văn không được để cho nhìn thấy tháp trước rồi mới thấy Phật sau, mà phải làm sao để thấy Thế Tôn trước rồi mới thấy tháp sau. Không được làm ở chỗ có nhiều người đi mà phải làm ở chỗ vắng vẻ. Cũng không được làm tại chỗ các Tỳ-kheo đi kinh hành. Nếu ai xây tháp Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Ca-lô ở tại thôn ấp lớn Ca-thi-kỳ-lê, lúc ấy có Tỳ-kheo Thượng tọa đến, theo thứ tự giao phòng (**444c**) mà thầy không chịu giao, còn nổi giận cầm búa đập phá căn phòng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến thưa hỏi Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này phạm vào tội gì?

Phật dạy:

Phá hoại sáu loại sau đây thì phạm tội Thâu-lan-giá, đó là: phá bát, phá y, phá tháp, phá phòng, phá Tăng, phá cương giới.

Phá bát: Bát có ba loại thượng, trung và hạ. Nếu vì giận dữ mà phá một loại nào đó thì phạm tội Thâu-lan. Nếu bát bị mẻ muốn hàn lại mà lỡ tay rớt bể thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đập bể tô, chén thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá y: Nếu vì tức giận mà xé rách một trong ba y thì phạm tội Thâu-lan. Nhưng nếu muốn cắt miếng ngoài biên may vào giữa, cắt miếng ở giữa may ngoài biên, hoặc vá thêm hai lớp thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đem xé tọa cụ hoặc các loại vải vóc khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá tháp: Nếu vì tức giận mà phá tháp của đức Thế Tôn thì phạm tội Thâu-lan, bị nghiệp hành tội báo rất nhiều. Nếu muốn sửa chữa để làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì tức giận mà phá Tháp của Ni-kiền và các ngoại đạo khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá phòng: Nếu vì tức giận mà phá phòng của Tăng thì phạm tội Thâu-lan. Nếu muốn làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì giận dữ mà phá phòng của tu sĩ ngoại đạo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá Tăng: Nếu vì tức giận mà phá sự hòa hợp của Tăng thì phạm tội Thâu-lan, bị nghiệp hành mang quả báo phải rơi vào trong địa ngục một kiếp.

Phá cương giới: Nếu vì giận dữ mà làm (phòng) ngoài phạm vi cương giới thì không thể gọi là làm (phòng), phạm tội Thâu-lan, nhưng được bỏ cương giới cũ rồi làm yết-ma lại cương giới khác.

Đó gọi là sáu loại phá hoại phạm tội Thâu-lan.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả La-hầu-la đang du hành đến nước Bạt-kỳ, dần dần đi tới thôn Ba-la-nại. Thế rồi, có một cư sĩ ở thôn này xây phòng cho La-hầu-la. La-hầu-la nhận xong lại tiếp tục du hành, cư sĩ bèn đem căn phòng này cúng cho các Tỳ-kheo khác. Đến khi La-hầu-la trở về... như trong tuyến kinh đã nói rõ, cho đến La-hầu-la bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, căn phòng này nên thuộc về ai?

Phật nói với La-hầu-la:

Nếu cư sĩ, con cư sĩ có lòng tin hoan hỉ làm phòng cúng dường cho chúng Tăng, nhưng khi cúng cho Tăng rồi, lại đem cúng cho

nhiều người khác thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Nếu cúng cho nhiều người rồi đem cúng cho một người, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Hoặc đem cúng cho một người rồi lại đem cúng cho nhiều người; hoặc đem cúng cho nhiều người rồi lại đem cúng cho chúng Tăng, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Ngoại trừ, khi đem cúng cho Tăng rồi không đem cúng cho nhiều người, khi đem cúng cho nhiều người rồi không đem cúng cho một người thì đó là cách cúng đúng pháp và (**445a**) thọ dụng đúng pháp.

Này La-hầu-la, cách cúng trước là cúng đúng, cách cúng sau là không đúng. Nếu Tăng ở tại đất của vua, rồi người làm phòng trước đem cúng dường trước, thì công đức ngày đêm càng tăng thêm.

Này La-hầu-la, ông đương nhiên được phòng, còn người sau thì đương nhiên không được. Đó gọi là phép tắc của Tăng-già-lam.

*

PHÉP TẮC VỀ DOANH SỰ

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, tôn giả Đạt-nị-ca con của người thợ gốm làm phòng, như trong giới Ba-la-di thứ hai đã nói, cho đến thốt lời oán trách như sau: Ta làm phòng gian khổ, không nài nóng lạnh, làm mới vừa xong thì Thượng tọa đoạt mất, giống như mèo rình chuột.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo doanh sự ấy làm phòng rất gian khổ, Tăng nên làm yết-ma cho Thầy cư trú năm năm. Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp muốn làm phòng cho Tăng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo doanh sự mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo doanh sự mỗ giáp muốn theo Tăng xin cư trú năm năm. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Vị Tỳ-kheo này nên trịch vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin như sau:

Thưa đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, nay theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Kính mong Tăng xót thương cho tôi cư trú năm năm do công lao làm phòng (xin như vậy ba lần).

Người yết-ma nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi Tăng đã làm yết-ma cho cư trú năm năm, Tỳ-kheo doanh sự trở về chỗ mình đã làm phòng, theo thứ tự được một phòng. Nếu có Thượng tọa đến thì nên giao phòng theo thứ tự, còn căn phòng đã yết-ma cho mình thì không nên giao. Nếu muốn đi du

hành thì phải giao hai căn phòng ấy lại cho Tăng, tùy thứ tự cư trú. Đồng thời gởi gắm: "Khi nào tôi trở về thì phải giao phòng lại cho tôi." Sau khi trở về, Tăng phải giao phòng lại theo lời giao ước trước. (**445b**) Nếu phòng Tăng cũ bị hư hỏng rồi làm cửa lại, thì tùy theo công lao nhiều ít mà làm yết-ma cho cư trú hai năm hay ba năm. Nếu phòng bỏ trống không ai ở thì nên cho người ở để trông coi một thời gian.

Nếu giường ghế mền gối bị dơ bẩn, rách nát mà đem giặt nhuộm sửa chữa lại, thì nên cho ở một thời gian.

Nếu trong thời gian ấy có Tỳ-kheo nào xoi bói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc về doanh sự.

*

PHÉP TẮC VỀ GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong lúc Tỳ-kheo an cư, Thượng tọa đến, rồi theo thứ tự lấy phòng. Đoạn, Thầy chở đồ đạc ra khỏi phòng. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo khách phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Đó là Tỳ-kheo ra đi luôn phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Thế thì Tỳ-kheo nào mà chở đồ đạc đi?

Bạch Thế Tôn, đó là người theo thứ tự nhận phòng, thế rồi chở đồ đạc đi.

Vì sao lúc nào các ông cũng giao phòng theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống? Từ nay về sau, Ta không cho phép bất cứ lúc nào cũng

giao phòng từ Thượng tọa trở xuống. Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp trông coi việc giao phòng xá, giường nệm.

Thế nào là năm pháp?

Đó là: Không thiên vị; không giận dữ; không sợ hãi; không ngu si, biết ai được rồi, ai chưa được. Đó gọi là năm pháp.

Người làm yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm xong, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, từ ngày 16 tháng 3 trở đi, nên bảo đàn việt giặt rửa giường nệm phòng ốc, sửa chữa phòng ngồi Thiền, giảng đường, phòng sưởi, cầu tiêu, sửa chữa nhà ngõ, nhà che giếng thuộc Tăng già-lam và ghi chép tất cả những bữa ăn thuộc ngày trai cũng như y an cư. Nếu trú xứ của Tăng xa thành ấp xóm làng thì đến ngày 13 tháng tư nên giao phòng. Nếu người nào không được dung nạp thì nên đi đến nơi khác. Nếu trú xứ gần xóm làng, thì nên giao phòng vào ngày 15, đồng thời đọc biên bản đã ghi chép: Tăng già-lam mỗ giáp có chừng ấy phòng ốc, chừng ấy giường nệm, chừng ấy bữa ăn thuộc ngày trai, chừng ấy y. Thượng tọa nên bảo:

Hãy giao phòng cho những ai cùng an cư một chỗ.

Nói như thế rồi, mới giao phòng. Nhưng không được (**445c**) giao phòng cho sa-di. Ngoại trừ, Hòa thượng A-xà-lê bảo: – "Cứ giao phòng để mặc tôi xử lý" thì mới giao.

Nếu phòng nhiều thì nên giao mỗi người hai phòng. Nếu vị ấy không chịu nhận hai phòng, mà nói: "Tôi chỉ cần một phòng là đủ", thì khi ấy, nên bảo: "Đây không phải là giao để sử dụng mà là giao để trông coi."

Nếu Tỳ-kheo nhiều mà phòng ít, thì nên giao cho hai người, ba người cùng ở chung một phòng. Nếu vẫn không đủ, thì nên giao năm người, mười người ở chung một phòng.

Nếu có một ngôi nhà lớn thì tất cả Tỳ-kheo nên vào ở trong đó. Thượng tọa nên giao cho giường nằm, còn những người khác thì giao cho giường ngồi.

Nếu không đủ, thì Thượng tọa nên giao cho giường ngồi, những người khác thì ngồi trên nệm cỏ.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên ngồi nệm cỏ, còn những người khác thì ngồi không.

Nếu vẫn không đủ nữa, thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, còn những người khác thì đứng.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên đứng, còn những người khác thì ra ngoài gốc cây hay chỗ đất trống.

Nếu giao phòng vào mùa Đông, hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào mùa Xuân hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào lúc an cư hoặc để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến không nên theo thứ tự mà ở.

Nếu Tỳ-kheo không biết phép tắc, trong lúc an cư đòi phòng theo thứ tự mà không được, bèn khiển trách, thì nên nói: "Hãy đợi đây, để tôi đi hỏi người coi phòng đã", rồi nên đến nói với người coi phòng: "Thưa trưởng lão, có Tỳ-kheo khách là bậc Thượng tọa đến, bảo tôi dời đi."

Bấy giờ, người coi phòng phải khiển trách Tỳ-kheo khách:

Này trưởng lão! Thầy không am tường giới luật. Vì sao trong lúc an cư mà bảo người khác dời đi? Thầy không hiểu sao? Không phải lúc nào cũng đuổi người khác được.

Nhưng nếu mùa Đông, mùa Xuân có Thượng tọa đến, theo thứ tự nên nhường phòng mà không nhường, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo không am tường giới luật, trong lúc an cư mà đuổi người khác đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc về giường nệm.

*

PHÉP CUNG KÍNH

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, vào lúc đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn, đến nửa đêm Ngài trở về phòng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo có người cung cấp nên đã lấy phòng trước, đến khi nghe pháp xong, ai nấy trở về phòng an nghỉ. Lúc ấy, tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, không có người cung cấp, đầu đêm nghe pháp đến nửa đêm, bèn tới phòng gõ cửa, thì những người ở trong phòng hỏi:

Ai đó?

Xá-lợi-phất đây.

Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại trí.

Thế rồi, hai người đến gõ cửa phòng khác. Người trong phòng hỏi:

Ai đó?

Tôi là Đại Mục-liên đây.

Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại thần túc.

Thế là cả hai đều không có phòng, nên một người đến ngồi dưới thềm nhà, còn một người ra ngồi dưới gốc cây. (**446a**) Đêm ấy trời mưa, người ngồi dưới thềm nhà đọc kệ:

"Ngồi kiết già dưới thềm,
Mưa ướt hai đầu gối.
Đã sống trong an lạc,
Sẽ đoạn thân đời sau."

Đoạn, người ngồi dưới gốc cây cũng đọc kệ:

"Dưới cây sống tri túc,
Khất thực, ngồi nệm cỏ.
Cả hai không tham trước,
Sẽ đoạn thân đời sau."

Lúc ấy có Ưu-bà-tắc buổi sáng thức dậy, đi đến thăm viếng Thế Tôn, thấy thế bèn chê trách: Vì sao sa-môn Thích tử lại không biết phép cung kính? Bậc đại đức như thế mà không cho phòng nghỉ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy:

Việc như thế thật đáng bị người đời chê cười.

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đợi Ta du hành nước Câu-tát-la xong trở về lại thành xá-vệ, rồi nhắc lại cho Ta, Ta sẽ chế định phép cung kính cho các Tỳ-kheo.

Khi Phật trở về, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trước bạch lại với Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Ai là bậc Thượng tọa lớn nhất đáng được lấy nước trước, được nhận cơm trước?

Ai đáng được nhận sự lễ bái?

Ai đáng được đứng dậy tiếp nước?

Ai đáng được chắp tay, cúi đầu, cung kính? Khi nghe thế, các Tỳ-kheo nói:

Con của Thế Tôn đáng được nhận.

Tỳ-kheo khác nói:

Những người thân quyến của Thế Tôn đáng được nhận.

Lại có người nói:

Thị giả của Thế Tôn đáng được nhận.

Lại có người nói:

Bậc A-la-hán đáng được nhận.

Thế rồi, người Sát-lợi xuất gia nói:

Người Sát-lợi đáng được nhận.

Người Bà-la-môn xuất gia lại nói:

Người Bà-la-môn đáng được nhận.

Người Tì-xá xuất gia thì nói:

Người Tì-xá đáng được nhận.

Còn người Thủ-đà-la xuất gia thì nói:

Người Thủ-đà-la đáng được nhận.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Các ông ai nấy đều vì tính kiêu mạn cho nên nói rằng: Đáng cho con của Thế Tôn, cho đến người Thủ-đà-la. Nhưng ở đây không phải là phép tắc của người đời. Như Lai Ứng cúng Chánh biến

tri sẽ nói cho các ông biết về phép tắc của người đời... như trong Tuyến Kinh đã nói rõ, cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau Ta chế giới: Người xuất gia trước phải được hưởng sự lễ bái, đứng dậy đón rước, chắp tay cúi đầu cung kính. Người xuất gia trước phải được ngồi trên, phải được nhận lời mời trước, ngồi trước, lấy nước trước, thọ trai trước.

Các Tỳ-kheo liền tán thán:

Đức Thế Tôn đã khéo trình bày về cách thức tôn kính trưởng lão.

Phật nói:

Không những ngày nay Ta khéo trình bày về cách thức tán thán trưởng lão mà trong thời quá khứ Ta cũng đã từng nói như thế.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Chúng con muốn được nghe.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

Trong thời quá khứ xa xưa có ba con vật là chim trĩ, khỉ và voi cùng sống với nhau dưới cây Ni-câu-loại. Con voi nói:

Ba chúng ta cùng sống với nhau (**446b**) tại một chỗ, trong đây ai lớn nhất? Ai đáng được tôn kính?

Rồi voi tiếp:

Tôi đã cỡi trên đầu cây này đi qua.

Khỉ nói:

Ngày trước tôi đã từng đái trên đầu cây này.

Chim trĩ nói:

Ngày xưa tôi ăn quả loại cây này trên núi Tuyết rồi xuống ỉa nơi đây mà mọc ra cây này.

Bấy giờ chim trĩ là lớn nhất, hai con vật kia tôn kính nó, nên sau khi chết đều được sinh về cõi lành. Con voi khi ấy chính là Ta đây. Các ông cũng nên tôn kính các Thượng tọa như vậy, thì giới luật mới được thăng hoa.

Đó gọi là phép tắc cung kính.

Nhận lời mời trước

Nếu có người đến mời thì nên mời Thượng tọa trước. Nếu đàn việt chưa từng làm phước, mời Tỳ-kheo trẻ, thì nên bảo họ đến chỗ Thượng tọa. Đó gọi là nhận lời mời trước.

Phép ngồi của Thượng tọa

Khi sắp chỗ ngồi, không được sắp chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở trên cao, chỗ ngồi của Thượng tọa ở dưới thấp, mà phải sắp chỗ ngồi của Thượng tọa ở trên cao, chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở dưới thấp; đồng thời phải trải tọa cụ ngay ngắn tề chỉnh; những cái tốt thì dành cho Thượng tọa, những cái không tốt thì để cho Hạ tọa. Nếu nhà đàn việt mời Tỳ-kheo quen biết rồi dành cho giường nệm tốt thì cứ để mặc ý thí chủ, không được tranh giành. Nếu vào dịp năm năm đại hội số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải sắp chỗ ngồi tươm tất cho tám người ngồi ở trên cao, còn các chỗ ngồi dưới thì tùy nghi. Đó gọi là phép ngồi của Thượng tọa.

Nhận thức ăn trước

Khi dọn thức ăn phải dọn cho Thượng tọa trước. Nếu đàn việt chưa từng làm phước dọn cho người nhỏ tuổi trước, thì nên bảo họ bưng tới chỗ Thượng tọa. Khi dọn cơm, nên dọn cơm ngon cho Thượng tọa; cũng thế, khi dọn tất cả các thức ăn uống khác cũng phải bảo dọn món ngon cho Thượng tọa. Nếu nhà đàn việt mời thọ trai, mà họ dọn sai biệt, thì tùy theo ý họ, không nên tranh luận làm chi. Nếu vào dịp năm năm đại hội một lần, số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải dọn món ngon cho

tám Thượng tọa hàng đầu, còn các hạ tọa thì tùy nghi mà dọn. Đó gọi là nhận thức ăn trước.

Lễ bái cung kính đứng dậy đón rước, cúi đầu chắp tay

Bấy giờ, khi đảnh lễ ai thì đảnh lễ khoảng đầu gối, bắp chân. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau nên đảnh lễ dưới bàn chân.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bảo bậc tôn túc đưa bàn chân ra để đảnh lễ, làm nhiễu loạn người tu hành. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau phải nói tiếng "xin chào."

Khi ấy có Tỳ-kheo chơi đùa, nói:

Xin chào tôn giả, xin chào tôn giả.

Lại làm nhiễu loạn người ta. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau chào hỏi có ba cách:

Dùng thân, miệng và tâm. Dùng thân nghĩa là khi đương sự đang ngồi hay đứng, mình cúi đầu đảnh lễ dưới chân. Đó gọi là dùng thân.

Dùng miệng nghĩa là khi đương sự ở từ xa, mình chắp tay, cúi đầu nói: "Xin chào ngài." (**446c**) Đó gọi là dùng miệng.

Dùng tâm nghĩa là khi đương sự quay lưng đi, mình chắp tay tỏ thái độ cung kính. Đó gọi là dùng tâm bày tỏ sự cung kính.

Nếu thấy Thượng tọa đến mà không đứng dậy đón rước chào hỏi cung kính, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tôn kính Thượng tọa.

Kệ tóm tắt:

Cử tội và trị tội,
Đuổi đi cùng Biệt trụ.
Người xử đoán, ruộng đất,
Làm phòng, cho năm năm.
Giường nệm, phép cung kính,
Đó là phẩm thứ ba.

*

PHÉP BỐ-TÁT

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, chín mươi sáu loại người xuất gia đều cử hành bố-tát, mà Tỳ-kheo không bố-tát. Vì thế, bị người đời chê bai:

Vì sao chín mươi sáu loại người xuất gia đều có bố-tát mà sa-môn Thích tử không bố-tát?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Như thế thật đáng bị người ta chê trách. Từ nay về sau phải bố-tát, gồm các việc: (1) Đọc kệ; (2) Ngày 14 ngày 15; (3) Chỉ chỗ bố-tát; (4) Bố-tát ban ngày; (5) Trong nhà; (6) Bọn cướp; (7) Vua; (8) A-na-luật; (9) Hai cách đếm; (10) Không tụng thuộc; (11) Không tụng thuộc tất cả; (12) Thuận nghịch; (13) Muốn nghe từ đầu; (14) Người chưa thọ Cụ túc; (15) Tụng giới sớm quá; (16) Một trú xứ; (17) Hai chúng; (18) Hai chúng đã tụng, hai chúng chưa tụng; (19) Gởi dục; (20) Nhận dục; (21) Gởi dục nhiều; (22) Gởi dục bằng; (23) Cù-sư-la; (24) Đại-ái-đạo; (25) Xiển-đà; (26) Bệnh; (27) A-luyện-nhã; (28) Không nên cho mà cho; (29) Sông A-chi-la; (30) Mười một việc không được gọi là gởi dục: Chuyển dục; gởi dục ban đêm; ở ngoài giới; Tỳ-kheo-ni; người chưa thọ Cụ túc; Nhận dục rồi ra đi; gởi dục rồi ra đi; Nhận dục rồi trả giới; gởi dục rồi trả giới; mất dục; phá hoại chúng; (31) Bốn cách bố-tát;

(32) Bốn cách tụng giới; (33) Bảy việc nên ngăn cản; (34) hai việc nên ngăn cản.

1/ Đọc kệ

Phật nói với các Tỳ-kheo:

(1) Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, nói giới bản đầu tiên:

"Nhẫn, khổ hạnh bậc nhất,
Niết-bàn, đích tối thượng.
Tu hành còn hại người,
Không thể gọi sa-môn."

(2) Đức Phật Thi-khí Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Ví như người sáng mắt,
Tránh được đường nguy hiểm.
Bậc thông minh trên đời,
Tránh được mọi điều ác."

(3) Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Không nói dối, hại người,
Vâng hành theo giới pháp.
Ăn uống có điều độ,
Thường thích nơi thanh vắng.
Tâm thanh tịnh chuyên cần,
Đó là lời Phật dạy."

(4) Đức Phật Câu-lưu-tôn Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri (**447a**) vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Tỳ-kheo vào thôn xóm,
Như ong đi tìm hoa.

Lấy mật rồi bay đi,
Không hại gì hương sắc.
Không nhìn việc người khác,
Xem có làm hay không.
Chỉ xét hành vi mình,
Có tốt hay không tốt."

(5) Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Muốn tâm mình tốt chớ buông lung,
Thiện pháp Thánh nhân luôn gắng học.
Những người trí tuệ tâm chuyên chú,
Khổ não ưu sầu dứt tuyệt ngay."

(6) Đức Phật Ca-diếp Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Không làm các việc ác,
Tuân hành các hạnh lành.
Giữ tâm ý trong sạch,
Chư Phật dạy như vậy."

(7) Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Lành thay gìn giữ thân,
Gìn giữ miệng cũng vậy.
Lành thay giữ tâm ý,
Giữ vẹn toàn tất cả.
Tỳ-kheo giữ tất cả,
Ắt xa lìa khổ não.
Tỳ-kheo giữ miệng ý
Thân không làm điều ác,

Ba nghiệp đều thanh tịnh,
Sẽ đạt được Thánh quả."

Đó gọi là đọc kệ khi bố-tát.

2/ Ngày 14, ngày 15

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ đệ tử đồng hành của tôn giả A-nan đang hành Ma-na-đỏa, tôn giả bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Đệ tử đồng hành của con muốn đến một căn lều nhỏ ở thôn xóm để hành Ma-na-đỏa vào ngày 14.

Phật nói với A-nan:

Hôm nay nhằm ngày 14 tinh tú thuận hòa, thời tiết thuận hòa, Tăng chúng thuận hòa, nên bố-tát xong rồi mới đi.

Ngày 14: Lần bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Đông, lần bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Xuân và lần bố-tát thứ ba, thứ bảy của mùa Hạ.

Ngày 15: Gồm có mười tám lần bố-tát. Trong một năm có hai mươi bốn kỳ bố-tát, sáu kỳ vào ngày 14 và 18 kỳ vào ngày 15.

Đó gọi là bố-tát ngày 14, ngày 15.

3/ Chỉ chỗ Bố-tát

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật nơi thành vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo không biết chỗ bố-tát, nên có người thì được bố-tát, có người thì không. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Nên làm yết-ma chỉ rõ chỗ bố-tát trong núi kỳ-xà-quật.

Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian của Tăng đã đến, kể từ hôm nay Tăng dùng nơi này trong núi kỳ-xà-quật làm chỗ bố-tát thường xuyên. Đây là lời tác bạch.

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật (**447b**) làm chỗ bố-tát thường xuyên. Các đại đức nào bằng lòng Tăng dùng nơi này làm chỗ bố-tát thường xuyên thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.*

Tăng đã bằng lòng dùng nơi này làm chỗ bố-tát thường xuyên, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là chỉ chỗ bố-tát.

4/ Bố-tát ban ngày

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo bố-tát vào ban đêm. Vì đường sá hiểm trở, triền dốc khó đi, đến nơi bố-tát cực khổ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, có thể bố-tát ban ngày được không?

Phật dạy:

Được. Nếu bố-tát ban ngày mà Tăng ở xa thì nên tuyên bố: "Thưa các trưởng lão, kỳ này Tăng sẽ bố-tát vào ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trước bữa ăn, hoặc sau bữa ăn, vào lúc bóng mặt trời chừng ấy, phải tập hợp tại chỗ mỗ xứ, hoặc tại giảng đường, phòng Thiền, phòng sưởi, dưới gốc cây (để bố-tát)." Nếu không tuyên bố thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Đó gọi là bố-tát ban ngày.

5/ Nhà

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy vua A-xà-thế làm nhà bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật, rồi trang trí bằng các cánh sen dát vàng. Sau khi Tăng ngồi xong, đức Thế Tôn mới đến ngồi. Các Tỳ-kheo vào hết, chuẩn bị bố-tát, thì bỗng dưng một cánh hoa sen dát vàng rơi xuống đất. Lúc ấy, một ác Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, bèn lấy

cánh sen kẹp dưới nách. Vì Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi lâu mà không bố-tát nên tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, đầu đêm đã qua, Tăng ngồi lâu mỏi mệt, kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà thuyết giới bố-tát.

Khi ấy Thế Tôn im lặng. Tình hình như thế kéo dài sang nửa đêm rồi đến cuối đêm, tôn giả lại bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn rạng đông đã xuất hiện, chúng Tăng ngồi lâu, kính xin Thế Tôn thuyết giới bố-tát.

Phật liền nói với A-nan:

Chúng Tăng không thanh tịnh.

Khi ấy tôn giả Đại Mục-liên suy nghĩ:

Vì ai mà Thế Tôn nói rằng chúng Tăng không thanh tịnh?

Đoạn, Mục-liên nhập định, liền thấy được ác Tỳ-kheo đang ngồi xếp ro trong chúng. Tôn giả bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ vị ấy, dùng tay trái nắm cổ lôi đến cửa, rồi dùng tay phải đẩy ra, nói: Này ác Tỳ-kheo, từ hôm nay ông không phải là sa-môn, không phải là Tỳ-kheo, không được ở trong chúng nữa.

Sau khi Thầy đuổi đi, Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép lôi người đi.

Rồi Phật nói với A-nan:

Từ nay về sau, các Thầy hãy tự tụng giới. Vì sao vậy? Vì Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri không tụng giới cho một chúng không thanh tịnh. Này A-nan, trong pháp luật của Như Lai (**447c**) cũng giống biển lớn có tám việc chưa từng có, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Do thế, các đệ tử của ta thấy rồi, liền sinh tâm thích thú. Đó gọi là nhà.

6/ Bọn cướp

Khi Phật an trú tại núi kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo bố-tát tụng giới. Khi tụng đến phần cuối của Ba-dạ-đề, đọc: "Cắt bỏ rồi Ba-dạ-đề, phá bỏ rồi Ba-dạ-đề, lôi ra rồi Ba-dạ-đề", thì bọn cướp đến. Người tụng giới liền im lặng. Bọn cướp đứng một lát rồi bỏ đi. Người tụng giới lại tiếp tục; như vậy đến ba lần. Bọn cướp suy nghĩ: "Đây là ác sa-môn, nên nói như sau: Cắt bỏ, phá bỏ, lôi ra rồi Ba-dạ-đề. Họ đang định cắt chúng ta, phá chúng ta, lôi chúng ta đây", bèn xông vào đánh các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, hay là bọn cướp vừa rồi đã nghe tụng giới? Thế rồi, họ đem sự kiến ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Bọn cướp là vua ở trong rừng, chúng có thể làm những việc bất lợi, vì sao các ông lại tụng lại những lời cũ? Từ nay về sau khi Tỳ-kheo bố-tát tụng giới mà có bọn cướp đến thì Ta cho phép được đọc sang kinh khác, hoặc là kinh Ba-la-diên, hoặc kinh Bát bạt-kỳ, hoặc kệ Mâu-ni, hoặc kinh Pháp cú.

Nếu bọn cướp biết phép tắc của Tỳ-kheo, nói: "Này sa-môn, chúng tôi đã biết rồi", thì hãy tụng tiếp giới đã tụng trước. Khi ấy, Tỳ-kheo nên tụng gấp, khiến không thể phân biệt được chương cú, để cho bọn chúng không biết là đoạn đầu, đoạn giữa hay đoạn cuối. Nếu tụng lại những lời cũ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bọn cướp.

7/ Vua

Khi Phật an trú tại vườn kỳ-xà Am-bà-la nơi thành vương-xá, như trong kinh Sa-môn đã nói rõ, cho đến tự nhủ:

Không biết có thể tụng giới trước nhà vua hay không?

Rồi họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Vua có thể làm những việc bất lợi.

Như trong trường hợp bọn cướp ở trên đã nói rõ. Đó gọi là vua.

8/ A-na-luật

Khi Phật an trú trong núi kỳ-xà-quật, nơi thành vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo làm yết-ma bố-tát thì tôn giả A-na-luật không đến. Các Tỳ-kheo bèn cho sứ giả đến gọi:

Thưa trưởng lão A-na-luật, các Tỳ-kheo đang vân tập định làm yết-ma bố-tát.

Thầy đáp:

Đức Thế Tôn dạy rằng Thanh tịnh tức là bố-tát. Kẻ thanh tịnh trong đời này chính là tôi đây. Tôi không đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Ông hãy đi gọi A-na-luật lại đây. Nhưng không được dùng Thiên nhãn mà đến.

Vì trưởng lão này đã hỏng nhục nhãn nên phải vượt qua núi non hiểm trở đến một cách cực khổ.

Phật liền nói với A-na-luật:

Ông không tôn kính bố-tát thì ai sẽ tôn kính? Từ nay về sau, khi bố-tát thì tất cả đều phải đến. Nếu không đến, (**448a**) hoặc bị bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là A-na-luật.

9/ Hai cách đếm

Khi ấy Phật hỏi Ưu-ba-ly:

Ông tụng giới được không?

Bạch Thế Tôn, tụng được, nhưng những câu chi li rất khó ghi nhớ.

Nên làm thẻ đếm để mà tụng.

Thế rồi, Ưu-ba-ly liền làm thẻ đếm mỗi khi tụng. Phật lại hỏi:

Ông có làm thẻ để đếm mỗi khi tụng giới không?

Bạch Thế Tôn, khi tụng những câu chi li con có đếm thẻ, nhưng cũng khó nhớ.

Từ nay về sau hãy làm hai loại thẻ, một loại năm trăm và một loại bảy trăm. Khi muốn tụng, phải rửa tay sạch rồi cầm thẻ bỏ xuống đếm đến năm, lại rửa tay nữa. Nếu còn thẻ thì phải dùng nước thơm để rửa. Người khác muốn cầm thẻ cũng phải như vậy. Đó gọi là hai cách đếm.

10/ Không tụng thuộc

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy trong thôn có các Tỳ-kheo đang sống, khi Tăng vân tập sắp làm yết-ma bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

Xin Thượng tọa tụng giới.

Thầy đáp:

Tôi không thuộc.

Vị thứ hai, thứ ba cũng thế, cho đến Hạ tọa cũng nói như thế. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, thọ Cụ túc rồi nên đọc hai bộ Luật. Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc năm thiên giới. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc bốn, ba, hai hay một thiên. Khi bố-tát nên đọc rộng năm bộ Diên Kinh. Nếu có nhân duyên không thể đọc được, thì nên đọc bốn, ba, hai hay một, cho đến bốn Ba-la-di và các bài kệ, (rồi nói) các phần khác như Tăng đã thường nghe. Nếu bố-tát mà không tụng giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Giả như cả chúng đều không có ai tụng thuộc, thì nên bảo Thượng tọa ra ngoài giới trường, tâm nghĩ, miệng nói:

Kẻ dư thừa khi bố-tát.

Rồi ba người còn lại trong giới trường nói ba lần bố-tát. Làm như vậy là phạt Thượng tọa. Đó gọi là không tụng thuộc.

11/ Không tụng thuộc tất cả

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang ở trong thôn xóm tập hợp định bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

Xin Thượng tọa hãy tụng giới.

Thầy đáp:

Tôi chỉ tụng thông thạo có một thiên.

Tăng lại thưa Thượng tọa thứ hai, thì Thầy đáp:

Tôi chỉ tụng thuộc có hai thiên.

Như vậy, mỗi người chỉ tụng thuộc có một thiên, họ bèn tuần tự tụng mỗi người một thiên để bố-tát. Nhưng khi bố-tát xong sinh nghi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ta không cho phép cùng lần lượt tụng để bố-tát. Nếu gặp trường hợp như thế thì cùng ủy thác cho một người thông minh tụng thuộc để tụng. Khi tụng đến chỗ nào mà quên, thì người khác được tụng tiếp. (**448b**) Nếu phối hợp nhau lần lượt tụng để bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không tụng thuộc tất cả.

12/ Tụng xuôi, tụng ngược

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có các Tỳ-kheo đang sống trong thôn xóm, vân tập bố-tát. Có một Tỳ-kheo tụng thuộc giới bản xuôi và ngược. Thầy bắt đầu tụng từ bài tựa cho đến pháp tùy thuận, rồi tụng ngược từ pháp tùy thuận lên giới bản để bố-tát. Nhưng khi bố-tát xong tâm sinh nghi ngờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép tụng ngược mà phải tụng xuôi. Nếu lúc tụng mà lỡ quên thì được tụng bổ khuyết. Người nào tụng xuôi rồi tụng ngược để bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tụng xuôi, ngược.

13/ Muốn nghe từ đầu

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo vân tập bố-tát, tụng giới bản cho đến pháp tùy thuận thì có Tỳ-kheo khách tới, nói:

Thưa trưởng lão, tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe.

Người tụng bèn đọc lại từ bài tựa của giới cho đến pháp tùy thuận. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Vì sao các ông tụng lại giới bản cho người muốn nghe lại từ đầu? Từ nay về sau ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo Tăng vân tập bố-tát tụng giới đến pháp tùy thuận mà có Tỳ-kheo khách đến rồi vào ngồi nghe, tức được gọi là bố-tát. Nếu Tỳ-kheo khách nói: "Tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe", thì hãy đợi Tăng giải tán rồi hãy tụng cho vị ấy. Nếu Tăng chưa giải tán mà tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là muốn nghe từ đầu.

14/ Chưa thọ Cụ túc

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo nói cho người chưa thọ Cụ túc về năm thiên tội từ tội Ba-la-di, đến tội Việt-tỳ-ni. Sau đó, vị Tỳ-kheo ấy vào thôn xóm, người thế tục nói:

Trưởng lão, Thầy phạm tội Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm xấu hổ, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Vì sao các ông lại nói giới bản năm Thiên tội cho người chưa thọ Cụ túc nghe? Từ nay về sau ta không cho phép đem nói với người chưa thọ Cụ túc. Chỉ được nói: "Ông không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối v.v...", như vậy mà thôi. Nếu ai đem nói tên của năm Thiên tội thuộc giới bản cho người chưa thọ Cụ túc nghe (**448c**) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa thọ Cụ túc.

15/ Tụng giới quá sớm

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, sáng sớm thức dậy liền bố-tát. Khi làm xong, có Tỳ-kheo khách đến, nói: Trưởng lão hãy đến cùng tôi bố-tát.

Thầy đáp:

Tôi đã bố-tát rồi.

Tỳ-kheo khách nói:

Trưởng lão bố-tát như thế là quá sớm.

Rồi thầy đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau không nên bố-tát quá sớm. Nếu một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm thì đến ngày bố-tát nên quét tháp và trú xứ của Tăng.

Nếu có người đến thì dùng nước hoa rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn, đợi Tỳ-kheo khách đến rồi cùng nhau bố-tát. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến mà bản thân mình có tội thì nên suy nghĩ: "Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh thì sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp."

Sau khi nghĩ thế xong, nên tâm niệm, miệng nói:

Hôm nay ngày 15, Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh thọ bố-tát.

Nói như vậy ba lần. Nếu khi bố-tát xong mà có Tỳ-kheo khách đến, thì vị này nên nói lời tùy hỉ: – Trưởng lão đã bố-tát, tôi là mỗ giáp xin tùy hỉ.

Nếu không thể tùy hỉ thì phải ra ngoài cương giới bố-tát. Nếu ai bố-tát lúc sáng sớm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bố-tát quá sớm.

16/ Một trú xứ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang đi trên đường, vì trời u ám, tưởng trời đã tối nên vào trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn bố-tát. Khi bố-tát xong thì trời quang tạnh, thấy mặt trời hãy còn sớm, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: "Chúng ta nên ra đi." Khi họ đi rồi, bỗng chốc chúng thứ hai lại đến. Thế rồi, họ bố-tát tại đó, đồng thời nghỉ đêm luôn ở đây đến sáng hôm sau mới đi. Lúc đi trên đường bèn gặp nhóm Tỳ-kheo bố-tát trước, liền hỏi:

Thưa trưởng lão, đêm rồi trưởng lão nghỉ ở đâu?

Nghỉ tại mỗ xứ.

Vậy chứ bố-tát nơi nào?

Tại mỗ xứ.

Chúng tôi cũng bố-tát tại nơi đó.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau tại một chỗ không được bố-tát hai lần. Nếu Tỳ-kheo đi xa, đến ngày bố-tát vào trú xứ của Tỳ-kheo trong Thôn để bố-tát, thì lúc bố-tát xong không được im lặng bỏ đi, mà phải dặn lại sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò rằng: "Nếu có Tỳ-kheo đến thì nên nói cho họ biết rằng ở đây đã có bố-tát rồi."

Nếu không có ai cả thì nên viết nơi cột hay cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Nếu mình đến sau thì nên hỏi, nên tìm dấu vết, không được bố-tát liền. Nếu đoàn người trước (**449a**) không dặn, không

làm dấu, đoàn người sau không hỏi, không tìm dấu vết, thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là một trú xứ.

17/ Hai chúng

Nếu hai chúng Tỳ-kheo khách đến, một chúng bố-tát vào ngày 14, một chúng bố-tát vào ngày 15, vậy thì nên theo ai? Nên theo chúng đến trước.

Nếu hai chúng cùng vào một lúc thì nên theo chúng có Thượng tọa. Nếu không phân biệt lớn nhỏ được thì nên theo người giữ luật.

Nếu hai chúng cùng có người giữ luật như nhau thì nên theo chúng nào ngõ lời trước, hoặc là ngày 14, hoặc ngày 15, nên theo họ bố-tát. Đó gọi là hai chúng.

18/ Cả hai đều đã tụng, cả hai đều chưa tụng

Khách Tỳ-kheo bố-tát ngày 14, còn cựu Tỳ-kheo bố-tát ngày 15. Nếu khách Tỳ-kheo đến chỗ cựu Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo nói với khách Tỳ-kheo: "Thưa trưởng lão, chúng ta cùng hợp tác bố-tát", thì lúc đó, khách Tỳ-kheo không được nói: "Chúng tôi đã Bố-tát xong" (rồi ở yên trong trú xứ), mà nên đi ra ngoài cương giới để giữ tính chất hòa hợp.

Nếu cựu Tỳ-kheo bố-tát ngày 14, khách Tỳ-kheo bố-tát ngày 15 mà khách Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão, hãy bố-tát", thì cựu Tỳ-kheo nên nói:

Chúng tôi đã bố-tát rồi.

Lúc ấy, khách Tỳ-kheo nên nói lời tùy hỉ:

Trưởng lão đã bố-tát rồi, chúng tôi xin tùy hỉ.

Nếu không tùy hỉ thì nên ra ngoài cương giới bố-tát. Đó gọi là cả hai đều đã tụng hoặc cả hai đều chưa tụng.

19/ Gởi dục

Khi chúng tăng vân tập bố-tát, thì có một Tỳ-kheo vì việc y bát không đến dự được, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ này về sau, Ta cho phép gởi dục. Người gởi dục nên nói thế này:

Xin Trưởng lão hãy lắng nghe. Hôm nay (hoặc ngày 14, hoặc ngày 15) chúng Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp xin gởi dục bố-tát thanh tịnh. Xin trưởng lão hãy nói giúp tôi (nói như vậy ba lần).

Khi gởi dục, không được gởi cho người mù mờ, mà nên gởi cho người có thể nhận dục vào giữa chúng Tăng nói rành mạch. Nếu vì bận việc y bát mà lúc bố-tát không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gởi dục.

20/ Nhận dục

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo Tăng vân tập làm yết-ma bố-tát, thì có một Tỳ-kheo đang bệnh và lo việc y bát, gởi dục cho Tỳ-kheo khác, nhưng vị này không nhận. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau phải nhận dục. Khi nhận dục phải tự suy nghĩ xem mình có thể truyền dục được không. Không được nhận dục nhiều người, chỉ nhận tối đa ba người. Khi gởi dục, nên nói như sau: Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay chúng Tăng bố-tát, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp xin gởi dục bố-tát thanh tịnh.

Nếu quên tên thì nên nhớ số tuổi, rồi nói:

Vị Tỳ-kheo chừng ấy tuổi.

Nếu đó là Tỳ-kheo khách thì nói là khách; bệnh thì nói là bệnh, rằng:

Tỳ-kheo... gởi dục bố-tát thanh tịnh.

Nếu ai đang bệnh và lo việc y bát gởi dục mà không nhận (**449b**) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nhận dục.

21/ Gởi dục nhiều

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng bố-tát, những người gởi dục thì nhiều mà những người tập hợp thì ít. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép khi bố-tát mà những người gởi dục thì nhiều, còn những người tập hợp thì ít. Nếu bố-tát trong trường hợp ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gởi dục nhiều.

22/ Gởi dục bằng số người kia

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng bố-tát, thì số người gởi dục bằng số người tập hợp làm bố-tát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép làm bố-tát mà số người gởi dục bằng số người tập hợp. Số người tập hợp phải nhiều hơn, nếu bằng số người gởi dục mà bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là số người gởi dục bằng số người tập hợp.

23/ Cù-sư-la

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-di, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng vân tập bố-tát, vị làm yết-ma xử đoán nói lớn tiếng, cư sĩ Cù-sư-la nghe thế bèn đi vào giới trường. Tăng liền im lặng. Chốc lát, ông ta bước ra, thì Tăng tiếp tục giải quyết sự việc lại nói lớn tiếng như trước. Đến ba lần như vậy, rồi cư sĩ thầm nghĩ: "Khi Ta vào thì im lặng, khi Ta ra thì lại lớn tiếng, giờ ta hãy vào mà không trở ra nữa", như trường hợp Cù-sư-la hỏi tôn giả A-nan, mà trong Lục Nhập diên Kinh đã nói rõ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Nếu đó là người có đức hạnh cao quí muốn nghe chúng Tăng giải quyết công việc thì nên để cho ông ta nghe. Đồng thời, nếu trong chúng có người tài giỏi, nói năng lưu loát, giải quyết sự việc phân minh thì cứ tự nhiên tiến hành. Trái lại, nếu giải quyết sự việc trước kẻ phàm phu tầm thường thì phạm tội Việt-tỳ-ni: Đó gọi là Cù-sư-la cư sĩ.

24/ Đại-ái-đạo

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Đại-ái-đạo Cù-đàm-di gởi dục mà Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng hầu một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo không nhận dục con gởi thì ai nhận?

Bấy giờ Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp cho Đại-ái-đạo Cù-đàm-di khiến bà sinh tâm hoan hỉ, bèn cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi cáo lui. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni gởi dục thì nên nhận. Nếu mình là Thượng tọa thì nên nói:

Tôi là Thượng tọa của chúng Tăng nên không nhận dục.

Hoặc là người dạy bảo Ni, hoặc là người tụng giới thì phải tự trình bày rõ, không nên nhận dục. Nếu là người coi phòng, (**449c**) người có bệnh thì nên nói:

Tôi không đến trong Tăng, nên gởi dục người khác.

Trái lại nếu nói: "Tôi là Tỳ-kheo khất thực, tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi là người mặc y phấn tảo, tôi là hàng đại đức, rồi không nhận dục", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu nói: "Tôi là Thượng tọa, là người dạy bảo Ni, là người tụng giới", rồi không nhận dục, thì không có tội. Đó gọi là Cù-đàm-di Đại-ái-đạo.

25/ Xiển-đà

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-di, lúc ấy Tăng vân tập bố-tát, thì Tỳ-kheo Xiển-đà không chịu đến. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, trường hợp ấy phạm vào tội gì?

Phật dạy:

Phạm tội Thâu-lan. Nếu bố-tát mà Tỳ-kheo không chịu đến như thế thì phạm Thâu-lan. Nếu vì việc y bát nên không đến mà không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

26/ Bị bệnh

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc Tỳ-kheo vân tập định bố-tát thì có một Tỳ-kheo bệnh phong lên cơn động kinh, bèn nói với người ở phòng bên cạnh:

Thưa trưởng lão, tôi bị bệnh phong đang lên cơn, xin gởi dục thanh tịnh cho trưởng lão.

Nhưng Tỳ-kheo ấy không nhận, thầy bèn đi đến trước Thượng tọa, cởi dép, quỳ gối chắp tay, bạch như sau:

Con là Mỗ giáp, thanh tịnh, xin Thượng tọa ghi nhớ cho.

Nói như vậy ba lần, rồi đi. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, như vậy có được không?

Phật dạy:

Gởi dục như thế là tốt, đã làm đúng pháp. Nhưng người không nhận dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là bị bệnh.

27/ A-luyện-nhã

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và trong thôn xóm thường làm bố-tát chung. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã vào trong thôn bố-tát xong, liền đi. Họ đi không bao lâu thì có Tỳ-kheo khách đến, lại cũng bố-tát tại đó, rồi nghỉ đêm luôn ở đây. Sáng hôm sau, hai bên gặp nhau, liền hỏi:

Đêm hôm qua trưởng lão nghỉ ở đâu?

Nghỉ tại đây.

Thế còn bố-tát tại đâu?

Cũng tại đây.

Họ nghe thế, lòng sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép tại một chỗ mà bố-tát hai lần. Nếu ở A-luyện-nhã vào trong thôn bố-tát thì khi ra đi không được làm thinh mà phải dặn lại sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò, rằng: "Nếu sau đó có Tỳ-kheo đến thì nói cho họ biết là ở đây đã làm bố-tát rồi." Nếu không có người, thì nên viết trên cột hoặc trên cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Người đến sau thì nên hỏi, tìm dấu vết. Nếu người ra đi không dặn dò, không làm dấu, còn người đến sau không hỏi, không tìm dấu vết thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là A-luyện-nhã.

28/ Không nên gởi dục mà gởi

(**450a**) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp đúng lúc thì gởi dục yết-ma, tập hợp phi thời thì gởi dục thanh tịnh. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép khi tập hợp đúng thời thì gởi dục yết-ma, khi tập hợp phi thời thì gởi dục thanh tịnh; trái lại, khi tập hợp phi thời nên gởi dục yết-ma, khi tập hợp đúng thời

nên gởi dục thanh tịnh. Đồng thời khi tập hợp đúng thời cũng có thể gởi cả hai loại dục, nói như sau: "Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng bố-tát – ngày 14, hoặc ngày 15 – tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp xin gởi dục bố-tát thanh tịnh, mong trưởng lão nói giúp cho tôi." (nói như vậy ba lần). Khi gởi dục yết-ma cũng nói ba lần. Nếu lúc tập hợp phi thời mà gởi dục thanh tịnh, lúc tập hợp đúng thời mà gởi dục yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không nên gởi dục mà gởi.

29/ Sông A-chi-la

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi đến gần sông A-chi-la trải tọa cụ ngồi tụng giới. Thế rồi, nước sông dâng lên dần dần đến đầu gối, rồi lên cao ngang miệng, khiến họ cực khổ tột độ. Sau đó, họ trở về chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn, có thể đứng bố-tát được không?

Phật dạy:

Được. Được đi, đứng, ngồi, nằm bố-tát.

Đi bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đi với khách buôn, đến ngày bố-tát mà gặp đoạn đường nguy hiểm, khách buôn không dám chờ, thì được vừa đi vừa bố-tát. Trước hết phải trù tính xem đi đến chỗ nào mới tụng xong giới bản, hoặc dãy núi, hoặc tảng đá, thì lấy đó làm tiêu xí, rồi đưa cánh tay ra chạm vào nhau làm yết-ma định cương giới bố-tát. Khi làm yết-ma xong mới bố-tát. Đó gọi là bố-tát khi đi.

Đứng bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đông mà không có giường ghế để ngồi thì tất cả đứng đưa cánh tay ra chạm vào nhau mà bố-tát. Đó gọi là đứng bố-tát.

Ngồi bố-tát: Có giường ghế dùng để ngồi bố-tát. Đó gọi là ngồi bố-tát.

Nằm bố-tát: Nếu Tỳ-kheo già bệnh không thể ngồi lâu, mà giường kê sát bên nhau, thì có thể nằm bố-tát. Đó gọi là nằm bố-tát. Tóm lại, đó gọi là sông A-chi-la.

30/ Mười một trường hợp không được gọi là gởi dục

1. Chuyển dục: Chẳng hạn nói: "Thưa trưởng lão, trước đây tôi có nhận dục của mỗ giáp giờ xin chuyển lại trưởng lão, gồm luôn cả dục của tôi." Đó gọi là chuyển dục.
2. Gởi dục qua đêm: Chẳng hạn ngày mai mới bố-tát mà hôm nay đã gởi dục. Đó gọi là gởi dục qua đêm.
3. Ở ngoài cương giới: Ra ngoài cương giới gởi dục. Đó gọi là ở ngoài cương giới.
4. Tỳ-kheo-ni: Gởi dục cho Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.
5. Chưa thọ Cụ túc: Gởi dục cho người chưa thọ Cụ túc. Đó gọi là chưa thọ Cụ túc.
6. Nhận dục rồi ra đi: Nhận dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là nhận dục rồi ra đi.
7. Gởi dục rồi ra đi: Gởi dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là gởi dục rồi ra đi.
8. Nhận dục rồi trả giới: Nhận dục xong rồi trả lại giới Cụ túc đã Thọ (hoàn tục). Đó gọi là nhận dục rồi trả giới.
9. (**450b**) Gởi dục rồi trả giới: Gởi dục cho người khác rồi trả giới cụ túc mà mình đã Thọ. Đó gọi là gởi dục rồi trả giới.
10. Mất dục: Tỳ-kheo bị bệnh gởi dục xong rồi, nghe trong Tăng có pháp sư thuyết pháp, luật sư giảng luật, liền thân hành đến nghe. Nhưng ngồi lâu mỏi mệt, liền lặng lẽ rời chỗ ngồi ra về, vì nghĩ rằng trước đây mình đã gởi dục rồi. Trường hợp này không thể gọi là gởi dục, phải gởi dục lại. Đó gọi là mất dục.
11. Hủy hoại chúng: Đến ngày bố-tát, Tỳ-kheo Tăng vân tập, các Tỳ-kheo không đến liền gởi dục thanh tịnh. Thế rồi,

gặp mưa gió dữ dội, hoặc bị lửa cháy, giặc cướp, do vậy, các Tỳ-kheo kinh hoàng bỏ đi hết. Trường hợp này không thể gọi là mang dục đến trong Tăng. Nhưng nếu còn một người ngồi lại, thì được gọi là mang dục đến trong Tăng. Tóm lại, đó là mười một trường hợp không được gọi là gởi dục.

31/ Bốn cách bố-tát

1. Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, đến ngày bố-tát cần phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người khác đến, thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, đốt đèn, rải hoa, rồi chờ Tỳ-kheo khách. Nếu không ai đến mà mình có tội thì nên thầm nghĩ: "Khi nào gặp Tỳ-kheo thanh tịnh Ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp." Thầm nghĩ thế rồi, quỳ gối, chắp tay, tâm niệm miệng nói: "Hôm nay Tăng bố-tát (hoặc ngày thứ 14, hoặc ngày thứ 15), tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh thọ bố-tát." (nói như thế ba lần). Đó gọi là một người thọ.
2. Hai người nói: Khi hai Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, đến ngày bố-tát phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu có tội thì phải sám hối lẫn nhau đúng pháp, rồi quỳ gối chắp tay, nói như sau: "Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng bố-tát (hoặc ngày thứ 14, hoặc ngày thứ 15), tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh." Đó gọi là hai người nói.
3. Ba người nói: Cũng như trường hợp hai người ở trên.
4. Bốn người tụng đầy đủ: Khi bố-tát bốn người thì nên tụng đầy đủ giới bản. Đó gọi là tụng đầy đủ.

32/ Bốn cách tụng giới

1. Tụng từ bài tựa của giới cho đến hết bốn pháp Ba-la-di, (rồi nói:) "Những vấn đề khác Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.

2. Tụng từ đầu đến hết mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, (rồi nói): "Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.
3. Tụng từ đầu đến hết ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, (rồi nói): "Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.
4. Tụng từ đầu đến chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, rồi tiếp tụng đầy đủ cho đến hết.

Đó gọi là bốn cách tụng.

33/ Khi bố-tát có bảy trường hợp nên ngăn cản

1. Người không ở chung;
2. Người hành Biệt trụ;
3. Người chưa thọ Cụ túc;
4. Chưa Thuyết dục;
5. Chưa điểm danh;
6. Vì vấn đề hòa hợp;
7. Sự hòa hợp chưa hoàn toàn.

Đó gọi là bảy trường hợp nên ngăn cản khi bố-tát.

34/ Khi bố-tát có hai trường hợp nên ngăn cản

1. Nếu thực hiện bố-tát thì (**450c**) Tăng sẽ đấu tranh nhau;
2. Tăng bị phá.

Đó gọi là hai trường hợp nên ngăn cản.

Tóm lại, trên đây là vấn đề bố-tát, gởi dục và nhận dục.

*

PHÉP AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo du hành vào mùa mưa, dẫm đạp làm hại nhiều sinh vật, bị người đời chê trách rằng:

Chín mươi sáu loại người xuất gia còn biết an cư, như chim ẩn mình nơi tổ, còn sa-môn Thích tử tự cho mình là tốt đẹp mà không an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Như thế thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay về sau, vào mùa mưa nên an cư. Phép an cư, cứ đến ngày 16 tháng tư, Tỳ-kheo nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói với Tỳ-kheo khác như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, sẽ an cư ba tháng đầu mùa mưa tại Tăng già-lam này (nói như vậy ba lần). Nếu Tỳ-kheo đang đi đường chưa đến trú xứ mà tới ngày an cư, thì nên thọ an cư ở bên lề đường, hoặc nơi gốc cây, hoặc trên xe, rồi rạng đông hôm sau sẽ đến trú xứ.

Khi đến sau ngày an cư, nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, an cư ba tháng sau mùa mưa tại Tăng già-lam này. (nói như vậy ba lần).

Nếu Tỳ-kheo đi đường, đến ngày an cư mà không thọ tiền an cư thì phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi đến trú xứ tới ngày hậu an cư mà không thọ an cư thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Thế là người đó đã phá an cư, không được nhận y cúng dường.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo nương tựa thôn xóm để an cư mùa mưa, rồi người đàn việt trông coi

công việc của Tăng cần xả nước vào ruộng, bèn nhờ Tỳ-kheo đến xin vua tháo nước.

Lúc ấy, Tỳ-kheo mang theo y bát bên mình, đến cửa vua mấy lần mà không được yết kiến. Hơn nữa, đường sá lại xa xôi, nên thầy càng sợ trễ thời gian an cư. Đức Thế Tôn thấy thế, tuy biết, nhưng vẫn hỏi:

Ông là khách Tỳ-kheo phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Ông là Tỳ-kheo ra đi phải không?

Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

Thế thì vì sao mang theo y bát?

Tỳ-kheo bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, khi an cư mùa mưa, nếu có người bận công việc của Tháp, của Tăng thì nên làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây – Vì công việc của Tháp của Tăng – được đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp vì công việc của Tháp, của Tăng đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này an cư.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu có trường hợp như trên vì tháp, vì Tăng, đi tìm kiếm các thứ như y, bát, bát nhỏ, tô, dây thắc lưng và tất cả các vật khác, thì ít nhất cũng phải tìm được một vật. Nếu không được gì cả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi công việc xong nên trở về, hoặc nửa tháng, một

tháng, hai tháng, cho đến sau khi Tự tứ phải trở về. Nếu không trở về thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên đường có bọn cướp nguy hiểm vì sợ mất mạng, phải Tự tứ ở đó, thì không có tội. Đó gọi là phép An cư.

*

PHÉP TỰ TỨ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo du hành đến nước Câu-tát-la, thấy một khu rừng ở gần sông Cừ-ma-đế. Trong rừng có một cây tát-la to lớn, rỗng ruột, tàng cây rậm rạp sum sê, dưới cây bằng phẳng rộng rãi, cách thôn xóm không xa, không gần. Thấy thế, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: "Ở đây an cư rất tốt." Kẻ trước, người sau, ai nấy trông thấy cũng đều nghĩ thế. Đến ngày an cư, một Tỳ-kheo đến đó trước, dọn dẹp xung quanh cây khoảng khoát, đặt y bát, rồi trải cỏ mà ngồi. Trong chốc lát lại có Tỳ-kheo khác đến, hỏi:

Trưởng lão muốn an cư ở đây sao?

Thầy đáp:

Vâng, ở đây rất tốt.

Cứ tiếp tục như vậy đến sáu mươi người. Thế rồi, người đến trước hỏi các Tỳ-kheo đến sau:

Các trưởng lão đều muốn An cư ở đây cả sao?

Họ đáp:

Vâng, ở đây rất tốt. Trong cây này có thể cất được y bát, còn xung quanh bên trái bên phải thì đủ chỗ để an cư.

Khi thọ an cư xong, họ bàn nhau:

Thưa các trưởng lão, chúng ta nên quy định điều gì để được sống an lạc?

Mọi người đáp:

Đời sống phải lo âu khổ não đều do thân và miệng. Chúng ta đã được nơi yên tịnh thế này hãy cùng nhau im lặng, vậy hãy cam kết không được nói chuyện.

Sau khi cam kết không nói chuyện, họ tuân thủ suốt ba tháng, rồi an cư xong họ trở về thành xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông an cư ở đâu?

Bạch Thế Tôn, tại mỗ xứ.

Có ít bệnh, ít khổ não, khất thực không khó khăn, hành đạo đúng pháp, sống an lạc không?

Bạch Thế Tôn, ít bệnh, ít khổ não, khất thực dễ dàng, sống an lạc, im lặng trong ba tháng, rồi từ biệt nhau ra đi.

Đó là việc xấu. Như thế chẳng khác gì oan gia sống với nhau, lẽ ra nên nói chuyện với nhau mới phải.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật, Kim-tì-lư, Bạt-đề cùng nhau an cư tại núi Tháp. Khi an cư xong, họ trở về thành xá-vệ, đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Các ông an cư ở đâu?

Bạch Thế Tôn, tại mỗ xứ.

Này các Tỳ-kheo, có ít bệnh, ít khổ não, khất thực không khó khăn, hành đạo (**451b**) đúng pháp, sống an lạc không?

Bạch Thế Tôn, ít bệnh, ít khổ não, khất thực dễ dàng, sống im lặng an lạc ba tháng không nói chuyện, rồi từ biệt nhau.

Đó là việc xấu, giống như oan gia sống với nhau. Từ nay về sau Ta không cho phép không nói chuyện với nhau. Nếu muốn thuận lợi, ít việc thì có thể không nói trong nửa tháng; nhưng đến ngày bố-tát thì phải nói năng, chào hỏi, vấn an chúc tụng nhau. Qua

ngày bố-tát thì lại tiếp tục như trước. Nếu vì kiêu căng, giận dữ mà không nói chuyện với nhau thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Kể từ hôm nay vì các đệ tử ta chế định phép Tự tứ gồm các vấn đề: (1) Ba tháng; (2) Nói ba việc; (3) Kết thúc an cư; (4) An cư ở đâu Tự tứ ở đó; (5) Từ Thượng tọa; 6/ Hòa hợp.

1/ Ba tháng: Từ ngày 16 tháng Tư đến ngày 15 tháng bảy.

2/ Nói ba việc: Thấy, nghe và nghi.

3/ Kết thúc an cư: Tiền an cư từ ngày 16 tháng Tư đến ngày 15 tháng bảy. Hậu an cư từ ngày 16 tháng năm đến ngày 15 tháng tám. Nếu trong chúng an cư có một người tiền an cư thì đến ngày 15 tháng bảy tất cả chúng đều đồng loạt thọ tự tứ với người này. Nhưng khi Tự tứ xong phải ở lại cho đến ngày 15 tháng tám. Nếu tất cả đều hậu an cư thì tất cả đều phải Tự tứ vào ngày 15 tháng tám. Đó gọi là kết thúc an cư.

4/ An cư ở đâu Tự tứ ở đó: Nếu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm rồi nghe trong thành đến ngày Tự tứ có cúng dường các phẩm vật và thuyết pháp suốt đêm, mà cả chúng đều muốn đến dự thì nên Tự tứ ngày 14 xong rồi mới đi. Nếu an cư nơi này mà Tự tứ nơi khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

5/ Từ Thượng tọa: Không được theo thứ tự ngược từ nhỏ trở lên mà phải theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống; không được đặt người từng hàng theo lối sớt thêm thức ăn; không được việt vị; không được xướng tổng quát rằng:

Tất cả đại đức Tăng nếu thấy nghe nghi tội thì tự do nói. Đó gọi là từ Thượng tọa.

Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp làm người nhận Tự tứ. Hoặc một, hoặc hai người, không thể nhiều hơn. Rồi người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm người nhận Tự tứ.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp mỗ giáp làm người nhận Tự tứ, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Người nhận yết-ma rồi nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Thời gian Tự tứ đã đến. Nếu thời gian của Tăng thích hợp thì tất cả Tăng đều thọ Tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi, người Tự tứ trước nhất bắt đầu từ Thượng tọa. Thượng tọa phải trật vai áo bên phải (**451c**) quỳ gối, chắp tay nói (với người nhận Tự tứ) như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho. Hôm nay ngày 15 Tăng Tự tứ. Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, nếu có tội do thấy, nghe hay nghi xin trưởng lão và Tăng xót thương nói cho Tôi biết. Nếu thấy biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp" (nói như thế ba lần).

Kế tiếp đến người thứ hai. Người thứ hai này nếu là Hạ tọa thì phải cúi đầu sát dưới chân, nói (như trên, chỉ có tiếng Đại đức là khác). Nếu hai người cùng làm người nhận Tự tứ, thì một người nhận Thượng tọa Tự tứ, còn một người nên rời khỏi chỗ ngồi xuống đứng phía trước. Khi Thượng tọa nói Tự tứ xong thì tiếp đến Hạ tọa nói. Cứ như thế lần lượt theo thứ tự đến người cuối cùng. Bản thân người nhận Tự tứ phải Tự tứ trước, chứ không được nhận Tăng Tự tứ rồi mình mới Tự tứ sau.

6/ Hòa hợp: Không được thọ Tự tứ trong lúc Tăng không hòa hợp. Không được gởi dục thọ Tự tứ. Nếu có người bệnh thì phải đem họ đến. Nếu đem đến e nguy đến tính mạng thì Tăng nên tề tựu bên giường (để Tự tứ). Nếu bệnh nhân nhiều thì nên khiêng cả giường đến, rồi đặt cạnh giường liên tiếp nhau. Nếu khiêng giường đến e lâm nguy đến tính mạng, thì các Tỳ-kheo không

bệnh nên ngồi nối tiếp nhau (từ chỗ người bệnh đến chỗ Tự tứ). Nếu ngồi không tiếp giáp, thì những Tỳ-kheo không bệnh nên ra ngoài cương giới Tự tứ; còn Tỳ-kheo bệnh thì Tự tứ trong cương giới. Trong trường hợp đại chúng đông, hoặc một vạn, hai vạn, thì nên vân tập tất cả một chỗ, hoặc là giảng đường, trai đường, nhà tắm để *thọ Tự tứ*. Còn những người khác thì vừa xỉa răng, vừa đi đại tiểu tiện, vừa ăn, cứ như thế suốt ngày thông qua đêm, đều phải ở nơi đó mà Tự tứ cho đến trước rạng đông hôm sau, không được rời khỏi chỗ, không được đi xa. Nếu đại chúng đông đến sáu vạn, tám vạn người, sợ làm không rốt ráo, thì nên đem bớt một số ra ngoài cương giới Tự tứ. Hoặc một người thọ Tự tứ, hoặc hai người nói, hoặc ba người, bốn người nói Tự tứ. Còn trường hợp năm người thì phải Tự tứ đầy đủ.

Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo An cư trong thôn xóm, đến ngày Tự tứ phải quét Tháp và Tăng viện. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu bản thân có tội thì nên thầm nhủ: "Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh đến thì ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp." Thầm nhủ như thế rồi, phải quỳ gối, chắp tay, tâm niệm, miệng nói: "Nay Tăng Tự tứ ngày 15, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp thanh tịnh thọ Tự tứ" (nói như vậy ba lần).

Hai người nói: Khi có tội thì sám hối với nhau đúng pháp, rồi trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói: "Xin trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Tự tứ ngày 15, nếu tôi có tội do thấy, nghe hoặc nghi, xin trưởng lão xót thương nói cho tôi biết. Nếu tôi tự thấy hay biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp" (nói như thế ba lần).

Trường hợp ba người, bốn người cũng nói như trên. Nhưng trường hợp năm người thì nên Tự tứ đầy đủ. (**452a**) Tóm lại, trên đây là phép Tự tứ.

*

Hết quyển thứ hai mươi bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 28

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

VẤN ĐỀ Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại Câu-thiểm-di, vườn Cù-sư-la, được Chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, phu nhân của vua Câu Thiểm Di đem 500 tấm lụa dâng cúng cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan:

Ông đem các tấm lụa này cho các Tỳ-kheo.

Nhưng các Tỳ-kheo không lấy, nói với A-nan:

Đức Thế Tôn không cho phép cất vải thừa, dùng lụa này để làm gì? Hơn nữa, nó cũng chưa được giặt nhuộm, lại càng không hợp pháp.

A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan:

Từ nay trở về sau, Ta cho phép cất vải thừa trong 10 ngày.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cất các vải ấy đủ 10 ngày, bèn cầm đến bạch với Phật:

Các vải này đã cất đủ 10 ngày, bạch Thế Tôn!

Phật liền dạy:

Từ nay trở về sau, Ta cho phép thọ y Ca-hi-na. Y Ca-hi-na có các trường hợp: thời gian; chúng Tăng nhiều người, một người; năm

việc lợi ích; mới; chưa thọ; bất đình; tiệt tịnh; nhiễm tịnh; điểm tịnh; đao tịnh.

1/ Thời gian: Thời gian thọ y Ca-hi-na từ 16 tháng 7 đến 15 tháng 8. Đó gọi là thời gian.

2/ Chúng Tăng: Chúng Tăng làm y Ca-hi-na thì không được cho nhiều người, không được cho một người; nhiều người làm y Ca-hi-na thì không được cho một người.

3/ Năm việc lợi ích: Khỏi phạm năm tội sau đây: được ăn riêng chúng; được ăn nhiều chỗ; trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đâu không cần bạch với chúng; được cất vải lâu ngày; được rời y mà ngủ. Đó gọi là năm việc lợi ích.

4/ Mới: Vải mới.

5/ Chưa thọ: Chưa từng dùng làm ba y.

6/ Bất đình: Y tịnh thí khi xả rồi được dùng làm y Ca-hi-na. Đồng thời các loại y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y che ghẻ, y tắm mưa và những tấm vải được may thêu mà chưa sử dụng đều được dùng làm y Ca-hi-na.

7/ Tiệt tịnh: Cắt các tua để tác tịnh.

8/ Nhiễm tịnh: Nhuộm để tác tịnh.

9/ Điểm tịnh: Chấm ở góc để tác tịnh.

10/ Đao tịnh (**452b**): Dùng dao cắt ba nhát, đứt ba sợi, cách đầu góc tấm vải chừng bốn ngón tay, đó gọi là đao tịnh.

Nếu đàn việt cúng dường cho Tăng vải may y Ca-hi-na, thì không được im lặng thọ nhận, mà người thọ nhận nên nói như sau:

Nay tôi nhận vải để may y Ca-hi-na này cho Tăng.

Khi nhận xong, đem vào giữa Tăng, tay cầm tấm vải căng ra, giơ cao lên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tấm vải này, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nhận lấy tấm vải này để may y Ca-hi-na. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tấm vải này, Tăng nhận tấm vải này để may y Ca-hi-na này. Các đại đức nào bằng lòng nhận lấy tấm vải này để may y Ca-hi-na này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói Tăng đã bằng lòng nhận lấy tấm vải này để may y Ca-hi-na xong, vì im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi nhận xong, xem trong Tăng ai có thể may y Ca-hi-na được thì làm yết-ma giao cho một, hai hoặc ba người. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được tấm vải này. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức tăng lắng nghe. Nay Tăng được tấm vải này, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp may y Ca-hi-na cho Tăng xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Một người làm chủ trong số những người làm yết-ma, khi nhận tấm vải này, nên nói như sau:

Nhận tấm vải may y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận (nói *như vậy ba lần).*

Khi giặt nên nói như sau:

Giặt y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận.

Khi cắt, khi may, khi nhuộm, khi điểm tịnh tùy theo việc làm gì đều nói như trên.

Người dùng dao điểm tịnh, khi hạ dao cắt cách đầu góc tấm vải bốn ngón tay, nên nói như sau:

Y Ca-hi-na này Tăng nên thọ (nói ba lần như thế).

Khi làm các việc khác cũng phải nói như thế. Nếu tác tịnh mà không nói thì cũng được gọi là y Ca-hi-na, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm các việc đều nói mà không tác tịnh, thì không được gọi là y Ca-hi-na, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mỗi việc làm đều khởi tâm tác tịnh, thì được gọi là y Ca-hi-na, không có tội.

Nếu Tăng được y đúng thời, làm xong, thì tất cả nên hòa hợp. Người làm yết-ma nên cầm y xổ ra, đưa cao lên, nói như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, (**452c**) Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Đây là lời tác bạch.*

Xin đại đức tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Các đại đức nào bằng lòng thọ y Ca-hi-na này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng thọ y Ca-hi-na xong, vì im lặng; tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi thọ y xong, nên xếp lại bỏ vào rương, rải hoa lên trên, rồi từ Thượng tọa trở xuống theo thứ tự, nói lời tùy hỷ như sau:

Xin trưởng lão ghi nhớ cho, Tăng ở trú xứ này thọ y Ca-hi-na, tôi Tỳ-kheo mỗ giáp xin tùy hỷ thọ cho đến hết bốn tháng mùa Đông. Khi ở trú xứ này hết thời hạn, tôi sẽ xả (nói như vậy ba lần).

Nếu đại chúng đông đến một vạn, hai vạn người, tập hợp khó khăn, thì nhiều người được thọ y Ca-hi-na riêng, nhưng tất cả phải làm như đại chúng, chỉ có gọi tiếng nhiều người là khác thôi. Tuy nhiên, từ bốn người trở lên thì không được làm riêng. Nếu chỉ có một người làm thì khi thọ nên nói:

Nay tôi xin nhận tấm vải làm y Ca-hi-na này (nói như vậy ba lần).

Khi cắt nên nói như sau:

Y Ca-hi-na này nay tôi xin thọ.

Khi may, khi giặt, khi nhuộm, khi điểm tịnh, khi cắt làm dấu tác tịnh đều nói như trên.

Khi làm hoàn thành, tâm nghĩ miệng nói:

Tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp, thọ y Ca-hi-na này (nói như vậy ba lần).

Vấn đề thọ y Ca-hi-na có các trường hợp: Có trường hợp khi làm mà không phải khi thọ; Có trường hợp khi thọ mà không phải khi làm; Có trường hợp khi làm cũng là khi thọ; Có trường hợp không phải khi làm, cũng không phải khi thọ.

1. Khi làm mà không phải khi thọ: Trong đây có khi cầm để làm mà không phải cầm để thọ trì, cũng được gọi là thọ.
2. Khi thọ mà không phải khi làm: Khi cầm để thọ trì mà không phải cầm để làm, cũng được gọi là thọ.
3. Khi làm cũng là khi thọ: Khi cầm để làm cũng là khi cầm để thọ. Đó gọi là khi làm cũng là khi thọ.
4. Không phải khi làm, cũng không phải khi thọ: Không phải thọ ngay khi cầm để làm, cũng không phải thọ khi thọ.

Khi thọ nên tùy hỷ, nói: Xin trưởng lão ghi nhớ cho, trú xứ này Tăng thọ y Ca-hi-na, tôi là Tỳ-kheo mỗ giáp xin tùy hỷ thọ đến hết bốn tháng mùa đông, tùy theo trú xứ này mãn hạn, tôi sẽ xả. Đó là những vấn đề thuộc y Ca-hi-na.

*

CHẲNG PHẢI Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Tôn-đà-la-nan-đà dùng vải thưa làm y Ca-hi-na. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vải thưa làm y Ca-hi-na.

Khi ấy tôn giả A-nan-đà dùng nhung kiếp bối làm y Ca-hi-na. Lại có Tỳ-kheo dùng một miếng vải nhỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng vải cũ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng mền bằng lông dê để làm (**453a**) Lại có Tỳ-kheo dùng mền bằng tóc để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng cỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng da để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng vỏ cây để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng miếng gỗ để làm. Phật dạy:

Tất cả những thứ vừa kể trên đều không nên làm. Tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là y, không thể gọi là y Ca-hi-na.

Lại có các trường hợp không thể gọi là y Ca-hi-na như sau:

Làm lúc phi thời.

Không cắt bỏ các tua cho sạch.

Không nhuộm cho sạch.

Không điểm tịnh.

Không dùng dao tác tịnh.

Những trường hợp như vậy đều không được gọi là y Ca-hi-na.

*

THỂ THỨC XẢ Y CA-HI-NA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn, mặc một y khác, sau bữa ăn, mặc một y khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi: Những y mà ông thường thường thay đổi là y của ai vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Vì sao nhiều quá vậy?

Vì con thọ y Ca-hi-na.

Vì sao lúc nào ông cũng thọ y Ca-hi-na? Từ nay về sau phải xả bỏ. Có 10 trường hợp xả y như sau: (1) Y cánh xả; (2) Thọ thời xả: (3) Thời cánh xả; (4) Văn xả; (5) Tống xả; (6) Hoại x; (7) Thất xả; (8) Xuất khứ xả; (9) Thời quá xả; (10) Cứu cánh xả.

Y cánh xả: Khi thọ y Ca-hi-na, nghĩ như sau: "Khi ta may y xong sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi may y hoàn thành, tức là xả. Đó gọi là y cánh xả.

Thọ thời xả: Khi thọ y, suy nghĩ: "Khi ta thọ y này sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi thọ y tức là xả. Đó gọi là thọ thời xả.

Thời cánh xả: Nếu suy nghĩ: "Đến thời gian ấy ta sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi tới thời gian ấy tức là xả. Đó gọi là thời cánh xả.

Văn xả: Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta nghe Hòa thượng, A-xà-lê xả y Ca-hi-na thì ta sẽ xả." Sau đó nghe Hòa thượng, A-xà-lê nói: "Hôm nay Tăng xả y Ca-hi-na", thì khi ấy tức là xả. Đó gọi là văn xả.

Tống xả: Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta đem cái y này cho người khác xong thì sẽ xả y Ca-hi-na", sau đó đem cho cái y của mình, tức là xả. Đó gọi là tống xả.

Hoại xả: Trong thời gian sau khi thọ y Ca-hi-na rồi, bỗng nhiên một hôm nói: "Nay ta xả y Ca-hi-na", thì khi nói lời ấy tức là xả. Đó gọi là hoại xả.

Thất xả: Nếu suy nghĩ: "Khi nào cái y này hư, hoặc mất không còn nữa thì ta sẽ xả y Ca-hi-na", sau đó chiếc y ấy bị hư hoặc mất, tức là xả. Đó gọi là thất xả.

Xuất khứ xả: Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta rời khỏi đây thì sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi ra đi tức là xả. Đó gọi là xuất khứ xả.

Thời quá xả: (**453b**) Nếu tới ngày 15 tháng chạp mà không xả, để đến ngày 16 đương nhiên là xả, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thời quá xả.

Cứu cánh xả: Đến ngày 15 tháng chạp đương nhiên phải xả. Một người nên xướng ở giữa Tăng như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Hôm nay Tăng xả y Ca-hi-na. (nói như vậy ba lần). Đó gọi là Cứu cánh xả. Trên đây là 10 trường hợp xả y Ca-hi-na.

*

VẤN ĐỀ Y PHÁP

Có các trường hợp sau đây: (1) Trong lúc an cư chưa xong; (2) Khi an cư xong; (3) Trong lúc đang an cư; (4) Vì sợ mất mạng; (5) Vì sợ mất phạm hạnh; (6) Y phi thời; (7) Y đúng thời; (8) Việc xảy ra ở Câu-thiểm-di.

1.Trong lúc an cư chưa xong

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm chưa kết thúc mà đến nhà đàn việt, nói như sau:

Này lão trượng! Hãy cúng dường y an cư cho tôi.

Thưa tôn giả! Nay chưa đúng lúc, đợi khi an cư kết thúc, mùa màng thu hoạch xong, nhân dân hoan hỷ nghĩ nhớ công ơn, phát tâm bố thí, thì bấy giờ mới có thể bố thí được.

Này lão trượng! Ông không biết rằng cuộc đời này vốn vô thường, hoặc bị nạn vua quan, nạn nước lửa, hoặc bị cướp bóc, lúc ấy tôi sẽ mất lợi mà ông cũng mất phước.

Tôn giả chỉ cho tôi thấy lẽ vô thường mà không tự thấy chính mình. Tôn giả muốn được gấp phẩm vật an cư để đem đi nơi khác, hay là muốn thôi tu mà gấp gáp đến như vậy? Kỳ thay, quái gở, nhiều tham dục không biết chán.

Ông nói thế rồi, sinh tâm không hoan hỷ, bèn bỏ đi. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy. Bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Vì sao an cư chưa kết thúc mà các ông đòi cúng dường y an cư? Từ nay về sau, Ta không cho phép an cư chưa kết thúc mà đòi cúng dường y an cư. Nếu ai làm như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp an cư chưa xong.

2. Khi an cư xong

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn an cư xong bèn chia y An cư. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại chỗ khác xong, liền đến giữa Tăng chúng Kỳ hoàn, nói như sau: "Thưa trưởng lão, đức Thế Tôn chế định khi an cư xong sẽ được phần y an cư. Tôi cũng đã an cư xong, đương nhiên phải được y an cư. Vậy hãy chia phần y an cư cho tôi."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

An cư nơi khác thì đương nhiên không được phần y an cư nơi này. Tùy theo an cư nơi nào thì nhận phần nơi đó. Đó là trường hợp an cư xong.

3. Trong lúc đang an cư

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến ngày an cư, (**453c**) bèn nhận phòng xá, rồi đem giày da, dụng cụ để nhuộm và các vật linh tinh khác bỏ vào trong phòng, đoạn, nói như sau:

Thưa các trưởng lão, tôi an cư nơi đây. Các vị chớ có chán ghét tôi. Tôi biết các vị thường không ưa tôi.

Thế rồi, họ thuê người nhận phần y an cư. Đoạn, tìm nơi khác an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Hễ an cư ở nơi nào thì nhận phần y ở nơi đó.

4. Vì sợ mất mạng

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly gặp nạn đói lớn, khất thực khó khăn. Các Tỳ-kheo bèn đi đến thành xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Các Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-ly bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn hỏi:

Thưa các trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó. Vậy các vị an cư ở đâu?

Thưa trưởng lão! Chúng tôi sợ mất mạng nên mới đến đây. Nếu không đến đây thì e đói chết mất.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu vì sợ mất mạng mà đến thì nên chia phần y. Đó gọi là trường hợp sợ mất mạng.

5. Vì sợ mất phạm hạnh

Bấy giờ tại thành Vương-xá có một người con của ngoại đạo xuất gia. Khi ấy, cha mẹ muốn đến đem con về nhà thì những người khác nói:

Sa-môn rất trọng việc an cư, trong lúc an cư ắt hẳn không gây trở ngại gì, bấy giờ hãy đem về.

Người chị vì thâm tín Phật pháp nên nói với em:

Cha mẹ muốn đem em về nhà, vậy hãy nhanh chóng lánh đi nơi khác.

Người em bèn đi đến thành xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Thầy Tỳ-kheo ấy bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ hoàn hỏi:

Này trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó, (ngoại trừ trường hợp ở nơi khác) sợ bị mất mạng mà đến mới được chia phần. Còn thầy thì như thế nào?

Vì cha mẹ muốn đem tôi về nhà, nếu tôi không đến đây thì sẽ mất phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu vì sợ mất phạm hạnh mà đến thì nên cho phần y. Đó gọi là sợ mất phạm hạnh.

6. Y phi thời

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y của ai thế?

Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Đây là y đúng thời hay y phi thời?

Bạch Thế Tôn! Đây là y phi thời.

Đã tịnh thí chưa?

Bạch, chưa.

Tất cả các y đó nên cho chúng Tăng.

Đó gọi là y phi thời.

7. Y đúng thời

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là y của ai vậy?

(**454a**) Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

Đây là y đúng thời hay y phi thời?

Đây là y đúng thời.

Y này nhiều quá, đem cho Tăng bớt một nửa.

Đó gọi là y đúng thời.

8. Việc xảy ra tại Câu Thiểm Di

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy, quân của nước Câu-tát-la cướp lấy xóm làng Câu Thiểm Di, rồi kéo về thành xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn (thuộc xá-vệ) đến xóm làng này đòi y cúng dường an cư. Các Tỳ-kheo ở Câu Thiểm Di trước đó đã an cư tại xóm làng này, bèn nói:

Này trưởng lão! Trước đây tôi nương nơi xóm làng này mà an cư, lẽ ra tôi phải đòi trước.

Thế là hai người cãi nhau, rồi cùng kéo đến chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ai an cư tại đó thì được quyền đòi trước, rồi mới đến người khác. Nếu hai người cùng đòi thì nên cùng chia đều. Nếu Tỳ-kheo an cư tại đó chưa đòi mà người khác đòi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, lúc bấy giờ có hai đệ tử đồng hành của tôn giả Kiếp Tân Na nhân vì có việc bất bình nên xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi sau đó thọ Cụ túc trở lại. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở Kỳ hoàn an cư xong, chia y mà không chia cho họ, nên họ nói:

Thưa trưởng lão! Vì có việc bất bình nên tôi xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ Cụ túc trở lại. Vậy nên chia phần cho chúng tôi.

Thế rồi họ cùng đi đến, bạch với Phật. Phật dạy:

Nếu người nào có việc bất bình mà xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ Cụ túc trở lại, thì nên chia phần đồng đều. Thế nhưng, có năm trường hợp không nên cho. Đó là: (1) Bị cử; (2) Thôi tu; (3) Qua đời; (4) Phá an cư; (5) Đi không dặn lại.

Bị cử: Phạm một trong ba kiến giải, hủy báng Kinh điển, tà kiến, biên kiến, được khuyên can mà không bỏ lỗi, bị làm yết-ma cử tội. Đó gọi là bị cử.

Thôi tu: Người nào xả giới thì không nên cho. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay đảng cướp, nói như sau: Nếu sa-môn không chia phần cho tôi, thì tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối.

Với hạng người như thế tuy không đáng cho ta cũng nên cho. Đó gọi là người thôi tu.

Qua đời: Người chết thì đương nhiên không được chia phần. Tuy nhiên, khi y an cư đã tập trung chưa chia, mà có người sắp mệnh chung rồi căn dặn đem phần mình cho người nào đó, thì khi người ấy qua đời, nên đem cho người đó. Đó gọi là qua đời (vô thường).

Phá an cư: Tỳ-kheo không tiền an cư, không hậu an cư đương nhiên không được chia phần. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay bọn giặc mà nói rằng: "Nếu không cho tôi, tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối", thì hạng người như vậy tuy không đáng cho, cũng nên cho. Đó gọi là phá an cư.

Đi không dặn lại: Người ra đi mà không dặn ai lấy giúp phần y của mình, thì không nên cho. Khi chia, người chia phẩm vật nên hỏi: "Ai nhận phần cho mỗ giáp?." Nếu có người nhận thì nên hỏi: "Khi vị ấy đi có dặn thầy nhận không?" Nếu trả lời: "Không dặn", (**454b**) thì nên nói: "Thầy đừng lo về việc ấy." Nếu nói: "Có dặn",

thì nên xem tướng người ấy. Nếu là người đáng tin, thì nên đưa. Nếu là người không đáng tin thì nên nói: "Thầy đừng lo về việc ấy." Nếu hai người ấy trước đây đồng chí hướng, thường nhận giúp cho nhau, thì nên đưa. Đó gọi là năm trường hợp.

*

PHẨM VẬT THUỘC TĂNG HIỆN TIỀN

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo an cư xong, trở về thăm quê hương của mình. Những người bà con bèn thiết lễ cúng dường rộng rãi các y vật nhân dịp Tỳ-kheo này về thăm. Chư Tăng trước đây an cư nơi xóm làng này nghĩ rằng vì mình an cư nên được cúng dường, do đó, không chia phần cho vị Tỳ-kheo kia. Các người bà con bèn hỏi thầy:

Thầy có được phần y không?

Không được.

Chúng tôi vì thầy mà thiết lễ cúng dường này, tại sao lại không được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Đàn việt vì Tỳ-kheo này mà thiết lễ cúng dường, vậy nên chia phần cho thầy ấy.

Rồi Phật tiếp:

Có năm cách nói khi cúng dường như sau: Y này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Tiền sắm y này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Phẩm vật này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Số tiền sắm vật dụng này cúng dường cho chúng Tăng an cư; Cúng dường cho những người an cư ở trú xứ này.

Đó gọi là năm cách nói cúng dường.

Nếu gia đình bố thí muốn cúng dường chung cho các Tỳ-kheo khác, thì tùy theo ý nguyện của đàn việt, nên cho đều.

Lại có bốn thứ phẩm vật tùy theo thí chủ nói mà thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là khi họ nói:

Tôi cúng dường y; tiền sắm y; phẩm vật; tiền sắm vật dụng.

Đó gọi là bốn thứ phẩm vật thuộc Tăng hiện tiền.

Lại có mười loại khi nhận được phải thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là: (1) Thuốc dùng đúng thời; (2) Thuốc dùng ban đêm; (3) Thuốc dùng trong bảy ngày; (4) Thuốc dùng suốt đời; (5) Vật của Tỳ-kheo qua đời; (6) Vật bố thí cho trú xứ; (7) Vật cúng dường trong các dịp đại hội; (8) Y phi thời; (9) Vật linh tinh; (10) Mời thọ trai.

Thuốc dùng đúng thời: bữa ăn trước, bữa ăn sau, bữa ăn a ba na, Tăng hiện tiền có quyền thọ hưởng. Đó gọi là thuốc (thức ăn) đúng thời.

Thuốc dùng ban đêm: Gồm 14 loại nước uống như trước kia đã nói. Đó gọi là thuốc dùng ban đêm.

Thuốc dùng trong bảy ngày: Sữa, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, mỡ, như trước kia đã nói rõ. Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

Thuốc dùng suốt đời: Ha-lê-lặc, Bỉ-hê-lặc, A-ma-lặc như trong giới thứ hai đã nói rõ. Đó gọi là thuốc dùng suốt đời.

Vật của Tỳ-kheo qua đời: Khi Tỳ-kheo qua đời, thì y bát và các vật linh tinh thuộc quyền thừa hưởng của Tăng chúng hiện tiền. Đó gọi là vật của Tỳ-kheo qua đời.

Vật cúng dường cho trú xứ: Nếu đàn việt xây phòng Tăng, Tinh xá, rồi mở đại hội đem trú xứ ấy và các vật khác cúng dường, thì Tăng hiện tiền được quyền thừa hưởng. Đó gọi là vật cúng dường cho trú xứ.

Vật thu nhận trong dịp đại hội: Trong các dịp đại hội như Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, A-nan, La-hầu-la, năm năm đại hội một lần, các vật cúng dường trong những dịp ấy, Tăng (**454c**) hiện tiền được quyền thừa hưởng.

Y phi thời: Nếu không có y Ca-hi-na thì 11 tháng, nếu có y Ca-hi-na thì 7 tháng; những vật cúng dường trong thời gian ấy, Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng. Đó gọi là y phi thời.

Những vật linh tinh: Bát, sóng đựng bát, đai lưng, dao, hộp sắt, giày da, chai đựng dầu, túi da, chén, bình tưới, những vật cúng dường linh tinh như thế, Tăng hiện tiền được quyền nhận. Đó gọi là vật linh tinh.

Mời thọ trai: Đàn việt mời Tăng theo thứ tự đến nhà họ cúng dường trai phạn. Đó gọi là mời thọ trai.

Trên đây là 10 trường hợp Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy các Tỳ-kheo may y mà không cắt các tua vải, như đã nói rõ về ba loại hoại sắc trong giới Ba-dạ-đề ở trên.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Cho phép con mặc một y để ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật nói với thầy:

Ông giữ gìn ba y, bình bát, là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc hai y.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng lông dê.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng tóc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con dùng mền bằng lông đuôi ngựa.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng cỏ.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng vỏ cây.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con mặc y phục bằng da.

Phật dạy:

Tất cả các loại y phục kể trên đều không được mặc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

Cho phép con sống lõa thể, ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật dạy:

Này Tỳ-kheo! Đó là phép tắc của ngoại đạo. Chỉ cần giữ gìn ba y, bình bát tức là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ các Tỳ-kheo mặc y màu sắc lộng lẫy, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao sa-môn Thích tử mặc y màu sắc lộng lẫy chẳng khác gì người thế tục.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ta không cho phép mặc y có màu sắc lộng lẫy. Màu sắc lộng lẫy tức là nhuộm bằng khâu khư, nhuộm bằng Ca-di-già, Câu-bỉ-la, Lặc-xoa, Lô-đà-la, Phi-uất-kim, hồng lam, màu xanh, màu trắng, màu hoa, tất cả những màu sắc lộng lẫy đều không cho dùng. Chỉ

nên dùng rễ, lá, hoa, vỏ cây để nhuộm, tối thiểu là dùng nước của đá mài để nhuộm.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành vương-xá, Ngài đi kinh hành trước hang đá của trời Đế thích, thấy những bờ ruộng lúa ở Ma-kiệt-đề rõ ràng, chênh lệch nhau rất hợp lý. Thấy thế, Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Y pháp của chư Phật Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrong quá khứ đều như thế đó. (**455a**) Từ nay về sau khi may y nên theo cách thức ấy.

Lại nữa, khi ấy tôn giả Đại Ca-diếp may y Tăng-già-lê, đức Thế Tôn tự tay cầm lấy, tôn giả A-nan cắt, rồi có Tỳ-kheo khâu lại, có Tỳ-kheo may đường ngắn, có Tỳ-kheo may đường dài, có Tỳ-kheo may đường viền, có Tỳ-kheo kết khuy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo may y rồi vẽ lá cây lên y. Phật dạy:

Ta không cho phép vẽ lá cây trên y.

Lại có Tỳ-kheo may y nhiều lớp. Phật dạy:

Ta không cho phép may y nhiều lớp, phải cắt bỏ đi.

Lại có Tỳ-kheo may y kết dính hai đầu lại. Phật dạy:

Ta không cho phép may kết dính hai đầu lại mà nên may kết lại từng tấm. Tấm rộng nhất bằng bốn ngón tay, tấm hẹp nhất bằng hạt lúa lớn.

Lại có Tỳ-kheo may các điệp hướng về một bên. Phật dạy:

Ta không cho phép như vậy cần phải rẽ các điệp ra hai bên.

Lại có Tỳ-kheo may y các điều tướng bằng nhau. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Y năm điều nên một dài một ngắn. Y bảy điều cho đến 13 điều nên may hai dài, một ngắn. Y 15 điều nên may ba dài, một ngắn.

Lại có Tỳ-kheo may y rồi khâu dính các biên vải vào y. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Y ở phía sau nên để thông thoáng; nên làm như răng ngựa.

Có Tỳ-kheo y ở biên trên và biên dưới bị rách. Phật dạy: Nên may viền ở các mép y.

Có Tỳ-kheo may y bốn màu sắc. Phật dạy: Ta không cho phép như vậy. Chỉ nên dùng một màu sắc.

Có Tỳ-kheo được y với màu sắc rực rỡ muốn giặt cho hoại sắc. Phật biết mà vẫn hỏi: Này Tỳ-kheo! Ông định làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép mặc y có màu sắc rực rỡ, nên con muốn giặt cho hoại sắc.

Không cần phải giặt. Ta cho phép dùng những màu khác nhuộm cho hoại sắc.

Y gồm có bảy loại: (1) Y khâm bà la; (2) Y kiếp bối; (3) Y sô ma; (4) Y câu xá da; (5) Y xá na; (6) Y ma; (7) Y khu mâu đề. Đó gọi là y pháp.

Kệ tóm tắt:

"Bố-tát và yết-ma
Gởi dục nói thanh tịnh.
An cư cùng Tự tứ,
Thọ y Ca-hi-na
Phi y Ca-hi-na
Xả y Ca-hi-na
An cư xong, dâng y,
Kết thúc phẩm thứ tư."

*

VẤN ĐỀ TỲ-KHEO BỊ BỆNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Phật bảo A-nan:

Ông hãy lấy cái khóa cửa lại đây, Như Lai muốn đi thanh tra phòng của chư Tăng.

A-nan đáp:

Lành thay Thế Tôn.

Rồi thầy cầm cái khóa cửa đi theo sau Thế Tôn. Đoạn Thế Tôn đi đến một căn phòng bị hư nát, thấy có một Tỳ-kheo bị bệnh, nằm trên phân tiểu, không thể đứng dậy nổi. Phật bèn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Khí lực ông như thế nào? Cơn đau tăng hay giảm?

Bạch Thế Tôn! Cơn đau chỉ có tăng (**455b**) mà không giảm.

Hôm nay có ăn được không? Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm qua ăn có được không?

Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm kia ăn có được không?

Cũng không được, bạch Thế Tôn! Con không được ăn nay đã 7 ngày.

Có thức ăn mà không ăn được hay không có thức ăn nên không ăn?

Không có thức ăn, bạch Thế Tôn!

Ở đây, có Hòa thượng của ông không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng Hòa thượng không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có thầy giáo thọ không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng thầy giáo thọ không?

Không có, bạch Thế Tôn!

Phòng bên cạnh không có Tỳ-kheo sao?

Bạch Thế Tôn! Vì con hôi thối, họ không thích nên đã dời đi nơi khác, do đó, con cô độc đau khổ lắm, bạch Thế Tôn! Con cô độc lắm Thiện Thệ.

Ông đừng sầu não, Ta sẽ làm bạn với ông. Này Tỳ-kheo! Hãy lấy y đưa đây, Ta sẽ giặt cho ông.

Khi ấy, A-nan bạch với Phật: Để đấy, thưa Thế Tôn! Y của Tỳ-kheo bệnh để con giặt cho!

Ông giặt y đi, để Ta xối nước cho.

Thế rồi, A-nan đem ra giặt, Thế Tôn xối nước. Khi giặt xong, thầy đem đi phơi nắng. Xong rồi, A-nan bồng Tỳ-kheo bệnh đặt trên chỗ đất trống, lau chùi phân uế, đem giường gối và các vật bất tịnh ra ngoài, rưới nước trong phòng, quét dọn sạch sẽ, dùng giẻ lau lau sàn nhà, giặt giũ giường nệm, vá lại giường dây, đặt vào chỗ cũ, tắm rửa cho Tỳ-kheo bệnh, rồi đem thầy đặt nằm lại trên giường.

Khi ấy, Thế Tôn dùng bàn tay mềm mại, sắc vàng óng ánh được trang nghiêm bằng vô lượng công đức xoa trên trán Tỳ-kheo, hỏi:

Cơn đau tăng hay giảm?

Nhờ ơn Thế Tôn dùng bàn tay đặt trên trán con, nên mọi nỗi thống khổ đều dứt hết.

Bấy giờ Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho Tỳ-kheo bệnh khiến thầy sinh tâm hoan hỷ. Rồi Thế Tôn tiếp tục thuyết pháp làm cho thầy đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Sau khi Tỳ-kheo khỏi bệnh Thế Tôn bèn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với các Tỳ-kheo. Đoạn, ngài hỏi thầy Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh là ai. Vị ấy đáp:

Chính là con đây, bạch Thế Tôn!

Phật liền nói với Tỳ-kheo:

Những người đồng phạm hạnh với các ông bị đau ốm, các ông không săn sóc cho nhau thì ai săn sóc? Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin mà bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ sa-môn Thích tử, đồng tu phạm hạnh, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Này Tỳ-kheo! Ví như con sông Hằng, sông Diêu phù na, Tát la, Ma hê chảy vào biển lớn, liền mất tên cũ mà hợp lại thành một vị, gọi là biển lớn. Các ông cũng như vậy. Ai nấy đều bỏ họ cũ mà cùng chung một họ sa-môn Thích tử. Các ông không săn sóc cho nhau thì ai sẽ săn sóc? Ví như các chủng tộc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà-la, mỗi người đều khác họ, cùng vào (**455c**) trong biển lớn thì được gọi là người đi buôn trên biển. Cũng như thế đó Tỳ-kheo. Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ sa-môn Thích tử, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Nếu Tỳ-kheo bệnh thì Hòa thượng phải săn sóc. Nếu không có Hòa thượng thì đồng Hòa thượng phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ phải săn sóc. Nếu không có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ đồng hành phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có người cùng phòng thì người cùng phòng phải săn sóc. Nếu không có người cùng phòng, thì người ở phòng bên cạnh phải săn sóc. Nếu không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cũng không có người ở phòng bên cạnh thì Tăng phải sai người chăm sóc. Tùy người bệnh cần bao nhiêu người thì phải sai bấy nhiêu. Nếu không săn sóc thì tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này các Tỳ-kheo! Các ông hãy trở về săn sóc Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh mình.

Thế rồi, Phật biến hóa một sa-di bệnh ở cách Phật không xa, rồi Ngài bảo:

Các ông hãy săn sóc luôn cả sa-di bệnh ấy. Đó là cách phạt các ông làm phước vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở phương Nam cùng đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi đi đến giữa đường, một Tỳ-kheo lâm bệnh, một Tỳ-kheo chờ đợi hai, ba ngày, bèn nói với Tỳ-kheo bệnh:

Tôi muốn đi trước, đến thăm viếng Thế Tôn, thầy khỏi bệnh rồi sẽ đi sau.

Này trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi hãy cùng đi.

Thưa trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước không thể đợi nhau được nữa, khi nào khỏi bệnh thầy sẽ đi sau.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Nếu có Tỳ-kheo lòng đầy phóng dật, lười biếng không chuyên cần, không thể kiềm chế các căn, rong ruổi theo lục dục, dù ở gần Ta mà chẳng thấy Ta và Ta cũng không thấy người ấy. Trái lại, nếu có Tỳ-kheo kiềm chế các căn, tâm không phóng dật, chuyên nghĩ về đạo, thì dù cách xa Ta vẫn thấy được Ta và Ta cũng thấy người ấy. Tại sao vậy? Vì tùy thuận pháp thân của Như Lai, phá hoại các việc ác, lìa bỏ tham dục, tu tập tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo! Cùng xuất gia tu phạm hạnh, các ông không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại trông nom vị Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có hai Tỳ-kheo ở nước Bát La Chân cùng kết bạn đi đến thăm

viếng Thế Tôn. Khi đến thôn Ong, một Tỳ-kheo lâm bệnh, vị Tỳ-kheo kia đợi được hai, ba ngày, rồi nói với Tỳ-kheo bệnh:

Tôi muốn đến thăm viếng đức Thế Tôn trước (**456a**) khi nào thầy khỏi bệnh rồi sẽ đến sau.

Này trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

Thưa trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước, không thể đợi nhau được nữa.

Nếu thầy nhất quyết muốn đi, vậy hãy vì tôi nhắn giùm cư sĩ Chất-đế-lợi.

Thế rồi, thầy bèn đi đến chỗ cư sĩ, nói:

Này lão trượng! Hai chúng tôi từ xa đến, muốn viếng thăm Phật, nhưng nay một người lâm bệnh, phải tạm thời ở lại đây, xin lão trượng chăm sóc giúp giùm tôi. Tôi muốn đi trước đến vấn an Thế Tôn.

Thưa tôn giả! Nên ở lại chăm sóc nhau, khi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

Này cư sĩ! Không thể được. Tôi không gặp Phật đã lâu ngày, trông mong như người khát nước.

Tôn giả có đến đó thì Thế Tôn cũng bảo thầy trở lại, chỉ uổng công nhọc sức mà thôi.

Tỳ-kheo vẫn nhất quyết đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Các ông đều là những người khác họ, vì có lòng tin bỏ nhà xuất gia sống không nhà, cùng là họ Thích,

lúc đau ốm không săn sóc nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại săn sóc cho Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, muốn thăm viếng Thế Tôn nhưng nghe nói bên đường có Tỳ-kheo bị bệnh, bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới hễ gặp người bệnh thì phải chăm sóc. Nếu ta gặp người ấy thì không thể bỏ đi." Nghĩ thế, thầy bèn quay lại đi con đường khác đến chỗ Thế Tôn, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Ông từ đâu đến?

Bạch Thế Tôn! Con từ phương Bắc đến.

Đi đến bằng con đường nào?

Đi đến từ con đường mỗ.

Vì lý do gì mà bỏ con đường chính để đi con đường vòng vo?

Thầy bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách:

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác v.v… (cho đến): Ông hãy trở lại chăm sóc cho Tỳ-kheo bệnh.

*

PHƯƠNG PHÁP CHĂM SÓC TỲ-KHEO BỆNH

Nếu Tỳ-kheo đi chung với người đi buôn, đến nơi hoang vắng rồi lâm bệnh thì Tỳ-kheo đồng bạn không được bỏ đi, mà phải dẫn theo, đồng thời mang giúp y bát, lại phải gần gũi giúp đỡ, không được rời xa. Nếu đi không nổi thì nên đến thương nhân thuê mướn họ chở đi, nói như sau:

Này lão trượng! Người xuất gia này lâm bệnh không thể đi theo kịp bạn, hãy chở giúp giùm tôi để thoát khỏi hiểm nạn.

Nếu được thì tốt, còn nếu như họ nói: "Này tôn giả, xe tôi đã chở nặng rồi", thì nên nói:

Này lão trượng! Tôi sẽ hoàn lại tiền lúa, cỏ cho ông.

Nếu được, thì không nên để ngồi trên xe trâu cái chở cỏ ngựa v.v..., mà nên để ngồi trên xe trâu đực chở các thứ. (456b). Nếu bệnh nặng không phân biệt được gì, thì ngồi xe không có tội. Nếu đi xe không thể được thì nên để lại người nào có thể săn sóc bệnh nhân hoặc một, hai hay ba người, và bảo:

Thầy hãy chăm sóc người bệnh, để tôi vào trong thôn tìm xe cộ đến đón.

Đồng thời để lại lương thực, cho người ở lại không bị thiếu thốn. Nếu ai cũng từ chối, nói: "Ai mà có thể hy sinh thân mạng mình ở nơi hoang vắng này", rồi không chịu ở lại, thì cũng không được bỏ đi mà phải che chòi rạp, rải cỏ làm nệm, đốt lửa, lấy củi nước giúp, để lại thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời, rồi nói với bệnh nhân: "Trưởng lão hãy yên tâm ở đây. Tôi tới thôn phía trước tìm xe đến đón." Khi đến trong thôn, không được nhiễu tháp, thăm hỏi Hòa thượng, A-xà-lê mà chỉ nên nói với các Tỳ-kheo ở trong thôn:

Ở nơi hoang dã có Tỳ-kheo bệnh, chúng ta cùng đến đón về đây.

Nếu họ hỏi: "Ở nơi nào?", thì hãy đáp: "Ở tại mỗ xứ."

Nếu họ nói: "Nơi đó có nhiều cọp sói, e rằng chúng ăn thịt hết cả, đâu để sót mống nào!", dù nghe nói như thế cũng không được ở lại đó mà phải trở lại xem. Nếu từ xa thấy chim quạ, cũng không được trở lui mà phải đi tới nơi đó. Nếu thấy đã chết thì nên lễ bái nhục thân. Nếu còn sống thì nên đem vào trong thôn, nói với Tỳ-kheo thường trú:

Thưa trưởng lão! Đây là Tỳ-kheo bị bệnh ở nơi đó, tôi đã chăm sóc. Giờ đưa đến đây, xin trưởng lão trông nom giúp cho.

Nếu Tỳ-kheo ấy không chịu trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không có Tỳ-kheo, thì nên nói với Ưu-bà-tắc:

Này lão trượng! Ở nơi hoang vắng kia có Tỳ-kheo bị bệnh, cho tôi mượn xe đến đón vị ấy.

Nếu đàn việt hỏi: "Ở đâu?", v.v..., cho đến đón về nhà đàn việt, đặt nằm ở một phòng riêng kín đáo. Nếu nhiều người thì nên nhờ hai, ba người biết nuôi bệnh chăm sóc giúp.

Nếu bệnh nhân nói: "Cần nhiều người cho vui", thì nên ở hết nơi đó để an ủi khuyên lơn; hoặc bệnh nhân đòi hỏi bữa ăn trước, bữa ăn sau, thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời thì hãy cung cấp đừng để cho thiếu thốn. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì không được nói liền: "Trưởng lão! Thầy hãy trông nom Tỳ-kheo bệnh", mà nên nói: "Lành thay! Trưởng lão đến đây."

Thế rồi, mang giúp y bát, chuẩn bị giường ghế, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Nếu họ đến đúng giờ thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau. Nếu họ đến không đúng lúc thì nên cung cấp nước trái cây phi thời. Sau khi họ nghỉ ngơi rồi, nên nói:

Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo bệnh này tôi chăm sóc đã lâu rồi, giờ đến phiên trưởng lão trông nom giùm. Nếu bệnh nhân qua đời thì nên cúng dường xá-lợi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng đi với khách buôn mà Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, thì Tỳ-kheo không được bỏ đi mà nên bảo họ rằng chị em cùng đi chung phải giúp đỡ lẫn nhau, như trường hợp của Tỳ-kheo đã nói ở trên, chỉ trừ việc bồng đỡ. Nếu cần xoa bóp, (**456c**) xức dầu vào thân thì nên thuê phụ nữ làm. Nếu họ qua đời mà có y bát để lại thì nên dùng y bát trả công cho người hỏa thiêu. Nếu họ không có y bát thì nên bỏ đi. Nếu bị người thế tục chê trách

rằng: "Vì sao để tử thi lại rồi bỏ đi?", mà mình có thể tưởng tượng thi thể đó như đất thì nên khiêng vác đi tới một nơi xa xôi.

Lúc bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì phải chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì không được để nằm trong phòng xếp, nhỏ, xấu xí; không được để nằm ở gần lối đi mà nên để nằm trong một căn phòng thông thoáng, rộng rãi. Các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ phải thường xuyên hầu hạ hai bên, quét dọn trong phòng, rải đá, lau chùi sàn nhà, đốt các loại hương thơm cho đảm mùi hôi hám và sắp đặt giường ghế tươm tất.

Nếu có Tỳ-kheo đến thăm bệnh, nên dọn thức ăn trước, thức ăn sau.

Nếu họ đến không đúng lúc, nên cung cấp thức uống phi thời.

Nếu họ có hỏi việc gì thì người bệnh nên trả lời. Nếu người bệnh yếu sức thì thị giả nên trả lời thế.

Nếu Ưu-bà-tắc đến thăm hỏi thì nên nói:

Lành thay! Lão trượng đến đây.

Đoạn, mời họ ngồi rồi giảng giải:

Ông được công đức rất lớn, như đức Thế Tôn nói:

Thăm hỏi Tỳ-kheo trì giới bị bệnh thì chẳng khác gì thăm hỏi Ta.

Nếu có người cúng dường thì hãy chú nguyện rồi nhận lấy.

Nếu người bệnh muốn di tiểu đại, đòi đi gấp, thì không được để lâu mà phải đưa đi tức tốc.

Nếu người bệnh không ra ngoài được thì nên dùng ba cái bô đựng phân tiểu: một cái trao cho người bệnh, một cái mang ra ngoài, một cái đem rửa sạch, bôi dầu rồi đem phơi nắng, để thay đổi mà dùng. Đồng thời để một người giữ cửa, không cho ai vào đột

ngột; một người ở gần người bệnh, tùy thời thuyết pháp an ủi. Như thế đó Ưu-ba-ly, vị Tỳ-kheo có đức lớn bị bệnh, nên chăm sóc như vậy.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Thế Tôn:

Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh nên chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh không nên đặt nằm nơi căn phòng rộng rãi, thông thoáng, e mùi hôi hám bốc ra ngoài; cũng không nên để nằm ở chỗ khuất kín, sợ khi chết không ai biết, nên để nằm ở giữa mọi người. Nếu người bệnh có Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì những người này nên chăm sóc. Nếu không có thì chúng Tăng nên sai người nuôi bệnh, hoặc một, hai, ba người lo trông nom. Nếu người bệnh ngoài y bát ra còn có tiền mua thuốc thì nên lấy đem đi mua thuốc cho thầy. Nếu không có thì chúng Tăng nên cho tiền. Nếu Tăng không có mà người bệnh có y bát đáng giá thì nên đem bán lấy tiền mua những thứ cần thiết cho thầy. Nếu người bệnh tiếc của, thì nên bạch với chúng Tăng:

Bạch đại đức Tăng! Tỳ-kheo mỗ giáp bị bệnh mà không hiểu lẽ vô thường, tiếc rẻ y bát không cho đem đổi thứ khác.

Bạch Tăng rồi, nên dùng lời dịu ngọt thuyết phục để thầy hiểu rõ, rồi mới đem y bát đi trao đổi. Nếu cũng không có thì nên đi xin những thứ cần thiết về cho thầy. Nếu xin cũng không được thì nên lấy thức ăn ngon nhất của Tăng (**457a**) đưa cho. Nếu cũng không có thì người nuôi bệnh nên cầm theo hai cái bát vào thôn khất thực, rồi đem cái bát ngon hơn đưa cho thầy. Này Ưu-ba-ly! Đó là cách thức chăm sóc một Tỳ-kheo ít đức bị bệnh.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì rất khó săn sóc. Đó là:

1. Không thể uống thuốc phù hợp với bệnh và ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Không nghe lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Bệnh tăng giảm không biết.
4. Không kham nhẫn nổi sự đau đớn.
5. Lười biếng vô trí.

Đó gọi là năm yếu tố của người bệnh khiến cho người nuôi bệnh khó mà săn sóc.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì dễ dàng săn sóc. Đó là:

1. Có thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Theo lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Nếu có ai hỏi thì biết bệnh tăng hay giảm.
4. Kham nhẫn được sự đau đớn.
5. Tinh tấn, có trí tuệ.

Đó gọi là năm yếu tố của người bệnh khiến cho người nuôi bệnh dễ dàng chăm sóc.

Nếu ai đầy đủ năm yếu tố sau đây thì không thể nuôi bệnh. Đó là:

1. Hay nhờm gớm, không thể đem đổ bô đựng phân tiểu, ống nhổ, v.v...
2. Không thể xin thuốc hợp với bệnh, thức ăn hợp với bệnh giúp cho bệnh nhân.
3. Không thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.
4. Có tâm hy vọng (về lợi lộc).
5. Tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố khó mà nuôi bệnh.

Ai thành tựu năm yếu tố sau đây thì có thể chăm sóc người bệnh. Đó là:

1. Ít nhờm gớm, có thể đem đổ bô đựng phân tiểu, ống nhổ, v.v...
2. Có thể xin thuốc hợp bệnh, thức ăn hợp cho người bệnh.
3. Có thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.
4. Không có tâm hy vọng (về lợi lộc).
5. Không tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố có thể trông nom người bệnh.

Nếu bệnh nhân có đủ chín yếu tố sau đây thì tuy chưa hết thọ mạng ắt hẳn sẽ chết đột ngột. Đó là:

1. Biết những thức ăn có hại mà vẫn tham ăn.
2. Sống không có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng chưa tiêu hóa mà ăn nữa.
4. Thức ăn chưa tiêu hóa mà móc họng cho mửa ra.
5. Thức ăn đã tiêu hóa muốn đi cầu mà vẫn cố kiềm chế.
6. Ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh nhưng không có điều độ.
8. Lười biếng.
9. Không trí tuệ.

Đó gọi là đầy đủ chín yếu tố ắt hẳn sẽ chết đột ngột.

Lại nữa, nếu ai đầy đủ chín yếu tố sau đây thì sẽ không thể chết đột ngột. Đó là:

1. Biết thức ăn không ích lợi nên ăn ít.
2. Biết sống có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng tiêu hóa hết, mới ăn nữa.

4. Không cưỡng bách mửa ra.
5. Không cố giữ lại.
6. Không ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh và ăn có điều độ.
8. Không biếng nhác.
9. Có trí tuệ.

Đó gọi là người có đủ 9 yếu tố sẽ không chết đột ngột.

Phật nói với Ưu-ba-ly: Có ba loại người bệnh. Đó là:

Có loại người bệnh được thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà chết.

Có loại người bệnh không được thuốc hợp bệnh, không được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà sống.

Có người bệnh được uống thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, được người nuôi bệnh đúng pháp, bệnh ắt hẳn bớt không đến nỗi bị chết.

Này Ưu-ba-ly! Trong số Tỳ-kheo bị bệnh, vì không có người nuôi bệnh đúng pháp (**457b**) mà chết, vì được người nuôi bệnh đúng pháp mà sống. Do vậy cần khéo chăm sóc khiến cho bệnh nhân được yên ổn, tức là bố thí mạng sống vậy. Thế nên, chăm sóc bệnh được công đức rất lớn, chư Phật đều hoan hỷ. Đó gọi là cách thức chăm sóc người bệnh.

*

VẤN ĐỀ THUỐC

Khi Phật đang du hành tại nước Câu-tát-la, tôn giả Xá-lợi-phất bị lên cơn động phong. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Cần phải dùng thuốc gì?

Bạch Thế Tôn! Cần dùng ha lê lặc.

Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được uống ha lê lặc.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đợi khi Ta trở về lại thành xá-vệ, nhắc lại Ta, Ta sẽ quy định về vấn đề thuốc men cho các đệ tử.

Khi Phật trở về thành xá-vệ, các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy vì các đệ tử mà chế định về việc thuốc men, giờ đây là đúng lúc.

Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau Ta cho phép các Tỳ-kheo bệnh được uống thuốc. Về thuốc có các loại: Củ đúng thời, củ phi thời. Cũng vậy, cọng, vỏ, lá, quả, nước uống.

Củ đúng thời: Củ cải, củ hành, củ khẩn xoa, củ A-lam-phù, củ khoai nước, củ ma đậu la, củ sen. Các thứ đó ăn chung với thức ăn, nên gọi là củ đúng thời.

Củ (rễ) phi thời: Rễ cây bà tra, rễ cây lá lốt, rễ cây dương liễu, rễ cây khư đề la, rễ cây tô kiện xà. Các loại như vậy không ăn chung với thức ăn, nên gọi là rễ phi thời. Ngoài ra, các loại cọng, vỏ, lá, hoa, trái cũng như vậy.

Nước uống: Gồm có nước uống đúng thời, nước uống phi thời.

Nước uống đúng thời: Tất cả nước gạo, nước bột gạo, sữa, sữa chua, nước trong. Đó gọi là nước uống đúng thời.

Nước uống phi thời: Tất cả loại đậu, tất cả ngũ cốc, tất cả loại thóc đem ngâm nước mà đầu không nứt ra, và tô, dầu, mật, đường phèn. Đó gọi là nước uống phi thời.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh mà thầy thuốc nói: "Cho ăn sẽ sống, không cho ăn sẽ chết", thì nên đem một cái nồi rửa 7 lần cho thật sạch,

rồi lấy một nắm thóc đãi kỹ bỏ vào một cái túi buộc chặt lại, để vào trong nồi nấu mà đầu hạt thóc không nứt ra, đoạn đưa cho người bệnh uống.

Tất cả đất cũng có loại đúng thời, có loại phi thời; trừ 8 loại tro, ngoài ra các loại tro khác cũng có loại đúng thời, có loại phi thời. Đó gọi là vấn đề thuốc men.

*

TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN GIỮA THẦY VÀ TRÒ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo một tuổi hạ dẫn theo một đệ tử chưa có tuổi hạ, hai vai mang mỗi vai một túi y, trên đầu đội một túi, tay trái cầm bát và giày da, tay phải xách bình nước và túi da đựng dầu, cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ. Cái túi y trên đầu thầy rơi trên đầu gối Phật, Phật bèn gạt ra, tuy Ngài biết nhưng vẫn hỏi:

Vật này của ai vậy?

(**457c**) Bạch Thế Tôn! Của đệ tử cùng đi với con.

Ông được mấy tuổi hạ?

Dạ một tuổi, bạch Thế Tôn!

Đệ tử mấy tuổi?

Dạ chưa có tuổi hạ.

Ông mới một tuổi hạ mà đã nuôi đệ tử chưa có tuổi hạ thì cũng giống như người yếu đuối mà lại cứu người yếu đuối.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Bản thân mình không tự hàng phục được mà muốn hàng phục người khác thì không có lẽ đó. Bản thân mình không tự chế ngự

được mà muốn chế ngự người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa tự độ được mà muốn độ người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa giải thoát mà muốn giải thoát cho người khác, thật không có lẽ đó.

Này các Tỳ-kheo! Tự hàng phục được mình rồi mới hàng phục người khác, điều đó có thể. Tự chế ngự được mình rồi mới chế ngự người khác, điều đó có thể. Tự độ được mình rồi mới độ người khác, điều đó có thể. Tự mình đã giải thoát rồi mới giải thoát cho người khác, điều đó có thể. Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ Cụ túc.

Sau khi Phật đã chế giới không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ Cụ túc, rồi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đủ mười tuổi hạ, độ người xuất gia thọ Cụ túc mà không dạy dỗ. Họ giống như trâu trời, dê trời, sống phóng túng không kỷ cương, không biết chế ngự, thiếu sự trong sạch, uy nghi không đầy đủ, không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết vâng lời Tỳ-kheo trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, không biết phép tắc ở nơi hoang vắng, không biết phép tắc vào trong chúng, không biết cách thức khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Mười điều kiện đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tỳ-đàm.
3. Nghe nhiều Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể xuất tội và sai người khác xuất tội.

8. Có thể nuôi người bệnh và nhờ người khác nuôi người bệnh.
9. Khi đệ tử gặp nạn có thể giải cứu, hoặc nhờ người giải cứu.
10. Đã đủ mười tuổi hạ.

Đó gọi là mười điều kiện để Ta cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Tối thiểu là đủ mười tuổi hạ, biết hai bộ Luật thì cũng được phép làm thầy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo mệnh chung, hai người đệ tử cọng trú vì nhớ thương sầu thảm, cùng ngồi dưới gốc cây, như khách buôn bị mất của. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo nào vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta cho phép thỉnh thầy y chỉ và tôn kính vị này như Hòa thượng. Thể thức thỉnh cầu thầy y chỉ bằng cách trật vai áo bên phải, quì gối, vịn tay vào bàn chân, nói như sau:

"*Kính xin Hòa thượng (tôn giả) thương xót. Con là mỗ giáp, nay thỉnh cầu Hòa thượng (**458a**) làm thầy y chỉ. Mong Hòa thượng vì con làm thầy y chỉ. Con nương vào Hòa thượng mà an trú.*" (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Lại nữa, có Tỳ-kheo mới một tuổi hạ đã nhận Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ y chỉ, cho đến Tỳ-kheo chín tuổi hạ mà nhận Tỳ-kheo tám tuổi hạ y chỉ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép người dưới mười tuổi hạ mà nhận người khác y chỉ.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ nhận người khác y chỉ mà không dạy dỗ, khiến họ giống như trâu trời, dê trời, cho đến không biết phép tắc khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép nhận người y chỉ. Đó là: Giữ giới v.v... cho đến đủ mười tuổi hạ. Đó gọi là mười điều kiện được nhận người y chỉ. Tối thiểu là đủ mười tuổi hạ, biết hai bộ Luật cũng được nhận. Khi muốn cầu thỉnh thầy y chỉ, không được hấp tấp đến thỉnh ngay mà phải xem người nào thành tựu năm điều kiện sai đây mới nên thỉnh. Đó là:

1. Có tấm lòng từ ái.
2. Cung kính.
3. Biết tự thẹn với mình.
4. Biết xấu hổ với người.
5. Sống an lạc.

Đó gọi là năm điều kiện nên thỉnh cầu làm thầy y chỉ.

Lại có bốn hạng A-xà-lê. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Thầy (A-xà-lê) y chỉ.
2. Thầy dạy giáo pháp.
3. Thầy dạy giới Luật.
4. Thầy dạy mình ở nơi vắng vẻ.

Lại có bốn hạng A-xà-lê khác như sau:

1. Có A-xà-lê không cần thưa mà nên bỏ đi.
2. Có A-xà-lê nên thưa rồi mới ra đi.
3. Có A-xà-lê dù ở đó khổ cũng phải đeo đuổi suốt đời.
4. Có A-xà-lê sống được an lạc thì dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không rời bỏ.

Hạng thầy không thưa mà đi: Có những vị thầy sống nương tựa với họ không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, cũng không thể thuyết giảng về quả vị sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy không cần thưa mà nên bỏ đi.

Hạng thầy thưa rồi mới đi: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy có y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men nhưng không thể thuyết giảng về quả sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy nên thưa rồi mới đi.

Hạng thầy dù khổ vẫn ở: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, nhưng khéo thuyết giảng về quả vị sa-môn vô thượng của hạnh xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy tuy sống với họ cực khổ suốt đời cũng không nên rời bỏ.

Hạng thầy sống gần được an vui: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, họ có thể cung cấp y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men, có thể thuyết giảng về quả vị sa-môn Vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy, dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không nên rời bỏ. Đó gọi là bốn hạng A-xà-lê.

Lại có bốn hạng thầy nữa như sau:

Dạy về phép tắc; làm chỗ nương tựa cho mình; điều phục tham dục sân hận ngu si. Trong đây, hạng thầy có thể vì đệ tử khéo thuyết pháp để đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si (**458b**) được xem là hạng thầy tối thượng tối thắng. Ví như từ sữa được sữa đóng váng, từ sữa đóng váng được sữa chua, từ sữa chua được đề hồ; đề hồ là tối thượng, tối thắng.

*

TRÁCH NHIỆM THẦY ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ

Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ. Phương pháp dạy dỗ là: (1) Họ không thanh tịnh nên ngăn cản; (2) Khuyên đừng đến những nơi không nên đến. (3) Họ bị yết-ma phải giúp đỡ; (4) Họ sinh tà kiến, mình phải giải tỏa, hay nhờ người giải tỏa; (5) Tự mình xuất tội, hay nhờ người xuất tội; (6) Khi họ bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm só; (7) Khi họ gặp nạn, tự mình hoặc nhờ người giải cứu; (8) Khi họ gặp nạn vua, giặc, mình phải hóa giải.

1/ Khi đệ tử không thanh tịnh, nên ngăn cản: Khi đệ tử phạm các giới nhỏ như: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ở cùng nhà với phụ nữ, ngủ chung với người chưa thọ Cụ túc quá ba đêm, làm tổn hại cỏ tươi, ăn trái cây không thanh tịnh, thì nên dạy: "Ông đừng làm như thế."

Nếu đệ tử nói: "Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, con sẽ không làm nữa", thì tốt.

Nếu họ nói: "Hòa thượng, A-xà-lê hãy tự dạy mình, chứ dạy người khác làm gì!", thì nên bảo người coi việc giường nệm lấy lại giường nệm, bảo người coi việc ăn uống cắt đứt phần ăn.

Nếu người đó hung ác, dựa vào thế lực của nhà vua, của đại thần, có thể gây ra rắc rối, thì hoặc là chính Hòa thượng nên lánh đi nơi khác, hoặc là thầy y chỉ nên mang theo y bát ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, như vậy tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ có những hành vi bất tịnh mà Hòa thượng, A-xà-lê không dạy bảo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nên ngăn ngừa những hành vi bất tịnh.

2/ Ngăn đệ tử đến những nơi không nên đến: Như nhà của đồng nữ lớn tuổi, nhà quả phụ, nơi cờ bạc, chỗ quán rượu, Tỳ-kheo-ni có tiếng xấu, sa-di-ni có tiếng xấu. Nếu đệ tử lui tới những nơi ấy

thì Hòa thượng, A-xà-lê nên bảo họ đừng tới lui những chỗ ấy, vì đó là nơi không nên đến gần.

Nếu họ vâng lời thì tốt, cho đến ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ lui tới những nơi không nên đến mà không dạy dỗ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những nơi không nên đến.

3/ Giúp đỡ khi đệ tử bị yết-ma: Nếu trường hợp đệ tử bị Tăng xử đoán làm các pháp yết-ma chiết phục, không cùng nói chuyện, phát hỉ, tẫn xuất; hoặc đệ tử phạm một trong ba kiến chấp là hủy báng kinh điển, ác kiến, biên kiến; hoặc bị yết-ma cử tội vì khuyên can mà không bỏ lỗi, thì Hòa thượng, A-xà-lê nên vì đệ tử xin lỗi mọi người rằng:

Thưa các trưởng lão! Kẻ này trước đây có ác kiến, bây giờ đã bỏ, tùy thuận vâng lời. Kẻ phàm phu ngu si làm sao khỏi lầm lỗi! Đứa nhỏ mới học muộn màng này quả thực có lỗi đó. Từ nay tôi sẽ dạy bảo để y không tái phạm nữa.

Sau khi đã làm cho tâm ý của đại chúng vui vẻ, hãy xin Tăng giải pháp yết-ma. Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ bị Tăng làm yết-ma mà thầy không giải tỏa cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị làm yết-ma.

4/ Khi ác tà kiến sinh khởi (458c) tự mình hoặc nhờ người hóa giải: Nếu đệ tử có những kiến chấp như hủy báng kinh điển, hoặc ác tà kiến, hoặc biên kiến thì Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy:

Ông đừng sinh khởi kiến giải như thế. Đó là việc ác, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục chịu khổ lâu dài.

Nếu dạy bảo y các điều như vậy mà y bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên nhờ người quen biết với y rằng: "Xin trưởng lão hãy khuyên người ấy từ bỏ ác kiến." Nếu không tự mình hoặc nhờ người hóa

giải thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử có ác kiến, tự mình hoặc nhờ người hóa giải.

5/ Tự mình xuất tội hoặc nhờ người xuất tội: Nếu đệ tử phạm tội có thể sửa trị, như phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu, thì nên tự mình cho pháp Ba lợi bà sa.

Nếu y không che giấu, thì nên cho pháp Ma-na-đỏa. Cho đến phạm tội Việt-tỳ-ni, thì nên tự mình trị phạt.

Nếu mình không trị được thì nên nhờ người khác trị.

Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm tội mà thầy không tự mình xuất tội, không nhờ người khác xuất tội cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tự mình hoặc nhờ người xuất tội.

6/ Khi đệ tử bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm sóc: Nếu đệ tử bị bệnh thì tự mình phải săn sóc hoặc nhờ người khác săn sóc. Không được sai người khác săn sóc mà bản thân mình không quan tâm đến. Mỗi ngày nên đến thăm ba lần, và cổ vũ người nuôi bệnh: "Ông chớ nên uể oải, chăm sóc lẫn nhau là điều mà Phật rất khen ngợi." Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ lâm bệnh mà thầy không trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị bệnh, tự mình hoặc sai người chăm sóc.

7/ Khi đệ tử lâm nạn, tự mình hoặc nhờ người đưa đi: Nếu thân nhân của đệ tử muốn lôi kéo đệ tử trở về nhà, thì thầy nên bảo họ lánh đi xa, để hoàn thành công đức xuất gia, và nên tự mình đưa đi. Nếu vì già bệnh hoặc bận công việc của Tăng thì nên nhờ người khác đưa đi giúp.

Nếu không tự mình hoặc nhờ người đưa đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là khi gặp nạn, hoặc tự mình hoặc nhờ người đưa đi.

8/ Khi đệ tử gặp nạn vua, nạn giặc: Nếu đệ tử bị vua bắt đi thì thầy không nên bỏ mặc như vậy mà phải ở bên ngoài thăm dò tin tức. Nếu nhà vua hỏi: "Ai là Hòa thượng, A-xà-lê?", thì khi ấy nên đi vào.

Nếu sự việc bị hàm oan thì nên tìm người quen biết làm chứng. Nếu cần tiền của để theo đuổi công việc thì nên cho y bát. Nếu không có thì nên xin để cho. Nếu đệ tử bị giặc bắt đem bán nơi phương xa thì thầy nên tìm kiếm chuộc về. Nếu đệ tử bị nhà vua, bị bọn giặc bắt mà Hòa thượng, A-xà-lê không cứu chuộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê (gặp các trường hợp trên) thì đệ tử cộng trụ, đệ tử y chỉ cũng phải can gián như vậy. Nhưng không được nói thô lỗ như để dạy bảo, mà phải dùng lời nhã nhặn khuyên can Hòa thượng, A-xà-lê không nên làm việc đó.

Nếu thầy nói: "Ta sẽ không làm nữa", thì tốt. Nếu (**459a**) Hòa thượng nói: "Im, im đi. Ngươi không phải Hòa thượng, A-xà-lê của ta. Lẽ ra ta dạy bảo ngươi mà ngươi lại dạy bảo ta giống như vuốt mắt tre ngược chiều, ngươi chớ nói nữa", thì nên bỏ đi xa.

Nếu đó là thầy y chỉ thì nên mang y bát ra ngoài cương giới ngủ qua một đêm rồi trở về y chỉ người khác.

Nếu thầy có thế lực thì nên bỏ đi xa.

Nếu không bỏ đi thì nên y chỉ người có đức độ. Nếu thầy đến những nơi không nên đến, hoặc bị yết-ma thì phải lo giúp đỡ.

Nếu thầy khởi ác kiến thì phải tự mình giải tỏa hoặc nhờ người giải tỏa; tự mình hay nhờ người xuất tội. Thầy bệnh hay không bệnh đều phải cung cấp.

Nếu thầy gặp nạn thì nên đưa đi.

Nếu bị vua, giặc bắt thì phải theo cứu giúp. Nếu đệ tử cọng trú, đệ tử y chỉ thấy thầy phạm những giới nhỏ mà không can gián, cho đến bị vua, giặc bắt mà không theo cứu giúp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

NHỮNG CÔNG VIỆC ĐỆ TỬ PHẢI LÀM

Đệ tử cọng trú, đệ tử y chỉ ở gần Hòa thượng, A-xà-lê phải làm các việc sau đây: (1) Đứng dậy đón tiếp; (2) trả lời; (3) làm việc; (4) làm việc cho mình, làm giúp người khác; (5) vấn đề y bát; (6) tự cạo đầu, cạo đầu cho người; (7) dùng dao chữa trị; (8) cho và nhận; (9) lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người; (10) tự mình trì kinh, dạy kinh cho người; (11) gởi dục, nhận dục; (12) uống thuốc; (13) rời khỏi cương giới; (14) tổ chức cúng dường; (15) đi không thưa.

1/ Đứng dậy tiếp đón: Đệ tử thấy Hòa thượng, A-xà-lê từ xa nên đứng dậy đón tiếp.

Nếu đang ăn năm món ăn chính hoặc thọ trì hạnh ăn một lần không thể đứng dậy được thì nên cúi đầu xuống.

Nếu thọ trì hạnh ăn một lần thì nên bạch với thầy. Thầy nên hỏi: "Ông có thể ăn một lần không? Nếu chịu đựng được thì nên thọ trì." Nếu đáp: "Không chịu đựng nổi", thì nên bảo đừng thọ trì.

Nếu đệ tử thấy thầy mà không đứng dậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không đứng dậy đón tiếp.

2/ Trả lời: Khi Hòa thượng, A-xà-lê gọi thì đệ tử phải đáp. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà tiếng nói không khác thì nên đáp. Nếu không thể được thì đợi nuốt xong rồi mới đáp.

Nếu thầy trách: "Vì sao nghe ta gọi mà không đáp", thì nên nói: "Vì trong miệng đệ tử đang ngậm cơm." Nếu thầy gọi mà không đáp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là trả lời.

3/ Làm việc: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo đệ tử làm việc ấy mà đúng pháp thì nên làm. Nhưng nếu bảo: "Gọi cô gái ấy đến, lấy rượu đem lại", thì nên dùng lời nhỏ nhẹ thưa lại: "Con nghe nói rằng các việc như vậy là phi pháp, không nên làm." Nếu thầy bảo làm việc đúng pháp mà không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bảo làm việc.

4/ Làm việc cho mình và làm việc với người: Nếu muốn làm việc gì thì nên hỏi thầy: "Con muốn làm việc ấy với mỗ giáp." Thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới thì nên bảo đừng làm việc với y. Nếu thấy kẻ ấy khéo trì giới thì nên cho phép cộng tác. Nếu đến phiên mình làm Duy na trực nguyệt thì nên bạch với thầy. Như trong Thiên uy nghi (**459b**) đã nói rõ. Đó gọi là tự mình làm việc và làm việc với người.

5/ Vấn đề y bát: Khi muốn hơ bát hoặc kê đá làm lò để hơ thì mỗi việc đều nên thưa với thầy. Nếu không thể thưa từng việc một, thì chỉ cần nói: "Con muốn hơ bát." Một lần thưa là gồm tất cả. Khi hơ bát nên thưa Hòa thượng, A-xà-lê có muốn hơ hay không. Nếu bảo hơ, thì nên hỏi cái nào hơ trước, cái nào hơ sau hay là hơ chung một lần. Nếu bảo hơ một lần thì nên hỏi cái nào để trên, cái nào để dưới, tùy thầy dạy nên làm theo ý. Khi muốn nhuộm y, nên thưa với thầy; hoặc khi giặt, vá, nấu, tất cả đều nên thưa. Nếu không thể thưa từng việc một thì chỉ cần nói: "Con muốn nhuộm y." Một lần thưa là gồm tất cả. Khi nhuộm y, trước hết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê có muốn nhuộm y hay không. Nếu nói: "nhuộm" thì nên hỏi cái nào nhuộm trước, cái nào nhuộm sau hay nhuộm cùng lúc. Nếu bảo "cùng nhuộm một lần", thì nên nhuộm y Hòa thượng, A-xà-lê trước. Cũng vậy, khi vá, khi nhuộm, khi cầm, không được dùng y của thầy gói y của mình mà nên lấy y mình gói y thầy. Khi làm các việc về y bát mà không thưa với thầy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những việc thuộc về y bát.

6/ Tự cạo đầu và cạo đầu cho người khác: Khi mình muốn cạo đầu, nên thưa thầy. Thầy nên hỏi:

Ai cạo cho ông?

Dạ thưa mỗ giáp.

Mỗ giáp có biết cạo không?

Việc đó dễ như trở bàn tay.

Thầy nên nói: Không nên.

Nhưng nếu nói "biết" thì thầy nên quan sát người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì cũng nên bảo: "Không nên."

Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên nói: "Cạo được."

Khi muốn cạo đầu cho người khác, nên thưa với thầy: – Con cạo đầu cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi: Ông có cạo được không?

Nếu đáp: "Việc đó dễ như trở bàn tay có gì mà không làm được", thì thầy nên nói: "Không nên làm."

Nếu đệ tử nói: "Con có thể làm được", thì thầy nên xem tướng y, nếu y không khéo trì giới thì nên nói: "Không nên làm."

Nếu thấy y khéo trì giới thì thầy nên nói: "Ý kiến ấy rất hay." Nếu Hòa thượng, A-xà-lê vào xóm làng, rồi thợ cạo đầu đến muốn cạo đầu thì mình nên bạch với các trưởng lão Tỳ-kheo khác rằng: "Con muốn cạo đầu." Sau khi thầy trở về, nên thưa lại cho thầy biết. Khi thầy đi khỏi thì mình được nhờ thợ cạo, cạo đầu cho mình. Đó gọi là cạo đầu cho mình và cạo đầu cho người khác.

7/ Dùng dao chữa bệnh: Khi muốn mổ mụt nhọt cho người khác nên thưa với thầy:

Con mổ mụt nhọt cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi:

Ông làm có được không?

Nếu đáp: "Việc này dễ như trở bàn tay mà có gì làm không được", thì thầy nên nói:

Không nên làm.

Nếu nói: "Con có thể làm", thì thầy nên xem tướng, nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

Không nên làm.

Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên hỏi mụt nhọt ở chỗ nào. Nếu nói: "Ở chỗ bẩn thỉu", thì nên nói:

Trong phạm vi cách cốc đạo (hậu môn) bốn lóng tay không nên chạm đến. Nếu lể đầu ra máu, hoặc chữa trị các mụt ở chỗ khác (**459c**) thì nên làm.

Khi muốn phá mụt nhọt của mình, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi ở chỗ nào. Nếu cho biết ở chỗ bẩn thỉu thì nên bảo không nên làm. Nếu nói rằng ở những nơi khác thì cách xử trí như ở trên. Đó gọi là dùng dao để chữa bệnh.

8/ Cho và lấy: Khi muốn cho ai vật gì, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Cho ai?

Nếu nói: "Cho quả phụ, đồng nữ, dâm nữ, bọn vô lại, kẻ hung ác, Tỳ-kheo-ni mang tiếng xấu, sa-di-ni mang tiếng xấu, Tỳ-kheo không khéo giữ giới", thì nên bảo:

Không nên cho và thân cận với những hạng người như vậy.

Nếu cha mẹ không tin Tam bảo, thì nên ít lui tới. Nếu có lòng tin thì nên cung cấp tận tình đừng để thiếu thốn.

Khi muốn lấy vật của người khác nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Ai cho ông?

Nếu đáp: "Do đồng nữ, cho đến Tỳ-kheo không khéo giữ giới cho con", thì nên bảo:

Chớ nên giao du thân mật với những hạng người này.

Nếu đáp: "Người đó khéo giữ giới", thì nên bảo: "Cứ lấy."

Hỏi:

Khi cho hay nhận vật chừng cỡ nào thì không cần thưa với thầy?

Đáp:

Như chừng nửa sợi chỉ hay nữa bữa ăn. Đó là các trường hợp cho và lấy không cần thưa.

9/ Lấy thức ăn cho người, lấy thức ăn cho mình: Khi người khác nhờ mình đi lấy thức ăn thì phải thưa với thầy rằng:

Con lấy thức ăn giúp cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Thầy nên hỏi:

Vị Tỳ-kheo ấy vì sao không đi lấy?

Đáp: "Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn", thì nên nói:

Nếu vì muốn sướng thì đừng có nhờ người ta.

Nếu lấy giúp cho Duy na hay người bệnh thì nên xem tướng người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

Không nên đi.

Nếu nói: "Đến phiên con đi lấy", thì nên bảo:

Lấy bát của người ấy rửa cho sạch rồi hợp chung với bát của mình cầm theo.

Nếu thấy người ấy khéo trì giới, thì nên bảo:

Hãy lấy giúp cho ông ta.

Nếu muốn nhờ người khác đi lấy giúp thức ăn thì nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Vì sao ông không đi?

Nếu đáp: "Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn", thì nên nói: "Ông vì thích sướng nên không thể được."

Nếu (người đệ tử này) đang làm Duy na hay bị bệnh, thì nên hỏi:

Ông nhờ ai đi lấy?

Đáp: Mỗ giáp.

Nếu thấy y không khéo trì giới, thì nên nói: – Không thể được.

Nếu đáp: "Đến phiên người ấy lấy phần cho con", thì nên bảo:

Nên nhờ người khác, hoặc là người cùng một Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là người khéo trì giới đi lấy giúp.

Đó gọi là đi lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người.

10/ Đọc kinh, dạy kinh cho người: Khi muốn dạy Kinh cho ai nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

Dạy Kinh cho ai?

Đáp:

Dạy Kinh cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Lại hỏi:

Dạy Kinh gì?

Nếu đáp: Kinh sa-lộ-da-đà, thì nên nói:

Không được, đức Thế Tôn không cho phép.

Nếu nói: "Chú Kinh", thì nên nói:

Được, nhưng hãy bảo ông ta đừng dùng Kinh này để làm kế sinh sống.

Nếu đáp: "Kinh A-hàm", thì thầy nên xem tướng anh ta, nếu không khéo trì giới, thì nên nói:

Không được.

Nếu thấy khéo trì giới thì nên hỏi:

Ngươi đọc Kinh có trôi chảy không?

Đáp: "Không (**460a**) trôi chảy, để con hỏi lại ông ta rồi con sẽ dạy", thì nên nói:

Không nên dạy.

Nếu đáp: "Đọc trôi chảy", thì nên bảo:

Cứ dạy.

Khi mình muốn đọc Kinh cũng phải thưa với thầy, như cách thức ở trên. Đó gọi là tự mình đọc Kinh, dạy Kinh cho người.

11/ Gởi dục, nhận dục: Khi gởi dục hay nhận dục nên thưa với thầy, như vấn đề lấy thức ăn.

12/ Uống thuốc: Khi muốn ống thuốc trước hết phải thưa với thầy. Nếu đã ngồi rồi muốn uống sữa trước rồi ăn sau thì dù không thưa mà uống, cũng không có tội.

13/ Rời khỏi cương giới: Khi muốn rời khỏi Tăng già lam chừng 25 khuỷu tay nên thưa với thầy rồi mới đi. Nếu đi kinh hành hoặc ngồi thiền nên thưa để thầy biết chỗ. Nếu đang ở trước thầy mà muốn đi đại tiểu thì nên cúi đầu tỏ sự cung kính rồi mới đi. Nếu không ở trước thầy thì không tỏ sự cung kính, không có tội.

14/ Tổ chức bố thí rộng rãi: Nếu muốn tổ chức bố thí lớn, nên thưa với thầy rằng:

Con muốn bố thí hết tất cả những vật sở hữu của con.

Thầy nên nói:

Người xuất gia cần phải có ba y, bình bát, tọa cụ, túi lọc nước, giày da.

Nếu đệ tử nói: "Ngoại trừ các vật vừa kể, còn tất cả các thứ khác con muốn bố thí hết", thì thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới, không chịu tụng Kinh, hành đạo, nên nói:

Đồng ý.

Nếu thấy y khéo trì giới, thường đọc tụng hành đạo, thì nên nói:

Bố thí chẳng phải là giải pháp tốt nhất. Ông nhờ các vật ấy làm phương tiện (như là món thuốc) để mà tọa thiền, tụng kinh, hành đạo.

Nếu nói: "Con có thân nhân cung cấp cho y phục ẩm thực và thuốc chữa bệnh rồi", thì thầy nên nói:

Nếu thế thì thầy đồng ý.

Đó gọi là bố thí rộng rãi.

15/ Thưa thầy rồi mới đi: Khi muốn đi đâu phải thưa trước với Hòa thượng, A-xà-lê không được để đến lúc đi rồi mới thưa, mà phải thưa trước chừng một tháng, nửa tháng rằng:

Đệ tử muốn đến quốc độ ở mỗ phương.

Thầy nên hỏi:

Vì việc gì mà đi?

Nếu nói: "Ở đây Tăng làm việc cực khổ, đọc Kinh, tụng Kinh cực khổ quá; Hòa thượng, A-xà-lê còn bảo: ăn ít, uống ít, thức nhiều còn ở nơi kia thì sống sướng hơn", thì thầy nên nói:

Ông vì thế mà xuất gia, vì sao lại khước từ sự cực khổ?

Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê lo việc kinh doanh, không dạy Kinh cho con, nên con phải đi", mà mình có thể dạy được thì nên bảo:

Đừng đi.

Nếu mình không thể dạy được mà trong chúng có người khéo trì giới, tụng Kinh lưu loát thì nên bảo đến người đó thụ giáo. Nếu cũng không có mà ở nơi kia có Tỳ-kheo quen biết đa văn thì nên gởi gắm cho họ. Nếu lúc đi không thưa với Hòa thượng, thầy y chỉ mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ở đây, đệ tử cọng trú, đệ tử y chỉ đối với Hòa thượng, A-xà-lê phải làm những việc ấy. Đó gọi là thưa với Hòa thượng, A-xà-lê rồi mới đi.

*

Hết quyển thứ hai mươi tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 29

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, lúc ấy các Tỳ-kheo cầm y bát của Hòa thượng, A-xà-lê đi trước, ra ngồi tụ tập ở ngoài cổng để đợi thầy, vì sợ mất y chỉ nên không dám ra khỏi cương giới. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đây là các Tỳ-kheo nào mà ngồi tụ tập như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Đây không phải là rời y chỉ. Đợi khi Như Lai du hành nước Câu-tát-la trở về thành xá-vệ, các ông hãy nói lại, để Ta chế định phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Khi Phật trở về thành xá-vệ, các Tỳ-kheo đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi nói:

Nay thật là đúng lúc, xin Thế Tôn chế định phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Khi Hòa thượng mệnh chung là rời y chỉ; hoặc là thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài cương giới nghỉ lại một đêm; hoặc đệ tử cọng trú ra ngoài giới ngủ một đêm; đó gọi là rời y chỉ. Nếu thầy y chỉ mệnh chung, thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc

đệ tử y chỉ ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc đệ tử đã đủ năm tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, được rời y chỉ, đó gọi là xả y chỉ. Nếu Tỳ-kheo không khéo biết pháp, không khéo biết luật, không thể tự lập, không thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy suốt đời phải y chỉ người khác mà sống. Nếu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, có thể tự lập, có thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy được nhận người khác y chỉ.

Đó gọi là phép tắc của Hòa thượng, A-xà-lê, đệ tử cọng trú và đệ tử y chỉ.

*

PHÉP TẮC CỦA SA-DI

Thế Tôn không thích việc cha mẹ vì quá thương yêu, khóc lóc khi Ngài sắp làm Chuyển Luân vương mà bỏ nhà xuất gia, cho đến khi tôn giả La-hầu-la xuất gia, các nhân duyên này đã được nói rõ ở những chỗ khác, nên Ngài nói với Xá-lợi-phất:

Ông hãy đến độ La-hầu-la xuất gia.

Con độ La-hầu-la xuất gia bằng cách nào, bạch Thế Tôn?

Ông đến đó, dạy La-hầu-la nói như sau:

Con là La-hầu-la, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (nói như vậy ba lần). Con là La-hầu-la quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, (**460c**) quy y Tăng rồi, suốt đời không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia (nói như vậy ba lần). Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia, bỏ y phục thế tục, khoác ca sa, suốt đời không sát sinh giữ giới sa-di, suốt đời không trộm cắp giữ giới sa-di, suốt đời không dâm dục giữ giới sa-di, suốt đời không nói dối giữ giới sa-di, suốt đời không

uống rượu giữ giới sa-di, suốt đời không trang sức hương hoa giữ giới sa-di, suốt đời không xem nghe múa hát nhạc kịch giữ giới sa-di, suốt đời không ngồi trên giường cao rộng giữ giới sa-di, suốt đời không ăn quá giờ giữ giới sa-di, suốt đời không cầm giữ vàng bạc và tiền giữ giới sa-di, xin luôn luôn ghi nhớ như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả A-nan có một người đàn việt quen biết, cả nhà ông bị một cơn bệnh dịch chết hết, chỉ còn một đứa nhỏ, nó thường nhặt những hạt gạo rơi nơi chợ búa để nuôi sống. Khi tôn giả A-nan đi ngang qua đó, đứa bé trông thấy, liền chạy theo sau gọi: "Ông! Ông!." Nhưng A-nan không nghe nên cứ đi tới, liền bị người đời chê trách:

Vì sao sa-môn Thích tử khi người ta còn cha thì tìm cách làm thân như cha như con, bây giờ thấy người ta suy vi tan tác thì không đoái hoài đến, khiến đứa bé chạy theo kêu không ngừng?

A-nan nghe thế, quay nhìn lại biết được, liền gọi:

Con lại đây.

Thế rồi, đứa bé đi theo sau A-nan về Tinh xá Kỳ hoàn. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi:

Con của ai vậy?

A-nan bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn! Đứa bé này có xuất gia được không?

Ông dùng tâm gì mà độ nó?

Tâm từ mẫn, bạch Thế Tôn!

Xuất gia được!

Bạch Thế Tôn! Cho xuất gia bằng cách nào?

Như trường hợp cho La-hầu-la xuất gia ở trên đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người già cả xuất gia, rồi an cư tại một thôn xóm. Sau khi an cư xong, thầy dẫn theo mười sa-di đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn đang ngồi ở chỗ trống, vị Tỳ-kheo già ấy từ xa trông thấy Thế Tôn, bèn chỉ, nói với các sa-di:

Đấy là ông Tổ của các ngươi đó.

Khi ấy, các chú sa-di nhỏ bèn tranh nhau chạy trước đến chỗ Phật, rồi đứa thì nắm giường ghế, đứa thì nắm y kéo, đứa thì rờ bàn chân, đứa thì cầm bình nước. Phật biết mà vẫn hỏi thầy:

Đó là các sa-di của ai vậy?

Của con đó, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông độ nhiều sa-di như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi nhiều sa-di. (**461a**) Nếu nuôi một lần thì tối đa chỉ được nuôi ba người. Nếu Tỳ-kheo có đức lớn được nhiều người tôn trọng (muốn làm đệ tử) thì nên gởi gắm cho người khác độ họ, rồi thưa rằng:

Tôi biết có người chỉ muốn theo thầy tụng Kinh nghe pháp để tăng trưởng việc tu học, vì vậy xin gởi họ cho thầy.

Nên nói như vậy để gởi gắm cho người khác, nhờ họ dạy dỗ giúp. Nếu ai nuôi nhiều sa-di, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo dẫn một sa-di về nhà thăm bà con. Khi đi qua chặng đường ở vùng hoang dã, bỗng có một phi nhân hóa làm rồng, đi nhiễu quanh bên phải sa-di, dùng hoa rải lên người, rồi tán thán:

Lành thay! Ông được lợi ích rất lớn, vì đã bỏ nhà xuất gia, không cầm vàng bạc và tiền.

Vị Tỳ-kheo về nhà người thân thăm hỏi xong rồi, định trở về lại Tinh xá thì bà vợ của người thân nói với sa-di:

Nay chú trở về, đường sá xa xôi, sợ e thiếu thốn, vậy hãy cầm theo số tiền này khi đến chợ quán sẽ dễ bề chi dụng.

Sa-di bèn nhận lấy, rồi cột vào trên đầu y mà đi. Khi đến giữa đường, phi nhân trông thấy sa-di cầm tiền đi theo sau Tỳ-kheo, liền hóa làm rồng đi nhiễu bên trái sa-di, rồi hốt bụi ném lên sa-di, nói như sau:

Ông đã mất lợi ích rồi, xuất gia tu hành mà còn cầm tiền đi.

Sa-di liền khóc. Thầy Tỳ-kheo ngoái lại thấy thế hỏi Sa-di:

Vì sao ông khóc?

Con không nhớ là mình có lỗi gì mà vô cớ bị não loạn.

Ông có cầm vật gì không?

Con có cầm số tiền này đây.

Hãy vứt bỏ đi.

Sau khi vứt bỏ, phi nhân lại cúng dường như trước. Thầy Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép sa-di cầm vàng bạc và tiền. Nếu Tỳ-kheo sai sa-di lần đầu tiên cầm vàng bạc và tiền thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu thấy sa-di trước đó đã cầm, rồi sau bảo cầm thì không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, được chư thiên và người đời cúng dường, như trên đã nói rõ. Bấy giờ, sau khi ăn xong, tôn giả Đại-mục-liên cùng với sa-di Chuyên Đầu đi đến bên ao A-nậu ở Diêm-phù-đề ngồi thiền. Lúc ấy, sa-di Chuyên Đầu thấy những hạt cát vàng ở bên ao, liền suy nghĩ: "Nay ta hãy gói các viên sỏi này đem về để dưới bình tắm của Thế Tôn." Thế rồi, tôn giả Mục-liên sau khi xuất thiền, bèn dùng thần túc đi trên hư không trở về Tinh xá. Còn sa-di Chuyên Đầu thì bị phi nhân giữ lại. Khi ấy, Mục-liên bèn quay lại, thấy sa-di liền gọi đến. Sa-di nói:

Con không thể đến được.

Ông có cầm vật gì sao?

Con có cầm những hạt cát vàng.

Ông hãy vứt bỏ đi.

Sau khi sa-di bỏ rồi, liền nương hư không mà đi. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

(**461b**) Từ nay về sau, Ta không cho phép sa-di cầm vàng bạc và tiền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, ở bên cây Ni-câu-luật, tại nước Ca-duy-la-vệ, có các đàn việt thiết lễ cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc ấy, trong vườn có một sa-di đang đuổi chim, xua ruồi, nhặt các thứ cơm, xương, rau quả rơi mà ăn; nhằm lúc có các bà mẹ vốn có lòng thương cảm, thấy thế liền nói như sau:

Sa-môn Thích tử không có lòng từ, ăn không bình đẳng, giống như nuôi nghé con, trước cho bú rồi sau bỏ đói. Nay đây, Tỳ-kheo nuôi đứa bé này mà không cho ăn, chỉ ăn một mình. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau, người xuất gia khi ăn nên cho ăn bình đẳng. Về phần Sa-di thì gồm có ba phẩm bậc như sau:

1. Từ 7 tuổi đến 13 tuổi gọi là sa-di đuổi quạ (Khu ô sa-di)
2. Từ 14 đến 19 tuổi gọi là sa-di đúng pháp (Ứng pháp sa-di)
3. Từ 20 đến 70 tuổi gọi là sa-di trên danh nghĩa (Danh tự sa-di)

Cả ba phẩm này đều gọi chung là sa-di.

Khi ấy, tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc bèn hỏi Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Phải chia phần y an cư cho sa-di như thế nào?

Nếu sa-di ấy được lòng các Tỳ-kheo thì nên cho một nửa, hoặc một phần ba. Được lòng các Tỳ-kheo nghĩa là sa-di ấy giữ giới, làm các việc tốt đẹp.

Bạch Thế Tôn! Vậy thì chia phần y lúc phi thời cho sa-di như thế nào?

Cho phần bằng nhau. Nếu vì sợ sa-di có nhiều y rồi đi làm điều phi pháp, thì nên cho một nửa hoặc là một phần ba. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê của sa-di ấy bảo cho bằng nhau không khác, thì nên theo lời của thầy mà cho, chia y của vị qua đời cũng như vậy. Đó gọi là phép tắc của sa-di.

*

PHÉP TẮC CỦA BÁT

Sau khi thành Phật không bao lâu, Phật an trú tại rừng Thi-lợi-mạn-trà-la. Lúc ấy có hai người lái buôn, người thứ nhất tên Đế-lệ-phù-ta, người thứ hai tên Bạt-lê-già (nói rộng cho đến) đem bột, mật đi đến dâng Thế Tôn. Thế Tôn suy nghĩ: "Chẳng hiểu các đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tritrong thời quá khứ dùng tay nhận thức ăn hay dùng bát nhận thức ăn?" Sau khi Thế Tôn suy nghĩ như thế, bốn vị Đại Thiên Vương mỗi người đều cầm bát bằng vàng đến dâng lên Thế Tôn. Phật nói:

Ta không thể nhận loại bát bằng vàng như vậy. Tất cả các loại bát bằng châu báu Ta đều không thể nhận.

Thế rồi, mỗi vị đều mang bát bằng đá đến. Phật lại suy nghĩ: "Nếu Ta nhận một bát e rằng tâm ý các vua không vui", nên Ngài bèn nhận cả bốn bát, rồi đặt chồng lên tay trái, dùng tay phải nén xuống hợp thành một bát, nhưng ngoài biên của 4 cái đều hiện

rõ. Khi Phật nhận bát rồi, liền nhận bột, mật của các lái buôn, đoạn, chú nguyện đầy đủ. Lúc ấy, các lái buôn rất hoan hỷ, đến trước Phật, bạch:

Xin Thế Tôn cho chúng con (**461c**) móng tay và tóc để về xây tháp phụng thờ.

Phật liền cắt móng tay và tóc cho họ đem về xây tháp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn đất trắng Tôn Ba, lúc ấy thiên thần Tôn Bà đi đến chỗ Phật, bạch:

Bạch Thế Tôn! Trong thời quá khứ các đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến triđã sử dụng bát sành ở nơi này. Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo đi đến nhà thợ đồ gốm Pháp Dự, nói như sau:

Này lão trượng! Làm cho tôi cái bát.

Thế rồi, ông ta làm một cái bát sành thật đẹp, màu sắc như vàng, cúng cho Tỳ-kheo. Phật thấy thế, liền dạy:

Ta không cho phép làm bát màu vàng.

Ông lại làm cái bát khác màu bạc. Phật lại dạy:

Ta cũng không cho phép làm bát bằng màu bạc.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Hôm nay là ngày chay, hãy đến bảo Ưu-bà-tắc Pháp Dự tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến thọ bố-tát.

Thế rồi, Ưu-bà-tắc tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến chỗ Phật thọ bố-tát. Đức Thế Tôn liền chỉ chỗ đất bảo:

Ông đã biết chỗ đất này rồi đó, hãy trộn lại như thế này, nhồi như thế này, đập như thế này, làm như thế này rồi nung thành bát. Sau khi nung bát hoàn thành phải xông khói thành ba màu: Một là

như màu yết hầu của con công; hai là như màu chim Tì lăng già; ba là như màu chim Bồ câu. Trong khi xông khói phải để ý theo dõi cho màu sắc được như thế.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo ở nước Ưu-bà-thi-bà mang bát đến, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng loại bát này không?

Cho phép dùng.

Thế rồi, Tỳ-kheo ở nước Ca-hi-da cũng mang bát đến hỏi Phật. Phật dạy:

Cho phép dùng.

Sau đó, Tỳ-kheo ở phương Bắc đem bát màu đỏ đến, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng bát màu này không?

Không cho phép dùng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm sự lợi ích nên đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tricứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Trông thấy một Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có an vui không?

Bạch Thế Tôn! Vì tay con bị mụt nhọt, khiến bát bị rơi xuống đất vỡ bể nên không được vui.

Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo dùng bát bằng sắt. Khi làm bát bằng sắt nên làm lò để nung bát. Khi nung nên dùng hạt a ma lặc, hạt khư đà la, rồi dùng những gốc tre lớn để đốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vua A-xà-thế vừa làm xong một tòa nhà mới, liền suy nghĩ: "Chẳng hiểu ai có thể biết được những khuyết điểm của tòa nhà này? Chắc chắn chỉ có sa-môn Thích tử thông minh trí tuệ mới có thể biết được

những khuyết điểm của nó mà thôi." Rồi vua suy nghĩ: "(**462a**) Ta không thể gọi trực tiếp các Tỳ-kheo đếm xem tòa nhà này, mà chỉ nên mở lễ hội, rồi âm thầm đặt người ở khắp mọi nơi, để lắng nghe những lời bình phẩm của họ." Khi ấy, các Tỳ-kheo đi vào nhà, rồi một Tỳ-kheo nói như sau:

Ngôi nhà này tất cả đều hoàn hảo, chỉ có một góc sai lệch chừng một hạt thóc.

Lại một Tỳ-kheo khác nói:

Ngôi nhà này tất cả đều tốt, chỉ có cái ngưỡng cửa của đường lên gác thấp quá. Vua là dòng sát-đế-lợi, đi đâu phải có nghi vệ lọng quạt, khó mà ra vào một cách bình thường được.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo già cả, thấy dưới đất có một đầu khúc gỗ bị chặt bỏ, liền suy nghĩ: "Cái này tốt, có thể làm bát được."

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, lúc ấy, những người mà vua đã bố thí trước kia, bèn tâu lên vua những gì họ đã nghe được. Vua liền gọi thợ đến, bảo họ dùng thước đo lại, thì đúng như những gì các Tỳ-kheo nói, không sai chút nào, liền bảo những tay thợ khéo sửa chữa lại. Vua lại nhớ đến lời nói của vị Tỳ-kheo già, nghĩ rằng các Tỳ-kheo đương cần đến bát, liền sai thợ khéo tiện những cái bát gỗ, rồi làm các món ăn bỏ vào đầy bát; đồng thời lấy những cái bát sành, bát sắt bỏ đầy thức ăn vào, rồi sai người đem đến dâng lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ta không cho phép dùng bát gỗ, vì nó dính dầu mỡ, đồng thời nó cũng là hình thức của ngoại đạo nên không được dùng.

Ở trong đây những gì thanh tịnh thì Thế Tôn nhận, còn những gì không thanh tịnh thì không nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vua A-xà-thế chưa có mối hiềm khích với chủng tộc Li-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có một lái buôn ở nước phía Nam đem tặng vua A-xà-thế một viên ngọc. Sau khi được ngọc, vua suy nghĩ: "Vật báu này là vật

cần dùng của các cậu ta." Nghĩ thế vua bèn sai người đem biếu cho Li-xa. Li-xa được rồi lại suy nghĩ: "Báu vật này không thể chia được", bèn đem cất vào trong kho báu. Sau đó, Li-xa đi xem xét các kho báu, thấy viên ngọc ấy, suy nghĩ: "Vật báu này có thể đem khoét để làm chén uống nước Thích già la", bèn gọi thợ ngọc đến khoét làm chén. Khi cái chén làm thành bỗng nhiên giống hình cái bát, Li-xa lại suy nghĩ: "Đây là vật dụng của người xuất gia, không thích hợp với người thế tục, nên tặng cho Tác-già-ni-kiền-tử." Kẻ khác lại nói: Nên đem cho Ni-kiền con của chị ta.

Lại có người nói: Vì sao lại đem cho những con lừa hạm rượu đó? Nên đem cho Thế Tôn.

Nhiều người mỗi người một ý như vậy nên họ phải rút thăm để quyết định và số thăm đồng ý cho Phật nhiều nhất. Mọi người bàn bạc: Chúng ta không thể đem cho Phật cái bát rỗng mà cần phải tô điểm cho đẹp đẽ.

Đoạn, họ dùng những viên ngọc nhỏ bỏ đầy bát rồi đặt cái bát vào trong hộp, đồng thời dùng các thức ăn đựng đầy các bát sành, bát sắt, rồi đem dâng hiến cho Thế Tôn. Phật nói với các Li-xa:

Cái bát ngọc này Ta không thể nhận và những viên ngọc nhỏ trong bát cũng như hộp đựng bát Ta cũng không thể nhận. Ta chỉ được phép dùng bát sắt, bát sành chứ không được phép dùng bát ngọc. Vật gì thanh tịnh thì nên nhận, vật gì không thanh tịnh thì không nên nhận.

Li-xa bèn đem bát ngọc ấy trở về (**462b**). Mọi người bàn bạc:

Nên cho Ni-kiền con của chị chúng ta.

Lại có người nói:

Với con lừa hạm rượu ấy thì không nên dùng hộp báu và những viên ngọc nhỏ mà nên dùng dây gai đan cái túi rồi đựng bát không đem cho.

Thế rồi, họ dùng túi dây gai đựng bát rỗng, sai người mang cho. Khi ấy, có một Li-xa vốn tín kính Ni-kiền, bèn đến trước thuật lại với y đầy đủ sự việc kể trên, rồi dặn:

Khi họ đưa bát đến đừng nhận.

Do đó, khi bát được đưa đến, Ni-kiền nói:

Cái bát rỗng ấy ta không nên nhận, dùng dây gai để buộc, ta cũng không nên nhận. Lúc đầu đem cho sa-môn Cù-đàm, sau đó đem cho ta, do đó, ta cũng không nên nhận. Nay ta chỉ nhận có một việc: Nếu cắt lưỡi của bọn thanh niên Li-xa, đem tẩm muối mỡ bột, đựng đầy bát rồi mang đến thì ta mới nhận.

Khi sứ giả trở về trình bày lại đầy đủ sự kiện trên với các Li-xa, các Li-xa nói:

Đó là con của chị ta, vì oán hận mà thốt ra như vậy, hãy cứ đem cho y.

Nhưng sứ giả đem đến ba lần mà lời nói của y vẫn không thay đổi. Các Li-xa nói:

Đây là việc kỳ quặc, ta bố thí trọng hậu mà trái lại sinh ra oán hận.

Bèn sai người đến dùng gạch đập chết hắn ta.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn, và hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao Tát-già Ni-kiền-tử chỉ vì cái lưỡi mà hại đến thân mình?

Không những ngày nay do cái lưỡi mà hại đến thân mình (mà ngày xưa cũng đã từng có) như trong *kinh Bổn sinh cử cát la đã* nói rõ, hoặc trong *kinh Điển đa lợi điểu sinh*, *kinh Miết sinh, Kinh Oanh vũ sinh* cũng đều có đề cập đến.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo dùng bát ngăn ra từng khoảng đựng các thức ăn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Trong bát ông đựng những gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Trong đây một chỗ để cơm, một chỗ để canh, một chỗ để thịt và rau.

Ông tham trước các loại mùi vị sao? Từ hôm nay Ta không cho phép ngăn trong bát ra để đựng. Nếu ngăn bát ra để đựng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu dùng bánh ngăn hay cơm để ngăn thì không có tội.

Lại có Tỳ-kheo dùng bát đất chưa nung để ăn nên bị ói mửa. Phật dạy:

Nên dùng hạt a ma lặc, hạt khư đà la rồi lấy những gốc tre bự đốt để xông, sau đó mới sử dụng.

Bấy giờ các Tỳ-kheo dùng bát mà không có giỏ đựng. Phật dạy:

Nên đặt bát vào trong một cái giỏ.

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn dùng vàng bạc, vật báu làm giỏ đựng bát. Phật dạy:

Không nên dùng vàng bạc để làm mà nên dùng đồng đỏ, thép, chì, thiếc để làm giỏ.

Khi ấy các Tỳ-kheo che kín khắp cả bát. Phật dạy:

Ta không cho phép che trùm tất cả, lớn nhất thì cách vành bát 4 lóng tay, còn nhỏ nhất thì như lá cây thi xá.

Các Tỳ-kheo vẽ các hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát. Phật dạy:

Ta không cho phép vẽ hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát. Phương pháp làm giỏ đựng bát là vuông hoặc là tròn.

Nếu bát không có giỏ đựng (**462c**) thì không được để dưới đất.

Nếu để dưới đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nên để bát trên cành cây hoặc trên lá, trên cỏ. Nếu bát được đựng trong giỏ thì để dưới đất không có tội.

Nếu bát đựng trong giỏ mà để trên bùn thì không tội. Cùng cực lắm thì rưới nước trên đất rồi mới để bát, thì không có tội. Nếu để bát trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

CÁCH THỨC DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy mẹ của Nan-đà và mẹ của Ưu-ba-tư-trà-la ở trong thành này, cứ nửa tháng thọ bố-tát ba lần vào ngày mồng 8, ngày 14 và ngày 15. Vào ngày bố-tát, bà làm cơm, trước hết dọn cho Tỳ-kheo rồi mới ăn, đến sáng hôm sau lại bố-tát. Bà dùng nồi nấu cơm rồi chắt lấy nước cơm mà uống thì cảm thấy bệnh phong trong người tan mất và thức ăn trong bụng cũng tiêu, lại thấy đói muốn ăn, bà suy nghĩ: "A-xà-lê là người ăn ngày một bữa, cần phải ăn thêm cháo." Nghĩ thế, bà dùng nồi đổ nhiều nước và bỏ vào ít gạo, nấu cho cạn bớt hai phần, còn một phần rồi mới bỏ tiêu, lá lốt vào. Khi cháo chín, bà múc đầy thố, bưng đến Tinh xá Kỳ hoàn. Đến nơi rồi, bà cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên rồi bạch:

Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn cháo.

Phật liền dạy:

Từ nay về sau, Ta cho phép ăn cháo.

Vì ngày hôm ấy có đàn việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng trong Tinh xá khiến các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn chế giới không cho ăn nhiều chỗ, vì sao chúng ta lại tác tịnh để được ăn?." Phật biết thế, liền dạy:

Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt không thành chữ thì đó không phải là ăn nhiều chỗ, không phải là ăn riêng chúng, không phải là ăn no. Trái lại, nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt thành chữ thì đó mới gọi là ăn nhiều chỗ, là ăn riêng chúng, là ăn no.

Thế rồi, Thế Tôn đọc kệ chú nguyện:

Giữ giới thanh tịnh, người cung phụng,
Tôn kính tùy thời đem cháo cúng
Được mười lợi ích cho hành giả:
Sắc, lực, thọ, vui, lời trong trẻo.
Trừ phong, tiêu thực, dứt đói khát,
Phật bảo đó là môn thuốc hay.
Muốn sinh nhân thiên thường hưởng lạc,
Nên thường đem cháo cúng chúng Tăng.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, dần dần đi đến thôn của Bà-la-môn Ha-đế-khâm (như được nói rộng ở chỗ khác, cho đến Bà-la-môn dùng xe chở nào là lúa mạch, đậu, mè, sữa, dầu, đường phèn đi theo sát bên Thế Tôn trong sáu tháng, chờ lúc nào không có ai cúng thì ông sẽ cúng. Khi Phật còn ở đời nhân dân có lòng tin hoan hỷ cúng dường rất nhiều, bữa ăn trước, bữa ăn sau không khi nào thiếu thốn như vậy đó. Đến lượt Phật trở về thành xá-vệ (**463a**) lúc này người nhà của Bà-la-môn sai người đưa thư báo cho ông biết vụ mùa đã đến phải trở về gấp. Bấy giờ, Bà-la-môn hỏi tôn giả A-nan:

Thưa tôn giả! Đức Thế Tôn ngày mai từ cửa nào đi ra, đến thành xá-vệ?

Này Bà-la-môn! Ông hỏi để làm gì?

Tôi muốn đem rải những thóc, đậu này trên đường, mong Phật và Tỳ-kheo Tăng đạp lên trên mà đi, coi như quí vị đã thọ dụng.

Này Bà-la-môn! Để tôi hỏi Phật đã.

Thế rồi, tôn giả A-nan đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Này A-nan! Ai từng giáo hóa và nhận sự cúng dường của ông ta?

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất.

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

Ông từng nhận ông ta cúng dường sao?

Bạch Thế Tôn! Con từng nhận ông ta cúng dường ngày một bữa.

Thế thì ông là người giáo hóa ông ấy. Vậy hãy đến hỏi ông ấy ngày mai có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không?

Xá-lợi-phất liền đến đó thuyết pháp cho ông nghe, rồi hỏi ông có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không, Bà-la-môn đáp:

Tôi đã từng muốn đem thóc, đậu rải trên đường để cho Phật và chúng Tăng dẫm đi qua vì sao không thể nấu cháo được?!

Thế là đêm đó ông nấu các loại cháo, nào là cháo sữa chua, cháo sữa tươi, cháo dầu, cháo sữa đóng váng, cháo thịt, cháo cá. v.v... Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng đã ngồi ổn định, ông bèn tự tay dọn cháo. Phật biết mà vẫn hỏi ông:

Gạo để ở đâu?

Ở đây, bạch Thế Tôn!

Nấu tại đâu?

Cũng tại đây, bạch Thế Tôn!

Thức ăn chứa trong chỗ ở, Ta không cho phép, nấu ăn trong chỗ ở Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép dùng các loại cháo thanh tịnh khác, không cho phép dùng loại cháo này.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn của Bà-la-môn Cố Thạch, lúc ấy có ông thợ hớt tóc già, hai cha con xuất gia đang ở thôn này. Được tin Thế Tôn sẽ đến đây, người cha nói với con:

Ngươi mang theo dụng cụ hớt tóc vào trong thôn tìm gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn để khi Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo cúng dường.

Người con bèn đi vào trong thôn, dân chúng hỏi:

Ông hớt tóc muốn được vật gì?

Tôi cần gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn.

Ông dùng những thứ đó để làm gì?

Ngày mai Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo để cúng dường.

Các cư sĩ nghe thế, sinh tâm hoan hỷ, đưa cho nhiều gấp bội; anh ta bèn mang về nhà. Khi Thế Tôn đến, ông già ấy liền thân hành nấu các món cháo. Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông già ấy liền rửa tay, thân hành dọn các món cháo lên. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là cháo gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Khi con còn ở đời, mỗi lần cúng dường các Tỳ-kheo con thường tự nghĩ: "Không biết lúc nào được tự tay mình cúng dường Thế Tôn, nên nay con nấu món cháo này."

Gạo này nhận được ở nơi nào vậy?

Đứa con trai con đi hớt tóc mà có được.

(**463b**) Gạo cất chung cùng chỗ ngủ, Ta không cho phép; nấu tại chỗ ở, Ta cũng không cho phép; tự nấu lấy, ta không cho phép; đi hớt tóc mướn mà được thực phẩm, Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép ăn những loại cháo khác thanh tịnh và được làm một cách thanh tịnh.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Ương-cầu-đa-la, lúc ấy Phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn nấu các món cháo nào là cháo sữa chua, cháo mè, cháo sữa tươi, cháo sữa đóng váng, cháo dầu, cháo cá thịt. Đến khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông dọn lên các món cháo. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: "Thế Tôn chế giới không cho phép ăn nhiều chỗ, nay vì sao chúng ta được xem đây là món thanh tịnh để mà ăn?" Phật nghe thế, liền dạy:

Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết không thành chữ thì Ta cho phép dùng. Trừ cháo thịt, cháo cá, ngoài ra tất cả các loại cháo khác thì khi dùng chúng không được kể là ăn nhiều chỗ, ăn biệt chúng, ăn no.

Nếu Tỳ-kheo khất thực, khi nấu cơm chưa chín, chắt lấy nước cơm rồi uống thì không có tội. Nếu chỉ lấy cơm mà ăn thì mới gọi là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no. Đó gọi là cách thức dùng cháo.

*

PHÉP DÙNG BÁNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, đức Thế Tôn cứ 4 tháng cạo tóc một lần. Khi cạo tóc, người đời thường đem bánh trái đến hiến Thế Tôn. Khi ấy, có một Bà-la-môn hỏi vợ:

Trong nhà có vật liệu để làm bánh không?

Có! Gạo lúa mạch hai đấu, dầu bốn thăng. Ông định dùng để làm gì?

Hôm nay sa-môn Cù-đàm cạo tóc, dân chúng ắt mang bánh đến cúng dường. Bà hãy làm bánh cho nhanh lên để tôi theo bạn bè đem đến cúng dường sa-môn Cù-đàm.

Thế rồi, bà vợ làm bánh, bỏ vào trong thố, dùng khăn sạch đậy lên trên đưa cho ông chồng mang đi. Lúc ấy, có các quốc vương, đại

thần, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, các lãnh chúa của 18 thôn lớn, tất cả đại chúng đang quây quần xung quanh Thế Tôn. Thấy thế, Bà-la-môn này nghi ngại, sợ sệt không dám đường đột đi tới trước, bèn ngồi một mình ở một chỗ suy nghĩ: "Nếu sa-môn Cù-đàm có nhất thiết trí, nhất thiết kiến thường quan sát thế gian không có gì là không thấy, không có gì là không biết, thì nay ta đây cũng là thế gian, đương nhiên Ngài sẽ biết tâm của ta." Khi ấy, Phật biết tâm niệm của Bà-la-môn, từ xa gọi ông ta đến. Lúc ông đến rồi, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Bà-la-môn! Trong cái thố của ông đang đựng vật gì vậy?

Đó là bánh, bạch Thế Tôn!

Hãy đem dọn cho chúng Tăng mỗi người một cái.

Đại chúng này đến 500 người mà bánh thì rất ít, không thể nào dọn đủ, bạch Thế Tôn!

Ông cứ dọn đi.

Thế rồi, Bà-la-môn đem dọn cho mỗi người một cái mà số bánh vẫn không giảm bớt. Thậm chí ông đi phát đến ba lần mà số bánh vẫn như cũ không hề giảm bớt. Lúc ấy, Bà-la-môn suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, số bánh ít ỏi như thế mà phát cho đại chúng đến ba lần vẫn không hề giảm bớt." (**463c**) Phật biết tâm ý Bà-la-môn hoan hỷ, liền tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo làm cho ông được lợi ích, vui vẻ. Bà-la-môn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bà-la-môn này dùng phương tiện nhỏ mà lại được quả báo lớn?

Không những ngày nay ông dùng phương tiện nhỏ đạt được quả báo lớn mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy, như trong *kinh Bổn sinh* đã đề cập.

Về bánh thì gồm có các loại: Bánh đại mạch, bánh lúa mạch, bánh tiểu mạch, bánh gạo, bánh đậu, bánh dầu, bánh sữa chua, bánh ma hầu la, bánh bát ba lặc, bánh tai trâu, bánh ba lợi tư, bánh sô đồ, bánh mạn chỉ la, bánh hoan hỷ hoàn nhục. Tất cả các loại tương tợ như vậy đều được gọi là bánh. Trừ bánh thịt, bánh tân trà, ngoài ra tất cả các loại bánh khác khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no. Đó gọi là phép dùng bánh.

*

PHÉP DÙNG RAU

Khi Phật an trú tại ấp lớn tên Tần Đầu dãy núi phía Nam, lúc ấy có hai Ưu-bà-di, người thứ nhất tên Ta-bà-cư, người thứ hai tên Xoa-ba-năng. Họ nấu (cháo) rau khéo đến nổi có mùi vị giống như thịt. Khi nấu xong bèn đem cúng dường cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận, lòng sinh hồ nghi, nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều chỗ (lần), vì sao chúng ta lại xem món này là hợp pháp để mà ăn?" Thế rồi, họ đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Ăn tất cả các loại rau không phải là ăn nhiều lần, không phải là ăn biệt chúng, không phải là ăn no.

Về rau gồm có các loại: rau khô, rau cải, hành, bầu, v.v... tương tự những loại như vậy đều gọi là rau.

*

PHÉP DÙNG LƯƠNG KHÔ

Lương khô gồm có các loại: lương khô đại mạch, tiểu mạch, khoáng mạch, mông cụ, ma-sa, ca-la-na, y-ly, mè. Các loại lương

khô tương tự như vậy khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều lần, ăn no. Đó gọi là phép dùng lương khô.

*

PHÉP DÙNG NƯỚC TRÁI CÂY

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, lúc ấy cư sĩ Ưu-già-lê mở hội bố thí lớn gồm voi, ngựa, nô tì mỗi thứ 500 và trong các vật bố thí linh tinh khác có nước ép trái cây để lâu ngày, do đó các Tỳ-kheo uống vào bị say. Họ bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, nước ép trái cây để lâu ngày, Ta không cho phép uống.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn của Bà-la-môn Tần Đầu, ở núi phía Nam, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, các Bà-la-môn, cư sĩ đem các thức ẩm thực cúng dường cho các sa-môn ở trong thôn. Bấy giờ, đến giờ khất thực, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thôn khất thực. Khi ấy, ma ba tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang vào thôn khất thực, vậy ta hãy vào trước trong thôn mê hoặc tâm của những đàn việt, khiến họ không cúng dường thực phẩm cho ông ta." Thế rồi, đức Thế Tôn vào thôn khất thực khắp mọi chỗ mà không được thứ gì nên mang bát không trở ra, đến ngồi dưới một gốc cây. Lúc ấy, ma ba tuần suy nghĩ: "(**464a**) Sa-môn Cù-đàm đi khất thực khắp nơi mà không được thứ gì, giờ đây ta hãy đến quấy nhiễu làm cho tâm ý ông rối loạn." Tức thì y đến chỗ Phật, đứng qua một bên, nói như sau:

Sa-môn Cù-đàm! Nên vào thôn khất thực, ta sẽ khiến cho lúc vừa vào đến thôn, liền được các món ăn ngon.

Khi ấy, Thế Tôn vì ma ba tuần đọc kệ như sau:

Nay ngươi mất lợi ích
Vì nhiễu loạn Như Lai,

Tự chuốc vô lượng tội,
Như Lai chẳng khổ sầu,
Vì đã lìa phiền não,
Thường được sống an lạc.
Niệm pháp vui thiền định,
Giống như Quang âm thiên.

Lúc ấy, ma-ba-tuần bỗng nhiên biến mất. Thế là ngày hôm ấy Thế Tôn không được ăn. Các Tỳ-kheo nghe được tin này, những ai đã ăn thì hối hận, những ai ăn nửa chừng thì nghỉ ăn, còn những ai chưa ăn thì không ăn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nghe tin Phật và Tỳ-kheo Tăng không được ăn, liền đem 500 chiếc bánh đường phèn đến dâng lên Thế Tôn. Phật bảo các Tỳ-kheo dùng nước tác tịnh rồi nhận lấy, để những Tỳ-kheo bệnh hay không bệnh cũng đều được ăn cả.

Lại nữa, khi Phật an trú bên sông Lê-kì-xà, lúc ấy, bát của Thế Tôn và bát của Tỳ-kheo đều để ở chỗ đất trống. Bỗng có con khỉ đi ngang qua bụi cây, thấy trong cây có tổ ong mật đã chín mà không có ong, liền đến lấy bát của Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ngăn cản nó, Phật dạy:

Đừng có ngăn cản, nó không có ác ý đâu.

Thế là con khỉ bèn cầm bát đi lấy mật đem lại cúng dường. Thế Tôn chưa nhận, định dùng nước tác tịnh rồi mới nhận. Con khỉ không hiểu ý Phật, tưởng là Phật chê trong bát có trùng. Nó xem lại bát thì thấy có vết mật chảy ở ngoài bát. Nó liền cầm bát đem xuống nước rửa và nước đã rơi vào trong bát. Đoạn, nó cầm đến dâng lên cho Phật, Phật liền nhận lấy. Khi được Phật nhận rồi, con khỉ vui mừng cực độ, nên vừa đi vừa múa, nhưng rủi thay bị rơi xuống hầm, chết liền tức khắc. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền đọc kệ:

Khi Phật an trú tại rừng cây
Bát Phật, bát Tăng để chỗ trống

Dã thú có trí muốn gieo phúc,
Thấy tổ ong mật không có ong.
Liền đi ngay đến lấy bát Phật,
Tỳ-kheo định ngăn, Phật không cho.
Lấy bát đựng mật dâng lên Phật
Như Lai xót thương, liền nhận lấy.
Lòng mừng khấp khởi nhảy tung tăng,
Rủi rơi xuống hố liền vong mạng.
Bèn sinh cõi trời Ba mươi ba,
Tái sinh xuất gia thành La hán.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Ương-cầu-đa-la, lúc ấy, phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến bèn chuẩn bị các loại nước ép trái cây để đợi Thế Tôn. Khi Thế Tôn đến, (**464b**) ông đem các loại nước ấy dâng lên Phật và chúng Tăng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép uống nước ép trái cây để lâu ngày thì làm sao chúng ta uống được?" Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo đem ý nghĩ ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Ta cho phép được uống nước trái ép. Nước trái ép gồm có 14 loại. Đó là:

1. Nước am la.
2. Nước câu lê.
3. Nước an thạch lựu.
4. Nước điên đa.
5. Nước nho.
6. Nước ba lâu sa.
7. Nước lâu lâu trù.
8. Nước trái chuối.
9. Nước kế già đề.

10. Nước kiếp pha la.
11. Nước ba lung cừ.
12. Nước đường phèn.
13. Nước ha lê đà.
14. Nước khư phi lê.

Đó gọi là 14 loại nước trái cây ép. Khi đem lọc cho sạch thì tất cả đều cho phép uống. Nếu chúng biến ra màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không cho phép uống.

Nếu có ai mang nước ép trái cây đến thì nên tác tịnh.

Nếu dưới đáy hũ còn lại chút ít nước lạnh thì đó được xem là tác tịnh.

Nếu trời mưa, nước rơi vào trong hũ cũng được xem là tác tịnh.

Nếu khi súc hũ còn sót lại chút nước cũng được xem là tác tịnh.

Nếu xe chở đường phèn bị mắc mưa, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu dùng thuyền chở, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu tịnh nhân rửa tay, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Đó gọi là phép dùng nước ép trái cây.

*

PHÉP DÙNG THỨC UỐNG CHẾ BIẾN

Khi Phật đang du hành đến nước Kiều-tát-la, lúc ấy tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh động phong. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

Cần phải dùng thuốc gì để trị?

Bạch Thế Tôn! Phải dùng nước trái cây Tô-tỳ-la.

Ta cho phép uống.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

Đợi khi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về thành xá-vệ, hãy nhắc lại để Ta chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các đệ tử.

Đến khi Phật trở về, các Tỳ-kheo liền bạch:

Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã hứa khi trở về thành xá-vệ, sẽ chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các Tỳ-kheo, giờ thật là đúng lúc.

Này các Tỳ-kheo! Phương pháp làm nước Tô-tỳ-la như sau: lấy lúa mạch bỏ vào cối giã nhẹ cho tróc trấu, bụi đất, nhưng đừng để cho đầu hạt gạo bị vỡ, rồi dùng nước đãi bảy lần cho sạch, đem bỏ vào trong cái vò sạch. Khi đặt cái vò Tô-tỳ-la này không được đặt ở hướng Đông, hướng Bắc, mà nên đặt ở hướng Nam hay hướng Tây tại chỗ thoáng gió, đừng để cho uế khí bay vào trong đó, không được để trong tháp, trong viện, không được đặt ở chỗ sờ sờ trước mắt, mà nên đặt ở chỗ kín đáo. Thế rồi dùng trái ha lê lặc, tì ê lặc, a ma lặc, tiêu, lá lốt, các loại thuốc dùng suốt đời, tương tự như vậy bỏ vào trong, lấy một miếng vải sạch đậy lên, dùng dây mây buộc lại, rồi đem một khúc cây đằng lên trên. Khi dùng nước Tô-tỳ-la này, tùy theo nhiều ít, dùng nước pha vào cho giải mùi vị rồi mới uống. Nếu không pha nước cho giải mùi vị mà uống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. (**464c**) Nếu đầu của hạt gạo mạch không vỡ thì uống lúc đúng thời hay phi thời đều được cả. Nếu đầu của hạt gạo mạch bị vỡ thì chỉ được uống lúc đúng thời mà không được uống lúc phi thời. Đó gọi là cách sử dụng nước trái cây.

Kệ tóm tắt:

Bệnh, thuốc và Hòa thượng
Thầy cùng với đệ tử

Cộng trú và y chỉ
Việc sa-di, việc bát,
Việc cháo, bánh và rau
Lương khô, nước giải khát.
Cùng nước Tô-tỳ-la.
Kết thúc phẩm thứ năm.

*

PHI YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba cùng sống một trú xứ mà bất hòa, tranh tụng lẫn nhau. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, nói:

Tôi cử tội trưởng lão!

Hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn rằng:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba phát sinh việc phi pháp. Vì sao một người mà lại cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người?

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Có bốn trường hợp yết-ma. Bốn trường hợp đó là gì? Đó là:

1. Yết-ma như pháp không hòa hợp.
2. Yết-ma như pháp hòa hợp.
3. Yết-ma phi pháp hòa hợp.
4. Yết-ma phi pháp không hòa hợp.

(Tóm lại có các trường hợp như sau): Tôn-đà-la-nan-đà; màu mới nhuộm; cử tội ở chỗ này, xả tội ở chỗ khác; rừng khai nhãn; ngoại đạo xuất gia; hẹn nhau; không tĩnh tưởng; sông Tô Hà; giảng đường Thiện Pháp; tướng quân Sư Tử; nan nhi; đồng tử Li-xa; bốn người hung ác đánh nhau; trên gác; dời đá; suối nước nóng; dâm nữ; Tam bà ta; đòi dầu; đi lấy thức ăn; nuôi bệnh; một miếng thịt chim; một miếng thịt của bọn cướp; một miếng thịt heo; đến nhà phụ nữ; xay bột; chăn bò; người ngớ ngẩn bỏ vợ; cách vách; Bố-tát; nước Nhị Tô-tỳ-la; gạch; phân; khất thực; Uất-trù.

1– Tôn-đà-la-nan-đà

Khi Phật an trú tại thành Ba-la-nại; lúc ấy Tôn-đà-la-nan-đà đang ở tại Tinh xá Chỉ-đà-la-kế-bát; đầu đêm, cuối đêm kinh hành, ngồi thiền. Sáng sớm thầy thức dậy ngồi kiết già rồi nằm nghiêng xuống để thân lộ ra, nam căn cương ra mà vẫn ngủ không hay. Lúc ấy, tại thành Ba-la-nại có hai chị em cô nọ làm nghề mại dâm, một người tên Gia-thi, một người tên Bán-gia-thi, ban đêm ra ngoài thành đến lâm viên cùng hoan lạc với các trang thanh niên. Thế rồi, sáng sớm họ trở vào trong thành, nhân đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, Bán-gia-thi thấy nam căn của thầy cương cứng liền nói với chị:

Em muốn hành lạc với vị Tỳ-kheo này, chị chờ em một lát.

Đây là vị A-la-hán đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, không còn thích việc đó nữa. Em không nghe Tôn-đà-la-nan-đà thuộc dòng họ Thích này ở nhà có người vợ đẹp (**465a**) đoan chính mà thầy vẫn bỏ để xuất gia hay sao?

Không phải vậy! Nhưng chị hãy đợi em.

Thế là cô bèn đi đến, leo lên mình Tỳ-kheo làm theo cách của thế tục. Tỳ-kheo liền thức giấc, dùng chân đạp cho một đạp khiến cô té nhào xuống đất bị thương 5 chỗ: Hai cùi chỏ, hai đầu gối và

trán. Bán-gia-thi liền đứng dậy phủi bụi trên y phục, rồi đi đến chỗ chị, nói với chị:

Tỳ-kheo làm nhục em như vậy đó.

Trước đây chị không bảo với em rồi sao, giờ còn oán ai nữa?

Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn thuật lại sự việc ấy với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nói:

Thầy đã phạm tội Ba-la-di.

Tôi là A-la-hán không còn thấy lạc thú nữa.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Tỳ-kheo này đã đoạn trừ xong tham dục, sân hận, ngu si, là bậc A-la-hán, không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tôn-đà-la-nan-đà.

2– Y phục mới nhuộm màu

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ có Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khất thực, rồi đến một nhà kia. Người đàn bà trong nhà ấy mặc y phục mới nhuộm màu, ngồi không đoan chính để lộ thân thể. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, liền nói:

Này chị em, trông cô đỏ quá!

Thưa thầy, vì y phục này mới nhuộm màu.

Thầy Tỳ-kheo ấy tâm sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

Ông dùng bằng cái tâm gì?

Bằng tâm tham dục, bạch Thế Tôn!

Ông hãy nhờ một Tỳ-kheo đến hỏi người phụ nữ ấy xem có hiểu ý ông không?

Thế rồi, vị Tỳ-kheo sứ giả liền đến đó, hỏi:

Này chị em! Vừa rồi có Tỳ-kheo nào đến đây không?

Thưa có!

Tỳ-kheo ấy nói những gì?

Tôi mặc y phục mới nhuộm vừa ngồi thì vị ấy nói: "Đỏ quá." Tôi bảo: "Đúng như thầy nói vì y phục mới nhuộm màu cho nên như thế."

Khi ấy các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu họ hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý mà không hiểu nghĩa thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý đồng thời hiểu nghĩa, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu họ không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là y phục mới nhuộm màu.

3– Bị cử tội ở chỗ khác

Bấy giờ có một Tỳ-kheo ở một trú xứ bị Tăng làm yết-ma cử tội, thế rồi, thầy đi đến trú xứ khác, thưa với Tăng như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi bị cử tội. Nay tôi đã thực hành pháp tùy thuận, tâm đã nhu nhuyến, xin Tăng cho tôi pháp yết-ma xả việc cử tội.

Các Tỳ-kheo bèn làm yết-ma xả việc cử tội cho thầy. Khi làm xong, liền hỏi:

Trưởng lão! Thầy vì việc gì mà bị cử tội?

Thưa trưởng lão! Tăng đã làm yết-ma xả việc cử tội cho tôi xong thì còn hỏi chi nữa?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Đúng như Tỳ-kheo ấy nói. (**465b**) Thế nên, khi Tăng làm yết-ma xả việc cử tội thì trước hết nên hỏi, nếu không hỏi mà đã xả rồi, thì không nên hỏi lại. Các ông vì sao Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội?

Nếu Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bị cử tội đi đến nơi khác thì nên thưa như sau:

Thưa trưởng lão! Tôi bị cử tội và đã thực hiện pháp tùy thuận, tâm đã nhu nhuyến, mong Tăng xả việc cử tội cho tôi.

Khi ấy, Tăng nên hỏi:

Trưởng lão! Thầy bị cử tội về việc gì?

Nếu đáp:

Tôi không có việc gì cả mà bị cử tội.

Thì nên bảo:

Trưởng lão! Thầy không có việc gì mà bị cử, vậy ở đây chúng ta cùng hưởng chung pháp thực, vị thực.

Còn nếu nói: "Có việc nên bị cử", thì Tăng nên bảo:

Trưởng lão! Thầy hãy trở về lại nơi ấy để Tăng xả việc cử tội cho thầy.

Nếu chùa ấy Tăng đã đi vắng hết, hoặc đã qua đời, hoặc là thôi tu, hoặc đi nơi khác, không còn vị Tăng nào nữa, thì nên hỏi:

Thầy phạm việc gì mà bị cử tội?

Nếu đáp: "Tôi vì việc ấy mà bị cử tội nhưng nay tâm đã nhu nhuyến, thấy được lỗi lầm, đã tuân hành pháp tùy thuận", thì nên xả việc cử tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là làm yết-ma cử tội ở chỗ khác.

4– Rừng Khai nhãn

Khi Phật chưa ngăn cấm Tỳ-kheo-ni ở nơi hoang vắng, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với 500 Tỳ-kheo-ni ngồi thiền trong rừng Khai Nhãn. Họ thuộc các dòng họ Thích-ca, họ Ma-la, họ Li-xa xuất gia, đều là những người nữ trẻ trung, đoan chính. Đầu đêm, các Tỳ-kheo-ni ấy đang ngồi thiền thì bị bọn thanh niên dâm đãng đi đến định xâm phạm tiết hạnh. Các Tỳ-kheo-ni liền dùng thần túc để chạy thoát. Nửa đêm, cuối đêm, họ cũng trở lại ngồi thiền và cũng bị bọn thanh niên kia đến quấy nhiễu như trước. Những người không ngủ, lanh lợi thì dùng thần túc để thoát thân; còn những người ngủ gật, ám độn thì bị bọn chúng xâm phạm tiết hạnh; do thế tâm họ sinh nghi ngờ (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo-ni khác bèn nói với các Tỳ-kheo-ni ấy:

Các cô đã phạm tội Ba-la-di.

Tôi không có cảm giác thích thú, tôi không biết có tội hay không.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

Những ni A-la-hán ấy đã đoạn trừ tham dục, sân hận, si mê, không cảm thọ dục lạc nên không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là rừng Khai Nhãn.

5– Ngoại đạo xuất gia

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Thầy gặp một người nữ xuất gia ngoại đạo tên Tôn-đà-lợi, trẻ trung, dung nhan đoan chánh, khoác y mới nhuộm, một tay cầm gậy có ba chảng, một tay cầm bình nước đang đi trước thầy trên đường phố. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, bèn đi theo sau cô ta. Lúc ấy có một con trâu cái vừa mới sinh con, dùng sừng xúc Tỳ-kheo ném lên trên người nữ, (**465c**) khiến

tâm Tỳ-kheo sinh nghi (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi Tỳ-kheo:

Ông có tâm gì?

Tâm tham dục, bạch Thế Tôn!

Khi bị sừng trâu húc thì ông có tâm gì?

Tâm sợ hãi, bạch Thế Tôn!

Hễ khi có tâm tham dục thì không có tâm sợ hãi, còn khi có tâm sợ hãi thì không có tâm tham dục. Đi theo sau người nữ với tâm tham dục thì mỗi bước đi phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp ngoại đạo xuất gia.

6– Hẹn nhau

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành xá-vệ, tuần tự khất thực. Khi thầy đến một nhà kia, có một người phụ nữ nói với thầy:

Này Tỳ-kheo! Có muốn làm việc ấy thì đến đây.

Phép tắc Tỳ-kheo của tôi không được làm việc ấy.

Nếu thầy không chịu làm việc ấy thì tôi sẽ làm cho thân mình bị thương tích rồi hô hoán lên rằng: "Tỳ-kheo cưỡng hiếp tôi."

Tôi phải về lại Tinh xá rồi mới đến.

Thầy là Sa-môn Thích tử không nên nói dối, đã hẹn thì phải đến.

Vâng.

Thế rồi, Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói:

Đó là lời nói phi pháp, không nên nghe, mà đã nghe thì không nên hứa, mà đã hứa thì phải đem nhiều Tỳ-kheo đến đó.

Thế rồi, thầy ấy dẫn theo nhiều Tỳ-kheo đến đó, nói như sau:

Này chị em! Chúng tôi đã đến.

Xin chào các thầy.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hẹn nhau.

7– Không tĩnh tưởng

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, có một Tỳ-kheo ngồi một mình dưới gốc cây quán tưởng về không tĩnh, rồi tự nói: "Ta đã đắc quả A-la-hán."

Các Tỳ-kheo khác nghe thầy nói như thế, liền nói:

Này trưởng lão! Thầy không thật chứng được mà tự xưng được pháp hơn người, phạm tội Ba-la-di.

Thưa trưởng lão! Tôi không tự xưng mình được pháp hơn người. Tôi ngồi dưới gốc cây quán tưởng về pháp không tĩnh, rồi nói: "Ta đã đắc A-la-hán rồi vậy."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi Tỳ-kheo ấy:

Ông thật sự không được pháp hơn người mà tự xưng là được pháp hơn người phải không?

Bạch Thế Tôn! Con không tự xưng được pháp hơn người. Con ngồi một mình dưới gốc cây quán tưởng về pháp không tĩnh rồi nói: "Ta đã đắc A-la-hán."

Đó là phép quán tưởng về không tĩnh mà xưng là pháp hơn người, phạm tội Thâu-lan-giá.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là không tĩnh tưởng.

8– Sông Tô Hà

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-li, lúc các Tỳ-kheo Tăng tập hợp tại một chỗ thì tôn giả Đại-mục-liên nói như sau:

Thưa trưởng lão! Khi tôi nhập Vô sắc định tôi nghe tiếng vẫy tai của các con voi đang uống nước ở sông Tô Hà.

Các Tỳ-kheo nói:

(**466a**) Không thể có chuyện đó. Khi nhập định Vô sắc thì vượt qua mọi sắc tưởng, làm sao còn nghe tiếng? Thầy nói dối không thật, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế là họ tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Phật dùng thần túc từ không trung đến, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, cho đến: nói dối không thật, phải làm yết-ma cử tội.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Mục-liên thực sự được định Vô sắc, nhưng chưa biết rành tướng xuất nhập. Đó là nghe khi xuất định chứ không phải nghe khi nhập định.

Đoạn, Phật quay sang nói với Mục-liên:

Ông nên phân biệt để biết một cách rõ ràng.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là sông Tô Hà.

9– Giảng đường

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp tại một chỗ rồi cùng nhau bàn luận:

Cây cột của giảng đường thiện pháp này chống đỡ cây xà nhà phải không?

Tôn giả Mục-liên nói:

Chống đỡ xà nhà.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ nói:

Không chống.

Hỏi:

Không chống (cách hở) chừng bao nhiêu?

Đáp:

Chừng một mảy lông.

Các Tỳ-kheo bèn sai một Tỳ-kheo có thần túc đến quan sát xem có chống hay không chống.

Thầy xem xong, trở về nói:

Không chống (cách hở).

Hỏi:

Không chống chừng bao nhiêu?

Đáp:

Không chống chừng một mảy lông.

Các Tỳ-kheo bèn nói với Mục-liên:

Thầy không biết có chống hay không chống, vì sao lại nói có chống? Thầy nói dối không thật, cần phải làm yết-ma cử tội!

Thế là Tăng liền tập hợp, làm yết-ma cử tội. Khi ấy, Phật dùng thần túc đến từ hư không, Ngài biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Đại-mục-liên (cho đến) không chống mà nói có chống, nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ:

Vì sao ông biết là không chống?

Bạch Thế Tôn! Con đã có lần ngồi thiền tại giảng đường Thiện Pháp ấy.

Phật liền nói với Đại-mục-liên:

Vì sao ông không xem cho kỹ? Ông hãy đến xem lại cho đúng sự thật.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là giảng đường Thiện Pháp.

10– Tướng quân Sư Tử

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, lúc này vua A-xà-thế đã có oán thù với người Li-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Vua muốn đem bốn binh chủng đến chinh phạt người Li-xa. Nghe tin quân của nhà vua sắp đến, tướng quân Sư Tử người Tỳ-xá-ly liền đi đến chỗ tôn giả Đại-mục-liên, hỏi:

Thưa tôn giả! Trong trận này ai thắng, vua A-xà-thế thắng hay chúng tôi thắng?

Vua sẽ thắng.

Có điềm gì báo trước chăng?

Tôi thấy phi nhân của hai nước đánh nhau mà phi nhân của vua thắng cho nên vua cũng sẽ thắng.

Tướng quân Sư Tử nghe nói thế, liền tuyển mộ được 500 trai tráng dũng mãnh trong nước rồi hỏi bọn họ:

Chúng ta nên làm kẻ phi trượng phu mà chết, hay nên làm kẻ trượng phu xông vào hầm lửa để mà sống?

Nên làm kẻ trượng phu mà sống, lại còn cứu vớt được quyết thuộc.

(**466b**) Khi ấy, vua A-xà-thế nghe Đại-mục-liên nói như vậy nên không sợ, chậm rãi từ từ thuận theo dòng nước sông Hằng tiến quân lên. Tướng quân Sư Tử bèn đem quân mai phục đánh bất ngờ khi chưa xáp trận nên đại phá được quân giặc. Vì bị bất ngờ, không có quân cứu viện, vua A-xà-thế vượt hiểm nguy, thoát chết, một mình một ngựa trở về nước, bèn chê trách Mục-liên:

Vì tôn giả Đại-mục-liên mà khiến cho việc nước của ta bị nghiêng ngửa.

Khi tướng quân Sư Tử người Li-xa thuộc Tỳ-xá-ly phá được quân địch rồi, hoan hỷ nói như sau:

Đại-mục-liên khủng bố ta, vì thế mà ta được thắng lợi lớn, tuy là lời nói không đúng, nhưng ta rất mang ơn lời nói hư dối ấy.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe vua A-xà-thế tức giận người Li-xa, lại oán hận Mục-liên, bèn bàn nhau:

Tôn giả Đại-mục-liên không biết ai thắng, ai bại, mà lại nói dối không thật.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm yết-ma cử tội Mục-liên. Phật liền dùng thần túc đi đến, tuy biết nhưng Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông định làm việc gì đấy?

Bạch Thế Tôn! Đại-mục-liên, cho đến nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

Mục-liên thấy trước mà không thấy sau.

Đoạn, Phật bảo Mục-liên:

Ông nên xem xét cho kỹ.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp tướng quân Sư Tử.

11– Nam nhi

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Đại-mục-liên có người đàn việt quen biết, bà vợ ông đang mang thai, bèn hỏi thầy:

Thưa thầy tôi sinh con trai hay con gái?

Sinh con trai.

Bà hỏi đến ba lần như vậy, thầy đều bảo là sinh con trai. Nhưng sau khi sinh ra lại là con gái; bà mẹ ấy bèn oán trách:

Mục-liên suốt đời đều nói dối, nói sinh con trai mà là sinh con gái, chỉ vì muốn làm cho người ta vui lòng mà nói như thế.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, thắc mắc:

Vì sao tôn giả Đại-mục-liên không khéo phân biệt mà lại nói dối, cần phải làm yết-ma cử tội.

Liền tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Phật bèn dùng thần túc đi đến, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông định làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Đại-mục-liên... nói dối, không thật, chúng con định làm yết-ma cử tội.

Mục-liên thấy trước đây là con trai mà không thấy trung gian, vì Dạ-xoa Di-tố làm đảo lộn: nhà cần con gái thì đem cho con trai, nhà cần con trai thì đem cho con gái.

Đoạn Phật bảo người ấy:

Ngươi hãy đến nói với nhà kia như sau: Đức Thế Tôn dạy rằng con gái là của bà, con trai là của tôi.

Họ liền đến đó thương lượng và cuối cùng đã đồng ý trao đổi cho nhau.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp con trai.

12– Đồng tử Li-xa

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, đến giờ khất thực, Ngài khoác y, cầm bát cùng với nhiều Tỳ-kheo vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Bấy giờ có đồng tử Li-xa đang ở trên gác vui chơi với 500 kỹ nữ. Phật từ xa trông thấy bèn mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Có duyên cớ gì (**466c**) mà Thế Tôn mỉm cười?

Sau 7 ngày nữa, người này sẽ mệnh chung và rơi xuống địa ngục.

A-nan liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có phương pháp gì làm cho ông ta khỏi rơi vào địa ngục không?

Nếu người này xuất gia trong giáo pháp của Như Lai thì sẽ thoát được. Này A-nan! Ông hãy đến giáo hóa người ấy, khuyên ông ta xuất gia.

A-nan liền vâng lời Phật dạy đến đó khuyên bảo, và chung cuộc ông ta đã xuất gia. Phật lại căn dặn A-nan:

Ông hãy bảo các Tỳ-kheo phải bảo hộ người này chớ để phạm giới mà mang tội nặng.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng giáo chỉ, bèn đưa Tỳ-kheo này vào ở trong một phòng, rồi khóa cửa ngoài lại. Thế là Tỳ-kheo này mệnh chung vì bị nhiễm gió độc. Khi ấy, thân nhân của Tỳ-kheo này đến thấy thầy đã mệnh chung, lòng rất đau thương. Phật bèn vì họ, đọc kệ:

Nếu người trăm nghìn năm,
Cúng dường trăm La hán.
Không bằng trong một đêm,
Xuất gia tu phạm hạnh.
Nương nhờ phước báo này,
Được rời khỏi sáu trăm

Sáu nghìn sáu mươi năm,
Khổ não trong ba đường.

Lúc ấy, tâm của Tỳ-kheo đóng cửa sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng cái tâm gì khi khóa cửa?

Bạch Thế Tôn! Dùng cái tâm lợi ích vì sợ thầy ấy phạm giới mắc phải tội nặng.

Vì ông đóng cửa bên ngoài nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp đồng tử Li-xa.

13– Bốn người bỏ việc đánh đấm

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, có bốn người bỏ việc đánh đấm muốn đi xuất gia, cùng vào cửa thành Tỳ-xá-ly. Bỗng họ gặp lại kẻ thù cũ. Ngay lúc ấy, thấy người giữ cửa thành có cây cung, thế là một người liền cầm cung, một người giương cung, một người bắn mà kẻ thù không chết. Người thứ tư bèn bắn, thì kẻ thù chết liền.

Trong trường hợp một người bắn chết, một người bắn không chết thì không nên độ hai người này xuất gia. Nếu họ đã xuất gia thì nên đuổi đi. Trong trường hợp này một người cầm cung, một người giương cung không nên độ hai người này xuất gia. Nếu đã độ họ xuất gia thì nên để yên. Sau đó, nếu họ làm ác thì phải đuổi đi. Nói chung, những kẻ hung ác như vậy không nên độ xuất gia. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bốn người bỏ việc đánh đấm.

14– Trường hợp ở trên gác

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo thành tựu phép quán bất tịnh, chán ngán cái thân nên từ trên gác nhảy xuống đất tự vẫn. Nhằm lúc ấy ở dưới đất có hai cha con người kia đang đan sọt tre. Thầy nhảy xuống nhằm ngay trên người cha,

khiến ông ta chết liền. Thế là người con bèn lôi Tỳ-kheo đến chỗ nhà vua, nói như sau:

Tâu đại vương! Vì Tỳ-kheo này giết cha tôi.

(**467a**) Vua liền hỏi Tỳ-kheo:

Tôn giả là người xuất gia, vì sao lại giết người?

Thưa đại vương! Tôi nhàm chán cái thân này nên từ trên gác nhảy xuống đất, rơi nhằm trên mình cha của người này, sự thật là như vậy.

Nghe thế vua bèn ra lệnh thả Tỳ-kheo đi. Người con thấy thế oán trách, nói:

Tâu đại vương! Vì sao kẻ sát nhân mà không hỏi tội?

Nhà vua liền dùng phương tiện khéo léo để giải tỏa tâm ý của anh ta, bèn truyền lệnh:

Ngươi hãy trở về lại trên gác, bảo Tỳ-kheo đứng dưới đất rồi ngươi nhảy xuống trên mình Tỳ-kheo ấy giết chết ông ta để trả thù cho cha mình.

Người ấy vì yêu quí tánh mạng mình nên không dám tự nhảy xuống. Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh hoài nghi bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

Ông dùng cái tâm gì khi nhảy xuống?

Bạch Thế Tôn! Vì con chán cái thân này.

Này Tỳ-kheo! Ông không nhìn ở dưới trước mà tự nhảy xuống nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp ở trên gác.

15– Dời đá

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có hai cha con ông già kia xuất gia, rồi cùng nhau lên nói Kỳ-xà-quật. Người con đi trước, thấy giữa đường có đá, bèn suy nghĩ: "Ta phải dọn con đường cho sạch khiến lối đi bằng phẳng không chướng ngại để dễ dàng đi lên", liền dời những hòn đá. Nhưng không may, hòn đá rớt lăn trúng người cha, khiến ông ta chết liền. Người con trong lòng ảo não, sinh hoài nghi, nghĩ: "Ta đã làm hai việc không lợi ích: giết người, giết cha." Nghĩ thế thầy bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì để dời đá?

Bạch Thế Tôn! Vì con muốn dọn đường cho thông để cha đi được dễ dàng.

Dời đá ở giữa đường phạm tội Việt-tỳ-ni.

16– Suối nước nóng

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà ở thành Vương-xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo vào suối nước nóng tắm rửa thì dục tâm sinh khởi, nam căn cử động chạm với nước liền bị xuất tinh. Do đó, tâm thầy sinh nghi, hối hận, bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì khi tắm?

Bạch Thế Tôn! Tâm tham dục.

Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp suối nước nóng.

17– Dâm nữ

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi thầy đến một nhà dâm nữ, cô này mời mọc:

Này Tỳ-kheo! Vào đây cùng làm việc ấy.

Đức Thế Tôn chế giới không cho làm việc đó.

Tôi biết Thế Tôn chế giới không cho hành dâm, nhưng ông hãy hành dâm ở trong (âm hộ) rồi xuất tinh ở ngoài.

Tỳ-kheo bèn cùng với cô ta hành lạc, rồi tâm sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Nếu hành lạc trong âm hộ rồi xuất tinh bên ngoài, hoặc thủ dâm bên ngoài rồi xuất tinh bên trong, hoặc hành lạc bên trong rồi xuất tinh bên trong, nếu chạm vào một mảy may thậm chí như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp dâm nữ.

18– Tam bà tha

(**467b**) Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy tôn giả Tất-lăng-già-bà-thađang sống tại trong thôn. Đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát tuần tự đi khất thực. Khi được thức ăn rồi, thầy bèn đi vào nhà một mục đồng thọ trai, thì có một người con gái đến bên thầy khóc lóc. Thầy liền hỏi cô ta:

Vì cớ gì mà con khóc?

Thưa thầy! Hôm nay là ngày lễ hội, mọi người đều đi tham dự vui vẻ, chỉ có mình con là không có y phục nên không được đi, thì làm sao mà không khóc?

Khi ấy tôn giả bèn hóa ra các loại y phục được trang điểm đủ thứ châu báu anh lạc, vàng bạc rồi cho cô. Khi được y phục, cô ta liền đi dự lễ hội... Vua nghe thế, bèn gọi cô ta đến hỏi:

Người được loại anh lạc quí báu này ở đâu vậy?

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-thacho tôi.

Vua liền gọi Tỳ-kheo đến, hỏi:

Tôn giả được thứ kim loại quí giá này ở đâu mà trên đời này không có?

Tỳ-kheo bèn cầm tích trượng đập vào vách, vào giường thì tất cả đều hóa thành vàng, rồi nói như sau:

Thủ-đà-la, do đâu mà được vàng? Chính là do thế này đây.

Vua liền nói:

Thầy có đại thần túc, thôi hãy trở về. Đồng thời cho cô gái chăn trâu trở về nhà luôn.

Các Tỳ-kheo nghe thấy việc Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị và cô gái chăn trâu bị bắt nên quyết định làm yết-ma cử tội, bèn tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ đức Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết, Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị. v.v. và cô gái chăn trâu bị bắt.

Phật liền hỏi Tât-lăng-già-bà-tha:

Có thật ông hiển hiện linh dị khiến cho cô gái chăn trâu bị bắt không?

Bạch Thế Tôn! Con không cố ý hiển hiện linh dị để cô gái chăn trâu bị bắt, con chỉ vì lòng từ mà thôi.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Vì đó là đại thần túc của Tất-lăng-già-bà-tha nên không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, khi tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha ở tại thôn xóm, tự mình tô phòng ở. Khi vua Bình Sa đến, thấy tôn giả tự tô phòng ở bèn hỏi thầy:

Thầy đang làm gì đó?

Thủ-đà-la! Tôi đang tô phòng ở.

Thầy không có người để sai bảo sao? Tôi sẽ cung cấp người làm vườn cho thầy.

Không cần đâu, Thủ-đà-la.

Vua ngỏ ý đến ba lần nhưng thầy vẫn từ chối không nhận. Những người trong thôn nghe thế, bèn đến chỗ thầy cầu xin:

Thưa thầy! Thầy nhận chúng con làm người làm vườn, chúng con sẽ phục dịch cho thầy.

Nếu tất cả các ngươi có thể thọ trì năm giới thì ta sẽ nhận.

Chúng con có thể thọ trì.

Thế là thầy nhận họ, rồi cho tất cả thọ năm giới và bắt trì trai, tu đức. Nhờ vậy xóm làng trở nên giàu có thịnh vượng, nhưng rồi bị bọn giặc cướp từ ngoài đến cướp bóc đàn bà con gái và tài vật. Khi ấy người trong thôn bèn đến thưa với thầy:

Thưa thầy! Bọn cướp đến cướp con trai, con gái, tiền bạc của chúng tôi chỉ trong một ngày (**467c**) mà hết sạch.

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha liền nhập định từ bi, thấy bọn cướp đang xua đuổi những người kia đi, bèn nói với chúng:

Này Thủ-đà-la! Vì sao các ngươi lại cướp người làm vườn của ta?

Tức thì hóa ra một cái hầm lớn khiến những người làm vườn ở bên này bờ còn bọn cướp ở bên kia bờ, rồi nói:

Này Thủ-đà-la! Bọn ngươi hãy đi đi.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn nói như sau:

Tất-lăng-già-bà-tha chính là kẻ cướp lại đi cướp kẻ cướp, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp, kiểm điểm việc này. Khi ấy, Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-thachính là kẻ cướp, lại đi cướp kẻ cướp, chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tât-lăng-già-bà-tha:

Ông có việc đó thật không?

Bạch Thế Tôn! Con không phải là kẻ cướp mà lại đi cướp kẻ cướp. Chỉ vì dân chúng trong thôn đến khóc lóc báo tin cho con nên con vì lòng từ bi mà làm như vậy.

Đó là đại thần túc, không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

*

Hết quyển thứ hai mươi chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 30

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá. Lúc ấy, tôn giả Tất-lăng-già-bà-thađang sống trong thôn, hằng ngày đi qua bên kia sông Hằng khất thực. Khi đến bờ sông Hằng, thầy liền nói như sau:

Thủ-đà-la, ngừng lại. Ta muốn đi qua.

Nước liền ngừng chảy. Khi qua rồi, thầy lại nói:

Thủ-đà-la, ngươi cứ chảy.

Thế là nước chảy lại như cũ. Thủy thần không vui liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha nói những lời quá cộc cằn như: "Ngừng lại Thủ-đà-la, chảy đi Thủ-đà-la."

Hãy gọi Tất-lăng-già-bà-tha đến đây.

Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy bạch Thế Tôn!

Thần sông Hằng đã trách móc ông như trên, vậy ông hãy đến sám hối ông ta.

Tất-lăng-già-bà-tha bèn đến đó, nói:

Tôi xin lỗi, Thủ-đà-la.

Trước cũng gọi Thủ-đà-la, giờ cũng gọi Thủ-đà-la, có khác gì đâu mà nói là xin lỗi.

Tât-lăng-già-bà-tha, chỉ trừ tám vị Đại Thanh văn của Phật, ngoài ra tất cả thầy đều gọi là Thủ-đà-la. (**468a**) Kể cả các Hòa thượng, A-xà-lê, các Thượng tọa thầy đều gọi là Thủ-đà-la tất. Các Tỳ-kheo bàn nhau:

Tôn giả Tât-lăng-già-bà-tha, thậm chí đối với Hòa thượng, A-xà-lê cũng đều gọi là Thủ-đà-la. Nhưng đâu có phải chỉ một người này là Bà-la-môn xuất gia; tôn giả Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-liên, v.v..., cũng đều là Bà-la-môn xuất gia mà đâu có gọi như thế. Vậy, chúng ta phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi Tỳ-kheo Tăng bèn tập hợp. Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-thađang ngồi thiền, không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi. Sứ giả đến đó đập cửa, nói:

Chúng Tăng đang tập hợp, cho gọi trưởng lão.

Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-tha quán sát, thấy Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm yết-ma cử tội mình, liền dùng thần lực kềm chế Tỳ-kheo sứ giả đứng yên tại cửa, không thể đi được. Chúng Tăng thấy sứ giả đi lâu không trở về, lấy làm lạ, bèn sai Tỳ-kheo khác đến gọi. Vị Tỳ-kheo sau đến, liền cầm tay Tỳ-kheo sứ giả trước kéo đi, thì trưởng lão Tất-lăng-già-bà-tha cũng lại làm phép cho dính vào nhau, không thể đi được. Như vậy hết sứ giả này đến sứ giả khác đều dính vào nhau, không thể đi được. Các Tỳ-kheo bèn trách cứ:

Trong chúng đâu phải chỉ có một người này có đại thần túc? Tôn giả Đại-mục-liên há không có năng lực này sao? Vậy hãy làm yết-ma phúc phạt tề thủy tế (xử vắng mặt).

Phật dùng thần túc từ hư không đi đến, tuy biết ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Các ông đang làm gì đó?

Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha chỉ trừ tám vị đại Thanh văn của Như Lai, ngoài ra kể cả Hòa thượng, A-xà-lê ông đều gọi là Thủ-đà-la. Khi Tăng muốn làm yết-ma cử tội, tập hợp thì ông không đến. Khi sai sứ đến gọi, thì ông lại dùng thần túc kềm chế, khiến sứ giả dính chùm vào nhau, mà ông vẫn không đến. Do đó, Tăng định làm yết-ma xử vắng mặt.

Thế rồi, Phật nói:

Ông ấy sẽ đến.

Tất-lăng-già-bà-tha tâm liền khai thông, bỗng chốc đến đứng trước Phật. Phật liền nói với Tât-lăng-già-bà-tha:

Ông có lỗi khi nói Thủ-đà-la, nên các vị phạm hạnh chê trách ông.

Bạch Thế Tôn! Vậy con phải làm sao? Con không kiêu mạn, cũng không tự đại khinh miệt người khác. Nhưng khi con gọi Hòa thượng, A-xà-lê, các trưởng lão Tỳ-kheo thì tiếng nói phát ra liền thành Thủ-đà-la.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Ông Tất-lăng-già-bà-tha này không phải kiêu mạn cũng không phải tự đại khinh miệt người khác. Từ 500 đời trở lại đây thường sinh trong nhà Bà-la-môn nên cái tập khí nói Thủ-đà-la chưa bỏ được.

Đoạn, Phật quay lại nói với Tât-lăng-già-bà-tha:

Ông từ vô thỉ sinh tử đến nay, tham dục, sân hận, ngu si còn có thể nhổ hết vĩnh viễn, mà tập khí của 500 đời lại không thể trừ được. Từ nay về sau, đừng nói tiếng Thủ-đà-la.

Nghe Thế Tôn dạy, vì lòng cung kính nên vĩnh viễn ông không nói như thế nữa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tam-bà-tha.

19– Một thố dầu

(**468b**) Sau khi đức Thế Tôn Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo cư trú tại Tỳ-xá-ly, Lúc ấy có một khách buôn xin cúng dường Tỳ-kheo-ni Pháp Dự một cách rộng rãi. Tỳ-kheo-ni này thường sai một đệ tử y chỉ đến nhà ấy lấy những vật cần dùng. Khi ấy, đệ tử y chỉ không xưng tên thầy, không tự xưng tên mình mà chỉ nói trổng:

Tôi cần dầu.

Đàn việt bèn đưa dầu. Thế rồi, cô ta tự sử dụng. Sau đó, đàn việt kiểm tra lại thì số dầu ấy không đến tay Ni sư. Đệ tử y chỉ lòng sinh nghi ngờ hối hận, bèn nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bảo rằng cô phạm tội Ba-la-di nhưng cũng không chắc lắm, liền đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Tuy lấy một cách mờ ám, nhưng có đàn việt cho nên chỉ phạm tội Thâu lan.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là một thố dầu.

20– Lấy thức ăn

Bấy giờ, có đàn việt đến một Tinh xá tại thành xá-vệ cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ấy, có một Tỳ-kheo ăn phần mình xong lại lấy thêm một phần nữa. Người phụ trách dọn cơm hỏi:

Trưởng lão lấy phần cho ai thế?

Lấy phần cho tôi.

Thế thì phần ăn rồi là của ai?

Cũng của tôi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng các Tỳ-kheo không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Cái mình không được mà lấy, nhưng có chủ cho nên chỉ phạm tội Thâu lan.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là lấy thức ăn.

21– Nuôi bệnh

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ. Lúc ấy, tại Tinh xá Kỳ hoàn có một Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh. Hôm ấy có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Tỳ-kheo bệnh suy nghĩ: "Hôm nay ông ấy chắc gì lấy cơm cho ta", bèn nhờ một Tỳ-kheo khác lấy cơm. Cùng lúc ấy, Tỳ-kheo nuôi bệnh suy nghĩ: "Hôm nay ai sẽ lấy cơm cho người ấy đây?" Thế là rốt cuộc tới hai người đi lấy cơm. Bấy giờ, người dọn cơm hỏi Tỳ-kheo nuôi bệnh:

Thầy lấy cơm cho ai vậy?

Lấy cơm cho Tỳ-kheo mỗ bị bệnh.

Lại hỏi người lấy cơm giúp:

Thầy lấy cơm cho ai?

Lấy cơm cho Tỳ-kheo mỗ bị bệnh.

Các Tỳ-kheo liền nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão đáp:

Người được nhờ lấy cơm này không có tội. Nhưng Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh, rồi không nói với Tỳ-kheo nuôi bệnh mà nhờ người khác lấy cơm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo bệnh, rồi không hỏi mà đi lấy cơm giúp cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là nuôi bệnh.

22– Miếng thịt của chim

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn thuộc thành Xá Vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành khất thực thì bỗng dưng có con chim ngậm cục thịt chợt rơi vào (**468c**) trong bát của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá luộc chín để ăn, rồi chia cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão! Thầy nhặt được miếng thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Súc sinh không thuộc về ai cả.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt của chim.

23– Miếng thịt của bọn cướp

Sau khi đức Thế Tôn Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo sống tại thành Vương-xá. Vào lúc ban đêm có bọn cướp bắt trộm trâu rồi chúng đem vào rừng Thi-đà mổ thịt mà ăn nhưng ăn không hết. Chúng bèn hỏi Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong rừng:

Tôn giả có cần thịt không?

Cần.

Tức thì chúng cho Tỳ-kheo đầy bát. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá mà ăn rồi chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo khác hỏi:

Trưởng lão được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Trưởng lão! Thầy lấy vật của bọn cướp đủ năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Thế nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Người xuất gia nhận vật có chủ bố thí, dù vật ấy như pháp hay không như pháp đều không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt của bọn cướp.

24– Thịt heo

Lúc ấy ở thôn Đề-bà có bọn ăn trộm, bắt trộm heo mổ thịt mà ăn. Các đầu, chân còn thừa chúng bỏ lại, rồi ra đi. Bấy giờ, có Tỳ-kheo thấy thế bèn đem về Tinh xá nấu chín rồi ăn, đồng thời chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo hỏi:

Thầy được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

Số thịt này đáng giá năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi người lấy thịt:

Thầy lấy với tâm gì?

Tưởng vật không có chủ mà lấy.

Tưởng vật không có chủ mà lấy thì không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thịt heo.

25– Đạp phụ nữ

Có một Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn tại thành xá-vệ, đến giờ khất thực thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, rồi đến một nhà kia. Lúc ấy, người đàn bà nói:

Tỳ-kheo hãy vào đây, chúng ta cùng làm việc như thế.

Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm.

Nếu thầy không làm theo ý tôi thì tôi sẽ nói là thầy cưỡng hiếp tôi như vậy, như vậy.

Tỳ-kheo vì sợ nên phải vào nhà. Khi thầy vào nhà rồi, người đàn bà ấy bèn nói với đứa nô tì giữ cửa:

Ta với Tỳ-kheo hành lạc.

Người đàn bà ấy khi vào đến phòng, lòng dục khởi lên mãnh liệt bèn nằm xuống. Tỳ-kheo liền đạp cho một đạp rồi bỏ đi. Đứa nô tì giữ cửa hỏi thầy:

Tôn giả làm xong rồi sao?

Xong rồi.

Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Thầy dùng chân đạp người phụ nữ nên phạm tội Thâu lan. Không làm mà nói có làm, (**469a**) phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là đạp phụ nữ.

26– Xay bột

Lúc bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ hoàn tại thành xá-vệ, đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành, tuần tự khất thực. Tới một nhà kia, bỗng thấy một người phụ nữ ngồi xay bột, y

phục không che kín thân hình. Thấy thế, lòng dục sinh khởi, Tỳ-kheo nói:

Này chị em! Tôi muốn ăn bột.

Người phụ nữ ấy bèn cho bột. Tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi thầy:

Ông dùng tâm gì nói điều đó?

Tâm tham dục.

Thế rồi, họ sai sứ giả đến hỏi người phụ nữ ấy. Người ấy nói:

Tôi đang ngồi chồm hổm dưới đất xay bột thì Tỳ-kheo đến xin bột. Tôi liền cho thầy.

Sứ giả trở về trình bày lại như trên. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

Cô ấy hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý nên phạm tội Thâu lan. Cho đến: Nếu không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là xay bột.

27– Trâu nghé

Tại nước Bạt-kì có người thả trâu nghé ăn gần Tinh xá. Trâu nghé đi vào Tinh xá, ăn các hoa quả, húc đổ các pho tượng. Thầy tri sự nói với kẻ chăn trâu:

Ông hãy coi chừng con trâu ông cẩn thận, chớ để nó phá phách.

Thầy nhắc nhở tới ba lần mà việc đó không chấm dứt. Thầy bèn nổi giận, dắt trâu vào nhốt trong phòng, rồi đóng cửa lại, đi vào thôn xóm khất thực. Nhưng khi đến giữa đường lại suy nghĩ: "Trong phòng có nhiều Dạ-xoa, biết đâu nó sẽ giết chết con trâu nghé", bèn trở về lại Tinh xá, mở cửa xem thì thấy con trâu nghé đã chết. Tỳ-kheo hoảng sợ liền đem nó bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng, rồi bỏ đi. Người chăn trâu bèn đến hỏi thầy:

Thầy có thấy con trâu nghé tôi đâu không?

Không thấy.

Thế nhưng, tâm Tỳ-kheo sinh nghi, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không thể quyết định được bèn đến hỏi vị trưởng lão. Vị trưởng lão nói:

Dắt trâu vào thả trong phòng rồi đóng cửa lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đem bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng thì phạm tội Thâu lan. Thấy mà nói không thấy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thả trâu nghé.

28– Người ngớ ngẩn bỏ vợ

Bấy giờ, tại ấp Ca-thi-kì-lợi có một ông già đoan chánh, bỏ vợ xuất gia. Bà vợ ông bèn đi theo, đến ở bên ngoài phòng ông, xe sợi. Ông bảo bà:

Bà đi đi! Tôi là người xuất gia không cần đến bà nữa.

Tôn giả! Tôi xe sợi ở đây đâu có phương hại gì? Vì muốn lúc nào cũng được trông thấy tôn giả, tôi không thể rời xa được.

Ông già ấy nhắc nhở nhiều lần nhưng bà kia vẫn không đi. Ông bèn đem y bát vứt bỏ, rồi ra đi. Khi ấy có người phụ nữ gặp ông ta bèn nói với bà vợ:

Ông chồng bà bỏ đi rồi.

Nghe thế, bà liền đuổi theo, đến khi bắt kịp bèn nắm y thầy đứng ở giữa đường, nói:

Thầy (**469b**) hãy vì tôi đừng đi. Tôi sẽ cung cấp y bát và thuốc chữa bệnh cho thầy.

Tôi là người xuất gia, theo phép tắc không nên như vậy.

Tuy vậy, bà vẫn không chịu buông ra. Ông tức giận cực độ, liền cầm y bát để một chỗ, đánh bà một trận nhừ tử, rồi bỏ đi. Thế rồi, lòng ông sinh nghi ngờ hối hận, bèn đem sự việc trên hỏi một vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá. Da-xá nói:

Nổi sân đánh đàn bà thì phạm tội Ba-la-di.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền nói với thầy:

Sự phán xét như thế không đúng. Nếu thầy muốn hết nghi, nên đến núi Chi-đề hỏi tôn giả trì luật là Thọ-đề-đà-bà chắc chắn sẽ được quyết đoán dứt khoát.

Nghe thế, thầy liền đi nhưng đến đoạn đường ngang qua Câu-diệm-di, bỗng gặp một cô gái bán sữa. Cô ta thấy ông già ấy đẹp trai, lòng dục phát sinh, bèn nói:

Sa-môn! Có muốn cùng hành lạc thì hãy đến đây.

Ông già ấy bèn suy nghĩ: "Ta đã phạm tội Ba-la-di rồi, đâu còn gì nữa?", thế là cùng hành lạc với cô ta. Đoạn, thầy đến chỗ vị trì luật thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Vị trì luật bèn nói:

Vì sao mà Da-xá chế ra đến năm pháp Ba-la-di? Tức giận đánh phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cùng hành dâm với cô gái bán sữa thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bỏ vợ.

29– Cách vách

Nước Phất-ca-la có hai Tinh xá của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở cách vách nhau. Khi ấy, Tỳ-kheo khởi dục tâm bèn đứng cách vách nói chuyện với Tỳ-kheo-ni suốt đêm. Thế rồi, Tỳ-kheo sinh tâm hoài nghi hối hận, bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

Thầy có tâm gì khi nói chuyện?

Tâm tham dục, thưa trưởng lão.

Nếu với tâm tham dục như vậy thì cứ mỗi lời nói phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là cách vách.

30– Bố-tát

Khi ấy, Tỳ-kheo ở thôn Phất-ca-la cùng với Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã bố-tát tại một chỗ. Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã tên là Phất-hi-lỗ, vốn có đức hạnh và danh tiếng nên được nhiều lợi dưỡng. Tỳ-kheo ở thôn xóm thấy thế bèn sinh tâm tật đố. Lúc ấy, trưởng lão Phất-hi-lỗ đến ngày 14 bố-tát bèn vào thôn xóm nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Trưởng lão! Chúng ta cùng bố-tát.

Ngày 15 tôi mới Bố-tát.

Tôi biết tính số ngày, kỳ này phải bố-tát vào ngày 14.

Tôi không làm, ngày 15 tôi mới bố-tát.

Phất-hi-lỗ thuyết phục như vậy đến ba lần mà vị kia vẫn không nghe theo nên thầy ra về. Khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo ở trong thôn bèn bố-tát. Sáng hôm sau, Phất-hi-lỗ đến trở lại nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Trưởng lão! Chúng ta hãy cùng bố-tát.

Tôi đã bố-tát xong rồi. Thầy đã làm trái việc bố-tát. Tôi không cùng hưởng chung pháp thực, vị thực với thầy nữa.

Khi ấy, Phất-hi-lỗ hễ bố-tát ngày 14 thì ngày 14 đến, (**469c**) bố-tát ngày 15 thì ngày 15 đến. Thế nhưng, cả 20 năm đầu đều không được bố-tát. Lúc ấy, có một thiện quỉ thần vốn kính trọng Phất-hi-lỗ bèn đến trong núi Chi-đề, nói với tôn giả Thọ-đề-đà-bà như sau:

Thưa tôn giả! Hiện nay ở tại xóm làng kia có tôn giả Tỳ-kheo bất thiện, không tùy thuận, làm điều phi pháp, thường não loạn Phất-hi-lỗ, kính mong tôn giả đến giải quyết việc ấy.

Tôn giả Thọ Đề nghe thế bèn suy nghĩ: "Nếu ta đến nơi A-luyện-nhã trước thì Tỳ-kheo hung ác ở thôn xóm nghe được sẽ không chia sẻ pháp thực, vị thực cùng ta.

Nghĩ thế, thầy liền đi đến chỗ Tỳ-kheo ở thôn xóm. Lúc ấy, thiện quỉ thần lại nói với tôn giả Phất-hi-lỗ:

Thưa tôn giả! Tôn giả Thọ-đề-đà-bà hiện giờ đang ở tại thôn xóm. Tôn giả nên đến đó thăm hỏi.

Nghe thế, thầy liền đến đó thăm hỏi. Thăm hỏi xong, ngồi sang một bên. Tôn giả Thọ-đề-đà-bà bèn hỏi thầy:

Thầy là Phất-hi-lỗ phải không?

Thưa vâng.

Này Tuệ mạng! Thầy làm trái việc bố-tát phải không?

Trái việc bố-tát hay không trái bố-tát hôm nay sẽ biết. Từ 20 năm nay, hễ bố-tát ngày 14 thì tôi đến ngày 14, bố-tát ngày 15 thì tôi đến ngày 15. Như vậy là trái bố-tát hay không trái bố-tát, tôn giả tự biết.

Này Tuệ mạng! Đó là thuận với Phật pháp. Nhưng Tỳ-kheo ở thôn xóm không tùy thuận. thọ Cụ túc trong 20 năm mà không thể gọi là thọ Cụ túc, yết-ma mà không được gọi là yết-ma.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bố-tát.

31– Hai trường hợp nước trái cây

Lúc ấy, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương pháp, nên bị chặt cả chân tay, rồi đem bỏ vào rừng Thi-đà gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Thế rồi, ông ta lần hồi đến chỗ Tỳ-kheo, nói:

Thưa thầy! Tôi rất đói khát, thầy cho tôi xin một ít thức ăn.

Không có thức ăn.

Thưa thầy! Xin thầy hãy thương tôi. Tôi bị cả hai nỗi thống khổ: một là nỗi khổ bị chặt cả tay chân; hai là nỗi khổ bị đói khát.

Không có thức ăn, chỉ có nước Tô-tỳ-la, ông có cần không?

Cần.

Thầy liền cho nước ấy. Vì ông ta không được ăn đã lâu ngày nên uống vào liền chết. Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn hỏi các Tỳ-kheo khác, nhưng họ cũng không quyết đoán được. Thầy liền đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

Thầy dùng tâm gì khi đem cho?

Tâm vì lợi ích.

Nếu với tâm vì lợi ích thì không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương pháp nên bị chặt cả chân tay, rồi bị đem bỏ vào trong rừng Thi-đà, gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Lúc ấy, có một người già đi xuất gia, đến phiên thầy giữ phòng ốc. Người không có tay chân kia lần hồi lết đến chỗ thầy, nói (**470a**) như sau:

Thưa thầy! Tôi rất thống khổ không thể chịu nổi, thầy có thuốc gì không, cho tôi một chút, tôi muốn chết cho nhanh?

Ta không phải là Chiên-đà-la, là kẻ sát nhân, vì sao lại theo ta xin thuốc?

Thưa thầy! Không phải vậy; vì tôi đau đớn quá không thể chịu nổi.

Lúc ấy, ông già kia khởi từ tâm, suy nghĩ: "Có trường hợp tương tự như thế, do uống nước Tô-tỳ-la mà chết", liền hỏi:

Ông muốn uống nước Tô-tỳ-la không?

Muốn uống!

Thầy bèn đưa nước ấy cho uống. Uống xong, người kia chết liền. Ông già tâm sinh nghi liền đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi:

Ông dùng tâm gì khi đem cho?

Tâm từ bi, để cho ông ta toại ý!

Tuy ông có tâm từ bi, nhưng không có trí tuệ, làm chết người, nên phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hai trường hợp nước trái cây.

32– Gạch

Lúc bấy giờ, tại Tinh xá Kỳ hoàn, thành xá-vệ, có Tỳ-kheo làm phòng, người làm vườn đưa gạch cho thầy. Thầy cầm không chắc bị sút tay rơi nhằm trên đầu người làm vườn, khiến người ấy bị vỡ đầu chết liền tức khắc. Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi Tỳ-kheo trưởng lão. Tỳ-kheo trưởng lão liền hỏi thầy:

Thầy dùng cái tâm gì khi làm rơi gạch?

Vì tôi cầm không chắc nên bị rơi.

Nên cầm cho chắc.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là gạch.

33– Phân rác

Tại Tinh xá Kỳ hoàn nơi thành xá-vệ, cứ năm hôm được quét dọn phân rác một lần. Lúc ấy, có Tỳ-kheo trẻ tuổi bưng phân đổ ngoài tường, rủi thay đổ nhằm trên mình một ông già bệnh xuất gia đang đại tiểu tiện tại chỗ ấy, khiến ông không thể đứng dậy nổi. Thầy kia lại tiếp tục đổ phân rác làm cho ông bị chết. Tỳ-kheo

ấy đổ phân rác bên chân tường chất cao lên, rồi sợ e bọn trộm nương nơi đó leo vào, bèn ra hốt đổ chỗ khác, thì thấy Tỳ-kheo kia bị chết, tâm sinh nghi. Thầy bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Tỳ-kheo trưởng lão hỏi lại thầy:

Thầy dùng tâm gì khi đổ phân rác?

Không xem cẩn thận.

Nếu không xem cẩn thận mà đổ phân rác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là phân rác.

34– Tỳ-kheo khất thực

Sau khi Phật bát Niết-bàn, các Tỳ-kheo sống tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi ấy có một cô gái họ Thích đoan chánh, sau khi tắm xong, cô mặc y phục mới, đem thức ăn cúng dường cho Tỳ-kheo rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân. Tỳ-kheo thấy thế, dục tâm sinh khởi, không kiềm chế được liền bị xuất tinh rơi nhằm trên đầu cô ấy. Nhưng cô không oán trách bèn lấy vạt y chùi đi, rồi nói như sau:

Thầy (**470b**) được lợi ích rất lớn, lòng dục mạnh như vậy mà vẫn có thể tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Thế Tôn.

Khi ấy, Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi thầy:

Khi ấy ông dùng tâm gì?

Tôi thấy thân hình cô ta trước mặt không thể kiềm chế được.

Nên khéo quán sát sắc tướng mà chế ngự tâm mình.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là khất thực.

35– Uất-trù.

Sau khi Phật ban Niết-bàn, các trưởng lão Tỳ-kheo ở Tinh xá của dòng họ Thích dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, tôn giả Uất-trù có một người bạn cũ, ông ta có hai đứa con đều khác mẹ. Một đứa, con của bà họ Thích, một đứa con của bà họ khác. Khi ông ta đau nặng sắp từ trần, bèn di chúc tôn giả Uất-trù như sau:

Thưa thầy! Sau khi tôi qua đời, trong hai đứa con đứa nào hâm mộ Phật pháp, làm hài lòng thầy, xin thầy hãy chỉ kho báu dưới đất cho nó.

Sau khi ông qua đời, đứa con của bà họ Thích rong chơi theo bạn bè xấu ác, không thích Phật pháp, không đến nghe Kinh, không thích tụng đọc. Còn đứa con của bà họ khác thì đi theo bạn lành, ưa thích Phật pháp, đến chỗ Uất-trù tụng đọc Kinh giới, được lòng trưởng lão nên trưởng lão nói:

Khi cha ngươi từ trần có di chúc ta rằng: "Trong hai đứa con, đứa nào ưa thích Phật pháp thì nên chỉ cái kho báu này."

Rồi chỉ chỗ kho cho nó. Nhờ vậy, nó được vàng bạc châu báu rất nhiều, gia nghiệp trở nên giàu có sung sướng. Đứa con của bà họ Thích nghe thế bèn thưa với tôn giả A-nan:

Thưa thầy! Đây là điều bất thiện, không phải tùy thuận. Tôn giả Uất-trù đem tài sản của cha tôi cho đứa con của bà họ khác. Theo gia pháp nhà họ Thích của tôi thì đứa con của bà họ Thích đương nhiên kế thừa sự nghiệp của cha. Những tài vật sở hữu đều phải thuộc về tôi.

A-nan nói:

Đó là cách phân xử phi pháp. Ta không cùng hưởng chung pháp thực và vị thực với người ấy.

Lúc ấy, La-hầu-la đến chỗ Uất-trù, vì hai người này cùng một Hòa thượng, nên Uất-trù nói với La-hầu-la:

Đừng hưởng chung pháp thực, vị thực với tôn giả A-nan.

Vì sao vậy?

Uất-trù thuật lại đầy đủ sự việc kể trên, rồi tiếp:

Tôi không có việc gì mà A-nan không hưởng chung pháp thực vị thực cùng tôi. La-hầu-la! Tôi cùng với ông hưởng chung pháp thực, vị thực.

A-nan nghe La-hầu-la với Uất-trù cùng hưởng chung pháp thực, vị thực, do đó thầy cũng không hưởng chung pháp thực, vị thực với La-hầu-la. Khi có người đưa thức ăn đến cho tôn giả A-nan, A-nan nói:

Hãy đem đưa cho La-hầu-la, con của Thế Tôn.

Cũng thế, khi có người đưa thức ăn đến cho tôn giả La-hầu-la, La-hầu-la bèn nói:

Hãy mang đến cho thị giả của Thế Tôn.

Vì vậy, tại nước Ca-duy-la-vệ trong bảy năm chư Tăng không bố-tát tự tứ.

Bấy giờ tôn giả Ưu-ba-ly đang ở trong núi Chi-đề, (**470c**) những người họ Thích bèn đến chỗ tôn giả Ưu-ba-ly nói như sau:

Thưa thầy! Những ông thầy bất thiện, không tùy thuận của tôi đang sống ở đời. Ca-duy-la-vệ là sinh quán của đức Thế Tôn, vì sao trong bảy năm mà không bố-tát tự tứ? Kính xin tôn giả đến đó hòa giải giúp cho!

Ưu-ba-ly liền đến đó, bảo những người họ Thích:

Hãy trang trí giảng đường, trải tọa cụ đẹp, rải hoa, đốt hương, chuẩn bị cơm đãi Tỳ-kheo khách. Trước hết gọi La-hầu-la đến,

rồi giấu thầy ở một chỗ kín, đồng thời mời tôn giả A-nan tới. Thế rồi, bồng một đứa trẻ con thả ngồi trên đất. Khi tôn giả A-nan ngồi xong, thấy đứa bé dưới đất, nếu thầy bảo "bồng" thì nên nói "không bồng", mong tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp, thì tôi mới bồng.

Bảo như vậy xong, tôn giả Ưu-ba-ly bèn ngồi, đến tôn giả A-nan ngồi, rồi đến các Tỳ-kheo theo thứ lớp cùng ngồi. Khi ấy, một người phụ nữ họ Thích bồng một hài nhi tay đang cầm bình sữa uống thả ngồi dưới đất. Đứa bé liền kêu khóc. A-nan thấy thế, lòng sinh thương xót, liền bảo người phụ nữ ấy:

Hãy bồng đứa bé này lên.

Không bồng! Nếu tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp thì tôi mới bồng. Nếu không hòa hợp thì tôi không bồng.

Đây là phép tắc của sa-môn, không phải việc thế tục của các người, nhưng hãy bồng đứa bé đi đã.

Không phải như vậy.

Bảo như vậy đến ba lần, họ đều từ khước. A-nan liền bảo gọi La-hầu-la đến. Khi thầy đến rồi, tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

Ví như A-nan có đàn việt di chúc như thế này: "Thưa trưởng lão! Sau khi tôi mệnh chung, trưởng lão hãy cho như vậy", thì có gì là sai lầm. Tôn giả Uất-trù cũng như vậy. Này A-nan! Tại sao vì việc đó mà thầy bất hòa với La-hầu-la con của Thế Tôn.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Uất-trù.

Tóm lại, trên đây là nguyên tắc giới luật.

*

CHƯỚNG NGẠI & KHÔNG CHƯỚNG NGẠI

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà du hành các nước, rồi trở về Tinh xá Kỳ hoàn. Đến giờ khất thực, bèn khoác y vào thành xá-vệ đến nhà Ưu-bà-di Hỉ-duyệt. Ưu-bà-di trông thấy, liền nói:

Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít xuất hiện quá thế?!

Rồi mời ngồi, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, cùng trò chuyện thăm hỏi. Tỳ-kheo nói:

Ưu-bà-di! Tôi ít khi đến, bà định đãi tôi món ngon gì đấy?

Tùy theo thầy dạy, thức ăn trước hay thức ăn sau, hoặc bánh, hoặc thịt, tùy theo thầy cần gì con sẽ dọn nấy. Vậy xin mời tôn giả ngày mai đến nhà con thọ trai, xin đến sớm sớm.

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận lời mời. Ngày hôm sau, nhà ấy sửa soạn các món ẩm thực, (**471a**) dọn bàn ghế chờ đợi. Song, Tỳ-kheo vì bận nhiều việc, quên không đến. Khi đã hết ngày, những thức ăn nào để dành được thì chủ nhà đem cất, còn những thứ không để dành được bèn đem ăn. Đợi như vậy hai ngày, ba ngày vẫn không đến, chủ nhà bèn đem ăn hết. Tới ngày thứ tư, Tỳ-kheo mới đến; Ưu-bà-di thấy thế lòng không vui, liền trách:

Này sư phụ! Vì sao đã nhận lời mời của con mà không đến?

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền khiển trách:

Ưu-bà-di Hỉ duyệt này đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng đều không tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại nhiễu loạn bà ấy? Vì sao ông nhận lời mời một chiều mà không nêu nhân duyên chướng ngại? Những nhân duyên chướng ngại như sau: Nếu có người mời: "Xin tôn giả nhận lời con mời ngày mai ăn bữa ăn trước", mà mình thấy cần thì nên đáp: "Vâng!."

Nếu họ nói tiếp: "Xin tôn giả chắc chắn phải đến nhé!", thì nên nói: "Nếu trong thời gian đó không gặp chướng ngại thì tôi sẽ đến." Cũng vậy, mời các bữa ăn sau cũng nói như thế.

Nếu Tỳ-kheo an cư xong ra đi rồi đàn việt mời: "Mong tôn giả sau này sẽ đến nữa", mà mình muốn đến nữa, thì nên đáp: "Vâng."

Nếu đàn việt dặn thêm: "Xin tôn giả phải đến chắc chắn đấy nhé", thì nên đáp: "Nếu trong thời gian ấy không gặp trở ngại gì thì tôi sẽ đến."

Nếu họ nói: "Xin thầy hãy lễ tháp", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại.", mà nên đáp: "Vâng! Tôi sẽ lễ." Nếu họ nói: "Xin tôn giả hãy vì tôi mà lễ tháp", thì nên đáp: "Nếu nhớ thì tôi sẽ lễ."

Nếu họ nói: "Xin tôn giả hãy đảnh lễ trưởng lão Tỳ-kheo", thì không được đáp: "Nếu không có gì trở ngại", mà nên đáp: "Vâng! Tôi sẽ đảnh lễ."

Nếu họ nói: "Xin tôn giả hãy vì tôi mà đảnh lễ trưởng lão Tỳ-kheo", thì nên đáp: "Nếu nhớ thì tôi sẽ đảnh lễ."

Nếu họ nói: "Tôn giả hãy nghe kinh, tụng kinh, trì giới, ngồi thiền", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại thì tôi sẽ tụng kinh", mà nên nói: "Tôi vì mục đích đó mà xuất gia."

Nếu họ nói: "Tôn giả hãy học đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì chướng ngại thì tôi sẽ học", mà nên nói: "Tôi vì mục đích đó mà xuất gia."

Trên đây, có việc nên làm mà vì chướng ngại nên không làm, có việc không nên làm mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề chướng ngại, không chướng ngại.

*

VẤN ĐỀ TỲ-KHEO-NI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di cùng với 500 cô gái họ Thích xin Phật xuất gia, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

Từ nay Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di là bậc Thượng tọa của các Tỳ-kheo-ni, nên ghi nhớ như vậy.

Khi ấy, Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chế ra tám pháp tôn kính cho Tỳ-kheo-ni, (**471b**) chúng con có được phép nghe đầy đủ không?

Phật dạy: Được. Tám kính pháp đó là:

1– Kính lễ Tỳ-kheo

Dù Tỳ-kheo-ni đã 100 tuổi, khi gặp Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy đón tiếp cung kính và đảnh lễ. Không được nói: "Đợi tôi đủ 100 tuổi rồi mới hướng đến Tỳ-kheo mới thọ giới đảnh lễ", mà tất cả Tỳ-kheo-ni đều phải hướng đến Tỳ-kheo trưởng lão, trung niên, niên thiếu, đứng dậy đón tiếp cung kính và đảnh lễ. Khi Tỳ-kheo-ni đến Tinh xá của Tỳ-kheo thì phải cúi đầu đảnh lễ dưới chân của tất cả Tỳ-kheo. Nếu vì già bệnh không thể lễ hết, thì tùy sức mà lễ nhiều ít, những người còn lại thì được lễ tổng quát, nói như sau: "Con là Tỳ-kheo-ni mỗ giáp xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân của tất cả chúng Tăng."

Khi Tỳ-kheo đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni thì tất cả Tỳ-kheo-ni phải đứng dậy đón tiếp, đảnh lễ dưới chân, cũng như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni phân biệt như sau: Đó là kẻ phạm giới, đó là thầy thuốc, đó là kẻ ngớ ngẩn không biết, với tâm kiêu mạn không cung kính đứng dậy đón tiếp, đảnh lễ thì đó là coi thường pháp cung kính. (Đây là pháp cung kính thứ nhất).

2– Hai năm học giới

Nếu người nữ đủ 18 tuổi muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai thì Hòa thượng ni nên cung cấp những thứ cần thiết, xin Ni Tăng giúp đỡ. Trong Ni chúng, người có khả năng làm yết-ma nên bạch như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ mỗ giáp kia 18 tuổi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới.

Các thánh giả đã bằng lòng cho mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, người nữ này vào trong Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân của từng vị, rồi quì gối chắp tay nói như sau:

Xin thánh giả Tăng ghi nhớ cho! Con là người nữ mỗ giáp đủ 18 tuổi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nay con theo Tăng xin hai năm học giới. Mong thánh giả Tăng thương xót cho con hai năm học giới (nói như vậy ba lần).

Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ mỗ giáp kia đã đủ 18 tuổi, theo Tăng xin hai năm học giới. Tăng nay cho mỗ giáp hai năm học giới. Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới với Hòa thượng ni mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

*Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới xong (**471c**) vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.*

Thức-xoa-ma-na này sau khi xin được hai năm học giới phải tùy thuận làm 18 việc sau đây:

1. Ở dưới tất cả đại Tỳ-kheo-ni.
2. Ở trên tất cả sa-di-ni.

3. Việc gì đối với Thức-xoa-ma-na không thanh tịnh thì đối với đại ni thanh tịnh.
4. Việc gì đối với đại Ni không thanh tịnh, thì đối với Thức-xoa-ma-na cũng không thanh tịnh.
5. Đại Ni được ngủ ba đêm với Thức-xoa-ma-na.
6. Thức-xoa-ma-na được ngủ ba đêm với sa-di-ni.
7. Thức-xoa-ma-na được trao thức ăn cho Đại Ni, ngoại trừ 5 món thực vật được hỏa tịnh, vàng bạc và tiền mặt.
8. Tự bản thân theo sa-di-ni nhận thức ăn.
9. Ni không được nói với Thức-xoa về tội Ba-la-di cho đến Việt-tỳ-ni.
10. Chỉ được nói: không dâm dục; không trộm cắp, không sát sinh, không nói dối. v.v...
11. Thức-xoa-ma-na đến ngày bố-tát Tự tứ phải vào giữa Tăng quì gối chắp tay, nói như sau: – Thưa Thánh giả Tăng! Con là mỗ giáp thanh tịnh, xin Tăng ghi nhớ cho. Nói như vậy ba lần rồi ra đi.
12. Nếu phạm bốn giới Ba-la-di sau cùng thì phải học lại từ đầu.
13. Nếu phạm 19 giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tùy phạm giới nào sám hối Đột cát la giới đó; Nếu phá năm giới thì tùy theo số ngày vi phạm phải học lại. Năm giới đó là:
14. Ăn phi thời.
15. Cất thức ăn mà ăn.
16. Cầm tiền mặt, vàng bạc.
17. Uống rượu.
18. Mang hương hoa.

Đó gọi là 18 việc.

Thức-xoa-ma-na này sau hai năm học giới xong, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai thì Hòa thượng Ni phải bạch Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Thức-xoa-ma-na mỗ giáp đã học giới hai năm, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi chúng, Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên quì gối chắp tay nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng ghi nhớ cho. Thức-xoa-ma-na này học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc. Tôi là mỗ giáp, nay theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Kính xin Tăng cho tôi pháp yết-ma nuôi đệ tử (nói như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Thức-xoa-ma-na mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Ni mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

*Thánh giả (**472a**) Tăng xin lắng nghe! Thức-xoa-ma-na mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai. Ni mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Tăng nay cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Các Thánh giả nào bằng lòng cho pháp yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).*

Tăng đã bằng lòng cho Ni mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thức-xoa-ma-na này sau hai năm học giới, tuổi đủ 20, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, phải vào giữa Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân chúng Tăng. Lễ Tăng xong, trước hết quì gối chắp tay thỉnh Hòa thượng Ni như sau:

Xin tôn sư ghi nhớ cho. Con là mỗ giáp cầu xin tôn sư làm Hòa thượng. Mong tôn sư vì con làm Hòa thượng cho con thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên khích lệ để đệ tử sinh tâm hoan hỷ, và đệ tử đáp:

Con xin cúi đầu thọ lãnh.

Đoạn, Hòa thượng Ni dạy cách cầu xin y bát, cầu xin chúng Tăng, cầu xin hai vị giới sư, cầu xin vị thầy dạy bảo ở chỗ vắng, rồi giới thiệu với chúng Tăng. Bấy giờ, vị sư yết-ma nên hỏi như sau:

Ở trong đây ai có thể dạy bảo mỗ giáp ở chỗ vắng không?

Người có thể dạy liền đáp:

Tôi có thể dạy.

Thế rồi sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để mỗ giáp làm Hòa thượng Ni cho mỗ giáp, mỗ giáp có thể làm người dạy bảo ở chỗ vắng.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp làm Hòa thượng Ni cho mỗ giáp, mỗ giáp làm người dạy bảo ở chỗ vắng, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị thầy dạy bảo nên đem người muốn thọ Cụ túc để cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy bằng hai cách: hoặc sơ lược,

hoặc đầy đủ. Thế nào là dạy sơ lược? Đó là nên hỏi ở giữa chúng Tăng rằng: "Điều gì có thì ngươi phải nói có, điều gì không thì phải nói không."

Thế nào là dạy đầy đủ? Đó là nên nói: "Thiện nữ hãy lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, là lúc nói thật. Đối với chư thiên, thế gian, thiên ma, các phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối họ; đồng thời cũng lừa dối đối với Ni chúng Thanh văn đệ tử của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội rất nặng. Giờ đây, ta sẽ hỏi ngươi, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

Cha mẹ, chồng có còn không?

Nếu nói "Còn" thì nên hỏi:

Cha mẹ và chồng có cho phép không?

Đã thỉnh cầu Hòa thượng Ni chưa?

Năm y và bát có đủ không?

Học giới hai năm xong chưa?

Đã làm pháp yết-ma nuôi chúng chưa?

Tên của ngươi là gì?

Đáp:

Tên là mỗ.

(**472b**) Hòa thượng Ni tên là gì?

Đáp:

Tên mỗ.

Ngươi không giết cha mẹ đấy chứ?

Ngươi không giết A-la-hán đấy chứ?

Ngươi không phá Tăng đấy chứ?

Ngươi không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ? (Tuy Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng đây vẫn giữ theo văn cũ).

Ngươi không hủy hoại tịnh giới của Tỳ-kheo đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ núp trong chúng để trộm pháp đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ gian phi đấy chứ?

Ngươi không tự ý xuất gia đấy chứ?

Trước đây đã từng thọ Cụ túc chưa?

Nếu nói: "Đã từng thọ" thì nên bảo: "Đi đi! Không được thọ Cụ túc." Nếu nói chưa thọ thì nên hỏi tiếp:

Ngươi không phải là nô tì đấy chứ?

Ngươi không phải là con nuôi đấy chứ?

Ngươi không mắc nợ người ta đấy chứ?

Ngươi không phải là vợ của lính đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ do thám cho nhà vua đấy chứ?

Ngươi có phải là người nữ không?

Ngươi không phải là gái đá đấy chứ?

Ngươi không phải là kẻ lười biếng đấy chứ?

Hai đường tiểu và đại không thông nhau đấy chứ?

Hai đường đó không bị thương tích đấy chứ?

Ngươi vẫn có nhũ hoa đấy chứ?

Ngươi không phải chỉ có một nhũ hoa đấy chứ?

Ngươi không bị bệnh thường ra huyết đấy chứ?

Ngươi không phải không có máu đấy chứ?

Ngươi thường có kinh nguyệt hằng tháng đấy chứ?

Ngươi vẫn có chức năng của người phụ nữ đấy chứ?

Ngươi có mắc các chứng bệnh sau đây không: ghẻ lở; da vàng; bệnh hủi, ung thư; bệnh trĩ; đái tháo; bệnh hoàng đản; bệnh sốt rét; bệnh suyễn; bệnh gầy ốm; điên cuồng; bệnh nhiệt; bệnh phong thũng; bệnh phù thũng; bệnh cổ trướng; đại loại các chứng bệnh như thế. Ngoài ra trên thân ngươi còn mắc các bệnh khác nữa không?

Đáp: Không.

Lúc này, giáo thọ sư vào giữa Tăng bạch:

Tôi đã hỏi mỗ giáp xong, mỗ giáp tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn.

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp theo Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng.

Các Thánh giả Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp theo Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này vào giữa Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân của từng vị Tăng, rồi quì gối chắp tay trước giới sư nhận lấy y bát và nói:

Đây là bát dùng để khất thực, con xin gìn giữ. (nói như vậy ba lần). Đây là Tăng-già-lê, đây là Uất-đa-la tăng, đây là An-đà-hội, đây là y che vai, đây là áo mưa. Đó là năm y của con. Với năm y này con sẽ gìn giữ suốt đời không xa lìa. (nói như vậy ba lần).

Bấy giờ, sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép giới tử Ni mỗ giáp – theo Hòa thượng Ni mỗ giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các Thánh giả đã bằng lòng cho giới tử Ni mỗ giáp – theo Hòa thượng Ni mỗ giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi sư yết-ma nên dạy giới tử cách xin như sau:

*Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! (**472c**) Con là mỗ giáp, theo Hòa thượng Ni mỗ giáp thọ Cụ túc. Giáo thọ sư đã hỏi han dạy bảo con ở chỗ vắng xong. Con là mỗ giáp – theo Hòa thượng Ni mỗ giáp – nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nguyện xin Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (xin như vậy ba lần).*

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Giờ theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Hòa thượng Ni mỗ giáp vào giữa Tăng hỏi giới tử về già nạn.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp Hòa thượng Ni – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – muốn vào giữa Tăng hỏi già nạn; vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi Hòa thượng Ni hỏi giới tử:

Bây giờ là lúc phải chí thành, là lúc nói thật, (cho đến) có các chứng bệnh như vậy và các chứng bệnh khác nữa trên thân ngươi hay không?

Đáp: Không có.

Sư yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Đồng thời đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng, năm y và bát có đủ. Người nữ này đã học giới hai năm hoàn thành; đã thực hiện pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến,

Tăng nay cho Hòa thượng Ni mỗ giáp – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Hòa thượng Ni mỗ giáp – làm Hòa thượng cho mỗ giáp – muốn vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Hòa thượng Ni nói với giới tử:

Thiện nữ hãy lắng nghe. Vì đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến trimuốn lợi ích cho chúng Thanh văn ni nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ thực sự có thiện chí kham nhẫn được thì cho thọ Cụ túc. Nếu không kham nhẫn được thì không cho thọ Cụ túc. Thế nào là ba pháp nương tựa? Đó là:

1– Nương tựa vào y phấn tảo ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể kham nhẫn thọ trì y phấn tảo này suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được y Khâm bà la, y điệp, y sô ma, y câu xá da, y xá na, y ma, y khu mâu đề (thì hãy thọ trì).

2– Nương vào việc khất thực, ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể kham nhẫn sống theo hạnh khất thực suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được bữa ăn nửa tháng, bữa ăn ngày mồng 8, ngày 14, ngày 15, khi tụng giới, khi điểm diện, khi được mời (thì hãy dùng).

3– Nương nhờ thuốc trần khí, ít việc, dễ được (**473a**) hợp với thanh tịnh, không có các lỗi, Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó

mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể kham nhẫn suốt đời uống thuốc trần khí được không?

Đáp: Được.

Nếu được sữa chua, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi và mỡ (thì ngươi hãy dùng).

Vậy nương vào ba thánh chủng trên (ba pháp nương tựa) ngươi hãy tùy thuận mà học.

Thế rồi sư yết-ma bạch với Tăng:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng Ni. Năm y và bát có đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới. Đã làm phép yết-ma nuôi đệ tử. Tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn. Đã chấp nhận ba sự nương tựa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng Ni là mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng. Năm y và bát đầy đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi đệ tử; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn; đã chấp nhận ba sự nương tựa. Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗ giáp. Các Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni là mỗ giáp xong, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

Thiện nữ hãy lắng nghe! Ngươi đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, trước 10 vị Tăng hòa hợp. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Nay ngươi đã gặp cơ hội tốt, thân người khó được, gặp Phật ra đời thật khó, được nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu cũng khó. Ngươi đã được giới Cụ túc, vậy hãy tùy thuận mà học, giống như hoa vô ưu xa lìa bụi và nước. Ngươi phải nương tựa vào giới pháp mà tu tập thiện pháp Nê hoàn cho được đầy đủ. Đây là bài tựa giới Kinh, 8 Ba-la-di, 19 Tăng-già-bà-thi-sa, 30 Ni tát kỳ Ba-dạ-đề, 141 Ba-dạ-đề, 8 Ba la đề đề xá ni, pháp chúng học, 7 pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta chỉ nói tóm lược để dạy bảo ngươi. Sau này Hòa thượng, A-xà-lê sẽ dạy ngươi đầy đủ.

Sau khi thọ Cụ túc xong, ngay hôm ấy Hòa thượng ni phải dẫn giới tử đến chỗ Tỳ-kheo Tăng. Rồi, Hòa thượng ni quì gối chắp tay xin cho giới tử như sau:

*Xin đại đức Tăng (**473b**) ghi nhớ cho! Con đã cho mỗ giáp thọ Cụ túc. Nay theo Tăng xin cho mỗ giáp được thọ Cụ túc. Xin Tăng thương xót cho mỗ giáp thọ Cụ túc.* (nói như vậy ba lần).

Bấy giờ thầy yết-ma nên hỏi (Hòa thượng ni):

Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản phải không?

Nếu không hỏi như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế rồi thầy yết-ma phải bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp ni thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản. Ni mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các đại đức đã bằng lòng cho mỗ giáp đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – vào giữa Tăng xin họ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ thầy yết-ma nên dạy giới tử quì gối chắp tay, xin như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là mỗ giáp theo Hòa thượng ni mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Con là mỗ giáp, Hòa thượng ni là mỗ giáp. Nay con theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, thầy yết-ma phải tác bạch như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – thọ Cụ túc, thì tôi sẽ hỏi các già nạn ở giữa chúng Tăng.

Các đại đức đã bằng lòng cho tôi hỏi các già nạn của mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thầy yết-ma quay sang hỏi giới tử:

Giờ đây là lúc chí thành, là lúc nói thật, đối với chư thiên, thế gian, thiên ma, phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các ngài đồng thời cũng lừa dối hai bộ Tăng của đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đó là tội lỗi rất nặng. Giờ đây ta sẽ hỏi ngươi ở giữa Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không.

Cha mẹ và chồng có cho phép không?

(cho đến) trừ chỗ kín của người nữ, ngoài ra phải hỏi hết như trên. Thế rồi thầy yết-ma nên bạch như sau:

*Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản; đã theo Tăng xin thọ Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, (**473c**) Tăng cho phép tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – ở giữa chúng Tăng.*

Các đại đức Tăng đã bằng lòng để tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử mỗ giáp – đệ tử của Hòa thượng ni mỗ giáp – ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri vì muốn lợi ích cho Ni chúng Thanh văn nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ có tâm ngay thẳng thuần thiện, kham nhẫn thì cho thọ Cụ túc; nếu không kham nhẫn thì không cho thọ Cụ túc. Y phấn tảo ít việc, dễ được, phù hợp thanh tịnh, không có các lỗi, tùy thuận phép tắc của Tỳ-kheo-ni, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể kham nhẫn thọ trì y phấn tảo suốt đời được không?

Đáp: Được.

Nếu được các loại y như: y khâm bà la; y điệp, y sô ma, y câu xá da, y xá na, y ma, y khu mâu đề thì hãy mặc chúng để đi khất thực. Đồng thời nương vào thuốc trần khí như trên đã nói rõ.

Thế rồi, quay lại bạch với Tăng:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc. Đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; chấp

nhận nương theo ba Thánh chủng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng ni là mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc; đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ; đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; đã chấp nhận nương tựa theo ba Thánh chủng. Tăng nay cho mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là mỗ giáp. Đại đức nào bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗ giáp, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ quay lại nói với giới tử:

Ngươi đã thọ Cụ túc, thọ Cụ túc một cách tốt đẹp, một lần bạch ba lần yết-ma, không có ai cản trở, Tăng hòa hợp, hai bộ chúng đều 10 vị trở lên. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Ngươi đã gặp được dịp tốt, thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp ý nguyện thành tựu cũng khó. Ngươi hãy đảnh lễ đức Thích-ca Bổn sư và (**474a**) chúng Thanh văn. Khi đã được giới cụ túc giống như hoa vô ưu đã xa lìa bụi và nước. Ngươi phải nương vào Giới Luật để tu tập thiện pháp Nê hoàn cho viên mãn.

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác ở trong rừng, nơi thành Tỳ-xá-ly; bấy giờ, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự muốn thọ Cụ túc. Đồng tử Li-xa Am-bà-la nghe đệ tử của Pháp Dự muốn thọ Cụ túc bèn suy nghĩ: "Nếu cô gái này làm như thế thì đối với ta không có lợi ích. Hôm nay nếu cô ra khỏi cửa Tinh xá thì ta sẽ bắt

rồi hủy hoại phạm hạnh, để cô không được thọ Cụ túc." Tỳ-kheo-ni Pháp Dự nghe thế, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch Phật như sau:

Bạch Thế Tôn! Con có đệ tử muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu ra khỏi Tinh xá thì sợ bị hủy hoại phạm hạnh, không hiểu nó ở đó còn Tăng ở đây cho nó thọ Cụ túc được không?

Phật dạy:

Được! Trước hết, chúng Tỳ-kheo-ni cho thọ Cụ túc rồi, đi đến giữa Tỳ-kheo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc.

Thế là, Ni tăng cho thọ Cụ túc xong, Pháp Dự liền đến bạch Tỳ-kheo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Bấy giờ, người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ bị tổn thương phạm hạnh. Nếu thời gian của Tăng đã đến, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn theo Tăng xin cho sứ giả thọ Cụ túc.

Các đại đức đã bằng lòng cho đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng ni phải vào giữa Tăng quỳ gối chắp tay bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-kheo-ni Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ tổn thương phạm hạnh. Y thị đã thọ Cụ túc giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản. Con là mỗ giáp vì đệ tử mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc. Kính mong đại đức Tăng thương tưởng cho sứ giả đệ tử mỗ giáp của con thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Trong Tăng nên làm yết-ma cử người có khả năng hoặc hai, hoặc ba người nhưng không được làm yết-ma cử nhiều người. Thế rồi, người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản; nếu đến đây sợ tổn thương đến phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp Dự đã vì đệ tử mỗ giáp theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp vì đệ tử của Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc. Đây là lời tác bạch.

*Xin đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự (**474b**) là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc, không có ai ngăn cản. Nhưng nếu đến đây sợ tổn thương tới phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp Dự đã vì đệ tử mỗ giáp, theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc. Các đại đức nào bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).*

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp làm sứ giả, vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp Dự là mỗ giáp thọ Cụ túc xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi thọ pháp yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ngay hôm đó. Thế rồi, người thọ Cụ túc phải hướng đến sứ giả quì gối chắp tay tác bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là mỗ giáp theo Hòa thượng ni mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu rời khỏi đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên con phải ở tại đây. Con là mỗ giáp theo Hòa thượng ni

là mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho con thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng ni cùng với sứ giả trở lại trong Tăng. Hòa thượng ni phải quì gối chắp tay bạch như sau:

Xin đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-kheo-ni Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh nên phải ở tại đó. Con là Pháp Dự có đệ tử là mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho thọ Cụ túc (nói như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên phải ở tại đó. Hòa thượng ni mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Sau khi xong một lần bạch, ba lần yết-ma, Hòa thượng ni cùng sứ giả trở lại Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói như sau:

Thiện nữ hãy lắng nghe! Con đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, hai bộ chúng mỗi bộ từ 10 người trở lên đều hòa hợp, thọ Cụ túc xong con phải tôn kính Tam Bảo. Con đã gặp dịp tốt; thân người khó được; Phật ra đời khó gặp; được nghe pháp cũng khó.

(**474c**) Đó gọi là hai năm học giới, thọ Cụ túc ở trước hai bộ chúng. Đây thuộc về pháp cung kính thứ hai.

3– Nêu tội

Tỳ-kheo-ni không được nói tội của Tỳ-kheo dù có thật hay không có thật. Nhưng Tỳ-kheo được nói tội có thật của Ni, song không vu khống. Ni không được nói:

Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lẩm cẩm.

Nếu là thân quyến thì được khuyên bảo nhỏ nhẹ nhưng không được trách cứ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi thì nên khuyên:

Nay ông không học đợi đến già mới học sao? Sau này ông sẽ dạy bảo đệ tử, nếu ông không học thì sau này đệ tử sẽ học theo thói xấu của ông. Thế nên, ông phải tùy thuận học Kinh, đọc Kinh.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói lỗi của Tỳ-kheo rằng: "Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lẩm cẩm", thì phạm pháp bất kính. Tỳ-kheo được nói về lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni, nhưng không được khiển trách, nói:

Mụ già trọc đầu, mụ già dâm đãng, mụ già lẩm cẩm.

Nếu là thân quyến làm điều phi pháp, thì được khuyên bảo:

Đừng làm việc đó.

Nhưng không được mắng mỏ mà phải khuyên bảo nhỏ nhẹ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi, thì nên khuyên:

Nay cô không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì sau này đệ tử sẽ noi theo thói xấu của cô. Thế nên, cần phải học Kinh, tụng Kinh.

Nếu Tỳ-kheo mắng mỏ Tỳ-kheo-ni rằng: "Mụ già trọc đầu, mụ già dâm đãng, mụ già bất thiện không biết ân nghĩa" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó là Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi có thật hay không có thật của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được nói lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni. Đây là pháp tôn kính thứ ba.

4– Không được nhận phẩm vật trước Tăng

Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, phòng xá giường nệm trước Tỳ-kheo. Nếu có người mời Tỳ-kheo-ni thọ trai thì nên bảo họ mời các vị tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: "Đối với họ, con không có lòng tôn kính, con chỉ muốn mời quí Tỳ-kheo-ni mà thôi", thì nên đáp: "Tôi cũng không nhận."

Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng mời chư Tăng dùng bữa ăn trước, bữa ăn sau rồi, nhưng chưa từng mời quí Ni sư", thì nên nhận. Chí ít là họ đã cúng cho Tăng một chén cơm, rồi sau đó, Tỳ-kheo-ni nhận các món ăn ngon thì không có tội.

Nếu có người đến nói: "Con muốn làm phòng cho quí Ni sư", thì nên bảo họ làm cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: "Con không có lòng tôn kính đối với họ mà chỉ muốn làm cho Ni sư thôi", thì nên đáp: "Tôi cũng không nhận." Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng làm phòng xá, giảng đường, nhà tắm, trai đường, nhà ngõ, mái che giếng, cầu tiêu, nhà để rửa chân cho chúng Tăng rồi, nhưng chưa làm cho quí Ni sư", thì nên nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã làm cho Tăng (**475a**) một cái nhà bếp, thì sau đó Tỳ-kheo-ni nhận phòng lớn không có tội.

Nếu có người đem giường nệm đến cúng dường cho Tỳ-kheo-ni, thì nên bảo họ cúng dường cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: "Con không có lòng tôn kính đối với các vị ấy" thì nên nói: "Tôi cũng không nhận."

Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng cúng cho Tỳ-kheo Tăng giường nệm, gối chăn, ngọa cụ, mà chưa từng cúng cho chư Ni", thì được nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã cúng cho Tỳ-kheo Tăng một chiếc giường nhỏ, Tỳ-kheo-ni sau đó nhận giường nệm không có tội.

Nếu đàn việt chưa từng cúng trai phạn cho chư Tăng lại cúng giường nệm cho Tỳ-kheo-ni trước mà Ni nhận thì phạm tội bất kính. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, giường nệm trước chư Tăng. Đến đây hết pháp tôn kính thứ tư.

5– Nửa tháng Ma-na-đỏa

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội bất kính thì phải thực hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Nếu phạm 19 tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Khi Tỳ-kheo-ni ở trong chúng hành pháp tùy thuận, thì hằng ngày phải bạch hai bộ tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni hành pháp Ma-na-đỏa nửa tháng ở giữa hai bộ Tăng. Pháp tôn kính thứ năm đến đây là hết.

6– Cầu giáo thọ trong dịp Bố-tát nửa tháng

Vào ngày bố-tát, hoặc tất cả Tỳ-kheo-ni, hoặc sai sứ giả đến Tinh xá của Tỳ-kheo lễ tháp, rồi đến chỗ Tỳ-kheo quen biết gởi dục thanh tịnh, nói như sau:

Tất cả Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, xin hỏi về việc bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo (nói như vậy ba lần).

Khi bố-tát, thầy Tỳ-kheo tụng giới nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay bố-tát, đã qua chừng ấy ngày, còn lại chừng ấy ngày. Đây là việc thường làm của chúng Thanh văn đệ tử Phật. Các Tỳ-kheo hãy thuyết dục thanh tịnh của các đại đức không đến. Thế còn ai nhận dục của Tỳ-kheo-ni?

Người nhận dục của Ni nên đến trước Thượng tọa, trật vai áo bên phải, chắp tay nói như sau:

Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, gởi dục thanh tịnh, hỏi về việc bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo. (nói như vậy ba lần)

Người tụng giới nên hỏi:

Ai dạy bảo Tỳ-kheo-ni?

Nếu có người đã dạy bảo trước thì người sau nên hỏi:

Ngày nào đến chỗ Ni? Dạy bảo tại đâu?

Người đã dạy bảo trước nên nói:

Ngày mỗ đến tại chỗ mỗ.

Nếu không có người dạy bảo, thì khi nhận dục thanh tịnh của Ni, Tỳ-kheo nên nói:

Này chị em! Không có người dạy bảo, phải cẩn thận, chớ buông lung.

Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu 12 đức tính sau đây thì Tăng nên làm yết-ma cử làm người dạy bảo. Đó là:

1. Trì giới.
2. Nghe nhiều không quên.
3. Trì luật rộng hoặc hẹp.
4. Có biện tài khéo nói.
5. Học giới;
6. (**475b**) Học định.
7. Học tuệ.
8. Có thể đoạn trừ ác tà.
9. Phạm hạnh thanh tịnh.
10. Không làm hoen ố tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni.
11. Nhẫn nhục.
12. Đủ 20 tuổi hạ, hoặc nhiều hơn.

Đó gọi là người thành tựu 12 yếu tố, Tăng nên cử làm người dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Người làm yết-ma nên bạch:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 12 yếu tố, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu 12 yếu tố, Tăng nay cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Các đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì im

lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni xong vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo nhận pháp yết-ma rồi nên đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Pháp dạy bảo có 8 trường hợp như sau:

1. Phi thời.
2. Phi xứ.
3. Quá thời.
4. Chưa đến lúc.
5. Không hòa hợp.
6. Quyến thuộc.
7. Thuyết pháp bằng những câu dài.
8. Nghênh đón dạy dỗ.

1– Phi thời: Dạy dỗ từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời chưa mọc, đó gọi là phi thời. Nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo-ni lúc phi thời thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2– Phi xứ: Không được giáo hóa ở chỗ kín đáo, chỗ trống trải mà phải giáo hóa ở chỗ không kín, không trống, như ở giảng đường, dưới gốc cây. Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni ở chỗ không thích hợp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phi xứ.

3– Quá thời: Nếu đến ngày 14, ngày 15 mới giáo hóa, đó gọi là quá thời.

4– Chưa đến lúc: Giáo hóa vào ngày mồng một, mồng hai, mồng ba trong tháng, đó gọi là chưa đến lúc. Nên đến giáo hóa từ ngày mồng bốn đến ngày 13. Nếu chưa đến lúc mà đến giáo hóa Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa đến lúc.

5– Không hòa hợp: Khi Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp thì không nên giáo hóa, đợi khi họ hòa hợp mới giáo hóa. Người giáo hóa khi đến, nên hỏi:

Ni Tăng đã hòa hợp chưa?

Nếu họ đáp: "Hòa hợp", thì nên sai sứ giả gọi Tỳ-kheo-ni đến nghe giáo hóa. Nếu người nào già bệnh đang uống thuốc, hoặc đang lo việc y bát không đến được thì phải gởi dục, nói như sau:

Tôi là mỗ giáp, gởi dục về việc giáo hóa (nói như vậy ba lần).

Nếu Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp mà giáo hóa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không hòa hợp.

6– Quyến thuộc: Không nên giáo hóa thiên vị mà nên giáo hóa tất cả Ni Tăng khi đã hòa hợp. Đó gọi là quyến thuộc.

7– Nói dài dòng: Như tôn giả (**475c**) Nan-đà giáo hóa Ni dài dòng; chỉ nên nói như sau:

Chớ làm các việc ác,
Vâng làm các hạnh lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Chư Phật dạy như vậy.

Này các chị em! Đây là những lời dạy bảo ai muốn nghe thì nghe, không muốn nghe thì tùy ý ra đi.

Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni dài dòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thuyết pháp dài dòng.

8-Cách đón rước người giáo hóa: Nếu Tỳ-kheo-ni trú tại thành ấp xóm làng nghe Tỳ-kheo đến ngày mỗ tới giáo hóa, mà không có người tiếp đón, thì nên nhờ các Tỳ-kheo nhỏ tuổi cầm hương hoa, tràng phan, bảo cái đến đón rước. Nếu như không có thì tùy theo ít nhiều, tối thiểu là chắp tay bày tỏ lòng tôn kính, mang giúp y bát. Đi đón từ một do diên, nửa do diên, hoặc một câu lô xá,

nửa câu lô xá, ít nhất là ra ngoài thành ấp xóm làng đón tiếp. Nếu không đón rước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi đến rồi, nên vận động đàn việt cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời một cách tận tâm, hợp cùng đệ tử chu cấp trong bảy ngày đừng để thiếu thốn.

Nếu không có gì thì lấy bớt y bát thừa của mình đem cúng dường.

Nếu cũng không có nữa thì ít nhất chắp tay biểu lộ sự cung kính.

Khi giáo hóa Ni, hoặc dùng A-tỳ-đàm, hoặc Tỳ-ni. A-tỳ-đàm là chỉ cho chín bộ Kinh; Tỳ-ni là chỉ cho Ba-la-đề-mộc-xoa (giới bổn) hoặc nói rộng, hoặc nói hẹp. Người giáo hóa khi thấy Ni đến không được cúi đầu đứng im mà nên xem tướng mạo, oai nghi của họ. Nếu thấy họ xức dầu ướt trên đầu, vẽ chân mày, mang y đậm màu chói lọi rực rỡ, buộc dây lưng trắng, v.v…, thì phải khiển trách. Nếu người đó còn trẻ tuổi thì nên nói:

Này chị em! Nay cô còn trẻ mà không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì đệ tử sẽ bắt chước thói xấu của cô. Vì thế, cô phải tùy thuận học Kinh, tụng Kinh.

Nếu khi đó có người thế tục thì không được dạy như thế, sợ họ sinh tâm bất thiện, nói rằng:

Sa-môn dạy bảo vợ.

Nếu trường hợp như thế thì không nên dạy mà nên hỏi các Ni khác:

Người này là đệ tử đồng hành của ai? Đệ tử y chỉ của ai?

Hỏi xong, nên bảo Hòa thượng, A-xà-lê của người ấy dạy bảo khiển trách khiến cho họ tùy thuận tuân hành, đừng làm những việc trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni phải xem họ như nữ giới; còn Tỳ-kheo-ni đối với người giáo hóa phải xem như đức Phật. Đó là nửa tháng hỏi thăm việc bố-tát và cầu thỉnh dạy bảo. Đến đây hết pháp tôn kính thứ sáu.

7– Không nương tựa Tỳ-kheo không được an cư

Nếu thân nhân muốn mời Tỳ-kheo-ni an cư, thì Ni nên bảo đàn việt mời các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: "Tôi không có lòng tôn kính các vị ấy mà chỉ muốn mời các Ni", thì Ni nên nói:

Tôi cũng không đi.

Nếu vì thân nhân muốn đi, thì nên (**476a**) đích thân mời Tỳ-kheo. Đến nơi đó rồi, nên sắp xếp bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời, y an cư, chớ để thiếu thốn. Nếu thân nhân không cung cấp thì nên lấy những y bát dư của mình ra cung cấp.

Nếu trong lúc an cư mà Tỳ-kheo chết, hoặc bỏ tu, hoặc đi nơi khác thì Ni không được bỏ đi.

Nếu trong ba do diên có Tăng già lam thì nên kết giới thông thương rồi mỗi nửa tháng đến hỏi việc bố-tát.

Nếu có các nạn như trên đường đi có bọn giặc cướp khủng bố, sợ mất mạng, thương tổn phạm hạnh thì đến hết ngày an cư nên đến đó Tự tứ. Nếu vẫn còn các hiểm nạn thì nên bảo thân nhân mời các Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi thì phải cung cấp những nhu yếu như bữa ăn trước, bữa ăn sau và thức uống phi thời, đừng để thiếu thốn. Sau khi Tự tứ xong nên trở về chỗ cũ.

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn an cư tại chỗ nào mà nơi đó không có Tỳ-kheo thì không được an cư. Nếu cứ ở đó an cư thì phạm pháp bất kính.

Đó gọi là nơi không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được an cư.

Đến đây hết pháp tôn kính thứ bảy.

8– Tỳ-kheo-ni an cư xong phải thọ Tự tứ trước hai bộ Tăng

Tỳ-kheo-ni đến ngày Tự tứ thọ Tự tứ xong, sáng sớm hôm sau, tất cả phải đi đến chỗ Tăng thọ Tự tứ. Trong Ni Tăng nên làm pháp

yết-ma cử một người có thể thọ Tự tứ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Ni tăng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni mỗ giáp có thể vì Ni tăng làm người Tự tứ. Nếu thời giờ của Tăng đã đến, Tăng làm yết-ma cử Tỳ-kheo-ni mỗ giáp vì Ni tăng làm người Tự tứ.

Các Ni tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo-ni mỗ giáp vì Ni tăng làm người Tự tứ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi hai bộ chúng Tỳ-kheo-ni, Tăng đều hòa hợp, thì nên nói như sau:

Tỳ-kheo-ni hòa hợp với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho biết. Nếu thấy, nghe, nghi đúng tội, sẽ như pháp trừ diệt. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu Tỳ-kheo Tăng hòa hợp với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Nhiều Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói việc Tư tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho tôi biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu Tỳ-kheo hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni nên nói như sau:

Con Tỳ-kheo-ni xin nói Tự tứ với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho con biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu nhiều Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng (**476b**) hòa hợp, nên nói như sau:

Tỳ-kheo-ni tăng hòa hợp, các đại đức nói Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin các đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy, (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Nếu nhiều Tỳ-kheo cùng với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Nhiều Tỳ-kheo-ni với các đại đức nói Tự tứ... (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu một Tỳ-kheo với một Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

Con Tỳ-kheo-ni trước đại đức xin nói Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tỳ-kheo-ni sau khi an cư xong phải thọ Tự tứ ở giữa hai bộ chúng như vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni ngày 16 không đến chỗ Tỳ-kheo Tăng thọ Tự tứ, đến ngày 17 mới tới thọ Tự tứ thì phạm tội bất kính. Đó gọi là pháp tôn kính thứ 8 của Tỳ-kheo-ni.

*

Hết quyển thứ ba mươi

TÔN KÍNH ẤN TỐNG

Hà Thị Tiến - Thị Bảo

SÁCH KÍNH BIẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 – 39142419 – Fax: (028) 39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Biên tập: Phạm Thị Thanh Phượng
Sửa bản in: An - Khánh
Bìa & Trình bày: TN Nguyễn

Số lượng: 500 cuốn, khổ 16x24cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.
Số đăng ký KHXB: 2484-2019/CXBIPH/5-98/VNTPHCM.
Quyết định xuất bản số: 397-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 15/7/2019.
Mã số ISBN: 978-604-68-5736-5. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019.

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 4

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

CỐ VẤN

Hòa thượng **Thích Giác Toàn**

Hòa thượng **Thích Nguyên Giác**

THỰC HIỆN

Tỳ kheo **Thích Thiện Ý**

Tỳ kheo **Thích Minh Hải**

LỜI GIỚI THIỆU

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Thưa quý vị thiện hữu trí thức và quý Phật tử,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Sơn là một bậc chân tu thật học của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngài sống đơn giản thanh bần trong chốn thiền môn; ứng xử nhẹ nhàng, tao nhã trong giao tiếp; hết lòng dạy dỗ Tăng Ni sinh các thế hệ trong giáo dục; cẩn trọng tham chiếu nhiều nguồn kinh văn sử liệu trong nghiên cứu, dịch thuật, và trước tác. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và trí đức.

Từ năm 1991, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, chư Tôn đức lãnh đạo Viện đã trân trọng mời Trưởng lão Hòa thượng tham gia các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu của Viện. Trải dài theo năm tháng tinh cần làm việc, Ngài được Giáo hội tin tưởng và cung cử làm thành viên của Hội đồng phiên dịch, rồi Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2007 - 2012 và 2012 - 2017). Hiện nay, Ngài là thành viên Ban Chứng minh của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2017 – 2022).

Năm nay – 2019, các đệ tử thân tín của Trưởng lão Hòa thượng phát tâm sưu tầm tất cả công trình biên soạn, sáng tác, dịch thuật của Ngài kết tập thành *Toàn tập Thích Phước Sơn,* làm Pháp bảo lưu bố cho thế hệ hậu lai. Chúng tôi vô cùng hoan hỷ, tán thán việc làm có ý nghĩa và giá trị này.

Xin trân trọng giới thiệu công trình Toàn tập này đến chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử gần xa. Nguyện cầu Chánh pháp được lan truyền khắp chốn, Tăng Ni Phật tử ân triêm pháp lạc, tinh tấn tu hành, lợi lạc nhân thiên.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
HT. THÍCH GIÁC TOÀN

LỜI CẨN BẠCH

Thầy của chúng con, đức Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Phước *hạ* Sơn, là một bậc Phạm hạnh, suốt cuộc đời cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo. Thầy từng làm Hiệu trưởng trường Bồ đề - Nha Trang, sau đó vào niềm Nam gắn bó với đức cố Trưởng lão Hoà thượng *thượng* Minh *hạ* Châu, người đã khai sáng viện Đại học Vạn Hạnh, tạo tiền đề cho hệ thống các Học viện Phật giáo ngày nay, nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni lãnh đạo của Phật giáo Việt Nam. Trong nhiều thập niên, Thầy tham gia giảng dạy tại Học viện Phật giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Huế; Thầy còn giữ vai trò Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Chắc hẳn, nhiều thế hệ Tăng Ni đã thọ ân giáo dưỡng của Thầy, đều có chung một cảm nhận về sự tận tâm và uy nghiêm của một bậc Thầy khả kính.

Là một người may mắn được gần gũi và thọ ân giáo dưỡng của Thầy, chúng con cảm thấy hạnh phúc và biết ơn Thầy, vì Thầy đã dạy những bài học quí báu và thâm sâu cho chúng con có được tuệ mạng như ngày hôm nay. Đặc biệt, qua thân giáo của Thầy, chúng con có đủ niềm tin vững chãi nơi giáo lý của đức Thế Tôn để vượt qua những khó khăn trên bước đường tu học và hành đạo.

Nhằm lưu giữ các tài liệu mà một cuộc đời Thầy đã trước tác, biên dịch, từ những bản giới kinh tinh hoa dành cho Tăng Ni; cho đến những giáo lý phổ thông dành cho hàng người cư sĩ Phật tử, chúng con đã thỉnh ý của Thầy, và đã được Thầy hứa khả cho phép thực hiện bộ *Toàn tập Thích Phước Sơn*. Chúng con thực hiện công việc này, như một phần tránh sự thất lạc các di sản văn hoá phẩm của Thầy. Đồng thời, đây cũng là món quà kính dâng Thầy với lòng biết ơn của người đệ tử, người học trò đã có thiện duyên gắn bó với Thầy trong ánh đạo vàng của đức Như lai.

Năm nay (2019), Thầy đã tám mươi ba lần sinh nhật, tuy sức khoẻ của Thầy không được như ngày nào lên bục giảng, hướng dẫn từng chữ Hán cổ, giải thích cho chúng con hiểu rõ thâm ý ẩn chứa bên trong những lời dạy của đức Phật và chư Tổ. Nhưng chúng con cảm thấy hạnh phúc và ý thức rất rõ Thầy vẫn còn hiện hữu, có mặt với chúng con trong Thiền thất sáng chiều ở Vạn Hạnh. Vì vậy mà chúng con đang tích cực làm việc để hoàn thành công trình Toàn tập dâng lên Thầy, khi Thầy còn khoẻ, còn thấy và còn đọc được các tác phẩm của mình.

Những tác phẩm của Thầy đã xuất bản suốt mấy mươi năm qua, gồm có:

1. Ấn Độ Phật giáo nguyên lưu lược giảng (dịch), 2008
2. Giải trình ý nghĩa Vu Lan, 2004
3. Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo nguyên thủy (đồng dịch, 2 tập), 2015
4. Lịch sử phiên dịch Hán tạng (dịch), 2008
5. Luật học tinh yếu, 2006
6. Luật Ma-ha Tăng-kỳ (dịch, 4 tập), 2003
7. Một số vấn đề về giới Luật, 2006
8. Phật học khái yếu, 2010
9. Phương pháp khoa học của Duy thức (dịch), 2000

10. Sắc tu Bách Trượng thanh quy (dịch, 2 tập), 2008

11. Tam tổ thực lục, 1995

12. Thanh tịnh đạo luận toản yếu, 2006

13. Thơ thiền Việt Nam, 2002

14. Tính chất Trí tuệ và Nhân bản của đạo Phật, 2013

15. Truyện cổ Sự tích cứu vật phóng sinh (dịch), 2001

16. Tu tập Chỉ Quán tọa thiền pháp yếu (đồng dịch), 2012

Các tác phẩm của Thầy phần lớn được dịch từ Hán tạng, gồm giới kinh và các nguồn văn học Phật giáo Đại thừa với tư tưởng uyên thâm về triết học và tâm lý học. Với gần hai mươi tác phẩm, khoảng hơn tám ngàn trang, ban biên tập dự kiến sẽ in thành mười sáu tập, mỗi tập khoảng năm trăm trang. Chúng con đã cố gắng biên tập và sắp xếp các tác phẩm theo chủ đề, nhưng chắc chắn không sao tránh khỏi sự rời rạc vì có khi bố cục hai tác phẩm trong một tập, không cùng chung một chủ đề.

Chúng con không quên tỏ lòng biết ơn chư vị đồng dịch giả đã chấp thuận cho in các bản dịch chung trong bộ Toàn tập này. Sau cùng, chúng con kính đảnh lễ Thầy với lòng quí kính, và niệm ân Thầy đã cho phép chúng con thực hiện công việc ý nghĩa này.

Thiền viện Vạn Hạnh,
Phật đản, 2563 – 2019
Thích Minh Hải

Thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn
Bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

TẬP IV
Quyển 31 - 40

Hán dịch: **Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la & Sa-môn Pháp Hiển**
Việt dịch: **Tỳ-kheo Thích Phước Sơn**
Chứng nghĩa: **HT. Thích Đỗng Minh**

LỜI NÓI ĐẦU

Nhân duyên đưa đến việc dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này thực là hi hữu. Số là vào cuối năm 1989, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hiệu phó Trường Cao cấp Phật học (nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh) đang đảm nhiệm môn Luật của Trường thì đột nhiên lâm bệnh. Khi lên bệnh viện hầu thăm Hòa thượng, tôi được Hòa thượng ân cần nắm tay ủy thác phải tạm thời thay thế Hòa thượng hướng dẫn Tăng Ni cho đến hết chương trình. Thật là bỡ ngỡ, nhưng cũng vô cùng cảm động trước tấm lòng thương yêu, tin cậy của bậc Tôn sư khả kính, tôi chỉ còn biết cúi đầu vâng lệnh. Thế rồi, sau đó được Hòa thượng Hiệu trưởng chính thức mời phụ trách môn Luật cho trường. Chương trình dạy chủ yếu là dùng hai bộ sách Yết-ma Yếu Chỉ và Tứ Phần Hiệp Chú do Hòa thượng Bổn sư thượng Trí hạ Thủ biên soạn; một công trình khá công phu và nghiêm túc. Trong lúc tra cứu thêm về những chỗ dẫn chứng trong sách, đồng thời tham khảo ý kiến của Hòa thượng Thích Đỗng Minh, một vị được xem là đặc biệt quan tâm đến vấn đề Luật học, tôi được Hòa thượng khuyến khích dịch bộ Luật Ma-ha Tăng-kỳ này. Thế là cố gắng sắp xếp thì giờ, tôi bắt đầu phiên dịch từ ngày 29-01-1996, dịch đến đâu, Hòa thượng đọc lại đến đó, đồng thời chịu khó cặm cụi sửa chữa những chỗ sai sót một cách tận tình. Việc làm đó quả thực

là một nguồn động viên vô cùng quý giá. Nhưng diễm phúc hơn nữa là được Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, một bậc ân sư giới hạnh cao nghiêm, hết lòng yêu thương, nhiệt tình cổ vũ cho công tác phiên dịch này.

Lúc bắt đầu dịch khó tránh khỏi một vài trường hợp lúng túng, nhưng qua thời gian, các khó khăn dần dần được khắc phục, rồi một niềm phấn khởi phát sinh; nhất là qua phương pháp giáo huấn của đức đấng Từ Phụ, vừa rõ ràng sinh động, vừa chí lí, chí tình, có ân mà cũng có uy, khiến cho người thụ giáo cảm nhận một sức thuyết phục phi thường.

Theo lẽ, một dịch giả đúng nghĩa phải hội đủ ba phương diện: Một là nắm vững ngôn ngữ của nguyên bản; hai là tinh thông tiếng bản xứ; ba là am tường nội dung của vấn đề. Mặc dù thấy mình còn nhiều điều bất cập, nhưng vì nhu cầu học hỏi và công việc giảng dạy thúc đẩy, tôi đành phải cố gắng tuân thủ ba nguyên tắc mà học giả Hồ Thích đã đề xướng và được giới dịch thuật đồng tình chấp nhận, đó là: Tín, Đạt và Nhã. Tín, nghĩa là trung thành với nguyên bản. Đạt, nghĩa là lột tả chính xác nội dung của vấn đề. Nhã, nghĩa là phải vận dụng ngôn ngữ trong sáng và tao nhã. Nếu không thể hội đủ cả ba phương diện thì phải cố gắng vận dụng một hoặc hai phương diện đến mức độ tốt nhất. Có như thế mới hy vọng bản dịch được độc giả dễ dàng tiếp nhận.

Dịch từ một bản văn cách nay đã hơn mười lăm thế kỷ, mà bản văn này lại là dịch phẩm chứ không phải nguyên bản nên chẳng dễ dàng chút nào. Nhưng may mắn là bản văn khá mạch lạc, nhất quán và tương đối sáng sủa, nên cũng ít khi gặp trở ngại. Bởi lẽ, hai Đại sư Phật-đà Bạt-đà-la và Pháp Hiển không những tinh thông Luật học, mà phương pháp làm việc cũng rất nghiêm túc và cẩn trọng.

Khi dịch, tôi đã cố gắng tối đa vận dụng ngôn ngữ hiện đại phổ thông và trong sáng để phô diễn, tuy vậy, khó tránh khỏi một số

hạn chế nhất định. Chẳng hạn, các thuật ngữ chuyên môn của Luật học mang nhiều nội dung hàm súc, bắt buộc phải giữ nguyên phiên âm chứ không thể chuyển dịch. Ngoài ra, vì bối cảnh lịch sử, địa lí và văn hóa của Ấn Độ có nhiều điểm bất đồng đối với nước ta, do thế, về nhân danh, địa danh cũng như tên gọi của một số động vật, thực vật và y phục v.v... không có từ ngữ tương đương để phiên chuyển, nên đành phải để nguyên dạng phiên âm.

Bộ Luật này được phiên dịch là nhằm mục đích dùng để tham khảo giảng dạy, đồng thời cũng là một món quà tinh thần bé nhỏ kính cẩn dâng lên báo đáp phần nào công ơn pháp nhũ của các bậc ân sư trực tiếp cũng như gián tiếp. Nếu nó may mắn được giới độc giả thể tất, thì có thể xem như là một sự đóng góp nhỏ nhoi vào công trình chuyển ngữ Tam tạng Thánh giáo sang tiếng Việt, một sự nghiệp to lớn mà tất cả Tăng Ni Phật tử Việt Nam đang khát khao mong đợi.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn thầy Tâm Hạnh đã nhiệt tình lo việc in cảo bản một cách chu đáo; cảm ơn Phật tử Thọ Huệ, Nguyên Hạnh đã hoàn thành xuất sắc công đoạn đánh vi tính; cảm ơn thầy Giác Đồng, sư cô Từ Nghĩa và Nguyên Đoan tận tụy hoàn thành khâu vi tính sau cùng.

Xin hồi hướng tất cả công đức lên Tam bảo chứng minh, thành tâm nguyện cầu cho kho tàng Pháp bảo được tồn tại miên trường trên cõi đời này.

Thiền viện Vạn Hạnh, ngày 4/1/2000
Người dịch kính cẩn ghi lại
Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

MỤC LỤC
TẬP 4

Lời giới thiệu i
Lời cẩn bạch iii
Lời nói đầu viii

PHẨM TẠP TỤNG (tiếp theo)

Quyển 31: Nấu ăn ở chỗ ngủ và tự nấu ăn.....1375
Nhận thịt sống 1380
Tự lấy rồi làm sạch vỏ 1381
Vật nặng 1383
Vật vô thường (của người chết).....1385
Yết-ma công nhận bệnh cuồng si.....1392
Bày tỏ sự không đồng tình 1393
Phá lòng tin của thí chủ 1394
Phép dùng giày da 1396
Phép dùng guốc.....1404
Phép tắm rửa.....1405
Phép dùng mạt hương.....1406
Phép dùng gậy và túi bằng dây 1408
Phép dùng tỏi 1410
Phép phú bát (tẩy chay).....1412
Phép kết khuy vào y 1417
Phép dùng đai lưng 1418
Phép dùng đai có dây cột 1418
Phép cưỡi ngựa, đi xe 1419
Phép nằm chung giường 1420
Phép cùng ngồi chung.....1421

Quyển 32: Phép ăn chung 1424
Phép ăn trên bàn 1425
Vì mình mà người ta giết súc vật 1426
Thịt người 1428
Phép dùng da 1434
Vật lau chân 1435
Thuốc bôi mắt 1436
Lọ đựng thuốc nhỏ mắt 1437
Que bôi thuốc vào mắt 1438
Phép dùng ô dù 1438
Phép dùng quạt 1439
Phép dùng phất trần 1440
Phép dùng dao chữa trị 1441
Túi chứa nước 1442
Phép cạo tóc 1443
Dụng cụ cạo tóc 1448
Phá tăng 1449
Tăng hòa hợp 1450
Năm trăm tỳ-kheo kết tập pháp tạng 1450

Quyển 33: Bảy trăm vị đại hội tạp pháp tạng 1471
Giới luật 1474
Hủy báng 1474
Kỹ nhạc 1475
Hương hoa 1477
Soi gương 1478
Gánh vác 1479
Xăn quần áo 1480
Leo cây 1480
Nhóm lửa 1481
Chén đồng 1482
Chuyển hướng vật cúng dường 1482
Chúng sinh 1485
Cây 1486
Vấn đề đốt củi 1488
Vấn đề hoa 1488
Vấn đề trái 1490
Vấn đề trồng cây 1490

Phép trị tội 1491
Pháp diệt tránh 1493
Sự tranh cãi 1493
Điều phục 1493
Nghe pháp 1493
Dầu thoa mặt 1494
Phép dùng phấn 1495
Phép dùng bàn chải 1495
Phép dùng lược 1496
Phép dùng trâm 1496
Phép xây tháp 1497
Sự việc liên quan đến tháp 1500
Làm trang thờ nơi tháp 1501
Trồng vườn hoa xung quanh tháp 1501
Đào ao bên tháp 1502
Làm chi-đề ở cạnh tháp 1503
Phẩm vật cúng dường 1503
Dùng kỹ nhạc cúng dường 1504
Thu dụng cụ cúng dường 1504
Trường hợp gặp tai nạn 1505

PHÉP TẮC UY NGHI

Quyển 34: Tác phong của thượng tọa 1508
Tác phong của thượng tọa (tiếp theo) 1510
Tác phong của tăng chúng 1511
Cách thức chú nguyện 1512
Bổn phận của đệ tử đồng hành 1521
Bổn phận của đệ tử y chỉ 1524
Vấn đề bảo quản giường nệm 1525
Vấn đề bảo quản trú xứ 1526
Trú xứ a-luyện-nhã 1529
Bổn phận của tỳ-kheo khách 1530
Bổn phận của cựu tỳ-kheo 1531
Bổn phận sửa chữa vật dụng 1532
Vấn đề đại tiện 1533
Vấn đề tiểu tiện 1536
Vấn đề tăm xỉa răng 1538

Vấn đề vá y.....1540
Vấn đề ngăn chỗ nằm.....1540
Vấn đề lau phòng.....1541
Vấn đề khạc nhổ.....1542
Vấn đề sử dụng bát.....1542
Vấn đề dùng cháo.....1544
Oai nghi khi đứng.....1545

Quyển 35: Cách thức đi kinh hành.....1547
Cách thức ngồi.....1548
Cách thức nằm.....1548
Cách cư xử giữa cựu và khách tỳ-kheo.....1550
Vấn đề rửa chân.....1552
Phép tắc dùng nước.....1555
Phép tắc tắm.....1556
Phép dùng vật dụng.....1559
Phép sử dụng y.....1560
Cách xử sự giữa tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và ở thôn xóm.....1561
Phép xử sự giữa khách và cựu tỳ-kheo.....1563
Phép tắc nói năng.....1565
Phép tắc vào trong chúng sát-lợi.....1566
Phép tắc vào trong chúng bà-la-môn.....1567
Phép tắc vào trong chúng cư sĩ.....1567
Phép vào trong chúng ngoại đạo.....1568
Phép tắc nhập chúng.....1568
Phép tắc mặc nội y.....1569
Phép mặc y.....1570
Phép mặc y đi vào thôn xóm.....1570
Phép mặc y ngồi trong nhà cư sĩ.....1571
Phép tắc của tiền và hậu sa-môn (512a).....1572
Phép nhờ người lấy thức ăn.....1573
Phép tắc đi khất thực.....1574
Phép tắc mà vị sa-môn đi khất thực sau phải làm.....1575
Phép đốt & tắt đèn.....1576
Phép vác thiền trượng đi tuần hành.....1577
Phép mang vòng đi tuần hành.....1578
Phép cởi giày trong phòng thiền.....1579
Phép dùng tọa cụ trong phòng thiền.....1580

Phép xử sự khi ho 1580
Phép xử trí khi nhảy mũi 1581
Phép xử trí khi ngáp và thư giãn thân thể.....1581
Phép gãi ngứa 1582
Phép xử sự khi hạ phong.....1582

GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO-NI

BA-LA-DI

Quyển 36: 1. Dâm dục.....1585
2. Trộm cắp 1589
3. Sát nhân 1590
4. Đại vọng ngữ 1590
5. Nhiễm tâm xúc chạm nam tử.....1590
6. Nhiễm tâm thân cận nam tử 1595
7. Giấu tội người khác.....1598
8. Theo tỳ-kheo phạm tội 1601

TĂNG TÀN

1. Nhận làm mai mối (517c).....1605
2. Vu khống người khác.....1605
3. Xuyên tạc nhằm vu khống.....1606
4. Tranh chấp với người khác.....1606
5. Đi một mình.....1609
6. Sống một mình.....1611
7. Độ người chủ chưa cho phép 1615
8. Độ người phạm tội.....1618
9. Qua sông một mình 1622
10. Tự ý tha tội người khác 1622
11. Nhận vật của người có tà tâm 1625

Quyển 37: 12. Khuyên người làm điều phi pháp.....1629
13. Vô cớ hủy báng tăng.....1630
14. Bao che lỗi lầm cho nhau.....1634
15. Khuyên người sống quan hệ mật thiết 1636
16. Nổi giận bỏ giới 1640
Kết thúc giới tăng-già-bà-thi-sa 1643

NI-TÁT-KỲ

Từ 1 – 10 của Ni-tát-kỳ giống Tỳ-kheo

11. Xin tiền mua giường rồi mua thứ khác.....1645
12. Tiền cúng thứ này đem mua thứ khác 1647
13. Đem tiền mua thức ăn sắm y bát 1649
14. Chứa bát dư 1651
15. Chứa y dư 1652
16. Giật lại y mà mình đã bỏ.....1653
17. Có y hư không vá lại 1654
18. Hứa cho thọ giới mà không cho thọ.....1656
19. Mua y đắt giá 1657
20. Mua lụa mỏng.....1659
21. Tranh mua đồ với người khác.....1662

BA-DẠ-ĐỀ

Từ giới 1 đến 70 giống như Ba-dạ-đề bên Tỳ-kheo

71. Tự ý lấy y người khác mà mặc.....1667

Quyển 38: 72. Cho y cho tu sĩ ngoại đạo 1670
73. May y an-đà-hội quá cỡ 1671
74. May yếm rộng quá cỡ. 1673
75. May áo tắm rộng quá cỡ.....1673
76. Xin y tại nhà không tin phật.....1677
77. Không đem y theo bên mình.....1679
78. Nấu lại đồ ăn để ăn 1680
79. Đứng hầu tỳ-kheo thọ trai.....1682
80. Ăn tỏi.....1684
81. Đem thức ăn cho người thế tục.....1685
82. Làm thầy thuốc để sinh sống.....1687
83. Trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo.....1688
84. Làm việc cho người thế tục 1690
85. Vào nhà người không báo trước 1691
86. Sống thân cận với người thế tục 1693
87. Tự thề thốt.....1694
88. Hờn dỗi tự đánh mình.....1695
89. Trách người vô cớ 1696
90. Giữ của người khác.....1698
91. Mắng nhiếc tỳ-kheo 1699

92– Giới: chưa đủ 12 hạ mà nuôi đệ tử 1701
93. Chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử 1702
94. Chưa xin phép mà nuôi đệ tử 1704
95. Cho người phạm tội thọ giới 1706
96. Cho người thiếu tuổi thọ giới 1707
97. Cho người chưa học giới thọ giới.....1709
98. Cho người học giới chưa xong thọ giới.....1711
99. Không cho người đã học xong thọ giới.....1713

Quyển 39: 100. Cho người có chồng dưới mười hai tuổi thọ giới ...1716
101. Người có chồng mười hai tuổi chưa học giới mà cho thọ giới ...1717
102. Người có chồng học chưa xong mà cho thọ giới.....1718
103. Cho người có chồng thọ giới, không làm yết-ma 1719
104. Cho thọ giới rồi mà không dạy dỗ.....1719
105. Thọ giới rồi, không hầu thầy.....1721
106. Nuôi đệ tử hàng năm 1722
107. Để cách đêm cho thọ giới.....1723
108. Đệ tử có lỗi mà không thu xếp.....1724
109. Ngoan cố không nghe lời khuyên.....1726
110. Hứa cho thọ giới mà không cho thọ.....1727
111. Không bệnh mà đi xe.....1729
112. Không bệnh mà đội dù.....1730
113. Giới: nằm giường cao quá mức độ 1732
114. Cùng nằm chung một giường.....1733
115. Ra đi không trả lại phòng.....1734
116. Vào chỗ tăng không thưa trước 1735
117. Trú ngụ nhà thế tục 1737
118. Đi xa không có bạn 1738
119. Du ngoạn thắng cảnh 1740
120. Ngồi với tỳ-kheo ở chỗ khuất 1741
121. Ngồi với nam giới ở chỗ khuất 1743
122. Ôm đàn ông vào mình mà thủ thỉ 1744
123. Đi vào chỗ tối có đàn ông 1745
124. Xem trình diễn văn nghệ.....1746
125. Khi chúng tranh chấp mà không dập tắt 1747
126. Bảo phụ nữ thoa hương kỳ cọ 1749
127. Bảo tỳ-kheo-ni tắm cho mình 1750
128. Giới: bảo sa-di-ni tắm cho mình.....1751

129. Bảo thức-xoa-ma-ni tắm cho mình 1751
130. Sai phụ nữ tắm cho mình 1752
131. Không tôn trọng lễ bố-tát 1752
132. Không tôn kính tỳ-kheo giáo huấn 1754
133. Bảo nam tử phá ung nhọt 1756

Quyển 40: 134. Du hành trong lúc an cư 1759
135. An cư xong không du hành.....1760
136. Rủ an cư, sau trách cứ 1761
137. Nhiễu loạn người an cư trước mình.....1762
138. Đổ đồ bất tịnh không coi trước.....1764
139. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi 1765
140. Đại tiểu tiện trong nước.....1765
141. Chuyển lợi của tăng cho một nhóm người 1766

ĐỀ-XÁ-NI.....1771

BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH.....1776

NHỮNG PHÁP LINH TINH.....1777
Phép tắc ngồi 1777
Phép sử dụng chiếu đan.....1777
Phép dùng đai lưng.....1778
Không được mặc trang phục phụ nữ 1778
Khi độ xuất gia phải đổi trang phục.....1779
Không được nuôi dâm nữ 1780
Không được bảo người làm vườn bán dâm.....1781
Cần phải mặc yếm.....1781
Không được dùng tay vỗ vào âm hộ 1782
Không được dùng cao nắn nam căn 1783
Cách làm vệ sinh âm hộ.....1783
Cách dùng vải thấm kinh nguyệt 1784
Cách giặt vải thấm kinh nguyệt.....1784
Không được giặt đồ dơ chỗ đàn ông tắm 1785
Không được giặt đồ dơ chỗ du khách giặt 1785
Không được dùng âm hộ hứng chỗ nước xối 1786
Không được lội ngược dòng nước chảy.....1786
Không được dùng củ làm nam căn 1787
Không được làm yết-ma cử tội tỳ-kheo 1787

Không được mặc y kiều-xá-da.....1788
Không được mặc yếm mỏng.....1788
Không được trang điểm cho phụ nữ.....1789
Không được trồng hoa rồi đem bán.....1789
Không được xâu vòng hoa đem bán.....1790
Không được xe sợi đem đi bán.....1790
Không được hủy hoại uy nghi.....1791
Cách đậy và mở nắp bát.....1792
Cách nhận thí vật của người phạm tội.....1793
Khi làm cầu tiêu không được đậy nắp.....1794
Không được vào nhà tắm thế tục để tắm.....1795
Không được ở tại a-luyện-nhã.....1795
Vấn đề y ca-hi-na.....1796
Vấn đề thực phẩm giữa tăng và ni.....1796
Cách sắp xếp thứ tự.....1797

GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ.....1799

PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHẸ VỀ VIỆC PHẠM GIỚI.....1801

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 31

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

NẤU ĂN Ở CHỖ NGỦ VÀ TỰ NẤU ĂN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã được Chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, nhà bếp được làm trong Tăng viện, nước vo gạo và nước bẩn rửa chén chảy ra ngoài đường hẻm, bị người đời chê trách:

Vì sao chỗ ở và nhà bếp của Sa-môn Thích tử không cách biệt nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

Các ông thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay Ta không cho phép làm nhà bếp ở trong chỗ ở để rồi nước vo gạo chảy ra bên ngoài. Phép làm nhà bếp không nên làm ở phương Đông, phương Bắc mà nên làm tại phương Nam, phương Tây. Nếu Tỳ-kheo làm nhà bếp ở bên trong, để cho nước vo gạo chảy ra bên ngoài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, đến thôn Bà-la-môn Ha Đế, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn ở tại chỗ ngủ.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn Cố Thạch. Khi ấy có một ông già hớt tóc cả hai cha con xuất gia,

nghe Phật đến định nấu cháo, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn nơi chỗ ngủ và tự nấu ăn.

Lại nữa, khi Phật du hành đến nước Ương-cầu-đa-la. Lúc ấy Phạm chí Chi-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn làm phòng Tăng, nhà bếp, rồi sai người đến mời Phật. Phật bèn bảo Ưu-ba-ly:

Ông hãy đến sớm nơi đó nhận lấy nhà nấu ăn cho Tăng, chớ để quá lúc đầu đêm, nếu để quá tức gọi là chỗ ở của Tăng, không được dùng làm nhà bếp.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Được làm nhà bếp có mái lợp riêng biệt ra không? Được.

Bạch Thế Tôn! Hợp chung hai phòng có mái lợp riêng được không?

Được.

Hợp chung hai phòng cùng một mái lợp được không?

Được.

Được dùng hai chỗ riêng có mái lợp riêng được không?

Được.

Được dùng một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều riêng được không?

Được.

Cách con đường được không?

Được.

Dùng trên gác, dưới gác làm được không?

Được. Hoặc gốc cây (**477b**) ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, còn cành lá ở chỗ tịnh địa; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ tịnh địa.

Một chỗ được lợp riêng biệt: Tăng được dùng chỗ này làm nhà bếp, như vậy cho đến phòng riêng biệt được lợp riêng biệt, Tăng

đều được dùng làm nhà bếp. Cũng như một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều được làm nhà bếp.

Cách con đường: Hai bên đường thanh tịnh (hợp lệ), ở giữa không thanh tịnh, nếu để bình sữa.v.v... ở giữa đường, nên xoi thủng hai đầu để sữa chảy vào tịnh địa (chỗ hợp lệ) thì được phép lấy dùng. Nếu cái bao đựng lúa, bột, đậu để ngay giữa đường thì được mở hai đầu để lấy. Nếu cải, hành, mía để ở giữa đường thì được cắt lấy dùng, vẫn hợp lệ.

Trên gác, dưới gác: Trên gác và dưới gác đều được dùng làm nhà bếp.

Gốc cây ở tịnh địa, cành lá ở chỗ bất tịnh: Nếu gốc cây mọc ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ bất tịnh, mà trái rụng xuống đất, thì ngay khi ấy nên lấy đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua khỏi đầu đêm thì thành ra bất tịnh. (không hợp lệ).

Gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, cành lá ở chỗ đất thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá phủ ra chỗ đất thanh tịnh, nếu quả rơi xuống đất tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy cứ lấy.

Cả hai đều không thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất bất tịnh, khi quả rơi nên nhặt đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy ngay khi ấy để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Cả hai đều thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất thanh tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất thanh tịnh, khi quả rơi tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy thì lấy. Đó gọi là cả hai đều thanh tịnh.

Củ cải, hành, rau mọc ở chỗ đất không thanh tịnh, nếu muốn hái nên hái đúng lúc rồi đem cất vào trong nhà bếp; nếu không hái đúng lúc để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bọn trộm đến hái trộm rau quả, bị phát giác, chúng hoảng sợ bỏ rau quả chạy thoát thân mà ta cần thì lấy liền rồi đem cất trong nhà bếp. Nếu nói rằng để sáng mai mới lấy, thì đến khi qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Nếu không hay khi chúng

bỏ lại, hoặc sớm hoặc muộn mới trông thấy, thì nên lấy đem cất trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua quá đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu dưa, bầu mọc ở chỗ đất bất tịnh, thì khi hái nên đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không đem cất để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Tại trú xứ của Tăng nếu có đàn việt đem cho thóc, mà thóc bị đổ ra chỗ đất bất tịnh, thì nên hốt ngay khi ấy rồi đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không hốt để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bạch y đem bánh bún, lương khô đến Tinh xá xin ở lại trong đêm; (**477c**) đến sáng hôm sau khi ra đi, đem cho Tỳ-kheo, tức là thanh tịnh. Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ rằng: "Ngày mai khi họ đi, ắt hẳn sẽ đem cho ta", thì khi họ đem cho được xem là không thanh tịnh. Nếu họ đem rau quả đến xin ở lại cũng vậy. Nếu họ chở lúa gạo đến, cất đầy kho nhà bếp, số còn lại hoặc để trong giảng đường, trong nhà sưởi, trong nhà che giếng, trong nhà chất củi ở ngoài sân, nếu là chỗ đất bất tịnh, thì đầu, giữa, cuối đêm tùy lúc đổ xong dời đi liền. Nếu không dời đi, để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu muốn xây dựng chỗ ở mới thì Tỳ-kheo doanh sự nên dùng dây đo đạc rồi quy định rằng chỗ ấy làm nhà bếp cho Tăng, chỗ ấy làm nơi ở cho Tăng, nên nói như sau: "Trong đây, chỗ này làm nhà bếp cho Tăng", rồi sử dụng. Nếu không sử dụng để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Tùy theo mức độ cần thiết mà quy định nhà bếp; khi quy định nhà bếp xong rồi mới quy định chỗ ở, phòng sưởi, giảng đường, nhà ngõ, nhà tắm, nhà để củi, nhà che giếng.

Nếu đàn việt nói:

Không nên quy định trước, nên đợi khi làm xong, thiết lễ trai phạn cho Tăng, rồi Tăng tùy ý mà quy định", thì khi làm xong,

Tăng nên nói như sau: "Tăng dùng gác dưới, gác giữa và gác trên làm nhà bếp (khi đã quy định rồi tức thành nhà bếp đồng thời ở cũng được)." Nếu vẫn chưa sử dụng, thì khi trong nước loạn lạc, hoặc vua chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Hoặc là lúc vị vua cũ băng hà, vị vua mới chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Nếu vẫn chưa sử dụng mà trú xứ xóm làng bị hoang phế đến hai năm sử dụng cũng được. Ở đây, hoặc xóm làng hoang phế, không phải trú xứ bị hoang phế, hoặc trú xứ hoang phế, không phải xóm làng hoang phế, hoặc xóm làng hoang phế, trú xứ cũng hoang phế; hoặc không phải xóm làng hoang phế, không phải trú xứ hoang phế. Nếu có những thức ăn được cất ở đây mà không quy định tức là không thanh tịnh.

Đó gọi là nấu ăn ngay chỗ ngủ.

Tự nấu ăn: Tỳ-kheo không được tự nấu ăn. Nếu bệnh thì nên sai tịnh nhân nấu, nếu không có tịnh nhân mà có nồi đồng sạch không dính dầu mỡ thì nên rửa sạch, rồi tự đốt lửa đun sôi, đoạn, bảo tịnh nhân bỏ gạo vào. Sau khi đã bỏ gạo vào, Tỳ-kheo không được tự chụm lửa mà nên sai tịnh nhân chụm. Đến khi nồi sôi mà tịnh nhân muốn đi đâu, thì Tỳ-kheo được tiếp tục chụm cho chín, song, phải cẩn thận đừng để những vật không cần dùng rơi vào trong đó. Khi nấu thịt cho săn lại, nấu rau cho chín đi cũng như vậy; khi đã nhận được các vật ấy rồi có thể tự nấu cho chín. Sau cùng, khi nấu nước gừng cũng không được tự nấu mà phải bảo tịnh nhân nấu. Nếu khất thực, thức ăn bị nguội thì được hâm lại cho nóng, không có tội. Nếu tịnh nhân bị ốm thì nên sai tịnh nhân khác nấu cháo đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì khi vo gạo sạch rồi được tự nấu. Nếu có cháo để dành, không được đem ăn.

Đó gọi là nấu ăn tại chỗ ngủ và tự nấu ăn.

*

NHẬN THỊT SỐNG (478A)

Khi Phật ở nơi khoáng dã, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo cầm thịt khúc, cá sống, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn không chịu đi khất thực lại cầm thịt khúc, cá sống mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, ta không cho phép nhận thịt sống. Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thì được sai tịnh nhân nấu thịt cho săn lại, rồi nhận lấy, đoạn tiếp tục nấu cho đến khi chín. Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành, ngồi thiền trong rừng, rồi thấy dưới gốc cây có thịt con chương, con nai còn sót lại, khi ấy, mình thấy cần, thì không được lấy mà nên báo cho tịnh nhân biết. Nếu mình tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn hoặc là Sa-di. Nếu thấy thịt do chim ưng để lại cũng như vậy. Tỳ-kheo khi đi khất thực, nếu được thịt khô đã nướng chín thì được nhận lấy. Có loài chúng sinh tên Câu-da không có ruột, nuốt thịt cục vào rồi nhả ra, nếu cần thì Tỳ-kheo được phép lấy. Nhưng không được lấy thóc sống như các loại: thóc gạo trắng, thóc gạo đỏ, đại mạch, tiểu mạch; tất cả đều không được lấy. Nếu trên thân sinh ung nhọt, sảy, cần tiểu mạch để bôi, thì nên sai tịnh nhân đem rửa sạch, rồi tự tay mình lấy đi nghiền nát để bôi lên mụt nhọt, nhưng không được phép ăn. Nếu trong nhà bếp có lúa tẻ, lúa mạch đã xay rồi mà Tỳ-kheo thấy cần thì được phép lấy, nhưng không được ăn. Nếu đậu mông cụ, đậu ma sa, đậu lớn, đậu nhỏ, các loại tương tự như thế, khi Tỳ-kheo thấy cần thì được dùng.

Đó gọi là nhận (thịt sống) và thóc.

*

TỰ LẤY RỒI LÀM SẠCH VỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vua Ba-tư-nặc có vườn Am-bạt-la ra trái sum sê. Vua hỏi người giữ vườn:

Các Tỳ-kheo có thường đến ăn trái cây không?

Đại vương không mời thì làm sao mà đến ăn?

Ngươi hãy đến mời các Tỳ-kheo đến ăn trái cây.

Người giữ vườn liền đến chỗ các Tỳ-kheo, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối, chắp tay bạch rằng:

Đức vua mời chư Tăng đến ăn trái cây.

Các Tỳ-kheo bèn đi đến vườn ấy ăn trái cây, lớp ăn lớp bỏ ngổn ngang dưới đất, lại còn lấy đem về. Vì vậy người giữ vườn không thể dâng trái cây cho vua, vua hỏi:

Vì sao ngươi không đưa trái cây đến?

Người giữ vườn bèn đem sự việc trên tâu đầy đủ lên nhà vua. Vua nghe thế trong lòng không vui, bèn trách:

Các Tỳ-kheo chỉ nên ăn trái cây, vì sao hái vứt xuống đất lại còn đem cho người khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo (**478b**) ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Ông chỉ cần ăn quả, vì sao lại hái vứt xuống đất rồi mang về để làm gì?

Bạch Thế Tôn! Con đem về cất để ăn.

Vì sao ông lại lấy về đem cất để mà ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trái cây Am-bạt-la.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu. Lúc ấy, đồng tử Kỳ Cựu hỏi người làm vườn:

Các Tỳ-kheo có ăn trái cây Am-bạt-la không?

Đức Thế Tôn không cho phép.

Đồng tử Kỳ Cựu nghe thế đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Am-bạt-la là trái cây đương mùa, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn nó.

Từ nay Ta cho phép được làm sạch vỏ trái cây rồi ăn.

Các Tỳ-kheo bèn sai tịnh nhân gọt sạch vỏ trái cây mà ăn, bị tịnh nhân oán trách:

Ăn luôn cả vỏ cũng được, vì sao lại sai ta gọt sạch vỏ làm chi?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Không cần phải gọt hết vỏ, chỉ cần dùng móng tay cạo sạch vỏ rồi ăn; nhưng không được tự lấy rồi ăn, mà trước hết nên sai tịnh nhân dùng móng tay cạo sạch rồi mới ăn.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trong vườn cây, thấy trái rơi xuống đất, mà mình cần, thì nên sai tịnh nhân lấy.

Nếu tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn, hoặc Sa-di. Nếu trái cây chín, rơi xuống đất vỡ ra, thì được xem là đã làm sạch vỏ, có thể lấy cạy hạt ra rồi ăn.

Nếu trái cây bị chim mổ, hoặc bị đụng nhằm vật gì mà nứt ra, dù nhỏ như dấu chân muỗi, thì được xem là đã làm sạch vỏ, được phép cạy hạt bỏ rồi ăn.

Nếu muốn ăn hạt, phải đem rang chín thì được phép ăn.

Nếu lột vỏ sạch, không rang chín mà ăn cả hạt, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu rang chín, không lột vỏ sạch, thì được phép ăn cả vỏ và hạt.

Nếu không rang chín, không lột vỏ sạch mà ăn, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cả hai việc thì không có tội. Đó gọi là tự lấy rồi làm sạch vỏ để ăn.

Kệ tóm tắt:

Tỳ-ni, xử đoán việc,
Chướng ngại, chẳng chướng ngại
Tỳ-kheo ni, tự nấu,
Nấu ăn nơi chỗ ngủ.
Nhận thịt sống và thóc,
Tự lấy, sau đem dùng
Gọt vỏ và rang chín,
Kết thúc phẩm thứ sáu.

*

VẬT NẶNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đem bán giường nệm của chúng Tăng, hoặc cho người khác mượn, hoặc đem về dùng riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên (**478c**) Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay Ta không cho phép Tỳ-kheo đem bán giường nệm của Tăng, hoặc cho người mượn, hoặc lấy dùng riêng. Nếu khi Tăng tập hợp tất cả cũng không được phép bán, cho người mượn, hoặc đem dùng riêng. Nếu ai đem bán, cho người mượn hay dùng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào gọi là vật nặng? – Chẳng hạn như giường nệm, đồ bằng sắt, đồ sành, đồ gỗ, đồ bằng tre, như trong giới ăn trộm đã nói rõ. Đó gọi là những vật nặng.

Nếu đàn việt đem cúng dường cho Tăng giường nệm, câu chấp, thảm, gối xếp, đai thắt lưng, dao con, muỗng, lọng, quạt, giày da, ống đựng kim, nhiếp cắt móng tay, bình tưới nước thì trong số này các vật nặng như giường nệm, câu chấp, thắt lưng, gối xếp, thảm nên nhập vào vật của Tăng tứ phương, ngoài ra những vật nhẹ khác đem chia. Nếu đàn việt nói: "Nên đem chia tất cả", thì theo ý của đàn việt đem chia. Nếu họ nói: "Tất cả đều cúng dường cho Tăng tứ phương", thì không được chia.

Nếu trong lúc Tỳ-kheo đang đi trên đường, rồi người thế tục trông thấy sinh tâm hoan hỷ, đem các vật linh tinh bố thí cho Tỳ-kheo, mà trong đó có những vật nặng, thì nên đem cho Tinh xá nào ở gần đường bằng cách bảo đàn việt mang các giường nệm ấy cho Tỳ-kheo ở Tinh xá mỗ. Nếu họ nói: "Tôi đã quyết ý bố thí cho thầy, còn hỏi tôi làm chi nữa?", thì Tỳ-kheo nói: "Cũng có thể để ở đây cung cấp cho khách Tăng sẽ được nhiều công đức." Họ nói: "Không thể được! Tôi đã quyết ý rồi", thì nên nói: "Này lão trượng! Đây là vật nặng khó mà đem đi, có thể bán ở đây rồi lấy tiền đến đó mua cái khác được không?." Nếu đáp: "Tùy ý tôn giả!", thì được bán lấy tiền mang đến đó, hễ tiền giường thì mua giường, tiền nệm thì mua nệm; cũng thế, tất cả mọi thứ khác tùy nghi mà bán rồi mua. Nếu họ nói: "Tất cả đều chia", thì phải tùy theo ý thí chủ mà chia. Nếu họ nói: "Tất cả đều bố thí cho Tăng tứ phương", thì không nên chia.

Khi thí chủ mời có hai trường hợp:

Một là theo thứ lớp của Tăng.

Hai là mời riêng cá nhân.

Nếu nơi nào Tăng được các phẩm vật bố thí theo thứ tự của Tăng, thì phải nhập vào cho Tăng. Nếu họ mời riêng mà nhận được vật, thì được phép dùng riêng. Nếu giường nệm nhiều mà nồi chảo ít thì nên nói cho đàn việt biết, rồi bán bớt giường nệm mua nồi chảo; hoặc nồi chảo nhiều thì đem bán bớt để mua giường nệm, cũng như vậy. Nếu có đồ đựng bằng kim loại bị vỡ bể thì được đem nấu chảy đúc cái mới lớn hơn. Đó gọi là những vật nặng.

*

VẬT VÔ THƯỜNG (CỦA NGƯỜI CHẾT)

Khi Phật an trú tại Khoáng Dã thì tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đang ở tại Cự-ma-đế. Đến giờ khất thực, Kiều-trần-như khoác y, cầm bát vào thôn khất thực. Khi đã được thức ăn, thầy bèn đến nhà một người chăn nuôi, chồng tên là Cừ Ni, vợ tên là Thi-bà-ly để thọ trai. Bà vợ có lòng tin hoan hỷ, thường cung cấp sữa tươi, sữa chua, sữa đóng váng cho thầy. (**479a**) Khi uống xong thầy liền trở về trú xứ, rồi suy nghĩ: "Dùng cái khí cụ (cái thân) thống khổ này sống lâu ở đời để làm gì? Ta chán ngán thân này quá." Thế rồi, thầy đem y bát để tại một chỗ dưới gốc cây trong rừng, nằm gối đầu trên một hòn đá tròn hình con voi, nghiêng về hông bên phải, tâm bất loạn, nhập Vô dư Niết-bàn. Thi-bà-ly biết thời giờ thầy sắp đến, bèn dọn giường ghế, quét tước, bày biện sữa nước ra bàn chờ đợi. Thế nhưng, đã quá giờ mà không thấy đến, Thi-bà-ly suy nghĩ: "Sư phụ ngày nào cũng đến, bữa nay vì sao không đến? Hay là bị ốm chăng? Hoặc là bị ác trùng sát hại?." Đoạn, bà liền đến xem thì thấy thầy đang nằm dưới gốc cây, suy nghĩ: "Sư phụ vẫn còn đang ngủ", rồi đứng im lặng lắng nghe. Nhưng không nghe hơi thở, bà dùng tay đặt nơi trái tim thì thấy thân thể đã lạnh ngắt,

liền thầm nhủ: "Kỳ thay! Đã qua đời rồi, ta phải cúng dường xá-lợi!." Nghĩ thế, bà trở về nhà bảo chồng lấy búa chặt những cây củi tốt chất thành đóng rồi hỏa thiêu nhục thân của thầy. Thế rồi, họ đứng một bên nhìn xem, thì thấy có bốn con chim nhiều màu sắc khác thường từ bốn phương bay đến. Thân chim bỗng dưng biến thành màu trắng rồi bay đi. Lúc ấy, người chồng là Cừ Ni đứng đó tỏ vẻ đau khổ, không vui, suy nghĩ như sau: "Y bát của Tỳ-kheo này phải đem nạp cho vua vì phép vua rất khó, sợ rằng sẽ đòi những thứ khác nữa." Đoạn, ông mang y bát đi đến nhà vua, tâu:

Y bát này là của Tỳ-kheo Kiều-trần-như đã qua đời, tôi xin nạp cho đại vương!

Vua bèn định giá y bát ấy là năm tiền. Viên quan đoán sự nói:

Vị Sa-môn này đã qua đời, y bát nên đưa về cho Tỳ-kheo.

Thế là người ấy mang về bạch với Tăng:

Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đã qua đời có y bát này còn để lại.

Các Tỳ-kheo thấy thế biết là y bát của thầy, liền hỏi:

Ông có thấy điều gì khác nữa không?

Có thấy! Khi tôi hỏa thiêu, thấy bốn con chim có nhiều màu sắc khác thường...

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi Ngài:

Việc ấy là thế nào, bạch Thế Tôn!

Đó là bốn thiên ma muốn đến xem thần thức, nhưng không thấy nên họ hóa thành màu trắng mà bay đi.

Y bát này nên thuộc về ai, bạch Thế Tôn!

Đương nhiên thuộc về Tăng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác:

Trưởng lão chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát.

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo bệnh qua đời, các Tỳ-kheo tập hợp định chia y bát của thầy thì vị Tỳ-kheo nuôi bệnh liền nói:

Thầy Tỳ-kheo bệnh này lúc còn sống nói với tôi rằng: "Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho thầy y bát."

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

Đã cho chưa?

Chưa cho, bạch Thế Tôn!

Chưa cho mà đã qua đời, phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh đương nhiên không được lấy.

(**479b**) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác: "Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát", bèn cho y bát. Khi được rồi, vị ấy chưa tác tịnh mà đem để lại bên cạnh người bệnh. Thế rồi, Tỳ-kheo bệnh qua đời; đoạn các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Việc ấy phải làm thế nào, bạch Thế Tôn!

Đã tác tịnh hay chưa?

Chưa, bạch Thế Tôn!

Người kia không được nhận!

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo bệnh nói với Tỳ-kheo khác:

Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho trưởng lão y bát.

Thầy liền lấy cho. Khi được rồi, vị ấy tác tịnh, rồi đem để lại bên cạnh Tỳ-kheo bệnh, cho đến Phật hỏi:

Đã tác tịnh chưa?

Tác tịnh rồi, bạch Thế Tôn!

Người ấy đáng được nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Sa-di qua đời, các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật:

Các y bát vật dụng này thuộc về ai bạch Thế Tôn!

Thuộc về Hòa thượng.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo nuôi bệnh thốt lời oán hận như sau:

Tôi nuôi bệnh bất kể nóng lạnh, làm bao việc cực nhọc, đi tìm xin thuốc thang cho đến việc đi đổ bô đại tiểu, sự thật là như vậy thì ai đáng nhận được, chẳng lẽ chúng Tăng được sao?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Tỳ-kheo nuôi bệnh kham khổ, nên cho ba y, bát, bồn chứa và những thuốc men còn lại.

Bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bệnh được di chúc vật cho người khác không?

Được.

Được di chúc cho thuốc men không?

Được. Hoặc di chúc rằng: "Nếu không khỏi bệnh thì tôi sẽ cho, nếu bệnh qua khỏi thì không cho." Hoặc di chúc: "Tôi đi đến thôn xóm ấy, nếu đi không tới thì sẽ cho. Nếu đi đến đó tức là khỏi cho."

Hoặc di chúc: "Tôi ra đi lần này nếu mà qua đời thì sẽ cho, nếu trở về thì khỏi cho."

Hoặc di chúc dứt khoát: "Dù sống hay chết thì lòng tôi cũng đã dứt khoát cho", thì nên cho. Nếu di chúc cho nhiều người thì người sau cùng sẽ được.

Nếu cho nhiều người thì người hiện diện sẽ được.

Khi Tỳ-kheo qua đời hay nhập Niết-bàn, không nên đóng cửa liền. Nếu vị ấy có đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ trì giới, đáng tin thì nên giao ổ khóa cho họ. Nếu họ không đáng tin thì nên giao ổ khóa cho thầy tri sự, đợi đến khi cúng dường xá-lợi, lo việc ma chay xong mới đem y vật của vị ấy ra. Nếu đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ của vị ấy trì giới, đáng tin, thì nên bảo họ đem ra. Nếu họ không đáng tin thì nên bảo thầy tri sự đem ra. Nếu có một Tỳ-kheo nào đó, nói: "Y bát của tôi cũng có trong này", thì phải quan sát. Nếu người ấy trì giới (**479c**) đáng tin thì nên đưa. Nếu không đáng tin thì không nên đưa. Nếu có người đáng tin làm chứng, thì nên đưa trước rồi Tăng mới nhận sau.

Nhận lấy có ba cách: làm yết-ma rồi nhận; chia phần rồi nhận; trao đổi cho nhau mà nhận.

Làm yết-ma rồi trao: Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, những y bát và các tạp vật khác của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng hiện diện làm yết-ma chia y bát và các tạp vật của Tỳ-kheo mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, các y bát và những vật dụng khác của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nay Tăng hiện diện đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A. Các đại đức nào bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo A xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là làm Yết-ma rồi trao.

Chia phần rồi trao: Khi chia phần xong liền tuyên bố rằng:

Mỗi người hãy tự lấy phần mình.

Đó gọi là chia phần rồi trao.

Trao đổi nhau mà nhận phần: Trao đổi lẫn nhau (giữa người này và người khác), đó gọi là trao đổi nhau mà nhận phần.

Nếu có bốn Tỳ-kheo ở trong thôn mà một người qua đời, thì ba Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau:

Thưa các trưởng lão! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa Niết-bàn, có các y bát và tạp vật khác này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng nơi này không có Tăng (không đủ bốn Tỳ-kheo), chúng ta hiện diện nên chia nhau.

Nếu trú xứ có ba Tỳ-kheo mà một người qua đời thì hai Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau: "Nơi này không có Tăng, chúng ta hiện diện sẽ được."

Nếu trú xứ có hai Tỳ-kheo mà một người qua đời thì Tỳ-kheo còn lại được nhận, bằng cách tâm nghĩ, miệng nói:

Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, có y bát này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng ở đây không có Tăng, vậy tôi hiện diện được quyền nhận.

Nếu muốn cho vật dụng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh, nên điểm danh để biết số người nhiều ít. Sau khi đã biết, nên đem y bát và thuốc men còn lại của người mất cho họ. Người làm Yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, y bát của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nếu

thời gian của Tăng đã đến, Tăng đem y bát và thuốc men còn lại này cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Rồi một lần làm yết-ma cho đến: Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là mỗ giáp y bát và (**480a**) thuốc men còn lại xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Trong trường hợp nào người nuôi bệnh được nhận phần, trường hợp nào không được nhận phần?

Trường hợp không được nhận: Gồm có: Làm tạm thời không được nhận; bị sai làm không được nhận; làm vì thích phước đức không được nhận; làm vì tà mạng không được nhận.

Làm tạm thời: Làm tạm thời chứ không phải làm chính thức, đó gọi là làm tạm thời.

Bị sai làm: Tăng theo thứ tự sai làm thì gọi là sai làm.

Làm vì thích phước đức: Vì mong muốn được phước đức mà nuôi bệnh, đó gọi là thích phước đức.

Tà mạng: Vì hy vọng (được phẩm vật) mà nuôi bệnh, đó gọi là tà mạng.

Trường hợp đáng được: Phật dạy:

Vì muốn được lợi ích (cho người bệnh), ít nhất là đốt một ngọn đèn. Vì muốn cho người bệnh được bình phục thì đáng được nhận phần.

Khi làm yết-ma xong, nên phán đoán bóng mặt trời. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì phải biết là trước lúc yết-ma hay sau lúc yết-ma; hoặc gặp lúc chết mà không gặp lúc yết-ma; hoặc gặp lúc yết-ma mà không gặp lúc chết; hoặc vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc yết-ma; hoặc không gặp lúc chết, cũng không gặp lúc yết-ma.

Trong đây, gặp lúc yết-ma, không gặp lúc chết, vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc yết-ma thì được nhận phần. Trường hợp gặp lúc chết,

không gặp lúc yết-ma; vừa không gặp lúc chết, vừa không gặp lúc yết-ma thì không được nhận phần. Nhưng nếu đi tìm thuốc cho người bệnh, hoặc vì việc của tháp, của chúng Tăng mà đi vắng thì nên cho phần. Đó là cách xử lý vật của người chết.

*

YẾT-MA CÔNG NHẬN BỆNH CUỒNG SI

Khi Phật an trú tại thành vương-xá. Bấy giờ trưởng lão Kiếp Tân Na có hai người đệ tử đồng hành, người thứ nhất tên Nan-đề, người thứ hai tên Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si; khi Tăng làm yyết-ma có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp yết-ma của Tăng bị phá. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá, thì Tăng nên làm Yết-ma công nhận bệnh cuồng si. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma bệnh cuồng si. Đây là lời tác bạch.

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Tăng nay cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si. Các đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, nếu người ấy có đến hay không đến, pháp Yết-ma sẽ không bị phá. Nếu bệnh cuồng si bớt, tâm trí trở lại như cũ (**480b**) thì được coi như đã xả pháp Yết-ma. Đó gọi là Yết-ma công nhận bệnh cuồng si.

*

BÀY TỎ SỰ KHÔNG ĐỒNG TÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba đấu tranh, cãi vã nhau, cùng sống một chỗ mà bất hòa. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay Ta cho phép bày tỏ sự không đồng tình. Cách bày tỏ sự không đồng tình như sau: Nếu Tăng làm Yết-ma phi pháp mà mình có khả năng thì nên ngăn cản, nói: "Này các trưởng lão! Đó là việc phi pháp, phi luật không nên làm." Nếu người đó hung ác, có thế lực, sợ họ sát hại hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên bày tỏ sự không đồng tình, nói như sau: "Đây là Yết-ma phi pháp, tôi không bằng lòng, xin bày tỏ sự không đồng tình." Nói như vậy ba lần. Khi bày tỏ sự không đồng tình, không nên bày tỏ với đối phương mà nên bày tỏ với người đồng ý với mình. Cũng không được làm với nhiều người mà chỉ được làm chừng hai người, ba người; còn những người khác thì nên gởi dục đúng pháp rồi bỏ đi. Nếu trong Tăng giải quyết việc một cách phi pháp mà không ngăn cản, không gởi dục, không bày tỏ sự không đồng tình thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu suy nghĩ: "Tùy nghiệp vận hành, như lửa

cháy nhà, ta chỉ cứu lấy mình, gắng giữ tâm đúng với pháp", thì không có tội. Đó gọi là bày tỏ sự không đồng tình.

*

PHÁ LÒNG TIN CỦA THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trưởng giả Lộc theo thứ tự mời Tăng đến thọ trai. Ưu-ba-nan-đà tới phiên mình đi đến nhà ấy. Trưởng giả hỏi:

Thầy muốn ăn ở đây hay đem đi?

Muốn đem đi.

Gia chủ liền lấy bát của thầy bỏ đầy các thứ ẩm thực. Ưu-ba-nan-đà được thức ăn rồi, bèn đem đến nhà dâm nữ, hỏi:

Cô muốn được thức ăn không?

Muốn được.

Đem chén bát của cô lại đây.

Thế là thầy sớt đồ ăn thức uống ra la liệt đầy bàn, rồi tiếp tục đi khất thực. Khi ấy, con ông trưởng giả ăn xong, đi đến nhà dâm nữ, cô ta hỏi:

Chàng có muốn ăn không?

Lấy ra đây.

Cô ta liền đem thức ăn trên bàn đưa cho chàng ấy. Khi thấy thức ăn, chàng ta biết ngay, liền hỏi:

Cô được thức ăn này ở đâu vậy?

Chàng cứ ăn đi chứ hỏi làm gì! Các cậu thanh niên đem cho đó.

Không phải vậy! Tôi muốn biết xuất xứ đích xác.

Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành phải khai:

Sư phụ Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó.

Con ông trưởng giả bèn chê trách:

Ta nghĩ rằng chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà lại cho rằng dâm nữ là phước điền tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có Tát bạc chủ Vô Úy cúng dường cho Tăng hai tấm vải mịn. Ưu-ba-nan-đà nhận được từ trong Tăng rồi, đem cho dâm nữ. (**480c**) Dâm nữ được rồi, mặc đi vào nơi thị tứ. Khi ấy, Tát bạc chủ Vô Úy thấy thế biết ngay, liền hỏi:

Cô được loại vải này ở đâu vậy?

Vì cớ gì mà chàng hỏi? Các cậu thanh niên cho tôi đó.

Không phải vậy! Tôi muốn biết rõ xuất xứ.

Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành khai:

Tôn giả Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó.

Thế rồi, Tát bạc chủ trách móc:

Ta nghĩ rằng chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà cho dâm nữ là phước điền tốt.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ông phá hoại vật của tín thí? Từ nay Ta không cho phép phá hoại vật của tín thí. Tín, nghĩa là người ta cho với niềm tin, cho với tâm hoan hỷ. Thí, gồm có 8 loại, đó là

thức ăn đúng giờ, thuốc uống ban đêm cho đến những thứ hợp lệ và không hợp lệ. Phá, nghĩa là dùng tâm tham dục đem cho dâm nữ, quả phụ, đồng tử lớn tuổi, kẻ bất năng nam, Tỳ-kheo ni mang tiếng xấu, Sa-di-ni mang tiếng xấu, ít nhất là vì tâm tham dục mà đem cho súc sinh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người đến xin thức ăn của Tăng thì được cho chừng một vắt cơm. Nếu có nhiều người thì nên chia cho bằng nhau. Nếu kẻ ấy có lòng tham dục thì không nên cho. Nếu cha mẹ nghèo khổ không có lòng tin thì được cho ít nhiều tùy nghi. Nếu họ có lòng tin thì nên cho hào phóng. Có hai trường hợp nên cho: vì lợi ích, vì tổn hại.

Vì lợi ích: hoặc đàn việt hoặc Ưu-bà-tắc làm việc cho tháp, cho Tăng thì nên cho.

Vì tổn hại: hoặc bọn cướp, hoặc nhà vua, hoặc kẻ hung ác nếu không cho thì chúng có thể gây ra sự bất lợi, những hạng người này nên cho. Đó gọi là phá lòng tin của thí chủ.

*

PHÉP DÙNG GIÀY DA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mang giày da thếp vàng mà đi, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương giả, đại thần, người quí hiển, mang giày da thếp vàng?.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói:

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang giày da thếp vàng.

Lại nữa, vào những ngày Khánh tiết của người đời, nhóm sáu Tỳ-kheo người thì mang giày da có nhiều màu sắc, người thì mang hai lớp giày, hẹn nhau đi ngắm cảnh, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mang nhiều loại giày giống như vương giả, đại thần?

Có kẻ thấy mang như thế oán ghét, bèn nói:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hạ tiện, mang giày da hai lớp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, (**481a**) Ta không cho phép Tỳ-kheo mang giày da hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại rừng Thi-đà, thành Vương-xá, lúc ấy, thân Thế Tôn có chút ít bất hòa, đồng tử Kỳ Cựu liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Con nghe nói thân Thế Tôn bất hòa, nên uống thuốc tiêu hạ. Tuy Thế Tôn không cần, nhưng vì chúng sinh, mong Thế Tôn hãy nhận món thuốc này để cho chúng sinh đời sau thấy rõ nguyên lý: Người bệnh thì dùng thuốc, người bố thí thì được phước báo.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Kỳ Cựu lại suy nghĩ: "Không thể để Thế Tôn uống thuốc như người thường, phải dùng thuốc ướp với hoa sen xanh rồi trao cho Thế Tôn." Đoạn, Thế Tôn ngửi hơi thuốc ba lần. Vì sức thuốc mạnh khiến Thế Tôn đi đại tiện đến 18 lần, do thế, sắc diện kém vui. Bấy giờ, A-nan nói với tôn giả Đại Mục-liên:

Thế Tôn uống thuốc, không biết nơi nào có thức ăn hợp với bệnh của Ngài?

Khi ấy, Mục-liên liền quan sát, thấy con của Nhị-thập-ức-thứ-nô ở nước Chiêm Ba, hằng ngày nấu 500 món ăn, liền dùng thần lực đi đến đứng trước anh ta. Con của Nhị Thập Ức thấy tôn giả Mục-liên uy nghi thần đức, trong lòng thán phục, hứng khởi, cho rằng chưa từng có. Lúc ấy, Mục-liên bèn đọc kệ:

Đấng Thiên Tôn kỳ diệu,
Tích lũy muôn công đức
Thân có chút bất hòa,
Cần thức ăn hợp bệnh.
Nay ông được lợi ích,
Sẽ gặt quả báo lớn.
Các đệ tử Thanh văn.
So với đức Thế Tôn
Ví như hạt cải mòng
Sánh với núi Tu di.

Bấy giờ, con ông trưởng giả nghe đọc kệ xong lòng đại hoan hỷ, tán thán: "Lành thay! Nay được lợi ích này", bèn sửa soạn các món ăn thượng hạng, rồi mời Mục-liên ở lại thọ trai. Khi ấy, Mục-liên suy nghĩ: "Ta vì đức Thế Tôn xin thức ăn hợp với bệnh, vậy không nên ăn trước", liền nhận lấy thức ăn để trên hư không, rồi mới ăn phần mình. Khi ấy, đồng tử Nhị Thập Ức nói với tôn giả Mục-liên:

Tôi muốn biết Thế Tôn ăn trước rồi tôi mới ăn sau, làm sao biết được?

Mục-liên nói:

Bát đựng thức ăn trong chốc lát sẽ trở lại, là ta biết đã ăn rồi.

Thế là, chỉ trong nháy mắt, Mục-liên đã đến chỗ Thế Tôn, dâng thức ăn lên Thế Tôn. Thế Tôn ăn xong thì cái bát nương theo hư không trở về chỗ cũ. Lúc ấy, đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô từ xa trông thấy cái bát bay về, liền đứng dậy nghênh đón, lấy đội lên đầu.

Bấy giờ, vua Bình Sa đến thăm viếng Thế Tôn, nghe mùi thức ăn, bèn hỏi:

Bạch Thế Tôn! Đó là mùi thơm gì vậy?

Mùi thức ăn đấy! Đại vương có muốn ăn (**481b**) thức ăn còn lại của Như Lai không?

Muốn ăn, bạch Thế Tôn! Tôi sẽ được lợi ích rất lớn khi ăn thức ăn còn lại của đức Như Lai.

Đoạn, nhà vua ăn xong, liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Từ ngày tôi sinh ra trong hoàng gia đến giờ chưa từng được thức ăn như thế này. Bạch Thế Tôn! Đây là thức ăn của cõi trời, của rồng, của Uất đơn việt hay thức ăn của quỉ thần?

Đây không phải là thức ăn của cõi trời, cho đến không phải của quỉ thần.

Thế rồi, Thế Tôn vì nhà vua nói về dưới chân của đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô có lông màu vàng, dài bốn tấc, phước đức như vậy. Vua nghe xong, muốn đến đó xem liền nhưng viên quan cận thần tâu với vua:

Kẻ đó là thần dân của đại vương, đại vương nên truyền lệnh y đến hầu, chứ không nên thân hành đến đó.

Tức thì vua sai sứ đến nói với cha mẹ của đồng tử rằng nhà vua muốn gặp đồng tử. Cha mẹ bàn bạc:

Vua cho gọi thế này ắt là muốn tìm cách phạt tiền chúng ta đây. Chúng ta thà nạp ngàn vạn bạc chứ không nên cho con đến nhà vua.

Liền dùng xe chở vàng bạc châu báu đến chỗ nhà vua, tâu vua rằng:

Đồng tử yếu đuối không thể tự đến được, nay xin chở những trân bảo của đồng tử đến hiến dâng cho đại vương.

Nhà vua liền nói:

Ta có sẵn vàng bạc, châu báu, đâu có cần những thứ này để làm gì. Ta chỉ muốn xem thân hình của đồng tử mà thôi.

Vua liền sai sứ giả đến đó truyền lệnh rồi sứ giả trở về tâu với vua:

Đồng tử sống rất sung sướng, thân thể quá mềm yếu, không thể đi xe cộ được.

Nếu vậy, thì hãy trang bị thuyền rồi chở đến. Nếu tới chỗ nào thuyền đi không thông thì hãy đào đất thành kênh, dùng hạt cải bỏ xuống cho trơn để kéo qua.

Thế rồi, quân lính kéo thuyền đến sơn khẩu rồi rời thuyền lên bờ. Đồng tử vì quá mềm yếu phải dùng vải nệm trải trên đất để đi lên trên. Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi trên đất, đồng tử dỡ bỏ vải nệm, dẫm trên đất mà đi tới. Thế Tôn thấy vậy mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì cớ gì mà Thế Tôn mỉm cười?

Các ông có thấy đồng tử này không?

Dạ thấy, bạch Thế Tôn!

Đồng tử này từ 91 kiếp trở lại đây, chân chưa từng dẫm lên đất, nay vì thấy Như Lai, sinh tâm cung kính (nên mới đi trên đất), chứ chẳng phải do hết phước đức.

Đồng tử đi đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên. Phật liền tùy thuận thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Rồi Phật bảo đồng tử:

Nếu nhà vua đến đây thì ông hãy xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra.

Khi vua tiến vào, đồng tử liền xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra. Lúc ấy, quân hầu của vua rút gươm ra định bước tới, vua bèn khiển trách y. Đồng tử thấy vậy lòng sinh hoảng sợ, liền tâu với vua:

Xin đại vương cho phép tôi xuất gia!

Ngươi muốn xuất gia theo đạo nào?

Muốn xuất gia theo đạo Phật.

Vua liền sai sứ đến nói với cha mẹ cho đồng tử xuất gia. Sau khi được cha mẹ cho phép, (**481c**) đồng tử liền xin Phật xuất gia thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Đồng tử này có nhân duyên gì mà 91 kiếp chân không dính đất?

Trong thời quá khứ cách nay 91 kiếp có đức Phật tên Tỳ-bát– thi Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri ra đời. Lúc ấy có 90 người con trưởng giả mời Phật và 80.000 Tỳ-kheo Tăng an cư trong ba tháng, mỗi người cúng dường mỗi ngày. Vị này là người cúng dường sau cùng. Ông dùng lụa trắng trải trên đất cúng dường cho chúng Tăng, vì vậy mà hưởng được phước báo sinh trong cõi trời người trải qua 91 kiếp chân chưa từng dẫm trên đất. Con ông trưởng giả khi ấy, bây giờ chính là đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô vậy.

Đồng tử sau khi xuất gia, đi kinh hành trong rừng Thi-đà không biết mỏi mệt, bàn chân bị thương tích, máu chảy xuống đất. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Ai đi kinh hành chỗ này mà máu chảy ra như vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ đi kinh hành của đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô.

Này các Tỳ-kheo! Giả sử đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô này đi kinh hành khiến cho núi Tu di nát vụn như bụi bặm cũng không thể đắc đạo, huống gì bị thương tổn lớp da.

Khi đồng tử Nhị-thập-ức-thứ-nô nghe Phật nói như vậy, thầy liền đi đến một nơi thanh vắng, ngồi kiết già, suy nghĩ: "Người tinh tấn không lười biếng trong hàng Thanh văn đệ tử Phật không ai hơn ta, vậy mà Thế Tôn nói là không thể đắc đạo, chi bằng ta xả giới trở về nhà làm các công đức cúng dường Phật và Tỳ-kheo

Tăng." Phật biết được tâm niệm của thầy liền dùng thần túc đi trên hư không đến ngồi trước mặt thầy, nói:

Này Tỳ-kheo! Nay ta hỏi ông, tùy ý mà đáp: Trước đây ông có biết đánh đàn không?

Biết đánh, bạch Thế Tôn!

Khi dây đàn thẳng quá thì âm thanh có trong trẻo không?

Không trong trẻo, bạch Thế Tôn!

Khi dây đàn chùn quá thì âm thanh có réo rắt không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Khi dây đàn không thẳng quá, không chùn quá thì âm thanh có du dương không?

Rất du dương, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Tinh tấn thái quá thì tâm sinh căng thẳng, còn sống lè phè thì tâm sinh dã dượi, không gấp gáp, không lè phè, tâm chuyên chú một chỗ sẽ soi tỏ mọi thứ, như trong *kinh Tăng nhất* đã nói rõ. Này Tỳ-kheo! Ông đã có niềm tin, bỏ hai mươi ức của cải mà xuất gia, vì sao sống trong chánh pháp còn khởi tâm tăng thượng mạn để tự chuốc khổ não? Này Tỳ-kheo! Nhân vì ông, Ta cho phép các Tỳ-kheo được mang giày da.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã cho phép các Tỳ-kheo mang giày da, nay con dần dần tập đi rồi sẽ mang giày da.

Từ nay về sau, Ta cho phép (**482a**) Tỳ-kheo được mang giày da một lớp.

Khi ấy, A-nan Bân-để-tỉ nghe Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo mang giày da một lớp liền đem 500 đôi giày da đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

Kính xin Thế Tôn nhận những đôi giày da này.

Phật liền đọc kệ chú nguyện cho ông:

Ai bố thí giày da
Cho phạm hạnh thanh tịnh,
Thân, khẩu, ý, ly ác
Được hưởng lạc nhân thiên.
Với phước báo đất vàng,
Trang hoàng các cung điện.
Được như ý thần túc,
Thanh tịnh không chướng ngại.
Thí ít được lợi nhiều,
Vì đó là phước điền.
Bậc trí nguyện trong sạch,
Sẽ được quả phúc tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy các đôi giày da bỏ ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo! Đây là những giày dép gì mà bỏ ngổn ngang như vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là những giày dép bị rách, nhưng vì sợ may chồng hai lớp nên không dám vá lại.

Ta cho phép được vá lại.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo ở phương Nam, đến lễ bái Thế Tôn, trên đường đi giày bị hỏng khiến chân thầy bị chợt da, phải lê gót mà đi, đến đảnh lễ Phật. Tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Tại sao ông phải lê gót mà đi?

Bạch Thế Tôn! Con mang giày da một lớp đến giữa đường giày bị hỏng mà không dám mang giày hai lớp nên chân bị lở.

Từ nay, Ta cho phép làm giày da Ni-mục-ha, khi mang Phước-la không được bọc phía trước mà nên bọc phía sau. Phép làm giày da không được dùng sừng dê đen, sừng dê trắng, thếp vàng, nạm châu ngọc lưu ly, thủy tinh, mã não và các loại giày có màu sắc rực rỡ Ta không cho phép mang. Nếu được đôi giày da hai lớp còn mới thì không được phép mang, nên bảo tịnh nhân mang đi ít nhất năm, sáu bước rồi mới mang. Nếu được mà mang liền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng giày da.

*

PHÉP DÙNG GUỐC

Khi Phật an trú trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu nơi thành Vương-xá, Ngài giảng *kinh Sa-môn quả* cho vua A-xà-thế nghe suốt đêm. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà ngồi nghe lâu mệt mỏi bèn trở về phòng nghỉ, đến cuối đêm thức dậy, mang guốc mà đi, vì tiếng guốc kêu lốc cốc khiến voi ngựa nghe được kinh hoảng kêu lên. Vua A-xà-thế nghe vậy hoảng sợ liền trở về thành. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. (**482b**) Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang guốc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Thiên Đế Thích, rồi một Tỳ-kheo khác mang guốc đi kinh hành ở trước hang, khiến cho

Tỳ-kheo ngồi thiền nghe tiếng guốc tâm không định được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép mang các loại guốc như: guốc vàng, guốc bạc, guốc ngọc, guốc răng, guốc gỗ, guốc da guốc đuôi ngựa, guốc gai, guốc khâm bà la, guốc có gù, guốc cỏ cứng, guốc vỏ cây; tất cả các loại guốc tương tự như thế đều không cho phép dùng. Nếu ai xỏ chân vào guốc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu muốn rửa chân nên sắp ngang guốc ra rồi dẫm lên trên thì không phạm tội. Khi Tỳ-kheo mang guốc da thì phải lót ở dưới một lớp đế. Nếu ai không lót ở dưới một lớp đế thì phạm tội Tỳ-ni tâm hối. Nếu ai mang guốc mà không có đế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng guốc.

*

PHÉP TẮM RỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến sông A-chi-la để tắm, họ dùng đá cọ để kỳ lưng, bị người đời chê trách rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử dùng đá cọ kỳ lưng giống như vương gia, bọn lực sĩ thi đấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Thế Tôn dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng đá cọ để kỳ lưng. Loại đá cọ này hoặc dùng đá, dùng gạch, dùng gỗ để làm; các loại tương tự như thế đều không được dùng để kỳ lưng. Nếu trong nước có cây trụ cũng không được đến cà lưng. Lúc tắm nên nhờ một người khác kỳ cọ. Khi kỳ không được dơ cả hai tay lên một lúc, mà nên dùng một tay che, rồi tuần tự kỳ cọ. Không được đứng tắm như

người thế tục mà nên ngồi tắm, đồng thời theo thứ lớp rửa bàn tay đến cánh tay. Nếu thân thể có cáu bẩn, không được cầm cú để kỳ mà nên mở bàn tay ra kỳ. Nếu ai dùng đá cọ để kỳ cọ tắm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép tắm rửa.

*

PHÉP DÙNG MẠT HƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đem theo các loại mạt hương đến đầu sông A-chi-la để tắm. Lúc ấy, có đệ tử của ngoại đạo thấy thế, suy nghĩ: "Bọn chúng ta hãy cùng nhau đến quấy nhiễu Ưu-bà-tắc đệ tử của Sa-môn." Nghĩ thế rồi liền đi tới đó, hỏi như sau:

Thầy của ai ít muốn, biết đủ?

Ưu-bà-tắc nói:

Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.

Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.

(**482c**) Thầy của ngươi không tàm, không quí, uống rượu như lừa. Thầy của tôi mới là ít muốn, biết đủ, có tàm quí.

Tôi muốn đánh cá với ông 500 đồng tiền cũ đấy.

Được thôi.

Thế rồi, họ cùng nhau bàn bạc nên dùng thứ gì để thí nghiệm, và đã nhất trí dùng mạt hương để thí nghiệm, nhưng nên đến thầy của ai trước thì đệ tử ngoại đạo nói:

Hãy đến chỗ thầy tôi trước!

Đoạn, ông sai người đến dặn trước thầy mình:

Khi con đem mạt hương đến, thầy hãy hiện tướng ít muốn, biết đủ, cẩn thận đừng nhận.

Thế rồi, trong chốc lát họ bèn mang mạt hương đến thưa:

Mong các thầy thương xót nhận lấy mạt hương này!

Tôi là người xuất gia chẳng phải vương giả, đại thần, dùng loại mạt hương này để làm gì?

Vì vị ấy không nhận, họ bèn mang đến Tinh xá Kỳ hoàn, thưa như sau:

Xin các thầy thương xót chúng tôi nhận lấy mạt hương này!

Do Ưu-bà-tắc chất phác không nói trước nên các Tỳ-kheo bèn đánh kiền chùy, tập hợp Tăng định chia mạt hương. Những người không đến thì có đệ tử nhận phần thế, nói:

Đưa phần Hòa thượng, A-xà-lê tôi cho tôi.

Họ lớn tiếng tranh nhau đòi như vậy om sòm. Đệ tử của ngoại đạo thấy thế vỗ tay cười lớn:

Tôi hơn ông rồi! Hôm nay tôi đã thắng cuộc.

Khi ấy, Ưu-bà-tắc xấu hổ không nói nên lời, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Phật.

Bạch Thế Tôn! Con không tiếc tiền, nhưng ngoại đạo thắng cuộc, nên con hổ thẹn.

Phật liền thuyết pháp dạy bảo điều lợi ích khiến tâm ông hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi từ giã. Bấy giờ, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên cho các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

Này các Tỳ-kheo! Từ nay Ta không cho phép dùng mạt hương.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh ghẻ nhọt, nếu có mạt hương dùng tắm rửa thì sẽ lành bệnh, nhưng Thế Tôn chế giới không cho dùng mạt hương, nên con phải chịu khổ sở.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được dùng mạt hương. Mạt hương gồm các loại: mạt thi, mạt mã nhĩ, mạt bảy màu, mạt chiên đàn, mạt câu đa, mạt Am-bạt-la, mạt diêm phù thi lợi, mạt a thuần, mạt già tỉ la, đại loại các thứ như thế đều không được dùng. Nhưng nếu Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt, cần mạt hương thoa, rửa cho lành bệnh thì được dùng không có tội. Đồng thời cho phép dùng mạt-hương-ca-la (**483a**) mạt-ma-sa, mạt-ma-sấu-la, mạt sa để, bùn đất. Đó gọi là phép dùng mạt hương.

*

PHÉP DÙNG GẬY VÀ TÚI BẰNG DÂY

Khi Phật an trú tại thành vương-xá, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo là Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà dùng cái túi bằng dây châu báu để đựng bát, rồi lấy dây đen buộc túi vào gậy, quảy trên vai mà đi, bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần dùng cái túi bằng dây báu đựng bát rồi quảy trên vai mà đi?

Có kẻ ác ý còn chêm vào:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bọn hạ tiện bị người ta sai khiến, dùng dây đen buộc túi đựng bát vào gậy rồi quảy đi? Đây là hạng người hạ tiện nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng gậy và túi bằng dây.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, tuy biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Tay con mọc mụt nhọt cho nên bát bị vỡ mà Thế Tôn lại chế giới không cho dùng gậy và túi bằng dây, vì thế mà không vui.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được theo Tăng xin chứa gậy và túi bằng dây, Tăng nên làm Yết-ma cho phép. Người xin nên trật vai áo bên phải, quì gối, chắp tay nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là mỗ giáp vì tay bị mụt nhọt nên bát bị vỡ. Nay theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây. Nguyện xin Tăng cho tôi pháp Yết-ma (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Thế rồi, người làm Yết-ma nên nói:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo mỗ giáp vì tay có mụt nhọt nên bát bị vỡ, đã theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Đây là lời tác bạch. (Thế rồi bạch nhất Yết-ma cho đến) Tăng đã cho Tỳ-kheo mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, muốn đi đâu thì tay cầm gậy và túi dây, chứ không được đặt trên vai mà vác đi. Nếu cầm gậy thì phạm tội

Việt-tỳ-ni tâm hối, cầm túi dây cũng phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu cầm gậy, túi dây và bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đi đường thì được cột đãy lọc nước vào đầu gậy rồi cầm trên tay mà đi, nhưng không được đặt trên vai. Nếu không làm Yết-ma mà cầm gậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; và cầm túi da cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cầm gậy và túi da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép cầm gậy và túi da.

(**483b**) Kệ tóm tắt:

Vật nặng, y người chết,
Cuồng si, không đồng tình.
Phá tín thí, giày da,
Guốc gỗ, kỳ cọ thân.
Mạt hương, gậy túi da,
Kết thúc phần thứ bảy.

*

PHÉP DÙNG TỎI

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, cư sĩ Di Kỳ mời Tăng ăn tỏi. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi đến vườn, ăn tỏi, rồi bỏ lổn ngổn trên đất, lại còn mang về Tinh xá. Lúc ấy, cư sĩ đi tuần tra vườn tỏi, thấy thế liền hỏi người giữ vườn:

Vì sao như vậy?

Người giữ vườn bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên. Cư sĩ nói:

Tỳ-kheo chỉ nên ăn thôi, vì sao lại vứt bỏ đầy đất thế này? Lại còn mang đi cho ai vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng, thì có một Tỳ-kheo ăn tỏi nên ngồi ở cuối gió, vì sợ mùi hôi tỏa đến các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Đó là Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như kẻ gây gổ vậy?

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo này ăn tỏi, sợ mùi hôi xông đến các vị phạm hạnh nên phải ngồi ở chỗ cuối gió.

Này các Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo này không ăn tỏi thì có bị mất lợi ích của pháp vị cam lồ như vậy không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tỳ-kheo này vì ăn tỏi mà bị mất pháp vị bất tử như vậy đó. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Ni-câu-luật của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, cứ năm hôm đức Như Lai đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh hoàng đãng gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, sống an ổn không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh không được điều hòa, lúc còn ở đời con ăn tỏi thì khỏi bệnh, nhưng nay Thế Tôn chế định không được ăn tỏi, do đó con không được an lạc.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn tỏi, nên tùy thuận thi hành. Tỏi gồm có loại người ta trồng, có loại mọc trên núi, đại loại các thứ như thế và tất cả những thứ khác, hoặc sống, hoặc chín, hoặc lá, hoặc vỏ đều không được ăn. Nếu bị ung thư hay mụt nhọt thì được dùng tỏi để đắp. Khi đắp tỏi thì không được ở giữa chúng mà nên ở chỗ vắng vẻ. Khi đã khỏi bệnh thì phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng Tăng. Nếu khi có bệnh mà thầy thuốc bảo: "Thưa trưởng lão! Bệnh này phải uống tỏi mới bớt, nếu

không uống thì không bớt", mà không còn phương pháp nào khác để chữa trị, thì Ta cho phép uống. Khi uống tỏi (**483c**) phải thi hành bảy ngày pháp tùy thuận như sau: Ở trong một căn phòng nhỏ; Không được nằm trên giường nệm của chúng Tăng; Không được đi đại tiểu tiện nơi phòng vệ sinh của Tăng; Không được rửa chân ở chỗ Tăng rửa chân; Không được vào nhà sưởi, giảng đường và nhà ăn; Không được đi dự hội theo thứ tự do Tăng sai; Không được đi vào chỗ Tăng đang ăn và phòng thiền; Không được vào trong chỗ Tăng đang thuyết pháp, Bố-tát; chỗ nào Tỳ-kheo đang hội hợp thì nhất thiết không được đến; không nên nhiễu tháp, nếu tháp ở chỗ trống trải thì được lễ bái từ xa ở dưới gió. Sau bảy ngày hành pháp tùy thuận, đến ngày thứ tám phải tắm rửa, giặt y phục, xông hương, rồi mới được vào trong Tăng. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn tỏi hay có bệnh mà ăn tỏi nhưng không hành pháp tùy thuận thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng tỏi.

*

PHÉP PHÚ BÁT (TẨY CHAY)

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, Ưu-bà-tắc Pháp Dự ở trong thành này thường mời Tăng theo thứ lớp thọ trai. Khi Tỳ-kheo tới nhà, ông cật vấn nghĩa lý, ai giải thích được thì ông rất hoan hỷ, tự tay dọn các thức ăn. Ai không đáp được thì ông hủy nhục, sai nô tì dọn thức ăn thô sơ. Vì thế theo thứ lớp đến phiên Thượng Tọa đi thì không đi, liền bảo: "Mời tiếp những người dưới", cho đến những người trẻ tuổi cũng đều không muốn đi. Do vậy mà lời qua tiếng lại om sòm. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Vì sao mà có lời qua tiếng lại om sòm như vậy?

Bạch Thế Tôn! Ưu-bà-tắc Pháp Dự thường mời chư Tăng thọ trai theo thứ lớp. Thế rồi, người phải đi thì không đi, vì vậy mà có lời qua tiếng lại om sòm.

Này các Tỳ-kheo! Ưu-bà-tắc Pháp Dự khinh mạn các Tỳ-kheo, Tăng nên làm Yết-ma phú bát (tẩy chay). Nếu Ưu-bà-tắc có 8 việc sau đây, thì Tăng nên làm Yết-ma phú bát, đó là:

1. Phỉ báng Tỳ-kheo ngay trước mặt.
2. Khiển trách Tỳ-kheo ngay trước mặt, nói như sau: "Ông là kẻ ác hạnh."
3. Nổi giận mắng chửi Tỳ-kheo ngay trước mặt.
4. Cắt đứt lợi dưỡng của Tỳ-kheo.
5. Không thích làm việc chung với Tỳ-kheo.
6. Chửi Phật,
7. Chửi Pháp
8. Chửi Tăng.

Đó gọi là tám việc Tăng nên làm Yết-ma phú bát. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp Dự này khinh mạn các Tỳ-kheo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự – khinh mạn các Tỳ-kheo – pháp Yết-ma phú bát. Đây là lời tác bạch.

(Thế rồi bạch tám Yết-ma cho đến)

Tăng đã cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự – khinh mạn các Tỳ-kheo – pháp Yết-ma phú bát xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, nói về Ưu-bà-tắc Pháp Dự, vốn thường cúng dường trai phạn cho chư Tăng rồi mới ăn. Nhưng hôm ấy, đợi Tỳ-kheo đã quá giờ mà không thấy đến, ông liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

(**484a**) Bạch Thế Tôn! Vì cớ gì mà các Tỳ-kheo không đến thọ trai?

Vì ông khinh mạn các Tỳ-kheo, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm Yết-ma phú bát đối với ông.

Khi ấy, có một vị La Hán đang ở cách Phật không xa. Phật liền bảo Ưu-bà-tắc:

Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia như sau: "Thế nào là muối? Muối có mấy thứ".

Ông liền đi đến, chào:

Kính chào thầy!

Tỳ-kheo đáp:

Lành thay cư sĩ.

Thế rồi ông hỏi:

Thưa tôn giả! Thế nào gọi là muối? Muối có mấy loại?

Tôi đã biết ông là Ưu-bà-tắc Pháp Dự, vốn khinh mạn các Tỳ-kheo, nên Tăng đã cho ông pháp Yết-ma phú bát, chưa đủ rồi sao? Tôi đang ở đây an lạc ông lại đến đây não loạn tôi. Muối chính là muối (còn hỏi gì nữa?)

Nghe Tỳ-kheo trả lời như thế, lòng ông cảm thấy chán nản, liền đi đến chỗ Phật. Phật biết mà vẫn hỏi:

Ông hỏi về nghĩa lý của muối có được toại ý không?

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy ít biết, chưa từng theo thầy để học, con hỏi muối thì đáp là muối.

Lúc ấy, cách Phật không xa, có một Tỳ-kheo pháp sư tên Phất Hi Lô, Phật liền bảo Pháp Dự:

Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia về nghĩa của muối xem sao!

Thế là ông đến đó, chào:

Kính chào thầy!

Lành thay đàn việt đến đây.

Đoạn, thầy mời ông ngồi. Tuy chưa hỏi nghĩa nhưng nghe thầy mời ngồi, ông đã thấy rất hoan hỷ, liền đến ghế ngồi, rồi hỏi:

Thưa tôn giả! Muối có ý nghĩ gì?

Đó là câu hỏi rất hay. Nay tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của muối cho ông rõ. Muối có hai phương diện: Vị và Tánh. Vị tức là như nước biển cùng một vị mặn. Tánh thì gồm có: muối đen, muối đỏ, muối tân đầu, muối vị bạt già, muối tì lãm, muối ca già, muối tư đa, muối tỉ ca. Nói tóm lược thì có hai loại, hoặc sống, hoặc được nấu chín; đó gọi là muối.

Nghe xong, lòng vui mừng khấp khởi, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy giải thích rất thấu đáo, phân biệt rành mạch, nói nghĩa lý của muối rộng hẹp, ngược xuôi đều thông thạo.

Đó là kẻ phàm phu, chưa hưởng được pháp vị trong giáo pháp của Ta; còn vị Tỳ-kheo trước là A-la-hán, nhưng vì ông kiêu mạn nên không biết được chân ngụy, sẽ mãi mãi làm những việc vô ích.

Pháp Dự nghe Phật nói như thế tâm sinh hoảng sợ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối, kính mong Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo từ nay về sau, trở lại nhận sự cúng dường của con như trước.

Ông hãy trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi cùng với quyến thuộc đi đến giữa chúng Tăng xin Tăng xả pháp Yết-ma phú bát, Tăng sẽ xả cho ông.

Vâng lời Phật dạy, Pháp Dự trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi đi đến giữa Tăng quì gối, chắp tay, nói như sau:

*Xin đại đức Tăng (**484b**) ghi nhớ cho! Con là Ưu-bà-tắc Pháp Dự, khinh mạn Tỳ-kheo Tăng; vì muốn cho con được lợi ích, Tăng đã làm pháp Yết-ma phú bát. Nay con đã thấy lỗi, tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến. Kính mong Tăng thương xót xả pháp Yết-ma phú bát cho con. (xin như vậy ba lần).*

Thế rồi, Tăng nên đem Pháp Dự đến đứng ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe trong phạm vi cương giới, rồi Tăng hiện tiền làm Yết-ma đối với vị đồ chúng không hiện tiền. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp Dự này khinh mạn Tỳ-kheo Tăng, vì muốn cho ông ta được lợi ích, trước đây Tăng đã làm Yết-ma phú bát. Ngày nay ông đã thấy lỗi, tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu nhuyến, theo Tăng xin xả pháp Yết-ma phú bát. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi bạch tam Yết-ma cho đến:

Tăng đã xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp Dự xong, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu Tăng đã làm Yết-ma phú bát rồi thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được phép đến đó. Đồng thời phải đem áo ca sa máng trên cửa họ, rồi tuyên bố trong xóm rằng:

Nhà mỗ giáp này đã làm Yết-ma phú bát.

Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì nên nói:

Gia đình mỗ kia đã được làm Yết-ma phú bát, không nên đến đó.

Khi làm Yết-ma phú bát không nên làm hấp tấp. Nếu họ nói: "Sa-môn không đến nhà ta thì càng tốt", thì đối với hạng người ấy

không nên làm. Nếu họ biết hổ thẹn thì nên làm. Sau đó, nếu họ tự thấy lỗi tỏ ra tùy thuận, tâm nhu nhuyến thì nên xả pháp Yết ma.

Đó gọi là cách thức phú bát.

*

PHÉP KẾT KHUY VÀO Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo khất thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng có cơn gió lốc thổi đến khiến y thầy bị bay đi; rồi thầy mặc nội y vào Tinh xá Kỳ hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y ông đâu rồi?

Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

Từ nay về sau phải kết khuy để buộc y.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm khuy. Phật dạy:

Tất cả vàng bạc châu báu đều không được dùng làm khuy, mà nên dùng đồng, sắt, thiếc hoặc gỗ, tre, rồi dùng chỉ kết khuy vào để buộc. Ta không cho phép Tỳ-kheo không mặc y có khuy mà vào thôn xóm. Nếu không có vật gì để làm, thì nên dùng kim khâu lại. Nếu cũng không có kim thì ít nhất dùng tay để nắm. Nếu y không có khuy mà mặc vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Cũng vậy, nếu mặc đi vào các nhà thì vào mỗi nhà phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu có mà không buộc (**484c**) thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Trường hợp không phạm: nếu đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo ni, Tinh xá của ngoại đạo, hoặc đàn việt tuyên bố: "Tùy nghi sao cho tốt thì thôi", thì không có tội.

Đó gọi là phép kết khuy vào y.

*

PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo khất thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng một cơn gió thổi làm rơi y nội, thế là thầy mặc thượng y đi vào Tinh xá Kỳ hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Y an đà hội của ông đâu rồi?

Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

Từ nay về sau nên buộc đai lưng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo làm đai lưng bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy, hoặc làm đai rỗng bên trong. Phật dạy:

Làm đai bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy đều không được phép dùng. Còn đai lưng rỗng bên trong thì nên khâu ở giữa, hoặc ken chặt, hoặc làm tròn đều được buộc. Khi buộc, không được buộc bốn vòng hay một vòng mà nên buộc hai vòng cho đến ba vòng. Nếu thân thể Tỳ-kheo mềm yếu, buộc không chịu nổi thì nên cầm đi, khi đến đầu thôn nên lấy ra buộc để đi vào thôn, và lúc trở ra thì lại tháo ra. Nếu không buộc đai lưng mà đi vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có mà không buộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu buộc một vòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu buộc hai vòng, ba vòng thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng đai lưng.

*

PHÉP DÙNG ĐAI CÓ DÂY CỘT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo cầm cái đai không buộc chặt ở đầu, đi vào giữa phố thị, cái đai xổ ra thầy bèn kéo lê trên đất mà đi, bị người đời mỉa mai rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử lại kéo lê khúc ruột mà đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau ở đầu cái đai nên làm dây cột.

Thế rồi, có Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm dây buộc đai. Phật dạy:

Tất cả bảo vật không nên dùng làm dây buộc đai. Ở đầu đai nên cột hai hay ba lần, không được cột một hay bốn lần. Nếu tất cả đai không làm dây cột thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng đai có dây cột.

*

PHÉP CƯỠI NGỰA, ĐI XE

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhằm dịp lễ hội, nhân dân đổ ra đi xem; nhóm sáu Tỳ-kheo hoặc cưỡi voi, cưỡi ngựa, có người cưỡi lừa đi xem, bị người đời chê rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương gia, đại thần, cưỡi voi, cưỡi ngựa mà đi?

Có người thấy họ cưỡi lừa, bèn móc méo:

Sa-môn Thích tử này giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cưỡi lừa mà đi.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

Từ nay về sau Ta không cho phép cưỡi lừa, cưỡi ngựa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cựu nơi thành Vương-xá; vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Phật

thấy một Tỳ-kheo bị bệnh (**485a**) hoàng đãng, gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Bệnh ông tăng hay giảm, hơi thở có điều hòa không?

Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh khổ sở, hơi thở không điều hòa.

Ông không thể đi đến nhà y sĩ Kỳ Cựu để khám bệnh sao?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép ngồi xe, ngựa, mà bệnh của con đau đớn nên không thể đi bộ.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ngồi xe, ngựa. Được cưỡi các loại như: cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi lừa, cưỡi lạc đà, cưỡi trâu, ngồi thuyền, ngồi xe, ngồi kiệu. Tất cả các loại như thế nếu không có bệnh thì không được ngồi, còn có bệnh thì được ngồi. Nhưng không cho phép cưỡi súc vật cái, mà nên cưỡi súc vật đực. Nếu bệnh nặng không phân biệt được, thì cưỡi không có tội. Nếu có nhân duyên đi xuôi ngược dòng nước hay đi ngang qua sông, nên suy nghĩ: "Ta có duyên sự cần thiết", thì lúc ấy được cưỡi đi qua sông. Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà ngồi xe, cưỡi ngựa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

PHÉP NẰM CHUNG GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ hai người, ba người nằm chung một giường khiến giường nệm bị hư hỏng, bỏ lăn lóc dưới đất. Vì năm việc lợi ích nên đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bị hư bỏ trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Giường hư này của ai mà bỏ ngổn ngang trên đất vậy?

Các Tỳ-kheo bèn trình bày đầy đủ lại sự việc kể trên. Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngủ chung giường.

Vấn đề giường nệm như trên đã nói, một người nên nằm ngủ một giường. Nếu giường ngồi thì hai người được kê ba giường sát nhau mà ngủ, nhưng khi ngay chân ra không được để đầu gối lòi ra ngoài. Nếu nệm ngang thì cho phép ba người cùng nằm ngang mà ngủ. Nếu nệm vuông thì hai người được lót ba nệm nằm chung mà ngủ, nhưng khi duỗi chân ra, đầu gối không lọt ra ngoài. Nếu lót cỏ ở dưới thì mỗi người được trải ngọa cụ ra để ngồi, nằm không phạm. Nếu trời lạnh thì được trùm kín ở trên, ở dưới, nhưng không được nằm quá gần nhau mà phải để cách ở giữa chừng một khuỷu tay, cũng không được nằm duỗi tay ra. Người lớn nhỏ cách nhau ba tuổi hạ được ngồi cùng giường mà không được nằm ngủ cùng giường. Nếu nằm ngủ cùng giường thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép nằm ngồi cùng giường.

*

PHÉP CÙNG NGỒI CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ ba người, bốn người cùng ngồi chung một giường, khiến giường ghế bị gãy nát. Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy giường bị hư hỏng nằm ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Giường bị gãy này của ai mà bỏ ngổn ngang trên đất như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên cho Thế Tôn. Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngồi chung một giường.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn hỏi Ưu-ba-ly:

Các Tỳ-kheo có tụng Luật hay không?

Có, nhưng ít người tụng, bạch Thế Tôn!

(**485b**) Vì sao ít người tụng?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cùng ngồi chung giường, các Tỳ-kheo mỗi người ngồi một giường, vì thế nên ít người tham dự tụng Luật.

Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ được ngồi chung một giường. Tỳ-kheo không có tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo ba tuổi hạ. Cũng vậy, cho đến Tỳ-kheo bảy tuổi hạ được ngồi với Tỳ-kheo mười tuổi hạ. Nếu giường nằm thì được phép ngồi ba người. Nếu giường ngồi thì được phép ngồi hai người. Nếu giường dài một khuỷu rưỡi tay thì hai người cách nhau ba tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì nên nhường cho Thượng tọa. Nếu giường nằm dài hơn ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì không được ngồi chung. Nếu ngày đại hội nhiều người tụ họp mà giường ghế ít thì được kê sát các giường vào nhau rồi buộc lại. Khi buộc phải buộc cho chắc, đừng để giường nệm lung lay thì được ngồi chung. Nếu tấm nệm dài ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được ngồi chung. Nếu cách xa hơn thì không được ngồi chung. Nếu rải cỏ trên đất rồi cùng ngồi (thì không cần phân biệt tuổi tác) không có tội. Đó gọi là phép cùng ngồi chung.

*

Hết quyển thứ ba mươi mốt

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 32

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

PHÉP ĂN CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng ăn chung bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi ăn chung giống như những kẻ dâm dật ở thế gian?

Cho đến Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ăn chung. Cùng ăn chung nghĩa là cùng ăn một bát. Còn thức ăn thì có năm món ăn chính và năm món ăn linh tinh nên đựng riêng ra mà ăn. Nếu không có bát thì nên dùng tô, chén để đựng. Nếu cũng không có tô, chén thì nên vò cơm thành viên bỏ trong bàn tay trái, dùng tay phải bốc ăn. Nếu cũng không thể được thì nên đặt bát trên cỏ, lá, rồi cùng bốc ăn. (**485c**) Không được dùng tay bốc ăn chung năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp. Nhưng nếu là bột, bánh, rau, trái thì cùng ăn chung không có tội. Nếu cùng ăn chung trong một bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó là phép cùng ăn chung.

PHÉP ĂN TRÊN BÀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy bàn ăn trong phòng của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà được vẽ nhiều màu sắc, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Cái bàn ăn này của ai mà được vẽ nhiều màu sắc thế này?

Bạch Thế Tôn! Đó là bàn ăn của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trên bàn ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có được điều hòa, an lạc không?

Bạch Thế Tôn! Con bị mụt nhọt ở tay khiến bát bị vỡ mà Thế Tôn chế giới không cho ăn trên bàn nên không được an vui.

Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn trên bàn nhưng không cho phép vẽ trên bàn nhiều màu sắc.

Nếu bàn ăn của Tăng vẽ nhiều màu sắc thì không có tội.

Nếu là bàn riêng thì chỉ nên dùng một màu. Tỳ-kheo bệnh ăn trên bàn, trước hết nên đứng chú tâm tưởng niệm rồi ăn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh thì hoàn toàn không cho ăn trên bàn.

Nếu vì già bệnh, hoặc mụt nhọt trên tay ra máu, hoặc bát nặng, hoặc đầy, hoặc nóng, hoặc lạnh thì được ăn trên bàn không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn trên bàn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép ăn trên bàn.

Kệ tóm tắt:

Ăn tỏi và phú bát
Kết khuy cùng đai lưng

Ngồi xe, ngựa, ngồi chung
Ngồi cùng giường, ăn chung,
Bàn ăn nhiều màu sắc
Kết thúc phần thứ tám.

*

VÌ MÌNH MÀ NGƯỜI TA GIẾT SÚC VẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi du hành phương xa rồi trở về thành Xá-vệ. Đến giờ khất thực, họ khoác y, cầm bát đi vào một nhà đàn việt quen biết cũ tên là A-bạt-tra. Đàn việt thấy thầy liền chào:

Chào sư phụ! Vì sao mà đã lâu lắm không thấy sư phụ đến?

Này lão trượng! Đã lâu ngày tôi mới đến, vậy ông định đãi tôi món ngon vật lạ gì đây?

Ngày mai con sẽ cúng dường trai phạn cho thầy!

Ông đừng có cúng thức ăn của bọn thợ dệt.

Thức ăn của thợ dệt là thứ gì?

Tức là cơm hẩm, canh đậu đó!

Con không cúng cơm hẩm, canh đậu cho thầy đâu, mà sẽ cúng cơm thịt.

Ông đừng có cúng cho tôi thịt nguội.

Con sẽ không cúng thịt nguội cho thầy, (**486a**) mà sẽ nấu nóng rồi mới cúng.

Tôi nói thịt nóng không phải kiểu nóng như vậy.

Vậy thì nóng như thế nào?

Nghĩa là thịt của con vật vừa mới chết.

Nếu thầy muốn như vậy thì ngày mai hãy đến sớm, con sẽ giết con vật trước mặt thầy rồi mới nấu nóng.

Vâng.

Sáng sớm hôm sau, họ khoác y, cầm bát đi đến nhà ấy, đàn việt bèn đem dê, heo, gà ra để la liệt trước mặt Tỳ-kheo, rồi giết thịt cúng dường. Khi ăn xong họ ra về, đàn việt chê trách:

Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện chỉ trích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, vậy mà vị Sa-môn này bảo người ta giết ngay trước mắt thì có khác gì mình tự giết!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác (cho đến Phật nói). Vì sao các ông bảo người ta sát sinh ngay trước mặt? Từ nay về sau, Ta không cho phép thí chủ vì mình mà sát sinh. Vì mình mà sát sinh tức là vì Tỳ-kheo mà giết súc vật. Nếu thí chủ vì Tỳ-kheo mà giết súc vật thì tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được ăn. Cũng vậy, nếu họ vì Ưu-bà-di mà giết hại thì tất cả Tỳ-kheo không được ăn cho đến Ưu-bà-di cũng không được ăn. Vì người khác mà giết có ba trường hợp: thấy, nghe và nghi. Thấy, nghĩa là chính mắt mình thấy họ giết vì mình thì không được ăn. Đó gọi là thấy. Nghe, nghĩa là chính tai mình nghe, hoặc nghe từ người khác rằng họ giết vì mình thì không được ăn. Nếu người thuật lại là kẻ không đáng tin, chỉ vì muốn nhiễu loạn Tỳ-kheo thì không nên nghe họ nói mà nên nghe người đáng tin để xác định chắc chắn. Đó gọi là nghe. Nghi, nghĩa là Tỳ-kheo đến nhà đàn việt thường thấy con dê, sau đó đến thì thấy đầu, chân dê trên đất; thấy vậy tâm sinh

nghi nên hỏi: "Con dê trước thấy ở đây bây giờ đâu rồi?" Nếu họ nói: "Tôi đã vì thầy mà làm thịt rồi", thì không nên ăn. Nếu họ nói: "Thưa tôn giả! Vì tôi giết để tế trời rồi ăn thịt mà ăn không hết nên cúng cho thầy", thì được ăn. Đó gọi là nghi.

Cũng thế, tất cả mọi sinh vật hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi cũng đều như vậy.

Đó gọi là vì mình mà người ta giết súc vật.

*

THỊT NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc tên Tủy-ty, bà vợ cũng tên Tủy-ty, lại có một Tỳ-kheo khách cũng tên Tủy-ty. Ưu-bà-tắc nghe thế liền suy nghĩ: "Sư phụ cùng tên với ta, ta hãy đến mời thầy thọ trai", bèn đi đến Tinh xá mời về nhà, sửa soạn các thức ẩm thực cúng dường. Đoạn, ông cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối chắp tay bạch rằng:

Kính xin tôn giả nhận (**486b**) bốn sự cúng dường của con, là: y phục, ẩm thực, sàng tọa và thuốc chữa bệnh.

Tỳ-kheo nhận lời mời. Thế rồi, ông chồng phải theo khách buôn đi xa, bèn dặn dò bà vợ:

Tôi đi xa, bà ở nhà phải lo cúng dường sư phụ chu đáo, chớ để thiếu thốn.

Sau khi ông đi rồi, vị Tỳ-kheo thấy trong người không điều hòa, muốn uống thuốc xổ, liền nói với Ưu-bà-di:

Tôi muốn uống thuốc xổ, bà có thể tùy thời theo thứ tự lo giúp thức ăn được không?

Dạ thưa được.

Sau khi thầy uống thuốc xổ, theo thứ tự bà cho dùng những thức ăn phù hợp với bệnh như cháo lỏng, cháo đặc rồi đến thịt. Bà lấy một số tiền đưa đứa tớ gái bảo:

Ngươi cầm số tiền này đi mua thịt đem về.

Đứa tớ gái bèn đi ra chợ, nhưng hôm đó nhằm ngày ăn chay không có ai mổ thịt nên không mua được, phải về tay không. Lúc ấy, Ưu-bà-di lòng không vui, suy nghĩ: "Sư phụ uống thuốc, nếu không có thức ăn hợp với bệnh, sợ e bệnh nặng thêm." Nghĩ thế, bà lấy hạt cải đem nghiền, rồi tẩm với dầu, đoạn đi vào phòng, dùng dao bén cắt thịt bắp vế đưa cho nữ tì, bảo:

Ngươi dùng dầu hạt cải rửa sạch miếng thịt này, rồi nấu chín đem đến cho thầy, hỏi thầy ngày mai cần thức ăn gì nữa?

Đứa nữ tì theo lời dạy, nấu thịt chín đưa đến, rồi hỏi thầy:

Ngày mai thầy cần ăn món gì?

Thôi đừng đem đến nữa.

Khi ấy, Ưu-bà-di bị vết thương đau đớn nên nằm nghỉ. Người chồng đi buôn trở về (không thấy bà vợ ra đón) liền nghĩ: "Thường khi ta đi xa về, bà vợ ra tận cửa thứ hai, thứ ba nghênh đón, hôm nay vì sao không thấy ra đón." Đoạn, ông vào phòng, thấy bà vợ đang nằm trên giường liền nổi giận mắng:

Vì sao ngươi khinh ta không ra đón tiếp?

Ông đi lần này có công đức gì mà muốn tôi phải ra nghênh đón?

Ta đi chuyến này được cả trăm nghìn vạn bạc.

Đó là thứ tài sản bên ngoài có gì là ghê gớm đâu! Còn tôi thì đã tự cắt thịt mình để cung cấp cho sư phụ.

Bà cắt ở chỗ nào vậy?

Bà vợ liền vén y phục lên chỉ cho xem. Ông chồng thấy thế ngất xỉu, nằm sóng soải trên đất. Lúc ấy, quỉ thần thấy vậy liền báo với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghe thế bèn nhập từ tam muội dùng định lực truyền cảm khiến bà vợ bình phục lại như trước. Đoạn, bà nói với chồng:

Đứng dậy! Đứng dậy! Đừng sợ, nhờ uy thần của sư phụ mà vết thương của tôi đã bình phục rồi.

Người chồng đứng dậy thấy vết thương của vợ đã bình phục, lòng rất hoan hỷ, liền đi đến nơi thị tứ, nói như sau:

Bà vợ tôi tinh tấn bằng cách cắt thịt trên mình để cúng dường.

Mọi người nghe thế, liền chê trách:

Vì sao Sa-môn Thích tử ăn thịt người?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn! Vì con không nhập định (nên không biết).

Từ nay về sau, Ta không cho phép (**486c**) ăn thịt người.

Lại nữa, khi Phật trú tại vườn Lộc Dã Tiên Nhân ở Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo mắc bệnh vàng da. Lương y nói với thầy:

Nếu tôn giả uống máu người thì có thể khỏi bệnh. Nếu không uống thì sẽ chết, không còn có phương kế nào khác.

Lúc ấy, có một người phạm vương pháp, bị bắt trói ngoặt hai tay ra sau lưng, mình khoác vòng hoa Ca tì la, lính đánh trống tuyên đọc án lệnh, dẫn đến pháp trường. Tỳ-kheo đến chỗ tên đao phủ nói:

Này tráng sĩ! Cho tôi uống máu của người này nhé!

Tên đao phủ nói:

Nếu thầy muốn ăn thịt tôi cũng cho huống gì là máu!

Y liền đặt tội nhân ngồi dưới đất, lấy dao cắt mạch máu hai bên yết hầu cho máu chảy ra. Tỳ-kheo bèn dùng hai tay bụm lấy máu mà uống, bị người đời chê trách rằng:

Đây không phải là Tỳ-kheo mà là quỉ uống máu người.

Thế rồi, họ dùng gạch, đá, đất cục ném Tỳ-kheo đó đến què chân, khi ấy mới thoát được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác, yêu quí mạng sống của mình đến như vậy sao? Từ nay về sau Ta không cho phép uống máu người, cho đến tủy người; tất cả đều không được uống. Nếu Tỳ-kheo mọc mụt nhọt trên đầu mà thầy thuốc bảo phải mài xương người thoa mới lành thì được thoa. Nhưng khi đã thoa thì không được ở trong chúng mà nên ở trong một căn phòng nhỏ bên cạnh; đến khi khỏi bệnh phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, có một giống người chuyên ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng. Vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều. Khi ấy có một Long nữ đến đứng trước giường của Thế Tôn, khóc lóc. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Vì sao mà ngươi khóc?

Bạch Thế Tôn! Có người ở Tỳ-xá-ly này ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng, vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều, kính xin Thế Tôn đừng cho các Tỳ-kheo ăn thịt rồng.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy, khiến Long nữ hoan hỷ rồi cáo lui. Đoạn, Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-

kheo, trải tọa cụ ra ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật chế định:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt rồng, máu rồng, xương rồng, gân rồng, tủy rồng, nói chung tất cả đều không cho ăn. Nhưng nếu có các bệnh ngoài da cần xương rồng thì được dùng xương rồng mài thành bột để thoa, không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, con voi của vua Bình Sa chết, có những bọn chiên đà la ti tiện đem ăn thịt, trong các Tỳ-kheo, có người cũng ăn. Bấy giờ, đồng tử Kỳ Cựu đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Con voi của vua Bình Sa chết (**487a**) có những kẻ Chiên đà la ti tiện đem ăn thịt, các Tỳ-kheo có người cũng ăn mà Tỳ-kheo là người xuất gia được người ta kính trọng, vậy xin Thế Tôn đừng cho họ ăn thịt voi.

Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy khiến đồng tử được lợi ích, hoan hỷ liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật mà cáo lui. Khi ấy, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho ăn thịt voi cho đến tủy voi cũng không cho ăn. Nhưng dùng ngà voi, xương voi làm vật để kiền bát, làm khuy y thì không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy con ngựa của vua Bình Sa chết, cũng như trường hợp con voi đã nói ở trên. Nếu ở ngoài da có bệnh ghẻ nhọt cần máu ngựa để bôi thì dùng để bôi không có tội. Nhưng khi đã bôi thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ ở bên cạnh phòng Tăng.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vì các Tỳ-kheo ăn thịt chó nên khi vào xóm làng bị các con chó chạy theo sủa vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt chó, tủy chó cũng đều không cho ăn. Nhưng nếu bị chó cắn cần đốt lông chó bôi vào vết thương thì được dùng, không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt quạ. Lúc thầy vào xóm làng khất thực, hoặc khi đi kinh hành trong rừng thì bầy quạ bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt quạ cũng như tủy quạ.v.v... đều không cho phép ăn. Nhưng nếu cần lông cánh dùng để trị bệnh ngoài da thì được dùng không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt diều hâu. Lúc thầy đi kinh hành trong rừng bị bầy diều hâu bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt diều hâu, cũng như tủy diều hâu đều không được ăn. Nếu cần lông cánh trị bệnh ngoài da thì được phép dùng không có tội.

Tóm lại, các loại thực phẩm kể sau không được ăn:

1. Thịt người.
2. Thịt rồng.
3. Thịt voi.
4. Thịt ngựa.
5. Thịt chó.
6. Thịt quạ.
7. Thịt diều hâu.
8. Thịt heo.
9. Thịt khỉ.

10. Thịt sư tử và tỏi gồm các loại sống, chín, vỏ, lá tất cả đều không được ăn.

Nếu cần dùng tỏi để bôi vết thương ở ngoài da thì được dùng. Nhưng khi đã bôi thì không được vào trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ bên cạnh phòng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Đó gọi là phép dùng thịt, tỏi.

*

PHÉP DÙNG DA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến nhà (**487b**) một người chăn trâu, ngồi trên giường. Bỗng có con trâu nghé mới sinh thấy màu y của Tỳ-kheo giống mẹ nó, nó liền chạy đến bên thầy. Tỳ-kheo dùng tay xoa trên đầu, vuốt nhè nhẹ nói như sau:

Da con này mềm mại, đẹp đẽ, có thể làm tọa cụ được.

Lúc ấy, người chăn trâu suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này vốn là chỗ quen biết của vua, đại thần quí hiển, có thế lực lớn đang muốn được tấm da con này", liền hỏi:

Thầy đang cần da sao? Tôi sẽ cho.

Hãy cho tôi tấm da con trâu nghé này đây.

Trong nhà tôi có tấm da khô của con trâu nghé cũng mềm mại, đẹp đẽ, tôi sẽ chải chuốt thẳng thớm rồi cho thầy.

Nếu ông muốn cho thì hãy cho tôi tấm da con này chứ tôi không cần cái khác.

Lúc ấy, người chăn trâu liền suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này có thế lực lớn, có thể gây ra điều bất lợi cho ta." Vì sợ tai họa, ông ta liền giết con nghé trước mặt Tỳ-kheo, rồi lột da cho thầy. Lúc con trâu mẹ

đi ăn trở về không thấy con mình, đi quanh các bờ rào kêu vang. Người chăn trâu liền oán trách:

Sa-môn Thích tử mà không có lòng từ. Nếu Sa-môn ở vào hoàn cảnh con trâu mẹ thì tâm ý sẽ như thế nào?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Vì sao các ông bảo người ta giết sinh vật ngay trước mắt mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng da. Da gồm có các loại: da bò, da trâu, da cọp, da báo, da gấu, da nai; đại loại tất cả các loại da như vậy đều không được dùng để ngồi, chỉ cho phép dùng da dê ở biên địa thứ nô mà thôi. Da dê có hai loại: một là dê đen, hai là dê lang. Và dê đen, dê lang mỗi loại được chia làm mười thứ như trên kia đã nói. Nếu ngồi trên da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên nệm bông đặt trên da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da từ đầu gối trở lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhưng nếu từ đầu gối trở xuống thì không có tội. Hoặc dùng da làm giường ngồi lên trên thì không có tội (đó gọi là phép dùng da).

*

VẬT LAU CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sắm các vật để lau chân, đệ tử ngoại đạo thấy thế suy nghĩ: "Chúng ta hãy cùng nhau quấy nhiễu kẻ Ưu-bà-tắc kia" như trong vấn đề mạt vụn ở trên đã nói rõ cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng các vật để làm đồ lau chân. Đồ lau chân hoặc vuông, hoặc tròn, nếu khắc trên chớp có hình hạt đậu ma sa, đậu môn cụ thì tất cả đều không cho dùng. Nếu dưới chân bị dơ bẩn thì được phép dùng cỏ vo tròn lại, (**487c**) hoặc dùng gạch, ngói để chùi. Đó gọi là vật dùng để lau chân.

*

THUỐC BÔI MẮT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, trai gái ra khỏi thành đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng màu xanh da trời và màu đen trang điểm đôi mắt nên bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những đồng tử quí hiển, dùng màu xanh da trời trang điểm đôi mắt?

Có người thấy trang điểm màu đen thì nói:

Sa-môn Thích tử giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, dùng màu đen bôi lên mắt mà đi. Đây là hạng người bại hoại nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép trang điểm mắt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cựu. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị đau mắt, đồng tử Kỳ Cựu nói:

Tôn giả có thể dùng loại thuốc này để bôi mắt.

Đức Thế Tôn chế giới không cho phép bôi mắt.

Tôi sẽ đến xin Thế Tôn cho phép việc này.

Thế rồi, ông đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo là những người ăn mỗi ngày một bữa, mắt là bộ phận trọng yếu của con người, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo bôi thuốc vào mắt.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng thuốc bôi mắt, chỉ trừ thuốc màu xanh da trời. Nhưng nếu thầy thuốc nói: "Thưa tôn giả! Bệnh đau mắt này nếu được thuốc có màu xanh da trời bôi vào thì mới lành, ngoài ra không có phương kế nào khác." nếu như vậy thì được bôi. Khi đã bôi thuốc thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ cạnh phòng chúng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Đó gọi là thuốc bôi mắt.

*

LỌ ĐỰNG THUỐC NHỎ MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo dùng lá cây đựng thuốc nhỏ mắt, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

Đó là thuốc nhỏ mắt, bạch Thế Tôn!

Thuốc nhỏ mắt là vật quí nên dùng lọ mà đựng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm lọ đựng thuốc. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả các vật báu làm lọ, mà nên dùng đồng, sắt, thiết, tre, lau, lông, cánh chim, ít nhất là làm bao da để đựng.

Đó gọi là lọ đựng thuốc nhỏ mắt.

*

QUE BÔI THUỐC VÀO MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo dùng tre làm que bôi thuốc vào mắt, Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là cái que để bôi thuốc vào mắt.

Đôi mắt là bộ phận mềm mại, nên dùng vật trơn để làm que.

Thế rồi, Tỳ-kheo dùng vàng bạc để làm. Phật dạy:

Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả những bảo vật để làm, mà nên dùng đồng sắt, răng, xương, chiên đàn, gỗ cứng để làm, rồi bào chuốt cho trơn tru, ít nhất là dùng đầu ngón tay để bôi thuốc. Đó gọi là que bôi thuốc vào mắt.

*

PHÉP DÙNG Ô DÙ

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội của người đời, trai gái đi dự lễ, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm dù ô nhiều (**488a**) màu sắc, có người còn cầm ô dù bằng vỏ cây, bị người đời chê bai rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử, đại thần cầm ô dù với nhiều màu sắc?

Có kẻ thấy họ cầm dù bằng lá cây thì nói:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cầm ô dù bằng lá cây mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng ô dù.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trưởng lão A-na-luật, Kim Tỳ La an cư tại núi Tháp vừa xong, trở về thành Xá-vệ, lễ bái Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Vì sao trên y bị muối đóng bẩn như vậy?

Vì Thế Tôn chế giới không cho phép đội dù, con đi khất thực bị mắc mưa nên mới ra nông nổi này.

Từ nay về sau, Ta cho phép đội dù. Các loại dù như dù bằng vỏ cây, dù bằng lá cây, dù tre, đại loại các thứ như thế đều cho phép dùng. Nhưng không cho phép dùng loại dù có nhiều màu sắc.

Đó gọi là phép dùng ô dù.

*

PHÉP DÙNG QUẠT

Vào ngày lễ hội của người đời, trai gái đi du ngoạn đông đảo, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu, có vị cầm quạt nan bị người đời chê cười rằng:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử đại thần cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu?

Có người thấy họ cầm quạt bằng nan liền phê bình:

Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện cầm quạt nan. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm quạt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì bị muỗi quấy rối trong phòng thiền, các Tỳ-kheo dùng y để quạt phát ra tiếng kêu. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Các ông làm gì mà phát ra tiếng kêu giống như voi vẫy tai vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho dùng quạt, các Tỳ-kheo bị muỗi cắn phải dùng y quạt muỗi nên phát ra tiếng kêu như vậy.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng quạt tre, quạt sậy, quạt lá cây, chỉ trừ quạt vân mẫu và quạt được vẽ nhiều màu sắc. Nhưng nếu quạt của Tăng thì vẽ nhiều màu sắc không có tội. Còn quạt riêng cá nhân thì phải hoại sắc. Nếu có người dùng hương thơm bôi trên quạt rồi đem đến cúng dường thì được phép chùi sạch rồi sử dụng.

Đó gọi là phép dùng quạt.

*

PHÉP DÙNG PHẤT TRẦN

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, nam nữ đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm phất trần bằng lông đuôi trâu trắng có cán nạm vàng bạc, bị người đời chê cười, cho đến Phật dạy:

Từ nay về sau, ta không cho phép cầm phất trần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, (**488b**) vì trong phòng thiền bị muỗi quấy rầy nên các Tỳ-kheo dùng phất trần bằng lá cây đập muỗi kêu ra tiếng. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Đó là tiếng gì vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cầm phất trần nên các Tỳ-kheo dùng phất trần bằng lá cây đuổi muỗi mà phát ra tiếng.

Từ nay về sau, Ta cho phép dùng phất trần. Phất trần gồm các loại: Phất trần bằng chỉ sợi, bằng vải tua, bằng cỏ rối, bằng vỏ cây. Trong đây chỉ trừ phất trần bằng đuôi trâu trắng, đuôi ngựa trắng có cán nạm vàng bạc, ngoài ra tất cả đều cho phép dùng. Nếu có màu trắng nên nhuộm cho hoại sắc thì được dùng. Khi cầm phất trần không được làm ra dáng ẻo lả như kiểu dâm nữ cầm phất trần.

Đó gọi là phép dùng phất trần.

Kệ tóm tắt:

Giết cho mình, ăn thịt người,
Thuốc nhỏ mắt, lọ và que,
Da trâu cùng đồ lau chân,
Dùng ô dù và phất trần.
Phẩm thứ chín đến đây hết.

*

PHÉP DÙNG DAO CHỮA TRỊ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo mắc bệnh trĩ, nói với thầy thuốc:

Này lão trượng! Ông có thể dùng dao chữa trị bệnh cho tôi được không?

Thưa được.

Thế rồi, y sĩ liền suy nghĩ: "Các Sa-môn này thông minh trí tuệ nếu họ thấy ta chữa bệnh thì sẽ học lóm, rồi không cần ta nữa."

Đoạn ông ta bảo các Tỳ-kheo đi hết, rồi ông định làm điều phi pháp, thì vị Tỳ-kheo này sinh nghi, liền gọi các Tỳ-kheo:

Các trưởng lão hãy đến, vị y sĩ này muốn làm điều phi pháp.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đi vào. Y sĩ khi ấy hoảng sợ bèn bỏ dao mà chạy. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Tỳ-kheo! Vì sao ông để cho y sĩ dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng. Chỗ hệ trọng là nơi cách xung quanh hậu môn bốn lóng tay. Nếu bị bệnh ung thư, sảy càng thì Ta cho phép nhai gạo tiểu mạch trộn với phân gà đắp lên trên mụt để cho nung mủ, rồi nhờ bạn cùng Hòa thượng, A-xà-lê chích lể ra. Nếu các nơi khác bị bệnh ung thư, sảy càng cần dùng dao chữa trị thì được phép dùng. Nếu ai dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng thì phạm tội Thâu lan.

Đó gọi là dùng dao trị bệnh.

*

TÚI CHỨA NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo bệnh đau đầu bèn hỏi y sĩ:

Này lão trượng! Ông có thể rót nước chữa bệnh cho tôi được không?

Có thể được.

Thế rồi, ông suy nghĩ: "Các Sa-môn Thích tử này thông minh, trí tuệ, nếu thấy ta rưới nước chữa bệnh thì về sau sẽ không gọi ta

nữa." Cho đến ông bỏ túi đựng nước mà chạy. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. (**488c**) Thế rồi, Phật khiển trách:

Vì sao ông dùng túi rót nước trị bệnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng túi chứa nước. Túi gồm có các loại: túi da bò, túi da trâu, túi da dê. Tất cả các loại túi da như thế đều không được dùng để chứa nước. Nếu y sĩ nói: "Bệnh này cần dầu để tẩm", thì nên lấy gỗ khoét đựng dầu vào dùng vải quấn lại đem đặt trong nhà tắm, ngồi lên trên, miệng ngậm mía. Hoặc dùng vải bông xếp lại rồi tẩm dầu vào, đặt trên một vật gì để chừa lỗ trống cho dầu nhỏ xuống chỗ bị đau thì không có tội. Nếu dùng túi da đựng nước thì phạm tội Thâu lan.

Đó gọi là túi chứa nước.

*

PHÉP CẠO TÓC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một khách buôn ở ấp Đại Lâm thuộc một nước ở phương Nam lùa đàn trâu 8 con đến nước Câu Đa ở phương Bắc. Lại có một khách buôn khác cùng ông ta thả trâu ăn chung trong chằm. Lúc ấy, người Li xa bắt rồng ăn thịt, bắt được một Long nữ. Hôm ấy, Long nữ thọ Bố-tát, không có tâm sát hại nên cứ để mặc người kia xỏ mũi dắt đi. Người khách buôn thấy hình dung Long nữ đoan chính khởi lòng từ, bèn hỏi đồng tử Li-xa:

Ông dắt con rồng này đi đâu, định làm gì đấy?

Tôi định giết để ăn thịt.

Đừng giết, tôi sẽ đưa ông một con trâu đổi lấy con rồng này để thả đi.

Thế nhưng đồng tử Li-xa không chịu, cuối cùng người kia chịu đổi tám con trâu, Li-xa mới nói:

Con rồng này thịt rất ngon, nay vì ông mà tôi phải thả nó.

Đoạn, y nhận lấy tám con trâu, thả Long nữ đi. Bỗng chốc, khách buôn suy nghĩ: "Kẻ này là người ác, e rằng y sẽ đuổi theo Long nữ để bắt lại." Nghĩ thế, ông đi theo người ấy đến bên ao. Bấy giờ, Long nữ biến thành người, nói với khách buôn:

Ngài đã cứu mạng tôi, tôi muốn báo ân, ngài hãy xuống long cung, tôi sẽ đền ân ngài.

Không thể được! Loài rồng của các ngươi tâm tính hung bạo, giận dữ bất thường, biết đâu lại giết hại ta!

Không có chuyện đó! Kẻ kia cột tôi, tôi dư sức giết y nhưng vì tôi thọ Bố-tát nên không có tâm giết hại, huống gì nay ngài đã cho tôi mạng sống mà tôi lại hại ngài sao? Nếu ngài không đi thì hãy dừng lại đây chốc lát để tôi vào trước trong cung tấu trình.

Thế rồi, Long nữ đi vào cung. Lúc ấy, trông thấy hai con rồng bị cột tại một chỗ trước long môn, người khách buôn liền hỏi chúng:

Các ngươi vì việc gì mà bị trói?

Long nữ này trong nửa tháng thọ chay lạt ba ngày, anh em chúng tôi giữ gìn nó không cẩn thận khiến nó bị đồng tử Li xa bắt được, vì thế mà chúng tôi bị trói. Mong ngài từ mẫn hãy nói giúp để họ thả chúng tôi. Ở long cung có loại thức ăn, ăn vào đến lúc chết mới tiêu hóa, có loại ăn vào hai mươi năm sau mới tiêu hóa, có loại bảy năm mới tiêu hóa và có loại thức ăn của cõi Diêm-phù-đề. Nếu Long nữ hỏi ngài muốn ăn loại thức ăn nào thì nên đòi thức ăn của loài người cõi Diêm-phù-đề.

(**489a**) Long nữ vào tấu trình xong, bèn gọi khách buôn vào ngồi trên giường nệm châu báu, rồi thưa:

Nay ngài muốn ăn thức ăn gì? Muốn ăn một lần đến lúc chết mới tiêu hóa.

Muốn ăn thức ăn của loài người ở cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ dọn lên các thức ẩm thực. Khách buôn liền hỏi Long nữ:

Hai con rồng kia vì sao mà bị trói?

Ngài chỉ nên ăn thôi, chứ hỏi làm gì?

Không phải vậy, tôi muốn biết điều đó!

Ông cứ hỏi mãi, Long nữ đành phải nói:

Kẻ này có lỗi, tôi muốn giết hắn.

Ngươi đừng giết.

Không thể được! Phải giết đi thôi.

Ngươi thả hắn ra thì ta mới ăn.

Không thể thả ngay được mà phải phạt hắn bằng cách đày lên cõi người sáu tháng.

Thế là Long nữ phạt hắn lên nhân gian sáu tháng. Khách buôn thấy Long cung có nhiều bảo vật được dùng để trang hoàng cung điện, liền hỏi long nữ:

Ngươi đã được những thứ trang nghiêm quí báu như vậy, còn thọ Bố-tát làm chi nữa?

Cái kiếp rồng của tôi có năm sự khổ, đó là: Lúc sinh ra hiện thân rồng; lúc ngủ hiện thân rồng; lúc hành dâm hiện thân rồng; lúc giận dữ hiện thân rồng; lúc chết hiện thân rồng. Trong một ngày trải qua ba lần da thịt bị dính vào cát nóng thiêu thân.

Thế thì ngươi muốn cầu điều chi?

Tôi muốn cầu được sinh làm người. Vì sao vậy? Vì trong loài súc sinh đau khổ, không có chánh pháp.

Ta đã được thân người, vậy nên cầu điều gì?

Xuất gia rất khó được (vậy nên cầu xuất gia).

Nên theo ai xuất gia?

Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri hiện nay đang ở tại thành Xá-vệ, những kẻ chưa độ thì Ngài cứu độ, những kẻ chưa giải thoát thì Ngài làm cho giải thoát, ông nên đến đó xuất gia.

Ta muốn trở về.

Long nữ liền cho ông tám bánh vàng rồi bảo:

Đây là vàng của rồng đủ cho cha mẹ, bà con ông dùng suốt đời không hết. Giờ ông hãy nhắm mắt lại.

Thế rồi, Long nữ dùng sức thần biến đưa ông trở lại cố quốc. Người bạn đồng hành của ông trước đây đã đến báo tin cho gia đình ông biết là ông đã xuống Long cung. Do thế, cha mẹ ông tưởng con mình đã chết cho nên quyến thuộc tôn thân tụ họp nhau một chỗ khóc lóc tiếc thương. Lúc ấy, người chăn trâu và những người đốn củi thấy ông trở về, liền vội vàng đến báo tin cho gia đình ông:

Mỗ giáp đã trở về rồi.

Người nhà nghe thế vô cùng hân hoan, liền ra đón tiếp đưa ông về nhà. Khi về nhà rồi, gia đình mở hội ăn mừng việc ông được sống lại. Thế rồi, ông lấy 8 bánh vàng tặng cho cha mẹ, nói:

Đây là vàng của rồng, cắt rồi liền nguyên lại, dùng suốt đời cũng không hết, xin cha mẹ cho phép con xuất gia.

Nhưng cha mẹ không cho. Ông liền đi đến Tinh xá Kỳ hoàn, Tỳ-kheo bèn độ cho xuất gia. Cha mẹ sau đó đi đến cửa Tinh xá hỏi các Tỳ-kheo:

Các vị có biết mỗ giáp đâu không?

Tất cả đều đáp:

Không thấy, không nghe.

Nhưng có một Tỳ-kheo nói:

(**489b**) Ông chỉ cần đứng nơi cửa này, nếu có thì trong chốc lát y sẽ ra vào!

Nghe lời chỉ dẫn, người ấy đứng đợi một lát liền thấy con mình đi ra, bèn chê trách:

Sa-môn Thích tử nói dối, thấy mà nói không thấy, nghe mà nói không nghe.

Người con khuyên cha mẹ:

Đừng làm những việc không lợi ích. Con xuất gia ở đây ai cũng đều biết cả.

Thế rồi, cha mẹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi sang một bên. Phật liền thuyết pháp dạy bảo khiến họ được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Đoạn, họ nói với con:

Chúng ta đều là những người được sống lại. Nay con xuất gia được lợi ích rất lớn.

Các Tỳ-kheo nghe những lời chê trách của họ vừa rồi đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo đã độ người xuất gia đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông không bạch với chúng mà độ người xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép không bạch với chúng Tăng mà độ người xuất gia. Cần phải bạch khi cho xuất gia và khi cạo đầu. Bạch nghĩa là bạch với tất cả chúng Tăng, ít nhất là bạch với 8 thượng tọa. Và Thượng Tọa nên bảo làm cho đúng pháp. Nếu bạch cạo đầu mà không bạch xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai đều có bạch thì không có tội. Nếu không bạch xuất gia cũng không bạch cạo đầu thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ra ngoài cương giới độ người thì không có tội. Đó gọi là cạo đầu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, thành Vương-xá, đức Như Lai độ người ở mọi nơi, nào là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, trưởng giả, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau, các ông cũng nên độ người xuất gia, thọ Cụ túc.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cũng bắt chước đức Như Lai gọi "Thiện lai" khi độ người xuất gia nhưng râu tóc vẫn còn nguyên vẹn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Đâu có phải tất cả đều được kim khẩu vô úy như Như Lai, (hễ khi gọi Thiện lai thì) râu tóc tự rụng. Từ nay về sau, phải cạo tóc.

Thế rồi, khi cạo tóc, các Tỳ-kheo cạo tóc mà không cạo râu, hoặc cạo râu mà không cạo tóc. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

Phải cạo tất cả, khi cạo, trước nên cạo râu, sau cạo tóc. Nếu người được cạo khó tính thì cạo tóc trước không có tội. Đối với người mới xuất gia không nên nói với họ rằng xuất gia sướng mà nên bảo rằng xuất gia khổ, nào là: ăn ngày một bữa, ở mỗi chỗ một đêm, ngủ một giấc, ăn ít, uống ít, ngủ ít, thức nhiều. Này lão trượng! Ông có làm được không? Nếu họ đáp: "Được", thì mới cạo tóc. Nếu đã là Tỳ-kheo thì cạo tóc trước, cạo râu sau không có tội.

Đó gọi là cạo tóc.

*

DỤNG CỤ CẠO TÓC

Khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn, (**489c**) lúc ấy có hai cha con ông già mang dụng cụ theo xin xuất gia, cho đến Phật dạy:

Vì sao người cạo tóc mang dụng cụ theo mà ông độ họ xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mang dụng cụ xuất

gia. Nếu người cạo tóc mang dụng cụ theo muốn xin xuất gia thì nên bảo: "Ông hãy bỏ dụng cụ cạo tóc rồi tôi mới cho xuất gia. Sau khi xuất gia rồi nếu cần thì mượn của kẻ khác mà dùng." Ngoài thợ cạo, thì thợ rèn, thợ mộc, thợ kim hoàn, thợ da, thợ dệt và các thợ chuyên môn khác cũng thế, đều không cho phép độ họ xuất gia khi mang dụng cụ theo. Nếu ai độ trong trường hợp như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là dụng cụ làm việc.

*

PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá Tăng, thế nào là phá Tăng?

Này Ưu-ba-ly! Như đại đức Tỳ-kheo như pháp như luật khéo hiểu nghĩa lý sâu xa thì Tỳ-kheo ấy xứng đáng được lễ bái tôn kính tùy thuận nghe theo lời dạy. Nếu có Tỳ-kheo nào cho rằng những lời nói của Tỳ-kheo ấy là phi pháp, không tùy thuận thì đó là sự xích mích giữa chúng Tăng, chứ không phải phá Tăng, cho đến khi nào Tăng trong một trú xứ cùng tụng giới, cùng Yết-ma (thì không phải phá Tăng). Ta đã chế định rằng nếu trong một cương giới, một trú xứ mà Tăng Bố-tát, Tự tứ, làm Yết-ma riêng thì đó gọi là phá Tăng.

Bạch Thế Tôn! Phá Tăng phạm tội như thế nào?

Bị tội đọa vào địa ngục một kiếp.

Đó gọi là phá Tăng.

*

TĂNG HÒA HỢP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về Tăng hòa hợp, vậy thế nào gọi là Tăng hòa hợp?

Ta đã chế định rằng nếu một đại đức Tỳ-kheo sống như pháp, như luật, khéo hiểu nghĩa lý sâu xa, thì Tỳ-kheo ấy đáng được lễ bái, tôn kính. Các Tỳ-kheo tùy thuận chấp hành các quy định, cùng sống trong một trú xứ cùng Bố-tát, Tự tứ và thực hiện pháp Yết-ma, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Lại nữa, tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Tăng hòa hợp có những công đức gì?

Này Ưu-ba-ly! Được quả báo lành trong một kiếp.

Đó gọi là Tăng hòa hợp.

*

NĂM TRĂM TỲ-KHEO KẾT TẬP PHÁP TẠNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy, vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi có mối oán thù với người Tỳ-xá-ly như trong *kinh Đại bát Niết-bàn* đã nói rõ, cho đến việc đức Thế Tôn xả thọ mạng bên tháp Phóng Cung Trượng, tại Tỳ-xá-ly. Thế rồi, Ngài hướng đến thành Câu-thi-na, bên dòng sông Hi Liên Thiền, sinh quán của lực sĩ, trong rừng Kiên cố (**490a**) bát Nê hoàn dưới cây Song thọ. Khi sắp hỏa thiêu nơi tháp Thiên Quan thì chư Thiên làm cho lửa không cháy để chờ tôn giả Đại Ca-diếp. Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp đang ngồi thiền trong hang Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, liền suy nghĩ: "Thế Tôn đã xả thọ mạng, không biết muốn nhập

Niết-bàn tại nơi nào? hiện giờ ở đâu? có ít bệnh, ít phiền não và sống an lạc không?." Suy nghĩ thế rồi, liền nhập định, dùng thiên nhãn quan sát tất cả thế giới thì thấy Thế Tôn đang ở thành Câu Thi Na, bên sông Hi Liên, sinh quán của lực sĩ trong rừng Kiên cố, giữa hai cây Song thọ, sắp được hỏa thiêu tại tháp Thiên Quan, (cho đến) lửa không cháy. Thấy thế, tôn giả buồn thảm không vui, lại suy nghĩ: "Ngay lúc xá-lợi của Thế Tôn chưa phân tán, ta nên đến đảnh lễ." Đoạn, tôn giả lại nghĩ: "Giờ đây ta đến để viếng thân tối hậu của Thế Tôn thì không nên dùng thần túc để đến mà nên đi bộ đến." Nghĩ thế, tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê hoàn, ai nấy đều mang theo y bát cùng đến Câu Thi Na Kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đều đáp:

Lành thay!

Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp cùng với các Tỳ-kheo đi đến Câu Thi Na Kiệt. Trên đường đi, họ băng qua một thôn xóm. Trong thôn này có một Tỳ-kheo già đang sống. Tôn giả Đại Ca-diếp liền bảo Tỳ-kheo già:

Thầy hãy đem theo y bát đến đây, để chúng ta cùng đến thành Câu Thi Na Kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Trưởng lão Đại Ca-diếp! Đợi ăn bữa trước, bữa sau xong rồi chúng ta hãy đi.

Không nên chờ ăn xong.

Tỳ-kheo già nài nỉ đến ba lần, Đại Ca-diếp đều nói: Không nên chờ.

Khi ấy, Tỳ-kheo già nổi giận, nói:

Sa-môn có việc gì mà gấp gáp, vội vàng như thế, giống như quạ chết không đáng giá một đồng tiền. Hãy đợi trong chốc lát ăn rồi mới đi.

Tôn giả Đại Ca-diếp lại nói:

Hãy để đồ ăn đó đã. Đức Thế Tôn nay đã Nê hoàn, chúng ta phải đến gấp cho kịp lúc chưa hỏa thiêu.

Tỳ-kheo già nghe tin Phật đã ban Nê hoàn, liền nói với tôn giả Đại Ca-diếp:

Nay ta vĩnh viễn được giải thoát. Vì sao thế? Vì vị A-la-hán ấy lúc còn sống thường nói: "Việc ấy nên làm, việc kia không nên làm." Nay đã Nê hoàn việc gì nên làm hay không nên làm ta đều được tự do tùy ý.

Khi nghe lời nói ấy, Đại Ca-diếp sầu thảm không vui, liền gảy ngón tay phải, lửa phóng ra, đồng thời chân phải mím chặt trên đất. Tỳ-kheo già thấy thế hoảng sợ, bỏ chạy. Thế rồi, Đại Ca-diếp đi đến chỗ Phật. Thế Tôn liền (**490b**) đưa hai chân từ trong kim quan ra ngoài. Khi tôn giả Đại Ca-diếp thấy được chân Phật, liền trật vai áo bên phải, cúi đầu đảnh lễ, rồi đọc kệ:

Chân Như Lai đầy đặn,
Hiện bánh xe ngàn căm.
Ngón dài nhọn mềm mại,
Hình mạng lưới cấu thành.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân tối thắng.
Chân mềm mại tối thắng,
Từng du hành thế gian.
Đại bi cứu chúng sinh,
Từ nay không gặp nữa.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân Như Lai.
Như Lai cứu độ con,
Đạt Ứng chân giải thoát.
Nay con nhìn lần cuối,

Vĩnh viễn không gặp nữa.
Đã đoạn mọi nghi hoặc,
Bậc Ly dục Tối thượng.
Làm lợi ích mọi loài
Tất cả đều hoan hỷ.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân Tối thắng.
Đức hạnh Phật như vậy,
Khéo đáp mọi nghi ngờ.
Ngày hôm nay đã qua
Ánh từ quang vĩnh diệt.
Vì thế hôm nay con,
Đảnh lễ chân Tối thắng.
Con chứng bốn chân lý,
Nói công đức của Phật.
Đọc kệ lễ kính xong,
Hai chân liền thu vào.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bàn bạc: "Ai nên châm lửa thiêu đây?" Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp nói:

Tôi là trưởng tử của Thế Tôn, nên để tôi châm lửa thiêu.

Thế là đại chúng đồng thanh nói: "Tốt lắm", liền hỏa thiêu. Khi hỏa thiêu xong, Ca-diếp nhớ lại lời nói của vị Tỳ-kheo già ở trong thôn, cho đến: "Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi", tôn giả liền nói với các Tỳ-kheo:

Này các trưởng lão! Vấn đề xá-lợi của Thế Tôn không phải là việc của chúng ta mà quốc vương, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, những người cầu phước tự họ sẽ lo việc cúng dường. Việc của chúng ta trước hết là phải kết tập pháp tạng chớ để pháp Phật sớm diệt.

Mọi người bàn:

Chúng ta nên kết tập Pháp tạng chỗ nào?

Lúc ấy, có người bàn: "Nên đến xá-vệ"; có người nói: "Nên đến Sa kỳ"; có người nói: "Nên đến Chiêm Bà"; có người nói: "Nên đến Tỳ-xá-ly "; có người lại nói: "Nên đến Ca-duy-la-vệ."

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đề nghị:

Nên đến thành vương-xá kết tập pháp tạng. Vì sao thế? Vì đức Thế Tôn đã di chúc rằng (**490c**): Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi ở thành vương-xá là bậc có tín căn đệ nhất trong hàng Ưu-bà-tắc của các Thanh văn. Vả lại, vị vua ấy có 500 chiếc giường nằm để cung cấp, nên đến chỗ vị ấy.

Nghe thế, tất cả đều đáp:

Vâng.

Đức Thế Tôn trước kia có dặn tôn giả A-na-luật rằng: "Khi Như Lai ban Nê hoàn ông nên giữ gìn xá-lợi đừng để Chư Thiên đem đi. Bởi vì trong thời quá khứ đức Như Lai ban Nê hoàn, Chư Thiên đem xá-lợi đi, khiến người đời không thể đến đó chiêm bái được, nên mất công đức. Chư Thiên có thể đến nhân gian cúng dường, nhưng người đời không thể đến chỗ ho, ngoại trừ người có thần túc; vì thế phải giữ gìn cẩn thận."

Bấy giờ, thị giả A-nan vì bận việc cúng dường nên không đến được. Đại Ca-diếp cùng với 1000 Tỳ-kheo đi đến thành Vương-xá, tới trong hang núi Sát-đế, trải giường nệm, trang trí tòa của Thế Tôn. Ở phía trước, bên trái tòa Thế Tôn đặt tòa của tôn giả Xá-lợi-phất, ở bên phải đặt tòa của tôn giả Đại Mục-liên, kế đến đặt tòa của Đại Ca-diếp, cứ như vậy lần lượt theo thứ tự bài trí giường nệm rồi chuẩn bị những nhu yếu cần thiết trong bốn tháng. Vì mục đích kết tập pháp tạng cho nên cắt đứt các ngoại duyên. Khi đại chúng tập hợp xong, trong số đó có người đạt được Tam minh, Lục thông giới đức tự tại. Trong những người này, có người trực tiếp thọ giáo với Thế Tôn, đọc thuộc một bộ Luật; có người

theo chúng Thanh văn đọc thuộc một bộ Luật; có người thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn đọc thuộc hai bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc hai bộ Luật. Thế rồi, đại chúng cùng bàn bạc:

Ở trong này nên chọn những vị đạt được Tam minh, Lục thông, có giới đức tự tại, từng thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn tụng thuộc hai bộ Luật, từng theo chúng Thanh văn tụng thuộc hai bộ Luật.

Khi chọn lựa xong, đếm lại thì thấy thiếu hai người mới đủ số 500, đại chúng bàn tiếp:

Nên chọn đủ 500 người.

Thế rồi, trưởng lão A-na-luật đi đến bổ sung thêm nhưng vẫn thiếu một người. Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp làm Thượng Tọa thứ nhất, Thượng tọa thứ hai tên Na-đầu-lô, Thượng Tọa thứ ba tên Ưu-ba Na-đầu-lô. Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp tự lên ngồi tòa của mình, để trống tòa của tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên và A-nan. Thế rồi, các Tỳ-kheo lần lượt ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, tôn giả Đại Ca-diếp bảo trưởng lão Lê-bà-đề đệ tử đồng hành của tôn giả Mục-liên:

Ông hãy lên cõi trời Ba mươi ba gọi Tỳ-kheo Tủy-đề-na đến, nói rằng: "Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập hợp định kết tập pháp tạng."

Thầy liền vâng lệnh, đi đến cõi trời ba mươi ba, bạch:

Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Ban Nê hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập hợp định kết tập pháp tạng nên sai tôi đến gọi trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo này nghe xong sầu thảm, không vui, bèn hỏi:

Đức Thế Tôn đã Ban Nê hoàn rồi sao?

(**491a**) Thưa vâng.

Nếu đức Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã ban Nê hoàn thì con mắt của thế gian đã hoại diệt.

Thầy nói xong, dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội tự thiêu thân. Vị sứ giả thấy vậy trở về, vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên, cho đến đoạn: Nhập Hỏa quang tam muội. Thế rồi, Tăng lại sai thầy lên cung Thi lợi sa sí, cõi trời ba mươi ba gọi Kiều-phạm-ba-đề; lần lượt đến trưởng lão Thiện Kiến ở Hương Sơn; trưởng lão Phả-đầu-tẩy-na ở Du Hí sơn; trưởng lão Bạt-khư-lê ở Chiêm Ba sơn; rồi đến trưởng lão Uất-đa-la ở Tịnh Sơn; đệ tử của tôn giả Mục-liên tên Đại Quang ở Quang Sơn; đệ tử của tôn giả Xá-lợi-phất tên Ma-tẩu-lô ở Mạn Đà sơn; tôn giả La-đổ ở Ma La sơn. Các vị ấy, khi nghe gọi đều ban Nê hoàn. Đồng thời Tăng sai sứ giả đến Thiên cung Tỳ Sa-môn gọi Tu-mật-đa. Sứ giả đến nơi thưa:

Thưa trưởng lão! Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn, Tỳ-kheo đang tập hợp định kết tập pháp tạng, cho tôi đến gọi trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe xong sầu thảm, không vui, nói:

Đức Thế Tôn đã ban Nê hoàn rồi sao?

Thưa vâng!

Nếu Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã ban Nê hoàn tức là con mắt của thế gian đã diệt mất.

Nói xong, thầy dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội, tự thiêu thân, nhập vào Niết-bàn. Bấy giờ, sứ giả liền trở về vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên cho chư Tăng nghe. Đại Ca-diếp liền nói:

Này các trưởng lão! Hãy thôi, đừng gọi những người khác nữa. Những ai nghe gọi đều tự nhập Niết-bàn, nếu cứ gọi tiếp thì họ sẽ nhập Niết-bàn hết, như thế thì phước điền của cõi đời này sẽ thành ra trống không.

Có một Tỳ-kheo nói:

Thưa các trưởng lão! Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, từng thân cận thọ giáo. Hơn nữa đức Thế Tôn từng phú chúc rằng A-nan có ba việc đặc biệt, nên gọi thầy đến.

Đại Ca-diếp nói:

Không phải vậy! Nếu như người còn đang học này vào trong chúng Vô học có giới đức tự tại thì cũng như con chó ghẻ vào giữa bầy sư tử.

Lúc này tôn giả A-nan sắp xếp việc cúng dường vừa xong, đi đến một thôn, rồi thầm nhủ: "Hôm nay ta nghỉ lại đây, ngày mai sẽ đến thành Xá-vệ." Thế rồi, có một vị trời đến nói với A-nan:

Đại Ca-diếp nói rằng tôn giả là con chó ghẻ.

A-nan bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, chính lúc này ta cần người để nương tựa, vì sao lại ví ta như con chó ghẻ?"

Nghĩ thế nên lòng không vui, rồi thầy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-diếp này biết quá rõ dòng dõi tên tuổi của ta, vì cho rằng ta chưa đoạn trừ hết kiết sử nên mới nói như vậy."

Bấy giờ, tôn giả (**491b**) A-nan càng siêng năng gấp bội đi kinh hành không biếng nhác, mong hết sạch hữu lậu nên hành đạo cực khổ. Hơn nữa, vì Thế Tôn nhập Nê hoàn khiến thầy mang nỗi buồn da diết trong lòng, đồng thời những gì trước đây đã nghe và thu nhận thì chưa thấu triệt, nên lại nghĩ ngợi: "Đức Thế Tôn đã phú chúc rằng đối với giáo pháp này tâm ta không phóng dật sẽ dứt sạch hữu lậu, vậy thì phải cực khổ quá làm gì!." Thế nhưng tâm thầy vẫn không xả định, nghiêng mình định nằm xuống, đầu chưa chấm gối thì sạch hết hữu lậu, đạt được Tam minh Lục thông có sức lực tự tại. Thầy liền dùng thần túc nương theo hư không mà đi, đến ngoài cửa hang Sát đế, đọc kệ rằng:

Đa văn và biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.

A-nan con Cù-đàm
Giờ đang đứng ngoài cửa.

Thế nhưng, đại chúng vẫn chưa mở cửa cho thầy, nên thầy lại đọc kệ tiếp:

Đa văn khéo biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
Đã bỏ gánh kiết sử,
Con Cù-đàm ngoài này.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đọc kệ:

Ông nói mình đã chứng,
Đã bỏ gánh phiền não.
Con Cù-đàm chưa vào,
Vào đi con Cù-đàm!

A-nan vào xong, đảnh lễ tòa của Thế Tôn, rồi tuần tự đảnh lễ các Thượng tọa, đoạn, đến ngồi tòa của mình. Khi ấy, Đại Ca-diếp nói với A-nan:

Tôi không tự cao cũng không khinh ông, chỉ vì ông cầu đạo không tiến bộ, muốn cho ông tinh cần diệt hết các hữu lậu cho nên mới nói lời ấy.

Tôi cũng biết! Chỉ vì tôi chưa hết kiết sử, muốn cho tôi tinh cần diệt hết các hữu lậu (nên tôn giả mới nói như vậy).

Lúc ấy, tôn giả Đại Ca-diếp liền hỏi chúng Tăng đang ngồi:

Giờ đây nên kết tập tạng nào trước?

Nên kết tập tạng Pháp (kinh) trước.

Nên cử ai kết tập?

Nên cử trưởng lão A-nan.

A-nan liền nói:

Không nên làm như vậy vì còn có nhiều trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Đại chúng lại nói:

Tuy có nhiều trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng đức Thế Tôn đã phú chúc rằng thầy là người đa văn bậc nhất, do đó thầy nên kết tập.

Nếu các trưởng lão đề cử tôi kết tập thì điều gì như pháp nên hoan hỷ, điều gì không như pháp nên ngăn cản, điều gì không tương ưng cũng nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi mà không ngăn cản. Nói chung, điều gì đúng nghĩa, điều gì không đúng nghĩa đều xin chỉ giáo.

Trưởng lão A-nan! Thầy chỉ cần kết tập Pháp tạng, điều gì như pháp thì Tăng tùy hỉ, điều gì phi pháp (**491c**) thì đến lúc đó sẽ biết.

Lúc ấy, tôn giả A-nan bèn suy nghĩ: "Bây giờ ta phải kết tập pháp tạng như thế nào đây?" Suy nghĩ thế rồi, thầy liền đọc lời Kinh:

"Tôi nghe như vầy, một thời Phật ở tại Uất-tỳ-la, bên dòng sông Ni-liên, nơi Bồ đề Mạn-đà-la." Khi tôn giả A-nan vừa nói lời ấy thì 500 vị A-la-hán có đức hạnh tự tại liền bay lên hư không đồng thanh khen ngợi:

Chúng con đã được tận mắt thấy Thế Tôn, giờ đây lại được nghe lời dạy, rồi cùng niệm: "Nam mô Phật", đoạn trở lại chỗ ngồi.

Bây giờ, A-nan liền đọc kệ sau đây:

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Lìa si, diệt phiền não.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Chứng các pháp diệt tận.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Nhiếp phục bọn ma quân.

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi
Ánh dương xua bóng đêm.

Tôn giả A-nan đọc tất cả pháp tạng như vậy. Những câu văn dài kết tập thành Trường A-hàm. Những câu văn trung bình kết tập thành Trung A-hàm. Những câu văn linh tinh kết tập thành Tạp A-hàm, chẳng hạn như Căn tạp, lực tạp, giáp tạp, đạo tạp, đại loại như thế gọi là tạp. Từ một tăng lên hai, tăng lên ba cho đến tăng lên 100, tùy theo số loại tương tự nhau kết tập thành Tăng Nhất A-hàm. Tạp tạng bao gồm Bích chi Phật, A-la-hán, tự thuyết, bản hạnh, nhân duyên, các kệ tụng, đại loại như vậy gọi là Tạp tạng.

Khi ấy, trưởng lão A-nan liền đọc kệ:

Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này được nghe từ Phật.
Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này nghe từ người khác.
Các pháp này tôi giữ vẹn toàn,
Chính Phật dạy đường đến Niết-bàn.
Đó gọi là kết tập Pháp tạng.

Tiếp đến, đại chúng hỏi:

Ai có thể kết tập Luật tạng?

Có người nói:

Trưởng lão Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly liền lên tiếng:

Không thể như vậy vì còn có những trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Có người lại nói:

Tuy có những trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng đức Thế Tôn đã phú chúc rằng trưởng lão thành tựu 14 pháp, trừ (**492a**) đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri ra thì trưởng lão là người trì Luật bậc nhất.

Ưu-ba-ly nói:

Thưa các trưởng lão! Nếu bảo tôi kết tập Luật tạng thì điều gì như pháp hãy tùy hỷ, điều gì không như pháp hãy ngăn cản; nếu điều gì không tương ưng thì nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi (mà bỏ qua); đồng thời điều nào đúng nghĩa, trái nghĩa cũng đều xin chỉ giáo.

Thế rồi, tất cả đều nói:

Trưởng lão Ưu-ba-ly chỉ lo việc kết tập, điều gì như pháp thì chúng tôi tùy hỷ, điều gì phi pháp thì lúc đó sẽ biết.

Tôn giả Ưu-ba-ly suy nghĩ: "Hôm nay ta kết tập Luật tạng như thế nào đây? Đối với năm pháp thanh tịnh mà như pháp, như Luật thì tùy hỷ, còn không như pháp như Luật thì nên bỏ ra ngoài. Năm pháp thanh tịnh: (1) Hạn chế tịnh; (2) Phương pháp tịnh; (3) Giới hạnh tịnh; (4) Trưởng lão tịnh; (5) Phong tục tịnh.

1– Hạn chế tịnh: Tại trú xứ của các Tỳ-kheo đặt ra các hạn chế rằng điều gì tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là hạn chế tịnh.

2– Phương pháp tịnh: Đối với những luật pháp của quốc gia, điều gì tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là phương pháp tịnh.

3– Giới hạnh tịnh: Khi ta thấy Tỳ-kheo mỗ giáp trì giới làm việc đó mà tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, nếu không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là giới hạnh tịnh.

4– Trưởng lão tịnh: Nếu ta thấy trưởng lão Tỳ-kheo, tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên làm việc đó mà tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là trưởng lão tịnh.

5– Phong tục tịnh: Không được làm những việc như khi còn thế tục, chẳng hạn ăn phi thời, uống rượu, hành dâm; tất cả những việc như vậy hợp pháp đối với thế tục nhưng không hợp pháp đối với người xuất gia. Đó gọi là phong tục tịnh.

Thưa các trưởng lão! Những điều như thế nếu đúng pháp thì xin tùy hỷ, nếu không đúng pháp thì xin lên tiếng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền đáp:

Nếu tương ưng thì dùng, nếu không tương ưng thì lúc ấy sẽ ngăn cản.

Thế rồi, tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

Trưởng lão có tội, phải sám hối với chúng Tăng thanh tịnh.

Tôi có những tội gì?

Đức Thế Tôn đến ba lần chế định không cho phép độ người nữ xuất gia mà thầy xin Thế Tôn đến ba lần, thế là phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi ấy, tôn giả Đại Ca-diếp bèn ném một cái thẻ xuống đất, nói:

Đây là thẻ thứ nhất.

Tức thì chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, Ngài nói:

"Này A-nan! Ta ở Ban Lạc phóng cung trượng tháp tại Tỳ-xá-ly này rất an lạc; nếu ai được bốn thần túc thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp; nếu Phật ở đời thì người đời sẽ được thấy", thì thầy nói: "Như vậy đó Thế Tôn! Như vậy đó

Tu-già-đà", mà không thỉnh Phật trụ thế nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ hai.

Lại nữa, khi may y Tăng-già-lê cho Thế Tôn, thầy đã dùng ngón chân phải đạp trên y, (**492b**) há thầy không biết rằng y Tăng-già-lê này là bảo tháp mà Chư Thiên, người đời nên cúng dường hay sao? Vì thế phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ ba.

Lại nữa, Phật nói: "Này A-nan! Hãy đi lấy nước", nói như vậy đến ba lần mà thầy không lấy nước cho Thế Tôn, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ tư.

Lại nữa, Phật nói: "A-nan, khi Ta sắp nhập Niết-bàn nên nói với Ta, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo bỏ những giới vi tế", nhưng thầy không bạch nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ năm.

Lại nữa, khi Phật ban Nê hoàn, thầy để mã âm tàng của Phật cho Tỳ-kheo ni xem, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ sáu.

Lại nữa, khi Phật ban Nê hoàn, các lão mẫu của lực sĩ đến khóc khiến nước mắt nhỏ trên chân Thế Tôn, thầy là thị giả mà không ngăn cản nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ bảy.

Lúc ấy, A-nan không nhận hai tội, nói như sau:

Thưa trưởng lão! Chư Phật quá khứ đều có bốn chúng, vì thế tôi thỉnh Phật độ Tỳ-kheo ni đến ba lần. Còn khi Phật ở Tỳ-xá-ly, ba lần báo cho biết mà tôi không thỉnh Phật trụ thế là vì lúc ấy tôi là người còn đang học, bị ma che mờ cho nên không thỉnh. Ở đây tôi chỉ phạm năm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, trưởng lão (sám hối) đúng như pháp.

Bấy giờ, tôn giả Ưu-ba-ly liền bạch với đại chúng:

Thưa các trưởng lão! Đây là thứ tự của chín pháp:

1. Ba-la-di.

2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Hai pháp Bất định.
4. Ba mươi pháp Ni tát kỳ.
5. Chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.
6. Bốn Ba la đề đề xá ni.
7. Pháp chúng học.
8. Bảy pháp Diệt tránh.
9. Pháp tùy thuận.

Đức Thế Tôn tại mỗ xứ vì Tỳ-kheo mỗ giáp, chế những giới này phải không?

Bấy giờ, đại chúng cùng đáp:

Đúng như vậy Ưu-ba-ly! Đúng như vậy Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly tiếp:

Trong Luật có ghi lại năm việc sau đây: (1) Tu-đa-la; (2) Tỳ-ni; (3) Nghĩa; (4) Giáo; (5) Khinh trọng.

- Tu-đa-la: chỉ cho năm bộ Kinh.
- Tỳ-ni: Tức hai bộ Luật rộng và hẹp.
- Nghĩa: Ý nghĩa của từng câu.
- Giáo: Bốn giáo lý cơ bản mà đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho Sát lợi, Bà-la-môn và cư sĩ.
- Khinh trọng: Lấy trộm đủ năm tiền là nặng, dưới năm tiền là nhẹ, phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là năm việc mà Luật đã ghi lại. Các trưởng lão nên học như vậy. Lại có năm điều luật nữa là: (1) Lược Tỳ-ni; (2) Quảng Tỳ-ni; (3) Phương diện Tỳ-ni; (4) Kiên cố Tỳ-ni; (5) Ứng pháp Tỳ-ni.

- Lược Tỳ-ni: Tức 5 thiên giới.

- Quảng Tỳ-ni: Tức 2 bộ Luật.
- Phương diện Tỳ-ni: Tại Thâu nô **(492c)** biên địa cho phép năm thầy được truyền giới Tỳ-kheo.
- Kiên cố Tỳ-ni: Khi thọ y Ca hi na được bỏ năm việc, từ biệt chúng thực cho đến khi đi đâu không cần thưa với người cùng ăn chung với mình.
- Ứng pháp Tỳ-ni: Trong đây Yết-ma đúng pháp và Yết-ma hòa hợp, đó gọi là làm đúng giới luật. Còn những cách khác là phi Yết-ma (Yết-ma phi pháp).

Thưa các trưởng lão, đến đây là kết tập Luật tạng hoàn tất.

Thế rồi, đại chúng bèn gọi 1.000 Tỳ-kheo ở ngoài vào, nói:

Thưa các trưởng lão! Như thế này là Tạng pháp (Kinh) đã được kết tập, như thế này là tạng Luật đã được kết tập.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo nói:

Thưa các trưởng lão! Đức Thế Tôn trước kia đã nói với A-nan rằng Ngài muốn vì các Tỳ-kheo bỏ bớt một số giới nhỏ nhặt, vậy bỏ những giới nào?

Có Tỳ-kheo nói:

Nếu đức Thế Tôn muốn bỏ bớt các giới nhỏ nhặt thì nên bỏ oai nghi.

Có Tỳ-kheo nói:

Không những bỏ oai nghi mà nên bỏ pháp Chúng học.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 4 Ba la đề đề xá ni.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 92 pháp Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả 30 pháp Ni tát kì Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả hai pháp Bất định.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói:

Thưa các trưởng lão! Nếu như Thế Tôn còn tại thế thì nên bỏ hết tất cả.

Đại Ca-diếp oai nghi nghiêm chỉnh giống như Thế Tôn, liền nói như sau:

Ôi! Ôi! Đừng nói lời ấy.

Tức thời tất cả đại chúng đều im lặng. Đại Ca-diếp liền tiếp:

Này các trưởng lão! Nếu đã chế định rồi lại mở ra thì sẽ khiến cho người ngoài nói: "Khi Cù-đàm còn ở đời nghi pháp hưng thịnh, ngày nay đã Nê hoàn, giáo pháp suy đồi." Thưa các trưởng lão! Những gì chưa chế thì đừng chế thêm nữa, những gì đã chế thì chúng ta nên tùy thuận học tập.

Thế nhưng các pháp này được nghe từ ai?

Được nghe từ tôn giả Đạo Lực về Luật, Luận, Tạp A-hàm, Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm, Trường A-hàm.

Thế thì Đạo Lực nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Phất-sa-bà-đà-la.

Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Thắng.

Pháp Thắng nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Tăng-già-đề-bà.

Tăng-già-đề-bà nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Long Giác.

Long Giác nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Tiền.

Pháp Tiền nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Đề-na-già.
Đề-na-già nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Pháp Hộ.
Pháp Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Kỳ-bà-già.
Kỳ-bà-già nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Phất-đề-la.
Phất-đề-la nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Da-xá.
Da-xá nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Sai-đà.
Sai-đà nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Hộ Mạng.
Hộ Mạng nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Thiện Hộ.
Thiện Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả (**493a**) Ngưu Hộ.
Ngưu Hộ nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Cự-xá-la.
Cự-xá-la nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Ma-cầu-đa.
Ma-cầu-đa nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Ma-ha-na.
Ma-ha-na nghe từ ai?
Nghe từ tôn giả Năng Hộ.
Năng Hộ nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Mục Đa.

Mục Đa nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Cự-hê.

Cự-hê nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Pháp Cao.

Pháp Cao nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Căn Hộ.

Căn Hộ nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Kỳ-đa.

Kỳ-đa nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Thọ-đề-đà-bà.

Thọ-đề-đà-bà nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Đà-bà-ba-la.

Đà-bà-ba-la nghe từ ai?

Nghe từ tôn giả Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly nghe từ ai?

Nghe từ Phật.

Phật nghe từ ai?

Ngài tự giác ngộ không có thầy, cũng không nghe từ ai cả. Phật có vô lượng trí tuệ, vì lợi ích cho chúng sinh nên Ngài trao truyền cho Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly trao cho Đà-bà-ba-la. Đà-bà-ba-la trao cho Thọ-đề-đà-bà. Thọ-đề-đà-bà lần lượt trao xuống tôn giả Đạo Lực, rồi Đạo Lực trao cho tôi và những người khác.

Kệ tóm tắt:

Chúng ta nhờ thầy dạy,
Nghe từ đấng Vô thượng.
Giữ gìn đọc tụng Luật.

Pháp Hiền Thánh tuân hành.
Pháp tạng của Thế Tôn,
Kế thừa sau Thích ca.
Mỗi người phải tuân thủ,
Để chánh pháp còn mãi.

Đó gọi là 500 Tỳ-kheo kết tập pháp tạng.

*

Hết quyển thứ ba mươi hai

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 33

PHẨM TẠP TỤNG
(tiếp theo)

BẢY TRĂM VỊ ĐẠI HỘI TẠP PHÁP TẠNG

Sau khi Phật Niết-bàn (khoảng 100 năm), các trưởng lão Tỳ-kheo ở Tăng-già-lam Sa-đôi, tại Tỳ-xá-ly, theo xin các đàn việt, (**493b**) nói những lời bi ai như sau:

"Này Lão trượng, khi đức Thế Tôn còn tại thế, chúng tôi được cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau và các y phục, nay Thế Tôn đã Niết-bàn, chúng tôi trở thành cô độc, đâu có ai cho thứ gì. Các vị nên bố thí tài vật cho Tăng."

Lúc ấy, có người cho một đồng, hai đồng, cho đến mười đồng. Thế rồi, họ đựng số tiền ấy vào trong cái thau, đến ngày Bố-tát, họ dùng cái chén nhỏ đong số tiền ấy phân chia cho từng người theo thứ tự. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá được chia đầu tiên, liền hỏi:

Đây là những thứ gì vậy?

Đó là số tiền để mua thuốc men được phân chia theo thứ tự vậy.

Đi qua đi.

Vì sao bảo đi qua? Trưởng lão định cúng dường cho Tăng sao?

Đó là những vật bất tịnh.

Thầy đã hủy báng Tăng, nói là vật bất tịnh, thế thì phải làm Yết-ma cử tội.

Đoạn, chư Tăng làm Yết-ma cử tội Da-xá. Thế rồi, Da-xá bèn đi đến chỗ tôn giả Đà-ta-bà-la đang ở nước Ma-thâu-la, nói với tôn giả như sau:

Thưa trưởng lão, tôi bị Tăng cử tội bắt thi hành pháp tùy thuận.

Thầy vì cớ gì mà bị cử tội?

Thưa trưởng lão, sự việc xảy ra như vậy, như vậy.

Thầy không có tội gì mà bị cử tội. Vậy, tôi sẽ san sẻ pháp thực, vị thực cùng với thầy.

Da-xá nghe dạy như thế, liền thưa với chúng tăng:

Thưa các trưởng lão, chúng ta phải kết tập lại Tạng luật, đừng để Phật pháp bị suy đồi.

Thầy định kết tập tại đâu?

Hãy trở lại nơi đã xảy ra sự việc mà kết tập.

Bấy giờ, chư Tăng tại nước Ma-thâu-la kết hợp với chư Tăng thành Xá-vệ gồm có bảy trăm người, tập trung về một nơi. Trong số đó, có người trì một bộ Luật, có người trì hai bộ Luật, lại có người trực tiếp thọ lãnh từ Thế Tôn, có người thọ lãnh từ hàng Thanh văn. Thế là, khi ấy tại Tăng-già-lam Sa-đôi, thành Tỳ-xá-ly, các giường nệm đều được chuẩn bị tươm tất để bảy trăm vị Tăng mở đại hội. Trong số này, có người là phàm phu, có người đang học, có người vô học, có vị chứng tam minh, lục thông được tự tại vô ngại. Lúc này, các vị Đại Ca-diếp-đạt-đầu-lộ, Ưu-ba-đạt-đầu-lộ, tôn giả A-nan -đều đã nhập Niết-bàn cả.

Bấy giờ, vị Thượng tọa của chúng Tăng là tôn giả Du-thâu-đà cất tiếng hỏi: "Ai nên kết tập Luật tạng?" Các Tỳ-kheo đáp: "Tôn giả Đà-ta-bà-la nên kết tập."

Đà-ta-bà-la thưa: "Thưa các trưởng lão, còn có các trưởng lão Tỳ-kheo khác, nên mời các vị ấy kết tập."

Các Tỳ-kheo nói: "Tuy có các Thượng tọa khác, nhưng đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Hòa thượng bổn sư của trưởng lão đã thành tựu 14 pháp, trì luật đệ nhất, mà trưởng lão từng thọ giáo trực tiếp, vậy nên kết tập."

Đà-ta-bà-la nói: "Nếu bảo tôi kết tập, thì những gì như pháp xin tùy hỷ, những gì không như pháp xin ngăn lại, những gì không tương ưng cũng xin ngăn lại, đừng vì tôn trọng tôi mà để yên. Nói chung, (**493c**) những gì đúng nghĩa, không đúng nghĩa đều xin chỉ bảo cho biết."

Mọi người đều đáp: "Vâng."

Bấy giờ, tôn giả Đà-ta-bà-la suy nghĩ: "Nay ta kết tập Luật Tạng như thế nào đây? Có năm pháp thanh tịnh, những gì như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ tùy hỷ, những gì không như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ ngăn cản. Năm pháp đó là gì? Đó là: Một là chế hạn tịnh, cho đến phong tục tịnh." Thế rồi, thầy nói với chúng Tăng:

Thưa các trưởng lão, đây là thứ tự của chín pháp: Từ 4 Ba-la-di cho đến pháp, tùy thuộc pháp, tôi đã được nghe từ Hòa thượng rằng đức Thế Tôn tại mỗ xứ, mỗ xứ, vì Tỳ-kheo mỗ giáp, mỗ giáp mà chế giới này, thưa có phải vậy không?

Đúng như vậy, như vậy.

Thưa các trưởng lão, về năm việc thuộc giới luật như trên đã đề cập, trong đó nói rằng ai cần bát thì tìm bát, cần y thì tìm y, cần thuốc thì tìm thuốc, còn ai không có phương tiện thì được xin vàng bạc và tiền mặt. Như vậy đó, mong các trưởng lão hãy tùy thuận học tập.

Đó gọi là trình bày tóm lược về việc bảy trăm người kết tập Luật tạng.

*

GIỚI LUẬT

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật thuộc thành Ca-duy-la-vệ; lúc ấy có hai Tỳ-kheo ni, người thứ nhất tên Nan-đà, người thứ hai tên Uất-đa-la, theo Phật xin sáu tháng giáo giới như sau: "Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nói sơ lược về Giới luật để chúng con được rõ."

Phật nói với các Tỳ-kheo ni: "Này các Tỳ-kheo ni, tham dục, không hiểu nhân duyên, cùng nhau tập theo thói quen, luận bàn về việc thế tục, làm tăng trưởng thọ ấm, đa dục, không biết dừng lại, làm tăng trưởng tham dục, sân hận, ngu si, tranh tụng không hòa hợp, chẳng tịch tịnh, chẳng tỉnh giác, chẳng có Niết-bàn. Các ngươi phải biết rằng đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy. Trái lại, các ngươi phải biết rằng không ham muốn, hiểu rõ nhân duyên, không tập theo thói quen, không bàn luận việc thế tục, không làm tăng trưởng thọ ấm, ít muốn, biết đủ, không tham dục, sân hận và ngu si, lìa xa việc tranh tụng, sống hòa hợp, tịch tịnh, tỉnh giác, sẽ đạt Niết-bàn. Các ngươi phải biết rằng, đó là pháp, là Luật, là điều ta dạy. Và đây chính là nói tóm tắt về Giới Luật.

Kệ tóm tắt:

Dùng dao trị, bình tưới,
Cạo tóc và dao cạo.
Hòa hợp, không hòa hợp,
Năm trăm và bảy trăm.
Nói tóm tắt Giới Luật,
Kết thúc phần thứ mười

HỦY BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hủy báng các Tỳ-kheo khác về thành phần chủng loại. Các Tỳ-kheo

bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc ác. Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy báng người khác.

(494a) Hủy báng: bao gồm các phương diện: nghiệp, địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, mắng mỏ, kiết sử.

Nghiệp: gồm có: nói, tự biện hộ, có người.

Nói: chẳng hạn nói: "Này trưởng lão, trong đây có kẻ Chiên-đà-la, thợ đan giỏ, thợ làm da, thợ gốm, cho đến cai ngục, kẻ hàng thịt, v.v..." Đó gọi là nói.

Tự biện hộ: chẳng hạn nói: "Thưa trưởng lão, tôi không phải là Chiên-đà-la, cho đến không phải là cai ngục, là kẻ hàng thịt, v.v..." Đó gọi là tự biện hộ.

Có người: như trong đây có người là Chiên-đà-la, cho đến kẻ cai ngục, v.v... Đó gọi là có người.

Các vấn đề khác như địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, kiết sử cũng như thế. Nếu ai đem các vấn đề trên ra hủy báng người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hủy báng.

*

KỸ NHẠC

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến tụ điểm ca nhạc sớm nhất để xem, như là Tỳ-kheo đến chỗ ngồi thiền. Các nhạc công tụ họp xong bèn hòa nhạc. Trong lúc mọi người đều vui vẻ, cười nói, thì các Tỳ-kheo ngồi im lặng. Đến

khi họ dứt cười, các Tỳ-kheo bèn vỗ tay cười ầm lên. Mọi người liền tranh nhau nhìn xem. Do thế, các nhạc công không thu được tiền, liền nổi sùng, nói: "Các Tỳ-kheo này cà chớn, làm cho chúng ta không thu được tiền bạc gì cả. Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào mà như thế!"

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo đi xem nhạc công hòa nhạc.

Nhạc công: chẳng hạn những người đánh trống, ca múa, đánh đàn Tì-bà, đánh xập xõa, đại khái chơi các loại nhạc cụ như thế, thậm chí dù chỉ bốn người họp lại vui chơi, Ta cũng không cho phép đến xem.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thành phố mà gặp Thiên tượng xuất hiện, hay vua xuất hiện, có các nhạc công trổi các thứ nhạc, mình đi qua đường nhìn thấy thì không có tội. Nhưng nếu tạo phương tiện để xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vào các ngày đại hội sinh nhật của Phật, ngày kỷ niệm Phật thành đạo, kỷ niệm ngày chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, có sử dụng các nhạc phẩm để cúng dường đức Phật, rồi đàn việt nói: "Xin các tôn giả hãy hòa mình với chúng con để cúng dường đức Thế Tôn", thì khi ấy được hòa mình chung vui với họ. Nhưng nếu tại nơi đại hội có trổi các nhạc phẩm mà mình sinh tâm nhiễm trước, thì nên đứng dậy bỏ đi. Đó gọi là kỹ nhạc.

*

HƯƠNG HOA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuộc nhóm sáu Tỳ-kheo dùng hương thơm thoa vào mình, mang các vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, có người còn mang cả vòng hoa cỏ mà đi, nên bị người đời chê cười rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà mang những vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, giống như vương tử, đại thần? Thậm chí có người còn mang cả vòng hoa cỏ giống như kẻ tôi đòi hạ tiện. Đây là hạng người bại hoại, nào có (**494b**) đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép thoa hương, mang vòng hoa.

Hương: Như loại hương chiên đàn trầm thủy, và các loại hương tương tự như thế đều không được dùng. Nhưng nếu mắc bệnh nhiệt, mà thầy thuốc bảo: "Cần phải dùng hương chiên đàn để thoa" thì khi ấy được dùng để thoa. Nhưng trước khi thoa, phải cúng dường tháp Phật rồi mới đem thoa vào mình. Khi thoa vào mình không được ở trong chúng mà phải ở tại chỗ vắng vẻ. Đến khi lành bệnh, phải tắm rửa thân thể sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Hoa: Như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, hoa Tu-ma-đầu, tất cả các loại hoa như thế không nên mang.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh đau mắt, đau đầu, rồi thầy thuốc bảo phải mang vòng hoa trên đầu bệnh mới lành, thì được phép mang. Nhưng khi muốn mang thì nên đem cúng tháp Phật trước rồi mới mang. Khi đã mang thì không được tới chỗ đông người mà phải ở chỗ thanh vắng, và khi bệnh lành thì phải bỏ.

Nếu thoa hương mà không mang hoa thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu mang hoa mà không thoa hương thì phạm một tội Việt-Tỳ-ni.

Nếu dùng cả hai thì phạm hai tội,

Nếu cả hai đều không dùng thì không có tội.

Đó gọi là thoa hương, mang hoa.

*

SOI GƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở Tinh xá Kỳ-hoàn, có đàn việt đến cúng dường trai phạn cho chúng tăng. Khi đánh kiền chùy thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đang soi gương, hồi lâu không đến, nên bị đàn việt chê trách rằng: "Ta bỏ cả việc nhà, đến đây cúng dường trai phạn cho Tăng, mà đến giờ ăn, các Tỳ-kheo không chịu tập họp."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép soi gương. Gương chỉ cho các loại như dầu, nước, kính; không được vì thích đẹp mà đến soi mặt vào các thứ đó.

Nếu vừa bớt bệnh, đến gương soi mặt xem bệnh đã bớt hay chưa, hoặc vừa mới cạo đầu đến soi xem có sạch hay không sạch, hoặc đầu mặt bị ghẻ góc, đến soi xem, thì không có tội.

Nếu vì thích đẹp mà soi gương thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Đó gọi là soi gương.

*

GÁNH VÁC

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, bấy giờ thầy Tỳ-kheo doanh sự gánh vác gạch ngói, đất cát, bị người đời đàm tiếu rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc, người làm công, gánh vác đất cát? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế!"

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật (**494c**) như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép gánh vác.

Gánh vác: Như gánh vác các thứ giỏ dây, lồng.

Nếu vác đòn gánh mà không có giỏ thì phạm tội Việt-Tỳ-ni tâm hối.

Nếu vác giỏ, không có đòn gánh thì phạm tội Việt-Tỳ-ni tâm hối.

Nếu gánh vác cả hai thì phạm tội Việt-Tỳ-ni.

Nếu tại Tinh xá, Thiền viện có đá, tre, gỗ nặng thì được gánh vác.

Nếu được tăng phân công làm công việc phải dùng bình, lu lấy nước, thì được dùng dây buộc lại rồi gánh.

Nếu gánh túi xách y ở đàng trước, đàng sau, hay gánh túi đựng bát ở đàng trước đàng sau, đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu túi y dài lòng thòng nên phải cuộn lên vai rồi đặt bát lên trên thì không có tội,

Đó gọi là gánh vác.

*

XĂN QUẦN ÁO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, lúc ấy thầy Tỳ-kheo doanh sự xăn y áo để chuyên chở gạch đá, đất cát, bị người đời đàm tiếu rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc người ta, xăn áo để làm việc? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế?."

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép xăn y áo.

Xăn: Nghĩa là xăn một bên, hai bên, đều không được phép. Nếu nhồi đất để đổ trên mái nhà hoặc tô tường thì được xăn nội y. Đó gọi là xăn quần áo.

*

LEO CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, đức Thế Tôn đến xứ Uất-đơn-việt khất thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Khi Thế Tôn trở về chắc chắn sẽ dùng thần túc mà đi." Thế nên, có người leo lên cây, người leo lên tường để trông ngóng Thế Tôn. Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như vậy nên ẩn thân, trở về ngồi an ổn trong phòng. Rồi Phật hỏi: "Các Tỳ-kheo đi đâu cả?." Một Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép leo cây."

Cây: Nếu cây cao ngang đầu người thì không được leo.

Nếu làm lễ kỷ niệm cây Bồ đề mà một chân trèo lên cây, một chân trèo lên tường, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu cả hai chân đều leo lên cây thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cả hai chân đều leo lên tường thì không có tội.

Trường hợp leo lên thang cũng như thế.

Nếu đang đi bị lạc đường không rõ phương hướng, phải leo lên cây nhìn phương hướng thì không có tội.

Nếu bị cọp, sói, sư tử v.v..., các loại tương tự như thế uy hiếp, thì được trèo lên cây, không có tội.

Đó gọi là leo cây.

*

NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Sau khi khất thực trở về, Thế Tôn thu dọn giường nệm, không nói với thị giả và Tỳ-kheo tăng, Ngài đi đến nước Câu-tát-la, vào rừng Ba-lợi-da-bà-la, an trú dưới cây Hiền thiện, (**495a**) nhận sự cúng dường của con voi chúa trong ba tháng. Đoạn nói về việc trời lạnh, tuyết rơi lúc phi thời, các Tỳ-kheo nhóm lửa để sưởi, bị người đời dị nghị rằng: "Sa-môn Cù-Đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây, Tỳ-kheo đốt lửa làm cháy đất, hại đến gốc cây."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép nhóm lửa." Lửa gồm có các thứ như: lửa củi, lửa cỏ, lửa phân bò, lửa trấu, lửa dăm bào. Không được đốt chỗ đất chưa bị cháy. Nếu đến phiên mình coi sóc nhà sưởi, hoặc đến phiên trực nguyệt, phiên hun bát, thì nên

sai tịnh nhân nhóm lửa trước, rồi mình mới chụm lửa thì không có tội.

Khi cầm đuốc đi, muốn dụi tắt đuốc, thì không được dụi ở chỗ đất sống mà nên dụi trên đống tro, hoặc trên ngói gạch. Nếu tàn đuốc rơi xuống đất, rồi mình đập cho tắt, thì không có tội.

Nếu nhóm lửa ở chỗ đất chưa bị cháy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là nhóm lửa.

*

CHÉN ĐỒNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, bấy giờ cư sĩ Uất-Kiệt mở cuộc đại thí, bố thí 500 con voi, 500 con ngựa, 500 con bò, 500 con trâu, 500 tì nữ, 500 nô bộc, trong các thứ bố thí có cả chén đồng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, liền đến hỏi Thế Tôn rằng đó là vật thanh tịnh (hợp pháp), hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: "Tất cả chén đồng Ta đều không cho phép nhận. Nếu đàn việt cúng dường Tăng vật thanh tịnh thì nên chú nguyện rồi mới nhận. Nếu ai cất riêng chén đồng thì phạm tội Việt-tỳ-ni, nhưng được đem nó cho tịnh nhân, rồi mượn sử dụng thì không có tội."

Đó gọi là chén đồng.

*

CHUYỂN HƯỚNG VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư thiên, người đời có lòng tin tôn trọng, đem các thực phẩm đến cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng, tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên và các Tỳ-kheo khác. Lúc

ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo sáng sớm ra đứng trước cổng Tinh xá, thấy người ta mang thức ăn đến, liền hỏi:

Thức ăn này cúng dường cho ai vậy?

Cúng dường cho Thế Tôn.

Thế Tôn nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho chúng Tăng.

Chúng Tăng nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-liên.

Những người này nên cúng dường. Còn thức ăn này cúng dường cho ai?

Cúng dường cho Tỳ-kheo mỗ giáp.

Mỗ giáp già bệnh, không thể ăn được, chỉ phí đồ cúng dường của ngươi thôi; nên cúng dường cho ta, ta sẽ chú nguyện cho ngươi để ngươi được công đức cúng dường.

Khi ấy, người kia vì có niềm tin liền cúng dường. Thế nhưng, gặp kẻ có trí không chịu cúng, mà nói: "Vì sao ta lại cúng dường cho kẻ không biết hổ thẹn này?."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, (**495b**) cho đến Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác. Vì sao các ông biết phẩm vật đó thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo họ cúng dường cho mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép khi biết vật thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo cúng cho mình.

Vật: Gồm có tám thứ: thức ăn đúng giờ, cho đến các vật hợp lệ không hợp lệ, như trên đã nói rõ.

Nếu người ta hỏi: "Thưa tôn giả, con muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Cúng dường cho chúng Tăng."

Nếu thí chủ hỏi: "Nơi nào có chư Tăng trì giới?", thì nên nói: "Không có vị Tăng nào lại phạm giới; ngươi chỉ lo việc cúng dường mà thôi."

Nếu thí chủ hỏi: "Nơi nào có Tỳ-kheo thường ở yên một chỗ tu tập hạnh nghiệp, để vật cúng dường còn mãi tại đó con được thấy luôn?", thì khi ấy hãy nói: "Nên cúng dường cho Tỳ-kheo mỗ giáp."

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà bảo họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho Tăng, mà bảo họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho nhóm người này mà bảo họ cúng cho nhóm người khác, hoặc biết họ định cúng cho một người này mà bảo họ cúng cho một người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Cuối cùng, nếu biết vật đó họ bố thí cho súc sinh này mà bảo họ bố thí cho súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Đó gọi là chuyển hướng vật cúng dường.

Kệ tóm tắt:

"Hủy báng, xem tấu nhạc,
Mang vòng hoa, soi gương.
Gánh vác, xăn áo quần,
Trèo cây, tự nhóm lửa.
Chén đồng, chuyển hướng vật,
Hết phần thứ mười một."

*

CHÚNG SINH

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, bấy giờ cư sĩ Uất-kiệt mở hội đại thí 500 con voi, cho đến 500 nô tì. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, đi đến hỏi Phật xem thanh tịnh hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: "Tất cả chúng sinh đều không cho phép nhận.

Chúng sinh như: voi, ngựa, bò, trâu, lừa, dê, chương, nai, heo, nô tì và tất cả chúng sinh khác đều không nên nhận.

Nếu người ta nói: "Con cúng tì nữ này cho chúng Tăng", thì không được nhận.

Nếu họ nói: "Con cúng cho chúng Tăng người đàn bà làm vườn này", thì không được nhận.

Nếu họ nói: "Con cúng cho chúng Tăng tên nô bộc này", thì không được phép nhận.

Nếu họ nói: "Con cúng cho chúng Tăng người giúp việc này", thì không nên nhận.

Nếu họ nói: "Con cung cấp cho Tăng nam tịnh nhân này", thì được phép nhận.

Nếu họ đem một tì nữ cho một Tỳ-kheo, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho một người nô bộc, một người giúp việc, một người làm vườn đều không được phép nhận.

Nếu họ cho tịnh nhân để giúp việc cho chư Tăng thì được nhận.

Nếu họ cho nô bộc cho Ni tăng thì không được phép nhận.

Nếu họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận. Hoặc họ cho tì nữ cũng không được phép nhận.

Nếu họ nói: "Con cung cấp cho Ni tăng nữ tịnh nhân này", thì được phép nhận.

Nếu họ cho riêng một Tỳ-kheo-ni một người nô bộc, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận.

Nếu họ cho nữ tịnh nhân để giúp việc cho Tăng, thì được phép nhận.

(**495c**) Nếu đàn việt tổ chức lễ Đản sinh của Phật, lễ Phật thành đạo, lễ kỷ niệm Chuyển pháp luân, lễ kỷ niệm La-hầu-la, lễ kỷ niệm A-nan hay đại hội 5 năm một lần, rồi đàn việt có lòng tin hoan hỷ trang sức voi, ngựa đem cúng dường cho chúng Tăng, thì không được phép nhận.

Nếu đàn việt đem chim oanh vũ, chim công, gà, dê, chương, nai đến cúng dường, thì không được nhận.

Nếu họ nói: "Thầy không nhận thì con sẽ giết nó", thì nên bảo: "Ông nên tự tay thả nó đi." Khi họ thả rồi, thì nên cung cấp thức ăn, nước uống, giữ gìn, đừng để chúng bị thương tổn. Không được cắt lông cánh rồi nhốt nó trong lồng. Nếu nó có thể bay, đi tự nuôi sống được, thì nên thả nó đi, không nên nhốt lại.

Nếu nhận chúng sinh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là chúng sinh.

*

CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt trồng xoài trong vườn của chư Tăng, rồi một Tỳ-kheo chặt cây ấy để làm phòng cho một cư sĩ. Khi làm phòng xong, họ tổ chức bố thí giường nệm, mời chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, người đàn việt trồng xoài trước kia cũng có mặt nơi đây. Ông ta thấy thế, liền hỏi Tỳ-kheo đốn cây:

Thưa tôn giả, đây là phòng của ai thế?

Đây là phòng của cư sĩ mỗ giáp.

Thưa tôn giả, vì sao lại lấy cây của con trồng đem làm phòng cho người khác? Phòng này phải là phòng của con.

Do thế, lòng ông không vui, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bèn thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, bèn đảnh lễ chân Phật rồi ra đi trong niềm hân hoan. Đoạn, Phật bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông đốn cây có hoa trái để làm phòng? Từ nay về sau, Ta không cho phép chặt cây có hoa trái. Cây có hoa trái như các loại: cây xoài, cây dâm bụt, cây tì-la, cây ca-tì-đà, cây phả-na-ta, cây dừa, cây vô ưu, cây chiêm bà, cây chỉ-tát-la, cây a-đề-mục-đa, đại loại tất cả các cây có hoa quả tương tự như vậy đều không được chặt để làm phòng.

Nếu cây già, không có hoa trái thì nên nói với đàn việt rằng: "Này lão trượng, cây này đã già rồi, nên dùng làm phòng cho Tăng ở sẽ được phước đức." Nếu chủ nhân đồng ý thì được lấy. Nếu họ không đồng ý thì không được lấy. Nếu cần dùng cây mà làm phương hại đến đất, thì nên bảo tịnh nhân lấy xương cá trám xuống, hoặc dùng nước tro rưới xuống.

Nếu cây đã chết thì nên nói với đàn việt: "Cây này đã khô rồi, tôi cần dùng đến nó." Nếu họ đồng ý thì được phép lấy dùng.

Nếu Tỳ-kheo chặt cây có hoa trái thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là cây.

*

VẤN ĐỀ ĐỐT CỦI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tinh xá ở ven thôn, (**496a**) rồi một Tỳ-kheo khách đến đó chặt củi. Cựu Tỳ-kheo thấy thế, nói: "Vì sao thầy chặt phá cây cối mà chúng tôi đã trồng một cách khó nhọc? Thầy là khách, khi đến đây chỉ nên tìm chỗ bóng râm mát mẻ mà ngồi; thầy đã không biết thương tiếc giữ gìn mà còn chặt phá bừa bãi, không biết nỗi khổ của tôi, ngày mai hãy đi đi." Nói thế rồi, thầy đi khất thực. Sau khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo khách bèn chặt cả củi khô, củi tươi chất một đống trước phòng rồi đốt. Cựu Tỳ-kheo sau khi khất thực trở về, thấy thế liền nói: "Vì sao thầy chặt cả củi khô, củi tươi chất đống rồi đốt?." Khách Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy tự lấy củi đốt được mà lại ngăn cản tôi?." Hai Tỳ-kheo tranh cãi nhau như thế. Đoạn, họ dẫn nhau đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh lễ chân Phật, rồi trình bày đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: "Các ông không nên tự cho phép mình lấy mà ngăn cản người khác, đồng thời cũng không được chặt cả củi khô, củi tươi chất đống trước phòng rồi đốt mà phải biết giữ gìn chung. Phép đốt củi phải có chuẩn mực: chừng ấy để đốt trong phòng sưởi, chừng ấy để chụm dưới bếp, chừng ấy để dùng trong phòng tắm, chừng ấy để dùng trong phòng riêng, phải chia ra có chừng mực, không được lấy quá mức. Nếu không phân chia trước thì đốt nhiều không có tội. Ta không cho phép chặt cây ướt mà phải chặt cây khô. Không được đốn những cây trông đẹp mắt ở xung quanh tăng viện. Còn những cây trong rừng núi không có người giữ gìn thì chặt không có tội. Đó gọi là vấn đề đốt củi.

*

VẤN ĐỀ HOA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo khách đến một tăng-già-lam ở bên thôn hái hoa. Cựu Tỳ-kheo nói: "Vì sao

thầy hái hoa? Tôi đã nhọc nhằn trồng nó, rồi chăm sóc tưới bón. Thầy là khách tới đây chỉ cần tìm bóng mát mà ngồi, không nên tùy tiện bẻ phá làm theo ý mình, rồi ngày mai ra đi không hiểu đến nỗi khổ của tôi." Cựu Tỳ-kheo nói như vậy rồi đi khất thực. Sau khi thầy đi, khách Tỳ-kheo bèn bẻ những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa một cách bừa bãi, rồi đem chất thành đống trước phòng. Khi khất thực trở về, cựu Tỳ-kheo thấy đống hoa liền nói: "Vì sao thầy bẻ hoa?."

Tỳ-kheo khách hỏi lại: "Vì sao thầy có thể bẻ được mà lại ngăn cản tôi?"

Hai người cãi nhau xong rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật bạch đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với cựu Tỳ-kheo: "Ông không nên tự bẻ hoa mà lại ngăn cản người khác, mà cần phải thương tiếc giữ gìn. Còn khách Tỳ-kheo cũng không được tùy tiện bẻ cả những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa rồi đem chất đống trước phòng. Người nào hội đủ 5 điều kiện sau đây thì nên cử họ chia hoa. Năm điều đó là: không thiên vị, không giận giữ, không ngu si, không sợ hãi và biết ai đã được hoa rồi, ai chưa được. Đó gọi là 5 điều kiện. Đoạn, người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo mỗ giáp làm người chia hoa. Đây là lời tác bạch.

(**496b**) Bạch xong, làm một lần Yết-ma, cho đến "*Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành.*"

Vị Tỳ-kheo nhận pháp Yết-ma rồi nên bảo tịnh nhân chăm sóc hoa. Nếu hoa nhỏ thì nên dùng chén đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu các loại hoa lớn như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi thì nên đếm mà chia. Nếu phần hoa của Phật thì nên dâng lên Phật. Nếu hoa của Tăng thì tùy ý cúng dường, hoặc trao đổi nhau. Nếu hoa quá nhiều thì nên đưa cho cửa hàng bán hoa và bảo họ: "Mỗi ngày

bà phải đưa cho tôi chừng ấy vòng hoa, số còn lại bà hãy trả cho tôi chừng ấy tiền." Khi được tiền bán hoa có thể dùng sắm y cho phòng riêng, hoặc sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu số tiền lớn thì nên bỏ vào ngân quĩ của chùa.

Đó gọi là nguyên tắc sử dụng hoa.

*

VẤN ĐỀ TRÁI

Vấn đề trái tương tự như cách sử dụng hoa đã nói ở trên, cho đến sau khi làm Yết-ma xong phải bảo tịnh nhân chăm sóc. Nếu trái nhỏ thì nên dùng vật gì đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu trái lớn như các loại trái đa-la, trái tì-la, trái dừa, trái ta-na-sa, trái xoài thì nên đếm mà chia. Nếu trái nhiều thì nên đưa cho người bán trái cây rồi bảo họ hằng ngày phải đưa cho mình chừng ấy trái, số còn lại thì phải trả chừng ấy tiền. Số tiền ấy nên sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu còn dư thì nên bỏ vào ngân quĩ của chùa. Đó gọi là phép sử dụng trái.

*

VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo trồng xoài trong đất của Tăng, rồi chăm sóc cho lớn, tự hái trái mà không cho người khác hái. Các Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy tự hái được mà ngăn cản người khác?." Thầy đáp: "Vì cây này tôi trồng và chăm sóc cho đến khi lớn."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người trồng cây này có công đức, nên cho họ hưởng một năm. Phép hưởng một năm là: Nếu Tỳ-kheo trồng các loại cây ăn quả như xoài, Diêm-phù-đề và các loại tương tự như thế thì cho

hái trái một cây trong một năm. Nhưng nếu cây lớn không muốn cho hái quả một cây cả năm thì nên cho hằng năm hái quả một cành. Nếu cành cây ấy bị gãy hoặc khô thì chấm dứt. Nếu vị ấy trồng cả vườn cây thì nên cho hưởng trọn một năm. Nếu vị ấy muốn hái quả hằng năm của một cây thì cũng chuẩn thuận.

Nếu ai trồng cải, hành, hoặc các loại rau tương tự như thế thì cho họ được cắt một bó. Nếu trồng dưa, bầu thì cho hưởng một kỳ ra trái.

Đó gọi là phép tắc trồng cây.

*

PHÉP TRỊ TỘI

Có người do thân hành động, miệng nói năng, thân miệng hành động; hoặc do thân không thu nhiếp, miệng không thu nhiếp, thân miệng không thu nhiếp nên phạm tội; nói chung, do thân gây ra, miệng gây ra và cả thân miệng cùng gây ra tội lỗi. Trái lại, trường hợp không có tội là: Thân không hành động, miệng không nói năng, thân miệng không hành động. Hoặc thân được thu nhiếp nên không phạm tội, miệng được thu nhiếp nên không phạm tội, thân miệng được thu nhiếp nên không phạm tội. Nói chung, thân không (**496c**) gây ra, miệng không gây ra, thân miệng không gây ra các hành vi sai trái, nên không có tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ba-la-di thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Hoặc cho họ trở về làm người thế tục; hoặc cho họ học làm Sa-di; hoặc trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nếu không che giấu thì cho hành pháp Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội. Nếu có che giấu thì cho hành Biệt trú, Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ni-tát-kỳ thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nên đem vật đã vi phạm đến xả giữa Tăng – nếu là Thượng tọa – rồi cúi đầu, đảnh lễ ôm chân vị chủ sám. Nếu là Hạ tọa thì nên quì gối chắp tay, nói như sau: "Thưa trưởng lão, tôi phạm giới cất y lâu ngày, đã đem xả giữa chúng Tăng, nay xin sám hối tội Ba-dạ-đề." Vị chủ sám nên hỏi:

Thầy có thấy tội ấy không?

Dạ thưa thấy.

Đừng tái phạm nhé!

Xin cúi đầu vâng giữ.

Ngoài ra, phạm các tội Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì chỉ có tên tội sai khác, nhưng cách trị phạt cũng thế.

Đó gọi là phép trị tội.

Kệ tóm tắt:

"Chúng sinh và trồng cây,
Đốn củi cùng hoa trái.
Người trồng hưởng một năm,
Phép trị phạt các tội.
Hết phần thứ mười hai."

*

PHÁP DIỆT TRÁNH

Pháp này gồm có bảy, đó là: (1) Hiện tiền Tỳ-ni; (2) Ức niệm Tỳ-ni; (3) Bất si Tỳ-ni; (4) Tự ngôn Tỳ-ni; (5) Mích tội tướng Tỳ-ni; (6) Đa mích Tỳ-ni; (7) Thảo bố địa Tỳ-ni.

Đó gọi là pháp diệt tránh, tức những nguyên tắc dùng để dập tắt sự tranh cãi.

*

SỰ TRANH CÃI

Gồm có bốn trường hợp, đó là: (1) Tướng ngôn tránh; (2) Phỉ báng tránh; (3) Tội tránh; (4) Thường sở hành sự tránh. Đó là 4 trường hợp nảy sinh tranh cãi.

*

ĐIỀU PHỤC

Gồm có: (1) Yết-ma chiết phục; (2) Yết-ma bất ngữ; (3) Yết-ma khu xuất; (4) Yết-ma phát hỉ; (5) Yết-ma cử (tội); (6) Yết-ma biệt trú. Đó gọi là điều phục.

Các việc cần điều phục: Thuộc về năm nhóm tội: (1) Ba-la-di; (2) Tăng-già-bà-thi-sa; (3) Ba-dạ-đề; (4) Ba-la-đề Đề-xá-ni; (5) Việt-tỳ-ni. Đó gọi là các việc cần điều phục.

*

NGHE PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Có cho phép chúng con làm nhà tranh không?

Cho phép.

Bạch Thế Tôn! Có cho phép xây vách, làm cánh cửa, làm ngưỡng cửa, trét đất, vẽ năm loại hình ảnh không?

Cho phép. Này các Tỳ-kheo! Như trong thời quá khứ có vị vua tên là Cát-lợi làm Tinh xá cho Phật Ca-diếp một tầng, hai tầng cho đến bảy tầng. Thế rồi, ông cho chạm khắc các hình tượng và cho vẽ các thứ chỉ trừ hình tượng nam nữ giao hợp. Các loại hình tượng (497a) đó là: Tượng Tỳ-kheo trưởng lão; chùm trái nho; hình cá ma-kiệt hoặc hình con ngỗng; tượng tử thi; hình núi rừng. Các loại tương tự như thế gọi là năm loại hình vẽ.

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ cho phép làm phòng; lúc ở thành Tỳ-xá-ly cho phép dùng sữa, sữa chua, sữa đóng váng; lúc ở Tinh xá Khoáng Dã cho phép dùng cá, thịt. Ngài cho phép dùng các thứ như thế, chế định các thứ như thế đều tại 8 thành phố lớn sau đây: (1) Thành Xá-vệ; (2) Sa-kỳ; (3) Chiêm-bà; (4) Ba-la-nại; (5) Câu-diệm-di; (6) Tỳ-xá-ly; (7) Vương-xá; (8) Ca-tỳ-la-vệ.

Đối với chín bộ kinh, nếu có quên nơi thuyết giảng thì có thể kể tên một trong tám thành phố lớn ở trên, chính là nơi mà Thế Tôn đã tuyên thuyết.

Đó gọi là nghe pháp.

*

DẦU THOA MẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng; lúc nghe tiếng kiền chùy đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn đang thoa dầu vào mặt, không đến đúng giờ, nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi hai Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép bôi dầu vào mặt. Dầu gồm có các loại: dầu mè; dầu đại ma; dầu hoa a-đề-mục-đa; dầu hoa chiêm-bà... Nếu ai vì trang sức mà thoa các loại dầu thơm như thế lên mặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng khi tắm rửa thì được dùng dầu, hoặc khi gội đầu thì được dùng bột, dầu thoa chân đổ trong bàn tay rồi xoa lên mặt thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng dầu thoa mặt.

*

PHÉP DÙNG PHẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc nghe tiếng bảng đánh thì nhóm sáu Tỳ-kheo còn đang thoa phấn lên mặt không đến đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến câu Phật dạy: Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo dùng phấn bôi lên mặt. Phấn có các thứ như phấn ma-na-thạch, phấn diên tích, đại loại các thứ như thế. Nếu Tỳ-kheo vì thích đẹp, thậm chí bôi đất đỏ lên mặt, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên mặt bị mọc mụt nhọt, sảy thì bôi phấn không có tội, khi thoa không được ở giữa mọi người, mà nên ở chỗ vắng. Đó gọi là phép dùng phấn.

*

PHÉP DÙNG BÀN CHẢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo đang bận chải đầu không đến đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật nói: "Ta không cho phép Tỳ-kheo dùng bàn chải chải đầu. Bàn

chải gồm các thứ như bàn chải bằng lông, bằng rễ cỏ, đại loại các thứ tương tự như thế. Thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. **(497b)** Nhưng khi cạo đầu xong, dùng tay xoa trên đầu thì không có tội. Đó gọi là phép dùng bàn chải."

*

PHÉP DÙNG LƯỢC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép dùng bàn chải, rồi một hôm đàn việt cúng dường cơm cho chúng Tăng; đến lúc nghe bảng đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn dùng lược chải đầu, không tới đúng giờ nên bị đàn việt chê trách. Thế rồi, Phật dạy: "Ta không cho phép dùng lược. Lược gồm có các loại như lược bằng răng, lược bằng xương, lược bằng sừng, lược bằng cây. Đại loại tất cả các thứ lược tương tự như thế đều không được phép dùng; thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng lược."

*

PHÉP DÙNG TRÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép dùng lược, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo dùng trâm cài lên đầu, không đến đúng giờ, nên bị đàn việt chê trách, và cuối cùng Phật dạy: "Ta không cho phép dùng trâm. Trâm có các loại như: vàng, bạc, đồng, sắt, kim cương, đá, răng, xương, sừng, tre, gỗ. Nói chung, tất cả các loại tương tự như thế đều không được phép dùng. Thậm chí, nếu vì thích đẹp mà dùng nanh heo chải đầu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu khi đầu ngứa thì được dùng tay sạch cầm một vật gì đó cào lên đầu. Đó gọi là pháp dùng trâm."

Kệ tóm tắt:

"Tranh cãi và dập tắt,
Điều phục, việc điều phục.
Nghe pháp, dầu thoa mặt,
Phấn, lược, trâm, bàn chải.
Hết phần thứ mười ba."

*

PHÉP XÂY THÁP

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, có người Bà-la-môn đang cày đất, trông thấy Thế Tôn đi qua, ông ta bèn dừng cày đến lễ Phật. Thế Tôn thấy vậy liền mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn cười? Chúng con muốn được biết.

Hôm nay ông Bà-la-môn này đảnh lễ hai đức Phật.

Thế nào là hai đức Phật, bạch Thế Tôn!

Đó là đảnh lễ Ta và đảnh lễ tháp Phật Ca-diếp dưới chỗ bắp cày kia.

Chúng con muốn được thấy tháp Phật Ca-diếp, bạch Thế Tôn!

Các ông hãy đến xin ông Bà-la-môn này một nắm đất tại chỗ ấy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đến hỏi xin, ông Bà-la-môn liền cho nắm đất. Khi ấy, Thế Tôn bèn làm ngôi tháp thất bảo của Phật Ca-diếp xuất hiện, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên. Ông Bà-la-môn thấy thế liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Họ của con là Ca-diếp, và đây là ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp."

Bấy giờ, đức Thế Tôn bèn xây ngôi tháp của đức Phật Ca-diếp tại nơi ấy. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Chúng con được đắp đất vào không?

(497c) Được.

Đoạn, Phật đọc kệ:

"Dùng trăm ngàn gánh vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Cung kính lễ tháp Phật."

Khi ấy, đức Thế Tôn bèn xây tháp Phật Ca-diếp, dưới nền làm thành hình vuông, xung quanh đặt lan can, rồi xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí bảo cái, để biểu hiện tướng bánh xe. Rồi Phật dạy: "Nguyên tắc làm tháp phải như thế." Khi tháp hoàn thành, vì tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn tự đảnh lễ. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép đảnh lễ không?" Phật dạy: "Được." Đoạn, Ngài đọc kệ:

"Ai dùng trăm ngàn vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Cung kính lễ tháp Phật."

Bấy giờ người đời nghe Thế Tôn xây tháp liền mang hương hoa đến dâng cho Thế Tôn. Vì lòng tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn nhận hương hoa ấy rồi đem cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con được cúng dường tháp hay không?." Phật dạy: "Được." Thế rồi, Phật đọc kệ:

"Dùng trăm ngàn xe vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Đem hương hoa cúng tháp."

Khi ấy, đại chúng vân tập, Phật liền bảo Xá-lợi-phất thuyết pháp cho mọi người nghe, rồi Phật đọc kệ:

"Trăm ngàn cõi Diêm-phù,
Chứa đầy vàng bố thí,
Không bằng bố thí pháp,
Tùy nguyện khiến tu hành."

Lúc bấy giờ, trong số cử tọa có người đắc đạo, nên Phật liền đọc kệ:

"Đem vàng ròng chứa đầy,
Trăm ngàn thế giới thí,
Không bằng bố thí pháp,
Tùy nguyện thấy chân đế."

Khi ấy, Bà-la-môn đạt được niềm tin bất hoại, liền cúng dường trai phạn cho Phật và chúng Tăng ngay trước tháp. Đồng thời, vua Ba-tư-nặc nghe đức Thế Tôn xây tháp cho Phật Ca-diếp, bèn truyền lệnh quân sĩ chở 700 xe gạch đến chỗ Phật, và vua đi đến nơi, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi bạch rằng:

Bạch Thế Tôn! Con muốn mở rộng thêm ngôi tháp này có được không?

Được, thưa Đại vương. Này Đại vương, trong thời quá khứ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có vị vua tên Cát-lợi muốn xây tháp thất bảo, rồi có viên quan tâu với vua: "Trong đời vị lai sẽ có kẻ phi pháp xuất hiện, rồi hắn sẽ phá ngôi tháp này, vì thế mà mang trọng tội. Xin Đại vương hãy dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng bạc mà lợp lên trên. (498a) Nếu kẻ ấy gỡ lấy thứ vàng bạc đó thì ngôi tháp sẽ còn nguyên vẹn." Nhà vua nghe theo lời viên quan nói, bèn dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng, lợp một lớp mỏng lên trên, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên, lại dùng đồng làm lan can, trải qua 7 năm, 7 tháng, bảy ngày tháp mới hoàn thành. Khi tháp hoàn thành, vua bèn dùng hương hoa cúng dường tháp, đồng thời cúng dường chư Tăng."

Vua Ba-tư-nặc liền bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn, vị vua ấy có phước đức nên được nhiều châu báu, nay con làm tháp đương nhiên không bằng vị ấy.

Đoạn, vua cho kiến tạo, trải qua 7 tháng, bảy ngày thì ngôi tháp hoàn thành. Sau khi ngôi tháp hoàn thành, vua bèn cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng.

Phương pháp làm tháp thì ở dưới chân xây hình vuông, xung quanh làm lan can, xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí bảo cái để biểu tượng cho tướng pháp luân.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, vậy thì còn xây tháp để làm gì nữa?", thì phạm tội Việt-Tỳ-ni, phải chịu quả báo nặng nề.

Đó gọi là phương pháp xây tháp.

*

SỰ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN THÁP

Khi cất Thiền viện, trước hết phải quy định một chỗ đất tốt để làm tháp. Tháp không được xây ở phía Nam, không được xây ở phía Tây (Thiền viện) mà nên xây ở hướng Đông và hướng Bắc. Không được để cho đất của tăng xâm lấn đất của Phật, đất của Phật cũng không được xâm lấn đất của Tăng. Nếu tháp ở gần rừng tử thi, rồi chó ăn đồ thừa tha đến bỏ làm dơ đất tháp, thì nên xây tường chung quanh. Đồng thời nên xây Tăng phòng ở phía Tây hoặc phía Nam. Không được để cho nước ở chỗ đất của Tăng chảy vào chỗ đất của Phật, nhưng nước ở chỗ đất của Phật có thể chảy vào đất của Tăng. Tháp nên xây ở chỗ cao ráo. Không được giặt, nhuộm, phơi y phục, treo giày dép, vắt khăn trùm đầu, khăn choàng vai, hoặc khạc nhổ trong tháp viện.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây tháp để làm gì?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy sẽ mắc tội báo nặng nề.

Đó gọi là sự việc liên quan đến tháp.

*

LÀM TRANG THỜ NƠI THÁP

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con đã xây tháp cho Phật Ca-diếp, vậy có được làm trang thờ hay không?"

Phật dạy: "Được." Rồi Ngài tiếp: "Trong thời quá khứ, sau khi đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi làm trang thờ ở bốn phía, bên trên đặt hình sư tử và vẽ các thứ khác, ở đàng trước đặt lan can để trang trí hoa, còn trong trang thờ treo các bức họa và tràng phan, bảo cái.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, chỉ cần lấy đó làm vật trang sức để mà thọ lạc", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là cách làm trang thờ ở nơi tháp.

*

TRỒNG VƯỜN HOA XUNG QUANH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, con được mở khu vườn ở nơi tháp Phật Ca-diếp hay không?."

Phật dạy: "Được mở." Rồi Ngài tiếp: "Trong thời quá khứ, có vị vua tên Cát-lợi, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua đã xây tháp, rồi mở các hoa viên ở bốn phía. (498c) Hoa viên nơi tháp trồng

các loại cây hoa như cây Am-bà-la, cây Diêm-phù, cây Phả-na-ta, cây Chiêm-bà, cây A-đề-mục-đa, cây Tư-ma-na, cây Long-hoa, cây Vô-ưu, chúng ra hoa tất cả mọi lúc.

Trong vườn này, khi cây ra hoa thì nên hái cúng dường tháp. Nếu đàn-việt nói: "Thưa tôn giả, trong đây hoa thì để cúng dường Phật, còn trái thì cúng dường cho Tăng", thì nên theo lời đề nghị của đàn-việt. Nếu hoa nhiều thì nên đem đưa cho nhà xâu hoa, nói: "Bà xâu chừng này hoa thành vòng đưa cho tôi, số còn lại bà hãy đưa cho tôi chừng ấy tiền."

Nếu được tiền thì nên dùng để mua dầu thắp đèn, hương cúng dường Phật và dùng để sửa chữa tháp. Nếu số tiền nhiều thì nên nhập vào ngân khoản dùng để làm việc Phật.

Nếu ai nói: "Phật không còn dâm, nộ, si mà dùng vườn hoa trái này để làm gì?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề.

Đó gọi là phép trồng vườn hoa xung quanh tháp.

*

ĐÀO AO BÊN THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Này Đại vương, trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi xây tháp cho Phật, bốn phía đào ao, trồng các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Nay Đại vương cũng nên đào ao. Ao được đào ở bốn phía tháp, trong ao nên trồng các loại tạp hoa để cúng dường tháp Phật. Nếu còn dư thì nên đem bán cho người xâu hoa, rồi lấy tiền. Nếu số tiền ấy dùng không hết thì nên bỏ vào ngân quỹ của Tam-bảo. Không được giặt y, rửa tay, rửa mặt, rửa bát trong ao. Nhưng ở cuối đường nước từ ao chảy ra thì tùy ý dùng, không có tội. Đó gọi là phép đào ao ở cạnh tháp.

*

LÀM CHI-ĐỀ Ở CẠNH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Này Đại vương, Đại vương được làm chi-đề. Trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi kiến lập chi-đề ở bốn phía tháp, đồng thời cho chạm khắc và vẽ các hình ảnh. Nay Đại vương cũng nên làm chi-đề. Nơi nào có thờ xá-lợi thì gọi là tháp; nơi nào không có xá-lợi thì chỉ gọi là chi-đề. Các chi-đề (tháp) ở những nơi Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, hoặc tượng Bồ-tát, hang Phật Bích-chi, dấu chân Phật, nên dâng hoa và các phẩm vật cúng dường.

Nếu có ai nói: "Phật đã đoạn trừ hết tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây chi-đề để cúng dường làm chi", thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là làm chi-đề ở cạnh tháp.

*

PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, có được dùng phẩm vật cúng dường tháp để cúng dường chi-đề không?"

Phật dạy: "Được. Nếu vào các ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, mà nhận được các phẩm vật cúng dường, thì nên chọn những thứ tốt nhất đem cúng dường tháp Phật, còn những thứ kém hơn đem cúng dường chi đề."

(498c) Nếu có người nói: "Phật đã dứt sạch dâm, nộ, si mà còn dùng tràng phan, bảo cái cúng dường làm gì", thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là phẩm vật cúng dường.

*

DÙNG KỸ NHẠC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, có thể dùng kỹ nhạc để cúng dường tháp Phật được không?"

Phật đáp: "Được. Sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi dùng ca múa, kỹ nhạc cúng dường tháp Phật, nay Đại vương cũng nên cúng dường. Khi Như Lai tại thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn đều có thể dùng hương hoa, kỹ nhạc, các thứ y phục, ẩm thực để cúng dường, vì lợi ích cho cuộc đời, khiến cho tất cả chúng sinh được an lạc lâu dài."

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn không còn dâm, nộ, si mà dùng các thứ kỹ nhạc này cúng dường làm chi nữa", thì phạm tội Việt-tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề. Đó gọi là cách dùng kỹ nhạc để cúng dường.

*

THU DỤNG CỤ CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con được phép thu vật dụng cúng dường chi-đề hay không?"

Phật đáp: "Được. Thu dọn trong các dịp: ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần. Khi đem tràng phan, bảo cái ra cúng dường chi-đề trong các dịp ấy mà gặp mưa gió bất ngờ ập đến, thì tất cả Tăng chúng phải cùng nhau thu dọn. Không ai được nói: "Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khất thực, là người mặc y phấn tảo, là người có đức lớn, còn các ông nhờ vào đó mà sống thì phải tự thu lấy." Nếu mưa gió xảy đến bất ngờ thì phải cùng nhau thu dọn, tùy theo phòng nào ở gần thì cất tạm nơi ấy. Không ai được phép, vì giữ

phòng mình mà nói: "Để ở phía trước đó." Nếu bị ướt thì nên đem phơi khô, hoặc bị bụi bặm thì nên đập giũ cho sạch rồi chất đống lại. Nếu ai nói: "Tôi là thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khất thực, là người mặc y phấn tảo, là người có đức lớn", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thu dọn dụng cụ cúng dường.

*

TRƯỜNG HỢP GẶP TAI NẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, nếu gặp tai nạn bất ngờ xảy đến thì đối với vật của tháp, của Tăng phải làm sao?."

Phật dạy: "Nếu bọn giặc yếu thế, thì nên đến xin vua che chở. Nếu vua nói: "Tôn giả cứ ở yên đó, đừng sợ, khi nào tôi không tảo trừ được bọn chúng thì tùy ý tôn giả", thì khi ấy nên cân nhắc xem thế lực của vua mạnh hay yếu, nếu thấy thế lực của giặc mạnh hơn, thì nên ngầm sai người tín cẩn đến chỗ lãnh tụ của giặc xin chúng bảo vệ. Còn nếu như vua nói: "Nay tôi còn phải sợ giặc, thì làm sao che chở cho các vị được. Tôn giả hãy đến bọn giặc mà xin chúng bảo vệ", thì nên xem xét bọn giặc (499a) Nếu chúng có tà kiến không tin Phật pháp, không thể theo đường chính, thì không được bỏ vật đó rồi đi, mà nên sai người tín cẩn đem giấu vật của Phật, của Tăng, rồi để ý theo dõi bọn giặc, đừng để chúng đến bất ngờ. Nếu bọn giặc đến gấp, chưa cất giấu kịp, thì vật của Phật nên đem trang hoàng tượng Phật, còn tọa cụ của tăng thì nên đem trải ra, dọn các thức ăn lên đó, để cho bọn giặc thấy rõ. Đoạn, sai một Tỳ-kheo trẻ tuổi núp ở chỗ khuất trông chừng bọn giặc. Nếu bọn giặc đến, thấy các dụng cụ cúng dường rồi, chúng khởi từ tâm hỏi như sau: "Có Tỳ-kheo trong đó hay không? Đừng sợ, hãy ra cả đây." Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ tuổi nên xem xét, nếu trường hợp bọn

giặc đến đột ngột chưa cất giấu các vật được, thì nên nói: "Tất cả các hành đều vô thường", rồi bỏ đi. Đó gọi là trường hợp gặp nạn."

Kệ tóm tắt:

"Xây tháp, việc của tháp
Trang thờ tháp, vườn tháp.
Ao tháp và chi-đề,
Kỹ nhạc, vật cúng dường.
Thu dọn, hương hoa, nạn,
Hết phần thứ mười bốn.

(Tóm tắt toàn bộ phần tạp tụng):

Thọ cụ túc, Yết-ma,
Cử tội và Bố-tát.
Bị bệnh, việc Tỳ-ni,
Vật nặng và ăn tỏi.
Giết vật cúng, đao trị,
Phương tiện thọ chúng sinh.
Diệt thâu-bà cuối cùng."

*

Hết quyển thứ ba mươi ba

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 34

PHÉP TẮC UY NGHI

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tăng tập hợp để Bố-tát; trong lúc mọi người tập trung đông đủ, thì vị Thượng tọa của Tăng là Nan-đà không đến. Khi ấy có đàn việt đem phẩm vật đến chờ chư Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường, liền hỏi các Tỳ-kheo:

Dạ thưa Tăng đã tập hợp đông đủ chưa?

Tập hợp chưa đông đủ.

Ai không đến vậy?

Vị Thượng tọa của Tăng không đến.

Đàn việt liền chê trách: "Ta chờ Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường nhưng Thượng tọa lại không đến." Vì đã chờ đợi lâu, nên thí chủ đem phẩm vật cúng dường, rồi ra về.

(499b) Đến lúc chiều tối, Thượng tọa mới tới, nên không phát thẻ, không hỏi việc các Tỳ-kheo không đến hãy thuyết dục thanh tịnh, liền nói tóm tắt bốn việc (4 Ba-la-di) rồi giải tán.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn hỏi chư Tăng:

Thưa, Thượng tọa đã đến chưa?

Thượng tọa đến rồi lại về.

Tỳ-kheo trẻ tuổi liền trách móc: "Vì sao Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, vị Thượng tọa của chúng Tăng phải biết các việc sau đây: Phải biết về phép tắc của Thượng tọa, kỳ này Bố-tát vào ngày 14 hay ngày 15, hay trung gian Bố-tát, Bố-tát ban ngày hay ban đêm; đồng thời phải biết nơi chốn, hoặc tại phòng sưởi, giảng đường hay trong rừng. Phải tụng đầy đủ 5 thiên giới bổn, tối thiểu là tụng 4 Ba-la-di và các bài kệ, rồi tuyên bố: "Ngoài ra các giới khác chư Tăng đã thường nghe." Nếu trong thành ấp xóm làng có Tỳ-kheo thì Thượng tọa nên sai người loan báo: Kỳ này Tăng Bố-tát vào ngày 14, hoặc ngày 15, hoặc trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào lúc bóng người ngang chừng ấy sẽ Bố-tát tại mỗ xứ. Trước hết nên sai người quét tước giới trường, rải đất bằng phẳng, rải các loại hoa. Thượng tọa còn phải dự liệu xem ai nên chú nguyện, tụng giới, ai phát thẻ. Nếu lúc tụng giới Tăng chưa tập hợp mà có đàn việt đến thì Thượng tọa nên thuyết pháp rồi ủy lạo họ. Nếu Thượng tọa không thể làm được, thì nên mời Thượng tọa thứ hai, hoặc pháp sư thuyết pháp. Khi đến giờ Bố-tát nên hỏi đàn việt muốn ở lại hay đi về. Nếu họ nói rằng đi về, thì nên chú nguyện rồi tiễn họ ra đi. Nếu họ nói "ở lại" thì nên bảo họ rời khỏi giới trường rồi mới Bố-tát. Nếu có khả năng thì nên dùng nước thơm nấu nóng rửa thẻ rồi mới phát. Nếu đại chúng ngồi trong giới trường thưa thớt thì nên một người phát thẻ, rồi một người thâu lại. Khi đưa thẻ không được trùm đầu, choàng khăn trên vai, đồng thời phải bỏ giày dép, trật vai áo phải mà phát thẻ. Người nhận thẻ cũng phải làm như thế. Khi phát thẻ phải phát cho người thọ Cụ túc trước rồi mới phát cho sa-di. Khi phát xong phải bạch: Chừng ấy người thọ Cụ túc, chừng ấy sa-di, cộng tất cả được chừng ấy người. Vị

Thượng tọa của Tăng phải tụng giới; nếu không thể tụng, thì vị Thượng tọa thứ hai phải tụng; nếu cũng không tụng được thì lần lượt đến người nào tụng được, phải tụng. Khi tụng, nếu trời sắp tối, mưa gió xảy đến, hoặc có người già bệnh không thể ngồi lâu, trú xứ ở xa, hoặc có nạn vua, nạn giặc, thì bấy giờ được phép tụng tóm lược. Nếu thời giờ còn sớm không có các nạn kể trên thì phải tụng đầy đủ, hoặc Thượng tọa tự tụng, hoặc người khác tụng, hoặc hòa hợp thuyết pháp, bàn luận, hỏi đáp, chú nguyện cả đêm. Phép tắc Bố-tát của Thượng tọa phải như thế. Nếu không làm như vậy (499c) thì vượt pháp oai nghi.

*

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA (tiếp theo)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo tập hợp để Bố-tát, thì Thượng tọa thứ nhất đến, nhưng Thượng tọa thứ hai không đến; lúc ấy, có đàn việt đem phẩm vật đến định cúng dường, bèn hỏi các Tỳ-kheo:

Dạ thưa chúng Tăng đã tập hợp đầy đủ chưa?

Tập hợp chưa đầy đủ.

Vị nào không đến vậy?

Thượng tọa thứ hai không đến.

Đàn việt liền trách móc: "Ta định cúng dường ít phẩm vật, nhưng Thượng tọa thứ hai lại không đến."

Đợi hồi lâu không thấy đến, đàn việt bèn đem phẩm vật cúng dường, rồi ra về. Đến chiều tối, Thượng tọa thứ hai mới tới, Thượng tọa thứ nhất bèn chê trách: "Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi còn Thượng tọa thứ hai không hỏi đến chăng?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, khi Bố-tát thì Thượng tọa thứ hai cũng phải biết tất cả mọi việc như Thượng tọa thứ nhất đã được nói rõ ở trên chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai là khác mà thôi. Nếu Thượng tọa thứ nhất của Tăng không thể chu toàn, thì Thượng tọa thứ hai phải đảm trách. Nếu không làm được như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

TÁC PHONG CỦA TĂNG CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tăng tập hợp để Bố-tát, thì đệ nhất Thượng tọa, đệ nhị Thượng tọa đến, nhưng các người khác thì lề mề không tập hợp đúng giờ. Đệ nhất và đệ nhị Thượng tọa liền chê trách: "Phải chăng đức Thế Tôn chỉ chế định riêng chúng tôi, không chế định cho những người khác?"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, việc Bố-tát tất cả chúng Tăng đều phải biết. Đó là các việc như sau: Hôm nay là ngày mồng một, mồng hai trong tháng cho đến ngày 14, ngày 15 Bố-tát đều phải biết, hoặc Bố-tát chính thức, Bố-tát trung gian, Bố-tát tại nơi nào đều phải biết. Nếu có người hỏi "Hôm nay là ngày thứ mấy", thì không được hỏi ngược lại "Hôm qua là ngày thứ mấy" mà cần phải biết. Nếu sợ quên thì phải làm thẻ xâu lại, treo trước giảng đường, hay trước

nhà bếp. Người trực nguyệt, tri sự cứ mỗi ngày qua đếm một thẻ. Ngày Bố-tát phải tụng đầy đủ 5 thiên giới; nếu có nạn tai thì tụng 4 Ba-la-di và các bài kệ, rồi nói: "Ngoài ra các giới khác như Tăng đã thường nghe." Tất cả mọi việc trong phần Thượng tọa ở trên đã nói rõ chỉ khác là chữ tất cả mà thôi. Nếu đệ nhất, đệ nhị Thượng tọa không biết thì tất cả những người khác đều phải biết. Nếu không biết như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC CHÚ NGUYỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho Tỳ-kheo Tăng, thì vị Thượng tọa thứ nhất (là Nan-đà) không đến, khiến cho cơm canh nguội lạnh, đàn việt bèn hỏi các Tỳ-kheo:

(500a) Tỳ-kheo Tăng đã tập hợp chưa?

Chưa tập hợp.

Ai không đến.

Thượng tọa đệ nhất không đến.

Đàn việt bèn than phiền: "Ta bỏ cả việc nhà đến đây để cúng dường trai phạn cho chư Tăng, thế mà Tỳ-kheo không tập trung." Đến giờ Thượng tọa mới tới không tán thán thức ăn, cũng không chú nguyện, vội vã ăn xong rồi bỏ đi. Vị trẻ tuổi hỏi: – Thượng tọa đến chưa?

Đã đến, nhưng ăn rồi bỏ đi.

Lúc ấy, vị trẻ tuổi liền trách móc: "Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc sau đây: Hôm nay ai cúng dường thức ăn, cúng cho hai bộ chúng hay một bộ chúng, hay mời từng phòng riêng, tại thôn xóm hay tại Tinh xá, đều phải biết. Nếu có người mời ngày mai cúng dường cơm cho chúng Tăng, thì vị Thượng tọa trong Tăng không nên nhận liền mà phải biết người đến mời đó tên họ là gì, người quen hay lạ, nhà ở con đường nào. Vì e có kẻ đùa bỡn Tỳ-kheo cho nên không được nhận liền. Nếu có người biết rõ người đàn ông, đàn bà mời kia là ai thì được nhận lời mời. Sau khi nhận lời mời, không được tùy tiện đi đến, mà sáng sớm hôm sau nên sai người trực nguyệt, hoặc người làm vườn, hoặc Sa-di đến đó xem, xem họ có bị quan huyện, nước lửa, trộm cướp, sinh đẻ, tử vong mà không chuẩn bị được chăng. Nếu có các tai nạn như thế thì Tăng nên tự lo việc ăn uống. Nếu không thể lo được thì nên bảo mọi người đi khất thực. Khi sứ giả đến hỏi chủ nhân đã chuẩn bị thức ăn xong chưa, nếu họ hỏi: "Người nào? Thức ăn gì?", thì biết đó là kẻ điên cuồng. Bấy giờ, nếu tăng-già-lam có thức ăn thì nên sửa soạn để ăn. Còn nếu như không có thì nên tuyên bố rằng Tỳ-kheo Tăng bị kẻ điên cuồng lừa gạt, mỗi người nên tự đi khất thực lấy. Trái lại, nếu người chủ mời nói: "Thưa tôn giả, con đang sửa soạn đây", thì lúc ấy, Thượng tọa phải biết thời giờ. Nếu vào mùa Đông thì mọi người nên tập hợp đông đủ rồi cùng đi. Nếu vào mùa Xuân, mùa Hạ thì nên kẻ trước, người sau mà đi. Nếu đến nhà người đã mời mà còn sớm, cơm chưa dọn, muốn đi tới chỗ nào thì phải thưa với Tỳ-kheo khác rằng: "Tôi muốn đến nhà mỗ giáp, khi cơm dọn xong đừng đợi tôi." Đi rồi, phải trở về sớm. Khi vào nhà đàn việt, Thượng tọa phải biết ngồi ở bên phải hay bên trái. Nếu đàn việt tổ chức ngày lễ Khánh tiết, đặt ghế ngồi ở bên phải thì nên ngồi. Nếu họ mở hội cúng thí thực ngạ quỉ, đặt ghế ngồi ở bên trái thì cũng nên ngồi. Nếu họ trải tọa cụ dài còn mới, có vẻ gấp gáp, thì

nên dùng tay ra hiệu bảo phải từ từ, rồi ngồi xuống chầm chậm kẻo bị hư hỏng. Nếu không có việc gì gấp thì không được ngồi xuống liền, vì e ở dưới có khí cụ gì khác, hoặc là trẻ con đang ngủ. Cho nên trước hết nên dùng một bàn tay sờ vào chỗ ngồi. Không được đem bình bát cấu bẩn và bánh trái đặt lên trên đó. Không được dùng tay mà chùi. Thượng tọa phải biết ai coi chừng phòng, ai bệnh, để bảo (500b) đàn việt đưa thức ăn. Nếu đàn việt tiếc của thì nên bảo: "Này lão trượng, theo phép thì phải cho, không được không cho." Nếu ngày còn sớm thì nên xếp hàng mà nhận lấy vật cúng dường. Nếu ngày giờ đã trễ mà họ đưa ai trước thì nhận trước rồi bảo họ đi tiếp. Vị Thượng tọa của Tăng phải biết thí chủ cúng dường vì mục đích gì mà chú nguyện đúng chuyện. Khi đàn việt dọn thức ăn, nếu dọn cho Thượng tọa nhiều, thì Thượng tọa nên hỏi: "Tất cả chúng Tăng đều được như thế chăng?." Nếu đáp: "Chỉ có Thượng tọa được như vậy", thì nên bảo họ cúng dường tất cả bình đẳng. Nếu họ nói: "Tất cả đều được như vậy", thì nên nhận. Nếu cần ít thì lấy ít, những người ngồi dưới thì nên bảo đưa nhiều hơn. Nếu có các món ăn ngon như sữa, sữa chua, bánh, thịt, sữa đóng váng, thì nên bảo thí chủ dọn bình đẳng cho tất cả. Phép tắc của vị Thượng tọa trong chúng Tăng là không được nhận xong liền ăn, mà phải đợi dọn đủ tất cả, rồi tuyên bố rằng "cúng dường bình đẳng", bấy giờ mới được ăn. Cách ăn của Thượng tọa là phải ăn từ từ, không được ăn vội vàng cho xong rồi ngồi nhìn, khiến những người trẻ phải vội vã ăn không no, nên trông chừng nhau mà ăn. Không được ăn xong rồi bỏ đứng dậy trước, mà nên đợi họ đưa nước uống, tùy thuận chú nguyện xong rồi mới đứng dậy. Nếu thí chủ cúng dường cầu phúc cho người chết, thì không nên chúc lành bằng câu:

"Lành thay đã vô thường,
Hôm nay ngày tốt lành.
Bày các thức trân quí,
Cúng dường hàng phước điền."

Mà nên chú nguyện như sau:

"Tất cả mọi chúng sinh
Có sinh mạng đều chết.
Tùy theo nghiệp dữ lành,
Tự chuốc lấy quả báo.
Làm ác xuống địa ngục,
Tạo thiện lên cõi trời.
Nếu có thể tu hành,
Hết lậu, được Niết-bàn."

Nếu họ sinh con, thiết lễ ăn mừng thì không nên chú nguyện như sau:

"Đồng tử bỏ nghĩa địa,
Mút tay, bảy ngày sống,
Không bị ruồi nhặng hại,
Do công đức đồng tử."

mà nên chú nguyện như sau:

"Đồng tử qui y Phật,
Như Lai Tì-bà-thi,
Thi-khí, Tì-diệp-bà,
Câu-lâu, Câu-na-hàm,
Ca-diếp và Thích-ca.
Bảy đời các Thế Tôn.
Ví như bậc cha mẹ,
Luôn thương nhớ con mình.
Các niềm vui trên đời,
Đều mong con mình được
(500c) Muốn con hưởng phước đức,
Hơn tất cả kẻ khác,
Thân quyến khắp cả nhà
Đều chung vui bất tận."

Nếu thí chủ về nhà mới, thiết trai cúng dường, thì không nên chú nguyện rằng:

"Khi nhà bị lửa thiêu,
Của cải đem ra được.
Tất cả tài sản mình
Đều không bị thiêu rụi"

mà nên chú nguyện như sau:

"Cửa nhà che nắng mưa,
Muốn Chi-đều toại ý.
Các hiền thánh cao quí,
Đều trú ở trong này.
Kẻ thông minh trên đời,
Hẳn biết rõ nơi đây.
Mời bậc gìn giới hạnh,
Bày ẩm thực, làm phước.
Tăng dùng lời chú nguyện,
Thần nhà ắt hân hoan.
Sinh thiện tâm gìn giữ,
Trọn đời được an trụ.
Nếu đi vào xóm làng,
Hay đến nơi hoang dã.
Ban ngày hay ban đêm,
Thiên thần đều bảo hộ."

Nếu thương khách sắp khởi hành, thiết lễ cúng dường cầu phước, thì không nên chú nguyện thế này:

"Tất cả mọi phương diện,
Nạn giặc không nên đi.
Giờ đây thật đúng lúc,
Xuất gia tu phạm hạnh."

mà nên chú nguyện như sau:

Mọi nơi đều an ổn,
Chư thiên ban điềm lành.
Nghe rồi tâm hoan hỷ,
Mong Chi-đều được cả.
Loài hai chân an ổn,
Loài bốn chân cũng an.
Lúc ra đi an lạc,
Khi trở về bình yên.
Ngày yên, đêm cũng yên,
Chư thiên thường bảo hộ.
Bạn bè đều hiền lành,
Tất cả thảy an ổn
Khang kiện và tốt đẹp,
Tay chân đều vô bệnh.
Thân thể được bảo toàn,
Chẳng bệnh, chẳng khổ đau.
Tất cả mọi mong cầu,
Đều toại tâm mãn nguyện.

Ở phương Đông có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian, làm cho họ được như nguyện, đó là: Ngôi thứ nhất tên Cát-lợi-đế; ngôi thứ hai tên Lộ-ha-ni; ngôi thứ ba tên Tăng-đà-na; ngôi thứ tư tên Phân-bà-tủy; (501a) ngôi thứ năm tên Phất-thi; ngôi thứ sáu tên Bà-la-na; ngôi thứ bảy tên A-xá-lợi. Đó gọi là bảy ngôi sao ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Nay chúng sẽ bảo hộ ông khiến cho an ổn, được lợi ích và trở về sớm; tất cả tinh tú đều góp phần bảo hộ ông.

Lại nữa, phương Đông có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Lại-xa-ma-đề; người thứ hai tên Thi-sa-ma-đề; người thứ ba tên Danh Xưng; người thứ tư tên Da-thâu-đà-la; người thứ năm tên Hảo

Giác; người thứ sáu tên Bà-la-thấp-ma; người thứ bảy tên Bà-la-phù-đà; người thứ tám tên A-tì-ha-la. Đó là tám Thiên nữ ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Lại có Thiên Vương tên Đề-đầu-lại-tra vua của Kiền-thát-bà và tất cả Chư Thiên thường hộ trì các ngươi, khiến tất cả đều được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Phương Đông có Chi-đề tên Cung trượng thường tỏa ánh sáng, chư thiên cung kính cúng dường. Tất cả các vị Thiên cúng dường ấy sẽ hộ trì ngươi khiến được tài lợi, an ổn mà trở về sớm.

Phương Nam có bảy ngôi sao thường hộ trì thế gian: Ngôi thứ nhất tên Ma-già; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Phả-cầu-ni; ngôi thứ tư tên Dung-đế; ngôi thứ năm tên Chất-đa-la; ngôi thứ sáu tên Tư-bà-đế; ngôi thứ bảy tên Tì-xá-khư. Đó là bảy ngôi sao ở phương Nam thường bảo hộ thế gian, nay sẽ bảo hộ ngươi khiến được an ổn, lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú đều sẽ hộ trì ngươi.

Ở phương Nam có tám thiên nữ: Người thứ nhất tên Lại-xa-ma-đế; người thứ hai tên Thi-sư-ma-đế; người thứ ba tên Danh Xưng; người thứ tư tên Danh Xưng Trì; người thứ năm tên Hảo Giác; người thứ sáu Hảo Gia; người thứ bảy tên Hảo Lực; người thứ tám tên Phi Đoạn, thường bảo hộ thế gian. Đồng thời, có Thiên Vương tên Tì-lưu-đồ vua của Quỉ Thần Câu-ma-đồ, cùng bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Nam có Chi-đề tên A-tì-bát-thi thường phóng ra ánh sáng, chư Thiên cung kính cúng dường. Tất cả chư Thiên cúng dường Chi-đề sẽ hộ trì ngươi được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Ở phương Tây có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Bất diệt; ngôi thứ hai tên Thệ-tra; ngôi thứ ba tên Mâu-ra; ngôi thứ tư tên Kiên Cường tinh tấn; ngôi thứ năm và thứ sáu cùng tên là A-sa-đồ; ngôi thứ bảy tên A-tì-xà-ma, bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú cũng đều bảo hộ ngươi.

Ở phương Tây có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên A-lam-phù-bà; người thứ hai tên Tạp-phát; người thứ ba tên A-lợi-tra; người thứ tư tên Hảo-quang; người thứ năm tên Y-ca-đề-xá; người thứ sáu tên Na-bà-tư-ca; người thứ bảy tên Ký-sắc-ni; người thứ tám tên Sa-đà-la. Đó gọi là tám Thiên nữ. Đồng thời có Thiên Vương tên Tì-lưu-bác-xoa thường hộ trì thế gian. Lại có Long Vương tên Bà-lưu-ni và tất cả loài rồng (501b) sẽ hộ trì ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Tây có núi tên Nhiêu Ích, nhật, nguyệt ở trong đó. Nếu ai có mong cầu điều chi thì sẽ được mãn nguyện.

Ở phương Bắc có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Đàn-ni-tra; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Thế-đà-đế; ngôi thứ tư tên Bất-lỗ-cụ-đà-ni; ngôi thứ năm tên Li-bà-đế; ngôi thứ sáu tên A-thấp-ni; ngôi thứ bảy tên Bà-la-ni; bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích và trở về sớm. Nói chung, tất cả tinh tú đều bảo hộ ngươi.

Phương Bắc có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Ni-la-đề-tì; người thứ hai tên Tu-la-đề-tì; người thứ ba tên Câu-tra-tì; người thứ tư tên Ba-đầu-ma; người thứ năm tên Ha-ni; người thứ sáu tên Ba-lợi; người thứ bảy tên Già-la-ni; người thứ tám tên Ca-ma. Đó gọi là tám Thiên nữ. Đồng thời có Thiên vương tên Bà-lưu-na, thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Bắc có núi tên Chỉ-la-tô, quỉ thần ở trong đó. Tất cả các quỉ thần sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Hai mươi tám ngôi sao cùng nhật nguyệt, ba mươi hai Thiên nữ và Tứ Đại Thiên vương thống trị thế gian đều có danh tiếng. Ở phương Đông có Đê-đầu-la-tra Vương, ở phương Tây có Tì-lưu-bác-xoa Vương, ở phương Nam có Tỳ-lưu-đồ-vương, ở phương Bắc có Bà-lưu-na Vương, tám Sa-môn, tám Bà-la-môn, tám vị Sát-lợi của tám nước lớn, tám con gái của Đế thích sẽ hộ trì ngươi khiến được lợi ích mà trở về sớm."

Nếu thí chủ cưới vợ mở hội cúng dường, thì không nên chú nguyện thế này:

"Sông khô không có nước,
Nước không vua không hộ.
Gái có mười anh em,
Cũng gọi không che chở."

Mà nên chú nguyện như sau:

"Tín nữ chăm trì giới,
Người chồng cũng như thế.
Vì nhờ có niềm tin,
Nên tu hành bố thí.
Hai người đều trì giới,
Tu tập về chánh kiến.
Hân hoan cùng làm phước,
Chư Thiên thường tùy hỉ.
Kết quả của nghiệp này,
Như đi không mang lương."

Nếu người xuất gia cúng dường thì không nên chú nguyện thế này:

"Mong cháu con đông đúc
Nô tì và tiền tài,
Bò dê cùng lục súc
Tất cả đều sung túc."

mà nên chú nguyện như sau:

"(501c) Cầm bát xin nhà nhà,
Gặp sân hay hoan hỷ.
Đều giữ gìn tâm ý,
Xuất gia bố thí nan."

Vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc như vậy. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ, đàn việt đến cúng dường trai phạn, Nan-đà là hàng Thượng tọa đến ngồi trước. Thế nhưng, Ưu-ba-nan-đà và các Tỳ-kheo khác không đến đúng giờ. Thượng tọa bèn khiển trách: "Đức Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi, không chế định cho những người khác chăng?'. Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, tất cả phải tập trung đầy đủ rồi thọ trai. Thượng tọa phải biết các việc như trên đã nói. Ở trong đây chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai và tất cả là khác thôi. Cuối cùng nên để dành chỗ ngồi ở kề bên. Nếu thấy người dọn cơm đi qua, không được im lặng ngồi nhìn, mà người ngồi chỗ ấy nên nói: "Để xuống chỗ này." Khi được thức ăn, không được ăn liền mà phải chờ dọn đủ tất cả rồi mới ăn. Nếu thì giờ đã trễ thì dọn tới đâu ăn tới đó không có tội.

Thượng tọa nên chú nguyện, nếu không thể chú nguyện được thì vị Thượng tọa thứ hai nên chú nguyện. Nếu Thượng tọa thứ hai cũng không chú nguyện được thì các vị ngồi dưới ai chú nguyện được nên chú nguyện. Như vậy tất cả vấn đề ăn uống Thượng tọa cần phải biết. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ ĐỒNG HÀNH

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà độ người xuất gia cho thọ Cụ túc rồi không dạy dỗ để nghinh ngang như trâu trời, dê trời, không đủ oai nghi, không biết phép phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê và các trưởng lão Tỳ-kheo, lại không biết phép tắc vào xóm làng, vào nơi rừng vắng, nhập chúng, mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Hòa thượng phải dạy đệ tử đồng hành như sau: Khi thọ Cụ túc rồi phải dạy đọc hai bộ Luật. Nếu không thể dạy đọc hai bộ thì dạy đọc một bộ. Nếu một bộ cũng không thể dạy được thì nên dạy đọc kỹ năm thiên giới. Nếu cũng không thể dạy được, thì nên dạy đọc bốn thiên, ba thiên, hai thiên, ít nhất là dạy đọc bốn việc (Ba-la-di). Mỗi ngày dạy ba lần: sáng sớm, buổi trưa và buổi chiều. Những vấn đề cần phải dạy là A-tì-đàm, Tỳ-ni. A-tì-đàm tức là chín bộ Kinh, Tỳ-ni tức là giới bổn, hoặc dạy đầy đủ, hoặc tóm lược. Nếu không thể dạy được, thì nên dạy họ biết tội nặng nhẹ, biết ý nghĩa của Kinh, của Luật, của ấm, giới, nhập, của nhân duyên, dạy về oai nghi, nếu trái oai nghi thì nên ngăn cản, đồng thời nên dạy giờ nào đọc kinh, giờ nào tụng chung, giờ nào ngồi thiền. Đó gọi là dạy. Nếu không đọc kinh, cùng tụng kinh, ngồi thiền thì ít nhất cũng nên dạy họ đừng phóng dật. Nếu Hòa thượng không thể dạy (502a) đệ tử đồng hành như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đệ tử đồng hành của Ưu-ba-nan-đà ít khi đến chỗ Hòa thượng, do đó Ưu-ba-nan-đà than phiền: "Đức Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử có đến thì ta mới dạy, còn đệ tử không đến thì ta dạy ai đây?"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo đệ tử ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, đệ tử đồng hành phải phụng sự Hòa thượng như thế này: Buổi sáng phải dậy sớm, trước hết bước chân phải vào cửa phòng của Hòa thượng. Khi vào xong, cúi đầu, đảnh lễ dưới

chân, hỏi xem Hòa thượng ngủ có ngon giấc không. Rồi nhận Kinh, hỏi han công việc, đem đổ bô tiểu tiện, ống nhổ, xong rồi để lại chỗ cũ. Tiếp đến, lấy nước rảy trên nền nhà, rồi quét, lau nền nhà. Đoạn, rửa tay sạch, rồi trao nước, bàn chải đánh răng, cầm bát đi lấy cháo cho thầy. Khi thầy ăn xong, rửa bát, cất lại chỗ cũ. Nếu có nhà nào mời thầy thọ trai, thì đến đó lấy thức ăn. Khi thầy muốn vào thôn xóm, thì trao y thường mặc vào thôn xóm, rồi xếp y thầy mặc trong viện lại, treo vào chỗ cũ. Lúc vào thôn xóm, nên đi theo sau thầy. Nếu muốn khất thực, nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên nhắc nhở đệ tử phải làm đúng pháp, đừng có phóng dật. Nếu mình về trước, nên trải giường ngồi cho Hòa thượng, rồi lấy nước sạch, rải cỏ lá đợi Hòa thượng về. Khi Hòa thượng về, nên đưa y mặc trong Thiền viện cho Hòa thượng, rồi lấy chiếc y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại, treo vào chỗ cũ. Nếu trời nóng thì nên đưa nước tắm cho thầy. Nếu trời lạnh, thì nên đốt lò lửa. Nếu được thức ăn ngon thì nên dâng cho Hòa thượng. Hòa thượng xem xong nên hỏi: "Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?" Nếu đáp: "Con được tại nhà dâm nữ mỗ giáp, nhà quả phụ, nhà đại đồng nữ, nhà người bất năng nam, tại chỗ Tỳ-kheo ni, Sa-di-ni mang tiếng xấu", thì Hòa thượng nên nói: "Đấy là những nơi không nên đến, chẳng nên lấy thức ăn của họ." Nếu nói: "Do thuyết pháp mà được", thì Hòa thượng nên nói: "Không được lấy thức ăn của người ta bằng việc tà mạng."

Khi Hòa thượng ăn, nên đưa nước rửa tay rồi đưa thức ăn. Nếu thời tiết nóng thì nên đưa nước lạnh, rồi cầm quạt quạt cho thầy. Khi Hòa thượng ăn xong, dọn bát, nhặt cỏ lá, rửa bát rồi cất lại chỗ cũ.

Nếu Hòa thượng muốn vào rừng ngồi thiền thì nên lấy tọa cụ vác lên vai, mang bình nước rửa đi theo Hòa thượng. Đến nơi rồi, hoặc học kinh, hoặc hỏi nghĩa. Khi đã được chỉ dạy, nên tìm một chỗ ngồi tu tập. Nếu muốn tụng đọc với người khác thì nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên hỏi: "Ông tụng đọc với ai? Nếu đáp: "Tụng đọc với mỗ giáp", thì Hòa thượng nên xem xét,

nếu thấy người ấy giữ luật lỏng lẻo thì nên nói: "Đừng đi, không (502b) nên giao du với kẻ ấy." Nếu thấy người ấy giữ luật nghiêm chỉnh thì nên cho phép cùng tụng đọc chung. Khi về nên mang tọa cụ trên vai, cầm bình nước theo Hòa thượng trở về.

Khi Hòa thượng muốn lễ tháp, nên đưa nước rửa tay, đưa hoa. Khi lễ tháp xong, nên trải giường ngồi, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Khi Hòa thượng muốn ngủ thì nên lau chùi giường nệm, trải gối, đốt đèn, đem ống nhổ, bô đựng nước tiểu vào để dưới giường. Khi Hòa thượng đã yên ổn thì mới học kinh, hỏi nghĩa. Khi được chia phòng theo thứ tự, nên hỏi trước Hòa thượng, rồi mới nhận.

Nếu hai người cùng nhận một phòng thì Hòa thượng nên hỏi: "Ông được ở chung phòng với ai?" Nếu đáp: "Cùng ở với mỗ giáp", thì Hòa thượng nên xem xét người ấy, nếu thấy giữ giới lỏng lẻo, thì nên bảo đừng ở chung mà sinh ra rắc rối. Nếu thấy người ấy hiền thiện thì nên bảo cứ ở chung. Sau đó, nếu có Thượng tọa nào đến, rồi ra đi, thì nên bạch với Hòa thượng.

Đối với Hòa thượng, đệ tử đồng hành phải thực hiện những việc kể trên. Nếu không làm thì vượt pháp oai nghi. Nếu Hòa thượng có nhiều đệ tử, thì mỗi người tối thiểu cũng phải lau giường Hòa thượng một lần. Đó gọi là phận sự của đệ tử.

*

BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ Y CHỈ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nhận đệ tử y chỉ mà không dạy bảo, để họ buông lung như trâu hoang, dê hoang. Phận sự đệ tử phải làm các việc như ở phần Hòa thượng trên đây đã nói rõ, chỉ có tiếng gọi thầy y chỉ là khác thôi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nhận đệ tử y chỉ mà đệ tử không đến, họ bèn than phiền: "Đức

Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử không đến thì ta biết dạy ai đây?" Như trường hợp đệ tử đồng hành ở trên đã nói rõ, ở đây chỉ có đệ tử y chỉ là khác mà thôi.

Kệ tóm tắt:

"Việc Bố-tát, ẩm thực,
Thượng tọa cần phải làm.
Vị đệ nhị Thượng tọa,
Và mọi người cũng thế.
Hòa thượng dạy điều chi,
Người đồng hành phải nghe.
Thầy y chỉ dạy bảo,
Đệ tử phải phụng hành
Kết thúc phần thứ nhất."

*

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn ở thành Xá-vệ; lúc ấy, đức Như Lai cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bỏ ngổn ngang trên đất, bị gió thổi xiêu vẹo, nắng táp mưa sa, mối mọt gặm nhấm và chim chóc ỉa lên trên, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là giường của ai mà để ngổn ngang trên đất, khiến chim chóc ỉa lên trên thế này?." Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Kể từ hôm nay, vấn đề giường nệm cần phải biết như thế này: Không được thấy giường chõng bỏ ngổn ngang dưới đất, (502c) bị mối mọt ăn, nắng táp mưa sa, gió thổi xiêu vẹo, chim chóc ỉa lên trên mà cứ để mặc như thế. Nếu thấy bỏ ngổn ngang đây đó thì nên đem chất lại một chỗ. Nếu nghiêng thì sửa cho ngay lại. Nếu bị nắng táp, mưa gió xiêu vẹo thì phải đem cất vào trong phòng. Nếu bị mối mọt ăn thì phải tra chăn

lại cho vững. Nếu bị chim chóc ỉa trên đó thì phải đập giũ rồi cất vào trong phòng. Không được thấy phòng ốc bị dột mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ giọi (lợp) lại. Nếu được lợp bằng ngói, thì nên dùng ngói giọi lại. Nếu được lợp bằng xi-măng thì nên dùng xi-măng giọi lại. Nếu được phủ bằng đất, thì nên dùng đất phủ lên. Nếu tường vách bị hỏng hóc thì nên sửa chữa rồi tô đất lại. Giường nệm của chúng Tăng không được để yên như thế mà sử dụng, vì chúng chỉ được bọc có một lớp mỏng, cho nên phải dùng hai lớp tọa cụ phủ lên trên. Khi ngủ, nên dùng vật gì lót ngọa cụ, đừng để nó chạm vào thân mình. Nếu tấm nệm dày thì không được gấp lại, khiến hư hỏng vật của chúng Tăng. Nệm gối được xếp lại, nếu có dơ bẩn thì nên đem giặt. Nếu nó bị rách thì nên vá lại cho lành. Cần phải giữ gìn, bảo quản giường nệm, ngọa cụ của chúng Tăng như vậy. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN TRÚ XỨ

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn ở thành Xá-vệ, bấy giờ vào tháng cuối mùa Xuân mà các Tỳ-kheo không sửa chữa phòng ốc. Đức Như Lai vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm việc lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có tham luyến các việc hữu vi hay không;
2. Xem họ có bàn phiếm chuyện đời hay không;
3. Xem họ có ham mê ngủ nghỉ hay không;
4. Vì để thăm viếng các Tỳ-kheo bệnh;
5. Để cho các Tỳ-kheo trẻ tuổi có niềm tin trông thấy oai nghi đĩnh đạc của đức Như Lai mà phát tâm hoan hỷ.

Đó gọi là vì năm việc mà đi tuần hành các phòng. Khi thấy các phòng xá bị hỏng hóc mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Phòng này của ai bị hư hỏng mà không sửa chữa?

Bạch Thế Tôn! Đến lúc an cư Tỳ-kheo nhận phòng sẽ tự sửa chữa lấy.

Từ nay về sau, đến lúc an cư phải sửa chữa phòng ốc bằng cách: Sắp xếp mùa an cư không được thấy phòng ốc bị hư hại không sửa chữa mà nói: "Người nào an cư nhận phòng sẽ tự sửa chữa lấy." Nếu phòng lợp bằng cỏ thì dùng cỏ để giọi lại, cho đến, nếu phòng trét đất thì nên dùng đất để sửa chữa, hoặc bức tường bị trống thì nên dùng đất tô lại các lỗ chuột đục, lấp kín dưới nền. Các vật dụng trong phòng nên cất dồn lại một chỗ. Người nào hội đủ năm điều kiện sau đây thì cử làm người chia phòng: (1) Không thiên vị; (2) Không giận dữ; (3) Không sợ sệt; (4) Không ngu si; (5) Biết ai được phòng, ai chưa được. Đó gọi là năm điều kiện. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử mỗ giáp làm người chia phòng. Đây là lời tác bạch.

(503a) Một lần bạch, một lần Yết-ma cho đến "Tăng bằng lòng cho nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành."

Vị Tỳ-kheo đã được pháp Yết-ma rồi phải sửa chữa phòng sưởi, phòng ăn, giảng đường, phòng tắm, nhà che giếng, nhà vệ sinh, nhà ngõ, chỗ đi kinh hành dưới gốc cây; đồng thời phải ghi chép tất cả xem nhiều hay ít. Nếu những trú xứ ở A-luyện-nhã cách xa nhau thì nên chia phòng vào ngày 12, 13 tháng tư. Nếu ai không nhận thì nên đi đến nơi khác. Nếu phần lớn đều ở gần nhau thì đợi đến ngày 14, 15 chia phòng và đọc biên bản ở giữa chúng Tăng như sau: "Xin đại đức Tăng lắng nghe, Tinh xá mỗ giáp có

chừng ấy phòng, chừng ấy giường nệm, chừng ấy thức ăn, ăn đến ngày ấy, có chừng ấy y an cư."

Thượng tọa nên bảo người chia phòng tổ chức một bữa cúng dường. Khi chia phòng nên chia từ Thượng tọa cho đến Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, nhưng không được chia phòng cho Sa-di. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo cứ chia để tôi sẽ chăm sóc cho, thì hãy chia. Nếu có nhiều phòng thì nên chia mỗi người hai phòng. Nếu người ấy nói: "Tôi không cần hai phòng, chỉ cần một phòng là đủ", thì nên bảo: "Không phải chia để ở mà là chia để trông nom." Nếu phòng ít thì chia hai người, ba người một phòng. Nếu chia như vậy mà không đủ, thì chia năm người, sáu người một phòng. Nếu cũng không đủ mà có giảng đường rộng, thì tất cả mọi người nên vào ở trong giảng đường. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa kê giường lớn, Hạ tọa kê giường nhỏ. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa kê giường nhỏ, Hạ tọa ngồi nệm cỏ. Nếu cũng không đủ thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, Hạ tọa nên đứng, hoặc ra ngoài gốc cây. Chia phòng vào mùa Đông thì vừa để ở mà vừa để coi sóc. Nếu có Thượng tọa đến bảo giao phòng lại thì phải ra đi. Nếu chia phòng vào mùa Xuân thì cũng như vậy. Còn chia phòng vào mùa Hạ thì vừa để trông coi mà vừa để ở. Nếu Thượng tọa đến bảo phải ra đi, thì không nên đi.

Vào tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như trên đã nói. Nếu không sửa chữa như thế thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn, nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy phòng ốc bị dột nát, hỏng hóc mà không sửa chữa, nước mưa đọng lại từng vũng trong phòng, cửa ngõ bị mối mọt ăn, giường nệm thì lên mốc xanh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là những phòng của ai, bị dột nát, hư hỏng thế này mà không sửa chữa?" Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, trong mùa Hạ an cư nên sửa chữa phòng ốc, giường nệm,

không được thấy phòng ốc giường nệm bị hư hỏng **(503b)** mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ để giọi, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại, đồng thời khai thông các vũng nước đọng ra đến dòng nước. Nếu gối nệm của giường nằm, giường ngồi lên mốc thì phải đem phơi nắng cho khô. Nếu trong phòng ẩm thấp thì nên kê giường cách bức tường, tra chân giường cho chắc, đừng để mối mọt ăn. Đồng thời phải quét sạch bồ hóng và lưới nhện. Mỗi nửa tháng nên dùng khăn lau nhà một lần. Nếu sàn nhà khô thì nên rấm nước rồi lau. Nếu sàn nhà ẩm ướt thì nên lau không mà thôi. Nếu trong phòng ẩm ướt thì không được rửa tay, rửa chân, rửa bát trong đó, cũng không được đóng kín cửa mà phải thường thường mở cửa cho gió lọt vào. Không được đun khói trong phòng. Vào dịp Hạ an cư, Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

TRÚ XỨ A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã xong, không gởi gấm trú xứ cho ai mà bỏ đi hết. Sau đó bị lửa tự nhiên thiêu cháy hết phòng ốc. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Tỳ-kheo an cư xong nên bảo quản phòng ốc bằng cách: Nếu an cư tại A-luyện-nhã xong, đến mùa Đông muốn dời đến nơi ấm áp thì không nên đi tất cả, mà nên yêu cầu vài ba người có thể kham nhẫn ở lại trông coi, và nên để lại thức ăn đừng để bị thiếu thốn. Nếu họ nói: "Không được; vì sao tôi phải ở lại nơi hoang vắng này để làm gì?", nếu không một ai ở lại cả, thì phải đem tất cả các thứ giường nệm, mền gối, đồ đồng, đồ sắt vào trong Tinh xá ở thôn xóm mà gởi. Giường ngồi, giường nằm nên kê cách vách, và dùng vật gì lót dưới chân để mối khỏi ăn. Khi an cư xong, không được thấy phòng ốc dột nát, hư hại, không sửa chữa mà ra đi. Nếu phòng

lợp bằng cỏ, thì dùng cỏ giọi lại cho đến nếu phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại. Đồng thời tô lại phòng và quét vôi vào vách. Nếu xung quanh đó thỉnh thoảng có đốt lửa thì nên gởi gấm với các mục đồng rằng: "Ông thường thường trông chừng phòng ốc giùm tôi." Các trú xứ nơi thôn xóm cũng phải bảo quản như thế. Nếu phòng sưởi, giảng đường, nhà ăn có hư hao cũng phải sửa chữa như vậy. Nếu tại Tinh xá có đàn việt đang ở thì nên bảo họ sửa chữa; hoặc sai người khác sửa chữa. Nếu trú xứ không có chủ, cũng không sai ai được, thì tất cả Tăng chúng phải sửa chữa. Nên chia đồng đều mỗi người một khuỷu tay, hai, ba khuỷu tay để cùng làm cho chu đáo. Nếu giường nằm, giường ngồi sút sổ thì nên đóng lại, buộc lại cho chắc chắn. Nếu nệm, gối xếp dơ bẩn thì nên đem giặt cho sạch, nếu có bị rách thì nên vá lại. Các vật dùng trong phòng nên xếp đống lại một chỗ.

Tỳ-kheo an cư xong, nên sửa chữa bảo quản phòng ốc, giường nệm như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

BỔN PHẬN CỦA TỲ-KHEO KHÁCH

(503c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, bấy giờ đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy giường ghế bỏ ngổn ngang chỗ này chỗ kia trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

Giường chõng của ai mà bỏ ngổn ngang không cất thế này?

Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ ở của cựu Tỳ-kheo, còn con là khách.

Từ nay về sau, khách Tỳ-kheo phải biết như thế này: Không được thấy giường ghế bỏ ngổn ngang bị mối mọt ăn mà cứ để yên. Nếu thấy bỏ ngổn ngang thì phải thu lại cất vào một chỗ. Nếu thấy ngả nghiêng thì phải sắp lại cho ngay ngắn, rồi dùng vật gì kê dưới chân để mối khỏi ăn. Khi khách Tỳ-kheo đến nơi nào thì không được đột

nhiên đem đồ đạc mình vào trong phòng mà phải để đồ vật lại một chỗ, đi tìm cựu Tỳ-kheo để xin phòng. Khi được phòng rồi, nếu mặt đất không bằng phẳng thì nên lấp cho bằng. Nếu có hang chuột thì nên lấy đất lấp lại. Nếu có bồ hóng, mạng nhện thì nên quét dọn. Giường ghế nếu sút sổ thì nên nêm lại, buộc lại cho chặt chẽ. Đồng thời phải đập giũ gối nệm rồi lấy nước rưới lên sàn nhà, lau quét sạch sẽ. Nếu cái giá móc y bằng gỗ thì nên dùng vật gì lau cho sạch. Nếu nó bằng tre, trơn tru thì nên dùng tay mà chùi, nên xem nếu nó vững chắc thì nên treo bát lên trên. Nếu chỉ ở lại có nửa đêm thì cũng phải làm các việc như thế xong rồi mới đi.

Nếu khách Tỳ-kheo không bảo quản như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

BỔN PHẬN CỦA CỰU TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; cho đến, vị Tỳ-kheo ấy nói: "Bạch Thế Tôn! Đó là vị khách Tỳ-kheo bày biện ra chứ chẳng phải con, cựu Tỳ-kheo." Phật dạy: "Từ nay về sau, cựu Tỳ-kheo phải biết các việc như sau: Cựu Tỳ-kheo không được thấy giường chõng bỏ lổn ngổn chỗ này chỗ kia bị mối mọt ăn mà cứ để yên như vậy. Nếu thấy bỏ ngổn ngang nơi này nơi kia thì phải đem chất đống lại một chỗ. Nếu thấy bị mối mọt ăn thì phải dùng vật gì kê dưới chân cho chắc. Phép của cựu Tỳ-kheo là không được chọn ở căn phòng tốt, còn giường nệm mền gối bị hư rách, bụi bặm thì đợi khách Tỳ-kheo đến tự lo liệu sửa chữa lấy, mà chính mình phải tu bổ, sửa chữa cho tốt rồi đợi khách Tỳ-kheo.

Cựu Tỳ-kheo phải biết các việc như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

BỔN PHẬN SỬA CHỮA VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ hoàn, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Cho đến, Phật thấy thế, tuy biết nhưng vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

Này Tỳ-kheo! Cái giường này ai trải ra vậy?

Bạch Thế Tôn! Đó là vị cựu Tỳ-kheo trải ra, còn con mới đến ở.

Từ nay về sau, khi thấy giường chõng trải ra, thì tất cả Tỳ-kheo đều phải biết như sau: Tất cả Tỳ-kheo không được để giường nệm bừa bãi chỗ này chỗ kia **(504a)** bị mưa nắng và mối mọt ăn hỏng. Nếu thấy bỏ rải rác trên đất thì phải đem chất lại một chỗ. Nếu thấy bị mưa sa nắng táp thì phải đem cất vào trong chỗ che khuất. Nếu bị mối ăn thì phải kê ở dưới chân. Nếu phòng ốc bị dột thì phải lợp lại. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giọi lại, cho đến, nếu được phủ bằng đất, thì dùng đất đắp vào. Nếu bức vách bị nứt vỡ thì nên dùng đất tô trét lại. Nếu giường nệm mền gối dơ bẩn, rách nát thì không được để yên như vậy xem mà phải đem giặt giũ may vá lại. Nếu lông bông trong gối nệm lòi ra thì phải nhồi lại, ghế dây bị giãn thưa ra thì phải ken lại cho chặt. Khi đánh kiền chùy tập trung để sửa chữa giường nệm thì không được từ từ đi đến mà phải tập hợp nhanh chóng. Sau khi tập hợp, phải cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan, buộc, phải hợp sức cùng làm. Nếu chia công việc, thì mỗi người nên tự đem về làm. Nếu đánh kiền chùy để tập trung sửa chữa giường nệm như vậy thì không được nói tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi khất thực, tôi là đại đức, tôi là Thượng tọa không thể làm, ở trong đây, ai sử dụng thì phải tự sửa chữa lấy, mà tất cả đều phải tập trung, cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan dệt, người thì sơn màu. Tất cả Tỳ-kheo đều phải tập hợp cùng nhau sửa chữa như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ ĐẠI TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đại tiện khắp nơi, bị người đời chê trách rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, như lừa, đi đại tiện không có chỗ nhất định?"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau nên làm nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh không nên làm hướng Đông, hướng Bắc mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ có gió thoáng. Cách làm là: hoặc đào hầm, hoặc làm trên bờ cao. Nếu dưới đáy hầm có mạch nước thì trước hết phải bảo tịnh nhân lấp kín, rồi Tỳ-kheo mới làm. Nếu ở dưới bờ cao có dòng nước chảy, thì đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi xuống tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nên làm hai lỗ, ba lỗ, chiều rộng của lỗ cầu một khuỷu tay, chiều dài một khuỷu tay rưỡi. Trong nhà cầu nên ngăn cách ra, để hai người ngồi hai bên không thấy nhau. Ở bên cạnh nhà cầu để một thanh tre, trong nhà cầu nên để một cái giá treo áo."

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đã ngồi trước trên cầu rồi, sau đó có một Tỳ-kheo khác, vì bắt đi cầu gấp liền vào trong cầu, định đi cầu ngay chỗ vị Tỳ-kheo trước đang đi. Tỳ-kheo ấy bèn kêu lên: "Trưởng lão chớ làm bẩn tôi."

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, cần phải biết phép đi cầu như sau: Không được để cho đau bụng quá gấp rồi mới đi cầu, mà khi mới bắt đi cầu thì nên đi liền. Khi tới đó, không được làm thinh bước vào mà nên khảy móng tay. Nếu bên trong cầu có người cũng phải gảy móng tay đáp lại. Nếu bị đau bụng quá gấp, thì nên ngồi châu đít lại với người ngồi trước mà cùng đi. (504b) Khi chưa đến cầu, không được vén y phục trước mà đi, nên ngồi trên cầu rồi, vừa vén, vừa đi cầu. Không được mang ngọa cụ của Tăng vào cầu tiêu. Khi ngồi vào cầu không được xỉa răng, trùm đầu, che vai áo bên phải, mà nên trật vai áo, cũng không được đọc Kinh, thiền định, quán bất tịnh và ngồi ngủ, khiến làm trở ngại người khác. Khi

đứng dậy, không được xăn y quá cao đứng dậy, mà phải vừa đứng dậy, vừa buông y xuống."

Lại nữa, lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng thẻ tre làm vật chùi đít, khiến hậu môn bị thương tổn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng thẻ tre, thẻ cây lau, thẻ gỗ và xương mà nên dùng vật mềm, vật tròn, đồng thời không được dùng xong rồi bỏ vào trong cầu, mà nên bỏ vào trong sọt đặt tại một chỗ. Nhưng nếu hầm cầu sâu ở trên bờ cao thì bỏ xuống đó không có tội. Khi đại, tiểu tiện và khạc nhổ nên nhắm ngay giữa lỗ, không được làm bẩn hai bên mép. Nếu người trước làm bẩn thì nên dùng thẻ gỗ gạt bỏ cho sạch. Không được đi đại, tiểu tiện xong không dùng nước rửa sạch mà sử dụng tọa cụ, giường nệm của Tăng chúng. Bên cầu nên đặt một thùng nước; nếu hầm cầu đào chỗ đất bằng thì không được đổ nước chảy xuống hầm cầu; nếu cầu làm ở bờ sông thì được dùng. Nên dùng gỗ, đá, ngói làm nắp thùng. Tỳ-kheo trẻ nên theo thứ tự đổ nước cho đầy thùng và phải súc thùng thường xuyên. Nếu nắp bằng ván thì không được để ngoài nắng khiến nó bị hư. Nếu nắp bằng sành, đá thì được để ngoài nắng. Bên cạnh cầu tiêu nên để tro, giẻ lau. Nếu trong thùng nước có sinh trùng thì không được nói: "Trong này có sinh trùng", mà nên bỏ một nắm cỏ ở trên để kẻ khác biết là trong nước có trùng. Không được dùng nhiều nước mà phải dùng có chừng mực. Nếu thùng nước hết nên báo người phụ trách biết, để sai người đổ vào cho đầy, hoặc tự mình đổ vào, ít nhất là một ca đủ cho một người sử dụng. Nếu bộ phận dưới bị bệnh trĩ thì không được rửa mà nên dùng vật mềm để lau, hoặc là vải, hoặc lá cây. Nếu không có nhà vệ sinh thì nên lau ở phía sau phòng. Nếu ngồi đại tiện nơi triền núi thì không được xỉa răng và trùm đầu, trùm vai mà nên trật vai áo. Nếu bắt đi cầu vào ban đêm thì nên dùng chậu, âu đựng rồi đem đổ. Nếu không có đồ đựng thì nên đi cầu chỗ đường nước chảy rồi sáng sớm dọn sạch. Nếu đang ở tại nhà sưởi, giảng đường mà muốn đi cầu thì phải ra ngoài. Nếu bắt đi cầu quá gấp không

thể đi kịp thì phải đi cầu tại một chỗ, chứ không được làm như bò vừa đi vừa phóng uế, rồi sáng sớm dọn dẹp, dùng nước rửa sạch, dùng dầu để lau, ít nhất là dùng giẻ lau mà lau. Khi đang nhiễu tháp mà thấy đau bụng thì nên đi cầu. Nếu quá bức bách thì nên đi tại một chỗ, chứ không được vừa đi vừa phóng uế dơ bẩn cả chân như loài bò. Khi đi xong phải dọn dẹp, lấy nước rửa, rắc bột hương, rồi lau chùi. Nếu tại A-luyện-nhã không có bột hương thì nên dùng dầu mà lau.

Khi muốn vào thôn xóm (**504c**) nên đại tiện trước rồi mới đi. Khi vào thôn xóm rồi mà bắt đi cầu thì nên đến cầu tiêu dành cho đàn ông, không nên vào cầu tiêu của phụ nữ. Nếu không có thì nên hỏi người ta nơi nào có thể đi cầu được. Khi hỏi, không nên hỏi những cô gái trẻ, vì khi nghe vậy họ sẽ cười, mà nên hỏi người lớn tuổi đứng đắn. Nếu cũng không có thì nên vào những ngôi nhà trống. Khi vào rồi, không được ngồi ở chỗ quá trống trải, cũng không nên ngồi chỗ quá kín đáo khiến người ta nghi mình là kẻ trộm. Nếu cũng không có ngôi nhà trống thì nên đi cầu ở bên bờ tường nơi mé đường. Nếu có bạn thì bảo họ ngồi châu lưng lại để che khuất.

Nếu khi đi đường cùng với khách buôn mà muốn đại tiện thì nên đi ở mé đường cuối hướng gió, đừng đi ở đầu gió khiến mùi hôi bay đến người khác. Nếu ban đêm muốn đi cầu thì không được lặng thinh mà đi, mà phải nói cho khách buôn biết, để họ không nghi mình là kẻ trộm, đồng thời cũng phải đại tiện ở dưới hướng gió, chứ không được đại tiện ở trên hướng gió.

Khi đi thuyền với khách buôn mà muốn đi cầu thì nên đến chỗ đại tiện mà đi, đồng thời nên dùng một miếng gỗ gạt xuống để cho phân rơi trên miếng ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có miếng gỗ thì ít nhất đi trên nùi cỏ; nếu cũng không có nùi cỏ, thì nên dùng cái bô đựng rồi đem đổ.

Nếu thấy phân uế nơi tháp, nơi Tăng viện thì nên dọn sạch. Nếu hai người cùng đi mà thấy thế, thì Hạ tọa nên dọn dẹp. Nếu Hạ

tọa giữ giới lỏng lẻo thì bản thân mình phải dọn. Nếu bị trúng độc mà thầy thuốc bảo phải uống nước phân, thì không nên uống nước phân của chính mình mà nên dùng nước phân của kẻ khác.

Tỳ-kheo phải biết các phép vệ sinh kể trên. Nếu không biết những việc như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ TIỂU TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tiểu tiện khắp nơi, bị người đời chê trách rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, lừa tiểu tiện khắp nơi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!." Cho đến, Phật dạy: "Từ nay về sau nên làm chỗ đi tiểu. Cách làm như sau: Không được làm ở hướng Bắc, hướng Đông mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ thoáng gió."

Lúc ấy có Tỳ-kheo đi tiểu, rồi Tỳ-kheo khác cũng đến đó để tiểu. Vị Tỳ-kheo trước nói: "Trưởng lão chớ làm bẩn tôi."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, phép tiểu tiện phải biết như sau: Không được để cho bức bách rồi mới đi mà khi muốn đi tiểu thì phải đi liền. Trước khi vào cầu tiểu phải khảy móng tay; nếu trong đó đã có người thì cũng phải khảy móng tay đáp lại. Nếu quá gấp thì nên đứng quay lưng với người trước, và người trước nên nhường chỗ cho nhau. Khi tiểu tiện không được trùm đầu, che vai và xỉa răng, mà nên vén áo bên phải mà tiểu. Lúc đang tiểu không được thiền định, ngủ, tụng kinh và quán bất tịnh làm trở ngại người đi sau. Khi tiểu xong phải ra ngay. (**505a**) Nếu không có chỗ tiểu tiện thì nên dùng cái bình để đựng; trên bình nên để một cái âu có lỗ thông dưới đáy, tiểu tiện vào trong cái âu đó rồi mở nút cho chảy vào trong bình. Nếu không có âu thì nên dùng cái muỗng để rót vào bình. Không được đại tiện và khạc nhổ vào trong bình. Tỳ-

kheo trẻ phải theo thứ tự đổ cái bình ấy. Khi đổ, phải đổ ở chỗ khuất, không được đổ trên thượng lưu của tháp, viện. Sau khi đổ phải dùng nước rửa sạch rồi úp xuống đất. Nếu không có bình thì mỗi người nên tìm đồ đựng riêng. Nếu đồ đựng bằng đất thì khi rửa xong đem úp xuống đất. Nếu đồ đựng bằng gỗ thì khi đổ xong nên để trong mát cho khỏi bị hư; đồng thời nên buộc dây mà xách. Ban đêm nên đem nó đặt dưới giường. Nếu không có đồ chứa thì (ban đêm) nên đi tiểu ở chỗ rãnh nước. Nhưng rãnh nước đó không được chảy về hướng tháp, phòng sưởi và giảng đường.

Khi muốn đi tiểu thì nên đi ngay. Nếu cấp bách quá không đi kịp, thì nên tiểu tiện tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa, dầu bôi, rồi lau chùi sạch.

Nếu đang nhiễu tháp mà bắt đi tiểu thì phải đi ngay. Nếu cấp bách quá, cũng không được vừa đi, vừa tiểu mà nên tiểu tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa rồi bôi hương thơm. Nếu ở nơi hoang vắng không có hương thơm, thì nên dùng dầu bôi lên.

Nếu muốn đi vào thôn xóm thì nên tiểu tiện trước rồi mới đi. Khi đang ở nơi thôn xóm mà muốn tiểu tiện thì nên tiểu tiện ở chỗ khuất. Nếu cấp bách quá không đến chỗ khuất kịp thì hướng vào bờ tường mà tiểu. Nếu có đồng bạn thì nên bảo họ xoay lưng lại để che mình.

Nếu đi đường với khách buôn mà muốn tiểu tiện thì nên đi ở hướng cuối gió, không được đi ở đầu gió. Nếu nghỉ lại ban đêm, khi đi tiểu tiện cũng phải đi ở hướng cuối gió. Lúc muốn đi phải nói cho họ biết, để họ khỏi ngờ mình là kẻ trộm.

Nếu đi thuyền thì nên đến chỗ tiểu tiện mà tiểu. Nếu không có chỗ đi tiểu thì nên tiểu vào trong đồ đựng rồi đem đổ.

Tỳ-kheo bệnh, nếu thầy thuốc bảo phải uống nước tiểu thì không được lấy nước tiểu lúc đầu và lúc cuối mà nên lấy nước tiểu ở khoảng giữa, hoặc lấy nước tiểu của chính mình, hoặc xin nước tiểu của người khác mà uống.

Phép tiểu tiện phải làm như trên; nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ TĂM XỈA RĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo dùng cây xỉa răng chưa chuốt vót, bị người đời chê bai rằng: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hung ác, cầm nguyên cả cành cây mà xỉa răng?." Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhân dịp đại hội, đức Thế Tôn thuyết pháp, thì có Tỳ-kheo hôi miệng nên ngồi ở phía cuối hướng gió. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như người có điều chi oán hận vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép xỉa răng, vị này bị hôi miệng sợ ảnh hưởng (505b) đến các bậc phạm hạnh nên phải ngồi ở cuối gió.

Ta cho phép dùng tăm xỉa răng nhưng phải ước lượng mà dùng, dài nhất là 16 lóng tay.

Lại nữa, lúc ấy có đàn việt trồng cây tại nơi hoang vắng, rồi Tỳ-kheo nhổ cây ấy làm cây xỉa răng. Chủ nhân thấy thế lòng không vui bèn đi đến chỗ Phật trình bày việc ấy lên Thế Tôn. Phật tùy thuận thuyết pháp khiến tâm ông ta hoan hỷ, rồi ông lễ Phật mà cáo lui. Đoạn Phật bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ông dùng cây có hoa trái làm tăm xỉa răng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ông dùng cây có hoa trái làm tăm xỉa răng. Hơn nữa, khi xỉa răng không được ở tại phòng sưởi, giảng đường, phòng ăn và ở trước chư Tăng, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước tháp, trước tượng. Khi xỉa cũng không được trùm đầu, che vai mà phải vén áo phải, ở tại chỗ khuất. Nếu ở phòng Tăng thì nên dùng ve, hộp mà đựng tăm. Khi tăm xỉa rồi không được bỏ lại vào trong hộp, không được vứt nơi chùa, tháp và nơi thường đi lại. Khi nạo lưỡi không được làm như kẻ dâm dật. Nạo xong, phải rửa cây nạo rồi cất vào một chỗ. Nếu cây xỉa răng khó tìm, thì khi xỉa xong, cắt bỏ chỗ đã xỉa, đem rửa rồi cất để ngày mai dùng lại.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo đang xỉa cây tăm đã cùn, trông thấy đức Thế Tôn đi đến, vì lòng kính trọng nên thầy nuốt khúc tăm vào, khiến khúc tăm mắc nơi cổ, làm cho thầy ảo não. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng quá cùn; dài nhất là 16 lóng tay, và ngắn nhất là 4 lóng tay trở lên. Khi xỉa nên ở nơi vắng vẻ, rửa tay sạch rồi mới xỉa răng. Khi xỉa xong, đem rửa cây tăm rồi mới vứt. Khi dùng không được làm như bọn phóng đãng, vì xỉa răng là để trừ bỏ hôi miệng mà thôi. Khi xỉa răng không được nuốt nước xỉa răng, nhưng nếu lỡ nuốt phải thì không có tội.

Khi Tỳ-kheo bị bệnh nếu thầy thuốc bảo phải nuốt nước xỉa răng (nước nhăm cây tăm) mới lành bệnh thì nên vâng lời mà nuốt. Nếu không có cây xỉa răng thì nên dùng tro, muối, đất, gạch, gừng, đá, cỏ, cây làm cho sạch miệng rồi mới ăn.

Nếu tại nơi chùa, tháp, thấy có tăm xỉa răng thì nên lượm vứt đi. Nếu cả hai người cùng thấy, thì người nhỏ nên lượm vứt. Nếu thấy Hạ tọa giữ giới lơ mơ thì tự mình nên lượm vứt đi. Phép dùng tăm xỉa răng phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Trải giường, cuối tháng Xuân,
An cư, sắp chỗ ngồi.
Tỳ-kheo khách và cựu,
Tất cả đều như vậy.
Cầu tiêu, đại tiểu tiện
Dùng tăm, hết phẩm hai."

*

VẤN ĐỀ VÁ Y

(505c) Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy vị Tỳ-kheo đang trải y trên đất để vá, Phật liền dạy: "Từ nay trở đi nên sắm chiếu. Cách làm chiếu là dùng tre, sậy dài chừng 10 khuỷu tay, bề ngang chừng 6 khuỷu tay mà làm. Khi muốn vá y thì nên đem chiếu trải ở giảng đường hoặc phòng sưởi, phòng ngồi thiền, rồi xổ y ra trên đó mà vá, đồng thời phải rửa chân rồi mới ngồi. Nếu không rửa chân thì phải xếp chân lại mà ngồi lên trên, đừng để bàn chân chạm vào chiếu. Không được phơi ngũ cốc, phơi y, nhuộm y trên chiếu; cũng không được để cho nắng táp, mưa sa, hoặc chim muông làm dơ bẩn chiếu. Khi vá y xong phải cuốn lại đem cất vào chỗ che khuất. Nếu không có chiếu thì nên vá y trên giường. Nếu cũng không có giường, thì nên dùng khăn lau sạch phòng sưởi, giảng đường, rồi đem y ra vá. Khi vá y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ NGĂN CHỖ NẰM

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo ngồi thiền xong trở về, đạp nhằm bàn chân lạnh của thầy vào người khác khiến

vị Tỳ-kheo ấy cảm thấy giật mình, không an. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau nên dùng vật gì để ngăn chỗ nằm ra. Phương pháp làm bằng cách dùng tre, nứa, lau dựng đứng bốn góc rồi dùng dây buộc lại. Khi ngồi thiền trở về thì mở ra, lúc vào trong rồi thì đóng lại. Ban ngày nên mở ra, không nên đóng lại, còn ban đêm thì nên buông xuống. Phương pháp ngăn chỗ nằm phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ LAU PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên đức Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Phòng này của ai mà để dột nát như thế này? Từ nay về sau, việc phòng ốc phải xử trí như thế này: Không được thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ gioi lại, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất đắp lên. Đồng thời nên thường thường quét mạng nhện và bụi bặm, nên lấp bằng những chỗ lồi lõm, dùng đất bịt kín các hang chuột, và mỗi nửa tháng nên dùng giẻ lau nhà một lần. Nếu nền nhà khô thì nên tẩm khăn lau cho ướt để lau; còn nền nhà ướt thì chỉ nên lau bằng khăn khô. Nếu nền nhà được sơn xanh thì nên dùng vật gì bọc chân giường lại đồng thời không được đốt đèn, đi kinh hành hay bỏ giày dép trên đó, cũng không được khạc nhổ mà nên dùng ống nhổ để đựng. Nếu ngôi nhà giữa thì được rửa chân, rửa tay, rửa mặt hoặc rửa bát tại đó. Nếu ngôi nhà dưới thì được đốt đèn, đi kinh hành, rửa tay, chân, rửa mặt và rửa bát tại đó. Về vấn đề phòng ốc phải sử dụng như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ KHẠC NHỔ

Khi Phật an trú tại thành xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, (**506a**) thấy trên các bức tường của phòng ốc, giảng đường có những bãi nước miếng chảy nhiểu xuống đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Kẻ nào nhổ nước miếng bẩn thỉu như thế này? Từ nay về sau, khi khạc nhổ phải làm thế này: Bức tường có được tô hay không tô đều không được nhổ trên đó. Nếu dưới nền nhà không tô thì được nhổ tại một chỗ rồi dùng bàn chân chà đi chứ không được nhổ lung tung dơ bẩn. Nơi nền nhà nên đặt một ống nhổ, trong ống nhổ nên bỏ cát hoặc tro, dưới ống nhổ kê một hòn đá cứng, thỉnh thoảng phải đem đổ, đừng để hôi thối, trùng sinh, nên dùng nước trong rửa sạch rồi úp xuống cho khô. Không được vứt tăm xỉa răng vào trong đó. Ở trong khuôn viên chùa, khi muốn nhổ thì nhổ xong phải dùng gót giày chà đi. Nếu nền nhà có lót thảm thì nên dùng ống nhổ. Nếu đang ăn mà muốn nhổ thì không được nhổ toẹt xuống đất khiến cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh nhòm gớm, mà nên nhổ ở giữa hai chân mình, rồi dùng gót chân chà đi. Nếu đàm ra liên tục nhiều quá thì nên ra ngoài nhổ xong rồi vào ngồi lại. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê mà muốn nhổ, thì nên đến chỗ kín đáo mà nhổ. Nếu đang ở nơi thôn xóm mà muốn khạc nhổ, thì nên nhổ ở cạnh chân mình, rồi dùng chân chà đi. Nếu chỗ đó là đất bùn (mịn) thì nhổ xuống đó không có tội. Nếu thấy những bãi nước bọt ở nơi tháp, nơi tăng viện thì nên dùng chân chà đi. Nếu hai người cùng thấy một lúc, thì người nhỏ hơn nên làm. Nếu người nhỏ giữ giới hời hợt thì tự mình nên chà. Tỳ-kheo khi khạc nhổ phải biết như thế. Nếu ai không biết như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có vị Tỳ-kheo để cái bát tại chỗ lỗ trống, bị cơn gió lốc thổi làm rơi xuống đất vỡ bể, đến lúc

nghe tiếng bảng đánh báo hiệu dùng cháo, thầy đi lấy bát thì than ôi chỉ còn một đống mẻ sành. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi thầy Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, vấn đề bát phải biết như sau: Không được đem bát để ở chỗ lỗ hổng, bên cạnh bờ, chỗ nguy hiểm; không được để ở chỗ cánh cửa mở và nơi thường đi lại; không được dùng tro chùi bát khiến nó phai màu, mà nên dùng nước lá cây, nếu không có cát thì nên dùng khăn mà lau. Khi rửa, không được ngồi ở triền bờ, chỗ nguy hiểm, trên tảng đá, trên đống gạch. Không được ngồi dưới cây đa-la, dưới cây Ca-tì-đà, dưới cây na-lê. Rửa bát nên ngồi chồm hổm, hoặc quì gối cách đất chừng một gang tay. Nên rửa bát Hòa thượng, A-xà-lê trước rồi mới rửa bát mình sau. Không được đem nước thừa trong bát của mình đổ vào bát của Hòa thượng, A-xà-lê mà nên dùng nước thừa trong bát của Hòa thượng, A-xà-lê để rửa bát mình. Khi bát khô, dọn cất thì cũng phải dọn bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. (506b) Khi cất bát vào túi xách phải cất bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. Đồng thời nên ngồi chồm hổm, lấy cái đai túi xỏ qua cánh tay, đặt trên đầu gối, rồi cất bát vào, đoạn, đem để trên giường hoặc trên ghế. Túi đựng bát nên may hai hay ba lớp. Khi muốn treo bát nên lay cây trụ xem có vững chắc hay không rồi mới treo. Nếu không có chỗ treo thì nên để bát trên giường, nếu nơi ấy có rổ đựng rau che chở thì được để, hoặc có sóng bát thì được để, nhưng đừng để chúng úp ngược lại nhau. Sóng bát nên làm vành. Không được lấy bát trong bóng tối; không được lấy bát khi tay bẩn, mà phải rửa tay sạch rồi mới lấy. Khi lấy bát, một tay cầm hai cái, một tay cầm một cái, không được cầm tới bốn cái. Khi trao bát không được đưa đột ngột mà nên hỏi: "Thầy lấy bát chưa?", nếu đáp: "Lấy", thì mới đặt bát xuống. Không được đem bát đựng những vật ô uế cũng không được dùng

đựng nước để cạo đầu, rửa tay chân, rửa mặt, hay dùng trong nhà tắm và dùng múc nước rửa tiểu tiện. Phải giữ gìn bát như giữ gìn đôi mắt. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo chê bai cháo, nếu thấy cháo lỏng liền nói: "Đây không phải là cháo mà là sông Diêu-phù-na." Nếu thấy cháo đặc, liền nói: "Đây không phải là cháo mà là cơm cứng làm gãy răng người ta."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, vấn đề cháo nên biết như thế này: Khi nghe tiếng bảng đánh báo hiệu ăn cháo thì phải biết đó là cháo đãi cho hai bộ Tăng hay cho một bộ Tăng, hay cho thầy trò quyến thuộc. Khi biết rồi thì nên đi, đến nơi rồi thì không được nhìn vào hình thức để khen chê đặc lỏng mà có sao thì nhận vậy; cũng không được lấy vượt thứ tự của mình. Khi lấy không được trùm đầu, trùm vai, mang giày dép mà nên cởi giày, vén vai áo bên phải để lấy. Nếu người đưa cháo đi qua nhanh thì ít nhất nên tháo gót giày để lấy. Nếu không kịp tháo giày thì đợi họ đi trở lại rồi lấy, hoặc nhờ người khác lấy. Nếu ngồi thì lấy theo thứ tự. Nếu thấy cháo lỏng thì không được nói: "Trong quá, giống như sông Diêu-phù-na, thấy cả bóng trăng." Nếu thấy cháo đặc thì không được nói: "Đây là cơm cứng, làm gãy răng người ta", mà hễ cho sao thì nên nhận vậy. Vấn đề cháo nên xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy, thì vượt pháp oai nghi.

*

OAI NGHI KHI ĐỨNG

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Đế-thích bên triền núi, rồi một Tỳ-kheo khác đến đứng trước cửa hang (506c) khiến cho tâm vị Tỳ-kheo ngồi thiền không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi khi đứng phải làm như sau: Không được đứng trước vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền; không được đứng trước chúng Tăng; không được đứng trước chỗ mọi người đang ngồi; không được đứng trước Hòa thượng, A-xà-lê và các trưởng lão Tỳ-kheo; cũng không được mang giày, đeo đai, trùm đầu hoặc buông thõng hai tay đứng bên cạnh các ngài. Nhưng nếu bị bệnh thì không có tội, không được đứng trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước kẻ đồ tể, trước nhà lao và trước kẻ sát nhân. Không được đứng chỗ che khuất kín đáo. Vấn đề đứng phải biết xử trí như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

Hết quyển thứ ba mươi bốn

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 35

PHÉP TẮC UY NGH
(tiếp theo)

CÁCH THỨC ĐI KINH HÀNH

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo mang guốc gỗ đi kinh hành trước một Tỳ-kheo khác đang ngồi thiền, khiến Tỳ-kheo này tâm không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi phải đi kinh hành như sau: Không được đi kinh hành trước Tỳ-kheo đang ngồi thiền, trước chúng Tăng, trước đồ chúng, trước Hòa thượng, A-xà-lê và trước Tỳ-kheo trưởng lão. Nhưng nếu có bệnh uống sữa, thuốc xổ thì được đi kinh hành trước họ. Khi đi không được quay lưng mà nên quay mặt, quay tay phải về phía họ. Nếu cùng đi kinh hành với Hòa thượng, A-xà-lê thì không được đi trước, không được đi ngang hàng mà phải đi sau. Khi trở về, không được đi trước mà phải đi sau, hướng mặt và tay phải về phía các ngài. Không được đi kinh hành trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước lò mổ thịt, (507a) trước tù nhân, trước kẻ giết người. Không được đi kinh hành những nơi

âm u, mà nên đi kinh hành những nơi không âm u, không trống trải quá. Phép đi kinh hành phải như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC NGỒI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi theo thế ngồi của lạc đà. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau không được ngồi theo kiểu lạc đà mà nên ngồi kiết già. Nếu ngồi lâu mỏi mệt thì nên duỗi từng chân một ra để thư giãn, chứ không được duỗi cả hai chân cùng một lúc, hoặc là đứng dậy đi kinh hành. Khi ngồi trong phòng thiền không được trùm đầu, nhưng nếu vì già bệnh thì được trùm một nửa đầu và một bên tai. Nếu ở nơi vắng vẻ, dưới gốc cây thì trùm đầu không có tội. Khi ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Thượng tọa, Tỳ-kheo trưởng lão đang ngồi hoặc đứng thì mình không được ngồi. Không được ngồi trước dâm nữ cho đến ngồi nơi âm u mà nên ngồi những nơi không âm u, không trống trải quá. Tỳ-kheo nên ngồi như vậy. Nếu ai không ngồi như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

CÁCH THỨC NẰM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo nằm sấp, nằm ngửa, nằm nghiêng bên trái. Các Tỳ-kheo bèn đem việc

ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, phải nằm như thế này: Không được nằm như ngạ quỉ, không nằm như a-tu-la, không được nằm như kẻ tham dục. Nếu nằm ngửa tức là nằm như a-tu-la, nằm sấp là nằm như ngạ quỉ, nằm nghiêng bên trái là nằm như kẻ tham dục. Tỳ-kheo phải nằm như sư tử vua của loài thú, quay đầu về hướng mình. Khi duỗi chân tay không được duỗi về phía bên trái mà nên duỗi về phía bên phải, đầu hướng về phía giá y. Không được hướng chân về phía Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão. Đầu đêm không được kêu lên: "Mỏi mệt quá", rồi nằm, mà phải tư duy chân chánh về đạo nghiệp của mình, đến lúc nửa đêm mới nằm. Khi nằm nên nằm nghiêng về bên phải như sư tử chúa, đặt chồng hai chân lên nhau, ngậm miệng lại, đặt lưỡi trên nóc họng, gối đầu lên tay phải, tay trái để dọc theo thân mình, không bỏ niệm tưởng tư duy hành đạo. Không được ngủ cho tới lúc mặt trời mọc mà đến cuối đêm nên thức dậy ngồi tư duy về đạo nghiệp của mình. Nếu trong đêm ngủ say không trở mình thì không có tội. Nếu vì già yếu hay bên phải có mụt nhọt nên không nằm nghiêng về bên phải được thì không có tội. Cách thức nằm của Tỳ-kheo phải như thế. Nếu ai không nằm như thế thì vượt pháp oai nghi. **(507b)** Kệ tóm tắt:

"Vá y, rèm ngăn cách,
Phòng xá và khạc nhổ,
Sóng bát, cháo, đi, đứng,
Ngồi, nằm, phần thứ ba."

*

CÁCH CƯ XỬ GIỮA CỰU VÀ KHÁCH TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đóng cổng Tinh xá, ngồi nói chuyện phiếm. Khách Tỳ-kheo đến gõ cửa, gọi mà họ không nghe. Khách Tỳ-kheo bèn leo tường vào. Cựu Tỳ-kheo liền hỏi khách Tỳ-kheo:

Trưởng lão đi vào từ lối nào vậy?

Leo tường vào.

Vì sao thầy lại leo tường vào?

Thế thì vì sao các vị đóng cửa, tôi gọi mà không trả lời?

Do vậy, hai đàng cãi nhau, rồi họ cùng nhau đi đến bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau không được đóng cổng ngồi nói chuyện phiếm, cũng không được leo tường mà vào. Khách và cựu Tỳ-kheo nên xử sự như sau: Khách Tỳ-kheo khi ra đi phải đem theo chìa khóa cửa, đãy lọc nước, ống đựng kim, trong đoàn lữ hành có một người đem theo thì tất cả không có tội. Trái lại, nếu không có ai đem theo cả thì mọi người đều có tội. Trên đường đi, nếu có người bệnh thì phải thay họ gánh giúp y bát, không được bỏ đi trước mà phải giúp đỡ nhau cùng đi. Nếu người bệnh không thể đi được thì nên thuê mướn xe cộ chở đi. Nếu ở giữa đường có chỗ ẩm thấp thì người trẻ nên đi trước. Nếu sợ quân giặc, cọp, sói thì nên để người già ở giữa. Nếu muốn cho quân giặc sinh từ tâm thì nên để người già đi trước. Khi đi ngang qua xóm làng, nếu thấy có chùa tháp thì nên đi theo con đường mòn, không được đi theo con đường tắt ngang qua bên trái, bên phải. Nếu muốn nghỉ lại thì trước hết nên sai hai Tỳ-kheo trẻ đi vào thôn xóm xin chỗ tạm trú, xin nước giải khát, dầu thoa chân, bữa ăn trước, bữa ăn sau. Khi ra đi các Tỳ-kheo ấy phải buộc lại đai y, bạch về việc mình đi vào thôn xóm phi thời. Khi đã xin được chỗ trú phải trở về báo lại rằng: "Đã xin được chỗ trú." Nếu có ao nước, giếng nước thì nên tắm rửa, buộc lại đai y, thưa hỏi lẫn nhau rồi mới vào. Nếu muốn uống nước đường phèn thì nên uống ở ngoài thôn

xóm, đừng để người ta trông thấy, họ sẽ nghi ngờ người xuất gia mà ăn phi thời. Không được gồng gánh đi vào mà nên chia y vật ra cùng cầm đi vào. Nếu được người ta tuyên bố rằng: "Tùy ý mà an trú", thì người đi sau không bạch, vào không có tội. Khi vào không được đi con đường khác. Nhưng nếu con đường trước bị trở ngại thì đi con đường khác không có tội. Nếu trong xóm làng có Tinh xá thì nên đến đó trú. Nếu tại A-luyện-nhã có ao nước, giếng nước thì cũng nên tắm rửa rồi mới vào. Không được gồng gánh cồng kềnh mà nên chia y vật giày dép, tháo đòn gánh cùng nhau cầm đi. Nếu thấy có chùa tháp thì nên đi vòng bên phải, không được nói năng lớn tiếng khi đi vào. (507c) Nếu thấy Tỳ-kheo quen biết từ trước thì không được la lên: "Ôi chao, thầy vẫn còn ở đây ư? Thầy sống nơi đây rồi chết nơi đây, mà không rời khỏi thức ăn của dã can này."

Cựu Tỳ-kheo cũng không được nói: "Ôi chao, giống như tù nhân vừa thoát khỏi gông cùm, đã 4, 5 năm rồi chúng ta không gặp nhau."

Khách Tỳ-kheo cũng không được hỏi: "Thầy bao nhiêu tuổi? Tôi phải ở phòng này", cũng không được hỏi: "Ngày mai ai làm bữa ăn trước, bữa ăn sau? Có thức ăn gì ngon không?"

Cựu Tỳ-kheo không được đóng cổng ngồi nói chuyện. Nếu muốn tô tường ở sau nhà hay làm các việc khác thì nên sai người làm vườn, Sadi hay Duy na giữ cửa. Nếu cửa đóng thì khách Tỳ-kheo không được leo tường vào mà nên cầm chìa khóa mở cửa vào. Nếu đã gọi mở cửa vào rồi thì cựu Tỳ-kheo nên hỏi: "Thầy bao nhiêu tuổi?." Nên đáp: "Tôi chừng ấy tuổi." Cựu Tỳ-kheo nên nói: "Nếu chừng ấy tuổi thì được giường nệm như vậy."

Thế rồi, khách Tỳ-kheo nên hỏi chỗ đại tiểu tiện, không nên để đến khi bức bách rồi mới hỏi. Tiếp đến nên hỏi xem chúng Tăng có những hạn chế gì. Cựu Tỳ-kheo nên trình bày tất cả những hạn chế của chúng tăng như: "Nhà mỗ giáp kia Tăng đã làm Yết-ma

phú bát chớ nên đến. Nhà mỗ giáp có chó dữ. Nhà mỗ giáp không có niềm tin."

Khách Tỳ-kheo sáng thức dậy không nên đi khất thực liền mà nên hỏi xem trú xứ ấy có bữa ăn trước, bữa ăn sau hay không, Cựu Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão chớ đi khất thực, khất thực vất vả, hoặc không vừa ý, ở đây có bữa ăn trước, bữa ăn sau." Nếu thấy bạn mình muốn ra đi thì không nên nói: "Trưởng lão, những người khách buôn đã đi rồi, đi theo vẫn còn kịp", mà nên nói: "Trưởng lão hãy nghĩ lại ít lâu rồi sẽ có bạn." Nếu bạn có việc gấp phải ra đi thì nên cung cấp lương thực, chúc bạn lên đường.

Khách Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

VẤN ĐỀ RỬA CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vừa rửa chân vừa nói chuyện thế tục và dùng nước đùa giỡn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi rửa chân nên làm như Xá-lợi-phất."

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương-xá, lúc ấy Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, oai nghi tề chỉnh, đi đứng nghiêm trang, nhìn ngó đoan chính, co duỗi cúi ngửa mặc y cầm bát, gìn giữ các căn tâm không tán loạn, giống như tướng trạng của người đã được diệu pháp nhiệm mầu. Có một người Bà-la-môn thấy thế thầm nhủ: "Ông sa môn Thích tử này ở nơi nhân gian hiện ra tướng giữ gìn oai nghi, nhưng khi đến nơi vắng vẻ ắt hẳn sẽ không giữ phép tắc. Ta sẽ theo dõi, nếu thấy ông ta phóng túng, ta sẽ dùng tay tát vào đầu." (508a) Nghĩ thế rồi, y bèn đi theo tôn giả.

Khi ấy, Xá-lợi-phất ở trong thôn xóm cũng như nơi hoang vắng đều không thay đổi oai nghi. Lúc về lại trú xứ, thầy liền cầm bát cất một chỗ, đập giũ y Tăng-già-lê xếp lại cất vào chỗ cũ, sắp đặt giường ghế, cầm tấm ván rửa chân đặt bên cạnh lu nước, đến ngồi tại đó. Đoạn, thầy lấy đôi dép đập giũ, đặt xuống đất. Tiếp đến, lấy khăn lau ống chân, cầm đôi dép lót cái đế vào, rồi dùng khăn lau qua. Tiếp theo, nhúng nước cái khăn, cầm một chiếc dép lau từ mũi, thân rồi đến gót, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Thế rồi, lau lại chiếc thứ nhất ở phần đế phía trước, rồi phần đế phía sau, tiếp theo lau chiếc thứ hai cũng tuần tự như vậy. Kế đến, thầy giặt cái khăn, vắt ráo nước rồi đem phơi. Tiếp đến, thầy rửa tay, dùng tay phải xối nước, lấy tay trái rửa ống chân trái, rồi rửa ống chân phải, kế đến rửa đôi bàn chân. Ông Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm hoan hỷ thầm nhủ: "Tôn giả sạch sẽ như vậy, thứ nước còn thừa kia dùng để uống cũng được nữa, phép thờ nước sạch của Bà-la-môn chúng ta không thể sánh kịp." Lúc ấy, Xá-lợi-phất nhân thấy Bà-la-môn phát tâm hoan hỷ, liền thuyết pháp cho ông nghe, khiến ông được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, ông Bà-la-môn này rất là hiền thiện, nhân thấy Xá-lợi-phất rửa chân có oai nghi thanh tịnh mà phát tâm hoan hỷ đến như thế."

Phật liền dạy: "Không những ngày nay ông sinh tâm hoan hỷ mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bổn Sinh đã nói rõ. Con ông trưởng giả thuở ấy thì nay là Xá-lợi-phất, còn tên giặc lúc ấy thì nay là ông Bà-la-môn. Lúc bấy giờ, chư Thiên thấy vậy liền đọc kệ:

"Thanh khiết oai nghi đẹp,
Nhân đó được lợi ích,
Như nước trong ảnh hiện.
Học oai nghi tối thắng,
Kẻ mang tâm ác đến,
Thấy rồi sinh hoan hỷ.

Nếu không học oai nghi,
Kẻ ác đã sát hại."

Khi Tỳ-kheo từ thôn xóm trở về phải cởi y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại rồi cất vào chỗ cũ, mặc y làm vườn, sắp giường ghế, trải tấm ván rửa chân, múc nước đổ đầy lu, tới ngồi tại đó, dùng khăn lau bụi đất trên chân. Kế đến, cầm đôi dép đặt cái lót đế vào, lấy khăn lau qua, rồi nhúng nước cái khăn lau từng chiếc một từ mũi, thân cho đến đế giày, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Tiếp đến, lau lại chiếc thứ nhất ở phần chân đế phía trước rồi phần chân đế phía sau, đoạn lau chiếc thứ hai cũng như vậy. Kế đến, giặt khăn vắt ráo nước rồi đem phơi chớ để bụi dính và côn trùng gặm nhấm, rồi mới rửa tay. (508b) Nếu lu nước ở phía bên phải thì nên rửa ống chân trái trước rồi rửa ống chân phải sau. Không được dùng cái tay bưng nước kỳ cọ dưới chân mà nên dùng một tay xối nước, một tay kỳ cọ. Nếu có hai người thì một người xối nước, một người rửa. Không được dùng nước nhiều hao phí mà nên trù tính dùng vừa đủ. Không được trùm đầu, trùm vai phải mà nên trật vai áo khi ngồi. Khi rửa chân, không được ngồi thiền, ngồi ngủ, không được quán bất tịnh và tụng kinh. Khi rửa xong nên dời đi để khỏi trở ngại người khác. Nhưng nếu mình là người sau cùng thì có thể tụng kinh không có tội. Nếu thấy hết nước thì không được làm thinh để yên như vậy mà phải báo cho người lo việc múc nước đổ nước đầy vào. Nếu không thể làm được như vậy thì ít nhất tự mình cũng đổ vào chừng một ca nước cho đủ một người dùng. Phép tắc rửa chân phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo rửa chân, chân còn ướt mà họ mang dép vào khiến cho màu của dép thấm vào chân, làm cho giường nệm của chúng Tăng bị dơ bẩn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay trở đi, khi rửa chân phải làm như sau: Phải để đôi dép dựng đứng rồi chờ cho chân khô mới mang vào. Nếu có đông người chờ đợi thì dùng tay vuốt nước, lấy khăn lau khô rồi mới mang dép. Không được dùng chân ướt dẫm lên nền nhà của Tăng khô ráo sạch sẽ mà phải làm cho chân khô rồi mới đi vào. Nếu chỗ rửa chân chỉ có một người thì không cần lau chân mà nên chờ cho chân khô rồi mới mang dép và phải giữ gìn bụi đất. Nếu vì gấp gáp muốn ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành thì có thể dùng khăn lau lau sạch bụi đất mà đi. Phép tắc rửa chân phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC DÙNG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo lấy nước mà Tăng dùng để làm phép rửa chân, tay, mặt và bát, sau khi dùng xong bèn lấy dây ràng lại trên miệng, niêm phong, rồi vào thôn xóm khất thực. Sau đó, khách Tỳ-kheo đến, thấy vậy nổi giận trách móc: "Vì sao lại đóng cửa nhà chứa nước niêm phong rồi bỏ đi?."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, vào tháng xuân nên bố trí nước như sau: Nếu là lu lớn, lu nhỏ thì nên lấy vật gì sạch sẽ phủ lên miệng, rồi dùng gạch, đá hoặc gỗ đè lên trên, bên trong để cái ca múc nước, trong nước nên bỏ các thứ hoa như ba-đa-lê, chiêm-ba, tu-ma-na, **(508c)** đại loại các thứ hoa như thế để nước có mùi thơm. Có các loại nước nổi tiếng như ở ấp Ba-liên-phất có nước Thâu-nô, ở thành Vương-xá có nước Ôn tuyền, thành Ba-la-nại có nước ao chỗ Phật đi kinh hành, ở nước Chiêm-bà có nước sông Hằng, ở thành Xá-vệ có nước Thạch-mật, ở nước Sa-kỳ có nước Huyền-chú, ở nước Tăng-già-thi có nước Thạch-mật, ở nước Ma-thâu-la có nước Diêm-phù-na, đại loại các thứ nước như thế không được

dùng để rửa chân, tay, mặt và bát. Nếu người bệnh cần nước thì nên cho một bát đầy. Nếu khi ăn muốn rót nước thì trước hết nên dùng nước sạch rửa tay, rửa chén rồi mới rót. Người nhận nước nên giữ tay trái cho sạch khi lấy nước, nếu tay bẩn phải rửa, hoặc dùng lá lót dưới chén, hoặc dùng lá chùi sạch bẩn rồi mới lấy. Khi uống, không được chạm môi vào chén nước, không được để cho mép chén chạm vào trán mà phải để đứng môi khi uống, hơn nữa, không được uống hết mà nên chừa một ít nước súc miệng rồi nhổ đi. Người rót nước phải khéo giữ chén nước cho sạch. Nếu thấy chén nước đã bị chạm môi, đụng trán vào thì nên để một chỗ rồi lấy cỏ làm dấu để người khác biết là chén nước không sạch. Nếu có thể dùng nước rửa sạch thì nên làm. Nếu rót nước uống phi thời thì người rót nước trước hết phải rửa tay, rửa chén sạch rồi mới rót. Đồng thời người nhận nước cũng phải rửa tay sạch để nhận. Nếu tay không sạch thì nên dùng lá hoặc chéo y sạch lót dưới chén để nhận như trên đã nói, cho đến súc miệng rồi nhổ ra. Nếu uống nước trong phòng tắm thì nên dùng lá lót dưới chén kê môi dựng đứng mà uống, ngoài ra như trên đã nói. Nếu uống nước trong phòng thiền mà dưới nền nhà có lót thảm thì nên dùng cái mâm bưng nước. Nếu hai người ngồi cách nhau thì một người bưng chén, một người rót nước, ngoài ra như trên đã nói. Các loại nước có tiếng mà như trên đã kể không được dùng để rửa chân, tay, mặt và bát, cũng không được uống thừa rồi đem đổ. Nếu khi làm các việc về y bát cần đến nước thì có thể mượn dùng tạm rồi trả lại. Nếu nước cho dùng thả ga thì tùy ý dùng không có tội. Khi dùng nước phải theo cách thức đó. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC TẮM

Khi Phật an trú tại vườn xoài của đồng tử Kỳ-vức nơi thành Vương-xá, lúc ấy đồng tử Kỳ-Vức đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh

lễ dưới chân, đứng hầu một bên bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, vì tắm nước nóng có thể trừ được bệnh nhiễm lạnh và sống an lạc."

Phật dạy: "Vâng, Ta cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng."

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, rồi đến giờ tắm, nghe tiếng bảng đánh, nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi vào trước trong phòng tắm, lập tức chất củi đốt lửa, đóng cửa lại, đứng đợi cho mồ hôi ra. Các **(509a)** Tỳ-kheo ở bên ngoài gọi mở cửa thì họ không chịu mở mà nói: "Các trưởng lão hãy đợi đốt lửa đã." Thế rồi, họ dùng hết sạch củi đốt và nước rồi mới mở cửa, gọi: "Các trưởng lão có thể vào được rồi."

Khi các Tỳ-kheo vào xong, họ bèn đóng cửa bên ngoài lại. Các Tỳ-kheo bị nóng bức, gọi mở cửa, thì họ đáp: "Này các trưởng lão, hãy đứng cho ra mồ hôi thì có thể trừ được bệnh ghẻ chóc." Thế rồi, họ ở ngoài dùng hết lu nước, bèn úp lu xuống đất, đoạn mở cửa, nói: "Các trưởng lão có thể ra được rồi."

Khi các Tỳ-kheo ra rồi bị nóng bức tìm nước, thì họ bảo: "Này các trưởng lão, hãy dùng ít ít nước như Thế Tôn đã dạy", cho đến: "Nước cũng phải dùng một cách tiết kiệm."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Cách làm nhà tắm và cách tắm phải áp dụng như sau: Nhà tắm nên làm vuông hoặc tròn, đặt cửa và chừa lỗ thông gió. Lỗ thông gió nên làm bên trong rộng, bên ngoài hẹp, làm một hay hai cái, để khai thông đường khói. Trong phòng, nên dùng gạch, đá lót ở dưới rồi đặt ông táo lên trên. Ông táo phải kê ở dưới rộng, ở trên hẹp, cách đất chừng nửa khuỷu tay, thông đường khói, bên cạnh để một cái gắp lửa. Nếu đặt ông táo ở bên phải thì trổ cánh cửa ở bên trái. Nếu đặt ông táo ở bên trái, thì trổ cánh cửa ở bên phải, đồng thời nên làm một cái chốt cửa ngắn để dễ đóng mở. Ở trước nên làm cái nhà để áo, đặt móc áo để móc áo. Khi muốn tắm, trước hết nên bảo người làm vườn quét dọn bụi bặm, màn

nhện trong phòng, dùng nước rưới trên mặt đất, quét cho sạch, đem củi than, nồi nấu nước, để trước vào trong đó rồi mới đánh bảng. Cũng không được đốt lửa sớm quá khiến cháy hết rồi mới đánh bảng. Khi nghe tiếng bảng đánh, nên phân biệt xem đó là hiệu lệnh tắm tất cả Tăng chúng hay chỉ dành cho đồ chúng, hoặc dành cho phòng riêng, tùy theo trường hợp mà đi. Nếu tất cả đều tắm thì nên lần lượt mà đi; và khi đến nơi, mỗi người nên dùng đai lưng buộc áo làm dấu, rồi móc vào giá áo. Khi đi vào không được đánh đàng xa hai tay mà đi, mà nên dùng một tay che phía trước mà vào. Một người vào thì một người đi ra. Khi người sau vào thì người trước phải nhường chỗ. Không được băng ngang qua các vật dụng hay qua mặt các Tỳ-kheo trưởng lão, mà phải vào từ từ. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê đang ở trong thì không được đứng đợi ở ngoài, hỏi: "Chừng nào ra?", mà nên cởi y vào kỳ cọ cho các ngài. Nếu muốn kỳ cọ cho người khác thì nên bạch với Hòa thượng, A-xà-lê; nhưng nếu trước đó đã bạch rồi, thì không có tội. Nếu trường hợp bếp lửa cháy mạnh thì nên để người trẻ ở gần bếp lửa. Nếu lửa yếu thì nên để người già ở gần. Phải dùng nước từ từ, không được làm văng bẩn người ở gần đó. Nếu được đệ tử kỳ cọ, thì không đưa cả hai tay lên một lúc, mà trước hết nên kỳ cọ một tay còn một tay che đàng trước. Xong rồi mới kỳ cọ tay thứ hai. Khi đổ nước vào lu tắm xong rồi, nên đóng cửa lại (509b) mà ngồi cho thân ra mồ hôi. Khi rót dầu thì nên dùng chén đong hoặc là dùng tay đo lường mức độ; dùng bột tắm cũng như vậy. Nếu đàn việt nói: "Cho dùng thả cửa", thì cũng phải trù tính mà dùng nước. Nếu trong lu đã chia mức độ dùng cho từng người, thì nên dùng ngang mức độ đã quy định, không được dùng thâm phần người khác. Nếu được quy định mỗi người phải tự xách nước mà dùng, thì ai có nước được vào, ai không có nước, không được vào. Nếu có đệ tử nói: "Hòa thượng, A-xà-lê cứ vào, để con xách nước cho", thì cũng phải trù tính mà dùng. Nếu Ưu-bà-tắc hay người làm vườn nói: "Thầy cứ vào, để con múc nước cho", tuy vậy, cũng phải dùng một cách tiết kiệm. Nếu chỗ tắm ở gần hồ nước thì được dùng thả cửa, không có tội. Không được

tắm lõa thể ở chỗ trống, nhưng nếu nước ngập đến rún, đến nách thì được tắm, không có tội; hoặc ngồi tắm mà nước ngang rún thì cũng được tắm. Khi ra khỏi phòng tắm, thì mặc áo mới, sửa soạn chỉnh tề, rồi cầm đồ cũ mà trở về. Khi tắm xong, nếu muốn đi liền thì phải bảo người làm vườn dẹp cất thùng tắm. Nếu Tỳ-kheo đến sau nói: "Trưởng lão cứ đi đi, để con dẹp cất cho", thì hãy đi. Người tắm sau cùng phải thu dọn và dùng vật gì dập tắt lửa.

Khi tắm phải áp dụng như thế. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP DÙNG VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần; trông thấy các vật dụng bỏ bừa bãi đó đây dưới nhà bếp, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là vật dụng của ai mà bỏ ngổn ngang thế này?" Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau không được bỏ các vật dụng lung tung như thế. Thầy tri sự hay thầy trực nguyệt khi thấy các vật dụng bỏ bừa bãi thì phải bảo người làm vườn hoặc Sa-di thu dọn. Nếu thầy tri sự hay thầy trực nguyệt không để ý đến thì ai thấy như vậy phải bảo tịnh nhân thu dọn. Nếu là nồi niêu, xoong chảo bằng đồng, thiếc thì nên bảo tịnh nhân đem rửa sạch, dùng bùn trét lên trên, rồi úp trên nền nhà bếp. Nếu nồi, niêu, xoong bằng đất thì cũng làm như vậy. Khi úp chúng xuống đất rồi, nên dùng gạch, ngói đằng lên trên. Nếu thùng, gáo bằng gỗ thì cũng phải rửa sạch rồi đem cất. Nếu là chiếu đan thì phải đem phơi nắng rồi treo lên cất. Nếu là nong, nia, giần, sàng bằng tre cũng phải đem treo lên cất đừng để mối mọt gặm nhấm. Cái rá đựng cơm, cái thìa xới cơm cũng phải rửa sạch rồi treo cất. Cái rây và đãy lọc nước cũng phải treo cất đừng để côn trùng cắn phá. Chày giã thuốc và cối không được dùng xong rồi vất dưới đất mà phải

đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Không được trông thấy nhà bếp, nhà kho bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu nó được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giọi lại, cho đến nếu nó được tô bằng đất thì dùng đất tô lại. Nếu nó bị nứt nẻ, vỡ bể thì phải sửa chữa lại. Đồng thời phải thường quét dọn sạch sẽ. Nếu đem củi vào trong nhà bếp để đốt thì phải chất cho gọn gàng tại một chỗ. Thùng nấu thuốc nhuộm và thau dùng nhuộm đồ không được dùng rồi vất bừa bãi mà phải rửa sạch, đem cất vào chỗ cũ. (509c) Cái thùng giặt y bằng gỗ khi dùng xong cũng phải đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Dây phơi y cũng không được dùng rồi bỏ bừa bãi trên đất mà phải quấn lại đem cất vào chỗ cũ. Rìu, búa, cưa, đục, mai, xẻng, thang gỗ, những thứ này đều là vật dụng của Tăng 4 phương, khi dùng rồi phải thu dọn đem cất vào chỗ cũ, để cho người sau khi cần lấy dùng dễ dàng không phải tìm kiếm vất vả. Nếu ai cần dùng thì nên đưa cho họ. Nếu hai người cùng đòi một lúc thì nên đưa cho Thượng tọa trước. Nếu Thượng tọa dùng lâu, còn người trẻ dùng ít, thì nên đưa cho người trẻ trước. Nếu hai người đều dùng ít thì nên đưa cho Thượng tọa trước.

Phép dùng vật dụng phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP SỬ DỤNG Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ở chung một phòng. Bấy giờ có một Tỳ-kheo lấy y của mình trên giá, lôi y của người khác rơi xuống đất. Các Tỳ-kheo khác ban đêm dậy đi đại, tiểu, dẫm lên y ấy. Người chủ y khi tìm y không thấy, chung cục lại tìm được y dưới đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, vấn đề y phải xử sự như sau: Nếu nhiều người cùng ở chung một phòng thì y của ai người ấy phải tự xếp lấy, rồi lấy lá để làm dấu bên trong. Nếu

móc y trên giá thì phải lấy dây lưng buộc lại; không được đem y của Hòa thượng, y của A-xà-lê gói y của mình, mà phải dùng y của mình gói y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu mùa Xuân nhiều bụi bặm thì phải dùng y của mình tủ lên trên y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu vào mùa Hạ đất ẩm ướt, thì nên lấy y của mình lót dưới y của Hòa thượng, A-xà-lê. Không được để cho trong phòng có bụi bặm mà phải thường thường rưới nước rồi lau sàn nhà. Không được dùng y lót trong tay để cầm ống nhổ, bô đựng đại tiểu tiện, giày dép, cũng không được dùng y để đựng rác rưới hoặc giẻ lau. Nếu y bị dơ bẩn thì nên đem giặt, nhuộm lại. Phải xem y như da thịt của mình.

Phép sử dụng y phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Khách và cựu Tỳ-kheo,
Rửa chân cùng lau chân.
Nước sạch và nước uống,
Phòng sưởi cùng tắm rửa.
Nhà bếp và y phục,
Kết thúc phần thứ tư."

*

CÁCH XỬ SỰ GIỮA TỲ-KHEO Ở A-LUYỆN-NHÃ VÀ Ở THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo ở thôn xóm và Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã cùng thọ trai chung một chỗ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã thường đúng giờ đến trai đường, thì các Tỳ-kheo ở thôn xóm bỗng nhiên đánh bảng sớm rồi ăn trước. Các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã khi đúng giờ đi đến, liền hỏi các Tỳ-kheo ở thôn xóm:

Đã đánh bảng chưa?

Đã ăn xong rồi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã **(510a)** bèn trở về. Ngày hôm sau, họ liền đến sớm, lấy hết đồ ăn rồi mang đi. Các Tỳ-kheo ở thôn xóm đến đòi đồ ăn, thì tịnh nhân nói: "Các Tỳ-kheo a-luyện-nhã đã đem đi hết rồi."

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm bèn hỏi các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã: "Các trưởng lão vì sao lại đến sớm rồi mang thức ăn đi hết?"

Các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nói: "Thế thì vì sao các vị lại dậy sớm đánh bảng rồi ăn hết mà không đợi chúng tôi."

Hay đàng tranh cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật, trình bày đầy đủ sự việc kể trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm phải xử sự như sau: "Nếu Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm cùng thọ trai một chỗ thì Tỳ-kheo ở thôn xóm không được dậy sớm đánh bảng báo tin bữa ăn trước, bữa ăn sau và bữa ăn được mời mà phải đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã. Và Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã cũng không được nói: "Ta từ từ đến, họ sẽ phải đợi ta" mà phải đến trước, hoặc là nhờ người nhận phần, hoặc dặn để dành chỗ. Đồng thời Tỳ-kheo ở thôn xóm nên hỏi xem Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đã đến chưa. Nếu có người lấy phần giúp hay chừa chỗ thì hãy chỉ cho họ biết. Nếu Ưu-bà-tắc mời Tăng thì Tỳ-kheo ở thôn xóm nên nói với Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã: "Trưởng lão ngày mai hãy đến sớm, có mỗ giáp mời bữa ăn trước, bữa ăn sau, đừng khất thực chỗ khác." Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nghe vậy, ngày mai nên đến sớm. Khi tới rồi, nếu đồ ăn chưa chín thì không nên ngồi đợi mà nên lễ tháp, tụng kinh, vấn đạo. Tỳ-kheo ở thôn xóm nên đổ nước vào trong nồi trước, chụm lửa, đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đến rồi mới bỏ gạo vào. Nếu trường hợp Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã vì bị nạn quỉ, nạn nước lửa, hoặc nạn giặc không đến được mà phải bỏ gạo, hoặc khi thức ăn đã chín đàn việt muốn đánh bảng, thì nên khuyên: "Này

lão trượng, mặt trời vẫn còn sớm, nên đợi Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã đến đã." Nếu mặt trời gần đứng bóng thì nên đánh bảng. Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã nên dùng bóng cây hay tường vách làm dấu mức thời gian để biết mặt trời sớm hay muộn mà đi đến. Giả sử các Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã chưa đến kịp, thì phải để dành chỗ ngồi. Nếu bữa ăn được nấu tại a-luyện-nhã cũng phải làm như vậy.

Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã không được khinh Tỳ-kheo ở thôn xóm rồi nói rằng: "Các vị chắc là có đầu lưỡi sắc bén, nhưng thiếu chất lượng nên mới ở nơi đó", mà nên tán thán: "Các vị ở nơi thôn xóm thuyết pháp giáo hóa, vì pháp mà che chở, bảo vệ cho chúng tôi."

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm cũng không được khinh thường Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã rồi nói: "Các vị ở a-luyện-nhã có ý hy vọng danh lợi, hươu nai cầm thú cũng ở a-luyện-nhã. Các vị ở a-luyện-nhã từ sớm đến chiều chỉ lo đếm năm, đếm tháng mà thôi", mà nên tán thán: "Các vị xa rời thôn xóm ở a-luyện-nhã nhàn tĩnh tư duy về đạo nghiệp cao quí. Đó quả thực là nơi rất khó sống **(510b)** mà các vị có thể ở đó để lắng đọng tâm tư."

Tỳ-kheo ở a-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm đều phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ GIỮA KHÁCH VÀ CỰU TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cựu Tỳ-kheo đang cãi lộn với nhau thì có khách Tỳ-kheo đi đến, ôm chân đảnh lễ. Mấy hôm sau, thầy trở lại, đảnh lễ lần nữa, thì cựu Tỳ-kheo hỏi:

Thầy đến mấy ngày rồi?

Độ 4, 5 ngày.

Thầy tới đã chừng ấy ngày mà sao không đến gặp tôi?

Tôi đã tham kiến và đảnh lễ rồi, nhưng vì trưởng lão mắc cãi lộn nên không trông thấy tôi.

Vì sao thầy thấy tôi đang cãi lộn mà lại đảnh lễ?

Vậy thì tại sao thầy lo cãi lộn mà không thấy tôi đảnh lễ?

Thế rồi hai người cãi nhau rồi cùng dẫn đến chỗ Phật. Cuối cùng Phật dạy: "Từ nay trở đi nên đảnh lễ và thưa hỏi như sau: Khi người ấy đang tranh cãi, đang nói chuyện thì không được đảnh lễ, mà chỉ nên cúi đầu tỏ sự cung kính. Nếu người ấy hết cãi thì nên đảnh lễ. Khi vị ấy đang làm nhà, tô tường thì không nên đảnh lễ. Cũng vậy, khi vị ấy đang làm các việc như: đun bát, giặt y, nấu nước nhuộm để nhuộm y, vá y, tắm rửa, thoa dầu vào mình, rửa chân tay, rửa mặt, rửa bát, lễ tháp, đang ngậm cơm, nhỏ thuốc vào mắt, đọc kinh, tụng kinh, chép kinh, đi kinh hành, đang xuống gác, lên gác, đang đại tiện, lúc không mặc y, lúc chỉ mặc có quần đùi, đều không nên đảnh lễ. Hoặc lúc đang ở trong bóng tối thì không nên đảnh lễ. Lúc dạy kinh không nên đảnh lễ. Lúc mặc quần cụt, lúc đang mặc y, lúc đang đi gấp, đều không nên đảnh lễ. Khi đảnh lễ không được trùm đầu, choàng kín vai phải, mang giày dép. Không được đảnh lễ nơi đầu gối, ống chân, gót chân, mà phải ôm lấy bàn chân mà đảnh lễ. Nếu trên chân vị ấy có mụt nhọt thì phải bảo vệ chớ có chạm đến. Người thọ lễ không được làm thinh như dê câm, mà phải hỏi han. Khi hỏi, không nên hỏi như thế này: "Ở nơi nào có nhiều thức ăn uống ngon?" mà nên hỏi: "Thầy có ít bệnh, ít phiền não, được an lạc không? Đi đường không vất vả đấy chứ?"

Còn khách Tỳ-kheo thì nên hỏi: "Ai là vị Thượng tọa của chúng Tăng? Ai là đệ nhị, đệ tam Thượng tọa?" Rồi nên đảnh lễ dưới chân.

Cựu Tỳ-kheo nên hỏi: "Trưởng lão bao nhiêu tuổi?" Nếu khách Tỳ-kheo còn nhỏ thì nên đưa ghế bảo ngồi. Nếu có khả năng thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau, dầu thoa chân, nước uống phi thời.

Khách Tỳ-kheo và cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC NÓI NĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo gọi nhau theo cách của người thế tục như: cha, mẹ, anh, em. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến **(510c)** bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, khi nói chuyện nên gọi như sau: Khi nói chuyện với cha, không được gọi là ông, cha, ông lão, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với mẹ, không được gọi là mẹ, bà, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với anh không được gọi là anh mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với chị không được gọi là chị mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với Hòa thượng, không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là Ưu-ba-thượng. Khi nói chuyện với A-xà-lê (thầy) không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là A-xà-lê. Nếu có nhiều A-xà-lê thì nên gọi là A-xà-lê mỗ giáp. Khi nói chuyện với Hạ tọa thì được gọi tên, gọi là Cự-đế, gọi là tuế. Khi nói chuyện với Thượng tọa thì nên gọi là Bạt-đàn-đế, hoặc là Tuệ mạng, hoặc là A-xà-lê. Khi có người gọi thì không được hỏi trổng trổng: "Nói gì đó? Việc gì đó?." Nếu Hòa thượng gọi thì nên đáp: "Dạ." Nếu A-xà-lê gọi thì nên đáp: "Dạ." Nếu Thượng tọa gọi cũng nên đáp: "Dạ." Nếu người trẻ gọi thì nên hỏi: "Vì sao mà gọi?." Nếu mẹ hay đàn ông gọi thì nên hỏi: "Vì sao mà gọi?." Khi có người hỏi: "Hòa thượng, A-xà-lê của ông tên gì?", thì không được nói thẳng tên của Hòa thượng, A-xà-lê, mà nên nói nghĩa, nói rằng vì nhân duyên như vậy mà có tên là mỗ giáp.

Khi nói năng phải vận dụng như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG SÁT-LỢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, chúng Sát-lợi tập hợp để bàn luận, thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đến ngồi trước tại hội trường. Do đó, bọn họ chê trách rằng: "Hôm nay chúng ta tập hợp để bàn luận mà ông Sa-môn này làm phương hại đến việc nghị luận của chúng ta."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi đi vào trong chúng Sát-lợi phải xử sự như sau: Nếu có lý do thì mới đến, và trước khi đến nên nói rõ lý do mà mình cần đến với người lớn nhất trong chúng ấy. Nếu họ nói rằng có thể đến được, thì mình mới đến. Khi đến, không được cầm dù, lọng, giày, dép. Khi vào rồi nên cởi các thứ ấy để một chỗ. Không được hỏi: "Nam tử có vui không?." Nếu họ chỉ chỗ ngồi thì nên ngồi. Không được chê bai về đấu pháp quân trận. Nếu thấy họ bắn giỏi, không được khen ngợi, mà nên nói: "Dòng dõi Sát-lợi là vọng tộc. Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thường sinh vào hai gia đình này: Nhà Sát-lợi và Bà-la-môn. Có hai loại bánh xe: Bánh xe pháp và bánh xe quyền lực. Các người xuất gia **(511a)** nhờ sự bảo vệ của bánh xe quyền lực mà được yên ổn." Nếu có việc gì cần bàn luận, thì nói xong liền ra về.

Phép tắc đi vào trong chúng Sát-lợi phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG BÀ-LA-MÔN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chúng Bà-la-môn đang tập hợp thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến ngồi trước tại nơi đó. Các Bà-la-môn bèn trách cứ: "Chúng ta có việc phải bàn luận mà vị Sa-môn này đến phá hỏng công việc của chúng ta." Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi vào trong chúng Bà-la-môn phải xử sự như sau: Nếu có duyên sự muốn đi đến đó, thì trước hết nên trình bày lý do mình muốn đến với người lãnh đạo trong bọn họ. Nếu họ đồng ý thì mình mới đi đến. Lúc sắp đến nơi, nên xếp dù lọng, cởi giày dép, không được thấy họ rồi mới cởi. Cũng không được mượn ô dù, giày dép mang đi đến. Không được hỏi: "Nam tử có vui không?." Không được khen chê đền thờ trời của họ. Không được chê bai với hình tướng cụ thể rằng: "Chủng tộc Bà-la-môn do ngã mạn nên phải sinh vào trong sáu loài: hoặc gà, heo, chó, dã can, lạc đà, địa ngục", mà nên nói: "Đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri thường sinh vào trong hai gia tộc: hoặc gia tộc Sát-lợi, hoặc gia tộc Bà-la-môn." Nếu có điều chi bàn luận thì khi nói xong nên ra về.

Phép tắc vào trong chúng của Bà-la-môn nên làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi có nhân duyên thì mới nên đi đến chúng cư sĩ. Và khi họ chỉ chỗ cho mình ngồi rồi, không được nói: "Ngươi rửa tay chân sạch sẽ, ngồi ở quán xá, dùng cân nhẹ, đấu non lừa gạt người ta, còn quá hơn bọn trộm cướp", mà nên nói: "Có hai loại bánh xe: Bánh xe pháp và bánh xe thức ăn. Có bánh xe thức ăn mới vận chuyển được bánh xe pháp, như Thế Tôn đã nói với các Tỳ-kheo: "Bà-la-môn, cư sĩ cung cấp y thực, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, làm lợi ích

rất nhiều, đó là việc khó làm." Ta nhờ các ngươi mà được tu phạm hạnh trong giáo pháp của đức Như Lai, vượt qua dòng sinh tử. Tất cả đều nhờ công ơn và lòng tin của các ngươi." Nếu có điều chi bàn luận thì nói xong rồi ra về.

Khi vào trong chúng cư sĩ nên làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP VÀO TRONG CHÚNG NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Khi vào trong chúng ngoại đạo nên xử sự như sau: Khi họ chỉ chỗ ngồi rồi thì nên ngồi. Không được khen chê kiến giải của họ. Cũng không được chê bai bằng hình ảnh cụ thể rằng: "Các ngươi tà kiến, không có niềm tin, không biết hổ thẹn", mà nên khen ngợi bằng những sự thật: "Các ngươi có thể xuất gia, cởi mở trói buộc, vứt bỏ phục sức thế tục, ở nơi thanh vắng, suy nghĩ sâu xa, thật là một việc làm rất khó khăn." Được ca ngợi tất cả các sự thật như vậy, nhưng không được (511b) nói những lỗi lầm của họ. Nếu muốn bàn luận điều gì thì nói xong rồi liền ra đi.

Phép tắc đi vào trong chúng ngoại đạo phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC NHẬP CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Từ nay trở đi, phép nhập chúng phải làm như sau: Nếu muốn luận bàn việc gì ở giữa Tăng thì lúc còn ở ngoài nên quyết đoán cho dứt khoát, không được vào trong Tăng rồi mới quyết đoán. Nếu sự việc khó khăn thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu việc ấy không

cần Tăng quyết đoán thì nên khuyên họ chấm dứt. Nếu việc ấy cần phải thông qua Tăng, và người nêu vấn đề đáng tin cậy thì nên giải quyết cho hòa hợp, đúng pháp, đúng luật. Khi đã được Hòa thượng, A-xà-lê cho phép thì nên đến trước vị Thượng tọa của Tăng hỏi: "Con có việc muốn nói, Thượng tọa có cho phép không?." Thế rồi, Thượng tọa nên xem xét lời nói của người ấy.

Khi vào trong chúng không được mang giày dép, trùm đầu, che kín vai phải, mà nên cởi giày dép, trật vai áo mà vào.

Phép đi vào trong chúng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"A-luyện-nhã, thôn xóm,
Lễ dưới chân hỏi nhau.
Gọi nhau, dòng Sát-lợi,
Bà-la-môn, cư sĩ.
Ngoại đạo chúng hiền thánh,
Kết thúc phần thứ năm."

*

PHÉP TẮC MẶC NỘI Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi nội y mặc trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc đi vào thôn xóm. Sau khi từ trong thôn xóm trở ra, họ lại cởi nội y mặc vào thôn xóm, ở trần đi tìm nội y mặc ở tại chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Phép mặc y phải làm như sau: Khi muốn vào thôn xóm, không được cởi nội y mặc ở trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc vào thôn xóm; cũng như không được cởi nội y mặc đi vào thôn xóm rồi ở trần đi tìm nội y mặc ở trong chùa; mà khi muốn vào thôn xóm, trước hết nên

lấy nội y mặc đi vào thôn xóm để gần một bên. Cũng không được mặc y vào thôn xóm rồi ở bên dưới mới cởi nội y ở chùa ra, mà nên một bên mặc vào, một bên cởi ra. Khi ra khỏi thôn xóm, cởi nội y đi vào thôn xóm, mặc nội y ở chùa cũng làm như vậy. Phép mặc nội y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi."

*

PHÉP MẶC Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo muốn vào thôn xóm bèn cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc đi vào thôn xóm. Khi ra khỏi thôn xóm, họ lại cởi y đi vào thôn xóm, rồi mặc một nội y đi tìm y mặc ở trong chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến **(511c)** bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay trở đi, phép mặc y phải làm như sau: Không được cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc vào thôn xóm, mà trước hết nên lấy y mặc đi vào thôn xóm để gần một bên, cởi y mặc trong chùa xếp lại ngay ngắn, cất vào chỗ cũ, rồi mới mặc y đi vào thôn xóm. Khi từ thôn xóm đi ra cũng phải lấy y mặc ở trong chùa để gần một bên, đập giũ y đi vào thôn xóm, cất vào chỗ cũ, rồi mặc y ở trong chùa.

Phép mặc y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MẶC Y ĐI VÀO THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà đi vào thôn xóm, kéo lê y mà đi, khiến bùn đất làm bẩn y, chỗ móc y bị rách, chỗ chắp lại bị lủng, đường đột đi qua nơi đường hẻm chật hẹp,

khiến đệ tử than phiền rằng: "Chúng ta giặt nhuộm may vá khổ sở mà thầy không biết thương tiếc gìn giữ."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi vào thôn xóm phải mặc y như sau: Không được kéo lê y đi trong thôn xóm để cho lủng rách. Nếu vào mùa Xuân, khi còn ở cách xa thôn xóm, nên xếp y lại để trên vai mà đi. Lúc đến gần thôn xóm, nếu gặp hồ nước, đầm nước, nên rửa chân tay, mặc y, buộc lại rồi mới đi vào. Nếu không có nước thì nên dùng lá cây hoặc cỏ chùi đất bụi trên chân, mặc y rồi mới đi vào. Nếu vào mùa Đông thì nên mặc y mà đi. Nếu gặp voi, ngựa, xe cộ chạy nhanh, thì nên đi ở phía trên gió, kẻo bụi bặm bám vào làm bẩn y. Nếu bị vướng gai làm rách thì không được kéo lê y rách mà đi. Nếu đường xóm chật hẹp thì không được đường đột đi qua. Nếu gặp cửa nhỏ hẹp thì nên nghiêng mình mà đi qua. Nếu cửa thấp thì khom lưng xuống đi qua.

Khi mặc y đi vào thôn xóm phải làm như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MẶC Y NGỒI TRONG NHÀ CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không trải tọa cụ mà ngồi, lại dùng y gói trái cây hư, bánh có chất dầu mỡ làm bẩn y, nên đệ tử than phiền rằng: "Ta khó nhọc giặt nhuộm sửa chữa mà thầy không biết thương tiếc, giữ gìn."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, mặc y đi vào nhà cư sĩ phải làm như sau: Nếu giường có bụi đất dơ bẩn mà không có vật trải lên thì không được ngồi. Nếu thấy có người quen biết cũ thì nên bảo họ trải đồ lên. Nếu họ nói: "Vị Sa-môn này kiêu căng, coi thường người khác khó mà phục vụ", thì tự mình nên lau chỗ ngồi, trải tọa cụ, rửa tay rồi

mới ngồi. Không được dùng y gói tất cả các loại bánh trái, hoa ướt, hoặc lau miệng.

Khi ngồi trong nhà cư sĩ phải giữ gìn y như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC CỦA TIỀN VÀ HẬU SA-MÔN (512A)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà nói với đệ tử đồng hành của Nan-đà như sau: "Ta muốn đi với ngươi vào thôn xóm khất thực. Nếu ở nơi đó ta có làm điều gì trái oai nghi thì ngươi đừng đem nói với người khác. Vì ta là thúc phụ của ngươi."

Người đệ tử nói: "Giả sử cha của tôi hay ông nội tôi có làm điều gì trái oai nghi thì tôi cũng phải nói", như trên đã nói rõ, cho đến thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn."

Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải cư xử như sau: Nếu tiền Sa-môn được thức ăn thì nên ăn chung với hậu Sa-môn. Nếu không có thì nên bảo hậu Sa-môn trở về lấy thức ăn. Hậu Sa-môn không được đi cách quá xa với người đi trước, khiến cho không trông thấy nhau; cũng không được đi quá gần chạm gót nhau, mà nên cách nhau chừng hơn một cánh tay. Nếu thấy ở trước voi, ngựa, bò dữ thì nên nói: "Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, ở trước có ác thú nên tránh qua một chỗ." Nếu vị Sa-môn đi trước già yếu thì nên đi trước để che chở. Nếu ở trước có người muốn đảnh lễ thì nên thưa: "Có mỗ giáp đảnh lễ." Nếu có người mời thọ trai, thì hậu Sa-môn phải ghi nhớ để lúc về lại trú xứ thưa lại rằng: "Vừa rồi nhà mỗ giáp có mời thọ trai." Nếu tiền Sa-môn không có thể chú nguyện được thì nên bảo người nào có thể chú nguyện được chú nguyện. Người được sai chú nguyện không được nói: "Thầy ngồi trước, lấy nước trước, ăn trước mà lại bảo tôi chú nguyện."

Phép tắc cư xử của tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP NHỜ NGƯỜI LẤY THỨC ĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo nhờ người khác lấy thức ăn giúp, thầy đưa bát xong rồi bỏ đi. Vị Tỳ-kheo đi lấy thức ăn, mang thức ăn đến, đi tìm mà không biết ở đâu, bèn để cái bát trong nhà thiền rồi bỏ đi. Đến hôm sau, vị Tỳ-kheo nhờ lấy thức ăn hỏi vị kia:

Hãy trả cái bát lại cho tôi.

Tôi đã để cái bát ở trên thiền đường rồi.

Vì sao thầy đem cái bát của tôi bỏ nơi thiền đường trống không?

Vậy thì tại sao thầy nhờ tôi đi lấy thức ăn rồi lại bỏ đi?

Hai người cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi nhờ người lấy thức ăn và lấy thức ăn giúp người khác phải làm như sau: Không được nhờ người lấy thức ăn rồi bỏ đi, và không được lấy thức ăn giúp cho người, rồi đem cái bát để trong nhà thiền trống không rồi bỏ đi. Người lấy thức ăn giúp trước hết nên nói: "Trưởng lão, nay tôi lấy thức ăn thầy đừng có đi đâu mà hãy chuẩn bị đợi tôi."

(512b) Người đi lấy thức ăn nên để ý giờ giấc. Nếu thì giờ gấp, thì nên đem đưa trước thức ăn lấy giúp. Nếu thì giờ còn sớm, thì nên ngồi theo thứ tự để nhận lấy phần ăn. Khi lấy, không được trộn chung lại mà mỗi thứ phải để riêng ra, ăn phần mình xong rồi mang đến. Nếu thì giờ gấp rút thì không được ăn tại trai đường mà phải mang cả hai phần ăn trở về. Khi trở về, phải xem chừng mặt

trời, thấy tới giờ nên mang đến cho người kia. Nếu như không kịp giờ, thì nên ăn tại trai đường, đừng để cả hai người đều bị mất ăn.

Người nhờ người khác lấy thức ăn không được nghĩ: "Ta đã nhờ được người", rồi bỏ đi, mà trước hết phải tìm tăm xỉa răng, xách nước, trải giường ghế, rửa tay, rồi ngồi chờ. Thỉnh thoảng nên xem mặt trời, nếu thì giờ đã đến, thì phải xách bình nước đến lấy phần. Nếu gặp người kia ở dọc đường thì cùng nhau ăn. Nếu như thì giờ vẫn còn sớm thì nên đợi đến giờ rồi ăn. Nếu thức ăn còn thừa thì nên cho người đi lấy thức ăn mà không nên cho người khác. Nếu người ấy không cần thì có thể cho người khác.

Nguyên tắc đi lấy thức ăn phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC ĐI KHẤT THỰC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vê, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vào thành khất thực; họ lầm lũi cúi đầu đi qua mặt người khác để vào nhà bạch y, bị người đời chê cười rằng: "Sa-môn Thích tử mà giống như dê con, vượt qua mặt, đụng vào người khác!"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, phép tắc khất thực phải làm như sau: Không được làm như dê con, cứ gầm đầu đi thẳng tới trước. Cũng không được đứng ở quá xa khiến thí chủ không trông thấy, mà nên đứng ở chỗ vừa tầm thấy của họ. Không được nói: "Cúng dường thức ăn cho tôi, bà sẽ được phước đức lớn", mà chỉ nên đứng im lặng. Không được ngó bên trái, bên phải, khiến người ta nghi ngờ mình là kẻ gian phi, mà nên thu nhiếp sáu căn, quán tưởng lẽ vô thường. Cũng không được đứng đợi quá lâu. Nếu phụ nữ nhà ấy đang giã gạo, chưa trông thấy mình, thì có thể đứng chờ một lát. Nếu họ thấy rồi mà vẫn tiếp tục giã gạo, thì nên đi. Nếu thấy phụ nữ

đang may vá, họ nhìn thấy mình mà vẫn tiếp tục may vá, thì biết là ý họ không muốn cúng dường, nên đi. Nếu người phụ nữ thấy mình rồi, họ vào trong nhà rồi trở ra tay không thì nên đi. Nếu nhà ấy giàu có, họ để bảo vật rải rác đó đây, thì không nên đi liền, mà phải chỉ cho họ thấy rồi mới ra đi.

Phép tắc đi khất thực phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP TẮC MÀ VỊ SA-MÔN ĐI KHẤT THỰC SAU PHẢI LÀM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà cùng với đệ tử đồng hành vào thôn khất thực, khi thầy mang thức ăn từ trong thôn đi ra, tìm đệ tử thì không thấy; thầy bực bội, nói: "Ta đem thức ăn đến, mà hắn lại bỏ ta mà đi!."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi khất thực, vị Sa-môn đi sau phải làm như sau: (512c) Khi vị Sa-môn trước khất thực, không được đứng cách quá xa, cũng không được đứng quá gần để nhìn, khiến chủ nhân nghĩ rằng: "Vị này không biết đi khất thực mà chỉ mong được thức ăn thừa của người khác", mà nên đứng ở một khoảng cách vừa phải. Nếu được mời ăn thì nên ăn. Nếu không được mời thì nên đi khất thực. Sau đó, đem thức ăn đến bên giếng hay bên ao nước mà ăn, ăn xong, rửa bát rồi đi, thì không có tội. Khi ăn phải đợi nhau như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Nội y, y tụ lạc,
Vào thôn xóm, mặc y.
Nhà cư sĩ, giữ y,
Sa-môn trước và sau.

Nhờ người lấy thức ăn,
Lấy giúp cho người khác.
Khất thực nên đợi nhau,
Kết thúc phần thứ sáu."

*

PHÉP ĐỐT & TẮT ĐÈN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi vào phòng thiền trong bóng tối, bị té ngã xuống đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, Ta cho phép thắp đèn."

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng miệng thổi; hoặc dùng tay quạt, hoặc dùng y quạt cho tắt ngọn đèn đang cháy, rồi hạ phong làm nhiễu loạn các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi đốt đèn phải làm như sau: Theo thứ tự từ người thấp nhất trở lên phải chuẩn bị gỗ lấy lửa hoặc phân bò nhóm lửa để dưới nhà bếp. Không được đốt đèn một cách đột ngột mà phải để lửa tại một chỗ rồi đốt dần dần. Khi đốt đèn, trước hết nên đốt những cây đèn trước xá-lợi và các hình tượng, lễ bái xong rồi tắt đi. Kế đến, đốt đèn trong nhà vệ sinh. Nếu đến giờ ngồi thiền, thì nên đốt đèn trong phòng thiền, đồng thời nên loan báo: Xin các đại đức tùy hỷ chú nguyện đèn. Kế đến, đốt đèn nơi chỗ đi kinh hành. Kế đến, đốt đèn nơi đầu đường lên gác. Nếu có nhiều dầu thì nên đốt đèn nơi nhà vệ sinh suốt đêm. Nếu dầu ít, thì người đi cầu xong nên tắt đèn. Khi tắt đèn nơi nhà vệ sinh xong, tiếp đến, tắt đèn nơi chỗ đi kinh hành; tiếp đến, tắt đèn ở đầu thang lên gác; tiếp đến, tắt đèn trong phòng ngồi thiền. Khi tắt đèn trong phòng ngồi thiền không được tắt đột ngột mà phải nói: "Tôi sắp tắt đèn, các đại đức hãy trải mền ra", rồi dùng tay che đèn, nói: "Đèn sắp tắt, đèn sắp tắt." Khi tắt, không được dùng miệng thổi, dùng tay quạt

hay dùng y quạt, mà phải cắt đầu tim đang cháy. Đến cuối đêm, khi thức dậy, trước hết nên đốt đèn trong nhà vệ sinh; tiếp đến, đốt đèn nơi đi kinh hành; tiếp đến, đốt đèn nơi đầu cầu thang lên gác; tiếp đến, đốt đèn trong phòng thiền. Khi đốt đèn trong phòng thiền, không nên đột ngột vào đốt liền, (513a) mà phải nói: "Thưa các đại đức, đèn sắp đem vào, đèn sắp đem vào", rồi sau đó đọc kệ. Đến lúc mờ sáng, muốn tắt đèn, thì trước hết nên tắt đèn ở đầu cầu thang lên gác; kế đến, tắt đèn ở lối đi; kế đến, tắt đèn trong nhà vệ sinh; kế đến, tắt đèn trong phòng thiền.

Phép đốt và tắt đèn phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP VÁC THIỀN TRƯỢNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ngồi thiền mà ngủ gà ngủ gật trong phòng thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi (trong khi ngồi thiền) nên vác thiền trượng đi tuần hành."

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo vác thiền trượng đi tuần hành, (thấy người ngủ gục) liền đâm thiền trượng vào xương sườn bên hông của Tỳ-kheo ấy, khiến vị ấy kinh hoảng kêu lên: "Chết tôi rồi trưởng lão!"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi vác thiền trượng đi tuần hành phải làm như sau: Trước hết nên dùng tre, nứa làm thiền trượng, dài chừng 8 khuỷu tay, rồi bọc kín hai đầu. Hạ tọa nên làm việc này. Khi đi tuần hành, không được trùm kín đầu, kín vai, mang giày dép, mà phải để hở vai áo bên phải. Nếu thấy có người ngủ gật, không được đột ngột gọi họ dậy, không được đâm vào hông, mà phải đến đứng bên cạnh, dựng đứng thiền trượng ở trước mặt, rồi lay chuyển chừng ba lần. Nếu họ không tỉnh giấc, mà mình đang

đứng ở bên trái, thì nên dựng thiền trượng ở bên đầu gối phải của họ. Nếu mình đang đứng bên phải thì nên dựng thiền trượng ở bên đầu gối trái của họ. Khi hay biết, họ phải đứng dậy vác thiền trượng đi tuần hành. Khi đi, cũng không được trùm đầu, trùm kín vai phải mà nên để hở vai mà đi. Nếu nhiều người ngủ, thì không được đánh thức tất cả cùng một lúc giống như bò đứng dậy mà nên đánh thức một lúc chừng hai người, ba người. Người trẻ nên vác thiền trượng đi tuần hành; nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ cũng phải đánh thức dậy. Vì tôn trọng nguyên tắc, nên khi thức dậy Hòa thượng cũng phải cầm lấy thiền trượng, nhưng đệ tử không được trao thiền trượng cho Hòa thượng mà phải tiếp tục đi tuần hành. Người đi tuần hành không được tùy tiện thiên vị hay giận dữ tìm lỗi lầm kẻ khác mà phải thu nhiếp lục tình, nhất tâm tư duy. Nếu thấy có người ngủ thì nên trao thiền trượng cho họ. Người nhận thiền trượng không được oán hận mà phải suy nghĩ: "Vị ấy nay trừ khử tăm tối che mờ, giúp cho ta, làm lợi ích cho ta không ít." Nghĩ thế rồi, nên đứng dậy đi tuần hành, nếu thấy ai ngủ thì lại trao thiền trượng cho họ.

Phép vác thiền trượng đi tuần hành phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP MANG VÒNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vị Tỳ-kheo vác thiền trượng đi tuần hành, vì trời lạnh nên tay run lập cập. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi nên đưa vòng."

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đi đưa vòng bèn ném vào ngực, vào mặt người khác, khiến vị Tỳ-kheo ấy kinh hãi kêu lên: "Chết tôi rồi."

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi làm vòng và ném vòng phải làm như sau: Khi làm vòng nên dùng chỉ sợi, lông hoặc lụa mà làm, không được làm cứng quá, (513b) không được làm mềm quá. Phép đi đưa, trước hết nên đưa cho người ở chính giữa. Nếu thấy có người ngủ thì không được đi thẳng đến ném vào đầu, vào mặt, mà nên ném trước mặt người ấy. Vì tôn trọng phép tắc nên người ấy phải đứng dậy lấy vòng, rồi ngồi xuống lại. Nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ thì không được để yên như vậy, mà cũng phải trao cho vòng. Vì tôn kính phép tắc nên Hòa thượng cũng phải đứng dậy. Thế rồi, đệ tử nên thay thế Hòa thượng đi ném vòng, còn Hòa thượng thì ngồi xuống lại. Khi đi đưa vòng không được oán hận, tìm lỗi lầm người khác, đồng thời người nhận được vòng nên suy nghĩ: "Nay vị ấy trừ tăm tối che mờ cho ta, làm lợi ích cho ta không ít."

Phép đi ném vòng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP CỞI GIÀY TRONG PHÒNG THIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi giày trước phòng thiền, cầm hai cái đế vỗ vào nhau, rồi xách vào giống như xách cá khô, làm não loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi cởi giày trong phòng thiền phải làm như sau: Không được dùng hai chiếc giày vỗ vào nhau ở trước phòng thiền. Nếu nền phòng có trải thảm thì nên cởi giày cầm đi vào, và không được cầm như cầm cá khô mà nên gập hai cái đế vào nhau mà cầm, đồng thời dùng y phủ lên trên mà cầm đi vào. Khi vào tới phòng, phải để bên phải và ở dưới tọa cụ. Nếu nền phòng không trải thảm, thì nên mang đi vào nhẹ nhàng, rồi cởi ra mà ngồi.

Phép mang giày trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP DÙNG TỌA CỤ TRONG PHÒNG THIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng trong phòng thiền đập giũ tọa cụ kêu vang, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi sử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như sau: Không được đập giũ tọa cụ trong phòng thiền mà nên gấp đôi lại để trên vai mà đi. Khi đến nơi, mở ra, gấp lại mà ngồi. Khi trở về cũng phải gấp đôi lại, để trên vai mà về. Nếu muốn cất lại chỗ cũ cũng phải gấp đôi lại mà cất. Lúc trở về rồi, nên từ từ mà ngồi.

Phép sử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ KHI HO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ho lớn kêu vang trong phòng thiền, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi ở trong phòng thiền muốn ho phải xử trí như sau: Khi muốn ho không được phóng túng ho lớn tiếng, mà phải che miệng lại ho từ từ. Nếu ho mạnh quá không thể kiềm chế được thì nên đi ra ngoài; (513c) khi ra ngoài ho xong rồi trở vào. Nếu vẫn còn, không dừng được, thì nên nói cho thầy tri sự biết rồi ra đi. Phép ho phải xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ TRÍ KHI NHẢY MŨI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo dùng rễ cỏ, chỉ sợi ngoáy vào mũi, hoặc dùng bột mịn bỏ vào mũi, khiến nhảy mũi liên tục làm náo loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi nhảy mũi phải làm như sau: Khi ở trong phòng thiền mà nhảy mũi thì không được phóng túng để bộc ra tiếng lớn. Khi muốn nhảy mũi thì nên kiềm chế, dùng tay bịt mũi lại. Nếu không thể nhịn được thì nên dùng tay che mũi lại mà khịt, đừng để nước mũi làm nhơ bẩn người ngồi bên cạnh. Nếu muốn nhảy mũi thì không được nói. Nếu thấy Thượng tọa nhảy mũi thì nên nói: "Xin kính lễ." Nếu thấy Hạ tọa nhảy mũi thì nên giữ im lặng.

Phép nhảy mũi phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ TRÍ KHI NGÁP VÀ THƯ GIÃN THÂN THỂ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng ra ngáp, giang tay, uốn mình thư giãn gân cốt gây ra tiếng động, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi thư giãn, ngáp phải làm như sau: Nếu đang ngồi trong phòng thiền mà muốn ngáp thì không được phóng túng ngáp lớn và vươn mình gây tiếng động mà phải tự kiềm chế. Nếu không thể kiềm chế được thì phải dùng tay che miệng lại từ từ mà ngáp, không được gây rối loạn những người ngồi bên cạnh. Khi thư giãn thân thể thì trước hết nên đưa lên một tay, lúc tay ấy hạ xuống rồi mới đưa lên tay khác.

Phép ngáp và thư giãn thân thể phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP GÃI NGỨA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng thiền gãi sồn sột gây nên tiếng động làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi muốn gãi phải làm như sau: Không được gãi sồn sột kêu lớn tiếng; không được dùng móng tay hay thanh gỗ để gãi. Nếu bị ngứa quá thì nên dùng bàn tay chà, hoặc dùng đầu ngón tay cào.

Phép gãi ngứa phải làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

*

PHÉP XỬ SỰ KHI HẠ PHONG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn bún, đậu, uống nhiều sữa, rồi chia nhau ngồi bốn góc phòng thiền, tiếp tục nhau phóng khí (hạ phong) phát ra tiếng lớn, tiếng nhỏ, đoạn, hỏi: "Trưởng lão, tiếng kêu này hài hòa hay quá phải không?" Thế rồi, họ dùng tay nắm khí hạ phong đưa trước mũi người khác, hỏi: "Trưởng lão, có thơm không?"

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy **(514a)** đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi hạ phong phải xử trí như sau: Không được ăn những chất có nhiều hơi để sinh hạ phong mà đùa cợt. Khi đang ngồi trong phòng thiền mà bắt hạ phong thì phải kiềm chế. Nếu không thể kiềm chế được thì phải hướng về chỗ ngồi ở dưới. Nếu chỗ ngồi ở dưới có Thượng tọa thì phải

hướng trở lại về chỗ ngồi ở trên. Khi hạ phong, không được để kêu lớn tiếng làm nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ngồi ăn mà muốn hạ phong thì cũng phải hướng về chỗ ngồi dưới, đừng để nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo trưởng lão thì phải đi ra ngoài hạ phong, đừng để mùi hôi bay đến các ngài. Nếu đang đi với thương khách trên đường thì không được tùy tiện hạ phong ở trước họ. Nếu hơi tống ra không thể kiềm chế được thì phải ra ngoài lề đường về phía dưới gió mà hạ phong.

Khi muốn hạ phong phải làm như thế, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Đốt đèn, hành thiền trượng,
Ném vòng, cầm giày dép.
Tọa cụ và ho hen,
Nhảy mũi, thư giãn, ngáp.
Gãi ngứa và hạ phong,
Kết thúc phần thứ bảy."

Thế nào gọi là oai nghi, thế nào gọi là không phải oai nghi? Tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì gọi là oai nghi, không tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì gọi là không phải oai nghi. Oai nghi, Chúng học, không có ác tâm, vô ý xúc chạm người nữ, tất cả các pháp này thuộc về Việt-tỳ-ni tâm hối.

(Đến đây hết phần Uy Nghi)

*

Hết quyển thứ ba mươi lăm

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 36

GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO-NI

BA-LA-DI

(Ba-la-di, hay còn gọi giới Rơi rụng,
là giới cực trọng, gồm tám giới của Tỳ-kheo-ni)

1. DÂM DỤC

Đức Thế Tôn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ lúc ban đầu phát tâm tu đạo nay đã thành tựu, đang an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, được chư Thiên, người đời tôn kính cúng dường, như trên đã nói rõ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với năm trăm cô gái dòng họ Thích như: Xiển-đà-di, Xiển-đà-ba-la, Đà-bà-xiển-đà, mẹ Xiển-đà v.v..., **(514b)** đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh lễ đứng hầu một bên. Thế rồi, Đại-ái-đạo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Phật ra đời khó gặp, được nghe pháp cũng khó, nay gặp đức Như Lai xuất hiện trên đời, diễn thuyết diệu pháp cam lồ, khiến cho các chúng sinh chứng được đạo quả tịch diệt." Như trong Kinh Đại-ái-đạo xuất gia đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Tỳ-kheo ni Đại-ái-đạo là bậc Thượng tọa của Ni Tăng, phải tuân thủ như thế."

Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chế định bốn trọng giới cho các Tỳ-kheo, vậy chúng con có được phép nghe hay không?"

Phật dạy: "Được! Này Cù-đàm-di, nếu một thiện nữ có lòng tin, muốn được năm việc lợi ích, cần phải thọ trì hết giới bổn này. Năm việc lợi ích đó là:

1. Nếu một thiện nữ có lòng tin muốn xây dựng Phật pháp, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.
2. Nếu muốn cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.
3. Nếu muốn không còn nghi ngờ, phải thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.
4. Nếu muốn làm chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà đâm ra sợ hãi, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.
5. Nếu muốn du hóa 4 phương mà không gặp trở ngại, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

Đó gọi là người thiện nữ có lòng tin vững chải được 5 điều lợi ích khi giữ gìn giới bổn này. Ngoài ra, như ở phần đầu trong 5 nhân duyên của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ:

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ (hành) dâm, thậm chí hành dâm với loài súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Là người nữ đủ hai mươi tuổi chứ không phải không đủ, đã thọ Cụ-túc một cách hoàn hảo giữa hai bộ Tăng, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp chứ không phải hòa hợp, một lần bạch, ba lần Yết-ma, không có ai cản trở. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.

Không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng: Như ở phần Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thọ: Thụ hưởng với lòng dục.

Dâm: phi phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với người nam, bất năng nam, phi nhân nam, súc sinh giống đực đang thức hoặc ngủ, hoặc thây chết hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện hay đường đại tiện, mà trong mỗi trường hợp đều thọ lạc, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

Ba-la-di: Đối với Pháp trí bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Cũng thế, cho đến đối với Tận trí, Vô sinh trí mà thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, (514c) đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị thoái hóa, đọa lạc, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Loại tội mà khi vi phạm không thể phát lồ sám hối được, đó gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô muốn nhìn nam giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu dùng mắt nhìn họ, dùng tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khỏa thân hướng vào nhau thì phạm tội Thâu-lan; thậm chí, nếu hai căn chạm vào nhau chỉ bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói mình trả giới, không nói mình không trả giới, vì giới yếu kém mà làm người thế tục, thì tùy theo mức độ phạm mà kết tội. Nếu làm ngoại đạo thì cũng như thế. Nếu người này lõa thể, người kia mặc y phục, hoặc người kia lõa thể, người này mặc y phục; hoặc cả hai cùng mặc y phục; hoặc cả hai cùng lõa thể; mà hễ hai căn chạm vào nhau chừng một hạt mè thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng, rồi mặc đồ thế tục mà phạm giới, thì tùy theo mức độ vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu khi ấy Tỳ-kheo thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng hành dâm thì cả hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với sa-di thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di, còn Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với người thế tục thì cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với ba loài: người, phi nhân, súc sinh, hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: đang thức, ngủ, hoặc là đã chết thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ hoặc bị cuồng trí hay nhập định mà có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết mà giai đoạn đầu, giữa và cuối thọ lạc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ, bị cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu không thọ lạc mà lúc giữa và cuối có thọ lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu, lúc giữa không thọ lạc mà cuối thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng giai đoạn đầu, giữa và cuối đều không thọ lạc, thì không có tội.

Thế nào là thọ lạc? Thế nào là không thọ lạc?

Thọ lạc: Ví như người đói mà được các thức ăn mỹ vị, người ấy lấy việc ăn làm lạc thú; lại như người đang khát mà được các thức uống ngon lành; người ấy lấy việc uống làm thú vị; người thọ dục lạc cũng như vậy.

Không thọ lạc: Ví như người ưa sạch sẽ mà phải dùng các thứ thây chết quàng vào cổ, hoặc là phải dùng thanh sắt nóng áp vào mụt nhọt bị vỡ; không thọ lạc cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni thọ dâm do mua được, do thuê được, do ân nghĩa mà được, do quen biết mà được, do đùa bỡn mà được, do thí nghiệm mà được, (515a) do tò mò mà được, đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vì cuồng trí hay không biết, thì không có tội. Thế nên nói:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ dâm, thậm chí với cả súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di; không được sống chung với Ni chúng.***

Ngoài ra, các giới thứ hai, thứ ba, thứ tư thì giống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

*

2. TRỘM CẮP

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni lấy vật mà người ta không cho tại thôn xóm hay nơi hoang dã, rồi tùy theo vật đã lấy mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, nói: "Ôi kẻ nữ nhân! Ngươi là quân trộm cướp, là kẻ ngu si", thì Tỳ-kheo-ni lấy trộm này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.***

*

3. SÁT NHÂN

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho họ tự sát, bảo họ chết, khen ngợi sự chết, nói: "Ôi, người ta sống mà xấu xa như thế để làm gì! Thà chết còn hơn sống." Suy nghĩ như thế, tưởng tượng như thế, tìm phương tiện khen ngợi rằng chết là khoái trá. Nhân đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung với Ni chúng.

*

4. ĐẠI VỌNG NGỮ

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa biết, chưa tỏ rõ, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, rằng mình thấy như vậy, biết như vậy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm tra, hoặc không bị thẩm tra về việc phạm tội, nhưng muốn được thanh tịnh bèn nói như sau: "Thưa thánh giả! Con không biết mà tự nói là biết, không thấy mà tự nói là thấy. Đó là lời nói hư dối không thật", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng; ngoại trừ sự tăng thượng mạn.

*

5. NHIỄM TÂM XÚC CHẠM NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây Ni-câu-loại, nước Ca-duy-la-vệ, đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni ở a-luyện-nhã. Nhưng lúc này tại thôn xóm chưa có Tinh xá nên Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến tạm trú nơi nhà của người họ Thích, rồi dạy kinh cho người con trai của họ. Thân sắc của Tỳ-kheo-ni Lại-tra đoan chính nhưng chưa ly dục, chàng thanh niên kia cũng đoan chính mà chưa ly dục, mỗi ngày chàng đến học

kinh ba lần. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni thường thường trông thấy anh ta nên sinh dục tâm nhiễm trước, đến nỗi sinh bệnh, nhan sắc vàng vọt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đến vấn an cô:

Thưa thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không? Nếu cần sữa, dầu, mật, đường phèn thì chúng con sẽ cung cấp.

Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi.

Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đến vấn an như thế. Đồng thời chàng thanh niên họ Thích kia cũng hỏi cô:

Thưa thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không thì con sẽ cung cấp cho. Nếu trong nhà có thì con sẽ đưa, nếu không có thì con sẽ đi tìm nơi khác đem về đưa cho thánh giả.

Này hiền hữu, không phải những thứ thuốc ấy có thể chữa khỏi.

Thưa thánh giả, thế thì bệnh này không phải là thân bệnh mà là tâm bệnh chăng?

(515b) Đúng như ngươi nói.

Thế thì bệnh này làm sao cho khỏi?

Ngươi có muốn cho ta khỏi không?

Muốn cho khỏi, nhưng người cần thứ gì con sẽ đi tìm về đưa cho?

Hãy đến đây cùng làm việc ấy với ta.

Con không dám. Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư, người mà con tôn trọng?

Nếu không thể làm như thế, thì chỉ cần ôm ta nói lời âu yếm, ôm chặt ta vuốt ve từ trên xuống dưới.

Nếu chỉ cần có vậy thì con có thể làm được.

Đoạn, chàng ta đến ôm cô bày tỏ tình cảm, nắm hai cái vú rờ rẫm vuốt ve từ trên xuống dưới, khiến cô thích ý; rồi sau đó cứ thường thường làm như thế. Như đức Thế Tôn đã dạy: "Nghĩ về sắc đẹp luôn luôn thì tâm nhiễm ô sẽ sinh khởi, giống như người nữ tưởng nhớ người nam hay người nam tưởng nhớ người nữ."

Từ đó trở đi, hai người cứ tiếp tục làm như thế không ngừng. Các Tỳ-kheo-ni khác liền đến khuyên can cô:

Thánh giả đừng làm như thế. Điều đó không được làm.

Nhưng tôi làm việc ấy lại cảm thấy thích thú.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo nghe thế liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô đến rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi đem tâm ô nhiễm cùng với người nam tử có tâm ô nhiễm, xúc chạm, vuốt ve từ vai xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú phải không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Lại-tra! Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách dâm dục, rằng dục là thứ rượu mê, dục giống như ngọn lửa dữ đốt hết thiện căn của người, dục là tai họa lớn hay sao? Đồng thời, Ta cũng dùng các phương tiện để khen ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Vì sao nay ngươi lại làm việc xấu xa ấy? Đó là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả. Sau khi họ đã tập hợp xong, đức Thế Tôn bèn đem sự việc vừa rồi nói với các Tỳ-kheo-ni, nhấn mạnh về những tai họa do việc xảy ra vừa rồi. Đồng thời, Ngài tùy thuận thuyết pháp, tuyên bố về 10 lợi ích mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri, vì các đệ tử, chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười lợi ích đó là:

1. Vì để nhiếp phục Tăng chúng.
2. Vì để nhiếp phục tuyệt đối Tăng chúng.
3. Vì để Tăng chúng được an lạc.
4. Vì để chiết phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để những người biết hổ thẹn được sống yên ổn.
6. Vì để cho người không tin sinh khởi lòng tin.
7. Vì để cho người đã có niềm tin càng tin tưởng hơn.
8. Vì để cho người đang sống trong pháp luật đoạn tận các lậu hoặc.
9. Vì để cho các lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, (515c) nhằm mở cửa cam lồ cho chư Thiên và người đời.

Đó là 10 việc lợi ích. Vì 10 việc này mà đức Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa cho các đệ tử. Thế nên, những ai chưa nghe thì hãy nghe, những ai đã nghe rồi thì phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm vuốt ve người đàn ông với tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để thọ lạc thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người đàn ông có tâm ô nhiễm: Tức là tâm ái dục.

Từ vai trở uống: Từ vú trở xuống.

Từ đầu gối trở lên: Từ bắp vế trở lên đến rún.

Vuốt ve: Di chuyển bàn tay rờ rẫm.

Thọ lạc: Hưởng thụ khoái lạc.

Nhiễm trước: Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Không được sống chung: Không được sống với Tỳ-kheo-ni để hưởng pháp thực và vị thực, hễ trước thế nào thì sau cũng thế ấy, hễ sau thế nào thì trước kia cũng thế. Vì phạm tội Ba-la-di nên không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm, vuốt ve người nam cũng có tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm ô nhiễm vuốt ve người nam không có tâm ô nhiễm, cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà vuốt ve người nam có tâm ô nhiễm thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà xúc chạm người nam cũng không có tâm ô nhiễm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo người nam cạo đầu thì nên nhờ hai người nữ vịn vào đầu để có cảm giác cái đau do người nữ chứ không phải người nam. Cũng vậy, khi bảo người nam lể đầu chảy máu, hay lể ở tay, ở chân thì nên nhờ người nữ cầm chỗ đó, để có cảm giác cái đau do người nữ chứ không phải do người nam. Nếu từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống có mụt nhọt, nên bảo người nữ cầm giữ rồi nhờ người nam nặn mủ thì không có tội. Nhưng nếu mụt nhọt ở chỗ kín thì không được làm như vậy. Chỗ kín nghĩa là từ

vai trở xuống, từ đầu gối trở lên. Nếu tại nơi ấy có bệnh thì nên nhờ người nữ chữa trị. Thế nên nói (như trên).

*

6. NHIỄM TÂM THÂN CẬN NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, được chư Thiên, người đời cung kính, cúng dường, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la dạy kinh cho đồng tử Li-xa, cho đến đồng tử nói:

Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư là người mà con tôn trọng.

Nếu không làm như vậy, thì hãy đến đứng gần nói chuyện với tôi, nắm tay tôi, nắm y tôi, lại gần vui vẻ, mời ngồi, gập mình xuống, (516a) hẹn cùng đi chung.

Nếu chỉ có như vậy thì có thể được.

Thế rồi, anh ta làm cho cô thích ý, và thường xuyên làm như vậy không ngừng, đúng như đức Thế Tôn nói: "Nếu nghĩ đến sắc đẹp không quên thì tâm ô nhiễm phát sinh, như trường hợp người nữ tưởng nhớ người nam, người nam tưởng nhớ người nữ."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó trình bày với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo lại đem nó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ngươi có làm việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi đem tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm vào sát bên mình và hò hẹn cùng đi chung? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng tâm ô nhiễm đưa

tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm lại kề bên mình, cho đến hẹn nhau cùng đi chung.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, vì 10 lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni đem tâm ô nhiễm, đưa tay ra đụng vào người nam cũng có tâm ô nhiễm, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến hoan hỉ, mời ngồi, khom mình xuống, hẹn nhau cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, người nam có tâm ô nhiễm: Cả hai đều có tâm dâm dục.

Đưa tay ra đụng vào người nam: Đưa cánh tay ra tới chỗ họ.

Nói: Cùng nói thủ thỉ.

Để cho họ cầm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, hoặc nắm ngón tay cái, hoặc nắm ngón tay út.

Hoặc để cho họ cầm y: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, áo lót, áo che mưa.

Họ đến tỏ vẻ hoan hỷ: Họ đi đến mình tỏ ra vui vẻ, và thường thường đi đến.

Mời ngồi: Như nói: "Tôi đã trải giường nệm, mời anh ngồi."

Khòm mình xuống: Gập mình xuống sát vào họ.

Hẹn cùng đi: Nếu Tỳ-kheo-ni hò hẹn với người nam tại trước quán xá, nơi vườn ao, hoặc chỗ thường đi lại, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay ra cho họ, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến tỏ ra hoan hỷ, mời ngồi, gập mình xuống, hò hẹn cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni đối xử với người bất năng nam hay người nữ như trên thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông không có tâm ô nhiễm làm những việc như trên thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu xử sự như thế đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm làm những việc như trên, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu làm như vậy với người bất năng nam, với phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cả hai đều không có tâm ô nhiễm, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay cho họ cầm cho đến hò hẹn cùng đi chung, thì phạm tội Ba-la-di.

(516b) Nếu lần lượt phạm từng việc một, đủ tám việc thì thành tội Ba-la-di. Nếu phạm gián cách mà khi đủ tám việc cũng thành tội Ba-la-di. Nếu phạm một khoản liền sám hối tội Thâu-lan-giá, sau khi sám hối lại phạm nữa, cho đến bảy lần cũng thuộc Thâu-lan-giá, nhưng khi đủ tám lần thì thành tội Ba-la-di. Thế nên nói (như trên).

*

7. GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có gia đình Li-xa kia, lúc đầu sinh được hai bé trai, sau đó sinh một bé gái. Họ cho thế là điềm không tốt nên thầm nhủ: "Ngày nay đứa bé gái không tốt này không biết có ai lấy không?" Thế rồi có người hỏi:

Bà có muốn gởi đứa bé gái này đến chỗ an ổn không?

Muốn.

Nếu vậy thì nên đem đến cho Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhờ cô ấy nuôi dưỡng.

Gia đình ấy nghe thế liền cho mời Ca-lê đến, thưa: "Thưa thánh giả! Nay tôi sinh đứa bé gái không tốt lành này không có ai lấy, nhờ cô nuôi lớn, độ nó xuất gia, tôi sẽ cung cấp y thực."

Tỳ-kheo-ni liền nhận đem về nuôi, cho xuất gia. Và gia đình ấy cứ hằng ngày đưa thức ăn, hằng năm gởi đến y phục. Khi đứa bé lớn, Ni sư cho học giới, rồi cho thọ Cụ túc. Nhưng bản chất của người nữ vốn nhiều dâm tính, cho nên càng lớn thì dục tình càng mạnh mẽ không thể kiềm chế được. Do thế, cô ta bạch với sư phụ:

Kiết sử của con sinh khởi, con không thích xuất gia, nay con muốn hoàn tục.

Quái lạ thay! Ở trong cõi tục cũng giống như hầm lửa, làm sao mà có thể vui được!

Từ đó trở đi, dần dần cô thông dâm với người thế tục và các ngoại đạo, rồi mang thai. Tỳ-kheo-ni bèn trục xuất, và nói với sư phụ cô:

Ni sư không biết đệ tử mình thông dâm với người thế tục và ngoại đạo sao?

Tôi cũng đã biết từ sớm, nhưng gia đình ấy hằng ngày đưa thức ăn đến, hằng năm cung cấp y phục; nếu tôi bạch với Tăng thì Tăng sẽ trục xuất. Vì ham hai món lợi kia, nên tôi không bạch.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ca-lợi đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Này Ca-lợi, vì sao ngươi biết Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội mà che giấu? Đấy là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia phạm trọng tội mà không nói với người khác, sau đó, Tỳ-kheo-ni kia hoặc rời khỏi trú xứ, hoặc chết, hoặc hoàn tục, mới nói với người khác rằng: "Trước đây tôi đã biết Tỳ-kheo-ni ấy phạm trọng tội, nhưng tôi không nói với người khác, vì không muốn cho người khác biết", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

(516c) Trọng tội: Nếu phạm một trong tám tội Ba-la-di tức là trọng tội.

Không nói với người khác: Không nói với một người, nhiều người hoặc là chúng Tăng.

Rời khỏi trú xứ: Tức bị trục xuất.

Chết: Sự vô thường xảy đến (qua đời).

Hoàn tục: Rời khỏi pháp luật đang hành trì, làm người thế tục, ngoại đạo. Nếu đến lúc ấy mới nói: "Trước đây tôi đã biết người ấy

phạm tội, nhưng không muốn cho người khác biết", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni lúc bình minh thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội mà không có tâm che giấu, đến lúc mặt trời mọc lại khởi tâm che giấu cho đến bình minh hôm sau, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là hai thời. Cũng vậy cho đến tám thời, như trong vấn đề che giấu của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu thấy đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm trọng tội, mà vì yêu thương cố tình che giấu tội lỗi của đệ tử, nghĩ rằng: "Nếu ta nói với các Tỳ-kheo-ni thì họ sẽ trục xuất nó", thì phạm tội Ba-la-di.

Trong trường hợp, Tỳ-kheo-ni ấy nghe lời nói kia, rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni quen biết rằng: "Mỗ giáp phạm trọng tội, nếu tôi đem nói với người khác thì Tỳ-kheo-ni tăng sẽ trục xuất người ấy; vì thế mà tôi che giấu", Tỳ-kheo-ni ấy nghe thế lại suy nghĩ: "Nếu ta nói ra thì cả hai người đều bị trục xuất", liền che giấu, thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Cũng vậy, nếu tất cả đều che giấu thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy người khác phạm trọng tội rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Tôi thấy mỗ giáp phạm trọng tội", mà Tỳ-kheo-ni này quở trách rằng: "Nay ngươi làm việc ác, vì sao lại đem nói với ta, chớ có nói nữa", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy có người phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu kẻ phạm tội ấy hung ác đáng sợ, có thế lực, e họ sẽ giết mình hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên suy nghĩ: "Hễ gây nghiệp thì có quả báo, họ tự biết lấy. Ví như hỏa hoạn xảy ra cháy nhà, ta chỉ nên tự cứu mình, hơi đâu mà lo việc người khác." Nếu tâm tương ưng như thế thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

*

8. THEO TỲ-KHEO PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di, lúc ấy Xiển-đà phạm một hoặc hai trọng tội trong năm thiên tội; các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão Xiển-đà, thầy có thấy tội ấy không?

Ông muốn hỏi tôi có thấy hay không thấy, nhưng tôi không thấy.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Xiển-đà này thường phạm một, hai tội trong năm thiên tội mà nói không thấy, thì Tăng nên làm **(517a)** Yết-ma cử tội không thấy tội."

Sau khi Tăng làm Yết-ma cử tội không thấy tội rồi, thầy bèn đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói với mẹ mình:

Bà-lộ-ê-đế, Tăng làm Yết-ma cử tội tôi, không cho tôi hưởng chung pháp thực, vị thực.

Quái lạ thay, thế thì nay hãy hưởng chung pháp thực, vị thực với ta.

Thế rồi, người mẹ tùy thuận Xiển-đà, Tỳ-kheo-ni bèn can bà rằng:

– Này mẹ của Xiển-đà, Tỳ-kheo Xiển-đà này đã được Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, nhưng thầy chưa làm đúng pháp, cô chớ có tùy thuận.

Tôi là mẹ, ông ta do tôi sinh ra, nếu tôi không tùy thuận thì ai sẽ tùy thuận?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Xiển-đà đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp mà Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận ông ấy, thì các ngươi nên can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi can gián ở chỗ vắng nên hỏi như sau: "Có thật cô biết Xiển-đà đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp mà vẫn tùy thuận không?" Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Này mẹ của Xiển-đà, Tăng đã làm Yết-ma cử tội đúng pháp

mà chưa thực hiện đúng thì đừng có tùy thuận. Nay tôi vì lòng từ khuyên can là muốn cho cô được lợi ích. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?" Khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng làm như vậy. Rồi khuyên can ba lần ở giữa nhiều người cũng làm như vậy mà nếu như không bỏ thì nên làm pháp Yết-ma cầu thính (xin nghe sự trình bày) giữa chúng Tăng. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tăng đã làm Yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, nhưng Xiển-đà chưa thực hiện đúng, mà mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận thầy. Thế rồi, đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người để cô bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng nên khuyên can ba lần để cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi mẹ của Xiển-đà ở giữa chúng Tăng: "Có thật cô biết Tăng đã hòa hợp làm Yết-ma cử tội Xiển-đà, song Xiển-đà chưa thực hiện đúng mà cô tùy thuận, thế rồi, Tăng đã khuyên can cô ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, cho cô bỏ việc ấy mà cô vẫn không bỏ phải không?' Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Tăng đã hòa hợp làm Yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, cô chớ nên tùy thuận (Xiển-đà). Nay Tăng muốn cho cô được lợi ích nên khuyên can, cô nên tùy thuận lời khuyên của Tăng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?' Nhưng cô đáp: "Không bỏ." Rồi Tăng tiếp tục khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn nói: "Không bỏ."

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi cô đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách tính bướng bỉnh khó khuyên bảo, ca ngợi sự dễ khuyên bảo hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, (517b) trái lời

Ta dạy. Không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Vì sao ngươi lại tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội? Từ nay về sau, Ta không cho phép tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội.

Thế rồi, Phật bảo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng đã hòa hợp, như pháp, như luật làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo, song vị Tỳ-kheo ấy chưa thi hành đúng mà tùy thuận, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng hòa hợp, như pháp, như luật, làm Yết-ma cử tội, song thầy ấy chưa thi hành đúng, cô chớ có tùy thuận." Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà nói như sau: "Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can đến lần thứ hai thứ ba cho bỏ việc ấy. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.***

*

❖ Giải thích

Hòa hợp: Không biệt chúng.

Như pháp như luật: Không thấy người ấy có tội, không thấy người ấy gây tội.

Không bỏ ba ác kiến: Hủy báng khế kinh, tà kiến và biên kiến.

Bị cử (tội): Không được sống chung.

Chưa thi hành đúng pháp: Chưa tùy thuận Tăng, Tăng chưa giải tội.

Tùy thuận: Cùng hưởng pháp thực và vị thực.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "Này thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà thầy chưa thi hành đúng, vậy cô chớ có tùy thuận

hưởng chung pháp thực và vị thực", mà Tỳ-kheo-ni ấy nói: "Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận", thì nên khuyên can tiếp cho đến ba lần. Sau ba lần nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lúc bắt đầu khuyên can thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ hai thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ ba thì phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong thì phạm tội Ba-la-di.

Sau khi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, tất cả các tội Thâu-lan-giá thành một trọng tội là Ba-la-di. Nếu đang lúc khuyên can mà bỏ thì tùy theo bỏ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó.

Kệ tóm tắt:

"Dâm, trộm và giết người,
Nói dối rằng đắc đạo.
Vai xuống, đầu gối lên,
Tầm nhiễm ô, tám việc.
Giấu tội, theo người phạm,
Hết tám Ba-la-di."

*

(Hết 8 giới Ba-la-di của Tỳ-kheo-ni)

TĂNG TÀN

(Tăng tàn, hay còn gọi Tăng thân giải cứu,
gồm 16 giới của Tỳ-kheo-ni)

1. NHẬN LÀM MAI MỐI (517C)

Vấn đề nhận làm mai mối như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhận làm mai mối, tác hợp nam nữ, hoặc cưới vợ, hoặc tư thông với nhau, dù trong chốc lát thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

2. VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC

Vu khống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo-ni thanh tịnh vô tội rằng phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại sự thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni ấy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn, bèn nói rằng: "Việc đó không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói như thế", thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

3. XUYÊN TẠC NHẰM VU KHỐNG

Thế nên đức Thế Tôn dạy:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui rồi dùng một khía cạnh của một việc khác không phải Ba-la-di để vu khống người khác phạm tội Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của họ, sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn bèn nói rằng: "Chỉ vì tôi tức giận nên dùng một khía cạnh của một việc khác để vu khống", thì Tỳ-kheo-ni này phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

4. TRANH CHẤP VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ bức tường ngăn cách giữa Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni với ni ngoại đạo bị sụp đổ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nói với ni ngoại đạo:

Ngươi phải sửa chữa lại; bọn ngươi là những kẻ không biết xấu hổ, đồ chúng đi lại, ra vào đều trần truồng. Ni chúng của ta đây lương thiện tốt đẹp, biết hổ thẹn, khi thấy bọn ngươi thì tăng thêm phiền não.

Lúc này đang mùa mưa không thể xây được, phải đợi qua khỏi mùa mưa rồi mới xây được.

Phải sai người làm ngay bây giờ, không được đợi sau này mới làm.

Tôi không thể làm được.

Tỳ-kheo-ni nổi giận mắng:

Quân chết yểu! Con lừa ăn bã rượu. Ngươi dám không làm chăng, quân không biết hổ thẹn, tà kiến, không có niềm tin? Ngươi phải sửa chữa gấp.

Ni ngoại đạo cũng nổi giận mắng lại:

Này Sa-môn ni bụng bự sinh nhiều con, dù ngươi có giết ta thì rốt cuộc ta cũng không làm.

Tỳ-kheo-ni bèn đi đến chỗ quan xử kiện trình bày đầy đủ sự việc trên: "Thưa Đại quan! Xin ngài hãy vì tôi ra lệnh cho người kia xây lại bức tường ngăn cách."

Viên quan xử kiện lúc ấy vốn là người có niềm tin đối với Phật pháp, nên ông liền sai lính đi bắt ni ngoại đạo kia về. Khi bắt về rồi, ông mắng:

Này kẻ ngoại đạo tà kiến! Quân tệ ác chết yểu, con lừa ăn bã rượu. Vì sao ngươi không xây lại bức tường? Các ngươi không biết xấu hổ, ở trần truồng đi ra đi vào, giả sử thánh giả phạm hạnh này trông thấy các ngươi thì càng tăng thêm phiền não. Ngươi phải xây lại gấp đi. Nếu không xây, ta sẽ gia tội ngươi.

Ni ngoại đạo bèn xây lại; nhưng ban ngày xây xong thì ban đêm bị mưa phá hỏng; do thế, ba tháng Hạ xây không thành tựu. Vì vậy, ngoại đạo than trách với các Ưu-bà-tắc:

Hãy xem phước điền của các ngươi kìa! Ỷ thị vào thế lực của quan quyền, bắt ni của ta làm suốt ba tháng.

Những bà vợ của các Ưu-bà-tắc nghe thế **(518a)** liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Thâu-lan-nan-đà! Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi lại gây lộn với người khác? Đấy là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh tụng với người thế tục hoặc người xuất gia, ban ngày, trong khoảnh khắc, thậm chí đấu tranh với người làm vườn, Sa-di, thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tranh tụng: Tranh cãi bằng miệng.

Người thế tục: Tức người tại gia.

Người xuất gia: Hàng ngoại đạo xuất gia cho đến Xà-trí-la.

Ban ngày: (Từ lúc bình minh) cho đến khi mặt trời lặn.

Trong khoảnh khắc: Trong giây lát. Nếu Tỳ-kheo-ni gây sự – thậm chí với Sa-di, người làm vườn (thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa).

Sơ tội: Không đợi đến lần can gián thứ ba.

Tăng già: Chỉ cho tám Ba-la-di (?)

Bà-thi-sa: Vì tội này còn có dư tàn, Tăng phải làm Yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, vì tội này phải phát lồ giữa Tăng để sám hối, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với viên quan xử kiện của nhà vua thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói với ông về những việc phải quấy thì phạm tội Thâu-lan giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà Ưu-bà-tắc, nhà của người có niềm tin nói chuyện phải trái với họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tâm hiềm khích họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với nhà vua thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói với nhà vua bằng những lời oán hận thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

*

5. ĐI MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người em gái của Tỳ-kheo-ni Lại-tra lấy chồng ở một thôn khác đang lâm bệnh, bèn sai người báo tin cho Lại-tra rằng: "Chị hãy đến sớm trước khi em chưa chết thì mới có thể thấy được nhau." Lại-tra liền đến thăm, nhưng chưa tới nơi thì người em gái đã mệnh chung. Khi cô tới đó, người em rể bèn nói với cô: "Em gái của chị đã qua đời rồi, ai sẽ chăm sóc việc nhà, trông nom con cái đây? Xin chị hãy thay thế, chăm sóc giùm em."

Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn suy nghĩ: "Người này thốt ra lời khả ố, y có thể cưỡng bách xâm phạm đến ta", liền cảm thấy hoảng sợ, rồi giả vờ đi ra ngoài. Đoạn, cô trở về thành Xá-vệ, nói với các Tỳ-kheo-ni: "Quái thay! Kẻ kia sẽ phá hoại phạm hạnh tôi mất!." Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi: "Có việc gì thế?" Cô bèn trình bày lại đầy đủ sự việc trên.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế (518b) liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi đi đường một mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép đi đường một mình.

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni đi đường, có một Tỳ-kheo-ni trẻ mắc đi đại tiện nên rớt lại phía sau. Thế rồi, các khách buôn đi đến trông thấy cô đoan chính bèn chận lại, hỏi:

Cô đang trẻ trung đoan chính, lẽ ra nên hưởng thụ dục lạc, vì sao lại xuất gia, xin nói rõ nguyên nhân?

Ta xuất gia thì can gì các ngươi mà phải hỏi?

Không phải vậy! Hình như cô có ý gì, hãy nói thử xem?

Cô vẫn đáp như trước. Bọn khách buôn đùa cợt một lúc rồi thả cô đi. Khi đến thôn xóm, lòng sinh nghi ngờ (mình phạm tội), cô bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Không có lòng dục thì không có tội."

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni cùng đi đường, có một Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, đi không kịp bạn, phải đi sau một mình. Khi đến nơi, cô sinh nghi, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Bị bệnh thì không có tội."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không có Tỳ-kheo-ni khác để kết bạn cùng đi, thì không được ra khỏi ranh giới của thôn xóm, ngoại trừ khi khác; khi khác tức là khi không có lòng dục và bị bệnh, đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Không có Tỳ-kheo-ni bạn: Chỉ đi đường có một mình như trên đã nói rõ.

Trừ khi khác: Khi không có lòng dục, khi bệnh, đức Thế Tôn nói là không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang đi trên đường mà chưa ra khỏi ranh giới thì không có tội. Nếu đi đến ranh giới của xóm làng, thành ấp, thì nên cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra. Nếu cách nhau xa hơn một cánh tay giang ra mà đi quá một bước thì phạm tội Thâu-lan-giá; quá hai bước thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Một người đứng ở ranh giới trung gian thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cũng vậy, những người khác cách quá (một bước) cũng phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

6. SỐNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy trong thành Vương-xá có một người tên Yết-Mô tử cưới một Yết-Mô nữ làm vợ. Cô này đoan chính vô song, đang bưng cơm cho chồng. Khi đến giờ khất thực, đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi đến nhà ấy. Bấy giờ, người vợ suy nghĩ: "Nếu chồng ta thấy Phật, ắt sẽ đứng dậy xem, sẽ bỏ phế việc ăn uống, ta nên đứng chắn giữa cửa." Vì người ấy có duyên với Phật, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng (518c) chiếu vào trong nhà, khiến cho ông chồng nhìn ra, trông thấy Phật. Ông liền nói với bà vợ:

Ngươi thật là kẻ chẳng có một chút thiện tâm nào, chỉ muốn làm tổn hại ta.

Không phải tôi muốn làm tổn hại mà vì tôi sợ anh thấy Thế Tôn sẽ bỏ phế việc ăn uống mà thôi.

Ông chồng nổi giận, nói:

Người nữ tình ý cạn cợt, muốn làm lợi ích một tí mà thành ra tổn hại quá nhiều.

Xin đại gia cho phép tôi xuất gia.

Cô muốn xuất gia theo đạo nào?

Xuất gia theo Phật pháp.

Tôi đồng ý.

Thế rồi, cô đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la xin xuất gia. Ni sư liền độ xuất gia, cho thọ Cụ túc. Đầu đêm, cuối đêm, cô tinh cần không biếng nhác, đến ngày thứ tám thì dứt hết lậu hoặc, tự biết mình đã chứng ngộ, được tam minh, lục thông, tâm tư tự tại, ngồi nương tựa dưới gốc cây. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ cô ngồi, rồi đọc kệ:

"Đế Thích từ thiên cung,
Giáng phàm xin đảnh lễ.
Thấy Yết-mô nữ này,
Xuất gia mới tám ngày,
Lậu hết chứng lục thông.
Hoa Ưu-bát Tỳ-kheo,
Việc làm đã thành tựu.
Đức lực đều tự tại,
Chiết phục mọi tình tưởng,
Nhắm mắt ngồi dưới cây.
Thế nên tôi đảnh lễ,
Phước điền của thế gian."

Vị Tỳ-kheo-ni này có âm thanh trong trẻo, giỏi tán tụng kinh điển, được một Ưu-bà-tắc mời về nhà tụng kinh. Sau khi nghe tụng, ông rất hoan hỉ, cúng dường cho cô một tấm lụa lớn và đẹp. Lúc ấy, chư thiên ở trên không trung liền đọc kệ tán thán:

"Nay cô được lợi ích,
Phước đức đã tột vời.
Mọi nhiễm trước dứt hết,
Nhận y cúng thanh tịnh.
Các nam nữ cư sĩ,
Trong thành Vương-xá này,
Vì sao không mời cô,
Thuyết giảng vi diệu pháp?
Không mời thì không giảng,
Thân cận sẽ lìa khổ.
Nghe pháp rồi tu tập,
Ắt đến nơi thắng diệu."

Lúc ấy, mọi người, mọi nhà đều mời cô về tụng kinh; sau khi nghe tụng, họ rất hoan hỉ (phát tâm cúng dường), vì thế cô nhận được rất nhiều lợi dưỡng. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế đều sinh tâm ganh tị, bèn nói rằng: "Đây là những lời ca tụng ủy mị làm mê loạn lòng người."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Có thật ngươi ca tụng theo kiểu thế gian (519a) chăng?

Con không biết ca tụng theo kiểu thế gian.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo-ni: "Tỳ-kheo-ni này không phải ca tụng theo kiểu của thế gian. Trong thời quá khứ có vị vua cai trị thành Ba-la-nại tên là Cát-lợi. Ông có bảy người con gái: Người thứ nhất tên là Sa-môn; người thứ hai tên là Sa-môn-hữu; người thứ ba tên là Tỳ-kheo-ni; người thứ tư tên là Tỳ-kheo-ni-tì; người thứ năm tên là Đạt-ma-chi; người thứ sáu tên là Tu-đạt-ma; người thứ bảy tên là Tăng-tì. Những người này từng phát nguyện trước Phật Ca-diếp như trong kinh Thất Nữ đã nói rõ."

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni muốn tách rời Ni chúng cư trú một mình, rồi một Tỳ-kheo-ni khác đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Có phải ngươi định tách rời Ni chúng cư trú một mình không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay trở đi, Ta không cho phép tách rời chúng để sống một mình.

Lại nữa, khi vua Lưu Li chinh phạt nước Ca-duy-la-vệ nên được nói rộng; lúc ấy các Tỳ-kheo-ni sống một mình ở ngoài thành, cho đến... trừ nạn vua.

Lại nữa, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni đi đường, có người già cả bệnh hoạn theo không kịp chúng bạn phải nghỉ một mình, tâm sinh nghi, đến hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người không có lòng dục thì không có tội." Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni sống tách rời Tỳ-kheo-ni khác trong một đêm – trừ khi khác, khi khác tức là lúc bệnh hoặc bị bọn giặc nổi loạn vây thành, đó gọi là khi khác – thì phạm sơ tội.***

*

❖ Giải thích

Nghỉ một đêm: Từ lúc mặt trời chưa lặn đến bình minh hôm sau xuất hiện.

Trừ khi khác: Không có lòng dục, sống cách ly, già bệnh, bị bọn giặc nổi loạn vây thành, nếu lúc ấy đang ở trong thành thì không nên ra ngoài, hoặc đang ở ngoài thành thì không nên đi vào. Đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tách rời Tỳ-kheo-ni khác mà ngủ từ khi mặt trời chưa lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tách rời Ni chúng từ khi mặt trời đã lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ chung với nhau trong phòng ở Tăng-già-lam thì nên nằm cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra, rồi trong một đêm nên dùng tay sờ tìm người kia ba lần; nhưng không được sờ tìm ba lần trong một lúc, mà phải đầu đêm một lần, giữa đêm một lần và cuối đêm một lần. Nếu đầu đêm không sờ tìm người kia thì phạm tội Việt-tỳ-ni; giữa đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả ba thời đều có tìm xem thì không có tội.

Nếu người ngủ trên gác, kẻ ngủ dưới gác khác chỗ nhau thì một đêm phải đi qua lại trông nom ba lần. Nếu ngủ trong trường hợp như vậy tại Tăng-già-lam thì phạm tội Thâu-lan-giá. (519b) Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

7. ĐỘ NGƯỜI CHỦ CHƯA CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ở trong thành Vương-xá có một trưởng giả tên Tu-đề-na, ông có một cô vợ trẻ trung, đoan chính. Khi chồng chết, cô ta không thích cánh đàn ông, nhưng người chú muốn lấy cô, cô bèn nói với các phụ nữ khác:

Tôi không thích bọn đàn ông, nhưng người chú muốn lấy tôi làm vợ.

Cô có muốn được thoát ly không?

Muốn được thoát ly.

Cô hãy đến thành Xá-vệ, chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê, vị ấy sẽ độ cô xuất gia.

Người đàn bà này theo lời chỉ dẫn ấy đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?" Họ bèn chỉ chỗ. Khi cô vào đến nơi, liền hỏi: "Tỳ-kheo-ni Ca-lê là ai vậy?." Họ bèn chỉ phòng. Cô vào phòng, rồi hỏi:

Thánh giả có phải Ca-lê không?

Phải! Hỏi để làm gì?

Con muốn xuất gia.

Ca-lê bèn độ người này xuất gia cho thọ Cụ túc. Sau đó, người chú đi tìm nhưng không biết ở đâu, rồi có người mách với ông: "Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ đã độ cho cô ấy xuất gia rồi." Ông bèn đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?" Họ bèn chỉ chỗ. Ông đi vào đó, rồi hỏi: "Phòng nào là phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê?." Họ lại chỉ phòng. Ông vào phòng rồi hỏi:

Thánh giả có phải là Ca-lê không?

Phải, nhưng ông hỏi để làm gì?

Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ vợ tôi xuất gia?

Này lão trượng, ông từ đâu đến vậy?

Từ thành Vương-xá đến.

Tỳ-kheo-ni liền mắng: "Quân chết tiệt! Ngươi là quân giặc. Người ở thành Vương-xá thường đến đây để làm gián điệp, dò la tin tức nước ta." Thế rồi, cô nói với đệ tử: "Lấy y Tăng-già-lê lại đây cho ta, rồi trói tên chết tiệt này đem giam vào trong ngục."

Ông ta nghe thế hoảng sợ, liền suy nghĩ: "Cặp mắt của người này thật đáng sợ, có thể bà làm thật chứ chẳng chơi!." Thế rồi đôi mắt vừa láo liên ngó chừng, ông vừa từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, ông nổi giận mắng: "Tỳ-kheo-ni này đã độ vợ ta phi pháp, lại còn muốn bắt trói ta."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô đến rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Ca-lê! Đó là việc sai trái. Vì sao ngươi độ người mà chủ không cho phép? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mà chủ không đồng ý.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ không cho phép thì phạm sơ tội Tăng-già (519c) bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Không cho phép: Con gái chưa lấy chồng thì phải hỏi cha mẹ, nếu đã lấy chồng thì phải hỏi chồng, cha mẹ chồng và chú chồng; nếu họ không cho phép mà độ xuất gia, cho thọ Cụ túc, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói, thuộc về sơ tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ của họ không cho phép thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cho họ học giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho họ thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

8. ĐỘ NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có người vợ của lực sĩ ở ấp A-ma-la còn trẻ, đoan chính, tư thông với người khác. Chồng cô nói: "Em đừng làm như vậy nữa, nếu còn tiếp tục thì anh sẽ trị tội em như vậy, như vậy." Thế nhưng người vợ vẫn tiếp tục tư thông không bỏ. Người chồng bèn theo dõi bắt gặp hai người đang hành sự, trói lại đem đến quan xử kiện, nói: "Vợ tôi tư thông với người này, xin quan trên dùng pháp luật trị tội giúp tôi." Viên quan hình pháp nói: "Nếu người nữ tư thông với kẻ khác thì phải trình diện trước hai chúng trong bảy ngày. Sau khi trình diện bảy ngày, phải bị phanh thây trước hai gia đình." Đoạn, viên quan nói với người vợ ấy: "Ngươi hãy trở về, nếu trong nhà có của thì phải chuẩn bị các dụng cụ bố thí ẩm thực. Nếu trong nhà không có của thì tùy ý. Sau khi đủ bảy ngày sẽ bị phanh thây trước hai chúng."

Thế rồi, cô ấy trở về nhà, sắm sửa các thứ ẩm thực bố thí cho hai chúng; rồi cô ngồi ở chỗ vắng khóc lóc. Các bà mẹ thấy thế hỏi:

Vì sao mà con khóc?

Sau bảy ngày nữa con sẽ bị phanh thây trước hai chúng mà không khóc sao được?

Con có muốn được sống không?

Muốn.

Con hãy đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ cầu xin xuất gia thì có thể được sống.

Vì mọi người đang say rượu nên cô này theo kế hoạch lặng lẽ lén đi, đến thành Xá-vệ, cô hỏi người ta: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở chỗ nào vậy?" Họ bèn chỉ chỗ. Cô đi vào đó, rồi hỏi người khác: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?." Họ bèn chỉ phòng. Cô liền vào phòng, bạch:

Thưa thánh giả, con muốn xuất gia.

Phu chủ đã cho phép con chưa?

Cho phép như thế nào?

Nếu chưa lấy chồng thì cha mẹ cho phép; nếu đã lấy chồng thì cha mẹ chồng, chồng và chú chồng cho phép. Đó là cho phép.

Nếu như vậy thì con phải tự cho phép, vì các người trong thân tộc đều muốn con phải bị phanh thây, đã vứt bỏ con rồi.

Nếu quả như vậy thì họ đã quyết tâm bỏ con.

Thế là Ca-lê độ cô ấy xuất gia cho thọ Cụ túc. Chồng cô đi tìm kiếm để trị tội mà không thấy. Anh ta nghe nói có Tỳ-kheo-ni ở thành Xá-vệ đã độ cho xuất gia rồi, (520a) bèn đi đến thành Xá-vệ hỏi dân chúng: "Tinh xá Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?" Dân chúng chỉ chỗ. Rồi ông đi vào Tinh xá hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?." Họ liền chỉ chỗ. Ông bước vào phòng hỏi:

Thánh giả là Tỳ-kheo-ni Ca-lê phải không?

Hỏi để làm gì?

Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ cho xuất gia?

Này thiện sĩ, nhà ông ở đâu vậy?

Ở tại ấp A-ma-lặc.

Quân chết tiệt, ngươi là quân giặc, ngươi không biết sao? Người ấp A-ma-lặc thường đến đây dò la tin tức của nước ta để làm gián điệp.

Đoạn, Ca-lê nói với đệ tử: "Lấy y của ta đưa đây, ta sẽ đi báo cho vua tóm cổ tên chết tiệt này."

Anh ta nghe thế, suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni này trương mắt ra nhìn hung tợ, có thể làm việc ác." Nghĩ thế, anh ta từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, nổi giận mắng: "Vị Sa-môn ni này lén độ vợ ta mà còn muốn bắt trói ta."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền quở trách: "Này Ca-lê, đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi biết kẻ đó phạm tội, những người thân của họ muốn trị tội mà độ cho xuất gia? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Từ nay về sau, Ta không cho phép, khi biết người nữ kia phạm tội, mọi người muốn trị tội, mà độ cho xuất gia."

Lại nữa, tại ấp Kiền-đề của dòng họ Thích-ca có người con gái – Như trên đã nói – cho đến, cô nói với Tỳ-kheo-ni:

Xin độ con xuất gia?

Trước đây con đã phạm tội như thế thì không thể xuất gia được.

Thế rồi, cô đi đến các Tỳ-kheo-ni khác, nhưng họ đều không độ. Cô bèn đi đến ngoại đạo xin xuất gia. Người chồng muốn tìm cô về trị tội, nhưng không biết ở đâu, thì nghe nói cô đã được ngoại đạo độ cho xuất gia tại thành Xá-vệ. Anh ta suy nghĩ: "Người này vốn là con của Ưu-bà-tắc mà nay bị rơi vào trong hàng ngũ ngoại đạo tà kiến, cần phải trị tội, nhưng không thể tìm ra."

Nếp sống của các ngoại đạo là uống nước vo gạo và nước rửa chảo, sống lõa thể vô liêm sỉ, mà còn đánh vợ không biết tiếc thương. Thế nên, người phụ nữ ấy chán ngán, tự nhủ: "Đây không phải là phép tắc xuất gia", liền bỏ đi, đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni bạch rằng: "Con từ trên bờ vỡ rơi xuống hầm sâu, sắp sa vào địa ngục, xin hãy kéo con lên, cho con xuất gia."

Các Tỳ-kheo-ni đều không dám độ. Thế là, cô đến bạch với Đại-ái-đạo: "Thưa thánh giả, con vốn là con gái của dòng họ Thích, mà nay bị rơi xuống hầm sâu, xin độ con xuất gia." Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Được phép độ. Nếu trước đó ngoại đạo đã độ, thì sau đó cho phép xuất gia."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ (520b) phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội, những người thân thích muốn trị tội, mà độ họ – trừ khi khác; khi khác là khi ngoại đạo đã độ trước, đó gọi là khi khác – thì phạm sơ tội.***

*

❖ Giải thích

Chúng: Hai chúng tập hợp, nghĩa là gồm những người bên phía cha mẹ đẻ và những người bên nhà chồng.

Thân thích: Tức tộc họ Bà-la-môn, tộc họ Sát-lợi, tộc họ Tì-xá, tộc họ Thủ-đà-la.

Trị tội: Hoặc trói, bọc lại để thiêu; hoặc bỏ vào trong bao cát, cột miệng bao lại, thả chìm dưới nước; hoặc dùng lửa đốt đầu; hoặc cắt tai, cắt mũi; hoặc dùng thanh sắt đốt nóng áp vào âm hộ; hoặc đem phân thây, quốc pháp có các loại khác nhau như thế. Ngoại trừ trước đó họ đã xuất gia theo ngoại đạo, rồi độ họ xuất gia, thì Thế Tôn bảo là không có tội.

Ngoại đạo: Như Ni-kiền-đế-lê, Đàn-trì-già, đại loại các ngoại đạo như thế.

Đấy là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội đáng trị phạt mà độ cho xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu cho họ học pháp thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

9. QUA SÔNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều phụ nữ đang ở bờ bên kia của sông A-kì-la, còn bờ bên này thì Tỳ-kheo-ni tăng vân tập. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cởi y phục ném xuống đất, rồi bơi qua bên kia bờ sông. Các phụ nữ thấy thế bàn tán nhau: "Hãy xem Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bơi trên mặt nước mà qua đây." Sau khi qua đến nơi, cô bèn ngồi trên chỗ đất trống một lát rồi lại bơi trở về. Khi ấy, các phụ nữ bèn chê bai rằng: "Vì sao mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà này làm như kẻ hung ác, bơi qua rồi lại bơi về!."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật quở trách: "Đó là việc xấu. Vì sao tại chỗ có đò qua lại mà ngươi lại bơi qua? Từ nay về sau, Ta không cho phép một mình bơi qua chỗ bến đò."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni một mình bơi qua sông tại chỗ bến đò thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Bơi một mình: Rời khỏi bờ sông bên này đến bờ bên kia thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

10. TỰ Ý THA TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê đi du hành trong thôn xóm. (520c) Sau khi cô đi, Ni tăng làm Yết-ma cử

tội đệ tử y chỉ của cô. Đến khi cô trở về, đệ tử liền bạch: "Ni tăng làm Yết-ma cử tội con, không cho con cùng hưởng pháp thực, vị thực." Cô bèn quở trách đệ tử: "Ngươi hãy giữ im lặng, nhưng phải bảo Ni tăng tập hợp", bèn tập hợp tăng. Các Tỳ-kheo-ni ai nấy đều suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo-ni này đi xa trở về rồi tập hợp Tăng, thường thích có vật bố thí, không hiểu chúng ta hôm nay sẽ được vật gì đây?." Do suy nghĩ thế nên mọi người đều hoan hỷ tập hợp nhanh chóng. Sau khi tập hợp, cô bèn tuyên bố như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đã bị Tăng làm Yết-ma cử tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đã bị Tăng làm Yết-ma cử tội; nay Tăng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp; thánh giả Tăng nào bằng lòng xả pháp Yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng làm như thế).

Các Tỳ-kheo-ni thấy đôi mắt của Tỳ-kheo-ni này đáng sợ nên không ai dám ngăn cản cả. Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bàn tán nhau: "Đây là lời nói gì vậy?" Đoạn, ai nấy đều bảo: "Tôi cũng chả hiểu lời nói này."

Các Tỳ-kheo-ni bèn bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi biết Tỳ-kheo-ni Tăng đã làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, người ấy chưa tùy thuận, chưa thi hành đúng pháp, ngươi không thưa trước với Tăng mà tự ý xả Yết-ma? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật; người phạm tội chưa thi hành đúng pháp, mình không thưa trước với Tăng mà tự ý xả tội, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Như pháp, như luật: Không thấy tội thì không vạch tội ba lần để cho thấy.

Chưa xả pháp Yết-ma cử tội: Không được sống chung.

Chưa làm đúng pháp: Chưa tùy thuận, tâm chưa điều phục, Tăng chưa xả tội.

Không thưa trước: Chưa làm pháp Yết-ma cầu thính trước Tăng mà tự ý xả tội giữa Tăng, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu đệ tử bị Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội thì Hòa thượng ni hoặc A-xà-lê ni nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni trưởng lão (521a) nói như sau: "Ai mà không ngu si, không có lỗi, lúc nào cũng có trí tuệ, vì không biết cho nên mới như vậy, người ấy sẽ không dám tái phạm nữa." Phải nói với tất cả mọi người như vậy để cho tâm họ nhu nhuyến, rồi mới làm Yết-ma cầu thính ở giữa Tăng. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp có việc ấy nên Tăng làm Yết-ma cử tội. Nay người ấy đã tùy thuận, tâm đã nhu nhuyến. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay mỗ giáp muốn đến giữa Tăng xin xả pháp Yết-ma cử tội.

Các thánh giả Tăng xin lắng nghe. Mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin xả pháp Yết-ma cử tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng; việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Phải làm Yết-ma như vậy xong rồi mới xin. Nếu có người ngăn cản thì Hòa thượng nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên họ thôi đi.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tăng hòa hợp làm Yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà tự ý xả Yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

*

11. NHẬN VẬT CỦA NGƯỜI CÓ TÀ TÂM

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy có một trưởng giả vì lòng dục mà mời Tỳ-kheo-ni Thọ Đề cúng dường y, bát, ẩm thực, thuốc trị bệnh, nói như sau:

Thánh giả có biết tôi cúng vì lẽ gì không?

Biết.

Biết như thế nào?

Vì muốn được phước đức.

Đương nhiên rồi, nhưng còn gồm cả lòng ái dục nữa.

Lúc ấy, Thọ Đề là người đã ly dục nên nghe lời nói kia tâm cô vẫn thản nhiên không thèm để ý, do thế mà không ngăn cản. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thọ Đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của người đàn ông có tâm ô nhiễm, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thọ-Đề.

Không có tâm ô nhiễm: Không có tâm ái dục.

Bát: Gồm ba loại, thượng, trung và hạ.

Y: Gồm có y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Tăng-kì-chi và y tắm mưa.

Thức ăn uống: Như thức ăn Khư-đà-ni, bồ-xà-ni.

Thuốc: Mật, đường phèn, sanh tô và mỡ; đây thuộc về sơ tội.

Nếu có người cúng dường cho Tỳ-kheo-ni y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh mà nói như sau: "Tôi vì lý do đó mà cúng dường", thì không nên nhận, mà nên nói: "Tôi không cần, (521b) đã có những nhà khác cung cấp rồi." Nếu như nhận thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu họ không nói mà cử động tay chân, liếc mắt, khảy móng tay, viết chữ dưới đất, làm các dấu hiệu như vậy, thì biết họ có lòng dục đối với mình, mình không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính, thì mình nhận không có tội.

Nếu người nữ có lòng dục khi cúng dường cho Tỳ-kheo mà cử động chân tay, liếc mắt nhìn, thì biết là họ có lòng dục; không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính thì mình nhận không có tội.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi sáu

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 37

TĂNG TÀN
(tiếp theo)

12. KHUYÊN NGƯỜI LÀM ĐIỀU PHI PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo-ni nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của đàn ông có tâm nhiễm ô, nên Tỳ-kheo-ni Thọ-Đề không nhận y bố thí của trưởng giả. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thân-lan-nan-đà hỏi Thọ-Đề rằng: "Vì sao cô không lấy vật bố thí của người đàn ông này? Người đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng."

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Cô đừng nói như sau: Đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm, thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng." Họ khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba mà cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi bảo người kia nhận vật bố thí của người có tâm ô nhiễm? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương-xá phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "(521c) Nên nhận vật bố thí của người đàn ông này dù họ có tâm ô nhiễm hay không thì đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Cô đừng nói như sau: Nên nhận vật bố thí ấy, dù người đàn ông ấy có tâm ô nhiễm hay không thì có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng." Sau khi khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni nói lời ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Nhận vật bố thí: Như Tỳ-kheo-ni Thọ Đề.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy bỏ việc đó, mà nếu như không bỏ, rồi được khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

13. VÔ CỚ HỦY BÁNG TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, có kẻ hỗ trợ người phá Tăng như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên đức Thế Tôn nói: "Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá sự hòa hợp của Tăng nên tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Tăng gây nên tranh cãi, thì các

Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "Thưa thánh giả! Người đừng phá sự hòa hợp của Tăng, tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Tăng, gây nên tranh cãi, mà nên hòa đồng với Tăng. Vì sao vậy? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỉ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc."

Nếu Tỳ-kheo-ni ấy được các Tỳ-kheo-ni khác khuyên can mà vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Sau ba lần khuyên can, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni phá Tăng ấy mà có các Tỳ-kheo-ni đồng ý tương trợ hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến phản đối rằng: "Thưa thánh giả, xin người đừng nói Tỳ-kheo-ni ấy tốt hay xấu. Vì sao thế? Vì Tỳ-kheo-ni ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Điều gì Tỳ-kheo-ni ấy nói ra chúng tôi đều hài lòng. Những kiến giải của Tỳ-kheo-ni ấy là có thể chấp nhận được. Chúng tôi cũng đều có thể chấp nhận. Tỳ-kheo-ni ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can vị Tỳ-kheo-ni đồng ý ấy rằng: "Này thánh giả, ngươi đừng bảo rằng vị Tỳ-kheo-ni kia nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao thế? Vì đó là Tỳ-kheo-ni nói phi pháp, nói phi luật. Này thánh giả, người đừng hỗ trợ việc phá Tăng, mà nên vui vẻ hỗ trợ việc Tăng hòa hợp. Vì sao thế? Vì Tăng có hòa hợp, vui vẻ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc."

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can vị Tỳ-kheo-ni ấy (522a) mà vị ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ mà được tiếp tục khuyên can qua ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có việc tranh cãi, Tăng làm Yết-ma cử tội cô đúng pháp, đúng luật. Nhưng khi làm Yết-ma xong, cô nổi giận, vô lý hủy báng

Tăng như sau: "Các thánh giả Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà khiển trách. Đó là việc xử đoán phi pháp."

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả! Người đừng có vô lý hủy báng Tăng. Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi pháp." Họ khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba mà cô ta vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Ngươi hãy đến khuyên can ở chỗ vắng ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si chăng?." Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở chỗ vắng như sau: "Cô đừng có nổi sân vô lý hủy báng Tăng, vì Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng cũng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi lý. Nay tôi vì lòng từ khuyên can cô là muốn cho cô được lợi ích, một lần khuyên can đã xong còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc đó không?." Nếu đáp: "Không bỏ", thì tiếp tục khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Đồng thời khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Thế rồi đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính:

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: "Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si." Tăng đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần để cho bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi ở giữa Tăng: "Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Tăng rằng: "Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến nói: "Đó

là việc xử đoán phi pháp", rồi được Tăng khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ phải không?." Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Tăng như sau: "Cô chớ có nổi sân vô lý phỉ báng Tăng, vì Tăng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến phi lý xử đoán. Nay Tăng vì lòng từ muốn cho cô được lợi ích, cô nên nghe lời Tăng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?" Nhưng cô đáp: "Không bỏ." Thế rồi, Tăng khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba (522b) cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Thâu-lan-nan-đà, đó là việc phi pháp. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện quở trách tính bướng bỉnh, khen ngợi sự nhu nhuyến hay sao? Vì sao ngươi lại bướng bỉnh? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân vô lý hủy báng Tăng như sau: "Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và si. Cho nên quở trách", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả, người chớ có nói rằng Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Tăng vì ái, sân, sợ và si. Vì sao thế? Vì Tăng không tùy ái, sân, sợ và si. Người đừng nổi giận vô lý hủy báng Tăng." Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu***

không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Tăng.

Khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ: Cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni, khuyên can ở chỗ nhiều người cũng vậy.

Trong trường hợp khuyên can ở giữa chúng Tăng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành do ba giai đoạn khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá – trừ tám tội Thâu-lan-giá hủy báng Tăng – họp các tội này thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa để mà trị phạt. Nếu nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị phạt theo mức độ đó. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

14. BAO CHE LỖI LẦM CHO NHAU

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà được các Tỳ-kheo-ni căn cứ theo pháp, theo luật dạy bảo cô phải học tập chớ có phạm tội, thì cô tự làm cho mình trở thành người không ai nói chuyện được, như trong câu chuyện Xiển-đà bướng bỉnh đã nói rõ. Cho đến: Nếu Tỳ-kheo-ni nói bướng bỉnh, rồi được các Tỳ-

kheo-ni khác căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo, mà nói một cách ngoan cố rằng: "Ngươi đừng nói ta tốt hay xấu. Ta cũng không nói ngươi tốt hay xấu", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "(522c) Này thánh giả! Các Tỳ-kheo-ni sống chung trong chánh pháp, căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo cô thì cô đừng có bướng bỉnh mà phải vâng lời. Đồng thời, cô cũng nên căn cứ theo pháp, theo luật mà chỉ bảo các Tỳ-kheo khác. Vì sao thế? Vì trong hàng đệ tử của đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, cùng xuất tội cho nhau, thì thiện pháp mới tăng trưởng."

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên nói (như trên).

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai Tỳ-kheo-ni, người thứ nhất tên Chân-đàn là con gái của nhà họ Thích, người thứ hai tên Uất-đa-la, hai người thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân miệng thường thân cận và thường che giấu lỗi lầm cho nhau.

Thân thường thân cận: Cùng ngủ một giường, cùng ngồi một giường, cùng ăn một bát, cùng mặc chung y phục và cùng đi cùng về.

Miệng thường thân cận: Nói những lời với tâm ô nhiễm, cùng che giấu tội cho nhau. Người này phạm tội thì người kia che giấu, người kia phạm tội thì người này che giấu.

Thân miệng thường thân cận: Gồm đủ cả hai việc thân và miệng.

Tỳ-kheo-ni khuyên can họ rằng: "Này thánh giả, người đừng có thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân miệng thường thân cận, đừng có che giấu lỗi lầm cho nhau. Vì sao vậy? Vì làm như thế thì thiện pháp không sinh." Họ khuyên một lần, hai lần,

ba lần nhưng hai cô kia vẫn không từ bỏ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến trình bày với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật hỏi:

Các ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi lại dùng thân miệng thân cận, cùng che giấu tội lỗi cho nhau? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu hai Tỳ-kheo-ni sống thân cận, che giấu tội cho nhau thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can họ rằng: "Này các thánh giả, các vị chớ có sống thân cận, che giấu tội cho nhau. Vì sống thân cận thì thiện pháp không sinh."***
>
> ***Nếu các Tỳ-kheo-ni khuyên can hai Tỳ-kheo-ni ấy như vậy mà họ vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu họ bỏ việc đó thì tốt, nếu như không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

15. KHUYÊN NGƯỜI SỐNG QUAN HỆ MẬT THIẾT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho sống thân cận nhau thì hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Uất-đa-la mỗi người ở một chỗ. (523a) Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bèn khuyên họ: "Này thánh giả, người cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì sống như thế không phương hại gì đến việc sinh thiện pháp.

Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản, nhưng vì Tăng khinh thường cô nên mới cấm chế như vậy."

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà: "Này thánh giả, cô đừng nói như sau: Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Vì Tăng khinh thường cô nên mới cấm chế."

Các Tỳ-kheo-ni khuyên can Thâu-lan-nan-đà một lần, hai lần, ba lần như vậy mà cô vẫn không bỏ. Do thế, họ nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con nhà họ Thích và Uất-đa-la sống xa nhau mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên họ sống gần nhau, bảo rằng sống như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp, thì nên khuyên cô ấy ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên nói như sau: "Này Thâu-lan-nan-đà, cô khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn và Uất-đa-la rằng: "Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản được, vì Tăng khinh thường hai cô nên mới cấm chế", có phải thế không?"

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can: "Cô chớ nên nói rằng: "Hãy sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Tăng không thể ngăn cản được họ. Nhưng vì Tăng khinh thường các cô nên mới cấm chế." Nay tôi vì lòng từ muốn được lợi ích nên khuyên can cô. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?." Nếu đáp: "Không bỏ", thì nên khuyên can tiếp lần thứ hai, thứ ba, rồi ở chỗ nhiều người cũng

khuyên can như vậy. Nếu như không bỏ thì đến giữa Tăng làm Yết-ma cầu thính, nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la rằng: "Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cũng khuyên can ba lần cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi Thâu-lan-nan-đà ở giữa Tăng: "Có thật cô khuyên hai người kia hãy sống thân cận, rồi được Tăng khuyên cô rằng: "Nay Tăng vì lòng từ nên khuyên cô, vì muốn cô được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên nữa, cô có bỏ việc đó không?" nhưng cô vẫn đáp: "Không bỏ", rồi được khuyên đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn không bỏ phải không?"

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

(523b) Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác sống xa nhau mà khuyên can rằng: "Hãy sống gần nhau, cùng che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống gần nhau như vậy mà Tăng không thể ngăn cản; vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả, mỗ***

giáp, mỗ giáp sống xa nhau, cô đừng khuyên bảo họ sống gần nhau, cùng giấu tội cho nhau; sống gần nhau không phương hại gì đến việc tăng trưởng thiện pháp. Những người khác cũng sống gần nhau mà Tăng không thể ngăn cản, vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế các vị như vậy."

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà cô vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

*

❖ Giải thích

Ở cách xa nhau: Như Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la.

Khuyên: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà (khuyên hai người kia).

Sống thân cận: Như thân sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng thân cận.

Che giấu: Khi thân miệng người này có lỗi thì người kia che giấu, khi thân miệng người kia có lỗi thì người này che giấu.

Tỳ-kheo-ni ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Các Tỳ-kheo-ni: Như Tăng, nhiều người hoặc một người.

Ba lần khuyên can: Ba lần khuyên can ở chỗ vắng, ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người và ba lần khuyên can ở giữa chúng Tăng. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô khuyên Tỳ-kheo-ni mỗ giáp, mỗ giáp chớ có sống xa nhau hay không?." Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Này thánh giả, cô đừng làm như vậy. Mỗ giáp, mỗ giáp sống xa nhau, cô đừng bảo họ sống gần nhau." Nếu khuyên can một lần không bỏ, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ, thì phải khuyên can ở chỗ

nhiều người cũng như vậy. Cuối cùng, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần. Nếu sau ba lần khuyên can mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người, thì mỗi lần khuyên can cũng phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên ở giữa Ni chúng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni; khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành sau khi khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người và ở giữa Ni chúng, gồm tất cả các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá hợp thành một tội (**523c**) Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ thì tùy theo sự đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên nói (như trên).

*

16. NỔI GIẬN BỎ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy hai mẹ con của người họ Thích đều xuất gia. Người mẹ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo nói với con gái:

Nay mẹ con ta vì sao sống mà xa lìa nhau? Con nên đến đây sống với ta.

Con không thể vô cớ mà đến đây, phải đợi có nguyên nhân gì mới đến được.

Thế rồi, cô ta trở về tỏ ra giận dữ gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, nói: "Nay tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận. Tôi không phải là Tỳ-kheo-ni, không phải là dòng họ Thích. Trong hàng ngũ ngoại đạo cũng có pháp thù thắng, có chỗ tu phạm hạnh. Tôi làm Sa-môn ni theo dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ ngoại đạo tu phạm hạnh."

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả, chớ có bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, chớ bỏ dòng họ Thích. Bỏ Phật là điều không tốt, thậm chí bỏ dòng họ Thích cũng là điều không tốt." Họ khuyên can lần thứ nhất, cô không bỏ, khuyên can lần thứ hai cho đến lần thứ ba, cô cũng không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Trước hết ngươi hãy đến chỗ vắng khuyên can ba lần, rồi đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần, đến giữa chúng Tăng khuyên can ba lần cho bỏ việc đó. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô nổi giận nói rằng tôi bỏ giới, bỏ Phật, thậm chí... nói: "Làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ tối thắng khác để tu phạm hạnh", đúng thế không?" Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Cô chớ có bỏ giới, bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, thậm chí bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích. Vì bỏ Phật là điều không tốt, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích cũng là điều không tốt. Nay tôi vì lòng từ muốn cô được lợi ích nên khuyên can. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc ấy không?" Nếu đáp: "Không bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy; rồi ở chỗ nhiều người cũng khuyên can như vậy. Nếu không bỏ thì hãy đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thính, hỏi như trường hợp ở chỗ vắng. Nhưng cô vẫn nhất quyết không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu, là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân muốn bỏ (524a) giới, nói như sau: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích, làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Nơi khác cũng có pháp tối thắng. Tôi sẽ đến đó để tu phạm hạnh", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy rằng: "Này thánh giả, chớ có nổi sân bỏ giới, nói rằng tôi bỏ Phật, cho đến bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích; vì bỏ Phật là điều không tốt." Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc đó thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can đủ ba trường hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như người nữ dòng họ Thích muốn bỏ giới, bỏ Phật cho đến bỏ Sa-môn ni.

Chư Tỳ-kheo-ni: Một người, nhiều người, Tăng.

Ba lần can gián: Trường hợp ở chỗ vắng, trường hợp ở chỗ đông người, chỗ Tăng. Bỏ thì tốt, không bỏ sau ba lần can gián thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi khuyên can ở chỗ vắng mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng thế. Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can, phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đầu từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng kết thành một tội nặng và phải trị phạt theo tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu như nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

KẾT THÚC GIỚI TĂNG-GIÀ-BÀ-THI-SA

Xin các thánh giả Tăng lắng nghe. Tôi đã thuyết xong 16 pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Mười hai pháp đầu hễ bắt đầu phạm là thành tội, còn bảy pháp sau phải trải qua ba lần khuyên can (mà không bỏ mới thành tội). Nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một tội thì phải hành pháp Ma-na-đỏa ở giữa hai bộ chúng trong nửa tháng. Kế đến, cho xuất tội trước hai bộ chúng, mỗi bộ hai mươi người, để cho vừa ý mọi người. Nếu Tăng số hai mươi người mà thiếu một người... thì việc xuất tội Tỳ-kheo-ni này không thành, mà các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni còn đáng khiển trách. Thế nên, khi xuất tội cần phải hỏi: "Các vị ở trong đây có thanh tịnh không?", lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi: "Các vị ở trong đây có thanh tịnh không? Các vị ở trong đây thanh tịnh nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy."

Kệ tóm tắt:

"Làm mai mối, vu khống,
Tranh tụng, đi một mình.

Không cho, người phạm tội,
Qua sông, tự xả tội.
Nhận vật người ô nhiễm,
Khuyên lấy vật bố thí.
(524b) Mười hai thuộc sơ tội.
Phá Tăng và tương trợ.
Giận dữ hủy báng Tăng,
Bướng bỉnh, sống gần nhau.
Khuyên thân cận, bỏ giới,
Kết thúc thiên thứ hai."

*

(Hết 16 giới Tăng tàn của Tỳ-kheo-ni)

NI-TÁT-KỲ

(Ni-tát-kỳ, gọi đủ Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, hay còn gọi giới Buông bỏ và Phát lộ, gồm ba mươi giới, trong này chỉ liệt kê hai mươi mốt giới. Mười giới từ 1 – 10 của Ni-tát-kỳ giống Tỳ-kheo – xem quyển 1 từ trang 328 đến 403)

"Mười ngày, rời y ngủ,
Phi thời, cầm vàng bạc.
Mua bán và xin y,
Cho xin, được lấy hai,
Đòi y hai cư sĩ,
Vua tôi việc thứ mười,
Trong Tỳ-kheo đã nói.
Kết thúc phần thứ nhất."

11. XIN TIỀN MUA GIƯỜNG RỒI MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà sống trong thôn xóm, đi lạc quyên tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp cho Tăng, nói với những người phụ nữ rằng: "Này Ưu-bà-di, các người nên cúng dường giường, nệm, gối, câu chấp cho Tăng." Lúc ấy, những người phụ nữ vốn có lòng tin, hoan hỉ liền cúng dường tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp. Khi được tiền rồi, cô bèn đem mua y, bát, thức ẩm thực, thuốc men. Lúc Tỳ-kheo-ni tuần tự khất thực đến gia đình ấy, các người phụ nữ liền hỏi: "Thưa thánh giả, con cúng dường tiền mua giường,

nệm, gối, câu chấp cho Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà, không biết cô ấy đã sắm chưa?" Tỳ-kheo-ni nói: "Đâu có sắm gì đâu! Chỉ thấy mua y, bát, thức ẩm thực và thuốc men mà thôi!"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Có thật ngươi xin tiền mua giường, nệm, gối, câu chấp rồi đem mua sắm thứ khác không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Vì sao ngươi làm việc xấu, bất thiện như thế. Đây là điều phi pháp, phi luật, chẳng phải đúng lời Ta dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn thiện pháp. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin tiền mua giường nệm rồi đem sắm thứ khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà đem sắm y bát, thức ẩm thực, thuốc trị bệnh thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ đề.***

*

❖ Giải thích

Giường nệm gối câu chấp: Như trong giới của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Xin: Khuyến hóa cầu xin (Nếu xin mua giường nệm) mà sau đó dùng mua y bát, thức ẩm thực, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Vật ấy nên đem xả giữa Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. **(524c)** Nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền sắm giường nệm mà dùng mua y bát, thức ăn uống, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu xin mua thứ này thì không được dùng mua thứ khác. Nếu xin mua giường mà dùng mua nệm, xin mua nệm mà dùng mua gối, xin mua gối mà dùng mua câu chấp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đi khuyến hóa xin được nhiều tiền mua giường nệm thì phải mỗi thứ chỉ cho người ta biết: khoản này là tiền mua giường, khoản này là tiền mua nệm, khoản này là tiền mua gối, khoản này là tiền mua câu chấp. Nếu không làm như vậy thì mỗi khoản phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được dùng số tiền kể trên để sửa chữa phòng ốc và mua sắm nồi chảo thì vẫn đúng pháp.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà mua sắm các thứ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được đem đổi chác dùng một cách đúng pháp. Thế nên nói (như trên).

*

12. TIỀN CÚNG THỨ NÀY ĐEM MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mặc y bẩn thỉu, rách rưới đi khất thực có người phụ nữ thấy thế, nói: "Thưa thánh giả, con xin cúng dường tiền may y để cô sắm y." Lại có người khác nói: "Con xin cúng tiền sắm bát để cô mua bát." Khi được tiền rồi, cô chỉ mua thức ẩm thực dùng hết mà không sắm y bát. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni đi khất thực, người phụ nữ kia bèn hỏi: "Trước đây con có cúng tiền sắm y bát không biết Thâu-lan-nan-đà đã mua chưa?" Đáp: "Chỉ thấy mua thức ăn, đâu có thấy mua sắm y bát gì đâu!"

Tỳ-kheo-ni nghe câu chuyện ấy bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Vì sao ngươi được tiền sắm y bát mà lại đem dùng vào việc khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường để mua thứ này mà đem mua thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Cúng dường để mua thứ này: Cúng dường tiền để mua y bát.

Đem mua thứ khác: Mua thức ăn uống, thuốc men. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vật ấy phải đem xả giữa Tăng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua dầu sữa thì tiền mua y phải dùng để mua y, tiền mua bát phải dùng để mua bát, tiền mua sữa phải dùng để mua sữa, tiền mua dầu phải dùng để mua dầu. Nếu dùng sắm thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu đàn việt nói tùy ý dùng thì tùy ý dùng không có tội. Nếu (525a) không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua sữa, tiền mua dầu, thì tiền mua y phải dùng mua y, cho đến tiền mua sữa phải dùng mua sữa. Nếu dùng mua thứ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đàn việt cúng dường tùy ý thì tùy ý mua không có tội. Hoặc không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

13. ĐEM TIỀN MUA THỨC ĂN SẮM Y BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khuyến hóa để mua thức ăn, nói với người phụ nữ: "Này Ưu-bà-di, tôi muốn sắm thức ăn cho Tăng." Các Ưu-bà-di có niềm tin hoan hỉ liền cúng dường tiền mua thức ăn, rồi nói: "Thưa Thánh giả, đến ngày làm thức ăn cho con biết để con đến nấu nướng."

Tỳ-kheo-ni này được tiền rồi bèn dùng mua thức ăn và sắm y bát cho mình. Số còn lại đem mua thức ăn thô sơ. Đến ngày kỳ hẹn, Ưu-bà-di đến để nấu thức ăn, thấy thế liền hỏi: "Thưa thánh giả, trước kia con cúng tiền mua thức ăn rất nhiều vì sao chỉ có thức ăn thô sơ như thế này?." Các Tỳ-kheo-ni liền nói: "Lấy đâu mà mua thức ăn ngon? Đã mua y bát và thức ăn riêng ăn hết cả rồi!."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua thức ăn (cho Tăng) mà đem sắm y bát, thức ăn, thuốc men để dùng riêng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mua thức ăn: Mua thức ăn cho Tăng.

Xin: Đi khuyến hóa cầu xin.

Dùng vào việc khác: Dùng sắm y bát và thức ăn cho mình. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin tiền mua thức ăn cho Tăng mà đem mua y bát, thức ăn cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Phải tùy theo lúc đầu muốn làm việc gì thì phải làm việc đó.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn bữa trước mà mua thức ăn bữa sau, hoặc dùng tiền sắm thức ăn bữa sau mà mua thức ăn bữa trước thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn mà mua giường nệm (thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề).

Nếu dùng tiền sắm y vào mùa Xuân, Hạ, Đông, hoặc tiền mua thức ăn mà mua sắm không xứng đáng với bản tâm của thí chủ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni đi khuyến hóa về mua thức ăn cho Tăng thì phải mua cho hết. Nếu còn thừa thức ăn, dầu sữa, thì phải chỉ cho đàn việt thấy. Nếu đàn việt mang đi thì nên để yên cho họ mang đi. Nếu họ nói: "Con xin cúng cho thánh giả", thì nên bảo: "Nên cúng dường cho Tăng." Nếu họ nói: "Con đã cúng dường cho Tăng rồi, phần này xin cúng dường cho thánh giả", thì khi ấy lấy không có tội. Thế nên nói (như trên).

*

14. CHỨA BÁT DƯ

(525b) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni khách đến, theo thứ tự nhận được phòng. Tỳ-kheo-ni ở trước vốn là Hạ tọa, nói: "Thưa thánh giả, đợi con di chuyển bát đã." Đến sáng hôm sau, vị khách lại hỏi:

Đã di chuyển bát xong chưa?

Con di chuyển chưa xong.

Cô muốn mang bát đem gởi ở cửa hàng bán đồ gốm sao? Dùng đến chừng ấy bát để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi chứa bát dư? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa bát dư.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa bát dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chứa bát dư: Bát gồm có các loại như bát Tung-bà, bát Ô-bà-tung-bà, bát Ưu-cưu-tra-dạ, bát Bà-kì-dạ, đại loại có các loại bát sắt, bát đất như thế đó gọi là bát. Có các loại bát thuộc thượng, trung, hạ, quá bát, giảm bát, tùy bát, nếu cất chứa thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni được chứa 16 cái bát (?), một cái để

dùng, 3 cái để tịnh thí, 4 quá bát, 4 giảm bát, 4 tùy bát. Nếu chứa quá số lượng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni chứa bát thừa phải có giới hạn nhất định. Nếu Tỳ-kheo chứa nhiều đem tịnh thí cho mình, thì sử dụng không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

15. CHỨA Y DƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, cho đến chỗ nói: "Cô muốn mở cửa hàng bán y phục sao?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi chứa y dư? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa y dư.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa y dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Y: Gồm các loại: y Khâm-bà-la, y Chiên, y Kiều-xá-da, y Sô-ma, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề.

Chứa: Nếu chứa quá giới hạn thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni được phép chứa 20 y, 5 chiếc để dùng, (525c) còn 15 chiếc đem tịnh thí rồi sử dụng. Nếu chứa quá số đó thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo có y thừa đem tịnh thí, thì Tỳ-kheo-ni dùng không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

16. GIẶT LẠI Y MÀ MÌNH ĐÃ BỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có chiếc y Tăng-già-lê bị rách, không giặt nhuộm sửa chữa, đem ném dưới chân tường, rồi tuyên bố rằng: "Ai muốn lấy thì lấy." Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thọ-đề mặc chiếc y rách, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, nói: "Này thánh giả, có thể lấy chiếc y này đem giặt nhuộm vá lại rồi dùng." Cô bèn lấy vá lại, giặt nhuộm rồi mặc. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, nói: "Hãy trả y lại cho tôi." Thọ-đề bèn phân bua với các Tỳ-kheo-ni: "Hãy xem kìa, chuyện lạ chưa! Phàm y vật đều không được ném dưới đất trong chốc lát rồi bỏ đi. Trong phòng của cô hết chỗ rồi sao?" Thâu-lan-nan-đà bèn giật lại y Tăng-già-lê.

Các Tỳ-kheo-ni thấy thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem vứt y Tăng-già-lê cũ của mình tại trú xứ rồi tuyên bố: "Ai muốn lấy thì lấy", sau đó (có người lấy dùng) rồi mình giật lại, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Trú xứ: Tức trong Tinh xá.

Vứt: Ném bỏ dưới đất. Nếu có người lấy dùng rồi mình giật lại thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni vứt bỏ vật gì, rồi có người lấy dùng thì không được giật lại. Nếu không ai lấy mà sau đó mình cần, thì lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni trong Tinh xá đem vứt y bát, giày dép và các vật lặt vặt khác, có người lấy, rồi sau đó mình giật lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu không ai lấy, sau đó mình lấy thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

17. CÓ Y HƯ KHÔNG VÁ LẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni lấy y Tăng-già-lê dơ bẩn của cô ra chùi, rồi đem phơi nắng bị gió bay đi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi đem y Tăng-già-lê cũ ra chùi mà không tự vá hay nhờ người vá lại? Từ nay về sau, Ta không cho phép (chùi?) y thay vì đem giặt.

Lại nữa, khi ấy (526a) có người nữ dòng họ Thích, người nữ Ma-la vốn là nhạc sĩ, đem giặt y Tăng-già-lê, vì y Tăng-già-lê dày và nặng nên khó giặt, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến trình lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép đến năm, sáu ngày."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni có y Tăng-già-lê cũ rồi tự khâu tạm lại, hoặc sai người khâu tạm lại rồi để quá năm, sáu ngày mà không tự vá hay sai người vá – ngoại trừ có bệnh – thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Y Tăng-già-lê cũ: Y cần phải giặt.

Hoặc tự mình khâu hoặc sai người khác khâu trong vòng năm, sáu ngày: Trong phạm vi sáu ngày, nếu không tự vá hoặc sai người vá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni giặt y Tăng-già-lê cũ vừa nhẹ vừa mỏng thì không được phép khâu. Nếu dày và nặng thì được phép khâu. Khi khâu xong, phải giặt, giặt xong nên đem căng ra trên tấm sạp hoặc trên chiếu, rồi lấy đá đằng 4 góc, đến khi khô nên gọi đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ, hoặc Tỳ-kheo-ni quen biết cùng Hòa thượng, cùng

A-xà-lê vá lại cho nhanh chóng. Nếu vì già bệnh không có người giúp đỡ thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

18. HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà: "Thưa thánh giả! Cho con thọ Cụ túc."

Thâu-lan-nan-đà nói: "Ngươi cúng dường y cho ta, ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc." Cô kia liền cúng dường y. Nhưng sau đó Thâu-lan-nan-đà không cho cô ta thọ Cụ túc. Học giới Ni bèn nhắc: "Cho con thọ Cụ túc đi", nhắc đi, nhắc lại nhiều lần như vậy.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni rằng: "Ngươi cúng dường y cho ta rồi ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc", nhưng khi lấy y rồi không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thức-xoa-ma-ni: Người phụ nữ đang học giới.

Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói. Lại có y tên Tăng-già-lê cho đến y tắm mưa.

Hứa thọ Cụ túc: Nếu sau đó tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

(526b) Nếu Tỳ-kheo-ni lấy y của Thức-xoa-ma-ni, hứa cho họ thọ Cụ túc, thì sau đó phải cho họ thọ. Nếu vì già bệnh không đủ sức, không thể cho thọ được thì nên nói với người khác rằng: "Ngươi lấy chiếc y này rồi cho người kia thọ Cụ túc." Nếu người xin thọ không muốn thọ giới nữa mà đòi y lại, thì phải trả lại.

Nếu Tỳ-kheo hứa với Sa-di mà không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

19. MUA Y ĐẮT GIÁ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương nhân ở phương Bắc mang vải Khâm-bà-la quí giá tối hảo đi bán, người ta hỏi:

Cái này đòi giá bao nhiêu vậy?

Một trăm nghìn.

Lúc ấy, quốc vương, vương tử, đại thần và đại thương nhân đều chê đắt không mua. Vị thương nhân này ngồi ủ rũ nơi cửa hàng, người ta hỏi ông:

Vì sao mà trông ông có vẻ buồn rầu?

Tôi mua tấm vải Khâm-bà-la này rất có giá trị, tiền thuế cũng nhiều mà nay bán không được, cho nên không vui.

Ông có muốn bán không?

Muốn bán.

Ông nên mang đến chỗ Sa-môn Ni Bạt-đà-la, cô ấy sẽ mua nó.

Ông bèn mang đến đó, hỏi người ta: "Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?." Người ta liền chỉ chỗ. Khi tới đó, ông lại hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào vậy?." Người ta lại chỉ chỗ. Khi tới nơi, ông liền hỏi: "Ai là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la?." Bạt-đà-la bèn hỏi lại:

Vì sao mà hỏi tôi?

Có muốn mua áo Khâm-bà-la này không?

Ông đòi bao nhiêu?

Một trăm nghìn, không thêm không bớt.

Bạt-đà-la liền bảo đệ tử: "Ngươi đến cửa hàng Bà-lộ-ê lấy một trăm nghìn đưa cho ông ấy." Thế rồi, có người hỏi ông:

Ông đã bán được Khâm-bà-la chưa?

Đã bán được rồi.

Ai lấy vậy?

Sa-môn ni Bạt-đà-la.

Thế rồi, người ấy liền chê bai: "Người xuất gia mà còn ưa thích cái đẹp."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép xuất ra 4 yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y đắt giá.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xuất ra hơn 4 yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y đắt giá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Bốn yết-lợi-sa-bàn: 16 đồng tiền cổ.

Y đắt giá: (526c) Y Khâm-bà-la.

Mua: (Dùng tiền) đổi lấy vật. Nếu đổi quá 16 đồng tiền cổ để lấy một vật thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được dùng hơn 16 đồng tiền cổ để mua một tấm y đắt giá. Nhưng nếu không xin mà thí chủ đem cho thì tuy vật quí giá mình nhận không có tội.

Tỳ-kheo-ni có giới hạn, Tỳ-kheo không có giới hạn, tuy lấy vật quí giá dùng vẫn không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

20. MUA LỤA MỎNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương khách ở phương Nam mang một tấm lụa mỏng có hình thiên nga đến đây, rồi có người hỏi ông:

Tấm vải này giá bao nhiêu vậy?

Một trăm nghìn.

Vì giá đắt nên nhà vua không mua và các đại thần, các thương chủ khác cũng đều không mua. Do không bán được lụa nên ông ta ngồi âu sầu nơi cửa hàng, có người thấy thế hỏi:

Vì sao mà ông có sắc buồn như vậy?

Tôi mua tấm lụa quí này rồi đóng tiền thuế cũng nhiều mà nay không bán được.

Ông có muốn bán nó không?

Muốn bán.

Ông có thể mang đến chỗ Sa-môn ni Bạt-đà-la, cô ấy sẽ mua cho ông.

Thế là ông ta đi đến đó, hỏi người ta: "Trú xứ của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?" Khi biết được chỗ rồi, ông vào hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào nhỉ?." Người ta liền chỉ chỗ. Thế là ông vào đó chào:

Xin chào thánh giả! Cô có phải Bạt-đà-la không?

Ông hỏi để làm gì?

Tôi có tấm lụa hình thiên nga này, cô có mua không?

Ông đòi bao nhiêu?

Tôi đòi một trăm nghìn.

Tỳ-kheo-ni cũng không đòi bớt giá, mà bảo đệ tử: "Ngươi đến chỗ cửa hàng nói với Bà-lộ-ê lấy một trăm nghìn đưa cho ông ta." Thế rồi có người hỏi ông:

Ông đã bán tấm lụa được chưa?

Đã bán được rồi.

Ai lấy vậy?

Sa-môn ni Bạt-đà-la lấy.

Thế rồi, có người chê bai rằng: "Vì sao người xuất gia mà còn thích đẹp như vậy?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật nói với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la: "Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép dùng hơn

hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng." Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng hơn hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi: Bằng 16 đồng tiền cổ (Cách tính thiếu nhất trí với ở trên).

Mua: Đem tiền đổi lấy vật khác; nếu quá quy định thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni mua tấm lụa mỏng (527a) thì nên dùng hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua, không được dùng quá số đó. Nếu không xin mà thí chủ cho, thì giả sử được tấm lụa quí giá đem dùng cũng không có tội.

Tỳ-kheo có thể mua tấm lụa quí giá về dùng cũng không có tội.

Kệ tóm tắt:

"Xin giường nệm về dùng riêng,
Tiền y bát dùng việc khác.
Giảm của chúng để dùng riêng,
Chứa bát dư, và y dư.
Y vứt rồi, sau lấy lại,
Khâu y, cho thọ Cụ túc.
Y đắt giá cùng với y mỏng,
Đến đây hết phần thứ ba."

*

21. TRANH MUA ĐỒ VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có người chở củi đi ngang qua trước cửa tiệm của một thương khách, ông này bèn hỏi:

Số củi này ông đòi bao nhiêu vậy?

Một yết-lợi-sa-bàn.

Ông chở số củi này đem đổ tại nhà tôi rồi trở lại đây tôi sẽ trả tiền cho ông.

Người bán củi bèn chở xe đi ngang qua trước Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, hỏi:

Này lão trượng, củi của ông đã có ai mua chưa?

Đã có rồi.

Bao nhiêu?

Một yết-lợi-sa-bàn.

Tôi đưa cho ông hai yết-lợi-sa-bàn.

Người chủ vì tham lợi nên bán cho cô. Khi chở củi xong bèn trở về ngang qua trước cửa hàng, người chủ tiệm nói với ông:

Ông hãy cầm số tiền này đi.

Tôi đã bán cho người khác rồi.

Bán được bao nhiêu?

Được hai yết-lợi-sa-bàn.

Ai lấy vậy?

Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Người khách buôn kia nghe thế bèn chê trách rằng: "Vị Sa-môn ni này vì sao lắm tiền như thế?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Có thật ngươi biết củi của người ta đã mua rồi mà tăng giá để giành mua hay không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết vật của người ta đã mua rồi mà còn giành mua. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật người khác đã mua rồi mà giành mua của họ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc nhờ nghe người khác mà biết.

Mua được: Như người khách buôn ở cửa hàng nói trên. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn mua vật gì mà biết người khác đã mua thì không được giành mua mà nên đợi họ không lấy nữa rồi mới lấy. Đồng thời nên hỏi người ấy: "(527b) Ông muốn mua cho được chăng?" Nếu đáp: "Muốn mua cho được", tức là họ quyết tâm mua vật đó, vậy ta không nên lấy. Nếu họ nói: "Tôi không lấy nữa", thì mình lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tranh giành nhau mua y bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ở giữa Tăng trả thêm để lấy – trừ Hòa thượng, A-xà-lê – thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh giành mua đồ với kẻ khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

"Bát thừa, năm chỗ vá,
Bảy ngày, giận đoạt y.
Mua vàng, xin chỉ sợi,
Thuê thợ dệt, thí gấp.
Tranh mua, lấy của Tăng
Kết thúc phần thứ ba."

Từ lấy y của Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, y thuần màu đen, ba phần trắng, Kiều-xá-da, dùng tọa cụ sáu năm, ba do tuần, chải lông dê, áo tắm mưa, ở a-luyện-nhã, mười một việc này nên để ra ngoài không nói đến. Lại còn mười một việc khác nên tìm ở phần cuối. Trong phần đầu nêu ra việc lấy y của Tỳ-kheo-ni được bổ sung ở chỗ cầm vàng bạc. Giặt y cũ dùng vấn đề mua bán để bổ sung. Trong phần cuối nêu ra áo tắm mưa dùng việc bán vàng để bổ sung; ở a-luyện-nhã dùng việc tranh mua để bổ sung. Phần một, phần hai của Ni-tát-kỳ được kể đến không thiếu. Đến đây đức Thế Tôn đã nói xong 30 việc của Tỳ-kheo-ni.

(Hết giới Ni-tát-kỳ)

*

BA-DẠ-ĐỀ

(Ba-dạ-đề hay Đơn-đề, còn gọi giới Phát lộ,
gồm 141 giới. Từ giới 1 đến 70 giống như Ba-dạ-đề
bên Tỳ-kheo, xem tập 2 từ trang 502 – 812).

"Vọng ngữ và chủng loại,
Hai lưỡi, khơi việc cũ.
Đoạn mạng, nói cú pháp,
Tự xưng mình đắc đạo.
Chưa đủ, nói tội thô.
Ngăn cản, chê trách giới.
Kết thúc phần thứ nhất.
Chặt cây, xúc xiểm người,
Hiềm trách, trải chỗ trống.
Lôi người ra khỏi phòng,
Dùng giường có chân nhọn.
Lấy nước trùng tưới cây.
Khiến người nghi không vui
Kết thúc phần thứ hai.
Một ngày ăn nhiều chỗ,
Cho y rồi lấy dùng.
Khuyên kẻ khác ăn thêm,
Không nhận, ăn phi thời.
Để dành hai, ba bát

Giấu đồ, ăn riêng chúng.
Kết thúc phần thứ ba.
Đốt lửa, quá ba đêm,
Gởi dục, sau nổi sân.
(527c) Vào xóm rồi bảo về,
Không xả bỏ ác kiến.
Sa-di, ba hoại sắc
Lấy bảo vật, khủng bố.
Kết thúc phần thứ tư.
Uống nước trùng, ngoại đạo,
Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
Xem quân quá ba đêm
Nha Kỳ và đánh nhau.
Dọa đánh, giỡn trong nước,
Kết thúc phần thứ năm.
Chỉ nhau, bạn kẻ cướp,
Đào đất, mời 4 tháng.
Không theo học, uống rượu,
Khinh người, im lặng nghe.
Xử việc, không lắng tai
Kết thúc phần thứ sáu.
Rời chỗ ăn, cung vua.
Ống kim, quá tám ngón.
Bông vải và tọa cụ.
Che ghẻ, bắt chước Phật.
Chê Tăng tàn, biển thủ,
Kết thúc phần thứ bảy.
Các vấn đề nêu trên
Có trong giới Tỳ-kheo."

71. TỰ Ý LẤY Y NGƯỜI KHÁC MÀ MẶC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già mặc y của đệ tử y chỉ mà không nói, rồi đi vào xóm làng. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni gọi: "Ai đi khất thực thì đi." Đệ tử y chỉ đáp: "Thưa thánh giả, đợi tôi lấy y Tăng-già-lê đã." Thế nhưng cô tìm y không thấy mà chỉ thấy y của thầy mình, bèn suy nghĩ: "Chắc chắn là thầy đã mặc y của mình đi. Nhưng thầy thì được mặc y của mình, còn mình thì không được phép mặc y của thầy." Nghĩ thế, cô bèn nói với người kia:

Cô cứ đi đi, tôi không đi được.

Vì sao vậy?

Tôi không có y.

Mặc y của thầy mà đi.

Thầy là người mà tôi tôn trọng nên tôi không dám mặc y của thầy, vậy cô cứ đi đi.

Thế là ngày ấy cô bị mất ăn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi mặc y người khác mà không nói với họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không nói với sở hữu chủ mà mặc y của họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Phật không cho phép mặc y Tăng-già-lê của đệ tử mà không nói cho đệ tử biết. Khi muốn mặc thì nên nói: "Thầy mặc y của con, nếu con có đi đâu thì mặc y Tăng-già-lê của thầy." (528a) Tất cả các y khác cũng vậy.

Khi muốn giặt, nhuộm, vá y hay có duyên sự cần mặc y của đệ tử thì phải nói: "Con hãy ở nhà ta sẽ đem thức ăn về."

Nếu Tỳ-kheo mặc y của người khác mà không nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi bảy

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 38

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

72. CHO Y CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có người tên là Kiệt Trụ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo, còn cha mẹ ông thì xuất gia theo Phật pháp. Vào lúc trời đang mùa lạnh, Kiệt Trụ không có y phục, bèn đi đến chỗ mẹ, sống như loài cầm thú. Người mẹ thương tình, suy nghĩ: "Có y Uất-đa-la-tăng vừa mới giặt nhuộm ở đây", bèn cởi ra cho con. Khi được y rồi, anh ta liền mặc đi vào ngồi trong quán rượu. Do thế bị người đời chê cười rằng: "Kẻ tà kiến này là con lừa ăn bã rượu mà lại mặc biểu tượng của thánh nhân!"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi đem y cho kẻ ngoại đạo xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho y cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Người thế tục: Tức người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ cho hàng ngoại đạo xuất gia.

Tự tay cho: Tay mình cho, tay người kia nhận.

Y của Sa-môn: Biểu tượng của hiền Thánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo. Nếu Tỳ-kheo-ni có giới đức, rồi phụ nữ, trẻ con muốn xin miếng y rách để cầu phước, tiêu tai, thì không được tự tay mình cho mà nên bảo tịnh nhân nữ đem cho.

(528b) Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni có giới đức, mà người ta xin một miếng cà sa rách để cầu được tiêu tai thì nên bảo tịnh nhân đem cho, nhưng không được cho một miếng lớn mà nên cho một miếng nhỏ. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

73. MAY Y AN-ĐÀ-HỘI QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y giống như phụ nữ, bị người đời chê bai rằng: "Vì sao Tỳ-kheo-ni mặc y dài kéo lê tua vải mà đi giống như phụ nữ ngoài đời? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau Ta không cho phép để nguyên cả tua vải mà may y, mà phải đo may cho đúng cỡ.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni may y An-đà-hội thì phải đo rồi mới may, chiều dài bằng bốn gang tay Tu-già-đa, chiều rộng bằng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

An-đà-hội: Y mà Thế Tôn cho phép.

May: Hoặc tự mình may hoặc sai người khác may.

Phải đo: Chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay, nếu quá số đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Tu-già-đà: Thiện Thệ (tức Phật).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni may y chiều dài đúng lượng, chiều rộng quá lượng thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi mặc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Cũng vậy, nếu chiều rộng đúng lượng, chiều dài quá lượng; ở ngoài biên đúng lượng; ở giữa quá lượng; ở giữa đúng lượng; ở ngoài biên quá lượng; khi gấp, khi nhăn đúng lượng; khi thấm nước đúng lượng; nhưng khi phơi khô lại dài rộng, thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi dùng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

74. MAY YẾM RỘNG QUÁ CỠ.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni tuổi trẻ đoan chánh, mặc y đi đường, đôi vú nổi cộm lên, bọn con trai thấy thế liền cười. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi bèn thuật lại với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên đức Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni nên may Tăng-kì-chi."

Lại nữa, khi ấy có Tỳ-kheo-ni dùng vải rẻo may Tăng-kì-chi dài, rộng, thế rồi Phật dạy: "Từ nay về sau cắt rẻo vải nên ước lượng mà cắt." Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (528c) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni may Tăng-kì-chi nên ước lượng mà may, chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Ba-dạ-đề: Như ở phần An-đà-hội ở trên đã nói rõ.

*

75. MAY ÁO TẮM RỘNG QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la xuống tắm dưới sông Tô thì có năm đồng tử Li-xa đứng trên bờ sông trông thấy, do thế phát sinh tâm dục. Tỳ-kheo-ni bèn nói:

Này các hiền sĩ, các vị hãy đi đi.

Chúng tôi không đi, thích ở đây nhìn thân thể của Thánh giả hơn.

Các vị muốn xem cái thân thể có chín cửa hôi thối này để làm gì?

Không phải vậy. Chúng tôi rất thích nhìn.

Họ cứ ở đó hồi lâu không chịu đi, Tỳ-kheo-ni bèn suy nghĩ: "Đây là bọn phàm phu ngu si thiển cận", đoạn cô dùng hai bàn tay che phía trước, phía sau rồi lên bờ. Những kẻ kia thấy thế liền mê mẩn, miệng trào máu nóng, nằm lăn quay trên đất.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến đoạn các Tỳ-kheo-ni hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Vì sao 5 đồng tử Li-xa ấy do lòng dục mà đến nỗi mê mẩn nằm lăn quay trên đất như vậy?

Không những ngày nay họ có lòng dục như thế mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy.

Xin Thế Tôn thuật lại, chúng con muốn được nghe.

Trong thời quá khứ xa xôi có một thiếu nữ đoan chính thù thắng, đồng thời thuở ấy cũng có năm vị thiên tử, người thứ nhất tên Thích-ca-la, người thứ hai tên Ma-đa-lê, người thứ ba tên Xà-tăng-da-đế, người thứ tư tên là Bỉ-xà-da-đế, người thứ năm tên Ma-tra, khi trông thấy thiên nữ ai nấy đều sinh dục tâm, bèn suy nghĩ: "Đây không phải là vật có thể dùng chung, hễ ai có lòng dục mạnh nhất thì cho kẻ ấy." Thế rồi, họ đồng thanh nói: "Đồng ý." Kế đến, Thích-ca-la bèn đọc kệ:

"Tôi nhớ khi dâm dục,
Ngồi nằm chẳng được yên.
Mãi cho đến khi ngủ,
Dục lui mới được yên."

Tiếp theo Ma-đa-lê lại đọc kệ:

"Thích-ca, khi bạn ngủ,
Còn tạm thời thanh thản.
Tôi nhớ khi dâm dục,
Như trống thúc xông trận."

Xà-tăng-da-đế cũng đọc kệ:

"Ma-đa, dụ trống thúc,
Vẫn còn có gián đoạn.
Khi tâm tôi nhiễm dục,
Như cây trôi dòng chảy."

Tiếp đến, Bỉ-xà-da-đế lại đọc kệ:

"Bạn ví cây nổi trôi,
Có lúc còn dừng lại.
(529a) Tôi nhớ lúc tưởng dục,
Như nhặng không chớp mắt."

Thế rồi Ma-tra lại đọc kệ:

"Những điều các vị nói,
Toàn niệm tưởng an lạc.
Khi tôi đam mê dục,
Chẳng còn biết sống chết."

Khi ấy, các thiên tử liền nói: "Bạn là người mãnh liệt nhất", rồi đồng lòng nhường thiên nữ cho người này.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

Năm thiên tử thuở ấy nay chính là năm chàng trai Li-xa:

Bạch Thế Tôn, Vị Tỳ-kheo-ni ấy nhờ có hạnh nghiệp gì mà được đoan chính như vậy? Lại được sinh vào nhà danh giá, có lòng tin xuất gia chứng đắc vô lậu?

Này các Tỳ-kheo-ni, trong thời quá khứ có một thành phố tên Ba-la-nại. Nơi này có một trưởng giả, ông cưới một bà vợ. Bà này lúc mới về thường có một người lo việc chải đầu và cung cấp thức ăn. Khi ấy có vị Bích-Chi-Phật tên Tuyên-Hi đi đến cửa nhà bà khất thực. Bà thấy Ngài không được đoan nghiêm lắm nên không có

lòng cung kính, do thế không cho thức ăn cũng không bảo ngài đi. Người chải đầu thấy vậy liền nói:

Thưa bà chủ! Bà nên cúng dường thức ăn cho vị khất sĩ.

Ngài xấu xí không đẹp, ta không cúng dường.

Thế thì bà hãy đưa phần thực phẩm của tôi để tôi cúng dường cho Ngài.

Tùy ý người lấy, người cũng có thể đem vứt xuống nước.

Người ấy được thức ăn rồi, liền đem cúng dường cho Bích-Chi-Phật. Thế rồi, khi thọ trai xong, Ngài bèn vọt lên hư không mà đi. Thấy Ngài bay đi, người cúng dường tâm rất hoan hỉ, liền phát thệ nguyện: "Con nguyện thân sau được sinh vào nhà hào quý, thân thể đoan chính, thấy Phật, nghe Pháp, diệt hết lậu hoặc." Thế rồi, người ấy liền mệnh chung, sinh lên cõi trời, hưởng được năm điều vượt trội hơn trăm nghìn thiên nữ, đó là: thọ mạng, nhan sắc, sức lực danh tiếng và biện tài. Sau khi mệnh chung ở cõi trời bèn sinh vào nhà Bà-la-môn tại thành Ba-la-nại. Bấy giờ nhằm lúc đức Phật Ca-diếp ra đời, Ngài vào thành khất thực, tuần tự đến nhà ấy thì gặp lúc cha mẹ đi du ngoạn, cô ở nhà một mình. Do gieo công đức trong đời trước, nên khi thấy Ngài, cô rất hoan hỷ, đem rửa sạch cái thố bằng đồng, đựng đầy thức ăn thượng hạng và đem y Kiều-xá-da dâng lên đức Thế Tôn Ca-diếp, rồi đọc kệ:

"Nay cúng y, thức ăn,
Vật cúng dường tối thắng.
Nay cúng đức Mâu-ni.
Kiết sử hết, chứng ngộ.
Như bậc lậu tận chứng,
Mong con cũng như vậy."

Người con gái này về sau được gả cho gia đình Bà-la-môn, nhưng vì cha mẹ chồng quá nghiêm khắc khó phụng sự, cuối cùng cô phải thốt ra: "Ta dùng cái thân này sống để làm gì, chi bằng tự

sát!", bèn cầm chuỗi anh lạc, hương thoa mình (529b) và dây thòng lọng định tìm chỗ tự vẫn. Nhưng khi trông thấy ngôi tháp của Phật Ca-diếp, cô bèn đem các dụng cụ trang sức kia đến cúng dường tháp Phật rồi mới treo cổ. Và sau khi mệnh chung liền sinh vào gia đình Bà-la-môn, cho đến tự đọc kệ:

"Anh lạc, y, hương hoa,
Cúng dường tháp Ca-diếp.
Nương nhờ phước báo này,
Nay lễ chân Thế Tôn."

Phật dạy: Từ nay về sau nên may áo tắm. Cho đến, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may áo tắm mưa nên lượng định mà may, chiều dài 4 gang tay Tu-già-đà, chiều rộng 2 gang tay. Nếu may quá mức ấy thì phải cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề, như trường hợp y Tăng-kì-chi đã nói rõ.

*

76. XIN Y TẠI NHÀ KHÔNG TIN PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni tăng nói với Thâu-lan-nan-đà:

Cô có thể xin y Ca-hi-na cho Tăng được không?

Được.

Thế là cô đi đến một gia đình không có niềm tin, nói:

Đại phước đức, thí chủ có thể cúng dường y Ca-hi-na cho Tăng được không?

Được.

Sau khi Tự tứ xong, Tăng hỏi Thâu-lan-nan-đà:

Đã xin được y Ca-hi-na chưa?

Tôi biết rồi.

Thế là cô đi đến gia đình kia, hỏi:

Này hiền sĩ, đã chuẩn bị y Ca-hi-na xong chưa?

Tôi biết rồi.

Sau đó, Tăng đến hỏi Thâu-lan-nan-đà, thì cô đáp: "Tôi biết rồi." Cứ như thế cho đến khi thời gian của y đã trôi qua (mà không có y). Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày việc này với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ngươi đến nhà người không thể sắm y để xin y Ca-hi-na cho Tăng? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà người không thể cúng y để xin y Ca-hi-na cho Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Không có niềm tin: Không có khả năng cho, rất ít hy vọng.

Y: Như y Khâm-bà-la, y Chiên, cho đến y Khu-mâu-đề.

Xin: Xin y Ca-hi-na cho Tăng. Nhưng nếu quá thời gian của y mà không xin được thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin y Ca-hi-na cho Tăng thì nên đi xin với tấm lòng nhiệt thành, nhưng không nên đến xin những nhà không có niềm tin, mà nên đến những nhà có niềm tin và nhiều bà con mà xin. Nếu người đó nói: "Tôi tự biết", thì phải hỏi lại: "Bà có định cho không? Chớ nên để quá thời gian của y." Đồng thời cũng phải xem xét người ấy, nếu thấy (529c) họ không có khả năng sắm được thì nên đi xin chỗ khác. Hơn nữa, cũng phải tự lượng sức mình, nếu không thể làm được thì không nên hứa đi xin cho Tăng. Nếu đã hứa xin y cho Tăng, mà không siêng năng đi xin, không nhờ người khác xin, cũng không nói cho Tăng biết, để quá thời gian của y, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đến gia đình không có niềm tin xin y Ca-hi-na cho Tăng thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

77. KHÔNG ĐEM Y THEO BÊN MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y thượng, hạ đến đảnh lễ chân Thế Tôn, sau đó bị hỏa hoạn cháy mất y. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao những y phục cần sử dụng mà ngươi không đem theo bên mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép không đem theo bên mình những y phục cần sử dụng.

Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo-ni con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay xuất gia khoác y Tăng-già-lê nặng nề trông rất vất vả. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về

sau Ta cho phép khi bệnh thì được châm chước." Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đem theo bên mình những y phục cần mặc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Những y phục cần mặc: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Tăng-kỳ-chi và y tắm mưa.

Bệnh: Nếu có bệnh mà không đem y theo bên mình thì đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nếu không bệnh mà không đem theo thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lễ tháp, đi kinh hành, ban ngày ngồi thiền trong trú xứ thì – không mang y theo – không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

78. NẤU LẠI ĐỒ ĂN ĐỂ ĂN

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ gia đình Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la thường mang thức ăn đến cho cô. Khi được thức ăn rồi, cô bèn xào nấu biến chế. Các anh em chú bác đến thấy thức ăn bèn hỏi:

Tôi muốn ăn.

Được thôi.

Thế là họ lấy thức ăn rồi ăn, nhưng nghe có mùi vị khác thường, liền hỏi:

Ở đâu mà được thức ăn ngon thế này?

Đó là thức ăn ở nhà đem đến đấy.

Người nhà bèn nổi giận trách (người làm công): "Nhà ta lâu nay làm thức ăn chỉ uổng phí tiền bạc mà chẳng ngon lành gì!", bèn trở về nhà dùng roi đánh đứa nô tỳ, rồi mắng: "Chỉ mất tiền bạc vô ích mà chẳng được ăn." Thế là kẻ sai đi đưa thức ăn nổi giận, nói: "Tại vì Tỳ-kheo-ni mà ta (530a) bị khổ não như thế này."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép tự nấu nướng pha chế thức ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni vốn là con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la đi khất thực được cơm nguội, canh nguội và rau để cách đêm, ăn vào liền bị ói mửa. Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến bạch với Thế Tôn rằng:

Bạch Thế Tôn, có cho phép chúng con được hâm nóng thức ăn không?

Được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-li phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà được các thức ăn như Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni, rồi tự mình nấu lại, sai người nấu lại; tự mình chiên lại, sai người chiên lại; tự mình hâm lại, sai người hâm lại để ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Khư-đà-ni: Năm thức ăn Khư-đà-ni.

Bồ-xà-ni: Năm thức ăn Bồ-xà-ni.

Nấu lại: Tự mình nấu lại hoặc sai người nấu lại.

Chiên: Tự mình chiên hoặc sai người chiên.

Hâm: Tự mình hâm hoặc sai người hâm.

Bệnh: Nếu vì già bệnh suy yếu nên ăn đồ ăn nguội lạnh vào bị ói mửa không an lạc (mà hâm lại đồ ăn để ăn) thì Thế Tôn nói là không có tội. Trái lại, nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà nấu lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói Phật không cho phép vì muốn ăn ngon mà chiên lại, hâm lại đồ ăn.Nhưng nếu thức ăn lạnh thì được hâm lại cho nóng, nhưng không được dùng xoong chảo để nấu, mà chỉ nên dùng chén bằng đồng hoặc là tô hoặc là thố để hâm cho nóng.

Nếu Tỳ-kheo vì thích ngon mà tự nấu lại, chiên lại, hâm lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nhưng nếu bảo tịnh nhân làm thì không có tội. Nếu đi khất thực mà gặp thức ăn lạnh rồi hâm lại cho nóng để ăn thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

79. ĐỨNG HẦU TỲ-KHEO THỌ TRAI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia theo dòng họ Thích. Trong khi ông chồng già cả đang ăn thì bà vợ Tỳ-kheo-ni đứng bên cạnh rót nước và cầm quạt quạt. Ông chồng già nhắc lại chuyện dĩ vãng. Tỳ-kheo-ni nổi giận liền lấy nước tạt vào mặt, cầm quạt gõ trên đầu, mắng: "Ông là kẻ

không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà đem nói." Tỳ-kheo-ni khác thấy thế bèn khuyên:

Này Thánh giả, vị này là bậc đáng tôn trọng, không được làm như thế.

Ông già ấy là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà nay đem ra nói.

Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo (530b) gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc Tỳ-kheo ăn mà ngươi hầu nước và quạt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu trong khi Tỳ-kheo đang ăn mà Tỳ-kheo-ni hầu nước và quạt thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo đang ăn: Gồm 5 thức ăn chính và 5 thức ăn phụ.

Hầu nước và quạt: Xách bình nước, rót nước, cầm quạt mà quạt, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni xách bình nước mà không cầm quạt thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cầm quạt mà không

xách bình nước cũng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu làm cả hai việc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không cầm cả hai thì không có tội. Tội này cấu thành trong trường hợp chỉ có một Tỳ-kheo và một Tỳ-kheo-ni. Nếu có nhiều Tỳ-kheo thì hầu nước, quạt không có tội. Hoặc là trong chúng có cha, anh thì dùng quạt quạt không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

80. ĂN TỎI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một thương gia chuyên nghề trồng tỏi mời Tỳ-kheo-ni tăng cúng dường tỏi. Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến vườn ăn tỏi, dẫm đạp bừa bãi; khi thương nhân đến vườn thăm, thấy tỏi bị tơi tả liền hỏi người làm vườn:

Vì sao mà tỏi bị tơi tả thế này?

Trước đây có mời Tỳ-kheo-ni đến cúng dường tỏi nên họ vào vườn lấy ăn hoặc mang đi mà dẫm đạp như vậy.

Thương nhân nghe thế bèn chê trách: "Ta mời đến cúng dường tỏi thì chỉ nên ăn mà thôi, vì sao lại đem đi và dẫm đạp như vậy?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Cho đến Tỳ-kheo-ni đáp: "Có thật như vậy." Rồi Phật khiển trách:– Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi. (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỏi: Gồm có loại tỏi trồng và tỏi trên núi, đại loại các thứ tỏi như vậy đều không được phép ăn; loại chín hay loại sống đều không

cho phép ăn; loại nấu lại, loại được đốt thành tro cũng không cho phép ăn. Nhưng nếu thân thể có ghẻ thì cho phép dùng tỏi thoa. Và khi thoa thì phải ở chỗ vắng đến lúc ghẻ lành, phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Y khác, y ngoại đạo,
Kì-chi, An-đà-hội.
Y tắm, Ca-hi-na.
Y dùng không đem theo.
Nấu lại, hầu quạt nước,
Ăn tỏi, hết phần tám."

*

81. ĐEM THỨC ĂN CHO NGƯỜI THẾ TỤC

(530c) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người chị của Lại-tra-ba-la qua đời, cô bèn đi xin các thức ẩm thực cho đứa con của bà chị. Vì vậy bị người đời chê cười rằng: "Vì sao Sa-môn ni nhận thức ăn của người có niềm tin cúng dường rồi đem cho người thế tục?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên đức Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho người thế tục.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ngoại đạo Kiệt-trụ đến chỗ mẹ. Người mẹ thấy ông đến, liền lấy bát múc đầy các thức ăn đưa cho ông. Người con được thức ăn rồi bèn đem vào trong quán rượu ngồi ăn, đồng thời cho người khác ăn. Có người hỏi:

Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?

Ông im đi. Người đời xem Sa-môn ni là phước điền, Sa-môn ni lại coi ta là phước điền.

Do thế bị người đời chê cười rằng: "Vì sao Sa-môn ni lại dùng thức ăn của thí chủ cúng cho mình đem cho kẻ không tăng trưởng phước đức?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao tự tay ngươi cho thức ăn cho ngoại đạo? Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho thức ăn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

Nếu Tỳ-kheo-ni có thân nhân đến chơi, mình muốn cho thức ăn cho họ thì không được tự tay đưa cho, mà phải bảo tịnh nhân nữ cho. Nếu không có tịnh nhân nữ thì nên bảo: "Nên tự tay lấy thức ăn trong đó mà ăn." Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: "Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất." Khi mình nhận thức ăn rồi, nên để dưới đất, bảo họ tự lấy. Nếu ngoại đạo đến thì không được tự tay cho thức ăn mà phải bảo tịnh nhân nữ cho họ. Nếu

không có tịnh nhân nữ thì nên nói: "Hãy tự lấy thức ăn trong đó mà ăn." Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: "Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất." Rồi mình tự tay để thức ăn dưới đất cho họ. Nếu người bà con mình trách rằng: "Ngươi dùng lối Chiên-đà-la để đối xử với ta sao?" thì nên nói: "Ông đã xuất gia (531a) vào chỗ không tốt. Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi cho thức ăn. Phật cũng dạy: "Được sai ngoại đạo nấu thức ăn rồi bảo họ: "Ngươi đưa cho ta còn bao nhiêu thì hãy ăn." Đó là những gì mà đức Thế Tôn đã dạy."

*

82. LÀM THẦY THUỐC ĐỂ SINH SỐNG

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà chữa bệnh rất giỏi, thường đem theo rễ, lá, quả cây thuốc vào các nhà hoàng tộc, đại thần, cư sĩ trị bệnh cho các thai phụ. Cô chữa bệnh mắt, thổ tả, xông đầu, nhỏ thuốc mũi, dùng kim lể, rồi bôi thuốc vào. Do chữa bệnh nên cô được cúng dường rất nồng hậu. Các Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách cô:

Đó không phải là phép tắc xuất gia mà là nghề làm thầy thuốc.

Thế rồi, họ trình bày việc đó với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau ta không cho phép làm nghề thầy thuốc để nuôi sống.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

Nếu Tỳ-kheo-ni làm nghề thầy thuốc để nuôi sống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Thầy thuốc: Người dùng rễ, lá, trái cây thuốc để chữa bệnh. Lại có thầy thuốc chú nguyện thuốc độc, chú nguyện rắn, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng. Nếu ai dùng những phương pháp ấy để nuôi sống như mẹ của Xiển-đà thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm nghề thầy thuốc để sinh sống. Nếu mình bị bệnh thì được bảo người khác dùng phương thuốc để chữa trị.

Nếu Tỳ-kheo làm nghề thầy thuốc để sinh sống thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên, đức Thế Tôn nói (như trên).

*

83. TRAO TOA THUỐC CHO NGƯỜI THẾ TỤC VÀ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, sau khi ngài chế giới không cho làm nghề thầy thuốc để nuôi sống, thì có người mời mẹ của Xiển-đà chữa bệnh, Tỳ-kheo-ni liền nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép chữa bệnh." Họ lại nói: "Nếu không cho chữa bệnh thì xin cho tôi toa thuốc." Thế là cô bèn đưa toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo. các Tỳ-kheo-ni liền nói: "Chỉ lo nghiền ngẫm các phương thuốc, thì không phải là phép tắc xuất gia."

Thế rồi, họ trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni trao cho người thế tục và ngoại đạo toa thuốc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người thế tục: Người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ hàng ngoại đạo xuất gia.

(531b) Trao toa thuốc: Nếu như chú nguyện rắn, chú nguyện thuốc độc, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo, cũng không được chỉ vẽ phương thuốc cho họ.

Nếu Tỳ-kheo trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

84. LÀM VIỆC CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu mời hai bộ Tăng (về nhà cúng dường). Các Tỳ-kheo-ni sáng sớm đến nhà bà, nói:

Này Ưu-bà-di, hôm nay bà mời hai bộ Tăng, chúng tôi nên dùng thứ gì để báo đáp đây?

Thưa các Thánh giả, các vị chỉ cần tụng Kinh, hành đạo tức là đã báo ân rồi vậy.

Đúng thế, nhưng cũng phải có việc gì khác để báo đáp chút chút chứ.

Thế là, họ leo lên gác, lấy bông vải ra, rồi người thì cán hạt, người thì nhồi bông, người thì se sợi, làm thành cuộn chỉ tròn, đem đưa bà, nói:

Những gì chúng tôi muốn báo đáp bà, giờ đã làm xong.

Việc đó không phải là báo đáp, muốn báo đáp thì ăn xong, ngồi thiền, tụng kinh, học kinh, đó mới gọi là báo đền.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm những việc thế tục tại nhà bạch y.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc cho người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Người thế tục: Tức nhà cư sĩ tại gia hay gọi là bạch y.

Làm việc cho người thế tục: Tức là cán hạt bông, nhồi bông và se sợi, hoặc giã, xay, giặt áo, đại loại làm những việc nhà cho người thế tục như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm việc cho người thế tục. Nếu đàn-việt muốn cúng dường Phật nên nói: "Này Thánh giả, hãy giúp con làm dụng cụ cúng dường này", thì lúc ấy được giúp họ kết vòng hoa, nghiền bột hương.

Nếu Tỳ-kheo làm việc giúp cho người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

85. VÀO NHÀ NGƯỜI KHÔNG BÁO TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia vào giữa trưa trong nhà vắng vẻ tưởng không có ai, muốn giao hoan, thì Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà không báo trước mà đột ngột đi vào. Người chồng thấy thế nổi giận, vì cuộc hành lạc của mình bị trở ngại, đồng thời nam căn còn cương cứng, bèn đuổi theo định bắt Tỳ-kheo-ni. (531c) Tỳ-kheo-ni hoảng sợ vội vàng bỏ chạy về lại trú xứ, nói với các Tỳ-kheo-ni khác: "Hôm nay suýt chút nữa tôi bị hủy hoại phạm hạnh."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết thực gia, không nói trước mà đi vào. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia, không nói trước mà đi vào, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe từ người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thức ăn của người nam, người nam là thức ăn của người nữ.

Gia: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà Tỳ-xá, nhà Thủ-đà-la, đại loại các gia đình như thế, nếu không báo trước mà đột ngột đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không nói trước thì không được đi vào. Nếu muốn đi vào thì nên nói với người giữ cửa rằng tôi muốn đi vào. Nếu người giữ cửa thưa với chủ nhà rồi họ bảo vào thì mới được vào. Nếu người giữ cửa không ra báo lại thì không được vào. Nếu nghe trong phòng có tiếng nói thì phải gảy móng tay, dậm chân cho có tiếng động. Nếu họ vẫn im lặng thì không được vào. Nếu họ ra nghênh tiếp thì được vào.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước với gia chủ mà vào nhà họ thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

86. SỐNG THÂN CẬN VỚI NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của gia đình Li-xa xuất gia, rồi cô ấy sống thân cận với người thế tục ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép sống thân cận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni sống thân cận với người thế tục, ngoại đạo – thậm chí sống thân cận với người làm vườn, Sadi – trọn ngày hoặc trong khoảnh khắc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Ban ngày: Từ lúc bình minh đến lúc mặt trời lặn.

Cho đến trong khoảnh khắc: Chỉ trong chốc lát.

Sống thân cận: Thân thể sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng sống thân cận, thậm chí sống với người làm vườn, Sadi (532a) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni thích sống thân cận với người này người kia thì Hòa thượng ni, A-xà-lê ni nên cho họ sống cách ly ở chỗ khác.

Nếu Tỳ-kheo sống thân cận thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

87. TỰ THỀ THỐT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác rồi chỉ Phật, chỉ A-xà-lê, chỉ y-cà-sa thề thốt như sau: "Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì khi chết tôi không được khoác áo cà sa, không đoạn tận khổ đau bị mang tội giết cha mẹ, bị mang tội vong ân, bị mang tội hủy báng hiền thánh, rơi xuống địa ngục, đọa vào quỷ đói, đọa vào súc sinh. Nếu tôi làm như vậy, thì tôi sẽ rơi vào các cõi ấy. Nếu bạn làm như vậy thì bạn cũng sẽ rơi vào trong các cõi ấy."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Ngươi là người xuất gia mà vì sao lại thề thốt như thế? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn thiện pháp được.

Cuối cùng Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni tự thề thốt và nguyền rủa người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tự thề thốt: Như chỉ Phật, chỉ A-xà-lê thề thốt rằng: "Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì tôi sẽ bị tội như Đề-bà-đạt-đa, bị tội

vọng ngữ, bị tội phản bội ân nhân, bị tội nói hai lưỡi. Nếu tôi như vậy thì phạm hạnh không thành tựu, khi chết không được khoác áo cà sa, bị rơi xuống địa ngục, đọa vào súc sanh, ngạ quỷ. Nếu bạn hủy báng tôi thì bạn cũng sẽ bị tội như thế." Nếu thề thốt như thế thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thề thốt như thế thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

88. HỜN DỖI TỰ ĐÁNH MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, rồi nổi giận, tự đánh, tự cào, khóc rống lên tuôn lệ. Các Tỳ-kheo-ni khác nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Vì sao ngươi nổi giận tự đánh mình, rồi khóc rống lên tuôn rơi nước mắt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, (532b) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình rồi tuôn rơi nước mắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tự đánh mình: Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tay nắm mình lại, rồi dùng cú đấm mà đấm, hoặc dùng roi gậy đánh, hoặc dùng đất cục ném, rồi khóc lóc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình mà không khóc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu khóc mà không đánh, cũng phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu vừa đánh vừa khóc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không đánh, không khóc thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tự đánh mình rồi khóc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni, Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

89. TRÁCH NGƯỜI VÔ CỚ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến nhà thế tục ca ngợi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề là người hiền lành, giữ giới, tinh tấn, cho đến có oai nghi ung dung khi nhìn trái, trông phải, mặc y, cầm bát, nhìn ngó chỉnh tề, ít nói năng được trời người cúng dường, đàn việt trông thấy liền sinh tâm cung kính, chu cấp y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Thế nhưng, bản thân Thâu-lan-nan-đà thì oai nghi khiếm khuyết, mặc y rách rưới bẩn thỉu, để lộ cả cái bụng bự, nhũ hoa và hông ra ngoài, cử chỉ thì thô tháo, nói năng búa xua. Vì thế đàn việt sanh tâm bất kính, không mời về cúng dường y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Do vậy, Thâu-lan-nan-đà nói: "Tôi đến nhà đàn việt ca ngợi Thọ-đề nên mới được các thứ cúng dường này. Thế mà Thọ-đề chỉ nói những chuyện không tốt của tôi, nên tôi không được cúng dường." Thọ-đề liền trả lời: "Này thánh giả, tôi không nói chuyện xấu của thánh giả, vì sao lại bảo rằng tôi nói?."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không xem xét cẩn thận mà lại trách móc người khác?. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn thiện pháp được. Từ nay về sau, không được không xét nét cẩn thận mà trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Này Thánh giả, cùng đến nhà mỗ giáp với tôi", sau đó không hài lòng Tỳ-kheo-ni ấy mà không thẩm xét những gì được nghe, rồi vô cớ quở trách, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà ở trên đã nói.

Nhà: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, (532c) nhà Tì-xá, nhà Thủ-đà.

Sau đó không hài lòng: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thọ-đề.

Việc không hài lòng: Chín việc ưu não, và việc thứ mười là nổi giận không đúng chỗ.

Vô cớ: Không thẩm xét kỹ những gì được nghe và quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không thẩm xét kỹ những gì được nghe mà quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không thẩm xét mà quở trách người khác thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

90. GIỮ CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến giờ bèn khoác y, cầm bát đi đến đứng trước cửa một gia đình hào phú, bỗng thấy có Tỳ-kheo đến khất thực, cô nói: "Tôn đức có thể vào nhà này, họ sẽ nấu thức ăn cúng dường tôn đức, rồi họ mới ăn." Nếu thấy Tỳ-kheo-ni đến thì cô nói: "Thánh giả hãy vào nhà này, đàn việt sẽ nấu thức ăn cúng dường Thánh giả, rồi họ mới ăn." Hoặc là cô nói: "Nhà khác cũng có thức ăn vậy, hà tất phải tập trung tại đây?." Đối với tất cả ngoại đạo khất thực cô đều nói như thế với tâm keo kiệt nhằm bảo vệ nhà ấy.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Cho đến chỗ cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi dùng tâm keo kiệt giữ gìn cho nhà người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm keo kiệt để giữ gìn nhà người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tâm keo kiệt tật đố: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được dùng tâm keo kiệt tật đố để giữ gìn nhà người khác. Nếu Tỳ-kheo-ni khác hỏi thì phải nói thật. Nếu ngoại đạo hỏi mà mình sợ tiêm nhiễm tà kiến của ngoại đạo nên quở trách, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm keo kiệt tật đố tiếc của nhà người ta thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

"Tự tay cho thức ăn,
Làm giúp người thế tục.
Vào không nói, thân cận,
Thề thốt, tự đánh mình.
Quở trách, giữ của người
Kết thúc phần thứ chín."

*

91. MẮNG NHIẾC TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia, rồi người chồng già đi đến thăm. Bà vợ đem cho thức ăn rồi đứng một bên. Ông chồng bèn đem những chuyện xấu trước kia của vợ mình ra nói. Bà vợ nghe thế không vui, liền nói: "Lão già chết yểu! Không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói." Các Tỳ-kheo-ni bèn quở trách cô ấy: "Này Thánh giả, đây là vị tôn túc, không được mắng mỏ như vậy." Cô ta liền nói với các Tỳ-kheo-ni: "Đây là lão già chết yểu, không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Đối diện: Bốn mắt nhìn nhau.

Mắng mỏ: Như nói: "Đồ lão già chết yểu, bất thiện, không biết ân nghĩa", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo. Nếu là anh em thân thích xuất gia mà không giữ giới hạnh cũng không được mắng mỏ, mà chỉ nên dùng lời nhỏ nhẹ để khuyên bảo. Nếu người ấy còn trẻ tuổi thì nên nói: "Này Sa-lộ-ê-đa, đừng có làm việc đó. Nếu nay ngươi không học thì đợi lúc nào mới học? Sau này đệ tử của ngươi cũng sẽ bắt chước ngươi làm điều bất thiện." Nếu người ấy già cả thì nên nói: "Này Sa-lộ-ê-đa, nay ông không học đợi đến lúc già chết rồi mới học sao?"

Tỳ-kheo cũng không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo-ni rằng: "Đồ con mụ trọc đầu! Con mụ dâm dật", thậm chí nói: "Này mụ già, bà là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa", mà nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên bảo, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đối diện mắng mỏ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

92- GIỚI: CHƯA ĐỦ 12 HẠ MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những Tỳ-kheo-ni một tuổi, hai tuổi, ba tuổi (hạ) bèn nuôi đệ tử mà không biết dạy dỗ, để họ buông lung như dê trời, trâu trời, tịnh giới không đầy đủ, oai nghi không đầy đủ, không biết cung phụng Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết cung phụng Tỳ-kheo-ni trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, phép tắc ở A-luyện-nhã, không biết phép tắc vào trong Tăng, không biết mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà nuôi đệ tử.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa (533b) mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Chưa đủ mười hai năm gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà đủ mười hai năm cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà quá mười hai năm cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông, nhưng chưa qua lần Tự tứ của mùa Đông thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai

mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa xuân, nhưng chưa qua lần tự tứ của mùa xuân thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu tiền an cư thọ cụ túc, trải qua tiền an cư thứ mười hai, nhưng chưa thọ Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu hậu an cư thọ cụ túc, trải qua hậu an cư lần thứ mười hai, nhưng chưa Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa mà chưa đủ mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa, đủ mười hai năm, hoặc quá mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa (mười hai hạ lạp).

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa Xuân, trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong cũng vậy. Tiền an cư thọ cụ túc trải qua tiền an cư xong thọ Tự tứ. Hậu an cư thọ cụ túc, trải qua hậu an cư xong thọ Tự tứ, đó gọi là mười hai mùa mưa (mười hai tuổi hạ).

Nếu Tỳ-kheo-ni (chưa đủ mười hai mùa mưa mà) nuôi đệ tử, cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cho họ thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người, cho thọ cụ túc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

93. CHƯA ĐỦ MƯỜI PHÁP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau lúc ngài chế giới không cho người chưa đủ mười hai mùa mưa nuôi đệ tử, thì nhóm sáu Tỳ-kheo-ni và các Tỳ-kheo-ni khác đủ mười hai mùa mưa nhưng

chưa đủ mười pháp, nuôi đệ tử mà không dạy bảo, để họ giống như trâu trời, dê trời, thậm chí không biết mặc y cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, họ đáp với Phật: "Đúng như vậy, bạch Thế Tôn." Phật dạy: "Từ nay về sau, ta không cho phép người chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa nhưng chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Đủ mười hai mùa mưa (533c): Như trên đã nói.

Chưa đủ mười pháp: Nghĩa là mười pháp chưa thành tựu. Mười pháp đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tì-đàm (Luận).
3. Nghe nhiều Tỳ-ni (Luật)
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể tự xuất tội và sai người xuất tội.
8. Nếu đệ tử thân tín muốn bãi đạo, thì có thể tự mình hoặc nhờ người đưa họ đến nơi khác (ẩn lánh).
9. Khi đệ tử có bệnh thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác chăm sóc.

10. Đủ mười hai mùa mưa (hạ lạp) hoặc hơn.

Đó gọi là mười pháp.

Nếu chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Nếu cho họ thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười pháp mà độ người thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

94. CHƯA XIN PHÉP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi ngài cho phép người nào đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp được nuôi đệ tử thì các Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp bèn nuôi đệ tử, thế rồi các Tỳ-kheo-ni khác than phiền: "Ai biết là bà đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, người ấy đáp lời Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, muốn nuôi đệ tử phải làm pháp Yết-ma cầu thính, rồi mới xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Người làm Yết-ma nên bạch như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử, nếu thời gian của Tăng đã đến (Xin Tăng hứa khả).

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử; vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo-ni này phải vào trước Tăng quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tôi là mỗ giáp, đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, nay theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Kính mong Tăng cho tôi pháp Yết-ma nuôi đệ tử. (Xin như vậy ba lần). Rồi người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, đã theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp – thành tựu mười pháp – pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp – đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp – đã theo Tăng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nay Tăng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử, thánh giả nào bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; (534a) ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất, (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni thành tựu mười pháp nhưng không làm Yết-ma mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thành tựu mười pháp: Như trên đã nói.

Không làm Yết-ma: Không làm Yết-ma giữa Tăng thì gọi là không làm Yết-ma. Ngoài ra, nếu mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không làm Yết-ma. Tuy nhiên, nếu làm Yết-ma mà bạch không đúng cách, chúng Tăng không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, cũng gọi là không làm Yết-ma. Người nuôi đệ tử muốn cho

đệ tử thọ cụ túc mà không làm Yết-ma thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

95. CHO NGƯỜI PHẠM TỘI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ con gái thứ ba của dòng họ Li-xa, rồi cho thọ học pháp. Thế là cô ta lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với người thế tục, ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách Ca-lê rằng: "Kẻ này phạm giới, lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với đàn ông, mà vì sao cho thọ cụ túc?" Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết kẻ phạm giới lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, sống chung với ngoại đạo mà cho thọ cụ túc? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni cho kẻ phạm giới thọ cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết người kia phạm giới, cầm chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với đàn ông mà cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Phạm giới: Giới không đầy đủ, vượt qua giới.

Cầm chìa khóa mở cửa phòng: Mở cửa phòng người khác.

Đàn ông: Người thế tục hoặc là hàng ngoại đạo xuất gia.

Sống chung: Sống gần gũi bên nhau. Nếu cho người như vậy thọ cụ túc thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu kẻ ấy sống chung với người thế tục, ngoại đạo thì không được cho thọ cụ túc. Nếu có thể làm cho người này phạm hạnh được toàn vẹn thì trước hết nên làm cho họ sống cách ly rồi mới cho thọ cụ túc.

Nếu Tỳ-kheo biết Sadi phạm giới, sống thân cận với phụ nữ, **(534b)** nhưng không cho xuất gia lại mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Việt-Tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

96. CHO NGƯỜI THIẾU TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo-ni độ những đồng nữ mười tuổi, mười hai tuổi xuất gia, thọ cụ túc. Những người này thân thể yếu đuối không làm nổi những việc nhọc nhằn, chưa biết giữ sạch sẽ, oai nghi khiếm khuyết, không biết phụng sự Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết vào thôn xóm, không biết A-luyện-nhã, không biết phép tắc khi vào trong chúng, không biết khoác y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép cho đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi thọ cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Chưa đủ hai mươi mùa mưa: Chưa đủ hai mươi năm gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nhưng đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà đủ hai mươi năm cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa mà hơn hai mươi năm vẫn gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nếu sinh vào mùa Đông, tính đến mùa Đông năm thứ hai mươi mà chưa qua lần Tự tứ cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Xuân cũng vậy. Nếu đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, tính đến tiền an cư năm thứ hai mươi nhưng chưa qua lần Tự tứ, sinh vào lúc hậu an cư, tính đến hậu an cư năm thứ hai mươi, nhưng chưa qua lần Tự tứ, cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, tất cả giới sư đều tưởng là chưa đủ mà cho thọ cụ túc thì tất cả phạm tội Ba-dạ-đề. Người đó không được gọi là thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, một nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ mà cho thọ cụ túc thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Ba-dạ-đề, những người tưởng là đã đủ không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm hoặc đủ hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Đông, đến năm thứ hai mươi, sau khi an cư, tự tứ xong, được cho thọ cụ túc.

Trường hợp sinh vào mùa xuân cũng như vậy. Đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, sau hai mươi năm, trải qua tiền an cư xong, Tự tứ xong, sinh vào lúc hậu an cư, sau hai mươi năm, trải qua hậu an cư xong, Tự tứ xong (được cho thọ cụ túc).

(534c) Nếu đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà một nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ (rồi cho thọ cụ túc), thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Việt-Tỳ-ni, những người tưởng là đã đủ không có tội. Người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà tất cả giới sư tưởng là chưa đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều phạm tội Việt-Tỳ-ni. Người này không được gọi là thọ cụ túc. Nếu tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ thì tất cả không có tội. Người này được gọi là đã khéo thọ cụ túc.

Đồng nữ: Người mà phạm hạnh chưa bị hủy hoại. (Nếu cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa) thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đồng nữ muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của đức Như Lai thì giới sư nên hỏi: "Ngươi sinh vào lúc nào?." Nếu họ không biết thì nên xem tấm ván ghi năm sinh. Nếu không có tấm ván thì phải hỏi cha mẹ thân nhân của họ. Nếu cũng không biết, thì phải hỏi xem sinh vào thời vua nào, năm được mùa hay năm mất mùa. Nếu cũng không biết thì nên xem tướng trạng (để suy đoán). Nếu họ là con gái của nhạc sĩ thì tuy tuổi nhỏ mà hình vóc lớn, nên xem tướng tay chân xương cốt (mà suy đoán). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

97. CHO NGƯỜI CHƯA HỌC GIỚI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ cụ túc, thì các Tỳ-kheo-ni cho các đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa

thọ cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni khác dị nghị: "Ngươi đủ hai mươi mùa mưa hay chưa đủ hai mươi mùa mưa ai mà biết được."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, đồng nữ 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của Như Lai phải theo tăng xin hai năm học giới. Trước hết phải làm Yết-ma cầu thính rồi mới xin. Người làm Yết-ma nên tác bạch như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong giới luật của đức Như Lai, nếu thời gian của Tăng đã đến, xin Tăng cho phép mỗ giáp vào trước tăng xin hai năm học giới.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn vào trước Tăng xin hai năm học giới, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, đồng nữ này phải vào trước Tăng xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Con là đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, nay theo Tăng xin hai năm học giới. Kính mong Tăng thương xót cho con hai năm học giới (Xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, đã theo Tăng xin hai năm học giới, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp pháp Yết-ma hai năm học giới. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả ***(535a)*** *Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp 18 tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, đã theo Tăng xin hai năm học giới, Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).*

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp hai năm học giới xong, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa cho đồng nữ đủ hai mươi tuổi học giới mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Đủ hai mươi tuổi: Tức đủ hai mươi mùa mưa. Nếu đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi tuổi cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Thậm chí, nếu hậu an cư sinh, sau hai mươi năm hậu an cư thọ tự tứ xong, cũng gọi là đủ hai mươi tuổi.

Không cho học giới: Nếu không làm Yết-ma mà cho học giới cũng gọi là không cho học giới. Hoặc mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không cho học giới. Tuy có làm Yết-ma nhưng chúng không thành tựu, bạch không đúng pháp, Yết-ma không đúng pháp – nếu một pháp nào không thành tựu – mà cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

98. CHO NGƯỜI HỌC GIỚI CHƯA XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc; thế rồi, đức Thế Tôn bảo: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thọ học giới: Cho thọ học giới, đủ mười pháp, chúng thành tựu, bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, tất cả mọi pháp đều thành tựu, đó gọi là thọ học giới.

Học chưa hoàn tất: Trong hai năm thọ học giới phải tùy thuận học 18 việc. Đó là: Khi ăn uống phải ngồi dưới tất cả Tỳ-kheo-ni, trên tất cả Sa-di-ni, đối với họ không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh; đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh thì đối với họ cũng không thanh tịnh, được ngủ chung cùng phòng với Tỳ-kheo-ni ba hôm, cũng được ngủ chung với Sa-di-ni trong ba hôm, được Tỳ-kheo-ni trao cho thức ăn, ngoại trừ năm loại thực phẩm được hỏa tịnh; theo Sa-di-ni nhận thức ăn; Tỳ-kheo-ni không được hướng đến họ nói về Ba-la-đề-mộc-xoa, từ Ba-la-di cho đến tội Việt-Tỳ-ni, mà chỉ được nói: không được dâm, không được trộm cắp, không được giết người, đại loại được dạy bảo như vậy, không được nghe Bố-tát, Tự-tứ. Đến ngày Bố-tát **(535b)** Tự tứ, phải đến trước Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tăng, nói như sau: "Con là mỗ giáp thanh tịnh, xin thượng tọa ghi nhớ cho", nói như vậy ba lần, rồi lui ra. Nếu phạm một trong bốn giới Ba-la-di sau cùng thì ngay trong ngày ấy phải thọ học pháp trở lại. Nếu phạm 19 giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tất cả đều sám hối tội Đột-cát-la. Nếu phá năm giới như ăn phi thời, cất thức ăn để ăn, nhận vàng bạc và tiền mặt, uống rượu, mang hương hoa, thì tùy phạm vào ngày nào phải bắt đầu thọ học lại hai năm kể từ ngày đó, còn thời gian trước bị hủy bỏ. Đó gọi là học giới chưa hoàn tất.

Nếu ai cho người học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

99. KHÔNG CHO NGƯỜI ĐÃ HỌC XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người chưa học giới hai năm hoàn tất thọ cụ túc, thế nên Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ 18 mùa mưa (tuổi) học giới hai năm, đến lúc đủ hai mươi mùa mưa cho thọ cụ túc. Tuy vậy, các Tỳ-kheo-ni vẫn chê trách rằng: "Người học giới hoàn tất hay chưa hoàn tất ai mà biết."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến trình bày với Đại-ái-đạo. Cho đến Phật dạy: "Từ nay về sau, đồng nữ đã học giới đủ hai mươi mùa mưa muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Như Lai để làm Tỳ-kheo-ni, thì trước hết phải làm Yết-ma cầu thỉnh, rồi đến trước Tăng xin pháp Yết-ma đã học giới hoàn tất để thọ cụ túc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai; nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho mỗ giáp vào trước Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn vào trước Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này phải vào giữa Tăng quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Con là đồng nữ mỗ giáp hai mươi tuổi, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai, nay theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Kính mong Tăng thương xót cho con thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất, (xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất, muốn thọ cụ túc trong pháp luật của đức Như Lai làm Tỳ-kheo-ni, nay theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay tăng cho mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Đồng nữ mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc làm Tỳ-kheo-ni trong pháp luật của đức Như Lai, (535c) đã theo Tăng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nay Tăng cho mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Thánh giả nào bằng lòng cho mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc xong, vì Tăng im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Thức-xoa đã học giới hoàn tất mà Tỳ-kheo-ni không làm Yết-ma cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Học giới hoàn tất: Trong hai mùa mưa tùy thuận làm 18 việc.

Không làm Yết-ma: Không tác pháp Yết-ma cho thọ cụ túc thì (Tỳ-kheo-ni bổn sư) phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi tám

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 39

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

100. CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG DƯỚI MƯỜI HAI TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy những người con gái của dòng họ Thích, họ Câu-lê, họ Ma-la, họ Li-xa sau khi lấy chồng rồi mới xuất gia, từng chịu đựng những việc cực nhọc nên đã khôn ngoan. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bèn hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn, những người nữ đã có chồng, chưa đủ hai mươi mùa mưa có thọ Cụ túc được không?

Được.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng 8 tuổi, 9 tuổi thọ Cụ túc, nhưng vì họ quá bé nhỏ, yếu đuối không chịu đựng được những việc cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Như trường hợp chưa đủ hai mươi mùa mưa ở trên đã nói rõ.

Người nữ đã có chồng: Người mà phạm hạnh đã bị hủy hoại. Nếu cho người như vậy thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu người nữ đã lấy chồng muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của đức Như-lai thì trước hết nên hỏi; **(536a)** cho đến phải xem tay chân xương cốt, v.v...

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

101. NGƯỜI CÓ CHỒNG MƯỜI HAI TUỔI CHƯA HỌC GIỚI MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc. Thế nhưng, các Tỳ-kheo-ni than phiền rằng: "Ngươi là người nữ đã lấy chồng đủ hay chưa đủ mười hai mùa mưa ai mà biết được!."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa phải cho học giới hai năm."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không cho người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa học giới mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong giới đồng nữ không học giới ở trên đã nói.***

Kệ tóm tắt:

"Mắng ngay, độ phi pháp,
Mười pháp chưa đầy đủ.

Không Yết-ma nuôi chúng,
Phạm giới, thiếu hai mươi.
Không học, học chưa đủ,
Học đủ, không Yết-ma.
Dưới hai mươi, không học,
Kết thúc phần thứ mười."

*

102. NGƯỜI CÓ CHỒNG HỌC CHƯA XONG MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ bà vợ của viên quan nhà vua là Tu-đề-na xuất gia cho thọ Cụ túc. Vì lúc còn ở nhà bà đã có thai nên dần dần bụng lớn. Các Tỳ-kheo– ni bèn khiển trách người đó rằng:

Đã thọ học giới mà có thai lẽ đáng phải trục xuất.

Từ khi xuất gia đến nay tôi không hề biết chuyện đó.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người này từ lúc xuất gia về sau không biết đến việc ấy (việc dâm dục) tức là bào thai có từ lúc còn ở nhà. Nếu gặp trường hợp như vậy thì chưa nên cho thọ Cụ túc mà phải đợi đến sau khi sinh con. Nếu sinh con gái, thì sau khi sinh cho thọ Cụ túc. Nếu sinh con trai, thì đợi đến khi đứa bé dứt sữa mới cho thọ Cụ túc. Nhưng nếu có chị em thân thích nói: "Hãy bồng đứa bé đến đây để tôi nuôi dưỡng cho" – Nếu gặp trường hợp như vậy – thì nên cho thọ Cụ túc."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới chưa đủ mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ học giới chưa đủ trên kia đã nói rõ.

*

103. CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG THỌ GIỚI, KHÔNG LÀM YẾT-MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ 12 tuổi (536b) chưa đủ hai năm học giới thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ hai năm học giới thọ Cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni chê trách người ấy: "Người học giới đủ hay chưa đủ ai mà biết được."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới đủ thọ Cụ túc mà không làm Yết-ma, thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ không làm Yết-ma ở trên đã nói rõ.

*

104. CHO THỌ GIỚI RỒI MÀ KHÔNG DẠY DỖ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni nuôi nhiều đệ tử mà không dạy dỗ, để họ giống như trâu trời, dê trời, không biết giữ gìn sạch sẽ, oai nghi không đầy đủ; không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết phụng sự trưởng lão Tỳ-kheo-ni, không biết phép vào thôn xóm, ở A-luyện-nhã, không biết mặc y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn

đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi độ người mà không dạy? Từ nay về sau phải dạy dỗ hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni cho đệ tử thọ Cụ túc rồi thì phải dạy dỗ trong hai năm. Nếu không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Đệ tử: Tức là đệ tử cùng sống chung.

Hai năm: Tức là hai mùa mưa.

Dạy dỗ: Hoặc dạy A-tì-đàm, hoặc dạy Tỳ-ni.

A-tì-đàm: Tức là chín bộ Kinh.

Tỳ-ni: Tức là Ba-la-đề-mộc-xoa rộng rãi hoặc giảng lược. Nếu thấy họ có oai nghi nên khích lệ. Nếu thấy họ trái oai nghi, nên ngăn cản. Nếu như không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như đệ tử không thể dạy, không muốn học thì phải trục xuất.

Nếu Tỳ-kheo không dạy bảo đệ tử cùng sống chung thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

105. THỌ GIỚI RỒI, KHÔNG HẦU THẦY

Khi Phật an trú tại thành Xá-Vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni độ đệ tử, sau khi thọ Cụ túc rồi, đệ tử bèn bỏ đi nơi khác. Do đó, Hòa thượng ni than phiền rằng: "Đức Thế Tôn chế giới bảo phải dạy đệ tử, nhưng đệ tử bỏ tôi mà đi, thì tôi dạy ai đây?"

Các Tỳ-kheo ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. **(536c)** Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi thọ Cụ túc rồi mà đi đến nơi khác? Ngươi phải phụng sự Hòa thượng ni trong hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Khi Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc rồi phải theo hầu, cung phụng Hòa thượng ni trong hai năm, nếu không theo hầu, cung phụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Người thọ Cụ túc: Chỉ cho đệ tử cùng sống chung.

Hai năm: Tức trong thời gian hai mùa mưa.

Cung phụng: Tức cung phụng Hòa thượng ni.

Theo hầu: Không được rời xa. Nếu không theo hầu, cung phụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Hòa thượng ni trì giới lỏng lẻo, khiến đệ tử không muốn học, suy nghĩ: "Hòa thượng ni của ta chỉ đi đến những nơi không nên đến, nếu ta đi theo thì sợ tổn

thương đến phạm hạnh", rồi bỏ đi để bảo toàn phạm hạnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không theo hầu, cung phụng Hòa thượng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

106. NUÔI ĐỆ TỬ HÀNG NĂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử cho thọ cụ túc, rồi tâm sinh nghi ngờ không biết có được làm như thế không, bèn hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử mà phải để cách năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Mỗi năm: Cứ mỗi mùa mưa.

Nuôi đệ tử: Tức cho thọ cụ túc.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Phật không cho phép mỗi năm mỗi nuôi đệ tử mà phải để cách năm một. Nếu Tỳ-kheo-ni có phước

đức thì năm thứ nhất cho đệ tử học giới, năm thứ hai cho thọ cụ túc, thì tuy năm nào cũng có độ mà không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

107. ĐỂ CÁCH ĐÊM CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề muốn cho đệ tử thọ Cụ túc bèn nói với Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà rằng: "Thưa Thánh giả, xin người mời giúp Tăng để cho đệ tử tôi thọ Cụ túc." Thế rồi Tỳ-kheo-ni Tăng bèn cho giới tử thọ Cụ túc (ở bản bộ Yết-ma). Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mời được nhóm sáu Tỳ-kheo, Thọ-đề bèn hỏi:

Cô đã mời giúp Tăng cho tôi được chưa?

Đã mời được rồi.

Mời được ai vậy?

Mời được nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tôi không dùng những vị ấy.

Thế là đến sáng hôm sau, Thọ-đề liền mời các thiện Tỳ-kheo **(537a)** khác cho thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến trình bày lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Này Thọ-đề, đó là việc xấu. Vì sao trong một chúng thanh tịnh mà ngươi để qua đêm mới cho thọ Cụ túc, lại còn khinh thường chúng nữa? Từ nay về sau, Ta không cho phép trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc, cũng không cho phép khinh thường chúng.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một chúng thanh tịnh: Tức thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo-ni.

Để qua đêm: Nếu để đến hôm sau mới cho thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói: Phật không cho phép ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua hôm sau mới cho thọ Cụ túc; đồng thời cũng không cho phép khinh thường chúng, cũng không được mời chúng Tỳ-kheo ác cho thọ Cụ túc, mà trước hết phải đi thỉnh cầu thiện Tỳ-kheo. Nếu không thể mời đủ thì phải mời được một nửa hoặc hơn một nửa để làm Yết-ma. Nếu trường hợp gặp nạn vua, nạn giặc không thể làm trong một ngày mà phải để qua đêm thì không có tội.

Trường hợp Tỳ-kheo cũng không được khinh thường chúng, cần phải mời được một nửa, hoặc hơn một nửa giới sư để làm Yết-ma. Nếu khinh thường chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

108. ĐỆ TỬ CÓ LỖI MÀ KHÔNG THU XẾP

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của dòng họ Li-xa xuất gia, thế rồi, cô này sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn

nói với Tỳ-kheo-ni Ca-lê: "Cô biết đệ tử mình sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà vì sao không đưa kẻ ấy đến sống cách biệt ở nơi khác?."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết đệ tử sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà không cách ly họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni độ đệ tử có vấn đề mà không tự mình đưa họ hoặc sai người khác đưa họ đi xa ít nhất là 5, 6 do tuần, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Độ người: Tức là Hòa thượng ni.

Đệ tử: Tức là đệ tử đồng hành.

Có vấn đề: Tức là đệ tử muốn thôi tu, hoặc là cha mẹ bà con muốn họ thôi tu, hoặc chồng **(537b)**, chú muốn họ thôi tu.

Đưa đi: Hoặc tự mình đưa đi, hoặc sai người khác đưa đi.

Ít nhất là năm, sáu do tuần: Mức độ ít nhất là sáu do tuần.

Nếu đệ tử sống thân cận với người thế tục thì nên đưa họ đi du hành. Nếu bản thân mình già bệnh không thể làm được thì nên chuyển lời nhờ người khác dạy bảo rằng: "Ngươi nên đi vân du đảnh lễ chùa tháp sẽ được nhiều công đức, đồng thời gặp được những hội chúng tốt đẹp làm cho tầm hiểu biết của mình thêm mở mang, nếu ta mà không già cả thì ta cũng sẽ đi."

Nếu Tỳ-kheo có đệ tử cùng sống chung có vấn đề mà không tự mình đưa đi hoặc sai người khác đưa đến nơi khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

109. NGOAN CỐ KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại Xá-vệ, lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử, rồi không dạy dỗ để họ buông lung giống như trâu trời, dê trời. Thế rồi có Tỳ-kheo-ni nói với Thâu-lan-nan-đà:

Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo để họ như thế đó.

Cô đố kỵ việc tôi độ đệ tử nên trách mắng tôi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi chưa đủ mười pháp lại độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo mà còn trách móc người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni A nói với Tỳ-kheo-ni B rằng: "Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì phải dạy bảo họ", mà cô B trách ngược lại cô A thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Hoặc Ni Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.

Tỳ-kheo-ni B: Tức là Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Chưa đủ mười pháp: Tức là mười pháp chưa thành tựu mà độ đệ tử, cho thọ Cụ túc, rồi có người khuyên can mà lại trách móc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo làm như trên thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

110. HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà:

Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi cho con thọ Cụ túc.

Được.

Sau đó, cô Ni học giới nhắc lại: "Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi, cho con thọ Cụ túc." Thâu-lan-nan-đà nghe thế mà không cho thọ Cụ túc, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo đi nơi

khác để thọ. Các Tỳ-kheo-ni bèn trách cô ta: "Trước đây cô hứa cho thọ Cụ túc, vì sao không cho thọ?" Tuy nghe lời trách móc ấy, nhưng **(537c)** cô vẫn không cho thọ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác. Vì sao ngươi hứa cho người khác thọ Cụ túc mà rồi không cho thọ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni rằng: "Ngươi học giới đủ rồi ta sẽ cho thọ cụ túc", nhưng sau đó không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo họ đi nơi khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thức-xoa-ma-ni: người tùy thuận học 18 việc trong hai năm.

Nói rằng: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà hứa cho thọ Cụ túc mà sau đó tự mình không cho thọ cũng không bảo người khác cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni rằng: Ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc mà sau đó không có khả năng thì nên bảo người khác cho thọ. Nếu tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, thì nên bảo họ đi nơi khác để

thọ Cụ túc. Nếu Tỳ-kheo-ni hứa cho Thức-xoa-ma-ni thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo hứa cho Sadi thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

111. KHÔNG BỆNH MÀ ĐI XE

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đi xe lộng lẫy đến nhà bà con, bị người đời chê trách rằng: "Vì sao Samôn ni đã xuất gia mà giống như người thế tục, đi xe lộng lẫy, còn nhiều tham dục đến như thế?."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni con dòng họ Thích, vì già bệnh ốm yếu, đi đường không theo kịp bạn bè phải đi sau, bị bọn giặc xâm phạm. Cuối cùng, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Bệnh: Nếu vì già bệnh ốm yếu hay là nhạc sĩ không thể đi được (thì đi xe) Thế Tôn bảo là không có tội.

Xe: Gồm có 8 loại, kể cả thuyền bè đó gọi là tám loại; nếu sử dụng những thứ ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. **(538a)** Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe, thuyền. Nhưng nếu có bệnh cũng không được đi xe do trâu đực kéo, mà được đi xe do trâu, ngựa, lạc đà cái kéo. Nếu vì bệnh không biết đó là con đực hay cái thì không có tội. Nếu đi đò ngang thì không có tội. Ngoài ra, nếu có nhân duyên thì được đi đò xuôi, ngược dòng sông.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà đi xe, đò thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Chưa đủ, không Yết-ma,
Hòa thượng không dạy bảo.
Đệ tử không theo hầu,
Hằng năm nuôi đệ tử.
Cách đêm thọ Cụ túc
Có chuyện, không đưa đi.
Chê trách, hứa thọ giới,
Đi xe thuyền cuối cùng
Hết phần thứ mười một"

*

112. KHÔNG BỆNH MÀ ĐỘI DÙ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đội dù, mang giày đi đến nhà bà con, bị người đời chê bai rằng: "Vì sao Samôn ni mà giống như người thế tục, còn đa dục đến như thế?."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm dù, mang giày.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có những cô gái của họ Thích họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay đã xuất gia, đi đường gặp lúc trời nóng bức rất là cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi bệnh (được đội dù)."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà cầm dù, mang giày thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Bệnh: Nếu bị già yếu, bệnh hoạn, khiêng chân mà mang giày thì Thế Tôn nói là không có tội.

Ô dù: Như ô dù làm bằng vỏ cây, bằng đa-lê, bằng tre, bằng ma-lâu, bằng lá cây, bằng vải, đại loại các thứ dù tương tự như thế.

Giày: Loại giày một lớp, hai lớp.

Cầm: Nếu sử dụng thì phạm tội Ba-dạ-đề .

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu cầm dù mà không mang giày thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mang giày mà không cầm dù cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng cả hai thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm dù đẹp đẽ, mang giày hai lớp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói **(538b)** (như trên).

*

113. GIỚI: NẰM GIƯỜNG CAO QUÁ MỨC ĐỘ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tì-lê đi đến nhà bà con, trải hai, ba lớp nệm trên chiếc giường Khư-trù-la cao nghệu mà ngồi, bị người đời và ngoại đạo chê bai rằng: "Vì sao Sa-môn ni đã xuất gia mà còn giống như người thế tục, đa dục đến như thế?."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi ngồi trên giường Khư-trù-la cao quá mức độ như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi hoặc nằm trên giường nệm Khư-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Quá mức độ: Cao hơn 8 ngón tay.

Giường nệm Khư-trù-la: Khư-trù-la gồm có 14 loại, cho đến giường Băng-cầu-la, Khư-trù-băng-cầu-la, nếu ngồi hay nằm trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu ngồi suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đã đứng lên rồi, ngồi xuống lại thì cứ mỗi lần ngồi

lại phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giường cao quá mức độ thì được chôn chân giường xuống (cho ngang mức độ) mà ngồi.

Nếu Tỳ-kheo ngồi giường Khư-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

114. CÙNG NẰM CHUNG MỘT GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni cùng ngủ chung trên một giường, một chõng, mền gối bị rách nát, giường chõng bị hỏng hóc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni trải giường nệm ra cùng nằm chung thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Trải: Cùng một chõng, một giường, một mùng.

Giường: Gồm có 14 loại, thậm chí nếu nằm trên giường Chi-lan thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được nằm chung một giường mà nên nằm mỗi người một giường. Nếu giường ba chỗ ngồi thì được nằm hai người nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu tấm nệm vuông thì ba tấm được dùng cho hai người nằm, nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu trải dưới đất thì không được dùng cho nhiều người mà nên nằm cách nhau chừng một cánh tay dang ra. Nếu tọa cụ thì nên tự trải ra mà ngồi. Khi trời lạnh thì ở trên **(538c)** được phủ chung một tấm màn còn ở dưới mỗi người tự đắp mền riêng thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng nằm chung một giường thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

115. RA ĐI KHÔNG TRẢ LẠI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận phòng của Tăng rồi đóng cửa mà ra đi. Sau đó có Tỳ-kheo-ni khách là Thượng tọa đến, theo thứ tự nhận phòng, thấy cửa phòng đóng, than phiền rằng: "Đây là phòng ốc của Tăng vì sao lại đóng cửa rồi ra đi?."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Thế rồi, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao phòng của Tăng mà ngươi nhận rồi không trả, lại đóng cửa rồi ra đi? Từ nay về sau không được làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả phòng giường nệm của Tăng mà ra đi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Giường nệm của Tăng: Như giường nằm, giường ngồi, gối nệm và câu chấp.

Không xả: Không trả lại, không thưa mà bỏ đi nơi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi đâu thì phải trả lại giường nệm, nói với người trông coi giường nệm biết rồi mới đi. Nếu không trả lại mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như phòng không bỏ trống, sau đó có người khác ở, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

116. VÀO CHỖ TĂNG KHÔNG THƯA TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ không nói trước mà đột nhiên đi vào phòng Tỳ-kheo cha của Kiệt-trụ, rồi xoa sau lưng. Vị này quay lại nhìn thấy, liền kêu lên:
– Đừng, đừng! Hãy xa tôi ra!

Ngày trước tôi thường tắm rửa cho ông, nay tôi chỉ xoa một tí thì có gì mà kêu vang.

Ngày xưa tôi là người thế tục, nay đã xuất gia không được làm như trước nữa.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không thưa trước mà đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bạch trước mà đi vào Tăng-già-lam của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tăng-già-lam của Tỳ-kheo: Ít nhất là chỗ ở của một Tỳ-kheo.

Không bạch trước: Không nói trước, không gọi mà tự động vào như Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi vào trú xứ của Tỳ-kheo thì phải **(539a)** đến đứng trước cửa phòng bạch rằng: "Kính chào, Tỳ-kheo-ni (mỗ giáp) xin vào gặp, mong được sự cho phép." Khi ấy, Tỳ-kheo phải cân nhắc, nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy hiền thiện mà mình đang rỗi rảnh, đã khoác sẵn y phục, thì cho phép vào. Nếu mình đang có việc, hoặc đang làm đất hay đang ở trần thì nên nói: "Này chị em, hãy đứng chờ một tí", rồi xướng rằng: "Này các Trưởng lão, Tỳ-kheo-ni muốn vào, các vị hãy mặc y phục." Nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy bất thiện, không có oai nghi thì nên nói: "Cô đừng vào, Tăng đang có việc."

Nếu không nói trước mà đi vào lần đầu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi đến lần sau thì không có tội. Nếu không bạch mà đi vào thì khi dở lên một chân phạm tội Việt-tỳ-ni, dở lên cả hai chân phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi trở ra thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước mà đi vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi muốn vào nên đến đứng trước cửa phòng

bảo tịnh nhân nữ thông báo (rồi mới vào). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

117. TRÚ NGỤ NHÀ THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi đường gặp lúc hoàng hôn muốn vào trong thôn xin chỗ trú ngụ, bèn đến một nhà kia nói với người phụ nữ:

Xin cho tôi nghỉ tạm một đêm.

Chồng tôi đi vắng có thể chiều tối sẽ trở về.

Tỳ-kheo-ni cứ tiếp tục nài nỉ xin trú ngụ. Người phụ nữ nói: "Nếu chồng tôi không về thì cô có thể tạm nghỉ một đêm." Thế là bà ta cho nghỉ. Đến lúc chiều tối, ông chồng trở về, do kiết sử sai khiến, ông bèn giao hoan với bà vợ. Tỳ-kheo-ni này vì chưa ly dục nên nghe tiếng hai vợ chồng giao hoan lòng không vui, đến khi trở về Tinh xá, liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi biết thực gia dâm xứ mà vẫn trú ngụ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni đi đường đến lúc chiều tối bèn vào trong thôn tìm khắp nơi mà không có những nhà không có đàn ông, đành phải nghỉ tạm bên đường hẻm. Thế rồi vào lúc đêm khuya có mưa to gió dữ nổi lên, bị bọn thanh niên đến xâm phạm làm tổn thương phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối

cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, trừ lúc khác (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia dâm xứ mà trú ngụ – trừ lúc khác – thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Lúc khác: Tức là lúc gió, lúc mưa, lúc bị đe dọa mất mạng, lúc phạm hạnh bị tổn thương; đó gọi là lúc khác.

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thực phẩm của người nam, người nam là thực phẩm của người nữ.

Gia: Tức gia tộc bốn chủng tánh.

Dâm xứ: Phòng ngủ của vợ chồng. Nếu Tỳ-kheo-ni trú ngụ nơi ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoại trừ khi khác thì đức Thế Tôn nói là không có tội. Khi khác tức là khi gió, khi mưa, khi bị mất mạng, (**539b**). Khi nghi ngờ bọn con trai làm tổn thương phạm hạnh; đó gọi là khi khác. Không được đã biết nơi đó là thực gia dâm xứ mà vẫn trú ngụ. Nếu nghi ngờ trong thôn có bọn con trai phóng đãng vì sợ bọn chúng mà trú ngụ thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

118. ĐI XA KHÔNG CÓ BẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni ở Tỳ-xá-ly an cư xong, muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, bèn đến Tinh xá Tỳ-kheo, chào:

Kính chào tôn giả! Con nghe nói tôn giả muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, có đúng thế không?

Cô hỏi để làm gì?

Con muốn đi theo.

Đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.

Ngày nào khởi hành vậy?

Ngày mỗ.

Thế là các Tỳ-kheo-ni ghi nhớ ngày ấy, về chuẩn bị y bát rồi đúng ngày đến đứng chờ bên đường. Đến ngày ấy, các Tỳ-kheo ăn xong rồi lên đường. Khi trông thấy các Tỳ-kheo-ni bèn bảo nhau: "Các Tỳ-kheo-ni muốn đi theo chúng ta, chúng ta hãy đi nhanh lên." Khi ấy, các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi thì vội vã chạy theo, còn những người già bệnh, nhạc sĩ không theo kịp, lạc lại đàng sau, nên bị bọn cướp lột hết đồ đạc.

Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Tại sao không có khách buôn làm bạn mà ngươi dám đi đường đến nước khác xa xôi? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không có khách buôn làm bạn mà đi đến nước khác xa xôi thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Không có bạn: Không có khách buôn làm bạn.

Nước khác: Một vương quốc khác. Nếu đi đến đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Khi Tỳ-kheo-ni muốn đi thì trước hết nên tìm thương nhân làm bạn. Nếu người ấy nói: "Thánh giả cứ đến đây, tôi sẽ sắp đặt để cho cô đi", thì nên xem xét người ấy. Nếu họ nói nghe hay ho mà trông họ không tốt, thì không nên đi theo, mà nên tìm những người tốt có đem theo vợ và con gái để cùng đi chung.

Nếu lúc ra đi gấp gáp không xem xét kỹ được đến giữa đường mới phát giác được thực hư, thì không được rời bỏ họ ngay lập tức mà phải đợi đến gần thôn xóm mới rời bỏ họ mà đi. Nếu họ hỏi: "Cô định đi đâu vậy?", thì nên đáp: "Tôi đi khất thực."

Nếu Tỳ-kheo-ni không làm bạn với thương nhân trong khi đi đường thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi đến nơi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có thương nhân làm bạn mà đi đường xa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

119. DU NGOẠN THẮNG CẢNH

(539c) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi với phụ nữ đến tham quan các khu vườn, hồ nước. Thế rồi, các phụ nữ đến bên hồ nước để ăn uống, còn Tỳ-kheo-ni thì vào trong thôn xóm để tham quan. Khi ấy, bỗng có các thanh niên từ trong rừng đi ra, quấy nhiễu Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến vườn, khu rừng, nơi hoang vắng trong lãnh thổ (quốc gia) để ngắm cảnh, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Trong lãnh thổ: Trong đất nước của một vì vua.

Vườn: Như vườn Am-bà-la cho đến vườn A-đề-mục-đa.

Khu rừng: Tức những khu rừng trồng cây.

Nơi hoang vắng: Tức những nơi không có nhà cửa. Nếu tham quan những nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi tham quan khu vườn, rừng, nơi hoang vắng, thì khi ra đi phạm tội Việt-tỳ-ni, lúc đến nơi phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đàn việt nữ giới mời đi với họ thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì ham vui mà đi tham quan vườn, rừng, nơi hoang vắng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

120. NGỒI VỚI TỲ-KHEO Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy người vợ cũ của Ưu-đà-di là Tỳ-kheo-ni Tu-xà-đề nói với thầy rằng: "Tôn giả, ngày mai tôi giữ phòng, tôn giả có thể đến thăm." Bấy giờ, tất cả Tỳ-kheo-ni đều vào thôn xóm khất thực, thì Ưu-đà-di khoác y, cầm bát đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Thế rồi, hai người ngồi chồm hổm ở phòng sau, để lộ bộ phận sinh dục, nhìn nhau với lòng đầy dục vọng. Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni già bệnh từ trong phòng bước ra để đi tiểu tiện, thấy thế rất xấu hổ, liền bước nhanh qua; rồi đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni

ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu" (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình với một Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Một mình: Chỉ có một Tỳ-kheo, ngoài ra không có ai khác. Giả sử có người mà người ấy ngủ, hoặc say, hoặc điên cuồng, hoặc bị bệnh tâm thần, hoặc trẻ con đang kêu khóc, hoặc phi nhân, súc sinh thì cũng được xem là chỉ có một mình.

Nơi vắng vẻ: Chỗ khuất vắng không có người.

Ngồi: Nếu cùng ngồi với nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với một Tỳ-kheo suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu nửa chừng đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình trong phòng, rồi đột nhiên có Tỳ-kheo đi đến, vào ngồi, thì Tỳ-kheo-ni nên nhanh chóng đứng dậy. Nhưng muốn đứng lên thì nên nói trước đừng để Tỳ-kheo lấy làm ngạc nhiên. Nếu Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao mà đứng", thì hãy đáp: "Vì Thế Tôn chế giới không cho phép con ngồi một mình với Tỳ-kheo."

Nếu ngồi một mình với đứa bé trai dưới 7 tuổi cũng phạm. Thế thì khoảng thời gian ngồi đó là bao lâu? – (540a) Khoảng thời gian đó bằng khoảnh khắc lấy thức ăn cho người xuất gia. Nhưng nếu có tịnh nhân làm việc đi lại vào ra không gián đoạn thì ngồi không có tội. Hoặc là cửa phòng hướng ra ngoài đường, mà trên đường có người đi lại không gián đoạn cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi lại gián đoạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đang ngủ thì phải búng ngón tay đánh thức họ dậy. Nếu mình ở trên gác mà người dưới gác nhìn thấy, hoặc mình ở dưới gác mà

người ở trên gác nhìn thấy, ba người luôn luôn nhìn thấy nhau thì không có tội.

Lại có các trường hợp: Thấy mà không nghe; hoặc nghe mà không thấy; vừa thấy vừa nghe; vừa không nghe, không thấy.

Thấy mà không nghe: Từ xa trông thấy Tỳ-kheo ngồi với Tỳ-kheo-ni mà không nghe tiếng nói.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không nhìn thấy.

Đại loại hai trường hợp sau cũng thế. Nếu thấy mà không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nghe mà không thấy cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vừa thấy, vừa nghe thì không có tội. Nếu không thấy, không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tội này bao gồm các trường hợp: ở xóm làng; ở a-luyện-nhã; ban ngày; ban đêm; lúc đúng thời; lúc phi thời; ở chỗ che khuất chứ không phải ở chỗ trống trải, chỉ có một người chứ không phải nhiều người; ở gần nhau chứ không phải ở cách xa nhau. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

121. NGỒI VỚI NAM GIỚI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, ngồi với anh em, chị em, trẻ con ở chỗ che khuất; Tỳ-kheo-ni khác thấy thế trách cứ rằng: "Vì sao người xuất gia mà ngồi chung với người thế tục ở chỗ kín đáo giống như người đời vậy?" Rồi cô đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi với nam tử ở chỗ kín đáo (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với nam giới ở chỗ che khuất thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Cầm dù, ngồi giường cao,
Cùng trải giường, không bỏ.
Không bạch, nghỉ chỗ dâm,
Không bạn, đi tham quan.
Cùng ngồi với Tỳ-kheo
Cũng như với nam giới.
Hết phần thứ mười hai."

*

122. ÔM ĐÀN ÔNG VÀO MÌNH MÀ THỦ THỈ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, đưa tay ra kéo anh em, chị em, trẻ con vào đứng gần bên mình rồi rỉ tai. Kẻ đầy tớ thấy thế hiềm nghi, nói: "Người xuất gia này đang nói thì thầm, chắc là nói về lỗi lầm của ta."

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đưa tay ra kéo nam tử vào đứng sát bên mình, rồi nói rỉ tai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Đưa tay ra kéo vào bên mình: Đưa tay ra kéo vào đứng gần kề bên.

(540b) Nói rỉ tai: Nếu nói thì thầm bên tai nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni không được đưa tay ra kéo nam tử vào đứng kề bên mình rồi nói chuyện, hoặc nói thì thầm. Nếu muốn nói chuyện thì phải đứng cách xa ngoài tầm tay. Nếu muốn bàn luận chuyện bí mật thì phải đứng cách hàng rào, cách bức tường, cách gốc cây hoặc cách bức màn. Nếu Tỳ-kheo-ni (nói rỉ tai với người khác) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đưa tay ra kéo người nữ vào đứng kề bên mình, nói chuyện thì thầm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

123. ĐI VÀO CHỖ TỐI CÓ ĐÀN ÔNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con; không nói trước mà đột nhiên đi vào chỗ anh em, chị em, trẻ con đang ngồi trong bóng tối không có đèn, khiến những người bà con sững sờ hổ thẹn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, cô đáp với đức Phật:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Chỗ nam tử đang ngồi: Chỗ mà họ thường nằm ngủ.

Chỗ tối: Chỗ không nhìn thấy nhau.

Không có đèn: Không có đèn dầu và các loại đèn khác. Nếu đi vào nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được vào chỗ tối mà nam tử đang ngồi. Nếu có nhân duyên cần vào mà nghe những người ở trong đó đang nói năng lớn tiếng thì nên vào. Nếu không nghe tiếng nói thì trước hết nên sai người báo tin, hoặc gảy ngón tay, hoặc đốt đèn sáng cho thấy hình người, rồi có người gọi vào thì mới được vào. Nếu không báo trước, không gảy ngón tay, không đốt đèn sáng mà vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không báo tin trước mà vào thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

124. XEM TRÌNH DIỄN VĂN NGHỆ

Khi Phật an trú tại thành Vương-Xá, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi đến trước chỗ tụ điểm ca nhạc chiếm chỗ ngồi xem. Khi bọn kỹ nhi trình diễn thì họ cất tiếng cười lớn, khiến mọi người bắt chước cười theo. Đến lúc mọi người cười thì họ lại im lặng tựa như người đang ngồi thiền. Đợi khi mọi người không cười nữa thì họ mới vỗ tay cười ầm lên. Do thế dân chúng bỏ các kỹ nhi mà nhìn Tỳ-kheo-ni. Vì vậy, bọn kỹ nhi không thu tiền được, nổi giận trách móc: "Vì bọn Sa-môn ni này mà chúng ta không thu tiền được."

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi thì họ đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi xem ca nhạc? Từ nay về sau, Ta không cho phép xem ca nhạc.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xem trình diễn ca nhạc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Ca nhạc: Trình diễn các loại như: múa, ca, đánh xập xõa, đánh trống, ít nhất là xem 4 người (540c) trình diễn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; không được xem ca nhạc. Nếu Tỳ-kheo-ni đi khất thực mà gặp vua, phu nhân của vua xuất hành có nghi vệ ca nhạc rồi mình trông thấy thì không có tội. Thế nhưng, nếu mình đang ở chỗ thấp mà cố y leo lên chỗ cao để nhìn xem thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đàn việt muốn cúng dường Phật, nên sắm các thứ kỹ nhạc, nghiền hương, kết vòng hoa, rồi nói với Tỳ-kheo-ni: "Thưa thánh giả, hãy giúp tôi bày biện các vật cúng dường này", thì khi ấy, mình được làm giúp họ. Nếu ở tại đó nghe tiếng nhạc mà mình có ý thích thú thì hãy bỏ đi.

Nếu Tỳ-kheo xem ca nhạc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

125. KHI CHÚNG TRANH CHẤP MÀ KHÔNG DẬP TẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trong các Tỳ-kheo-ni có sự tranh chấp sống không hòa hợp. Bấy giờ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đang làm thủ chúng mà trong Tăng có sự tranh chấp khởi lên thì không thể dập tắt, còn những việc chưa phát khởi thì không thể ngăn chặn cho nó đừng sinh khởi. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc

ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đến. Khi Ni sư tới rồi, Phật liền hỏi:

Này Cù-đàm-di, bà có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao sự tranh chấp phát sinh mà bà không dập tắt, còn những chuyện chưa phát sinh thì không tìm phương tiện ngăn chặn đừng cho sinh khởi? Từ nay về sau, khi có sự tranh chấp thì phải dập tắt.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối sống không hòa hợp mà vị thủ chúng không dàn xếp dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Tranh cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Chống đối: Hai bên tranh thắng bại, sống không hòa hợp, rồi nói với nhau như: đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; có tội, không có tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trị phạt, tội không thể trị phạt; tội có dư tàn, tội không có dư tàn; Yết-ma đúng pháp, Yết-ma phi pháp; Yết-ma hòa hợp, Yết-ma không hòa hợp; nên làm Yết-ma, không nên làm Yết-ma; Yết-ma đúng chỗ, Yết-ma không đúng chỗ.

Thủ chúng: Vị đứng đầu của chúng làm mẫu mực cho mọi người noi theo.

Không dàn xếp dập tắt: Nếu tự mình không dập tắt hoặc sai người khác dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Khi các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối nhau sống không hòa hợp, thì không được để yên như thế mà nhìn, mà phải tìm cách dập tắt, bảo họ sám hối lẫn nhau. Nếu sự việc không đình chỉ được cần phải làm Yết-ma, thì nên tập hợp Tăng để giải quyết. Nếu bản thân mình không đủ khả năng thì nên mời những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có đức độ trong các chúng khác đến dập tắt. Nếu sự tranh cãi khó giải quyết thì nên suy nghĩ: "Đó là do hạnh nghiệp của chúng sinh đang diễn tiến, hãy đợi (541a) thời gian chín muồi, tự nó sẽ kết thúc." Nếu suy nghĩ như thế thì không có tội.

Nếu các Tỳ-kheo tranh cãi chống đối nhau mà vị thủ chúng không tìm cách dập tắt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

126. BẢO PHỤ NỮ THOA HƯƠNG KỲ CỌ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con xem họ tắm gội. Các phụ nữ nói với cô: "Để tôi kỳ cọ thân thể cho thánh giả đặng kiếm chút công đức." Vì thân thể của Tỳ-kheo-ni này đoan chính nên các phụ nữ muốn xem cho biết. Thế là cô đồng ý để họ kỳ cọ. Họ bèn dùng các thứ hương dầu bôi vào thân cô. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế chê trách rằng: "Người xuất gia mà còn nhiều tham dục như thế!."

Do đó, các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi bảo những phụ nữ thế tục kỳ cọ thân thể? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục bôi dầu, hương thơm, kỳ cọ thân thể để tắm gội – trừ khi bệnh – thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Phụ nữ thế tục: Những phụ nữ thuộc bốn chủng tộc.

Kỳ cọ để tắm gội: Dùng các thứ dầu, hương thơm bôi vào mình rồi kỳ cọ. Nhưng nếu vì già bệnh thì không có tội. Còn nếu như không có bệnh mà bảo họ kỳ cọ tắm gội thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu thân thể bị ghẻ lở thì được dùng thuốc bôi lên rồi tắm rửa. Nếu bị bệnh nhiệt thì được dùng đậu xanh giã nát rồi bôi lên. Nếu bị bệnh phong thì được dùng bột gạo lứt bôi lên. Nếu bị các chứng bệnh tạp thì được dùng các loại thuốc gia truyền bôi lên, không có tội. Nhưng sau khi bôi thuốc, không được ở trong chúng mà nên ở trong phòng bên cạnh, đến khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo người thế tục kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

127. BẢO TỲ-KHEO-NI TẮM CHO MÌNH

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục kỳ cọ tắm rửa, thì Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la bèn sai Tỳ-kheo-ni kỳ cọ cho mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Tỳ-kheo-ni khác kỳ cọ tắm gội cho mình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu xoa bóp mà không kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu kỳ cọ mà không xoa bóp cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo Tỳ-kheo khác xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

128. GIỚI: BẢO SA-DI-NI TẮM CHO MÌNH

Đối với Sa-di-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Sa-di-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Sa-di-ni: Theo Phật xuất gia, thọ 10 giới.

Bảo xoa bóp kỳ cọ: Như trong phần Tỳ-kheo-ni đã nói.

*

129. BẢO THỨC-XOA-MA-NI TẮM CHO MÌNH

(541b) Đối với Thức-xoa-ma-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Thức-xoa-ma-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Thức-xoa-ma-ni: Tùy thuận làm 18 việc và học giới trong hai năm.

Sai xoa bóp kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni ở trên đã nói.

*

130. SAI PHỤ NỮ TẮM CHO MÌNH

Đối với phụ nữ thế tục cũng như vậy. Thế nên, đức Thế Tôn dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà sai phụ nữ thế tục xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Phụ nữ thế tục: Tức phụ nữ trong các gia đình thuộc bốn chủng tánh.

Xoa bóp, kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni đã nói.

*

131. KHÔNG TÔN TRỌNG LỄ BỐ-TÁT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Tăng tập hợp định làm Yết-ma Bố-tát thì Tỳ-kheo-ni Thọ-đề không đến, Tăng bèn sai sứ giả đi gọi:

Thưa thánh giả, Tỳ-kheo-ni Tăng tập hợp định làm Yết-ma Bố-tát, mời cô hãy đến.

Đức Thế Tôn chế giới nói rằng trong đời này hễ ai thanh tịnh thì được Bố-tát, ta thanh tịnh nên không cần phải đi đâu nữa.

Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật nói: "Ngươi không kính trọng Bố-tát thì ai kính trọng?" Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không tôn kính lễ Bố-tát thanh tịnh của mỗi nửa tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Thanh tịnh Bố-tát: Nếu ngày 14, 15 Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đi đến cung kính Bố-tát thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Bệnh: Nếu vì già yếu đau ốm uống thuốc hay lể đầu chảy máu uống sữa, thì phải gởi dục thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thanh tịnh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thanh tịnh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (kệ tóm tắt):

"Đưa tay vời, không đèn,
Ca nhạc, không dập tắt.
Hương dầu, Tỳ-kheo-ni,
Sa-di-ni, học giới.
Phụ nữ, không Bố-tát,
Hết phần thứ mười ba."

*

132. KHÔNG TÔN KÍNH TỲ-KHEO GIÁO HUẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trưởng lão Tỳ-kheo đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo không được đi giáo huấn. Thế là đến ngày giáo huấn, họ bàn nhau: "Chúng ta hãy đi giáo huấn." Rồi có người nói: "Đức Thế Tôn đã chế giới: Hễ không sai thì không được đi giáo huấn. Vậy chúng ta hãy ra ngoài cương giới đề cử lẫn nhau rồi đi." Thế rồi, họ ra ngoài cương giới đề cử lẫn nhau, rồi vào buổi sáng sớm khoác y đi đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, nói với Tỳ-kheo-ni: "**(541c)** Chị em hãy tập hợp tất cả lại, chúng tôi sẽ giáo huấn."

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni liền nhanh chóng tập hợp, nhưng các thiện Tỳ-kheo-ni thì không đến mà nói rằng: "Chúng tôi không nhận sự giáo huấn của những người không tuân thủ giới luật."

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng với nhóm sáu Tỳ-kheo-ni nói chuyện thế tục trong giây lát rồi giải tán. Thế rồi, trưởng lão Nan-đà khoác y, cầm bát đi đến Tinh xá, nói với Tỳ-kheo-ni: "Chị em hãy tập hợp Tăng lại, tôi sẽ giáo huấn." Lúc ấy, các thiện Tỳ-kheo-ni liền tập hợp đầy đủ, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến. Trưởng lão hỏi:

Tỳ-kheo-ni Tăng đã tập hợp chưa?

Chưa tập hợp.

Ai không tập hợp?

Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni.

Đoạn, trưởng lão bảo sai người đi gọi:

Các chị em hãy đến để tôi giáo huấn.

Chúng tôi không đến; vì đã thọ giáo huấn với nhóm các thánh giả rồi.

Như vậy là Tỳ-kheo-ni không hòa hợp.

Nói xong, trưởng lão liền ra về. Khi thầy đến Tinh xá, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

Ông giáo huấn sao nhanh thế?

Bạch Thế Tôn! Khi đến giờ, con khoác y đến đó để giáo huấn, các thiện Tỳ-kheo-ni đều tập hợp, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến; vì Tỳ-kheo-ni Tăng không hòa hợp nên con không thể giáo huấn.

Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến đây.

Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Vào mỗi nửa tháng Tăng giáo huấn mà Tỳ-kheo-ni không cung kính, không đến nghe, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Nửa tháng: Tức ngày 14 và ngày 15.

Tăng giáo huấn: Tức là giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nếu như không cung kính, không đến nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu vì già yếu bệnh hoạn uống thuốc, hoặc lể đầu chảy máu uống sữa thì nên gởi dục nói như sau: "Con là mỗ giáp xin gởi dục vì sự giáo huấn" (Nói như vậy ba lần).

Nếu không có bệnh mà không đến, hoặc có bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đến ngày Bố-tát, nên sai Tỳ-kheo-ni đem thỉnh nguyện đến chỗ Tăng nói như sau: "Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp, xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, hỏi về việc Bố-tát và thỉnh cầu giáo huấn" (Nói như vậy ba lần).

Khi ấy, trong chúng Tỳ-kheo Tăng nếu có người đi giáo huấn Ni thì nên đáp: "Này chị em, tôi sẽ đến."

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu 12 pháp thì nên làm Yết-ma sai đi giáo huấn; còn nếu như không có thì hãy nói: "Không có người đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nhưng Ni chúng chớ phóng dật." Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

133. BẢO NAM TỬ PHÁ UNG NHỌT

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề bị mụt nhọt mọc tại chỗ kín. Khi các Tỳ-kheo-ni vào thôn xóm khất thực hết thì có vị lương y chữa mụt nhọt đến, cô **(542a)** bèn bảo:

Thưa y sĩ, ông hãy phá giùm mụt nhọt cho tôi.

Có thể được.

Thế là vị thầy thuốc liền mổ ung nhọt, đắp thuốc vào rồi ra về. Khi các Tỳ-kheo-ni khất thực trở về, thấy dưới đất có máu mủ, bèn hỏi Thọ-đề:

Đây là máu mủ gì vậy?

Tôi phá ung nhọt đấy.

Vì sao cô có ung nhọt ở chỗ kín, không bạch với thiện Tỳ-kheo-ni mà lại phá?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, khi Phật hỏi, thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi có ung nhọt từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống mà không bạch xin phép trước mà lại phá? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có ung nhọt ở chỗ kín, từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống, không bạch xin phép trước mà để cho nam tử phá, tẩy rửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

Từ đầu gối trở lên: Tức là từ bắp vế trở lên.

Từ vai trở xuống: Tức là từ đôi nhũ hoa trở xuống.

Không bạch trước: Không bạch với thiện Tỳ-kheo-ni.

Xin phép: Làm Yết-ma cầu thính ở giữa Tăng. Khi ở chỗ kín có ung nhọt mà muốn phá thì trước hết nên làm Yết-ma cầu thính ở giữa Tăng (rồi mới phá). Người làm Yết-ma nên nói như sau:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Ở chỗ kín của Tỳ-kheo-ni mỗ giáp có ung nhọt. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo-ni mỗ giáp vào giữa Tăng xin pháp Yết-ma phá ung nhọt:

Xin thánh giả Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo-ni mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin pháp Yết-ma phá ung nhọt, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Nếu ở chỗ kín có ung nhọt thì nên bảo người đáng tin cậy, hoặc đệ tử y chỉ, hoặc bạn đồng Hòa thượng, A-xà-lê dùng kim hay móng tay để phá rồi rịt thuốc vào. Nếu bảo nam tử phá ung nhọt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu bị mụt nhọt từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống mà muốn phá, hoặc muốn lể đầu chảy máu hay muốn lể cánh tay, thì nên sai phụ nữ nắm chặt nơi ấy để cho nam tử phá, thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

Hết quyển thứ ba mươi chín

LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ
(MAHĀSAṄGHIKA)

No. 1425

QUYỂN 40

BA-DẠ-ĐỀ
(tiếp theo)

134. DU HÀNH TRONG LÚC AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy đang mùa An cư, Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận giường nệm của Tăng xong rồi bỏ đi du hành. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di. Cuối cùng, Phật hỏi rồi cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao trong lúc an cư mà ngươi du hành? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni du hành trong lúc an cư thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

An cư: Tức là Tiền An cư và Hậu An cư.

Du hành: Ít nhất là đi đến trú ngụ trong thôn xóm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu trong lúc An cư mà Tỳ-kheo-ni rời khỏi cương giới một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu

vì nạn vua, hoặc bọn giặc từ nơi khác đến, hoặc sợ bị mất mạng, hoặc sợ tổn thương phạm hạnh mà bỏ đi, thì không có tội.

Trong lúc An cư, nếu Tỳ-kheo-ni không làm Yết-ma cầu thính mà vì việc của tháp, của Tăng đi du hành (thì phạm tội Ba-dạ-đề). Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

135. AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni An cư tại thành Xá-vệ xong bèn đi đến nhà bà con của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la tại Tỳ-xá-ly. Những người bà con ấy hỏi:

Các cô An cư ở đâu vậy?

Ở thành Xá-vệ.

Tại thành Xá-vệ có những gì tốt đẹp không?

Rừng cây Kỳ hoàn, hoa trái sum sê, hồ nước trong mát, Tinh xá như thế đó, chỗ ở của Thế Tôn như thế đó, tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên như thế, cư sĩ Tu-đạt như thế.

Đấy thật là chân chính xuất gia. Còn Bạt-đà-la của tôi thì sinh ra nơi đây, trưởng thành tại đây, từ bé đến giờ chẳng chịu đi đâu, giống như người không có tay chân.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng cô đáp khi Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao An cư xong mà ngươi không du hành? Từ nay Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni An cư xong mà không du hành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ **Giải thích**

An cư xong: Tức hết ba tháng.

Không du hành: Ít nhất là không rời khỏi xóm làng để vân du thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Khi An cư xong mà không rời khỏi cương giới **(542c)** ít nhất là trong một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn không thể đi được thì không có tội. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

136. RỦ AN CƯ, SAU TRÁCH CỨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nói với Thọ-đề: "Chúng ta hãy an cư tại đây." Rồi cô đi đến nhà đàn việt ca ngợi: "Tỳ-kheo-ni Thọ-đề hiền thiện, giữ giới, bà nên cúng dường." Đúng là Thọ-đề có oai nghi đoan chính, cử động nhìn ngó không trái phép tắc, khiến đàn việt thấy thế sinh tâm hoan hỉ. Thế nhưng, sau đó, Thâu-lan-nan-đà lại trách móc làm não loạn Thọ-đề.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, cô đáp khi Phật hỏi:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Này thánh giả, chúng ta hãy An cư tại đây", nhưng sau đó trách cứ, xúc não thì phạm tội Ba-dạ-đề.

*

❖ Giải thích

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác rằng: "Chúng ta hãy An cư tại đây", nhưng trong lúc An cư lại tự mình dùng thân, miệng, hoặc sai người khác dùng thân miệng xúc não người kia, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu trường hợp người đó không giữ giới, sợ họ làm điều phi pháp nên đuổi đi, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni xúc não Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xúc não người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

137. NHIỄU LOẠN NGƯỜI AN CƯ TRƯỚC MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến ngày An cư thì Tỳ-kheo-ni Ca-lê bèn đi nơi khác. Đến khi thọ An cư xong, cô trở về thì phòng ốc đã được phân chia hoàn tất. Cô liền đến phòng cũ của mình đòi người đang ở trong phòng:

Đây là phòng của tôi, hãy trả lại cho tôi.

Tôi đã nhận rồi, cô không được đòi.

Thế là hai người gây lộn nhau. Lúc ấy có thiện Tỳ-kheo-ni gọi cô, nói: "Này thánh giả, hãy đến phòng này mà ở." Cô bèn đem những đồ lau nhà, củi, cỏ chất đống trong phòng. Vị Tỳ-kheo-ni ở trước liền nói:

Này thánh giả, đấy là những vật không cần dùng đừng để trong phòng.

Này hiền giả, ngươi mua căn phòng này chăng?

Căn phòng này của Tăng, theo thứ tự mà tôi nhận được.

Nếu căn phòng này của Tăng thì tại sao tôi lại không chất đồ được?

Thế là cô dùng thân miệng nhiễu loạn người kia.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi, cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết người khác đã an cư trước mà sau đó đến nhiễu loạn? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác đã an cư trước, rồi sau đó mình đến tự nhiễu loạn hoặc sai người khác nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Biết người khác đã an cư trước: Tức là Tiền An cư và Hậu An cư.

Nhiễu loạn: Nếu tự mình dùng thân miệng, hoặc sai người dùng thân miệng nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiễu loạn Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề, nhiễu loạn Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cuối cùng, (543a) nếu nhiễu loạn người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

138. ĐỔ ĐỒ BẤT TỊNH KHÔNG COI TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni không xem trước bên ngoài tường mà đem đổ đồ đại tiểu tiện, không ngờ ngay khi ấy có người Bà-la-môn vừa mới tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới đang đi trên con đường hẻm, bị phẩn uế đổ nhằm trên đầu. Ông Bà-la-môn liền nổi giận mắng: "Bọn Sa-môn ni con của nhiều người làm bẩn ta như thế này đây!."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đi đến bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không chịu xem kỹ trước mà đổ đồ bất tịnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni không xem trước ngoài bờ tường mà đổ đồ bất tịnh ra ngoài, thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Ngoài bờ tường: Ngoài hàng rào bờ tường.

Đổ đồ bất tịnh: Như đại tiểu tiện, đàm dãi, rác rưởi và nước rửa tay chân, tóc, móng tay, v.v...

Không xem: Không xem trước mà đổ. Khi muốn đổ vật gì thì phải xem kỹ trước, nếu có nhiều người đi thì phải chờ lúc vắng người rồi mới đổ. Nếu người đi thưa thớt thì phải khảy móng tay rồi mới đổ. Nếu không xem, không khảy móng tay mà đổ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không xem mà đổ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

139. ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ TƯƠI

140. ĐẠI TIỂU TIỆN TRONG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc không cấm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni vào chơi trong hoa viên, hồ nước ở phía Đông. Do thế, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào trong hoa viên ấy nói những chuyện thế tục, đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, rồi hái lá sen gói đồ bất tịnh (phân) bỏ vào trong hồ nước. Sáng sớm, vua Ba-tư-nặc cùng hậu cung phu nhân đi đến hoa viên, hồ nước để du ngoạn. Vì bọn cung nữ bị cấm cung lâu ngày không được ra ngoài, giờ đây mới được du ngoạn nên rất phấn khởi thích chí, ai nấy đều chiếm những đám cỏ tươi, nói: "Đây là bãi cỏ của tôi", rồi chạy lại nắm cỏ, liền bị bẩn tay. Thế là họ đến hồ nước để rửa, thì lại thấy có những gói lá trên hồ nước, bèn suy nghĩ: "Chắc là các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp du ngoạn nên họ gói những gói hương để tặng chúng ta đây", liền chạy đến giành lấy, nên bị bẩn tay. Họ bèn đến tâu với vua: "Đây là những thứ gì mà dơ bẩn thế này?." Vua liền gọi người giữ vườn đến hỏi:

Ai làm bẩn công viên này vậy?

Hôm qua, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào công viên tắm rửa, đùa giỡn rồi ra về, chứ không ai khác cả.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Đó là việc xấu." Cho đến: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề.***
>
> ***Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Cỏ (543b): Gồm tất cả mọi loại cỏ, nếu đại tiểu tiện trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vào mùa mưa, cỏ mọc phủ đất, thì nên

tìm chỗ không có cỏ mà đại tiểu tiện. Nếu không có chỗ đất trống thì nên đại tiện trên gạch, ngói, cây cỏ khô, trên phân trâu ngựa hay chỗ mà người ta đại tiện. Nếu cũng không có thì ít nhất tìm một khúc cây, đại tiện cho rơi trên khúc cây trước rồi mới rơi trên cỏ.

Nếu chỗ đi kinh hành có cỏ thì nên để một ống nhổ ở đầu đoạn đường đi kinh hành. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có 10 loại như trên đã nói. Nếu đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vào mùa mưa nước ngập tràn lan thì nên đại tiểu tiện trên chỗ cao. Nếu không có chỗ cao thì nên đại tiểu tiện trên gạch, đá, cây cỏ khô, trên phân bò, phân ngựa. Nếu cũng không có thì nên dùng cây, cỏ, cành để lót, đại tiểu tiện cho rơi trên cây cỏ trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu đào cầu tiêu mà ở dưới có nước chảy ra thì không được đi tiểu tiện trước trong đó; mà nên bảo tịnh nhân đại tiểu tiện trước, rồi Tỳ-kheo-ni mới đi sau. Nếu ở dưới cầu có dòng nước chảy thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu khi đi thuyền có cầu tiêu thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có tấm ván thì đặt một cành cây để khi đi cầu phân rơi trên cành cây trước, rồi mới rơi xuống nước sau. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

*

141. CHUYỂN LỢI CỦA TĂNG CHO MỘT NHÓM NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi du hành khuyến hóa, nói với người phụ nữ rằng: "Bà hãy cúng dường các thực phẩm để tôi sắm thức ăn cho các Tỳ-kheo." Người

phụ nữ bèn đưa thực phẩm, rồi dặn: "Đến ngày cúng dường, cô tin cho tôi biết để tôi đến nấu nướng." Thế rồi, họ mời tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, tôn giả La-hầu-la; đồng thời mời nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi sắp hai dãy ghế, một dãy dành cho Tỳ-kheo trưởng lão, một dãy dành cho nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi đến giờ, các trưởng lão Tỳ-kheo bèn khoác y cầm bát đi đến nhà thí chủ, ngồi theo thứ tự. Thế rồi, họ dọn cho tôn giả Xá-lợi-phất cơm gạo trắng, canh mông cự và các loại sữa. Cứ thế chuyển dần đến thức ăn thô. Họ dọn cho tôn giả Mục-liên cơm gạo thô, canh ma-sa, dầu, sữa. Còn các Tỳ-kheo khác thì dọn cơm gạo đỏ, canh ma-sa, hoặc có chỗ thì có cơm mà không có canh, hoặc có canh mà không có cơm. Cuối cùng, đến tôn giả La-vân, họ dọn cơm gạo đỏ, canh rau tạp. Khi những phụ nữ bưng các thức ăn ngon lên hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni rằng: "Dọn những thứ này cho ai?", thì các Tỳ-kheo-ni ấy bèn dùng thân mình che các trưởng lão Tỳ-kheo mà chỉ nhóm sáu Tỳ-kheo, bảo dọn cơm trắng canh ngon, các món sữa; đồng thời **(543c)** tự tay mình bưng dọn phủ phê.

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất:

Này Xá-lợi-phất, được ăn các thức ngon đầy đủ không?

Đã ăn rồi, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi ba lần như vậy thì thầy cũng đều đáp giống nhau. Phật lại hỏi từng trưởng lão Tỳ-kheo như vậy, họ cũng đều đáp giống y như thế. Cuối cùng, Phật hỏi La-vân:

Vì sao mà trông sắc diện, sức lực của ông có vẻ không đầy đủ? Có được ăn những thức ngon no nê không?

Bạch Thế Tôn! Ăn dầu thì có sức lực, ăn sữa thì có sắc diện, còn ăn canh rau thì không có sắc diện, sức lực.

Đoạn, Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

Các ông có được ăn ngon không?

Bạch Thế Tôn! Chúng con được cơm gạo trắng, canh ngon, các món sữa và những thức ăn ngon lành đều do các chị em có niềm tin ân cần dâng cúng.

Người ngồi trên hết (Thượng tọa) là ai vậy?

Là tôn giả Xá-lợi-phất.

Phật liền hỏi Xá-lợi-phất:

Ông có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đây là cách ăn phi pháp. Vì sao ông ngồi nhìn Tỳ-kheo Tăng bị nhiễu loạn mà vẫn giữ thái độ thản nhiên?

Nếu Thế Tôn dạy rằng đó là bữa ăn phi pháp thì dù trải qua một kiếp hay hơn một kiếp cũng không tiêu hóa được.

Thế là tôn giả bèn dùng chiếc lông chim ngoáy vào yết hầu cho mửa thức ăn ra. Đồng thời, khi ấy Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

Các ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi biết đó là lợi ích của cả chúng mà lại xoay về cho một nhóm người? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

> ***Nếu Tỳ-kheo-ni biết đó là lợi ích của cả chúng mà xoay về cho một nhóm người thì phạm tội Ba-dạ-đề.***

*

❖ Giải thích

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết.

Chúng: Tức là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni.

Lợi: Gồm có 8 thứ sau đây: Thuốc dùng đúng lúc, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng trong bảy ngày, thuốc dùng trọn đời, vật tùy thân, vật nặng, vật bất tịnh, vật vừa tịnh vừa bất tịnh.

Xoay về: Nếu vật ấy thí chủ đã định cúng chỗ này mà xoay xở để họ cúng chỗ khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến hỏi: "Tôi muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Tùy theo ý ông, thích cúng dường nơi nào thì cúng dường nơi ấy." Nếu họ hỏi: "Ở đâu có công đức lớn?", thì nên đáp: "Cúng dường cho Tăng." Nếu họ hỏi: "Ở đâu có chúng Tăng giữ giới tinh nghiêm?", thì nên đáp: "Không có chúng Tăng nào lại phạm giới cả." Nếu họ hỏi: "Ở đâu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giữ giới, ít việc, ngồi thiền, tụng kinh, ít đi vân du để tôi thường được thấy vật cúng dường này?", thì được nói: "Nên cúng dường cho mỗ giáp."

Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu biết họ định cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu họ định cúng cho nhóm người bà con này mà vận động họ cúng cho nhóm người bà con khác cũng phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vật họ định cúng cho người này mà vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo biết vật thí chủ định **(544a)** cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Giáo huấn, mụt chỗ kín,
Ngủ lang, không du hành.
An cư, sau trách cứ,
An cư rồi mới đến.
Cách tường vứt chất bẩn,
Cỏ, nước, xoay Tăng vật
Hết phần thứ mười bốn."

Trong 141 giới Ba-dạ-đề của Tỳ-kheo-ni thì 70 giới giống với giới của Tỳ-kheo còn 71 giới thì khác. Đến đây thuyết minh xong giới Ba-dạ-đề.

(Hết 141 giới Ba-dạ-đề)

*

ĐỀ-XÁ-NI

(Đề-xá-ni gồm có 8 giới,
ở đây trình bày tóm tắt nội dung chung cả tám giới)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Ngài nói với Đại-ái-đạo: "Một thuở nọ, Như Lai ở tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni hễ gặp cửa hàng sữa thì xin sữa, gặp cửa hàng dầu thì xin dầu, gặp cửa hàng mật thì xin mật, gặp cửa hàng đường phèn thì xin đường phèn, gặp cửa hàng thịt thì xin thịt, gặp cửa hàng cá thì xin cá, gặp cửa hàng sữa tươi thì xin sữa tươi, gặp cửa hàng sữa đông lạnh thì xin sữa đông lạnh về ăn, nên bị người đời chỉ trích rằng: "Vì sao Sa-môn Cù-đàm ca ngợi thiểu dục, đả kích đa dục.v.v..." (như trong nhân duyên của Tỳ-kheo đã nói rõ). Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cũng phải học như vậy.

Lại nữa, này Cù-đàm-di, một thuở nọ Ta đang sống ở tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, từng cho phép Tỳ-kheo có bệnh được xin thức ăn ngon."

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có bệnh mà vì muốn sướng thân, tự mình đến nhà bạch y xin sữa, hoặc sai người đi xin về để ăn hoặc uống, thì Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám

hối như sau: "Thưa thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối tội Ba-la-đề Đề-xá-ni này."

*

❖ Giải thích

Tám loại thực phẩm ngon: (1) Sữa đóng váng; (2) Dầu; (3) Mật; (4) Đường phèn; (5) Sữa tươi; (6) Sữa đông lạnh; (7) Cá; (8) Thịt.

Vì muốn sướng thân: Chỉ tự cung phụng cho thân mình.

Bệnh: Nếu bị bệnh mà dùng thì Thế Tôn nói là không có tội. Thế nào gọi là bệnh? – Như bị già yếu, hoặc lúc uống thuốc xổ, lể đầu chảy máu, đại loại các thứ bệnh như thế.

Nhà: Tức nhà của bốn chủng tánh.

Sữa đóng váng: Như sữa bò, sữa trâu, sữa dê.

Xin: Tư mình đi xin hoặc sai người đi xin.

Hoặc ăn hoặc uống: Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám hối như sau: "Thưa thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối với thánh giả." Vị chủ sám nên hỏi:

Cô có thấy tội này không?

Dạ thưa thấy.

Cô đừng có tái phạm nhé.

Xin cúi đầu vâng lệnh.

Ba-la-đề Đề-xá-ni: Tội này phải phát lồ, còn gọi là hối quá.

Nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh nhiệt cần sữa (544b) thì được phép xin; nhưng không được đến nhà không có niềm tin để xin, mà nên đến nhà có lòng tin để xin. Khi đi khất thực, thấy người bán sữa liền chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả muốn thứ gì?

Muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn, chỉ có sữa thôi, nếu cô cần sữa thì tôi cho.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát, đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho người khác.

Nếu gặp người bán dầu cũng được làm như vậy. Nếu bị bệnh phong cũng được xin dầu, nhưng không nên đến nhà ép dầu để xin, mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu đi khất thực mà thấy người bán dầu, thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả cần thứ gì?

Cần xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có dầu, nếu thánh giả cần, tôi sẽ cúng dường.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát không có tội. Khi ấy cũng được khuyên họ cúng cho bạn như mật, hoặc nước. Khi bị bệnh thì được xin mật; nhưng không được đến những nhà lấy mật để xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho bạn như là đường phèn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống nước đường phèn, thì được xin đường phèn; nhưng không được đến nhà làm đường phèn xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu khi đi khất thực mà thấy người cân đường phèn.v.v..., cho đến cũng được khuyên họ cúng cho bạn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa tươi, thì được xin sữa tươi. Nếu đi khất thực mà thấy nhà nuôi bò đang vắt sữa tươi, thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả có muốn thứ gì không?

Tôi muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa tươi, nếu thánh giả cần tôi sẽ cho.

Nếu như thế thì được lấy. Hoặc xin sữa đông lạnh mà họ nói không có sữa đông lạnh mà chỉ có sữa tươi, cũng được lấy.

Nếu bị bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa đông lạnh, thì được xin sữa đông lạnh.

Nếu khi đi khất thực mà thấy người đang đong sữa đông lạnh thì nên chào:

Lão trượng mạnh khỏe chứ?

Thánh giả có cần thứ gì không?

Tôi muốn xin thức ăn.

Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa đông lạnh.

Khi ấy mình được lấy. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng cho bạn. Nếu đi xin sữa đông lạnh đã biến chế thành nước mà họ cho sữa đông lạnh cũng được lấy.

Nếu Tỳ-kheo-ni uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo nên uống nước cá hầm, thì được xin cá. Nếu khi đi khất thực, xin sữa đông lạnh mà gặp cá thì cũng được nhận lấy.

Nếu khi lể đầu chảy máu, rồi thầy thuốc bảo nên ăn thịt, thì được xin thịt, nhưng không được đến nhà mổ thịt để xin mà nên đến nhà có lòng tin để xin.

Khi đi khất thực, xin nước rau, nếu thí chủ nói: "Không có nước rau mà chỉ có nước thịt", mà mình cần thì được lấy.

Nếu tự biết mình vào những lúc ấy thường phát sinh bệnh, mà lúc ấy tìm thuốc rất khó, thì được xin để dự trữ không có tội. Nhưng nếu lúc không bệnh mà xin rồi lúc có bệnh đem ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc có bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì không có tội. Lúc có bệnh xin, lúc có bệnh ăn cũng không có tội. Lúc không bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì phạm tội Ba-la-đề Đề-xá-ni.

Nếu **(544c)** không tùy theo bệnh mà nấu thức ăn rồi tùy theo bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tùy bệnh nấu thức ăn, rồi tùy bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu không tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn cũng không có tội; vì lẽ người xuất gia nhờ người khác mà sống còn. Thế nên đức Thế Tôn nói về tám thức ăn ngon: Sữa đóng váng, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa đông lạnh, thịt và cá.

Giới Ba-la-đề Đề-xá-ni của Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

Về Chúng học pháp, chỉ trừ việc nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi và trong nước, ngoài ra các giới khác hoàn toàn giống như giới của Tỳ-kheo mà ở trước đã nói rõ.

BẢY PHÁP DIỆT TRÁNH

Hiện tiền Tỳ-ni: Khi giải quyết việc tranh chấp phải có sự hiện diện của đương sự.

Ức niệm Tỳ-ni: Để can phạm nhớ lại những vi phạm của mình.

Bất si Tỳ-ni: Xác định can phạm hết bệnh cuồng si.

Tự ngôn Tỳ-ni: Cho can phạm đề nghị mức độ hình phạt đối với mình.

Mích tội tướng Tỳ-ni: Tìm những chứng cứ về tội phạm.

Đa mích Tỳ-ni: Giải quyết sự việc theo biểu quyết của đa số.

Bố thảo Tỳ-ni: Hai bên hòa giải như rải cỏ trên đất để dập tắt tranh chấp.

Pháp, tùy thuận pháp như trong phần của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Về phần khác nhau của giới bổn Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

*

NHỮNG PHÁP LINH TINH

PHÉP TẮC NGỒI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni ngồi kiết già vào đầu đêm, cuối đêm, bị một con rắn chui vào trong cửa mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nên đổ thứ thuốc mỗ giáp vào, con rắn không chết mà sẽ bò ra." Thế là họ đổ thứ thuốc ấy vào, con rắn liền chui ra. Phật liền quở trách Tỳ-kheo-ni ấy: "Vì sao ngươi ngồi xếp bằng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi như thế. Khi ngồi nên co lại một chân, dùng gót chân bịt vào chỗ cửa mình. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi xếp bằng thì phạm tội Việt-tỳ-ni."

*

PHÉP SỬ DỤNG CHIẾU ĐAN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trải chiếu đan ra ngồi để vá y, bị cật tre đâm vào đường tiểu tiện chảy máu. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni ngồi trên chiếu tre. Khi vá y, nên dùng giẻ lau sạch giảng đường hay phòng sưởi rồi trải y ra vá. Nếu không có chỗ thì nên trải y trên giường, trên đầu gối mà vá. Nếu ai ngồi trên chiếu tre thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng chiếu tre."

*

PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với nhiều phụ nữ khác ra sông A-kì-la cởi y phục rồi xuống tắm. Thế rồi, cô lên trước, lấy đồ trang sức thắt lưng của phụ nữ đeo vào lưng mình, rồi hỏi họ:

Xem tôi có đẹp không?

Chúng tôi là những người còn tham dục, nên dùng đai buộc để cho lưng có eo, hầu mong được chồng yêu chuộng, còn thánh giả (545a) dùng nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế, bèn đem việc ấy đến bạch đầy đủ với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, khi Phật hỏi, cô liền đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni buộc đai lưng. Nếu ai dùng đai lưng của phụ nữ để buộc lưng mình thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu có ung nhọt thì buộc đai lưng không có tội.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với các phụ nữ ra sông A-kì-la, cởi y phục để một chỗ rồi xuống nước tắm. Đoạn, cô lên bờ trước, mặc váy của phụ nữ vào, rồi hỏi họ:

Xem tôi mặc cái này có thích hợp không?

Tôi là người thế tục mặc cái này là muốn được chồng yêu thương, còn cô mặc nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc váy. Nếu váy được dùng các loại vỏ ốc, lưu ly, chân trâu, ngọc, vàng, bạc, ma ni trang điểm thì không được phép mặc. Ít nhất là nếu dùng vải sợi đóng váy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên âm hộ có mụt nhọt, nên phải bọc nó thì không có tội. Đó gọi là váy.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni (cho đến) xuống tắm rồi lên bờ trước, mặc trang phục của phụ nữ vào. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc trang phục phụ nữ. Những trang phục của phụ nữ như: Trên đầu chít khăn, trước trán treo những tua vàng, lỗ tai đeo vòng có nạm ngọc anh lạc, ngón tay đeo nhẫn, cổ tay, cổ chân đeo xuyến; đại loại tất cả các dụng cụ mà phụ nữ dùng để trang sức như thế đều không được đeo. Nếu ai đeo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nhưng, nếu trên mình có mụt nhọt phải rịt thuốc, rồi buộc những thứ kể trên thì không có tội. Đó gọi là những thứ trang sức của phụ nữ.

*

KHI ĐỘ XUẤT GIA PHẢI ĐỔI TRANG PHỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc bấy giờ Tỳ-kheo-ni độ những người phụ nữ thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa và những phụ nữ con nhà đại phú xuất gia, để họ mặc nguyên xi những trang phục thế tục. Khi ấy, con gái của những nhà nghèo lúc ra khỏi nhà và đi dự các lễ hội thường đến thuê những trang phục

ấy, nên bị người đời chê trách rằng: "Đây là kẻ cho thuê y phục, không phải phép tắc xuất gia."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, khi độ phụ nữ xuất gia không nên để họ mặc nguyên cả y phục thế tục, mà phải bảo họ cởi bỏ rồi mới độ. Phép xả bỏ như sau: Nếu phụ nữ đến xin xuất gia thì nên bảo họ cởi bỏ những trang phục thế tục. Nếu họ nghĩ rằng: "Có thể vào lúc ấy thóc gạo đắt đỏ, khất thực khó khăn hoặc là già bệnh cần đến thuốc men, mà phụ nữ thì khó được những vật cần thiết", thì nên để gởi ở nhà dân.

(545b) Nếu phụ nữ mặc trang phục thế tục đến mà để nguyên như vậy độ họ xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là để nguyên trang phục thế tục xuất gia.

*

KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DÂM NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, những phụ nữ con dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa, con nhà hào quí dẫn theo người hầu đoan chính xuất gia, rồi bảo người hầu bán thân cho người ngoài để giúp mình nuôi sống, nên bị người đời chê cười rằng: "Đấy không phải là người xuất gia mà là dâm nữ."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi nuôi dâm nữ để giúp mình nuôi sống? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi dâm nữ để giúp mình sinh sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dâm nữ.

*

KHÔNG ĐƯỢC BẢO NGƯỜI LÀM VƯỜN BÁN DÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn chế giới không cho nuôi dâm nữ thì Tỳ-kheo-ni lén nuôi phụ nữ làm vườn, rồi để họ tự bán thân để nuôi miệng, nên bị người đời chê trách rằng: "Đấy không phải là phép tắc xuất gia mà là dâm nữ."

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép lén nuôi phụ nữ làm vườn rồi bảo họ bán dâm để tự nuôi sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phụ nữ làm vườn.

*

CẦN PHẢI MẶC YẾM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi đoan chính nhũ hoa của cô rịn sữa, người đời thấy thế đều cười. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi, thì cô đáp:

Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau phải may yếm. Cách may yếm như trên đã nói. Trước hết nên mặc yếm che vú rồi mới mặc y khác. Nếu ai không sắm yếm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có mà không mặc cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là yếm (tăng-kì-chi).

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, như trong nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở trên đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: "Ta không cho phép tắm khỏa thân mà phải mặc áo khi tắm. Đồng thời không cho phép khỏa thân vào trong sông, trong hồ nước để tắm mà phải mặc áo tắm khi tắm. Nếu ai tắm khỏa thân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu tại chỗ vắng vẻ không có người thì tắm khỏa thân không có tội. Đó gọi là áo tắm.

Kệ tóm tắt:

"Phép ngồi, ngồi chiếu tre,
Thắt lưng và mặc váy
Mặc trang phục thế tục,
Độ người mặc đồ đời.
Người hầu, người làm vườn,
Sắm yếm và áo tắm.
Hết phần đầu linh tinh."

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG TAY VỖ VÀO ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chỗ ở của Tỳ-kheo-ni chỉ cách chỗ ở của người thế tục qua một bức tường. (545c) Vì dục tâm sinh khởi, Tỳ-kheo-ni bèn dùng tay vỗ vào âm hộ của mình. Khi ấy người chồng nghe tiếng liền hỏi vợ:

Đó là tiếng gì vậy?

Không hiểu vì sao mà có tiếng kêu như vậy?

Người xuất gia này tu phạm hạnh, dục tâm sinh khởi không tự kiềm chế được nên vỗ vào âm hộ mà phát ra tiếng kêu như thế.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép vỗ vào âm hộ. Vỗ nghĩa là dùng tay mà vỗ. Nếu ai dùng chén hoặc tô vỗ để cho lắng dịu dục tâm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dùng tay vỗ vào âm hộ.

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CAO NẮN NAM CĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni bị dục tâm sinh khởi bèn dùng cao làm nam căn (dương vật) rồi buộc dưới chân giường. Sau đó căn phòng bị hỏa hoạn, sợ giường nệm bị cháy nên đem ra ngoài. Rồi có người thế tục thấy hỏa hoạn, bèn đi xem xem nơi nào bị lửa cháy, phát hiện được bèn chê trách rằng: "Vì sao người xuất gia mà làm chuyện đồi bại này!."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cao làm nam căn. Nam căn bằng cao nghĩa là dùng cao để làm, hoặc dùng đồng, thiếc, chì, bạch lạp, hoặc răng, hoặc sáp ong, đại loại làm các loại nam căn như thế. Nếu ai sử dụng nam căn bằng cao để làm cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là nam căn bằng cao.

*

CÁCH LÀM VỆ SINH ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Đại-ái-đạo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Nữ nhân hình (bộ phận sinh dục của người nữ) xú uế có được rửa ráy không?

Được rửa.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni rửa bên ngoài, nhưng bên trong vẫn còn xú uế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, họ hỏi Phật:

Bạch Thế Tôn! Có được rửa bên trong không?

Được rửa. Cách rửa là rửa vào trong chừng một lóng tay chứ không được sâu hơn mức đó. Nếu như rửa sâu hơn mức đó để cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách rửa ráy (âm đạo).

*

CÁCH DÙNG VẢI THẤM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni có kinh nguyệt khiến cho giường nệm bị dơ bẩn. Đại-ái-đạo bèn đến bạch với Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Có thể may một tấm vải dùng để thấm kinh nguyệt được không?

Được, nên dùng miếng vải cũ để may, nhưng không được dùng vật cứng, cũng không được dùng vật cạ sâu vào âm hộ để kích thích dâm dục, mà nên dùng vật mềm mại để che đường tiểu tiện. Nếu ai dùng vật cứng để cạ sát trong âm hộ cho dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách dùng tấm vải thấm kinh nguyệt.

*

CÁCH GIẶT VẢI THẤM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đến chỗ tắm rửa của phụ nữ giặt váy thấm kinh nguyệt, bị phụ nữ chê trách rằng: "Sa-môn ni ấy làm bẩn chỗ nước này, khiến cho đỏ thắm như vậy đó."

(546a) Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ tắm rửa của phụ nữ để giặt. Nếu ai giặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là cách giặt váy thấm kinh nguyệt của phụ nữ.

*

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ ĐÀN ÔNG TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của phụ nữ, thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ tắm rửa của nam tử để giặt. Cuối cùng, Phật dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là giặt đồ tại chỗ tắm của nam tử.

*

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ DU KHÁCH GIẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ giặt đồ của du khách để giặt. Cuối cùng, Phật dạy: "Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của hành khách để giặt, mà nên dùng cái thau hoặc cái chậu sành đem đến chỗ vắng vẻ để giặt. Khi giặt xong không được đem đổ nước bẩn trên đất, mà nên đem đổ xuống khe, lạch, nơi không có người trông thấy, rồi đem chiếc váy ấy phơi khô để sau này khi cần sẽ dùng đến. Nếu Tỳ-kheo-ni đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của du khách mà giặt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chỗ giặt y phục của du khách.

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ÂM HỘ HỨNG CHỖ NƯỚC XỐI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni bị lòng dục sinh khởi bèn đưa âm hộ ra hứng ngay chỗ những giọt nước xối, liền bị xuất bất tịnh (tinh khí), nên tâm sinh nghi ngờ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép đưa âm hộ ra hứng tại chỗ giọt nước xối. Nước xối nghĩa là những giọt nước từ trên cao chảy xuống. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn tắm tại chỗ có nước xối thì nên dùng tấm vải che ở trên. Nếu ai đưa âm đạo ra hứng ngay chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà dột để dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi muốn tắm tại chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà dột thì không được ngửa thân mình về phía giọt nước mà phải quay lưng lại. Nếu ai ngửa thân mình về phía giọt nước cho vơi bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là chỗ giọt nước xối."

*

KHÔNG ĐƯỢC LỘI NGƯỢC DÒNG NƯỚC CHẢY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni xuống tắm chỗ dòng nước chảy xiết, rồi lòng dục sinh khởi, bèn lội ngược lên dòng nước, khiến tinh khí bị xuất ra. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép lội ngược dòng nước chảy xiết để cho nước xoáy vào đường tiểu tiện. Nếu ai đi ngược lên dòng nước từ trên núi đổ xuống, dòng nước đang chảy xiết, hoặc cố ý lội ngược lên dòng nước để cho vơi bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi tắm tại dòng nước chảy xiết không được hướng mặt về phía dòng nước mà nên quay lưng lại. Nếu ai hướng mặt về phía dòng nước chảy xiết thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là dòng nước chảy."

*

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CỦ LÀM NAM CĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni dùng các vật đút vào âm hộ cho xuất tinh, (546b) như dùng các thứ củ cải, củ hành đưa vào âm hộ cho xuất tinh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo-ni nào dùng củ cải, củ hành đút vào âm hộ cho xuất tinh để làm dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là củ."

Kệ tóm tắt:

"Vỗ âm hộ, dùng cao,
Lóng tay, váy kinh nguyệt.
Giặt chỗ phụ nữ tắm,
Chỗ nam tử cũng vậy.
Giặt chỗ khách giặt áo
Chỗ nước xối, dòng chảy.
Dùng củ làm xuất tinh
Kết thúc phần thứ hai."

*

KHÔNG ĐƯỢC LÀM YẾT-MA CỬ TỘI TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập hợp mà không biết làm Yết-ma cử tội, liền sai Tỳ-kheo-ni làm. Khi làm xong, Tỳ-kheo-ni sinh tâm nghi ngờ, hối hận bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách: "Đó là chúng đáng tôn kính, vì sao ngươi dám làm Yết-ma cử tội? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo. Nếu trong các Tỳ-kheo không ai có thể tụng đọc được thì có thể sai Ni tụng, và khi làm Yết-ma, nếu không thể làm được thì (Tỳ-kheo-ni có thể) từ xa trao (pháp Yết-ma) không có tội. Nếu Tỳ-kheo-ni làm Yết-ma cử tội Tỳ-kheo thì phạm tội Việt-tỳ-

ni. Nhưng Tỳ-kheo được làm Yết-ma cho Tỳ-kheo-ni mà không có tội. Đó gọi là làm Yết-ma.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC Y KIỀU-XÁ-DA

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la mặc y Kiều-xá-da đến nhà bà con. Trên đường đi, gặp trận mưa to khiến thân thể cô ướt sũng, nhìn vào thấy suốt thân cô như tượng thủy tinh. Dân chúng hiếu kì vây quanh đến xem, nên người đệ tử y chỉ phải đứng che một bên cho cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau Tỳ-kheo-ni không được phép mặc y Kiều-xá-da. Y Kiều-xá-da gồm có hai loại: Một là loại tơ sống, hai là loại tơ dệt. Loại sống sợi mỏng manh, loại dệt thì sợi được săn lại. Nếu ai mặc y Kiều-xá-da bằng tơ mỏng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mặc loại tơ được dệt dày thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nhưng Tỳ-kheo mặc thì không có tội. Đó gọi là y Kiều-xá-da.

*

KHÔNG ĐƯỢC MẶC YẾM MỎNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có đôi nhũ hoa lớn mà mặc một lớp Tăng-kỳ-chi (yếm) đi kinh hành trên gác. Những người thế tục từ xa trông thấy thế bảo nhau: "Hãy xem kìa, giống như quả bầu nổi trên mặt nước."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, nên may Phú kiên y (tấm vải che vai). Tấm vải che vai này được gấp nhiều lớp rồi buộc vào trên vai. Nếu ai không may, không mặc loại này thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ta (546c) không cho phép Tỳ-kheo-ni mặc một lớp Tăng-kỳ-chi đi kinh hành trên chỗ cao. Nhưng ở chỗ vắng vẻ thì mặc một lớp Tăng-kỳ-chi không có tội. Đó gọi là Tăng-kỳ-chi."

*

KHÔNG ĐƯỢC TRANG ĐIỂM CHO PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những cô gái của dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa, con gái nhà quí tộc xuất gia, rất thiện nghệ trang điểm. Rồi các cô gái lấy chồng, chàng trai cưới vợ đều thuê họ trang điểm, nhờ đó mà được ăn ngon, nên bị người đời nhạo báng rằng: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những chuyên viên trang điểm."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau không được trang điểm cho phụ nữ. Trang điểm nghĩa là: chải đầu, bôi mắt, thoa phấn lên mặt, sơn môi.v.v.. Nếu ai dùng nghề trang điểm để tự nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu bị đau đầu, đau mắt thì được bôi thuốc, nhỏ thuốc không có tội. Đó gọi là trang điểm.

*

KHÔNG ĐƯỢC TRỒNG HOA RỒI ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, gia đình vọng tộc xuất gia; họ trồng hoa Ưu-bát-la, rồi hái đem đi bán. Vì thế bị người đời chê bai rằng: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những phụ nữ bán hoa."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì họ đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép trồng hoa đem bán để tự nuôi sống. Nếu Tỳ-kheo-ni trồng hoa Ưu-bát-la đem bán để tự nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì tháp, vì cúng dường Phật mà trồng thì không có tội. Đó gọi là hoa Ưu-bát-la.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trồng hoa Tu-mạn-na, cho đến Phật dạy: "Nếu vì tháp, vì cúng dường Phật thì không có tội."

*

KHÔNG ĐƯỢC XÂU VÒNG HOA ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho trồng hoa, thì những Ni cô xuất thân từ họ Thích, họ Ma-la bèn kết vòng hoa đem bán để tự nuôi sống. Vì thế bị người đời chỉ trích rằng: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những cô gái bán vòng hoa."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép kết vòng hoa. Vòng hoa như các loại: Hoa Ưu-bát-la, hoa Ma-lê, hoa Tu-mạn-na. Nếu ai kết các loại vòng hoa này đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu gặp các ngày đại hội Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, kỷ niệm A-nan , La-hầu-la, ngày đại hội 5 năm một lần, rồi đàn việt nói: "Thánh giả giúp con kết vòng hoa này", thì khi ấy được kết các vòng hoa mà không có tội. Đó gọi là kết vòng hoa.

*

KHÔNG ĐƯỢC XE SỢI ĐEM ĐI BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Li-xa xuất gia (547a) rồi xe sợi đem bán, bị người đời mỉa mai rằng: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những kẻ bán chỉ sợi."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép xe sợi. Xe sợi gồm có các loại như: sợi kiếp-bối, sợi sô-ma, sợi kiều-xá-da, sợi xá-na-ma. Nếu ai xe sợi đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu muốn làm túi lọc nước, dây buộc lưng mà xe thì không có tội. Đó gọi là xe sợi.

*

KHÔNG ĐƯỢC HỦY HOẠI UY NGHI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tu-đề-na qua đời, bà vợ bèn xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, người chú thường thường mong cô thôi tu. Một hôm, cô vào thôn khất thực, ông chú trông thấy định bắt về, cô liền chạy vào một gia đình hào phú nói với người đàn bà:

Có chuyện đột ngột, vì có kẻ muốn hủy hoại phạm hạnh của tôi.

Tại sao vậy?

Ông chú muốn tôi bỏ đạo.

Cô đừng sợ, tôi sẽ bảo vệ cô.

Tôi muốn trở về chỗ của Hòa thượng.

Cô muốn đi thì phải cải trang mặc đồ thế tục mới có thể thoát được.

Thế là cô mang xuyến vào cổ tay, đeo vòng vàng vào tai, mặc đồ thế tục, dẫn theo 4, 5 người tùy tùng mà ra đi. Khi ấy, ông chú đứng ở ngoài thấy thế suy nghĩ: "Đây không phải là Tỳ-kheo-ni mà là người thế tục."

Khi cô về đến trú xứ, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, liền khiển trách:

Vì sao ngươi ăn mặc như thế?

Người chú định bắt tôi, vì để tự bảo vệ, nên phải phương tiện cải trang như thế này.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

Ngươi có việc đó thật không?

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi hủy hoại oai nghi? Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy hoại oai nghi. Nếu ai quyết định hủy hoại oai nghi thì chẳng phải là Tỳ-kheo-ni. Nếu ai vì phương tiện tự vệ mà hủy hoại oai nghi thì phạm tội Việt-tỳ-ni, nhưng vẫn còn là Tỳ-kheo-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni nào quyết định hủy hoại oai nghi thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu vì phương tiện để tự vệ thì không có tội.

Kệ tóm tắt:

"Yết-ma, Kiều-xá-da,
Tăng-kì-chi, trang điểm,
Trồng hoa Tu-mạn-na,
Kết vòng hoa, xe sợi.
Hoại oai nghi sau cùng,
Kết thúc phần thứ ba."

*

CÁCH ĐẬY VÀ MỞ NẮP BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khất thực đến một nhà hào phú thì có một người đàn bà bị sẩy thai nói với cô:

Nhờ cô đem vứt giùm tôi cái này.

Tôi không thể làm được.

Tôi sẽ tặng cho cô chừng ấy thứ.

Thế là cô lấy bào thai bỏ vào trong bát rồi ra đi. (547b) Lúc ấy, Đại Ca-diếp đi khất thực thường suy nghĩ như sau: "Khi được thức ăn đầu tiên ta sẽ cúng dường cho Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni." Do đó, lúc thấy Tỳ-kheo-ni ấy, ngài liền bảo: "Lấy bát lại đây." Nhưng cô ta vẫn đậy kín không cho xem. Tôn giả bèn gọi lần nữa, nhưng cô cũng không cho xem. Đại Ca-diếp vốn có uy phong, liền lớn tiếng gọi. Cô hoảng sợ bèn mở nắp bát cho xem. Khi thấy thế, tôn giả quở trách: "Ôi chao! Vì sao mà ngươi làm việc ác này?" Đoạn, tôn giả nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc ác, phi pháp. Vì sao ngươi đậy bát lại (không cho xem?). Từ nay về sau Ta không cho phép đậy bát lại (không cho xem), cũng không được cầm bát để trống. Khi khất thực đầy rồi đậy lại mà thấy Tỳ-kheo thì phải dở ra đưa cho xem. Nếu ai cầm bát để trống thì phạm tội Việt-tỳ-ni, đồng thời khi thấy Tỳ-kheo mà không dở cho xem cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề liên quan đến bát.

*

CÁCH NHẬN THÍ VẬT CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có viên đại thần vi phạm pháp luật của vua, gia tài của ông đều bị sung công. Vua bèn sai quân lính đến gìn giữ. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khất thực tuần tự đến nhà ấy, bà vợ viên quan nói với cô:

Này thánh giả, chồng tôi phạm vương pháp có thể bị tử hình, tài sản đều bị sung công. Tôi có ít vật báu dùng trang điểm muốn gởi cho cô. Nếu tôi thoát chết thì xin cô hoàn lại, còn nếu tôi chết, thì xem như tôi đã cúng dường.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni liền đưa bát, bà kia bèn bỏ vật báu vào đậy nắt lại, rồi cô bưng đi. Lúc ấy lính giữ cửa trông thấy bèn hỏi cô:

"Trong bát có vật gì mà không đưa xem?" Rồi y quát nạt khiến cô hoảng sợ bèn đưa cho xem.

Tỳ-kheo-ni nghe được chuyện ấy bèn bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép bỏ vật báu trong bát rồi đậy lại. Nếu có người vi phạm quốc pháp mà chưa bị bắt, tài sản chưa bị tịch thu, họ muốn gởi gấm tài sản thì được nhận. Nhưng nếu kẻ ấy đã bị vua bắt, tài sản đã bị tịch thu (mà họ muốn gởi) thì nên nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi nhận những vật này." Nếu họ nói: "Tôi gởi cho cô để cúng cho tháp, cho Tăng", thì được nhận. Nhưng khi nhận rồi không được đậy nắp bát lại mà phải để trống bưng đi. Nếu quân lính hỏi thì nên đáp: "Đây là vật của tháp, của Tăng, của tôi." Nếu họ cho đi thì tốt. Nếu họ không cho đi thì phải trả lại cho họ. Đó gọi là trường hợp đậy nắp bát.

*

KHI LÀM CẦU TIÊU KHÔNG ĐƯỢC ĐẬY NẮP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni làm cầu tiêu mà dùng đồ vật đậy miệng cầu lại. Các người nữ bèn đem thai nhi bị chết bỏ vào trong đó. Sau đó, có kẻ hạ tiện Chiên-đà-la, dở nắp cầu ra, thấy thế, nói: "Đây là của Tỳ-kheo-ni bị sẩy thai rồi ném vào trong này."

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép đậy nắp cầu tiêu, (547c) mà phải dở ra trong khi làm. Nếu đậy nắp cầu tiêu trong khi làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng cầu tiêu.

*

KHÔNG ĐƯỢC VÀO NHÀ TẮM THẾ TỤC ĐỂ TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la xuất gia, rồi vào trong nhà tắm thế tục để tắm, bèn bị kẻ thanh niên côn đồ vào phòng tắm hủy hoại phạm hạnh của cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép vào trong nhà tắm thế tục. Nếu bị bệnh thì được đốt lửa trong phòng, thoa dầu lên mình rồi kỳ cọ. Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà tắm thế tục để tắm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc vào nhà tắm."

*

KHÔNG ĐƯỢC Ở TẠI A-LUYỆN-NHÃ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ngài chưa chế giới, các Tỳ-kheo-ni ở nơi a-luyện-nhã, vì trong thôn xóm chưa có chỗ trú. Do đó, 500 Tỳ-kheo-ni với Đại-ái-đạo là Thượng thủ phải ở trong vườn của nhà vua. Các cô vốn là con gái của dòng họ Thích, họ Ma-la còn son trẻ, đoan chính nên các thanh niên trai trẻ đầu đêm rình rập để bắt cóc. Tỳ-kheo-ni thấy chúng liền vọt lên hư không mà chạy thoát. Đến nửa đêm chúng trở lại, họ cũng thoát được. Thế rồi, lúc cuối đêm chúng trở lại, trong số các cô có người chậm lụt, không nhập định mà ngủ gục nên không chạy thoát được, bị chúng xâm phạm. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni sống tại a-luyện-nhã. Nhưng nếu tại đó có bốn chúng tập hợp thuyết pháp suốt đêm thì được ở, nhưng lúc ấy không được ở trong bóng tối. Nếu Tỳ-kheo-ni sống nơi a-luyện-nhã thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là sống tại a-luyện-nhã.

*

VẤN ĐỀ Y CA-HI-NA

Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-kheo.

Kệ tóm tắt:

"Đậy bát, bát đựng của,
Mở cầu vào nhà tắm.
Sống tại A-luyện-nhã.
Tỳ-kheo thọ Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni.
Tỳ-kheo xả Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni
Kết thúc phần thứ tư."

*

VẤN ĐỀ THỰC PHẨM GIỮA TĂNG VÀ NI

Có những thực phẩm đối với Tỳ-kheo không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh. Có những loại thực phẩm đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh, nhưng đối với Tỳ-kheo thì thanh tịnh. Tỳ-kheo được phép sai Tỳ-kheo-ni trao thức ăn cho mình, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh. Tỳ-kheo-ni được phép nhận thức ăn từ Tỳ-kheo, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh.

Có ba nguyên nhân làm cho mất bản chất Tỳ-kheo, đó là: Quyết tâm xả giới; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nam căn chuyển thành nữ căn. Đó gọi là ba yếu tố làm mất bản chất Tỳ-kheo.

(548a) Nếu Tỳ-kheo bị nam căn biến thành nữ căn thì nên bảo qua Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nhưng không được ở cùng phòng với Tỳ-kheo-ni mà phải ở phòng riêng. Nếu sau đó nữ căn biến thành nam căn trở lại, thì được trở về với Tỳ-kheo Tăng, được xem là một Tỳ-kheo hoàn toàn, và được tính tuổi đạo như cũ.

Có ba nguyên nhân làm cho Tỳ-kheo-ni mất bản chất Tỳ-kheo-ni, đó là: Quyết tâm hủy hoại oai nghi; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nữ căn biến thành nam căn; như trong trường hợp Tỳ-kheo đã nói ở trên.

Tỳ-kheo-ni không được làm phép tàn thực (làm phép để được ăn thêm), mà chỉ ngồi xuống một lần ăn no rồi thôi.

*

CÁCH SẮP XẾP THỨ TỰ

Khi Phật an trú trên bờ sông A-kì-la tại thành Xá-vệ có đàn việt mời hai bộ Tăng cúng dường trai phạn. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều muốn qua sông. Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép hai bên cùng đi chung thuyền." Thế là Tỳ-kheo cứ hai người, ba người ngồi trên thuyền nhẹ nhàng qua sông. Họ qua rồi, Tỳ-kheo-ni mới được qua. Khi qua tới nơi lại phải hỏi tuổi tác để sắp xếp chỗ ngồi, thì mặt trời đã quá ngọ. Vì thế Đại-ái-đạo mất bữa ăn đói lả, Ni sư đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ, đứng hầu một bên. Phật thấy thế, biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao mà sắc diện bà có vẻ đói khát như thế?." Ni sư bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, trong 8 vị Thượng tọa đầu phải ngồi theo thứ tự đúng pháp, còn những người khác thì tùy nghi, ai đến trước thì ngồi trước. Nếu vào dịp 5 năm đại hội một lần có nhiều người tụ hội thì tám vị Thượng tọa đầu của Tỳ-kheo-ni phải ngồi theo thứ tự, còn những người khác thì tùy ý mà ngồi. Nếu trong 8 người đầu không ngồi theo thứ tự thì phạm tội Việt-tỳ-ni." Cuối cùng Thế Tôn dạy (tóm tắt bằng bài kệ):

"Hai chúng tịnh không đồng,
Hơn nữa có ba việc,
Làm cho mất bản chất,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
Không tàn, tám Thượng tọa,
Kết thúc phần thứ năm."

Trong phần linh tinh của Tỳ-kheo thì 9 việc: "Biệt trụ, tỏi, ô dù, xe cộ, dùng dao chữa bệnh, giày dép, ngồi chung một giường, nằm chung một giường, ca nhạc" nên để ra ngoài không bàn đến. Ngoài ra 13 việc còn lại thì Tỳ-kheo-ni khác biệt. Năm phần linh tinh thuộc về oai nghi thì các việc: "Ở a-luyện-nhã, vào nhà tắm, làm cầu tiêu, vá y, chiếu đan" nên để ra ngoài không nói đến. Ngoài ra, giống với Tỳ-kheo-ni (?)

Hai bộ Tu-đa-la (kinh) và 500 học giới được đức Thế Tôn chia ra thuyết minh tuần tự: Bài tựa của giới kinh; 8 Ba-la-di, 19 Tăng-già-bà-thi-sa; 30 Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; 141 Ba-dạ-đề; 8 Ba-la-đề Đề-xá-ni; 64 pháp Chúng học, 7 pháp Diệt tránh; sau cùng là bài kệ nói về Pháp và tùy thuận pháp.

Giới bổn của Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

*

GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ

(548b) Ngày xưa tại Trung Thiên Trúc có vị ác vương tạm thời cai trị, các Sa-môn phải lánh đi khắp nơi; những Tỳ-kheo tinh thông tam tạng còn rất thưa thớt. Đến khi ác vương băng hà, Thiện vương lên ngôi, bèn mời các Sa-môn về nước cúng dường. Lúc ấy, tại ấp Ba-liên-phất có 500 vị Tăng muốn giải quyết công việc nhưng không có Luật sư, lại không có Luật văn, không lấy gì để làm cơ sở, liền sai người đến Tinh xá Kỳ hoàn chép được bản luật còn truyền đến ngày nay (tức bộ Luật này đây).

Pháp Hiển tôi chép được bản luật này bằng chữ Phạn tại Tinh xá Thiên Vương, phía Nam tháp A-dục vương, ấp Ba-liên-phất, nước Ma-kiệt-đề, rồi đem về Dương Châu. Thế rồi, tôi cùng Thiền sư (Phật-đà Bạt-đà-la) dịch từ chữ Phạn sang chữ Tần (Hán), tại chùa Đấu Trường, từ tháng 11 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hi thứ 12 (416) đời Tấn đến cuối tháng hai năm Nghĩa Hi thứ 14 (418) thì hoàn thành; do đó ghi lại đôi dòng để biết.

Sau khi Phật Nê-hoàn, tôn giả Đại Ca-diếp tập hợp các vị Đại sư tinh thông tám vạn pháp tạng để kết tập Luật Tạng. Thế rồi, sau khi Đại Ca-diếp nhập diệt, tôn giả A-nan lại kế thế giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến tôn giả, Mạt-điền-địa cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến tôn giả Xá-na-bà-tư cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng. Kế đến, tôn giả Ưu-ba-quật-đa (người

được Thế Tôn thọ ký là Phật Vô Tướng, như trong nhân duyên hàng ma đã nói rõ) không thể giữ gìn đầy đủ tám vạn pháp tạng, do đó mà phát sinh ra tên của năm bộ phái. Đầu tiên, Đàm-ma-quật-đa lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Di-sa-tắc lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Ca-diếp-duy lại lập ra một bộ. Tiếp theo là Tát-bà-đa mà Tát-bà-đa nước Tấn (Hán) dịch là Thuyết Nhất Thiết Hữu, nghĩa là ý nghĩa và tôn chỉ của các bộ trên đều chủ trương khác nhau. Bộ này cho rằng thân trung ấm trong ba giai đoạn quá khứ, hiện tại và vị lai đều có tính cách khác nhau, do đó mà gọi Nhất thiết hữu.

Thế rồi, năm bộ này [ở đây chỉ nêu có 4 bộ – người dịch chú] lập ra thuyết riêng, ai nấy đều tự cho chủ trương của mình là đúng. Khi ấy, vua A-dục suy nghĩ: "Nay ta phải làm sao để biết ai là đúng, ai là sai?." Thế rồi vua hỏi chư tăng làm cách nào để phán đoán Phật pháp, thì họ cho biết là phải theo nguyên tắc đa số. Vua nói: "Nếu vậy thì phải rút thăm để biết bên nào nhiều người." Đoạn, vua cho tiến hành việc rút thăm và kết quả những người theo quan điểm cũ nhiều nhất. Vì họ thuộc số đông nên gọi là Ma-ha-tăng-kì, nghĩa là Đại chúng hay chúng lớn.

PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHẸ VỀ VIỆC PHẠM GIỚI

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ, Phật trú tại thành Vương-xá, lúc ấy vào buổi xế, tôn giả Mục-liên xả thiền định, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật rằng:

(548c) Bạch Thế Tôn! Tâm con có điều nghi ngờ, nay xin hỏi Thế Tôn, mong Thế Tôn chuẩn thuận.

Ta cho phép ông hỏi, rồi Ta sẽ trả lời cho ông.

Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có tâm hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Ba-dạ-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di thì mắc bao nhiêu tội lỗi bất lợi? Kính mong Thế Tôn hãy chỉ rõ.

Này Mục-liên hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ nói rõ để ông biết. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, thì như Tứ Thiên Vương thọ 500 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là chín trăm nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-đề Đề-xá-ni, thì giống như chư Thiên ở cõi trời 33 thọ 1000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là ba ức sáu mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-dạ-đề, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Dạ-ma thọ 2000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai mươi ức bốn mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm tội Thâu-lan-giá, thì giống như chư thiên ở cõi trời Đâu-suất thọ 4000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là năm mươi ức sáu mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn coi thường lời Phật dạy, phạm giới Tăng-già-bà-thi-sa thì giống như chư thiên ở cõi trời Bất Kiêu lạc (Hóa Lạc Thiên) thọ 8000 tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai trăm ba mươi ức bốn mươi nghìn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-di, thì giống như chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại thọ 16.000 tuổi, bị đọa vào địa ngục mà theo cách tính của nhân gian là chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi nghìn năm.

Khi ấy, tôn giả Mục-liên nghe Phật tuyên thuyết như vậy, liền hoan hỉ phụng hành; rồi tôn giả đọc kệ:

"Vì nguyên nhân khinh mạn,
Khi chết rơi đường ác.
Do nguyên nhân tu thiện,
Nhờ thế sinh lên trời.
(549a) Nương vào đây tu phước,
Lìa ác được giải thoát.
Không khéo quán nhân duyên,
Thân hoại vào địa ngục."

*

Hết quyển thứ bốn mươi

TÔN KÍNH ẤN TỐNG

Lê Thị Ái Nhi

SÁCH KÍNH BIẾU

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
QUẢNG HƯƠNG GIÀ LAM - THIỀN VIỆN VẠN HẠNH

Toàn tập
THÍCH PHƯỚC SƠN

TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – VĂN NGHỆ TP. HCM
HOCHIMINH CITY CULTURE-LITERATURE AND ARTS PUBLISHING HOUSE
88-90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1 – TP. HCM
ĐT: (028) 38216009 – 39142419 – Fax: (028) 39142890
Email: nxbvhvn@nxbvanhoavannghe.org.vn
nxbvanhoavannghe@yahoo.com.vn
Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhoavannghe.org.vn
Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

*

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO

Biên tập: Khưu Thế Quang
Sửa bản in: Trọng Tâm
Bìa & Trình bày: TN Nguyễn

Số lượng: 500 cuốn, khổ 16x24cm. Tại Xí nghiệp in FAHASA.
Địa chỉ: 774 đường Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM.
Số đăng ký KHXB: 2484-2019/CXBIPH/6-98/VNTPHCM.
Quyết định xuất bản số: 398-QĐ/NXBVHVN, ký ngày 15/7/2019.
Mã số ISBN: 978-604-68-5737-2. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2019.